

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

***Hán Dịch: Căn cứ bản dịch của Tam Tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm,
Sa môn Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán, và Tạ Linh Vận sửa lại
Đời Tống***

***Việt Dịch: Tuệ Khai cư sĩ - Phan Rang
Chứng nghĩa: Tỳ Kheo Thích Đồng Minh***

---o0o---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 11 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

- Quyển Thứ 1
PHẨM TỰA
- Quyển Thứ 2
PHẨM THUẬN ĐÀ
PHẨM AI THÁN !
- Quyển Thứ 3
PHẨM TRƯỜNG THỌ (SÓNG LÂU)
PHẨM THÂN KIM CƯỜNG
PHẨM DANH TỰ CÔNG ĐỨC
- Quyển Thứ 4
PHẨM BỐN TƯỞNG
- Quyển Thứ 5
PHẨM BỐN TƯỞNG
- Quyển Thứ 6
PHẨM TỬ Y (BỐN NƯƠNG)
- Quyển Thứ 7
PHẨM THỨ CHÍN: TÀ CHÁNH
PHẨM TỬ ĐẾ
PHẨM BỐN ĐIÊN ĐẢO
- Quyển Thứ 8
PHẨM NHƯ LAI TÍNH
PHẨM VĂN TỰ
- Quyển Thứ 9
PHẨM NGUYỆT DỤ
- Quyển Thứ 10
PHẨM NHẤT THIẾT ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN
PHẨM HIỆN BỆNH
- Quyển Thứ 11
PHẨM THÁNH HẠNH
- Quyển Thứ 12

- Quyển Thứ 13
PHẨM THÁNH HẠNH (tiếp theo)
- Quyển Thứ 14
PHẨM PHẠM HẠNH
- Quyển Thứ 15
- Quyển Thứ 16
PHẨM PHẠM HẠNH (tiếp theo)
- Quyển Thứ 17
PHẨM PHẠM HẠNH (tiếp theo)
- Quyển Thứ 18
PHẨM PHẠM HẠNH (tiếp theo)
PHẨM ANH NHI HẠNH
- Quyển Thứ 19
PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH
- Quyển Thứ 20
PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH
- Quyển Thứ 21
PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH
- Quyển Thứ 22
PHẨM THỨ HAI MƯỜI HAI
- Quyển Thứ 23
PHẨM THỨ HAI MƯỜI HAI : BỒ TÁT QUANG MINH
- Quyển Thứ 24
PHẨM THỨ HAI MƯỜI HAI : ĐẠI BỒ TÁT QUANG MINH
- Quyển Thứ 25
PHẨM THỨ HAI MƯỜI BA: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG
- Quyển Thứ 26
PHẨM THỨ HAI MƯỜI BA : BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG
- Quyển Thứ 27
PHẨM THỨ HAI MƯỜI BA : BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG
- Quyển Thứ 28
PHẨM THỨ HAI MƯỜI BA : BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG
- Quyển Thứ 29
PHẨM THỨ HAI MƯỜI BA : BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG
- Quyển Thứ 30
PHẨM THỨ HAI MƯỜI BA : BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG
- Quyển Thứ 31
PHẨM THỨ HAI MƯỜI TƯ: BỒ TÁT CA DIẾP.
- Quyển Thứ 32
PHẨM THỨ HAI MƯỜI TƯ : BỒ TÁT CA DIẾP
- Quyển Thứ 33
PHẨM THỨ HAI MƯỜI TƯ: BỒ TÁT CA DIẾP
- Quyển Thứ 34
PHẨM THỨ HAI MƯỜI TƯ: BỒ TÁT CA DIẾP
- Quyển Thứ 35
PHẨM THỨ HAI MƯỜI LĂM: KIỀU TRẦN NHƯ

Quyển Thứ 1

PHẨM TỰA

PHẦN I

Tôi nghe như vậy, một thuở, đức Phật ở tại thành Câu Thi Na, vùng đất sinh sống của lực sĩ, bên bờ sông A Di La Bạt Đề, trong khoảng Ta la Song Thọ. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn cùng với các vị đại Tỳkheo gồm tám mươi ức trăm ngàn người, trước sau vây quanh. Ngày mười lăm tháng hai, lúc sắp Niết Bàn, Ngài dùng thần lực của Phật phát ra âm thanh lớn. Âm thanh ấy đầy khắp đến tận trời Hữu Đảnh, tùy theo âm thanh của từng loài mà phổ cáo chúng sinh rằng : “Ngày hôm nay, đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri thương xót chúng sinh, che hộ chúng sinh, bình đẳng xem chúng sinh như La Hầu La, là chỗ qui y, là nhà của thế gian ! Đấng Đại Giác Thế Tôn sắp muốn vào Niết Bàn ! Tất cả chúng sinh, nếu có điều gì nghi hoặc thì hôm nay đều có thể hỏi vì đây là lần hỏi sau cùng”. Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, từ điện môn của Ngài phóng ra đủ thứ ánh sáng. Ánh sáng ấy màu sắc xen nhau xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, mã não. Ánh sáng chiếu soi khắp những thế giới Phật của ba ngàn đại thiên này, cho đến mười phương cũng lại như vậy. Chúng sinh sáu đường sẵn có trong những thế giới ấy gặp được ánh sáng ấy thì tất cả tội cấu phiền não đều tiêu trừ. Những chúng sinh này thấy nghe thế rồi, lòng rất ưu não, đồng thời cất tiếng kêu thương gào khóc : “Ô hô ! Đấng Từ phụ ! Đau thay ! Khổ thay !” Họ đưa tay vỗ đầu, đấm ngực, thét lớn. Trong số họ, hoặc có người thân thể run rẩy, tức tưởi, nghẹn ngào. Bấy giờ đất đai, núi lớn, biển cả đều chấn động. Các chúng sinh đều nói với nhau rằng : “Mỗi người hãy tự đề nén, chớ nên sầu khổ quá ! Phải cùng nhau mau chóng đi đến chỗ sinh sống của lực sĩ tại thành Câu Thi Na, đến chỗ đức Như Lai, đầu mặt lễ kính, khuyến thỉnh đức Như Lai chớ nên vào Niết Bàn mà nên trụ thế một kiếp hoặc giảm một kiếp. Họ cùng nắm tay nhau nói lên rằng :

- Thế gian trống không ! Chúng sinh phước tận ! Các nghiệp bất thiện tăng trưởng ! Những bậc xuất thế nay sẽ qua mau ! Qua mau ! Đức Như Lai chẳng bao lâu nhất định vào Niết Bàn !

Họ lại nói rằng :

- Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng ! Chúng ta từ nay không có người cứu hộ, không nơi trông ngưỡn, bản cũng cô lộ ! Một sớm xa lìa đấng Vô Thượng Thế Tôn ! Giả sử có điều nghi hoặc sẽ lại hỏi ai ?

Có vô lượng những đại đệ tử như tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên, tôn giả Bạc Câu La, tôn giả Ưu Ba Nan Đà.v.v... Những vị đại Tỳkheo như vậy gặp ánh sáng của đức Phật thì thân họ run rẩy lắc lư, thậm chí đại động chẳng thể tự giữ gìn, lòng vẫn đục mê muội, phát ra tiếng kêu lớn, sinh ra đủ thứ khổ não như vậy.v.v.... Bấy giờ lại có tám mươi trăm ngàn những Tỳkheo.v.v... đều là A la hán, lòng được tự tại, mọi việc đã hoàn thành, lìa các phiền não, điều phục các căn như đại long vương có uy đức lớn, thành tựu không tuệ, đạt được lợi mình như rừng chiên đàn với chiên đàn vây quanh, như vua sư tử với sư tử vây quanh. Họ thành tựu vô lượng công đức như vậy, tất cả đều là con chân chính của đức Phật. Sáng sớm, khi mặt trời mới mọc, họ rời khỏi nơi thường trụ, vừa dùng đến cảnh dương (đồ để đánh răng) thì đều gặp ánh sáng của đức Phật. Họ bảo nhau rằng :

- Các ông hãy mau rửa mặt súc miệng sạch sẽ !

Nói thế xong, toàn thân nổi da gà, khắp người máu xuất hiện như hoa Balaxa, họ khóc lóc nước mắt đầm đìa, phát sinh đại khổ não. Vì muốn lợi ích, an lạc cho chúng sinh, thành tựu hạnh không số một của Đại Thừa, hiển phát mật giáo phương tiện của đức Như Lai, vì chẳng đoạn tuyệt đủ thứ thuyết pháp, vì các chúng sinh điều phục nhân duyên nên những vị ấy mau chóng đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính, lui lại ngồi một bên.

Lúc bấy giờ lại có Câu Đà La nữ, Thiện Hiền Tỳkheo ni, Ưu Ba Nan Đà Tỳkheo ni, Hải Ý Tỳkheo ni... cùng với sáu mươi ức Tỳkheo ni, tất cả cũng là đại A la hán, các lậu đã tận, tâm được tự tại, công việc đã hoàn thành, lìa khỏi các phiền não, điều phục các căn giống như rừng lớn, có uy đức lớn, thành tựu không tuệ... Sáng sớm, lúc mặt trời mới mọc, những vị này cũng toàn thân nổi da gà, khắp người máu xuất hiện như hoa Ba la xa, khóc lóc

nước mắt đầm đìa, sinh ra đại khổ não. Các vị ấy cũng muốn lợi ích an lạc cho chúng sinh, thành tựu hạnh không số một của Đại thừa, hiển phát mật giáo phương tiện của đức Như Lai, vì muốn chẳng đoạn tuyệt đủ thứ thuyết pháp, vì các chúng sinh điều phục nhân duyên nên họ mau chóng đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính, lui về ngồi một bên. Ở trong chúng Tỳkheo ni này lại có các Tỳkheo ni đều là Bồ tát, những rồng trong loài người, ngôi vị Thập địa, an trụ bất động, nhưng vì giáo hóa chúng sinh nên thị hiện thọ nữ thân mà thường tu tập bốn Vô Lượng Tâm, được tự tại lực, có thể biến hóa làm Phật.

Lúc bấy giờ, có một hằng hà sa đại Bồ tát, là rồng trong loài người, ngôi vị Thập Địa, an trụ bất động, phương tiện hiện thân. Tên những vị ấy là Hải Đức Bồ tát, Vô Tận Ý Bồ tát.v.v... Những vị đại Bồ tát như vậy mà là thượng thủ. Lòng những vị ấy đều kính trọng Đại Thừa, an trụ Đại Thừa, giải sâu Đại Thừa, yêu thích Đại Thừa, thủ hộ Đại Thừa, giỏi có thể thuận theo tất cả thế gian, nói lên lời thề rằng : “Những người chưa độ thì sẽ khiến cho được độ”. Họ đã ở trong vô số kiếp đời quá khứ, tu trì tịnh giới, giới giữ gìn sở hạnh, giải thoát cho người chưa giải thoát, nổi truyền giống Tam Bảo khiến cho chẳng đoạn tuyệt, vào đời vị lai sẽ chuyển bánh xe pháp, dùng đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm. Những vị ấy thành tựu vô lượng công đức như vậy, bình đẳng quan sát chúng sinh xem như con một. Cũng vào sáng sớm, lúc mặt trời mọc, những vị ấy gặp ánh sáng đức Phật thì toàn thân nổi da gà, khắp người máu xuất hiện như hoa Ba la xa, khóc lóc nước mắt đầm đìa, sinh ra đại khổ não. Cũng vì muốn lợi ích an lạc cho chúng sinh, thành tựu hạnh không số một của Đại Thừa, hiển phát mật giáo phương tiện của đức Như Lai, vì chẳng đoạn tuyệt đủ thứ thuyết pháp, vì muốn cho các chúng sinh điều phục nhân duyên nên những vị ấy mau chóng đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính mà lui về ngồi một bên.

Lúc bấy giờ, lại có hai lần hằng hà sa những ưu bà tắc thọ trì năm giới, uy nghi đầy đủ. Tên những vị ấy là : Uy Đức Vô Cấu Xưng Vương Ưu bà tắc, Thiện Đức Ưu bà tắc.v.v... mà là thượng thủ. Họ ưa quan sát sâu các cửa đối trị như là khổ - vui, thường - vô thường, tịnh - bất tịnh, ngã - vô ngã, thật - chẳng thật, qui y - chẳng phải qui y, chúng sinh - chẳng phải chúng sinh, hằng - chẳng phải hằng, an - chẳng phải an, vi - vô vi, đoạn - chẳng đoạn, Niết Bàn - chẳng phải Niết Bàn, tăng thượng - chẳng phải tăng thượng... Họ thường ưa quán sát những pháp môn đối trị như vậy, cũng muốn ưa nghe Đại thừa vô thượng. Như họ đã nghe rồi thì có thể vì người khác giảng nói, giới trì tịnh giới, khát ngưỡng Đại Thừa; đã tự sung túc lại có thể sung túc

cho người khát ngưỡng khác, giỏi có thể nhiếp lấy trí tuệ vô thượng, yêu thích Đại Thừa, thủ hộ Đại Thừa, giỏi có thể thuận theo tất cả thế gian độ người chưa độ, tiếp nối giống Tam bảo khiến cho chẳng đoạn tuyệt, ở đời vị lai sẽ chuyển bánh xe pháp, dùng đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm, lòng thường nếm sâu giới hạnh thanh tịnh. Họ có thể thành tựu hết công đức như vậy, đối với các chúng sinh phát sinh lòng đại bi, bình đẳng không hai, như nhìn con một. Cũng vào sáng sớm, lúc mặt trời mới mọc, vì muốn trà tỳ (thieu) thân của đức Như Lai nên người người đều lấy gỗ thơm hàng vạn bó, nào là Chiên đàn, trầm thủy, ngư đầu Chiên đàn, thiên mộc hương.v.v... Mỗi một cây này có hoa văn bám theo đều có ánh sáng vi diệu của bảy báu ví như đủ thứ họa tiết nhiều màu xen lẫn. Do Phật lực nên có diệu sắc xanh vàng đỏ trắng này được các chúng sinh ưa nhìn thấy. Những cây gỗ đều được tô lên đủ thứ hương thơm như Uất Kim Cương, Trầm thủy hương và Giao hương.v.v.. Tung ra thì dùng những thứ hoa mà làm trang nghiêm như hoa Ưu bát la, hoa Câu vật đầu, hoa Ba đầu ma, hoa Phân đà lợi. Bên trên những cây gỗ thơm treo phan năm màu nhu nhuyến vi diệu giống như áo trời, áo kiêu xa gia, lụa là ngũ sắc sô ma. Những cây gỗ thơm này được chở trên xe báu. Những xe báu này phát ra đủ thứ ánh sáng xanh vàng đỏ trắng. Càng xe, nan hoa xe đều dùng bảy báu lấp vào khoảng trống. Mỗi một chiếc xe này dùng bốn ngựa kéo mà mỗi một con ngựa đó chạy nhanh như gió. Trước mỗi một chiếc xe dựng lên năm mươi diệu tràng bằng bảy báu và màn lưới bằng sợi vàng ròng che bên trên xe ấy. Mỗi một xe báu lại có năm mươi bảo cái vi diệu. Trên mỗi một xe buông thòng xuống những hoa man như hoa Ưu bát la, hoa Câu vật đầu, hoa Ba đầu ma, hoa Phân đà lợi. Những hoa ấy thuần dùng vàng ròng làm cánh, Kim cương làm đài. Trong đài hoa này có nhiều ong đen đến tập trung, vui sướng thọ lạc trong ấy. Trong hoa lại phát ra diệu âm như là vô thường, khổ, không, vô ngã. Trong âm thanh đó lại nói lên việc hành đạo xưa của Bồ tát. Lại có đủ thứ ca múa, kỹ nhạc, đàn địch sáo tiêu cổ sús. Trong tiếng nhạc đó lại phát ra lời này: “Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian trống rỗng”. Trước mỗi một xe có Ưu bà tắc nâng bốn cái án báu. Trên những án này có đủ thứ hoa như hoa Ưu bát la, hoa Câu vật đầu, hoa Ba đầu ma, hoa Phân đà lợi... Các mùi hương Uất Kim và còn các loại hương xông vi diệu đệ nhất khác. Các vị Ưu bà tắc vì đức Phật và tăng bầy biện đủ thứ những đồ ăn đều được nấu chín bằng củi thơm Chiên đàn trầm thủy và nước tám công đức. Những đồ ăn ấy ngon ngọt có đủ sáu vị, một là đắng, hai là chua (giấm), ba là ngọt, bốn là cay, năm là mặn, sáu là nhạt. Đồ ăn ấy lại có ba đức, một là nhẹ mềm, hai là tịnh khiết, ba là đúng như pháp. Tạo tác đủ thứ trang nghiêm như vậy, các Ưu bà tắc đến chỗ các lực sĩ ở vùng Ta La Song Thọ, lại dùng cát vàng trải khắp trên đất ấy, rồi dùng áo Ca lãng già, áo Khâm bà la và áo tơ lụa ngũ sắc mà phủ lên cát đầy

khắp chu vi mười hai do tuần. Họ vì đức Phật và Tăng đặt bày tòa Sư tử thất bảo. Tòa ấy cao lớn như núi Tu Di. Trên các tòa đó đều có trướng báu buông xuống những chuỗi ngọc. Những cây Ta La đều treo đủ thứ phan, cái vì diệp, trác vào cây đủ thứ hương thơm, tung lên vung cây đủ thứ danh hoa. Các vị Ưu bà tắc đều nghĩ rằng : “Tất cả chúng sinh, nếu có sự thiếu thốn đồ ăn, thức uống, y phục, đầu mắt, chi thể... thì theo sự cần dùng của họ đều cấp cho hết”. Khi tác khởi ý niệm bố thí đó thì lia khỏi lòng tham dục, sân nhuế, vẫn đục độc hại, không còn suy nghĩ, nguyện cầu phước lạc thế gian, ý chí chỉ cầu Bồ Đề Vô Thượng thanh tịnh. Những vị Ưu bà tắc này đều đã an trụ ở đạo Bồ tát. Họ lại tác khởi ý niệm này : “Đức Như Lai hôm nay nhận đồ ăn của ta rồi sẽ vào Niết Bàn”. Nghĩ thế rồi toàn thân họ nổi da gà, khắp người máu xuất hiện như hoa Ba la xa, họ khóc lóc đầm đìa nước mắt, phát sinh đại khổ não. Mỗi mỗi đều đem đồ cúng dường mang theo chở trên xe báu như gỗ thơm, tràng phan, bảo cái, đồ ăn, thức uống... mau chóng đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, đem đồ cúng dường của mình mang theo cúng dường đức Như Lai, nhiều quanh trăm ngàn vòng, cất tiếng gào khóc bi ai, động đến trời đất, đầm ngực kêu lớn, nước mắt tuông xuống như mưa. Họ lại bảo nhau rằng : “Khổ thay ! Ông ơi ! Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng !” Rồi họ liền gieo mình trước đức Như Lai mà bạch đức Phật rằng :

- Nguyện xin đức Như Lai thương xót nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con !

Đức Thế Tôn lúc thời điểm, mặc nhiên chẳng nhận. Họ thỉnh như vậy ba lần, đức Phật đều chẳng hứa. Sở nguyện của các Ưu bà tắc chẳng kết quả, lòng họ mang bi não, mặc nhiên mà trụ. Giống như người từ phụ có con một bị bệnh chết vừa chôn cất trở về nên ưu não cực đại. Các vị Ưu bà tắc buồn khóc khổ não cũng lại như vậy. Họ đem những đồ cúng dường đặt yên vào một chỗ rồi lui về một bên, lặng lẽ mà ngồi.

Lúc bấy giờ, lại có ba lần hằng hà sa những Ưu bà di thọ trì năm giới, uy nghi đầy đủ. Tên những vị ấy là : Thọ Đức Ưu bà di, đức Man Ưu bà di, Tỳ Xá Khư ưu bà di.v.v... tám muôn bốn ngàn người mà là thượng thủ. Họ đều đủ sức đảm nhận việc hộ trì chánh pháp nhưng vì hóa độ vô lượng trăm ngàn chúng sinh nên thị hiện thân nữ, quở trách gia pháp. Họ tự quán thân mình như bốn con rắn độc; thân này thường bị sự ăn nuốt của vô lượng những loài trùng; thân này hôi thối, tham dục bị giam giữ, trói buộc; thân này đáng ghét giống như chó chết, thân này bất tịnh, chín lỗ thường chảy ra; thân này là ngôi thành chứa máu thịt gân xương được da bọc lên trên ấy. Tay chân dùng

làm mộc chắn, vọng lâu đẩy lui địch. Mất là lỗ cửa sổ, đầu là điện đường mà vua tâm ở trong đó. Ngôi thành thân như vậy là đồ bỏ đi của các đức Phật Thế Tôn mà người ngu phàm phu thì thường đắm trước. Quý La sát tham dâm, sân nhuệ, ngu si dùng trụ trong ngôi thành ấy. Thân này chẳng bền giống như cỏ lau, y lan, bọt nước, cây chuối. Thân này vô thường niệm niệm chẳng trụ giống như ánh chớp, nước cuốn, lửa huyễn cũng giống như vẽ nước tùy theo vẽ, tùy theo hợp. Thân này dễ hoại giống như cây cao lớn gần bờ sông. Thân này chẳng bao lâu bị sự ăn nuốt của chồn sói, kền kền, chim ưng, quạ diều, chó đói.v.v... Ai là người có trí mà sẽ ưa thân này ? Thà dùng vết chân trâu đung nước biển cả chứ chẳng thể nói đầy đủ sự vô thường, bất tịnh, hôi thối của thân này ! Thà vo tròn đại địa làm cho bằng quả táo, dần dần trở thành nhỏ như hạt rau đay, thậm chí như hạt bụi chứ chẳng thể nói đầy đủ lỗi hoạn của thân này. Vậy nên phải bỏ nó như chỗ bỏ nước bọt. Do nhân duyên này nên các vị ưu bà di dùng pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện tu dưỡng tâm mình luôn. Họ rất ưa hỏi han, thỉnh thọ kinh điển Đại Thừa, nghe rồi cũng có thể vì người khác diễn nói, hộ trì bản nguyện, hủy báng nữ thân, rất chán ghét tính chẳng bền chắc của thân, lòng thường tu tập chánh quán như vậy. Họ phá hoại sự luân chuyển không bờ bến của sinh tử, khát ngưỡng Đại Thừa, đã tự sung túc. Lại có thể sung túc cho những người khát ngưỡng khác. Họ tin sâu Đại thừa, thủ hộ Đại thừa. Họ tuy hiện nữ thân nhưng thật chính là Bồ tát, giỏi có thể thuận theo tất cả thế gian, độ người chưa độ, giải thoát kẻ chưa giải thoát, nói dối giống Tam Bảo khiến cho chẳng đoạn tuyệt. Ở đời vị lai họ sẽ chuyển pháp luân, dùng đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm, kiên trì cấm giới, đều thành tựu hết những công đức như vậy. Đối với các chúng sinh, họ sinh ra lòng đại bi, bình đẳng không hai như nhìn thấy con một. Cũng vào sáng sớm, lúc mặt trời mọc, họ đều nói với nhau rằng : “Hôm nay phải nên đến vùng Song Thọ !” Các vị ưu bà di đã thiết bày đồ cúng bội phần hơn trước, đem đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng mà bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Chúng con hôm nay vì đức Phật và Tăng bày biện các đồ cúng, nguyện xin đức Như Lai xót thương nhận đồ cúng của chúng con.

Đức Như Lai mặc nhiên mà chẳng hứa khả. Các vị ưu bà di biết sở nguyện của mình chẳng kết quả, lòng mang buồn bã, lui về ngôi một bên.

Lúc bấy giờ, lại có bốn hằng hà sa những Ly xa gồm trai gái, lớn nhỏ, vợ con, quyến thuộc của thành Tỳ Xá Ly và quyến thuộc của các vua cõi Diêm Phù Đề vì cầu pháp nên giới tu giới hạnh, uy nghi đầy đủ, tiêu diệt, hàng

phục kẻ dị học phá hoại chánh pháp, thường nói với nhau rằng : “Chúng ta sẽ dùng cả kho chứa vàng bạc vì khiến cho kho chánh pháp thâm áo cam lồ vô tận trụ thế lâu dài và nguyện khiến cho chúng ta thường được tu học. Nếu có người bài báng chánh pháp của đức Phật thì chúng ta sẽ cắt lưỡi của họ”. Những người ấy lại phát nguyện rằng : “Nếu có kẻ xuất gia hủy phạm cấm giới thì chúng con sẽ buộc họ thối khiến cho hoàn tục. Giả sử có người hay ưa hộ trì chánh pháp thì chúng con sẽ kính trọng như thờ cha mẹ. Nếu có chúng Tăng có thể tu theo chánh pháp thì con sẽ tùy hỷ khiến cho họ được thể lực, thường ưa thích nghe kinh điển Đại Thừa, nghe rồi cũng có thể vì người khác giảng nói rộng rãi, đều thành tựu công đức như vậy”. Những người ấy gọi là Tịnh vô cầu tạng Ly xa tử, Tịnh bất phóng dật Ly xa tử, Hằng thủy vô cầu tịnh đức Ly xa tử... Những người như vậy đều nói với nhau rằng : “Các ông hôm nay có thể mau đến chỗ đức Phật bày biện đầy đủ các thứ đồ cúng dường !”. Mỗi một Ly xa đều nghiêm chỉnh tám muôn bốn ngàn voi lớn, tám muôn bốn ngàn xe báu bốn ngựa, tám muôn bốn ngàn ngọc báu Minh Nguyệt, bó củi Thiên mộc, Chiên đàn, trầm thủy... mỗi chủng loại đều có đủ tám muôn bốn ngàn. Trước mỗi một con voi có trang phan bảo cái mà bảo cái nhỏ nhất chu vi ngang dọc cũng đến một do tuần, bảo phan ngắn nhất cũng dài đến ba mươi ba do tuần, bảo tràng thấp nhất cũng cao đến một trăm do tuần. Họ mang những đồ cúng dường như vậy đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng mà bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Chúng con hôm nay vì đức Phật và Tăng bày biện các đồ cúng dường, nguyện xin đức Như Lai thương thọ nhận đồ cúng của chúng con !

Đức Như Lai mặc nhiên mà chẳng hứa khả. Các Ly xa chẳng thỏa sở nguyện, lòng mang ưu sầu. Do thần lực của đức Phật nên họ lặng yên trụ ở trong hư không cách mặt đất bảy cây Đa la.

Lúc bấy giờ, có năm hằng hà sa đại thần, trưởng giả kính trọng Đại Thừa. Nếu có kẻ dị học bài báng chánh pháp thì những người này có đủ năng lực tiêu diệt hàng phục giống như mưa đá làm gãy đổ cỏ cây. Tên những người ấy là Nhật Quang trưởng giả, Hộ Thế trưởng giả, Hộ Pháp trưởng giả.v.v... những người khác như vậy mà làm thượng thủ. Họ thiết bày đồ cúng dường gấp năm những người trước, cùng chung mang đến vùng Ta-la song thọ, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng mà bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Chúng con hôm nay vì đức Phật và Tăng thiết bày những đồ cúng dường. Nguyện xin đức Phật thương xót thọ nhận đồ cúng của chúng con !

Đức Như Lai mặc nhiên mà chẳng nhận đồ cúng của họ. Các vị trưởng giả.v.v.. chẳng thỏa sở nguyện, lòng mang sầu não, nhờ thần lực đức Phật nên lặng yên mà ngồi ở trong hư không cách mặt đất bảy cây Đa La.

Lúc bấy giờ, có vua Tỳ Xá Ly và hậu cung phu nhân quyền thuộc của vua ấy, các vua sẵn có bên trong cõi Diêm Phù Đề, trừ vua A Xà Thế, cùng với nhân dân trong thành ấp, tụ lạc. Những vua ấy tên là Nguyệt Vô Cầu Vương.v.v.. Họ đều nghiêm chỉnh bốn thứ binh muốn đi đến chỗ đức Phật. Mỗi một vua này đều có một trăm tám mươi vạn ức nhân dân quyền thuộc. Những binh xa này do voi ngựa kéo. Voi có sáu ngà, ngựa chạy nhanh như gió. Đồ cúng trang nghiêm của họ gấp sáu lần những người trước. Trong số bảo cái mà cái cực nhỏ thì chu vi ngang dọc đến tám do tuần, bảo phan cực ngắn thì cũng đến mười sáu do tuần, bảo tràng thấp nhất thì cũng đến ba mươi sáu do tuần. Những vị vua này.v.v... an trụ chánh pháp, ghét tà pháp như giặc ác, kính trọng Đại Thừa, rất ưa Đại Thừa, thương xót chúng sinh, xem họ bình đẳng như con một. Họ mang theo đồ ăn, thức uống mà hơi thơm lan tỏa đầy bốn do tuần. Cũng vào sáng sớm, khi mặt trời mới mọc, họ mang đủ thứ đồ ăn ngon thượng diệu đi đến vùng Ta-la song thọ, đến chỗ đức Như Lai mà bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Chúng con vì đức Phật và Tỳkheo Tăng thiết bày đồ cúng dường này. Nguyện xin đức Như Lai thương xót nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con !

Đức Như Lai biết thời; cũng chẳng hứa khả. Những vua này... chẳng thỏa sở nguyện, lòng mang sầu não, lui về trụ ở một bên.

Lúc bấy giờ, có bảy hăng hà sa phu nhân của các vua, trừ phu nhân của vua A Xà Thế, vì độ chúng sinh nên thị hiện thọ thân nữ. Họ thường quán thân hành, dùng pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện mà huân tu lòng mình. Những vị ấy tên là Tam Giới Diệu phu nhân, Ái Đức phu nhân.v.v... Phu nhân của những vua như vậy đều an trụ ở trong chánh pháp, tu hành cấm giới, uy đức đầy đủ, thương xót chúng sinh, xem họ bình đẳng như con một. Họ đều nói với nhau rằng : “Hôm nay phải mau đi đến chỗ đức Thế Tôn !” Các vương phu nhân thiết bày sự cúng dường gấp bảy lần những người trước. Nào là hương hoa, bảo cái, tràng phan, lụa là ngũ sắc, đồ ăn thức uống

thượng diệu... Bảo cái nhỏ nhất chu vi ngang dọc phải đến mười sáu do tuần, tràng phan rất ngắn cũng phải đến ba mươi sáu do tuần, bảo tràng thấp lấm cũng phải đến sáu mươi tám do tuần, hơi thơm đồ ăn thức uống lan tỏa cùng khắp tám do tuần. Họ mang những đồ cúng dường như vậy đi đến chỗ đức Như Lai, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng mà bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Chúng con vì đức Phật và Tỳkheo Tăng thiết bày đồ cúng dường này ! Nguyện xin đức Như Lai ai miễn nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con !

Đức Phật biết thời, mặc nhiên chẳng nhận. Các phu nhân chẳng thỏa sở nguyện, lòng mang sầu não, tự vung đầu tóc, đấm ngực khóc to giống như từ mẫu mới chôn cất đứa con yêu, rồi lui về trụ một bên lặng lẽ mà ngồi.

Lúc bảy giờ, có tám hàng hà sa các thiên nữ... Tên những thiên nữ ấy là : Quảng Mục thiên nữ.v.v...mà là thượng thủ. Họ nói lên như vậy : “Này các chị ! Các chị hãy xét xem kỹ ! Xét xem kỹ ! Những chúng nhân đó đã bày biện đủ thứ đồ cúng dường thượng diệu, muốn cúng dường đức Như Lai và Tỳkheo Tăng. Chúng ta cũng phải bày biện trang nghiêm đồ cúng vi diệu như vậy để cúng dường đức Như Lai. Đức Như Lai thọ rồi sẽ vào Niết Bàn. Này các chị ! Các đức Phật Như Lai ra đời rất khó, được cúng dường lần sau cũng lại khó hơn bội phần. Nếu đức Phật Niết Bàn thì thế gian trống rỗng”. Các vị thiên nữ này yêu thích Đại Thừa, muốn nghe Đại Thừa, nghe rồi cũng có thể vì người giảng nói rộng rãi, niềm khát ngưỡng Đại Thừa đã tự mình sung túc, lại có thể sung túc niềm khát ngưỡng cho người khác, thủ hộ Đại Thừa. Nếu có kẻ dị học ganh ghét Đại Thừa thì thế lực của họ có thể tiêu diệt như mưa đá tiêu diệt cỏ cây. Họ hộ trì giới hạnh, uy nghi đầy đủ, giới có thể thuận theo tất cả thế gian để độ người chưa độ, giải thoát người chưa giải thoát. Ở đời vị lai, họ sẽ chuyển pháp luân, nối dõi giống Tam Bảo khiến cho chẳng đoạn tuyệt, tu học Đại Thừa, dùng đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm. Họ thành tựu vô lượng công đức như vậy, từ bi bình đẳng với chúng sinh xem như con một. Cũng sáng sớm vào lúc mặt trời mới mọc, họ đều lấy đủ thứ thiên mộc hương.v.v... nhiều gấp bội gỗ thơm có trong nhân gian. Hơi thơm của gỗ ấy có thể diệt đủ thứ mùi hôi thối trong nhân gian. Rồi xe trắng che bằng bảo cái trắng do bốn con ngựa trắng kéo, trên mỗi một xe đều giăng trướng trắng. Bốn bên trướng ấy treo các chuông nhỏ bằng vàng. Trên xe chở đủ thứ hương hoa, tràng phan bảo cái, đồ ăn ngon thượng diệu, đủ thứ kỹ nhạc và còn bày tòa sư tử. Bốn chân của tòa ngồi ấy thuận bằng lưu ly xanh biếc. Ở sau tòa ngồi ấy, mỗi mỗi đều có giường tựa thất bảo. Ở trước

mỗi một tòa ngòai lại có ghé tựa bằng vàng. Lại dùng bảy báu mà làm cây đèn mà ánh sáng của đèn làm bằng đủ thứ ngọc báu. Hoa trời vi diệu trải khắp trên mặt đất ấy. Các thiên nữ này bày biện đồ cúng này rồi, lòng mang ai cảm, rơi nước mắt chan hòa, phát sinh đại khổ não. Rồi cũng vì lợi ích an lạc cho chúng sinh, thành tựu đệ nhất không hạnh của Đại Thừa, hiển phát mật giáo phương tiện của đức Như Lai và cũng vì chẳng đoạn dứt đủ thứ việc nói pháp... họ đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng mà bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Nguyện xin đức Như Lai ai miễn nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con !

Đức Như Lai biết thời, mặc nhiên chẳng nhận. Các thiên nữ chẳng thỏa được sở nguyện, lòng mang ưu não, lui về một bên, lặng lẽ mà ngòai.

Lúc bấy giờ, lại có chín hằng hà sa những long vương... trụ ở bốn phương. Tên vua rồng ấy là Hoa Tu Cát long vương, Nan Đà long vương, Bà Nan Đà long vương... mà là thượng thủ. Những Long vương này cũng vào sáng sớm, lúc mặt trời mới mọc, bày biện những đồ cúng dường gấp bội của người trời, đem đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng mà bạch đức Phật rằng :

- Nguyện xin đức Như Lai ai miễn nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con !

Đức Như Lai biết thời, mặc nhiên chẳng nhận. Các vua rồng chẳng thỏa được sở nguyện, lòng mang sầu não, lui về ngòai một bên.

Lúc bấy giờ, lại có mười hằng hà sa các quỷ thần vương mà vua Tỳ Sa Môn là thượng thủ. Họ đều nói với nhau rằng : “Này các ngài ! Hôm nay chúng ta nên mau chóng đi đến chỗ đức Phật”. Họ bày biện đồ cúng dường gấp bội các rồng, đem đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng mà bạch đức Phật rằng :

- Nguyện xin đức Như Lai ai miễn nhận sự cúng dường tối hậu của chúng con !

Đức Như Lai biết thời, mặc nhiên chẳng nhận. Các quỷ vương này chẳng thỏa được sở nguyện, lòng ôm sầu não, lui về ngòai một bên.

Lúc bấy giờ, có hai mươi hằng hà sa vua Kim Sí Điều mà Giáng Oán điều vương là thượng thủ. Lại có ba mươi hằng hà sa vua Càn Thát Bà mà vua Na La Đạt là thượng thủ. Lại có bốn mươi hằng hà sa vua Khẩn Na La mà vua Thiện Kiến là thượng thủ. Lại có năm mươi hằng hà sa vua Ma hầu la già mà vua Đại Thiện Kiến là thượng thủ. Lại có sáu mươi hằng hà sa vua A tu la mà vua Viêm Bà Lợi là thượng thủ. Lại có bảy mươi hằng hà sa vua Đà Na Bà mà vua Vô Cấu Hà Thủy và vua Bạt Đề Đạt Đa.v.v... là thượng thủ. Lại có tám mươi hằng hà sa vua La sát mà vua Khả Úy là thượng thủ. Họ lia bỏ tâm ác, lại chẳng ăn thịt người, ở trong oán ghét phát sinh lòng từ bi. Hình hài họ xấu xí, nhờ thần lực của đức Phật đều trở nên đoan chánh. Lại có chín mươi hằng hà sa vua thần rừng cây mà vua Dược Hương là thượng thủ. Lại có một ngàn hằng hà sa vua Trì Chú mà vua Đại Huyền Trì Chú là thượng thủ. Lại có một ức hằng hà sa Tham Sắc qui mị mà vua Thiện Kiến là thượng thủ. Lại có trăm ức hằng hà sa những thể nữ trời mà Lam Bà nữ, Uất Bà Thi nữ, Đê Lộ Triêm nữ, Tỳ Xá Khư nữ... là thượng thủ. Lại có ngàn ức hằng hà sa những quý vương dưới đất mà vua Bạch Tháp là thượng thủ. Lại có mười vạn ức hằng hà sa những thiên tử và những thiên vương, tứ thiên vương.v.v... Lại có mười vạn ức hằng hà sa những thần gió bốn phương thổi đúng lúc hay chẳng phải lúc trên các cây, tung rải hoa xuống vùng Song Thọ. Lại có mười vạn ức hằng hà sa thần chủ việc mây mưa, họ đều nghĩ rằng : “Đức Như Lai Niết Bàn, khi thiêu thân ngài chúng ta sẽ tuông mưa xuống làm cho lửa tắt ngay. Trong chúng nóng nẩy phiền muộn ta vì họ làm mát mẻ. Lại có hai mươi hằng hà sa Đại Hương Tượng Vương mà vua voi La Hầu, vua voi Kim Sắc, vua voi Cam Vị, vua voi Mắt Biếc, vua voi Dược Hương.v.v... là thượng thủ. Những vua voi ấy kính trọng Đại Thừa, yêu thích Đại Thừa, biết đức Phật chẳng bao lâu nữa sẽ vào Niết Bàn, mỗi mỗi đều nhỏ lấy vô lượng vô biên những hoa sen đẹp mang đến chỗ đức Phật, đầu mặt lễ đức Phật, rồi lui về đứng một bên. Lại có hai mươi hằng hà sa những vua thú Sư tử mà vua Sư Tử Hống là thượng thủ. Các vua Sư Tử ban cho tất cả chúng sinh sự vô úy, mang theo những hoa quả đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, rồi lui lại đứng một bên. Lại có hai mươi hằng hà sa những vua loài chim bay như : le le, nhạn, uyên ương, công... các loài chim, chim càn thát bà, chim ca lan đà, chim yểng, chim anh vũ, chim câu sí la, chim bà hi già, chim ca lãng tần già, chim kỳ bà kỳ bà.v.v.. Những loài chim như vậy mang theo hoa quả đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, lui về trụ ở một bên. Lại có hai mươi hằng hà sa những trâu nước, trâu, dê đi đến chỗ đức Phật sản xuất sữa thơm vi diệu. Sữa ấy chảy đầy hầm hào sẵn có trong thành Câu Thi Na, màu sắc hương vị thơm ngon đều đầy đủ. Hoàn thành việc này rồi, chúng lui về đứng một bên. Lại có hai mươi hằng hà sa những người thần tiên ở trong bốn thiên hạ mà vị tiên Nhẫn

Nhục là thượng thủ mang theo những hoa thơm và những trái ngọt đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh đức Phật ba vòng mà bạch đức Phật rằng :

- Nguyện xin đức Thế Tôn thương xót nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con.

Đức Như Lai biết thời, lặng thinh chẳng hứa. Các tiên nhân chẳng thỏa được sở nguyện, lòng ôm sâu não, lui về trụ ở một bên. Tất cả vua ong trong cõi Diêm Phù Đề mà vua ong Diệu Âm là thượng thủ mang theo đủ thứ hoa đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh đức Phật một vòng, rồi lui về trụ một bên.

Lúc bấy giờ, Tỳkheo, Tỳkheo ni trong cõi Diêm Phù Đề, tất cả đều tập hợp, chỉ trừ hai chúng của tôn giả Ma Ha Ca Diếp và tôn giả A Nan. Lại có những núi sấn có của vô lượng atăngky hằng hà sa những thế giới trung gian và cõi Diêm Phù Đề mà vua núi Tu Di là thượng thủ. Các núi ấy trang nghiêm rừng rậm um tùm, cây lá sum xuê, bóng che ánh sáng mặt trời, đủ thứ hoa đẹp trang sức khắp cùng, suối rồng tuông nước thanh tịnh, hương thơm thanh khiết... chư Thiên, rồng, thần, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già, thần tiên chú thuật... tấu xướng kỹ nhạc. Những chúng như vậy đầy khắp ở trong núi rừng ấy. Những vị sơn thần này cũng đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, rồi lui về trụ ở một bên. Lại có atăngky hằng hà sa thần bốn biển và những thần sông có uy đức lớn, đủ đại thần túc. Họ bày biện đồ cúng dường bội phần hơn trước. Ánh sáng thân của chư thần, ánh sáng đèn kỹ nhạc che hết mặt trời mặt trăng khiến cho biến mất. Họ dùng hoa Chiên đàn rải trên dòng Hi Liên mà đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, rồi lui lại trụ một bên.

Lúc bấy giờ, rừng cây Ta La ở thành Câu Thi Na, rừng ấy biến thành màu trắng giống như con hạc trắng. Ở trong hư không tự nhiên mà có tòa lâu các bảy báu với những hoa văn chạm khắc trang sức phân minh. Giáp vòng lan can xen lẫn mọi thứ báu. Bên dưới nhà có nhiều dòng suối, ao tắm mà hoa sen thượng diệu đầy khắp trong ấy, giống như nước Uất Đan Việt ở phương Bắc, cũng giống như vườn Hoan Hỷ của cõi trời Đao Lợi. Lúc bấy giờ, trong rừng cây Ta La xen lẫn đủ thứ trang nghiêm, rất đáng yêu thích cũng lại như vậy. Những trời, người, atula.v.v... này đều nhìn thấy tướng của Như Lai Niết Bàn đều bị cảm sâu ưu chẳng vui.

Lúc bấy giờ, Tứ Thiên Vương, Thích Đề Hoàn Nhân đều nói với nhau rằng :

- Các ông quan sát chư thiên, người đời và atula bày biện đại lễ cúng dường muốn đến cúng dường đức Như Lai lần sau cùng. Chúng ta cũng phải cúng dường như vậy. Nếu chúng ta được cúng dường lần sau cùng thì đàn Balamật được thành tựu đủ đầy chẳng khó khăn.

Lúc bấy giờ, Tứ Thiên Vương bày biện đồ cúng dường bội phần hơn trước. Họ mang theo hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, hoa ca chỉ lâu già, hoa ma ha câu chỉ lâu già, hoa mạn thù sa, hoa ma ha mạn thù sa, hoa tán đa ni ca, hoa ma ha tán đa ni ca, hoa ái lạc, hoa đại ái lạc, hoa phổ hiền, hoa đại phổ hiền, hoa thời, hoa đại thời, hoa hương thành, hoa đại hương thành, hoa hoan hỷ, hoa đại hoan hỷ, hoa phát dục, hoa đại phát dục, hoa hương tủy, hoa đại hương tủy, hoa phổ hương, hoa đại phổ hương, hoa thiên kim diệp, hoa rồng, hoa cây ba lợi chất đa, hoa cây tỳ la... lại còn mang theo đủ thứ đồ ăn ngon thượng diệu, đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật. Những người trời này có ánh sáng có thể che mặt trời, mặt trăng khiến cho biến mất, dùng đồ cúng dường này muốn cúng dường đức Phật. Đức Như Lai biết thời, mặc nhiên chẳng nhận. Bấy giờ, chư Thiên chẳng thỏa được sở nguyện, lòng sầu lo khổ não lui lại đứng một bên.

Lúc bấy giờ, Thích Đề Hoàn Nhân và ba mươi ba tầng trời bày biện đồ cúng dường cũng bội phần hơn trước và đem theo hoa cũng lại như vậy, hơi thơm vi diệu rất đáng yêu thích. Họ mang được thắng đường (nhà đẹp thù thắng) cùng các tiểu đường đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật mà bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Chúng con rất ưa ái mộ Đại Thừa ! Nguyện xin đức Như Lai thương xót nhận đồ ăn của chúng con !

Đức Như Lai biết thời, mặc nhiên chẳng nhận. Các trời Đế Thích chẳng thỏa được sở nguyện, lòng ôm sầu não lui lại trụ ở một bên... Cho đến trời thứ sáu bày biện đồ cúng dường đắp đổi thắng hơn trước, với tràng phan, bảo cái mà bảo cái nhỏ cũng che được bốn thiên hạ, phan ngắn nhất thì giáp vòng bốn biển, tràng thấp nhất thì cũng đến trời Tự Tại. Gió nhẹ thổi vào tràng phát ra âm thanh vi diệu. Họ đem theo đồ ăn ngon thượng diệu đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật mà bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nguyện xin đức Như Lai thương xót nhận lễ cúng dường sau cùng của chúng con !

Đức Như Lai biết thời, mặc nhiên chẳng nhận. Các vị trời này chẳng thỏa được sở nguyện, lòng ôm sầu não, lủi lại trụ ở một bên. Lên đến trời Hữu Đảnh, những Phạm chúng còn lại, tất cả đều đến tập họp. Lúc bấy giờ, vua trời Đại Phạm và những Phạm chúng khác phóng ra ánh sáng thân mình soi khắp bốn thiên hạ làm cho ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, người, trời cõi Dục đều biến mất. Những trời ấy mang theo tràng phan, bảo cái, lụa là ngũ sắc mà bảo phan cực ngắn cũng treo thông từ cung Phạm đến vùng cây Ta La, đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật mà bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nguyện xin đức Như Lai thương xót nhận lễ cúng dường sau cùng của chúng con !

Đức Như Lai biết thời, mặc nhiên chẳng nhận. Bấy giờ các trời Phạm chẳng thỏa được sở nguyện, lòng ôm sầu não, lủi lại trụ ở một bên.

Lúc bấy giờ, vua atula Tỳ Ma Chát Đa cùng với vô lượng đại quyến thuộc atula mà ánh sáng của thân họ hơn cả trời Phạm, mang theo tràng phan bảo cái lụa là ngũ sắc mà bảo cái nhỏ nhất cũng che được một ngàn thế giới, và đồ ăn ngon thượng diệu đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật bạch đức Phật rằng :

- Nguyện xin đức Như Lai thương xót nhận lễ cúng dường sau cùng của chúng con !

Đức Như Lai biết thời, mặc nhiên chẳng nhận. Các atula chẳng thỏa được sở nguyện, lòng ôm sầu não, lủi lại trụ ở một bên.

Lúc bấy giờ, ma vương Ba Tuần cõi Dục cùng với quyến thuộc của ông ấy, chư Thiên, thế nữ nhiều vô lượng vô biên atăngky chúng mở cửa địa ngục bổ thí nước mát thanh tịnh, rồi nhân đó mà bảo rằng : “Các người hôm nay không thể làm được gì, chỉ phải chuyên nghĩ về đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri mà kiến lập sự tùy hỷ cúng dường lần sau cùng thì sẽ khiến cho các người được đê dài yên ổn”. Ma Ba Tuần ở trong địa ngục trừ hết đao kiếm, vô lượng khổ độc, rót mưa dập tắt lửa cháy hùng hực. Nhờ thần lực đức Phật mà ma Ba Tuần lại phát tâm khiến cho các quyến thuộc đều bỏ đao kiếm, cung nỏ, giáp đồng, binh khí, mâu kích, trường câu, kim chùy, búa lớn, vòng chiến đấu, dây thao (dùng để trói). Chúng đã mang theo đồ cúng dường hơn bội phần sự bày biện của tất cả người trời, bảo cái nhỏ của chúng che cả trung thiên thế giới, đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, mà bạch rằng :

- Chúng con hôm nay yêu thích Đại Thừa, thủ hộ Đại Thừa ! Thừa đức Thế Tôn ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân vì cúng dường, vì bố úy, vì lừa dối người khác, vì tài lợi, vì theo người khác nên thọ Đại Thừa này hoặc chân thành, hoặc trá ngụy thì chúng con bây giờ sẽ vì người đó trừ diệt bố úy !

Rồi nói chú như vậy :

Sá chỉ - Trá trá la sá chỉ - Lô ha lệ ma ha lô ha lệ - A la - Già la - Đa la - Tá ha.

Chú này có thể khiến cho những người mất tâm, người bố úy, người nói pháp, người chẳng đoạn chánh pháp vì hàng phục ngoại đạo, hộ thân mình, hộ chánh pháp, hộ Đại Thừa... thì nên nói chú như vậy. Nếu có người có thể trì chú như vậy thì không sợ voi dữ, hoặc đến chỗ hiểm trở, khoáng dã, đầm trũng chẳng sinh ra kinh sợ, cũng không có nạn nước, lửa, sư tử, cọp sói, đao tặc, vua quan. Thừa đức Thế Tôn ! Nếu có người có thể trì chú như vậy thì đều có thể trừ diệt những nỗi sợ như vậy. Thừa đức Thế Tôn ! Người trì chú này thì con sẽ hộ trì họ như rùa giấu sáu bộ phận của thân thể. Thừa đức Thế Tôn ! Chúng con hôm nay chẳng do đua nịnh mà nói việc như vậy. Người trì chú này thì con sẽ hết lòng tăng thêm thế lực của họ. Nguyện xin đức Như Lai thương xót nhận lễ cúng dường sau cùng của chúng con !

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ma Ba Tuần rằng :

- Ta chẳng nhận đồ ăn thức uống cúng dường của ông ! Nhưng ta đã nhận thần chú của ông vì muốn an vui cho tất cả chúng sinh và bốn bộ chúng vậy.

Đức Phật nói lời này rồi, mặc nhiên chẳng nhận. Ma ba tuần thỉnh như vậy ba lần, đức Phật đều chẳng nhận. Ma Ba Tuần chẳng thỏa được sở nguyện, lòng ôm sâu não, lùi lại trụ ở một bên.

Lúc bấy giờ, vua trời Đại Tự Tại cùng với quyền thuộc nhiều vô lượng vô biên và các thiên chúng bày biện đồ cúng dường trùm hết đồ cúng dường sở hữu của Phạm Vương, Đế Thích, Hộ Thế Tứ Thiên Vương, người, trời, tám bộ chúng và phi nhân.v.v... Thiết lễ của Phạm Vương, Đế Thích giống như giọt mực ở bên mép của dụng cụ bằng ngọc Kha đều biến mất hết. Bảo cái nhỏ trời Đại Tự Tại có thể che ba ngàn đại thiên thế giới. Họ đem theo đồ cúng dường như vậy đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh vô số vòng, bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Chúng con dâng lên đồ cúng nhỏ mọn giống như con muỗi con ve ! Sự cúng dường ở con cũng như có người dùng một bụm nước ném vào biển cả, thắp một ngọn đèn nhỏ trợ giúp cho trăm ngàn mặt trời, những tháng mùa xuân mùa hạ mọi loài hoa sum suê mà có người đem một cành hoa thêm cho những hoa, dùng một hạt rau đay thêm cho núi Tu Di... Há sẽ có thêm lớn biển, thêm sáng cho mặt trời, nhiều thêm những hoa, lớn thêm núi Tu Di sao ? Thừa đức Thế Tôn ! Con hôm nay dâng lên đồ cúng nhỏ mọn cũng lại như vậy. Nếu dùng hương hoa, kỹ nhạc, tràng phan bảo cái đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới mà cúng dường đức Như Lai còn chẳng nói là đủ. Vì sao vậy ? Vì đức Như Lai vì các chúng sinh thường ở trong các đường ác, địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, chịu những khổ não. Vậy nên đức Thế Tôn nên thấy thương xót nhận sự cúng dường của chúng con.

Lúc bấy giờ, phương Đông, cách đây vô lượng vô số atăngkỳ hằng hà sa thế giới nhiều như vi trần, nơi đó có cõi Phật tên là Ý Lạc Mỹ Âm, đức Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hành Túc Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn. Lúc bấy giờ, đức Phật kia liền bảo vị đại đệ tử thứ nhất rằng : “Này thiện nam tử ! Ông nay nên đến thế giới Ta Bà ở phương Tây ! Nước đó có đức Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hành Túc Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn. Đức Phật đó chẳng bao lâu sẽ vào Niết Bàn. Này thiện nam tử ! Ông nên đem cơm thơm (hương phạn) của thế giới này, cơm ấy thơm ngon, ăn vào thì yên ổn, dâng hiến lên đức Phật Thế Tôn đó. Đức Thế Tôn ăn rồi thì vào Niết Bàn. Này thiện nam tử ! Đồng thời ông có thể lễ kính ngài thỉnh vấn giải quyết những nghi hoặc.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Vô Biên Thân liền nghe lời dạy của đức Phật đứng dậy, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng, cùng các vị ấy cùng với vô lượng atăngkỳ chúng đại Bồ tát từ nước đó xuất phát đi đến thế giới Ta bà này. Ngay tức thời, đại địa của ba ngàn đại thiên thế giới sáu thứ chấn động. Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương, Ma vương Ba Tuần, Ma Ê Thủ La... ở trong chúng của cõi Ta Bà này thấy đất này chấn động như vậy thì toàn thân đại chúng nổi da gà, cổ họng khô ráo, kinh sợ run lẩy bẩy, đều muốn chạy tứ tán. Họ tự thấy thân mình không còn ánh sáng, uy đức của mình đều diệt không còn. Khi đó ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử liền đứng dậy bảo các đại chúng rằng :

- Này các thiện nam tử ! Các ông chớ sợ ! Các ông chớ sợ ! Vì sao vậy ? Vì ở Đông phương, cách đây vô lượng vô số atăngkỳ hằng hà sa thế giới nhiều như vi trần, có thế giới tên là Ý Lạc Mỹ Âm, đức Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri... (đủ mười hiệu). Nơi đó có vị Bồ tát tên là Vô Biên Thân cùng với vô lượng Bồ tát sắp đi đến đây cúng dường đức Như Lai. Do sức uy đức của Bồ tát đó nên khiến cho ánh sáng của thân các ông biến mất. Vậy nên các ông nên phát sinh vui mừng chớ ôm nổi kinh sợ !

Lúc bấy giờ, đại chúng đều thấy từ xa đại chúng của đức Phật đó như tự nhìn thấy thân mình trong gương sáng. Ngài Văn Thù Sư Lợi lại bảo đại chúng rằng :

- Các ông hôm nay đã thấy đại chúng của đức Phật đó như thấy của đức Phật này. Do thần lực của đức Phật, các ông sẽ lại được thấy vô lượng các đức Phật của chín phương như vậy.

Lúc bấy giờ, đại chúng đều nói với nhau rằng :

- Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian trống rỗng ! Đức Như Lai chẳng bao lâu sẽ vào Niết Bàn !

Khi đó, tất cả đại chúng đều thấy Bồ tát Vô Biên Thân và quyến thuộc của Bồ tát ấy. Thân của vị Bồ tát này, mỗi một lỗ chân lông đều mọc ra một hoa sen lớn. Mỗi một hoa sen đều có bảy vạn tám ngàn thành ấp, dọc ngang bằng nhau như thành Tỳ Xá Ly, tường, vách những hào nước xen lẫn thất bảo, bảy lớp cây Đa la báu bày hàng la liệt, nhân dân đông đúc, yên ổn, giàu có, vui sướng. Vàng Diêm phù đàn dùng làm phòng tuyến đầy lui địch. Mỗi một phòng tuyến đánh lui địch đều có đủ thứ rừng cây thất bảo, hoa trái sum sê. Gió nhẹ thổi động đến chúng phát ra âm thanh vi diệu. Âm thanh ấy hòa nhã giống như âm nhạc nhà trời. Nhân dân trong thành nghe âm thanh này tức thời được thọ niềm khoái lạc thượng diệu. Trong những hào này tràn đầy nước vi diệu trong sạch, hương thơm thanh khiết như Chân lưu ly. Trong nước này có thuyền thất bảo mà những người cỡi thuyền dạo chơi, tắm gội, vui sướng cùng nhau khoái lạc vô cùng. Lại có vô lượng hoa sen đủ màu, hoa Ưu bát la, hoa Câu vật đầu, hoa Ba đầu ma, hoa Phân đà lợi... Những hoa ấy rộng lớn giống như bánh xe. Trên bờ hào nước ấy có nhiều vườn rừng. Trong mỗi một vườn rừng có năm ao suối. Trong những ao này lại có các loài hoa, hoa Ưu bát la, hoa Câu vật đầu, hoa Ba đầu ma, hoa Phân đà lợi... những hoa ấy to rộng cũng như bánh xe, mùi thơm sức nức rất đáng

yêu thích. Nước của ao ấy thanh tịnh nhu nhuyễn đệ nhất. Le le, nhạt, uyên ương... dạo chơi trong ao ấy. Trong vườn ấy có cung điện nhà cửa bằng mọi thứ báu. Mỗi một cung điện ngang dọc trọn bốn do tuần, có tường vách làm thành bằng bốn thứ báu. Đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, cửa sổ bằng vàng ròng giáp vòng lan can. Ngọc vắn côi làm đất với cát vàng trải lên trên. Trong cung trạch này có nhiều dòng suối, ao tắm bằng thất bảo. Bờ của mỗi một ao đều có mười tám bậc thềm. Vàng Diêm phù đàn làm cây chuối như vườn Hoan Hỷ của trời Đao Lợi. Mỗi một thành này đều có tám muôn bốn ngàn vua người. Mỗi một vua đều có vô lượng phu nhân, thê nữ chung nhau vui sướng hoan hỷ thọ lạc. Ngoài ra nhân dân cũng lại như vậy, đều ở nơi trú xứ, chung nhau vui sướng. Trong thành này, chúng sinh chẳng nghe danh từ nào khác, chỉ thuần nghe tiếng Đại Thừa vô thượng. Trong những hoa sen đó, mỗi một hoa đều có tòa Sư tử. Bốn chân tòa ngòai ấy đều bằng lưu ly xanh biếc, trên tòa ngòai trải áo mềm mại. Áo ấy vi diệu vượt ra ba cõi. Trên mỗi một tòa có một vị vua ngòai, dùng pháp Đại Thừa giáo hóa chúng sinh. Hoặc có chúng sinh ghi chép, giữ gìn, đọc tụng, theo đúng lời nói tu hành... cứ như vậy mà lưu bố kinh điển Đại Thừa. Lúc bấy giờ, Bồ tát Vô Biên Thân dùng vô lượng chúng sinh ở thân mình như vậy rồi thì khiến cho họ bỏ niềm vui thế gian, đều nói lên rằng : “Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian trống rỗng ! Đức Như Lai chẳng bao lâu sẽ vào Niết Bàn”. Lúc bấy giờ, Bồ tát Vô Biên Thân cùng với vô lượng Bồ tát vây quanh giáp vòng, thị hiện sức thần thông như vậy rồi, đem đủ thứ đồ cúng dường nhiều không lường đó và cả đồ ăn thức uống thơm ngon thượng diệu. Nếu có người được nghe hơi thơm của món ăn này thì các cấu bần phiền não đều tiêu diệt hết. Do sức thần thông của Bồ tát này nên tất cả đại chúng đều được thấy thân của Bồ tát Vô Biên Thân biến hóa lớn vô biên, lượng đồng với hư không như vậy vì chỉ trừ đức Phật còn không ai có thể thấy lượng bờ cõi của thân vị Bồ tát này. Lúc bấy giờ, Bồ tát Vô Biên Thân và quyến thuộc đã bày biện lễ cúng dường bội phần hơn trước, đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, chấp tay cung kính bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nguyện xin Ngài ai miễn nhận đồ ăn của chúng con !

Đức Như Lai biết thời, mặc nhiên chẳng nhận. Bồ tát ấy thỉnh ba lần như vậy, đức Phật cũng đều chẳng nhận. Lúc đó, Bồ tát Vô Biên Thân và quyến thuộc lui lại trụ ở một bên. Thế giới chư Phật ở Nam phương, Tây phương, Bắc phương cũng có vô lượng Bồ tát Vô Biên Thân đã đem đồ cúng dường bội phần hơn trước đi đến chỗ đức Phật... cho đến trụ ở một bên đều cũng lại như vậy.

Lúc bấy giờ, đất phước cát tường Ta La song thọ ngang dọc ba mươi hai do uần, đây ập đại chúng không một chỗ trống khuyết. Bấy giờ Bồ tát Vô Biên Thân của bốn phương và quyến thuộc của họ đã ngồi vào chỗ nhiều như vi trần hoặc ló nhỏ như đầu mũi kim khâu. Những vị đại Bồ tát của thế giới chư Phật nhiều như vi trần của mười phương đều đến tập hội và tất cả đại chúng của cõi Diêm phù đề cũng đều đến tập họp, chỉ trừ hai chúng của tôn giả Đại Ca Diếp, tôn giả A Nan, vua A Xà Thế và quyến thuộc của ông ấy. Thậm chí rắn độc mà nhìn thấy có thể giết người, bọ hung, mối mọt.v.v... và mười sáu giống làm ác, tất cả đến tập họp. Thần Đà na bà, atula.v.v... đều bỏ ác niệm, đều sinh lòng từ như cha, như mẹ, như chị, như em. Chúng sinh của ba ngàn đại thiên thế giới đem lòng lành hướng về nhau cũng lại như vậy trừ bọn Nhất xiển đề. Bấy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới, do thần lực của đức Phật nên đất đều mềm mại, không gò đống, đất cát, sỏi đá, gai góc, cỏ độc mà trang nghiêm mọi thứ báu giống như thế giới Cực Lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây. Lúc đó đại chúng đều thấy thế giới chư Phật nhiều bằng vi trần của mười phương như tự quan sát thân mình trong gương sáng. Đại chúng thấy các cõi Phật cũng lại như vậy. Lúc bấy giờ, diện môn của đức Như Lai phát ra ánh sáng ngũ sắc. Ánh sáng ấy sáng che cả đại hội khiến cho ánh sáng thân của đại hội đó đều biến mất. Sự ứng tác xong thì ánh sáng trở lại theo miệng mà vào. Các trời, người và các chúng hội, atula.v.v... thấy ánh sáng của đức Phật trở lại theo miệng mà vào đều rất kinh sợ, thân nổi da gà, lại nói lên rằng :

- Ánh sáng Như Lai phát ra rồi vào trở lại chẳng phải không có nhân duyên. Nhất định đối với mười phương, việc làm của ngài đã hoàn thành và sẽ là tướng Niết Bàn tối hậu. Sao mà khổ thay ! Sao mà khổ thay ! Làm sao mà đức Thế Tôn một sớm lìa bỏ Tứ vô lượng tâm ? Chẳng nhận lễ dâng cúng dường của người, trời ? Ánh sáng mặt trời thánh tuệ từ nay diệt vĩnh viễn ! Thuyền pháp vô thượng chìm mất ở đây ! Ô hô ! Đau thay ! Thế gian khổ lớn rồi !

Họ đưa tay đâm ngực, gào khóc buồn thương, chi tiết thân thể run rẩy rúng động, chẳng thể tự kiềm chế, những lỗ chân lông trên thân chảy máu tươi xuống đất.

--- o0o ---

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ nhất hết -
--- o0o ---

Quyển Thứ 2

PHẨM THUẦN ĐÀ

PHẦN II ..

Lúc bấy giờ, trong hội có vị ưu bà tắc là con người thợ khéo của thành Câu Thi Na, tên là Thuần Đà cùng với đồng loại gồm mười lăm người, vì khiến cho thế gian được quả tốt nên xả uy nghi của thân, đứng dậy, trật áo vai phải, gồi phải quì xuống đất, chấp tay hướng về đức Phật, buồn cảm rơi lệ, đánh lễ dưới chân đức Phật mà bạch đức Phật rằng :

- Nguyện xin đức Thế Tôn và Tỳkheo Tăng thương xót nhận lễ cúng dường sau cùng của chúng con vì độ vô lượng những chúng sinh. Thừa đức Thế Tôn ! Chúng con từ nay không còn chủ, không người thân, không ai cứu, không ai hộ, không chỗ về, không nơi đến, bản cùng đói khát khôn khổ, muốn theo đức Như Lai cầu đồ ăn tương lai, nguyện xin đức Như Lai thương xót nhận cho chút lễ cúng dường của chúng con rồi nhiên hậu mới Niết Bàn ! Thừa đức Thế Tôn ! Ví như sát lợi, hoặc Bà la môn, Tỳ xá, Thủ đà do nghèo cùng nên đến đất nước khác xa xôi, ra sức làm nông mà được trâu điều phục tốt, ruộng tốt bằng phẳng, không có những cát mặn, cỏ xấu, hoang hóa, dơ bẩn, chỉ còn mong trời mưa xuống. Nói trâu điều phục là ví thân miệng tốt. Ruộng tốt bằng phẳng là ví cho trí tuệ. Trừ khử cát mặn, cỏ xấu, hoang hóa, dơ bẩn là ví cho việc trừ khử phiền não. Bạch Thế Tôn ! Con nay, thân có trâu thuần, ruộng tốt, làm sạch cỏ, trừ mọi dơ bẩn chỉ còn mong mưa pháp cam lồ của đức Như Lai. Tứ tánh (bốn giai cấp) nghèo tức là thân con đó. Nghèo là nghèo của báu đối với pháp Vô Thượng, nguyện xin đức Thế Tôn thương xót đoạn trừ sự bản cùng khôn khổ của chúng con ! Cứu vớt vô lượng chúng sinh khổ não ! Lễ cúng dường của con tuy nhỏ mọn nhưng muốn được sung túc đại chúng của đức Như Lai. Con nay không có chủ, không thân thích, không nơi nương về, nguyện xin ngài rủ lòng xót thương như thương La Hầu La.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Nhất Thiết Chúng Trí Vô Thượng Điều Ngự bảo ông Thuần Đà rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Ta nay vì ông đoạn trừ bản cùng ! Dem pháp vũ Vô thượng mưa xuống ruộng thân của ông, khiến cho sinh ra mầm pháp ! Ông nay đối với ta muốn cầu thọ mạng, sắc lực, an vui, vô ngại biện tài ! Ta sẽ ban cho ông thọ mạng, sắc lực, an vui, vô ngại biện tài. Vì sao vậy ? Nay Thuần Đà ! Vì cho ăn có hai quả báo không sai khác. Những gì là hai ? Một là nhận rồi thì được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hai là nhận rồi thì vào Niết Bàn. Ta nay nhận sự cúng dường sau cùng của ông, khiến cho ông đầy đủ Đản Balamật.

Bấy giờ, ông Thuần Đà liền bạch đức Phật rằng :

- Như lời nói của đức Phật, hai quả báo của sự bố thí không sai khác thì nghĩa này chẳng phải ! Vì sao vậy ? Vì người thọ thí trước thì phiền não chưa hết, chưa được thành tựu Nhất thiết chủng trí, cũng chưa có thể khiến cho chúng sinh đầy đủ Đản Balamật. Người thọ thí sau phiền não đã hết, đã được thành tựu Nhất thiết chủng trí, có thể khiến chúng sinh đều được đầy đủ Đản Balamật. Người thọ thí trước, cũng là chúng sinh, người thọ thí sau là trời trong trời. Người thọ thí trước là thân tạp thực, là thân phiền não, là thân hậu biên, là thân vô thường. Người thọ thí sau là thân không phiền não, là thân Kim cương, pháp thân thường thân, thân vô biên. Tại sao nói quả báo của hai cách bố thí này là bình đẳng không sai khác ? Người thọ thí trước chưa có thể đầy đủ Đản Balamật...cho đến Bát nhã Balamật, chỉ được nhục nhãn chưa được Phật nhãn... cho đến tuệ nhãn. Người thọ thí sau đã được đầy đủ Đản Balamật.v.v.. cho đến Bát nhã Balamật, đầy đủ Phật nhãn... cho đến tuệ nhãn. Vậy thì sao mà gọi là quả báo hai sự bố thí bình đẳng không sai biệt. Thưa đức Thế Tôn ! Người thọ thí trước, thọ rồi ăn vào bụng, tiêu hóa thì được thọ mạng, được sắc, được lực, được yên, được vô ngại biện. Người thọ thí sau chẳng ăn, chẳng tiêu, không có kết quả năm việc thì sao gọi là quả báo hai sự bố thí bình đẳng, không sai khác ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Như Lai đã ở vô lượng vô biên atăng kỳ kiếp, không có thân hữu thực, thân phiền não, mà là thân không hậu biên (bờ sau), thân thường còn, thân pháp, thân kim cương. Nay thiện nam tử ! Người chưa thấy Phật tính thì gọi là thân phiền não, thân tạp thực, là thân hậu biên. Bồ tát bấy giờ thọ ẩm thực rồi vào Kim cương tam muội, đồ ăn này tiêu rồi liền thấy Phật tính, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên ta nói rằng, quả báo của hai sự bố thí bình đẳng, không sai biệt. Bồ tát bấy giờ phá hoại

bốn ma, nay vào Niết Bàn cũng phá bốn ma. Vậy nên ta nói rằng, quả báo của hai sự bố thí bình đẳng, không sai biệt. Bồ tát bấy giờ tuy chẳng rộng nói mười hai bộ Kinh, nhưng đã thông đạt trước, nay vào Niết Bàn vì chúng sinh phân biệt diễn nói rộng rãi. Vậy nên ta nói rằng, quả báo hai sự bố thí bình đẳng không sai biệt. Nay thiện nam tử ! Thân của Như Lai đã ở vô lượng atăng kỳ kiếp chẳng thọ ẩm thực, vì các Thanh văn nên ta nói rằng, trước thọ sự hiến dâng sữa mè của hai cô gái chăn trâu Nan Đà và Nan Đà Ba La nhiên hậu mới được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhưng thật sự ta chẳng ăn. Ta nay khấp vì tạo tác cho chúng đại hội nên thọ sự dâng hiến sau cùng của ông, thật sự cũng chẳng ăn.

Lúc bấy giờ, đại chúng nghe đức Phật Thế Tôn khấp vì đại hội, thương xót nhận lễ cúng dường tối hậu của ông Thuần Đà thì vui mừng, nhảy nhót, đồng thanh khen rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Hy hữu thay ! Nay ông Thuần Đà ! Ông nay đứng tên chẳng là rỗng xưng ! Nói Thuần Đà là tên Giải diệu nghĩa. Ông nay đã kiến lập đại nghĩa như thế. Vậy nên y thật theo nghĩa mà lập danh nên gọi là Thuần Đà. Ông nay, ở đời hiện tại được danh lợi lớn, đức nguyện đủ đầy. Rất lạ ! Nay Thuần Đà ! Ông sinh tại trong loài người lại được cái lợi vô thượng khó được ! Hay thay ! Nay Thuần Đà ! Như hoa Ưu đàm hiếm có ở thế gian, đức Phật ra đời cũng lại rất khó. Gặp Phật sinh ra, tin nghe pháp lại càng khó. Phật sắp Niết Bàn mà cúng dường tối hậu, có thể bày biện việc này lại khó đến thế ! Nam mô Thuần Đà ! Nam mô Thuần Đà ! Ông nay đã đủ Đản Balamật giống như trăng thu đêm ngày mười lăm tràn đầy thanh tịnh, không có những mây che, tất cả chúng sinh không ai chẳng chiêm ngưỡng ! Ông cũng như vậy ! Mà vì sự chiêm ngưỡng của chúng tôi, đức Phật đã thọ lễ cúng dường tối hậu của ông khiến cho ông đầy đủ Đản Balamật. Nam mô Thuần Đà ! Vậy nên nói ông như vàng trắng tròn đầy, tất cả chúng sinh không ai chẳng chiêm ngưỡng. Nam mô Thuần Đà ! Tuy ông thọ thân người nhưng tâm như tâm Phật. Nay ông Thuần Đà ! Ông nay chính là con của Phật chân thật như ngài La Hầu La ngang bằng không có khác.

Lúc bấy giờ, đại chúng liền nói kệ rằng :

Ông tuy sinh nhân đạo Đã vượt Đệ Lục Thiên

Chúng ta, tất cả chúng Nay cúi đầu mời ông.

Trong người, bậc Tối Thắng Nay sẽ vào Niết Bàn

Ông nên thương đại chúng Xin mau thỉnh Thế Tôn
Ở lâu ở cõi thế Lợi ích chúng không lường.
Diễn nói việc khen trí Pháp cam lộ không trên.
Nếu ông chẳng thỉnh Phật Mạng chúng ta chẳng toàn
Vậy nên ông ứng kiến Cúi thỉnh đức Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, ông Thuận Đà vui mừng hơn hờ, giống như có người cha mẹ chết, làm lễ tang thì bỗng nhiên sống trở lại, ông Thuận Đà vui mừng cũng lại như vậy. Ông lại đứng dậy lễ đức Phật mà nói kệ rằng :

Sướng thay ! Lợi mình được ! Tốt lành được nhân thân
Tiêu trừ tham, sân nhuế... Lìa mãi ác ba đường !
Sướng thay ! Lợi mình được ! Gặp được nhóm báu vàng
Gặp gỡ đáng Điều Ngự Chẳng sợ đọa súc sinh !
Phật như hoa Ưu Đàm Gặp gỡ sanh tin khó
Gặp rồi gieo thiện căn Mãi diệt khổ ngã qui
Cũng lại hay tổn thương A tu la chúng loại.
Hạt cải ném mũi kim Phật ra đời khó vậy !
Con đã đầy đủ Đản (Balamật) Độ người trời sanh tử
Phật chẳng nhiễm thế gian Như hoa sen ở nước
Giỏi đoạn giống đĩnh nước (?) Qua khỏi dòng tử sinh
Sinh đời, làm người khó Gặp đời Phật khó hơn,
Giống như trong biển cả Rùa mù gặp ván lố.

Con nay dâng bữa ăn Nguyễn được Vô thượng báo
Tất cả kết não phiền Triệt phá không kiên cố.
Ở chỗ này, nay con Chẳng cầu thân nhân thiên
Giả sử được thân đó Niềm vui lòng chẳng cam.
Như Lai thọ con cúng Vui mừng không có lường
Như hoa Y Lan đó Phát ra hương Chiên đàn
Thân con như Y Lan Như Lai thọ con cúng
Như tỏa hương Chiên đàn Vậy nên con hoan hỷ.
Con được báo hiện tiền Chỗ thượng diệu tối thắng.
Phạm, Thích và chư Thiên... Đều đến cúng dường con
Tất cả những thế gian Đều sinh đại khổ não.
Do biết Phật Thế Tôn Nay muốn vào Tịch diệt(Niết bàn)
Lớn tiếng xưng lên rằng: Thế gian không Điều Ngự
Chẳng nên bỏ chúng sinh Nên xem như con một.
Như Lai ở trong Tăng Diễn nói pháp Vô thượng
Như Tu Di bảo sơn Ở yên với biển cả.
Trí Phật hay đoạn tan Chúng con vô minh ám
Giống như trong hư không Mây khởi được mát mẻ
Như Lai giải trừ khử Tất cả những não phiền
Giống như mặt trời mọc Trừ mây, sáng khắp cùng.

Hôm nay những sinh chúng Luyện mộ thêm bi thương

Đều bị trôi dạt ở Trong nước khổ tử sinh.

Do vậy nên đức Phật Cho họ dài niềm tin

Vì đoạn khổ sinh tử Ở lâu với thế gian !

Đức Phật bảo ông Thuần Đà rằng :

- Đúng vậy ! Đúng vậy ! Đúng như lời nói của ông ! Phật ra đời khó như hoa Ưu đàm. Gặp được Phật mà sinh lòng tin cũng lại rất khó. Phật sắp Niết Bàn dâng bữa ăn sau cùng để có thể đầy đủ Đàn Balamật lại rất khó bội phần. Nay Thuần Đà ! Ông nay chớ sầu khổ quá ! Ông nên phải hoan hỷ, tự mừng rỡ may mắn sâu sắc là được gặp Như Lai cúng dường lần sau cùng, thành tựu đầy đủ Đàn Balamật ! Ông chẳng nên thỉnh Phật ở lâu với đời ! Ông nay phải quan sát cảnh giới của chư Phật đều là vô thường, tánh tướng các hạnh cũng lại như vậy.

Đức Phật liền vì ông Thuần Đà mà nói kệ rằng :

Tất cả các thế gian Ø Sinh thì đều về tử

Thọ mạng tuy không lường Tất yếu có chung tận.

Thịnh ắt có suy vong Hội họp có ly biệt

Tuổi trẻ chẳng lâu dừng Thịnh sắc bệnh lẩn lướt

Mạng bị thân chết nuốt Không có pháp thường còn.

Các vua được tự tại Thế lực thật vô song

Tất cả đều đời diệt Thọ mạng cũng như trên

Bánh xe khổ không bến Lưu chuyển không nghỉ ngưng

Ba cõi đều vô thường Các hữu chẳng phải lạc (vui)

Tánh tướng hữu các đường Tất cả đều không rỗng
Pháp lưu chuyển hoại tan Thường có những ưu hoạn.
Các lỗi ác kinh hoàng (khủng bố) Già bệnh chết suy não
Là những cái không biên Dễ hoại, oán lẩn lút
Bị phiền não buộc ràng Như tầm ở trong kén
Sao có người tuệ thông Mà phải ưa chỗ đó ?
Thân này khổ đã gom Tất cả đều bất tịnh.
Ung nhọt và buộc ràng... Căn bản không nghĩa lợi
Trên đến thân chư thiên Đều cũng lại như vậy.
Các dục đều vô thường Nên ta chẳng tham trước
Khéo nghĩ lia dục xong Mà chứng pháp chân thật.
Đoạn các “hữu” rốt cùng Hôm nay sẽ Niết Bàn !
Ta qua bờ hữu đó Ra khỏi tất cả khổ
Vậy nên hôm nay đây Chỉ thọ vui thượng diệu !

Lúc bấy giờ, ông Thuần Đà bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đúng vậy ! Đúng vậy ! Quả thật như lời dạy của đức Thánh ! Nay với sở hữu trí tuệ nhỏ nhoi cạn cợt của con giống như con muỗi con ve thì làm sao có thể nghĩ bàn về ý nghĩa thâm áo Niết Bàn của đức Như Lai ? Thưa đức Thế Tôn ! Con nay đã cùng với các đại long tượng Bồ tát Mahatát đoạn hết những kết lậu như ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử.v.v... Thưa đức Thế Tôn ! Ví như đứa trẻ thơ mới được xuất gia, tuy chưa đủ giới mà liền rơi vào tăng số, con cũng như vậy. Do sức thần thông của Phật, Bồ tát nên con được ở vào số đại Bồ tát như vậy. Vậy nên con nay muốn cho đức Như Lai trụ ở đời lâu dài, chẳng vào Niết Bàn. Ví như người

đói nhất định không có gì khác để nhỏ ra, nguyện xin đức Thế Tôn cũng lại như vậy, thường trụ ở đời, chẳng vào Niết Bàn !

Lúc bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử bảo ông Thuần Đà rằng :

- Nay ông Thuần Đà ! Ông nay chẳng nên nói ra lời như vậy, muốn cho đức Như Lai thường trụ ở đời, chẳng vào Niết Bàn như người đói kia không có gì khác để nhỏ ra. Ông nay phải quan sát tánh tướng của các hạnh. Như vậy là quán hạnh cụ không tam muội. Muốn cầu chánh pháp thì ông phải học như vậy.

Ông Thuần Đà hỏi rằng :

- Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Luận về Như Lai thì trên trời, trong loài người ngài là bậc tối tôn, tối thắng. Như vậy thì đâu là hành động của Như Lai vậy ? Nếu là hành động thì là pháp sinh diệt, ví như bọt nước chóng khởi, chóng diệt, qua lại lưu chuyển giống như bánh xe. Tất cả các hành động cũng lại như vậy. Tôi nghe chư thiên thọ mạng rất dài thì sao đức Thế Tôn là đấng Thiên Trung Thiên (ông trời của trời) mà thọ mạng mau quá, chẳng đầy trăm năm ? Ví như thế lực của vị chúa tỵ lạc được tỵ tại. Do lực tỵ tại ông ấy có thể áp chế người khác. Người này hết phước, về sau nghèo hèn bị sự khinh miệt của mọi người, bị người khác sách nhiễu, sai khiến. Sở dĩ vì sao ? Vì mất thế lực. Đức Thế Tôn cũng vậy, đồng với các hành. Nếu người đồng các hành thì chẳng được xưng là đấng Thiên Trung Thiên. Vì sao vậy ? Vì các hạnh tức là pháp sinh tử. Vậy nên, thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Ngài chớ quan sát đức Như Lai đồng với các hành.

Lại nữa, thưa ngài Văn Thù ! Ngài vì biết mà nói hay chẳng biết mà nói rằng, đức Như Lai đồng với các hành. Giả sử đức Như Lai đồng các hành thì chẳng được nói rằng, ở trong ba cõi, đức Như Lai là đấng Pháp Vương Tự Tại Thiên Trung Thiên. Ví như vua loài người có vị đại lực sĩ, sức ông ấy đương đầu được một ngàn người, lại không có ai có thể hàng phục nên xưng lực sĩ này là một người đương cự được ngàn người. Như vậy lực sĩ được sự ái niệm của vua, được vua ban tước lộc, phong thưởng tự nhiên. Cho dù đã được xưng là người đương đầu được ngàn người thì sức người này chưa chắc địch được ngàn người mà họ chỉ dùng đủ thứ khả năng về kỹ nghệ để có thể thắng được ngàn người nên xưng là đương cự ngàn người. Đức Như Lai cũng vậy, ngài hàng phục ma phiền não, ma ám, ma trời, ma chết... Vậy nên đức Như Lai gọi là bậc tôn quý của ba cõi. Như vị lực sĩ kia, một người

đương cự ngàn người. Do nhân duyên này, hoặc thành tựu đầy đủ thứ vô lượng công đức chân thật nên xưng là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri... Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Hôm nay ngài chẳng nên nhớ tưởng phân biệt pháp của đức Như Lai đồng với các hành. Ví như ông trưởng giả giàu to sinh con trai. Thầy tướng chiêm quẻ đũa con có tướng đoản thọ (vắn số). Cha mẹ nghe rồi biết đũa con ấy chẳng gánh vác được sự kế tục nối dõi gia đình nên lại chẳng ái trọng mà xem như cỏ rác. Phàm là người đoản thọ thì chẳng được sự kính niệm của Samôn, Bàlamôn, trai gái, lớn nhỏ.v.v... Giả sử nếu đức Như Lai đồng với các hành thì cũng lại chẳng được sự kính phụng của tất cả thế gian người, trời, chúng sinh. Đức Như Lai đã nói, chẳng biến, chẳng khác, pháp chân thật, cũng không người thọ. Vậy nên, thưa ngài Văn Thù ! Ngài chẳng nên nói rằng, đức Như Lai đồng với tất cả các hành.

Lại nữa, thưa ngài Văn Thù ! Ví như người con gái nghèo không có nhà ở, không người cứu hộ, lại thêm sự bức bách của bệnh khổ, đói khát. Người này du hành xin, dừng ở nhà trọ, sinh nhờ một đũa con trai, bị chủ nhà trọ này xua đuổi đi. Người ấy bế đứa trẻ này muốn đến đất nước khác, nhưng ở giữa đường gặp phải mưa to gió dữ, lạnh khổ đều đến, bị nhiều muỗi, mòng, ong độc, trùng độc bâu cắn. Qua sông Hằng người con gái ấy ẵm con mà lội. Nước sông chảy nhanh mà người ấy chẳng buông con. Đến đây thì mẹ con liền đều chung chết chìm. Như vậy nhờ công đức từ niệm, người con gái sau khi mạng chung, sinh lên cõi trời Phạm. Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Nếu có thiện nam tử muốn hộ chánh pháp thì chớ nói Như Lai đồng với các hạnh hay chẳng đồng với các hạnh mà chỉ phải tự trách rằng, ta nay ngu si chưa có tuệ nhãn, chánh pháp của đức Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Vậy nên chẳng nên tuyên nói đức Như Lai nhất định là hữu vi hay nhất định là vô vi. Nếu người chánh kiến thì nên nói Như Lai nhất định là vô vi. Vì sao vậy ? Vì có thể vì chúng sinh sinh ra thiện pháp, sinh ra thương xót như người con gái nghèo kia ở tại sông Hằng vì nghĩ yêu con mà bỏ thân mạng. Thưa thiện nam tử ! Bồ tát hộ pháp cũng nên như vậy, thà bỏ thân mạng chứ chẳng nói đức Như Lai đồng với hữu vi mà phải nói rằng, đức Như Lai đồng với vô vi. Do nói đức Như Lai đồng với vô vi nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, như người con gái nghèo kia được sinh lên cõi trời Phạm. Vì sao vậy ? Vì hộ pháp vậy. Sao gọi là hộ pháp ? Nghĩa là nói rằng, đức Như Lai đồng với vô vi. Thưa thiện nam tử ! Người như vậy tuy chẳng cầu giải thoát mà giải thoát tự đến, như người con gái nghèo kia chẳng cầu Phạm thiên mà Phạm thiên tự ứng. Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Như người đi xa, giữa đường quá mệt mỏi, ở nhờ nhà người khác, đang nằm ngủ trong nhà thì nhà ấy bỗng nhiên cháy lớn chợt khởi lên. Người ấy tức thời thức dậy liền tự suy nghĩ : “Ta đến hôm nay nhất định chết chẳng nghi ngờ gì !” Còn đủ xấu

hỗ nên người ấy lấy áo buộc thân mình, liền mạng chung sinh lên cõi trời Dao Lợi. Từ đó về sau người ấy tám mươi lần trở lại làm vua trời Đại Phạm, trọn trăm ngàn đời sinh ở trong loài người làm vua Chuyển Luân. Người đó chẳng còn sinh vào ba đường ác, đắp đổi thường sinh vào nơi yên vui. Do duyên này nên thừa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Nếu thiện nam tử có tâm quý thì chẳng nên xem đức Phật đồng với các hạnh ! Thừa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Ngoại đạo tà kiến có thể nói đức Như Lai đồng với hữu vi. Nhưng Tỳkheo giữ giới thì chẳng nên ở chỗ đức Như Lai sinh tư tưởng hữu vi như vậy. Nếu nói rằng, đức Như Lai là hữu vi thì tức là nói dối và phải biết rằng, người này chết phải vào địa ngục như người tự ở nơi nhà cửa của mình. Thừa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Đức Như Lai chân thật là pháp vô vi ! Chẳng nên lại nói là hữu vi vậy. Ngài từ hôm nay, ở trong sinh tử, nên bỏ vô tri mà cầu nơi chánh trí ! Phải biết đức Như Lai tức là vô vi. Nếu người có thể quan sát đức Như Lai như vậy thì sẽ ba mươi hai tướng đầy đủ, mau chóng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác !

Lúc bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử khen ông Thuần Đà rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Nay thiện nam tử ! Hôm nay ông đã tạo tác nhân duyên trường thọ, có thể biết đức Như Lai là pháp thường trụ, pháp chẳng biến dị, pháp vô vi ! Hôm nay ông như vậy là khéo che tướng hữu vi của đức Như Lai như người bị lửa vì xấu hổ nên dùng áo buộc thân. Do thiện tâm đó nên sinh lên trời Dao Lợi, lại được làm Phạm Vương, Chuyển Luân Thánh Vương, chẳng đến đường ác, thường thọ yên vui. Ông cũng như vậy, khéo che tướng hữu vi của đức Như Lai nên ở đời vị lai nhất định sẽ được ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, đầy đủ mười tám pháp bất cộng, thọ mạng không lường, chẳng ở tại sinh tử, thường thọ yên vui, chẳng bao lâu được thành Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Nay ông Thuần Đà ! Đức Như Lai tiếp theo sau, sẽ tự nói rộng rãi ! Tôi cùng với ông đều cũng phải che hữu vi của đức Như Lai. Hữu vi, vô vi vả đặt chung đó, ông có thể tùy lúc mau chóng dâng thí cơm ăn ! Thí như vậy là tối thắng trong các thí ! Nếu Tỳkheo, Tỳkheo ni, ưu bà tặc, ưu bà di đi xa mệt mỏi cực nhọc thì những vật cần dùng nên phải thanh tịnh tùy lúc mà cấp cho họ. Bồ thí nhanh chóng như vậy tức là đầy đủ chủng tử căn bản của Đàn Balamật. Nay ông Thuần Đà ! Nếu ông có lễ dâng thí tối hậu cho đức Phật và Tăng, hoặc nhiều hay ít, hoặc đủ hay chẳng đủ thì nên mau chóng kịp thời ! Đức Như Lai chính lúc bấy giờ sẽ vào Niết Bàn !

Ông Thuần Đà đáp rằng :

- Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Sao hôm nay ngài tham vì bữa ăn này mà nói nhiều, ít đủ cùng chẳng đủ, lệnh cho tôi kịp thời thí ? Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Đức Như Lai ngày xưa, khổ hạnh sáu năm còn tự cố sức ứng phó huống gì là khoản giây lát ngày hôm nay vậy ? Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Ngài hôm nay thật cho là đức Như Lai Chánh Giác thọ bữa ăn ấy sao ? Nhưng tôi thì nhất định biết là thân của đức Như Lai tức là pháp thân, chẳng phải là thân ăn !

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng :

- Đúng vậy ! Đúng vậy ! Đúng như lời nói của ông Thuần Đà ! Hay thay ! Nay Thuần Đà ! Ông đã thành tựu đại trí vi diệu, khéo vào kinh điển Đại Thừa thâm thâm !

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói với ông Thuần Đà rằng :

- Ông cho là Như Lai chính là vô vi thì thân đức Như Lai tức là trường thọ. Nếu tác khởi sự hiểu biết này thì đức Phật được vui lòng ưng ý sao ?

Ông Thuần Đà đáp rằng :

- Đức Như Lai chẳng phải riêng vui lòng ưng ý đối với tôi mà cũng lại vui lòng ưng ý đối với tất cả chúng sinh.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói rằng :

- Đức Như Lai đối với ông và cả với tôi... tất cả chúng sinh đều vui lòng ưng ý hết à ?

Ông Thuần Đà đáp rằng :

- Ngài chẳng nên nói rằng, đức Như Lai vui lòng ưng ý ! Bàn về việc vui lòng ưng ý thì chính là đảo tướng. Nếu có đảo tướng thì chính là sinh tử. Có sinh tử tức là pháp hữu vi ! Vậy nên, thưa ngài Văn Thù ! Ngài chớ cho là Như Lai chính là hữu vi vậy. Nếu nói rằng, đức Như Lai là hữu vi thì tôi cùng ngài đều hành điên đảo. Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Đức Như Lai không có tư tưởng ái niệm ! Bàn về ái niệm thì như con trâu sữa kia ái niệm con của nó nên tuy đói khát đi tìm nước, cỏ hoặc đủ hay chẳng đủ, bỗng nhiên quay trở về. Các đức Phật Thế Tôn không có ý niệm này mà bình đẳng

xem tất cả như ông La Hầu La. Ý niệm như vậy thì tức là cảnh giới trí tuệ của chư Phật. Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Ví như vị quốc vương điều xe ngựa bốn ngựa mà muốn dong ruổi xe lừa khiến cho kịp bằng xe ấy thì không có chỗ này. Tôi cùng ngài cũng lại như vậy, muốn tận tường sự thâm áo vi mật của đức Như Lai thì cũng không có chỗ này. Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Như con chim cánh vàng bay lên hư không cao vô lượng do tuần nhìn xuống biển cả thấy hết các loài thủy tánh như cá, ba ba, con giải, rùa biển, rồng biển... và thấy bóng của mình như đối với gương sáng thấy các sắc tượng. Kẻ phàm phu ít trí chẳng thể trừ lượng sự thấy như vậy. Tôi cùng ngài cũng lại như vậy, chẳng thể trừ lượng (trừ tính đo lường) trí tuệ của đức Như Lai.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói với ông Thuần Đà rằng :

- Đúng vậy ! Đúng vậy ! Đúng như lời nói của ông ! Ta đối với việc này chẳng phải là chẳng thông đạt mà tôi muốn trực tiếp thử thách những việc Bồ tát của ông !

Lúc bấy giờ, từ diện môn của đức Thế Tôn phát ra đủ thứ ánh sáng. Ánh sáng ấy soi sáng thân ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù Sư Lợi gặp ánh sáng ấy rồi thì liền biết việc này mà bảo ông Thuần Đà rằng :

- Đức Như Lai hôm nay hiện tướng điềm đó thì chẳng bao lâu nhất định sẽ vào Niết Bàn. Ông trước đã thiết bày lễ cúng dường tối hậu nên tức thời dâng hiến đức Phật và đại chúng. Nay ông Thuần Đà ! Ông phải biết rằng, đức Như Lai phóng ra đủ thứ ánh sáng đó chẳng phải không có nhân duyên.

Ông Thuần Đà nghe rồi, buồn tê tái lặng lẽ. Đức Phật bảo :

- Nay Thuần Đà ! Việc phụng thí Phật và đại chúng của ông, nay chính là lúc đó ! Như Lai chính lúc ấy sẽ vào Niết Bàn.

Nói lần thứ hai, lần thứ ba cũng lại như vậy. Bấy giờ, ông Thuần Đà nghe lời đức Phật rồi, cất tiếng gào khóc bi thương, nghẹn ngào mà nói rằng :

- Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian trống rỗng !

Lại bạch với đại chúng rằng :

- Chúng con hôm nay, tất cả sẽ cùng gieo năm vóc xuống đất, đồng thanh khuyên đức Phật chớ vào Niết Bàn !

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo ông Thuần Đà :

- Ông chớ gào khóc lớn, tự làm loạn tâm mình ! Ông phải xem thân này giống như cây chuối, như bọt nước nóng lúc sôi, huyễn hóa như thành của Càn thất bà, như đồ đất thô, như ánh chớp, cũng như vữa xuống nước, như người tù sắp chết, như quả chín, như thịt bị chia cắt ra, như chỉ dọc máy dệt hết, như thốt trên, thốt dưới của cối giã... Ông phải quan sát các hạnh giống như đồ ăn tạp độc, pháp hữu vi nhiều những lỗi lầm hoạn nạn !

Đến đây, ông Thuần Đà lại bạch đức Phật rằng :

- Đức Như Lai chẳng muốn ở lâu với đời thì con phải làm sao mà chẳng kêu khóc rằng: Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian trống rỗng ! Nguyện xin đức Thế Tôn thương xót chúng con và các chúng sinh mà ở lâu với đời ! Chớ vào Niết Bàn !

Đức Phật bảo ông Thuần Đà :

- Ông nay chẳng nên phát ra lời nói, thương xót con nên ở lâu với đời như vậy, ta vì thương xót ông và tất cả nên ngày hôm nay muốn vào Niết Bàn. Vì sao vậy ? Vì các Phật pháp vậy ! Hữu vi pháp cũng vậy ! Vậy nên vì các đức Phật mà nói kệ này :

Pháp hữu vi ấy Ø Tính nó vô thường

Sinh rồi chẳng trụ Tịch Diệt vui hơn.

Này Thuần Đà ! Ông nay phải quan sát tất cả hành tạp, các pháp vô ngã, vô thường, chẳng trụ. Thân này có nhiều lỗi hoạn không lường, giống như bọt nước. Vậy nên ông nay chẳng nên khóc gào.

Bấy giờ ông Thuần Đà lại bạch đức Phật rằng :

- Đúng vậy ! Đúng vậy ! Quả đúng như lời dạy của đức Thế Tôn ! Tuy biết đức Như Lai phương tiện thị hiện vào Niết Bàn mà con chẳng thể chẳng ôm ưu não. Nhưng xét lại suy nghĩ của mình thì lại sinh ra mừng vui !

Đức Phật khen ông Thuần Đà :

- Hay thay ! Hay thay ! Ông có thể biết Như Lai thị hiện đồng với chúng sinh mà phương tiện vào Niết Bàn ! Nay Thuần Đà ! Ông nay hãy nghe, như loài chim Ta-la-ta vào tháng xuân dương (dưỡng khí mùa xuân) đều tập hợp chung ở ao A-nậu-đạt đó. Các đức Phật cũng vậy, đều đến chỗ này. Nay Thuần Đà ! Nay ông chẳng nên suy nghĩ các đức Phật trường thọ hay đoản thọ ! Tất cả các pháp đều như tướng của huyễn, đức Như Lai ở trong dùng phương tiện lực, không bị nhiễm trước. Vì sao vậy ? Vì các Phật pháp là vậy. Nay Thuần Đà ! Ta nay thọ sự hiến cúng dường của ông là vì muốn khiến cho ông độ thoát sinh tử và các hữu lậu vậy. Nếu những người, trời đối với sự cúng dường ta lần sau cùng này đều sẽ được quả báo bất động, thường hưởng an vui. Vì sao vậy ? Vì ta là ruộng phước tốt của chúng sinh. Nếu ông muốn vì các chúng sinh tạo tác phước điền thì mau chóng bày biện lễ phụng thí, chẳng nên đình lâu !

Lúc bấy giờ, ông Thuần Đà vì muốn các chúng sinh được độ thoát nên cúi đầu nuốt lệ mà bạch đức Phật rằng : :

- Hay thay ! Thừa đức Thế Tôn ! Nếu khi con đủ sức đảm nhận làm ruộng phước thì có thể rõ biết đức Như Lai Niết Bàn và chẳng phải Niết Bàn. Hôm nay chúng con và các Thanh Văn, Duyên Giác, trí tuệ giống như con muỗi con ve, thật chẳng thể đo lường được Như Lai Niết Bàn và chẳng phải Niết Bàn.

Lúc bấy giờ, ông Thuần Đà và quyến thuộc ưu sầu, gào khóc, vây quanh đức Như Lai, đốt hương, tung hoa, hết lòng phụng kính, rồi liền cùng với Văn Thù đứng dậy mà đi cung cấp, bày biện đồ ăn.

--- o0o ---

PHẨM AI THÁN !

Ông Thuần Đà đi rồi, chưa bao lâu thì lúc đó đất này sáu thứ chấn động... cho đến cõi Phạm cũng lại như vậy. Đất động có hai, hoặc có địa động hoặc đại địa động. Động nhỏ thì gọi là địa động. Động lớn thì gọi là đại địa động. Có tiếng nhỏ thì gọi là địa động. Có tiếng lớn thì gọi là đại địa động. Động riêng đất thì gọi là địa động. Động tất cả núi rừng sông biển thì gọi là đại địa động. Động một hướng thì gọi là địa động. Xoay chuyển khắp cùng thì gọi là đại địa động. Động gọi là địa động. Khi động có thể khiến cho lòng chúng

sinh động gọi là đại địa động. Khi Bồ tát mới từ cõi trời Đâu Suất xuống cõi Diêm phù đề thì gọi là đại địa động. Bồ tát từ sơ sinh xuất gia, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyên bán xe chánh pháp và vào Niết Bàn thì gọi là đại địa động. Ngày hôm nay, đức Như Lai sẽ vào Niết Bàn nên đất này động lớn như vậy. Các trời, rồng, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già, người và chẳng phải người nghe lời nói này rồi thì thân đều nổi da gà, đồng thanh buồn khóc mà nói kệ rằng :

Cúi đầu đáng Điều Ngự Ø Chúng con nay mời khuyên

Xa lìa bậc nhân tiên Mãi không có cứu hộ.

Nay thấy Phật Niết Bàn Chúng con chìm bể khổ

Bi luyến ôm lo buồn Như trâu ghé mắt mẹ.

Không ai cứu bần cùng Giống như người bệnh khốn

Không thầy thuốc tùy lòng Ăn cái chẳng nên ăn

Chúng sinh bệnh phiền não Bị các kiến hại luôn

Xa lìa vua thuốc pháp Uống độc dược tà môn

Vậy nên Phật Thế Tôn Chẳng nên thấy bỏ sót

Như nước không chủ quân (vua) Nhân dân đều cơ cần.

Cũng như vậy, chúng con Mất bóng che, vị pháp (mùi vị pháp)

Nay nghe Phật Niết Bàn Lòng chúng con mê loạn

Như đại địa động rung Mê mất các phương hướng.

Đại tiên vào Niết Bàn Phật nhật (mặt trời Phật) rơi xuống đất

Nước pháp(pháp thủy) đều khô khan Chúng con nhất định chết

Như Lai vào Niết Bàn Chúng sinh rất khổ não

Như con ông trưởng giả Vớ cha mẹ, mới chôn
Như Lai vào Niết Bàn Như con chẳng sống lại.
Chúng sinh và chúng con Đều không người cứu hộ.
Như Lai vào Niết Bàn Cho đến súc sinh loại
Tất cả đều lo buồn Khổ não cháy lòng ấy.
Ngày hôm nay, chúng con Làm sao chẳng sầu não
Như Lai thấy bỏ buông Giống như nhỏ nước bọt.
Như mặt trời mọc lên Ánh sáng rất sáng rõ
Có thể soi lại mình Cũng diệt tất cả tối
Như Lai thần thông quang Hay trừ con khổ não
Ở trong đại chúng đó Ngài như Tu Di Sơn.

Thưa đức Thế Tôn ! Ngài ví như vị quốc vương sinh ra nuôi nấng các con hình mạo đoan chính, lòng thương ái niệm. Trước ngài dạy kỹ nghệ khiến cho chúng đều thông minh linh lợi. Nhiên hậu ngài bỏ họ phó thác cho Chiên đà la. Thưa đức Thế Tôn ! Chúng con ngày hôm nay làm con của vua pháp, nhờ đức Phật dạy bảo đã đủ Chánh kiến, nguyện xin ngài chớ buông bỏ. Như ngài buông bỏ chúng con thì đồng với các vương tử. Nguyện xin đức Phật trụ lại lâu dài, chẳng vào Niết Bàn. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như có người học giỏi các luận, nhưng lại đối với các luận này mà phát sinh kinh sợ. Đức Như Lai cũng vậy, chúng con thông đạt các pháp mà đối với các pháp lại sinh ra kinh sợ. Giả sử nếu đức Như Lai ở lâu với đời, nói vị cam lồ làm sung túc cho tất cả. Như vậy thì chúng sinh chẳng sợ rơi vào địa ngục nữa. Thưa đức Thế Tôn! Ví như có người mới học làm việc bị quan bắt nhốt vào ngục tù. Có người hỏi nó rằng : “Người thợ việc gì ?” Nó đáp : “Tôi nay chịu ưu khổ lớn !” Nếu người ấy được giải thoát thì được yên vui. Đức Thế Tôn cũng vậy, ngài vì chúng con nên tu những hạnh khổ mà nay chúng con còn chưa được khỏi khổ não sinh tử thì làm sao đức Như Lai được hưởng an vui ? Thưa đức Thế Tôn ! Ví như vị y vương giỏi lý giải phương thuốc, thiên (lệch) dùng bí phương (phương thuốc bí mật) dạy trao cho con mình, ngoài

ra chẳng dạy phương thuốc ấy cho người ngoài thọ học. Đức Như Lai cũng vậy, ngài riêng đem pháp tạng bí mật thâm thâm dạy cho một mình ngài Văn Thù, bỏ sót chúng con, chẳng thấy đức Phật đóai hoài thương xót. Đức Như Lai đối với pháp nên không bí mật tiếc rẻ như vị y vương kia thiên lệch dạy cho con mình, chẳng dạy cho người ngoài đến thọ học. Vị y vương sở dĩ chẳng thể dạy khắp là vì tình còn hơn thua nên còn có bí mật tiếc rẻ. Tâm của đức Như Lai nhất định không hơn thua thì vì sao chẳng thấy ngài dạy bảo như vậy ? Nguyên xin đức Như Lai ở lâu với đời chớ vào Niết Bàn ! Thưa đức Thế Tôn ! Ví như người già ít bệnh khổ lia bỏ con đường bằng mà đi vào đường nguy hiểm. Đường hiểm nhiều khó khăn, chịu đủ mọi thứ khổ. Lại có người khác thấy họ mà thương xót liền bày ra con đường bằng phẳng đẹp đẽ. Thưa đức Thế Tôn ! Con cũng như vậy. Sở dĩ nói ít là dụ cho người chưa tăng trưởng pháp thân. Sở dĩ nói già là dụ cho phiền não nặng. Sở dĩ nói bệnh khổ là ví cho chưa thoát khỏi sinh tử. Sở dĩ nói đường hiểm là dụ cho hai mươi lăm cõi. Nguyên xin đức Như Lai bày đường dẫn lối cho chúng con đi vào con đường cam lồ chân chánh. Xin ngài ở lâu với đời, chớ vào Niết Bàn !

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳkheo rằng :

- Này các Tỳkheo ! Các ông chớ như những người, trời.v.v... phàm phu mà lo buồn kêu khóc ! Các ông phải siêng năng tinh tấn ràng buộc lòng vào chánh niệm !

Những trời, người, atula.v.v... nghe lời nói của đức Phật thì dừng lại, chẳng kêu khóc nữa, giống như có người làm đám tang đưa con yêu của mình, đưa đi chôn cất xong rồi, nén lòng đừng chẳng khóc nữa. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì các đại chúng mà nói kệ rằng :

Ý các ông sẽ thông Ø Chẳng nên sầu khổ lắm

Pháp Phật đều vậy nên Các ông phải lặng lẽ

Ưu hạnh chẳng buông lung Giữ lòng ức niệm chánh

Các phi pháp lia xong Tự an ủi thọ lạc.

Lại nữa, này các Tỳkheo ! Nếu các ông có sự nghi hoặc thì hôm nay đều phải hỏi ! Hoặc không hay chẳng không, hoặc thường hay vô thường, hoặc khổ hay chẳng khổ, hoặc nương (y) hay chẳng nương, hoặc đi hay chẳng đi,

hoặc về hay chẳng phải về, hoặc hằng hay chẳng phải hằng, hoặc đoạn hay thường, hoặc chúng sinh hay chẳng phải chúng sinh, hoặc có hay không, hoặc thật hay chẳng thật, hoặc chân hay chẳng chân, hoặc diệt hay chẳng diệt, hoặc mật hay chẳng mật, hoặc hai hay chẳng hai... Trong đủ thứ pháp như vậy.v.v... có điều gì nghi hoặc thì hôm nay nên hỏi han tìm hiểu. Ta sẽ tùy thuận vì các ông đoạn trừ các nghi hoặc đó cho ! Ta cũng sẽ vì các ông trước nói pháp cam lộ rồi nhiên hậu mới sẽ vào Niết Bàn. Nay các Tỳkheo ! Phạt ra đời khó, thân người khó được, gặp Phật sinh niềm tin thì việc này cũng khó, hay nhân là khó, nhân được việc này cũng lại khó, thành tựu cảm giới đầy đủ không khiếm khuyết được quả Alahán thì việc này cũng khó như cầu cát vàng, hoa Ưu đàm bát. Nay các Tỳkheo ! Các ông lìa khỏi tám nạn được thân người là khó. Các ông gặp được ta chẳng nên luống qua ! Ta thuở xa xưa, tu đủ thứ hạnh khổ, nay được phương tiện Vô thượng như vậy. Vì các ông nên trong vô lượng kiếp xả bỏ thân, tay, chân, đầu, mắt, não, tủy... Vậy nên các ông chẳng nên buông lung ! Nay Tỳkheo các ông ! Sao gọi là trang nghiêm ngôi thành báu chánh pháp đầy đủ các thứ công đức trân bảo ? - Dùng Giới, Định và Trí tuệ làm tường vách, hào nước ! Các ông hôm nay gặp được ngôi thành báu Phật pháp này thì chẳng nên chọn lấy vật hư nguy này ! Ví như vị thương chủ gặp được ngôi thành trân bảo mà chọn lấy những sành sỏi đem về nhà. Các ông cũng như vậy, gặp được ngôi thành báu mà chọn lấy vật hư nguy. Nay Tỳkheo ! Các ông chớ vì hạ tâm mà sinh ra biết đủ ! Các ông hôm nay tuy được xuất gia nhưng đối với Đại Thừa này chẳng phát sinh tham mộ. Nay các Tỳkheo ! Các ông tuy thân được mặc cà sa nhiệm y nhưng lòng còn chưa nhiễm pháp Đại Thừa thanh tịnh. Nay các Tỳkheo ! Các ông tuy đi khát thực trải qua nhiều nơi nhưng trước hết chưa từng cầu pháp thực Đại Thừa. Nay các Tỳkheo ! Các ông tuy cạo bỏ râu tóc nhưng chưa vì chánh pháp trừ bỏ các kết sử. Nay các Tỳkheo ! Hôm nay ta sẽ chân thật dạy bảo các ông ! Ta nay hiện tại đại chúng hòa hợp, pháp tính của Như Lai chân thật chẳng điên đảo. Vậy nên các ông cần phải tinh tấn nhiếp lấy tâm, dũng mãnh tiêu diệt các kết sử. Mặt trời tuệ mười lực ẩn mất rồi nên các ông sẽ bị sự che phủ của vô minh. Nay các Tỳkheo ! Ví như đất đai, các núi, thảo dược được chúng sinh sử dụng. Pháp của ta cũng vậy, sinh ra vì pháp cam lộ diệu thiện mà làm thuốc hay chữa đủ thứ bệnh phiền não của chúng sinh. Ta nay sẽ khiến cho tất cả chúng sinh và các con của ta, bốn bộ chúng, đều an trụ trong bí mật tạng. Ta cũng lại sẽ an trụ trong đó mà vào Niết Bàn. Những gì gọi là bí mật tạng ? Giống như chữ y 𑖦, ba điểm nếu bằng thì chẳng thành y, dọc cũng chẳng thành (?). Như ba mắt trên mặt của Ma Ê Thủ La mới được thành y. Ba điểm nếu khác biệt cũng chẳng được thành. Ta cũng như vậy, pháp giải thoát cũng chẳng phải Niết Bàn, thân Như Lai cũng chẳng phải Niết Bàn, Maha Bát Nhã cũng chẳng phải Niết Bàn. Ba

pháp đều khác, cũng chẳng phải Niết Bàn. Ta nay an trụ ba pháp như vậy vì chúng sinh nên gọi là vào Niết Bàn, như chữ y của đời.

Lúc bấy giờ, các vị Tỳkheo nghe đức Phật Thế Tôn nhất định sẽ Niết Bàn đều lo buồn, thân nổi da gà, rơi nước mắt chan hòa, cúi đầu dưới chân đức Phật, nhiễu quanh vô lượng vòng, bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con thích nói về Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như, trong dấu chân của tất cả chúng sinh thì dấu chân voi là trên. Vô thường tướng này cũng lại như vậy, ở trong các tướng, nó là tối đệ nhất. Nếu có người tinh cần tu tập thì có thể trừ được tất cả tham ái của dục giới ái, vô minh, kiêu mạn và vô thường tướng của sắc giới, vô sắc giới. Thưa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai nếu lìa khỏi vô thường tướng thì hôm nay chẳng nên vào Niết Bàn. Nếu chẳng lìa khỏi thì sao nói rằng, tu vô thường tướng thì lìa khỏi ái, vô minh, kiêu mạn và vô thường tướng của ba cõi. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như nhà nông vào thời tiết tháng mùa thu, cày sâu đất của mình thì có thể trừ hết cỏ xấu. Vô thường tướng này cũng lại như vậy, có thể trừ tất cả tham ái của Dục giới, ái, vô minh, kiêu mạn và vô thường tướng của Sắc giới và Vô sắc giới. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như cày ruộng thì cày vào mùa thu là thượng sách, như trong các dấu chân thì dấu chân voi là to nhất, ở trong các tướng thì vô thường tướng là trên hết. Thưa đức Thế Tôn! Ví như vị đế vương biết mạng mình sắp hết nên ân xá cho thiên hạ. Những người bị ngục tù, trói buộc, giam giữ đều khiến cho giải thoát. Nhiên hậu nhà vua mới bỏ mạng. Đức Như Lai hôm nay cũng nên như vậy. Ngài độ cho các chúng sinh, những kẻ vô tri, vô minh, bị trói buộc giam giữ đều khiến cho giải thoát, rồi nhiên hậu vào Niết Bàn. Chúng con hôm nay đều chưa được độ thì làm sao đức Như Lai lại muốn buông bỏ mà vào Niết Bàn ? Thưa đức Thế Tôn ! Ví như có người bị quỷ ám (nắm giữ) gặp được thầy bùa chú giỏi. Nhờ sức chú nên họ liền được trừ bớt. Đức Như Lai cũng vậy, vì các Thanh Văn trừ quỷ vô minh, khiến cho được an trụ ở pháp Đại Bát Nhã giải thoát.v.v... như chữ thế y (?). Thưa đức Thế Tôn ! Ví như con hương tượng (một loài voi) bị người bắt trói. Tuy có thầy giỏi nhưng chẳng thể cấm chế, nó phá tan kèm tủa mà đi theo ý của mình. Chúng con chưa thoát khỏi năm mươi bảy phiền não trói buộc mà sao đức Như Lai liền muốn buông bỏ, vào với Niết Bàn ? Thưa đức Thế Tôn ! Như người bị bệnh sốt rét gặp được thầy thuốc giỏi thì sự khổ được trừ tiêu. Chúng con cũng như vậy, có nhiều những khổ hoạn, tà mạng, nhiệt bệnh... tuy gặp được đức Như Lai, nhưng bệnh chúng con chưa trừ khỏi, chưa được thường lạc yên ổn vô thượng thì sao đức Như Lai liền muốn buông bỏ mà vào với Niết Bàn. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như người say rượu chẳng tự hay biết, chẳng nhận

thức được thân sơ, mẹ, con gái, chị em... mà mê mang dâm loạn, nói năng buông thả, nằm trong chỗ bất tịnh. Có thầy giỏi cho thuốc bảo uống. Uống xong, người ấy nữa ra, trở lại tự nhớ biết, lòng mang xấu hổ, tự khắc phục quả trách sâu sắc. Rượu là cội rễ của các ác, bất thiện, nếu có thể đoạn trừ thì xa được mọi tội lỗi. Thưa đức Thế Tôn ! Con cũng như vậy, từ xưa đến nay luân chuyển trong sinh tử, đắm say tình sắc, ham thích ngũ dục, chẳng phải mẹ tưởng mẹ, chẳng phải chị tưởng chị, chẳng phải con gái tưởng con gái, với chẳng phải chúng sinh sinh ra chúng sinh tưởng. Vậy nên luân chuyển chịu khổ sinh tử như người say kia nằm trong bất tịnh. Đức Như Lai hôm nay sẽ bố thí cho con thuốc pháp, khiến cho con trở lại nữa ra rượu ác phiền não mà con chưa được tâm tỉnh thức thì sao đức Như Lai liền muốn buông bỏ, vào với Niết Bàn. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như có người khen cây chuối là chắc thật thì không có chỗ này. Thưa đức Thế Tôn ! Chúng sinh cũng vậy, nếu khen ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, dưỡng dục, tri kiến, tác giả, thọ giả... là chân thật thì cũng không có chỗ đó ! Chúng con tu vô ngã tưởng như vậy. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như nước uống cạn đục không ai lại dùng. Thân này cũng vậy, vô ngã, vô chủ. Thưa đức Thế Tôn ! Như hoa bầy cánh không có mùi hương. Thân này cũng vậy, vô ngã, vô chủ. Chúng con như vậy lòng thường tu tập vô ngã tưởng. Như đức Phật đã nói, tất cả các pháp không ngã và ngã sở, các Tỳkheo nên thường tu tập. Tu tập như vậy rồi thì trừ được ngã mạn. Lìa ngã mạn rồi thì liền vào Niết Bàn. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như dấu vết chim ở trong hư không hiện ra thì không có chỗ này ! Có thể tu tập vô ngã tưởng mà có các kiến thì cũng không có chỗ này !

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen các Tỳkheo rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Các ông giỏi có thể tu tập vô ngã tưởng !

Các vị Tỳkheo liền bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Chúng con chẳng những chỉ tu tập vô ngã tưởng mà cũng lại tu tập các tướng khác nữa ! Như là khổ tướng, vô thường tướng.v.v... Thưa đức Thế Tôn ! Ví như người say rượu, lòng họ mê loạn, nhìn thấy những núi sông, thành quách, cung điện, mặt trời, mặt trăng, tinh tú... đều xoay chuyển. Thưa đức Thế Tôn ! Nếu có người chẳng tu tập khổ tướng, vô thường tướng, vô ngã tướng.v.v... thì người như vậy chẳng gọi là Thánh mà nhiều những buông lung, lưu chuyển sinh tử. Thưa đức Thế Tôn ! Do nhân duyên này nên chúng con khéo tu tập những tướng như vậy.

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳkheo rằng :

- Hãy lắng nghe ! Lắng nghe ! Các ông hướng về sự dẫn dụ người say rượu. Các ông chỉ biết nó về mặt văn tự, chưa đạt đến ý nghĩa của ví dụ ấy. Như người say rượu kia thấy, mặt trời mặt trăng ở trên, thật sự chẳng phải xoay chuyển mà sinh ra tưởng xoay chuyển. Chúng sinh cũng vậy, họ bị các phiền não, vô minh che phủ nên sinh ra lòng điên đảo : Ngã cho là vô ngã, thường cho là vô thường, tịnh cho là bất tịnh, vui cho là khổ...Do bị sự che phủ của phiền não nên tuy sinh ra tưởng này nhưng chẳng đạt được ý nghĩa của chúng, như người say rượu kia đối với việc chẳng phải xoay chuyển mà sinh tưởng chuyển. Ngã tức là Phạt nghĩa, thường tức là pháp thân nghĩa, lạc tức là Niết Bàn nghĩa, tịnh tức là pháp nghĩa. Này các Tỳkheo ! Vì sao mà nói rằng, có ngã tưởng thì kiêu mạn, cống cao, lưu chuyển sinh tử ? này các ông ! Nếu nói rằng, ngã cũng tu tập vô thường tưởng, khổ tưởng, vô ngã tưởng thì ba thứ tu này không có thật nghĩa. Ta nay sẽ nói ba pháp tu thù thắng. Khổ thì cho là vui, vui thì cho là khổ đó là pháp điên đảo. Vô thường cho là thường, thường cho là vô thường đó là pháp điên đảo. Vô ngã cho là ngã, ngã cho là vô ngã đó là pháp điên đảo. Bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh đó là pháp điên đảo. Có bốn pháp điên đảo như vậy thì người này chẳng biết chánh tu các pháp. Này Tỳkheo các ông ! Ở trong pháp khổ mà sinh ra lạc tưởng; ở trong vô thường mà sinh ra thường tưởng; ở trong vô ngã mà sinh ra ngã tưởng; ở trong bất tịnh mà sinh ra tịnh tưởng. Thế gian cũng có Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, xuất thế gian cũng có Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Pháp thế gian thì có chữ không có nghĩa. Pháp xuất thế gian thì có chữ, có nghĩa. Vì sao vậy ? Vì pháp thế gian có bốn điên đảo nên chẳng biết nghĩa. Sở dĩ vì sao? Vì có tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Do ba điên đảo nên người thế gian trong vui thấy khổ, trong thường thấy vô thường, trong ngã thấy vô ngã, trong tịnh thấy bất tịnh. Đó gọi là điên đảo. Do điên đảo nên thế gian biết chữ mà chẳng biết nghĩa. Những gì là nghĩa ? - Vô ngã tức là sinh tử, ngã tức là Như Lai. Vô thường là Thanh Văn, Duyên Giác, thường là pháp thân của Như Lai. Khổ là tất cả ngoại đạo, lạc tức là Niết Bàn. Bất tịnh tức là pháp hữu vi, tịnh là chánh pháp sở hữu của các đức Phật Bồ tát. Đó gọi là chẳng điên đảo. Do chẳng điên đảo nên biết chữ, biết nghĩa. Nếu người muốn xa lìa bốn điên đảo thì nên biết Thường - Lạc - Ngã - Tịnh như vậy.

Các vị Tỳkheo bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như đức Phật đã nói, lìa bốn điên đảo thì được biết rõ Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, đức Như Lai hôm nay vĩnh viễn không có bốn điên đảo thì đã rõ biết Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Nếu đã rõ biết Thường -

Lạc - Ngã - Tịnh thì vì sao đức Như Lai chẳng trụ một kiếp hay nửa kiếp để dạy bảo, dẫn đường chúng con khiến cho chúng con lìa khỏi bốn điên đảo mà lại buông bỏ chúng con, muốn vào Niết Bàn. Đức Như Lai nếu đoái hoài nghĩ đến, dạy bảo thì chúng con sẽ hết lòng, thọ lĩnh để tu tập. Đức Như Lai nếu phải vào Niết Bàn thì chúng con làm sao cùng với tấm thân độc hại này đồng chung dừng ở tu tập phạm hạnh ? Chúng con cũng sẽ theo đức Phật Thế Tôn vào với Niết Bàn !

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳkheo rằng :

- Các ông chẳng nên nói ra lời như vậy ! Chánh pháp vô thượng sở hữu của ta hôm nay đều đem phú chúc cho ông Ma Ha Ca Diếp. Ông Ca Diếp này sẽ vì các ông làm đại y chỉ, giống như Như Lai vì các chúng sinh làm chỗ y chỉ. Ông Ma Ha Ca Diếp cũng lại như vậy, sẽ vì các ông làm chỗ y chỉ. Ví như vị đại vương thống lĩnh nhiều việc. Nếu khi đi tuần du thì đem hết việc nước phú chúc cho vị đại thần. Như Lai cũng vậy, cũng đem chánh pháp sở hữu mà phú chúc cho ông Ma Ha Ca Diếp. Các ông phải biết, trước tiên việc tu tập Vô thường tướng, Khổ tướng chẳng phải là chân thật. Ví như vào mùa xuân có những người ở tại ao lớn, tắm rửa, ngồi thuyền dạo chơi, làm rớt báu lưu ly chìm sâu trong nước. Lúc đó, mọi người đều cùng vào trong nước tìm kiếm bảo vật này. Họ đua nhau bắt lấy ngói, đá, cỏ cây, cát sỏi mà mỗi mỗi đều tự cho là được ngọc lưu ly, vui mừng mang ra khỏi nước, mới biết chẳng phải thật. Lúc đó ngọc báu còn ở trong nước, do sức của ngọc nên nước đều lắng trong. Đến đây, đại chúng mới thấy ngọc báu còn ở dưới nước giống như ngược xem hình dáng vàng trắng trong hư không. Lúc đó, trong chúng có một người trí dùng sức phương tiện, từ từ vào trong nước, liền lấy được ngọc. Nay Tỳkheo ! Các ông chẳng nên như vậy tu tập Vô thường tướng, Khổ tướng, Vô ngã tướng, Bất tịnh tướng.v.v... mà lấy làm thật nghĩa, như những người kia đều lấy ngói, đá, cỏ cây, cát sỏi mà làm ngọc báu. Các ông cần phải giỏi học phương tiện để tại khắp nơi nơi luôn luôn tu tập Ngã tướng, Thường tướng, Lạc tướng, Tịnh tướng. Các ông lại cần phải biết trước tiên việc tu tập là tướng mạo của bốn pháp đều là điên đảo. Người muốn được chân thân tu các tướng thì phải như người trí kia, khéo léo tìm ra ngọc báu, gọi là Ngã tướng, Thường tướng, Lạc tướng, Tịnh tướng.

Lúc bấy giờ, các vị Tỳkheo bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như đức Phật trước đã nói, các pháp vô ngã, các ông phải tu học, tu học đó rồi thì lìa khỏi ngã tướng, lìa khỏi ngã tướng thì lìa kiêu mạn, lìa kiêu mạn thì được vào Niết Bàn. Đó là ý nghĩa ra sao ?

Đức Phật bảo các Tỳkheo rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Hôm nay, các ông có thể hỏi han ý nghĩa này là đã tự đoạn nghi hoặc rồi. Ví như vị quốc vương tối tăm, đần độn, ít trí có một người thầy thuốc, tính khí lại ngang ngạnh tự đắc mà nhà vua chẳng riêng ban cho bổng lộc hậu. Ông ấy trị liệu mọi bệnh thuần dùng thuốc sữa, cũng lại chẳng biết căn nguyên của sự khởi bệnh. Tuy ông biết thuốc sữa nhưng lại chẳng khéo giải trừ bệnh phong lãnh nhiệt (cảm sốt). Tất cả các bệnh ông đều dạy uống sữa. Vị vua này chẳng phân biệt được vị thầy thuốc đó biết sữa tốt xấu, lành dữ. Lại có vị thầy thuốc sáng suốt, thông hiểu tám thứ thuật, giỏi trị liệu mọi bệnh, biết các phương thuốc, từ phương xa đến. Lúc đó người thầy thuốc cũ chẳng biết học hỏi, trái lại sinh lòng cống cao, khinh mạn. Lúc đó vị thầy thuốc sáng suốt liền cận kề thỉnh làm thầy, hỏi han pháp bí ảo của y phương và nói với người thầy thuốc cũ rằng : “Tôi nay thỉnh ngài làm sư phạm ! Nguyện xin ngài vì tôi tuyên xướng, giải nói !”. Người thầy thuốc cũ đáp rằng : “Ông nay nếu có thể làm kẻ sai bảo cho ta bốn mươi tám năm thì nhiên hậu ta mới sẽ dạy cho ông y pháp !” Lúc đó vị thầy thuốc sáng suốt liền nhận lời dạy ấy mà nói rằng : “Tôi sẽ như vậy ! Tôi sẽ như vậy ! Tùy theo sở năng của tôi, tôi sẽ cung cấp và chịu sự sai khiến của ngài”. Lúc đó, người thầy thuốc cũ liền đem vị khách y cùng vào yết kiến nhà vua. Lúc đó vị khách y liền vì nhà vua nói đủ thứ y phương và các kỹ nghệ khác rằng : “Thưa Đại vương ! Ngài phải biết rằng, nên khéo phân biệt : pháp này như vậy có thể dùng trị nước ! Pháp này như vậy có thể dùng chữa bệnh !”. Bấy giờ, vị quốc vương nghe lời nói này rồi mới biết người thầy thuốc cũ si ám vô trí nên liền đuổi đi, lệnh cho ra khỏi quốc giới, rồi nhiên hậu cung kính vị khách y bội phần. Khi đó vị khách y tác khởi ý niệm rằng : “Muốn giáo hóa nhà vua thì hôm nay chính là lúc”. Ông liền nói với nhà vua rằng : “Thưa Đại vương ! Đối với tôi nếu ngài thật sự ái niệm thì tôi sẽ yêu cầu ngài một nguyện vọng”.

Nhà vua liền đáp rằng :

- Từ vai phải này và bộ phận khác của thân thể, theo ý cầu xin của ông, tôi đều cho tất cả.

Vị khách y đó nói rằng :

- Nhà vua tuy hứa cho tôi tất cả bộ phận thân thể, nhưng tôi chẳng dám có sự cầu xin nhiều. Việc cầu xin của tôi hôm nay là, nguyện xin đức vua

truyền lệnh cho tất cả trong nước, từ nay về sau chẳng được uống thuốc sữa của vị thầy thuốc cũ. Sở dĩ vì sao ? Vì thuốc đó độc hại gây nhiều thương tổn. Nếu ai còn uống thì sẽ chết đầu. Đoạn dứt thuốc sữa rồi, nhất định không có người chết oan uống nữa mà thường sống yên vui nên tôi cầu xin nguyện vọng đó !

Nhà vua đáp rằng :

- Sự cầu xin của ông chừng như chẳng đủ lời !

Nhà vua liền vì ông ấy tuyên lệnh cho tất cả trong nước, phàm những người bệnh đều chẳng được phép lấy sữa làm thuốc. Nếu ai lấy nó làm thuốc thì sẽ bị chặt đầu.

Lúc bấy giờ, vị khách y hòa hợp mọi thứ thuốc, như là các vị cay, đắng, mặn, ngọt, chua.v.v... để trị liệu mọi bệnh thì không bệnh gì chẳng khỏi. Sau đó chẳng bao lâu, nhà vua lại bị bệnh, liền ra lệnh cho vị thầy thuốc này : “Ta nay bệnh khôn phải điều trị làm sao ?” Vị thầy thuốc xem bệnh nhà vua rồi thấy nên dùng thuốc sữa, liền tâu với vua rằng :

- Như theo bệnh của nhà vua thì cần phải uống sữa. Việc đoạn dứt thuốc sữa lúc trước của tôi là chẳng phải lời nói thật. Hôm nay, nếu ngài uống thì bệnh rất có thể trừ được bệnh. Bệnh nóng sốt của nhà vua hôm nay chính nên uống sữa !

Nhà vua nói với vị thầy thuốc rằng :

- Ông nay điên hay sao ? Bị bệnh sốt ư ? Mà nói uống sữa có thể trừ được bệnh này. Trước đây ông bảo là độc, nay sao lại bảo uống ? Muốn lừa dối ta sao ? Thầy thuốc trước khen sữa, còn ông cho rằng nó độc, khiến ta đuổi ông ấy đi. Hôm nay ông lại cho rằng sữa rất tốt có thể trừ bệnh. Như lời nói của ông thì người thầy thuốc cũ của ta nhất định là hơn ông.

Lúc đó vị khách y lại nói với vua rằng :

- Nhà vua nay chẳng nên nói lời như vậy ! Như loài trùng ăn gỗ tạo thành chữ thì loài trùng này chẳng biết là chữ hay chẳng phải chữ. Kẻ trí thấy chữ đó chẳng cho rằng loài trùng này hiểu được chữ, cũng chẳng kinh ngạc, quái lạ. Đại vương phải biết, vị cựu y cũng vậy, ông chẳng phân biệt được các bệnh mà đều cho thuốc sữa như đường ăn gỗ của loài trùng kia ngẫu nhiên

thành chữ. Vị cựu y lúc trước này chẳng hiểu biết sự tốt xấu thiện ác của thuốc sữa.

Nhà vua hỏi rằng :

- Sao gọi là chẳng hiểu biết ?

Vị khách y đáp nhà vua rằng :

- Thuốc sữa đó cũng là độc hại, cũng là cam lộ. Sao gọi sữa đó là cam lộ ? Nếu con trâu lấy sữa này chẳng ăn cặn rượu, cỏ trụi, rơm rạ, ghé con của nó điều phục, thuần tính, bãi chăn thả chẳng ở tại vùng cao, cũng chẳng ở dưới thấp ẩm ướt, uống bằng nước trong, chẳng dong ruổi đuổi chạy, chẳng cho trâu ghé ở chung bầy, ăn uống điều hòa thích hợp, đi đứng được chỗ thì sữa của con trâu như vậy có thể trừ các bệnh. Sữa đó gọi là cam lộ diệu dược. Trừ loại sữa đó ra, còn tất cả đều gọi là độc hại.

Bấy giờ, vị đại vương nghe lời nói đó rồi liền khen rằng :

- Nay đại y (vị thầy thuốc lớn) ! Hay thay ! Hay thay ! Ta từ ngày hôm nay, mới biết được sự thiện ác, tốt xấu của thuốc sữa.

Nhà vua liền uống thuốc sữa và bệnh được trừ khỏi, tức thời tuyên lệnh cho tất cả trong nước từ nay về sau phải uống thuốc sữa. Quốc dân nghe lệnh đó đều sinh ra sân hận, đều nói với nhau rằng : “Nhà vua hôm nay bị quỷ ám hay bị điên rồi sao mà lừa gạt chúng ta lại ra lệnh uống sữa”. Tất cả nhân dân đều ôm lòng sân hận, đều tập hợp ở chỗ vua. Nhà vua nói rằng :

- Các người chẳng nên đối với ta mà sinh ra sân hận ! Như thuốc sữa này uống hay chẳng uống đều là thầy thuốc dạy, chẳng phải là lỗi của ta !

Lúc bấy giờ, đại vương cùng những nhân dân nhảy nhót vui mừng cung kính cúng dường bội phần vị thầy thuốc đó. Tất cả người bệnh đều uống thuốc sữa, bệnh đều trừ khỏi hết.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay Tỳkheo ! Các ông phải biết rằng, Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hành Túc Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn cũng lại như vậy, là Đại Y vương xuất

hiện ở thế gian, hàng phục tất cả ngoại đạo, tà y, ở trong bốn chúng xướng lên như vậy : “Ta là Y vương !” Ta muốn hàng phục ngoại đạo nên xướng lên rằng : “Không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ mạng, không dưỡng dục, không tri kiến, không tác giả, không thọ giả”. Này các Tỳkheo ! Các ông phải biết, lời nói của các ngoại đạo này về ngã như loài trùng ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ vậy. Vậy nên Như Lai, ở trong Phật pháp xướng rằng, vô ngã là vì điều phục chúng sinh, vì biết thời. Vô ngã như vậy là có nhân duyên nên ta cũng nói hữu ngã, như vị thầy thuốc giỏi kia giỏi biết sữa là thuốc, là chẳng phải thuốc, chẳng phải như việc cho có ngô ngã của kẻ phàm phu. Việc cho là Ngã của kẻ phàm phu ngu muội thì hoặc có người nói rằng, lớn như ngón tay cái, hoặc như hạt cải, hoặc như vi trần. Như Lai nói về Ngã đều chẳng như vậy. Vậy nên nói rằng, các pháp vô ngã, thật ra chẳng phải vô ngã. Cái gì là Ngã ? Nếu pháp là thật là chân, là thường, là chủ, là y tính chẳng biến dị thì đó gọi là Ngã. Như vị Đại y kia giỏi lý giải thuốc sữa, Như Lai cũng vậy, vì các chúng sinh nên nói trong các pháp chân thật có Ngã. Bốn chúng các ông cần phải tu tập pháp này như vậy.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ hai hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 3

PHẨM TRƯỜNG THỌ (SÔNG LÂU)

PHẦN IX :

Đức Phật lại bảo các vị Tỳ kheo rằng :

- Các ông đối với giới luật có điều gì nghi hoặc thì hôm nay cho các ông hỏi tùy thích. Ta sẽ giải nói khiến cho vui lòng các ông ! Ta đã tu học bản tính của tất cả các pháp không tịch, tỏ rõ thông đạt. Này Tỳ kheo ! Các ông chớ

cho là Như Lai chỉ tu bản tính không tịch của các pháp - Đức Phật lại bảo -
Này các Tỳ kheo ! Nếu đối với giới luật có điều gì nghi hoặc thì hôm nay
đều có thể hỏi !

Các vị Tỳ kheo bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Chúng con không có trí tuệ mà có thể hỏi đức Như Lai
Ứng Cúng Chánh Biến Tri ? Sở dĩ vì sao ? Vì cảnh giới của đức Như Lai
chẳng thể nghĩ bàn, sở hữu các định chẳng thể nghĩ bàn, lời diễn nói dạy răn
chẳng thể nghĩ bàn... Vậy nên chúng con không có trí tuệ mà có thể hỏi đức
Như Lai ? Thưa đức Thế Tôn ! Ví như một ông lão một trăm hai mươi tuổi,
thân bị bệnh đã lâu, nằm liệt giường chiếu, chẳng thể trở dậy, khí lực hư liệt,
mạng còn không bao lâu. Có một người giàu có nhân có việc sắp phải đi đến
địa phương khác, đem một trăm cân vàng gửi cho ông lão đó mà nói rằng :
“Tôi nay đi nơi khác, đem vật báu này gửi nhờ ông giữ, hoặc trải qua mười
năm hay hai mươi năm, việc xong sẽ trở về. Khi về ông giao lại cho tôi !”
Ông lão bệnh này liền nhận sự gửi gắm đó mà ông lão này lại không có
người nối dõi. Sau đó chẳng bao lâu bệnh nặng mạng chung, vật đã gửi đều
tan mất, tài chủ đi trở về tìm đòi không có. Như vậy kẻ ngu si chẳng biết trừ
tính chỗ có thể gửi gắm nên khi đi trở về tìm đòi không được. Vì nhân duyên
này nên thất thoát của báu. Thưa đức Thế Tôn ! Thanh Văn chúng con cũng
lại như vậy, tuy nghe đức Như Lai ân cần dạy giới (cấm) nhưng chẳng có thể
thọ trì, khiến cho được trụ lâu dài giống như ông lão kia nhận sự ký thác của
người khác. Chúng con nay vô trí đối với các giới luật thì sẽ hỏi điều gì đây
?

Đức Phật dạy :

- Này Tỳ kheo ! Các ông hôm nay nếu hỏi ta thì có thể lợi ích cho tất cả
chúng sinh. Vậy nên ta bảo các ông có những nghi hoặc gì thì các ông cứ
mặc lòng mà hỏi !

Các vị Tỳ kheo bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Ví như có người năm hai mươi lăm tuổi, trẻ trung
đoan chính, có nhiều của báu, vàng bạc, lưu ly... cha mẹ, vợ con, quyến
thuộc, thân thích đều còn đủ. Có người đến gửi cho ông ấy vật báu và nói
với người ấy rằng : “Tôi có duyên sự sắp đi đến xứ khác, việc xong sẽ trở
về, khi trở về ông đưa lại cho tôi”. Lúc đó chàng trai trẻ giữ hộ vật báu đó
như vật sở hữu của mình. Người ấy bị bệnh liền bảo với gia thuộc rằng, số

kim bảo này là của người khác gửi, nếu họ đến đòi thì đều trả lại hết cho họ. Kẻ trí giỏi biết trừ lượng như vậy nên đi trở về đòi vật đều được hết, không mất mát gì. Đức Thế Tôn cũng vậy, nếu đem pháp bảo phú chúc cho A Nan và các Tỳ kheo thì chẳng được tồn tại lâu dài (cửu trụ). Vì sao vậy ? Vì tất cả Thanh Văn và cả Đại Ca Diếp đều phải vô thường như ông lão kia nhận vật gửi của người khác. Vậy nên đức Thế Tôn nên đem Phật pháp vô thường phó thác cho các vị Bồ tát. Do các vị Bồ tát giỏi có thể vấn đáp nên pháp bảo như vậy được tồn tại lâu dài hàng vô lượng ngàn đời làm tăng thêm sự lợi an thịnh vượng cho chúng sinh như người trai trẻ kia nhận vật ký gửi của người khác. Do ý nghĩa này nên các vị đại Bồ tát mới có thể hỏi vậy. Trí tuệ của chúng con giống như của con muỗi, con ve thì làm sao có thể thỉnh vấn thâm pháp của đức Như Lai?

Các vị Thanh Văn lặng lẽ mà trụ. Bấy giờ đức Phật khen các vị Tỳ kheo rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Các ông hoàn thiện được tâm vô lậu, tâm Alahán ! Ta cũng từng suy nghĩ về hai cái duyên này nên đem Đại Thừa giao phó cho các vị Bồ tát để khiến cho diệu pháp trụ lâu dài ở đời.

Bấy giờ, đức Phật bảo tất cả đại chúng rằng :

- Nay các thiện nam tử ! Các thiện nữ nhân ! Thọ mạng của ta chẳng thể xưng lường, biện tài lạc thuyết cũng chẳng thể bàn hết ! Các người nên có thể tùy ý hỏi han, hoặc giới (cấm), hoặc qui (về)... lần hai, lần ba cũng lại như vậy...

Lúc bấy giờ, trong chúng có một đồng tử Đại Bồ tát, chính là dòng họ Bàlamôn của tụ lạc Đala tên là Đại Ca Diếp. Do thần lực đức Phật, ông liền đứng dậy, trật áo vai phải, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, quì gối phải xuống đất, chấp tay hướng về đức Phật mà bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con hôm nay muốn thỉnh vấn đôi điều, nếu đức Phật cho phép thì con mới dám nói !

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cho ông mặc tình hỏi han ! Ta sẽ vì ông giảng nói để đoạn dứt sự nghi hoặc của ông, khiến cho ông hoan hỷ.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai thương xót đã rủ lòng hứa cho thì nay con sẽ hỏi. Nhưng trí tuệ sở hữu của con nhỏ nhoi như của con muỗi, con ve mà đạo đức của Như Lai Thế Tôn thì lồng lộng thuần bằng chiêm đàn sư tử khó điều phục với chúng chẳng thể hoại làm quyến thuộc. Thân đức Như Lai giống như chơn Kim cương, sắc như lưu ly chân thật khó hoại. Ngài lại được sự vây quanh của biển đại trí tuệ như vậy. Trong chúng hội này, các vị Đại Bồ tát Mahatát đều thành tựu vô lượng vô biên công đức thâm diệu giống như loài hương tượng. Ở trước những đại chúng như vậy con đâu dám phát vấn. Nhưng vì phải thừa sức thần thông của đức Phật và nhờ uy đức thiện căn của đại chúng, con có đôi điều hỏi han vậy.

Ông liền ở trước đức Phật, dùng kệ hỏi rằng :

Sao gọi được trường thọ Thân chẳng hoại Kim cương ?

Do nhân duyên nào đó Được đại lực vững bền ?

Vì sao với Kinh ấy Đến bờ kia rốt cùng ?

Nguyện Phật mở vi mật Vì chúng sinh tuyên dương !

Sao gọi được rộng lớn Vì chúng tạo dựng nương ?

Thật chẳng phải La Hán So cùng La hán bằng ?

Ma trời, làm sao biết Vì chúng tạo khó khăn ?

Như Lai, Ba Tuần nói Làm sao biết mà phân ?

Sao gọi các Điều ngự Vui lòng nói Đế Chân

Chánh thiện thành tựu đủ Diên nói bốn đảo điên ?

Sao gọi làm thiện nghiệp Nay đại tiên nói lên ?

Sao gọi các Bồ tát Thấy tánh thấy khó khăn ?

Sao gọi giải trọn chữ Và nghĩa nữa chữ trên ?

Sao gọi chung thánh hạnh Như chim Ca lân tần (già) ?

Sao gọi là Nhật, Nguyệt Thái bạch cùng Tuế tinh ?

Sao gọi tâm chưa phát Mà Bồ tát là tên ?

Sao gọi ở đại chúng Mà được sở úy không !

Như vàng Diêm phù đó Không thể nói lỗi lầm ?

Sao gọi ở cõi trước Chẳng bản, như hoa sen ?

Sao ở với phiền não Mà chẳng nhiễm não phiền ?

Như thầy thuốc trị bệnh Chẳng bị nhiễm bệnh luôn ?

Trong biển cả sinh tử Sao làm người lái thuyền ?

Sao gọi bỏ sinh tử Như rắn lột da xong ?

Sao gọi quán Tam bảo Giống như cây ý thiên ?

Tam Bảo nếu không tánh Sao mà được nói lên ?

Giống như chưa sinh lạc Sao thọ lạc gọi tên ?

Sao gọi các Bồ tát Được chúng chẳng hoại tan ?

Sao gọi sống mù tối Mà làm mất dẫn đường ?

Sao nhiều đầu thị hiện ? Nguyện Đại Tiên nói lên !

Sao gọi người nói pháp Như trăng mới lớn thêm ?

Sao gọi lại thị hiện Rốt ráo đến Niết Bàn ?

Sao gọi người dừng tiến Bầy đường ma, thiên, nhân ?

Sao gọi biết pháp tánh Mà thọ pháp lạc luôn ?

Sao gọi các Bồ tát Xa lià mọi bệnh thân ?
Sao gọi vì sinh chúng Pháp bí mật tuyên dương ?
Sao gọi nói cùng tột Và cả chẳng rốt cùng ?
Như đoạn lưới nghi hoặc Sao gọi bất định thuyết ?
Sao gọi mà được gần Đạo Tối Thắng Vô thượng ?
Con nay thỉnh Thế Tôn Vì các vị Bồ tát
Nguyện xin ngài nói lên Hạnh thậm thâm vi diệu...
Trong mọi pháp thế gian Đều có tánh an lạc.
Nguyện xin đấng Đại Tiên Vì con phân biệt nói !
Đấng y chỉ (của) chúng sinh ! Lương Túc Tôn diệu dục !
Các ám muốn hỏi han Mà con không trí tuệ
Các Bồ tát tinh cần Cũng lại chẳng thể biết
Cảnh giới quá thậm thâm Như vậy của chư Phật.
Lúc bấy giờ, đức Phật khen Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Ông nay chưa được Nhất Thiết
Chủng Trí, ta đã được rồi. Nhưng ông đã hỏi mật tạng thậm thâm như sự hỏi
han của Nhất Thiết Trí không khác. Này thiện nam tử ! Ta ngồi dưới cây Bồ
Đề Đạo Tràng, khi mới thành Chánh Giác, bấy giờ, vô lượng atăng kỳ hằng
hà sa số thế giới chư Phật, có các vị Bồ tát cũng hỏi ta ý nghĩa thậm thâm
đó. Nhưng sự hỏi công đức câu nghĩa ấy cũng đều ngang bằng như vậy
không có khác. Hỏi như vậy thì có thể lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Con không có trí lực để có thể hỏi đức Như Lai ý nghĩa thậm thâm như vậy. Thừa đức Thế Tôn ! Ví như con muỗi, con ve chẳng thể bay qua bờ kia của biển cả, cùng khắp hư không. Con cũng như vậy, chẳng thể hỏi han ý nghĩa thậm thâm của biển cả trí tuệ và hư không pháp tính như vậy của đức Như Lai. Thừa đức Thế Tôn ! Ví như ngọc sáng trong vòng hoa cài tóc của vị quốc vương giao phó cho Điện Tạng Thần (người bề tôi quản lý kho tàng của vua). Tạng thần được rồi đội trên đầu, cung kính mà tặng thêm sự thù hờ. Con cũng như vậy, đội lên đầu cung kính, tặng thêm thù hờ sự thuyết giảng ý nghĩa thậm thâm Phương Đẳng của đức Như Lai. Vì sao vậy ? Vì khiến cho con rộng được trí tuệ sâu sắc.

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử ! Lắng nghe ! Lắng nghe ! Ta sẽ vì ông giảng nói về nghiệp trường thọ sở đắc của Như Lai. Bồ tát do nhân duyên nghiệp đó mà được trường thọ. Vậy nên ông hãy chí tâm lắng nghe. Nếu nghiệp có thể là nhân của Bồ Đề thì cần phải thành tâm thính thọ ý nghĩa này. Đã thính thọ rồi thì chuyển vì người khác giảng nói. Này thiện nam tử ! Ta do tu tập nghiệp như vậy nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hôm nay ta lại vì người rộng nói ý nghĩa đó. Này thiện nam tử ! Ví như vương tử phạm tội bị nhốt vào ngục. Nhà vua rất thương xót ái niệm con nên tự mình quay xe trở lại chỗ giam giữ ấy. Bồ tát cũng vậy, muốn được trường thọ cần phải hộ niệm tất cả chúng sinh, đồng tương hộ là con mà sinh ra đại tử, đại bi, đại hỷ, đại xả, trao cho giới chẳng sát sinh, dạy tu tập thiện pháp. Bồ tát cũng sẽ yên dừng tất cả chúng sinh ở năm giới, mười thiện, lại vào địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, atula.v.v... tất cả các đường để cứu vớt những chúng sinh khổ não ở trong đó. Bồ tát giải thoát người chưa giải thoát, độ người chưa độ, người chưa Niết Bàn khiến cho được Niết Bàn, an ủi tất cả những kẻ bị khủng bố. Do nhân duyên những nghiệp như vậy nên Bồ tát được thọ mạng lâu dài, đối với các trí tuệ mà được tự tại, tùy theo chỗ mà thọ chung sinh lên cõi trời.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng : Thừa đức Thế Tôn! Đại Bồ tát nhìn chúng sinh tương đồng với con là nghĩa sâu kín con chưa có thể giải ! Thừa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai chẳng nên nói rằng, Bồ tát đối với các chúng sinh, tu tâm bình đẳng, tương đồng với con. Sở dĩ vì sao ? Vì ở trong Phật pháp có người phá giới, người tạo nghịch tội, người hủy báng chánh pháp thì làm sao sẽ đối với những người như thế mà tương đồng như con vậy ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay Ca Diếp ! Đúng vậy ! Đúng vậy ! ta đối với chúng sinh thật sự tương như con, như La Hầu La.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Thuở xưa, ngày mười lăm, khi Tăng bố tát, đã từng ở trong chúng cụ túc giới thanh tịnh, có một đồng tử chẳng khéo tu tập nghiệp thân miệng ý, ẩn tại chỗ vách ngăn, trộm nghe nói giới. Thần lực sĩ Mật Tích thừa thần lực đức Phật, dùng chày kim cương đánh cho tan nát như vi trần. Thưa đức Thế Tôn ! Thần Kim cương đó rất là bạo ác mới có thể đoạn tuyệt mạng căn của đồng tử này thì sao gọi là đức Như Lai nhìn các chúng sinh tương đồng với con như La Hầu La được ?

Đức Phật bảo rằng :

- Nay Ca Diếp ! Ông nay chẳng nên nói lời như vậy. Vì đồng tử đó tức là hóa nhân chẳng phải chân thật đâu ! Vì muốn xua đuổi kẻ phá giới hủy pháp ra khỏi chúng nên thần Kim Cương Mật Tích thị hiện ra hóa nhân này vậy. Nay Ca Diếp ! Kẻ hủy báng Chánh pháp và Nhất xiển đề, hoặc có kẻ sát sanh, cho đến tà kiến và cả kẻ phạm cấm giới thì ta đối với những người này đều phát sinh lòng từ bi, tương đồng với con như La Hầu La. Nay thiện nam tử ! Ví như các quần thần của quốc vương, có người phạm vương pháp thì tùy theo tội mà tru lục chẳng vứt bỏ. Như Lai Thế Tôn chẳng như vậy, với người hủy pháp thì cho yết ma xua đuổi, yết ma quở trách, yết ma vứt bỏ, yết ma cử tội, yết ma chẳng thể thấy, yết ma diệt, yết ma chưa bỏ ác kiến... Nay thiện nam tử ! Như Lai sợ dĩ cho người hủy báng pháp làm yết ma hàng phục như vậy.v.v... là vì muốn bày những người làm ác thấy có quả báo. Nay thiện nam tử ! Ông phải biết rằng, Như Lai liền thí cho chúng sinh ác sự không bố úy, hoặc phóng ra một ánh sáng, hoặc hai, hoặc ba mà nếu có người gặp được thì đều khiến cho lìa xa tất cả những ác. Như Lai hôm nay có đủ vô lượng thế lực như vậy. Nay thiện nam tử ! Chưa thể thấy pháp mà ông muốn thấy thì hôm nay ta sẽ vì ông nói lên tướng mạo của pháp ấy. Sau khi ta vào Niết Bàn tùy theo phương diện ấy có vị Tỳ kheo trì giới uy nghi đầy đủ, hộ trì chánh pháp thấy kẻ hoại pháp liền có thể xua đuổi, quở trách, sửa trị. Ông phải biết người đó được phước không lường, chẳng thể kể xiết. Nay thiện nam tử ! Ví như có vị vua chuyên làm việc bạo ác, gặp phải bệnh nặng. Có vị vua của nước bên cạnh nghe danh tiếng ấy, dấy binh đem đến muốn tiêu diệt. Lúc đó, vị vua bệnh không thể lực nên mới kinh sợ mà thay lòng tu thiện. Vị vua của nước bên cạnh đó được phước không lường. Tỳ

kheo trì pháp cũng lại như vậy, xua đuổi quở trách người phá hoại pháp, khiến cho họ làm thiện pháp, được phước không lường. Đây thiện nam tử ! Ví như chỗ ở của vị trưởng giả, ruộng đất nhà cửa sinh ra những cây độc hại. Ông trưởng giả biết rồi liền chặt phá khiến cho chúng tận diệt. Lại như trên đầu người trai trẻ sinh ra tóc bạc, tự thẹn mà cạo bỏ chẳng cho sinh trưởng. Tỳ kheo trì pháp cũng lại như vậy, thấy có người phá giới, hoại chánh pháp liền nên xua đuổi, quở trách, cử xử. Nếu thiện Tỳ kheo thấy người hoại pháp thì đặt đũa chẳng xua đuổi, quở trách, cử xử thì phải biết người đó là oán địch trong Phật pháp; nếu có thể xua đuổi, quở trách, cử xử thì chính là Thanh Văn chơn chánh đệ tử của ta vậy.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời nói của đức Phật thì chẳng bình đẳng nhìn tất cả chúng sinh, tương đồng với con như La Hầu La ! Thưa đức Thế Tôn ! Nếu có một người dùng dao hại đức Phật. Lại có một người dùng hương chiên đàn xoa mình đức Phật. Đức Phật đối với hai người này nếu sinh lòng bình đẳng thì sao lại nói rằng, phải trị kẻ hủy cấm. Còn nếu trị người hủy cấm thì lời nói này không đúng !

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp :

- Đây thiện nam tử ! Ví như quốc vương, đại thần, tể tướng sinh dưỡng các con nhan mạo đoan chánh sáng suốt thông tuệ, rồi đem hoặc hai, ba, bốn đứa giao phó cho vị thầy giáo nghiêm khắc mà nói rằng : “Ngài có thể vì tôi dạy bảo các con về oai nghi, lễ tiết, kỹ nghệ, thư số... đều khiến cho thành tựu. Bốn đứa con của tôi đến thọ học với ngài, giả sử ba đứa bị đánh mà chết, dù còn lại một đứa, ngài nhất định phải khổ trị, phải khiến cho nó thành tựu. Tuy chết mất ba đứa con, nhưng tôi nhất định chẳng hối hận”. Đây Ca Diếp ! Người cha và vị thầy đó có bị tội sát sinh không ?

- Thưa đức Thế Tôn ! Chẳng phạm vậy !

- Vì sao vậy ? Vì do ái niệm nên vì muốn thành tựu, không có lòng ác. Dạy bảo như vậy được phước không lường. Đây thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, nhìn kẻ hoại pháp bình đẳng như con một. Như Lai hôm nay đem chánh pháp vô thượng phú chúc các vua, đại thần, tể tướng, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di. Những quốc vương... và bốn bộ chúng này cần phải khuyên bảo khích lệ những người học, khiến cho Giới, Định và Trí tuệ của họ được tăng lên. Nếu có người chẳng học ba phẩm pháp này, lười biếng,

phá giới, hủy báng chánh pháp thì quốc vương, đại thần, bốn bộ chúng cần phải khổ trị họ. Này thiện nam tử ! Các quốc vương và bốn bộ chúng đó sẽ có tội chăng ?

- Thưa đức Thế Tôn ! Họ chẳng có tội !

- Này thiện nam tử ! Các quốc vương và bốn bộ chúng đó còn không có tội huống gì là Như Lai ! Này thiện nam tử ! Như Lai đã khéo tu bình đẳng như vậy, đối với các chúng sinh, tướng đồng là con một. Người tu như vậy thì đó gọi là Bồ tát tu tâm bình đẳng, đối với các chúng sinh tướng đồng như con một. Này thiện nam tử ! Bồ tát tu tập nghiệp này như vậy thì liền được trường thọ, cũng có thể giới biết sự việc đời trước.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời nói của đức Phật, Bồ tát nếu có tu tâm bình đẳng, nhìn các chúng sinh tướng đồng với con mình thì liền được trường thọ. Đức Như Lai chẳng nên nói lời như vậy. Vì sao vậy ? Vì như người biết pháp có thể nói đủ thứ pháp hiếu thuận, nhưng trở về đến nhà thì dùng những gói, đá... ném, đánh cha mẹ mà cha mẹ đó chính là ruộng phước phì nhiêu, nhiều sự lợi ích rất khó tạo ngộ. Đáng lẽ ra họ nên ưa thích cúng dường, ngược lại sinh lòng nảo hại cha mẹ. Người biết pháp đó nói và làm trái nhau. Lời nói của đức Như Lai cũng lại như vậy. Bồ tát tu tập tâm bình đẳng, đối với chúng sinh tướng đồng như con nên được trường thọ, giới biết túc mạng (mạng đời trước), thường trụ ở đời, không có biến dị. Hôm nay đức Thế Tôn vì nhân duyên gì mà thọ mạng cực ngắn đồng với nhân gian vậy ? Đức Như Lai sẽ không đối với chúng sinh phát sinh tư tưởng oán ghét ? Thưa đức Thế Tôn ! Ngày xưa ngài tạo tác nghiệp ác gì ? Giết hại bao nhiêu mạng? Mà bị đoản mạng, chẳng đầy trăm năm ?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử ! Ông nay vì nhân duyên gì mà ở trước Như Lai nói lên lời thô lậu đó ? Sự trường thọ của Như Lai là tối thượng tối thắng ở trong các thọ ! Pháp “Thường” sở đắc của Như Lai là tối thắng đệ nhất ở trong các “Thường”.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Sao gọi là Như Lai được thọ mạng không lường ?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp :

- Nay thiên nam tử ! Như tám dòng sông lớn, một tên là Hằng Hà, hai tên là Diêm Ma La, ba tên là Tát La, bốn tên là A Di La Bạt Đề, năm tên là Ma Ha, sáu tên là Tân Đầu, bảy tên là Bác Xoa, tám tên là Tát Đà. Tám dòng sông lớn đó và những dòng sông nhỏ đều chảy vào biển cả. Nay Ca Diếp! Như vậy tất cả dòng sông lớn thọ mạng trong người, trên trời, dưới đất và hư không đều vào trong biển thọ mạng của Như Lai. Vậy nên thọ mạng của Như Lai là vô lượng. Lại nữa, nay Ca Diếp ! Ví như ao A Nậu Đạt truyền nước cho bốn dòng sông lớn. Như Lai cũng vậy cho ra tất cả thọ mạng. Nay Ca Diếp ! Ví như trong tất cả các pháp thường thì hư không là đệ nhất. Như Lai cũng vậy, ở trong các pháp thường là tối thắng đệ nhất. Nay Ca Diếp ! Ví như các thuốc thì đề hồ là đệ nhất. Như Lai cũng vậy, ở trong chúng sinh, là thọ mạng đệ nhất.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Thọ mạng của đức Như Lai như vậy thì nên trụ một kiếp hoặc giảm một kiếp, thường tuyên nói diệu pháp như tuông mưa lớn.

- Nay Ca Diếp ! Ông nay chẳng nên ở chỗ Như Lai mà sinh ra tư tưởng diệt tận. Nay Ca Diếp ! Nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di cho đến tiên nhân ngũ thần thông của ngoại đạo được tự tại, hoặc trụ một kiếp hay giảm một kiếp, đi kinh hành trong hư không, ngồi nằm tự tại, hông trái phát ra lửa, hông phải tuông ra nước, thân sinh ra khói lửa giống như đám lửa, nếu muốn trụ thọ thì có thể được như ý, ở trong thọ mạng dài, ngắn tự tại. Như vậy tiên nhân ngũ thần thông mà còn được thần lực tùy ý như thế. Huống gì là Như Lai đối với tất cả pháp được sức tự tại mà phải chẳng thể trụ thọ mạng nửa kiếp, hoặc một kiếp, hoặc trăm kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp, hoặc vô lượng kiếp ư ? Do ý nghĩa này nên ông phải biết rằng, Như Lai chính là pháp thường trụ, pháp chẳng biến dị. Thân này của Như Lai là thân biến hóa, chẳng phải thân tạp thực, vì hóa độ chúng sinh mà thị hiện đồng với cây độc (độc thọ). Vậy nên Như Lai hiện xả thân vào với Niết Bàn. Nay Ca Diếp ! Ông phải biết, Phật chính là pháp “Thường”, pháp chẳng biến dị! Các ông ở trong Đệ Nhất Nghĩa đó nên siêng năng tinh tấn, nhất tâm tu tập. Đã tu tập rồi thì hãy rộng vì người giảng nói !

Lúc bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Pháp xuất thế cùng với pháp thế gian có gì sai biệt ? Như lời nói của đức Phật, Phật là pháp thường, pháp chẳng biến dị. Thế gian cũng nói, Phạm thiên là thường, Tự Tại Thiên là thường, không có biến dị, Ngã thường, tính thường, vi trần cũng thường. Nếu nói Như Lai là pháp thường thì vì sao đức Như Lai chẳng thường hiện vậy ? Nếu chẳng thường hiện thì có gì sai khác ? Vì sao vậy ? Vì từ Phạm thiên cho đến thế tính của vi trần cũng chẳng hiện vậy !

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp :

- Ví như ông trưởng giả có nhiều những trâu, sắc vóc tuy đủ thứ nhưng đồng chung một bầy. Ông giao phó cho người chăn thả, sai đuổi đi tìm nước cỏ, chỉ làm đề hồ chẳng cần cao sữa. Người chăn trâu đó chăn dắt rồi tự sinh sống. Ông trưởng giả mạng chung thì những con trâu sở hữu đều bị bọn giặc cướp lấy. Bọn giặc được trâu rồi, không có phụ nữ, liền tự chăn dắt lấy được sữa mà ăn. Lúc bấy giờ, bọn cướp đều nói với nhau rằng : “Ông đại trưởng giả kia nuôi dưỡng trâu này, chẳng cầu lấy cao sữa chỉ vì lấy đề hồ. Chúng ta hôm nay phải thiết lập phương cách gì để mà được nó đây ?” Luận về đề hồ thì gọi là thượng vị đệ nhất của thế gian mà chúng ta không có đồ chứa. Giả sử có được sữa thì không có chỗ để chứa đựng”. Họ lại nói với nhau rằng : “Có túi da mới có thể chứa đựng được. Tuy có chỗ đựng mà chẳng biết khuấy trộn thì nước uống còn khó được hưởng là lại sinh ra váng sữa (tô)”. Bấy giờ, các tên giặc lấy đề hồ cho thêm nước vào đó, rồi vì nước nhiều nên cao sữa, đề hồ tất cả đều mất. Kẻ phàm phu cũng vậy, tuy có thiện pháp nhưng đều chính là phần còn lại của chánh pháp Như Lai. Vì sao vậy ? Vì sau khi đức Như Lai vào Niết Bàn, có kẻ trộm lấy thiện pháp để lại của đức Như Lai, hoặc Giới, Định, Tuệ như bọn giặc kia cướp lấy bầy trâu. Những người phàm phu tuy lại được Giới, Định, Trí tuệ đó nhưng không có phương tiện nên chẳng thể giải thoát. Do ý nghĩa này nên chẳng thể thu được thường giới, thường định, thường tuệ giải thoát như bọn giặc kia chẳng biết phương tiện nên quên mất cách làm đề hồ. Lại như bọn giặc làm đề hồ mà gia thêm nước vào đó. Kẻ phàm phu cũng vậy, vì giải thoát nên nói ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, Phạm thiên, Tự Tại thiên, vi trần, thế tánh, giới, định, trí tuệ và cùng giải thoát, phi tướng, phi phi tướng thiên... tức là Niết Bàn thì thật sự cũng chẳng được Niết Bàn giải thoát, như bọn giặc kia chẳng được đề hồ. Các phàm phu này có chút ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ. Nhờ nhân duyên đó được sinh lên trời, hưởng thọ chút ít an vui như bọn giặc kia được sữa gia thêm nước. Thật sự những phàm phu này chẳng biết nhân tu chút ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ được sinh lên trời. Những phàm phu này lại chẳng thể biết Giới, Định, Trí tuệ, qui y Tam Bảo. Do họ chẳng biết

nên nói Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Tuy họ nói thế mà thật sự chẳng biết gì cả. Vậy nên Như Lai sau khi ra đời mới vì họ diễn nói Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Như vua Chuyển Luân xuất hiện ở đời, nhờ sức phước đức nên bọn giặc lui tan, trâu không tổn hại mạng. Vua Chuyển Luân liền đem các con trâu giao phó cho một người chăn có nhiều phương tiện khéo léo. Người chăn có phương tiện liền được đề hồ. Nhờ đề hồ nên tất cả chúng sinh không có hoạn khổ. Khi vua pháp Chuyển Luân Thánh xuất hiện ở đời, những người phạm phu chẳng thể diễn nói Giới - Định - Tuệ liền bị xả bỏ như bọn giặc lui tan. Bây giờ, Như Lai khéo nói về thế pháp và xuất thế pháp vì chúng sinh nên khiến cho các vị Bồ tát tùy nghi diễn nói. Đại Bồ tát đã được đề hồ thì lại khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh đều được vị pháp cam lộ vô thượng. Cái gọi là Thường - Lạc - Ngã - Tịnh của Như Lai là do ý nghĩa này vậy. Này thiện nam tử ! Như Lai là Pháp thường, pháp chẳng biến dị, chẳng phải như người ngu phạm phu của thế gian gọi Phạm thiên.v.v... là pháp thường vậy. Pháp thường này chủ yếu nói lên là Như Lai chẳng phải là pháp nào khác. Này Ca Diếp ! Ông cần phải biết thân của Như Lai như vậy ! Này Ca Diếp ! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân thường phải buộc lòng mình tu hai chữ này : Phật là thường trụ ! Này Ca Diếp ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân tu hai chữ này (Thường trụ) thì phải biết rằng, người này theo sở hạnh của ta, đến được chỗ đến của ta ! Này thiện nam tử ! Nếu có người tu tập hai chữ như vậy vì diệt tướng thì ông phải biết rằng, Như Lai đối với người ấy sẽ vì họ vào Niết Bàn. Này thiện nam tử ! Nghĩa Niết Bàn tức là pháp tánh của các đức Phật vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Pháp tánh của Phật, nghĩa ấy thế nào ? Thưa đức Thế Tôn ! Con nay muốn biết nghĩa của pháp tánh ! Nguyện xin đức Như Lai thương xót giảng nói rộng rãi cho ! Bàn về pháp tánh tức là xả thân. Xả thân thì gọi là không sở hữu. Nếu thân không sở hữu thì làm sao tồn tại ? Nếu thân tồn tại thì sao gọi rằng thân có pháp tánh ? Thân có pháp tánh thì làm sao tồn tại được ? Con nay làm sao biết được nghĩa này ?

Đức Phật bảo Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử ! Ông này chẳng nên nói lời như vậy ! Diệt là pháp tánh ! Bàn về pháp tánh thì không có diệt vậy. Này thiện nam tử ! Ví như trời Vô Tướng thành tựu sắc ấm mà không sắc tướng thì chẳng nên hỏi rằng, những trời đó làm sao mà trụ vui sướng thọ lạc ? Làm sao mà hành tướng ? làm sao mà thấy nghe ? Này thiện nam tử ! Cảnh giới của Như Lai chẳng phải là điều

hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Nay thiện nam tử ! Ông chẳng nên nói rằng, thân Như Lai là pháp diệt vậy. Nay thiện nam tử ! Pháp Diệt của Như Lai là cảnh giới của Phật, chẳng phải là chỗ theo kịp của các Thanh Văn, Duyên Giác. Nay thiện nam tử ! Ông nay chẳng nên nghĩ ngợi Như Lai trụ ở chỗ nào ? Hành chỗ nào ? Thấy chỗ nào ? Vui chỗ nào ? Nay thiện nam tử ! Nghĩa như vậy cũng chẳng phải là điều biết của các ông ! Và pháp thân của chư Phật, đủ thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Ông cần phải tu tập Phật, Pháp và Tăng mà tác khởi thường tưởng. Ba pháp đó không có dị tướng (tướng khác), không vô thường tướng, không biến dị tướng. Nếu người tu dị tướng đối với ba pháp thì ông phải biết là nhóm người đó tam qui thanh tịnh thì không chỗ nương sở hữu cảm giới đều chẳng đầy đủ, nhất định chẳng thể chứng quả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Đề. Nếu người có thể đối với sự chẳng nghĩ bàn này mà tu thường tưởng thì có chỗ về. Nay thiện nam tử ! Ví như nhân cây thì có bóng cây, Như Lai cũng vậy, có thường pháp nên có qui y, chẳng phải là vô thường. Nếu nói rằng, Như Lai là vô thường thì Như Lai chẳng phải là chỗ qui y của Chư thiên và người đời.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Ví như trong tôi có cây không bóng !

- Nay Ca Diếp ! Ông chẳng nên nói rằng, có cây không bóng, chỉ chẳng phải sự thấy của nhục nhãn vậy. Nay thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, tính ấy thường trụ, là chẳng biến dị, không có mắt trí tuệ thì chẳng thể được thấy. Như trong tôi kia chẳng thấy bóng cây. Người phạm phu, sau khi Phật diệt độ, nói rằng Như Lai là vô thường cũng lại như vậy, nếu nói Như Lai khác Pháp và Tăng thì chẳng thể thành ba chỗ qui y, như cha mẹ của ông mỗi mỗi đều khác vậy, nên khiến cho họ vô thường !

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con từ nay bắt đầu sẽ dùng Phật, Pháp, chúng Tăng, ba việc thường trụ, mở mang giác ngộ cha mẹ, cho đến bảy đời cha mẹ đều khiến cho họ phụng trì. Rất lạ ! Thưa đức Thế Tôn ! Con nay sẽ học sự chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, Pháp và Tăng. Con đã tự học rồi cũng sẽ vì người giảng nói rộng rãi ý nghĩa này. Nếu có những người chẳng thể tin thọ thì phải biết là bọn người đó tu lâu vô thường. Những người như vậy con sẽ vì họ mà tạo tác sương mù, mưa đá.

Lúc bấy giờ, đức Phật khen Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Ông nay giỏi có thể hộ trì Chánh pháp. Hộ pháp như vậy là chẳng dối người. Do nghiệp duyên lành chẳng dối người mà được trường thọ, giỏi biết túc mạng.

--- o0o ---

PHẨM THÂN KIM CƯƠNG

PHẦN V :

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Nay thiện nam tử ! Thân Như Lai là thân thường trụ, thân chẳng hoại, thân kim Cương, chẳng phải là thân tạp thực, tức là pháp thân!

Ngài Ca Diếp Bồ tát bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời nói của đức Phật, những thân như vậy con đều chẳng thấy mà con chỉ thấy thân tạp thực, bụi đất, phá hoại vô thường.v.v... Vì sao vậy ? Vì Như Lai hôm nay sẽ vào Niết Bàn vậy !

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp :

- Ông nay chớ gọi thân Như Lai chẳng bền, có thể hoại như thân của phàm phu ! Nay thiện nam tử ! Nay ông phải biết là, thân Như Lai vô lượng ức kiếp bền chắc khó hoại, chẳng phải thân của người trời, chẳng phải thân khủng bố, chẳng phải thân tạp thực. Thân Như Lai chẳng phải là thân, thân này chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng tập, chẳng tu, vô lượng vô biên, không có dấu chân, không biết, không hình, rốt ráo thanh tịnh, không có lay động, không thọ, không hành, chẳng trụ, chẳng tác, không vị (mùi vị), không tạp, chẳng phải là hữu vi, chẳng phải nghiệp, chẳng phải quả, chẳng phải hành, chẳng phải diệt, chẳng phải tâm, chẳng phải số, chẳng thể nghĩ bàn, thường trụ chẳng thể bàn, vô thức lìa tâm cũng chẳng lìa khỏi tâm. Tâm ấy bình đẳng không có, cũng có, không có đi lại mà cũng đi lại, chẳng phá, chẳng hoại, chẳng đoạn, chẳng tuyệt, chẳng sinh ra, chẳng diệt mất, chẳng chủ, cũng là chủ, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải giác, chẳng phải

quán, chẳng phải chữ, chẳng phải chẳng chữ, chẳng phải định, chẳng phải chẳng định, chẳng thể thấy mà thấy tỏ rõ, không xứ cũng xứ (chỗ), không nhà cũng nhà, không tối, không sáng, không có tịch tịnh mà cũng tịch tịnh, là không sở hữu, chẳng thọ, chẳng thí, thanh tịnh vô cấu, không tranh, đoạn tranh, trụ không chỗ trụ, chẳng thủ, chẳng đoạn, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp, chẳng phải phước điền, chẳng phải phi phước điền, vô tận chẳng tận, lia tất cả tận, là không lia khỏi không, tuy chẳng thường trụ mà chẳng phải niệm niệm diệt, không có vẫn đục, không chữ, lia khỏi chữ, chẳng phải tiếng, chẳng phải nói, cũng chẳng phải tu tập, chẳng phải xung, chẳng phải lường, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải tượng, chẳng phải tướng mà các tướng trang nghiêm, chẳng phải dững, chẳng phải úy (sợ), không tịch chẳng tịch, không nhiệt chẳng nhiệt (nóng), chẳng thể nhìn thấy, không có tướng mạo. Như Lai độ thoát tất cả chúng sinh, không độ thoát nên có thể giải thoát chúng sinh, không có giải nên giác liễu chúng sinh, không giác liễu nên nói pháp như thật, không có hai nên chẳng thể lượng vô đẳng đẳng, bằng phẳng như hư không, không có hình mạo, đồng với tánh vô sanh, chẳng đoạn, chẳng thường, thường hành Nhất thừa, chúng sinh thấy ba (Tam Bảo ?), chẳng thoái, chẳng chuyển, đoạn tất cả kết, chẳng chiến, chẳng xúc (chạm), chẳng phải tánh trụ tánh, chẳng phải hợp, chẳng phải tan, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tròn, chẳng phải vuông, chẳng phải âm, nhập, giới cũng là âm, nhập, giới, chẳng phải tăng, chẳng phải tồn, chẳng phải thối, chẳng phải phụ... Thân Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy không có ai biết, không ai chẳng biết, không có ai thấy, không ai chẳng thấy, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải đời, chẳng phải chẳng đời (thế), chẳng phải tác, chẳng phải chẳng tác, chẳng phải nương, chẳng phải chẳng nương (y), chẳng phải bốn đại, chẳng phải chẳng bốn đại, chẳng phải nhân, chẳng phải chẳng nhân, chẳng phải chúng sinh, chẳng phải chẳng chúng sinh, chẳng phải Samôn, chẳng phải Bàlamôn chính là sư tử là đại sư tử, chẳng phải thân chẳng phải chẳng thân, chẳng thể tuyên nói trừ một pháp tướng chẳng thể tính toán, khi bát Niết Bàn thì chẳng bát Niết Bàn. Pháp thân Như Lai đều thành tựu vô lượng công đức vi diệu như vậy. Nay Ca Diếp! Chỉ có Như Lai mới biết tướng này, chẳng phải điều biết của các Thanh Văn, Duyên Giác. Nay Ca Diếp ! Thân Như Lai thành tựu những công đức như vậy, chẳng phải là thân do tạp thực nuôi lớn ! Nay Ca Diếp ! Chân thân Như Lai công đức như vậy thì làm sao lại bị các bệnh hoạn, khổ nguy dễ tan vỡ, chẳng bền chắc như đồ đất thô (chưa nung) ư ? Nay Ca Diếp ! Sở dĩ Như Lai thị hiện bệnh khổ là vì muốn điều phục các chúng sinh vậy. Nay thiện nam tử ! Nay ông phải biết rằng, thân Như Lai tức là thân Kim cương. Từ nay ông thường phải chuyên tâm suy nghĩ về ý nghĩa này ! Ông

chớ nghĩ là thân tạp thực và cũng phải vì người nói thân Như Lai tức là pháp thân !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai thành tựu công đức như vậy thì làm sao thân ngài sẽ có bệnh khổ vô thường phá hoại ? Từ ngày hôm nay con thường phải suy nghĩ thân Như Lai là pháp thân thường còn, là thân an lạc. Con cũng sẽ vì người rộng nói như vậy ! Kính thưa đức Thế Tôn ! Pháp thân Như Lai là Kim Cương bất hoại mà chưa có thể biết đã do nhân duyên gì ?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Do cái nhân duyên hay hộ trì chánh pháp nên được thành tựu thân Kim Cương này. Nay Ca Diếp ! Vào thuở xa xưa, ta có nhân duyên hộ pháp nên nay được thành tựu thân Kim Cương này, thường trụ chẳng hoại. Nay thiện nam tử ! Người hộ trì chánh pháp mà chẳng thọ năm giới, chẳng tu oai nghi thì nên cầm dao kiếm, cung tên, sào mâu... thủ hộ vị Tỳkheo giữ giới thanh tịnh !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu có vị Tỳ kheo lìa khỏi sự thủ hộ, ở một mình chỗ không nhà, bãi tha ma, dưới gốc cây... thì phải nói người này là Tỳ kheo chân chính. Nếu có người đuổi theo hành giả để thủ hộ thì phải biết rằng nhóm người này chính là cư sĩ ngốc !

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Ông chớ nói lời này ! Rằng là cư sĩ ngốc ! Nếu có vị Tỳ kheo, thân nhận đủ sự cung cấp của kẻ theo đến chỗ của mình thì dù vị Tỳ kheo đó đọc tụng kinh điển, tư duy tọa thiền và có người đến hỏi pháp liền vì họ tuyên nói như là nói bố thí, trì giới, phước đức, thiếu dục tri túc, tuy có thể nói pháp đủ thứ như vậy, nhưng chẳng thể tạo được tiếng rống của sư tử, chẳng được sự vây quanh của sư tử, chẳng thể hàng phục người ác phi pháp. Vị Tỳ kheo như vậy chẳng thể tự lợi và lợi chúng sinh. Ông phải biết rằng, bọn này giải đãi biếng lười, tuy có thể trì giới, giữ gìn tịnh hạnh, nhưng ông phải biết là người này không làm được gì ! Nếu có Tỳ kheo mà đồ cung cấp cho thân cũng thường đầy đủ dồi dào, lại hay hộ trì việc thọ cấm giới thì có thể rống tiếng sư tử rộng nói diệu pháp như là các kinh Tu Đa La Kỳ Dạ, Thọ Ký,

Già Đà, Ưu Đà Na, Y Đế Mục Đa Già, Xà Đà Già, Tỳ Phật Lược, A Phù Đà Đạt Ma.v.v... chín bộ Kinh điển như vậy vì người khác mà nói rộng rãi, lợi ích an lạc cho các chúng sinh. Họ xưng lên lời như vậy : “Trong kinh Niết Bàn chế các Tỳ kheo chẳng nên nuôi dưỡng nô tỳ, trâu dê... những vật phi pháp. Nếu có Tỳ kheo nuôi những vật bất tịnh như vậy thì cần phải sửa trị. Đức Như Lai trước, ở trong các bộ Kinh khác, có nói rằng, có vị Tỳ kheo nuôi những vật phi pháp như vậy đã bị vị quốc vương của nước đó theo đúng như pháp sửa trị, đuổi trở về với thế tục”. Nếu khi có vị Tỳ kheo có thể rống tiếng sư tử như vậy mà có kẻ phá giới nghe được lời nói đó rồi đều nổi sân nhuế làm hại vị pháp sư này. Người nói pháp đó giả sử lại mạng chung nên gọi là trì giới lợi mình và lợi người khác. Do cái duyên này nên ta cho phép Quốc vương, quần thần, tể tướng, các Ưu bà tắc... hộ trì người nói pháp. Nếu có người muốn được hộ chánh pháp thì phải học tập như vậy. Nay Ca Diếp ! Như vậy người phá giới chẳng hộ pháp thì gọi là cư sĩ ngốc chứ chẳng phải người trì giới bị gọi như vậy ! Nay thiện nam tử ! Thuở đời quá khứ xa xưa, vô lượng vô biên atăng kỳ kiếp, ở thành Câu Thi Na này, có đức Phật ra đời hiệu là Hoan Hỷ Tăng Ích Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hành Túc Thiện Thế Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn. Thế giới bây giờ rộng rãi nghiêm tịnh, thịnh vượng, an vui, ổn định, nhân dân đông đúc, không có đói khát như những vị Bồ tát... của nước An lạc. Đức Phật Thế Tôn đó trụ thế không lường, giáo hóa chúng sinh rồi nhiên hậu mới đến Ta La song thọ vào Bát Niết Bàn. Sau đức Phật Niết Bàn để lại giáo pháp trụ thế vô lượng ức năm. Còn bốn mươi năm nữa lúc Phật pháp chưa diệt, bấy giờ có một vị Tỳ kheo trì giới tên là Giác Đức, có nhiều đồ chúng quyến thuộc vây quanh, có thể rống tiếng sư tử ban tuyên rộng rãi giảng nói chín bộ Kinh điển, hạn chế các vị Tỳ kheo chẳng được nuôi dưỡng nô tỳ, trâu dê... các vật phi pháp. Lúc bấy giờ, có nhiều Tỳ kheo phá giới nghe nói lời này thì đều sinh ác tâm. Họ cầm dao gậy đến bức bách vị pháp sư đó. Lúc đó có vị quốc vương tên là Hữu Đức nghe việc này rồi thì vì hộ pháp nên liền đi đến chỗ người nói pháp cùng với các Tỳ kheo ác phá giới cực lực đấu tranh với họ khiến cho người nói pháp được khỏi nguy hại. Nhà vua bị thương cùng khắp toàn thân. Bấy giờ ngài Giác Đức liền khen nhà vua rằng : “Hay thay ! Hay thay ! Nhà vua hôm nay quả thật là người hộ chánh pháp. Đời đương lai thân này sẽ làm pháp khí không lường”. Vào lúc đó, nhà vua được nghe pháp rồi, lòng rất vui mừng, liền mạng chung, sinh vào nước của đức Phật A Súc mà được làm đệ tử thứ nhất của đức Phật đó. Nhân dân quyến thuộc theo đức vua ấy có chiến đấu, có tùy hỷ, tất cả chẳng thoái tâm Bồ Đề, sau khi mạng chung đều sinh vào nước của đức Phật A Súc mà được làm đệ tử thứ hai trong chúng Thanh Văn của đức Phật đó. Nếu khi có Chánh pháp sắp diệt tận thì cần phải

thọ trì ủng hộ như vậy. Này Ca Diếp ! Vị vua lúc bấy giờ là thân ta đó ! Vị Tỳ kheo nói pháp là Phật Ca Diếp đó ! Này Ca Diếp ! Người hộ Chánh pháp được vô lượng phước báo như vậy. Do nhân duyên đó nên ta ngày hôm nay được đủ thứ tướng để tự trang nghiêm, thành tựu pháp thân, thân chẳng thể hoại.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Thân Như Lai thường giống như họa thạch (vẽ trên đá) !

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử ! Do nhân duyên này nên Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di cần phải siêng gia công hộ trì Chánh pháp vì quả báo hộ pháp rộng lớn không lường. Này thiện nam tử ! Vậy nên khi hộ pháp thì Ưu bà tắc.v.v... nên cầm dao gậy ủng hộ Tỳ kheo trì pháp như vậy. Nếu có người thọ trì đủ năm giới thì chẳng được gọi là người Đại Thừa vậy. Chẳng thọ năm giới mà vì hộ trì Chánh pháp thì mới gọi là Đại Thừa. Người hộ chánh pháp cần phải cầm dao kiếm, binh khí hầu hạ bảo vệ pháp sư !

Ngài Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu các Tỳ kheo cùng những Ưu bà tắc như vậy.v.v... cầm dao gậy thì chung làm bạn bè, làm gì có thầy ? Là không thầy ư ? Là trì giới ? Hay là phá giới ?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp :

- Ông chớ gọi những người đó là người phá giới ! Này thiện nam tử ! Sau khi ta Niết Bàn, đời ác trược, đất nước hoang loạn, cướp lầy lẫn nhau, nhân dân đói khát. Bấy giờ, có nhiều người vì đói khát nên phát tâm xuất gia. Người như vậy gọi là người ngốc. Bọn người ngốc này thấy có vị Tỳ kheo trì giới uy nghi đầy đủ thanh tịnh hộ trì chánh pháp thì xua đuổi ra khỏi, hoặc giết hoặc hại họ.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Người trì giới này hộ Chánh pháp thì sao phải được du hành đến thôn xóm thành ấp để giáo hóa ?

- Nay thiện nam tử ! Vậy nên, ta nay cho phép người trì giới nương vào những người bạch y (thế gian) cầm dao gậy vì là bạn bè. Nếu các quốc vương, đại thần, trưởng giả, ưu bà tắc.v.v... vì hộ pháp nên tuy cầm dao gậy nhưng ta vẫn nói rằng những người đó gọi là trì giới. Tuy cầm dao gậy nhưng chẳng nên đoạn dứt mạng sống, nếu có thể được như vậy thì liền được gọi là trì giới đệ nhất.

Này Ca Diếp ! Bàn về người hộ pháp thì đó là người chánh kiến đầy đủ, có khả năng tuyên nói Kinh điển Đại Thừa rộng rãi, nhất định chẳng nắm giữ bảo cái của vua, bình đầu, lúa gạo... đủ thứ trái cây, chẳng vì lợi dưỡng mà thân cận, quốc vương, đại thần, trưởng giả, đối với các đàn việt lòng không dua nịnh quanh co, đầy đủ uy nghi, tiêu diệt hàng phục những người ác phá giới.v.v... Đó gọi là thầy trì giới hộ pháp. Người hộ pháp có thể làm thiện tri thức chân chánh của chúng sinh. Lời thề rộng lớn của lòng họ ví như biển cả. Này Ca Diếp ! Nếu có Tỳ kheo do lợi dưỡng nên vì người khác nói pháp thì sở hữu đồ chúng quyến thuộc của người này cũng bắt chước thầy mình tham cầu lợi dưỡng. Người này như vậy là tự hủy hoại chúng. Này Ca Diếp ! Chúng có ba thứ, một là phạm giới tạp tăng, hai là ngu si tăng; ba là thanh tịnh tăng. Phá giới tạp tăng thì dễ bị hoại, trì giới tịnh tăng thì nhân duyên lợi dưỡng đã chẳng thể hoại. Sao gọi là phá giới tạp tăng ? Nếu có Tỳ kheo tuy giữ cấm giới nhưng vì lợi dưỡng nên cùng với người phá giới ngồi đứng đi lại, chung nhau cận kề, đồng sự nghiệp với người ấy. Đó gọi là phá giới tăng, cũng gọi là tạp tăng. Sao gọi là ngu si tăng ? Nếu có Tỳ kheo ở tại chỗ A lan nhĩ mà các căn chẳng linh lợi, ám độn, đờ đẫn, ít dục, xin ăn, vào ngày nói giới và khi tụng, vị Tỳ kheo ấy dạy các đệ tử thanh tịnh sám hối, thấy kẻ chẳng phải đệ tử, phạm nhiều cấm giới, chẳng thể dạy bảo khiến cho thanh tịnh sám hối mà cứ cùng chung với họ nói giới, tụng. Đó gọi là ngu si tăng. Sao gọi là thanh tịnh tăng ? Có Tỳ kheo tăng mà trăm ngàn ức ma chẳng thể hoại được. Chúng Bồ tát này bản tính thanh tịnh, có thể điều phục chúng của hai bộ phận như trên khiến cho họ an trụ ở trong chúng thanh tịnh. Đó gọi là đại sư hộ pháp vô thượng, người giỏi trì luật. Vì muốn điều phục lợi ích cho chúng sinh nên người ấy biết tướng của các giới, hoặc khinh, hoặc trọng, chẳng phải là luật thì chẳng chứng tri còn nếu là luật thì liền chứng tri. Sao gọi là điều phục chúng sinh ? Nếu các vị Bồ tát vì hóa độ chúng sinh nên thường vào tụ lạc, chẳng chọn thời tiết, hoặc đến nhà quả phụ và nhà dâm nữ cùng đồng dừng ở trải qua nhiều năm. Nếu là Thanh Văn, thì chẳng nên làm. Đó gọi là điều phục, lợi ích chúng sinh. Sao gọi là biết trọng ? Nếu thấy đức Như Lai nhân việc chế ra giới rằng : “Ông từ nay thận trọng chớ lại phạm !” như bốn trọng cấm mà người xuất gia chẳng nên

làm mà vẫn làm thì chẳng phải là Samôn, chẳng phải con của dòng họ Thích. Đó gọi là trọng. Sao gọi là khinh ? Nếu phạm việc nhẹ, sau ba lần can ngăn như vậy nếu có thể bỏ thì đó gọi là khinh. Chẳng phải luật chẳng chứng là nếu có người khen nói vật chẳng thanh tịnh nên thọ dụng mà chẳng đồng chung dừng lại. Đúng luật nên chứng là giới học giới luật, chẳng gần người phá giới, thấy có hành động thuận theo giới luật thì lòng phát sinh hoan hỷ. Như vậy có thể biết việc làm Phật pháp có thể giải thoát tốt lành. Đó gọi là luật sư khéo giải một chữ, khéo giữ gìn khế kinh cũng lại như vậy. Như vậy, này thiện nam tử ! Phật pháp vô lượng chẳng thể nghĩ bàn ! Như Lai cũng vậy, chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đúng vậy ! Đúng vậy ! Quả thật như lời dạy của đức Thánh ! Phật pháp vô lượng chẳng thể nghĩ bàn ! Như Lai cũng vậy chẳng thể nghĩ bàn ! Nên biết rằng, Như Lai thường trụ, chẳng hoại, không có biến dị ! Con nay học đã hoàn thiện, cũng sẽ vì người tuyên nói rộng rãi ý nghĩa đó !

Lúc bấy giờ, đức Phật khen Bồ tát Ca Diếp :

- Hay thay ! Hay thay ! Thân Như Lai tức là thân Kim Cương chẳng thể hoại ! Bồ tát cần phải học tốt chánh kiến, chánh tri như vậy. Nếu có khả năng thấy biết tỏ rõ như vậy thì tức là thấy được thân Kim Cương, thân chẳng thể hoại của Phật như thấy các sắc tượng ở trong gương.

--- o0o ---

PHẨM DANH TỰ CÔNG ĐỨC

PHẦN VI:

Lúc bấy giờ, đức Như Lai lại bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử ! Ông nay cần phải khéo giữ gìn công đức sở hữu, chương cú, văn tự của Kinh này. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe tên Kinh này mà sinh vào bốn đường thì không có chỗ này. Vì sao vậy ? Vì kinh điển như vậy chính là sự tu tập của vô lượng vô biên các đức Phật mà công đức sở đắc hôm nay ta sẽ nói !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Kinh này sẽ tên là gì ? Đại Bồ tát phụng trì ra sao ?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp :

- Kinh này tên là Đại Bát Niết Bàn ! Lời nói trên cũng tốt, lời nói giữa cũng tốt, lời nói dưới cũng tốt, nghĩa vị thâm thúy, văn ấy cũng hay, chuẩn bị đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, bảo tạng kim cương đủ đầy không khiếm khuyết. Ông khéo lắng nghe, ta nay sẽ nói ! Nay thiện nam tử ! Sở dĩ nói rằng Đại là gọi đó là thường như tám dòng sông lớn đều về đại hải (biển cả). Kinh này như vậy đã hàng phục tất cả các phiền não kết và các ma tánh, rồi nhiên hậu mới cần đến Đại Bát Niết Bàn buông bỏ thân mạng. Vậy nên tên là Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Lại như vị thầy thuốc có một phương thang bí mật nhiếp lấy hết tất cả y thuật sở hữu. Nay thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, đã nói đủ thứ tạng môn thâm áo, bí mật của Diệu Pháp đều vào hết trong Đại Bát Niết Bàn này. Vậy nên tên là Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Ví như người nông phu thảng xuân xuống giống thường có hy vọng. Đã thu hái quả trái xong thì mọi hy vọng đều dứt. Nay thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, tu học Kinh khác thường mong thêm vị (tư vị), nếu được nghe Kinh Đại Bát Niết Bàn này thì sự hy vọng thêm vị sẵn có trong các Kinh đều đoạn tuyệt vĩnh viễn. Đại Niết Bàn này có thể khiến cho chúng sinh qua khỏi các dòng “hữu”. Nay thiện nam tử ! Như trong các dấu chân thì dấu chân voi là hơn hết. Như vậy, Kinh này đối với các Kinh, tam muội thì rất là số một. Nay thiện nam tử ! Ví như cày ruộng thì cày vào mùa thu là hơn hết. Như vậy Kinh này hơn hết trong các Kinh. Nay thiện nam tử ! Như trong các thuốc thì Đề hồ số một, giải trị tâm loạn nhiệt não của chúng sinh. Kinh Đại Niết Bàn là tối đệ nhất. Nay thiện nam tử ! Ví váng sữa (tô) ngon tám vị đầy đủ. Đại Bát Niết Bàn cũng lại như vậy, tám vị đầy đủ. Sao gọi là tám vị ? - Một là Thường, hai là Hằng, ba là An, bốn là Thanh Lương, năm là Chẳng Già, sáu là Chẳng Chết, bảy là Vô Cấu, tám là Khoái Lạc. Đó là tám vị. Đầy đủ tám vị đó nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu những Đại Bồ tát an trụ trong đó mà lại có thể nơi nơi thị hiện Niết Bàn thì đó gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nay Ca Diếp ! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ! Nếu muốn ở trong Đại Bát Niết Bàn này mà Niết Bàn thì đều phải tạo tác sự học này : Như Lai thường trụ, Pháp, Tăng cũng vậy.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Lạ quá ! Thừa đức Thế Tôn ! Công đức của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, Pháp, Tăng cũng vậy, chẳng thể nghĩ bàn, Đại Niết Bàn đó cũng chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có người tu học kinh điển này thì được Chánh pháp môn, có thể làm thầy thuốc giỏi. Nếu người chưa học thì phải biết là người đố mù, không có tuệ nhãn, bị sự che phủ của vô minh.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ ba hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 4

PHẨM BỐN TƯỚNG

PHẦN VII.

Đoạn I . - Đức Phật lại bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Nay Thiện nam tử ! Đại Bồ tát phân biệt khai thị Đại Bát Niết Bàn có bốn tướng nghĩa. Những gì là bốn ? Một là tự chánh, hai là chánh tha, ba là có thể theo vấn đáp, bốn là khéo giải nghĩa nhân duyên. Nay Ca Diếp ! Sao gọi là Tự chánh ? Như đức Phật Như Lai thấy các nhân duyên mà có điều nói lên. Ví như vị Tỳ kheo thấy đám lửa lớn liền nói lên rằng : “Ta thà ôm lấy đám lửa cháy rực đó, nhất định chẳng dám đối với lời thuyết giảng mười hai bộ Kinh và tạng bí mật của đức Như Lai mà bài bác rằng, Kinh này là lời nói của ma, hoặc nói rằng, Như Lai, Pháp, Tăng là vô thường. Người nói như vậy là tự lừa dối, cũng lừa dối người khác. Thà dùng dao bén tự cắt lưỡi của mình, nhất định chẳng nói rằng, Như Lai, Pháp, Tăng là vô thường. Nếu nghe người khác nói cũng chẳng tin thọ. Đối với người nói này nên sinh lòng thương xót. Như Lai, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn nên thọ trì như vậy. Tự quán thân mình giống như đồng lửa”. Đó gọi là Tự chánh.

Nay Ca Diếp ! Sao gọi là Tha chánh (chánh cho người khác) ? - Khi đức Phật nói pháp, có một người con gái nuôi trẻ con bằng sữa, đi đến chỗ đức

Phật, cúi đầu dưới chân đức Phật, có ý niệm đóai hoai, lòng tự suy nghĩ, liền ngồi về một phía. Bây giờ, đức Thế Tôn biết nên hỏi rằng :

- Người vì ái niệm nên cho trẻ ăn nhiều váng sữa (chất béo lấy từ sữa : tô) mà chẳng biết trừ lượng có tiêu hóa được cùng chẳng tiêu hóa được ?

Lúc bấy giờ, người con gái liền bạch đức Phật rằng :

- Lạ lắm ! Thưa đức Thế Tôn ! Ngài giỏi có thể biết được điều suy nghĩ trong lòng của con ! Nguyện xin đức Như Lai dạy con ít nhiều! Thưa đức Thế Tôn ! Vào sáng nay, con cho trẻ ăn nhiều váng sữa, sợ chẳng thể tiêu hóa, sẽ bị yêu thọ ! Nguyện xin đức Như Lai vì con giải nói !

Đức Phật dạy rằng :

- Con của người đã ăn tức thời tiêu hóa, tăng thêm thọ mạng !

Người con gái nghe rồi lòng rất hớn hỡ, lại thưa rằng :

- Đức Như Lai nói chân thật nên con hoan hỷ ! Thưa đức Thế Tôn! Như vậy thì vì muốn điều phục các chúng sinh nên khéo có thể phân biệt nói tiêu hóa hay chẳng tiêu hóa, cũng nói các pháp vô ngã, vô thường. Nếu đức Phật Thế Tôn trước nói “Thường” thì đồ chúng thọ hóa (người chịu sự giáo hóa) sẽ nói rằng, Pháp này đồng với pháp ngoại đạo, họ liền bỏ đi !

Đức Phật lại bảo người con gái rằng :

- Nếu con người lớn lên có thể tự đi lại, phạm việc ăn uống có thể tiêu cái khó tiêu thì việc cho ăn váng sữa như cũ chẳng cung cấp đủ. Đệ tử Thanh Văn sở hữu của ta cũng lại như vậy, như trẻ con của người, họ chẳng thể tiêu hóa pháp thường trụ này. Vậy nên ta trước nói khổ, vô thường. Nếu những đệ tử Thanh Văn của ta... công đức đã đủ, đủ sức tu tập Kinh điển Đại Thừa thì ta sẽ vì họ nói giảng sáu vị ở ở Kinh này. Những gì là sáu vị ? Nói rằng : Vị chua của khổ. vị mặn của vô thường, vị đắng của vô ngã, vui là vị ngọt, ngã là vị cay, thường là vị đậm (nhạt). Trong thế gian kia, có ba thứ vị. Đó là Vô thường, Vô ngã, Vô lạc. Phiền não là củi, trí tuệ là lửa. Do nhân duyên mà thành món ăn Niết Bàn, gọi là Thường - Lạc - Ngã, khiến cho các đệ tử đều ham thích - Đức Phật lại bảo người con gái - Người nếu có duyên muốn đến xứ khác nên đuổi đũa con xấu (ác) ra khỏi nhà, rồi đem hết bảo tạng giao phó cho đũa con tốt (thiện).

Người con gái bạch đức Phật rằng :

- Thật đúng như lời dạy của đức Thánh ! Kho tàng trân bảo nên bày ra cho đứa con tốt, chẳng nên bày ra cho đứa con xấu !

- Này người chị em ! Ta cũng như vậy, khi Bát Niết Bàn, pháp tạng vô thượng vi mật của Như Lai, ta chẳng trao cho các đệ tử Thanh Văn.v.v... như bảo tạng của người chẳng bày ra cho đứa con ác, mà cần phải phó chúc cho các Bồ tát.v.v... như người đem bảo tạng ủy thác cho đứa con tốt. Vì sao vậy ? Vì đệ tử Thanh Văn sinh ra biến dị tưởng cho rằng Phật Như Lai Diệt Độ chân thật. Nhưng ta chân thật chẳng Diệt Độ. Như người trong thời gian đi xa chưa trở về, đứa con xấu của người liền nói rằng, người đã chết, mà người thật chẳng chết. Các Bồ tát... nói rằng, Như Lai thường còn chẳng biến dị như đứa con tốt của người chẳng nói người chết. Do ý nghĩa này nên ta đem pháp tạng bí mật Vô thượng giao phó cho các Bồ tát. Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh cho rằng, Phật thường trụ chẳng biến dị thì phải biết nhà này là nhà có Phật. Đó gọi là Tha chánh.

Này Ca Diếp ! Sao gọi là có thể tùy theo vấn đáp ? Nếu có người đến hỏi Phật Thế Tôn, ta phải làm sao chẳng bỏ tiền của mà được tiếng là người Đản Việt đại thí ? - Đức Phật nói - Nếu có Samôn, Bàlamôn.v.v... ít dục, biết đủ, chẳng thọ nhận, chẳng nuôi vật bất tịnh thì phải thí cho người ấy tứ trai, tứ gái, người sai bảo; người tu phạm hạnh thì thí cho nữ sắc; kẻ đoan dút rượu thịt thì thí cho rượu thịt, người chẳng ăn quá ngọ thì thí cho bữa ăn quá ngọ; người chẳng dùng hương hoa thì thí cho hương hoa... Người bố thí như vậy thì danh tiếng vang lừng khắp khắp thiên hạ mà chưa từng tổn phí một hào của mình. Đó gọi là có thể tùy theo vấn đáp.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Người ăn thịt chẳng nên thí cho thịt. Vì sao vậy ? Vì con thấy người chẳng ăn thịt có công đức lớn!

Đức Phật khen ngài Ca Diếp :

- Hay thay ! Hay thay ! Nay ông mới có thể giới biết ý của ta ! Bồ tát hộ pháp cần phải như vậy ! Này Thiện nam tử ! Từ ngày hôm nay, bắt đầu chẳng cho phép đệ tử Thanh Văn ăn thịt. Như khi thọ đản Việt tín thí thì nên xem đồ ăn đó như thịt con mình !

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Tại sao đức Như Lai chẳng cho ăn thịt ?
- Này Thiện nam tử ! Luận về ăn thịt thì dứt đoạn giống Đại từ !

Ngài Ca Diếp lại hỏi :

- Vì sao trước đây đức Như Lai cho phép Tỳ kheo ăn ba thứ tịnh nhục ?
- Này Ca Diếp ! Ba thứ tịnh nhục đó là tùy theo việc mà chế dân ra.

Ngài Ca Diếp Bồ tát lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Mười thứ bất tịnh vì nhân duyên gì ? Cho đến chín thứ thanh tịnh mà lại chẳng cho phép ?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp :

- Cũng là nhân việc theo thứ lớp mà chế dân ra, ông phải biết, tức là thị hiện nghĩa đoạn nhục !

Ngài Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Tại sao đức Như Lai xưng tán thịt của cá là món ăn ngon vậy ?
- Này Thiện nam tử ! Ta cũng chẳng nói những gì thuộc về thịt của cá là món ăn ngon. Ta nói mía, gạo ngon, đường, tất cả lúa mạch, đường đen, sữa, cao sữa, váng sữa, dầu dùng làm món ăn ngon. Tuy ta nói nên sắm đủ thứ quần áo, nhưng cái nên sắm phải là đồ hoại sắc, huống gì là tham trước vị thịt của cá này ?

Ngài Ca Diếp lại nói rằng :

- Như Lai nếu chế chẳng ăn thịt thì năm thứ vị như sữa, cao sữa, nước uống cao sữa, váng sữa sống, váng sữa chín, dầu mè.v.v... này và các y phục, áo kiêu xa gia, đồ ngọc kha, da thuộc, vàng, bạc, chén, bát... Những vật như vậy cũng chẳng nên thọ nhận !

- Này Thiện nam tử ! Ông chẳng nên đồng sở kiến của bọn Ni Kiền kia ! Như Lai đã chế ra tất cả cấm giới đều có ý khác. Ý khác nên cho phép ăn ba thứ tịnh nhục; tướng khác nên đoạn tuyệt mười thứ thịt; tướng khác nên tất cả đều đoạn và tự chết (?). Này Ca Diếp ! Ta từ hôm nay chế các đệ tử chẳng được ăn tất cả thịt nữa. Này Ca Diếp ! Người ăn thịt ấy hoặc đi hoặc đứng hoặc ngồi hoặc nằm, tất cả chúng sinh nghe hơi thịt của chúng đều sinh ra kinh sợ. Ví như có người gần gũi sư tử, rồi mọi người thấy người đó, nghe mùi hôi sư tử, cũng sinh ra kinh sợ.

Này Thiện nam tử ! Như người ăn tỏi mùi hôi khó chịu. Người khác thấy họ nghe hôi bỏ đi. Giả sử người thấy từ xa còn chẳng muốn nhìn huống là phải gần gũi họ. Người ăn thịt cũng lại như vậy, tất cả chúng sinh nghe hơi thịt của chúng đều khùng bố phát sinh tư tưởng sợ chết. Những loài có mạng sống đi trong hư không, dưới đất, trong nước đều bỏ chạy hết, đều nói người này là oán địch của chúng ta. Vậy nên Bồ tát chẳng tập ăn thịt mà vì độ chúng sinh thị hiện ăn thịt. Tuy thị hiện ăn thịt nhưng kỳ thật chẳng ăn. Này Thiện nam tử ! Như vậy Bồ tát ăn thanh tịnh còn chẳng ăn, huống chi là phải ăn thịt. Này Thiện nam tử ! Sau khi ta Niết Bàn vô lượng trăm năm, ở bốn đường, Thánh nhân đều lại Niết Bàn, sau khi chánh pháp diệt, ở trong đời tượng pháp, sẽ có Tỳ kheo với dáng vẻ giữ gìn luật mà ít đọc tụng Kinh, ham thích ăn uống, nuôi lớn thân mình. Thân thể ăn mặc thô bỉ xấu xí, hình dung tiêu tụy, không có uy đức, chần thả trâu dê, gánh vác củi cỏ, đầu tóc, râu, móng đều dài và bén. Họ tuy mặc cà sa nhưng giống như thợ săn, nhìn chăm bước chậm như mèo rình chuột. Họ thường xưng lên rằng : “Ta đắc quả Alahán !”, chịu nhiều thứ bệnh, nằm ngủ trên phân bần. Bên ngoài họ hiện vẻ hiền thiện mà bên trong ôm lòng tham lam tật đố, như Balamôn thọ phép cầm.v.v... Thật chẳng phải Samôn mà hiện hình dáng Samôn, tà kiến hừng hực, bài bác chánh pháp. Những người như vậy phá hoại sự chế ra giới luật để chánh hạnh oai nghi, nói quả giải thoát để lia khỏi pháp bất tịnh của đức Như Lai và phá hoại giáo lý bí mật thâm thâm. Họ đều tự theo ý nói ngược lại Kinh luật mà nói lên rằng : “Như Lai đều cho chúng ta ăn thịt”. Họ tự tạo ra lập luận này mà nói rằng chính là Phật nói rồi cùng nhau tranh cãi, đều tự xưng là Thích Tử Samôn. Này Thiện nam tử ! Lúc bấy giờ, lại có những Samôn gom chứa thóc gạo, nhận lấy thịt cá, tay tự làm món ăn, nắm giữ bình dầu, bảo cái, dày da, gần gũi quốc vương, đại thần, trưởng giả, xem tướng tinh tú, siêng tu y đạo, nuôi dưỡng nô tỳ, gom chứa vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, pha lê, chân châu, san hô, hổ phách, kiên ngọc, kha cụ.... đủ thứ trái quả. Họ học tập các kỹ nghệ, họa sư, tô trát, tạo ra sách dạy học, gieo trồng cây cối, đạo dùng độc, chú thuật huyền hóa, hòa hợp các thuốc, tấu xướng kỹ nhạc, hương hoa sửa trị thân, đánh bạc, chơi cờ v.v... học các

nghe khéo léo. Nếu có vị Tỳ kheo có thể lìa khỏi các việc ác như vậy thì ta sẽ nói người này là đệ tử chân chính của ta.

Lúc bấy giờ, ngài Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di nhờ người khác mà sống, nếu khi xin ăn mà được đồ ăn có lẫn thịt thì làm sao được ăn hợp với pháp thanh tịnh ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay Ca Diếp ! Phải dùng nước tẩy rửa, làm cho thịt tách ra, rồi nhiên hậu mới ăn. Nếu đồ đựng thức ăn bị thịt làm bẩn thì chỉ cần làm cho mất mùi vị là được dùng không có tội. Nếu thấy trong thức ăn có nhiều thịt thì chẳng nên thọ nhận. Tất cả hiện nhục (thịt hiện tiền) đều chẳng nên ăn, nếu ăn thì bị tội. Nay ta xướng chế ra pháp đoạn nhục này, nếu nói rộng thì chẳng thể hết mà thời điểm Niết Bàn đã đến. Vậy nên ta lược nói thôi. Đó gọi là có thể tùy theo câu hỏi mà đáp.

Này Ca Diếp ! Sao gọi là khéo giải nghĩa nhân duyên ? Như có bốn bộ chúng đến hỏi ta rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Ý nghĩa như vậy, khi đức Như Lai mới xuất hiện tại sao ngài chẳng vì vua Ba Tư Nặc nói nghĩa của pháp môn thâm diệu đó ? Hoặc khi thì nói sâu, hoặc khi thì nói cạn, hoặc gọi là phạm, hoặc gọi là chẳng phạm. Sao gọi là đọa ? Sao gọi là luật ? Sao gọi là nghĩa của Ba la đề mộc xoa ? - Đức Phật dạy - Ba la đề mộc xoa gọi là trí túc thành tựu oai nghi không có sự thọ nhận nuôi chứa, cũng gọi là Tịnh Mạng. Đọa là gọi bốn đường ác. Lại nữa đọa là rơi vào địa ngục... cho đến chốn A tỳ. Luận về nhanh chóng của việc đọa ấy còn hơn cả bạo vũ (mưa dữ). Người nghe kinh sợ, kiên trì cấm giới, chẳng phạm oai nghi, tu tập biết đủ, chẳng nhận tất cả vật bất tịnh. Lại nữa, đọa là nuôi lớn địa ngục, súc sinh, ngã quỷ. Do những nghĩa đó nên gọi là đọa. Ba la đề mộc xoa là lìa khỏi tà nghiệp bất thiện của thân, miệng, ý. Luật là vào oai nghi thâm Kinh thiện nghĩa của giới, ngăn chặn sự thọ nhận tất cả vật bất tịnh và nhân duyên bất tịnh, cũng ngăn chặn bốn trọng tội, mười ba tăng tàn, hai bất định pháp, ba mươi xả đọa, chín mươi một đọa, bốn pháp hồi lỗi, pháp chúng học nhiều, bảy diệt tránh.v.v... Hoặc lại có người phá tất cả giới. Sao gọi là tất cả ? Đó là bốn trọng pháp... cho đến bảy pháp diệt tránh. Hoặc lại có người bài báng chánh pháp, kinh điển thâm thâm và Nhất xiển đề, thành tựu đầy đủ hết tất cả tướng, không có nhân duyên... Những người như vậy tự nói rằng, ta là người thông minh, trí tuệ linh lợi, những tội nặng nhẹ đều che giấu hết, che

giấu các ác như con rùa che giấu sáu bộ phận thân thể. Mọi tội như vậy mãi mãi chẳng hối cải. Do chẳng hối nên ngày đêm lớn thêm. Những Tỳ kheo đó đã phạm mọi tội lỗi mà nhất định chẳng phát lồ. Việc đó khiến cho sự vi phạm lại thêm nhiều hơn. Vậy nên Như Lai biết việc đó rồi thì dần dần theo thứ lớp mà chế ra, chẳng phải trong một lúc.

Lúc bấy giờ, có thiện nam tử, thiện nữ nhân bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai biết việc như vậy lâu rồi, tại sao ngài chẳng chế ra trước ? Hay là Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh vào ngục A tỳ ? Ví như nhiều người muốn đến phương khác nhưng lạc mất chánh lộ, đuổi theo đường tà. Những người đó chẳng biết mình lạc đường nên đều cho là mình đi đúng đường. Họ lại chẳng gặp ai để hỏi phải trái. Chúng sinh đối với Phật pháp cũng mê lầm như vậy, họ chẳng thấy chánh chơn. Đức Như Lai nên vì họ trước giảng nói chánh đạo, bảo cho các Tỳ kheo biết, đây là phạm giới, đây là trì giới... Ngài phải chế ra như thế ! Vì sao vậy ? Vì đức Như Lai Chánh Giác là người chân thật thấy biết chánh đạo ! Chỉ có đức Như Lai, đấng Thiên Trung Thiên, mới có thể nói công đức tăng thượng của thập thiện và nghĩa vị ấy. Vậy nên con khải thỉnh ngài nên trước chế ra giới !

Đức Phật dạy rằng :

- Nay Thiện nam tử ! Nếu nói Như Lai có thể vì chúng sinh tuyên nói công đức tăng thượng của thập thiện thì tức là Như Lai nhìn các chúng sinh như La Hầu La. Vì sao nói khó rằng, hay là Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh vào địa ngục, ta thấy một người có nhân duyên rơi vào địa ngục A tỳ mà còn vì người đó trụ ở đời một kiếp hoặc giảm một kiếp. Ta đối với chúng sinh có lòng đại từ bi thì vì duyên gì phải lừa dối người tưởng như con khiến cho họ vào địa ngục ? Nay Thiện nam tử ! Như bên trong vương quốc có người thu nhận áo, thấy áo có lỗ thì nhiên hậu mới vá. Như Lai cũng vậy, thấy các chúng sinh có nhân duyên vào địa ngục A tỳ thì mới dùng giới thiện mà vì họ bổ sung. Nay Thiện nam tử ! Ví như vị Chuyển Luân Thánh Vương trước vì chúng sinh nói pháp thập thiện. Về sau họ dần dần có người làm ác thì nhà vua liền tùy theo việc để đoạn dứt dần. Đoạn các ác rồi nhiên hậu nhà vua tự thi hành pháp thánh vương. Nay Thiện nam tử ! Ta cũng như vậy, tuy có lời nói chẳng được chế trước, cần phải nhân Tỳ kheo hành động phi pháp dần dần, nhiên hậu mới tùy theo sự việc mà chế ra. Chúng sinh ưa pháp theo lời dạy tu hành. Những chúng sinh như vậy mới có thể được thấy pháp thân của Như Lai. Như vua Chuyển Luân sở hữu luân bảo chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai cũng vậy chẳng thể nghĩ bàn, Pháp, Tăng hai báu cũng chẳng

thể nghĩ bàn. Người hay nói pháp và người nghe pháp đều chẳng thể nghĩ bàn. Đó gọi là giải nghĩa nhân duyên. Bồ tát phân biệt khai thị bốn thứ tướng nghĩa như vậy thì gọi là nghĩa nhân duyên trong Đại Niết Bàn của Đại Thừa vậy.

Lại nữa, tự chánh là gọi người được Đại Bát Niết Bàn này. Tha chánh là ta vì Tỳ kheo nói rằng, Như Lai thường tồn chẳng biến dị. Theo câu mà đáp là, này Ca Diếp ! Nhân điều ông hỏi nên được vì Đại Bồ tát, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di nói rộng rãi nghĩa vi diệu thậm thâm này. Nghĩa nhân duyên là Thanh Văn, Duyên Giác chẳng giải được nghĩa thậm thâm như vậy, chẳng nghe chữ Y ba chấm (?) mà thành Giải thoát, Niết Bàn, Ma Ha Bát Nhã thành tạng bí mật. Ta nay, ở đây, xiển dương, phân biệt vì các Thanh Văn khai phát tuệ nhãn. Giả sử có người nói như vậy : “Bốn việc như vậy sao gọi là một chẳng phải hư vọng sao ?” thì liền nên trở lại cội nguồn, hư không đó không sở hữu, chẳng lay động, không ngăn ngại. Như vậy bốn việc có những gì sai khác ? Điều này há được gọi là hư vọng ư ?

- Thừa đức Thế Tôn ! Chẳng phải vậy !

- Như vậy các câu tức là một nghĩa, gọi là nghĩa “không”. Tự chánh, Tha chánh, năng tùy vấn đáp, giải nhân duyên nghĩa cũng lại như vậy, tức là Đại Niết Bàn, không có khác.

Đức Phật dạy rằng :

- Này Ca Diếp ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nói như vậy: “Như Lai vô thường ! Làm sao biết được vô thường này vậy ? Vì như đức Phật đã nói, diệt các phiền não gọi là Niết Bàn, giống như lửa tắt đều không sở hữu, diệt các phiền não cũng lại như vậy nên gọi là Niết Bàn thì sao gọi Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến dị vậy ? Như đức Phật nói rằng, lìa các hữu thì mới gọi là Niết Bàn. Trong Niết Bàn này không có các hữu thì sao gọi Như Lai là pháp thường trụ chẳng biến dị vậy ? Như áo rách hết chẳng gọi là vật, Niết Bàn cũng vậy, diệt các phiền não chẳng gọi là vật thì sao gọi Như Lai là thường trụ pháp, chẳng biến dị vậy ? Như đức Phật nói rằng, lìa dịch tịch diệt gọi là Niết Bàn. Như người bị chém đầu thì không có đầu; ly dục tịch diệt cũng lại như vậy, rỗng không không sở hữu nên gọi là Niết Bàn thì sao gọi Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến dị vậy ? Như đức Phật nói rằng :

Ví như sắt nóng Đập tóe lưu tinh

Tan rồi liền diệt Không biết chỗ còn

Được Chánh giải thoát Cũng lại như trên

Đã độ dâm dục Các hữu úc bần,

Được chỗ không động Chỗ đến chẳng thông (biết).

Thì sao gọi Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến dị vậy. Nay Ca Diếp ! Nếu có người tạo sự vẩn nạn như vậy thì gọi là tà nạn. Nay Ca Diếp ! Ông cũng chẳng nên tác khởi sự ức tưởng này, cho là tính Như Lai chính là diệt tận vậy. Nay Ca Diếp ! Diệt phiền não thì chẳng gọi là vật. Vì sao vậy ? Vì vĩnh viễn rốt ráo ! Vậy nên gọi là Thường. Câu tịch tịnh này là không có gì trên, diệt hết các tướng không có còn sót. Câu tươi trắng này thường trụ không thoái lui. Vậy nên Niết Bàn gọi là thường trụ. Như Lai cũng vậy, thường trụ không biến dị. Nói tinh lưu (tóc ra sao) là gọi phiền não vậy. Tan rồi liền diệt, không biết chỗ tồn tại là gọi các phiền não của Như Lai diệt rồi, chẳng ở tại năm đường. Vậy nên Như Lai là pháp thường trụ, không có biến dị. Lại nữa, Nay Ca Diếp ! Thầy của chư Phật gọi là pháp. Vậy nên Như Lai cung kính cúng dường. Do pháp thường trụ nên chư Phật cũng thường trụ !

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Nếu lửa phiền não tắt thì Như Lai cũng diệt. Vậy thì Như Lai không chỗ thường trụ. Như màu đỏ của sắt tung tóe kia diệt rồi thì không biết nó đến đâu, phiền não của Như Lai cũng lại như vậy, diệt rồi không chỗ đến. Lại như viên sắt nóng kia cùng với màu đỏ diệt rồi thì không có, Như Lai cũng vậy, diệt rồi thì không thường. Diệt lửa phiền não liền vào Niết Bàn, thì phải biết, Như Lai tức là vô thường.

- Nay Thiện nam tử ! Sở dĩ nói sắt là gọi các phàm phu. Người phàm phu tuy diệt phiền não, nhưng diệt rồi lại sinh ra nên gọi là Vô thường. Như Lai chẳng vậy, diệt rồi chẳng sinh ra nữa. Vậy nên gọi là Thường.

Ngài Ca Diếp lại thưa rằng :

- Như màu đỏ của sắt diệt rồi, đặt sắt trở lại trong lửa thì màu đỏ lại sinh ra. Như Lai nếu vậy nên trở lại sinh ra kết sử. Nếu kết sử sinh trở lại thì tức là vô thường.

Đức Phật dạy rằng :

- Này Ca Diếp ! Ông nay chẳng nên nói lời như vậy; Như Lai vô thường. Vì sao vậy ? Vì Như Lai là Thường ! Này Thiện nam tử ! Như cây cháy kia tắt rồi thì có tro, phiền não diệt rồi liền có Niết Bàn. Xé áo, chặt đầu, đập bình.v.v.. những ví dụ đó cũng lại như vậy. Những vật như vậy đều có danh tự, gọi là áo rách, đầu chặt, bình vỡ. Này Ca Diếp ! Như sắt lạnh rồi có thể làm cho nóng trở lại. Như Lai chẳng vậy, đoạn phiền não rồi thì rất ráo thanh lương (mát mẻ), lửa rục phiền não lại chẳng sinh ra nữa. Này Ca Diếp ! Ông phải biết, vô lượng chúng sinh giống như sắt đỏ, ta dùng lửa hừng trí tuệ vô lậu đốt cháy những phiền não kết của chúng sinh đó !

Ngài Ca Diếp lại thưa rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Con nay biết chắc chắn Như Lai đã nói chư Phật là Thường !

- Đức Phật dạy rằng :

- Này Ca Diếp ! Ví như vị Thánh Vương ở tại hậu cung, hoặc lúc dạo xem tại hậu viên. Nhà vua tuy chẳng ở trong các thể nữ nhưng cũng chẳng được nói rằng, vị Thánh Vương mạng chung. Này Thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, tuy chẳng hiện ở cõi Diêm Phù Đề, vào trong Niết Bàn, nhưng chẳng được gọi là Vô thường. Như Lai ra khỏi vô lượng phiền não, vào đến chỗ Niết Bàn an lạc, dạo vườn hoa giác, vui sướng hưởng thọ lạc.

Ngài Ca Diếp lại hỏi :

- Như đức Phật nói rằng, ta đã qua khỏi biển lớn phiền não lâu rồi, nếu đức Phật đã qua biển phiền não thì duyên có gì ngài thu nạp bà Gia Du Đà La, sinh ra La Hầu La ? Do nhân duyên này nên phải biết rằng, đức Như Lai chưa qua được biển lớn những kết phiền não. Nguyện xin đức Như Lai nói về nhân duyên ấy.

Đức Phật dạy rằng :

- Này Ca Diếp ! Ông chẳng nên nói rằng, Như Lai qua biển lớn phiền não đã lâu, có sao lại thu nạp bà Gia Du Đà La, sinh ra ông La Hầu La. Do nhân duyên này thì phải biết rằng, Như Lai chưa qua biển lớn các kết phiền não. Này Thiện nam tử ! Đại Niết Bàn này có thể kiến lập đại nghĩa. Các ông nay

phải chí tâm nghe cho kỹ, ta vì người nói rộng rãi, chớ sinh ra kinh sợ, nghi hoặc ! Nếu có Đại Bồ tát trụ ở Đại Niết Bàn thì vua núi Tu Di cao rộng như thế đều có thể khiến cho vào ở trong hạt cải. Những chúng sinh nương ở núi Tu Di ấy cũng chẳng bị dồn ép, không có tư tưởng vãng lai mà vẫn như cũ không khác. Chỉ người ứng độ mới thấy Bồ tát này đem núi Tu Di nạp vào trong hạt cải, rồi trở lại ở yên nơi trú xứ cũ. Nay Thiện nam tử ! Lại có Đại Bồ tát trụ ở Đại Niết Bàn có thể đem ba ngàn đại thiên thế giới vào trong hạt cải. Trong hạt cải ấy chúng sinh cũng không bị dồn ép và tư tưởng vãng lai như cũ, không khác, chỉ người ứng độ thì thấy vị Bồ tát này đem ba ngàn đại thiên thế giới nạp vào trong hạt cải, rồi trở lại ở yên nơi trú xứ cũ. Nay Thiện nam tử ! Lại có Đại Bồ tát trụ ở Đại Niết Bàn có thể đem ba ngàn đại thiên thế giới vào trong một lỗ chân lông... cho đến chỗ cũ... cũng lại như vậy. Nay Thiện nam tử ! Lại có Đại Bồ tát trụ ở Đại Niết Bàn đoạn lấy thế giới chư Phật của ba ngàn đại thiên trong mười phương đặt ở mũi kim khâu như râu lá táo, rồi ném đi, đặt ở thế giới Phật khác nơi tha phương mà tất cả chúng sinh sở hữu trong ấy chẳng biết sự vãng phẫn, chẳng biết là ở chỗ nào? Chỉ có người ứng độ mới có thể thấy việc đó... cho đến chỗ cũ... cũng lại như vậy. Nay Thiện nam tử ! Lại có Đại Bồ tát trụ ở Đại Niết Bàn đoạn lấy các thế giới Phật của ba ngàn đại thiên trong mười phương đặt vào bàn tay phải như vòng quay thợ nặn, rồi ném đi, đặt vào thế giới nhiều như vi trần ở phương khác mà không một chúng sinh nào có tư tưởng vãng phẫn, chỉ có người ứng độ mới thấy việc đó... cho đến chỗ cũ... cũng lại như vậy. Nay Thiện nam tử ! Lại có Đại Bồ tát trụ ở Đại Niết Bàn cất lấy tất cả thế giới của chư Phật nhiều không lường ở mười phương nạp hết vào thân mình mà trong ấy chúng sinh đều chẳng bị dồn ép, cũng không có tư tưởng vãng phẫn và trú xứ, chỉ có người ứng độ mới có thể thấy việc đó... cho đến chỗ cũ... cũng lại như vậy. Nay Thiện nam tử ! Lại có Đại Bồ tát trụ ở Đại Niết Bàn đem thế giới mười phương vào trong một hạt bụi mà chúng sinh trong ấy không bị dồn ép và tư tưởng vãng phẫn, chỉ có người ứng độ mới có thể thấy việc đó... cho đến chỗ cũ... cũng lại như vậy. Nay Thiện nam tử ! Đại Bồ tát này trụ ở Đại Niết Bàn thì có thể thị hiện đủ thứ thân thông biến hóa không lường. Vậy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đại Bồ tát này đã có thể thị hiện vô lượng thân thông biến hóa như vậy mà tất cả chúng sinh không thể đo lường thì sao ông nay có thể biết Như Lai quen gần ái dục để sinh ra ông La Hầu La ?

Nay Thiện nam tử ! Ta trụ ở đại Niết Bàn này đã lâu, thị hiện đủ thứ thân thông biến ở ba ngàn đại thiên thế giới này, hàng trăm ức mặt trời mặt trăng, hàng trăm ức cõi Diêm Phù Đề. Ta thị hiện đủ thứ như trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm đã nói rộng rãi. Ta ở ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc ở ở cõi Diêm

Phù Đề thị hiện Niết Bàn mà cũng chẳng rớt ráo thủ lấy Niết Bàn. Hoặc ở cõi Diêm Phù Đề thị hiện vào thai mẹ khiến cho cha mẹ ấy sinh ra tư tưởng con của ta mà thân này của ta rớt ráo chẳng từ ái dục hòa hợp mà sinh ra vậy. Đã lâu, từ vô lượng kiếp đến nay, ta lìa khỏi ái dục. Thân này của ta hôm nay tức là pháp thân, ta thuận theo thể gian mà thị hiện vào thai mẹ. Nay Thiên nam tử ! Tại vườn Lâm Vi Ni của cõi Diêm Phù Đề này ta thị hiện từ mẹ Ma Gia mà sinh ra. Sinh ra rồi ta liền có thể đi về phía Đông bảy bước và xướng lên rằng : “Ta ở trong người, trời, atula... là đáng tối tôn, tối thượng !” Cha mẹ, người, trời thấy rồi kinh ngạc vui mừng, sinh lòng hy hữu. Những người này... gọi ta là đứa trẻ con mà thân này của ta từ vô lượng kiếp đến nay đã lìa khỏi pháp đó lâu rồi. Thân như vậy tức là pháp thân, chẳng phải thân do sự thành lập của máu thịt, gân mạch, xương tủy... Ta thuận theo pháp chúng sinh ở thể gian nên thị hiện làm đứa trẻ con. Đi bảy bước về phía Nam là thị hiện muốn vì vô lượng chúng sinh làm ruộng phước vô thượng. Đi bảy bước về phía Tây là thị hiện sinh ra để đoạn tuyệt vĩnh viễn già chết, là thân sau cùng. Đi bảy bước về phía Bắc là thị hiện đã qua khỏi các hữu sinh tử. Đi bảy bước về phía Đông là thị hiện vì chúng sinh mà làm người đứng đầu dẫn đường. Đi bảy bước về bốn góc là thị hiện đoạn diệt đủ thứ phiền não, chủng tánh bốn ma, thành tựu Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đi bảy bước về phía trên là thị hiện chẳng bị sự nhiễm ô của vật bất tịnh giống như hư không. Đi bảy bước về phía dưới là thị hiện mưa pháp diệt lửa địa ngục, khiến cho chúng sinh kia hưởng thọ niềm vui yên ổn. Với người hủy cấm giới thì thị hiện làm sương mù mưa đá. Ở cõi Diêm Phù Đề, sinh ra được bảy ngày rồi thì thị hiện cạo tóc. Mọi người đều gọi ta là đứa trẻ đầu tiên cạo tóc. Tất cả người, trời, ma vương Ba Tuần, Samôn, Balamôn không ai có thể thấy tướng đánh của ta, huống là có người cầm dao đến cạo tóc. Nếu có người cầm dao đến đánh của ta thì không có chỗ đó. Ta ở trong vô lượng kiếp cạo bỏ râu tóc đã lâu rồi, nhưng vì muốn thuận theo pháp thể gian nên thị hiện cạo tóc. Khi ta đã sinh ra rồi, cha mẹ đem ta vào trong đền thờ trời để ta trình diện với Ma Ê Thủ La kia. Ma Ê Thủ La khi thấy ta liền chấp tay cung kính đứng ở một bên. Ta ở trong vô lượng kiếp lìa bỏ pháp vào đền thờ trời như vậy đã lâu rồi. Vì muốn thuận theo pháp thể gian nên ta thị hiện như vậy. Ta ở cõi Diêm Phù Đề thị hiện râu tai mà thật ra tất cả chúng sinh không có ai có thể râu tai của ta. Thuận theo pháp chúng sinh của thể gian nên ta thị hiện như vậy. Lại dùng các báu làm ngọc đeo tai sư tử để trang nghiêm tai ấy. Nhưng ta đã ở trong vô lượng kiếp lìa khỏi đồ trang nghiêm. Vì muốn thuận theo pháp thể gian nên ta tạo nên sự thị hiện đó. Ta thị hiện vào trường học tu tập thư số. Nhưng ta đã ở trong vô lượng kiếp thành tựu đầy đủ rồi. Quan sát khắp sở hữu chúng sinh trong ba cõi thì không có ai đủ sức làm thầy của ta. Vì muốn

thuận theo pháp thế gian nên ta thị hiện vào học đường. Vậy nên gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri học tập đi voi, cỡi ngựa, súc giặc đấu... đủ thứ kỹ nghệ cũng lại như vậy. Ở cõi Diêm Phù Đề mà ta lại thị hiện làm vương thái tử. Chúng sinh thấy ta làm thái tử, ở trong năm dục, vui sướng hưởng thụ lạc. Nhưng ta đã ở trong vô lượng kiếp lìa bỏ niềm vui của năm dục như vậy. Vì muốn thuận theo pháp thế gian nên ta thị hiện tướng như vậy. Thầy tướng xem tướng cho ta rằng, nếu chẳng xuất gia thì sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, làm vua cõi Diêm Phù Đề, tất cả chúng sinh đều tin lời nói này. Nhưng ta đã ở trong vô lượng kiếp, bỏ ngôi vua Chuyển Luân để làm vua Pháp Luân. Ở cõi Diêm Phù Đề, ta thị hiện lìa khỏi niềm vui năm dục của thế nữ, thấy cảnh già, bệnh, chết và Samôn, rồi xuất gia tu đạo. Tất cả chúng sinh đều cho là thái tử Tất Đạt Đa mới bắt đầu xuất gia. Nhưng ta đã ở trong vô lượng kiếp xuất gia tu đạo. Thuận theo pháp thế gian nên ta thị hiện như vậy. Ta ở cõi Diêm Phù Đề thị hiện xuất gia, thọ cụ túc giới, tinh cần tu đạo, được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán. Mọi người đều cho rằng, quả A La Hán đó dễ được chẳng khó. Nhưng ta đã ở trong vô lượng kiếp thành quả A La Hán. Vì muốn độ thoát các chúng sinh nên ta ngồi dưới cây Bồ Đề Đạo Tràng, dùng cỏ làm tòa ngồi, tiêu diệt hàng phục mọi thứ ma. Mọi người đều cho rằng, ta đầu tiên ở dưới cây Bồ Đề Đạo Tràng hàng phục mọi ma. Nhưng ta đã ở trong vô lượng kiếp, hàng phục chúng lâu rồi. Vì muốn hàng phục chúng sinh cương cường nên ta thị hiện sự biến hóa này. Ta lại thị hiện đại, tiểu tiện lợi, thở ra, hít vào. Mọi người đều cho rằng, ta thật sự có đại, tiểu tiện lợi, thở ra, hít vào. Nhưng thân này của ta đã được quả báo không có những hoạn nạn đó. Thuận theo thế gian nên ta thị hiện như vậy thôi. Ta lại thị hiện thọ sự tín thí của con người. Nhưng thân này của ta đều không có đói khát. Thuận theo thế pháp nên ta thị hiện như vậy. Ta lại thị hiện đồng với các chúng sinh nên hiện có ngủ nghỉ. Nhưng ta đã ở trong vô lượng kiếp, đầy đủ trí tuệ thâm diệu vô thượng, lìa xa ba hữu. ta có uy nghi tiến dừng, đầu, mắt, bụng lưng, toàn thân, tất bệnh, đau đốn, cây chổng, đèn đáp, rửa rấy chân tay, rửa mặt, súc miệng, xĩa răng, tự làm sạch... Mọi người đều cho là ta có những việc như vậy. Nhưng thân này của ta đều không những điều này vậy. Tay chân ta thanh tịnh giống như hoa sen, mùi thơm tịnh khiết như hương hoa Ưu bát la. Tất cả chúng sinh gọi ta là người, nhưng thật ra ta chẳng phải người. Ta lại thị hiện nhận áo phân tảo (dơ bẩn) giặt giũ, may vá... Nhưng ta đã lâu chẳng cần áo đó. Mọi người đều gọi La Hầu La là con của ta, vua Thâu Đầu Đà là cha của ta, ma Gia phu nhân là mẹ của ta, ta ở tại thế gian, thọ các khoái lạc, rồi bỏ những việc như vậy mà xuất gia học đạo. Mọi người lại nói rằng, vị vương thái tử thuộc họ lớn Cù Đàm này xa lìa thế lạc, cầu pháp xuất thế. Nhưng ta lìa khỏi ái dục thế gian lâu rồi. Những việc như

vậy đều là thị hiện. Tất cả chúng sinh đều gọi ta là người, nhưng ta quả thật chẳng phải. Nay Thiện nam tử ! Ta tuy ở tại trong cõi Diêm Phù Đề này, thỉnh thoảng thị hiện vào với Niết Bàn. Nhưng thật ra chẳng rốt ráo Niết Bàn mà các chúng sinh đều cho là Như Lai chân thật diệt độ mà thật tánh của Như Lai thật chẳng diệt mất vĩnh viễn. Vậy nên ông phải biết là pháp thường trụ, pháp chẳng biến dị. Nay Thiện nam tử ! Đại Niết Bàn tức là cảnh giới của các đức Phật Như Lai. Ta lại thị hiện trong cõi Diêm Phù Đề, rời ra khỏi thế gian. Các chúng sinh đều cho là ta mới thành Phật. Nhưng ta đã ở trong vô lượng kiếp việc làm đã hoàn thành. Thuận theo pháp thế gian nên ta lại thị hiện ở cõi Diêm Phù Đề, bắt đầu xuất gia, thành Phật. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm Phù Đề, chẳng giữ gìn cấm giới, phạm bốn trọng tội. Mọi người đều thấy và cho là ta thật sự phạm tội. Nhưng ta đã ở trong vô lượng kiếp kiên trì cấm giới, không có khuyết lậu. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm Phù Đề làm Nhất xiển đề. Mọi người đều thấy ta là Nhất xiển đề, nhưng ta thật chẳng phải Nhất xiển đề. Nhất xiển đề thì sao có thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm Phù Đề, phá hòa hợp tăng. Chúng sinh đều cho là ta phá hòa hợp tăng. Ta xem người, trời không có ai có thể phá hòa hợp tăng. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm Phù Đề, hộ trì chánh pháp. Mọi người đều cho rằng ta là hộ pháp, đều sinh ra kinh ngạc quái lạ. Pháp của chư Phật vậy chẳng nên kinh ngạc quái lạ. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm Phù Đề làm Ma ba Tuần. Mọi người đều cho rằng ta là Ba Tuần. Nhưng lâu rồi, ta ở trong vô lượng kiếp đã lìa khỏi việc ma, thanh tịnh vô nhiễm giống như hoa sen. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm Phù Đề, làm thân nữ thành Phật. Mọi người thấy thế đều nói rằng, lạ quá nữ nhân mà có thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Như Lai rốt ráo chẳng thọ thân nữ, nhưng vì muốn điều phục vô lượng chúng sinh nên hiện hình dáng nữ. Vì thương xót tất cả các chúng sinh nên ta lại thị hiện đủ thứ sắc tượng. Ta lại thị hiện ở trong cõi Diêm Phù Đề, sinh ra ở bốn đường. Nhưng ta đoạn tuyệt nhân các đường lâu rồi. Chúng sinh do nghiệp nhân nên đọa ở bốn đường, vì độ họ nên ta sinh ở trong đó. Ta lại thị hiện làm Phạm Thiên Vương ở trong cõi Diêm Phù Đề để khiến cho kẻ phụng sự Phạm thiên an trụ ở chánh pháp. Nhưng ta thật sự chẳng phải mà các chúng sinh đều cho rằng ta là Phạm Thiên thật. Việc thị hiện hình dáng trời ở khắp các miếu thờ trời cũng lại như vậy. Ta lại thị hiện vào nhà dâm nữ ở cõi Diêm Phù Đề. Nhưng ta thật không có tư tưởng tham dục, thanh tịnh chẳng bản giống như hoa sen. Vì những chúng sinh tham dâm mê sắc, ở ngã tư đường lớn, ta tuyên nói diệu pháp. Nhưng ta thật không có tâm dục uế mà mọi người cho là ta thủ hộ nữ nhân. Ta lại thị hiện vào nhà thanh y ở cõi Diêm Phù Đề, vì muốn dụ hóa khiến cho họ trụ ở chánh pháp. Nhưng ta thật không có nghiệp ác đọa ở tại thanh y như vậy. Ta lại thị hiện ở trong cõi Diêm Phù Đề mà làm giáo sư

khai hóa trẻ mới học khiến trụ ở chánh pháp. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm Phù Đề, vào các quán rượu, sòng bạc, thị hiện đủ thứ thắng thua, tranh cãi vì muốn cứu vớt những chúng sinh ở đó mà ta thật không có nghiệp ác như vậy. Nhưng các chúng sinh đều cho rằng ta tạo tác nghiệp như vậy. Ta lại thị hiện trụ lâu ở bãi tha ma, làm thân chim thú lớn để độ các loài chim bay mà các chúng sinh đều cho rằng ta thật sự là thân chim thú. Nhưng lâu rồi, ta lìa khỏi nghiệp đó. Vì muốn độ những chim thú kia nên ta thị hiện như vậy. Ta lại thị hiện trong cõi Diêm Phù Đề, làm đại trưởng giả vì muốn an lập vô lượng chúng sinh trụ ở chánh pháp. Ta lại thị hiện làm những vua, đại thần, con vua, phụ tướng, ở trong chúng đó, đều là bậc nhất, vì tu chánh pháp nên ở ngôi vua. Ta lại thị hiện ở trong cõi Diêm Phù Đề, lúc kiếp dịch bệnh khởi lên, có nhiều chúng sinh bị khổ não dịch bệnh, ta trước thí cho thuốc thang, rồi nhiên hậu vì họ nói chánh pháp vi diệu, khiến cho họ an trụ ở Bồ Đề Vô thượng. Mọi người đều gọi là kiếp bệnh khởi lên. Lại nữa, ta thị hiện trong cõi Diêm Phù Đề, khi kiếp đói kém khởi lên, rồi tuy sự cần dùng của chúng sinh ấy mà cung cấp đồ ăn thức uống, rồi nhiên hậu vì họ nói chánh pháp vi diệu, khiến cho họ an trụ ở Bồ Đề Vô thượng. Lại nữa, ta thị hiện trong cõi Diêm Phù Đề, khi kiếp đao binh khởi lên, liền vì chúng sinh nói pháp khiến cho họ lìa khỏi oán hại, làm cho họ được an trụ ở Bồ Đề Vô thượng. Lại nữa, ta thị hiện vì kẻ cho là thường tướng, nói vô thường tướng; kẻ cho là lạc tướng thì vì họ nói khổ tướng; kẻ cho là ngã tướng thì nói vô ngã tướng; kẻ cho là tịnh tướng thì nói bất tịnh tướng. Nếu có chúng sinh tham trước ba cõi thì ta liền vì họ nói pháp, khiến cho họ lìa khỏi chỗ đó. Để độ chúng sinh nên ta vì họ nói pháp dục vi diệu vô thượng. Vì đoạn trừ tất cả cây phiền não nên ta gieo trồng cây thuốc pháp Vô thượng. Vì muốn cứu vớt các ngoại đạo nên ta diễn nói chánh pháp. Tuy ta lại thị hiện làm thầy của chúng sinh mà lòng đầu tiên không có tư tưởng làm thầy của chúng sinh. Vì muốn cứu vớt các hạ tiện nên ta hiện vào trong ấy mà vì họ nói pháp chứ chẳng phải là do ác nghiệp mà thọ thân này vậy. Như Lai Chánh Giác an trụ như vậy ở Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên gọi là thường trụ, không biến đổi. Như cõi Diêm Phù Đề, cõi Phát Vu Đãi ở phương Đông, cõi Cù Gia Ni ở phương Tây, cõi Uất Đôn Việt ở phương Bắc cũng lại như vậy. Như bốn thiên hạ ba ngàn đại thiên thế giới cũng vậy, hai mươi lăm cõi hữu như trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm đã nói rộng rãi. Do vậy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu có Đại Bồ tát an trụ ở Đại Bát Niết Bàn như vậy thì có thể thị hiện thân thông biến hóa như vậy mà không sợ úy. Nay Ca Diếp ! Do cái duyên đó nên ông chẳng nên nói rằng, La Hầu La là con của Phật. Vì sao vậy ? Vì ta ở trong vô lượng kiếp xa xưa đã lìa khỏi dục hữu. Vậy nên Như Lai gọi là thường trụ không có biến dị.

Ngài Ca Diếp lại nói rằng :

- Thưa đức Như Lai ! Sao gọi là thường trụ ? Như đức Phật nói rằng, như đèn tắt rồi không có phương sở. Như Lai cũng vậy đã diệt độ rồi cũng không phương sở !

Đức Phật dạy rằng :

- Này Thiện nam tử Ca Diếp ! Ông nay chẳng nên nói lời như vậy ! Đèn tắt hết rồi không có phương sở, Như Lai cũng vậy, đã diệt độ rồi không có phương sở. Này Thiện nam tử ! Ví như khi trai gái thắp đèn, trong ù đèn lớn, nhỏ đựng đầy dầu. Tùy theo số dầu đựng trong ấy mà ánh sáng còn tồn tại. Nếu dầu hết rồi thì ánh sáng cũng hết theo. Ánh sáng ấy diệt là ví dụ cho phiền não diệt. Ánh sáng tuy diệt hết nhưng cây đèn vẫn tồn tại. Như Lai cũng vậy, phiền não tuy diệt nhưng pháp thân luôn tồn tại. Này Thiện nam tử ! Ý ông thế nào ? Ánh sáng cùng cây đèn đều diệt chẳng ?

Ngài Ca Diếp đáp rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Chẳng diệt vậy ! Tuy chẳng đều diệt nhưng là Vô thường. Nếu dùng pháp thân ví cho cây đèn mà cây đèn vô thường thì pháp thân cũng vậy, nên là vô thường !

- Này Thiện nam tử ! Ông nay chẳng nên nạn hỏi như vậy ! Như thế gian nói khí dụng thì đối với Như Lai Thế Tôn là pháp khí Vô thường. Khí dụng kia vô thường, chẳng phải Như Lai vậy. Trong tất cả pháp, Niết Bàn là thường, là Như Lai thế nên gọi là Thường. Lại nữa, Này Thiện nam tử ! Nói rằng, đèn tắt là nói sự chứng Niết Bàn của A la hán. Do diệt tham ái, các phiền não nên ví nó là đèn tắt. A na hàm thì gọi là có tham. Do có tham nên chẳng được nói rằng, đồng với đèn tắt. Vậy nên ta trước đây lại nói với nhau rằng, ví như đèn tắt, chẳng phải nói Đại Niết Bàn đồng với đèn tắt. A na hàm chẳng phải thỉnh thoảng đến, lại chẳng trở lại hai mươi lăm cõi hữu, lại chẳng thọ thân xú uế, thân vi trùng, thân tạp thực, thân độc hại nữa. Đó gọi là A na hàm. Nếu lại thọ thân thì gọi là Na hàm, chẳng thọ thân thì gọi là A na hàm. Có đi, lại thì gọi là Na hàm, không đi, lại thì gọi là A na hàm.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ tư hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 5

PHẨM BỔNTƯƠNG

tiếp theo

Lúc bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời nói của đức Phật, các đức Phật Thế Tôn có bí mật tạng, nghĩa này chẳng phải vậy. Vì sao vậy ? Vì các đức Phật Thế Tôn chỉ có mật ngữ, không có mật tạng. Ví như người gõ máy của nhà huyền thuật. Mọi người tuy nhìn thấy nó co, duỗi, cúi, ngửa nhưng không biết bên trong nó mà điều khiển vậy. Phật pháp chẳng vậy, đều khiến cho chúng sinh được tri kiến hết thì sao phải nói rằng, các đức Phật Thế Tôn có bí mật tạng.

Đức Phật khen ngài Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Đúng như lời nói của ông ! Như Lai thật không có bí mật tạng ! Vì sao vậy ? Ví như trăng thu tròn đầy ở trong hư không hiển lộ thanh tịnh, không bị che khuất, mọi người đều nhìn thấy. Lời nói của Như Lai cũng lại như vậy, khai phát hiển lộ thanh tịnh, không bị ngăn che. Người ngu chẳng lý giải được thì cho đó là bí mật tạng. Kẻ trí liễu ngộ thông đạt thì chẳng gọi là tạng. Này thiện nam tử ! Ví như có người chứa nhiều vàng bạc đến hàng vô lượng ức. Lòng người ấy keo kiệt tham lam, họ chẳng chịu ban cho, cứu tế kẻ bần cùng. Gom chứa như vậy mới gọi là bí mật tạng. Như Lai chẳng vậy, ở vô biên kiếp, gom chứa vô lượng trân bảo diệu pháp mà lòng không keo kiệt tham lam, thường đem ban cho tất cả chúng sinh thì sao phải gọi rằng, Như Lai bí mật tạng ? Này thiện nam tử ! Ví như có người, thân căn chẳng đủ, hoặc không có một mắt, một tay, một chân. Do xấu hổ nên chẳng cho người thấy. Người chẳng thấy nên gọi là bí tạng. Như Lai chẳng vậy, đã có chánh pháp đầy đủ, không khiếm khuyết, khiến cho mọi người nhìn thấy thì sao phải nói rằng, Như Lai bí mật tạng. Này thiện nam tử ! Ví như người nghèo mắc nợ nhiều của cải của

người khác, sợ sệt chủ nợ lẫn trốn chẳng muốn xuất hiện nên gọi là tàng. Như Lai chẳng vậy, chẳng nợ tất cả chúng sinh thế pháp. Tuy nợ chúng sinh pháp xuất thế mà cũng chẳng “tàng”. Vì sao vậy ? Vì luôn luôn đối với chúng sinh phát sinh tư tưởng con một mà vì họ diễn nói pháp Vô thượng. Đây thiện nam tử ! Ví như ông trưởng giả có nhiều cửa báu, chỉ có một đứa con, lòng rất ái trọng, tình không lìa bỏ, trân bảo vốn có của mình đều đem bày ra cho con. Như Lai cũng vậy, nhìn các chúng sinh đồng với con một. Đây thiện nam tử ! Như người thế gian do nam căn, nữ căn, xấu xí thô bỉ nên dùng quần áo che trùm nên gọi là tàng (giấu). Như Lai chẳng vậy, đoạn tuyệt vĩnh viễn căn này. Do không căn nên không có sự che giấu. Đây thiện nam tử ! Như Bàlamôn sở hữu ngữ luận, nhất định chẳng muốn cho Sát lợi, Tỳ xá, Thủ đà.v.v... nghe. Vì sao vậy ? Vì do trong luận này có lỗi xấu. Chánh pháp của Như Lai thì chẳng như vậy, đầu, giữa, cuối đều tốt. Vậy nên chẳng được gọi là bí mật tạng. Đây thiện nam tử ! Ví như ông trưởng giả chỉ có một đứa con, lòng thường nghĩ nhớ, yêu thương không thôi, đem đến chỗ thầy muốn cho thọ học, sợ chẳng chóng thành liền đem trở về. Do nghĩ yêu thương nên ngày đêm ông ân cần dạy đứa con ấy nửa chữ (?) mà chẳng dạy răn luận Tỳ Già La. Vì sao vậy ? Vì con mình sức còn ấu trĩ chưa kham nổi. Đây thiện nam tử ! Giả sử ông trưởng giả dạy nửa chữ rồi thì đứa trẻ đó tức thời rõ biết luận Tỳ Già La chẳng ?

- Thưa đức Thế Tôn ! Chẳng rõ biết vậy !

- Như vậy ông trưởng giả đối với đứa con này đã có bí mật tạng chẳng ?

- Thưa đức Thế Tôn ! Chẳng có vậy ! Vì sao vậy ? Vì đứa con tuổi còn nhỏ nên chẳng vì nó mà nói ! Chứ chẳng do bí mật, tiếc rẻ mà chẳng thị hiện. Sở dĩ vì sao ? Vì nếu có lòng ganh ghét giữ kín tiếc rẻ thì mới gọi là giấu. Đức Như Lai chẳng vậy thì sao phải gọi là Như Lai bí mật tạng ?

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Đây thiện nam tử ! Đúng như lời nói của ông ! Nếu có lòng sân ganh ghét san lặn thì mới gọi là tàng. Như Lai không có lòng sân giận, tất đổ thì sao gọi là tàng ? Đây thiện nam tử Ông đại trưởng giả kia là ví Như Lai, nói con một là ví tất cả chúng sinh. Như Lai bình đẳng nhìn tất cả chúng sinh giống như con một. Dạy con một tức là dạy đệ tử Thanh Văn. Nửa chữ là ví chín bộ Kinh. Luận Tỳ Già La là ví Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Vì các Thanh Văn không có tuệ lực nên đức Như Lai vì họ diễn nói bán tự, chín bộ Kinh điển mà chẳng vì họ diễn nói Luận Tỳ Già La,

Đại Thừa Phương Đẳng. Nay thiện nam tử ! Như con ông trưởng giả kia đã lớn lên, đủ sức đọc, học mà nếu chẳng vì nó diễn nói luận Tỳ Già La thì có thể gọi là giầu. Nếu các Thanh Văn có sức đảm nhiệm, có thể thọ luận Tỳ Già La Đại Thừa mà Như Lai bí mật, tiếc rẻ chẳng vì họ diễn nói thì có thể nói rằng, Như Lai có bí mật tạng. Như Lai chẳng vậy nên Như Lai không có bí mật tạng. Như ông trưởng giả kia dạy nửa chữ rồi, thứ đến vì con diễn nói luận Tỳ Già La. Ta cũng như vậy, vì các đệ tử nói về nửa chữ, chín bộ Kinh rồi, thứ đến vì họ diễn nói luận Tỳ Già La, đó là Như Lai thường còn chẳng biến đổi.

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Ví như tháng mùa hạ, trời dậy mây mù sấm chớp, tuông xuống mưa lớn, khiến cho những nông phu xuống hạt giống thì thu hoạch được nhiều quả trái. Người không xuống giống thì không có sự thu hoạch. Không có sự thu hoạch thì chẳng phải lỗi của long vương mà long vương này cũng không có sự giầu giếm. Ta cũng như vậy, tuông xuống mưa đại pháp, Kinh Đại Niết Bàn, nếu có chúng sinh gieo căn lành thì được quả mầm tuệ, không có hạt giống lành thì không có sự thu hoạch, không có sự thu hoạch thì chẳng phải lỗi của Như Lai. Nhưng Phật Như Lai quả thật không có sự che giấu.

Ngài Ca Diếp lại nói rằng :

- Con nay nhất định biết đức Như Lai Thế Tôn không có gì bí mật che giấu, như đức Phật đã nói, luận Tỳ Già La cho rằng đức Phật Như Lai thường còn chẳng biến đổi. Nghĩa này chẳng vậy ! Vì sao vậy ? Vì như đức Phật xưa đã nói kệ :

Chư Phật cùng Duyên giác Ø Chúng đệ tử Thanh Văn

Còn bỏ thân vô thường Huống gì kẻ phạm tục ?

Nay thì ngài mới nói thường còn chẳng biến đổi là nghĩa làm sao?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Ta vì tất cả đệ tử Thanh Văn dạy “nửa chữ” mà nói bài kệ đó. Lại nay thiện nam tử ! Vua Ba Tư Nặc, khi mẹ ông ấy mạng chung, buồn khóc luyến mộ, chẳng thể tự kềm chế, đi đến chỗ của ta. Ta liền hỏi rằng : “Đại vương vì sao buồn khổ, ảo não mà đến đây vậy ?” Nhà vua nói rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Thái phu nhân của đất nước ngày ấy đã mạng

chung ! Giả sử có người có thể khiến cho mẹ con sống trở lại như cũ thì con sẽ bỏ ra voi, ngựa, bảy thứ trân bảo của đất nước và cả thân mạng để đền ơn người đó”. Ta lại nói rằng : “Này đại vương ! Vã chớ nên sầu não, ưu bi, gào khóc ! Tất cả chúng sinh mà thọ mạng hết thì gọi là chết ! Các đức Phật, Duyên Giác, Thanh Văn đệ tử còn phải xả bỏ thân này, hưởng lại là phạm phu”. Này thiện nam tử ! Ta vì vua Ba Tư Nặc dạy “nửa chữ” mà nói bài kệ đó. Ta nay vì các đệ tử Thanh Văn nói luận Tỳ Già La, nói rằng Như Lai thường còn, không có biến dị. Nếu có người nói rằng, Như Lai vô thường thì sao lưỡi người đó chẳng rơi rụng ?

Ngài Ca Diếp lại nói rằng :

- Như lời nói của đức Phật :

Không sự chứa gom Ø Với ăn biết đủ

Như chim bay không Chẳng thể tìm dấu.

Nghĩa đó thế nào ? Thừa đức Thế Tôn ! Ở trong chúng này ai được gọi là không có sự tích tụ ? Ai lại được gọi là với việc ăn uống mà biết đủ ? Ai đi ở trong hư không mà dấu vết chẳng thể tìm thấy ? Mà người đi này thì đến phương nào ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này Ca Diếp ! Phạm tích tụ thì gọi là của báu. Này thiện nam tử ! Tích tụ có hai thứ, một là hữu vi, hai là vô vi. Tích tụ hữu vi tức là hạnh của Thanh Văn. Tích tụ vô vi tức là hạnh của Như Lai. Này thiện nam tử ! Tăng cũng có hai chữ, hữu vi và vô vi. Tăng hữu vi gọi là hàng Thanh Văn. Tăng Thanh Văn thì không có tích tụ những thứ như là nô tỳ, vật phi pháp, kho tàng, lúa gạo, muối, mè, các thứ đậu lớn nhỏ. Nếu có người nói rằng, Như Lai cho phép nuôi nô tỳ bộc sứ (người sai bảo)... những vật như vậy thì lưỡi bị co rút lại. Những đệ tử Thanh Văn sở hữu của ta gọi là không tích tụ, cũng được gọi là đối với ăn uống biết đủ. Nếu có tham ăn thì gọi là bất tri túc; không tham ăn thì gọi là tri túc. Dấu tích khó tìm, tức là gài đạo Bồ Đề Vô thượng. Ta nói người này tuy đi mà không đến.

Ngài Ca Diếp lại nói rằng :

- Nếu tăng hữu vi còn không tích tụ, huống là tăng vô vi. Tăng vô vi tức là Như Lai mà Như Lai thì làm sao có tích tụ ? Luận về tích tụ thì gọi là chứa giấu. vậy nên Như Lai phạm có điều nói lên thì không có sự che giấu, hối tiếc thì sao gọi là tàng. Dầu tích chẳng thể tìm là nói đến Niết Bàn. Trong Niết Bàn không có mặt trời, mặt trăng, các tinh tú, lạnh, nóng, gió, mưa, sanh, già, bệnh, chết, hai mươi lăm cõi hữu, lia khỏi các ưu khổ và các phiền não. Như vậy trụ xứ của Như Lai Niết Bàn thường còn, chẳng biến dị. Do nhân duyên đó, Như Lai đến vùng cây Ta La ở Đại Niết Bàn mà vào Niết Bàn.

Đức Phật bảo rằng :

- Nay Ca Diếp ! Sở dĩ nói rằng, “Đại” là tính ấy rộng rãi giống như có người sống lâu không lường nên gọi là đại trượng phu. Người đó nếu có thể an trụ ở chánh pháp thì gọi bậc thắng hơn trong loài người. Như ta đã nói về tám bậc Đại Nhân Giác, là một người có hay là nhiều người có. Nếu một người có đủ tám thì là tối thắng. Sở dĩ nói Niết Bàn là vì không có ghê lở, ung brou. Nay thiện nam tử ! Ví như có người bị bắn trúng tên độc, chịu nhiều đau khổ, gặp được thầy thuốc giỏi nhổ tên độc ra, thoa thuốc hay, khiến cho người ấy lia khỏi thống khổ, được hưởng thụ an vui. Vị thầy thuốc này liền du hành vào thành ấp và các tụ lạc, tùy theo chỗ có khổ hoạn ghê lở, ung brou, ông liền đến nơi ấy vì mọi người trị liệu mọi khổ đau. Nay thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, thành Đẳng Chánh Giác, làm Đại Y Vương, thấy ở cõi Diêm Phù Đề, chúng sinh khổ não, trong vô lượng kiếp, bị tên độc phiền não dâm, nộ, si, chịu đại khổ thiết. Ta vì những kẻ như vậy mà nói pháp dược cam lộ của kinh Đại Thừa. Trị liệu nơi này rồi ta lại đến phương khác, chỗ có các tên độc phiền não, thị hiện làm Phật mà vì chúng sinh nơi ấy trị liệu. Vậy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đại Bát Niết Bàn gọi là chỗ giải thoát. Tùy chỗ có chúng sinh điều phục mà Như Lai ở trong đó tạo tác thị hiện. Do ý nghĩa thậm thâm chân thật này nên gọi là Đại Niết Bàn.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Thầy thuốc thế gian đều có thể trị liệu bệnh ghê lở, ung brou của tất cả chúng sinh chẳng ?

- Nay thiện nam tử ! Ghê lở ung brou của thế gian đại loại có hai thứ, một thứ có thể trị, một thứ chẳng thể trị. Phạm thứ có thể trị thì thầy thuốc đều có thể trị, còn thứ chẳng thể trị thì họ chẳng thể trị được.

Ngài Ca Diếp lại thưa rằng :

- Như đức Phật nói thì tức là Như Lai ở cõi Diêm Phù Đề, đã trị liệu chúng sinh xong rồi ! Nếu nói trị rồi thì sao những chúng sinh trong cõi ấy lại có người chưa có thể được Niết Bàn ? Nếu chưa được hết thì sao đức Như Lai nói rằng đã trị xong rồi, muốn đến địa phương khác ?

- Nay thiện nam tử ! Chúng sinh bên trong cõi Diêm Phù Đề có hai loại, một là loại có tin, hai là loại không có tin. Người có niềm tin thì gọi là có thể trị. Vì sao vậy ? Vì nhất định họ được Niết Bàn, không còn ghê lở ung bươu. Vậy nên ta nói đã trị liệu các chúng sinh ở cõi Diêm Phù Đề rồi. Người không có niềm tin gọi là Nhất xiển đề. Nhất xiển đề thì gọi là chẳng thể trị, trừ Nhất xiển đề ra, còn lại đều trị hết rồi. Vậy nên Niết Bàn gọi là không ghê lở ung bươu.

- Thưa đức Thế Tôn ! Những gì gọi là Niết Bàn ?

- Nay thiện nam tử ! Bàn về Niết Bàn thì có thể gọi là Giải thoát.

Ngài Ca Diếp lại thưa rằng :

- Sở dĩ gọi là giải thoát vì là sắc u ? Hay vì chẳng phải sắc u ?

Đức Phật dạy :

- Nay thiện nam tử ! Hoặc có là sắc, hoặc chẳng phải là sắc ! Nói chẳng phải là sắc thì tức là giải thoát của Thanh Văn, Duyên Giác. Nói là sắc thì tức là giải thoát của các đức Phật Như Lai. Nay thiện nam tử ! Vậy nên giải thoát cũng sắc, cũng phi sắc. Như Lai vì các đệ tử Thanh Văn nói là chẳng phải sắc (phi sắc).

- Thưa đức Thế Tôn ! Thanh Văn, Duyên Giác nếu chẳng phải sắc thì làm sao được trụ ?

- Nay thiện nam tử ! Như trời phi tướng phi phi tướng cũng sắc cũng chẳng phải sắc. Ta cũng nói là chẳng phải sắc. Nếu có người nạn vấn rằng, trời Phi tướng phi phi tướng nếu là chẳng phải sắc thì sao được trụ ở, đi, lại, tiến, dừng. Nghĩa như vậy là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải điều hiểu biết của Thanh Văn. Giải thoát cũng vậy, cũng sắc, chẳng phải sắc, nói là chẳng phải sắc; cũng tướng, chẳng phải tướng nói là chẳng phải tướng. Nghĩa như

vậy là cảnh giới chư Phật, chẳng phải là điều hiểu biết của các Thanh Văn, Duyên Giác.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nguyện xin ngài rũ lòng thương xót thương xót một lần nữa diễn nói rộng rãi nghĩa giải thoát của hạnh Đại Bát Niết Bàn !

Đức Phật khen ngài Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Giải thoát chân thật là lìa khỏi tất cả những trói buộc. Nếu giải thoát chân thật là lìa khỏi các trói buộc thì không có sanh, cũng không hòa hợp. Ví như cha mẹ hòa hợp sinh ra con, chân giải thoát thì chẳng như vậy. Vậy nên Giải thoát gọi là chẳng sanh. Này Ca Diếp ! Ví như đề hồ, tính của nó thanh tịnh, Như Lai cũng vậy, chẳng phải do cha mẹ hòa hợp mà sinh ra. Tánh Như Lai ấy thanh tịnh mà sở dĩ thị hiện có cha mẹ là vì muốn hóa độ chúng sinh vậy. Chân Giải thoát tức là Như Lai, Như Lai và Giải thoát không hai, không khác biệt. Ví như tháng mùa xuân xuống các thứ giống, gặp được khí trời âm nhuận thì liền nảy sinh ra. Chân Giải thoát thì chẳng như vậy ! Lại, Giải thoát gọi là hư vô. Hư vô tức là giải thoát. Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là hư vô, chẳng phải làm cái được làm ra. Phạm cái được làm ra như là thành quách, lâu quán. Chân Giải thoát thì chẳng như vậy. Vậy nên Giải thoát tức là Như Lai. Lại, Giải thoát tức là pháp vô vi. Ví như người thợ gốm làm rồi lại phá, Giải thoát chẳng vậy. Chân Giải thoát là chẳng sinh chẳng diệt. Vậy nên Giải thoát tức là Như Lai, Như Lai cũng vậy, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng lão, chẳng tử, chẳng phá, chẳng hoại, chẳng phải pháp hữu vi. Do ý nghĩa này nên gọi là Như Lai. Vào Đại Niết Bàn chẳng già, chẳng chết... có những ý nghĩa gì ? Lão là gọi sự biến đổi, tóc bạc trắng, mặt nhăn nheo. Tử là thân hoại, mạng chung. Những pháp như vậy không có trong giải thoát. Do không có việc này nên gọi là Giải thoát. Như Lai cũng không có tóc bạc trắng, mặt nhăn nheo, những pháp hữu vi. Vậy nên Như Lai không có lão. Không có lão thì không có tử vậy. Lại, Giải thoát thì gọi là không bệnh. Sở dĩ gọi là bệnh tức là bốn trăm linh bốn bệnh và cả những thứ khác từ bên ngoài đến xâm hại thân thể. Chỗ giải thoát này không có những thứ bệnh đó nên gọi là giải thoát. Không bệnh tật thì tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát thì tức là Như Lai. Như Lai không bệnh nên pháp thân cũng không có bệnh. Như vậy không bệnh tức là Như Lai. Tử là gọi việc thân hoại, mạng chung. Chỗ giải thoát này không có chết, tức là cam lồ. Cam lồ tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai thành tựu công đức như vậy thì sao

phải nói rằng Như Lai vô thường ! Nếu nói Như Lai vô thường thì không có chỗ đó ! Thân Kim Cương mà sao gọi là Vô thường được ? Vậy nên Như Lai chẳng gọi là mạng chung. Như Lai thanh tịnh, không có cấu bần. Thân Như Lai chẳng phải là thân thai ô uế. Như hoa Phân Đà Lợi, bản tính hoa ấy thanh tịnh, Như Lai Giải thoát cũng lại như vậy. Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Vậy nên Như Lai thanh tịnh vô cấu. Lại, Giải thoát thì các ghê bấu lậu vĩnh viễn không còn sót lại, Như Lai cũng vậy, không có tất cả các ghê bấu lậu. Lại, Giải thoát thì không có đấu tranh. Ví như người đói thấy người khác ăn uống thì phát sinh tưởng tham đoạt, Giải thoát chẳng vậy. Lại, Giải thoát thì gọi là an tịnh. Kẻ phàm phu nói rằng, phàm là an tịnh thì chỉ cho Ma Ê Thủ La. Nói như vậy tức là hư vọng. An tịnh chân thật là rốt ráo Giải thoát. Rốt ráo giải thoát tức là Như Lai. Lại, Giải thoát thì gọi là yên ổn. Như ở chỗ nhiều giặc thì gọi là chẳng yên ổn. Chỗ trong sạch công bằng thì mới gọi là yên ổn. Trong giải thoát này không có bố úy nên gọi là yên ổn. Vậy nên yên ổn tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp vậy. Lại, Giải thoát thì không có bạn đồng lứa. Có bạn đồng lứa thì như các quốc vương có vua bạn ở những nước lân cận. Chân Giải thoát thì chẳng như vậy, không có bạn đồng lứa mà là Chuyển Luân Thánh Vương không ai có thể ngang bằng. Giải thoát cũng vậy, không có bạn đồng lứa. Không có bạn đồng lứa thì tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát thì tức là Như Lai Chuyển Luân Thánh Vương. Vậy nên Như Lai không có bạn đồng lứa. Nếu nói Như Lai có bạn đồng lứa thì không có chỗ này. Lại, Giải thoát thì gọi là không lo buồn. Có lo buồn thì ví như vị quốc vương sợ nạn nước bên cạnh hùng mạnh mà sinh ra lo buồn. Phàm là Giải thoát thì không có việc này. Ví như hủy hoại oán tặc rồi thì không có lo nghĩ, Giải thoát cũng vậy, là không có lo sợ. Không lo sợ thì tức là Như Lai. Lại, Giải thoát gọi là không lo mừng. Ví như người đàn bà chỉ có một con, đi làm ăn xa, bỗng được hung tin, nghe tin đó thì sầu khổ, sau lại nghe con còn sống liền sinh vui mừng. Phàm ở trong giải thoát thì không có việc như vậy. Không buồn lo, không vui mừng tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại, Giải thoát thì không có trần cấu. Ví như sau những ngày tháng mùa xuân qua rồi, gió nổi lên bụi bặm sa mù. Phàm trong giải thoát thì không có việc như vậy, không bụi bặm sa mù là ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Ví như viên Minh Châu trong búi tóc của vị Thánh Vương không có cấu bần. Phàm là tính giải thoát cũng lại như vậy, không có cấu bần. Không cấu bần là ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai, như tính vàng ròng chẳng xen lẫn cát đá thì mới gọi là Chân bảo. Có người được báu đó sinh ra tư tưởng của cải. Phàm tính giải thoát cũng lại như vậy, như chân bảo đó. Chân bảo đó là ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Ví như bình sành bị vỡ mà tiếng kêu to, bình báu Kim

Cương thì chẳng như vậy. Phàm là giải thoát thì không có tiếng vỡ bình. Bình báu Kim cương là ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Vậy nên thân Như Lai chẳng thể hoại. Tiếng bình vỡ ấy giống như hạt thàu dầu đặt vào trong lửa nóng nổ tách ra thành tiếng. Phàm là giải thoát thì không có việc như vậy, như bình báu bằng Kim Cương thật thì không có tiếng nứt vỡ. Giả sử vô lượng trăm ngàn người đều chung bắn vào bình báu đó cũng không thể hoại được. Không tiếng bình vỡ dụ cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Như người nghèo cùng nợ vật của người khác nên bị người khác trói buộc, cùm khóa, đánh phạt, chịu nhiều khổ độc. Phàm trong giải thoát không có việc như vậy, không có nợ nần. Giống như ông trưởng giả có nhiều của báu nhiều vô lượng vô số ức, thế lực tự tại, chẳng mắc nợ người khác. Phàm là giải thoát cũng lại như vậy, có nhiều vô lượng của cải pháp quý báu, thế lực tự tại, không có nợ nần. Không nợ nần ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại, Giải thoát gọi là không bức thiết. Như ngày xuân sống với nóng, ngày hè ăn vị ngọt, ngày đông tiếp xúc với lạnh giá. Trong Chân Giải thoát không có những việc không vừa ý như vậy. Không bức thiết là ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại, không bức thiết thì ví như có người ăn no thịt cá mà lại uống sữa. Người này tức là cận kề với cái chết chẳng lâu. Trong Chân Giải thoát không có việc như vậy. Người này nếu được thuốc hay cam lộ thì hoạn nạn được tiêu trừ. Chân Giải thoát thì cũng lại như vậy. Thuốc hay cam lộ là ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai Sao gọi là bức thiết và chẳng bức thiết vậy ? - Ví như kẻ phạm phu ngã mạn tự cao mà dấy ý niệm này : “Trong tất cả vật thì ai có thể hại ta”. Hắn liền bắt lấy rắn, cạp, trùng độc thì ông phải biết rằng, người này chẳng hết thọ mạng thì cũng chết “bất đắc kỳ tử”. Trong Chân Giải thoát không có việc như vậy. Chẳng bức thiết thì như ngọc thần sở hữu của vua Chuyển Luân có thể hàng phục sâu bọ, chín mươi sáu thứ những độc trùng.v.v... Nếu có người nghe mùi thơm của ngọc thần này thì các thứ độc đều bị tiêu diệt. Chân Giải thoát cũng lại như vậy, đều xa lìa hết hai mươi lăm thứ “hữu”. Độc tiêu diệt là ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại, chẳng bức thiết thì ví như hư không, Giải thoát cũng vậy. Hư không đó là dụ cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại, bức thiết thì như gần với cỏ khô mà thấp đèn lửa thì dễ cháy bùng lên. Trong Chân Giải thoát không có việc như vậy. Lại chẳng bức thiết ví như mặt trời, mặt trăng chẳng bức thiết chúng sinh. Giải thoát cũng vậy, đối với các chúng sinh không có sự bức thiết. Không bức thiết là ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại, Giải thoát gọi là pháp không động, giống như oán, thân. Trong Chân Giải thoát không có việc như vậy. Lại, chẳng động thì như vua Chuyển Luân lại không có Thánh Vương làm thân hữu. Nếu lại có thân hữu thì

không có chỗ này. Giải thoát cũng vậy, lại không có thân hữu. Nếu có thân hữu thì không có chỗ này. Vua không thân hữu đó ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp vậy. Lại, không động thì ví như áo tơ trắng dễ nhuộm màu. Giải thoát chẳng vậy. Lại, không động thì ví như hoa Bà Sư mà muốn khiến cho nó có mùi thối và màu xanh thì không có chỗ này. Giải thoát cũng vậy, muốn khiến cho nó có mùi thối và các sắc thì cũng không có chỗ này. Vậy nên Giải thoát tức là Như Lai. Lại Giải thoát thì gọi là hy hữu. Ví như trong nước mọc lên hoa sen thì chẳng phải là hy hữu. Trong lửa mà sinh ra hoa sen thì mới là hy hữu. Có người thấy hoa đó liền sinh ra vui mừng. Chân Giải thoát thì cũng lại như vậy, giải thoát ấy có người thấy thì lòng sinh ra vui mừng. Hy hữu đó là ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai ấy tức là pháp thân. Lại, hy hữu thì ví như đứa trẻ chưa mọc răng, dần dần lớn lên, nhiên hậu răng mới mọc. Giải thoát chẳng vậy, không sinh mà chẳng sanh. Lại, Giải thoát thì gọi là hư tịch, không có bất định. Bất định thì như Nhất siển đề, rớt ráo chẳng dòi, phạm trọng cấm thì chẳng thành Phật đạo, không có chỗ này. Vì sao vậy ? Vì nếu người này ở trong chánh pháp của Phật mà lòng được niềm tin thanh tịnh thì bây giờ liền diệt Nhất siển đề. Nếu người đó lại được làm Ưu bà tắc thì cũng có thể diệt Nhất siển đề. Người phạm trọng cấm diệt được tội này rồi thì được thành Phật. Vậy nên nếu nói rằng, nhất định chẳng dòi, chẳng thành Phật đạo thì không có chỗ này. Trong Chân Giải thoát không có việc diệt tận như vậy. Lại, hư tịch thì rơi vào pháp giới. Như tánh pháp giới tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát thì tức là Như Lai. Lại nữa, Nhất siển đề nếu diệt hết thì chẳng được gọi là Nhất siển đề. Sao gọi là Nhất siển đề vậy ? - Nhất siển đề là đoạn diệt tất cả những căn bản thiện, lòng chẳng vin vào tất cả thiện pháp, thậm chí chẳng sinh ra một ý niệm thiện. Trong Chân Giải thoát đều không có việc này. Không việc này nên tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại, Giải thoát thì gọi là chẳng thể lường (bất khả lượng). Ví như đồng thóc thì số lượng của nó có thể biết. Chân Giải thoát thì chẳng phải vậy. Ví như biển cả thì chẳng thể đo lường. Giải thoát cũng vậy, chẳng thể đo lường. Chẳng thể đo lường thì tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát thì gọi là pháp không lường (vô lượng pháp). Như một chúng sinh có nhiều nghiệp báo, Giải thoát cũng vậy, có quả báo không lường. Báo không lường tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát thì gọi là rộng lớn (quảng đại). Ví như biển cả không có gì ngang bằng. Giải thoát cũng vậy, không gì có thể ngang bằng. Không gì cùng ngang bằng tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là tối thượng. Ví như hư không tối cao không sánh. Giải thoát cũng vậy, tối cao không sánh. Cao không sánh tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là

Như Lai. Lại nữa, Giải thoát thì gọi là không thể qua (vô năng quá). Ví như chỗ trú của loài sư tử thì tất cả bách thú không thể qua. Giải thoát cũng vậy, không có gì có thể qua. Không thể qua tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là Vô thượng. Ví như phương Bắc là phương trên trong các phương. Giải thoát cũng vậy, là không có gì trên nó. Không có trên tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là trên cái không trên (vô thượng). Ví như phương Bắc đối với phương Đông là trên Vô thượng. Giải thoát cũng vậy, không có “cái trên cái trên”. Không “cái trên cái trên” tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát thì gọi là Hằng pháp. Ví như thân của người, trời hủy hoại, mạng chung. Đó gọi là hằng, chẳng phải chẳng hằng. Giải thoát cũng vậy, chẳng phải là chẳng hằng. Chẳng phải chẳng hằng tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là kiên thật (bền thật). Như Khư Đà La Chiên đàn trầm thủy, tính của nó bền thật. Giải thoát cũng vậy, tính ấy kiên thật. Tính kiên thật tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là Bất hư (chẳng rỗng). Ví như tre trúc lau sậy, thể của nó rỗng thưa. Giải thoát chẳng vậy. Ông phải biết, Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là chẳng thể bản. Ví như tường vách chưa được tô sửa thì muỗi mòng ở trên đó dạo chơi. Nếu nó đã được tô sửa trang sức bằng văn hoa họa tiết, côn trùng nghe mùi thơm sực nức liền chẳng trụ trên đó nữa. Chẳng trụ như vậy là dụ cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là vô biên. Ví như các tụ lạc đều có dấu hiệu bờ cõi, giải thoát chẳng vậy. Ví như hư không không có bờ cõi. Giải thoát cũng vậy, không có bờ cõi. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là chẳng thể thấy. Ví như dấu vết chim trong hư không khó thấy. Như vậy khó thấy là dụ cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là thậm thâm (rất sâu). Vì sao vậy? Vì là chỗ chẳng thể vào của Thanh Văn, Duyên Giác. Chẳng thể vào tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, thậm thâm thì được sự cung kính của các đức Phật, Bồ tát. Ví như người con hiếu cúng dường cha mẹ được công đức thậm thâm. Công đức thậm thâm là ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là chẳng thể thấy. Ví như có người chẳng tự thấy đỉnh đầu, giải thoát cũng vậy, Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể thấy được. Chẳng thể thấy tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là không nhà cửa (xá trạch). Ví như hư không không có nhà cửa, giải thoát cũng vậy. Nói nhà cửa là dụ cho hai mươi lăm cõi hữu. Không có nhà cửa là dụ cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là chẳng thể lấy (bất khả thủ). Như trái cây A ma lạc thì con người có thể giữ lấy,

Giải thoát chẳng vậy, chẳng thể giữ lấy. Chẳng thể giữ lấy tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là chẳng thể nắm (bất khả chấp). Ví như vật huyền thì chẳng thể nắm giữ, giải thoát cũng vậy, chẳng thể nắm giữ. Chẳng thể nắm giữ tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát thì không có thân thể. Ví như có người mà thân thể sinh ra ghê lở và các ung thư, điên cuồng, khô cạn... Trong Chân Giải thoát không có những bệnh như vậy. Không những bệnh như vậy là ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là một vị (mùi vị). Như sữa một vị, Giải thoát cũng vậy chỉ có một vị. Như vậy một vị tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là thanh tịnh. Như nước không có bùn, lắng đọng trong sạch, giải thoát cũng vậy, lắng đọng trong sạch. Lắng đọng trong sạch tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là một vị (mùi vị). Như mưa trong hư không thì một vị trong sạch. Một vị trong sạch là dụ cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là trừ khước. Ví như trăng tròn đầy không có mây che, giải thoát cũng vậy, không có mây che. Không mây che tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là Tịch tịnh. Ví như có người bị bệnh sốt được chữa khỏi, thân trở nên tịch tịnh, giải thoát cũng vậy, thân được tịch tịnh. Thân được tịch tịnh tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát tức là bình đẳng. Ví như rắn độc, chuột, sói, ở ruộng hoang đều có lòng giết hại. Giải thoát chẳng vậy, không có lòng giết hại. Không có lòng giết hại tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, bình đẳng thì ví như lòng bình đẳng của cha mẹ đối với con cái. Giải thoát cũng vậy, tấm lòng ấy bình đẳng. Lòng bình đẳng tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là không chỗ khác (vô dị xứ). Ví như có người chỉ ở trong nhà cửa thanh tịnh thượng diệu mà lại không có chỗ khác. Giải thoát cũng vậy, không có chỗ khác. Không chỗ khác tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là tri túc (biết đủ). Ví như người đói gặp được bữa ăn ngon, ăn không chán, Giải thoát chẳng vậy, như ăn cháo sữa, lại không có gì cần. Lại không có gì cần là dụ cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là đoạn tuyệt. Như người bị trói, cắt dây trói, được thoát. Giải thoát cũng vậy, đoạn tuyệt tất cả kết phược của lòng nghi hoặc. Như vậy đoạn nghi tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là đến bờ kia (đáo bỉ ngạn). Ví như sông lớn có bờ này, bờ kia. Giải thoát chẳng vậy, tuy không có bờ này mà có bờ kia. Có bờ kia tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là mặc nhiên. Ví như biển cả, nước mênh mông cùng khắp, phát ra nhiều âm thanh, giải thoát chẳng vậy. Như

vậy Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là mỹ diệu. Ví như mọi thứ thuốc có lẫn vị Ha lê lạc thì vị thuốc ấy đắng. Giải thoát chẳng vậy, vị nó như cam lồ. Vị như cam lồ là ví cho Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát thì trừ được các phiền não. Ví như thầy thuốc giỏi hòa hợp các vị thuốc, giỏi trị liệu mọi thứ bệnh. Giải thoát cũng vậy, có thể trừ khử phiền não. Trừ phiền não tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là không dồn ép. Ví như nhà nhỏ chẳng dung nạp được nhiều người, Giải thoát chẳng vậy, dung thọ được nhiều. Dung thọ được nhiều tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là diệt các ái, chẳng tạp dâm dục. Ví như nữ nhân nhiều những ái dục, giải thoát chẳng vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Như Lai như vậy không có tham dục, sân nhuế, ngu si, kiêu mạn.v.v... Lại nữa, Giải thoát gọi là không ái. Ái có hai thứ, một là ngã quý ái, hai là pháp ái. Chân giải thoát lìa khỏi ngã quý ái, thương xót chúng sinh nên có pháp ái. Như vậy Pháp ái tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát là lìa khỏi ngã, ngã sở. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp vậy. Lại nữa, Giải thoát tức là diệt tận, lìa khỏi sự tham của các hữu. Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp vậy. Lại nữa, Giải thoát tức là cứu hộ, có thể cứu tất cả những người bố úy (kinh sợ). Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp vậy. Lại nữa, Giải thoát tức là chỗ về. Nếu có người qui y giải thoát như vậy thì chẳng tìm qui y chỗ khác. Ví như có người nương cây vào vua thì chẳng cầu chỗ nương cây khác. Tuy lại nương vào vua mà vẫn có chuyển động, nương cây vào giải thoát thì không có chuyển động. Không động chuyển tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp vậy. Lại nữa, Giải thoát gọi là nhà cửa (ốc trạch). Ví như có người đi ở vùng khoáng dã thì có tai nạn nguy hiểm. Giải thoát chẳng vậy, không hiểm nạn. Không hiểm nạn tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát là vô sở úy. Như vua sư tử đối với những bách thú (trăm loài thú), chẳng sinh ra bố úy. Giải thoát cũng vậy, đối với những ma chúng, chẳng sinh ra bố úy. Không bố úy tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát thì không có dồn ép. Ví như đường hiểm trở, thậm chí chẳng đủ hai người cùng đi, Giải thoát chẳng vậy. Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát có chẳng dồn ép. Ví như có người sợ cạp, rơi xuống giếng, giải thoát chẳng vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát có chẳng dồn ép. Ví như trong biển lớn mà bỏ chiếc thuyền rách nhỏ, được chiếc thuyền bèn chắc, cỡi qua biển đến chỗ yên ổn, lòng được khoái lạc. Giải thoát cũng vậy, lòng được khoái lạc. Được khoái lạc tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát là nhổ bật các nhân duyên. Ví như nhân sữa được cao

sữa, nhân cao sữa được váng sữa, nhân váng sữa được đề hồ. Trong chân giải thoát đều không có cái nhân này. Không nhân này tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát thì có thể điều phục kiêu mạn. Ví như vị vua lớn xem thường vua nhỏ, giải thoát chẳng vậy. Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp vậy. Lại nữa, Giải thoát thì điều phục những buông lung. Gọi buông lung là gọi người có nhiều tham dục, trong Chân Giải thoát không có danh tự đó. Không danh tự đó tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát thì có thể trừ khử vô minh. Như váng sữa thượng diệu trừ khử các cặn bẩn mới gọi là đề hồ. Giải thoát cũng vậy, trừ khử cặn vô minh, sinh ra chân minh. Như vậy chân minh tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là tịch tịnh thuần nhất không hai. Như con không đã tượng (một loài voi) độc nhất không có bạn bè. Giải thoát cũng vậy, độc nhất không hai. Độc nhất không hai tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là kiên thật (bền thật). Như thân, gốc của tre trúc, lau sậy, lúa, mè đều rộng không mà hạt thì chắc thật. Ngoại trừ Phật Như Lai, kỳ dư người, trời đều chẳng chắc thật. Chân giải Giải thoát thì xa lìa tất cả những hữu lậu.v.v... Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là có thể hiểu rõ tăng ích đối với Ngã. Chân Giải thoát cũng lại như vậy. Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là bỏ các hữu. Ví như có người ăn rồi mà mưa ra, giải thoát cũng vậy, bỏ hết các hữu. Bỏ các hữu tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là quyết định. Như hương thơm của hoa Bà Sư không có trong bảy cánh hoa, giải thoát cũng vậy. Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là thủy đại (yếu tố nước). Ví như thủy đại đối với các đại thắng hơn là có thể thấm nhuần tất cả hạt giống cỏ cây. Giải thoát cũng vậy, có thể thấm nhuần tất cả các loài có sự sống. Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là được vào. Như có môn hộ thì thông vào đường đi. Chỗ tính vàng thì vàng có thể được. Giải thoát cũng vậy, như môn hộ đó, tu vô ngã thì được vào trong. Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là làm tốt. Ví như đệ tử theo đuổi thầy khéo vâng theo lời dạy bảo thì được gọi là làm tốt. Giải thoát cũng vậy. Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là pháp xuất thế. Đối với tất cả pháp thì nó ra khỏi và trên hết, như trong mọi vị thì váng sữa là hơn hết. Giải thoát cũng vậy. Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là chẳng động. Ví như cửa cài then thì gió chẳng thể động. Chân Giải thoát cũng lại như vậy. Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là không ba đào (sóng gió). Như biển cả kia, nước biển ấy nổi ba đào, Giải thoát chẳng vậy. Như vậy Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát ví như cung điện, Giải thoát cũng vậy. phải biết là Giải thoát tức là Như Lai.

Lại nữa, Giải thoát gọi là sử dụng. Ví như vàng Diêm phù đàn, có nhiều công dụng, không ai có thể nói vàng đó lỗi xấu. Giải thoát cũng vậy, không có lỗi xấu. Không có lỗi xấu tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát thì bỏ hành động trẻ con. Ví như người lớn bỏ hành vi của đứa trẻ, Giải thoát cũng vậy, trừ bỏ năm ám. Trừ bỏ năm ám tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là cứu cánh. Như kẻ bị trói buộc, rồi từ trói buộc được thoát ra, tắm rửa thanh tịnh, nhiên hậu mới trở về nhà. Giải thoát cũng vậy, rốt ráo thanh tịnh. Rốt ráo thanh tịnh tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát là không tạo tác niềm vui. Không tạo tác niềm vui vì đã tỏ ra tham dục, sân nhuế, ngu si. Ví như có người uống nhầm thuốc độc, vì trù độc nên liền ói thuốc ra. Đã ói được thuốc ra thì độc liền trừ khỏi, thân được yên vui. Giải thoát cũng vậy, tỏ ra các thứ độc kết phược phiền não thì thân được an lạc, gọi là không tạo tác niềm vui. Không tạo tác niềm vui tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là đoạn tuyệt bốn thứ rấn độc phiền não. Đoạn phiền não tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là lìa các hữu, diệt tất cả khổ, được tất cả vui, đoạn tuyệt vĩnh viễn tham dục, sân nhuế, ngu si, nhổ đứt tất cả gốc rễ của phiền não. Nhổ gốc rễ tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là đoạn tuyệt tất cả pháp hữu vi, sinh ra tất cả pháp thiện vô lậu, đoạn tuyệt, bế tắc các đường, những điều như là ngã, vô ngã, phi ngã, phi vô ngã... chỉ đoạn dứt thủ trước, chẳng đoạn dứt ngã kiến. Ngã kiến thì gọi là Phật tính. Phật tính tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là “bất không không”. Không không thì gọi là không sở hữu, không sở hữu thì tức là sự cho là giải thoát của bọn ngoại đạo Ni Kiền Tử.v.v... mà thật ra bọn Ni Kiền Tử.v.v... mà thật ra bọn Ni Kiền Tử này không có giải thoát nên gọi là không không. Chân Giải thoát thì chẳng như vậy, nên chẳng không không. Chẳng không không tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là không chẳng không. Như cái bình đựng nước, rượu, sữa, cao sữa, váng sữa, mật.v.v... Tuy khi bình ấy không có nước, rượu, cao sữa, váng sữa, mật nhưng vẫn được gọi là bình nước, rượu.v.v... mà những bình này chẳng thể nói là không và là chẳng không. Nếu nói rằng không thì chẳng được có sắc, hương, vị, xúc. Nếu nói rằng chẳng không mà lại không có thật nước, rượu.v.v... Giải thoát cũng vậy, chẳng thể nói sắc và cả chẳng phải sắc, chẳng thể nói không và cả chẳng không. Nếu nói rằng không thì chẳng được có Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Nếu nói rằng chẳng không thì ai thọ hưởng cái Thường - Lạc - Ngã - Tịnh này. Do cái nghĩa đó nên chẳng thể nói không và cả chẳng không. Không nghĩa là không có hai mươi lăm cõi hữu và các phiền não, tất cả khổ, tất cả tướng, tất cả hạnh hữu

vi. Như bình không có cao sữa thì gọi là không. Chẳng không nghĩa là thiện sắc chân thật, Thường - Lạc - Ngã - Tĩnh chẳng động, chẳng biến giống như sắc, hương, vị, xúc của cái bình kia nên gọi là chẳng không. Vậy nên, Giải thoát ví như cái bình kia. Cái bình kia gặp duyên thì lại tan vỡ, Giải thoát chẳng vậy, chẳng thể bị phá hoại. Chẳng thể phá hoại tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Giải thoát gọi là ly ái. Ví như có người, lòng yêu thích hy vọng Thích Đề Hoàn Nhân, Đại Phạm Thiên Vương, Tự Tại Thiên Vương. Giải thoát chẳng vậy, nếu được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi thì không ái, không nghi. Không ái, không nghi tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Nếu nói rằng giải thoát có ái, nghi thì không có điều đó. Lại nữa, Giải thoát là đoạn dứt những hữu tham, đoạn dứt tất cả tướng, tất cả trói buộc, tất cả phiền não, tất cả sinh tử, tất cả nhân duyên, tất cả quả báo... Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết Bàn. Tất cả chúng sinh kinh sợ sinh tử, các phiền não nên thọ tam qui. Ví như bày nai kinh sợ người thợ săn mà đã được lia khỏi. Nếu nó được một nhảy thì ví cho một qui. Như vậy ba nhảy thì ví cho tam qui. Do ba nhảy nên được hưởng thọ an lạc. Chúng sinh cũng vậy, kinh sợ thợ săn ác, bốn ma nên thọ tam qui y. Nhờ tam qui y nên chúng sinh được an lạc. Thọ an lạc tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết Bàn. Niết Bàn tức là vô tận. Vô tận tức là Phật tính. Phật tính tức là quyết định. Quyết định tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu Niết Bàn, Phật tính, Quyết định, Như Lai là một nghĩa thì sao nói rằng có tam qui y ?

Đức Phật dạy ngài Ca Diếp rằng :

- Nay thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh kinh sợ sinh tử nên cầu Tam qui. Nhờ Tam qui nên biết Phật tính, Quyết định, Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Có pháp danh một nghĩa khác (Danh nhất nghĩa dị), có pháp danh nghĩa đều khác (Danh nghĩa câu dị). Danh một nghĩa khác là Phật thường (trụ), Pháp thường, Tỳ kheo Tăng thường, Niết Bàn, Hư không đều cũng là thường. Đó gọi là Danh một nghĩa khác. Danh nghĩa đều khác là Phật tên là giác, pháp tên là bất giác, Tăng tên là hòa hợp, Niết Bàn tên là giải thoát, hư không tên là phi thiện, cũng tên là vô ngại. Đó là danh nghĩa đều khác. Nay thiện nam tử ! Tam qui y cũng lại như vậy, danh nghĩa đều khác. Sao gọi là một ? Vậy nên ta bảo Ma Ha ba Xà Ba Đề Kiều Đàm Di chớ cúng dường cho ta, phải

cúng dường Tăng. Nếu cúng dường Tăng thì được đầy đủ cúng dường Tam Qui. Ma Ha Ba Xà Ba Đề liền đáp với ta rằng : “Trong chúng Tăng không Phật, không Pháp thì sao nói rằng, cúng dường chúng Tăng thì được đầy đủ cúng dường Tam qui ?” Ta lại bảo rằng : “Đi cứ làm theo lời nói của tôi là cúng dường Phật. Cúng dường vì giải thoát tức là cúng dường Pháp. Chúng Tăng hưởng thọ sự cúng dường tức là cúng dường Tăng”. Này thiện nam tử ! Vậy nên Tam Qui chẳng được là một. Này thiện nam tử ! Như Lai hoặc có khi nói một là ba, có khi nói ba là một. Nghĩa như vậy là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là điều hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác.

Ngài Ca Diếp lại bạch rằng :

- Như lời nói của đức Phật thì rốt ráo an lạc gọi là Niết Bàn, ý nghĩa này thế nào ? Bàn về Niết Bàn là xả thân, xả trí. Nếu xả thân, xả trí thì ai sẽ thọ lạc ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Ví như có người ăn rồi, buồn nôn muốn ói, đi ra ngoài. Đã nôn ra rồi mà lại muốn quay trở lại, đồng bạn hỏi người đó rằng : “Ông nay hoạn nạn đã qua, có bớt bệnh không mà lại quay trở lại ?” Đáp rằng: “Đã bớt rồi, thân được yên vui”. Như Lai cũng vậy, rốt ráo xa lìa hai mươi lăm cõi hữu, vĩnh viễn được chỗ Niết Bàn an vui, chẳng thể động chuyển, không có tận diệt, đoạn tuyệt tất cả thọ, gọi là không thọ lạc. Như vậy không thọ lạc gọi là Thường Lạc. Nếu nói Như Lai có thọ lạc thì không có điều đó. Vậy nên niềm vui rốt ráo tức là Niết Bàn. Niết Bàn tức là Chân Giải thoát. Chân Giải thoát tức là Như Lai.

Ngài Ca Diếp lại nói rằng :

- Chẳng sinh, chẳng diệt là giải thoát sao ?

- Đúng vậy ! Đúng vậy ! Này thiện nam tử ! Chẳng sinh, chẳng diệt tức là giải thoát. Như vậy giải thoát tức là Như Lai !

Ngài Ca Diếp lại bạch rằng :

- Nếu chẳng sinh diệt là giải thoát thì tính hư không cũng không sinh diệt nên chính là Như Lai. Như vậy tính Như Lai tức là giải thoát?

Đức Phật dạy ngài Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử ! Việc này chẳng vậy !

- Thừa đức Thế Tôn ! Vì sao chẳng vậy ?

- Này thiện nam tử ! Như chim Ca lan già và chim Cộng mạng, tiếng hót của chúng thanh diệu há có thể đồng với tiếng kêu của chim quạ, chim Bồ các chăng ?

- Chẳng đồng, thưa đức Thế Tôn !

- Tiếng của chim Quạ, chim Bồ các sánh với tiếng của chim Cộng mạng.v.v... dù cho nhân lên trăm, ngàn, vạn lần cũng chẳng thể so sánh được.

Ngài Ca Diếp lại bạch rằng :

- Chim Ca lan già.v.v... tiếng của chúng vi diệu, thân cũng chẳng đồng thì làm sao đức Như Lai đem so sánh chúng với chim Quạ, chim Bồ các ? Không khác gì đem hạt cải so sánh với núi Tu Di ? Phật cùng với hư không cũng lại như vậy. Tiếng kêu của chim Ca lan già có thể ví cho âm thanh của Phật, chẳng thể đem dụ cho tiếng kêu của chim Quạ, chim Bồ các.

Lúc bấy giờ, đức Phật khen Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Ông nay khéo giải điều thậm thâm khó giải ! Như Lai, có lúc vì nhân duyên nên dẫn hư không kia để ví cho giải thoát. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Chân giải thoát thì tất cả người trời không thể lấy làm ví dụ, mà hư không này thật ra chẳng phải dụ cho giải thoát ấy được, nhưng vì giáo hóa chúng sinh nên dùng hư không, chẳng phải dụ để làm ví dụ. Ông phải biết, giải thoát tức là Như Lai. Tính của Như Lai tức là giải thoát. Giải thoát, Như Lai không hai, không khác. Này thiện nam tử ! Chẳng phải dụ là như vật không so sánh được, chẳng thể dẫn dụ được. Nhưng có nhân duyên nên có thể được dẫn dụ, như trong Kinh nói, diện mạo đoan chánh như trăng tròn đầy. Voi trắng tươi đẹp thanh khiết giống như núi Tuyết. Trăng tròn đầy chẳng được ví đồng với mặt. Núi Tuyết chẳng được ví là bạch tượng. Này thiện nam tử ! Chẳng thể dùng dụ để ví cho Chân Giải thoát, nhưng vì hóa độ chúng sinh nên làm ra dụ vậy. Nhờ các thí dụ nên biết các pháp tính đều cũng như vậy.

Ngài Ca Diếp lại bạch rằng :

- Sao gọi là Như Lai tạo ra hai thứ nói ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Ví như có người nắm giữ dao, kiếm, do lòng sân nhuế muốn hại Như Lai. Như Lai vui hòa, không sắc diện sân giận thì người đó có sẽ hoại được Như Lai tạo thành tội nghịch không ?

- Thưa đức Thế Tôn ! Chẳng thành vậy ! Vì sao vậy ? Vì thân giới của đức Như Lai chẳng thể hoại. Sở dĩ vì sao ? Vì không có thân tục, chỉ có pháp tính mà tính của pháp tính về lý chẳng thể hoại thì người đó làm sao có thể hoại thân Phật ? Trực tiếp do tâm ác nên thành tội vô gián. Do nhân duyên dẫn các thí dụ đó nên biết được thật pháp !

Lúc bấy giờ, đức Phật khen Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Điều muốn nói của ta, ông nay đã nói rồi. Lại, này thiện nam tử ! Ví như người ác muốn hại mẹ mình. Hấn trụ ở đồng ruộng, tại dưới đồng lúa. Người mẹ vì hấn đưa cơm. Hấn thấy mẹ rồi liền sinh tâm hại, bèn mài dao trước. Người mẹ biết rồi liền nhảy vào trong đồng lúa. Người ấy cầm dao chạy quanh đồng lúa phạt vào. Phạt vào rồi vui mừng, sinh ra tư tưởng giết hại xong thì mẹ hấn xuất hiện, trở về đến trong nhà. Ý ông thế nào ? Người đó có thành tựu tội vô gián không ?

- Thưa đức Thế Tôn ! Chẳng thể nói dứt khoát được ! Vì sao vậy ? Vì nếu nói có tội thì thân người mẹ nên hoại thân mà nếu chẳng hoại thì làm sao nói rằng có ? Nếu nói không tội mà đã sinh tư tưởng giết hại, lòng mang vui mừng thì sao nói rằng không ? Người này tuy chẳng đầy đủ tội nghịch mà cũng chính là nghịch. Do nhân duyên dẫn các thí dụ đó mà được biết thật pháp !

Đức Phật khen ngài Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Vì nhân duyên đó mà ta nói đủ thứ phương tiện thí dụ để ví cho giải thoát. Ta tuy dùng vô lượng atăng kỳ dụ mà thật chẳng thể lấy dụ làm so sánh. Hoặc có nhân duyên cũng có thể dùng dụ để nói. Hoặc có nhân duyên chẳng thể dẫn ra thí dụ. Vậy nên giải thoát

thành tựu vô lượng công đức như vậy, hướng đến Niết Bàn. Niết Bàn Như Lai cũng có vô lượng công đức như vậy. Do vô lượng công đức thành tựu viên mãn như vậy.v.v... nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con nay bắt đầu biết được chỗ đến của đức Như Lai là không có tận. Chỗ đến nếu không tận thì phải biết rằng, thọ mạng cũng nên không tận.

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Ông nay giỏi có thể hộ trì chánh pháp ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn đoạn trừ những trói buộc phiền não thì phải tạo tác sự hộ trì Chánh pháp như vậy.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ năm hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 6

PHẨM TỨ Y (BỐN NƯƠNG)

PHẦN XIII.

- Đức Phật lại bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử ! Trong Kinh vi diệu Đại Bát Niết Bàn này, có bốn thứ người có thể hộ trì Chánh pháp, kiến lập Chánh pháp, nhớ nghĩ Chánh pháp, có thể đem nhiều lợi ích, thương xót thế gian, làm chỗ nương tựa cho thế gian, đem an vui cho người, trời. Những gì là bốn ? Có người ra đời đủ tính phiền não, đó là thứ nhất. Người Tu đà hoàn, người Tư đà hàm, đó là thứ hai. Người A na hàm, đó là thứ ba. Người A la hán, đó là thứ tư. Bốn thứ người đó xuất hiện ở đời thì họ có thể đem nhiều lợi ích và thương xót thế gian, làm chỗ nương tựa cho thế gian, đem an vui cho trời.

Sao gọi là đủ tính phiền não ? Nếu có người có thể phụng trì cấm giới, uy nghi đầy đủ, kiến lập Chánh pháp, từ chỗ Phật nghe giải ý nghĩa ấy, rồi chuyển vì người khác phân biệt tuyên nói. Như nói rằng, ít dục chính là đạo, đa dục chẳng phải đạo, rộng nói tám điều giác ngộ của bậc đại nhân như vậy. Có người phạm tội thì dạy bảo khiến cho họ phát lộ sám hối, diệt trừ. Giới biết hành động phương tiện, pháp bí mật của Bồ tát. Đó gọi là phạm phu, chẳng phải người thứ tám. Người thứ tám (?) thì chẳng gọi là phạm phu mà gọi là Bồ tát, chẳng gọi là Phật.

Người thứ hai gọi là Tu đà hoàn, Tư đà hàm. Nếu người này được Chánh pháp, thọ trì Chánh pháp, theo Phật nghe pháp, theo đúng như điều đã nghe ấy mà ghi chép, thọ trì, đọc tụng, rồi chuyển vì người khác giảng nói. Nếu nghe pháp rồi mà người ấy chẳng ghi chép, chẳng thọ trì, chẳng giảng nói mà nói rằng, nô tỳ... những vật bất tịnh được Phật cho phép nuôi thì không có điều này. Đó gọi là người thứ hai. Người như vậy chưa được trụ xứ thứ hai, thứ ba thì gọi là Bồ tát đã được thọ ký.

Người thứ ba gọi là A na hàm. A na hàm mà bài báng Chánh pháp, hoặc nói rằng cho phép nuôi nô tỳ, người sai khiến... vật bất tịnh, thọ trì sách luận, điển tịch của ngoại đạo và bị sự ngăn che của khách trần phiền não, bị sự che phủ của các nghiệp phiền não, hoặc che giấu xá lợi chân thật của Như Lai và bị sự não hại của ngoại bệnh, hoặc bị sự lấn lướt của bốn con rắn độc lớn, luận nói về ngã... thì đều không có điều này. Nếu nói vô ngã thì có điều này. Nói đấm trước thế pháp thì không có điều này. Nếu người này nói Đại Thừa nối tiếp nhau chẳng dứt thì có điều này. Người này nếu đã thọ thân thì có tám vạn loài trùng cũng không có điều này. Người đó vĩnh viễn lìa khỏi dâm dục, thậm chí trong mơ cũng chẳng mất bất tịnh thì có điều này. Ngày lâm chung, người ấy sinh ra sợ hãi cũng không có điều này. A na hàm là nghĩa làm sao ? Nghĩa là người này chẳng trở lại. Như trên đã nói, những lỗi hoạn sẵn có vĩnh viễn chẳng thể nhiễm ô, qua lại xoay vòng thì gọi là Bồ tát đã được thọ ký, chẳng bao lâu được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó gọi là người thứ ba vậy.

Người thứ tư gọi là A la hán. A la hán thì đoạn tuyệt các phiền não, bỏ được gánh nặng, đạt được lợi mình, việc phải làm đã hoàn thành, trụ ở Đệ Thập Địa, được trí tự tại, tùy theo sự ưa thích của người mà hiện đủ thứ sắc tượng, đều có thể thị hiện đúng như sự trang nghiêm của họ, muốn thành Phật đạo thì liền có thể được thành. Người có thành tựu vô lượng công đức như vậy thì gọi là A la hán. Tên bốn người này xuất hiện ở đời thì có thể lợi ích,

thương xót nhiều cho thế gian, làm chỗ nương tựa của thế gian, đem an vui cho người trời, ở trong người trời là tối tôn, tối thắng, giống như Như Lai gọi là bậc Nhân Trung Thắng, là chỗ qui y.

Ngài Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con nay chẳng nương vào bốn thứ người này. Vì sao vậy ? Vì như trong Kinh Cù Su La, đức Phật vì Cù Su Ca nói rằng : “Nếu Thiên ma, Phạm thiên vì muốn phá hoại mà biến làm hình dáng Phật với đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, với vòng sáng tròn một tầm, mặt viên mãn giống như vầng trăng tròn sáng, tướng bạch hào ở mi gian trắng vượt cả ngọc kha trắng như tuyết. Chúng trang nghiêm như vậy hướng đến ông thì ông phải kiểm nghiệm định liệu xem hình tướng ấy hư hay thật. Đã hiểu biết rồi thì ông phải hàng phục”. Thưa đức Thế Tôn ! Ma.v.v... còn có thể biến làm hình dáng đức Phật, huống gì chúng chẳng có thể biến làm thân bốn thứ người, A la hán.v.v... nằm ngòi trong không, hông trái tuông ra nước, hông phải phát ra lửa, toàn thân phát ra khói lửa giống như đám cháy. Do nhân duyên này, con ở trong hoàn cảnh đó, lòng chẳng sinh ra niềm tin, hoặc có điều nói ra, con chẳng thể bảm thọ, cũng không có ý niệm cung kính mà tạo tác sự y chỉ !

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Đối với lời nói của ta nếu còn sinh nghi hoặc thì chẳng nên tín thọ, huống gì là lời của những bọn như vậy. Vậy nên ông phải khéo phân biệt biết là thiện hay bất thiện, là có thể làm hay chẳng thể làm. Tạo tác được như vậy rồi thì mãi hưởng thụ niềm vui. Này thiện nam tử ! Ví như chó trộm đang đêm vào nhà người. Nô tỳ, người làm của gia đình ấy nếu hay biết thì nên xua đuổi mắng rằng: “Người mau đi ra ! Nếu chẳng ra thì ta giết chết ngươi !” Chó trộm nghe rồi liền đi khỏi, chẳng quay trở lại. Các ông từ nay cũng nên hàng phục ma Ba Tuần như vậy. Các ông nên nói rằng : “Này Ba Tuần ! Ngươi nay chẳng nên biến làm hình tượng như vậy ! Nếu cố tình làm thì ta sẽ dùng năm trói buộc để trói buộc ngươi !” Ma nghe thế rồi liền phải đi trở về, như con chó trộm kia chẳng quay trở lại nữa.

Ngài Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như đức Phật vì ông trưởng giả Cù Su La nói mà nếu có thể hàng phục ma như vậy thì cũng có thể được gần với Đại Bát Niết Bàn.

Đức Như Lai hà tất nói bốn người này là chỗ y chỉ. Như vậy lời nói của bốn người này chưa nhất định đáng tin.

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Nay thiện nam tử ! Như lời nói của ông cũng lại như vậy, chẳng phải là chẳng vậy ! Nay thiện nam tử ! Ta vì hàng Thanh Văn có nhục nhãn, nói về việc hàng ma, chớ chẳng vì người tu học Đại Thừa mà nói đâu ! Người Thanh Văn tuy có thiên nhãn mà gọi là nhục nhãn, người học Đại Thừa tuy có nhục nhãn mà gọi là Phật nhãn. Vì sao vậy ? Vì Kinh Đại Thừa đó gọi là Phật thừa mà như Phật thừa này là tối thượng, tối thắng. Nay thiện nam tử ! Ví như có người dũng kiện uy mãnh thì có người khiếp nhược thường đến nương cậy. Người dũng kiện ấy thường dạy người khiếp nhược rằng : “Ông phải như vậy cầm cung, nắm tên, tu học đường giáo, câu liêm dài, dây tơ trời...” Người ấy lại bảo rằng : “Phàm chiến đấu thì tuy như giầy xéo chém giết nhưng chẳng nên tự sinh ra ý niệm kinh sợ, phải nhìn người, trời mà sinh tư tưởng khinh thường, nên tự sinh ý dũng kiện ở trong lòng. Hoặc khi có người không can đảm dũng mãnh mà trá làm kiện tướng nắm giữ cung tên, đao kiếm, đủ thứ binh khí để tự trang nghiêm, đi đến trong trận thì tiếng khích lệ hô to. Ông đối với hạng người này cũng lại chẳng nên sinh ra lo sợ”. Hạng người như vậy nếu thấy các ông chẳng kinh sợ. Các ông phải biết, hạng người này chẳng bao lâu sẽ tan hoại như con chó trộm kia. Nay thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, bảo các Thanh Văn rằng : “Các ông chẳng nên sợ ma Ba Tuần ! Nếu ma Ba Tuần hóa làm thân Phật đến chỗ các ông thì các ông phải tinh cần kiên cố lòng mình khiến cho ma đó hàng phục. Ma liền phải lo buồn chẳng vui, trở lại đường mà đi. Nay thiện nam tử ! Như người dũng kiện kia chẳng theo người khác tập tành, người học Đại Thừa cũng lại như vậy, được nghe đủ thứ kinh điển thâm mật, lòng họ hân hoan chẳng sinh ra kinh sợ. Vì sao vậy ? Vì người tu học Đại Thừa như vậy đã từng cúng dường cung kính lễ bái vô lượng vạn ức đức Phật đời quá khứ. Tuy có vô lượng ức ngàn ma chúng muốn đến xâm hại quấy nhiễu, ở trong việc này, nhất định người học Đại Thừa chẳng kinh sợ. Nay thiện nam tử ! Ví như có người được thuốc A Kiệt Đà thì chẳng sợ tất cả rắn độc. Vì rắn sợ dược lực đó nên cũng có thể tiêu trừ tất cả các độc. Kinh Đại Thừa này cũng lại như vậy, như dược lực kia, chẳng sợ tất cả các ma ác độc, cũng có thể hàng phục khiến cho chúng chẳng khởi lên nữa.

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Ví như có con rồng, tính rất tộ ác, khi muốn hại người, hoặc dùng mắt nhìn, hoặc dùng cách hà hơi. Vậy nên tất cả sư tử, cọp báo, sài lang, chó dữ.... đều sinh ra sợ hãi. Những loài ác thú đó nghe tiếng,

thấy hình, hoặc chạm vào thân ấy không loài nào chẳng táng mạng. Có người giỏi về chú thuật, dùng lực của chú nên có thể khiến cho các rồng, chim cánh vàng ác độc và những ác thú voi, sư tử, cọp beo, sài lang.v.v... trở nên nhu thuận điều thiện, đều mặc cho người điều khiển. Những ác thú như vậy thấy người giỏi chú thuật đó liền điều phục. Thanh Văn, Duyên Giác cũng lại như vậy, thấy ma Ba Tuần đều sinh ra kinh sợ mà ma Ba Tuần thì lại chẳng sinh lòng sợ sệt, còn làm nghiệp ma nữa. Người học Đại Thừa cũng lại như vậy, thấy các Thanh Văn kinh sợ việc ma, đối với Đại Thừa này chẳng sinh ra tín lạc thì trước dùng phương tiện hàng phục các ma, khiến cho chúng điều thiện, đủ sức chuyên chờ. Rồi nhân đó vì chúng nói rộng rãi đủ thứ diệu pháp. Thanh Văn, Duyên Giác thấy ma điều phục rồi thì chẳng sinh sợ hãi nữa mà đối với Chánh pháp Vô thượng Đại Thừa này mới sinh ra tín lạc. Họ nói lên như vậy : “Chúng ta từ nay chẳng nên ở trong chánh pháp này mà tạo tác chướng ngại”. Lại nữa, này thiện nam tử ! Thanh Văn, Duyên Giác đối với các phiền não mà sinh sợ hãi, còn người học Đại Thừa thì đều không sợ sệt. Học Đại Thừa thì có lực như vậy. Do nhân duyên này, như trước đã nói, vì muốn khiến cho Thanh Văn, Duyên Giác kia điều phục các ma, chẳng phải vì Đại Thừa. Kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn này chẳng thể tiêu phục ! Rất lạ kỳ ! Rất đặc biệt ! Nếu có người nghe mà nghe rồi tín thọ thì có thể tin Như Lai là pháp thường trụ. Người như vậy rất là hy hữu, như hoa Ưu đàm ! Sau khi ta Niết Bàn, nếu có người được nghe kinh điển Đại Thừa vi diệu như vậy mà sinh lòng tin, cung kính thì phải biết rằng, những người này vào đời vị lai, trăm ngàn ức kiếp, chẳng rơi vào đường ác.

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử ! Sau khi ta Niết Bàn, sẽ có trăm ngàn vô lượng chúng sinh bài báng, chẳng tin Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này !

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Xa hay gần sau khi đức Phật diệt độ thì những chúng sinh này sẽ bài báng Kinh đó ? Thưa đức Thế Tôn ! Lại có những chúng sinh thuần thiện nào sẽ có thể cứu vớt những kẻ bài báng pháp này ?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử ! Sau khi ta Niết Bàn trong vòng bốn mươi năm thì Kinh này lưu hành trải khắp cõi Diêm Phù Đề. Nhiên hậu kinh mới ẩn chìm dưới đất. Này thiện nam tử ! Ví như mía ngọt, gạo lúa nước (gạo ngon), đường

táng, vàng sữa, cao sữa, đề hồ... tùy theo chỗ có chúng mà nhân dân nơi ấy đều cho rằng, thứ này là vị ngon đệ nhất trong các vị. Hoặc có người ăn thuần gạo lúa tẻ và hạt kê. Người đó cũng nói rằng, món ăn của ta là tối đệ nhất, đó là người bạc phước chịu nghiệp báo vậy. Nếu là người phước đức thì ngay cả tai họ cũng chẳng nghe đến tên của gạo tẻ, hạt kê mà món ăn của họ chỉ toàn là gạo ngon, mía ngọt, đường, đề hồ... Kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu này cũng lại như vậy, kẻ độn căn, bạc phước chẳng ưa lắng nghe như người bạc phước ghét gạo ngon và đường.v.v... Người của Nhị thừa cũng lại như vậy, ghét kinh Đại Niết Bàn Vô thượng. Hoặc có chúng sinh mà tâm họ vui thích thính thọ Kinh này nghe rồi vui mừng, chẳng sinh ra bài bác, như người phước đức kia ăn toàn gạo ngon.

Này thiện nam tử ! Ví như có vị vua ở tại vùng núi sâu, chỗ ác đầy hiểm nạn, tuy có mía ngọt, gạo ngon, đường, nhưng do khó được chúng nên tham tiếc, gom chứa chẳng dám ăn. Vua sợ hết những thứ ấy nên chỉ ăn gạo tẻ, hạt kê. Có vị quốc vương khác nghe mà thương xót, liền dùng xe chở gạo ngon, mía ngọt mà đem cho vị vua đó. Vị vua ấy nhận được rồi liền đem phân phát cho cả nước ăn chung. Nhân dân đã ăn rồi đều phát sinh vui mừng, đều nói lên rằng : “Nhờ đức vua đó nên khiến cho chúng ta được món ăn hiếm có này”. Này thiện nam tử ! Bốn thứ người này cũng lại như vậy, là vị tướng của đại pháp vô thượng này. Trong bốn thứ người đó, nếu có một người thấy vô lượng Bồ tát ở phương xa tuy học kinh điển Đại Thừa như vậy, hoặc tự ghi chép, hoặc khiến người khác ghi chép vì lợi dưỡng, vì sự ngợi khen, vì lý do tìm hiểu giáo pháp, vì y chỉ, vì dùng để trao đổi (mua bán) những kinh khác mà chẳng thể người khác tuyên nói rộng rãi. Vậy nên người ấy đem kinh điển vì diệu này đưa đến địa phương đó cho vị Bồ tát kia, khiến cho họ phát tâm Vô thượng Bồ Đề, an trụ ở đạo Bồ Đề. Vị Bồ tát đó được kinh này rồi liền vì người khác diễn nói rộng rãi, khiến cho vô lượng chúng sinh được thọ pháp vị Đại Thừa như vậy. Tất cả đều nhờ sức của một vị Bồ tát này mà kẻ chưa nghe Kinh đều khiến cho được nghe, như nhân dân kia nhờ sức của vị vua nên được món ăn hiếm có. Lại nữa, này thiện nam tử ! Chỗ đã lưu bố Kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu này, ông phải biết, đất chỗ ấy tức là Kim Cương, những người trong chỗ đó cũng như Kim Cương. Nếu có người có thể nghe Kinh như vậy tức là chẳng thoái chuyển Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tùy theo sở nguyện của người ấy đều được thành tựu. Như ta hôm nay đã có thể tuyên nói : “Này Tỳ kheo ! Các ông nên khéo thọ trì !” Nếu có chúng sinh chẳng thể lắng nghe Kinh điển như vậy thì phải biết rằng, người này rất đáng thương xót. Vì sao vậy ? Vì người đó chẳng thể thọ trì nghĩa thậm thâm của kinh điển Đại Thừa như vậy !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Sau khi đức Như Lai diệt độ, trong vòng bốn mươi năm, Kinh điển Đại Niết Bàn Đại Thừa này lưu hành trải rộng ở cõi Diêm Phù Đề. Qua khỏi thời gian đó về sau kinh ẩn chìm vào đất, lùi sau bao lâu thì Kinh này sẽ xuất hiện trở lại ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Nếu chánh pháp của ta còn chừng tám mươi năm thì trước bốn mươi năm, Kinh này lại sẽ ở cõi Diêm Phù Đề mưa Đại pháp vũ.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như vậy khi Kinh điển Chánh pháp diệt, khi Chánh giới (cấm) hủy, khi phi pháp tăng trưởng, khi không có chúng sinh như pháp (theo đúng pháp) thì ai có thể thính thọ, phụng trì, đọc tụng ? Khiến cho những người ấy thông lợi, cúng dường, cung kính, ghi chép, giải nói ? Kính xin đức Như Lai thương xót chúng sinh mà phân biệt, giảng nói rộng rãi, khiến cho các Bồ tát nghe rồi thọ trì, thọ trì rồi liền được chẳng thoái chuyển tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc bấy giờ, đức Phật khen ngài Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Nay thiện nam tử ! Nay ông khéo có thể hỏi nghĩa như vậy ! Nay thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh ở chỗ các đức Phật nhiều như cát sông Hi Liên phát tâm Bồ Đề thì mới có thể ở cõi đời ác này thọ trì Kinh điển như vậy mà chẳng sinh ra bài báng. Nay thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh ở chỗ các đức Như Lai nhiều bằng một lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ Đề thì nhiên hậu mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này, ưa thích Kinh điển đó mà chẳng thể vì người phân biệt diễn nói rộng rãi. Nay thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh ở chỗ các đức Như Lai nhiều bằng hai lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ Đề thì nhiên hậu mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng báng pháp này mà chánh giải tin ưa, thọ trì đọc tụng. Nhưng cũng lại chẳng thể vì người giảng nói rộng rãi. Nếu có chúng sinh ở chỗ các đức Như Lai nhiều bằng ba lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ Đề thì nhiên hậu mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này, thọ trì, đọc tụng, chép thành kinh quyển, tuy có vì người khác diễn nói nhưng chưa giải được nghĩa sâu. Nếu có chúng sinh ở chỗ các đức Như Lai nhiều bằng bốn lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ Đề rồi thì nhiên hậu mới có thể ở trong

cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này, thọ trì, đọc tụng, chép thành Kinh quyển, vì người khác giảng nói rộng rãi được nghĩa một phần trong mười sáu phần, tuy có diễn nói những cũng chẳng đầy đủ. Nếu có chúng sinh ở chỗ các đức Như Lai nhiều bằng năm lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ Đề rồi thì nhiên hậu mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này, thọ trì, đọc tụng, chép thành Kinh quyển, rộng vì người giảng nói được nghĩa tám phần trong mười sáu phần. Nếu có chúng sinh ở chỗ các đức Như Lai nhiều bằng sáu lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ Đề thì nhiên hậu mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này, thọ trì, đọc tụng, chép thành Kinh quyển, vì người khác rộng nói được mười hai phần nghĩa trong mười sáu phần. Nếu có chúng sinh ở chỗ các đức Như Lai nhiều bằng bảy lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ Đề thì nhiên hậu mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này, thọ trì, đọc tụng, chép thành Kinh quyển, vì người khác diễn nói được mười bốn phần nghĩa trong mười sáu phần. Nếu có chúng sinh ở chỗ các đức Như Lai nhiều bằng tám lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ Đề thì nhiên hậu mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này, thọ trì, đọc tụng, chép thành Kinh quyển, cũng khuyên người khác khiến cho được sách chép, tự có thể thính thọ rồi lại khuyên người khác, khiến cho họ được thính thọ, đọc tụng, thông lợi, ủng hộ kiên trì, thương xót các chúng sinh của thế gian, cúng dường Kinh này, cũng khuyên người khác, khiến cho họ cúng dường. Cung kính, tôn trọng, đọc tụng, lễ bái cũng lại như vậy, có thể ý giải đầy đủ hết nghĩa vị của Kinh ấy, như là Như Lai thường trụ, chẳng biến dị, rốt ráo an vui, rộng nói chúng sinh đều có Phật tính, giỏi biết hết pháp tạng sở hữu của Như Lai, cúng dường các đức Phật như vậy rồi, kiến lập Chánh pháp vô thượng như vậy mà thọ trì ủng hộ. Nếu có người mới phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì phải biết người này ở đời vị lai nhất định có thể kiến lập chánh pháp như vậy mà thọ trì, ủng hộ. Vậy nên ông nay chẳng nên chẳng biết là người hộ pháp trong đời vị lai. Vì sao vậy ? Vì người phát tâm này nhất định ở đời vị lai có thể hộ trì chánh pháp Vô thượng. Nay thiện nam tử ! Có vị ác Tỳ kheo nghe ta Niết Bàn, chẳng sinh ra lo buồn mà nghĩ rằng : “Ngày hôm nay đức Như Lai Bát Niết Bàn, sao mà khoái thay ! Đức Như Lai tại thế ngăn lợi dưỡng của chúng ta. Nay ngài vào Niết Bàn thì còn có ai sẽ ngăn đoạt ta. Nếu không người ngăn đoạt thì ta trở lại được lợi dưỡng như cũ. Đức Như Lai tại thế cấm giới nghiêm ngặt, nay ngài vào Niết Bàn thì sẽ buông bỏ hết. Việc thọ cà sa vốn là nghi thức của Phật thì nay sẽ phế hoại như cờ phan đầu cây”. Những người như vậy bài báng chống lại Kinh điển Đại Thừa này. Nay thiện nam tử ! Ông nay cần phải nhớ giữ như vậy. Nếu có chúng sinh thành tựu đầy đủ vô lượng công đức thì mới có thể tin Kinh điển Đại Thừa này, tin rồi thọ trì. Bao chúng sinh còn lại, có người ưa pháp, nếu có thể vì họ giảng nói rộng rãi Kinh này.

Những người ấy nghe rồi thì những nghiệp ác đã làm trong vô lượng atăngkỳ kiếp đời quá khứ đều trừ diệt hết. Nếu có người chẳng tin Kinh điển này thì hiện tại thân họ sẽ bị sự não hại của vô lượng bệnh khổ, bị nhiều sự hủy nhục, mắng chửi của mọi người nhìn thấy, sau khi mạng chung bị người khác khinh khi, dung mạo xấu xí, hèn hạ, đời sống gian nan, thường chẳng đủ cung cấp. Họ tuy lại ít được thô sáo, tệ ác nhưng đời đời thường ở trong gia đình bần cùng hạ tiện, bài báng Chánh pháp, tà kiến. Nếu khi họ lâm chung thì hoặc gặp sự dấy khởi hoang loạn, đao binh, hoặc bị lấn hiếp, bức bách của đế vương bạo ngược, oán gia thù địch. Tuy có bạn lành mà họ chẳng gặp gỡ, nhu cầu đời sống cầu chẳng thể được. Tuy ít được lợi mà họ thường gặp nạn đói khát. Họ chỉ là hạng hiểu biết tầm thường mà quốc vương, đại thần đều chẳng chọn lấy. Giả sử lại có nghe lời tuyên nói của người ấy cho dù hợp lý đi nữa thì nhất định chẳng ai tin thọ. Người như vậy chẳng đến được chỗ tốt lành. Như con chim gãy cánh chẳng thể bay đi, người này cũng vậy, vào đời vị lai, chẳng thể được đến chỗ tốt của người, trời. Nếu lại có người có thể tin Kinh điển Đại Thừa như vậy thì dù trước đã thọ hình hài thô bỉ nhưng nhờ công đức của Kinh điển liền trở nên đon chính, uy nhân, sắc lực ngày lại càng thêm nhiều, thường được sự ưa nhìn của người trời, được cung kính, ái niệm, tình không lia bỏ. Quốc vương, đại thần và gia đình quyến thuộc nghe lời nói của người ấy đều cung kính, tín thọ. Nếu trong đệ tử Thanh Văn của ta muốn làm việc hy hữu đệ nhất thì phải vì thế gian rộng tuyên nói Kinh điển Đại Thừa như vậy.

Này thiện nam tử ! Ví như sương mù tuy muốn trụ lại nhưng chẳng qua khỏi mặt trời mọc. Mặt trời đã mọc rồi thì nó liền tiêu diệt không còn. Này thiện nam tử ! Nghiệp ác sở hữu của những chúng sinh này cũng lại như vậy, thế lực, trụ thế của chúng chẳng qua được khi thấy mặt trời Đại Niết Bàn. Mặt trời này mà đã xuất hiện thì có thể trừ diệt tất cả ác nghiệp.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như có người xuất gia, cạo bỏ râu tóc, tuy mặc cà sa mà chưa được thọ giới Sa di. Hoặc có ông trưởng giả đến thỉnh chúng Tăng, người chưa thọ giới liền cùng với đại chúng đều chung nhận lời mời. Người này tuy chưa thọ giới nhưng đã rơi vào tăng số. Này thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh phát tâm bắt đầu học Kinh điển Đại Niết Bàn Đại Thừa, chép, trì, đọc tụng cũng lại như vậy. Tuy họ chưa đầy đủ ngôi bậc Thập Trụ nhưng đã rơi vào trong số Thập Trụ. Hoặc có chúng sinh là đệ tử của Phật hoặc chẳng phải là đệ tử của Phật nếu nhân tham tiếc hoặc nhân lợi dưỡng mà thỉnh thọ Kinh này thậm chí chỉ một câu kệ, nghe rồi chẳng bài báng thì ông phải biết rằng, người đó tức là đã gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này thiện nam tử ! Như vậy bốn hạng người như

Phật đã nói mà cho rằng chẳng phải Phật nói thì không có điều này. Vậy nên ta nói bốn hạng người như vậy là chỗ nương của thế gian. Nay thiện nam tử ! Ông nên cúng dường bốn hạng người như vậy.

- Thưa đức Thế Tôn ! Con sẽ làm sao biết được người đó mà vì họ cúng dường.

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Nếu có sự kiến lập, hộ trì chánh pháp thì nên theo khái thỉnh những người như vậy và phải xả bỏ thân mạng mà cúng dường họ, như ta đối với Kinh điển Đại Thừa này nói rằng :

Có người biết pháp Ø Hoặc trẻ hoặc già

Nên cúng dường họ Cung kính lễ bái

Như Bà la môn Phụng sự thân lửa.

Có người biết pháp Ø Hoặc trẻ hoặc già

Nên cúng dường họ Cung kính lễ bái

Cũng như chư thiên Phụng sự Đế Thích.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời nói của đức Phật thì cúng dường sư trưởng chính nên như vậy. Nhưng nay có điều nghi, nguyện xin đức Thế Tôn giảng nói rộng rãi ! Nếu có bậc trưởng túc hộ trì cấm giới mà theo hàng niên thiếu hỏi han thọ lấy thì con chưa nghe thì làm sao người già đó phải kính lễ? Nếu phải kính lễ thì tức là họ chẳng gọi là tri giới vậy. Nếu là hàng niên thiếu hộ trì cấm giới mà theo những kẻ già cả phá giới hỏi han, thọ lấy thì con chưa nghe, thì có nên lễ bái không? Nếu người xuất gia theo người tại gia hỏi han thọ lấy thì con chưa nghe thì có phải lễ bái không ? Nhưng mà người xuất gia chẳng nên lễ kính người tại gia, còn trong Phật pháp thì trẻ con ít tuổi cần phải cung kính bậc già cả trưởng túc. Do bậc trưởng túc này trước thọ đủ giới luật, thành tựu uy nghi nên cần phải cúng dường cung kính. Như đức

Phật nói rằng, người phá giới ấy, là đã chẳng dung nạp, giống như ruộng tốt có nhiều cỏ bông kê. Lại nữa, như đức Phật nói, có người biết pháp hoặc già hoặc trẻ nên cúng dường như phụng sự Đấng Thích. Như vậy nghĩa của hai câu ấy ra sao ? Chẳng phải là đức Như Lai nói hư vọng sao ? Như đức Phật nói rằng, Tỳ kheo trì giới cũng có điều hủy phạm, vì sao đức Như Lai nói lời nói đó ? Thừa đức Thế Tôn ! Cũng ở trong các kinh khác nói cho phép sửa trị kẻ phá giới. Như vậy ý nghĩa ấy của lời nói, con chưa hiểu rõ !

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử ! Ta vì các vị Bồ tát, những người học Đại Thừa đời vị lai mà nói kệ như vậy, chứ chẳng vì các đệ tử Thanh Văn mà nói ! Này thiện nam tử ! Như trước ta đã nói, khi chánh pháp diệt, chánh giới hủy hoại, khi phá giới tăng trưởng phi pháp thịnh, khi tất cả Thánh nhân ẩn chẳng hiện, khi kẻ tu hành nhận nuôi nô tỳ, vật bất tịnh... thì trong bốn hạng người này sẽ có một người xuất hiện ở thế gian, cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu đạo. Người ấy thấy các Tỳ kheo mỗi mỗi đều nhận nuôi nô tỳ, người sai bảo, vật bất tịnh... tịnh cùng bất tịnh tất cả chẳng biết, đúng luật, chẳng phải luật cũng lại chẳng nhận biết. Người này vì muốn điều phục những Tỳ kheo như vậy nên cùng chung hòa quang nhưng chẳng đồng trần với họ (hòa quang đồng trần : một hạnh tu nhập thể). Sự hành xử của mình và hành xử của Phật giới có thể phân biệt biết được. Người ấy tuy thấy những người phạm Ba la di nhưng mặc nhiên chẳng cử tội. Vì sao vậy ? Vì ta ra đời là vì muốn kiến lập sự hộ trì chánh pháp. Vậy nên ta mặc nhiên mà chẳng bắt bẻ, sửa trị. Này thiện nam tử ! Người như vậy là hộ pháp, tuy có chỗ phạm nhưng chẳng gọi là phá giới.

Này thiện nam tử ! Ví như vị quốc vương mắc bệnh băng hà, vua kế vị còn nhỏ dại chưa đủ sức kế vị. Có người Chiên đà la giàu to, của cải thừa thãi không lường, có nhiều quyền thuộc, liền dùng sức mạnh, nhân đất nước hư nhược, soán đoạt ngôi vua. Hẳn cai trị chưa lâu thì người trong nước, cư sĩ, bà la môn.v.v... làm phản lánh xa, sang nước khác làm ăn. Tuy có người còn ở lại nhưng thậm chí mắt họ chẳng muốn nhìn vị vua đó. Hoặc có trưởng giả, Bà la môn.v.v... chẳng rời nước mình thì ví như các cây theo chỗ sinh sống của mình liền bị chết trong đó. Vua Chiên Đà La biết người của nước mình đào tẩu làm phản, muốn mọi người trở về nên sai các Chiên đà la canh giữ các con đường. Rồi ở trong bảy ngày, ông cho đánh trống, xướng lệnh rằng : “Các Bà la môn có thể vì ta làm lễ quán đảnh thì sẽ phân nửa nước để phong thưởng cho !” Các Bà la môn tuy nghe lời nói đó nhưng đều không đến mà đều nói rằng : “Làm gì sẽ có hạng Bà la môn làm việc như thế ?”

Vua Chiên đà la lại nói lên rằng : “Trong hàng Bà la môn không có một người vì ta làm thầy thì ta cần phải làm cho các Bà la môn cùng với Chiên đà la sống chung, ăn ở, sự nghiệp đồng nhau. Nếu có người đến làm lễ quán đảnh cho ta thì phong cho nửa nước, lời này chẳng hư dối. Chú thuật, việc đạt đến trời thứ ba mươi ba, thuốc cam lộ bất tử thượng diệu, ta cũng sẽ chung nhau phân chia ăn uống.

Lúc bấy giờ, có con của một Bà la môn, ở tuổi đội mũ mềm (tuổi nhỏ), sửa trị tịnh hạnh, tướng để tóc dài, giỏi biết chú thuật, đi đến chỗ vua tâu rằng : “Thưa đại vương ! Lời truyền của nhà vua, tôi đều có thể làm !”. Bấy giờ lòng vua ấy sinh ra vui mừng nhận đồng tử này làm quán đảnh sư. Các Bà la môn nghe việc này rồi đều sinh ra giận dữ, trách đồng tử này rằng : “Này Bà la môn ! Sao ông nhận làm thầy của Chiên đà la ?” Bấy giờ, vị vua ấy liền chia nửa nước cho đồng tử đó. Rồi cùng nhau cai trị nước trải qua một thời gian dài. Bấy giờ đồng tử nói với vị vua kia rằng : “Tôi bỏ gia pháp đến làm thầy của vua, đã dạy hết cho đại vương chú thuật vi mật mà nay đại vương còn chẳng thấy gần gũi”. Nhà vua đáp rằng : “Ta nay làm sao mà chẳng gần gũi với ngài vậy ?” Đồng tử đáp rằng : “Thuốc bất tử sở hữu của nhà vua trước đây còn chưa ăn chung với nhau”. Nhà vua nói rằng : “Hay thay! Hay thay ! Thưa đại sư ! Tôi thật chẳng biết ! Nếu thầy cần thì tôi xin đem đến liền”. Khi đó, đồng tử nghe lời của vua nói rồi liền mang về nhà mời các vị đại thần cùng nhau ăn uống thuốc đó. Các đại thần ăn rồi chung tâu với vua rằng : “Khoái thay ! Vị Đại sư có thứ thuốc cam lộ bất tử đó !” Nhà vua đã biết rồi liền nói với vị sư ấy rằng : “Tại sao đại sư riêng cùng với các đại thần ăn uống cam lộ mà chẳng thấy phân chia cho ta !”. Bấy giờ đồng tử liền đem thuốc tạp độc còn lại cho nhà vua và bảo uống. Nhà vua uống rồi, trong giây lát thuốc phát làm mê loạn, ngã lăn xuống đất, không hay biết gì cả, giống như người chết. Lúc bấy giờ, đồng tử lập tự quân cũ trở lại làm vua và nói như vậy : “Sư tử ngự tòa pháp chẳng nên khiến cho Chiên đà la thăng lên ! Ta từ xưa đến nay, chưa từng nghe thấy dòng Chiên đà la mà làm vua. Nếu Chiên đà la cai trị nước, quản lý dân thì không có điều này. Đại vương nay nên trở lại nối dõi tiên vương, đem chánh pháp cai trị nước”. Lúc bấy giờ, đồng tử kinh qua việc xử lý đó rồi, lại đem thuốc giải cho người Chiên đà la khiến cho ông ấy tỉnh dậy. Tỉnh dậy rồi, ông bị đuổi ra khỏi nước. Lúc đó, vị đồng tử tuy làm việc đó nhưng chẳng mất pháp của Bà la môn. Kỳ dư những cư sĩ, Bà la môn.v.v... nghe việc làm của ông ấy đều than chưa từng có và khen rằng : “Hay thay ! Hay thay ! Ngài giỏi có thể xưa đuổi được vua Chiên đà la”. Này thiện nam tử ! Việc hộ trì chánh pháp sau khi ta Niết Bàn đối với các Bồ tát cũng lại như vậy. Bồ tát dùng sức phương tiện cùng với hạng tăng phá giới giả danh nhận nuôi tất cả vật bất tịnh kia, đồng chung sự

ngiệp của họ. Bây giờ, Bồ tát nếu thấy có người tuy phạm nhiều giới nhưng có thể sửa trị các ác Tỳ kheo hủy phạm cấm giới. Họ liền đến chỗ những người phạm cấm ấy cung kính, lễ bái, tứ sự cúng dường, kinh sách, đồ lật vật đều đem dâng lên. Như người ấy tự mình không có gì thì cần phải phương tiện theo các đàn việt (người bồ thí) cầu xin để cho người đó. Vì làm việc này nên cần nuôi tám thứ vật bất tịnh. Vì sao vậy ? Vì người này vì sửa trị các ác Tỳ kheo như đồng tử kia xưa đuổi Chiên đà la vậy. Bây giờ, Bồ tát tuy lại cung kính lễ bái người nhận nuôi tám thứ vật bất tịnh nhưng đều không có tội. Vì sao vậy ? Vì do Bồ tát này vì muốn ruồng đuổi, sửa trị các Tỳ kheo ác, khiến cho tăng thanh tịnh được ở yên ổn, lưu bố Kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa, đem lợi ích cho tất cả những trời, người vậy. Đây thiện nam tử ! Do nhân duyên này, ở trong Kinh ta nói hai bài kệ đó, khiến cho các vị Bồ tát đều chung khen ngợi người hộ trì pháp, như những cư sĩ, Bà la môn kia khen ngợi vị đồng tử hay thay ! Hay thay ! Bồ tát hộ pháp chính nên như vậy. Nếu có người thấy người hộ pháp cùng với người phá giới đồng sự nghiệp với nhau mà nói có tội thì phải biết người nói đó tự nhận lấy tai ương ấy, còn người hộ pháp thật ra không có tội. Đây thiện nam tử ! Nếu có Tỳ kheo phạm cấm giới rồi, vì lòng kiêu mạn nên che giấu, chẳng hối lỗi thì phải biết người đó gọi là Chân phá giới. Đại Bồ tát vì hộ pháp nên tuy có phạm mà chẳng gọi là phá giới. Vì sao vậy ? Vì không kiêu mạn nên là hối lỗi vậy. Đây thiện nam tử ! Vậy nên ta ở trong kinh che tướng nói kệ như vậy :

Có người biết pháp Hoặc trẻ hoặc già

Nên cúng dường họ Cung kính làm lễ

Như Bà la môn Phụng sự thần lửa

Như đệ nhị thiên Phụng sự Đế Thích.

Do nhân duyên này, ta cũng chẳng vì người học Thanh Văn mà chỉ vì Bồ tát nói bài kệ này.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như vậy Đại Bồ tát đối với giới gấp gấp hay thông thả mà vốn đã giới là tồn tại đủ chăng ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Ông nay chẳng nên nói như vậy. Vì sao vậy? Vì vốn đã thọ giới thì như vốn chẳng mất. Giả sử có sự sai phạm thì liền nên sám hối mà sám hối rồi thì thanh tịnh. Nay thiện nam tử ! Như sự cố con dê thủng võ do có lỗ nước rò thấm lậu. Vì sao vậy ? Vì không có người sửa trị. Nếu có người sửa trị thì nước chẳng chảy ra. Bồ tát cũng vậy, tuy cùng kẻ phá giới chung bố tát, thọ giới tự tứ, đồng chung tăng sự ấy, sở hữu giới luật nhưng chẳng như con dê thủng võ thấm lậu ấy. Vì sao vậy ? Vì nếu không có trì giới thanh tịnh thì chúng Tăng tổn giảm, vôi vàng, thông thả, lười biếng ngày một thêm lớn. Còn nếu có người trì giới thanh tịnh tức là có thể đầy đủ, chẳng mất giới căn bản. Nay thiện nam tử ! Người thông thả đối với Thừa thì mới gọi là thông thả (hoãn), còn thông thả đối với giới thì chẳng gọi là thông thả. Đại Bồ tát đối với Đại Thừa này lòng chẳng giải đãi kiêu mạn. Đó là phụng giới, vì hộ trì chánh pháp mà dùng nước Đại Thừa tự tắm gội. Vậy nên Bồ tát tuy hiện phá giới nhưng chẳng gọi là thông thả.

Ngài Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Trong chúng tăng của đức Phật có bốn hạng người như quả cây Am la sống, chín khó biết, phạm giới, trì giới làm sao có thể nhận biết được ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Nhờ vào Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu thì dễ có thể biết ! sao gọi là nhờ Kinh Đại Niết Bàn này có thể được biết vậy ? Ví như người làm ruộng gieo trồng lúa ngon, làm cỏ trừ hết cỏ lòng vục, bông kê, dùng mắt thường quan sát gọi là ruộng sạch. Đến ruộng ấy quả thật cây lúa lá cỏ đều khác. Như vậy tám việc có thể làm ô nhiễm tăng, nếu có thể trừ khử thì dùng mắt thịt quan sát biết được thanh tịnh. Hoặc trì giới hay phá giới khi chẳng làm ác mà dùng mắt thịt quan sát thì khó có thể phân biệt. Nếu ác lộ rõ rệt thì dễ có thể biết như cỏ vục bông kê kia dễ có thể phân biệt. Trong chúng Tăng cũng vậy, nếu có thể xa lìa tám thứ pháp rắn độc bất tịnh thì gọi là ruộng phước Thánh chúng thanh tịnh, nên được sự cúng dường của người, trời, quả báo thanh tịnh, chẳng phải là điều có thể phân biệt được của nhục nhãn. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Như rừng Ca La Ca, có rất nhiều loại cây ấy. Ở trong rừng này chỉ có một cây tên là Trần Đầu Ca. Trái của hai cây Ca La Ca và Trần Đầu Ca này tương tự nhau, chẳng thể phân biệt. Khi quả ấy chín có một nữ nhân nhặt lấy trái cây Trần Đầu Ca chỉ có một phần còn quả Ca La Ca có đến mười phần. Người đàn bà này chẳng biết mang đến chợ mà bày bán. Trẻ con ngu dại lại chẳng phân biệt được nên mua quả Ca

La Ca, ăn rồi mạng chung. Cả bọn người trí nghe chuyện này rồi, liền hỏi nữ nhân : “Chị nhặt được quả này ở đâu mà mang đến đây !” Lúc đó người đàn bà chỉ ra địa phương nhặt quả. Mọi người liền nói rằng : “Như vậy địa phương đó có nhiều cây Ca La Ca không lừng mà chỉ có một cây Trán Đầu La”. Mọi người biết rồi, cười mà bỏ đi. Này thiện nam tử ! Tám pháp bất tịnh trong đại chúng cũng lại như vậy. Ở trong chúng này có nhiều người thọ dụng tám pháp như vậy, chỉ có một người trì giới thanh tịnh, chẳng thọ dụng tám pháp bất tịnh như vậy. Người ấy giỏi biết những người nhận nuôi phi pháp mà vẫn cùng đồng sự, chẳng lia bỏ nhau như chỉ có một cây Trán Đầu La trong rừng kia. Có Ưu bà tắc thấy những người này có nhiều việc phi pháp đều chẳng cung kính cúng dường. Người này nếu muốn cúng dường thì nên trước hỏi rằng : “Thưa đại đức! Tám việc phi pháp như vậy được nhận nuôi không ? Đức Phật có cho phép không ? Nếu nói đức Phật cho phép thì người như vậy có được bố tát, yết ma, tự tứ chung không ?” Vị Ưu bà tắc hỏi như vậy rồi, chúng đều đáp rằng : “Tám việc như vậy đức Như Lai thương xót đều cho phép nuôi chứa”. Vị Ưu bà tắc nói rằng : “Ở tinh xá Kỳ Hoàn, có các Tỷ kheo, hoặc nói rằng, vàng bạc đức Phật đã cho phép gom chứa, hoặc nói rằng, chẳng cho phép. Người có nói cho, người nói chẳng cho thì họ chẳng cùng ở chung, cùng nói giới, tự tứ, thậm chí chẳng uống chung nước của một dòng sông, đồ vật lợi dưỡng đều chẳng chung với họ. Các ông làm sao nói rằng, đức Phật hứa cho được. Đức Phật Thiên Trung Thiên tuy có thọ nhân đi nữa, chúng Tăng các ông cũng chẳng nên gom chứa. Nếu có người thọ nhận thì thậm chí các ông chẳng nên cùng chung với họ nói giới, tự tứ, yết ma, đồng chung việc tăng với họ. Nếu cùng chung với họ nói giới, tự tứ, yết ma, đồng chung việc tăng thì các ông sau khi mạng chung liền phải đọa vào địa ngục như những người ăn trái Ca La Ca kia rồi liền mạng chung.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như ở thành thị có người bán thuốc, có thuốc cam lồ vi diệu chứa đầy lấy từ núi Tuyết. Ông cũng lại bán nhiều thứ tạp dược khác có vị ngọt tương tự. Có những người đều muốn mua mà chẳng biết phân biệt, đến chỗ người bán thuốc hỏi rằng : “Ông có thuốc lấy từ núi Tuyết không ?” Người bán thuốc ấy liền đáp rằng : “Có !” Người bán thuốc này dối trá đem tạp dược khác nói với người mua rằng : “Đây chính là diệu dược ngon ngọt của núi Tuyết. Người mua thuốc dùng mắt thịt nên chẳng thể phân biệt tốt, liền mua về và liền nghĩ rằng : “Ta nay đã được thuốc ngọt núi Tuyết !” Này Ca Diếp ! Nếu trong hàng Tăng Thanh Văn, có Tăng giả danh, có Tăng chân thật, có Tăng hòa hợp, hoặc trì giới, hoặc phá giới... thì ở trong chúng đó nên bình đẳng cúng dường, cung kính, lễ bái. Vị ưu bà tắc đó dùng nhục nhãn nên chẳng thể phân biệt, ví như người chẳng thể phân biệt được thuốc ngọt của núi Tuyết kia. Còn ai là trì giới, ai là phá giới, ai là

chân Tăng, ai là giả Tăng thì chỉ người có thiên nhãn mới có thể phân biệt. Nay Ca Diếp ! Nếu vị Ưu bà tắc biết đây là Tỳ kheo, đây là người phá giới thì chẳng nên cấp thí, lễ bái, cúng dường. Hoặc biết được đây là người gom chứa tám pháp thì cũng lại chẳng nên cấp thí đồ cần dùng, lễ bái, cúng dường. Hoặc ở trong Tăng có kẻ phá giới thì chẳng nên vì nhân duyên mặc áo cà sa mà cung kính lễ bái.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Hay thay ! Hay thay ! Lời nói của đức Như Lai chân thật, chẳng hư dối, con sẽ cung kính thính thọ, ví như Kim Cương vật lạ trân bảo. Như lời đức Phật nói, các vị Tỳ kheo này phải nương vào bốn pháp. Những gì là bốn ? Đó là Y pháp bất y nhân, y nghĩa chẳng y ngữ, y trí chẳng y thức, y liễu nghĩa Kinh chẳng y chẳng liễu nghĩa kinh. Bốn pháp như vậy cần phải chứng biết, chẳng phải bốn hạng người.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Y pháp tức là Như Lai Đại Bát Niết Bàn. Tất cả Phật pháp tức là Pháp tính. Pháp tính này tức là Như Lai. Vậy nên Như Lai thường trụ bất biến. Nếu lại có người nói rằng, Như Lai vô thường, thì người này chẳng biết, chẳng thấy pháp tính. Nếu người chẳng tri kiến pháp tính này thì chẳng nên y chỉ. Như trên đã nói, bốn hạng người ra đời hộ trì pháp cần phải chứng biết mà lấy làm y chỉ. Vì sao vậy ? Vì người này giỏi lý giải tạng vi mật thâm áo của Như Lai, có thể biết Như Lai thường trụ bất biến. Nếu nói rằng, Như Lai vô thường biến dị thì không có điều đó. Bốn hạng người như vậy tức gọi là Như Lai. Vì sao vậy ? Vì người này có thể lý giải mật ngữ của Như Lai và có thể diễn nói. Nếu có người có thể biết rõ mật tạng thâm áo của Như Lai và biết Như Lai thường trụ bất biến thì người như vậy nếu vì lợi dưỡng mà nói rằng, Như Lai vô thường biến dị thì không có điều đó. Người như vậy còn có thể y chỉ, huống gì chẳng y chỉ bốn hạng người đó ? Y pháp tức là pháp tính, chẳng y nhân tức là Thanh Văn. Pháp tính tức là Như Lai, Thanh Văn tức là hữu vi. Như Lai tức là thường trụ, hữu vi tức là vô thường. Nay thiện nam tử ! Nếu người phá giới vì lợi dưỡng nên nói rằng, Như Lai vô thường biến dị thì người như vậy chẳng nên y chỉ. Nay thiện nam tử ! Đó gọi là định nghĩa.

Y nghĩa chẳng y ngữ thì nghĩa gọi là giác liễu. Giác liễu nghĩa thì gọi là chẳng yếu đuối. Chẳng yếu đuối thì gọi đủ đầy. Đủ đầy nghĩa thì gọi là Như Lai thường trụ, bất biến. Nghĩa Như Lai thường trụ, bất biến thì tức là pháp

thường. Nghĩa pháp thường thì tức là nghĩa Tăng thường. Đó gọi là y nghĩa chẳng y ngữ vậy. Những ngôn ngữ gì mà chẳng nên y ? Đó là văn từ trau chuốt của các luận. Như lời nói của đức Phật ở vô lượng những Kinh, nào là tham cầu không chán, gian xảo, dua nịnh, trá hiện gần bên cạnh, hiện tướng cầu lợi, kinh lý nhà thế tục và vì họ làm việc... Lại nữa, còn xưng lên rằng, Phật cho phép Tỳ kheo nuôi chứa những nô tỳ, vật bất tịnh, vàng bạc trân bảo, lúa gạo, kho lẫm, trâu dê voi ngựa, buôn bán cầu lợi.... Ở đời đói kém thương xót con nên lại cho phép các Tỳ kheo tích trữ giữ lại, tay tự tạo ra cái ăn, chẳng thọ nhận mà ăn... Những lời như vậy chẳng nên y chỉ.

Y trí chẳng y thức thì sở dĩ nói trí tức là Như Lai. Nếu có Thanh Văn chẳng thể giới biết công đức của Như Lai. Thức như vậy chẳng nên y chỉ. Nếu biết Như Lai tức là Pháp thân thì như vậy là chân trí, chỗ nên y chỉ. Nếu thấy thân phương tiện của Như Lai mà nói rằng chính là ám, giới, các nhập do nhiếp lấy ăn uống mà nuôi lớn thì cũng chẳng nên y chỉ. Vậy nên tri thức chẳng nên y chỉ. Nếu lại có người nói lời nói đó và Kinh sách chép lời ấy thì cũng chẳng nên y chỉ. Y liễu nghĩa Kinh chẳng y chẳng liễu nghĩa Kinh thì, chẳng liễu nghĩa Kinh là gọi Thanh Văn thừa. Những Thanh Văn nghe chỗ thâm mật tạng của Như Lai Phật đều phát sinh nghi hoặc quái lạ, chẳng biết tạng này phát ra biến đại trí giống như trẻ con không có sự phân biệt hiểu biết. Đó gọi là chẳng liễu nghĩa vậy.

Liễu nghĩa thì gọi là trí tuệ chân thật của Bồ tát, tự tâm Bồ tát ấy ẩn giấu Đại trí vô ngại, giống như bậc đại nhân không gì chẳng biết. Đó gọi là liễu nghĩa. Lại nữa, Thanh Văn thừa gọi là chẳng liễu nghĩa, Đại Thừa Vô thượng mới gọi là liễu nghĩa. Nếu nói rằng, Như Lai vô thường, biến dị thì gọi là chẳng liễu nghĩa. Nếu nói rằng, Như Lai thường trụ, chẳng biến dị thì đó gọi là liễu nghĩa. Chứng biết lời nói của Thanh Văn thì gọi là chẳng liễu nghĩa. Nên chứng biết lời nói của Bồ tát thì gọi là liễu nghĩa. Nếu nói rằng, đồ ăn đã nuôi lớn Như Lai là chẳng liễu nghĩa. Nếu nói rằng, Thường Trụ chẳng biến dị thì đó gọi là liễu nghĩa. Nếu nói rằng, Như Lai vào Niết Bàn như củi hết lửa tắt thì gọi là chẳng liễu nghĩa. Nếu nói rằng, Như Lai vào pháp tánh thì đó gọi là liễu nghĩa. Pháp Thanh Văn thừa thì chẳng nên y chỉ. Vì sao vậy ? Vì Như Lai vì muốn độ chúng sinh nên dùng sức phương tiện nói lên Thanh Văn thừa, giống như ông trưởng giả dạy cho con “nửa chữ”. Nay thiện nam tử ! Thanh Văn thừa thì giống như mới cày đất, chưa được kết quả. Như vậy gọi là chẳng liễu nghĩa. Vậy nên chẳng nên y chỉ vào Thanh Văn thừa, còn pháp Đại Thừa thì nên y chỉ. Vì sao vậy? Vì Như Lai vì muốn độ chúng sinh nên dùng lực phương tiện nói về Đại Thừa. Vậy nên y chỉ thì đó gọi là liễu nghĩa. Bốn chỗ y chỉ như vậy cần phải chứng biết.

Lại nữa, Y nghĩa thì nghĩa gọi là Chất trực. Chất trực thì gọi là quang minh. Quang minh thì gọi là chẳng yếu đuối. Chẳng yếu đuối thì gọi là Như Lai. Lại nữa, quang minh thì gọi là trí tuệ. Chất trực thì gọi là thường trụ.

Như Lai thường trụ thì gọi là y pháp. Pháp thì gọi là thường trụ, cũng gọi là vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nắm giữ, chẳng thể trói buộc mà cũng có thể thấy. Nếu có người nói chẳng thể thấy thì người như vậy đã chẳng nên y chỉ. Vậy nên y pháp chẳng y vào người. Nếu lại có người dùng lời nói vi diệu tuyên nói về vô thường. Lời nói như vậy chẳng nên y chỉ. Vậy nên y nghĩa chẳng y vào lời nói. Y trí thì chúng Tăng là thường trụ, vô vi, chẳng biến dị, chẳng nhận nuôi tám thứ vật bất tịnh. Vậy nên y trí chẳng y vào thức. Nếu có người nói rằng, thức tạo ra ý thức thụ hưởng nên không có hòa hợp tăng. Vì sao vậy ? Vì phạm là hòa hợp thì gọi là không sở hữu mà không sở hữu thì sao gọi là thường trụ. Vậy nên thức này chẳng thể y chỉ.

Y liễu nghĩa thì liễu nghĩa gọi là tri túc, nhất định chẳng trá hiện uy nghi thanh bạch, kiêu mạn, tự cao, tham cầu lợi dưỡng, cũng ở trong sự nói pháp phương tiện tùy nghi của đức Như Lai, chẳng sinh ra chấp trước. Đó gọi là liễu nghĩa. Nếu có người có thể trụ ở trong sự nói pháp của Như Lai như vậy thì phải biết là người này đã được trụ ở đệ nhất nghĩa. Vậy nên gọi là y liễu nghĩa Kinh chẳng y chẳng liễu nghĩa Kinh.

Chẳng liễu nghĩa thì như trong Kinh nói, tất cả đốt cháy, tất cả vô thường, tất cả đều khổ, tất cả đều không, tất cả vô ngã. Đó gọi là chẳng liễu nghĩa. Vì sao vậy ? Vì chẳng thể liễu ngộ nghĩa như vậy nên khiến cho các chúng sinh đọa vào địa ngục A tỳ. Sở dĩ vì sao ? Vì thủ trước nên đối với nghĩa chẳng rõ. Tất cả đốt cháy là Như Lai nói Niết bàn cũng đốt cháy. Tất cả vô thường thì Niết Bàn cũng vô thường. Khổ, Không, Vô ngã cũng lại như vậy. Vậy nên gọi là chẳng liễu nghĩa Kinh, chẳng nên y chỉ. Này thiện nam tử ! Nếu có người nói rằng, Như Lai thương xót tất cả chúng sinh, khéo biết lúc tùy nghi. Do biết lúc tùy nghi nên ngài nói khinh là trọng, nói trọng là khinh. Đức Như Lai quan sát biết đệ tử của mình, có những đàn việt cung cấp những điều cần dùng, khiến cho không thiếu thốn. Những người như vậy thì đức Phật cho phép nhận nuôi nô tỳ, vàng bạc, của báu, buôn bán, trao đổi những vật bất tịnh.v.v... Nếu các đệ tử không có đàn việt cung cấp những sự cần dùng thì đời đời đói kém, đồ ăn thức uống khó được. Vì muốn kiên lập hộ trì chánh pháp nên ta cho phép đệ tử nhận nuôi nô tỳ, vàng bạc, xa cộ, điền Trạch, lúa gạo, buôn bán những điều cần dùng. Tuy ta cho phép nhận nuôi những vật như vậy, nhưng phải là hạng đàn việt tịnh thí, dốc lòng tin. Bốn

pháp như vậy là chỗ nên y chỉ. Nếu có giới luật A Tỳ Đàm Tu Đa La chẳng trái với bốn pháp này thì cũng nên y chỉ. Nếu có người nói rằng, có lúc hay chẳng phải lúc có thể hộ pháp hay chẳng thể hộ pháp, đức Như Lai đều cho phép tất cả Tỳ kheo nhận nuôi những vật bất tịnh như vậy thì lời nói như thế chẳng nên y chỉ. Nếu trong giới luật A Tỳ Đàm Tu Đa La có điều đồng với lời nói đó thì ba phần như vậy cũng chẳng nên y chỉ. Ta vì các chúng sinh mắt thịt mà nói bốn y chỉ này, nhất định chẳng vì kẻ có tuệ nhãn. Vậy nên ta nay nói bốn y chỉ đó. Pháp tức là pháp tánh, Nghĩa tức là Như Lai thường trụ bất biến, Trí là biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Liễu nghĩa là liễu đạt tất cả Kinh điển Đại Thừa.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyền thứ sáu hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 7

PHẨM THỨ CHÍN: TÀ CHÁNH

PHẦN IX:

- Lúc bấy giờ, ngài Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Bốn thứ người như đã nói trên cần phải y chỉ sao?

Đức Phật dạy rằng :

- Đúng vậy ! Đúng vậy ! Này thiện nam tử ! Đúng như ta đã nói, cần phải y chỉ ! Vì sao vậy ? Vì có bốn loại ma. Những gì là bốn ? Đúng như lời nói của ma, các Kinh luật khác có thể thọ trì.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như đức Phật đã nói, có bốn thứ ma thì như lời nói của ma và lời nói của đức Phật con làm sao mà phân biệt được ? Có những chúng sinh theo đuôi ma hạnh, lại có chúng sinh thuận theo lời dạy của đức Phật. Những bọn như vậy lại làm sao biết được ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay Ca Diếp ! Sau khi ta vào Niết Bàn bảy trăm năm thì ma ba Tuần này dần dần sẽ hủy hoại, nhiễu loạn chánh pháp của ta. Ví như người thợ săn thân mặc pháp phục, Ma vương Ba Tuần cũng lại như vậy, hóa làm hình dáng Tỳ kheo, hình dáng Tỳ kheo ni, hình dáng Ưu bà tắc, hình dáng Ưu bà di. Vua ma cũng lại hóa làm thân Tu đà hoàn... cho đến hóa làm thân A la hán và sắc thân của đức Phật. Ma vương dùng hình tướng hữu lậu này hóa làm thân vô lậu mà hủy hoại chánh pháp của ta. Khi ma Ba Tuần này hủy hoại Chánh pháp thì sẽ nói lên rằng : “Đức Bồ tát khi xưa ở trên cõi trời Đâu Suất mất đi, hiện đến cung vua Bạch Tịnh tại thành Ca Tỳ La này, nương vào cái nhân ái dục hòa hợp của cha mẹ mà sinh ra, nuôi lớn thân này. Nếu nói rằng, có người sinh ra trong loài người mà được sự cung kính của đại chúng trời người các thế gian thì không có điều đó”. Lại nữa, ma còn nói rằng : “Thuở xưa đức Bồ tát khổ hạnh đủ thứ, bố thí đầu, mắt, não, tủy, đất nước, thành quách, vợ con nên hôm nay được thành Phật đạo. Do nhân duyên này nên được sự cung kính của những trời, người, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già”. Nếu có Kinh luật nói lời nói này thì ông phải biết đó là lời nói của ma.

Này thiện nam tử ! Nếu có Kinh luật nói lời như vậy : “Đức Như Lai Chánh Giác thành Phật đã lâu, nay ngài phương tiện thị hiện là vì muốn độ thoát các chúng sinh. Ngài thị hiện có cha mẹ nương vào nhân ái dục hòa hợp mà sinh ra. Ngài thuận theo thế gian tạo tác sự thị hiện này”. Kinh luật nói như vậy thì ông phải biết, đó quả thật là lời nói của Như Lai. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người có thể thuận theo lời nói của Phật thì tức là Bồ tát.

Nếu có người nói rằng, Như Lai ra đời, ở mười phương diện, đều đi bảy bước. Không thể tin điều đó là lời nói của ma. Nếu có người lại nói rằng, Như Lai ra đời, ở mười phương diện đều đi bảy bước, đó là phương tiện thị hiện của Như Lai. Đó gọi là lời nói Kinh luật của Như Lai. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu người có thể thuận theo lời nói của Phật thì tức là Bồ tát. Nếu có người nói rằng, Bồ tát sinh ra rồi vua cha sai người đem đến miếu thờ trời, chư thiên thấy rồi đều

sụp xuống lễ kính. Vậy nên gọi là Phật. Lại có người nạn vấn rằng, trời xuất hiện trước, Phật ở sau họ thì tại sao chư Thiên lễ kính đối với Phật ? Kẻ đặt ra vấn nạn đó thì ông phải biết đó tức là lời nói của ma Ba Tuần.

Nếu có Kinh nói rằng, Phật đến miếu thờ trời thì chư Thiên, Ma Ê Thủ La, Đại Phạm Thiên vương, Thích Đề Hoàn Nhân.v.v... đều chấp tay cung kính làm lễ dưới chân Phật. Kinh luật nói như vậy thì chính là lời nói của Phật. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyền thuộc của ma. Nếu người có thể thuận theo lời nói của Phật thì tức là Bồ tát. Nếu có Kinh luật nói rằng, Bồ tát khi làm thái tử, vì dục tâm nên khắp bốn phương tìm hỏi vợ, ở tại thâm cung tự vui sướng hưởng thụ lạc. Kinh luật như vậy là lời nói của ma Ba Tuần.

Nếu có nói rằng, Bồ tát từ lâu đã lìa bỏ dục tâm, vợ con, quyền thuộc... cho đến chẳng hưởng thụ năm dục thượng diệu của trời Ba mươi ba như nhổ bỏ nước bọt, hướng gì là sự ham muốn của loài người. Ngài cạo bỏ râu tóc xuất gia tu đạo. Kinh luật nói như vậy thì chính là lời nói của Phật. Nếu có người thuận theo Kinh luật của ma thì chính là quyền thuộc của ma. Nếu có người thuận theo Kinh luật của Phật thì tức là Bồ tát.

Nếu có người nói rằng, đức Phật ở tinh xá Kỳ Đà (Hoàn) tại nước Xá Vệ, cho phép các Tỳ kheo nhận nuôi nô tỳ, người sai khiến, trâu dê, voi ngựa, lừa la, gà heo, mèo chó, vàng bạc, lưu ly, trân châu, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, kha cù, bích ngọc, nồi chõ bằng đồng bằng sắt, mâm đồng lớn nhỏ... những vật cần dùng, cày ruộng, gieo trồng, buôn bán, trao đổi, tích trữ lúa gạo... Mọi việc như vậy, do đức Phật từ bi, thương xót chúng sinh nên đều cho phép gom chứa. Kinh luật nói như vậy đều chính là ma nói.

Nếu có người nói rằng, đức Phật ở chỗ sở trụ của quỷ Na Lê Lô tại tinh xá Kỳ Đà nước Xá Vệ, bấy giờ đức Như Lai, nhân Bà la môn tự là Cổ Đê Đức và vua Ba Tư Nặc, nói rằng : “Này Tỳ kheo ! Chẳng nên nhận nuôi chứa vàng bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, kha cù, bích ngọc, nô tỳ, người sai khiến, đồng nam, đồng nữ, trâu dê, voi ngựa, lừa la, heo gà, mèo chó.v.v... nồi chõ bằng đồng bằng sắt, mâm đồng lớn nhỏ, đủ loại tạp sắc giường nằm, trái ngoại cụ, đồ cần dùng trong cuộc sống. Nào là nhà cửa, cày ruộng, gieo trồng, buôn bán, trao đổi, tự tay làm ra đồ ăn, tự mài dũa, tự đâm giã, chú thuật sữa trị thân, phương pháp điều phục chim ưng, ngược xem tinh tú (xem bói toán), đoán vận đầy vơi, xem tướng nam nữ, giải mộng kiết hung, là nam, là nữ, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, sáu mươi tư khả năng, lại có mười tám thứ chú thuật mê hoặc người, đủ thứ

nghe khéo. Hoặc nói vô lượng việc tục của thế gian, tung rải hương bột, hương xoa, hương xông, đủ loại vòng hoa cài tóc, phương thuật sửa trị tóc, gian nguy, đua nịnh quanh co, tham lợi không chán, ưa thích náo nhiệt, nói năng cười giỡn, ham thích thịt cá, hòa hợp độc dược, trị yểm dầu thơm, nắm giữ bảo cái và cả giày da, chế tạo quạt, tủ, hòm, đủ thứ hình vẽ, gom chứa lúa gạo, đậu mì lớn nhỏ và những quả trái, gần gũi quốc vương, con vua, đại thần và các nữ nhân lớn tiếng cả cười hoặc lại lặng thinh, ở trong các pháp sinh ra nhiều nghi hoặc, nhiều lời dối nói dài ngắn, đẹp xấu, hoặc thiện hay chẳng thiện, ưa mặc áo đẹp... đủ thứ những điều bất tịnh như vậy. Ở trước thí chủ, thân mình tự khen, du hành ra vào những chỗ bất tịnh như là quán rượu, nhà dâm nữ, sòng bài bạc... Những người như vậy ta nay chẳng cho phép ở trong hàng Tỳ kheo, cần phải ngưng tu đạo trở về làm người sai việc của thế tục, ví như cỏ lông vục, bông kê đều diệt, không còn. Ông phải biết sự cấm chế của Kinh luật này.v.v... đều chính là lời nói của Như Lai vậy. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyền thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của đức Phật thì tức là Bồ tát.

Nếu có người nói rằng, đức Bồ tát muốn cúng dường thiên thần nên vào miếu thờ trời như là nơi thờ trời Phạm, trời Đại Tự Tại, trời Vi Đà, trời Ca chiên diên... Sở dĩ vào đó là vì ngài muốn điều phục chư thiên. Nếu chẳng nói vậy thì không có điều đó. Nếu nói rằng, Bồ tát chẳng thể vào với tà luận ngoại đạo, biết được uy nghi, văn chương, kỹ nghệ của tà luận ấy, cùng với kẻ sai khiến đấu tranh chẳng hòa hợp, chẳng được sự cung kính của nam, nữ, quốc vương, đại thần. Lại nữa ngài cũng chẳng biết hòa hợp các thảo dược, vì chẳng biết nên mới gọi là Như Lai. Như những người biết ấy thì chính là bọn tà kiến. Lại nữa, Như Lai đối với kẻ oán, người thân lòng luôn bình đẳng. Như người dùng dao cắt và người dùng hương xoa thân. Đối với hai người này ngài chẳng sinh ra lòng tăng thêm hay lòng giảm bớt. Ngài chỉ ở mực giữa nên gọi Như Lai. Kinh luật nói như vậy thì ông phải biết đó là lời nói của ma.

Nếu có người nói rằng, đức Bồ tát thị hiện như vậy, vào trong pháp ngoại học, miếu thờ trời, xuất gia tu đạo, thị hiện biết những uy nghi, lễ tiết ấy, có thể giải được tất cả văn chương, kỹ nghệ, thị hiện thư đương (nhà đọc sách), chỗ kỹ xảo, có thể giỏi hòa hợp với những kẻ sai khiến đấu tranh. Ở trong các đại chúng, đồng nam, đồng nữ, phi hậu của hậu cung, nhân dân, trưởng giả, Bà la môn, quốc vương, đại thần và kẻ bần cùng.v.v... thì ngài là tối tôn, tối thượng. Ngài lại được sự cung kính của những người đó. Ngài cũng có thể thị hiện những việc như vậy. Ngài tuy ở với các kiến nhưng chẳng sinh ra ái tâm, giống như hoa sen chẳng thọ trần cấu. Vì độ tất cả các chúng sinh

nên ngài giỏi làm đủ thứ phương tiện như vậy để thuận theo pháp của thế gian. Kinh luật nói như vậy thì ông phải biết đó tức là lời nói của Như Lai. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu người thuận theo lời nói của Phật thì đó là Đại Bồ tát. Nếu có người nói rằng, đức Như Lai vì ta mà giải nói Kinh luật. Nếu tội nặng nhẹ trong ác pháp và thâm lan già mà tính ấy đều nặng thì trong Luật chúng ta nhất định chẳng là thế. Ta từ lâu đã nhận thọ pháp như vậy mà các ông chẳng tin thì ta sao phải tự bỏ luật của mình theo luật các ông vậy ? Luật vốn có của ông là lời nói của ma. Kinh luật của chúng ta chính là đức Phật đã chế ra. Đức Như Lai trước đã nói chín bộ pháp ấn. Chín ấn như vậy ấn chúng Kinh luật của ta mà bắt đầu chẳng nghe có một chữ, một câu của Kinh điển Phương Đẳng. Đức Như Lai đã nói vô lượng Kinh luật mà chỗ nào có nói đến Kinh Phương Đẳng vậy? Như vậy trong Phương Đẳng chưa từng nghe có tên mười bộ Kinh. Như trong ấy có thì phải biết, nhất định là sự tạo tác của ông Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa). Người ác Điều Đạt vì muốn tiêu diệt thiện pháp nên tạo ra Kinh Phương Đẳng, chúng ta chẳng tin. Như vậy Kinh Phương Đẳng chính là lời nói của ma. Vì sao vậy ? Vì phá hoại Phật pháp, tranh nhau phải, trái. Lời nói như vậy : trong Kinh của ông có, trong Kinh của ta không. Trong Kinh luật của ta đức Như Lai nói rằng, sau khi ta (Phật) Niết Bàn, ở đời ác sẽ có Kinh luật bất chính như là Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, ở đời vị lai sẽ có những ác Tỳ kheo như vậy. Ta lại nói rằng, qua chín bộ Kinh có Kinh điển Phương Đẳng. Nếu có người có thể rõ biết nghĩa của Kinh ấy thì phải biết, người đó rõ biết chân chánh Kinh luật, xa lìa tất cả vật bất tịnh, thanh tịnh vi diệu giống như vàng trắng tròn đầy. Nếu có người nói rằng, Như Lai tuy vì mỗi một bộ Kinh luật diễn nói nghĩa vị nhiều như cát sông Hằng nhưng trong Luật của ta không có thì phải biết là không. Như điều ấy có thì tại sao đức Như Lai, ở trong luật của ta mà không giải nói. Vậy nên ta nay chẳng thể tin thọ. Ông phải biết là người này bị đắc tội. Người này lại nói rằng, Kinh luật như vậy ta phải thọ trì. Vì sao vậy ? Vì Kinh sẽ vì ta tạo tác cái nhân thiện pháp tri túc, thiếu dục, trừ phiền não, trí tuệ, Niết Bàn. Người nói như vậy thì chẳng phải là đệ tử của ta (đức Phật).

Nếu có người nói rằng, đức Như Lai vì muốn độ chúng sinh nên nói Kinh Phương Đẳng thì phải biết người này thật là đệ tử của ta. Nếu có người chẳng thọ Kinh Phương Đẳng thì phải biết người này chẳng phải là đệ tử của ta, chẳng vì Phật pháp mà xuất gia, tức là đệ tử của tà kiến ngoại đạo. Kinh luật nói như vậy chính là lời nói của Phật, nếu chẳng như vậy tức là lời nói của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì đó là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì tức là Bồ tát.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu có người nói rằng, đức Như Lai chẳng được sự thành tựu của vô lượng công đức, vô thường, biến dị mà do được không pháp nên tuyên nói vô ngã, chẳng thuận theo thế gian. Kinh luật như vậy gọi là lời nói của ma.

Nếu có người nói rằng, Như Lai Chánh Giác chẳng thể nghĩ bàn, cũng được sự thành tựu của vô lượng atăng kỳ công đức. Vậy nên Như Lai thường trụ, không có biến dị. Kinh luật nói như vậy chính là lời nói của Phật. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì đó là quyền thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì tức là Bồ tát.

Lại nữa, có người nói rằng, hoặc có Tỳ kheo thật chẳng hủy phạm tội Ba la di mà mọi người đều cho là phạm Ba la di như chặt cây Đa la thọ, nhưng Tỳ kheo này thật ra không có phạm điều gì. Vì sao vậy ? Vì ta thường nói rằng, bốn Ba la di nếu phạm một tội thì giống như chẻ đá, chẳng thể hợp trở lại được. Nếu có người tự nói được pháp hơn người thì gọi là phạm Ba la di. Vì sao vậy ? Vì thật không có sở đắc mà trá hiện tướng được. Người như vậy là thoái mất nhân pháp (pháp của loài người). Đó gọi là Ba la di. Chẳng hạn như, hoặc có vị Tỳ kheo thiếu dục, tri túc, trì giới thanh tịnh, trụ ở chỗ không nhân mà nếu vua, đại thần thấy vị Tỳ kheo này lòng phát sinh ý niệm cho rằng đã được A la hán, liền ở trước vị ấy khen ngợi, cung kính lễ bái. Họ lại nói rằng : “Như vậy đại sư bỏ thân này rồi thì sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Vị Tỳ kheo nghe rồi liền bạch với vua rằng : “Tôi thật chưa được đạo quả Samôn, nhà vua chớ nói là tôi đã được đạo quả. Nguyên xin địa vương chớ vì tôi nói pháp chẳng tri túc. Người chẳng tri túc là thậm chí được người cho là được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đều mặc nhiên nhận lấy. Tôi nay nếu sẽ mặc nhiên nhận lấy thì sẽ bị sự quở trách của chư Phật. Hạnh tri túc của chư Phật khen ngợi. Vậy nên tôi muốn trọn đời vui sướng phụng tu tri túc. Lại nữa, tri túc thì tôi nhất định tự biết mình chưa được đạo quả. Nhà vua xưng là tôi được, tôi nay chẳng nhận lấy nên gọi là tri túc”. Vị vua đáp rằng : “Đại sư quả thật đã được quả A la hán như đức Phật không khác”. Bấy giờ vị vua ấy đều tuyên cáo khắp trong ngoài nhân dân và hậu phi trong cung khiến cho họ đều biết vị Tỳ kheo được quả diệu môn. Vậy nên đều khiến cho tất cả người nghe, lòng sinh tin kính, cúng dường tôn trọng. Như vậy vị Tỳ kheo này chân thật là người tịnh tu phạm hạnh. Do nhân duyên này khiến cho khắp mọi người được phước đức lớn mà vị Tỳ kheo này chẳng hủy phạm tội Ba la di. Vì sao vậy ? Vì người ta tự sinh lòng hoan hỷ trước mà khen ngợi cúng dường. Như vậy vị Tỳ kheo sẽ có tội gì ? Nếu có người nói rằng, người đó đắc tội thì phải biết Kinh này là lời nói của ma.

Lại có vị Tỳ kheo nói Kinh điển thâm thâm mật tạng của đức Phật, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Do tính ấy nên đoạn được vô lượng ức những phiền não kết, liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trừ Nhất xiển đề. Nếu vua, đại thần nói như vậy : “Này Tỳ kheo ! Ông sẽ làm Phật hay chẳng làm Phật vậy ? Ông có Phật tính không ?” Vị Tỳ kheo đáp rằng : “Ta nay trong thân nhất định có Phật tính ! Còn thành hay chẳng thành thì chưa có thể phán xét được”. Nhà vua nói rằng : “Thưa đại đức ! Như người chẳng làm Nhất xiển đề ấy thì ắt thành không nghi hoặc ?” Vị Tỳ kheo nói rằng : “Người ấy quả thật như nhà vua nói. Người này tuy nói nhất định có Phật tính mà cũng lại chẳng phạm tội Ba la di”. Lại có vị Tỳ kheo khi vừa xuất gia đã suy nghĩ rằng : “Ta nay nhất định thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Người như vậy tuy chưa được thành đạo quả Vô thượng nhưng đã làm được phước vô lượng vô biên chẳng thể xưng kể. Giả sử có người sẽ nói rằng, người này phạm Ba la di, thì tất cả Tỳ kheo không ai chẳng phạm cả. Vì sao vậy ? Vì ta ở tám mươi ức kiếp thuở xưa thường lia khỏi tất cả vật bất tịnh, thiếu dục, tri túc, uy nghi thành tựu, giỏi tu pháp tạng vô thượng của Như Lai cũng tự nhất định biết bản thân có Phật tính. Vậy nên ta nay được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, được gọi là Phật, có Đại Từ Bi. Kinh luật như vậy là lời nói của Phật. Nếu có người chẳng thể thuận theo đó thì tức là quyền thuộc của ma. Nếu người có thể thuận theo thì chính là Đại Bồ tát.

Lại có người nói rằng, không có bốn Ba la di, mười ba tăng tàn, hai bất định pháp, ba mươi xả đọa, chín mươi một pháp đọa, bốn pháp sám hối, mọi pháp đa học, bảy diệt tránh (tranh cãi), không Thâu-lan-già, năm tội nghịch và Nhất xiển đề.v.v... Nếu có Tỳ kheo phạm những điều như vậy thì đọa vào địa ngục, còn người ngoại đạo đều nên sinh lên trời. Vì sao vậy ? Vì những kẻ ngoại đạo không có giới (cấm) để phạm. Đây là đức Như Lai thị hiện khùng bố con người nên nói ra giới ấy thôi. Nếu nói rằng, đức Phật dạy : “Các Tỳ kheo của ta, nếu muốn hành dâm thì nên bỏ pháp phục, mặc quần áo thế tục, rồi nhiên hậu mới hành dâm. Lại nên sinh ý niệm là nhân duyên dâm dục chẳng phải tội lỗi của ta”. Đức Như Lai tại thế cũng có Tỳ kheo quen làm dâm dục vẫn được Chánh giải thoát, hoặc sau khi mạng chung sinh lên cõi trời. Xưa nay có người làm những việc đó chứ chẳng phải riêng một mình ta làm, hoặc phạm bốn trọng cấm, hoặc phạm năm giới, hoặc làm tất cả luật nghi bất tịnh. Do vậy mà được đầy đủ giải thoát chân chánh. Đức Như Lai tuy nói phạm Đột-kiết-la thì đọa tại địa ngục tám trăm vạn năm tính theo năm tháng của trời Đao Lợi. Đó cũng là đức Như Lai thị hiện khùng bố con người thôi. Nói rằng, từ Ba-la-di đến Đột-kiết-la nặng nhẹ không sai khác

chỉ là các luật sư dối đặt ra lời nói này. Nói rằng, đó chính là Phật chế ra thì nhất định phải biết rằng, chẳng phải là lời nói của Phật. Lời nói như vậy chính là Kinh luật của ma. Nếu lại nói rằng, ở trong các giới, nếu phạm giới nhỏ thậm chí rất nhỏ (vi tế) thì phải chịu khổ báo không có giới hạn. Biết như vậy rồi, phòng hộ thân mình như con rùa giấu sáu chi thể. Nếu có vị luật sư lại nói rằng, phạm đã phạm giới đều không có tội báo. Người như vậy chẳng nên thân cận, như đức Phật đã nói :

Một pháp nêu (nói) qua Đó là vọng ngữ

Chẳng thấy đời sau Không ác (gì) chẳng tạo.

Vậy nên chẳng nên gàn gũi người này. Trong Phật pháp của ta thanh tịnh như vậy, huống là có người phạm tội Thâu-lan-già, hoặc phạm Tăng-tàn và Ba-la-di mà chẳng phải tội sao ? Vậy nên cần phải tự phòng hộ những pháp như vậy một cách sâu sắc. nếu chẳng thủ hộ thì lại lấy pháp gì gọi là cấm giới. Ta, ở trong Kinh, cũng nói có phạm bốn Ba-la-di... cho đến tội vi tế, Đột-kiết-la.v.v... nên cần phải khổ trị. Chúng sinh nếu chẳng hộ trì cấm giới thì làm sao sẽ được thấy Phật tính. Tất cả chúng sinh tuy có Phật tính nhưng cần phải nhân trì giới, rồi nhân hậu mới thấy được. Nhân thấy được Phật tính mới được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong chín bộ Kinh không có Kinh Phương Đẳng. Vậy nên chẳng nói có Phật tính vậy. Kinh tuy chẳng nói nhưng phải biết thật sự là có. Nếu nói được lời nói này thì phải biết người đó chân thật là đệ tử của ta.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như trên đã nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tính mà trong chín bộ Kinh đã chưa từng nghe nói, như vậy lời nói có ấy thì sao chẳng phạm Ba-la-di vậy ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Đúng như lời nói của ông ! Quả thật chẳng hủy phạm tội Ba-la-di ! Nay thiện nam tử ! Ví như có người nói rằng, biển cả chỉ có bảy báu, không có tám thứ thì người nói đó không có tội. Nếu có người nói rằng, trong chín bộ Kinh không có Phật tính thì cũng lại không tội. Vì sao vậy ? Vì ở trong biển đại trí Đại Thừa, ta nói có Phật tính. Người của Nhị thừa đã chẳng thấy biết được Phật tính nên nói không thì không có tội vậy. Cảnh giới như vậy là sự hiểu biết của chư Phật, chẳng phải là sự biết được

của Thanh văn, Duyên Giác. Nay thiện nam tử ! Nếu người chẳng nghe tạng bí mật thâm của Như Lai thì làm sao sẽ biết có Phật tính vậy ? Cái gì gọi là tạng bí mật ? Đó là Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Nay thiện nam tử ! Có các ngoại đạo, hoặc nói Ngã thường còn, hoặc nói Ngã đoạn mất. Như Lai chẳng vậy, cũng nói có Ngã, cũng nói không Ngã. Đó gọi là trung đạo. Nếu có người nói rằng, đức Phật nói trung đạo, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, bị phiền não che phủ nên chẳng biết, chẳng thấy. Vậy nên cần phải siêng tu phương tiện đoạn hoại phiền não. Nếu có người có thể nói lời như vậy thì phải biết là người đó chẳng phạm bốn trọng cấm. Nếu có người chẳng nói lời như vậy thì đó gọi là phạm Ba-la-di. Nếu có người nói rằng, ta đã thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì sao vậy ? Vì ta có Phật tính mà có Phật tính thì nhất định sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì nhân duyên đó nên ta nay đã được thành tựu Bồ đề. Ông phải biết người đó gọi là phạm tội Ba-la-di. Vì sao vậy ? Vì tuy có Phật tính nhưng vì chưa tu tập các phương tiện tốt. Vậy nên chưa thấy, do chưa thấy nên chẳng thể được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay thiện nam tử ! Do ý nghĩa này nên Phật pháp thâm thâm chẳng thể nghĩ bàn.

Ngài Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Có vị vua hỏi rằng, sao gọi là Tỳ kheo rơi vào pháp quá nhân (qua người) ?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Nếu có Tỳ kheo vì lợi dưỡng, vì ăn uống mà làm những việc dua nịnh, gian ngụy, dối trá để làm sao khiến cho những người thế gian nhất định phải biết ta (vị Tỳ kheo) là chân khát sĩ. Do nhân duyên đó khiến cho ta được nhiều lợi dưỡng, danh dự. Vị Tỳ kheo nhiều ngu si như vậy nên mãi mãi (đêm dài) thường nghĩ : “Ta thật chưa được bốn quả Samôn, phải làm sao khiến cho những người thế gian cho là ta đã được. Lại phải làm sao khiến cho những Ưu bà tắc, Ưu bà di.v.v... đều cùng chỉ ta mà nói như vậy, người phước đức này quả thật là thánh nhân”. Vị Tỳ kheo này suy nghĩ như vậy mà chuyên vì cầu lợi, chẳng phải vì cầu pháp. Ông ấy đi, lại, vào, ra, tiến, dừng an tường, nắm giữ y bát chẳng mất uy nghi, ngồi riêng một mình ở chỗ không nhàn như là bậc A la hán, khiến cho người thế gian đều nói lên rằng, Tỳ kheo như vậy là tốt lành đệ nhất, tinh cần khổ hạnh, tu pháp Tịch Diệt - vị Tỳ kheo ấy nghĩ - Do nhân duyên này, ta sẽ được nhiều môn đồ, đệ tử, mọi người cũng sẽ đem đến nhiều cúng dường, quần áo, đồ ăn, thức uống, ngọa cụ (đồ nằm) y dược (thuốc thang), khiến cho nhiều nữ nhân kính trọng, ái niệm... Nếu có

Tỳ kheo và Tỳ kheo ni làm những việc như vậy thì rơi vào pháp quá nhân. Lại có Tỳ kheo vì muốn kiến lập Chánh pháp vô thượng, trụ ở chỗ không nhân, chẳng phải A la hán mà muốn khiến cho mọi người gọi là A la hán, là Tỳ kheo tốt, là Tỳ kheo thiện, là Tỳ kheo tịch tịnh, khiến cho vô lượng người sinh ra lòng tin. Do nhân duyên này, vị Tỳ kheo ấy nghĩ rằng, ta được vô lượng các Tỳ kheo lấy làm quyến thuộc. Nhân đó được dạy bảo Tỳ kheo pháp giới và Ưu bà tắc đều khiến cho họ trì giới. Do nhân duyên kiến lập chánh pháp này nên dương sáng đại nghĩa vô thượng của Như Lai, mở bày pháp hóa Đại Thừa Phương Đẳng, độ thoát tất cả vô lượng chúng sinh, khéo giải nghĩa khinh trọng, Kinh luật đã nói của Như Lai. Lại nói rằng, ta nay cũng có Phật tính, có Kinh gọi là Như Lai Bí Tạng. Ở trong Kinh đó ta sẽ nhất định được thành Phật đạo, có thể hết vô lượng ức phiền não kết, rộng vì vô lượng những Ưu bà tắc nói rằng : “Các ông đều có Phật tính hết. Ta cùng với các ông đều sẽ an trụ ở đất đạo của Như Lai, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, diệt hết vô lượng ức những phiền não kết. Người nói lời nói đó là người chẳng gọi là rơi vào pháp Quá nhân mà gọi là Bồ tát. Nếu nói rằng, có người phạm Đột-kiết-la thì đọa vào trong địa ngục tám trăm vạn năm tính theo năm tháng ngày trên trời Đao Lợi, chịu các tội báo, huống gì là phạm tội Thâu-lan-già ? Trong Đại Thừa này, nếu có Tỳ kheo phạm Thâu-lan-già thì chẳng nên thân cận. Những gì gọi là tội Thâu-lan-già trong Kinh Đại Thừa ? - Nếu có ông trưởng giả tạo lập Phật tự, đem những hoa mạn (vòng hoa cài tóc) dùng cúng dường Phật. Có vị Tỳ kheo thấy sợi tơ trong xâu hoa, chẳng hỏi liền lấy thì gọi là Thâu-lan-già, hoặc biết hay chẳng biết cũng phạm như vậy. Nếu do lòng tham mà phá hoại tháp thờ Phật thì phạm Thâu-lan-già Người như vậy chẳng nên thân cận. Nếu vua, đại thần thấy Tháp mục nát, vì muốn tu bổ cúng dường xá lợi mà ở trong tháp này hoặc được đồ trân bảo liền đem gọi cho vị Tỳ kheo. Vị Tỳ kheo được gọi rồi liền tự tại mà dùng. Tỳ kheo như vậy gọi là bất tịnh, dấy khởi nhiều đấu tranh, hàng ưu bà tắc tốt chẳng nên gần gũi cúng dường cung kính. Tỳ kheo như vậy gọi là không căn, gọi là hai căn, gọi là bất định căn. Người bất định căn là khi muốn tham nữ thì thân tức là nữ, khi muốn tham nam thì thân tức là nam. Tỳ kheo như vậy gọi là ác căn, chẳng gọi là nam, chẳng gọi là nữ, chẳng gọi là xuất gia, chẳng gọi là tại gia. Tỳ kheo như vậy chẳng nên thân cận cúng dường cung kính. Pháp Samôn ở trong Phật pháp thì nên sinh lòng bi che chở nuôi dưỡng chúng sinh, thậm chí con kiến cũng thí cho vô úy, đó là Pháp Samôn. Xa lìa uống rượu... cho đến ngửi mùi thơm, đó là Pháp Samôn. Chẳng được nói dối, thậm chí cả trong giấc mơ chẳng nghĩ đến nói dối, đó là Pháp Samôn. Chẳng sinh ra lòng dục thậm chí cả trong mơ cũng lại như vậy, đó là Pháp Samôn.

Ngài Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu có vị Tỳ kheo nằm mơ thấy hành dâm dục thì đó có phạm giới không ?

Đức Phật dạy rằng :

- Chẳng phạm vậy ! Nên đối với dâm dục phát sinh xú uế tướng... cho đến chẳng phát sinh một ý niệm tịnh tướng, xa lìa ái tướng phiền não của nữ nhân. Nếu trong mơ thấy mình hành dâm thì khi thức dậy nên sinh hối hận. Khi Tỳ kheo xin ăn, nhận đồ cúng dường thì nên tưởng như là đời đời phải ăn thịt con. Nếu phát sinh dâm dục thì nên mau lìa bỏ. Pháp môn như vậy thì phải biết chính là Kinh luật của Phật đã nói. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyền thuộc của ma. Nếu người có thể thuận theo lời Phật dạy thì đó gọi là Bồ tát. Nếu có người nói rằng, đức Phật cho phép Tỳ kheo luôn kiểng một chân, lặng yên chẳng nói, gieo xuống vực, lao vào lửa, tự rơi từ núi cao, chẳng tránh hiểm nạn, uống độc, nhin ăn, nằm trên đất tro, tự trói chân tay, giết hại chúng sinh, phương đạo chú thuật, con của Chiên đà la, không căn, hai căn và bất định căn, thân căn chẳng đủ... Những bọn như vậy đức Như Lai đều cho phép xuất gia làm đạo thì đó gọi là ma nói. Đức Phật trước đã cho phép ăn năm thứ vị của trâu (?) và cả dầu, mật, mặc áo Kiêu xa gia, mang giày da.v.v... Trừ ngoài những thứ đó, nếu có người nói rằng, đức Phật cho phép mặc áo Ma ha lãng già, tất cả hạt giống đều cho phép tích trữ, những hệ thuộc của cỏ cây đều có thọ mạng. Đức Phật nói thế rồi liền vào Niết Bàn. Nếu có Kinh luật nói lời nói đó thì phải biết chính là lời nói của ma. Ta cũng chẳng cho phép luôn kiểng lên một chân. Nếu vì phép nên cho phép đi, đứng, ngồi, nằm. Ta lại cũng chẳng cho phép uống độc, nhin ăn, năm thứ lửa nóng nung thân, trói buộc chân tay, giết hại chúng sinh, phương đạo chú thuật, kha cụ, ngà voi dùng làm giày da, tích trữ hạt giống, cỏ cây có mạng sống, mặc Ma ha lãng già. Nếu nói rằng, đức Thế Tôn nói lời như vậy thì phải biết đó là quyền thuộc của ngoại đạo, chẳng phải là đệ tử của ta. Ta chỉ cho phép ăn năm thứ vị của trâu và dầu, mật.v.v..., cho phép mang giày da, mặc áo Kiêu-xà-gia. Ta nói bốn đại không có thọ mạng. Nếu có Kinh luật nói những việc đó thì đó gọi là Phật nói. Nếu có người thuận theo lời dạy thì phải biết đó là đệ tử chân chính của ta. Nếu có người chẳng thuận theo lời dạy của Phật thì đó là quyền thuộc của ma. Nếu có người tùy thuận Kinh luật của Phật thì phải biết người đó là Đại Bồ tát. Này thiện nam tử ! Tướng sai khác của lời ma, lời Phật, hôm nay ta đã vì người rộng rãi tuyên nói, phân biệt rồi !

Ngài Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Hôm nay con mới biết được tướng sai khác của lời ma, lời Phật. Nhân đó con được vào nghĩa sâu của Phật pháp.

Đức Phật khen ngài Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Ông có thể phân biệt hiểu rõ như vậy thì đó gọi là thông tuệ.

--- o0o ---

PHẨM TỨ ĐẾ

PHẦN V:

Đức Phật lại bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Cái nói rằng khổ thì chẳng gọi là Khổ Thánh Đế. Vì sao vậy ? Vì nếu nói rằng khổ là Khổ Thánh Đế thì tất cả loài súc sinh và chúng sinh của địa ngục nên có Thánh đế. Này thiện nam tử ! Nếu lại có người chẳng biết cảnh giới thậm thâm và pháp thân vi mật thường trụ bất biến của Như Lai mà cho là thân tạp thực, chẳng phải là pháp thân, chẳng biết uy lực đạo đức của Như Lai thì đó gọi là Khổ. Vì sao vậy ? Vì chẳng biết nên Pháp thấy là phi pháp, phi pháp thấy là Pháp. Ông phải biết là người này nhất định rơi vào đường ác, luân chuyển trong sinh tử, thêm lớn các kết, chịu nhiều khổ não. Nếu có người có thể biết Như Lai thường trụ, không có biến dị, hoặc nghe âm thanh hai chữ thường trụ hay một lần trải qua như vậy thì liền sinh lên trời. Rồi sau khi giải thoát mới có thể chứng biết Như Lai thường trụ, không có biến dị. Đã chứng biết rồi mà người đó còn rằng, ta vào thuở xưa đã từng nghe nghĩa này, nay được giải thoát mới chứng biết được. Ta ở đời trước do chẳng biết nên sinh tử luân chuyển, quay vòng không cùng, bắt đầu hôm nay mới được chân trí. Nếu biết như vậy thì quả thật tu khổ được nhiều lợi ích. Nếu chẳng biết thì tuy lại siêng tu nhưng không lợi ích gì. Đó gọi là biết khổ, gọi là Khổ Thánh Đế. Nếu người chẳng thể tu tập như vậy thì đó gọi là khổ, chẳng phải là Khổ Thánh Đế. Khổ Tập Đế là ở trong chân pháp chẳng sinh ra chân trí, nhận vật bất tịnh như là nô tỳ, có thể lấy phi pháp nói rằng chính là Chánh pháp, đoạn diệt Chánh pháp chẳng khiến cho trụ thế lâu dài. Do nhân duyên này nên chẳng biết pháp tính, vì chẳng biết nên luân chuyển sinh tử, chịu nhiều khổ não, chẳng được sinh lên trời và giải thoát chân chánh. Nếu có

người biết rõ bất hoại chánh pháp, do nhân duyên như vậy, được sinh lên cõi trời, cho đến chánh giải thoát. Nếu có người chẳng biết chỗ Khổ Tập Đế mà nói rằng, Chánh pháp không có thường trụ, đều là pháp diệt. Do nhân duyên đó nên ở vô lượng kiếp lưu chuyển sinh tử, chịu những khổ não. Nếu có thể biết pháp thường trụ, chẳng biến dị thì đó gọi là biết Tập, gọi là Tập Thánh Đế. Nếu người chẳng thể tu tập như vậy thì đó gọi là Tập, chẳng phải là Tập Thánh Đế. Khổ Diệt Đế là nếu có người tu tập, học nhiều không pháp thì đó là bất thiện. Vì sao vậy ? Vì diệt tất cả pháp là hoại đến chân pháp tạng của Như Lai vậy. Tạo tác sự tu học này thì gọi là tu “Không”. Tu Khổ Diệt là ngược lại với tất cả những ngoại đạo.v.v... Nếu nói rằng, tu không là Diệt Đế thì tất cả ngoại đạo cũng tu không pháp nên có Diệt Đế. Nếu có người nói rằng, có Như Lai Tạng, tuy chẳng thể thấy, nhưng nếu có thể diệt trừ tất cả phiền não thì mới được vào. Nếu phát lòng này, chỉ nhân duyên một niệm, thì ở trong các pháp mà được tự tại. Nếu có người tu tập mật tạng của Như Lai, không tịch vô ngã thì người như vậy ở vô lượng đời tại trong sinh tử lưu chuyển thọ khổ. Nếu có người chẳng tạo tác sự tu tập như vậy thì tuy có phiền não nhưng có thể mau chóng diệt trừ. Vì sao vậy ? Vì nhân biết bí mật tạng của Như Lai. Đó gọi là Khổ Diệt Thánh Đế. Nếu người có thể tu tập diệt như vậy thì chính là đệ tử của ta. Nếu có người chẳng thể tạo tác việc tu như vậy thì đó gọi là tu không, chẳng phải là Diệt Thánh Đế. Đạo Thánh Đế thì như là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo và Chánh giải thoát. Có những chúng sinh, lòng điên đảo nói rằng, không có Phật, Pháp, Tăng và Chánh giải thoát, sinh tử lưu chuyển giống như huyễn hóa mà tu tập theo sự nhận thức này thì do nhân duyên đó nên luân chuyển trong ba cõi, chịu đại khổ lâu dài. Nếu có thể phát tâm thấy được sự thường trụ không biến đổi của Như Lai và Pháp, Tăng, giải thoát cũng lại như vậy rồi theo một niệm này đến vô lượng đời thì quả báo tự tại tùy ý mà được. Vì sao vậy ? Vì ta, vào thuở xa xưa do bốn điên đảo nên chẳng phải pháp mà cho là pháp, chịu vô lượng quả báo nghiệp ác. Ta nay đã diệt được sự nhận thức như vậy nên thành Phật Chánh Giác. Đó gọi là Đạo Thánh Đế. Nếu có người nói rằng, Tam Bảo vô thường, tu tập theo sự nhận thức này là tu theo hư vọng, chẳng phải là Đạo Thánh Đế. Nếu tu pháp này là thường trụ thì đó là đệ tử của ta. Nhận thức chân thật, tu tập bốn pháp Thánh Đế thì đó gọi là Bốn Thánh Đế.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con nay mới biết tu tập bốn pháp Thánh Đế thậm thâm.

PHẨM BỐN ĐIÊN ĐẢO

PHẦN XI :

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Nay thiện nam tử ! Gọi bốn điên đảo là vì ở trong chẳng phải khổ mà sinh ra khổ tưởng thì gọi là điên đảo. Chẳng phải khổ thì gọi là Như Lai. Sinh ra khổ tưởng thì cho là các Như Lai vô thường biến dị. Nếu nói Như Lai là vô thường thì gọi là đại tội khổ. Nếu nói Như Lai bỏ thân khổ này vào Niết Bàn như cũ hết lửa tắt thì đó gọi là chẳng phải khổ mà sinh ra khổ tưởng. Đó gọi là điên đảo. Ta nếu nói rằng, Như Lai thường trụ thì tức là ngã kiến. Do ngã kiến nên có vô lượng tội. Vậy nên cần phải nói Như Lai vô thường. Nói như vậy thì ta thụ hưởng niềm vui. Như Lai vô thường tức là khổ mà nếu là khổ thì làm sao sinh ra vui ? Vì ở trong khổ sinh ra lạc tưởng (tư tưởng vui) nên gọi là điên đảo. Lạc sinh ra khổ tưởng nên gọi là điên đảo. Lạc tức là Như Lai, khổ là Như Lai vô thường. Nếu nói Như Lai là vô thường thì đó gọi là trong lạc sinh ra khổ tưởng. Như Lai thường trụ, đó gọi là lạc. Nếu ta nói rằng, Như Lai là thường trụ thì sao lại được vào Niết Bàn. Nếu nói rằng, Như Lai chẳng phải là khổ thì tại sao xả thân mà chọn lấy diệt độ. Do ở trong lạc mà sinh ra khổ tưởng nên gọi là điên đảo. Đó gọi là điên đảo đầu tiên. Vô thường mà tưởng thường, thường mà tưởng vô thường thì đó gọi là điên đảo. Vô thường thì gọi là chẳng tu không, chẳng tu không nên thọ mạng ngắn ngủi. Nếu có người nói rằng, chẳng tu không tịch, được sống lâu thì đó gọi là điên đảo. Đó gọi là điên đảo thứ hai. Vô ngã mà tưởng ngã, ngã mà tưởng vô ngã thì đó gọi là điên đảo. Người thế gian cũng nói có ngã, trong Phật pháp cũng nói có ngã. Người thế gian tuy nói có ngã nhưng không có Phật tính thì đó gọi là ở trong vô ngã mà sinh ra ngã tưởng. Đó gọi là điên đảo. Phật pháp có ngã tức là Phật tính. Người thế gian nói Phật pháp vô ngã, đó gọi là trong ngã sinh ra vô ngã tưởng. Nếu nói rằng, Phật pháp nhất định vô ngã. Vậy nên Như Lai dạy bảo các đệ tử tu tập vô ngã, gọi là điên đảo. Đó gọi là điên đảo thứ ba. Tịnh mà tưởng bất tịnh, bất tịnh mà tưởng tịnh thì đó gọi là điên đảo. Tịnh tức là Như Lai thường trụ, chẳng phải thân tạp thực, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải là nhục thân, chẳng phải là thân gân xương ràng buộc. Nếu có người nói rằng, Như Lai vô thường, là thân tạp thực... cho đến thân gân xương ràng buộc và Pháp, Tăng, giải thoát đều là diệt hết thì đó gọi là điên đảo. Bất tịnh mà tưởng tịnh gọi là điên đảo thì như có người nói rằng, trong thân này của ta không có một pháp, là bất tịnh. Do

không có tịnh bất tịnh nên sẽ được vào chỗ thanh tịnh. Đức Như Lai đã nói, tu quán bất tịnh. Nói như vậy là lời nói hư vọng thì đó gọi là điên đảo. Đó gọi là điên đảo thứ tư.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con từ ngày hôm nay mới được Chánh kiến! Thưa đức Thế Tôn ! Từ đây trở về trước, chúng con đều gọi là người tà kiến.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ bảy hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 8

PHẨM NHƯ LAI TÍNH

PHẦN XII.

Ngài Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Hai mươi lăm cõi Hữu có Ngã không vậy?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Ngã tức là nghĩa của Như Lai tạng. Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, tức là nghĩa của Ngã. Như vậy nghĩa của Ngã từ xưa đến nay thường bị sự che phủ của vô lượng phiền não. Vậy nên chúng sinh chẳng thể được thấy. Này thiện nam tử ! Như bên trong nhà của người con gái nghèo có nhiều kho tàng vàng ròng mà người nhà lớn nhỏ không có ai biết. Có một người lạ giới biết phương tiện nói với người con gái nghèo rằng : “Ta nay có thể tìm cho ngươi ! Nhưng ngươi có thể vì ta làm cỏ, trừ sạch cỏ bần”. Người con gái liền đáp rằng : “Tôi nay chẳng thể làm ! Nếu ông có thể bày ra cho con tôi chỗ giấu vàng, nhiên hậu tôi sẽ mau chóng vì ông mà làm !” Người đó lại nói rằng : “Ta biết phương tiện có thể bày ra cho con

người !” Người con gái đáp rằng : “Nhà tôi lớn nhỏ còn tự chẳng biết, huống chi ông sao có thể biết?” Người đó lại nói rằng : “Ta nay xét thấy có thể biết !” Người con gái đáp rằng : “Tôi cũng muốn thấy ! Ông hãy mau mắn có thể bày ra cho tôi !” Người đó liền ở trong ngôi nhà ấy đào ra kho vàng. Người con gái thấy rồi, lòng sinh ra hoan hỷ, khởi lên tư tưởng lạ lùng, theo ngưỡng mộ người đó. Nay thiện nam tử ! Phật tính của chúng sinh cũng lại như vậy, tất cả chúng sinh chẳng thể được thấy như kho báu kia, người nghèo chẳng biết được. Nay thiện nam tử ! Ta nay khắp bày ra cho tất cả chúng sinh, sở hữu Phật tính của họ bị sự che phủ của các phiền não như người nghèo kia có kho vàng rỗng mà chẳng thể thấy. Hôm nay Như Lai khắp bày ra những kho báu giác của chúng sinh như là Phật tính. Tất cả chúng sinh thấy sự kiện này rồi, lòng sinh ra hoan hỷ mà quy ngưỡng Như Lai. Người giỏi phương tiện tức là Như Lai, người con gái nghèo tức là tất cả vô lượng chúng sinh. Kho vàng rỗng tức là Phật tính vậy.

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Ví như người con gái sinh ra, nuôi dưỡng đứa con một. Đứa trẻ bị bệnh, người con gái này sàu nảo, tìm kiếm lương y. Vị lương y đã đến, hòa hợp ba thứ thuốc là vàng sữa, sữa, đường cho đứa trẻ uống. Rồi nhân đó bảo người con gái rằng : “Đứa trẻ uống thuốc rồi thì chớ cho bú ! Cần phải để cho thuốc tiêu rồi thì mới cho nó bú”. Người con gái đó liền dùng vị đắng bôi lên vú của mình và nói với con rằng : “Vú của mẹ bôi độc rồi chẳng thể chạm vào được nữa !” Đứa trẻ khát sữa muốn được bú sữa mẹ, nghe hơi độc của sữa liền tránh xa đi. Đến lúc thuốc ấy tiêu rồi, người mẹ mới rửa sạch vú, gọi con cho nó bú. Lúc đó đứa trẻ tuy lại đói khát mà lúc trước đã nghe hơi độc nên chẳng đến. Người mẹ lại nói rằng : “Vì con uống thuốc nên mẹ dùng độc bôi, thuốc của con đã tiêu, mẹ đã rửa sạch rồi. Con có thể đến uống sữa, không còn đắng nữa”. Đứa trẻ ấy nghe rồi, dần dần trở lại uống sữa. Nay thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, vì độ tất cả nên dạy các chúng sinh tu pháp Vô ngã. Tu như vậy rồi thì đoạn dứt vĩnh viễn ngã tâm, vào đến Niết Bàn. Vì trừ những kiến thức hư vọng của thế gian nên ta thị hiện pháp ra khỏi thế gian. Ta lại bày ra cho thế gian, kể là ngã hư vọng, chẳng phải chân thật, tu Vô ngã thì thân thanh tịnh. Ví như người con gái vì con mình nên dùng vị đắng bôi lên vú, Như Lai cũng vậy, vì tu “Không” nên nói rằng, các pháp đều không có Ngã. Như người con gái kia rửa sạch vú rồi mà gọi con là muốn cho nó trở lại uống sữa, ta nay cũng vậy, nên nói Như Lai tạng. Vậy nên Tỳ kheo chẳng nên sinh ra sợ. Như đứa trẻ kia nghe mẹ gọi đã dần dần trở lại uống sữa, Tỳ kheo cũng vậy, nên tự phân biệt Như Lai bí tạng, chẳng được chẳng có.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Thật không có ngã. Vì sao vậy? Vì khi đũa trẻ sinh ra thì không hiểu biết gì. Nếu có Ngã thì ngày vừa sinh ra liền có sự hiểu biết. Do nghĩa đó nên nhất định biết không có Ngã. Nếu nhất định có Ngã thì sau khi thọ sinh rồi cần phải không hết mất. Giả sử tất cả đều có Phật tính, là thường trụ thì cần phải không có hoại tướng. Nếu không có hoại tướng thì sao mà có Sát lợi, Bà la môn, Tỳ xá, Thủ đà và Chiên đà la, súc sinh sai khác. Nay thấy nghiệp duyên đủ thứ chẳng đồng, các đường đều khác. Nếu nhất định có ngã thì tất cả chúng sinh cần phải không có hơn thua. Do ý nghĩa đó nên nhất định biết Phật tính chẳng phải là pháp thường. Nếu nói rằng Phật tính nhất định là thường thì vì duyên gì lại nói có sát, đạo, dâm, lưỡng thiệt (nói hai lưỡi) ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Nếu tính của ngã là thường thì vì sao sau khi uống rượu lại say sưa mê loạn. Nếu tính của Ngã là thường thì mù nên thấy sắc, điếc nên nghe tiếng, câm nên có thể nói, chân có rút có thể đi. Nếu tính của Ngã là thường thì chẳng nên trách hầm lửa, nước lớn, thuốc độc, dao gươm, người ác, cầm thú. Nếu ngã thường trụ thì việc đã làm xưa chẳng nên quên mất. Nếu chẳng quên mất thì vì duyên gì lại nói rằng, ta từng thấy người này ở đâu vậy? Nếu Ngã thường trụ thì chẳng nên có già trẻ, thịnh suy, nhớ nghĩ việc đã qua. Nếu Ngã thường trụ thì dừng trụ chỗ nào? Là ở tại trong bãi nước dãi, trong các màu sắc xanh vàng đỏ trắng vậy sao? Nếu Ngã thường trụ thì nên khắp trong thân như vùng dầu vùng (mè) không có chỗ trống không nên nếu khi đoạn thân thì Ngã cũng nên đoạn luôn.

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Nay thiện nam tử ! Ví như vị vương gia có người đại lực sĩ. Vùng mày của người ấy có viên ngọc Kim cương. Ông cùng với lực sĩ khác đấu sức đánh nhau mà người lực sĩ kia dùng đầu húc vào chỗ viên ngọc đó. Viên ngọc trên trán vị lực sĩ ấy liền chìm mất vào trong da. Ông chẳng tự biết chỗ sở tại của viên ngọc đó. Thấy chỗ viên ngọc ấy có vết thương, ông liền ra lệnh cho lương y, muốn trị liệu cho mình. Có vị thầy thuốc sáng suốt giỏi biết phương thuốc, liền biết được nguyên nhân vết thương này là viên ngọc vào trong thân thể. Viên ngọc đó vào trong da liền dừng trụ lại. Lúc đó vị lương y liền hỏi vị lực sĩ rằng : “Viên ngọc trên trán của ngài ở đâu rồi?” Vị lực sĩ thất kinh đáp rằng: “Viên ngọc trên trán tôi đã mất rồi sao? Viên ngọc đó nay đâu rồi? Sẽ chẳng phải là huyễn hóa?” Rồi ông lo buồn gào khóc. Lúc đó, vị lương y an ủi dỗ dành người lực sĩ rằng : “Ông nay chẳng nên sinh ra sầu khổ lớn ! Ông nhân khi đánh nhau, viên ngọc báu vào trong thân thể. Nay tại chỗ da bọc, ảnh nó hiện ra bên ngoài. Khi các ông đánh nhau,

sân nhuế độc hại hưng thịnh, viên ngọc bị hãm (vùi lấp) vào thân thể nên chẳng tự biết”. Lúc đó người lục sĩ chẳng tin vị thầy thuốc mà nói rằng : “Nếu tại chỗ da bọc, mũ máu bất tịnh thì vì duyên có gì nó chẳng ra? Nếu tại chỗ gân bọc thì chẳng thể thấy được ! Ông nay tại sao lại lừa dối ta?” Vị thầy thuốc cầm kính (gương) để soi vào mặt người lục sĩ ấy thì viên ngọc ở trong kính hiển hiện sáng rõ. Người lục sĩ thấy rồi lòng mang kinh lạ phát sinh tư tưởng đặc biệt lạ lùng. Nay thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, chẳng thể gần gũi thiện tri thức nên tuy có Phật tính nhưng đều chẳng thể thấy mà bị sự che phủ của tham dâm, sân nhuế, ngu si nên rơi vào địa ngục, súc sinh, ngã qui, a tu la, chiêm đà la, sát lợi, bà la môn, tỳ xá, thú đà... Họ sinh ra trong đủ thứ gia đình như vậy là nhân sự khởi dậy đủ thứ nghiệp duyên của tâm. Họ tuy thọ thân người nhưng bị mù điếc, mù, ngọng, câm, câu rút, gù, què... phải chịu quả báo ở trong hai mươi lăm cõi Hữu. Họ bị tham dâm, sân nhuế, ngu si che phủ tâm hồn nên chẳng biết Phật tính như người lục sĩ kia, viên ngọc báu vẫn còn trong thân thể mà kêu là đã mất đi. Chúng sinh cũng vậy, chẳng biết gần gũi thiện tri thức nên chẳng biết vì mặt bảo tạng của Như Lai, tu học Vô ngã, ví như hạng chẳng phải Thánh, tuy nói có Ngã mà cũng lại chẳng biết chân tính của Ngã. Các đệ tử của ta cũng lại như vậy, chẳng biết gần gũi bậc thiện tri thức nên tu học Vô ngã cũng lại chẳng biết chỗ của Vô ngã, còn tự chẳng biết chân tính của Vô ngã, huống là lại có thể biết chân tính của hữu ngã. Nay thiện nam tử ! Như Lai nói các chúng sinh đều có Phật tính như vậy là ví như vị lương y bày ra cho người lục sĩ kia viên ngọc báu kim cương. Những chúng sinh này bị sự che phủ của vô lượng ức những phiền não nên chẳng nhận biết được Phật tính. Nếu tận diệt phiền não thì bây giờ họ mới được chứng biết sáng rõ như người lục sĩ kia thấy ngọc báu của mình ở trong gương sáng. Nay thiện nam tử ! Như Lai bí tạng như vậy thật là không lường, chẳng thể nghĩ bàn !

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Ví như núi Tuyết có một vị thuốc là Lạc vị rất ngọt, ở tận dưới rừng sâu, người không thể thấy. Có người nghe mùi thơm liền biết chỗ đất ấy phải có thứ thuốc này. Trong đời quá khứ, có vị vua Chuyển Luân, ở núi Tuyết kia, vì thứ thuốc này, ở khắp nơi nơi đã tạo tác những ống tre để tiếp nhận thứ thuốc đó. Thuốc đó khi nóng thì từ đất chảy ra tập trung vào trong ống tre. Vị của thuốc ấy chân chính. Vì vua đã mất rồi thì sau đó vị thuốc này hoặc chua, hoặc mặn, hoặc ngọt, hoặc đắng, hoặc cay, hoặc nhạt... Như vậy mỗi vị tùy theo chỗ chảy ra của vị thuốc ấy mà có đủ thứ vị lạ. Vị chân chính của thuốc đó đình lại ở tại núi giống như vàng trắng tròn đầy. Phạm người bạc phước tuy đào thoát gia công khổ chí mà chẳng thể được. Lại có bậc Thánh vương xuất hiện ở đời, do phước đức nhân duyên thì liền được vị chân chính của thuốc đó. Nay thiện nam tử ! Bí

mật tạng của Như Lai, vị ấy cũng vậy, bị sự che phủ của rừng rậm những phiền não, chúng sinh vô minh chẳng thể được thấy. Thuộc một vị là ví như Phật tính, do phiền não nên phát ra đủ thứ vị như là địa ngục, ngã qui, súc sinh, trời, người, trai, gái, chẳng phải trai, chẳng phải gái, sát lợi, bà la môn, tỳ xá, thủ đà. Phật tính hùng mạnh khó có thể hủy hoại. Vậy nên không ai có thể sát hại, nếu có người giết hại thì tức là đoạn Phật tính. Như vậy Phật tính nhất định chẳng thể đoạn được. Tính nếu có thể đoạn thì không có điều đó. Như tính của Ngã tức là bí mật tạng của Như Lai. Như vậy bí mật tạng thì tất cả không thể hủy hoại tiêu diệt. Tuy nó chẳng thể hoại nhưng chẳng thể thấy. Nếu được thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì mới chứng biết được. Do nhân duyên này nên không có ai có thể giết hại.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu không ai giết hại thì cần phải không có nghiệp bất thiện !

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Quả thật có sát sinh ! Vì sao vậy? Đây thiện nam tử ! Phật tính của chúng sinh ở trong năm ấm. Nếu hủy hoại năm ấm thì gọi là sát sinh. Nếu có sát sinh tức là đọa vào đường ác. Do nhân duyên nghiệp mà có sát lợi, bà la môn, tỳ xá, thủ đà và chiêm đà la, nam, hoặc nữ, chẳng phải nam, chẳng phải nữ... Những hình tướng sai khác của hai mươi lăm cõi hữu sinh tử lưu chuyển. Người chẳng phải là thánh ngang ngược cho rằng, đối với các tướng lớn nhỏ của Ngã giống như hạt kê, hoặc như hạt gạo, hạt đậu thậm chí như ngón tay cái. Họ vọng sinh đủ thứ tướng nhớ như vậy thì tướng vọng tướng không có chân thật. Tướng Ngã xuất thế gọi là Phật tính. Cho là Ngã như vậy thì gọi là Tội thiện.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như có người giỏi biết phục tạng (kho tàng được che giấu) liền lấy cái xẻng bén đào đất thẳng xuống, đá bàn, cát sỏi thẳng qua không khó, chỉ đến Kim cương thì chẳng thể xuyên suốt. Phàm Kim cương thì dù có đao, búa cũng chẳng thể phá hoại được. Đây thiện nam tử ! Phật tính của chúng sinh cũng lại như vậy, cho dù là tất cả, ma trời Ba Tuần và những người, trời... đã chẳng thể phá hoại. Tướng năm ấm tức là khởi tác. Tướng khởi tác giống như đá, cát có thể xuyên qua, có thể phá hoại. Phật tính chân ngã thì ví như Kim cương, chẳng thể hủy hoại được. Do ý nghĩa này nên hoại năm ấm thì gọi là sát sinh. Đây thiện nam tử ! Ông nhất định phải biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Này thiện nam tử ! Kinh Phương Đẳng giống như cam lộ, cũng giống như độc dược.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Đức Như Lai vì duyên gì mà nói Kinh Phương Đẳng ví như cam lộ, cũng ví như độc dược?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Ông nay có muốn biết ý nghĩa chân thật của Như Lai bí mật tạng không?

Ngài Ca Diếp bạch rằng :

- Con nay thật muốn biết được ý nghĩa của Như Lai bí tạng !

Lúc bấy giờ, đức Như Lai nói kệ rằng :

Hoặc có uống cam lộ Ø Mà sớm mạng thương vong.

Hoặc lại uống cam lộ Thọ mạng được miên trường.

Có uống độc mà sống Uống độc chết có duyên(cớ).

Trí vô ngại cam lộ Gọi là Đại Thừa Kinh.

Như vậy Đại Thừa điển Cũng gọi độc dược phương (phương thuốc)
Như đề hồ, váng sữa Và cả những loại đường (ngọt)

Uống tiêu thì là thuốc Chẳng tiêu thành độc liền.

Phương Đẳng cũng như vậy Cam lộ của người thông (trí)

Ngu chẳng biết Phật tính Uống vào thì độc thành.

Thanh Văn và Duyên Giác Đại Thừa là ngọt lành(là cam lộ)

Giống như trong các vị Vị sữa là trên cùng;

Như vậy người cầu tiến Vói Đại Thừa tựa nương

Thì Niết Bàn được đến Trong (loài) người thành tượng vương (vua voi)

Chúng sinh biết Phật tính Như Ca Diếp vân..vân...

Vị cam lộ vô thượng Chẳng tử cũng chẳng sinh.

Ca Diếp ! Ông nay phải Tam qui khéo léo phân (biệt)

Như vậy Tam qui tính Tức là tính Ngã đồng.

Nếu hay quan sát kỹ Ngã tính, Phật tính chung

Thì phải biết người đó Được vào bí mật tàng (tạng).

Biết Ngã và Ngã sở Là người xuất thế gian.

Tính Tam Bảo Phật Pháp Vô thượng đệ nhất tôn

Như lời kệ ta nói Tính ấy, nghĩa như trên.

Lúc bấy giờ, ngài Ca Diếp lại nói kệ rằng :

Con nay đều chẳng biết Chỗ Tam bảo để nương

Thì sao sẽ qui thú Vô sở úy không trên (vô thượng)?

Chẳng biết chỗ Tam Bảo Thì sao Vô ngã thành?

Sao gọi qui y Phật? Mà được an ủi lòng?

Sao gọi qui y Pháp? Xin ngài nói cho con !

Sao gọi được tự tại? Tự tại sao lại không?

Sao gọi qui y tăng? Chuyển được vô thượng lợi?

Sao gọi nói thật chân Vị lai thành Phật đạo?
Vị lai nếu chẳng thành Sao gọi qui Tam Bảo?
Con nay không biết thông Phải nương hành thứ lớp.
Sao gọi thai chưa mang Mà dấy sinh tử tưởng?
Nếu thai ắt ở trong Thì gọi là hữu tử (có con).
Nếu trong thai có con Sẽ sinh chẳng lâu nữa.
Đó gọi là nghĩa con (ý nghĩa việc sinh con) Nghiệp chúng sinh cũng vậy
Nhu lời nói Thế Tôn Người ngu chẳng thể biết.
Do sự chẳng biết thông Luân hồi ngục sinh tử.
Ưu bà tắc giả danh Chẳng biết nghĩa chân thật.
Nguyện Phật rộng phân biệt Trừ lưới nghi cho con !
Nhu Lai đại trí tuệ Rũ lòng thương giải phân !
Nguyện nói bí mật tạng Của Như Lai Thế Tôn !
- Ca Diếp ! Ông phải biết Ta nay sẽ vì ông
Khéo mở vi mật tạng Khiến đoạn nghi của ông.
Nay nghe phải hết lòng Ông với các Bồ tát
Phật thứ bảy cùng chung Đồng một danh hiệu ấy.
Người theo Phật về nương Chân thật Ưu bà tắc
Nhất định chẳng về nương (qui y) Những thiên thần nào khác.
Người nghe pháp về nương (qui y pháp) Thì lìa khỏi sát hại

Người qui y Thánh Tăng Chẳng cầu đến ngoại đạo.

Qui Tam Bảo như trên Thì được vô sở úy.

Ca Diếp bạch Phật rằng : - Con cũng qui Tam bảo

Đó là đường chánh chân Là cảnh giới chư Phật

Tướng Tam Bảo ngang bằng(bình đẳng) Thường có tính Đại trí

Tính ngã, tính Thế Tôn (Phật tính) Không hai, không sai khác

Đạo này được Phật khen Chỗ dừng yên chánh tiến.

Cũng gọi thấy chánh chân Nên được Phật khen ngợi.

Ngã cùng đường đi lành Được khen đạo Vô thượng

Là cam lộ trên cùng Các hữu đã không có.

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Nay thiện nam tử ! Ông nay chẳng nên như những Thanh Văn, người phạm phu mà phân biệt Tam bảo. Đối với Đại Thừa này không có tướng phân biệt Tam qui. Sở dĩ vì sao? Vì ở trong Phật tính tức là có Pháp, Tăng. Vì muốn hóa độ Thanh Văn, phạm phu nên ta phân biệt nói Tam Bảo khác tướng. Nay thiện nam tử ! Nếu muốn thuận theo pháp thế gian thì nên phân biệt có ba qui y. Nay thiện nam tử ! Bồ tát nên tác khởi tư duy như vậy : “Thân này của ta hôm nay nương về với Phật. Nếu tức thời thân này được thành Phật đạo mà đã thành Phật rồi thì chẳng phải cung kính lễ bái cúng dường đối với các đức Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì chư Phật bình đẳng, bình đẳng vì chúng sinh tạo tác qui y. Nếu muốn tôn trọng pháp thân xá lợi thì nên lễ kính tháp miếu của chư Phật. Sở dĩ vì sao? Vì muốn hóa độ chúng sinh nên cũng khiến cho chúng sinh ở trong thân ta dấy lên tư tưởng tháp miếu mà lễ bái cúng dường. Như vậy chúng sinh đã dùng pháp thân của ta làm chỗ qui y. Tất cả chúng sinh đều nương vào pháp tà nguy chẳng phải chân. Ta sẽ lần lượt vì họ nói pháp chân chính. Lại có người qui y chẳng phải chân tăng thì ta sẽ vì họ làm chỗ qui y chân tăng. Nếu có người phân biệt ba qui y thì ta sẽ vì họ làm chỗ một qui y, không có ba thứ sai biệt. Đối với mọi người sống mù thì ta vì họ làm trông mắt. Ta lại phải vì các Thanh

Văn, Duyên Giác làm chỗ qui y chân chính”. Nay thiện nam tử ! Như vậy là Bồ tát vì vô lượng chúng sinh ác và những trí giả mà làm Phật sự.

Nay thiện nam tử ! Ví như có người khi lâm trận chiến liền sinh ra tâm niệm rằng : “Ta ở trong đó là tối đệ nhất. Tất cả binh chúng đều nương cậy vào ta ! Cũng như thái tử suy nghĩ như vậy : “Ta phải điều phục những người con còn lại của vua để nối dõi nghiệp đế vương của đại vương mà được tự tại, khiến cho những người con vua đều diện kiến qui y. Vậy nên chẳng nên sinh ra lòng hạ liệt”. Như vua, con vua, đại thần cũng vậy. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát cũng lại như vậy, tác khởi sự suy nghĩ này : “Sao gọi là ba việc cùng ta một thể?” Nay thiện nam tử ! Ta hiển thị ba việc tức là Niết Bàn. Như Lai thì gọi là Vô Thượng Sĩ, ví như trong thân người thì cái đầu là trên hết, chứ chẳng phải các chi tiết khác như chân, tay.v.v... Phật cũng như vậy, là đấng Tối Thượng Tôn, chứ chẳng phải là Pháp, Tăng vậy. Vì muốn hóa độ các thế gian nên Phật thị hiện đủ thứ tướng sai biệt như những bậc thang kia. Vậy nên ông nay chẳng nên thọ trì như sự hiểu biết tướng sai biệt về Tam qui của người phàm ngu ! Ông đối với Đại Thừa dũng mãnh, sắc bén, nhất quyết đoạn tuyệt thì nên như lưỡi cương đao (dao cứng) !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con biết mà cố hỏi, chớ chẳng phải vì chẳng biết. Con là Bồ tát đại dũng mãnh mà hỏi đến những hành xử vô cấu thanh tịnh là muốn khiến cho đức Như Lai vì các vị Bồ tát, rộng rãi tuyên nói, phân biệt việc đặc biệt kỳ lạ, xưng dương Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Đức Như Lai Đại bi nay đã khéo léo giảng nói rồi thì con cũng như vậy mà an trụ ở trong ấy. Đức Phật đã nói những hành xử thanh tịnh của Bồ tát tức là tuyên nói Kinh Đại Niết Bàn. Thưa đức Thế Tôn ! Con nay cũng sẽ rộng vì chúng sinh hiển dương Như Lai bí tạng như vậy, cũng sẽ chứng biết chỗ Tam qui chân thật. Nếu có chúng sinh có thể tin như vậy Kinh Đại Niết Bàn thì người ấy có thể tự nhiên liễu đạt chỗ tam qui y. Vì sao vậy? Vì Như Lai bí tạng có Phật tính. Những người ấy có tuyên nói Kinh điển này thì đều nói rằng, tận cùng trong thân có Phật tính. Người như vậy thì chẳng cầu chỗ tam qui y xa vời. Vì sao vậy? Vì ở đời vị lai, thân con tức sẽ thành tựu Tam Bảo. Vậy nên những người Thanh Văn, Duyên Giác và những chúng sinh khác đều nương vào con mà cung kính lễ bái.

- Nay thiện nam tử ! Do ý nghĩa này nên ông cần phải học tập chân chính Kinh điển Đại Thừa !

Ngài Ca Diếp lại nói rằng :

- Phật tính như vậy chẳng thể nghĩ bàn ! Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp cũng chẳng thể nghĩ bàn !

Lúc bấy giờ, đức Phật khen Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Ông đã thành tựu trí tuệ sâu sắc. Ta nay sẽ lại khéo léo vì ông nói về Nhập Như Lai Tạng. Nếu Ngã “trụ” thì tức là pháp “thường” chẳng lìa khỏi khổ. Nếu Vô ngã thì tu hành tịnh hạnh không có lợi ích gì. Nên nói rằng, các pháp đều không có ngã thì tức là “đoạn kiến”. Nếu nói rằng, Ngã trụ thì tức là “Thường kiến”. Nếu nói rằng, tất cả hạnh vô thường thì tức là đoạn kiến, các hạnh thường thì lại là thường kiến. Nếu nói rằng, khổ thì tức là đoạn kiến. Nếu nói rằng vui thì lại là thường kiến. Tu tất cả pháp thường thì rơi vào đoạn kiến. Tu tất cả pháp đoạn thì rơi vào thường kiến. Như loài trùng co mình bước đi, cốt chân trước mà được dời chân sau, tu thường, đoạn cũng lại như vậy, cốt yếu nhân ở đoạn, thường. Do ý nghĩa đó nên tu pháp khổ khác thì đều gọi là bất thiện, tu pháp lạc khác thì gọi là thiện, tu pháp Vô ngã khác thì chính là những phàm phiền não, tu pháp thường khác thì gọi là Như Lai bí tạng, như là Niết Bàn không có hàng động nhà cửa, tu vô thường pháp khác thì tức là của cải, tu pháp thường khác thì gọi là Phật - Pháp - Tăng và chánh giải thoát... Ông phải biết, như vậy Phật pháp là trung đạo, xa lìa nhị biên (hai biên) mà nói chân pháp, người phạm phu ngu si ở giữa không nghi hoặc. Như người bệnh yếu đuối ăn uống vàng sữa rồi khí lực nhẹ tênh. Pháp có, không thì thể tính bất định. Ví như bốn đại, tính chúng chẳng đồng, đều tự trái ngược nhau, thầy thuốc giỏi khéo biết tùy theo sự phát thiên lệch của chúng mà tiêu dứt chúng. Này thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, đối với các chúng sinh giống như thầy thuốc giỏi, biết thể tướng của các phiền não sai khác mà vì họ đoạn trừ, mở bày Tạng bí mật của Như Lai, Phật tính thanh tịnh thường trụ bất biến. Nếu nói rằng, có thì trí chẳng nên nhiễm, nếu nói rằng, không thì tức là nói dối. Nếu nói rằng, có thì chẳng nên mặc nhiên, cũng lại chẳng nên hí luận tranh cãi mà chỉ cầu rõ biết chân tính các pháp. Người phạm phu hí luận tranh cãi, chẳng giải được vi mật tạng của Như Lai. Nếu nói đến khổ thì người ngu liền cho rằng, thân là vô thường, nói rằng, tất cả khổ, lại chẳng thể biết thân có tính vui (lạc). Nói vô thường thì người phạm phu cho là tất cả thân đều là vô thường. Ví như ngói thô (ngói mộc, ngói chưa nung). Người có trí cần phải phân biệt, chẳng nên nói hết tất cả vô thường. Vì sao vậy? Vì thân của Ngã tức là có hạt giống của Phật tính. Nếu nói Vô ngã thì

người phàm phu sẽ cho rằng, tất cả Phật pháp đều không có Ngã. Kẻ trí cần phải phân biệt Vô ngã giả danh, chẳng thật mà biết như vậy rồi thì chẳng nên sinh ra nghi ngờ. Nếu nói rằng, Như Lai bí tạng rộng không tịch mịch thì phàm phu nghe thế liền sinh ra đoạn diệt kiến. Người có trí cần phải phân biệt Như Lai là thường trụ không có biến dịch. Nếu nói rằng Giải thoát ví như huyền hóa thì phàm phu sẽ gọi được giải thoát chân chính tức là ma diệt (mòn hết). Người có trí cần phải phân biệt bậc sư tử trong loài người tuy có đi, lại nhưng thường trụ không biến đổi. Nếu nói rằng, vô minh nhân duyên các hành thì người phàm phu nghe rồi phân biệt sinh ra nhị pháp tướng là minh cùng vô minh. Kẻ trí liễu đạt tính ấy không hai. Tính không hai tức là tính chân thật. Nếu nói các hành nhân duyên thức thì phàm phu cho là hai, hành cùng thức. Kẻ trí liễu đạt tính hai thứ ấy không hai. Tính không hai tức là tính chân thật. Nếu nói mười thiện, mười ác, có thể tác, chẳng thể tác, đường thiện, đường ác, bạch pháp, hắc pháp... phàm phu cho là hai, kẻ trí liễu đạt thì tính ấy không hai. Tính không hai tức là tính chân thật. Nếu nói rằng, nên tu tất cả pháp khổ. Phàm phu cho là hai, kẻ trí liễu đạt tính ấy không hai. Tính không hai tức là tính chân thật. Nếu nói rằng, tất cả hành Vô thường Như Lai mật tạng cũng là Vô thường thì kẻ phàm cho là hai còn người trí liễu đạt tính ấy không hai. Tính không hai tức là tính chân thật. Nếu nói rằng, tất cả tất cả pháp Vô ngã, Như Lai bí tạng cũng không có ngã thì phàm phu cho là hai, kẻ trí liễu đạt tính ấy không hai. Tính không hai tức là tính chân thật. Ngã cùng Vô ngã, tính chúng không có hai. Như Lai bí tạng, nghĩa ấy như vậy, chẳng thể xưng kể, vô lượng vô biên các đức Phật khen ngợi. Ta nay ở trong Kinh tất cả công đức thành tựu này đều đã nói hết.

Này thiện nam tử ! Ngã cùng Vô ngã, tính tướng không hai. Các ông nên thọ trì kính trọng như vậy ! Này thiện nam tử ! Ông cũng cần phải kiên trì nhớ nghĩ Kinh điển như vậy ! Như ta trước ở trong Kinh Bát Nhã Balamật nói về ngã, Vô ngã không có hai tướng, như nhân vào sữa sinh ra cao sữa, nhân cao sữa được sinh ra váng sữa, nhân váng sữa được váng sữa chín, nhân váng sữa chín được đề hồ. Như vậy tính của cao sữa là từ sữa sinh ra, nó là từ tự mình sinh ra hay từ cái khác sinh ra vậy? ... cho đến đề hồ cũng lại như vậy. Nếu nó từ cái khác sinh ra thì tức là cái khác tạo ra chứ chẳng phải là sữa sinh ra. Nếu chẳng phải sữa sinh ra thì sữa làm gì? Nếu tự mình sinh ra thì chẳng nên tương trợ nối tiếp nhau mà sinh ra. Nếu nối tiếp nhau sinh ra thì chẳng đều sinh (câu sinh). Nếu chẳng câu sinh thì năm thứ vị chẳng cùng một lúc. Tuy chẳng cùng một lúc nhưng nhất định chẳng từ chỗ khác đến vậy. Ông phải biết rằng, trong sữa trước có tướng cao sữa, vị ngọt nhiều nên chẳng thể tự biến đổi... cho đến đề hồ cũng lại như vậy. Trâu này nhân duyên vào việc ăn uống nước, cỏ rồi huyết mạch chuyển biến mà được

thành sữa. Nếu trâu ăn cỏ ngọt thì sữa ấy ngọt. Nếu trâu ăn cỏ đắng thì sữa có vị đắng. Núi Tuyết có loại cỏ tên là Phi Nhị mà nếu trâu ăn thì thuần được đề hồ, không có màu xanh vàng đỏ trắng đen. Do nhân duyên cỏ lúa nên sữa ấy có khác về sắc vị, những chúng sinh này do nhân duyên nghiệp minh, vô minh nên sinh ra hai tướng. Nếu vô minh chuyển thì biến thành minh. Tất cả các pháp thiện, bất thiện.v.v... cũng lại như vậy, không có hai tướng.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời nói đức Phật, trong sữa có cao sữa là nghĩa làm sao? Thưa đức Thế Tôn ! Nếu nói rằng, trong sữa nhất định có tướng của cao sữa, vì vi tế nên chẳng thể thấy thì sao nói rằng, từ nhân duyên sữa mà sinh ra cao sữa? Pháp nếu vốn không thì gọi là sinh. Như sinh ấy đã có thì sao gọi rằng sinh? Nếu nói rằng, trong sữa nhất định có tướng của cao sữa mà trong trăm loài cỏ cũng cần có sữa. Như vậy trong sữa cũng cần có cỏ ! Nếu nói rằng, trong sữa nhất định không có cao sữa thì làm sao nhân sữa mà được cao sữa. Nếu pháp vốn không mà sau sinh ra thì vì có gì trong sữa chẳng sinh ra cỏ?

- Nay thiện nam tử ! - Đức Phật nói - Chẳng thể nhất định nói rằng, trong sữa có cao sữa, trong sữa không có cao sữa, cũng chẳng thể nói rằng, từ cái khác mà sinh ra. Nếu nói rằng, trong sữa nhất định có cao sữa thì sao mà cái được thể, vị đều khác. Vậy nên chẳng thể nói rằng, trong sữa nhất định có tính của váng sữa. Nếu nói rằng, trong sữa nhất định không có váng sữa thì trong sữa vì sao chẳng sinh ra sừng con hổ? Cầm bằng cao sữa trong sữa độc thì giết người. Vậy nên chẳng thể nói rằng, trong sữa nhất định không có tính của cao sữa. Nếu nói rằng, cao sữa này từ cái khác sinh ra thì vì sao trong nước chẳng sinh ra váng sữa. Vậy nên chẳng thể nói rằng, cao sữa từ cái khác sinh ra. Nay thiện nam tử ! Con trâu này nhân duyên ăn cỏ nên máu biến thành trắng, cỏ và máu diệt mất rồi nhờ phước lực của chúng sinh biến đổi mà thành sữa. Sữa đó tuy từ cỏ và máu mà ra nhưng chẳng được nói rằng hai mà chỉ được gọi là từ nhân duyên sinh ra. Từ váng sữa đến đề hồ cũng lại như vậy. Do ý nghĩa này nên được gọi là ngư vị. Sữa đó diệt rồi nhờ nhân duyên thành ra cao sữa. Những gì là nhân duyên? - Hoặc sang qua rót lại, hoặc đun cho nóng ấm... Vậy nên được gọi là từ nhân duyên mà có... cho đến đề hồ cũng lại như vậy. Vậy nên chẳng được nhất định nói rằng, trong sữa không có tướng của cao sữa. Từ cái khác sinh ra là lia khỏi sữa mà có thì không có điều đó. Nay thiện nam tử ! Minh cùng vô minh cũng lại như vậy. Nếu chung cùng với các kết phiền não thì gọi là vô minh còn nếu chung

cùng với tất cả thiện pháp thì gọi là minh. Vậy nên ta nói rằng, không có hai tướng. Do nhân duyên này mà trước ta nói rằng, núi Tuyết có loài cỏ tên là Phi Nhị, nếu trâu ăn vào thì liền thành Đề hồ. Phật tính cũng vậy.

Này thiện nam tử ! Chúng sinh phước mỏng chẳng thấy loài cỏ đó, Phật tính cũng vậy, bị phiền não che nên chúng sinh chẳng thấy. Ví như biển cả, tuy đồng một vị mặn nhưng trong biển ấy cũng có thứ nước thượng diệu, vị đồng với sữa. Ví như núi Tuyết tuy lại thành tựu đủ thứ công đức, sinh ra nhiều những thứ dược thảo, nhưng cũng có cỏ độc. Thân của các chúng sinh cũng lại như vậy, tuy có bốn thứ “Đại” rắn độc, nhưng trong thân ấy cũng có diệu dược Đại Vương như là Phật tính, chẳng phải là pháp tạo tác mà chỉ bị sự che phủ của khách trần phiền não. Nếu Sát lợi, Bà la môn, Tỳ xá, Thủ đà có thể đoạn trừ chúng thì liền thấy Phật tính, thành đạo Vô thượng. Ví như hư không động sấm dậy mây thì trên tất cả ngà voi đều sinh ra hoa. Nếu không sấm rền thì hoa chẳng sinh ra, cũng không có danh tự. Phật tính của chúng sinh cũng lại như vậy, thường bị sự che phủ của tất cả phiền não nên chẳng thể được thấy. Vậy nên ta nói, chúng sinh Vô ngã ! Nếu họ được nghe Kinh điển Đại Bát Niết Bàn vi diệu thì thấy được Phật tính như hoa ngà voi. Tuy người nghe được kệ kinh, tất cả tam muội nhưng chẳng nghe Kinh này thì chẳng biết được tướng vi diệu của Như Lai như khi không tiếng sấm thì hoa trên ngà voi chẳng thể được thấy. Người nghe Kinh này rồi thì liền biết tất cả lời nói mật tạng Phật tính của Như Lai. Ví như trời nổi sấm thì thấy hoa ngà voi, nghe Kinh này rồi thì liền thấy tất cả vô lượng chúng sinh đều có Phật tính. Do ý nghĩa này nên nói rằng, Đại Niết Bàn gọi là Như Lai bí mật tạng tạng trường pháp thân, giống như khi nổi sấm thì hoa trên ngà voi có thể trường dưỡng. Do đại nghĩa như vậy nên được gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân có thể tu tập Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này thì ông phải biết, người đó có thể báo ân Phật, là đệ tử Phật chân chính.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Rất lạ lùng ! Thừa đức Thế Tôn ! Lời nói về Phật tính của ngài rất sâu ! Rất sâu ! Khó thấy ! Khó vào ! Điều mà Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể lý giải được.

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Đúng vậy ! Đúng vậy ! Đúng như lời khen của ông, chẳng trái với lời nói của ta !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Phật tính thì sao gọi là rất sâu khó thấy khó vào?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Như một trăm người mù vì trị liệu mắt nên tìm đến lương y. Khi đó vị lương y liền dùng cái thẻ vàng khui (vạch ra) nhãn mạc (màn mắt) của người ấy, rồi dùng một ngón tay đưa lên hỏi rằng, thấy không? Người mù đáp rằng : “Tôi còn chưa thấy !” Thầy thuốc dùng hai ngón tay, ba ngón tay đưa lên hỏi người đó. Người đó mới nói rằng : “Thấy ít !” Này thiện nam tử ! Kinh điển Đại Niết Bàn vì điều này khi mà Như Lai chưa nói cũng lại như vậy ! Vô lượng Bồ tát tuy làm đầy đủ những Ba la mật... cho đến Thập trụ còn chưa có thể thấy Phật tính sẵn có mà khi Như Lai đã nói Kinh ấy thì liền thấy chút ít. Những Đại Bồ tát này đã được thấy rồi thì đều nói lên rằng : “Rất lạ ! Thưa đức Thế Tôn ! Chúng con lưu chuyển trong vô lượng sinh tử thường bị sự mê hoặc nhiễu loạn của Vô ngã”. Này thiện nam tử! Như vậy, Bồ tát ở địa vị Thập địa còn chẳng thấy biết Phật tính sáng rõ, huống gì là người Thanh Văn, Duyên Giác mà có thể được thấy sao? Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như người ngược xem hư không, chim ngỗng, chim nhạn là chính hư không, là chính ngỗng nhạn, quan sát kỹ chẳng thôi mà phảng phất thấy chúng. Bồ tát Thập Trụ đối Như Lai tính thấy biết chút ít cũng lại như vậy, huống lại là người Thanh Văn, Duyên Giác mà có thể thấy biết. Này thiện nam tử ! Ví như người say rượu muốn lặn lội đường xa, nhìn thấy đường mờ lung. Bồ tát Thập Trụ đối với Như Lai tính, thấy biết chút ít phần cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Ví như người khát đi nơi vùng khoáng dã. Người khát đó bức bối đi khắp tìm nước, thấy có chòm cây rậm, trên cây có con Hạc trắng. Người đó mê muội chẳng thể phân biệt là cây hay là nước, quan sát kỹ chẳng thôi, mới thấy con hạc trắng và chòm cây rậm. Này thiện nam tử ! Bồ tát Thập trụ đối với Như Lai tính, thấy biết ít phần cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Ví như có người ở tại trong biển cả, xa đến vô lượng trăm ngàn do tuần thấy có thuyền lớn, lầu các, nhà cửa... liền tác khởi ý niệm này, đó là lầu các nhà cửa hay là hư không? Nhìn lâu, người ấy mới sinh ra lòng quyết định, biết chính là lầu các... Bồ tát Thập Trụ ở trong tự thân, thấy Như Lai tính cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Ví như vị vương tử, thân thể rất nhu nhược, suốt đêm du hí đến tận sáng hôm sau, mắt nhìn tất cả đều chẳng rõ ràng. Bồ tát Thập Trụ đối với thân mình, thấy tính Như Lai cũng lại như vậy, chẳng thấy rõ ràng lắm. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như vị quan bề tôi bị sự bắt ép việc vua

đến đêm mới trở về nhà, nhân chớp sáng phát lên thấy bầy trâu, liền có ý nghĩ rằng, đây là bầy trâu, hay là đám mây, hay là nhà? Người đó nhìn lâu tuy sinh ý tưởng là trâu nhưng còn chẳng xác định. Bồ tát Thập Trụ tuy đối với thân mình có thấy tính Như Lai nhưng chưa có thể xác định cũng lại như vậy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Như vị Tỳ kheo trì giới quan sát nước không có trùng mà thấy tướng của trùng liền tác khởi ý niệm này, cái động đập trong nước là trùng hay là bụi đất vậy? Nhìn mãi chẳng thôi, ông tuy biết là bụi nhưng cũng chẳng rõ ràng. Bồ tát Thập Trụ ở trong thân mình có thấy tính Như Lai, cũng lại như vậy, chẳng rõ ràng lắm. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như có người ở trong bóng tối, từ xa nhìn thấy đứa trẻ liền tác khởi ý niệm này, đó là trâu hay là người, hay là chim vậy? Nhìn mãi chẳng thôi, tuy thấy là đứa trẻ nhưng còn chẳng rõ ràng. Bồ tát Thập Trụ ở trong thân mình có thấy tính Như Lai, cũng lại như vậy, chẳng rõ ràng lắm. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như có người ở trong đêm tối thấy hình họa Bồ tát liền tác khởi ý niệm này, là tượng Bồ tát hay là tượng Tự Tại Thiên hay là tượng Đại Phạm Thiên mặc áo nhuộm vậy? Người đó nhìn lâu tuy lại nghĩ là chính tượng Bồ tát nhưng cũng chẳng rõ ràng. Bồ tát Thập Trụ ở trong thân mình có thấy tính Như Lai, cũng lại như vậy, chẳng rõ ràng lắm. Này thiện nam tử ! Phật tính sở hữu thậm thâm như vậy, khó được thấy biết, chỉ có Phật có thể biết, chẳng phải điều theo kịp của những Thanh Văn, Duyên Giác. Này thiện nam tử ! Người trí nên tạo tác sự phân biệt tính Như Lai như vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Phật tính vi tế khó biết như vậy thì làm sao mắt thịt mà có thể thấy được?

Đức Phật dạy ngài Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử ! Như trời Phi Tướng Phi Phi Tướng cũng chẳng phải là điều có thể biết của hàng Nhị Thừa, mà chỉ thuận theo khế kinh, do niềm tin nên biết thôi ! Này thiện nam tử ! Thanh Văn, Duyên Giác tín thuận Kinh Đại Niết Bàn như vậy thì tự biết thân mình có tính Như Lai, cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Vậy nên ông cần phải tinh cần tu tập Kinh Đại Niết Bàn ! Này thiện nam tử ! Như vậy Phật tính chi Phật mới có thể biết, chẳng phải là sự theo kịp của những Thanh Văn, Duyên Giác.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Chấn phải Thánh, phàm phu có tính chúng sinh đều nói có Ngã !

Đức Phật dạy rằng :

- Ví như hai người chung làm bạn bè, một người là con vua, một người là người nghèo hèn, như vậy hai người qua lại giúp đỡ nhau. Khi đó, người nghèo thấy vị vương tử đó có một con dao đẹp tịnh diệu đệ nhất, trong lòng tham trước. Thời gian sau vương tử nắm giữ con dao này trốn đến nước khác. Người nghèo về sau ở nhờ nhà người khác, ở trong giấc ngủ chợt tỉnh nói rằng : “Dao ! Dao !” Người bên cạnh nghe lời đó bắt đem đến chỗ vua. Nhà vua hỏi rằng : “Người nói dao thì có thể đem trình bày cho ta !” Người đó đem việc trên tâu vua đầy đủ và nói rằng : “Nhà vua nay giả sử mổ cắt thân của thần chia rời tay chân để muốn được dao thì thật chẳng thể được. Thần cùng với vương tử vốn là chỗ thân hậu, trước ở chung một chỗ, tuy mắt đã từng thấy nhưng thậm chí chẳng dám lấy tay động chạm vào, huống gì có lấy”. Nhà vua lại hỏi rằng : “Khanh đã thấy tướng mạo của dao loại gì?” Đáp rằng: “Thưa Đại vương ! Cái thân thấy thì giống như sừng của con dê đen”. Nhà vua nghe thế rồi cười vui vẻ mà nói rằng : “Ông nay đi đâu tùy ý, chớ sinh lo sợ ! Trong kho tàng của ta đều không có dao như vậy, huống là người ở bên vương tử mới thấy?” Nhà vua liền hỏi các quần thần rằng : “Các ông đã từng thấy dao như vậy không?” Nói rồi, nhà vua liền băng (chết). Quần thần liền lập người con khác nối dõi ngôi vua. Vị vua đó lại hỏi quần thần : “Các ông đã từng thấy ở trong kho tàng của triều đình (nhà quan) có con dao đó không?” Các bề tôi đáp rằng : “Chúng thần đã từng thấy !” Lại hỏi nữa rằng: “Hình trạng ấy giống cái gì?” Đáp rằng : “Thưa Đại vương ! Giống như sừng con dê đen”. Nhà vua nói rằng : “Trong kho tàng của ta vì duyên gì sẽ có con dao tướng như vậy”. Rồi lần lượt bốn vị vua kiểm nghiệm tìm kiếm mà chẳng được. Sau một thời gian, vị vương tử đào tẩu từ nước khác trở về đất nước của mình, lại được làm vua. Đã lên ngôi vua rồi, ngài lại hỏi các bề tôi rằng : “Các ông có thấy dao không?” Họ đáp rằng : “Thưa Đại vương ! Chúng thần đều thấy !” Vua lại hỏi rằng : “Hình trạng dao ấy giống cái gì?” Họ đáp rằng: “Hình sắc dao ấy thanh tịnh như hoa Ưu bát la”. Lại có người đáp rằng : “Hình dáng như sừng dê”. Lại có người đáp rằng : “Hình sắc dao ấy đỏ hồng giống như đám lửa”. Lại có người đáp rằng : “Giống như con rắn đen”. Nhà vua cả cười nói rằng : “Các khanh đều chẳng thấy tướng chân thật dao của ta!” Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát cũng lại như vậy, xuất hiện ở đời, nói chân tướng của Ngã, nói rồi bỏ đi ví như vị vương tử cầm giữ dao tịnh diệu trốn đến nước khác. Người ngu phàm phu nói rằng : “Có ngã ! Có ngã !” như người nghèo kia ở nhờ nhà

người khác, thức dậy kêu rằng : “Dao ! Dao!”. Thanh Văn, Duyên Giác hỏi các chúng sinh : “Ngã có hình tướng ra sao?” Họ đáp rằng : “Tôi thấy tướng của ngã lớn như ngón tay cái !” Hoặc nói rằng : “Như hạt gạo, hoặc như hạt kê !” Hoặc có người nói rằng : “Tướng của Ngã ở tại trong lòng, rực sáng như mặt trời !” Như vậy chúng sinh chẳng biết tướng của Ngã ví như các bề tôi chẳng biết tướng của con dao. Bồ tát nói về Ngã pháp như vậy mà phàm phu chẳng biết nên hư vọng tạo tác phân biệt đủ thứ tướng của Ngã như hỏi tướng của dao, đáp giống như sừng dê. Những phàm phu đó theo thứ lớp tiếp nối nhau mà khởi lên tà kiến. Vì đoạn trừ những tà kiến như vậy nên Như Lai thị hiện nói lên Vô ngã, ví như vị vương tử nói cho các bề tôi rằng : “Trong kho tàng của ta không có dao như vậy !” Đây thiện nam tử ! Lời nói về chân ngã của Như Lai hôm nay gọi là Phật tính. Như vậy Phật tính trong Phật pháp của ta ví như con dao thanh tịnh. Đây thiện nam tử ! Nếu có kẻ phàm phu có thể khéo diễn nói thì tức là thuận theo pháp Phật Vô thượng. Nếu có người giỏi có thể phân biệt, thuận theo, tuyên nói vấn đề đó thì ông phải biết đó tức là tướng mạo Bồ tát.

--- o0o ---

PHẨM VĂN TỰ

PHẦN XIII:

Đức Phật lại bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Sẵn có đủ thứ dị luận, chú thuật, ngôn ngữ, văn tự... đều là Phật nói, chẳng phải ngoại đạo nói.

Ngài Ca Diếp Bồ tát bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Sao gọi là đức Như Lai nói về căn bản của chữ (tự)?

Đức Phật nói rằng :

- Đây thiện nam tử ! Đầu tiên nói nửa chữ (bán tự) để làm căn bản giữ gìn những ký luận, chú thuật, văn chương, các thật pháp của âm. Người phàm phu học căn bản của chữ như vậy, vậy sau mới biết là pháp hay phi pháp.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Cái gọi là chữ thì nghĩa ấy ra sao?

- Nay thiện nam tử ! Có mười bốn âm gọi là tự nghĩa. Cái gọi rằng chữ thì gọi là Niết Bàn, thường cố định chẳng trôi chảy. Nếu chẳng trôi chảy thì tức là vô tận. Phạm đã vô tận thì tức là thân Như Lai Kim Cương. Mười bốn âm này gọi là tự bản (gốc chữ). A ngắn là chẳng phá hoại mà chẳng phá hoại thì gọi là Tam Bảo, ví như Kim Cương. Lại nữa, A thì chẳng trôi chảy mà chẳng trôi chảy thì tức là Như Lai. Chín lỗ của Như Lai không có sự trôi chảy nên chẳng trôi chảy. Lại không có chín lỗ nên chẳng trôi chảy. Chẳng trôi chảy tức là thường còn mà thường còn tức là Như Lai. Như Lai không tạo tác nên chẳng trôi chảy. Lại nữa, chữ A thì gọi là công đức mà công đức tức là Tam bảo. Vậy nên gọi là A. Tiếp đến là A dài thì gọi là A xà lê. A xà lê nghĩa là gì vậy? Nghĩa là ở trong thế gian được gọi là Thánh giả. Sao gọi là Thánh? Gọi là Thánh thì không nhiễm trước, thiếu dục, tri túc, cũng gọi là Thanh tịnh, có thể độ chúng sinh lưu chuyển trong bể cả sinh tử ở ba cõi. Đó gọi là Thánh. Lại nữa, chữ A gọi là chế độ, tu trì tịnh giới, thuận theo uy nghi. Lại nữa, chữ A gọi là nương (y) thánh nhân học theo uy nghi tiến, dừng, cử động, cúng dường, cung kính, lễ bái Tam Tôn, hiếu thuận, phụng dưỡng cha mẹ và học Đại Thừa. Những thiện nam nữ trì đủ cấm giới và các Đại Bồ tát.v.v... đều được gọi là Thánh nhân. Lại nữa, chữ A gọi là Giáo hối (dạy răn). Như nói rằng : “Các ông nên làm như vậy ! Chớ làm như vậy !” Nếu người có thể ngăn chặn những pháp chẳng phải oai nghi thì gọi là Thánh nhân. Vậy nên gọi là chữ A.

Chữ Y ngắn tức là Phật pháp, phạm hạnh rộng lớn, thanh tịnh không cấu bẩn ví như trăng tròn đầy. Các ông nên làm, chẳng nên làm như vậy, là nghĩa là phi nghĩa, đây là Phật nói, đây là ma nói, đó gọi là Y. Y dài là Phật pháp vi diệu thậm thâm khó được. Như pháp của trời Tự Tại, trời Đại Phạm thì gọi là tự tại mà nếu người có thể trì giữ thì gọi là hộ pháp. Lại nữa, Tự tại thì gọi là bốn hộ thế. Bồ tự tại này thì có thể nhiếp hộ Kinh Đại Niết Bàn, cũng có thể trình bày diễn nói. Lại nữa, chữ Y là có thể vì chúng sinh mà tự tại nói pháp. Lại nữa, chữ Y là tự tại thì nên nói những gì đó vậy? Điều đó gọi là tu tập Kinh điển Phương Đẳng. Lại nữa, chữ Y là đoạn dứt tật đó (ganh ghét) như diệt trừ cỏ xấu, khiến cho tất cả đều biến thành kiết tường (tốt đẹp). Vậy nên gọi là Y.

Chữ Ưu ngắn là ở trong Kinh, cái tối thượng, tối thắng, tăng trưởng lên trên hết thì gọi là Đại Niết Bàn. Lại nữa, chữ Ưu là tính của Như Lai, điều chưa từng nghe của Thanh Văn, Duyên Giác, như tất cả xứ thì xứ Uất Đan Việt phương Bắc là tối thù thắng. Bồ tát nếu có thể thính thọ Kinh này thì đối với

tất cả chúng sinh là bậc tối thượng, tối thắng. Vậy nên gọi Ưu. Ưu dài là ví như sữa trâu so trong các vị là trên hết. Tính Như Lai cũng lại như vậy, ở trong các Kinh là tối tôn, tối thượng. Nếu có ai bài báng thì ông phải biết, người đó cùng với trâu không khác biệt. Lại nữa, chữ Ưu là người gọi là không có trí tuệ, chánh niệm mà bài báng Như Lai vì mật bí tạng thì phải biết là người đó rất đáng thương xót, xa lìa tạng bí mật của Như Lai mà nói pháp Vô ngã. Vậy nên gọi là Ưu.

Chữ Sản tức là các Phật pháp tính Niết Bàn. Đó gọi là Sản. Dĩ là gọi nghĩa của Như Lai. Lại nữa, Dĩ là tiến dừng co duỗi, cử động của Như Lai không gì chẳng lợi ích cho tất cả chúng sinh. Vậy nên gọi là Dĩ.

Chữ Ô là tên gọi nghĩa phiền não mà phiền não gọi là các lậu. Như Lai vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não nên gọi là Ô. Pháo là gọi nghĩa Đại Thừa, đối với mười bốn âm là nghĩa cứu cánh. Kinh điển Đại Thừa cũng lại như vậy, đối với các kinh luận là tối cứu cánh. Vậy nên gọi là Pháo.

Am là có thể ngăn chặn tất cả các vật bất tịnh, ở trong Phật pháp, có thể xả bỏ tất cả vật báu, vàng, bạc. Vậy nên gọi là Am. Chữ A () là gọi nghĩa Thắng Thừa. Vì sao vậy? Vì Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn này ở trong các Kinh là tối thù thắng. Vậy nên gọi là A.

Chữ Ca là đối với các chúng sinh khởi lên Đại Từ bi, sinh ra tử tướng (tướng là con) như La Hầu La, tạo tác nghĩa diệu thiện. Vậy nên gọi là Ca. Chữ Khư là gọi chẳng phải bạn lành mà chẳng phải bạn lành thì gọi là tạp uế, chẳng tin bí mật tạng của Như Lai. Vậy nên gọi là Khư. Đà là gọi tạng mà tạng tức là Như Lai bí tạng. Tất cả chúng sinh đều có Phật tính nên gọi là Đà. Trọng âm Đà là âm thường còn của Như Lai. Những gì là âm thường còn của Như Lai? Đó là Như Lai thường trụ bất biến. Vậy nên gọi là Đà (trọng âm). Chữ Nga là tất cả các hành tướng phá hoại. Vậy nên gọi là Nga.

Già tức là nghĩa của tu; điều phục tất cả các chúng sinh nên gọi là nghĩa của tu. Vậy nên gọi là Già. Xa là Như Lai che phủ tất cả chúng sinh ví như bảo cái lớn. Vậy nên gọi là Xa. Xà là chánh giải thoát, không có tướng già. Vậy nên gọi là Xà. Chữ Xà trọng âm là phiền não ràng rịt ví như rừng rậm. Vậy nên gọi là Xà (trọng âm). Chữ Nhã là nghĩa trí tuệ, biết tính pháp chân thật. Vậy nên gọi là Nhã. Chữ Tra là ở cõi Diêm phù đề thị hiện bán thân mà diễn nói pháp ví như bán nguyệt (nửa vàng trắng). Vậy nên gọi là Tra. Chữ Tha () là pháp thân đầy đủ ví như vàng trắng tròn đầy. Vậy nên gọi là Tha. Chữ Trà là Tăng ngu si, chẳng biết thường cùng vô thường ví như đũa

trẻ. Vậy nên gọi là Trà. Chữ Trà trọng âm là chẳng biết ơn thầy ví như con dê đen. Vậy nên gọi là Trà (trọng âm). Chữ Noa là chẳng phải là Thánh nghĩa ví như ngoại đạo. Vậy nên gọi là Noa. Chữ Đa là Như Lai ở đó bảo, các Tỳ kheo nên lìa khỏi kinh sợ, ta sẽ vì các ông nói pháp vi diệu. Vậy nên gọi là Đa. Chữ Tha là gọi nghĩa ngu si. Chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử tự trời buộc như con tằm. Vậy nên gọi là Tha. Chữ Đà là gọi rằng Đại thí như là Đại Thừa. Vậy nên gọi là Đà. Chữ Đà trọng âm là xung tán công đức. Đó là Tam Bảo như núi Tu Di cao ngất rộng lớn, không có điên đảo. Đó gọi là Đà. Chữ Na là Tam Bảo an trụ không có khuynh động ví như cái then cửa. Vậy nên gọi là Na. Chữ Ba là gọi nghĩa điên đảo. Nếu nói rằng, Tam Bảo đều diệt hết thì phải biết là người này tự nghi hoặc. Vậy nên gọi là Ba. Chữ Pha là tai ách của thế gian. Nếu có người nói rằng, khi tai ách của thế gian khởi lên thì Tam Bảo cũng hết, phải biết là người đó ngu si, vô trí, trái lổ Thánh chỉ. Vậy nên gọi là Pha. Chữ Bà là gọi mười lực của Phật. Vậy nên gọi là Bà. Chữ Bà trọng âm là gọi gánh nặng. Người đủ sức gánh vác Chánh pháp Vô thượng thì phải biết người đó là Đại Bồ tát. Vậy nên gọi Bà. Chữ Ma là các Bồ tát với chế độ trang nghiêm cao vời, gọi là Đại Bát Niết Bàn của Đại Thừa. Vậy nên gọi là Ma. Tà (gia?) là các Bồ tát ở tại khắp nơi nơi vì những chúng sinh nói pháp Đại Thừa. Vậy nên gọi là Tà. La là có thể hoại tan tham dục, sân nhuế, ngu si, nói pháp chân thật. Vậy nên gọi là La. Chữ La khinh âm (âm nhẹ) là gọi hàng Thanh Văn thừa chuyển động chẳng trụ, Đại Thừa yên ổn không có khuynh động. Bồ Thanh Văn thừa, tinh cần tu tập Đại Thừa vô thượng. Vậy nên gọi là La (khinh âm). Chữ Hòa là Như Lai Thế Tôn vì các chúng sinh mưa xuống Đại Pháp Vũ, gọi là kinh sách, chú thuật của thế gian. Vậy nên gọi là Hòa. Chữ Xa () là xa lìa ba mũi tên (tam độc?). Vậy nên gọi là Xa. Chữ Sa là gọi nghĩa đầy đủ. Nếu người có thể nghe Kinh Đại Niết Bàn này thì tức là đã được nghe và thọ trì tất cả Kinh điển Đại Thừa. Vậy nên gọi là Sa. Ta là vì các chúng sinh diễn nói chánh pháp, khiến cho lòng họ hoan hỷ. Vậy nên gọi là Ta. Ha là gọi tâm hoan hỷ khen : “Lạ thay ! Đức Thế Tôn lìa khỏi tất cả hành! Lạ thay ! Đức Như Lai vào Bát Niết Bàn !”. Vậy nên gọi là Ha. Chữ La là gọi Ma nghĩa. Vô lượng những ma chẳng thể hủy hoại Như Lai Bí Tạng. Vậy nên gọi là La. Lại nữa, chữ La là thậm chí thị hiện thuận theo thế gian, có cha mẹ, vợ con... Vậy nên gọi là La.

Lỗ, Lưu, Lô, Lâu, bốn chữ như vậy nói có bốn nghĩa là Phật, Pháp, Tăng và cả đối pháp. Nói đối pháp là thuận theo thế gian như Đề Bà Đạt Đa thị hiện hoại Tăng, hóa làm đủ thứ hình dáng sắc tượng Vì chế ra giới luật nên kẻ trí thông đạt biết rõ thì chẳng nên đối với việc này mà sinh ra kinh sợ. Đó gọi là hành động tùy thuận thế gian. Do đó cho nên gọi là Lỗ, Lưu, Lô, Lâu.

Hít hơi vào cơ quan của lưỡi, theo tiếng của mũi, tiếng dài, ngắn vượt lên, tùy theo âm giải nghĩa, đều nhân vào lưỡi và răng mà có sai khác. Như vậy nghĩa của chữ có thể khiến cho chúng sinh thanh tịnh được khẩu nghiệp. Phật tính của chúng sinh thì chẳng ví với văn tự như vậy, rồi nhiên hậu thanh tịnh. Vì sao vậy? Vì Phật tính vốn tịnh, tuy ở tại trong âm, giới, nhập mà chẳng đồng với âm, giới, nhập. Vậy nên chúng sinh đều nên qui y. Các vị Bồ tát đều do Phật tính nên nhìn chúng sinh bình đẳng, không có sai biệt. Vậy nên “bán tự” đối với các kinh sách, ký luận, văn chương mà lấy làm căn bản. Lại, ý nghĩa của “bán tự” đều là nguồn gốc của lời nói phiền não nên gọi là “bán tự”. “Mãn tự” (chữ đầy đủ) thì mới là căn bản của tất cả lời nói thiện pháp vậy. Ví như người thế gian làm hạnh ác thì gọi là bán nhân (nửa người). Người tu hạnh thiện thì gọi là mãn nhân (người đầy đủ). Như vậy tất cả kinh sách, ký luận đều nhân vào “bán tự” mà làm căn bản. Nếu nói rằng, Như Lai và chánh giải thoát vào với “bán tự” thì việc đó chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì lìa khỏi văn tự. Vậy nên Như Lai đối với tất cả pháp không ngăn ngại, không nhiễm trước, thật sự được giải thoát. Những gì gọi là giải rõ nghĩa của chữ? - Có người biết Như Lai xuất hiện ở đời có thể diệt “bán tự”. Vậy nên gọi là giải rõ nghĩa của chữ. Nếu có người theo đuổi nghĩa của “bán tự” thì người đó chẳng biết tính Như Lai. Cái gì gọi là Vô tự nghĩa? Người gần gũi tu tập pháp bất thiện thì đó gọi là “Vô tự” (không chữ). Lại, vô tự là tuy có thể gần gũi tu tập thiện pháp nhưng chẳng biết Như Lai thường cùng vô thường, hằng cùng phi hằng và Pháp, Tăng hai báu, luật cùng phi luật, kinh cùng phi kinh, ma nói, Phật nói... Nếu có người chẳng thể phân biệt như vậy thì đó gọi là theo đuổi nghĩa “vô tự” vậy. Ta nay đã nói về sự theo đuổi nghĩa “vô tự” như vậy. Nay thiện nam tử ! Vậy nên ông nay nên lìa khỏi “bán tự”, khéo lý giải “mãn tự”.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Chúng con cần phải giỏi học tự số ! Con nay đã gặp được bậc thầy Vô thượng, đã chịu lời dạy bảo ân cần của đức Như Lai !

Đức Phật khen ngài Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Người ưa Chính pháp thì nên học tập như vậy.

PHẨM ĐIỀU DỤ

Phẩm XIV:

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Nay thiện nam tử ! Chim có hai giống, một tên là Ca lâu đê, hai tên là Uyên ương, bay đi hay dừng lại chung cùng, chẳng rời bỏ nhau. Những pháp như là Khổ, Vô thường, Vô ngã... cũng lại như vậy, chẳng được rời nhau.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Sao gọi là Khổ, Vô thường, Vô ngã như là chim Uyên ương, Ca lâu đê kia?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Pháp khác là Khổ - pháp khác là Lạc, pháp khác là Thường - pháp khác là Vô thường, pháp khác là Ngã - pháp khác là Vô ngã. Ví như gạo lúa ngon khác với mè, lúa mạch, mè lúa mạch lại khác với đậu, lúa tẻ, mía đường. Các giống như vậy, từ mầm chồi của chúng cho đến hoa lá đều là vô thường. Khi quả trái chín thành, con người thọ dụng thì mới là thường. Vì sao vậy? Vì tính chân thật vậy.

Ngài Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Những vật như vậy nếu là Thường thì đồng với Như Lai sao?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Ông nay chẳng nên nói lời như vậy. Vì sao vậy? Vì nếu nói rằng, Như Lai như núi Tu Di, khi kiếp hoại thì núi Tu Di đổ nát, Như Lai bấy giờ há đồng hủy hoại sao? Nay thiện nam tử ! Ông nay chẳng nên thọ trì nghĩa đó ! Nay thiện nam tử ! Tất cả các pháp, chỉ trừ Niết Bàn, lại không một pháp nào mà là thường cả ! Những vì thế để nói rằng quả trái thường.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Hay thay ! Hay thay ! Đúng như lời nói của đức Phật !

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Đúng vậy ! Đúng vậy ! Này thiện nam tử ! Tuy tu tập tất cả Khế kinh, các định nhưng thậm chí chưa nghe Đại bát Niết Bàn thì đều nói rằng, tất cả đều là vô thường. Nghe Kinh này rồi, tuy có phiền não mà như không phiền não, liền có thể lợi ích cho tất cả người, trời. Vì sao vậy? Vì hiểu rõ thân mình có Phật tính. Đó gọi là Thường. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như cây Am La, hoa cây ấy mới nở thì gọi là vô thường tướng, nếu thành quả trái nhiều sự lợi ích thì mới gọi là thường. Như vậy, này thiện nam tử ! Tuy tu học tất cả Khế kinh, các định nhưng khi chưa nghe Đại Niết Bàn như vậy thì đều nói rằng, tất cả đều là vô thường. Nghe kinh này rồi, tuy có phiền não nhưng như không phiền não, liền có thể lợi ích cho tất cả người, trời. Vì sao vậy? Vì hiểu rõ tự thân có Phật tính. Đó gọi là Thường - Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như quặng vàng khi tiêu chảy ra là tướng vô thường. Tiêu chảy ra rồi thì thành vàng, nhiều sự lợi ích mới gọi là Thường. Như vậy, này thiện nam tử ! Tuy tu học tất cả Khế kinh, các định nhưng khi chưa nghe Đại Niết Bàn như vậy thì đều nói rằng, tất cả đều là vô thường. Nghe Kinh này rồi, tuy có phiền não nhưng như không phiền não, liền có thể lợi ích cho tất cả trời, người. Vì sao vậy? Vì hiểu rõ tự thân có Phật tính vậy. Đó gọi là Thường. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như hạt mè khi chưa bị ép thì gọi là vô thường. Khi đã ép thành dầu, có nhiều lợi ích thì mới gọi là Thường. Này thiện nam tử ! Tuy tu học tất cả Khế kinh, các định nhưng khi chưa nghe Đại Niết Bàn như vậy thì đều nói rằng, tất cả đều là vô thường. Nghe Kinh này rồi, tuy có phiền não nhưng như không phiền não, liền có thể lợi ích cho tất cả trời, người. Vì sao vậy? Vì hiểu rõ thân mình có Phật tính vậy. Đó gọi là Thường. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như mọi dòng nước đều về với biển, tất cả khế kinh, các định tam muội đều về với kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn. Vì sao vậy? Vì rốt ráo giới nói có Phật tính. Này thiện nam tử ! Vậy nên ta nói rằng, Pháp khác là thường, pháp khác là vô thường... cho đến Vô ngã cũng lại như vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như Lai đã lìa khỏi tên độc ưu bi. Ưu bi thì gọi là trời mà Như Lai chẳng phải là trời. Ưu bi thì gọi là người mà Như Lai chẳng phải là người. Ưu bi là gọi người của hai mươi lăm cõi hữu mà Như Lai chẳng phải là người của hai mươi lăm cõi hữu. vậy nên Như Lai không

có ưu bi mà vì sao xưng rằng, Như Lai ưu bi? Đây thiện nam tử ! Trời Vô tướng thì gọi là vô tướng. Nếu vô tướng thì không thọ mạng. Nếu không thọ mạng thì làm sao mà có âm, giới, các nhập. Do ý nghĩa này nên trời Vô tướng thọ (sống lâu) chẳng thể nói rằng, có chỗ sở trụ. Đây thiện nam tử ! Ví như vị thần cây nương vào cây mà trụ, chẳng được nói nhất định rằng, nương cành, nương đốt, nương thân, nương lá. Tuy không định được chỗ nương nhưng chẳng được nói rằng không. Thọ của trời Vô tướng cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Phật pháp cũng vậy, thậm thâm khó giải. Như Lai thật không ưu bi khổ não mà đối với chúng sinh khởi lên Đại Từ Bi, thị hiện có ưu bi nhìn các chúng sinh như La Hầu La. Lại nữa, đây thiện nam tử ! Sở hữu thọ mạng trong trời Vô tướng chỉ có Phật có thể biết, chẳng phải có ai khác bì kịp ! Cho đến Phi Tướng Phi Tướng Xứ cũng lại như vậy. Đây Ca Diếp ! Tính của Như Lai thanh tịnh, vô nhiễm giống như hóa thân. Sao gọi là phải có ưu bi khổ não? Nếu nói rằng, Như Lai có ưu bi khổ não thì làm sao có thể lợi cho tất cả chúng sinh, hoằng hóa Phật pháp rộng? Nếu nói rằng, không thì làm sao mà nói rằng bình đẳng nhìn chúng sinh như La Hầu La. Nếu chẳng bình đẳng nhìn chúng sinh như La Hầu La thì lời nói như vậy là hư vọng. Do ý nghĩa này nên, đây thiện nam tử ! Phật chẳng thể nghĩ bàn ! Pháp chẳng thể nghĩ bàn ! Phật tính của chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn ! Thọ của trời Vô tướng chẳng thể nghĩ bàn ! Như Lai có ưu và cả không ưu là cảnh giới của Phật, chẳng phải là điều hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Đây thiện nam tử ! Ví như nhà cửa, vì trần chẳng thể trụ đứng trong hư không. Nhưng nếu nói rằng, nhà cửa chẳng nhân vào hư không mà trụ thì không có điều đó. Do ý nghĩa này nên chẳng thể nói nhà cửa trụ ở hư không hay chẳng trụ ở hư không. Người phàm phu tuy lại nói rằng, nhà cửa trụ ở hư không, nhưng mà hư không đó thật không sở trụ. Vì sao vậy? Vì tính không trụ vậy. Đây thiện nam tử ! Tâm cũng như vậy, chẳng thể nói rằng, trụ ở âm, giới, nhập và cả chẳng trụ nữa. Thọ của trời Vô Tướng cũng lại như vậy. Ưu bi của Như Lai cũng lại như vậy. Nếu Phật không ưu bi thì sao nói rằng bình đẳng nhìn chúng sinh như La Hầu La? Nếu nói rằng, có ưu bi thì sao lại nói rằng, tính đồng hư không? Đây thiện nam tử ! Ví như nhà huyền thuật tuy hóa làm đủ thứ cung điện, sát sinh, nuôi lớn, trói buộc, buông bỏ và hóa làm vàng, bạc, lưu ly... vật báu, rừng rậm, cây cối... nhưng đều không thật tính. Như Lai cũng vậy, thuận theo thế gian, thị hiện ưu bi nhưng không có chân thật. Đây thiện nam tử ! Như Lai đã vào Đại Bát Niết Bàn rồi thì sao phải có ưu bi khổ não? Nếu cho là Như Lai vào với Niết Bàn là vô thường thì ông phải biết người đó có ưu bi. Nếu cho là Như Lai chẳng vào Niết Bàn, thường trụ bất biến thì ông phải biết người đó không có ưu bi. Như Lai có ưu bi và cả không ưu bi thì không ai có thể biết được.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như người thấp có thể biết pháp thấp, chẳng biết pháp trung và pháp trên. Người trung thì biết pháp trung, chẳng biết đến pháp thượng. Người trên (thượng) thì biết pháp Thượng và biết pháp trung, pháp dưới. Thanh Văn, Duyên Giác cũng lại như vậy, biết ngang tầm địa vị của mình. Như Lai chẳng vậy, biết hết tầm địa vị của mình và cả tầm địa vị người khác. Vậy nên Như Lai gọi là Vô Ngại Trí, thị hiện huyền hóa thuận theo thế gian, phàm phu mắt thịt cho đó là chân thật mà muốn tận biết trí Vô thượng vô ngại của Như Lai thì không có điều này. Có ưu bi hay không ưu bi thì chỉ có Phật mới có thể biết. Do nhân duyên này nên pháp khác có ngã, pháp khác không ngã. Đó gọi là tính của Uyên ương và Ca Lân Đề. Lại nữa, này thiện nam tử ! Phật pháp giống như chim Uyên ương đi chung. Chim Ca lân đề và chim Uyên ương, nước và mùa hạ đầy tràn lênh láng, chúng chọn lựa chỗ cao cho con mình ở yên ổn mà nuôi dưỡng. Rồi nhiên hậu tùy theo sự yên ổn căn bản mà nó bay đi kiếm ăn. Như Lai ra đời cũng lại như vậy, hóa độ vô lượng chúng sinh khiến cho họ trụ ở Chánh pháp như chim Uyên ương và chim Ca lân đề khi chọn lựa vùng cao để an trí con của mình. Như Lai cũng vậy, khiến cho các chúng sinh... việc làm đã hoàn thành, liền vào với Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam tử ! Đó gọi là pháp khác là khổ, pháp khác là vui, các hành là khổ, Niết Bàn là vui, là đệ nhất vi diệu phá hoại các hành vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Sao gọi là chúng sinh được Niết Bàn thì gọi là Đệ nhất lạc?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Như lời nói của ta, các hành hòa hợp gọi là lão tử.

Cần thận không buông lung Ø Chỗ đó là cam lộ

Chẳng cần thận, buông lung Đó gọi là câu chết (tử cú)

Nếu người chẳng buông lung Thì được chỗ bất tử.

Như người ấy buông lung Thường đi vào tử lộ (đường chết).

Nếu buông lung thì gọi là pháp hữu vi. Pháp hữu vi này là đệ nhất khổ. Chẳng buông lung thì gọi là Niết Bàn. Niết Bàn đó thì gọi là cam lộ đệ nhất

lạc. Nếu đi theo các hành thì đó gọi là chỗ chết, thọ đệ nhất khổ. Nếu đến Niết Bàn thì gọi là bất tử, thọ tối diệu lạc. Nếu chẳng buông lung thì tuy tập (qua) các hành nhưng đó cũng gọi là thường lạc, chẳng chết, chẳng phá hoại thân. Sao gọi là buông lung? Sao gọi là chẳng buông lung? Chẳng phải Thánh, phàm phu thì gọi phóng dật, pháp thường tử (thường chết). Thánh nhân xuất thế thì chẳng buông lung, không có già chết. Vì sao vậy? Vì vào đến Đệ nhất thường lạc Niết Bàn. Do ý nghĩa này nên pháp khác là khổ, pháp khác là vui, pháp khác là ngã, pháp khác là Vô ngã. Như người ở tại đất ngược xem hư không, chẳng thấy dấu vết loài chim. Đây thiện nam tử! Chúng sinh cũng vậy, không có thiên nhãn, ở trong phiền não mà chẳng tự thấy có Như Lai tính. Vậy nên ta nói Vô ngã mật giáo. Sở dĩ vì sao? Vì không thiên nhãn thì chẳng biết Chân ngã mà ngang ngược cho là Ngã. Nhân vào các phiền não đã tạo tác hữu vi tức là vô thường. Vậy nên ta nói rằng, pháp khác là thường, pháp khác là vô thường.

Người tinh tấn dừng kiên Ø Như ở đỉnh núi cao

Đất bằng và đồng trống Thường thấy phàm phu vào

Lên điện Đại Trí Tuệ Đài Vô thượng nhiệm mầu

Đã tự trừ ưu hoạn Cũng thấy chúng sinh ưu.

Như Lai đoạn hết vô lượng phiền não, trụ ở núi trí tuệ, thấy các chúng sinh luôn ở trong vô lượng ức phiền não.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời nói của kệ thì nghĩa đó chẳng vậy. Vì sao vậy? Vì vào Niết Bàn thì không lo, không mừng. Sao gọi là được thăng lên đài điện trí tuệ? Sao lại phải trụ tại đỉnh núi mà thấy chúng sinh?

Đức Phật dạy rằng :

- Đây thiện nam tử ! Điện trí tuệ tức là Niết Bàn. Không ưu hoạn là gọi Như Lai. Có ưu hoạn là gọi người phàm phu. Vì phàm phu ưu hoạn nên Như Lai không ưu hoạn. Đỉnh núi Tu Di là gọi Chánh Giải thoát. Siêng tinh tấn là ví cho núi Tu Di không có chuyển động. Đất là gọi hành hữu vi vậy. Những phàm phu này an trụ ở đất đó mà tạo tác các hành. Người trí tuệ ấy thì gọi là Chánh giác. Lìa khỏi “hữu”, thường trụ nên gọi là Như Lai. Như Lai thương

xót nghĩ đến vô lượng chúng sinh thường bị trúng tên độc của các hữu. Vậy nên gọi là Như Lai có ưu bi.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Nếu giả sử Như Lai có ưu bi thì chẳng được xưng là Đẳng Chánh Giác !

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Đều có nhân duyên ! Tùy theo chỗ có chúng sinh ưng thọ giáo mà Như Lai ở trong đó thị hiện thọ sinh. Tuy hiện thọ sinh mà thật ra không sinh. Vậy nên Như Lai gọi là Pháp Thường Trụ như chim Ca lân đề và chim Uyên ương.v.v....

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ tám hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 9

PHẨM NGUYỆT DỤ

PHẦN XV

Đức Phật bảo rằng :

- Nay Ca Diếp ! Ví như có người thấy trăng chẳng hiện thì nói rằng, trăng lặn mất, mà tác khởi tư tưởng mất. Nhưng tính trăng này thật ra không lặn mất mà chuyển đi hiện ở địa phương khác. Chúng sinh ở nơi trăng hiện đến kia lại gọi là trăng mọc ra mà tính của trăng này thật không có mọc ra. Vì sao vậy? Vì do núi Tu Di ngăn chận nên chẳng hiện. Trăng ấy, tính thường sinh (thường còn mãi) không có mọc ra hay lặn mất. Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cũng lại như vậy, xuất hiện ở ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc ở cõi Diêm phù đề thị hiện có cha mẹ mà chúng sinh đều gọi là sinh ở

cõi Diêm phù đề. Hoặc ở cõi Diêm phù đề thị hiện Niết Bàn mà tính Như Lai thật ra không có Niết Bàn, nhưng các chúng sinh đều gọi là Như Lai thật sự Bát Niết Bàn ví như vàng trắng lẫn mất. Nay thiện nam tử ! Tính của Như Lai thật không sinh diệt nhưng vì hóa độ chúng sinh nên thị hiện có sinh diệt. Nay thiện nam tử ! Như ở đây trăng tròn đầy mà phương khác thấy một nửa, ở đây trăng một nửa mà phương khác thấy tròn đầy. Người cõi Diêm phù đề nếu thấy trăng xuất hiện đầu tiên thì đều gọi là ngày một, khởi lên ý tưởng đầu tháng. Nếu họ thấy trăng tròn đầy thì đều gọi là ngày mười lăm, sinh ra ý thịnh mãn mà thật ra tính của trăng này thật không có vơi, đầy mà nhân núi Tu Di có tăng, giảm. Nay thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, ở cõi Diêm phù đề, hoặc hiện mới sinh, hoặc hiện Niết Bàn. Khi hiện thai sinh thì giống như trăng non đầu tháng, tất cả đều gọi là đồng tử. Mới sinh đi bảy bước như trăng ngày hai. Hoặc lại thị hiện vào thư đường thì như trăng ngày ba, thị hiện xuất gia như trăng ngày tám. Phóng ra ánh sáng đại trí tuệ vi diệu có thể phá ma chướng của vô lượng chúng sinh như trăng tròn đầy của ngày mười lăm. Hoặc lại thị hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm mà hiện Niết Bàn thì ví như nguyệt thực. Như vậy sự nhìn thấy của chúng sinh chẳng đồng, hoặc thấy trăng một nửa, hoặc thấy trăng tròn, hoặc thấy nguyệt thực... mà tính trăng này thật không tăng, giảm, xâm thực... luôn luôn là trăng tròn đầy. Thân Như Lai cũng lại như vậy. Vậy nên gọi là thường trụ bất biến. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Ví như trăng tròn đầy thì tất cả đều hiện. Ở tại khắp nơi nơi, thành ấp, tụ lạc, núi đằm, trong nước, hoặc giếng, hoặc ao và những đồ đựng nước... tất cả đều hiện. Có các chúng sinh đi một trăm do tuần, trăm ngàn do tuần, thấy trăng luôn đi theo. Người phạm phu ngu si phát sinh nhớ tưởng rằng : “Ta vốn ở nhà tại thành ấp, thấy trăng như vậy. Nay lại ở đằm trũng này thấy trăng đó. Đó là trăng cũ hay là khác với trăng cũ”. Họ đều tác khởi ý niệm này : hình dạng trăng lớn, nhỏ. Hoặc nói rằng, như miếng vàng; hoặc nói rằng, như bánh xe, hoặc nói rằng, bằng bốn mươi chín do tuần. Tất cả đều thấy ánh sáng của trăng, hoặc thấy tròn tựa giống như cái mâm vàng... Tính của trăng đó là một mà đủ loại chúng sinh đều thấy hình tướng khác. Nay thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, xuất hiện ở đời, hoặc có người, trời mà tác khởi ý niệm này : “Như Lai nay trụ ở trước ta”. Lại có súc sinh cũng sinh ra ý niệm này : “Đức Như Lai nay trụ ở trước ta”. Hoặc có người cầm điếu cũng thấy Như Lai có tướng cầm điếu. Chúng sinh đủ loại, ngôn ngữ đều khác mà đều cho là Như Lai đồng ngôn ngữ với mình, cũng đều sinh ra ý niệm ở tại nhà cửa của mình, nhận sự cúng dường của mình. Hoặc có chúng sinh thấy thân Như Lai rộng lớn không lường, hoặc thấy nhỏ xíu. Hoặc có người thấy Phật là hình dáng Thanh Văn. Hoặc lại có người thấy là hình dáng Duyên Giác. Có những ngoại đạo lại đều nghĩ rằng : “Đức Như Lai nay ở trong pháp của ta xuất gia

học đạo”. Hoặc có chúng sinh lại nghĩ rằng : “Đức Như Lai nay riêng vì một mình ta nên xuất hiện ở đời”. Thật tính của Như Lai ví như vàng trắng kia, tức là pháp thân, là thân vô sinh. Thân phương tiện thuận theo với đời mà thị hiện vô lượng nhân duyên nghiệp xưa ! Ở tại khắp nơi nơi Như Lai thị hiện có sinh giống như vàng trắng kia. Do ý nghĩa này nên Như Lai thường trụ không có biến dị. Lại nữa, này thiện nam tử ! Như vua A tu la La Hầu La dùng tay ngăn che mặt trăng mà những người thế gian đều gọi là nguyệt thực. Vua A tu la thật ra chẳng thể ăn mặt trăng mà vua A tu la chỉ ngăn che ánh sáng của vàng trắng ấy nên vàng trắng này vẫn tròn trịa không có khuyết tổn. Chỉ dùng tay ngăn nên khiến cho biến mất, nếu khi vén tay lên thì thế gian đều gọi là trăng lại sinh trở lại, đều nói rằng, trăng đó chịu nhiều khổ não. Nhưng giả sử có hàng trăm ngàn vua A tu la cũng chẳng thể nào hại được trăng đó. Như Lai cũng vậy, thị hiện có chúng sinh đối với Như Lai, đã sinh lòng thô ác, làm chảy máu thân Phật, khởi lên tội ngũ nghịch... cho đến Nhất xiển đề. Vì chúng sinh đời vị lai nên thị hiện sự phá hoại Tăng, đoạn diệt pháp như vậy mà tạo tác nạn để lại. Giả sử vô lượng trăm ngàn những ma chẳng thể lần lượt làm chảy máu thân đức Như Lai. Sở dĩ vì sao? Vì thân Như Lai không có máu thịt, gân, mạch, xương, tủy... Như Lai chân thật không có não hoại. Chúng sinh đều cho là Pháp, Tăng hủy hoại, Như Lai diệt tận mà tính Như Lai chân thật, không biến dị, không có phá hoại. Như Lai thuận theo thế gian mà thị hiện như vậy thôi. Lại nữa, này thiện nam tử ! Như hai người đánh nhau. Hoặc dùng dao, gậy đá thương thân chảy máu, tuy đến chết nhưng chẳng khởi lên tư tưởng sát hại. Nghiệp tướng như vậy nhẹ mà chẳng nặng vì ở chỗ Như Lai vốn không có lòng sát hại. Tuy thân chảy máu nhưng nghiệp đó cũng vậy, nhẹ và chẳng nặng. Như Lai như vậy, vào đời vị lai, vì hóa độ chúng sinh nên thị hiện nghiệp báo. Lại nữa, này thiện nam tử! Giống như vị lương y siêng dạy bảo con mình về căn bản của y phương : “Đây là thuốc rễ, đây là thuốc thân (thân thảo dược), đây là thuốc hình sắc... đủ thứ tướng mạo của thuốc. Con phải giỏi biết !” Người con ấy kính vâng sự dạy bảo của cha, tinh cần học tập, giỏi lý giải các thứ thuốc. Thời gian sau vị lương y đó thọ tận mạng chung, người con ấy gào khóc luyến mộ mà nói lên rằng : “Cha vốn dạy con, thuốc rễ như vậy, thuốc thân như vậy, thuốc hoa như vậy, sắc tướng như vậy...” Như Lai cũng vậy, vì hóa độ chúng sinh, thị hiện chế ra giới luật : cần phải như vậy mà thọ trì chớ phạm phải tội ngũ nghịch, bài báng chính pháp đưa đến Nhất xiển đề”. Vì đời vị lai sẽ khởi lên những việc đó nên ta thị hiện ra. Muốn khiến cho Tỳ kheo, sau khi Phật diệt độ nên tạo ra sự hiểu biết như vậy. Đây là nghĩa thâm thâm của Khế kinh. Đây là tướng khinh, trọng của giới luật. Đây là pháp cú phân biệt A Tỳ Đàm... giống như con của vị lương y kia.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Như người thấy trăng sáu tháng một lần nguyệt thực mà trên chư thiên thì trong giây lát đã thấy nguyệt thực. Vì sao vậy? Vì ngày của trời kia dài, của nhân gian ngắn. Này thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, trời người đều cho là Như Lai thọ mạng ngắn như người trời kia trong giây lát đều thấy nguyệt thực. Như Lai lại ở trong giây lát, thị hiện trăm ngàn vạn ức lần Niết Bàn, đoạn trừ ma phiền não, ma ám, ma chết. Vậy nên trăm ngàn vạn ức thiên ma đều biết Như Lai vào Bát Niết Bàn. Lại nữa, Như Lai thị hiện vô lượng trăm ngàn nhân duyên nghiệp đời trước, thuận theo đủ tính của thế gian. Như Lai đã thị hiện vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Vậy nên Như Lai thường trụ không biến dị. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như trăng sáng chúng sinh ưa nhìn thấy (Lạc Kiến). Vậy nên xưng hiệu của trăng là Lạc Kiến. Chúng sinh nếu có tham dục sân nhuế, ngu si thì chẳng được xưng là Lạc Kiến. Như Lai, như vậy tính ấy thuần thiện, thanh tịnh, không cấu bần, là rất có thể xưng là Lạc Kiến. Chúng sinh ưa pháp nhìn Như Lai không chán còn người ác tâm chẳng vui lòng nhìn ngắm. Do ý nghĩa đó nên nói rằng, Như Lai ví như trăng sáng. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như mặt trời mọc có ba thời điểm khác. Đó là mùa xuân, mùa hạ và mùa đông. Ngày mùa đông thì ngắn, ngày mùa xuân thì trung bình còn ngày mùa hạ thì rất dài. Như Lai cũng vậy, đối với ba ngàn đại thiên thế giới này là thọ mạng ngắn ngủi và vì các Thanh Văn thị hiện thọ mạng ngắn ngủi. Những người ấy thấy thế rồi đều cho là thọ mạng của Như Lai ngắn ngủi ví như ngày mùa Đông. Phật vì các vị Bồ tát thị hiện thọ mạng trung bình, hoặc đến một kiếp hay bớt một kiếp ví như ngày của mùa Xuân. Chỉ có Phật nhìn thấy thọ mạng ấy của Phật là vô lượng, ví như ngày của mùa Hạ. Này thiện nam tử ! Lời nói của Như Lai, giáo pháp Phương Đẳng Đại Thừa vi mật, thị hiện ở thế gian, mưa xuống đại pháp vũ... Vào đời vị lai, nếu có người có thể hộ trì Kinh điển đó mà khai thị, phân biệt, lợi ích cho chúng sinh thì phải biết hạng người đó là những Bồ tát chân thật ví như lúc thịnh hạ, trời tuông mưa cam lộ. Nếu có người Thanh Văn, Duyên Giác nghe giáo lý vi mật của Phật Như Lai thì ví ngày mùa Đông gặp nhiều lạnh lẽo. Người Bồ tát, nếu nghe lời dạy bảo vi mật, Như Lai thường trụ, tính không biến dị như vậy thì ví như ngày mùa Xuân, mầm chồi nảy nở. Nhưng mà tính Như Lai thật sự không có dài, ngắn, vì thế gian nên thị hiện như vậy thôi. Đó tức là pháp tính chân thật của các đức Phật. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như mọi vì sao, ban ngày thì chẳng hiện mà mọi người đều cho là ban ngày sao diệt mất nhưng kỳ thật chẳng mất mà sở dĩ chẳng hiện là vì ánh sáng mặt trời làm lòa đi. Như Lai cũng vậy, Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể được thấy, giống như người đời chẳng thấy sao vào ban ngày. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như trong bóng tối mặt trời, mặt trăng biến mất. Người ngu nói rằng, mặt trời, mặt trăng mất tiêu, mà thật ra mặt trời, mặt trăng đó không mất tiêu.

Khi Chánh pháp của Như Lai diệt tận, Tam Bảo biến mất cũng lại như vậy, chẳng phải diệt mất vĩnh viễn. Vậy nên phải biết là Như Lai thường trụ, không có biến dị. Vì sao vậy? Vì chân tính của Tam Bảo chẳng bị sự ô nhiễm của những cấu bản.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như đêm không trăng, sao Tuệ xuất hiện. Ánh sáng sao ấy sáng chói, xuất hiện chốc lát lại biến mất. Chúng sinh thấy sao ấy rồi sinh ra tư tưởng chẳng tốt lành. Các Bích Chi Phật cũng lại như vậy, xuất hiện ở đời không Phật, chúng sinh thấy rồi đều cho là Như Lai chân thật. Sau khi những vị ấy diệt họ đều sinh tư tưởng ưu bi mà thân Như Lai thật chẳng diệt độ như mặt trời, mặt trăng kia không có diệt mất.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như mặt trời mọc thì mọi sương mù đều tan. Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này cũng lại như vậy, xuất hiện ở đời, nếu có chúng sinh một lần nghe Kinh rồi thì có thể diệt trừ hết tất cả những tội nghiệp ác vô gián. Cảnh giới thậm thâm Đại Niết Bàn đó chẳng thể nghĩ bàn, khéo nói tính vi mật của Như Lai. Do ý nghĩa đó nên các thiện nam tử, thiện nữ nhân.v.v... nên đối với Như Lai sinh tâm thương trụ, không có biến dị, Chánh pháp chẳng đoạn, tăng bảo chẳng diệt. Vậy nên cần phải tu nhiều phương tiện, siêng học Kinh điển đó thì người này chẳng bao lâu sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên Kinh này gọi là sự thành tựu của vô lượng công đức, cũng gọi là Bồ Đề chẳng thể cùng tận. Do chẳng cùng tận nên được xưng là Đại Bát Niết Bàn; có ánh sáng thiện nên giống như ngày mùa hạ; thân vô biên nên gọi là Đại Niết Bàn.

--- o0o ---

PHẨM BỒ TÁT

PHẦN XVI:

Lại nữa, này thiện nam tử ! Như trong ánh sáng thì ánh sáng mặt trời, mặt trăng là trên hết, tất cả những ánh sáng đã chẳng thể bì kịp. Ánh sáng Đại Niết Bàn cũng lại như vậy, đối với ánh sáng của các Khế kinh, tam muội, là tối thù thắng, ánh sáng sở hữu của các Kinh, tam muội đã chẳng thể bì kịp. Vì sao vậy? Vì ánh sáng của Đại Niết Bàn có thể vào những lỗ chân lông của chúng sinh. Chúng sinh tuy không có tâm Bồ Đề mà có thể vì họ tạo tác nhân duyên Bồ Đề. Vậy nên lại gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như đức Phật đã nói, ánh sáng Đại Niết Bàn vào với lỗ chân lông của tất cả chúng sinh, chúng sinh tuy không có tâm Bồ Đề mà có thể vì họ tạo tác nhân Bồ Đề, thì ý nghĩa này chẳng vậy. Vì sao vậy? Thưa đức Thế Tôn ! Vì người phạm bốn trọng cấm, làm ngũ nghịch tội và Nhất xiển đề mà ánh sáng vào thân, tạo nhân Bồ Đề thì bọn như vậy cùng với người trì tịnh giới, tu tập các thiện có gì sai khác? Nếu không sai khác thì đức Như Lai có sao nói ý nghĩa của bốn y (nuơng)? Thưa đức Thế Tôn ! Lại như đức Phật nói rằng, nếu có chúng sinh nghe Đại Niết Bàn, chỉ một lần Kinh đến tai thôi thì được đoạn trừ các phiền não thì sao ở trên đức Như Lai lại nói, có người ở chỗ hằng hà sa số Phật phát tâm Bồ Đề mà nghe Đại Niết Bàn chẳng lý giải được nghĩa của Kinh ấy. Nếu chẳng giải được nghĩa thì làm sao có thể đoạn tất cả phiền não?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Trừ Nhất xiển đề, kỳ dư chúng sinh nghe Kinh này rồi thì đều có thể tạo tác nhân duyên Bồ Đề, ánh sáng của âm thanh pháp vào lỗ chân lông thì nhất định sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao vậy? Vì nếu có người có thể cúng dường cung kính vô lượng chư Phật thì mới được nghe Kinh Đại Niết Bàn, còn người bạc phước thì chẳng được nghe. Sở dĩ vì sao? Vì người đức lớn mới có thể được nghe việc lớn như vậy, còn hạng phàm phu hạ liệt thì chẳng được nghe. Cái gì là lớn? Là thâm mật tạng của chư Phật, là Như Lai tính đó ! Do ý nghĩa này nên gọi là việc lớn !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Sao gọi là người chưa phát tâm Bồ Đề mà được nhân Bồ Đề?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Nếu có người nghe Kinh Đại Niết Bàn này mà nói rằng, ta chẳng cần phát tâm Bồ Đề, bài báng Chánh pháp thì người đó liền ở trong mơ, thấy hình dáng La sát, trong lòng kinh sợ. La sát nói rằng : “Hừ ! Nay thiện nam tử ! Ông nay nếu chẳng phát tâm Bồ Đề thì ta sẽ giết ngươi”. Người đó kinh hoàng thức dậy, liền phát tâm Bồ Đề. Người đó sau khi mạng chung, nếu

sinh tại ba đường và tại cõi người, trời lại tiếp tục nhớ nghĩ tâm Bồ Đề thì phải biết người này là Đại Bồ tát Mahatát vậy. Do ý nghĩa đó nên sức uy thần của Đại Niết Bàn này có thể khiến cho người chưa phát tâm Bồ Đề tạo tác nhân Bồ Đề. Đây thiện nam tử ! Đó gọi là Nhân duyên Bồ Đề phát tâm, chẳng phải không nhân duyên. Do ý nghĩa đó nên Đại Thừa Diệu Điển là lời nói chân thật của Phật. Lại nữa, đây thiện nam tử ! Ví như trong hư không khởi lên mây mưa lớn trút xuống đại địa, cây khô, núi đá, vùng cao, gò đồng... thì nước mưa chẳng trụ lại được mà tuông chảy vào ruộng thấp, vũng, ao... tràn đầy, lợi ích không lường cho tất cả chúng sinh. Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này cũng lại như vậy, mưa xuống mưa pháp lớn thấm nhuần khắp chúng sinh. Chỉ Nhất xiển đề mà phát tâm Bồ Đề thì không có điều này. Lại nữa, đây thiện nam tử ! Ví như hạt giống cháy, tuy gặp mưa ngọt hàng trăm ngàn vạn kiếp nhưng nhất định chẳng nảy mầm. Mầm nếu mọc ra thì không có điều đó. Bọn Nhất xiển đề cũng lại như vậy, tuy nghe Kinh điển Đại Bát Niết Bàn vi diệu như vậy, nhưng nhất định chẳng thể phát tâm Bồ Đề, nếu có thể phát thì không có điều đó. Vì sao vậy? Vì người đó đoạn diệt tất cả thiện căn như hạt giống cháy kia nên chẳng thể lại nảy sinh mầm rễ Bồ Đề. Lại nữa, đây thiện nam tử ! Ví như viên ngọc sáng đặt trong nước đục. Do uy đức của ngọc nên nước liền lắng trong. Nếu ném vào đó bùn ú thì chẳng thể làm cho trong được. Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này cũng lại như vậy, đặt những chúng sinh phạm năm tội vô gián, bốn pháp trọng cấm khác vào trong nước đục còn có thể lắng trong, phát tâm Bồ Đề. Ném vào trong đó bùn ú Nhất xiển đề thì trăm ngàn vạn năm cũng chẳng thể khiến cho lắng trong, dấy khởi tâm Bồ Đề được. Vì sao vậy? Vì Nhất xiển đề đó đoạn diệt các thiện căn, chẳng phải Bồ Đề khí vậy. Giả sử người đó đã hàng trăm ngàn vạn năm thính thọ Kinh Đại Niết Bàn như vậy cũng nhất định chẳng thể phát tâm Bồ Đề. Sở dĩ vì sao? Vì không có thiện tâm vậy.

Lại nữa, đây thiện nam tử ! Ví như cây thuốc tên là Dược Vương, ở trong các thuốc, nó là tối thù thắng. Nếu hòa nó với cao sữa, hoặc mật, hoặc váng sữa, hoặc nước lã, hoặc nước uống, hoặc làm thành bột, hoặc thành hoàn, rồi hoặc dùng bôi vết thương, xông hơi thân thể, tra vào mắt, hoặc nhìn thấy thuốc hay ngửi mùi thuốc... có thể diệt tất cả mọi thứ bệnh của chúng sinh. Cây thuốc như vậy chẳng tác khởi ý niệm này : “Tất cả chúng sinh hoặc lấy rễ ta, chẳng nên lấy lá, hoặc lấy lá thì chẳng nên lấy rễ, hoặc lấy thân thì chẳng nên lấy vỏ, hoặc lấy vỏ thì chẳng nên lấy thân”. Cây đó tuy lại chẳng sinh ý niệm đó nhưng mà có thể trừ diệt tất cả bệnh khổ. Đây thiện nam tử ! Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này cũng lại như vậy, có thể trừ ác nghiệp, bốn Ba-la-di, năm tội vô gián của tất cả chúng sinh và các ác sở hữu hoặc ở bên trong hay bên ngoài. Những người chưa phát tâm Bồ Đề thì nhân đó

được phát tâm Bồ Đề. Vì sao vậy? Vì diệu Kinh điển này là vua trong các Kinh như cây thuốc kia là vua trong các thuốc. Nếu có người tu tập Kinh Đại Niết Bàn này và người chẳng tu, hoặc chỉ nghe có danh tự của Kinh điển đó thôi mà nghe rồi kính tín thì tất cả trọng bệnh phiền não sở hữu đều trừ diệt hết. Nhưng chỉ chẳng thể khiến cho bọn Nhất xiển đề an trụ ở Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như cây diệu dược kia tuy có thể trị khỏi đủ thứ trọng bệnh nhưng mà chẳng thể trị được người nhất định chết. Lại nữa, này thiện nam tử ! Như người tay bị thương cầm nắm thuốc độc thì độc sẽ theo vào, nếu người không bị thương thì độc chẳng vào. Bọn Nhất xiển đề cũng lại như vậy, không có nhân Bồ Đề như không có vết thương thì độc chẳng được vào. Cái gọi là vết thương tức là nhân duyên của Bồ Đề vô thượng. Độc tức là đệ nhất diệu lạc. Toàn vẹn không vết thương thì gọi là Nhất xiển đề. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như Kim cương không gì có thể hủy hoại mà có thể phá hoại tất cả mọi vật, chỉ trừ mai rùa và sừng dê trắng. Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này cũng lại như vậy, đều có thể dùng yên vô lượng chúng sinh ở đạo Bồ Đề, chỉ chẳng thể khiến cho bọn Nhất xiển đề kiến lập nhân Bồ Đề. Lại nữa, này thiện nam tử ! Như cỏ rặng ngựa, cây Ta-la-xí, cây Ni-ca-la tuy chặt cành thân nhưng vẫn tiếp tục sinh ra như cũ, chẳng như cây Đa-la, chặt rồi, chẳng sinh ra nữa. Những chúng sinh đó cũng lại như vậy, nếu được nghe Kinh Đại Niết Bàn này, tuy phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián nhưng còn có thể sinh nhân duyên Bồ Đề. Bọn Nhất xiển đề thì chẳng như vậy, tuy được thính thọ Kinh điển vi diệu này nhưng mà chẳng thể sinh ra nhân Bồ Đề đạo.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Như cây Khư đà la, cây Trán đầu ca bị chặt rồi, chẳng sinh ra nữa. Bọn Nhất xiển đề cũng lại như vậy, tuy được nghe Kinh Đại Niết Bàn này nhưng mà chẳng thể phát khởi nhân duyên Bồ Đề. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như mưa lớn nhất định chẳng trụ ở hư không. Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này cũng lại như vậy, mưa pháp vũ khắp nơi, nhưng đối với Nhất xiển đề thì chẳng thể trụ được. Nhất xiển đề này khắp thân thể kín mít giống như Kim Cương, chẳng dung nạp ngoại vật.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như đức Phật đã nói kệ :

Chẳng thấy, thiện chẳng làm ØChỉ thấy ác đáng làm

Chỗ này đáng kinh sợ Như đường ác nguy nan.

Thưa đức Thế Tôn ! Lời nói như vậy có những nghĩa gì?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Chẳng thấy nghĩa là chẳng thấy Phật tính. Thiện tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chẳng làm là nói lên việc chẳng thể gần gũi bạn lành. Chỉ thấy là thấy không nhân quả. Ác là gọi sự bài báng Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Đáng làm là gọi Nhất xiển đề nói không có Phương Đẳng. Do ý nghĩa này nên bọn Nhất xiển đề vô tâm hướng đến thiện pháp thanh tịnh. Cái gì là thiện pháp? Đó là Niết Bàn vậy. Hướng đến Niết Bàn là gọi sự có thể tu tập hạnh hiền thiện mà Nhất xiển đề không có hạnh hiền thiện. Vậy nên chẳng thể hướng đến Niết Bàn. Chỗ này đáng sợ là gọi sự bài báng Chánh pháp. Ai nên kính sợ? Đó là bậc trí giả. Vì sao vậy? Vì người bài báng pháp thì không có lòng thiện và phương tiện. Đường ác nguy hiểm là gọi các hành vậy.

Ngài Ca Diếp nói rằng :

- Như đức Phật đã nói thì :

Sao gọi thấy sở tác? Sao gọi được pháp lành?

Chỗ nào chẳng bố úy? Như đường vua phẳng bằng?

Những nghĩa này là sao?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Thấy sở tác là phát lộ các ác. Từ cõi sinh tử những việc ác đã làm đều phát lộ ra hết, cho đến không chỗ đến. Do ý nghĩa đó nên gọi là chỗ không sợ. Ví như con đường du hành chính của vua người. Trong đường ấy, đao tặc đều chạy trốn hết. Phát lộ như vậy thì tất cả các ác đều diệt hết, không còn. Lại nữa, chẳng thấy sở tác là gọi sự tạo tác mọi ác mà chẳng tự thấy của Nhất xiển đề, là lòng kiêu mạn của Nhất xiển đề. Tuy làm nhiều điều ác nhưng ở trong việc đó, Nhất xiển đề không kính sợ. Do ý nghĩa đó nên chẳng được Niết Bàn ví như con vượn bắt vàng trắng trong nước. Này thiện nam tử! Giả sử tất cả vô lượng chúng sinh cùng một lúc thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi thì những vị Như Lai này cũng lại chẳng thấy có Nhất xiển đề kia được thành Bồ Đề. Do ý nghĩa đó nên gọi là chẳng thấy sở tác. Lại nữa, chẳng thấy sở tác của ai? Là gọi chẳng

thấy sở tác của Như Lai. Phật vì chúng sinh nói có Phật tính mà bọn Nhất xiển đề lưu chuyển trong sinh tử chẳng thể thấy biết. Do ý nghĩa đó nên gọi là chẳng thấy sở tác của Như Lai. Lại, Nhất xiển đề thấy ở Như Lai rất ráo Niết Bàn, cho đó là vô thường chân thật giống như đèn tắt thì dầu mỡ đều hết. Vì sao vậy? Vì người đó nghiệp ác chẳng tổn giảm vậy. Nếu có Bồ tát khi tạo tác nghiệp thiện đều hồi hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà bọn Nhất xiển đề tuy hủy báng, phá hoại, chẳng tin, nhưng các Bồ tát còn cố thí cho, muốn cho họ cùng chung thành tựu đạo Vô thượng. Vì sao vậy? Vì pháp của chư Phật vậy.

Làm ác chẳng liền thọ Ø Như sữa liền thành cao

Giống tro phủ trên lửa Người ngu khinh đạp vào.

Nhất xiển đề thì gọi là không mắt. Vậy nên chẳng thấy đạo A la hán, như A la hán chẳng đi trên đường ác hiểm sinh tử. Vì không mắt nên bài báng Phương Đẳng, chẳng muốn tu tập như A la hán siêng tu từ tâm. Bọn Nhất xiển đề chẳng tu theo Phương Đẳng cũng lại như vậy. Nếu người nói rằng : “Ta nay chẳng tin Kinh điển của Thanh Văn, chỉ tin thọ Đại Thừa và đọc tụng giải nói. Vậy nên ta nay tức là Bồ tát. Tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Do Phật tính nên trong thân chúng sinh đã có mười lục, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Lời nói của ta chẳng khác lời nói của Phật. Ông nay cùng ta đều đã phá vô lượng những phiền não ác như đập vỡ cái bình nước. Do phá được kết sử nên liền có thể được thấy Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Người đó tuy đã diễn nói như vậy nhưng lòng người ấy thật chẳng tin có Phật tính chỉ vì lợi dưỡng nên thuận theo lời vãn mà nói thôi. Người nói như vậy gọi là người ác. Người ác như vậy thì chẳng mau chóng chịu quả báo như sữa thành cao sữa. Ví như vị sứ thần của vua giỏi khả năng đàm luận, khéo léo phương tiện, vâng mệnh đi sứ nước khác thì thà mất thân mạng, nhất định chẳng trốn tránh lời dạy bảo của vua. Bậc trí giả cũng vậy, ở trong phạm phu, chẳng tiếc thân mạng, cốt để tuyên nói Đại Thừa Phương Đẳng, mật tạng của Như Lai, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Nay thiện nam tử ! Có Nhất xiển đề hóa làm hình dáng La hán trụ ở chỗ trống mà bài báng Kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa. Những người phạm phu thấy thế rồi đều cho là A la hán chân thật, là Đại Bồ tát Mahatát. Bọn ác Tỳ kheo Nhất xiển đề này trụ ở chỗ A lan nhã, phá hoại pháp A lan nhã, thấy người khác được lợi, lòng sinh ra ganh ghét mà nói lên rằng : “Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng sẵn có đều là lời nói của thiên ma Ba Tuần”. Chúng cũng nói, Như Lai là pháp vô thường và hủy diệt chánh pháp, phá hoại chúng Tăng. Chúng lại nói lên lời này : “Lời nói của Ba Tuần

chẳng phải lời nói thiện thuận”. Làm ra sự tuyên nói pháp tà ác này, người làm ác đó chẳng thọ quả báo liền như sữa thành cao sữa, như tro phủ trên lửa, người ngu khinh đạp vào. Người như vậy là chỉ cho Nhất xiển đề. Vậy nên ông phải biết là, Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng vi diệu nhất định thanh tịnh, như ngọc ma ni ném vào nước đục, nước liền được lắng trong. Kinh điển Đại Thừa cũng lại như vậy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như hoa sen được sự soi sáng của mặt trời không hoa nào chẳng nở ra. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy. Nếu được nghe thấy mặt trời Đại Niết Bàn thì người chưa phát tâm đều phát tâm làm nhân Bồ Đề. Vậy nên ta nói ánh sáng Đại Niết Bàn đã vào lỗ chân lông thì nhất định là nhân duyên vi diệu. Nhất xiển đề kia tuy có Phật tính mà bị sự ràng buộc của vô lượng tội cấu, chẳng thể được ra như con tằm ở trong kén. Do nghiệp duyên đó nên chẳng thể được sinh diệu nhân của Bồ Đề mà lưu chuyển sinh tử không có cùng rồi.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Như hoa Ưu bát la, hoa Bát đầu ma, hoa Câu vật đầu, hoa Phân đà lợi ở trong bùn ú mà chẳng bị sự nhiễm bẩn của bùn ú. Nếu có chúng sinh tu học Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu thì cũng lại như vậy, tuy có phiền não nhưng nhất định chẳng bị sự nhiễm bẩn của phiền não đó. Vì sao vậy? Vì biết sức tính tướng của Như Lai vậy. Này thiện nam tử ! Ví như có đất nước nhiều gió mát mẻ, nếu gió chạm vào những lỗ chân lông của thân chúng sinh thì có thể trừ tất cả hơi nóng phiền não xông lên. Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy, vào khắp tất cả lỗ chân lông của chúng sinh, vì họ tạo tác nhân duyên vi diệu của Bồ Đề, trừ Nhất xiển đề. Vì sao vậy? Vì chẳng phải là pháp khí vậy !

Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như vị lương y giải được tám thứ thuốc giảm tất cả bệnh tật mà chỉ chẳng thể trừ được bệnh A tát xà. Tất cả Khế kinh, thiên định tam muội cũng lại như vậy, có thể trị được tất cả những bệnh phiền não, tham dục, sân nhuế, ngu si, có thể nhổ những mũi tên độc phiền não mà chẳng thể trị kẻ phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián. Này thiện nam tử ! Lại có vị lương y vượt hơn tám thứ y thuật, có thể trừ mọi bệnh khổ sẵn có của chúng sinh mà chỉ chẳng thể trị được bệnh nhất định chết (ắt chết). Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn cũng lại như vậy, có thể trừ tất cả phiền não của chúng sinh an trụ họ ở nhân duyên vi diệu thanh tịnh của Như Lai, người chưa phát tâm thì khiến họ được phát tâm. Nhưng chỉ trừ bọn Nhất xiển đề nhất định chết.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như vị lương y có thể dùng diệu dược trị liệu những người mù khiến cho họ thấy mặt trời, mặt trăng, tinh tú, những ánh sáng, tất cả sắc tượng mà chỉ chẳng thể trị cho người mù bẩm sinh. Kinh Đại

Niết Bàn, điển Đại Thừa này cũng lại như vậy, có thể vì người Thanh Văn, Duyên Giác khai phát tuệ nhãn, khiến cho những người ấy an trụ ở vô lượng vô biên Kinh điển Đại Thừa, người chưa phát tâm như là kẻ phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián đều có thể khiến cho họ phát tâm Bồ Đề. Nhưng chỉ trừ bọn Nhất xiển đề mù bẩm sinh. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như vị lương y giỏi lý giải tám y thuật, trị được tất cả bệnh khổ của chúng sinh với đủ thứ phương dược, tùy bệnh cho thuốc như là : uống thuốc thổ độc ra, xoa thân, nhỏ mũi, hoặc xông hơi, hoặc rửa ráy, hoặc thuốc hoàn, hoặc thuốc tán... Tất cả các thuốc mà người bần ngu chẳng muốn uống. Vị lương y nghĩ thương liền đem người này về nhà mình, cưỡng ép cho uống thuốc. Nhờ sức của thuốc nên bệnh hoạn của hắn được khỏi. Người phụ nữ sinh khó, nhi y (?) chẳng ra, nếu uống thuốc này thì nhi y liền ra, cũng khiến cho đứa trẻ yên vui, không bệnh hoạn. Kinh Đại Niết Bàn, điển Đại Thừa này cũng lại như vậy, chỗ đến của Kinh này, như Kinh đến nhà thì có thể trừ vô lượng phiền não của chúng sinh, người phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián chưa phát tâm thì đều khiến cho họ phát tâm, chỉ trừ Nhất xiển đề.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Phạm bốn trọng cấm và năm tội vô gián thì gọi là Cực trọng ác (ác rất nặng) ví như cắt đứt đầu cây Đa la thì chẳng sống lại. Những người đó chưa phát tâm Bồ Đề thì làm sao có thể cùng tạo tác nhân Bồ Đề?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Những chúng sinh này, nếu ở trong mơ, mơ thấy rơi vào địa ngục, chịu những khổ não liền phát sinh lòng hối hận rằng : “Thương thay ! Ta đã tự rước lấy tội này ! Nếu ta nay được thoát khỏi tội đó thì nhất định sẽ phát tâm Bồ Đề ! Những điều thấy của ta hôm nay rất là cực ác !” Từ đó thức dậy rồi, người đó liền biết Chánh pháp có đại quả báo. Như đứa trẻ kia dần dần lớn lên, thường tác khởi ý nghĩ này : “Vị thầy thuốc này rất giỏi, khéo lý giải phương dược. Ta xưa ở trong thai mà ông cho thuốc mẹ ta. Mẹ nhờ dùng thuốc nên thân thể được yên ổn. Do nhân duyên đó nên mạng ta được an toàn. Lạ thay! Mẹ ta chịu khổ não lớn, hoài bão thân ta đủ đầy mười tháng. Sau khi sinh ra rồi, chỗ khô con nằm, chỗ ướt mẹ nằm, trừ khử đại tiểu tiện bất tịnh của con, rồi cho bú mớm, nuôi dưỡng lớn lên, hộ trì thân ta. Do ý nghĩa này nên ta phải đền ơn mẹ. Phải nuôi dưỡng, hầu hạ, bảo vệ thuận theo cúng dường”. Người phạm bốn trọng cấm và năm tội vô gián, khi sắp mạng chung nghĩ đến Kinh Đại Niết Bàn Đại Thừa này thì tuy rơi vào địa ngục, súc sinh, ngã quỉ hoặc lên trời hay ở trong loài người mà như

vậy Kinh điển cũng vẫn vì người đó tạo tác nhân Bồ Đề, trừ Nhất xiển đề ! Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như vị lương y và con của vị lương y với sự hiểu biết thâm áo vượt hơn các thầy thuốc, giỏi biết chú thuật vô thượng trừ độc. Nếu rắn ác độc như rồng hay rắn đầu tam giác thì họ dùng những chú thuật chú vào thuốc làm cho hay thêm. Rồi họ dùng thứ thuốc hay này bôi giầy da. Dem giầy da này chạm vào các loài trùng độc thì độc của chúng bị tiêu tan, chỉ trừ một thứ độc tên là Đại Long. Kinh Đại Niết Bàn, điển Đại Thừa này cũng lại như vậy, nếu có chúng sinh phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián thì đều có thể tiêu diệt, khiến cho họ trụ ở Bồ Đề như giầy da bôi thuốc có thể tiêu diệt mọi thứ độc, khiến cho người chưa phát tâm sẽ phát tâm, an trụ ở đạo Bồ Đề Vô thượng. Chính là thuốc uy thần của Kinh Đại Niết Bàn Đại Thừa kia khiến cho các chúng sinh sinh ra an vui, chỉ trừ bọn Nhất xiển đề Đại Long.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như có người đem thuốc độc mới chế ra dùng bôi vào cái trống lớn. Rồi ở trong mọi người, đánh trống phát ra tiếng, tuy người không có lòng muốn nghe, nhưng đã nghe tiếng trống đều chết. Chỉ trừ một người chẳng chết ngang (ngược). Kinh điển Đại Niết Bàn Đại Thừa này cũng lại như vậy, ở tại khắp nơi nơi, trong các chúng sinh mà có người nghe tiếng thì tham dục, sân nhuế, ngu si sẵn có đều tiêu diệt hết. Trong số chúng sinh ấy tuy có kẻ không có lòng suy nghĩ đến nhưng lực nhân duyên của Kinh Đại Niết Bàn này có thể diệt phiền não mà phiền não kết của họ tự diệt. Người phạm bốn trọng cấm và năm tội vô gián nghe Kinh này rồi cũng tạo tác nhân duyên Bồ Đề vô thượng, rồi dần dần đoạn dứt phiền não, chỉ trừ bọn Nhất xiển đề chẳng chết ngang. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như đêm tối mọi sự tạo tác kinh doanh, tất cả đều ngưng, nếu có việc chưa xong thì cần phải đợi đến sáng ngày mai. Người học Đại Thừa, tuy tu học Khế kinh, tất cả các định, nhưng cần phải đợi mặt trời Đại Thừa Đại Niết Bàn để nghe lời dạy vi mật của Như Lai nay, rồi nhiên hậu mới sẽ kiến tạo nghiệp Bồ Đề, an trụ ở Chánh pháp. Giống như trời mưa thấm nhuần, thêm tăng trưởng tất cả những giống loại thành tựu quả trái để trừ hết đói kém, hưởng thụ nhiều an vui, thịnh vượng, vô lượng pháp vũ của Như Lai Bí Tạng cũng lại như vậy, có thể trừ diệt hết tám thứ nhiệt bệnh. Kinh này ra đời như những quả trái kia, có nhiều sự lợi ích an lạc cho tất cả, có thể khiến cho chúng sinh thấy được tính Như Lai như trong Pháp Hoa, tám ngàn Thanh Văn được thọ ký biệt, thành tựu quả trái lớn. Như mùa thu gặt hái, mùa đông tàng trữ rồi lại không việc làm, bọn Nhất xiển đề cũng lại như vậy, đối với các thiện pháp không kinh doanh, tạo tác cái gì cả. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như vị lương y nghe con của người khác bị sự nắm giữ của loài phi nhân liền đem diệp dược ra và sai một sứ giả, dặn bảo rằng : “Ông mang thuốc này

cho người kia. Người kia nếu gặp những quỷ thần ác thì nhờ lực của thuốc này nên đều sẽ tránh đi xa. Nếu người chậm trễ thì ta sẽ tự sang, nhất định chẳng để cho người đó chết oan uổng vậy. Nếu người bệnh kia được thấy sứ giả và uy đức của ta thì các khổ sẽ tiêu trừ, được niềm vui yên ổn”. Điền Đại Thừa, Kinh Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy. Nếu Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di và những ngoại đạo, có người có thể thọ trì Kinh điển như vậy mà đọc tụng thông lợi, lại vì người khác phân biệt giảng nói, hoặc tự ghi chép hay khiến bảo người khác ghi chép... những việc ấy đều là nhân duyên Bồ Đề. Hoặc người phạm bốn trọng cấm và tội ngũ nghịch, hay người bị sự nắm giữ ác độc của tà quỷ mà nghe Kinh điển này thì những ác sẵn có đều tiêu diệt hết như thấy vị lương y thì ác quỷ tránh đi xa. Ông phải biết người này là Đại Bồ tát chân thật. Vì sao vậy? Vì tạm được nghe (được nghe qua) Kinh Đại Niết Bàn này mà cũng đã sinh ra ý niệm Như Lai thường trụ vậy. Tạm được nghe mà còn được như vậy huống gì ghi chép, thọ trì, đọc tụng, trừ Nhất xiển đề, những người còn lại ấy đều là Đại Bồ tát. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như người điếc chẳng nghe được âm thanh. Bọn Nhất xiển đề cũng lại như vậy, tuy chúng lại muốn nghe Kinh điển vi diệu này nhưng mà chẳng được nghe. Sở dĩ vì sao? Vì không có nhân duyên vậy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như vị lương y mà tất cả y phương (phương cách làm thuốc trị bệnh) không phương nào chẳng thông đạt, lại kiêm thêm rộng biết vô lượng chú thuật. Vị lương y đó diện kiến mà nói lên rằng : “Đại vương nay nhất định có bệnh chết!” Vị vua ấy đáp rằng : “Khanh chẳng thấy việc trong bụng của ta thì sao mà nói rằng, ta nhất định có bệnh chết”. Vị thầy thuốc liền đáp rằng : “Nếu vua chẳng thấy tin thì nên uống thuốc hạ xuống !” Sau khi đã hạ xuống rồi, nhà vua tự nghiệm xem, rồi vua chẳng chịu uống. Bấy giờ, vị lương y dùng sức chú thuật khiến cho chỗ kín của nhà vua sinh ghẻ lở cùng khắp, lại gồm thêm nước máu lẫn trùng chảy ra. Vua thấy thế rồi phát sinh rất sợ hãi, khen vị lương y rằng : “Giỏi thay ! Giỏi thay ! Lời tâu trước của khanh, ta chẳng tin dùng, nay mới biết khanh đối với thân ta tạo tác lợi ích lớn !” Rồi nhà vua cung kính vị thầy thuốc đó, giống như cha mẹ. Điền Đại Thừa, Kinh Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy, đối với các chúng sinh có muốn hay không muốn đều có thể khiến cho phiền não của họ tan vỡ, rơi rụng. Những chúng sinh này thậm chí ở trong mơ mà mơ thấy Kinh này cũng cung kính cúng dường ví như vị đại vương cung kính vị lương y. Vị đại lương y này biết nhất định chết thì nhất định chẳng trị cho. Điền Đại Thừa, Kinh Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy, nhất định chẳng thể trị cho bọn Nhất xiển đề. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như vị lương y giỏi tám thứ thuốc, có thể trị liệu hết tất cả các bệnh, chỉ chẳng thể trị được người nhất định chết. Các đức Phật, Bồ tát cũng lại như vậy có thể cứu vớt trị liệu tất cả người có tội, chỉ chẳng thể trị được người nhất định

chết, bọn Nhất xiển đề. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như vị lương y giỏi biết tám thứ kinh thuật vi diệu, lại có thể thông đạt rộng rãi qua tám thứ. Ông đem sự hiểu biết của mình dạy cho con trước : Hoặc nước, hoặc đất, hang núi, thảo dược... đều khiến cho con nhận thức hiểu biết. Như vậy ông dần dần dạy xong tám việc. Tiếp theo ông lại dạy những y thuật tối thượng diệu khác. Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cũng lại như vậy, trước tiên dạy con mình, những Tỳ kheo.v.v... về phương tiện trừ diệt tất cả phiền não, tu tập tịnh thân bằng tư tưởng chẳng kiên cố như là nước, đất, hang núi... Nước là dụ cho thân thọ khổ như bọt nước. Đất là dụ cho thân chẳng bền như cây chuối. Hang núi là dụ cho ở trong phiền não tu vô ngã tưởng. Do nghĩa đó nên thân gọi là vô ngã. Như Lai như vậy đối với các đệ tử, rồi dần dần dạy họ học chín bộ kinh pháp, khiến cho họ giỏi giang thông lợi. Nhiên hậu Phật mới dạy họ học Như Lai Bí Tạng, vì con mình nên nói Như Lai Thường Trụ. Như Lai nói Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn như vậy là vì những chúng sinh đã phát tâm và chưa phát tâm tạo tác nhân duyên Bồ Đề, trừ Nhất xiển đề. Như vậy này thiện nam tử ! Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn này vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, chưa từng có vậy ! Ông phải biết, đó tức là lương y vô thượng, là vua tối tôn tối thắng trong mọi Kinh điển.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như chiếc thuyền lớn từ bờ biển này đi đến bờ kia, rồi lại từ bờ bên kia quay về bờ bên này. Như Lai Chánh Giác cũng lại như vậy, cõi thuyền báu Đại Niết Bàn Đại Thừa chu toàn qua lại tế độ chúng sinh. Ở tại khắp nơi nơi mà có người nên độ, Như Lai đều khiến cho được thấy thân Như Lai. Do nghĩa này nên Như Lai gọi là Vô thượng Thuyền Sư. Ví như có thuyền thì có thuyền sư mà có thuyền sư thì có chúng sinh đi qua biển cả. Như Lai thường trụ hóa độ chúng sinh cũng lại như vậy.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như có người ở tại trong biển lớn, cõi thuyền muốn đi qua. Nếu được gió thuận trong chốc lát thì có thể qua được vô lượng do tuần. Nếu chẳng được thì tuy vào trụ ở Kinh lâu hàng vô lượng năm nhưng chẳng lìa khỏi chỗ cũ, rồi có lúc thuyền hư ngập nước mà chết. Chúng sinh như vậy ở tại biển lớn sinh tử ngu si kia cõi các hành thuyền (thuyền để đi), nếu gặp được Đại Thuyền Niết Bàn và gió mạnh thuận lợi thì có thể mau chóng đến bờ đạo Vô thượng. Nếu chẳng gặp được, phải lưu chuyển lâu trong vô lượng sinh tử, đến khi bị hư hoại bị rơi vào địa ngục, súc sinh, ngã quý. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như có người chẳng gặp vua gió, trụ lâu ở biển cả liền suy nghĩ rằng : “Chúng ta nay nhất định phải chết tại đây”. Khi nghĩ như vậy thì bỗng nhiên gặp gió thuận lợi mà thuận theo đi qua biển. Người đó lại nghĩ rằng : “Sướng thay ! Gió này chưa từng

có vậy ! Nó khiến chúng ta yên ổn qua được nạn biển cả”. Chúng sinh như vậy ở lâu trong biển cả sinh tử ngu si chịu khổ, tiêu tụy, chưa gặp gió Đại Niết Bàn như vậy thì liền sinh ý niệm : “Chúng ta nhất định phải rơi vào địa ngục, súc sinh, ngã quỉ”. Khi những chúng sinh suy nghĩ thế thì bỗng nhiên gặp gió Đại Thừa Đại Niết Bàn mà thuận theo chiều gió thổi hướng vào đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mới biết được chân thật. Họ sinh ra tư tưởng đặc biệt lạ lùng mà khen rằng : “Sướng thay ! Ta từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy Như Lai vi mật tạng như vậy !” Bấy giờ họ mới đối với Kinh Đại Niết Bàn sinh ra niềm tin thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Như con rắn lột da là chết mất chăng?

- Không, thưa đức Thế Tôn !

- Này thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy ! Ta phương tiện thị hiện xả bỏ thân độc hại mà có thể nói rằng, Như Lai vô thường, diệt mất sao?

- Không, thưa đức Thế Tôn !

- Như Lai ở trong cõi Diêm phù đề này phương tiện xả thân như con rắn độc kia bỏ đi lớp da cũ. Vậy nên Như Lai gọi là thường trụ. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như người thợ vàng bậc thầy được thỏi vàng ròng tốt thì tùy ý tạo tác đủ thứ những đồ dùng. Như Lai cũng vậy, ở trong hai mươi lăm cõi hữu đều có thể thị hiện đủ thứ sắc thân vì giáo hóa chúng sinh, cứu vớt sinh tử. Vậy nên Như Lai gọi là Vô Biên Thân, tuy lại thị hiện đủ thứ những thân nhưng cũng gọi là thường trụ không có biến dị.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Như cây Am la và cây Diêm phù, một năm ba lần biến đổi, có lúc sinh hoa màu sáng khoe tươi, có lúc ra lá sum suê um tùm, có lúc điêu tàn rơi rụng giống như khô chết. Này thiện nam tử ! Ý ông thế nào? Có phải là cây khô chết thật không vậy?

- Không, thưa đức Thế Tôn !

- Này thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, ở trong ba cõi thị hiện ba thứ thân, khi mới sinh, khi lớn lên, khi Niết Bàn mà thân Như Lai chẳng phải vô thường !

Bồ tát Ca Diếp khen rằng :

- Hay thay ! Quả đúng như lời dạy của đức Thánh ! Như Lai thường trụ không có biến dị !

- Nay thiện nam tử ! Mật ngữ của Như Lai thậm thâm khó hiểu. Ví như vị đại vương bảo các vị đại thần đem Tiên Đà Bà lại. Tiên Đà Bà là một tên bao gồm bốn thứ, một là muối, hai là khí cụ, ba là nước, bốn là ngựa. Như vậy là bốn vật đồng chung một tên. Người bề tôi có trí khéo biết danh xưng này, nếu vua khi tắm đòi Tiên đà bà thì liền dâng nước nếu vua khi ăn đòi Tiên đà bà thì liền dâng muối; nếu vua ăn rồi khi muốn uống nước đòi Tiên đà bà thì liền dâng đồ đựng nước; nếu khi vua muốn du hành đòi Tiên đà bà thì liền dâng ngựa. Như vậy là người bề tôi trí tuệ giỏi hiểu bốn thứ mật ngữ của vị đại vương. Kinh Đại Thừa này cũng lại như vậy, có bốn vô thường mà vị đại thần trí Đại Thừa cần phải giỏi biết. Nếu Phật ra đời vì chúng sinh nói Như Lai Niết Bàn thì người bề tôi trí tuệ phải biết đây là Như Lai kể là thường mà nói tướng vô thường là muốn khiến cho Tỳ kheo tu vô thường tướng. Hoặc Như Lai lại nói rằng, chánh pháp sẽ diệt thì vị đại thần trí tuệ nên biết đây là Như Lai cho là vui mà nói về tướng khổ là muốn khiến cho Tỳ kheo tu nhiều khổ tướng. Hoặc Như Lai lại nói rằng, ta nay bệnh khổ, chúng Tăng phá hoại thì vị đại thần trí tuệ phải biết đây là Như Lai cho là có ngã mà nói tướng vô ngã là muốn khiến cho Tỳ kheo tu vô ngã tướng. Hoặc Như Lai lại nói rằng, cái gọi là không thì chính là chánh giải thoát thì vị đại thần trí tuệ phải biết đây là Như Lai nói Chánh Giải thoát, không có hai mươi lăm cõi hữu, muốn khiến cho Tỳ kheo tu học không tướng. Do nghĩa này nên chánh giải thoát đó gọi là Không, cũng gọi là bất động. Gọi là Bất Động là trong giải thoát không có khổ. Vậy nên gọi là Bất Động. Chánh giải thoát này là không có tướng, gọi là vô tướng thì không có sắc, thanh, hương, vị, xúc.v.v... nên gọi là vô tướng. Chánh giải thoát này thường trụ chẳng biến dị. Trong giải thoát này không có vô thường, nhiệt nã, biến dị. Vậy nên giải thoát gọi là thường trụ, bất biến, thanh lương. Hoặc lại nói rằng, tất cả chúng sinh có Như Lai tính thì vị bề tôi phải biết đây là Như Lai nói về thường pháp, muốn khiến cho Tỳ kheo tu tập chánh thường pháp. Các Tỳ kheo này nếu có thể thuận theo tu học như vậy thì phải biết người đó là chân đệ tử của ta, giỏi biết vi mật tạng của Như Lai như người bề tôi trí tuệ của vị đại vương kia giỏi biết ý của vua. Nay thiện nam tử ! Như vậy vị đại vương mà cũng có pháp mật ngữ như thế huống gì là Như Lai mà lại không có vậy? Nay thiện nam tử ! Vậy nên lời dạy vi mật của Như Lai khó có thể được biết, chỉ có bậc trí giả mới có thể lý giải được Phật pháp thậm thâm của ta, chẳng phải là điều có thể tin của hạng phàm phu thế gian vậy.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Như cây Ba-la-xa, cây Ca-ni-ca, cây A-thúc-ca gặp trời khô hạn chẳng sinh hoa trái và những vật sống trên đất, trên nước đều khô héo hết, không có nước thấm nhuận thì chẳng thể tăng trưởng. Tất cả các dược thảo không còn hiệu lực nữa. Này thiện nam tử ! Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy, sau khi ta diệt độ, có những chúng sinh chẳng thể cung kính, không có uy đức. Vì sao vậy? Vì các chúng sinh chẳng biết vi mật tạng của Như Lai. Sở dĩ vì sao? Vì các chúng sinh này bạc phước vậy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Chánh pháp của Như Lai sắp muốn diệt hết, bấy giờ có hạng Tỳ kheo làm ác, chẳng biết vi mật tạng của Như Lai, lười biếng giải đãi, chẳng thể đọc tụng, tuyên dương phân biệt chánh pháp của Như Lai, ví như tên giặc ngu si xả bỏ chân bảo để gánh vác cỏ cây. Chẳng giải vi mật tạng của Như Lai nên ở trong Kinh này giải đãi chẳng tinh cần. Thương thay ! Rất nguy hiểm cho đời đương lai, rất là đáng sợ hãi ! Khổ thay ! Chúng sinh chẳng tinh cần thính thọ Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn này ! Chỉ các vị Đại Bồ tát mới có thể đối với Kinh này chọn lấy nghĩa chân thật, chẳng chấp trước văn tự, thuận theo chẳng nghịch mà vì chúng sinh diễn nói. Lại nữa, này thiện nam tử ! Như người con gái chăn trâu bán sữa, vì muốn tham nhiều lợi nên gia thêm hai phần nước đem bán cho người con gái chăn trâu khác. Người con gái kia mua được sữa rồi lại gia thêm hai phần nước lại chuyển bán cho người con gái ở gần thành. Người con gái gần thành đó mua được rồi lại gia thêm hai phần nước lại chuyển bán cho người con gái ở trong thành. Người con gái ở trong thành đó mua được sữa rồi lại gia thêm hai phần nước mà đem đến chợ bán. Có một người, vì con cưới vợ nên cần gấp sữa tốt để cung cấp cho khách mời, đến chợ muốn mua sữa. Người bán sữa này tìm nêu nhiều giá trị của sữa. Nhưng người mua sữa đó nói rằng : “Sữa này nhiều nước thật chẳng giá trị gì. Nhưng ngày hôm nay gặp lúc ta chiêu đãi tân khách nên phải mua lấy thôi !” Lấy rồi trở về nhà, người ấy nấu sữa lên làm cháo mà không còn vị sữa nữa. Tuy không còn vị sữa nhưng ở trong vị đắng, nó còn hơn gấp ngàn lần. Vì sao vậy? Vì sữa là vị tối thắng trong các vị. Này thiện nam tử ! Sau khi ta Niết Bàn, Chánh pháp chưa diệt, còn chừng tám mươi năm, bấy giờ Kinh này ở cõi Diêm phù đề sẽ lưu bố rộng rãi. Khi đó, sẽ có các ác Tỳ kheo sao chép sơ lược Kinh này, chia làm nhiều phần, có khả năng diệt hết sắc hương mỹ vị của Chánh pháp. Những người ác này tuy lại đọc tụng Kinh điển như vậy nhưng đã diệt trừ yếu nghĩa thâm mật của Như Lai, chỉ an trí lời nói vô nghĩa văn vẻ trang nghiêm của thế gian mà thôi. Phần sao chép trước đặt sau, phần sao chép sau đặt trước, phần trước sau đặt vào giữa, phần giữa thì đặt ở trước sau... Ông phải biết, những ác Tỳ kheo này là bạn bè của ma, nhận nuôi tất cả vật bất tịnh. Bọn chúng nói rằng : “Đức Như Lai cho phép ta nuôi nhận !” Như người con gái chăn trâu gia thêm nhiều nước vào sữa,

các ác Tỳ kheo cũng lại như vậy, dùng xen tạp lời lẽ thế gian quyết định làm lẫn Kinh này, khiến cho nhiều chúng sinh chẳng được lời nói chân chánh, bản chép chân chính, sự chọn lấy chân chính mà khen ngợi, cúng dường, cung kính. Những ác Tỳ kheo này vì lợi dưỡng nên chẳng thể tuyên nói, lưu bố rộng rãi Kinh đó. Sự phân chia, lưu bố thiếu, lời chẳng đủ như người con gái chần trâu bản cùng kia đắp đống bán sữa cho đến khi nấu thành cháo mà không còn vị sữa nữa. Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy, đắp đống đến nổi nhạt nhẽo, không còn có khí vị nữa. Tuy Kinh này không khí vị nhưng còn hơn Kinh khác, vượt qua ngàn lần như vị sữa kia đối với những vị đắng, nó thắng hơn ngàn lần. Vì sao vậy? Vì Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn này đối với Kinh của Thanh Văn là tối thượng thủ (đứng đầu) ví như sữa trâu là tối thắng trong các vị. Do nghĩa đó nên gọi là Đại Niết Bàn.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Như thiện nam tử, thiện nữ nhân .v.v... không có ai chẳng cầu thân nam tử. Vì sao vậy? Vì tất cả nữ nhân đều là chỗ sở trụ của mọi thứ ác. Lại nữa, này thiện nam tử ! Như nước của muối của ve chẳng thể khiến cho đất đai này thấm nhuần, dâm dục của người con gái ấy khó thỏa mãn cũng lại như vậy. Ví như đất đai, tất cả làm thành hòn nhỏ như hạt cải mà số đàn ông nhiều như vậy cùng một người đàn bà chung làm việc dâm dục còn chẳng thể đủ. Giả sử số đàn ông nhiều như cát sông Hằng cùng với một người đàn bà chung làm việc dâm dục thì cũng lại chẳng đủ. Này thiện nam tử ! Ví như biển cả mà tất cả trời mưa, trăm sông, mọi dòng chảy đều rót về. Nhưng biển cả kia chưa từng tràn đầy, phép của nữ nhân cũng lại như vậy. Giả sử tất cả đều là nam tử chỉ cùng với một nữ nhân chung làm việc dâm dục mà cũng chẳng đủ. Lại nữa, này thiện nam tử ! Như cây A thục ca, cây Ba sắc la, cây Ca ni ca, mùa xuân nở hoa bày ong hút lấy sắc hương mỹ vị, chẳng biết chán. Nữ nhân dâm dục với nam tử cũng lại như vậy, chẳng biết chán đủ. Này thiện nam tử ! Do nghĩa này nên các thiện nam tử, thiện nữ nhân.v.v... nghe được Kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn này thì thường nên chê trách thân tướng nữ nhân, cầu được thân nam tử. Vì sao vậy? Vì điển Đại Thừa này có tướng tượng phu, gọi là Phật tính. Nếu người chẳng biết Phật tính này thì không có nam tướng. Sở dĩ vì sao? Vì chẳng thể tự biết có Phật tính vậy. Nếu có người chẳng thể biết Phật tính thì ta nói những người đó gọi là nữ nhân. Nếu người có thể tự biết có Phật tính thì ta nói người đó là đại tượng phu. Nếu có nữ nhân có thể biết thân mình nhất định có Phật tính thì phải biết những người đó tức là nam tử. Này thiện nam tử ! Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn gom tụ công đức vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Sở dĩ vì sao? Vì nói lên bí mật tạng của Như Lai. Vậy

nên thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu muốn mau chóng biết mật tạng của Như Lai thì cần phải phương tiện siêng tu học Kinh này !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đúng vậy ! Đúng vậy ! Đúng như lời của đức Phật! Con nay đã có tướng trạng phu, được vào vi mật tạng của Như Lai. Ngày hôm nay đức Như Lai bắt đầu giác ngộ cho con ! Nhân đó con liền được quyết định thông đạt.

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Nay thiện nam tử ! Ông nay thuận theo pháp thế gian mà nói lên lời nói này !

Ngài Ca Diếp lại nói rằng :

- Con chẳng thuận theo pháp thế gian !

Đức Phật khen ngài Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Ông nay đã biết vị pháp Vô thượng thậm thâm khó biết mà có thể được biết như con ông thu lấy vị. Ông cũng như vậy đó ! Lại nữa, nay thiện nam tử ! Như nước của con muối chẳng thể thấm nhuần được đất đai này, đời đương lai Kinh này lưu bố cũng lại như vậy, như sự thấm nhuần của nước con muối kia. Khi chánh pháp sắp diệt thì Kinh này trước sẽ chìm mất vào trong đất này, ông phải biết đó tức là tướng suy của Chánh pháp. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Ví như qua khỏi mùa hạ, tháng đầu gọi là mùa thu, mưa thu mưa liên miên. Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn cũng lại như vậy, được các vị Bồ tát ở phương Nam kia sẽ lưu bố rộng rãi, tuông xuống mưa pháp cùng khắp cõi ấy. Chánh pháp sắp diệt sẽ đến nước Kế Tân đầy đủ không khiếm khuyết, chìm mất vào trong đất, hoặc có người tin, hoặc có người chẳng tin. Như vậy pháp vị cam lộ của Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng đều chìm mất vào đất. Kinh này mất rồi thì tất cả Kinh điển Đại thừa khác đều diệt mất hết. Nếu người được Kinh này đầy đủ không khiếm khuyết thì người đó là vua voi trong loài người. Các Bồ tát.v.v... phải biết là chánh pháp vô thượng của Như Lai sắp diệt chẳng lâu nữa.

Lúc bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Nay ông Thuần Đà này còn có lòng nghi hoặc, nguyện xin đức Thế Tôn, một lần nữa phân biệt khiến cho ông ấy được đoạn trừ.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Lòng nghi ra sao? Ông hãy nói đi ! Ta sẽ vì ông đoạn trừ cho !

Ngài Văn Thù Sư Lợi thưa rằng :

- Lòng ông Thuần Đà hồ nghi về việc Như Lai thường trụ ! Do được thấy biết lực Phật tính nên nếu thấy Phật tính mà là thường thì khi trước chưa thấy nên là vô thường. Nếu trước vô thường thì sau cũng nên vậy. Vì sao vậy? Vì như vật của thế gian trước không mà nay có, đã có rồi trở lại không. Như vậy mọi vật đều là vô thường. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác không có sai biệt.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ rằng :

Trước có nay không Ø Trước không nay có

Pháp có ba đời Không có điều đó.

Nay thiện nam tử ! Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác cũng có sai biệt cũng không sai biệt.

Ngài Văn Thù Sư Lợi khen rằng :

- Hay thay ! Quả đúng như lời dạy của đức Thánh ! Con nay mới hiểu được vấn đề các đức Phật, Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác cũng có sai biệt, cũng không sai biệt !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, tính của chư Phật, Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác không sai biệt, nguyện xin đức Như Lai phân biệt diễn nói rộng rãi để cho tất cả chúng sinh được lợi ích, an lạc !

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Hãy lắng nghe ! Lắng nghe ! Ta sẽ vì ông diễn nói! Này thiện nam tử ! Ví như ông trưởng giả nuôi nhiều trâu sữa có đủ thứ màu sắc thường sai một người chăn giữ, nuôi dưỡng. Có thời gian, vì việc cúng tế, người đó vắt sữa của những con trâu vào trong một cái đồ đựng. Người đó thấy sữa của các con trâu đồng một màu trắng liền kinh ngạc lấy làm lạ : Màu sắc trâu đều khác mà cao sữa của chúng đồng một màu? Người đó suy nghĩ : Như sữa này, tất cả đều là nhân duyên nghiệp báo của chúng sinh khiến cho màu sữa là một. Này thiện nam tử ! Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát cũng vậy, đồng một Phật tính, giống như sữa kia. Sở dĩ vì sao? Vì đồng hết lậu vậy ! Nhưng mà các chúng sinh nói rằng, Phật, Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác có sự sai biệt. Có những Thanh Văn, người phàm phu nghi ngờ ở ba thừa tại sao có sai biệt? Thời gian lâu về sau, những chúng sinh đó tự giải được là tất cả ba thừa đồng một Phật tính, giống như người chăn trâu kia giác ngộ tướng sữa do nhân duyên nghiệp. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như quặng vàng đem luyện gạn bỏ cặn bã, nhiên hậu nấu chảy thành vàng ròng, giá trị không lường. Này thiện nam tử ! Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát cũng vậy, đều được thành tựu, đồng một Phật tính. Vì sao vậy? Vì trừ hết phiền não như quặng vàng trừ hết những cặn bã. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh đồng một Phật tính không có sai biệt. Do Phật tính ấy nên trước nghe Như Lai mật tạng thì sau khi thành Phật tự nhiên được biết như ông trưởng giả kia biết sữa một tướng. Vì sao vậy? Vì đã cắt đứt vô lượng ức phiền não vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sinh có Phật tính thì Phật cùng chúng sinh có gì sai biệt? Nói như vậy thì có nhiều lầm lỗi ! Nếu các chúng sinh đều có Phật tính thì vì nhân duyên gì mà ngài Xá Lợi Phất dùng Tiểu Niết Bàn mà Bát Niết Bàn; người Duyên Giác ở Trung Niết Bàn mà Bát Niết Bàn; người Bồ tát ở Đại Niết Bàn mà Bát Niết Bàn. Những người như vậy nếu đồng Phật tính thì vì sao chẳng đồng Như Lai Niết Bàn mà Bát Niết Bàn?

- Này thiện nam tử ! Niết Bàn sở đắc của các đức Phật Thế Tôn chẳng phải là cái sở đắc của Thanh Văn, Duyên Giác. Do nghĩa này nên Đại Bát Niết Bàn gọi là Thiện Hữu (hữu : có). Đòi nếu không có Phật chẳng phải không có Nhị thừa được Nhị Niết Bàn?

Ngài Ca Diếp lại thưa rằng :

- Nghĩa đó ra sao?

Đức Phật dạy rằng :

- Vô lượng vô biên atăng kỳ kiếp mới có một đức Phật xuất hiện ở đời để khai thị tam thừa. Nay thiện nam tử ! Như lời nói của ông, Bồ tát và Nhị thừa không có sai biệt, ta trước ở trong Đại Niết Bàn mật tạng của Như Lai, đã nói nghĩa ấy. Các A la hán không có “thiện hữu”. Vì sao vậy? Vì các A la hán đều được Đại Niết Bàn này. Do nghĩa đó nên Đại Bát Niết Bàn có niềm vui rất rạo. Vậy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Ngài Ca Diếp thưa rằng :

- Như lời nói của đức Phật thì con nay mới biết nghĩa sai biệt và nghĩa không sai biệt. Vì sao vậy? Vì tất cả Bồ tát, Thanh Văn, Duyên Giác vào đời vị lai đều sẽ về với Đại Bát Niết Bàn, ví như mọi dòng chảy đều về với biển cả. Vậy nên người Thanh Văn, Duyên Giác đều gọi là thường, chẳng phải là vô thường. Do nghĩa này nên cũng có sai biệt và cũng không sai biệt.

Ngài Ca Diếp thưa rằng :

- Sao gọi là tính sai biệt?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Thanh Văn như sữa, Duyên Giác như cao sữa, Bồ tát như váng sữa sộng, chín, các đức Phật Thế Tôn giống như đề hồ. Do nghĩa này nên trong Đại Niết Bàn nói lên bốn chủng tính mà có sai biệt.

Ngài Ca Diếp lại thưa rằng :

- Tính tướng của tất cả chúng sinh ra sao?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Như con trâu mới sinh, sữa và máu chưa riêng biệt, tính của phàm phu xen lẫn các phiền não cũng lại như vậy.

Ngài Ca Diếp lại nói rằng :

- Thành Câu Thi Na có người Chiên đà la tên là Hoan Hỷ. Đức Phật thọ ký người này, do một lần phát tâm, sẽ ở trong số một ngàn vị Phật của cõi này, mau chóng thành đạo Vô thượng Chánh Chân. Vì lý do gì mà Như Lai chẳng thọ ký cho tôn giả Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên.v.v... mau chóng thành Phật đạo?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Hoặc có Thanh Văn, Duyên Giác hay Bồ tát phát thệ nguyện rằng : “Ta sẽ mãi mãi hộ trì chánh pháp, nhiên hậu mới thành Phật đạo Vô thượng !” Do phát nguyện mau nên cho thọ ký mau.

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Ví như người thương nhân có bảo vật vô giá đem đến chợ bán. Người ngu thấy rồi chẳng biết vật quý, cười khinh chê. Người chủ bảo vật xưng rằng : “Chân bảo này của ta giá trị vô số !” Nghe rồi người ngu lại cười và nói với nhau rằng : “Đây chẳng phải là chân bảo chỉ là ngọc pha lê !” Nay thiện nam tử ! Thanh Văn, Duyên Giác cũng lại như vậy. Nếu họ nghe mau thọ ký thì liền giải đãi, khinh cười, chê thấp kém như người ngu kia chẳng biết được chân bảo. Vào đời vị lai có những Tỳ kheo chẳng thể tinh cần tu tập thiện pháp, bị sự bức bách của bản cùng, khôn khổ, đói khát, nhân đó mà xuất gia để nuôi lớn thân mình, còn lòng chí thì khinh tháo, tà mạng, dua nịnh, quanh co. Nếu họ nghe Như Lai thọ ký cho Thanh Văn mau chóng thì liền sẽ cả cười, khinh mạn, hủy báng. Ông phải biết những người đó tức là hạng phá giới, tự nói rằng mình được pháp hơn người. Do nghĩa này nên tùy theo sự phát nguyện mau chóng nên cho thọ ký mau chóng, còn người hộ Chánh pháp được thọ ký xa.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đại Bồ tát sao gọi là sẽ được quyền thuộc chẳng hoại?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay Ca Diếp ! Nếu các Bồ tát siêng năng gia thêm tinh tấn muốn hộ chánh pháp thì do nhân duyên này sẽ được quyền thuộc chẳng thể trở hoại.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì mà chúng sinh bị môi miệng khô cháy?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Nếu có người chẳng nhận thức được Tam Bảo thường còn thì do nhân duyên này mà môi miệng khô cháy như người miệng lở chẳng biết sự khác biệt của sáu vị ngọt, đắng, cay, chua, mặn, nhạt. Tất cả chúng sinh ngu si, vô trí chẳng nhận thức được Tam bảo là pháp trường tồn. Vậy nên gọi là môi miệng khô cháy, Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh chẳng biết Như Lai là thường trụ thì phải biết người đó là mù bẩm sinh. Nếu người biết Như Lai là thường trụ thì người như vậy tuy có nhục nhãn nhưng ta nói người đó gọi là có thiên nhãn. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu có người có thể biết Như Lai là thường trụ thì phải biết người này tu tập Kinh điển như vậy đã lâu. Ta nói những người đó cũng gọi là có thiên nhãn. Người tuy có thiên nhãn mà chẳng thể biết Như Lai là thường trụ thì ta nói những người ấy gọi là có nhục nhãn. Người đó thậm chí chẳng nhận biết được chi tiết chân tay của thân mình, cũng lại chẳng thể khiến cho người khác nhận biết. Do nghĩa đó nên gọi là nhục nhãn.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Như Lai thường vì tất cả chúng sinh mà làm cha mẹ. Sở dĩ vì sao? Vì tất cả chúng sinh đủ thứ hình loại hai chân có, bốn chân có, nhiều chân có, không chân cũng có.... Phật dùng một thứ âm thanh mà vì chúng nói pháp mà những chủng loại kia khác nhau nhưng mỗi mỗi đều được giải thông và đều hoan hỷ nói rằng: “Đức Như Lai ngày hôm nay vì ta nói pháp. Do nghĩa này nên gọi là cha mẹ”.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Như người sinh đứa con mới mười sáu tháng tuổi, tuy lời nói chưa thể giải rõ mà người cha mẹ kia muốn dạy con mình nói năng thì trước hòa đồng âm thanh của đứa con ấy rồi dần dần dạy bảo nó. Lời nói của người cha mẹ đó có thể chẳng đúng đắn sao?

- Thưa đức Thế Tôn ! Không vậy !

- Này thiện nam tử ! Các đức Phật Như Lai cũng lại như vậy, tuy theo đủ chủng loại âm thanh của các chúng sinh mà vì họ nói pháp, khiến cho họ an trụ ở chánh pháp của Phật. Tùy theo sự cần thấy của họ mà thị hiện đủ thứ hình tượng. Như Lai đồng ngôn ngữ với những chúng sinh kia như vậy mà có thể chẳng chánh sao?

- Thừa đức Thế Tôn ! Không vậy ! Vì sao thế? Vì lời nói của đức Như Lai như tiếng rống Sư tử, thuận theo đủ thứ âm thanh của thế gian mà vì chúng sinh khen nói diệu pháp.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ chín hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 10

PHẨM NHẤT THIẾT ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN

(Sự hỏi han của tất cả đại chúng)

PHẦN XVII:

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ điện môn của ngài phóng ra đủ thứ ánh sáng, xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía... chiếu soi thân của ông Thuần Đà. Ông Thuần Đà gặp ánh sáng ấy rồi thì cùng với các quyền thuộc mang những đồ ăn ngon lành, mau chóng đến chỗ đức Phật, muốn dâng đức Như Lai và Tỳ kheo Tăng bữa cúng dường sau cùng. Họ mang đến chỗ đức Phật đủ chủng loại đồ vật đầy đủ dồi dào. Lúc bấy giờ, có nhiều người trời uy đức lớn ngăn ông ấy lại ở trước và vây quanh giáp vòng rồi nói với ông Thuần Đà rằng :

- Hãy dừng lại, ông Thuần Đà! Ông chớ dâng đồ cúng dường ngay!

Bấy giờ, đức Như Lai lại phóng ra vô lượng vô biên đủ thứ ánh sáng. Chư thiên, đại chúng gặp ánh sáng ấy rồi, liền để cho ông Thuần Đà đến trước chỗ đức Phật mà dâng lên đồ cúng dường của ông ấy. Bấy giờ, trời, người và các chúng sinh mỗi mỗi đều tự lấy đồ cúng dường của mình mang theo, đến trước đức Phật, quì dài mà bạch đức Phật rằng :

- Nguyện xin đức Như Lai cho phép các vị Tỳ kheo nhận những đồ cúng dường này.

Các vị Tỳ kheo biết đã đúng lúc nên sửa áo, mang bát một lòng an tường. Bấy giờ, ông Thuận Đà vì đức Phật và chúng Tăng bố thí đủ thứ loại tòa báu Sư tử, treo tràng phan bảo bằng lụa ngũ sắc, hương hoa, chuỗi ngọc... Bấy giờ, ba ngàn đại thiên thể giới trang nghiêm vi diệu giống như đất nước An Lạc ở phương Tây. Bấy giờ, ông Thuận Đà đứng ở trước đức Phật, ưu bi buồn bã, bạch đức Phật một lần nữa rằng:

- Nguyện xin đức Như Lai rủ lòng thương xót chúng con, sống lâu một kiếp hay giảm một kiếp!

Đức Phật bảo rằng :

- Nay Thuận Đà! Ông muốn cho ta trụ thế lâu dài thì cần phải mau chóng dâng lên Đàn Ba la mật đầy đủ tối hậu!

Lúc bấy giờ, tất cả Đại Bồ tát, trời, người đủ loại, khác miệng đồng âm xưng lên như vậy rằng :

- Lạ thay! Ông Thuận Đà đã thành tựu đại phước đức nên có thể khiến cho đức Như Lai nhận sự cúng dường Vô thượng sau cùng của ông ấy. Chúng ta vô phước nên sự thiết bày đồ cúng dường trở thành uổng phí!

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn khiến cho nguyện vọng của tất cả chúng sinh được thỏa mãn nên ở trên thân mình, mỗi một lỗ chân lông hóa ra vô lượng đức Phật. Mỗi một đức Phật đều có vô lượng những Tỳ kheo Tăng. Các đức Thế Tôn và vô lượng chúng này đều thị hiện nhận đồ cúng dường của những người ấy. Đức Thích Ca Như Lai tự thọ nhận sự dâng bày cúng dường của ông Thuận Đà. Bấy giờ, đồ ăn nấu chín bằng gạo ngon của ông Thuận Đà đựng đầy tám hộc nước Ma Đà Đà (dung cụ đo lường của nước ấy) nhờ thần lực của đức Phật nên đều cung ứng sung túc cho tất cả đại hội. Bấy giờ, ông Thuận Đà thấy việc đó rồi thì lòng sinh vui mừng, hớn hở không lường. Tất cả Đại chúng cũng lại như vậy. Bấy giờ, đại chúng vung thánh chỉ của đức Phật, đều nghĩ rằng : “Đức Như Lai nay đã thọ sự cúng dường của chúng ta thì chẳng bao lâu nữa nhất định sẽ vào Niết Bàn”. Họ nghĩ thế rồi, lòng phát sinh buồn vui lẫn lộn. Bấy giờ, rừng cây với khu đất nhỏ hẹp ấy, do thần lực của đức Phật, dù là chỗ nhỏ như đầu mũi kim cũng đều có vô lượng các đức Phật Thế Tôn và quyến thuộc ngồi thọ thực mà đồ ăn cũng không sai khác. Lúc đó, trời, người, a tu la.v.v... bị thán gào khóc mà nói lên rằng :

- Đức Như Lai ngày hôm nay đã thọ nhận lễ cúng dường sau cùng của chúng ta mà thọ cúng dường rồi thì sẽ Bát Niết Bàn. Chúng ta sẽ lại cúng dường ai nữa đây! Chúng ta nay vĩnh viễn lìa khỏi đấng Điều Ngự Vô thượng! Mù tối không trông mắt con người (không mắt)!

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn an ủi tất cả đại chúng mà nói kệ rằng :

Các ông chớ buồn than Ø Pháp chư Phật ứng vậy

Ta vào với Niết Bàn Đã qua vô lượng kiếp

Thường thọ vui thắng hơn Mãi ở chỗ yên ổn.

Ông nay nghe hết lòng Niết Bàn ta sẽ nói :

Thực tướng ta lìa xong Trọn không hoạn đói khát

Nay sẽ vì các ông Nói thuận theo nguyện ấy

Khiến tất cả chúng sinh Đều được vui yên ổn.

Ông nghe nên tu hành Pháp chư Phật thường trụ.

Giả sử quạ cùng chim Đồng chung một cây đậu

Giống như anh em thân Vậy mới Niết Bàn mãi.

Tất cả, Như Lai xem Như La Hầu La vậy.

Thường được chúng sinh tôn Sao vĩnh viễn Niết Bàn?

Giả sử rắn, chồn, chuột Đồng ở chung một hang

Yêu nhau như huynh đệ Vậy mới mãi Niết Bàn.

Như Lai nhìn tất cả Như La Hầu La đó

Thường được chúng sinh tôn Sao vĩnh viễn Niết Bàn?

Giả sử hoa bảy cánh Chuyển thành Bà sư hương
Ca Lưu thành Trần Đầu Vậy mới mãi Niết Bàn.
Nhu Lai nhìn tất cả Như La Hầu La đó
Sao từ bi tiêu tan Vào Niết Bàn vĩnh viễn?
Giả sử Đại Tà Kiến (Nhất xiển đề) Hiện thân Phật đạo thành
Mãi ở Đệ nhất lạc Vậy mới vào Niết Bàn.
Nhu Lai nhìn tất cả Như La Hầu La đó
Sao mà bỏ từ bi Vào Niết Bàn vĩnh viễn?
Giả sử tất cả chúng Nhất thời Phật đạo thành
Xa lìa những lỗi hoạn Vậy mới vào Niết Bàn.
Nhu Lai nhìn tất cả Như La Hầu La đó
Thì sao bỏ từ bi Vào Niết Bàn vĩnh viễn.
Giả sử nước muối, ve Ngấm tan vào trong đất
Sông, hang, biển tràn trề Vậy mới vào diệt độ (Niết Bàn)
Lòng bi nhìn tất cả Đều như La Hầu La
Thường được chúng sinh kính Sao Niết Bàn vĩnh viễn?
Do đó nên các ông Nên ưa sâu chánh pháp
Chẳng nên sinh ưu phiền Mà kêu gào khóc lóc.
Nếu muốn chánh hạnh mình (Thì) Tu Như Lai thường trụ
Pháp như vậy xét xem Trường tồn chẳng biến dị.

Lại nên suy nghĩ rằng : Tam Bảo đều thường trụ

Thì đại hộ được thành Cầu cây khô ra quả (trái).

Đó gọi là Tam bảo Bốn chúng nên lắng nghe

Nghe rồi nên hoan hỷ Liền phát tâm Bồ Đề.

Nếu hay kể Tam Bảo Thường trụ đồng chân đế

Thì đây là thệ nguyện Tối thượng của chư Phật.

Nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di có thể dùng thệ nguyện tối thượng của Như Lai mà phát nguyện thì phải biết người đó không có ngu si, kham thọ cúng dường do quả báo công đức của nguyện lực này, ở đời thì tối thắng như A la hán. Nếu có người chẳng thể quan sát rõ Tam Bảo thường trụ như vậy thì chính là Chiên đà la. Nếu có người có thể biết Tam Bảo thường trụ thì nhân duyên thật pháp nên lìa khỏi khổ được an vui không ai nhiều hại có thể lưu nạn.

Lúc bấy giờ, đại chúng người, trời, a tu la.v.v... nghe pháp này rồi, lòng sinh vui mừng hơn hờ vô cùng. Lòng họ điều hòa nhu nhuyễn, giới diệt hết các sự che lấp. Lòng không cao thấp, uy nghi thanh tịnh, nhan mạo vui vẻ, biết Phật thường trụ. Vậy nên họ thiết bày sự cúng dường của chư thiên, tung lên đủ thứ hoa, hương bột, hương xoa... tấu lên kỹ nhạc, nhà trời để cúng dường đức Phật.

Lúc bấy giờ, đức Phật lại bảo Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử! Ông có thấy việc hy hữu của chúng này không?

Ngài Ca Diếp đáp rằng :

- Thấy rồi, thưa đức Thế Tôn! Con thấy các Như Lai nhiều vô lượng vô biên, chẳng thể xưng kể thọ bữa ăn mà các đại chúng người, trời dâng lên cúng dường. Con còn thấy đại thân trang nghiêm của chư Phật mà chỗ ngồi của các ngài như một mũi kim khâu với nhiều chúng vây quanh mà chẳng chướng ngại nhau. Con lại thấy đại chúng đều phát thệ nguyện, nói mười ba bài kệ. Con cũng biết đại chúng, lòng từng người đều nghĩ rằng : “Đức Như Lai hôm nay riêng thọ đồ cúng dường của một mình ta”. Giả sử đồ ăn dâng

cúng của ông Thuần Đà nghiền nát như vi trần mà dâng một hạt bụi đó cho một đức Phật còn chẳng cùng khắp được. Nhưng nhờ thần lực của đức Phật nên đồ cúng của ông Thuần Đà đều làm sung túc tất cả đại chúng. Chỉ những vị Đại Bồ tát như ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử.v.v... mới có thể biết việc hy hữu như vậy là do đức Như Lai phương tiện thị hiện. Con biết đại chúng Thanh Văn và A tu la.v.v... đều biết Như Lai là pháp thường trụ.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ông Thuần Đà rằng :

- Ông nay có thấy là việc này hy hữu đặc biệt kỳ lạ không?

- Thật vậy, thưa đức Thế Tôn! Con trước đã thấy vô lượng những đức Phật với thân trang nghiêm ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nay thấy hết những vị Đại Bồ tát với thân lớn sai khác, nhan mạo không gì sánh. Con chỉ thấy thân đức Phật ví như cây thuốc được sự vây quanh của những Đại Bồ tát.

Đức Phật bảo ông Thuần Đà rằng :

- Sự thấy vô lượng đức Phật của ông trước đó chính là do sự biến hóa của ta, vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ được vui mừng! Những đại Bồ tát như vậy đã có thể tu hành chẳng thể nghĩ bàn, có thể tạo tác vô lượng những Phật sự. Nay Thuần Đà! Ông nay đều đã thành tựu hạnh đại Bồ tát, được trụ ở Thập Địa, sở hạnh của Bồ tát đã hoàn thành đầy đủ.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời của đức Phật! Ông Thuần Đà đã tu thành Bồ tát hạnh, con cũng tùy hỷ! Hôm nay đức Như Lai muốn vì vô lượng chúng sinh đời vị lai tạo tác ánh sáng lớn nên nói Kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn này. Thưa đức Thế Tôn! Tất cả Khế kinh nói thì có nghĩa khác hay không nghĩa khác vậy?

- Nay thiện nam tử! Lời ta nói thì cũng có nghĩa khác, cũng không nghĩa khác!

Ông Thuần Đà bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Như lời đức Phật nói :

Những vật sở hữu Ø Bỏ thí hết đi

Chỉ được khen ngợi Không hủy tổn gì!

Thưa đức Thế Tôn! Nghĩa đó ra sao? Trì giới, hủy giới có gì sai biệt?

Đức Phật dạy rằng :

- Chỉ trừ một người, còn tất cả những người bỏ thí đều được khen ngợi.

Ông Thuần Đà hỏi rằng :

- Sao gọi là “chi trừ một người”?

Đức Phật dạy rằng :

- Như đã nói trong Kinh này, là người phá giới!

Ông Thuần Đà lại thưa :

- Con nay chưa hiểu được! Nguyên xin đức Phật nói rõ cho!

Đức Phật bảo ông Thuần Đà rằng :

- Người phá giới gọi là Nhất xiển đề (Đại tà kiến)! Ngoài ra tất cả sự bỏ thí của những người khác đều được khen ngợi, thu hoạch được quả báo lớn!

Ông Thuần Đà lại hỏi :

- Nhất xiển đề thì nghĩa ấy ra sao?

Đức Phật bảo rằng :

- Nay Thuần Đà! Nếu có Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di phát khởi lời thô ác bài báng chánh pháp. Họ đã tạo nghiệp nặng đó mà vĩnh viễn chẳng lòng hối cải, không có tâm quý. Những người như vậy thì gọi là những kẻ hướng đến con đường nhất xiển đề. Nếu kẻ phạm bốn trọng cấm, ngũ nghịch tội, tự biết nhất định phạm việc nặng như vậy mà lòng không chút kinh sợ, tủi thẹn, chẳng chịu phát lộ, đối với chánh pháp của Phật vĩnh viễn không có lòng hộ trì, nuôi tiếc, kiến lập, lời nói hủy báng khinh miệt, nhiều

tội lỗi. Những người như vậy cũng gọi là kẻ hướng về con đường nhất xiển đề. Nếu người nào nói không có Phật, Pháp, Tăng thì những người ấy cũng gọi là hướng về nhất xiển đề. Chỉ trừ bọn nhất xiển đề như thế này, ngoài ra những người bổ thí khác, tất cả đều được khen ngợi.

Lúc bấy giờ, ông Thuần Đà lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Sở dĩ gọi là phạm giới thì nghĩa ấy thế nào?

Đức Phật bảo ông Thuần Đà rằng :

- Như người phạm bốn trọng cấm và ngũ nghịch tội, bài báng chánh pháp... những người như vậy gọi là Phá Giới!

Ông Thuần Đà lại hỏi :

- Kẻ phá giới như vậy có thể cứu vớt chăng?

Đức Phật bảo ông Thuần Đà rằng :

- Nếu có nhân duyên thì có thể cứu vớt! Nếu người mắc pháp phục còn chưa rời bỏ mà lòng thường mang tủi thẹn, kính sợ, tự khảo trách : “Chao ôi! Sao ta bị phạm trọng tội ấy! Lạ thay! Sao ta lại tạo nghiệp khổ ấy!”, rồi tự hối cải sâu sắc, sinh lòng hộ pháp muốn kiến tạo chánh pháp và nghĩ rằng : “Nếu có người hộ pháp thì ta sẽ cúng dường. Nếu có người đọc tụng Kinh điển Đại Thừa thì ta sẽ hỏi han thọ trì, đọc tụng, đã thông lợi rồi ta lại vì người khác phân biệt nói rộng rãi”. Ta nói (đức Phật nói) người đó chẳng gọi là Phá Giới. Vì sao vậy? Nay thiện nam tử! Ví như mặt trời mọc có thể diệt trừ tất cả tối tăm của bụi che ngăn. Kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu này xuất hiện, hưng thịnh ở đời cũng lại như vậy, có thể trừ hết mọi tội đã làm trong vô lượng kiếp của chúng sinh. Vậy nên Kinh này nói rằng, hộ trì chánh pháp được quả báo lớn, cứu vớt phá giới. Nếu có người hủy báng chánh pháp này mà có thể tự cải hối quay trở về với pháp, tự nghĩ rằng, việc làm tất cả điều bất thiện như người tự hại mình, lòng sinh ra khủng bố kính sợ, tủi thẹn, trừ chánh pháp nay ra lại không có gì cứu hộ. Vậy nên cần phải quay trở về chánh pháp”. Nếu người có thể đúng như lời nói như vậy mà qui y thì bổ thí cho người này được phước không lường, cũng gọi là bậc ứng thọ cúng dường của thế gian. Nếu người phạm tội nghiệp ác như trên mà hoặc qua một tháng hay mười lăm ngày, chẳng phát sinh lòng qui y, phát lồ. Nếu bổ thí cho hạng người này thì quả báo rất ít. Người phạm ngũ nghịch cũng lại

như vậy, có thể sinh lòng hối hận, bên trong mang tội thẹn rằng : “Nay ta đã làm nghiệp bất thiện rất là khổ lắm! Ta sẽ kiến lập và hộ trì chánh pháp!” thì đó chẳng gọi là tội ngũ nghịch vậy. Nếu bố thí cho người này thì được phước không lường. Đã phạm tội nghịch rồi chẳng sinh lòng hộ pháp, qui y thì có bố thí cho người đó thì phước chẳng đủ nói. Lại, này thiện nam tử! Về người phạm trọng tội thì ông nay hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói rộng rãi! Ông nên sinh tâm này : “Gọi là Chánh pháp tức là vi mật tạng của Như Lai. Vậy nên ta phải hộ trì kiến lập”. Bố thí cho người này thì được thắng quả báo. Này thiện nam tử! Ví như người con gái mang thai gần sinh, gặp nước loạn lạc, tránh xa đến nước khác. Ở tại một ngôi miếu thờ trời, nàng liền sinh con và nuôi dưỡng. Về sau, nghe nước cũ yên ổn, giàu thịnh, nàng mang con mình muốn trở về quê cũ. Đường đi phải qua sông Hằng, nước lớn chảy xiết mà phải bồng con, chẳng thể qua sông được, nàng liền tự nghĩ rằng : “Ta thà cùng con chung mạng chung một chỗ, chứ chẳng bỏ con mà qua sông một mình”. Nghĩ thế rồi nàng cùng con đều chìm chết. Sau khi mạng chung nàng liền sinh lên trời. Do từ niệm đến con, muốn khiến cho con được qua sông mà người con gái vốn tính tệ ác đó, nhờ lòng thương con nên được sinh lên trời. Người phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián mà sinh lòng hộ pháp cũng lại như vậy, tuy trước có làm nghiệp bất thiện, nhưng do hộ pháp nên được làm ruộng phước vô thượng của thế gian. Người hộ pháp này có phước báo không lường như vậy.v.v...

Ông Thuần Đà lại bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Nếu nhất xiển đề có thể tự cải hồi cung kính, cúng dường, khen ngợi Tam bảo thì thí cho người như vậy có được đại quả báo không?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử! Ông nay chẳng nên nói lời như vậy! Này thiện nam tử! Ví như có người ăn trái cây Am La, nhả hạt xuống đất mà lại nghĩ rằng : “Trong hạt trái này chắc có vị ngọt!” Hẳn liền lấy trở lại, đập vỡ mà ăn. Vị của hạt ấy rất đắng, lòng sinh ra hối hận. Hẳn sợ mất giống trái cây liền thu thập lại những hạt vỡ ấy, rồi gieo vào đất, siêng năng gia công sửa trị, dùng váng sữa, dầu và sữa để tùy lúc tưới bón. Ý ông thế nào? Có chắc những hạt ấy mọc được không?

- Thưa đức Thế Tôn! Không vậy! Giả sử trời mưa xuống nước cam lộ vô thượng còn cũng chẳng mọc được!

- Nay thiện nam tử! Nhất xiển đề kia cũng lại như vậy, đã thiêu đốt, tiêu diệt hết căn lành thì sẽ ở chỗ nào mà được trừ diệt tội. Nay thiện nam tử! Nếu người sinh lòng thiện thì đó chẳng gọi là nhất xiển đề vậy. Nay thiện nam tử! Do nghĩa này nên tất cả sự bố thí mà quả báo sở đắc chẳng phải không sai biệt. Vì sao vậy? Vì bố thí cho Thanh Văn thì quả báo sở đắc khác, bố thí cho Bích Chi Phật được quả báo cũng khác, chỉ có cúng dường cho Như Lai là thu hoạch được quả Vô thượng. Vậy nên nói rằng, tất cả sự bố thí chẳng phải không sai khác.

Ông Thuần Đà lại nói rằng :

- Vì sao đức Như Lai nói bài kệ này?

Đức Phật bảo ông Thuần Đà rằng :

- Vì có nhân duyên nên ta nói bài kệ này! Trong thành Vương Xá có một người Ưu bà tắc, lòng không tịnh tín, phụng sự giáo phái Ni-Kiên mà đến hỏi ta về ý nghĩa của Bố thí. Do nhân duyên này nên ta nói bài kệ đó, ta cũng vì những vị đại Bồ tát nói nghĩa của bố thí. Như bài kệ ấy thì nghĩa ấy thế nào? Tất cả là một phần ít tất cả! Ông phải biết rằng, đại Bồ tát là kẻ hùng trong loài người, nhiếp lấy kẻ tri giới mà bố thí sự cần dùng cho họ, xả bỏ kẻ phá giới như trừ bỏ cỏ bông kê.

Lại nữa, nay thiện nam tử! Như ta thuở xưa đã nói kệ rằng :

Tất cả sông nước Ø Ất có khúc quanh

Tất cả rừng rậm Ất cây có danh

Tất cả người nữ Ất lòng dối quanh (siểm khúc) Tất cả tự tại Ất
thọ an lành (lạc an).

Lúc bấy giờ, đại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi liền đứng dậy, trật áo vai phải, gối phải quỳ xuống đất, trước lễ dưới chân đức Phật mà nói kệ rằng :

Chẳng phải mọi sông Ø Khúc quanh ắt có

Chẳng phải mọi rừng Đều có danh mộc

Chẳng phải nữ nhân Đều dạ siểm khúc

Mọi Tụ Tại Tôn Chẳng ắt thọ lạc.

Bài kệ đức Phật đã nói, nghĩa ấy có khác. Nguyên xin ngài rũ lòng thương xót nói lên cái nhân duyên ấy! Vì sao vậy? Thừa đức Thế Tôn! Ở ba ngàn đại thiên thế giới này có châu tên là Câu Gia Ni. Châu ấy có sông ngay thẳng chẳng quanh co tên là Ta Bà Gia. Nó giống như sợi dây thẳng, chảy vào biển phía Tây. Như vậy tương dòng sông này khác với trong Kinh mà đức Phật chưa từng nói. Nguyên xin đức Như Lai nhân trong Kinh Phương Đăng A Hàm này, nói có nghĩa khác khiến cho các Bồ tát tín giải sâu sắc vấn đề đó. Thừa đức Thế Tôn! Ví như có người trước biết quặng vàng mà sau chẳng nhận thức được vàng. Đức Như Lai cũng vậy, biết hết pháp rồi mà sự diễn nói có cái khác chẳng hết. Đức Như Lai tuy nói lời nói khác như vậy nhưng cần phải phương tiện lý giải ý thú của vấn đề ấy. Tất cả rừng rậm nhất định là cây cối nhưng rừng đó cũng có cái khác. Vì sao vậy? Vì đủ thứ cây báu như vàng, bạc, lưu ly... đó cũng gọi là rừng. Tất cả nữ nhân nhất định mang lòng đua nịnh quanh co. Điều này cũng có khác. Vì sao vậy? Vì cũng có nữ nhân giới gìn giữ cấm giới, thành tựu công đức, có đại từ bi. Tất cả đáng tự Tại nhất định hưởng thọ an vui. Điều này cũng có khác. Vì sao vậy? Vì có đáng Tự Tại là vua Chuyển Luân Thánh, là pháp vương Như Lai chẳng thuộc phạm vi ma chết, chẳng thể diệt tận. Còn Phạm Vương, Đế Thích, Chư Thiên... tuy được tự tại nhưng đều là vô thường. Nếu được thường trụ, không biến dị thì mới gọi là tự tại như là Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử! Ông nay giỏi được biện tài lạc thuyết! Nhưng ông hãy dừng lại, lắng nghe! Nay Văn Thù Sư Lợi! Ví như ông trưởng giả, thân mắc bệnh khổ. Lương y chẩn bệnh, rồi vì ông hòa hợp thuốc cao. Khi đó, người bệnh tham muốn uống nhiều thuốc. Vị lương y nói với người bệnh rằng : “Nếu người có thể tiêu hóa thì có thể uống tùy ý. Ông nay thân thể gầy yếu, chẳng nên uống nhiều. Ông phải biết thuốc cao này cũng gọi cam lộ mà cũng gọi là thuốc độc. Nếu uống nhiều mà chẳng tiêu hóa thì gọi là độc dược!”. Nay thiện nam tử! Ông nay chớ cho là lời nói của vị thầy thuốc đó trái với nghĩa lý, làm tổn thất thế lực của thuốc cao. Nay thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, vì các quốc vương, hậu phi, thái tử, vương tử, đại thân... nhân vương tử, hậu phi... của vua Ba tư Nặc có lòng kiêu mạn mà vì muốn điều phục nên thị hiện sự khùng bố như vị lương y kia, nên nói kệ rằng :

Tất cả sông nước Ø Ất có khúc quanh

Tất cả rừng rậm Ất cây có danh

Tất cả người nữ Ất lòng dối quanh

Tất cả Tụ Tại Ất thọ an lành.

Này Văn Thù Sư Lợi! Ông nay phải biết, lời nói của Như Lai không có sai lầm. Như đất đai này có thể làm cho lật úp, nhưng lời nói của Như Lai nhất định không sai lầm! Do nghĩa này nên lời nói của Như Lai, tất cả hữu dư.

Lúc bấy giờ, đức Phật khen ngài Văn Thù Sư Lợi rằng :

- Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử! Ông biết ý nghĩa như vậy đã lâu nhưng vì thương xót tất cả, muốn khiến cho chúng sinh được trí tuệ nên rộng hỏi Như Lai về ý nghĩa của bài kệ như vậy!

Lúc bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử lại ở trước đức Phật mà nói kệ rằng :

Với lời người khác Ø Chẳng nghịch, thuận từng

Cũng chẳng quán khác Tác dùng bất tác

Chỉ tự quán thân Hành thiện, bất thiện.

Như vậy, đức Thế Tôn nói pháp được này chẳng phải là chánh thuyết mà chỉ đối với lời nói người khác thuận theo, chẳng nghịch lại thôi! Nguyên xin đức Như Lai rũ lòng thương nói lời chân chánh! Vì sao vậy? Thừa đức Thế Tôn! Vì ngài thường nói, tất cả chín mươi lăm thứ ngoại học, đều hướng đến con đường ác. Các đệ tử Thanh Văn đều hướng về đường chánh như hộ trì cấm giới, nhiếp lấy oai nghi, giữ gìn cẩn thận các căn. Nhưng người như vậy ưa thích Đại pháp sâu sắc, hướng đến Thiện đạo mà vì sao đức Như Lai ở trong chính bộ Kinh, thấy có người hủy báng người khác thì liền quả trách? Như vậy ý nghĩa bài kệ là hướng đến chỗ nào?

Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng :

- Này thiện nam tử! Ta nói bài kệ này cũng chẳng vì hết tất cả chúng sinh! Bây giờ ta chỉ vì vua A Xà Thế. Các đức Phật Thế Tôn, nếu không nhân duyên thì nhất định chẳng nói nghịch, vì có nhân duyên nên mới nói vậy! Này thiện nam tử! Vua A xà Thế hại cha ông ấy rồi đi đến chỗ của ta, muốn chiết phục ta mà hỏi như vậy : “Thưa đức Thế Tôn! Thế nào? Nhất thiết trí này chẳng phải là Nhất thiết trí sao? Nếu là Nhất thiết trí thì ông Điều Đạt thuở xưa, trong vô lượng đời, thường mang lòng ác, theo đuổi đức Như Lai, muốn làm nghịch hại ngài mà vì sao đức Như Lai còn cho ông ấy xuất gia?” Này thiện nam tử! Do nhân duyên này nên ta vì vị vua đó mà nói kệ này :

Vói lời người khác Ø Chẳng nghịch, thuận tùng

Cũng chẳng quán khác Tác dùng bất tác

Chỉ tự quán thân Hành thiện, bất thiện.

Phật bảo rằng : “Này đại vương! Ông nay hại cha, đã tạo tác tội nghịch vô gián rất nặng nên phải phát lồ để cầu thanh tịnh thì còn duyên vào đâu mới lại thấy tội lỗi của người khác?” Này thiện nam tử! Do nghĩa này nên ta vì vị vua đó mà nói bài kệ này. Lại nữa, này thiện nam tử! Cũng vì hộ trì người chẳng hủy cấm giới thành tựu uy nghi, thấy lỗi người khác mà ta nói bài kệ đó. Nếu lại có người thọ lời dạy bảo của người khác, xa lìa mọi ác, lại dạy người khác xa lìa mọi ác thì người như vậy tức là đệ tử của ta!

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì ngài Văn Thù Sư Lợi, lại nói kệ rằng :

Tất cả sợ gậy, dao Ø Không ai chẳng yêu mạng

Lấy mình mà suy ra Chớ giết, chớ đánh trượng.

Lúc bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi lại ở trước đức Phật mà nói kệ rằng:

Phi tất cả sợ dao (gậy) Ø Phi tất cả yêu mạng

(Phi tất cả : chẳng phải tất cả...)

Lấy mình mà suy ra Siêng làm Thiện phương tiện.

Đức Như Lai nói ý nghĩa câu pháp này cũng là chưa hết! Vì sao vậy? Vì như A la hán, Chuyển Luân Thánh Vương, ngọc nữ, voi ngựa, chủ tạng đại

thần mà những trời, người và a tu la cầm gươm bén có thể hại họ được thì không có điều này. Dũng sĩ, liệt nữ, vua ngựa, chúa thú, Tỳ kheo trì giới, tuy đến đối mặt nhau mà chẳng kính sợ. Do nghĩa này nên đức Như Lai nói kệ cũng là hữu dư. Nếu nói rằng, suy mình ra có thể làm ví dụ thì tức là cũng hữu dư. Vì sao vậy? Vì nếu khiến A la hán lấy mình ví cho người kia thì có ngã tướng và cả mạng tướng. Nếu có ngã tướng và cả mạng tướng thì nên ủng hộ. Phạm phu cũng nên thấy A la hán đều là người tu hành. Nếu như vậy thì tức là tà kiến. Nếu có tà kiến thì mạng chung ứng sinh vào địa ngục A Tỳ. Lại, A la hán giả sử đối với chúng sinh phát sinh lòng hại thì không có điều này. Vô lượng chúng sinh cũng lại không thể hại A la hán.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử! Nói ngã tướng là nói đối với chúng sinh phát sinh lòng đại bi, không có tư tưởng giết hại; là nói A la hán có lòng bình đẳng. Ông chớ cho là đức Thế Tôn không có nhân duyên mà nói nghịch vậy. Ngày xưa ở trong thành Vương Xá của vị vua này có người thợ săn bực thầy giết nhiều bầy nai, mời ta ăn thịt. Bây giờ, ta tuy nhận lời mời của người đó, nhưng đối với các chúng sinh phát sinh lòng từ bi như thương La Hầu La mà nói kệ rằng :

Sẽ khiến người trường thọ Ø Mãi mãi trụ thế gian

Thọ trì pháp chẳng hại Như thọ mạng Thế Tôn.

Vậy nên ta nói bài kệ này :

Tất cả sợ gậy dao Không ai chẳng yêu mạng

Lấy mình mà suy ra Chớ giết, chớ đánh trượng.

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay! Hay thay! Nay Văn Thù Sư Lợi! Ông vì các vị đại Bồ tát nên hỏi han Như Lai về mật giáo như vậy!

Lúc bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi lại nói kệ rằng :

Sao gọi kính cha mẹ Ø Thuận theo mà trọng tôn?

Pháp này sao tu tập Mà đọa ngục Vô gian (Vô gián)?

Đến đây, đức Như Lai dùng kệ đáp :

Nếu mẹ là tham ái Ø Vô minh lấy làm cha

Thuận theo tôn trọng đó Thì đọa ngục A tỳ.

Lúc bấy giờ, đức Như Lai lại vì ngài Văn Thù Sư Lợi, một lần nữa nói kệ rằng :

Tất cả thuộc người (lệ thuộc người khác) Ø Thì gọi là khổ

Do mình tất cả Tự tại lạc an

Tất cả kiêu mạn Thế (lực) rất bạo tàn.

Những người hiền thiện Tất cả yêu thương.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Lời nói này của đức Như Lai cũng chẳng hết! Nguyên xin đức Như Lai lại rủ lòng thương xót nói về nhân duyên ấy. Vì sao vậy? Vì như con ông trưởng giả khi theo thầy học thì có bị lệ thuộc thầy không? Nếu lệ thuộc thầy thì nghĩa chẳng thành tựu, nếu chẳng lệ thuộc thì cũng chẳng thành tựu, nếu được tự tại cũng chẳng thành tựu. Vậy nên lời nói của Như Lai hữu dư! Lại nữa, thưa đức Thế Tôn! Ví như vị vương tử không có sự tập quen mọi việc, khi chạm đến việc thì chẳng thành. Đó cũng là tự tại nhưng ngu tối thường khổ. Như vậy vương tử đó nếu nói tự tại thì nghĩa cũng chẳng thành, hoặc nói rằng lệ thuộc người khác thì nghĩa cũng chẳng thành. Do nghĩa này nên nghĩa của lời nói đức Phật gọi là hữu dư. Vậy nên tất cả lệ thuộc người khác chẳng nhất định là thọ khổ và tất cả tự tại chẳng nhất định là thọ lạc (vui). Tất cả kiêu mạn thế lực rất bạo ác là cũng hữu dư! Thưa đức Thế Tôn! Như các liệt nữ lòng kiêu mạn nên xuất gia học đạo, hộ trì cấm giới, thành tựu uy nghi, nhiếp giữ các căn chẳng cho dong ruổi tán loạn. Vậy nên tất cả kết sử kiêu mạn chẳng nhất định là bạo ác. Người hiền thiện được tất cả ái niệm là cũng hữu dư. Như người, bên trong phạm bốn trọng cấm rồi mà chẳng bỏ pháp phục, kiên trì uy nghi người hộ trì Chánh pháp thấy được rồi thì chẳng ái niệm người đó, sau khi mạng chung còn bị đọa vào địa ngục. Nếu có người tốt phạm bốn trọng cấm rồi mà người hộ

pháp thấy liền đuối ra, bãi đạo hoàn tục. Do nghĩa này nên tất cả hiền thiện chẳng nhất định là đều được ái niệm.

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng :

- Có nhân duyên nên Như Lai nói đến nghĩa hữu dư này. Lại có nhân duyên nên các đức Phật Như Lai nói pháp này. Ở thành Vương xá có một người con gái tên là Thiện Hiền, trở về nhà cha mẹ, nhân đến chỗ ta, qui y với ta và Pháp cùng chúng Tăng mà nói lên rằng : “Thế của tất cả nữ nhân chẳng tự do còn tất cả nam tử tự tại vô ngại”. Bấy giờ, ta biết lòng của người con gái này, liền vì cô ấy tuyên nói bài kệ tụng như vậy. Nay Văn Thù Sư Lợi! Hay thay! Hay thay! Ông nay có thể vì tất cả chúng sinh hỏi về mật ngữ như vậy của Như Lai!

Ngài Văn Thù Sư Lợi lại nói kệ rằng :

Tất cả những chúng sinh Ø Điều nường ăn uống sống (còn)

Tất cả có sức lớn (to) Lòng ấy không ghét ghen.

Tất cả nhân ăn uống Mà bệnh khổ vương mang.

Tất cả tu tịnh hạnh Mà được thọ lạc an.

Như vậy, thưa đức Thế Tôn! Hôm nay ngài thọ bữa ăn cúng dường của ông Thuần Đà thì chúng sẽ không có sự kinh sợ cho đức Như Lai sao?

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại vì ngài Văn Thù mà nói kệ rằng:

Chẳng phải mọi chúng sinh Ø Điều nường ăn uống sống.

Chẳng phải mọi sức lớn Lòng đều không ghét ghen.

Chẳng phải mọi nhân ăn Mà bị các khổ bệnh.

Chẳng phải mọi tịnh hạnh Điều được thọ lạc an.

Nay Văn Thù Sư Lợi! Nếu ông bị bệnh thì ta cũng như vậy, mà bệnh khổ theo. Vì sao vậy? Vì các A la hán và Bích Chi Phật, Bồ tát, Như Lai thật ra không có sự ăn uống, nhưng vì muốn hóa độ những chúng sinh kia nên thì

hiện thọ dụng vô lượng vật bố thí của chúng sinh, khiến cho những người ấy đầy đủ Đản Balamật, cứu vớt địa ngục, súc sinh và ngã quỷ. Nếu nói rằng, Như Lai sáu năm khổ hạnh, thân hình gầy còm thì không có điều này. Các đức Phật Thế Tôn một mình cứu vớt các cõi mà chẳng đồng với hạng phàm phu thì sao mà được tấm thân gầy yếu vậy? Các đức Phật Thế Tôn tinh cần tu tập, thu hoạch được thân Kim Cương chẳng đồng với tấm thân nguy khốn dễ tan vỡ của người đời. Những đệ tử của ta cũng lại như vậy, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng nương vào ăn uống. Tất cả đại lực không ghen ghét thì cũng là nghĩa hữu dư. Như người thế gian trọn đời vĩnh viễn không có lòng ganh ghét mà không có đại lực. Tất cả bệnh khổ nhân ăn uống có được thì cũng là nghĩa hữu dư. Vì ta cũng thấy có người bị bệnh do khách quan như là dao, gươm, mâu, kích đâm chém. Tất cả người tịnh hạnh đều thọ yên vui thì cũng là nghĩa hữu dư. Thế gian cũng có người ngoại đạo tu hành phạm hạnh, chịu nhiều khổ não. Do nghĩa này nên lời nói của Như Lai tất cả là hữu dư. Đó gọi là Như Lai chẳng phải không nhân duyên mà nói kệ này. Vì có nhân duyên nên nói! Ngày xưa ở nước Ưu Thiên Ni này, có vị Bàlamôn tên là Cổ Đê Đức đi đến chỗ của ta, muốn thọ lần thứ tư pháp Bát Giới Trai. Lúc bấy giờ, ta vì ông ấy nói bài kệ này.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Sao gọi là nghĩa vô dư vậy? Sao gọi là nghĩa tất cả?

- Nay thiện nam tử! Tất cả là chỉ trừ người trợ đạo, thường ưa thiện pháp. Đó gọi là tất cả, cũng gọi là vô dư, là muốn khiến cho các thiện nam tử ưa pháp biết nghĩa hữu dư và vô dư này.

Bồ tát Ca Diếp, lòng rất vui mừng, hớn hở không lường, trước bạch đức Phật rằng :

- Rất lạ thay! Đức Thế Tôn bình đẳng nhìn chúng sinh như La Hầu La!

Bấy giờ, đức Phật khen Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Hay thay! Hay thay! Sự thấy của ông hôm nay thậm thâm, vi diệu!

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Nguyện xin đức Như Lai nói về công đức sở đắc của Kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn này!

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử! Nếu có người được nghe danh tự kinh này thì công đức sở đắc chẳng phải là điều có thể tuyên nói của các Thanh Văn, Bích Chi Phật, chỉ có Phật mới có thể biết. Vì sao vậy? Vì chẳng thể nghĩ bàn, vì chính là cảnh giới của Phật. Huống gì là công đức của người thọ trì, đọc tụng thông lợi và ghi chép thành kinh quyển.

Lúc bấy giờ, chư thiên, người đời và A tu la liền ở trước đức Phật, khác miệng đồng âm, mà nói kệ rằng :

Chư Phật khó nghĩ bàn Ø Pháp, Tăng lại cũng vậy

Vậy nên nay mời khuyên Nguyện xin chút dừng trụ

Đợi tôn giả A Nan Và ngài Đại Ca Diếp

Quyển thuộc hai chúng trên Chẳng bao lâu sẽ đến.

Cùng A Xà Thế Vương Quốc chủ nước Ma Kiệt

Kính tin Phật hết lòng Nơi này còn chưa đến

Nguyện xin Phật Thế Tôn Rũ lòng thương xót trụ,

Ở trong chúng này, xin Đoạn con những nghi võng (lưới nghi).

Lúc bấy giờ, đức Như Lai vì các đại chúng mà nói kệ rằng :

Trưởng tử pháp Thế Tôn Ø Tên là Đại Ca Diếp

Và A Nan tinh cần Hay đoạn mọi nghi hoặc

Các ông xem kỹ càng A Nan đa văn sĩ

Tự nhiên sẽ giải thông Thường và vô thường đó!

Do vậy mà chẳng nên Lòng mang ưu não lớn!

Lúc bấy giờ, đại chúng đem đủ thứ đồ vật cúng dường đức Như Lai. Cúng dường đức Phật rồi, họ liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và vô lượng vô biên hằng hà sa số những Bồ tát .v.v.. được trụ ở bậc Sơ địa. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn cùng với ngài Văn Thù Sư Lợi, Bồ tát Ca Diếp và cùng với ông Thuần Đà mà thọ ký biệt. Trao ký biệt xong, đức Phật nói như vậy :

- Nay các thiện nam tử! Các ông hãy tự sửa lấy lòng mình, cẩn thận chớ buông lung! Bệnh đau lưng của ta hôm nay làm toàn thân đều đau nhức. Ta nay muốn nằm nghỉ như đứa trẻ kia và như người bệnh hoạn thường. Nay Văn Thù! Các ông phải vì bốn bộ chúng diễn nói Đại Pháp rộng rãi. Nay ta đem pháp này phó chúc cho ông! Cho đến khi Ca Diếp và A Nan đến thì ông lại phải đem chánh pháp như vậy phó chúc cho họ.

Bấy giờ, khi đức Như Lai nói lời này rồi, vì muốn điều phục các chúng sinh nên ngài hiện thân có bệnh, nghiêng hông phải mà nằm như người bệnh vậy.

--- o0o ---

PHẨM HIỆN BỆNH

PHẦN XVIII:

Lúc bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Đức Như Lai đã khỏi tất cả bệnh tật, hoạn khổ đều trừ, không kinh sợ nữa. Thưa đức Thế Tôn! Tất cả chúng sinh có bốn mũi tên độc tức là nguyên nhân của bệnh. Những gì là bốn? Đó là tham dục, sân nhuế, ngu si, kiêu mạn. Nếu có nguyên nhân bệnh thì có bệnh sinh ra. Như là bệnh phổi nóng thì hơi trên thổ ra nghịch, thân thể đau đớn, tâm thần mê loạn, bệnh lỵ, bệnh nôn ọe, bệnh tiểu tiện ra máu, bệnh đau một bên mắt và tai, bệnh lưng, bụng trương đầy, bệnh điên cuồng khô tiêu bị quỷ my bắt... đủ thứ những bệnh về thân tâm như vậy mà các đức Phật Thế Tôn đều không có nữa. Hôm nay đức Như Lai vì duyên gì mà quay gọi Văn Thù Sư Lợi bảo rằng: “Ta nay đau lưng, các ông phải vì đại chúng nói pháp!” Theo con thì có hai nhân duyên, tức là ngài không có bệnh khổ. Những gì là hai? Một là thương xót tất cả chúng sinh. Hai là ngài muốn cung cấp bố thí cho người bệnh thuốc chữa bệnh. Đức Như Lai thuở xưa, đã ở trong vô lượng ức kiếp, tu đạo Bồ tát, thường hành ái ngữ làm lợi ích chúng sinh, chẳng khiến họ

khổ não, ngài đã bố thí cho người bệnh tật đủ thứ thuốc chữa bệnh thì vì nhân duyên gì đến hôm nay tự nói rằng, có bệnh? Thưa đức Thế Tôn! Người đời có bệnh, hoặc ngồi, hoặc nằm chẳng yên chỗ của mình, hoặc đi tìm đồ ăn thức uống, dạy bảo người nhà sửa trị sản nghiệp, còn vì sao đức Như Lai mặc nhiên mà nằm, chẳng dạy bảo những người đệ tử Thanh Văn về Thi Ba la mật, các thiền giải thoát Tam ma bát đề, tu các chánh cần? Vì nhân duyên gì ngài chẳng nói Kinh điển Đại Thừa thậm thâm như vậy? Vì sao đức Như Lai chẳng dùng vô lượng phương tiện dạy ngài Đại Ca Diếp, bậc vua voi trong loài người và các bậc đại nhân.v.v... khiến cho những vị ấy chẳng thoái lui Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao đức Như Lai chẳng sửa trị các vị Tỳ kheo ác nhận nuôi tất cả vật bất tịnh. Thưa đức Thế Tôn! Quả thật ngài không có bệnh mà sao ngài mặc nhiên nghiêng hông phải mà nằm? Các Bồ tát, phàm đã cấp thí cho người bệnh thuốc chữa bệnh thì thiện căn thu được đều bố thí cho chúng sinh mà chung hồi hướng về Nhất Thiết Chúng Trí, vì trừ diệt những phiền não chướng, nghiệp chướng, báo chướng của chúng sinh. Phiền não chướng là tham dục, sân nhuế, ngu si, phẫn nộ, triền cái, tiêu não (thiếu đốt, não hại), tật đố, san lộn, gian trá, dua nịnh, không tâm, không quý (không tui thẹn), mạn, mạn mạn, chẳng như mạn, tăng thượng mạn ngã mạn, tà mạn, kiêu mạn, phóng dật, cống cao, oán giận, tranh tụng, tà mạng, nịnh hót, trá hiện tướng khác, lấy lợi cầu lợi, cầu xấu, cầu nhiều, không có cung kính, chẳng theo lời dạy bảo, gần gũi bạn xấu, tham lợi không chán, trói buộc khó mở, muốn với ác dục, tham với ác tham, thân kiến, hữu kiến và cả vô kiến, luôn bày tỏ vừa lòng, ngủ ngáp chẳng vui, ham muốn ăn uống, lòng ấy tối tăm, lòng duyên vào dị tướng, chẳng khéo tư duy, thân miệng nhiều ác, ưa thích nhiều lời, các căn ám độn, phát ngôn nhiều hư dối, thường bị sự che trùm của dục giác, sân nhuế giác và độc hại giác... Đó gọi là phiền não chướng. Nghiệp chướng là năm tội vô gián, bệnh trọng ác. Báo chướng là sinh tại địa ngục, súc sinh, ngã quỷ, bài bàng chánh pháp và nhất xiển đề (Đại tà kiến). Đó gọi là báo chướng. Ba chướng như vậy gọi là đại bệnh mà các Bồ tát, ở vô lượng kiếp, khi tu Bồ Đề đã cấp cho tất cả người bệnh tật thuốc chữa trị, thường phát nguyện này : “Xin khiến cho các chúng sinh vĩnh viễn đoạn dứt bệnh nặng ba chướng này”! Lại nữa, thưa đức Thế Tôn! Đại Bồ tát khi tu Bồ Đề cấp cho tất cả người bệnh thuốc trị bệnh thường phát nguyện này : “Nguyện khiến cho chúng sinh vĩnh viễn đoạn dứt các bệnh, được thành thân Như Lai Kim Cương”. Lại nguyện : “Vì tất cả vô lượng chúng sinh làm vua Diệu Dược, đoạn trừ tất cả những trọng bệnh ác. Nguyện cho các chúng sinh được thuốc A đà đà, nhờ dược lực này có thể trừ tất cả ác độc không lường”. Lại nguyện cho chúng sinh đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không có thoái chuyển, mau chóng được thành tựu Phật dược Vô thượng, tiêu trừ tất cả mũi tên độc phiền não. Lại

nguyện cho chúng sinh siêng tu tinh tấn, thành tựu tâm Như Lai Kim Cương làm thuốc vi diệu trị liệu mọi thứ bệnh, chẳng khiến cho có người sinh ra tranh tụng tương. Cũng nguyện chúng sinh làm cây thuốc lớn trị liệu tất cả những trọng bệnh ác. Lại nguyện chúng sinh nhỏ ra tên độc, được thành ánh sáng Vô thượng của Như Lai. Lại nguyện cho chúng sinh được vào pháp tạng vi mật đại dược trí tuệ của Như Lai. Thưa đức Thế Tôn! Bồ tát như vậy đã ở vô lượng trăm ngàn vạn ức na do tha kiếp phát thệ nguyện này, khiến cho những chúng sinh đều không có các bệnh thì vì duyên có gì đức Như Lai cho đến hôm nay xưng lên rằng : có bệnh. Lại nữa, thưa đức Thế Tôn! Người đời có bệnh thì chẳng thể ngồi dậy, cúi, ngược, tiến, dừng, ăn uống chẳng ngăn, nước uống chẳng xuống, cũng lại chẳng thể dạy răn các con sửa trị gia nghiệp. Bây giờ, cha mẹ, vợ con, anh em, thân thuộc, bạn bè đều đối với người này sinh tư tưởng ắt chết. Thưa đức Thế Tôn! Đức Như Lai hôm nay cũng lại như vậy, nghiêng bên phải mà nằm mà không có luận nói gì thì những người ngu của cõi Diêm phù đề này sẽ nghĩ rằng, đức Như Lai Chánh Giác ắt sẽ Niết Bàn mà sinh ra diệt tận tương. Nhưng mà tính Như Lai thật ra chẳng rớt vào Niết Bàn. Vì sao vậy? Vì Như Lai thường trụ không biến dị. Do nhân duyên này, chẳng nên nói rằng, ta nay đau lưng.

Lại nữa, thưa đức Thế Tôn! Người đời có bệnh thì thân thể hao gầy, hoặc nằm, hoặc nghiêng thì nằm xuống giường nệm. Bây giờ lòng mọi người sinh ra khinh rẻ, khởi lên tư tưởng ắt chết. Đức Như Lai nay cũng lại như vậy, sẽ bị sự khinh nhờn của chín mươi lăm thứ ngoại đạo và phát sinh vô thường tương. Những ngoại đạo kia sẽ nói rằng : “Chẳng như chúng ta do tính của ngã nên người, tự tại, thời tiết, vi trần, các pháp.v.v... là thường trụ, không có biến dị. Sự biến thiên vô thường của ông Samôn Cù Đàm là pháp biến dị. Do nghĩa này nên, thưa đức Thế Tôn! Hôm nay ngài chẳng nên mặc nhiên nghiêng bên phải mà nằm. Lại nữa, thưa đức Thế Tôn! Người đời có bệnh thì bốn đại tăng tổn chẳng điều hòa thích hợp hỗ tương nhau, gầy yếu thiếu thốn. Vậy nên người bệnh chẳng thể tùy ý ngồi dậy, nằm xuống giường nệm. Đức Như Lai, bốn đại không gì chẳng điều hòa thích hợp, thân lực đầy đủ cũng không gầy yếu, tổn hao, thưa đức Thế Tôn! Như sức mười con trâu nhỏ chẳng bằng sức của một con trâu lớn. Sức mười con trâu lớn chẳng bằng sức của một con trâu xanh. Sức mười con trâu xanh chẳng bằng sức một con phàm tượng. Sức mười con voi thường chẳng bằng sức một con voi hoang. Sức mười con voi hoang chẳng bằng sức của một con voi hai ngà. Sức của mười con voi hai ngà chẳng bằng sức một con voi bốn ngà. Sức mười con voi bốn ngà chẳng bằng sức một con voi trắng của núi Tuyết. Sức mười con voi trắng núi Tuyết chẳng bằng sức một con Hương tượng. Sức mười con Hương tượng chẳng bằng sức một con voi xanh. Sức mười con voi xanh

chẳng bằng sức một con voi vàng. Sức mười con voi vàng chẳng bằng sức một con voi đỏ. Sức mười con voi đỏ chẳng bằng sức một con voi trắng. Sức mười con voi trắng chẳng bằng sức một con voi núi. Sức mười con voi núi chẳng bằng sức một con voi Ưu bát la. Sức mười con voi Ưu bát la chẳng bằng sức một con voi Ba đầu ma. Sức mười con voi Ba đầu ma chẳng bằng sức một con voi Câu vật đầu. Sức mười con voi Câu vật đầu chẳng bằng sức một con voi Phân đà lợi. Sức mười con voi Phân đà lợi chẳng bằng sức một lực sĩ trong loài người. Sức mười lực sĩ trong loài người chẳng bằng sức một Bát kiện đề. Sức của mười Bát kiện đề chẳng bằng sức một bát tý (cánh tay) Na la diên. Sức của mười Na la diên tám tay chẳng bằng sức một chi tiết của một Bồ tát Thập trụ. Những chi tiết trong thân của tất cả phàm phu chẳng đụng đến nhau. Đầu chi tiết của lực sĩ trong loài người đụng đến nhau. Các chi tiết trong thân của Bát kiện đề tiếp liền nhau. Đầu chi tiết trong thân của Na la diên móc vào nhau. Những xương đốt của Bồ tát Thập trụ như rỗng cuộn bung ra liên kết nhau. Vậy nên sức ấy của Bồ tát rất lớn. Khi thế giới thành, từ cõi bờ Kim cương dấy lên tòa ngời Kim cương lên đến dưới gốc cây Bồ Đề Đạo Tràng, đức Bồ tát ngồi rồi thì lòng tức thì chứng được mười lực. Đức Như Lai hôm nay chẳng nên như đũa hài nhi trẻ nít kia. Hài nhi trẻ nít ngu si vô trí thì không gì có thể nói. Do nghĩa này nên trẻ nít tùy nằm nghiêng không người chê trách. Còn đức Như Lai Thế Tôn có đại trí tuệ soi sáng tất cả, con rồng lớn của loài người đầy đủ đại uy đức, thành tựu thần thông, bậc tiên nhân vô thượng đoạn trừ vĩnh viễn lưới nghi, đã nhổ bỏ mũi tên độc, tiến lùi an tường, uy nghi đầy đủ, được vô sở úy thì hôm nay ngài vì sao nghiêng hông phải mà nằm, khiến cho những người, trời sầu bi khổ nào?

Lúc bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp liền ở trước đức Phật mà nói kệ rằng :

Đấng Cù Đàm thánh đức Ø Diệu pháp nguyện nói lên

Chẳng nên như đũa trẻ Người bệnh nằm trên giường.

Điều Ngự, Thiên Nhân Sư Nằm tựa Song Thọ gian

Phàm phu ngu hèn thấy Sẽ nói ắt Niết Bàn!

Chẳng biết điển Phương Đẳng Sở hạnh Phật thậm thâm.

Chẳng thấy vi mật tạng Như mù chẳng thấy đường

Chỉ có các Bồ tát Như Văn Thù vân...vân..

Giải được thậm thâm đó Như người giỏi bắn tên.

Ba đời các đức Phật Đại bi làm cội nguồn

Đại từ bi như vậy Nay ở đâu Thế Tôn?

Nếu Đại bi không có Thì chẳng gọi Thế Tôn (Phật)?

Niết Bàn nếu Phật quyết Thì chẳng gọi là thường.

Nguyện xin đấng Vô thượng Thượng nhận thỉnh chúng con

Chúng sinh được lợi ích Ngoại đạo bị diệt tan.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, lòng đại bi xông tỏa, biết ý niệm của mỗi một những chúng sinh, sắp muốn thuận theo sự lợi ích rốt cùng. Đức Phật liền trở dậy ngồi kiết già, nhan mạo tươi vui như vàng lỏng tụ lại, mặt mày đoan nghiêm giống như vàng trắng tròn đầy, hình dung thanh tịnh không có những cấu bẩn, phóng ra ánh sáng lớn soi đầy khắp hư không. Ánh sáng ấy thịnh đại hơn trăm ngàn mặt trời, soi đến các giới ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng phương trên, phương dưới, ban cho chúng sinh đuốc Đại Trí khiến cho họ diệt được hết vô minh hắc ám, khiến cho trăm ngàn ức na do tha an dừng ở tâm Bồ Đề chẳng thoái lui. Lúc bấy giờ, lòng đức Thế Tôn không tư lự nghi ngờ như vua Sư tử, ngài dùng ba mươi hai tướng của bậc Đại Nhân, tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm thân mình. Tất cả lỗ chân lông ở trên thân ấy mà mỗi một lỗ chân lông trở ra một đóa hoa sen. Hoa ấy vi diệu đều đủ một ngàn cánh mà sắc thuần màu vàng ròng, thân bằng lưu ly, tua bằng Kim Cương, đài bằng ngọc mai khô, hình dáng lớn tròn tựa giống như bánh xe. Những hoa sen đó đều phát đủ thứ màu sắc xen nhau như xanh, vàng, đỏ, trắng, tía, pha lê... Những ánh sáng đó đều soi khắp đến địa ngục A Tỳ, địa ngục Tương, địa ngục Hắc Thằng (dây đen), địa ngục Chúng Hợp, địa ngục Khiếu Hoán (kêu la), địa ngục Đại Khiếu Hoán, địa ngục Tiều Nhiệt (đốt nóng), địa ngục Đại Tiều Nhiệt. Chúng sinh trong tám địa ngục ấy thường bị sự bức thiết của các khổ như là đốt cháy, nung nấu, nướng trên lửa, chặt, đâm, lột da.... Họ gặp ánh sáng ấy rồi thì mọi khổ như vậy diệt hết, không còn, yên ổn, mát mẻ, khoái lạc không cùng cực. Trong ánh sáng ấy tuyên nói tạng bí mật của Như Lai rằng, các chúng sinh đều có Phật tính. Chúng sinh nghe rồi liền mạng chung sinh vào trong cõi trời, người. Cho đến tám thứ địa ngục lạnh giá (bàn băng)

như là địa ngục A Ba Ba, địa ngục A Tra Tra, địa ngục A La La, địa ngục A Ta Ta, địa ngục Ưu Bát La, địa ngục Ba Đầu Ma, địa ngục Câu Vật Đầu, địa ngục Phân Đà Lợi. Chúng sinh trong những địa ngục đó thường bị sự bức bách nỗi hại của khổ lạnh, như là cắt xé thân thể nát vụn, tàn hại lẫn nhau... Họ gặp ánh sáng ấy rồi thì những khổ như vậy cũng diệt không còn, liền được điều hòa ấm áp, thích hợp với thân thể. Trong ánh sáng này cũng nói tạng bí mật của Như Lai rằng, các chúng sinh đều có Phật tính. Chúng sinh nghe rồi, liền mạng chung sinh vào trong cõi người, trời. Lúc bấy giờ, ở cõi Diêm phù đề này và các thế giới khác mà có địa ngục thì đều trống không, không có người thọ tội, trừ nhất xiển đề. Ngã qui, súc sinh bị sự bức bách của đói khát, dùng tóc buộc thân, ở hàng trăm ngàn năm chưa từng nghe danh tự nước uống mà gặp ánh sáng ấy rồi thì đói khát liền tiêu trừ. Trong ánh sáng đó cũng nói lên tạng bí mật của Như Lai rằng, các chúng sinh đều có Phật tính. Chúng sinh nghe rồi, liền mạng chung sinh vào trong cõi người, trời, khiến cho loài ngã qui cũng đều trống không, trừ loài qui bài báng chánh điện Đại Thừa Phương Đẳng. Chúng sinh súc sinh giết hại lẫn nhau, tương tàn ăn thịt nhau mà gặp ánh sáng ấy rồi thì lòng sân nhuế đều diệt. Trong ánh sáng đó cũng nói lên tạng bí mật của Như Lai rằng, các chúng sinh đều có Phật tính. Chúng sinh nghe rồi, liền mạng chung sinh vào trong cõi người, trời. Đang khi ấy loài súc sinh cũng hết, trừ kẻ bài báng chánh pháp. Mỗi một hoa đó đều có một đức Phật với hào quang tròn tỏa sáng một tầm màu vàng rực rỡ, vi diệu đoan nghiêm, tối thượng vô tỷ. Thân các đức Phật đó trang nghiêm ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Những đức Thế Tôn đó, hoặc có vị ngồi, hoặc có vị đi, hoặc có vị nằm, hoặc có vị đứng hoặc dậy tiếng sấm, hoặc tuông mưa to, hoặc phóng ra ánh chớp, hoặc quất gió lớn, hoặc phát ra khói lửa thân như đám lửa, hoặc thị hiện bảy báu, những núi, ao, suối, sông, nước, núi rừng, cây cối..., hoặc lại thị hiện bảy báu, đất nước, thành ấp, tụ lạc, cung điện, nhà cửa, hoặc lại thị hiện voi, ngựa, sư tử, cọp, sói, không tước (công) phượng hoàng, các loài chim..., hoặc lại thị hiện khiến cho chúng sinh sẵn có trong cõi Diêm phù đề đều thấy địa ngục, ngã qui, súc sinh, hoặc lại thị hiện sáu trời cõi Dục. Lại có đức Thế Tôn, hoặc nói âm, giới, các nhập có nhiều những lỗi hoạn. Hoặc lại có vị nói pháp bốn Thánh Đế. Hoặc lại có vị nói nhân duyên của các pháp. Hoặc có vị nói các nghiệp phiền não đều do nhân duyên sinh. Hoặc có vị nói ngã cùng vô ngã. Hoặc có vị nói hai pháp khổ và vui. Hoặc lại có vị nói thường, vô thường.v.v... Hoặc lại có vị nói tịnh cùng bất tịnh. Lại có đức Thế Tôn vì các vị Bồ tát diễn nói việc tu hành sáu Ba la mật. Hoặc lại có vị nói về công đức sở đắc của các vị Đại Bồ tát. Hoặc lại có vị nói về công đức sở đắc của những đức Phật Thế Tôn. Hoặc lại có vị nói về công đức sở đắc của người Thanh Văn. Hoặc lại có vị nói thuận theo Nhất thừa. Hoặc lại có

vị nói về Tam thừa thành đạo. Hoặc có đức Thế Tôn mà hông trái tuông ra nước, hông phải phát ra lửa. Hoặc có vị thị hiện : sơ sinh, xuất gia, ngồi ở dưới gốc cây Bồ Đề Đạo Tràng, chuyển bánh xe diệu pháp, vào đến Niết Bàn. Hoặc có đức Thế Tôn tạo tiếng rống Sư tử khiến cho trong hội này có người được một quả, hai quả, ba quả cho đến quả thứ tư. Hoặc lại có vị nói lên vô lượng nhân duyên lia khỏi sinh tử. Lúc bấy giờ, chúng sinh sẵn có trong cõi Diêm phù đề này gặp ánh sáng ấy rồi thì người mù thấy được hình sắc, người điếc nghe được tiếng, người câm có thể nói, người què có thể đi, người nghèo được của, người san tham có thể bố thí, người sân nhuế phát từ tâm, người chẳng tin thì tin... Như vậy thế giới không có một chúng sinh tu hành pháp ác, trừ nhất xiển đề. Lúc bấy giờ, tất cả trời, rồng, quỷ thần, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khấn na la, ma hầu la già, la sát, kiền đà, ưu ma đà, a bà ma la, người, chẳng phải người.v.v... đều chung đồng thanh xưng lên rằng :

- Hay thay! Hay thay! Đáng Vô Thượng Thiên Tôn nhiều sự lợi ích!

Nói lời đó rồi, họ nhảy nhót vui mừng, hoặc ca, hoặc múa, hoặc thân chuyển động... dùng đủ loại hoa tung lên đức Phật và chúng Tăng. Những hoa đó là hoa Thiên Ưu bát la, hoa Câu vật đầu, hoa Ba đầu ma, hoa Phân đà lợi, hoa Mạn đà la, hoa đại Mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa đại Mạn thù sa, hoa Tán đà na, hoa đại Tán đà na, hoa Lô chỉ na, hoa đại Lô chỉ na, hoa Hương, hoa Đại hương, hoa Thích ý, hoa Đại thích ý, hoa Ái kiến, hoa Đại ái kiến, hoa Đoan nghiêm, hoa Đệ nhất đoan nghiêm. Họ lại còn tung lên các thứ hương như hương trầm thủy đa đà lâu, hương hòa hợp đủ thứ Chiên đàn uất kim, hương tụ bên bờ biển (long diên hương)... Họ lại dùng tràng phan bảo cái trên trời, các kỹ nhạc nhà trời như đàn tranh, sáo, sênh, đàn sắt, đàn không hầu... tâu thối lên để cúng dường đức Phật mà nói kệ rằng :

Con nay cúi lạy Đại Tinh Tấn

Vô thượng Chánh Giác Lương Túc Tôn

Trời, người, đại chúng đều chẳng biết

Chỉ có Cù Đàm mới hiểu thông.

Thế Tôn vì con nên thưở trước

Tu khổ hạnh nhiều kiếp không lường

Mà sao một sớm bỏ bốn thế
Liên bỏ mạng thân vào Niết Bàn
Tất cả chúng sinh chẳng thể thấy
Bí mật tạng của Phật Thế Tôn
Do nhân duyên này khó ra khỏi
Đường ác và sinh tử chuyển vần.
Như lời Phật nói, A la hán
Tất cả đều phải đến Niết Bàn
Hành xử Phật thậm thâm như vậy
Phàm phu ngu, ai có thể thông
Cho các chúng sinh pháp cam lộ
Vì họ đoạn trừ các não phiền
Nếu có người uống cam lộ ấy
Thì sinh, già, bệnh, chết chẳng còn.
Như Lai Thế Tôn đã trị liệu
Trăm ngàn chúng sinh nhiều không lường.
Khiến những trọng bệnh sở hữu ấy
Tất cả tiêu diệt hết, không còn.
Đã lâu Thế Tôn xa bệnh khổ
Nên được gọi đệ thất Thế Tôn (đệ thất Phật)

Nguyện xin hôm nay mưa pháp vũ

Thấm nhuần giống công đức chúng con.

Các đại chúng và người, trời đó

Thỉnh như vậy rồi đứng mặc nhiên.

Khi nói bài kệ này thì tất cả các đức Phật trong đài hoa sen từ cõi Diêm phù đề khắp đến cõi trời Tịnh Cư đều nghe hết. Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử! Ông đã đầy đủ trí tuệ vi diệu thậm thâm như vậy thì chẳng bị sự phá hoại của những ma ngoại đạo. Này thiện nam tử! Ông đã an trụ chẳng bị sự khuynh động của tất cả những cơn gió tà ác. Này thiện nam tử! Ông đã thành tựu biện tài “lạc thuyết”, đã từng cúng dường vô lượng hằng hà sa số những đức Phật Thế Tôn đời quá khứ. Vậy nên ông có thể hỏi Như Lai Chánh Giác về cái nghĩa như vậy. Này thiện nam tử! Ta vào thuở xa xưa, vô lượng vô biên ức na do tha trăm ngàn vạn kiếp đã trừ hết bệnh căn, vĩnh viễn lìa khỏi dựa, nằm. Này Ca Diếp! Thuở quá khứ vô lượng atăng kỳ kiếp, có đức Phật ra đời, hiệu là Vô Thượng Thắng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hành Túc Thiện Thế Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn. Ngài đã vì các Thanh Văn nói Kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn này, khai thị, phân biệt, hiển phát nghĩa của Kinh ấy. Ta vào lúc ấy cũng vì đức Phật đó mà làm Thanh Văn, thọ trì Kinh điển Đại Niết Bàn như vậy. Ta đọc tụng thông lợi, ghi chép thành Kinh quyển, rộng vì người khác mà khai thị, phân biệt, giải nói nghĩa của Kinh ấy, rồi đem thiện căn này hồi hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này thiện nam tử! Ta từ đó đến nay chưa từng có nghiệp duyên phiền não ác đọa vào ác đạo, bài bác Chánh pháp làm nhất xiển đề, thọ thân huỳnh môn, không có căn hay hai căn, phản nghịch cha mẹ, giết A la hán, phá tháp, hoại Tăng, làm chảy máu thân Phật, phạm bốn trọng cấm... Từ đó đến nay thân tâm ta yên ổn, không có các khổ não. Này Ca Diếp! Ta nay quả thật không có tất cả bệnh tật. Sở dĩ vì sao? Vì các đức Phật Thế Tôn xa lìa tất cả bệnh lâu rồi. Này Ca Diếp! Những chúng sinh chẳng biết lời mật giáo của Đại Thừa Phương Đẳng liền cho là Như Lai có bệnh chân thật.

Này Ca Diếp! Như nói rằng, Như Lai là sư tử trong loài người mà Như Lai thì thật chẳng phải là sư tử. Lời nói như vậy tức là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca Diếp! Như nói rằng, Như Lai là Đại Long trong loài người, mà ta đã ở trong vô lượng kiếp đã lìa bỏ nghiệp này. Này Ca Diếp! Như nói rằng, Như Lai là người, là trời, mà ta chân thật chẳng phải là người, chẳng phải là trời, cũng chẳng phải là quỷ thần, cần thát bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già, chẳng phải là Ngã, chẳng phải là mạng, chẳng phải có thể nuôi dưỡng, chẳng phải sĩ phu người, chẳng phải tác, chẳng phải bất tác, chẳng phải thọ, chẳng phải chẳng thọ, chẳng phải là Thế Tôn, chẳng phải là Thanh Văn, chẳng phải nói, chẳng phải chẳng nói... Những lời nói như vậy đều là lời dạy bí mật của Như Lai.

Này Ca Diếp! Như nói rằng, Như Lai giống như vua núi Tu Di, biển cả mà Như Lai thì thật chẳng phải vị mặn, đồng với núi đá. Ông phải biết, lời nói đó cũng là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca Diếp! Như nói rằng, Như Lai như hoa Phân Đà Lợi, mà ta thật chẳng phải là hoa Phân Đà Lợi. Lời nói như vậy tức là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca Diếp! Như nói rằng, Như Lai giống như cha mẹ, mà Như Lai thì thật chẳng phải là cha mẹ. Lời nói như vậy cũng là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca Diếp! Như nói rằng, Như Lai là Đại Thuyền Sư (người lái thuyền giỏi) mà Như Lai thì thật chẳng phải là Thuyền sư. Lời nói như vậy cũng là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca Diếp! Như nói rằng, Như Lai giống như thương chủ (người chủ buôn bán), mà Như Lai thì thật chẳng phải là thương chủ. Lời nói như vậy cũng là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca Diếp! Như nói rằng, Như Lai có thể tiêu diệt, hàng phục ma, mà Như Lai thì thật không có ác tâm muốn khiến cho người khác phục. Lời nói như vậy đều là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca Diếp! Như nói rằng, Như Lai có thể trị ung thư, ghẻ lở, mà ta thật chẳng phải là thầy trị ung thư, ghẻ lở. Lời nói như vậy cũng là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca Diếp! Như lời nói trước đây của ta, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân giỏi có thể sửa trị nghiệp của thân, miệng, ý thì khi bỏ mạng, tuy có thân tộc thủ lấy thi hài của mình hoặc dùng lửa đốt, hoặc ném vào nước lớn, hoặc bỏ vào nghĩa địa... chôn, sỏi, cầm thú tranh nhau ăn nuốt, nhưng tâm ý thức liền sinh vào đường thiện. Tâm pháp đó thật không đi, lại, cũng không chỗ đến, những là trước sau tương trợ, nối tiếp nhau, hình mạo như nhau chẳng khác. Lời nói như vậy tức là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca Diếp! Hôm nay ta nói bệnh cũng lại như vậy, cũng là lời dạy bí mật của Như Lai. Vậy nên, việc ta bảo với Văn Thù Sư Lợi, ta nay đau lưng, các ông hãy vì bốn chúng nói pháp, này Ca Diếp! Như Lai Chánh Giác thật không có bệnh, nghiêng hông phải mà nằm, cũng chẳng rớt cùng vào Niết Bàn. Này Ca Diếp! Đại Niết Bàn này tức là Thiên định thậm thâm của chư

Phật. Thiên định như vậy chẳng phải là hành xử của hàng Thanh Văn, Duyên Giác. Nay Ca Diếp! Vấn đề ông hỏi ở trước là, vì sao đức Như Lai dựa nằm, chẳng dậy, chẳng đòi ăn uống, răn bảo gia thuộc sửa trị sản nghiệp? Nay Ca Diếp! Tính của hư không cũng không ngồi dậy, tìm đòi ăn uống, dạy bảo gia thuộc sửa trị sản nghiệp, cũng không đi, lại, sinh-diệt, lão-trắng, hiện ra - mất đi, thương - phá, giải thoát - trói buộc, cũng chẳng tự nói, cũng chẳng nói người khác, cũng chẳng tự mở, cũng chẳng mở cho người khác, chẳng phải an, chẳng phải bệnh... Nay thiện nam tử! Các đức Phật Thế Tôn cũng lại như vậy, giống như hư không thì làm sao sẽ có những bệnh khổ vậy?

Nay Ca Diếp! Người đời có ba bệnh khó trị, một là bài báng Đại Thừa, hai là tội ngũ nghịch, ba là nhất xiển đề. Trong đời, ba thứ bệnh như vậy rất nặng mà chẳng phải Thanh Văn, Duyên Giác có thể trị liệu được. Nay thiện nam tử! Ví như có thứ bệnh nhất định chết không trị được, hoặc có xem bệnh tùy ý cho thuốc trị bệnh, hoặc không xem bệnh tùy ý cho thuốc trị bệnh như vậy nhất định chẳng thể chữa trị. Ông phải biết, người đó nhất định chết, chẳng nghi ngờ gì. Nay thiện nam tử! Ba thứ người này cũng lại như vậy, nếu có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát hoặc thuyết pháp, hoặc chẳng thuyết pháp thì cũng chẳng thể khiến cho những người ấy phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay Ca Diếp! Ví như người bệnh, nếu có xem bệnh theo ý cho thuốc trị bệnh thì có thể khiến hết bệnh còn nếu không thì người này chẳng thể hết bệnh. Thanh Văn, Duyên Giác cũng lại như vậy, theo Phật, Bồ tát được nghe pháp rồi liền có thể phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu họ chẳng nghe pháp thì chẳng thể phát tâm vậy. Nay Ca Diếp! Ví như người bệnh, nếu có xem bệnh theo ý cho thuốc trị bệnh, hoặc không xem bệnh theo ý cho thuốc trị bệnh đều có thể hết bệnh. Có một thứ người cũng lại như vậy, hoặc gặp Thanh Văn hay chẳng gặp Thanh Văn, hoặc gặp Duyên Giác hay chẳng gặp Duyên Giác, hoặc gặp Bồ tát hay chẳng gặp Bồ tát, hoặc gặp Như Lai hay chẳng gặp Như Lai hoặc được nghe pháp hay chẳng được nghe pháp mà tự nhiên được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó là có người hoặc vì tự thân, hoặc vì thân người khác, hoặc vì bố úy (kinh sợ), hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì đua nịnh, hoặc vì lừa dối người khác mà ghi chép Kinh Đại Niết Bàn như vậy rồi thọ trì, đọc tụng, cúng dường, cung kính vì người khác diễn nói.

Nay Ca Diếp! Có năm thứ người có bệnh hành xử đối với Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn này mà chẳng phải là Như Lai. Những ai là năm? Một là người đoạn được ba kết sử chứng quả Tu Đà Hoàn, chẳng còn đọa vào địa ngục, súc sinh, ngã quỉ, trở lại cõi người, trời bảy lần rồi đoạn trừ vĩnh viễn

các khổ mà vào với Niết Bàn. Nay Ca Diếp! Đó gọi là người thứ nhất có bệnh hành xử. Người này đời vị lai qua tám vạn kiếp sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay Ca Diếp! Người thứ hai là người đoạn dứt ba kết sử, giảm bớt tham, sân, si, chứng quả Tư Đà Hàm, một lần trở lại cõi người, trời rồi đoạn dứt các khổ mà vào với Niết Bàn. Nay Ca Diếp! Đó gọi là người thứ hai có bệnh hành xử. Người này vào đời vị lai qua sáu vạn kiếp sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Người thứ ba là người đoạn dứt năm hạ kết, chứng quả A Na Hàm, chẳng trở lại cõi này, đoạn trừ vĩnh viễn các khổ, vào với Niết Bàn. Đó gọi là người thứ ba có bệnh hành xử. Người này vào đời vị lai, qua bốn vạn kiếp, sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay Ca Diếp! Người thứ tư là người đoạn trừ vĩnh viễn tham dục, sân nhuế, ngu si, chứng quả A La Hán, phiền não không còn, vào với Niết Bàn, cũng chẳng phải là hạnh Kỳ lân độc nhất. Đó gọi là người thứ tư có bệnh hành xử. Người này vào đời vị lai, qua hai vạn kiếp sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay Ca Diếp! Người thứ năm là người đoạn trừ vĩnh viễn tham dục, sân nhuế, ngu si, chứng được đạo Bích Chi Phật, phiền não không còn, vào với Niết Bàn, thật sự là hạnh Kỳ lân độc nhất. Đó là người thứ năm có bệnh hành xử. Người này, vào đời vị lai, qua mười ngàn kiếp sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay Ca Diếp! Đó gọi là người thứ năm có bệnh hành xử, chẳng phải là Như Lai vậy.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ mười hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 11

PHẨM THÁNH HẠNH

PHẦN XIX/1.

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát cần phải đối với kinh Đại Bát Niết Bàn này, chuyên tâm suy nghĩ về năm thứ hạnh. Những gì là năm ? Một là Thánh hạnh, hai là Phạm hạnh, ba là Thiên hạnh, bốn là Anh nhi hạnh (hạnh trẻ con), năm là Bệnh hạnh (hạnh người bệnh). Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát thường phải tu tập năm thứ hạnh này. Lại có một hạnh nữa là hạnh Như Lai, đó là Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn. Này Ca Diếp ! Sao gọi là việc tu Thánh hạnh của Đại Bồ tát ? Đại Bồ tát hoặc theo Thanh Văn, theo Như Lai, được nghe Kinh Đại Niết Bàn như vậy mà nghe rồi thì sinh ra lòng tin, tin rồi thì nên làm theo suy nghĩ như vậy : “Các đức Phật Thế Tôn có đạo Vô thượng, có đại chánh pháp, có đại chúng chánh hạnh, lại có Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Ta nay vì yêu thích tham cầu Kinh Đại thừa nên lia bỏ sự yêu vợ con, quyến thuộc, chỗ ở, nhà cửa, vàng, bạc trân báu, chuỗi ngọc vi diệu, hương hoa, kỹ nhạc, nô bộc, cấp sứ, trai gái lớn nhỏ, voi, ngựa, xe cộ, trâu dê, gà, chó, heo lợn.v.v...” Đại Bồ tát lại nghĩ rằng : “Gia cư bức bách giống như lao ngục. Tất cả phiền não do đó mà sinh ra. Xuất gia ở nơi nhàn tịnh khoáng dãng giống như hư không. Tất cả thiện pháp nhân đó mà tăng trưởng. Nếu tại gia cư thì chẳng được trọn đời tịnh tu phạm hạnh. Ta nay cần phải cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo !” Họ lại nghĩ rằng : “Ta nay nhất định phải xuất gia tu học đạo Bồ Đề chân chính Vô thượng”. Khi Bồ tát muốn xuất gia như vậy thì thiên ma Ba Tuần phát sinh đại khổ não, nói rằng : “Bồ tát này lại phải cùng ta dấy cuộc chiến tranh lớn rồi !” Này thiện nam tử ! Bồ tát như vậy thì sao gọi là sẽ lại cùng người chiến tranh ? Lúc đó Bồ tát liền đi đến Tăng phường, nếu thấy Như Lai và đệ tử của Phật uy nghi đầy đủ, các căn tịch tịnh thì lòng Bồ tát ấy nhu hòa, thanh tịnh, tịch diệt, liền đến chỗ ấy mà xuất gia cầu đạo, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y. Đã xuất gia rồi thì Bồ tát phụng trì cấm giới, oai nghi chẳng khiếm khuyết, tiến lùi an tường, không có sự xúc chạm, thậm chí tội dù nhỏ lòng cũng sinh kính sợ. Lòng hộ giới giống như Kim cương. Này thiện nam tử ! Ví như có người đeo giữ phao nổi muốn qua biển cả. Bấy giờ, trong biển có một quỷ la sát liền theo người này đòi xin cái phao nổi. Người ấy nghe rồi liền nghĩ rằng : “Ta nay nếu cho thì nhất định chìm chết” nên đáp rằng : “Này La sát ! Người thù giết ta, chớ phao nổi chẳng thể cho được !” La sát lại nói rằng : “Người nếu chẳng thể cho hết thì có thể cho nửa cái phao ấy”. Người đó do dự chẳng chịu cho. La sát lại nói rằng : “Người nếu chẳng thể cho ta một nửa thì nguyện xin cho ta một phần ba”. Người đó chẳng chịu, quỷ La sát lại nói rằng : “Nếu chẳng thể thì cho ta chỗ bằng cánh tay”. Người đó chẳng chịu, La sát lại nói rằng : “Người nay nếu lại chẳng thể cho ta chỗ như cánh tay thì ta nay đối cùng cực, mọi khổ bức bách. Nguyện xin người sẽ cứu giúp ta một chỗ nhỏ như vi trần”. Người đó lại nói rằng : “Sự đòi hỏi của người nay quả thật chẳng nhiều, nhưng hôm nay ta phải đi qua biển mà chẳng biết đường trước gần xa

như thế nào ? Nếu ta cho người thì hơi sẽ thoát ra dần, nạn biển cả do đâu được thoát qua, có thể giữa đường chìm xuống nước mà chết”. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát hộ trì cấm giới cũng lại như vậy, như người qua biển kia tiếc giữ cái phao nổi. Khi Bồ tát thủ hộ giới như vậy thường có các ác La sát phiến não nói với Bồ tát rằng : “Ông phải tin ta, nhất định chẳng lừa dối nhau ! Ông chỉ phá bốn trọng cấm, hộ trì những giới còn lại. Do nhân duyên này khiến cho ông yên ổn được vào Niết Bàn”. Bảy giờ, Bồ tát nên nói rằng: “Ta nay thà trì cấm giới như vậy mà vào ngục A Tỳ, nhất định chẳng chịu hủy phạm để mà sinh lên trời !” La sát phiến não lại nói rằng : “Ông nếu chẳng thể phá bốn trọng cấm thì có thể phá Tăng tàn ! Do nhân duyên này khiến cho ông yên ổn được vào Niết Bàn !” Bồ tát cũng nên chẳng theo lời nói ấy. La sát lại nói rằng : “Ông nếu chẳng thể phạm Tăng tàn thì cũng có thể nên phạm tội Thâu La Già. Do nhân duyên này khiến cho ông yên ổn được vào Niết Bàn !” Bồ tát bảy giờ cũng lại chẳng theo. La sát lại nói rằng : “Ông nếu chẳng thể phạm Thâu Lan Già thì có thể phạm xả đọa. Do nhân duyên này ông có thể yên ổn được vào Niết Bàn !” Bồ tát bảy giờ cũng lại chẳng theo, La sát lại nói rằng : “Ông nếu chẳng thể phạm xả đọa thì có thể phá Ba Dạ Đề. Do nhân duyên này khiến ông yên ổn được vào Niết Bàn !” Bồ tát bảy giờ cũng lại chẳng theo, La sát lại nói rằng : “Ông nếu chẳng thể phạm Ba Dạ Đề thì may mắn có thể hủy phá giới Đột Cát La. Do nhân duyên này ông có thể được yên ổn vào với Niết Bàn !” Bồ tát bảy giờ, lòng tự nghĩ rằng : “Ta nay nếu phạm tội Đột Cát La mà chẳng phát lồ sám hối thì chẳng thể qua bờ kia của sinh tử để mà được Niết Bàn”. Đại Bồ tát ở trong những giới luật vi tiểu (nhỏ mọn) hộ trì kiên cố, lòng như Kim cương. Đại Bồ tát hộ trì bốn trọng cấm và Đột Cát La thì kính trọng, kiên cố, bình đẳng không sai khác. Bồ tát nếu có thể kiên trì như vậy thì tức là đầy đủ năm chi các giới. Đó là đầy đủ : Bồ tát căn bản nghiệp thanh tịnh giới, tiền hậu quyền thuộc dư thanh tịnh giới, Phi chư ác giác thanh tịnh giới, hộ trì chánh niệm niệm thanh tịnh giới, hồi hương A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề giới.

Này Ca Diếp ! Đại Bồ tát này lại có hai thứ giới. Một là Thọ thế giáo giới, hai là được Chánh pháp giới. Bồ tát nếu được Chánh pháp giới thì nhất định chẳng làm ác. Thọ thế giới (giới răn của đời) là bạch bốn Yết-ma, rồi nhiên hậu mới được. Lại nữa, này thiện nam tử ! Có hai thứ giới. Một là Tính trọng giới, hai là giới chãm dứt chê bai hiềm khích của đời. Tính trọng giới là bốn trọng cấm, dứt thế kỳ hiềm giới là chẳng làm những việc buôn bán, khinh trọng, nhỏ lớn, lừa dối... đối với người, nhân thế lực người khác mà lấy tài vật của người, lòng hại trói buộc, phá hoại thành công, thấp sáng mà nằm, ruộng đất gieo trồng, gia nghiệp bày ra. Chẳng nuôi voi, ngựa, xe cộ, trâu dê, lạc đà, lừa, gà, chó, khi đột, công (khổng tước) anh vũ, chim cọng

mạng và chim câu chỉ la, sài lang, cọp báo, mèo, chồn, heo lợn... và những ác thú khác, đồng nam, đồng nữ, trai lớn, gái lớn, nô tỳ, đồng bộc... Chẳng tích trữ vàng, bạc, lưu ly, pha lê, châu châu, xa cừ, mã não, san hô, bích ngọc, kha cụ (ngọc kha)... các thứ báu. Chẳng chứa đồng đỏ, bạch lạp, du thạch (hợp kim đồng-kẽm), chén bát, đồ đựng, thảm lông, chiếu lông, áo cảm lông vũ, tất cả lúa gạo, đậu mì lớn nhỏ, gạo tẻ, gạo nếp, mè, đồ ăn sống hay chín... Bò tát thường thọ một bữa ăn trong ngày, chưa từng ăn lần hai, nếu đi khát thực và ăn trong tảng chúng, Bò tát thường biết dừng đủ, chẳng nhận lời mời khác, chẳng ăn thịt, chẳng uống rượu, năm vật cay nồng đều chẳng ăn. Vậy nên thân người ấy không có mùi xú uế. Bò tát thường được sự cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi của chư thiên và tất cả người đời. Đi chân xin mà ăn, nhất định chẳng nhận đồ ăn lâu dài. Việc nhận quần áo chỉ đủ che thân. Tiến, dừng thường cùng ba y bát là đủ nhất định chẳng lìa bỏ như hai cánh chim. Chẳng nuôi căn tử (rễ, con), hành tử (hành :thân thảo), tiếp tử (nôi liền), tiếp tử, tử tử (con con) (?), chẳng chứa bảo tàng hoặc vàng, hoặc bạc, đồ ăn, thức uống, nhà bếp, kho lẫm, quần áo, phục sức. Giường lớn cao rộng, giường ngà voi, giường vàng đan xen đủ màu đều chẳng ngồi, nằm. Chẳng chứa tất cả những loại chiếu nằm mềm mại. Chẳng ngồi lên cỏ voi, cỏ ngựa (cỏ của voi ngựa ăn). Chẳng dùng y phục thượng diệu mềm mại để trải giường nằm. Giường nghỉ ngơi ấy chẳng đặt hai gối ? Cũng chẳng nhận chứa gối đỏ diệu hảo, an đặt gối gỗ vàng (huỳnh mộc). Nhất định chẳng nhìn xem đấu voi, đấu ngựa, đấu xe, đấu binh, hoặc nam, hoặc nữ, trâu, dê, gà, trĩ, anh vũ.v.v... đánh nhau. Cũng chẳng cố đến nhìn xem quân trận. Cũng chẳng cố nghe thổi vò sò, tù và, đánh trống, đàn cầm, đàn sắt, đàn không hầu, đàn tranh, sáo, tiếng ca xướng kỹ nhạc, trừ khi cúng dường Phật. Trò chơi sư bồ (một trò đánh bạc), cờ vây, ba la tặc, sư tử tượng đấu, cờ đàn, sáu cách đánh bạc, đá cầu, ném đá, quăng túi, dắt đường, tám đường đi thành... Tất cả sự vui chơi đều chẳng nên làm. Nhất định chẳng xem tướng tay, chân, mặt, mắt. Chẳng dùng chân súc vật, gương, cỏ chi, cành liễu, bát chén, đầu lâu mà làm bói quẻ. Cũng chẳng ngược xem hư không tinh tú, trừ khi muốn giải sự hôn thụy (ngủ mê). Chẳng làm sứ mạng qua lại của vương gia, đem đây nói cho đó, đem đó nói cho đây. Nhất định chẳng đua nịnh, tà mạng nuôi sống mình. Cũng chẳng tuyên nói việc vua tôi, đạo tặc, đấu tranh, ăn uống, đất nước đói kém kinh sợ hay giàu thịnh an vui. Này thiện nam tử ! Đó gọi là giới của Đại Bồ tát chấm dứt sự chê bai hiềm khích ở đời (Tức thế kỵ hiềm giới). Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát kiên trì giới cấm ngăn chặn như vậy cùng tính trọng giới bình đẳng không sai biệt.

Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát thọ trì những cấm giới như vậy rồi thì phát nguyện rằng : “Thà đem thân này gieo vào hầm sâu lửa cháy rực, nhất định chẳng hủy phạm việc chế cấm giới của chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại cùng con gái của sát lợi, bà la môn, cư sĩ.v.v... mà làm việc bất tịnh”. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại phát nguyện này : “Thà dùng sắt nóng bó buộc giáp vòng thân thể, nhất định chẳng dám đem thân phá giới mà nhận lấy quần áo của đàn việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại phát nguyện này : “Thà dùng miệng này nuốt hòn sắt nóng, nhất định chẳng dám dùng miệng hủy giới mà ăn đồ ăn, thức uống của đàn việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại phát nguyện này : “Thà thân này nằm trên sắt rất nóng, nhất định chẳng dám dùng thân phá giới thọ đồ trái giường nằm của đàn việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại phát nguyện này : “Thà đem thân này chịu ba trăm giáo nhọn đâm, nhất định chẳng dám đem thân hủy giới mà nhận thuốc chữa bệnh của đàn việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại phát nguyện này : “Thà đem thân này gieo vào vạc sắt nóng, nhất định chẳng dám đem thân phá giới nhận phòng xá nhà cửa của đàn việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại phát nguyện này : “Thà dùng chùy sắt đánh nát thân này từ đầu đến chân khiến cho như vi trần, chẳng đem thân phá giới nhận sự cung kính lễ bái của những Sát lợi, Bà la môn, cư sĩ”. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại phát nguyện này : “Thà dùng que sắt nóng móc đôi mắt của mình, chẳng dùng nhiễm tâm nhìn sắc đẹp người khác”. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại phát nguyện này : “Thà dùng dùi sắt đâm khắp cùng tai, chẳng dùng nhiễm tâm nghe âm thanh hay”. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại phát nguyện này : “Thà dùng dao bén cắt bỏ mũi của mình; chẳng dùng nhiễm tâm ham ngửi các mùi thơm”. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại phát nguyện này : “Thà dùng dao bén cắt nát lưỡi của mình, chẳng dùng nhiễm tâm tham trước vị ngon”. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại phát nguyện này : “Thà dùng búa bén chém đứt thân mình, chẳng dùng nhiễm tâm tham trước những chạm xúc”. Vì sao vậy ? Vì do nhân duyên này có thể khiến cho hành giả đọa vào địa ngục, ngã quỷ, súc sinh. Này Ca Diếp ! Đó gọi là Đại Bồ tát hộ trì cấm giới. Đại Bồ tát hộ trì cấm giới như vậy rồi thì đều đem bố thí cho tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này nguyện khiến cho chúng sinh hộ trì cấm giới được giới thanh tịnh, giới thiện, giới chẳng khuyết, giới chẳng chiết (gãy), giới Đại Thừa, giới chẳng thoái, giới tùy thuận, giới rốt ráo (tất cảnh) và thành tựu đầy đủ giới Ba la mật. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát khi tu trì giới thanh tịnh như vậy thì liền được trụ ở Bất động địa đầu tiên. Sao gọi là Bất động địa vậy ? Bồ tát trụ trong Bất động địa này thì chẳng động, chẳng đọa, chẳng thoái, chẳng tan. Này thiện nam tử ! Ví như núi Tu Di, gió mạnh Tùy Lam chẳng thể làm cho lay động, rơi

rớt, thoái, tan. Đại Bồ tát trụ trong địa này cũng lại như vậy, chẳng bị sự lay động của sắc, thanh, hương, vị, chẳng đọa vào địa ngục, súc sinh, ngã quỷ, chẳng thoái lui địa vị Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng bị tan theo gió tà kiến khác mà tạo tác tà mạng. Lại nữa, này thiện nam tử ! Chẳng động lại là chẳng bị sự lay động của tham dục, sân nhuế, ngu si. Lại chẳng đọa là chẳng rơi vào bốn trọng cấm. Lại chẳng thoái là chẳng lui lại nhà. Lại chẳng tán là chẳng bị sự tan hoại theo người trái nghịch Kinh điển Đại Thừa. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát cũng vậy chẳng bị sự khuynh động của các phiền não ma, chẳng bị sự đày đọa của âm ma... cho đến ngồi ở dưới cây Bồ Đề Đạo Tràng, tuy có thiên ma nhưng chẳng thể làm cho Bồ tát ấy thoái lui Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng lại chẳng bị việc làm tan hoại của tử ma (ma chết). Này thiện nam tử ! Đó gọi là Đại Bồ tát tu tập Thánh hạnh. Này thiện nam tử ! Sao gọi là Thánh hạnh ? Thánh hạnh là sở hạnh của Phật và Bồ tát. Vậy nên gọi là Thánh hạnh. Do những gì mà gọi Phật, Bồ tát là Thánh nhân vậy ? Những người như vậy có pháp Thánh, thường quán các pháp tánh không tịch. Do nghĩa này nên gọi là Thánh nhân. Người đó có giới Thánh nên gọi là Thánh nhân, có định huệ Thánh nên gọi là Thánh nhân. Người đó có bảy của cải Thánh là tín, giới, từ ái, đa văn, trí tuệ, xả, ly nên gọi là Thánh nhân. Người đó có bảy Thánh giác nên gọi là Thánh nhân. Do nghĩa này nên lại gọi là Thánh hạnh.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Hạnh Thánh của Đại Bồ tát là quan sát thân này từ đầu đến chân, trong ấy chỉ có tóc, lông, móng, răng chẳng sạch cấu bẩn, da, thịt, gân, xương, tỳ, thận, tim, phổi, gan, mật, ruột, bao tử sống chín hai tạng, đại tiểu tiện, nước mũi nước dãi, nước mắt, mồ, mô não, tủy xương, mủ, máu, sọ não, các mạch. Khi Bồ tát chuyên tâm quán như vậy thì có cái gì là ta ? Ta thuộc cái gì ? Trụ ở chỗ nào ? Cái gì thuộc về ta ? Bồ tát lại nghĩ rằng : “Xương là ta ư ? Lìa khỏi xương là gì vậy ?” Khi Bồ tát trừ khử da thịt, chỉ quán xương trắng thì lại khởi ý niệm này : “Màu xương khác như là màu xanh, vàng, trắng, màu chim câu. Như vậy tướng xương cũng lại chẳng phải là ta. Vì sao vậy ? Vì ta cũng chẳng phải màu xanh, vàng, trắng và cả màu chim câu”. Khi Bồ tát buộc lòng tác khởi sự quan sát này thì liền được đoạn trừ tất cả sắc dục. Bồ tát lại tác khởi ý niệm này : “Như vậy xương là từ nhân duyên sinh ra. Nương nhờ xương bàn chân để chống đỡ xương gót chân. Nương nhờ xương gót chân để chống đỡ xương ống chân. Nương nhờ xương ống chân để chống đỡ xương đầu gối. Nương nhờ xương đầu gối để chống đỡ xương đùi vế. Nương nhờ xương đùi vế để chống đỡ xương hông. Nương nhờ xương hông để chống đỡ xương lưng (eo). Nương nhờ xương lưng để chống đỡ xương sống. Nương nhờ xương sống để chống đỡ xương sườn. Lại nhân trên xương sống chống đỡ xương cổ. Nương nhờ xương cổ

để chống đỡ xương hàm. Nương nhờ xương hàm để chống đỡ răng. Trên có đầu lâu. Lại nhân xương cổ để chống đỡ xương vai. Nương nhờ xương vai để chống đỡ xương cánh tay. Nương nhờ xương cánh tay để chống đỡ xương cổ tay. Nương nhờ xương cổ tay để chống đỡ xương bàn tay. Nương nhờ xương bàn tay để chống đỡ xương ngón tay. Khi Đại Bồ tát quan sát như vậy thì số xương sở hữu của thân thể tất cả đều chia lìa. Bồ tát được cái quán này rồi thì liền đoạn trừ ba dục, một là hình mạo dục, hai là tư thái dục, ba là tế xúc dục. Khi Đại Bồ tát quán xương xanh thì thấy đại địa này khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới đều là tướng màu xanh. Như quán màu xanh, màu vàng, màu trắng, màu chim câu cũng lại như vậy. Khi Đại Bồ tát tác khởi sự quan sát này thì vùng chân mày liền phát ra ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng, màu chim câu.v.v... Ở trong mỗi một những ánh sáng này Bồ tát thấy có tượng Phật. Thấy rồi Bồ tát liền hỏi rằng : “Như thân này là bất tịnh, do nhân duyên hòa hợp chung thành mà sao lại được ngồi, dậy, đi, đứng, co, duỗi, cúi, ngược, nhìn, ngấm, hít thở, buồn khóc, vui cười ? Trong việc này không có chủ thì ai sai khiến vậy ?” Hỏi thế rồi thì các đức Phật trong ánh sáng bỗng nhiên biến mất. Bồ tát lại tác khởi ý niệm này : “Hoặc thức chính là ta nên khiến cho các đức Phật chẳng vì ta nói”. Bồ tát lại quan sát thức này theo thứ lớp sinh diệt giống như nước chảy thì cũng lại chẳng phải là ta. Bồ tát lại tác khởi ý niệm này: “Nếu thức chẳng phải là ta thì thở ra, hít vào hoặc có thể là ta”. Bồ tát lại tác khởi ý niệm này : “Thở ra hít vào này chính là tính của gió mà tính gió đó mới là tứ đại thì trong tứ đại cái gì là ta. Tính của đất chẳng phải là ta. Tính của nước, lửa, gió cũng lại chẳng phải là ta”. Bồ tát lại tác khởi ý niệm này : “Thân này tất cả đều không có ta. Chỉ có gió tâm nhân duyên hòa hợp, thì hiện ra đủ thứ nghiệp sở tác, ví như sức chú thuật làm ra điều huyền hóa, cũng như đàn không hầu (giống đàn sắt) theo ý phát ra âm thanh. Vậy nên thân này bất tịnh như vậy. Giả sử mọi nhân duyên hòa hợp chung thành thì sẽ ở chỗ nào mà sinh ra tham dục ? Nếu bị mắng chửi hủy nhục thì lại ở chỗ nào mà sinh ra sân nhuế ? Như thân này của ta gồm ba mươi sáu vật bất tịnh do bản hôi thối thì có chỗ nào nhận sự mạ nhục. Nếu nghe lời mạ nhục ấy thì Bồ tát liền suy nghĩ rằng : “Do âm thanh gì mà thấy mạ nhục vậy ? Mỗi một âm thanh riêng rẽ chẳng thể thấy mạ nhục mà nếu một chẳng thấy thì nhiều cũng vậy thôi. Do nghĩa này nên chẳng nên sinh ra sân giận. Nếu người khác đánh đập thì cũng nên suy nghĩ rằng : “Như vậy đánh từ đâu mà sinh ra ?” Bồ tát lại tác khởi ý niệm này : “Nhân có tay, dao gậy và cả thân ta nên được gọi là đánh. Ta nay vì duyên gì mà ngang ngược sân giận với người khác ? Chính thân ta tự chuốc lấy lỗi lầm đó là do ta thọ tám thân năm ấm này. Ví như nhân vào cái đích thì mới có trúng tên, thân ta cũng vậy, có thân thì có đánh. Ta nếu chẳng nhẫn thì lòng tán loạn. Nếu lòng tán loạn thì mất chánh niệm.

Nếu mất chánh niệm thì chẳng thể quan sát nghĩa thiện và chẳng thiện. Nếu chẳng thể quan sát nghĩa thiện và chẳng thiện thì làm ác pháp. Nhân duyên ác pháp thì rơi vào địa ngục, súc sinh, ngã quỉ. Khi Bồ tát tác khởi sự quan sát đó rồi thì được Tứ niệm xứ. Được Tứ niệm xứ rồi thì được trụ ở Kham nhẫn địa. Đại Bồ tát trụ ở địa này rồi thì có thể kham nhẫn tham dục, sân nhuế, ngu si, cũng có thể kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, ruồi, muỗi, rận, rệp, gió bão, va chạm việc dữ, đủ thứ dịch bệnh, ác khẩu, mắng chửi, đánh đập, đánh bằng gậy... Thân tâm khổ não, tất cả đều có thể nhịn chịu. Vậy nên đó gọi là trụ ở Kham nhẫn địa.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Bồ tát chưa được trụ ở Bất Động Địa, khi tịnh tri giới, như có nhân duyên thì có được phá giới không ?

- Nay thiện nam tử ! Bồ tát chưa trụ ở Bất Động địa nếu có nhân duyên thì có thể được phá giới.

Ngài Ca Diếp thưa rằng :

- Kính thưa đức Thế Tôn ! Thế nào là được vậy ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay Ca Diếp ! Nếu có Bồ tát biết dùng nhân duyên phá giới thì có thể khiến cho người thọ trì, yêu thích Kinh điển Đại Thừa. Lại có thể khiến cho người ấy đọc tụng thông lợi, ghi chép kinh quyển, rộng vì người khác diễn nói chẳng thoái chuyển đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì như vậy nên Bồ tát được phá giới. Bấy giờ, Bồ tát nên khởi ý niệm này : “Ta thà một kiếp hay giảm một kiếp, rơi vào địa ngục A tỳ thọ tội báo này chỉ cần khiến cho người đó chẳng thoái chuyển Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác !” Nay Ca Diếp ! Do nhân duyên này nên Đại Bồ tát được hủy phạm tịnh giới !

Lúc bấy giờ, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như có Bồ tát nhiếp lấy hộ trì người như vậy khiến cho chẳng thoái chuyển tâm Bồ Đề mà vì sự hủy giới đó nếu đọa địa ngục A Tỳ thì không có điều này.

Bấy giờ đức Phật khen ngài Văn Thù Sư Lợi rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Đúng như lời nói của ông ! Ta nhớ thuở xa xưa, ở cõi Diêm phù đề, ta làm đại quốc vương tên là Tiên Dự, yêu thích kính trọng Kinh điển Đại Thừa. Tâm vua ấy thuần thiện, không có thô ác, tật đố, san lạn. Miệng vua thường tuyên nói ái ngữ, thiện ngữ. Thân vua thường nhiếp hộ kẻ bần cùng, cô độc, bố thí tinh tấn không có ngưng bỏ. Thời thế không có Phật, Thanh Văn, Duyên Giác. Ta vào lúc bấy giờ yêu thích Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, trong mười hai năm phụng sự Bà la môn, cung cấp sự cần dùng cho họ. Qua mười hai năm bố thí yên ổn xong rồi, taliền nói rằng : “Thưa các thầy, hôm nay các thầy nên phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác !” Bà la môn nói rằng : “Này Đại vương ! Tính Bồ Đề là không sở hữu. Kinh điển Đại Thừa cũng lại như vậy thì tại sao đại vương lại muốn khiến cho con người đồng với hư không”. Này thiện nam tử ! Vào lúc bấy giờ, lòng ta trọng Đại Thừa mà nghe Bà la môn bài báng Phương Đẳng nên nghe xong ta tức thời giết chết người ấy. Này thiện nam tử ! Do nhân duyên này nên từ đó về sau ta chẳng rơi vào địa ngục.

Này thiện nam tử ! Ứng hộ nhiếp trì Kinh điển Đại Thừa mới có thể lực không lường như vậy. Lại nữa, này Ca Diếp ! Lại có Thánh hạnh, gọi là bốn Thánh đế, Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Này Ca Diếp ! Khổ là tướng bức bách. Tập là tướng năng sinh trưởng (có năng lực sinh trưởng). Diệt là tướng tịch diệt. Đạo là tướng Đại Thừa. Lại nữa, này thiện nam tử ! Khổ là hiện tướng. Tập là chuyển tướng. Diệt là trừ tướng. Đạo là năng trừ tướng (tướng có khả năng trừ diệt). Lại nữa, này thiện nam tử ! Khổ thì có ba tướng là tướng khổ khổ, tướng hành khổ, tướng hoại khổ. Tập là hai mươi lăm cõi hữu. Diệt là diệt hai mươi lăm cõi hữu. Đạo là tu Giới, Định, Tuệ. Lại nữa, này thiện nam tử ! Pháp hữu lậu có hai thứ là có Nhân, có Quả. Pháp vô lậu cũng có hai thứ là có Nhân, có Quả. Quả hữu lậu thì gọi là Khổ. Nhân hữu lậu thì gọi là Tập. Quả vô lậu thì gọi là Diệt. Nhân vô lậu thì gọi là Đạo. Lại nữa, này thiện nam tử ! Tám tướng gọi là khổ như là : Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm xí thành khổ. Có khả năng sinh ra tám khổ như vậy thì gọi là Tập. Không có tám điều khổ như vậy thì đó gọi là Diệt. Mười lục, bốn vô sở úy, ba niệm xứ (?), Đại bi... đó gọi là Đạo. Này thiện nam tử ! Sinh là tướng hiện ra, có năm thứ, một là sơ xuất, hai là chí chung (đến cuối cùng), ba là tăng trưởng, bốn là xuất thai (ra khỏi thai), năm là chủng loại sinh. Những gì là Lão ? Lão có hai thứ, một là niệm niệm lão, hai là chung thân lão. Lại có hai thứ lão nữa, một là tăng trưởng lão, hai là diệt hoại lão. Đó gọi là lão. Sao gọi là bệnh ? Bệnh là gọi rần độc bốn đại đắp đổi nhau chẳng điều hòa thích hợp, cũng có hai

thứ, một là thân bệnh, hai là tâm bệnh. Thân bệnh có năm, một là nhân nước, hai là nhân gió, ba là nhân nóng, bốn là tạp bệnh, năm là khách bệnh. Khách bệnh (bệnh do nguyên nhân khách quan) có bốn, một là chẳng phải phận mà cưỡng làm, hai là quên làm rơi rụng, ba là dao gậy gạch đá, bốn là sự bám lấy của quỷ mị. Tâm bệnh cũng có bốn thứ, một là nháy nhót, hai là sợ hãi, ba là ưu sầu, bốn là ngu si. Lại nữa, này thiện nam tử ! Bệnh của thân tâm thường có ba thứ. Những gì là ba ? Một là nghiệp báo, hai là chẳng được lia xa các ác đối tác, ba là thời tiết thay đổi. Chúng sinh ra những nhân duyên như vậy với tên gọi và sự phân biệt thọ bệnh. Nhân duyên của bệnh là gió.v.v... các bệnh. Tên gọi là lòng buồn bực, phổi trướng, khí lên, ho, tâm nghịch, đi li... Thọ phân biệt là đau đầu, đau mắt, đau tay chân.v.v... Đó gọi là bệnh. Những gì là chết ? Chết là bỏ sự thọ thân. Bỏ sự thọ thân cũng có hai thứ, một là chết do mạng hết, hai là chết do ngoại duyên. Chết do mạng tận (hết) cũng có ba thứ, một là mạng hết chẳng phải là phước hết, hai là phước hết chẳng phải làm mạng hết, ba là phước mạng đều hết. Chết do ngoại duyên cũng có ba thứ, một là chẳng phải số phận mà tự hại chết, hai là ngang ngược vì người khác mà chết, ba là đều chết. Lại có ba thứ chết, một là chết phóng dật (buông lung), hai là chết phá giới, ba là chết hoại mạng căn. Những gì gọi là chết phóng dật ? Nếu có bài báng Đại Thừa Phương Đẳng Bát Nhã Ba la mật thì gọi là chết phóng dật. Sao gọi là chết phá giới ? Hủy phạm sự chế cấm giới của chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại thì đó gọi là chết phá giới. Sao gọi là chết hoại mạng căn ? Bỏ thân năm ấm thì đó gọi là chết hoại mạng căn. Như vậy gọi rằng chết là đại khổ. Sao gọi là ái biệt ly khổ ? Vật yêu thích bị phá hoại lia tan. Vật yêu thích bị phá hoại lia tan cũng có hai thứ, một là trong người năm ấm hoại, hai là trong trời năm ấm hoại. Như vậy sự yêu thích năm ấm của người trời phân biệt tính kể có vô lượng thứ. Đó gọi là ái biệt ly khổ. Sao gọi là oán tắng hội khổ ? Việc chẳng yêu thích mà chung tụ tập. Việc chẳng yêu thích mà chung tụ tập cũng có ba thứ. Đó là địa ngục, ngã qui, súc sinh. Như vậy ba đường phân biệt tính kể có vô lượng thứ. Như vậy thì gọi là oán tắng hội khổ. Sao gọi là cầu bất đắc khổ ? Khổ cầu chẳng được cũng có hai thứ, một là điều mình hy vọng mà cầu chẳng thể được, hai là dùng nhiều công lực mà chẳng được quả báo. Như vậy thì gọi là cầu bất đắc khổ. Sao gọi là ngũ tịnh ấm khổ ? Ngũ tịnh ấm khổ là sinh khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ. Vậy nên gọi là ngũ tịnh ấm khổ. Này Ca Diếp ! Căn bản của sinh thường có bảy thứ khổ như vậy. Lão khổ... cho đến ngũ tịnh ấm khổ, này Ca Diếp ! Bàn về lão suy thì chẳng phải tất cả có mà Phật và chư thiên nhất định là không còn trong loài người thì bất định, hoặc có, hoặc không. Này Ca Diếp ! Thọ thân trong ba cõi không loài nào chẳng có sinh mà già thì chẳng nhất định. Vậy nên tất cả sinh là căn bản. Này Ca Diếp ! Chúng sinh

trong thế gian bị điên đảo che tâm mà tham trước tướng sinh, chán hoạn sinh tử. Bồ tát chẳng vậy, quan sát lúc mới sinh, đã thấy có lỗi hoạn. Nay Ca Diếp ! Như có người con gái vào ở nhà người khác. Người có gái này đoan chính, nhan mạo đẹp đẽ, trang nghiêm thân bằng chuỗi ngọc đẹp. Người chủ nhà thấy rồi liền hỏi rằng : “Nàng tên gì ? Hệ thuộc ai ?” Người con gái đáp rằng : “Thân ta tức là trời lớn Công Đức (Công Đức Đại Thiên)”. Người chủ hỏi rằng : “Nàng làm gì chỗ nàng đến ?” Trời nữ (nữ thiên đáp rằng : “Chỗ ta đến, ta có thể ban cho đủ thứ vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, bộc súc...” Người chủ nghe rồi, lòng sinh vui mừng, nhảy nhót không lường mà nói rằng : “Ta nay có phước đức nên khiến cho nàng đi đến nhà cửa của ta!” Người chủ liền đốt hương, tung hoa cúng dường, cung kính lễ bái. Lại ở ngoài cửa, người ấy lại thấy một người con gái hình dung xấu xí, quần áo rách rưới, nhiều những cấu bẩn, da dẻ nứt nẻ mà màu trắng bệch. Thấy rồi, người chủ hỏi rằng : “Nàng tên gì ? Hệ thuộc với ai ?” Người con gái đáp rằng : “Tôi tên là Hắc Âm !” Người chủ lại hỏi : “Vì sao tên là Hắc Âm ?” Người con gái đáp rằng : “Chỗ ta đến có thể khiến cho của báu sở hữu của nhà ấy, tất cả bị suy hao”. Người chủ nghe rồi liền cầm dao bén mà nói rằng : “Nàng nếu chẳng đi ta sẽ giết nàng !” Người con gái đáp rằng : “Ông rất ngu si, không có trí tuệ !” Người chủ hỏi rằng : “Vì sao gọi ta ngu si, không trí tuệ ?” Người con gái đáp rằng : “Người trong nhà của ông tức là chị của ta. Ta thường cùng chị tiến, dùng chung cùng. Nếu ông đuổi ta thì cũng sẽ đuổi chị đó!” Người chủ quay lại vào hỏi trời Công Đức rằng : “Bên ngoài có một người con gái nói là chị của nàng ! Có thật thế không ?” Trời Công Đức nói rằng : “Quả thật là em của ta ! Ta cùng người em này đi, đứng chung, chưa từng rời nhau theo chỗ sở trụ. Ta thường tạo tác cái tốt, người đó thường tạo tác cái xấu. Ta làm lợi ích, người đó làm suy tổn. Nếu ông yêu ta thì cũng nên yêu người đó. Nếu ông cung kính ta thì cũng nên cung kính người đó !” Người chủ liền nói rằng : “Nếu có sự tốt xấu như vậy thì ta đều chẳng dùng ! Các nàng đều tùy ý mà đi!” Lúc đó hai người con gái liền cùng đem nhau trở về chỗ ở của họ. Bây giờ người chủ thấy họ đã đi trở về, lòng sinh vui mừng, nhảy nhót không lường. Lúc đó, hai người con gái lại cùng nhau theo đến một nhà nghèo. Người nghèo thấy rồi, lòng phát sinh vui mừng, liền mời họ rằng : “Hai nàng đã đến, từ nay nguyện xin hai nàng hãy thường trụ ở nhà tôi !” Trời Công Đức nói rằng : “Trước đây, chúng ta đã bị người khác xua đuổi vì nhân duyên gì ông lại đều mời chúng tôi ở ?” Người nghèo đáp rằng : “Nàng nay nghĩ đến tôi ! Tôi nhờ nàng nên lại phải cung kính nàng kia. Vậy nên tôi đều thỉnh hai vị trụ ở nhà tôi”. Nay Ca Diếp ! Đại Bồ tát cũng lại như vậy, chẳng nguyện sinh lên trời vì có sinh thì sẽ có lão, bệnh, chết vậy. Do đó đều bỏ hết, từng không có thọ tâm (lòng thọ nhận). Người phạm phu ngu si

chẳng biết những lỗi hoạn của già, bệnh, chết.v.v... nên tham thọ hai pháp sinh tử. Lại nữa, này Ca Diếp ! Như đứa trẻ con ấu trĩ Bà la môn bị sự bức bách của đói khát, thấy trong phân người có trái cây Am La, liền thủ lấy. Có người trí nhìn thấy liền quở trách rằng : “Này Bà la môn ! Người chúng tính thanh tịnh mà vì sao thủ lấy trái cây bẩn chứa trong phân này ?” Đứa trẻ nghe rồi đỏ mặt thẹn thùng, liền đáp rằng : “Tôi thật chẳng ăn, muốn rửa sạch rồi lại bỏ nó đi !” Người trí nói rằng : “Người rất ngu si! Nếu lại bỏ đi thì trước chẳng nên lấy !” Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát cũng lại như vậy, đối với phân sinh này chẳng nhận, chẳng bỏ như người trí kia quở trách đứa trẻ. Người phàm phu mừng sinh, ghét chết như đứa trẻ kia lấy quả, lại bỏ đi. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như có người ở đầu ngã tư đường lớn với dụng cụ đựng đầy đồ ăn sắc hương mỹ vị mà muốn bán. Có người từ xa đến, đói rỗng gầy yếu thấy đồ sắc hương vị của đồ ăn người ấy liền chỉ mà hỏi rằng : “Đây là vật gì ?” Người chủ đồ ăn đáp rằng : “Đây là đồ ăn sắc hương vị thượng hạng ! Nếu ăn món ăn này thì được sắc, được lực, có thể trừ đói khát, được thấy chư thiên, chỉ có bị một hoạn nạn là mạng chung”. Người đó nghe rồi liền nghĩ rằng : “Ta nay chẳng cần sắc lực hay thấy trời, cũng chẳng cần chết”. Hắn liền nói rằng : “Ăn món ăn này rồi nếu mạng chung thì ông hôm nay làm gì bán nó ở đây ?” Người chủ đồ ăn đáp rằng : “Người có trí nhất định chẳng chịu mua, chỉ có người ngu chẳng biết việc này khen giá trị đồ ăn của ta, tham mà ăn đó thôi !” Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát cũng lại như vậy, chẳng nguyện sinh lên trời, được sắc, được lực và thấy chư thiên. Vì sao vậy ? Vì những điều ấy chẳng khỏi được các khổ não. Kẻ phàm phu ngu si theo chỗ có sinh, đều tham ái vì họ chẳng thấy già, bệnh, chết vậy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như cây độc, rễ có thể giết người, cành, gốc, thân, đốt, vỏ, lá, hoa, trái đều cũng có thể giết. Này thiện nam tử ! Việc thọ năm ấm ở chỗ thọ sinh của hai mươi lăm cõi hữu cũng lại như vậy, tất cả có thể giết hại. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như phân bần dù ít hay nhiều đều thối. Này thiện nam tử ! Sinh cũng thế, giả sử sống lâu tám vạn xuống đến mười năm thì đều thọ khổ. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như trên bờ hiềm có cỏ che phủ. Ở bên bờ đó có nhiều cam lộ mà nếu có người ăn thì sống lâu một ngàn tuổi, vĩnh viễn tiêu trừ các bệnh, yên ổn khoái lạc. Người phàm phu ngu si tham ăn vị ấy nên chẳng biết bên dưới bờ ấy có hầm rất sâu, liền trước muốn lấy mà chẳng hay sa chân rơi vào hầm mà chết. Kẻ trí biết rồi lia bỏ đi xa. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát cũng lại như vậy, còn chẳng muốn thọ món ăn thượng diệu của trời, hưởng lại là của trong loài người. Người phàm phu mới ở địa ngục nuốt hòn sắt nóng, hưởng lại là món ăn ngon lành thượng diệu của người trời mà có thể chẳng ăn. Này Ca Diếp ! Do những thí dụ như vậy và vô lượng vô biên thí dụ khác nên ông phải biết là sinh quả

thật là Đại Khổ. Này Ca Diếp ! Đó gọi là Bồ tát trụ ở Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn mà quan sát sinh khổ !

Này Ca Diếp ! Sao gọi là Đại Bồ tát trụ ở Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này mà quan sát lão khổ ? Lão thì có thể bị ho, khí lên ngược, có thể hủy hoại dũng lực, nhớ nghĩ, tiến giữ những khoái lạc, kiêu mạn công cao, yên ổn, mặc ý mình của thời trai tráng, có thể làm lưng còng, giải đãi lười biếng, bị sự khinh thường của người khác. Này Ca Diếp ! Ví như trong ao nước đầy hoa sen nở phô bày vẻ tươi đẹp rất đáng yêu thích thì gặp phải trời mưa đá đều bị tan nát. Này thiện nam tử ! Lão cũng như vậy, đều có thể phá hoại sắc đẹp của thời trai tráng. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như vị quốc vương có một bề tôi trí tuệ (trí thân) giỏi biết binh pháp. Có vua nước địch chống cự lại chẳng thuận theo. Nhà vua sai vị bề tôi giỏi này đến hỏi tội (thảo phạt) vị vua địch đó, và ông liền bắt được đem về cho vua. Già cũng như vậy, bắt giữ được hình sắc tráng kiện đem giao cho vua chết. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như cái trục xe gãy không sao lại dùng được. Lão cũng như vậy, không sao lại dùng. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như đại phú gia có nhiều của báu như vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não... có những oán tặc, nếu chúng vào nhà người ấy thì liền có thể cướp đoạt khiến cho rỗng không hết. Này thiện nam tử ! Sắc đẹp trai trẻ cũng lại như vậy, thường bị sự cướp đoạt của giặc Già (lão tặc) Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như người nghèo tham trước món ăn ngon, áo quần êm dịu. Tuy họ lại hy vọng nhưng mà chẳng thể được. Này thiện nam tử ! Lão cũng như vậy, tuy có lòng tham muốn thọ giàu có an vui, năm dục thỏa lòng mình nhưng mà chẳng thể được. Lại nữa, này Ca Diếp ! Lòng rùa đất thường nghĩ đến nước. Này thiện nam tử ! Người cũng như vậy, đã bị sự khô héo của lão suy thì lòng thường nhớ nghĩ khi tráng kiện đã hưởng thụ niềm vui năm dục. Lại nữa, này Ca Diếp ! Vào mùa thu, những hoa sen vốn đã được sự ưa ngắm nhìn của tất cả thì nay những hoa ấy héo vàng bị sự khinh ghét của mọi người. Này thiện nam tử ! Tuổi trẻ tráng kiện cũng lại như vậy, đều được sự yêu thích của tất cả, khi Lão ấy đến thì bị sự khinh ghét của mọi người. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như cây mía đã bị ép lấy nước rồi thì không còn vị nữa. Tuổi trẻ tráng kiện cũng lại như vậy, đã bị lão (già) ép rồi thì không còn ba thứ vị, một là vị xuất gia, hai là vị độc tụng, ba là vị ngồi thiền. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như đêm trăng tròn nhiều ánh sáng, ngày thì chẳng vậy. Này thiện nam tử ! Người cũng như vậy, trai tráng thì đoan nghiêm, hình mạo đẹp đẽ, già thì suy yếu, hình mạo, thần thái khô héo, tiêu tụy. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như có vị vua thường dùng chính pháp trị nước, an dân, chân thật không quanh co, thương xót ưa bố thí. Nhà vua vì sự phá hoại của nước địch lưu ly trốn chạy đến nước khác. Nhân dân nước khác thấy mà thương xót ngài, đều nói rằng : “Đại vương thuở

trước dùng Chính pháp trị nước, chẳng ép uổng bá tánh (vạn tính) mà sao một sớm phải lưu ly đến đây ?” Này thiện nam tử ! Con người cũng như vậy, đã bị sự bại hoại của lão suy rồi thì thường khen việc tạo lập sự nghiệp thời trai tráng. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như bắc đèn chỉ nhờ dầu mỡ, dầu mỡ đã hết thì chẳng bao lâu phải dừng. Này thiện nam tử ! Con người cũng như vậy, chỉ nhờ cậy vào mỡ tráng kiện, mỡ tráng kiện đã hết thì bắc đèn lão suy chẳng bao lâu sẽ dừng. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như dòng sông khô chẳng thể lợi ích cho người và chẳng phải người, chim bay, thú chạy. Này thiện nam tử ! Con người cũng như vậy, bị sự khô cạn của lão thì chẳng thể lợi ích cho tất cả những tác nghiệp. Lại nữa, này Ca Diếp ! Cây đại thọ đứng bên bờ sông lâm nguy nếu gặp gió dữ thì ắt ngã đổ. Này thiện nam tử ! Con người cũng như vậy, đến bờ lão hiểm nguy mà gió chết đã đến thì thế chẳng được trụ. Lại nữa, này Ca Diếp ! Như trục xe gãy thì chẳng đủ sức chở nặng. Này thiện nam tử ! Lão cũng như vậy, chẳng thể hỏi han, thính thọ tất cả thiện pháp. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như đứa trẻ con bị sự rẽ rúng của con người. Này thiện nam tử ! Lão cũng như vậy, thường bị sự khinh chê của tất cả. Này Ca Diếp ! Do những ví dụ đó và còn vô lượng vô biên ví dụ nữa nên ông phải biết rằng, lão thật là đại khổ. Này Ca Diếp ! Đó gọi là Đại Bồ tát tu hành Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, quan sát Lão khổ.

Này Ca Diếp ! Sao gọi là Đại Bồ tát tu hành Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, quan sát bệnh khổ. Sở dĩ gọi bệnh là có thể hoại tan tất cả những việc vui yên ổn, ví như mưa đá làm thương tổn hủy hoại cây lúa. Lại nữa, này Ca Diếp ! Như người có oán cừu, lòng thường lo buồn mà ôm lấy sợ hãi. Này thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, thường sợ bệnh khổ, lòng ôm lo rầu. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như có người hình mạo đoan chính bị lòng dục của vợ vua ái mộ, đưa tin ép gọi đến cùng chung giao thông. Vị vua bắt được, liền sai người móc một mắt, cắt một tai, chặt một tay, một chân của người ấy. Người đó, bấy giờ hình dung đổi khác, bị người khinh ghét. Này thiện nam tử ! Con người cũng vậy, trước tuy đoan chính, tai mắt đầy đủ, nhưng đã bị sự trói buộc bức bách của bệnh khổ rồi thì bị sự gớm ghiếc của mọi người. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như cây chuối, tre trúc, lau sậy và con La (loa) hễ có con thì chết. Này thiện nam tử ! Con người cũng như vậy, hễ có bệnh thì chết. Lại nữa, này Ca Diếp ! Như đại thần chủ binh của vua Chuyển Luân thường ở trước dẫn đường, còn vua theo sau mà đi. Cũng như vua cá, vua kiến, vua ốc, vua trâu, thương chủ đi ở trước thì như vậy các chúng đều đi theo, không rời bỏ. Này thiện nam tử ! Vua Tử Chuyển Luân cũng lại như vậy, thường theo bệnh thân, chẳng lìa bỏ nhau. Vua bệnh cá, kiến, ốc, trâu, thương chủ cũng lại như vậy, thường bị sự theo đuổi của tử chúng. Này Ca Diếp ! Bệnh nhân duyên là gọi sự khổ não, sầu lo, bi thán,

thân tâm chẳng yên, hoặc là sự bức hại của oán tặc, phá hoại phao nổi, triệt phá cầu, cũng có thể cướp đoạt chánh niệm căn bản. Lại có thể là sự phá hoại sắc đẹp thịnh tráng, thế lực an lạc, trừ bỏ tâm quý. Có thể là vì thân tâm bị thiêu nóng rực cháy. Do những ví dụ này và còn vô lượng vô biên ví dụ khác nên ông phải biết, bệnh khổ chính là đại khổ. Nay Ca Diếp ! Đó gọi là Đại Bồ tát tu hành Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, quan sát bệnh khổ.

Này Ca Diếp ! Sao gọi là Bồ tát tu hạnh Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, quan sát tử khổ. Sở dĩ gọi tử (chết) là có thể thiêu diệt vậy. Nay Ca Diếp ! Như tai họa lửa khởi lên thì có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ Nhị thiên sức lửa chẳng đến được. Nay thiên nam tử ! Lửa tử cũng vậy, có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn thì thế lửa tử chẳng bị kịp. Lại nữa, này Ca Diếp ! Như tai họa nước khởi lên thì tất cả trôi dạt chìm mất, chỉ trừ Tam Thiên, sức nước chẳng đến. Nay thiên nam tử ! Nước tử cũng vậy, làm trôi dạt chìm mất tất cả, chỉ trừ Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này Ca Diếp ! Như tai họa gió khởi lên thì có thể thổi tất cả khiến cho tan diệt hết, chỉ trừ Tứ thiên thì sức gió chẳng đến được. Nay thiên nam tử ! Gió tử cũng vậy, có thể thổi diệt tất cả sở hữu, chỉ trừ Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Thiên thứ tư kia vì nhân duyên gì mà gió chẳng thể thổi, nước chẳng thể nổi, lửa chẳng thể cháy ?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Nay thiên nam tử ! Thiên thứ tư đó, lỗi hoạn trong ngoài tất cả đều không có. Nay thiên nam tử ! Lỗi hoạn của Sơ thiên, bên trong có giác quán, bên ngoài có tai họa lửa. Lỗi hoạn của Nhị thiên, bên trong có hoan hỷ, bên ngoài có tai họa nước. Lỗi hoạn của Tam thiên, bên trong có hít thở, bên ngoài có tai họa gió. Nay thiên nam tử ! Đệ Tứ thiên kia, lỗi hoạn trong ngoài, tất cả đều không. Vậy nên các tai họa chẳng thể theo kịp. Nay thiên nam tử ! Đại Bồ tát cũng lại như vậy, an trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn thì lỗi hoạn trong ngoài, tất cả đều hết. Vậy nên vua Tử chẳng thể theo kịp. Lại nữa, này thiên nam tử ! Như con chim cánh vàng có thể nuốt ăn, có thể tiêu hóa tất cả rồng, cá, vàng, bạc, các báu.v.v... chỉ trừ Kim cương nó chẳng thể khiến cho tiêu hóa. Nay thiên nam tử ! Con chim cánh vàng tử cũng lại như vậy, có thể ăn nuốt, có thể tiêu hóa tất cả chúng sinh, chỉ chẳng thể tiêu hóa được Đại Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này Ca Diếp!

Ví như cỏ cây sẵn có ở bờ sông, gặp nước lớn lênh láng thì nổi trôi theo vào với biển cả, chỉ trừ cây dương liễu vì cây ấy mềm mại. Nay thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, đều trôi xuôi vào với tử hải, chỉ trừ Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này Ca Diếp ! Như Na la diên có thể tiêu diệt, hàng phục tất cả lực sĩ, chỉ trừ gió lớn. Vì sao vậy ? Vì không ngăn ngại vậy. Nay thiện nam tử ! Tử Na la diên cũng lại như vậy, có thể tiêu diệt hàng phục hết tất cả chúng sinh, chỉ trừ Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn. Vì sao vậy ? Vì không ngăn ngại vậy. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như có người ở trong oán ghét mà trá hiện sự thân thiện, thường truy đuổi nhau như bóng theo hình để dò tìm thuận tiện mà giết chết kẻ oán đó. Kẻ oán kia cẩn thận tự phòng bị chắc chắn nên khiến cho người đó chẳng thể giết được. Nay thiện nam tử ! Tử oán cũng vậy, thường theo dõi chúng sinh mà muốn giết hại họ, chỉ chẳng thể giết Đại Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn. Vì sao vậy ? Vì Bồ tát đó chẳng buông lung vậy. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như mưa đá bỗng nhiên tuông xuống Kim cương lớn, phá hoại hết cây thuốc, cây cối, núi rừng, đất cát, gạch, đá, vàng, bạc, lưu ly... tất cả mọi vật, chỉ chẳng thể hủy hoại chân bảo Kim cương. Nay thiện nam tử ! Mưa Kim cương tử cũng lại như vậy, có thể phá hoại hết tất cả chúng sinh, chỉ trừ Bồ tát Kim Cương trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này Ca Diếp ! Như chim cánh vàng có thể ăn nuốt các rồng, chỉ chẳng thể ăn nuốt con đã thọ tam qui. Nay thiện nam tử ! Chim cánh vàng tử cũng lại như vậy, có thể ăn nuốt tất cả vô lượng chúng sinh, chỉ trừ Bồ tát trụ ở ba Định. Sao gọi là ba Định ? Đó là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Lại nữa, này Ca Diếp ! Phàm nọc độc của con rắn độc Ma La, tuy có chú hay, thuốc tốt thượng diệu nhưng không làm gì được ? Chỉ có chú A yết la tinh mới có khiến cho độc trừ khỏi. Nay thiện nam tử ! Nọc độc của tử độc cũng lại như vậy, tất cả phương thuốc trị độc không gì hiệu nghiệm, chỉ trừ Bồ tát trụ ở chú Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này Ca Diếp ! Ví như có người bị vua giận. Người ấy, hoặc có thể dùng lời êm ái tốt lành hay công dâng của báu thì có thể được thoát khỏi. Nay thiện nam tử ! Tử vương (vua chết) chẳng vậy, tuy dùng lời êm ái hay tiền của trân bảo mà công dâng lên, nhưng cũng chẳng được thoát. Nay thiện nam tử ! Phàm người chết thì ở chỗ hiểm nạn không có của cải lương thực, đi đến chỗ xa mờ mà không có bạn bè, ngày đêm đi mãi chẳng biết bờ cõi, sâu thẳm tối tăm không có đèn sáng. Vào không cửa nẻo mà không có xứ sở, tuy không chỗ đau nhưng chẳng thể trị liệu, qua không ngăn chặn, đến chẳng được thoát, không có sự phá hoại, người thấy sâu độc, chẳng phải là ó sặc (màu sắc xấu bản) mà khiến cho người sợ, bày ở bên thân mà chẳng thể hay biết. Nay Ca Diếp ! Do những thí dụ này và còn vô lượng vô biên thí dụ khác nên ông phải biết là, tử quả thật là Đại Khổ.

Này Ca Diếp ! Đó gọi là Bồ tát tu hành Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, quan sát tử khổ.

Này Ca Diếp ! Sao gọi là Bồ tát trụ ở Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quan sát ái biệt ly khổ ? Ái biệt ly khổ có thể là căn bản của tất cả mọi khổ, như kệ nói rằng :

Nhân ái sinh lo Ø Nhân ái sinh sợ

Với ái nếu lia Có gì lo sợ.

Nhân duyên ái thì sinh ra ưu khổ. Do ưu khổ nên khiến cho chúng sinh sinh ra suy lão. Ái biệt ly khổ như là mạng chung. Này thiện nam tử ! Do biệt ly nên có thể sinh ra đủ thứ những khổ vi tế. Nay ta sẽ vì ông phân biệt và hiển thị cho ! Này thiện nam tử ! Đời quá khứ, khi con người thọ mạng không lường thì đời có vị vua tên là Thiện Trụ. Bảy giờ, vị vua ấy thời gian làm thân đồng tử, làm thái tử lo liệu việc và lên ngôi vua đều trải qua tám muôn bốn ngàn năm. Trên đỉnh đầu của vua sinh ra một nốt phỏng thịt. Nốt phỏng ấy mềm mại như lụa Đâu La, mịn màng như Kiếp Bối, dần dần tăng trưởng mà chẳng gây ra hoạn. Đủ tròn mười tháng nốt phỏng ấy liền mở banh sinh ra một đồng tử. Hình dung đồng tử ấy đoan chính kỳ lạ vô song. Sắc tướng phân minh số một trong loài người. Vua cha vui mừng đặt tên là Đỉnh Sanh. Vua Thiện Trụ liền đem quốc sự giao phó cho Đỉnh Sanh, xả bỏ cung điện, vợ con, quyến thuộc, vào núi học đạo trọn tám muôn bốn ngàn năm. Bảy giờ, Đỉnh Sanh vào ngày mười lăm, ở tại lầu cao tám gôi, thọ trai thì tức thời ở phương Đông có Kim Luân Bảo. Bánh xe ấy đầy đủ ngàn nan hoa, bầu, vành mà chẳng do thợ mộc chế tạo, tự nhiên thành tựu ứng đến. Đại vương Đỉnh Sanh liền nghĩ rằng : “Ta xưa từng nghe tiên ngũ thông nói, nếu vua Sát Lợi vào ngày mười lăm ở tại cao lâu, tám gôi, thọ trai, nếu có bánh xe vàng ngàn nan hoa chẳng giảm, đầy đủ bầu, vành mà chẳng do thợ mộc làm, tự nhiên thành tựu ứng đến thì phải biết là vua này liền sẽ được làm Chuyển Luân Thánh Đế”. Vua lại nghĩ rằng : “Ta nay sẽ thử !” Ông liền dùng tay trái nâng bánh xe báu này, tay phải cầm lư hương, quì gối phải xuống đất mà phát thệ rằng : “Kim Luân Bảo này nếu chân thật chẳng hư dối thì nên như việc làm đạo pháp của Chuyển Luân Thánh Vương đời quá khứ !” Nói lời thề này rồi, Kim Luân Bảo đó bay lên hư không, đi khắp mười phương, rồi trở lại trụ ở tay trái của vua Đỉnh Sanh. Lúc bấy giờ Vua Đỉnh Sanh, lòng phát sinh vui mừng, nhảy nhót không lường, lại nghĩ rằng : “Ta nay nhất định làm Chuyển Luân Thánh Vương. Sau ấy chẳng bao lâu, lại có tượng bảo, hình dáng đoan nghiêm như hoa sen trắng với bảy chi chống đất. Vua

Đĩnh Sanh thấy rồi lại nghĩ rằng : “Ta thuở xưa từng nghe tiên ngữ thông nói rằng, nếu vua Chuyển Luân vào ngày mười lăm, ở tại lầu cao, tắm gội, thọ trai mà nếu có tượng bảo hình dáng đoan nghiêm như hoa sen trắng, bảy chi chống đất ứng đến thì phải biết rằng, vị vua này tức là Thánh đế”. Vua lại nghĩ rằng : “Ta nay sẽ thử !” Ông liền nâng lư hương, quỳ gối phải xuống đất mà phát thệ rằng : “Bạch tượng bảo này nếu chân thật, chẳng hư dối thì nên như việc làm đạo pháp của Chuyển Luân Thánh Vương đời quá khứ”. Nói lời thề này rồi thì Bạch tượng bảo từ sáng đến chiều đi khắp cùng tám phương, đến tận bờ cõi biên cả, rồi trở về chỗ cũ. Lúc bấy giờ, vua Đĩnh Sanh, lòng rất vui mừng, nhảy nhót không lường, lại nghĩ rằng : “Ta nay nhất định là Chuyển Luân Thánh Vương”. Sau ấy chẳng bao lâu, tiếp theo có mã bảo, sắc ngựa ấy xanh biếc đẹp đẽ, bờm, đuôi màu vàng, Vua Đĩnh Sanh thấy vậy liền nghĩ rằng : Ta nghe thuở xưa Tiên Ngữ Thông nói, nếu Vua Chuyển Luân Vương ngày rằm ở trên lầu cao tắm gội, trai tịnh, có ngựa báu sắc xanh, bờm, lông đuôi màu vàng tía đến, thì nên biết đó là Thánh Đế. Vua lại nghĩ rằng : “Ta nay sẽ thử!” Ông liền cầm lư hương, quỳ gối phải xuống đất mà phát thệ rằng : “Mã bảo xanh biếc này nếu chân thật, chẳng hư dối thì nên như việc làm đạo pháp của Chuyển Luân Thánh Vương đời quá khứ”. Nói lời thề này rồi thì con Mã bảo xanh biếc đó, từ sáng đến chiều chạy cùng khắp tám phương, đến tận bờ cõi biên cả, rồi trở về ở chỗ cũ. Lúc bấy giờ vua Đĩnh Sanh, lòng rất vui mừng, nhảy nhót không lường, lại nói rằng : “Ta nay nhất định là Chuyển Luân Thánh Vương”. Sau ấy chẳng bao lâu, lại có nữ bảo, hình dung đoan chính vi diệu đệ nhất, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng trắng, chẳng đen, các lỗ chân lông trên thân thể tỏa ra mùi hương chiên đàn, hơi miệng thơm sạch như hoa sen xanh, mắt nữ bảo ấy nhìn thấy xa một do tuần, tai nghe, mũi ngửi cũng lại như vậy. Lưỡi của nữ bảo ấy rộng to, lè ra có thể che cả mặt, hình sắc mịn màng mong manh như lá đồng đỏ, tâm thức thông triết có trí tuệ lớn, đối với các chúng sinh thường có lời nói dịu dàng. Người con gái ấy khi dùng tay chạm vào áo vua thì liền biết thân vua an vui hay bệnh hoạn, cũng biết lòng vua duyên vào đâu. Lúc bấy giờ, vua Đĩnh Sanh lại nghĩ rằng: “Nếu có người con gái có thể biết được lòng vua tức là nữ bảo”. Sau ấy chẳng bao lâu, ở trong cung vua, tự nhiên mà có ngọc bảo Ma ni, thuần màu xanh lưu ly, lớn như cái bầu của bánh xe, có thể ở trong tối chiếu xa đến một do tuần. Nếu trời tuông mưa mà giọt mưa lớn như trục bánh xe thì thế lực của ngọc này có thể tạo thành táng che lớn che được một do tuần, ngăn trận mưa lớn này, chẳng cho nước mưa lọt qua. Lúc bấy giờ, vua Đĩnh Sanh lại nghĩ rằng : “Nếu vua Chuyển Luân được ngọc báu này thì nhất định là Thánh Đế”. Sau ấy chẳng bao lâu, có chủ tạng thần tự nhiên mà xuất hiện với nhiều của báu, giàu to không lường, kho tàng đầy ắp, không gì thiếu thốn. Chủ tạng thần này được nhãn căn mà sức

nhìn có thể thấy suốt tất cả kho tàng ẩn chứa sẵn có trong lòng đất, theo sở niệm của vua đều có thể bày biện cho vua. Lúc bấy giờ, vua Đinh Sanh lại muốn thử thách ông ấy, liền ngồi chung thuyền đi vào biển cả và bảo tạng thần rằng : “Ta nay muốn được kỳ trân dị bảo !” Tạng thần nghe rồi liền dùng hai tay khoá nước biển cả thì mười đầu ngón tay xuất hiện mười bảo tàng, đem dâng lên Thánh vương mà bạch với vua rằng : “Tâu Đại vương ! Cái ngài cần thì ngài tùy ý sử dụng đi ! Cửa ấy còn lại thì phải ném trả cho biển cả”. Lúc bấy giờ, vua Đinh Sanh, lòng rất vui mừng, nảy nhót không lường, lại nghĩ rằng : “Ta nay nhất định là Chuyển Luân Thánh Vương”. Sau ấy chẳng bao lâu, có Chủ Binh thần tự nhiên mà xuất hiện. Ông ấy dũng mãnh, thao lược, kế sách, mưu mô đệ nhất, giỏi biết bốn binh chủng. Nếu ông ấy gánh vác việc chiến đấu thì xuất hiện Thánh vương. Nếu ông chẳng gánh vác, thoái lui thì Thánh vương chẳng hiện. Kẻ chưa bị tiêu diệt hàng phục thì ông có thể tiêu diệt, hàng phục. Người đã tiêu diệt hàng phục thì sức có thể thủ hộ. Lúc bấy giờ, vua Đinh Sanh lại nghĩ rằng : “Nếu vua Chuyển Luân được Binh bảo này thì phải biết nhất định là Chuyển Luân Thánh Vương”. Lúc đó, Chuyển Luân Thánh Đế Đinh Sanh bảo các đại thần rằng : “Các ông phải biết rằng, cõi Diêm Phù Đề này yên ổn, giàu thịnh, vui sướng. Ta nay đã có bảy báu thành tựu, một ngàn đứa con trai đầy đủ. Ta lại đi đâu, làm gì ?” Các bề tôi đáp rằng : “Thưa vâng! Thưa Đại vương ! Cõi Phát Bà Đề ở phương Đông còn chưa qui phục, đại vương nay nên đi đến !”. Lúc bấy giờ, Thánh Vương liền cùng với bảy báu, tất cả quân doanh tháp tùng, bay lên không mà đi đến cõi Phát Bà Đề ở phương Đông. Nhân dân cõi đó vui mừng qui hóa. Vua lại bảo các đại thần rằng : “Cõi Diêm Phù Đề và Phát Bà Đề của ta yên ổn, giàu thịnh, vui sướng, nhân dân đông đúc đều đến qui hóa, bảy báu thành tựu, ngàn con đầy đủ. Ta lại làm gì? Ở đâu nữa ?” Các bề tôi đáp rằng : “Thưa vâng ! Thưa đạivương ! Cõi Cù Đà Ni ở phương Tây còn chưa qui phục”. Bấy giờ, Thánh Vương lại cùng với bảy báu, tất cả quân doanh tháp tùng, bay lên hư không mà đi đến cõi Cù Đà Ni. Nhà vua đã đến đó thì nhân dân cõi đó cũng lại qui phục. Vua lại bảo các đại thần rằng : “Cõi Diêm Phù Đề, Phát Bà Đề và Cù Đà Ni này của ta yên ổn, giàu thịnh, vui sướng, nhân dân đông đúc đều đã qui hóa, bảy báu thành tựu, ngàn con đầy đủ. Ta lại làm gì ? Ở đâu ?”. Các bề tôi tâu rằng : “Thưa vâng ! Thưa Đại vương ! Cõi Uất Đan Việt ở phương Bắc còn chưa qui hóa !” Bấy giờ, Thánh Vương lại cùng với bảy báu, tất cả quân doanh tháp tùng, bay lên hư không mà đi đến cõi Uất Đan Việt ở phương Bắc. Vua đã đến đó thì nhân dân cõi đó vui mừng qui phục. Vua lại bảo các đại thần rằng : “Bốn thiên hạ của ta yên ổn, giàu thịnh, vui sướng, nhân dân đông đúc đều đã qui phục, bảy báu thành tựu, ngàn con đầy đủ. Ta lại làm gì ? Ở đâu?” Các bề tôi đáp rằng : “Thưa vâng ! Thưa Thánh Vương ! Cõi trời Ba Mươi Ba thọ mạng rất dài,

yên ổn, khoái lạc. Thân hình của trời đó đoan nghiêm không gì sánh, cung điện chỗ ở, giường, ngọa cụ... đều là bảy báu. Trời ấy tự thị thiên phước chưa đến qui hóa. Nay nhà vua nên đến hỏi tội, khiến cho họ qui phục”. Bấy giờ Thánh Vương lại cùng bảy báu, tất cả quân doanh tháp tùng, bay lên hư không lên cõi trời Đao Lợi. Vua thấy có một cây mà màu xanh biếc. Thánh vương thấy rồi liền hỏi đại thần rằng : “Đây là sắc gì ?” Đại thần đáp rằng : “Đây là cây Ba Lợi Chất Đa La, vào những ngày tháng ba mùa hạ, chư thiên của trời Đao Lợi thường ở dưới cây ấy vui sướng hưởng thụ lạc”. Vua lại thấy sắc trắng giống như mây trắng, lại hỏi đại thần rằng : “Đó là sắc gì ?” Đại thần đáp rằng : “Đó là Thiện Pháp Đường, chư thiên trời Đao Lợi thường tập họp trong ấy, bàn luận việc nhân thiên”. Đến đây, thiên chúa Thích Đề Hoàn Nhân biết vua Đinh Sanh đã đến ở bên ngoài, liền ra nghênh đón, gặp nhau rồi, nắm tay nhau thăng lên Thiện Pháp Đường, chia tòa mà ngồi. Lúc đó, hai vua hình dung, tướng mạo như nhau, không có sai biệt, chỉ có cái nhìn là sai khác. Lúc này, Thánh Vương liền sinh ý niệm rằng : “Ta nay chắc có thể đẩy lùi vị vua kia tức là trụ trong cõi trời ấy làm vua trời chăng ?” Nay thiện nam tử ! Lúc bấy giờ, Đế Thích thọ trì, đọc tụng Kinh điển Đại Thừa, khai thị, phân biệt vì người khác diễn nói, chỉ có đối với ý nghĩa sâu xa chưa thông đạt hết. Do sức nhân duyên đọc tụng, thọ trì, phân biệt, vì người khác diễn nói rộng rãi này nên có uy đức lớn. Nay thiện nam tử ! Vua Đinh Sanh đó đổi vị Đế Thích này sinh ra ác tâm xong liền đọa lạc trở lại cõi Diêm Phù Đề cùng với sự ái niệm, người trời ly biệt, phát sinh ra đại khổ não. Nhà vua lại gặp bệnh dữ, liền mạng chung. Đế Thích lúc bấy giờ là đức Phật Ca Diếp đó ! Vị Chuyển Luân Thánh Vương là thân ta đó ! Nay thiện nam tử ! Ông phải biết, ái biệt ly như vậy thì rất là khổ lắm (đại khổ). Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát còn nhớ sự ái biệt ly khổ của những bậc như vậy đời quá khứ, huống gì là Bồ tát trụ ở Kinh Đại thừa Đại Bát Niết Bàn mà sẽ chẳng quan sát sự ái biệt ly khổ của đời hiện tại.

Nay thiện nam tử ! Sao gọi là Bồ tát tu hành Kinh Đại thừa Đại Bát Niết Bàn, quan sát oán tăng hội khổ ? Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát này quan sát ở địa ngục, súc sinh, ngã qui, trong loài người, trên cõi trời đều có oán tăng hội khổ như vậy. Ví như người quan sát lao ngục, trói buộc, giam giữ, cùm khóa, xiềng xích... lấy làm khổ lớn. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, quan sát năm đường, tất cả loài thọ sinh đều là oán ghét hợp hội rất khổ. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Ví như có người thường sợ sự cùm khóa, xiềng xích của oán gia mà rời bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, thân bảo, sản nghiệp... trốn chạy xa. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát cũng lại như vậy, kinh sợ sinh tử mà tu hành đầy đủ sáu Ba la mật, vào với Niết Bàn. Nay Ca Diếp ! Đó gọi là Bồ tát tu hành Kinh Đại thừa Đại Bát Niết Bàn, quan sát oán tăng hội khổ.

Này thiện nam tử ! Sao gọi là Bồ tát tu hành Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn, quan sát cầu bất đắc khổ ? Cầu là tất cả cầu hết. Cầu hết có hai thứ, một là cầu thiện pháp, hai là cầu bất thiện pháp. Thiện pháp chưa được thì khổ. Ác pháp chưa lìa khỏi là khổ. Đó là lược nói về năm thịnh ảm khổ. Này Ca Diếp ! Đó gọi là khổ đế.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời nói của đức Phật thì nghĩa này của năm thịnh ảm khổ, chẳng phải vậy. Vì sao vậy ? Như đức Phật thuở xưa bảo ông Thích Ma Nam rằng, nếu sắc khổ thì tất cả chúng sinh chẳng nên cầu sắc. Nếu có người cầu thì chẳng gọi là khổ. Như đức Phật bảo các Tỷ kheo rằng, có ba thứ thọ là thọ khổ, thọ lạc và thọ chẳng khổ chẳng lạc. Như đức Phật trước đã vì các Tỷ kheo nói rằng, nếu có người có thể tu hành thiện pháp thì được hưởng thọ lạc. Lại như đức Phật nói rằng, ở trong thiện pháp, sáu thứ tiếp xúc hưởng thọ lạc, như mắt thấy sắc đẹp thì đó gọi là vui (lạc), tai..., mũi..., lưỡi..., thân..., ý nghĩ pháp tốt cũng lại như vậy. Như đức Phật đã nói kệ :

Trì giới được lạc an Ø Thân chẳng thọ mọi khổ

Ngủ nghỉ được bình yên Thức dậy lòng hoan hỷ

Nếu khi thọ mặc ăn Kinh hành mà tu tập

Một mình ở núi rừng Như vậy là tối lạc.

Có thể với chúng sinh Ngày đêm luôn từ ái

Nhân đó được vui thường Chẳng nào hại người khác.

Vui thiếu dục, tri túc Vui phân biệt đa văn

Không trước A la hán (chấp trước) Cũng gọi thọ lạc an.

Bồ tát Ma ha tát Đến bờ kia rốt cùng

Mọi việc đã làm xong Đó gọi là Tối lạc.

Thưa đức Thế Tôn ! Như lời nói trong các Kinh thì hình tướng của Lạc, nghĩa nó là như vậy. Như lời đức Phật hôm nay thì làm sao sẽ cùng với nghĩa này tương ứng ?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Ông có thể khéo léo hỏi han Như Lai ý nghĩa này ! Này thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh ở trong hạ khổ (khổ ở tầng dưới cùng) mà ngược lại sinh ra lạc tướng. Vậy nên lời nói của ta hôm nay về khổ tướng cùng với lời nói cũ chẳng khác.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Như lời nói của đức Phật, ở trong hạ khổ sinh ra lạc tướng thì hạ sinh, hạ lão, hạ bệnh, hạ tử, hạ ái biệt ly, hạ cầu bất đắc, hạ oán tăng hội, hạ ngũ thịnh ám, những khổ như vậy.v.v.. cũng nên có lạc (vui). Thưa đức Thế Tôn ! Hạ sinh là gọi ba đường ác, trung sinh là gọi trong loài người, thượng sinh là gọi trên trời. Nếu lại có người hỏi như vậy : “Nếu ở hạ lạc sinh ra khổ tướng, ở trong trung lạc sinh ra vô khổ lạc tướng, ở trong thượng lạc sinh ra lạc tướng thì phải đáp ra sao ? Thưa đức Thế Tôn ! Nếu trong hạ khổ sinh ra lạc tướng thì con chưa thấy có người phải chịu một nghìn hình phạt mà ngay khi lần hạ khổ đầu tiên đã sinh ra lạc tướng. Nhưng nếu chẳng sinh thì sao nói rằng, ở trong hạ khổ mà sinh ra lạc tướng ?

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Đúng vậy ! Đúng vậy ! Đúng như lời nói của ông ! Do nghĩa này nên không có lạc tướng. Vì sao vậy ? Vì giống như người kia phải chịu một ngàn hình phạt mà đã chịu một lần hạ khổ rồi liền được thoát thì người đó bấy giờ liền sinh ra lạc tướng. Vậy nên ông phải biết, ở trong vô lạc (không vui) vọng sinh ra lạc tướng.

Ngài Ca Diếp nói rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Người đó chẳng do một lần hạ khổ sinh ra lạc tướng mà do được thoát nên sinh ra lạc tướng.

- Này Ca Diếp ! Vậy nên lúc xưa ta vì Thích Ma Nam nói rằng, lạc (vui) trong năm ám là thật chẳng phải hư dối vậy. Này Ca Diếp ! Có ba thọ, ba khổ. Ba thọ là thọ lạc, thọ khổ, thọ chẳng khổ chẳng lạc. Ba khổ là khổ khổ,

khổ hành, khổ hoại. Đây thiện nam tử ! Thọ khổ thì gọi là ba khổ, đó là khổ khổ, khổ hành, khổ hoại. Còn hai thọ là gọi khổ hành và khổ hoại. Đây thiện nam tử ! Do nhân duyên đó nên trong sinh tử thật có thọ lạc. Đại Bồ tát vì tính của khổ lạc chẳng rời bỏ nhau nên nói rằng, tất cả đều khổ. Đây thiện nam tử ! Trong sinh tử thật không có lạc mà chỉ những Phật, Bồ tát vì thuận theo thế gian nên nói rằng có Lạc.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Các đức Phật Bồ tát nếu nói thuận theo thế tục thì tức là hư vọng chẳng ? Như lời nói đức Phật, người tu hành thiện thì thọ quả báo lạc, trì giới thì an lạc, thân chẳng thọ khổ... cho đến mọi việc đã biện thành thì đó là tối lạc. Như vậy việc nói hưởng thọ lạc của các Kinh là hư dối chẳng ? Nếu là hư vọng thì các đức Phật Thế Tôn từ lâu, ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức atăng kỳ kiếp, tu đạo Bồ Đề, đã lìa khỏi vọng ngữ mà hôm nay nói lời nói đó, ý nghĩa ấy ra sao ?

Đức Phật dạy rằng :

- Đây thiện nam tử ! Như bài kệ nói về những thọ lạc ở trên tức là căn bản của đạo Bồ Đề, cũng có thể nuôi lớn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này nên ở trong Kinh trước nói về tướng lạc này. Đây thiện nam tử ! Ví như của cải sinh sống cần thiết của thế gian có thể là nguyên nhân của Lạc nên gọi là Lạc. Đó là đắm say nữ sắc, uống rượu, đồ ăn ngon, vị ngọt... khi khát được nước, khi lạnh gặp lửa, quần áo, chuỗi ngọc, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, đồng bộc, vàng, bạc, lưu ly, san hô, chân châu, kho tàng, lúa gạo.v.v... Những vật cần dùng của thế gian như vậy.v.v... có thể là nguyên nhân của Lạc. Đó gọi là Lạc. Đây thiện nam tử ! Những vật như vậy cũng có thể sinh ra khổ. Nhân vào nữ nhân sinh ra khổ của nam tử, ưu sầu buồn khóc thậm chí mất cả mạng sống. Nhân rượu, vị ngon... cho đến kho tàng, lúa gạo cũng có thể khiến cho con người sinh ra ưu bi, khổ não lớn. Do nghĩa này nên tất cả đều khổ, không có tướng vui. Đây thiện nam tử ! Đại Bồ tát đối với tám cái khổ này giải thoát khổ, không có khổ. Đây thiện nam tử ! Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật.vv... chẳng biết nguyên nhân của Lạc. Vì những người như vậy, ở trong hạ khổ nói có tướng của lạc, chỉ có Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn mới có thể biết nhân của khổ, nhân của lạc này.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ mười một hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 12

PHẨM THÁNH HẠNH (tiếp theo)

PHẦN XIX/2.

Này thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn, quan sát Tập đế ? Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát quan sát Tập đế này chính là âm nhân duyên. Sở dĩ gọi là Tập là trở lại Ái với Hữu. Ái có hai thứ, một là yêu thân mình, hai là yêu những thứ cần dùng. Ái lại có hai thứ, chưa được nắm đực thì buộc lòng chuyên cầu, đã cầu được rồi thì kham nhẫn chuyên đắm trước. Ái lại có ba thứ là dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Ái lại có ba thứ là nghiệp nhân duyên ái, phiền não nhân duyên ái, khổ nhân duyên ái. Người xuất gia có bốn thứ ái. Những gì là bốn ? Đó là y phục, ẩm thực, ngoạ cụ, thuốc thang. Ái lại có năm thứ là tham trước năm âm. Theo những thứ cần dùng, ái trước tất cả, phân biệt tính toán vô lượng vô biên. Này thiện nam tử ! Ái có hai thứ, một là thiện ái, hai là bất thiện ái. Bất thiện ái là sự cầu của phàm phu ngu si. Thiện pháp ái là cầu của các Bồ tát. Thiện pháp ái lại có hai thứ là chẳng thiện cùng thiện. Cầu Nhị thừa thì gọi là bất thiện. Cầu Đại Thừa thì gọi là thiện. Này thiện nam tử ! Ái của phàm phu thì gọi đó là Tập, chẳng gọi là Đế. Bồ tát ái thì gọi là Thật Đế, chẳng gọi là Tập. Vì sao vậy ? Vì sở dĩ thọ sinh là vì độ chúng sinh, chứ chẳng do ái mà thọ sinh vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như đức Phật Thế Tôn, ở trong các kinh còn lại, vì các chúng sinh mà nói nghiệp vì nhân duyên, hoặc nói kiêu mạn, hoặc nói sáu chạm xúc, hoặc nói vô minh vì năm thịnh âm mà tạo tác nhân duyên. Nay đức Thế Tôn dùng cái nghĩa gì nói Tứ Thánh Đế mà độc nhất dùng tính của ái làm nhân của năm âm ?

Đức Phật khen ngài Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Đúng như lời nói của ông! Các nhân duyên chẳng phải là chẳng phải nhân nhưng chỉ có năm ấm là nhân duyên chủ yếu đối với ái. Này thiện nam tử ! Ví như vị đại vương, nếu ra đi tuần du thì đại thần, quyền thuộc đều tùy tùng. Ái cũng như vậy, tùy theo chỗ hành của ái thì các kết này.v.v... cũng lại đi theo. Ví như áo quần có bụi bám theo, nếu mặc vào thì bụi ở theo. Ái cũng như vậy, tùy theo chỗ sở ái mà nghiệp kết cũng ở theo. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như đất ẩm thì có thể mọc mầm; ái cũng như vậy, có thể nảy sinh mầm phiền não của tất cả nghiệp. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn, quan sát sâu ái này thì thường có chín thứ, một là như nợ có dư, hai là như vợ con La Sát, ba là như cảnh hoa đẹp có rắn độc, bốn là như thức ăn chẳng ưa thích mà buộc phải ăn, năm là như dâm nữ, sáu là như Ma lâu ca tử (?), bảy là như trúng thương lở thịt, tám là như gió dữ, chín là như sao Tuệ. Sao gọi là như nợ có dư ? Này thiện nam tử ! Ví như người nghèo cùng nhờ cậy tiền tài của người khác, tuy muốn đền trả hết nhưng còn chưa hết, như buộc tại ngục mà chẳng được thoát. Thanh Văn, Duyên Giác cũng lại như vậy, do có dư khí của ái tập nên chẳng thể thành được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này thiện nam tử ! Đó gọi là như nợ có dư. Này thiện nam tử ! Sao gọi là như vợ con La Sát ? Này thiện nam tử ! Ví như có người được cưới con gái La Sát làm vợ. Con gái La Sát này theo lẽ sinh ra con, sinh rồi liền ăn con, ăn con đã hết lại ăn luôn cả chồng. Này thiện nam tử ! Con gái La Sát Ái cũng lại như vậy, theo các chúng sinh sinh ra con thiện căn. Theo con sinh ra mà ăn thịt, con thiện căn đã hết, La Sát lại ăn luôn chúng sinh, khiến cho họ rơi vào địa ngục, súc sinh, ngã quỷ, chỉ trừ Bồ tát. Đó gọi là như vợ con gái La Sát. Này thiện nam tử ! Sao gọi là như cảnh hoa đẹp có rắn độc quấn quanh ? Ví như có người tính ưa thích hoa, chẳng thấy tai họa rắn độc của cảnh hoa, liền nắm lấy trước, nắm rồi bị nọc độc của rắn, bị nọc độc liền mạng chung. Tất cả phàm phu cũng lại như vậy, tham hoa năm dục, chẳng thấy tai họa của rắn độc ái mà liền thọ lấy, liền bị nọc độc của rắn ái mà mạng chung, liền đọa vào trong ba đường ác, chỉ trừ Bồ tát. Đó gọi là như cảnh hoa đẹp có độc xà quấn quanh. Này thiện nam tử ! Sao gọi là chẳng tiện ăn mà cưỡng ép ăn ? Ví như có người chẳng tiện ăn mà cưỡng ép phải ăn, ăn rồi bị bệnh đau bụng mà chết. Món ăn ái cũng như vậy, chúng sinh trong năm đường bị cưỡng ép ăn tham trước. Do nhân duyên này nên rơi vào ba đường ác, chỉ trừ Bồ tát. Đó gọi là cái chẳng tiện ăn mà cưỡng ép phải ăn. Này thiện nam tử ! Sao gọi là như dâm nữ ? Ví như người ngu cùng với dâm nữ thông dâm mà dâm nữ kia khéo làm đủ thứ siểm my, hiện bày thân mật để đoạt hết tiền tài sở hữu của người đó, tiền tài đã hết liền đuổi đi ! Dâm nữ ái cũng như vậy, người ngu không trí cùng nó giao thông. Dâm nữ ái này đoạt hết tất cả thiện pháp sở hữu của người ấy, thiện pháp đã hết

thì xua đuổi khiến cho rơi vào trong ba đường ác, chỉ trừ Bồ tát. Đó gọi là như hạt ma lâu ca. Ví như hạt ma lâu ca, nếu chim ăn rồi theo phân rơi xuống đất, hoặc nhân theo gió thổi đến ở dưới cây. Nó liền sinh trưởng, quấn quanh, trói buộc cây Ni câu la khiến cho cây ấy chẳng tăng trưởng mà khô chết. Hạt Ma lâu ca ái cũng lại như vậy, trói buộc thiện pháp sở hữu của phàm phu chẳng cho tăng trưởng, liền đi đến khô diệt. Đã khô diệt rồi thì phàm phu sau khi mạng chung rơi vào ba đường ác, chỉ trừ Bồ tát. Đó gọi là như hạt ma lâu ca. Đây thiện nam tử ! Sao gọi là như trúng thương lở thịt. Như người trúng thương lâu sinh ra lở thịt. Người ấy cần phải siêng năng hết lòng trị liệu, chớ sinh ra tâm bỏ phế. Nếu họ sinh lòng bỏ phế thì chỗ thịt lở lớn thêm, nhọt trùng lại sinh ra. Do nhân duyên này nên liền mạng chung. Ghê lở năm âm của người phàm phu ngu si cũng lại như vậy, ái ở trong ấy mà bị lở thịt thì cần phải dốc lòng siêng trị liệu vết thịt lở ái. Nếu họ chẳng trị liệu thì mạng chung liền rơi vào trong ba đường ác, chỉ trừ Bồ tát. Đó gọi là như trúng thương lở thịt. Đây thiện nam tử ! Sao gọi là như gió dữ ? Ví như gió dữ có thể san bằng núi gò, nhổ bật cả rễ sâu. Gió dữ ái dục cũng lại như vậy, ở chỗ cha mẹ mà sinh ra ác tâm có thể nhổ bật căn bản Bồ Đề sâu chắc vô thượng của bậc đại trí Xá Lợi Phất.v.v..., chỉ trừ Bồ tát. Đó gọi là như gió dữ. Đây thiện nam tử ! Sao gọi là như sao Tuệ ? Ví như sao Tuệ xuất hiện dưới vòm trời thì tất cả nhân dân đói kém, bệnh tật, gầy mòn... mắc thêm những khổ não. Sao Tuệ ái cũng lại như vậy, có thể đoạn diệt tất cả hạt giống thiện căn, khiến cho người phàm phu cô độc, khốn cùng, đói kém sinh ra bệnh phiền não, lưu chuyển trong sinh tử, chịu đủ thứ khổ, chỉ trừ Bồ tát. Đó gọi là sao tuệ. Đây thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn quan sát chín thứ ái kết như vậy. Đây thiện nam tử ! Do nghĩa này nên các người phàm phu có khổ Vô Đế, Thanh Văn, Duyên Giác có khổ Hữu Khổ Đế mà không Chân Đế, các Bồ tát .v.v... lý giải khổ không khổ (vô khổ). Vậy nên không khổ mà có Chân Đế. Các người phàm phu có Tập Vô Đế, Thanh Văn, Duyên Giác có tập Hữu Tập Đế. Các Bồ tát .v.v... lý giải Tập Không Tập (vô Tập). Vậy nên không tập mà có Chân Đế, Thanh Văn, Duyên Giác có Diệt chẳng phải Chân. Đại Bồ tát có Diệt có Chân Đế. Thanh Văn, Duyên Giác có Đạo chẳng phải Chân. Đại Bồ tát có Đạo có Chân Đế.

Này thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn thấy Diệt, thấy Diệt Đế ? Đó là đoạn trừ tất cả phiền não. Nếu phiền não đoạn trừ thì gọi là Thường. Diệt lửa phiền não thì gọi là tịch diệt. Phiền não diệt rồi thì được hưởng thọ lạc. Các đức Phật, Bồ tát cầu nhân duyên nên gọi là tịnh mà lại chẳng thọ hai mươi lăm cõi hữu nên gọi là xuất thế. Do xuất thế nên gọi là Ngã. Thường đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc.v.v.. hoặc

nam, hoặc nữ, hoặc sinh, trụ, diệt, hoặc khổ, hoặc vui, chẳng khổ chẳng vui, chẳng thủ lấy tướng mạo... nên gọi là rốt ráo Tịch Diệt Chân Đấng. Đây thiện nam tử ! Bồ tát như vậy trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn mà quan sát Diệt Thánh Đấng. Đây thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn, quan sát Đạo Thánh Đấng. Đây thiện nam tử ! Ví như trong tối nhờ đèn mà thấy được vật lớn, nhỏ. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn, nhờ tám Thánh Đạo mà thấy tất cả pháp. Đó là thường - vô thường, hữu vi - vô vi, có chúng sinh - chẳng phải chúng sinh, vật - chẳng phải vật, khổ - lạc, ngã - vô ngã, tịnh - chẳng tịnh, phiền não - chẳng phải phiền não, nghiệp - chẳng phải nghiệp, thật - chẳng thật, thừa - chẳng phải thừa, tri - vô tri, Đà la phiếu - chẳng phải Đà la phiếu, cầu na - chẳng phải cầu na, kiến - chẳng phải kiến, sắc - chẳng phải sắc, đạo - chẳng phải đạo, giải - chẳng phải giải... Đây thiện nam tử ! Bồ tát như vậy, trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn mà quan sát Đạo Thánh Đấng.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Nếu tám Thánh Đạo là Đạo Thánh Đấng thì nghĩa chẳng tương ứng. Vì sao vậy ? Vì đức Như Lai, hoặc nói rằng, lòng tin là đạo, có thể độ được các lậu. Hoặc có khi ngài nói rằng, Đạo là chẳng phóng dật đó ! Các đức Phật Thế Tôn chẳng phóng dật nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đạo cũng là pháp trợ đạo của Bồ tát. Hoặc có khi ngài nói rằng, tinh tấn là Đạo. Như ngài bảo A Nan rằng, nếu có người có thể siêng tu tinh tấn thì được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hoặc có khi ngài nói rằng, Đạo là quán thân niệm xứ, nếu có người buộc lòng mình tinh cần tu tập thân niệm xứ này thì được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hoặc có khi đức Phật nói rằng, Chánh Định là đạo, như ngài bảo đại đức Đại Ca Diếp, phạm Chánh định thì chân thật là Đạo, chẳng phải chẳng Chánh định mà là Đạo vậy. Nếu vào Chánh định thì mới có thể tư duy sự sinh diệt của năm ấm, chẳng phải chẳng vào định mà có thể tư duy vậy. Hoặc đức Phật nói rằng, một pháp, nếu người tu tập thì có thể tịnh chúng sinh, diệt trừ tất cả lo buồn khổ não, kiến lập được chánh pháp - Pháp đó gọi là Niệm Phật tam muội. Hoặc đức Phật lại nói rằng, tu vô thường tướng thì đó gọi là Đạo. Như ngài bảo các Tỷ kheo rằng, có người có thể tu nhiều Vô thường tướng thì có thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hoặc đức Phật nói rằng, ngồi một mình ở chỗ A lan nhã không tịch mà tư duy thì có thể mau chóng được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hoặc có khi đức Phật nói rằng, vì người diễn nói pháp thì đó gọi là Đạo. Nếu nghe pháp rồi lưới nghi liền đoạn trừ mà lưới nghi đã đoạn trừ rồi thì được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hoặc có khi đức Phật

nói rằng, trì giới là đạo, như ngài đã bảo ngài A Nan, nếu có người tinh cần tu trì cấm giới thì người đó qua khỏi khổ lớn sinh tử. Hoặc có khi đức Phật nói rằng, gần gũi bạn lành thì đó gọi là Đạo, như ngài bảo ngài A Nan, nếu có người gần gũi bậc thiện tri thức thì an tịnh được giới. Nếu có chúng sinh có thể gần gũi ta thì được phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hoặc có khi đức Phật nói rằng, tu Từ (bi) là Đạo. Người tu học Từ thì đoạn trừ các phiền não, được chỗ chẳng động (bất động xứ). Hoặc có khi đức Phật nói rằng, trí tuệ chính là Đạo. Như đức Phật thuở xưa vì Tỳ kheo ni Ba Xà Ba Đề nói rằng : “Này chị em ! Như các Thanh Văn dùng dao trí tuệ có thể đoạn dứt các lậu phiền não của các dòng chảy”. Hoặc có khi đức Phật nói rằng, thí chính là Đạo. Như thuở trước đức Phật bảo vua Ba Tư Nặc rằng : “Này Đại vương ! Ông phải biết, ta thuở xưa làm nhiều việc huệ thí. Do nhân duyên này nên ngày nay được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Thưa đức Thế Tôn ! Nếu tám Thánh Đạo là Đạo Đế thì như vậy các kinh điển há chẳng phải là hư vọng ư ? Nếu những Kinh đó chẳng phải là hư vọng thì vì duyên gì trong những Kinh đó chẳng nói tám Thánh Đạo là Đạo Thánh Đế. Nếu những Kinh đó chẳng nói thì thuở xưa vì sao đức Như Lai lầm lẫn ? Nhưng con nhất định biết các đức Phật Như Lai từ lâu lia khỏi sự lầm lẫn !

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Ông nay muốn biết bí mật sở hữu trong Kinh điển vi diệu Đại Thừa của Bồ tát thì nên hỏi vấn đề đó. Này thiện nam tử ! Đúng vậy, các Kinh điển đều vào Đạo Đế ! Này thiện nam tử ! Như trước ta đã nói, nếu có người tin đạo mà tin đạo như vậy là căn bản của niềm tin, là có thể tá trợ đạo Bồ Đề. Vậy nên lời nói của ta không có lầm lẫn. Này thiện nam tử ! Như Lai giỏi biết vô lượng phương tiện, muốn hóa độ chúng sinh nên tạo tác đủ thứ thuyết pháp như vậy. Này thiện nam tử ! Ví như vị lương y nhận biết nguyên nhân đủ thứ bệnh của các chúng sinh, rồi tùy theo sự bệnh hoạn của họ mà vì họ hòa hợp thuốc, cùng sự cầm ky của thuốc, chỉ dùng một thứ nước, chẳng ở trong cấm lệ. Hoặc cho uống nước gừng, hoặc nước cam thảo, hoặc nước Tế tân, hoặc nước Hắc thạch mật, hoặc nước A ma lặc, hoặc nước Ni bà la, hoặc nước Bát trú la, hoặc uống nước lạnh, hoặc uống nước nóng, hoặc nước bồ đào, hoặc nước An thạch lựu. Này thiện nam tử ! Như vậy vị lương y giỏi biết đủ thứ thuốc trị bệnh hoạn của chúng sinh tuy có nhiều nước cầm nhưng chẳng còn lệ thuộc. Như Lai cũng vậy, giỏi biết phương tiện, nhưng đối với pháp tướng tùy theo các chúng sinh mà phân biệt rộng nói đủ thứ danh tướng. Những chúng sinh kia theo lời nói mà thính thọ, thọ rồi tu tập đoạn trừ phiền não, như người bệnh

kia theo lời dạy của lương y nên bệnh hoạn được tiêu trừ. Lại nữa, này thiện nam tử ! Như có người giỏi lý giải mọi lời nói ở trong đại chúng. Những đại chúng này bị sự bức bách mà nóng khát, hoặc phát lên tiếng rằng : “Ta muốn uống nước ! Ta muốn uống nước !” Người giỏi giải đó tức thời dùng nước trong mát, tùy theo chủng loại của những người khát ấy mà nói rằng : “Nước đây !”, hoặc nói rằng: “Ba ni !”, hoặc nói rằng : “Uất đặc !”, hoặc nói rằng : “Ta lợi lam!”, hoặc nói rằng : “Bà lợi !”, hoặc nói rằng : “Bà Gia !”, hoặc nói rằng : “Cam Lộ !”, hoặc nói rằng : “Sữa trâu !”. Người đó dùng vô lượng tên của nước như vậy mà vì đại chúng nói lên. Này thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, dùng một Thánh Đạo vì các Thanh Văn diễn nói đủ thứ, từ tín căn.v.v.. đến tám Thánh Đạo. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như người thợ bạc vàng bạc thầy dùng một thứ vàng mà tùy ý tạo tác đủ thứ chuỗi ngọc, như là kẹp, khóa, vòng ngọc, vòng xuyên, thoa cài tóc, mũ trời, dấu ấn cánh tay... Tuy có sự sai biệt chẳng đồng như vậy nhưng chẳng lia khỏi vàng. Này thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy, dùng một Phật đạo tùy theo các chúng sinh, phân biệt đủ thứ mà vì họ nói cho. Hoặc nói một thứ, như là chư Phật một đạo không hai. Phật lại nói hai thứ, như là Định, Tuệ. Lại nói ba thứ, như là thấy trí tuệ. Lại nói bốn thứ, như là thấy đạo, tu đạo, không học đạo, Phật đạo. Lại nói năm thứ, như là tín hành đạo, pháp hành đạo, tín giải thoát đạo, kiến đạo đạo, thân chứng đạo. Lại nói sáu thứ, như là Tu Đà Hoàn đạo, Tư Đà hàm đạo, A Na Hàm đạo, A La Hán đạo, Bích Chi Phật đạo, Phật đạo. Lại nói bảy thứ, như là niệm giác phận, trạch pháp giác phận, tinh tấn giác phận, hỷ giác phận, trừ giác phận, định giác phận, xả giác phận. Lại nói tám thứ, đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Lại nói chín thứ, đó là tám Thánh đạo và tín. Lại nói mười thứ, đó là mười lực. Lại nói mười một thứ, đó là mười lực và đại từ. Lại nói mười thứ, đó là mười lực và đại từ, đại bi. Lại nói mười ba thứ, đó là mười lực và đại từ, đại bi, niệm Phật tam muội. Lại nói mười sáu thứ, đó là mười lực, đại từ, đại bi, niệm Phật tam muội và ba chánh niệm xứ sở đặc của Phật. Lại nói hai mươi đạo, đó là mười lực, bốn vô sở úy, đại từ, đại bi, niệm Phật tam muội và ba chánh niệm xứ. Này thiện nam tử ! Đạo này là một thể, Như Lai ngày xưa vì chúng sinh nên phân biệt đủ thứ. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như nhân từ một thứ lửa đốt cháy lên mà được đủ thứ tên, như là lửa cây, lửa cỏ, lửa trâu, lửa rơm, lửa phân trâu ngựa... Này thiện nam tử ! Phật đạo cũng vậy, chỉ một mà không hai, nhưng vì chúng sinh nên phân biệt đủ thứ. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như một thứ nhận thức mà phân biệt nói thành sáu thứ : Nếu đến với mắt thì gọi là nhãn thức (nhận biết của mắt)... cho đến ý thức cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Đạo cũng như vậy, chỉ một mà không hai, nhưng Như Lai vì giáo hóa các chúng sinh nên phân biệt ra đủ thứ. Lại nữa, này thiện nam tử !

Ví như việc thấy của mắt về một sắc thì gọi là màu sắc. Cái nghe của tai thì gọi là Thanh (tiếng). Cái ngửi của mũi thì gọi là Hương. Cái nếm của lưỡi thì gọi là Vị. Cái hay biết của thân thì gọi là Xúc. Đây thiện nam tử ! Đạo cũng như vậy, chỉ một mà không hai, nhưng Như Lai vì muốn giáo hóa chúng sinh nên phân biệt ra đủ thứ. Đây thiện nam tử ! Do nghĩa này nên Bát Thánh Đạo phân tên là Đạo Thánh Đế. Đây thiện nam tử ! Bốn Thánh Đế này, các đức Phật Thế Tôn theo thứ lớp nói đến. Do nhân duyên này nên vô lượng chúng sinh đã được khỏi sinh tử.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Một thuở trước đây, đức Phật ở trong rừng Thi Thủ bên bờ sông Hằng, bấy giờ, đức Như Lai lấy một ít lá cây rồi bảo các Tỷ kheo rằng : “Số lá cầm trong tay ta hôm nay nhiều hay số lá của tất cả cây cỏ mọc trên đất nhiều ?” Các thầy Tỷ kheo bạch rằng: “Thưa đức Thế Tôn ! Số lá của tất cả cây cỏ mọc trên đất nhiều chẳng thể kể xiết, còn số lá của đức Như Lai nắm thì ít chẳng đủ nói”. “Đây các Tỷ kheo ! Sự hiểu biết của ta về tất cả pháp như những cỏ cây mọc khắp trên đất, nhưng những điều vì các chúng sinh tuyên nói thì như số lá nắm trong tay”. Đức Thế Tôn, bấy giờ đã nói lời như vậy. Đức Như Lai đã hiểu rõ vô lượng các pháp, nếu người vào bốn Đế thì tức là đã nói, nếu người chẳng vào thì cần có năm Đế ?

Đức Phật khen ngài Ca Diếp :

- Hay thay ! Hay thay ! Đây thiện nam tử ! Điều hỏi của ông hôm nay có thể đem lại lợi ích, yên ổn, khoái lạc cho vô lượng chúng sinh. Đây thiện nam tử ! Như vậy các pháp đều đã thâm nhiếp tại trong bốn Đế.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Những pháp như vậy, nếu ở tại bốn Đế thì vì sao đức Như Lai xưng rằng, chẳng nói ?

Đức Phật nói rằng :

- Đây thiện nam tử ! Tuy lại vào trong nhưng còn chẳng gọi là nói. Vì sao vậy ? Đây thiện nam tử ! Vì biết bốn Đế có hai thứ trí, một là trung trí, hai là thượng trí. Trung trí là trí của Thanh Văn, Duyên Giác. Thượng trí là trí của các đức Phật, Bồ tát. Đây thiện nam tử ! Biết các âm là khổ thì gọi là trung trí. Phân biệt các âm có vô lượng tướng, đều là các khổ thì chẳng phải là sự

hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là thượng trí. Nay thiện nam tử ! Những nghĩa như vậy, ta đối với những Kinh đó, trọn chẳng nói đến. Nay thiện nam tử ! Biết các nhập thì gọi đó là cửa (môn), cũng gọi là Khô. Đó gọi là Trung trí. Phân biệt các nhập có vô lượng tướng đều chính là khô thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là Thượng trí. Những nghĩa như vậy, ta đối với những Kinh đó, cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam tử ! Biết các Giới thì gọi đó là phạm, cũng gọi là tánh, cũng gọi là khô. Đó gọi là Trung trí. Phân biệt các giới có vô lượng tướng đều chính là các khô thì chẳng phải là sự hiểu biết của các Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là Thượng trí. Nay thiện nam tử ! Những nghĩa như vậy, ta đối với Kinh đó, cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam tử ! Biết tướng hoại của sắc thì đó gọi là Trung trí. Phân biệt các sắc có vô lượng tướng đều chính là các khô thì chẳng phải là sự hiểu biết của các Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là Thượng trí. Những nghĩa như vậy, ta đối với Kinh đó, cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam tử ! Biết tướng thọ giác thì gọi là Trung Trí. Phân biệt các thọ có vô lượng tướng giác thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là Thượng trí. Nay thiện nam tử ! Những nghĩa như vậy, đối với Kinh đó, ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam tử ! Biết tướng thủ tướng thì đó gọi là Trung trí. Phân biệt tướng đó có vô lượng tướng thủ (lấy) thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là Thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với Kinh đó, ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam tử ! Biết tướng hành tác thì đó gọi là Trung trí. Phân biệt hành này có vô lượng tướng tác thì chẳng phải là sự hiểu biết của các Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là Thượng trí. Nay thiện nam tử ! Những nghĩa như vậy, đối với Kinh đó, ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam tử ! Biết tướng phân biệt của thức thì đó gọi là Trung trí. Phân biệt thức đó có vô lượng tướng biết thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là Thượng trí. Nay thiện nam tử ! Những nghĩa như vậy, đối với Kinh đó, ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam tử ! Biết nhân duyên của ái có thể sinh ra năm ấm thì đó là Trung trí. Một người khởi lên ái vô lượng vô biên thì Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể biết. Nếu có thể biết sự khởi lên những ái như vậy của tất cả chúng sinh thì đó gọi là Thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với Kinh đó, ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam tử ! Biết diệt phiền não thì đó gọi là Trung trí. Phân biệt phiền não chẳng thể xưng kể và Diệt cũng như vậy, chẳng thể xưng kể thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là Thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với Kinh đó, ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam tử ! Biết tướng của Đạo đó có thể lìa khỏi phiền não thì đó gọi là Trung trí. Phân biệt tướng Đạo có vô lượng vô biên và sự lìa khỏi phiền não cũng vô lượng vô biên thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là Thượng trí. Những nghĩa như vậy,

đối với Kinh đó, ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam tử ! Biết Thế Đế thì gọi là Trung trí. Phân biệt Thế Đế vô lượng vô biên chẳng thể xưng kể thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là Thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với Kinh đó, ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam tử ! Biết tất cả hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết Bàn tịch diệt là Đệ nhất nghĩa thì đó gọi là Trung trí. Biết Đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên, chẳng thể xưng kể thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Đó gọi là Thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với Kinh đó, ta cũng chẳng nói đến.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Lời nói của ngài về Thế Đế, Đệ nhất nghĩa thì nghĩa ấy ra sao ? Thưa đức Thế Tôn ! Trong Đệ nhất nghĩa có Thế đế không ? Trong Thế Đế có Đệ nhất nghĩa không ? Như trong ấy có thì tức là Nhất Đế. Như trong ấy không thì sẽ chẳng phải là lời nói của đức Như Lai hư dối sao ?

- Nay thiện nam tử ! Thế đế tức là Đệ nhất nghĩa đế !

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu vậy thì không có hai Đế.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Có phương tiện khéo thuận theo chúng sinh thì nói có hai Đế. Nay thiện nam tử ! Nếu thuận lời nói thì có hai thứ, một là thế pháp, hai là xuất thế pháp. Nay thiện nam tử ! Như sự hiểu biết của người xuất thế thì gọi là Đệ nhất nghĩa đế mà của người đời thì gọi là Thế đế. Nay thiện nam tử ! Năm ấm hòa hợp thì xưng rằng : mỡ giáp (đại từ chỉ một thứ gì đó). Phàm phu chúng sinh theo sự xưng hô ấy thì đó là Thế đế. Lý giải các ấm không có tên, gọi mỡ giáp, lia khỏi các ấm cũng không có tên gọi mỡ giáp. Người xuất thế có thể biết đúng như tánh tướng ấy thì gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Hoặc lại có pháp có tên có thật, hoặc lại có pháp có tên không thật. Nay thiện nam tử ! Pháp có tên không thật thì tức là Thế đế, pháp có tên có thật thì đó là Đệ nhất nghĩa đế. Nay thiện nam tử ! Như ngã, chúng sinh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, trượng phu, tác giả, thọ giả, bốc cháy khi nóng, thành của Càn thất bà, lông rùa, sừng hổ, bánh xe lửa xoay vần, các ấm, giới, nhập... thì đó gọi là Thế đế. Khổ, Tập, Diệt, Đạo gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Nay thiện nam tử ! Thế pháp có năm thứ, một là danh thế, hai là cú thế (cú : câu), ba là phược thế, bốn là pháp thế, năm là

chấp trước thế. Này thiện nam tử ! Sao gọi là Danh thế ? Trai, gái, bình, áo, xe cộ, nhà cửa.v.v... những vật như vậy thì đó gọi là Danh thế. Sao gọi là Cú thế ? Một bài kệ bốn câu. Những bài kệ như vậy.v.v... thì đó gọi là Cú thế. Sao gọi là Phước thế ? Vén cuốn, hợp lại, ràng buộc, câu kết, trói buộc, chấp tay... đó gọi là Phước thế. Sao gọi là Pháp thế ? Như mình chùy tập hợp Tăng, nghiêm tiếng trống răn bảo binh sĩ, thổi tù và báo biết thời gian... đó gọi là Pháp thế. Sao gọi là Chấp trước thế ? Như trông xa thấy có người mặc nhiệm y thì sinh tư tưởng chấp trước rằng, chính là Samôn, chẳng phải là Bàlamôn. Thấy người có dây bện đeo ngang trên thân thì liền sinh ý niệm rằng, chính là Bàlamôn, chẳng phải là Samôn. Đó gọi là Chấp trước thế. Này thiện nam tử ! Như vậy gọi là năm thứ thế pháp. Này thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh đối với năm thứ thế pháp như vậy mà lòng không điên đảo, biết đúng như thật thì đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam tử ! Hoặc đốt, hoặc cắt, hoặc chết, hoặc hoại... thì đó gọi là Thế đế. Không đốt, không cắt, không chết, không hoại... thì đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam tử ! Có tám tướng khổ gọi là Thế đế. Không sinh, không già, không bệnh, không chết, không ái biệt ly, không oán tắng hội, không cầu bất đắc, không năm thịnh ấm thì đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như một người có nhiều khả năng. Nếu khi người ấy chạy thì gọi là người chạy. Nếu khi người ấy thu hoạch, cắt cỏ thì lại gọi là người ấy cắt cỏ. Nếu người ấy làm đồ ăn uống thì gọi là người nấu ăn. Nếu người ấy chế tác gỗ cây thì gọi là thợ mộc, khi rèn luyện vàng, bạc thì gọi là thợ vàng bạc. Như vậy một người có nhiều tên gọi, pháp cũng như vậy, kỳ thật là một mà có nhiều tên. Nương nhân cha mẹ hòa hợp mà sinh ra thì gọi là Thế đế. Do mười hai nhân duyên hòa hợp mà sinh ra thì gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Cái nói rằng Thật đế thì nghĩa ấy ra sao ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Nói rằng Thật đế thì gọi là Chân Pháp ! Này thiện nam tử ! Nếu pháp chẳng phải chân thật thì chẳng gọi là Chân đế. Này thiện nam tử ! Thật đế thì không điên đảo mà không điên đảo thì mới gọi là Thật đế. Này thiện nam tử ! Thật đế thì không có hư vọng. Nếu có hư vọng thì chẳng gọi là Thật đế. Này thiện nam tử ! Thật đế thì gọi là Đại Thừa. Chẳng phải Đại Thừa thì chẳng gọi là Thật đế. Này thiện nam tử ! Thật đế là lời nói của Phật, chẳng phải là lời nói của ma. Nếu là lời nói của ma, chẳng phải là lời nói của Phật thì chẳng gọi là Thật đế. Này thiện nam tử ! Thật đế là một đạo

thanh tịnh, không có hai vậy. Đây thiện nam tử ! Có Thường, có Lạc, có Ngã, có Tịnh thì đó gọi là nghĩa của Thật đế.

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Nếu lấy chân thật làm Thật đế thì pháp chân thật tức là Như Lai hư không, Phật tính. Nếu như vậy thì Như Lai hư không cùng với Phật tính không có sai biệt !

Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng :

- Có Khô có đế có thật, có Tập có đế có thật, có Diệt có đế có thật, có Đạo có đế có thật. Đây thiện nam tử ! Như Lai chẳng phải khô, chẳng phải đế mà là thật. Hư không chẳng phải khô, chẳng phải đế mà là thật. Phật tính chẳng phải khô, chẳng phải đế mà là thật. Đây Văn Thù Sư Lợi ! Cái gọi rằng Khô là tướng vô thường, là tướng có thể đoạn. Đó là Thật đế. Tính của Như Lai chẳng phải khô, chẳng phải vô thường, chẳng phải tướng có thể đoạn. Vậy nên Như Lai là thật. Hư không, Phật tính cũng lại như vậy. Lại nữa, đây thiện nam tử ! Cái gọi rằng Tập là có thể khiến cho năm ấm hòa hợp mà sinh ra, cũng gọi là khô, cũng gọi là vô thường, là tướng có thể đoạn. Đó là Thật tướng. Đây thiện nam tử ! Như Lai chẳng phải là tính của Tập, chẳng phải là nhân của ấm, chẳng phải tướng có thể đoạn. Vậy nên Như Lai là thật. Hư không, Phật tính cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Cái nói rằng Diệt là gọi phiền não diệt, cũng thường và vô thường. Sở đắc của Nhị thừa gọi là vô thường. Sở đắc của chư Phật thì gọi là Thường, cũng gọi là Chứng pháp. Đó là Thật đế. Đây thiện nam tử ! Tính của Như Lai chẳng gọi là Diệt, có thể diệt phiền não, chẳng phải thường, vô thường, chẳng gọi là chứng biết, thường trụ không biến dị. Vậy nên Như Lai là Thật. Hư không, Phật tính cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Đạo có thể đoạn phiền não, cũng thường vô thường, là pháp có thể tu. Đó gọi là Thật đế. Như Lai chẳng phải đạo có thể đoạn phiền não, chẳng phải thường, vô thường, chẳng phải pháp có thể tu mà thường trụ bất biến. Vậy nên là Thật. Hư không, Phật tính cũng lại như vậy. Lại nữa, đây thiện nam tử ! Nói rằng Chân thật thì tức là Như Lai. Như Lai thì tức là Chân thật. Chân thật thì tức là Hư không. Hư không thì tức là Chân thật. Chân thật thì tức là Phật tính. Phật tính thì tức là Chân thật. Đây Văn Thù Sư Lợi ! Có khổ thì có nhân của khổ, có hết khổ, có đối tác của khổ mà Như Lai thì chẳng phải khổ... chẳng phải là đối tác của khổ. Vậy nên Như Lai là Thật, chẳng gọi là đế. Hư không, Phật tính cũng lại như vậy. Khổ là hữu vi, hữu lậu, không vui (vô lạc) còn Như Lai chẳng phải hữu vi, chẳng phải hữu lậu, sáng rõ an vui, là thật chẳng phải là đế.

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời nói đức Phật, chẳng điên đảo thì gọi là Thật đế. Nếu như vậy thì trong bốn đế có bốn điên đảo chẳng ? Trong đó nếu có thì tại sao nói không có điên đảo, gọi là thật đế, còn tất cả điên đảo thì chẳng gọi là thật ?

Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng :

- Tất cả điên đảo đều vào Khổ đế. Như tất cả chúng sinh có lòng điên đảo thì gọi là điên đảo. Nay thiện nam tử ! Ví như có người chẳng thọ lời dạy bảo của cha mẹ, bậc tôn trưởng hay tuy có thọ mà chẳng thể thuận theo tu hành thì người như vậy gọi là điên đảo. Như vậy điên đảo chẳng phải chẳng là khổ mà tức là khổ vậy.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói rằng :

- Như lời nói của đức Phật, chẳng hư vọng thì tức là Thật đế. Nếu vậy thì phải biết hư vọng chẳng phải Thật đế.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Tất cả hư vọng đều vào Khổ đế. Như có chúng sinh lừa dối người khác. Do nhân duyên này nên đọa vào địa ngục, súc sinh, ngã quỉ. Những pháp như vậy.v.v... thì gọi là hư vọng. Như vậy hư vọng chẳng phải chẳng là khổ mà tức là khổ vậy. Thanh Văn, Duyên Giác, các đức Phật Thế Tôn xa lìa những hành động đó nên chẳng gọi là hư vọng. Như vậy hư vọng là sự đoạn trừ của các đức Phật và hàng Nhị thừa nên gọi là Thật đế.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói rằng :

- Như lời nói của đức Phật, Đại Thừa là Thật đế, thì phải biết Thanh Văn, Bích Chi Phật thừa là chẳng thật !

Đức Phật dạy rằng :

- Nay Văn Thù Sư Lợi ! Hàng Nhị thừa kia là thật cũng chẳng thật. Thanh Văn, Duyên Giác đoạn các phiền não thì gọi là thật. Vô thường chẳng thường trụ là pháp biến dị thì đó gọi là chẳng thật.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói rằng :

- Như lời đức Phật nói, nếu lời nói đức Phật gọi là thật thì phải biết lời nói của ma là chẳng thật. Thừa đức Thế Tôn ! Như lời nói của ma thì Thánh đế có nhiếp lấy không ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay Văn Thù Sư Lợi ! Lời nói của ma thì được sự nhiếp lấy của hai đế là Khô và Tập. Phạm là tất cả sự phi pháp, phi luật chẳng thể làm cho con người được lợi ích thì dù cho trọn ngày tuyên nói cũng không có người thấy Khô, đoạn Tập, chứng Diệt tu Đạo. Đó gọi là hư vọng. Như vậy hư vọng thì gọi là lời nói của ma.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói rằng :

- Như lời đức Phật nói, một đạo thanh tịnh, không có hai. Những ngoại đạo.v.v... cũng lại nói rằng : “Ta có một đạo thanh tịnh, không có hai”. Nếu nói rằng một đạo là Thật đế thì cùng với ngoại đạo kia có gì sai biệt ? Nếu không sai biệt thì chẳng nên nói rằng, một đạo thanh tịnh.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Các ngoại đạo.v.v... có Khô đế, Tập đế, không có Diệt đế, Đạo đế. Chúng ở trong chẳng phải Diệt mà sinh ra Diệt tướng, ở trong chẳng phải Đạo mà sinh ra Đạo tướng, ở trong chẳng phải Quả mà sinh ra Quả tướng, ở trong chẳng phải Nhân mà sinh ra Nhân tướng. Do nghĩa này nên ngoại đạo kia không có “một đạo thanh tịnh không hai”.

Ngài Văn Thù Sư Lợi thưa rằng :

- Như lời đức Phật nói, có Thường, có Lạc, có Ngã, có Tịnh là thật nghĩa thì các ngoại đạo.v.v... nên có thật đế, trong Phật pháp thì không. Vì sao vậy ? Vì những bọn ngoại đạo cũng lại nói rằng, các hành là Thường. Sao gọi là Thường ? Vừa ý hay chẳng vừa ý thì các nghiệp báo đều phải thọ nhận, chẳng mất vậy. Vừa ý thì gọi là quả báo của thập thiện, chẳng vừa ý là quả báo của mười điều bất thiện. Nếu nói rằng, các hành đều vô thường mà người tác nghiệp ở đây đã diệt thì còn ai ở đó để thọ quả báo ? Do nghĩa này nên các hành là Thường, nhân duyên sát sinh gọi là Thường. Thừa đức Thế

Tôn ! Nếu nói rằng, các hành đều là vô thường thì người giết (năng sát) người bị giết (sở sát) cả hai đều vô thường. Nếu vô thường thì ai ở địa ngục mà thọ tội báo. Nếu nói rằng, nhất định có người thọ báo ở địa ngục thì phải biết các hành thật chẳng phải vô thường. Thưa đức Thế Tôn ! Buộc lòng chuyên niệm cũng gọi là thường như là điều nghĩ ngợi mười năm cho đến trăm năm cũng chẳng quên mất. Vậy nên đó là thường. Nếu vô thường thì việc thấy trước kia ai nhớ ? Ai nghĩ ? Do nhân duyên này nên tất cả các hành chẳng phải là vô thường vậy. Thưa đức Thế Tôn ! Tất cả sự nhớ tưởng cũng gọi là thường. Có người lúc trước nhìn thấy các tướng chân, tay, đầu, cổ.v.v... của người khác thì về sau nếu gặp liền nhớ biết lại người đó. Nếu vô thường thì tướng cũ nên diệt đi ! Thưa đức Thế Tôn ! Những nghiệp sở tác do tu tập lâu, hoặc mới theo học, hoặc trải qua ba năm hay trải qua năm năm... rồi nhiên hậu mới hiểu biết hoàn thiện nên gọi là Thường. Thưa đức Thế Tôn ! Pháp tính toán, từ một đến hai, từ hai đến ba... cho đến trăm ngàn. Nếu vô thường thì số một ban đầu nên diệt mà số một ban đầu nếu diệt thì cái gì lại đến hai ? Như vậy là thường thì số một hết không có số hai ? Do một chẳng diệt nên được đến hai... cho đến trăm, ngàn. Vậy nên gọi là Thường. Thưa đức Thế Tôn ! Như phép đọc tụng, tụng một A Hàm, đến hai A Hàm cho đến ba, bốn A Hàm. Như A Hàm ấy vô thường thì việc đọc tụng nhất định chẳng đến bốn. Do nhân duyên tăng trưởng việc đọc tụng đó nên gọi là thường. Thưa đức Thế Tôn ! Bình, áo, xe cộ... như của người mắc nợ, hình tướng đất đai, núi, sông, cây, rừng, thảo dược, lá cây mà chúng sinh trị bệnh đều là thường cũng lại như vậy. Thưa đức Thế Tôn ! Tất cả ngoại đạo đều nói lời này : Các hành là thường. Nếu đó là thường thì tức là Thật đế. Thưa đức Thế Tôn ! Có các ngoại đạo lại nói rằng : “Có Lạc”. Làm sao mà biết vậy ? Người thọ quả báo nhất định được vừa ý ! Thưa đức Thế Tôn ! Phạm người thọ lạc nhất định được sự an vui đó. Đó là vua trời Đại Phạm, trời Đại Tự Tại, Thích Đề Hoàn Nhân, trời Tỳ Nữu và những người, trời. Do nghĩa này nên nhất định có Lạc. Thưa đức Thế Tôn ! Có các ngoại đạo nói rằng : “Có Lạc !” có thể khiến cho chúng sinh sinh ra cầu mong, người đói cầu ăn, người khát cầu uống, người lạnh cầu ấm, người nóng cầu mát, người cùng cực cầu dứt đi, người bệnh cầu khỏi bệnh, người tham dục cầu sắc... Nếu không có Lạc thì những người kia vì nhân duyên gì mà cầu ? Do có người cầu nên biết là có Lạc. Thưa đức Thế Tôn ! Có các ngoại đạo lại nói rằng : “Bố thí có thể được Lạc. Người thế gian ưa bố thí cho Samôn, các Bàlamôn bản cùng khôn khổ quần áo, đồ ăn, thức uống, ngọa cụ, thuốc chữa bệnh, voi, ngựa, xe cộ, hương bột, hương xoa, mọi thứ hoa, nhà cửa, nơi y chỉ, đèn sáng... Họ làm sự ban cho đủ thứ như vậy.v.v... là để cho đời sau của mình thọ được quả báo vừa ý. Vậy nên phải biết là nhất định có Lạc”. Thưa đức Thế Tôn ! Có các ngoại đạo lại nói rằng : “Do nhân duyên nên

phải biết là có Lạc. Như là người thợ lạc thì có nhân duyên nên gọi là Lạc xúc. Nếu người không có lạc thì làm sao được nhân duyên. Như không có sừng thỏ thì không có nhân duyên. Có nhân duyên của lạc thì biết là có lạc. Thừa đức Thế Tôn ! Có các ngoại đạo lại nói rằng : “Thợ lạc có thượng, trung, hạ nên phải biết là có lạc. Hạ thợ lạc là Thích Đề Hoàn Nhân. Trung thợ lạc là vua trời Đại Phạm. Thượng thợ lạc là trời Đại tự Tại. Do có thượng, trung, hạ như vậy nên phải biết là có lạc”. Thừa đức Thế Tôn ! Có các ngoại đạo lại nói rằng : “Có Tịnh ! Vì sao vậy ? Nếu không có tịnh thì chẳng nên khởi dục mà nếu khởi dục thì phải biết là có Tịnh”. Họ lại nói rằng : “Vàng, bạc, trân bảo, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, chân châu, bích ngọc, kha bôi, suối chảy, ao tắm, đồ ăn, thức uống, quần áo, hoa hương, hương bột, hương xoa, ánh sáng đèn, đuốc.v.v... những vật như vậy đều là tịnh pháp. Lại nữa, có tịnh ! Gọi năm ấm thì tức là tịnh khí chứa đựng các tịnh vật như là người, trời, các tiên, A la hán, Bích Chi Phật, Bồ tát, chư Phật. Do nghĩa này nên gọi năm ấm đó là tịnh”. Thừa đức Thế Tôn ! Có các ngoại đạo lại nói rằng : “Có Ngã ! Vì có sự nhìn thấy thì có thể tạo tác vậy. Ví như có người vào nhà của người thợ gốm, tuy chẳng thấy thân người thợ gốm, nhưng vì thấy bánh xe, sợi dây nên nhất định biết nhà ấy là thợ gốm. Ngã cũng như vậy, mắt thấy sắc rồi thì nhất định biết có Ngã. Nếu không Ngã thì ai có thể thấy sắc, nghe tiếng... cho đến xúc pháp cũng lại như vậy. Lại nữa, làm sao được biết có Ngã ? - Nhân tướng nên biết ! Những gì là tướng? Hít thở, nhìn ngắm, thọ mạng, lòng sai khiến, thọ các khổ vui, tham cầu, sân nhuế.v.v.. những pháp như vậy đều là tướng của Ngã. Vậy nên phải biết là nhất định có Ngã. Lại nữa, có Ngã thì có thể phân biệt vị. Có người ăn trái cây, mới nhìn thấy đã biết vị. Vậy nên phải biết là nhất định có Ngã. Lại nữa, làm sao biết có Ngã vậy ? Do nghề nghiệp chấp tác vậy. Cầm liềm có thể cắt cỏ, cầm búa có thể bửa củi, cầm bình thì đựng nước, cầm xe thì có thể điều khiển.v.v... những việc như vậy thì Ngã có thể chấp tác. Vậy nên phải biết là nhất định có Ngã. Lại nữa, làm sao biết có Ngã vậy ? Ngay lúc sinh ra là muốn được bú sữa nhân vốn đã quen vậy. Do đó phải biết là nhất định có Ngã. Lại nữa, làm sao biết có Ngã vậy ? Hòa hợp lợi ích cho chúng sinh khác vậy. Ví như bình, quần áo, xe cộ, ruộng nhà, núi rừng, cây cối, voi, ngựa, trâu, dê... Những vật như vậy nếu hòa hợp thì có lợi ích. Bên trong năm ấm cũng lại như vậy, mắt.v.v...các căn có hòa hợp thì lợi ích Ngã. Vậy nên phải biết là nhất định có Ngã. Lại nữa, làm sao biết có Ngã vậy ? Có pháp ngăn chận vậy. Như có vật thì có sự ngăn chận, nếu vật không có thì không có ngăn chận. Nếu có ngăn chận thì biết là có Ngã. Vậy nên phải biết là nhất định có Ngã. Lại nữa, làm sao biết có Ngã vậy ? Bạn - chẳng phải bạn, thân - chẳng phải thân chẳng phải là bạn bè, chánh pháp - tà pháp cũng chẳng phải bạn bè, trí cùng chẳng phải trí cũng chẳng phải bạn

bè, Samôn - chẳng phải Samôn, Balamôn - chẳng phải Balamôn, con - chẳng phải con, ngày - chẳng phải ngày, đêm - chẳng phải đêm, ngã - chẳng phải ngã... những pháp như vậy là bạn, chẳng phải bạn. Vậy nên phải biết là nhất định có Ngã”. Thừa đức Thế Tôn ! Những ngoại đạo.v.v... đã bằng đủ thứ để nói lên có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thì phải biết là nhất định có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Thừa đức Thế Tôn ! Do nghĩa này nên các ngoại đạo.v.v... cũng được nói rằng: “Ngã có chân đế”.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Nếu có Samôn, Balamôn có Thường, có Lạc, có Ngã, có Tịnh thì đó chẳng phải là Samôn, chẳng phải Balamôn. Vì sao vậy ? Vì mê ở sinh tử, lia khỏi bậc Đại Đạo Sư Nhất Thiết Trí. Như vậy những Samôn, Balamôn đắm chìm trong các dục, thiện pháp tổn hao vậy. Những ngoại đạo này bị sự trói buộc tại ngục tù tham dục, sân nhuế, ngu si mà kham nhẫn yêu thích. Những ngoại đạo này tuy biết nghiệp quả, mình làm mình chịu nhưng mà còn chẳng thể xa lia ác pháp. Những ngoại đạo này chẳng phải là tự sống bằng chánh pháp, chánh mạng. Vì sao vậy ? Vì không có lửa trí tuệ nên chẳng thể tiêu trừ. Những ngoại đạo này tuy muốn tham trước năm dục thượng diệu nhưng nghèo nàn thiện pháp, chẳng siêng tu tập. Những ngoại đạo này tuy muốn đi đến trong Chánh giải thoát mà trì giới cụ túc thành tựu. Những ngoại đạo này tuy muốn cầu lạc mà chẳng thể cầu nhân duyên của lạc. Những ngoại đạo này tuy lại rất ghét tất cả những khổ nhưng hành động của họ chưa có thể xa lia những nhân duyên của khổ. Những ngoại đạo này tuy bị sự trói buộc của rắn độc bốn đại nhưng còn hành động buông lung, chẳng thể cẩn thận. Những ngoại đạo này bị sự che phủ của vô minh, xa lia bạn lành, ưa ở tại ba cõi trong lửa lớn vô thường rực cháy mà chẳng thể ra khỏi. Những ngoại đạo này gặp những bệnh phiền não khó khỏi mà lại chẳng cầu bậc lương y đại trí. Những ngoại đạo này vào đời vị lai sẽ phải lặn lội trên đường xa xôi, nguy hiểm vô biên mà chẳng biết dùng vốn liếng thiện pháp để tự trang nghiêm. Những ngoại đạo này thường bị sự hủy hoại của tai họa thâm độc của dâm dục mà ngược lại còn ôm giữ sương độc của năm dục. Những ngoại đạo này sân nhuế rừng rực mà ngược lại gân gủi bạn ác. Những ngoại đạo này thường bị sự che phủ của vô minh mà ngược lại còn tìm kiếm pháp tà ác. Những ngoại đạo này thường bị sự lừa dối mê hoặc của tà kiến mà ngược lại còn ở trong đó sinh ra tư tưởng thân thiện. Những ngoại đạo này mong được ăn trái ngọt mà lại trồng hạt đắng. Những ngoại đạo này ở trong nhà tối phiền não mà ngược lại xa lia ánh sáng của ngọn đuốc đại trí. Những ngoại đạo này bị bệnh khát phiền não mà lại uống nước dục mặn. Những ngoại đạo này chìm nổi trong dòng sông

lớn sinh tử vô biên mà lại xa lìa bậc lái thuyền Vô thường. Những ngoại đạo này mê hoặc, điên đảo nói rằng, các hành thường. Các hành nếu thường là không có điều này.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ mười hai hết -

--- oOo ---

Quyển Thứ 13

PHẨM THÁNH HẠNH (tiếp theo)

PHẦN XIX/3:

Này thiện nam tử! Ta xem các hành đều là vô thường. Làm sao biết được vậy? Vì do nhân duyên vậy. Nếu có các pháp từ nhân duyên sinh ra thì biết là vô thường. Các ngoại đạo đó không có một pháp nào mà chẳng từ nhân duyên sinh ra. Này thiện nam tử! Phật tính không sinh, không diệt, không đi, không lại, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải nhân sở tác, chẳng phải không nhân sở tác, chẳng phải tác, chẳng phải tác giả, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải có danh, chẳng phải không danh, chẳng phải danh, chẳng phải sắc, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải sự nhiếp trì của âm, giới, nhập. Vậy nên gọi là thường. Này thiện nam tử! Phật tính tức là Như Lai, Như Lai tức là pháp, pháp tức là Thường. Này thiện nam tử! Thường tức là Như Lai, Như Lai tức là Tăng, Tăng tức là Thường. Do nghĩa này nên pháp từ nhân duyên sinh chẳng gọi là Thường. Các ngoại đạo này không có một pháp nào mà chẳng từ nhân duyên sinh. Này thiện nam tử! Những ngoại đạo này chẳng thấy Phật tính, Như Lai và Pháp. Vậy nên lời nói ra của ngoại đạo đều là nói dối, không có chân đế. Những người phạm phu trước thấy bình, quần áo, xe cộ, nhà cửa, thành quách, sông nước, núi rừng, nam nữ, voi ngựa, trâu dê... rồi sau thấy tương tự thì liền nói rằng Thường. Phải biết thật ra những cái ấy chẳng phải là thường vậy. Này thiện nam tử! Tất cả hữu vi đều là vô thường. Hư không thì vô vi, vậy nên là Thường. Phật tính thì vô vi, vậy nên là Thường. Hư không tức là Phật tính, Phật tính tức là Như Lai, Như Lai tức là

Vô vi, Vô vi tức là Thường. Thường tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Vô vi, Vô vi tức là Thường. Đây thiện nam tử! Pháp hữu vi thường có hai thứ là sắc pháp và phi sắc pháp. Phi sắc pháp là tâm, tâm số pháp. Sắc pháp là đất, nước, lửa, gió. Đây thiện nam tử! Tâm gọi là Vô thường. Vì sao vậy? Vì tính của nó vin vào duyên mà tương ứng, phân biệt. Đây thiện nam tử! Tính nhân thức khác... cho đến tính ý thức khác. Vậy nên Vô thường. Đây thiện nam tử! Cảnh giới của sắc khác... cho đến cảnh giới của pháp khác. Vậy nên vô thường. Đây thiện nam tử! Tương ứng của nhân thức khác... cho đến tương ứng của ý thức khác. Vậy nên vô thường. Đây thiện nam tử! Tâm nếu thường thì nhân thức ứng với xúc duyên tất cả pháp. Đây thiện nam tử! Nếu nhân thức khác... cho đến ý thức khác thì biết là vô thường. Do pháp tương tự mà từng niệm, từng niệm sinh diệt nên người phạm phu thấy rồi cho đó là Thường. Đây thiện nam tử! Các nhân duyên có thể phá hoại nhau nên cũng gọi là vô thường. Như là nhân mắt, nhân màu sắc, nhân ánh sáng, nhân suy nghĩ mà sinh ra nhân thức (sự nhận biết của mắt). Khi nhĩ thức sinh thì các nhân duyên đều khác, chẳng phải là nhân duyên của nhân thức... cho đến sự khác của ý thức cũng lại như vậy. Lại nữa, đây thiện nam tử! Phá hoại các hành thì nhân duyên khác nên tâm gọi là Vô thường. Như là tu Vô thường là tâm khác, tu Khổ, Không, Vô ngã là tâm khác. Tâm nếu Thường thì nên dùng Thường tu Vô thường mà còn chẳng được dùng để quan sát Khổ, Không, Vô ngã huống là lại được dùng để quan sát Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Do nghĩa này nên trong pháp của ngoại đạo chẳng thể nhiếp lấy Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Đây thiện nam tử! Ông phải biết rằng, tâm pháp nhất định là vô thường. Lại nữa, đây thiện nam tử! Tâm tính khác nên gọi là Vô thường. Như là tâm tính của Thanh Văn khác, tâm tính của Duyên Giác khác, tính của tâm chư Phật khác. Tâm của tất cả ngoại đạo có ba thứ, một là tâm xuất gia, hai là tâm tại gia, ba là tâm xa lìa tại gia. Lạc tương ứng với tâm khác, khổ tương ứng với tâm khác, chẳng khổ chẳng lạc tương ứng với tâm khác, tham dục tương ứng với tâm khác, sân nhuế tương ứng với tâm khác, ngu si tương ứng với tâm khác. Tâm của tất cả ngoại đạo cũng khác nhau. Như là ngu si tương ứng với tâm khác, nghi hoặc tương ứng với tâm khác, tà kiến tương ứng với tâm khác, uy nghi tiền dùng, tâm ấy cũng khác. Đây thiện nam tử! Tâm nếu thường thì cũng lại chẳng thể phân biệt các sắc như là màu xanh, vàng, đỏ, trắng, tía... Đây thiện nam tử! Nếu tâm thường thì các pháp nhớ nghĩ chẳng nên quên mất. Đây thiện nam tử! Tâm nếu thường thì sự đọc tụng chẳng nên tăng trưởng. Lại nữa, đây thiện nam tử! Tâm nếu thường thì chẳng nên nói rằng đã tác, nay tác, sẽ tác (làm). Nếu có đã tác, nay tác, sẽ tác thì phải biết rằng là tâm nhất định vô thường. Đây thiện nam tử! Tâm nếu Thường thì không oán, không thân, chẳng phải oán, chẳng phải thân. Tâm nếu thường thì chẳng nên nói rằng,

vật của ta hay vật của người khác, hoặc tử hay sinh. Tâm nếu Thường thì tuy có sở tác nhưng chẳng nên tăng trưởng. Nay thiện nam tử! Do nghĩa này nên phải biết tính của tâm mỗi mỗi đều khác biệt mà có khác biệt thì phải biết là vô thường. Nay thiện nam tử! Ta nay ở trong pháp chẳng phải sắc này, diễn nói vô thường, nghĩa ấy đã hiển hiện, lại phải vì ông nói sắc vô thường! Sắc này vô thường vốn không có sinh mà sinh rồi thì diệt vậy. Bên trong thân khi ở thai thì Ca la la (?) vốn không có sinh mà sinh rồi thì biến đổi. Bên ngoài mầm chồi, thân cây vốn cũng không sinh mà sinh rồi thì biến đổi. Vậy nên phải biết, tất cả sắc pháp đều vô thường. Nay thiện nam tử! Cái có bên trong sắc tùy lúc mà biến đổi, khi Ca la la khác, khi an phù đà khác, khi đà na khác, khi bế thủ (khép tay) khác, khi những nốt phỏng (?) khác, khi mới sinh khác, khi con trẻ khác, khi đồng tử khác... cho đến khi già, mỗi mỗi đều đổi khác. Sở dĩ bên ngoài sắc cũng lại như vậy, mầm chồi khác, thân khác, cành khác, lá khác, hoa khác, trái khác. Lại nữa, nay thiện nam tử! Bên trong vị cũng khác, từ khi Ca la la cho đến già, mỗi mỗi đều biến đổi khác. Bên ngoài vị cũng vậy, thân, cành, lá, hoa, quả vị đều khác. Khi Ca la la thì lực khác... cho đến khi già thì lực khác. Khi Ca la la thì hình dáng khác... cho đến khi già thì hình dáng cũng khác. Khi Ca la la thì quả báo khác... cho đến khi già thì quả báo cũng khác. Khi Ca la la thì tên gọi khác... cho đến khi già thì tên gọi cũng khác. Cái gọi là sắc bên trong hoại rồi thì trở lại hòa hợp nên biết là vô thường. Những cây cối bên ngoài cũng hoại rồi trở lại hợp, nên biết là vô thường. Theo thứ lớp mà sinh ra dần dần, nên biết là vô thường. Theo thứ lớp sinh ra, từ khi Ca la la cho đến khi già; theo thứ lớp sinh ra, từ mầm chồi cho đến trái, hạt. Vậy nên biết là vô thường. Các sắc có thể diệt, nên biết là vô thường. Khi Ca la la diệt khác... cho đến khi già diệt khác; khi mầm chồi diệt khác... cho đến khi quả trái diệt khác. Vậy nên biết là vô thường. Kẻ phàm phu vô trí thấy sinh ra tương tự thì cho là thường. Do nghĩa này nên gọi là Vô thường mà nếu vô thường thì tức là Khổ mà nếu là khổ thì tức là bất tịnh. Nay thiện nam tử! Ta nhân ông Ca Diếp trước hỏi việc này mà đối với ông đó đã đáp.

Lại nữa, nay Thiện nam tử! Các hành vô ngã. Nay thiện nam tử! Tóm lại tất cả pháp gọi là sắc chẳng phải sắc, sắc chẳng phải Ngã vậy. Vì sao vậy? Vì sắc có thể phá, có thể hoại, có thể xé, có thể bẻ, có sinh ra, có tăng trưởng, còn Ngã thì chẳng thể phá, hoại, xé, bẻ và sinh trưởng. Do nghĩa này nên biết sắc chẳng phải Ngã. Pháp chẳng phải sắc cũng lại chẳng phải Ngã. Vì sao vậy? Vì nhân duyên vậy! Nay thiện nam tử! Nếu các ngoại đạo do chuyên niệm nên biết có ngã thì tính của chuyên niệm thật chẳng phải là Ngã vậy. Nếu dùng chuyên niệm làm tính của Ngã thì việc của quá khứ có quên mất mà có quên mất nên nhất định biết là Vô ngã. Nay thiện

nam tử! Nếu các ngoại đạo do tưởng nhớ nên biết có Ngã thì không nhớ tưởng nên nhất định biết là Vô ngã. Như nói, thấy người tay có sáu ngón liền hỏi rằng, ta trước thấy nhau ở đâu vậy? Nếu có Ngã thì chẳng nên hỏi nữa mà đã hỏi nhau nên nhất định biết là Vô ngã. Đây thiện nam tử! Nếu các ngoại đạo do có ngăn chận nên biết có Ngã thì đây thiện nam tử! Do có ngăn chận nên nhất định biết là Vô ngã. Như nói rằng, Điều Đạt nhất định chẳng nói rằng, chẳng phải Điều Đạt. Ngã cũng lại như vậy, nếu nhất định là Ngã thì nhất định chẳng ngăn chận Ngã. Do ngăn chận Ngã nên nhất định biết là vô ngã. Nếu do ngăn chận nên biết có Ngã thì ông hôm nay chẳng ngăn chận nên nhất định Vô ngã. Đây thiện nam tử! Nếu các ngoại đạo do bạn, chẳng phải bạn nên biết có Ngã thì do không bạn nên ứng với không có Ngã. Có pháp không bạn, như là Như Lai, hư không, Phật tính. Ngã cũng như vậy, thật không có bạn. Do nghĩa này nên nhất định biết là Vô ngã. Lại nữa, đây thiện nam tử! Nếu các ngoại đạo do tên gọi nên biết có Ngã thì trong pháp Vô ngã cũng có tên của Ngã, như người nghèo hèn có tên gọi là Giàu Sang. Như nói rằng, Ngã chết. Nếu Ngã chết thì Ngã giết Ngã mà thật ra Ngã chẳng thể giết. Giả gọi là giết Ngã cũng như người thấp mà tên là cao. Do nghĩa này nên nhất định biết là Vô ngã. Lại nữa, đây thiện nam tử! Nếu các ngoại đạo khi sanh cần sữa thì nên biết là có ngã. Đây thiện nam tử! Nếu có Ngã thì tất cả trẻ con chẳng nên nắm lấy phân bần, rắn, thuốc độc. Do nghĩa này nên nhất định biết là Vô ngã. Lại nữa, đây thiện nam tử! Tất cả chúng sinh đối với ba pháp đều có đẳng trí, đó là dâm dục, ăn uống, khủng bố. Vậy nên có ngã. Lại nữa, đây thiện nam tử! Nếu các ngoại đạo do tướng mạo nên biết có Ngã thì đây thiện nam tử! Có tướng mạo nên vô ngã mà vô tướng nên cũng vô ngã. Như khi người ngủ, chẳng thể tiến, dừng, cúi, ngửa, nhìn ngó, chẳng biết khổ, vui thì chẳng ứng có Ngã. Nếu do tiến, dừng, cúi, ngửa, nhìn ngó mà biết có Ngã thì người gỗ máy cũng ứng có Ngã. Đây thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, chẳng tiến, chẳng dừng, chẳng cúi, chẳng ngửa, chẳng nhìn, chẳng ngó, chẳng khổ, chẳng vui, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, chẳng hành... Như Lai như vậy là chân thật có Ngã. Lại nữa, đây thiện nam tử! Nếu các ngoại đạo do thấy người khác ăn trái cây mà trong miệng chảy nước miếng nên biết là có Ngã thì, đây thiện nam tử! Do nhớ nghĩ nên thấy thì chảy nước miếng mà nước miếng chẳng phải là Ngã, Ngã cũng chẳng phải nước miếng, chẳng phải vui, chẳng phải buồn, chẳng phải cười, chẳng phải khóc, chẳng phải nằm, chẳng phải dậy, chẳng phải đói, chẳng phải no... Do nghĩa này nên nhất định biết là Vô ngã. Đây thiện nam tử! Những ngoại đạo này si đại như đứa trẻ con không phương tiện tuệ, chẳng thể thông đạt Thường cùng Vô thường, khổ - lạc, tịnh - bất tịnh, ngã - vô ngã, thọ mạng - chẳng phải thọ mạng, chúng sinh - chẳng phải chúng sinh, thật - chẳng phải thật, có - chẳng phải có. Ở trong Phật pháp, họ thủ lấy được chút ít nên hư

vọng cho là có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh mà thật chẳng biết Thường Lạc Ngã Tịnh. Như người mù bẩm sinh chẳng biết màu của sữa liền hỏi người khác rằng: “Màu sữa giống màu gì?” Người khác đáp rằng: “Màu trắng như vỏ sò!” Người mù lại hỏi: “Màu sữa này như tiếng vỏ sò sao?” Đáp rằng: “Chẳng phải vậy!” Lại hỏi: “Màu vỏ sò giống cái gì vậy?” Đáp rằng: “Giống như hạt gạo lúa nước”. Người mù lại hỏi: “Màu sữa mềm mại như hạt gạo lúa nước sao? Hạt gạo lúa nước thì lại tương tự cái gì?” Đáp rằng: “Giống như mưa tuyết!” Người mù lại nói rằng: “Hạt gạo lúa nước kia lạnh như tuyết sao? Tuyết lại tương tự cái gì?” Đáp rằng: “Giống như con hạc trắng!” Người mù bẩm sinh tuy nghe bốn thứ ví dụ như vậy nhưng nhất định chẳng thể biết được màu sắc chân thật của sữa. Những ngoại đạo này cũng lại như vậy, nhất định chẳng thể nhận thức được Thường Lạc Ngã Tịnh. Đây thiện nam tử! Do nghĩa này nên Ngã, trong Phật pháp, có Chân thật để chứ chẳng phải ở trong ngoại đạo.

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch đức Phật rằng:

- Hy hữu quá! Thừa đức Thế Tôn! Đức Như Lai đến hôm nay sắp Bát Niết Bàn mới lại chuyển pháp luân Vô thượng, mới làm sự phân biệt Chân đế như vậy!

Đức Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng:

- Ông nay sao lại còn đối với Như Lai sinh ra Niết Bàn tương? Đây thiện nam tử! Như Lai chân thật là thường trụ bất biến, chẳng Bát Niết Bàn! Đây thiện nam tử! Nếu có người cho ta là Phật, ta thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ta tức là Pháp mà Pháp là cái của ta, ta tức là Đạo mà Đạo là cái của ta, ta tức là Thế Tôn mà Thế Tôn là cái của ta, ta tức là Thanh Văn mà Thanh Văn là cái của ta, ta có thể nói pháp khiến cho người khác tỉnh ngộ, ta chuyển pháp luân còn người khác thì chẳng thể chuyển... thì Như Lai nhất định chẳng kể là như vậy. Vậy nên Như Lai chẳng chuyển pháp luân. Đây thiện nam tử! Nếu có người hư vọng cho là như vậy: Ngã tức là mắt mà mắt là Ngã sở (cái thuộc về Ngã), tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Ngã tức là sắc mà sắc là Ngã sở... cho đến Pháp cũng như vậy. Ngã tức là đất mà đất là ngã sở, nước, lửa, gió.v.v... cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử! Nếu có người nói rằng, Ngã tức là tín mà tín là ngã sở, Ngã là đa văn mà đa văn là ngã sở, Ngã là Đàn Balamật mà Đàn Balamật tức là ngã sở, Ngã là Thi Balamật mà Thi Balamật tức là ngã sở, Ngã là Sằn đề Balamật mà Sằn đề Balamật tức là ngã sở, Ngã là Tỳ lê gia Balamật mà Tỳ lê gia Balamật tức là ngã sở, Ngã là Thiên Balamật mà Thiên Balamật tức là ngã sở, Ngã là Bát

Nhã Balamật mà Bát Nhã Balamật tức là ngã sở, Ngã là bốn niệm xứ mà bốn niệm xứ tức là ngã sở, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phận, tám Thánh đạo phận cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử! Như Lai nhất định chẳng cho là như vậy. Vậy nên Như Lai chẳng chuyển pháp luân. Đây thiện nam tử! Nếu nói rằng, thường trụ không có biến dị thì sao nói rằng, Phật chuyển pháp luân? Vậy nên nay ông chẳng nên nói rằng, Như Lai mới lại chuyển pháp luân Vô thượng. Đây thiện nam tử! Ví như nhân mắt duyên với sắc, duyên với ánh sáng, duyên với tư duy rồi nhân duyên hòa hợp được sinh ra nhãn thức. Đây thiện nam tử! Mắt chẳng nghĩ rằng, ta có thể sinh ra thức. Từ sắc cho đến tư duy nhất định chẳng nghĩ rằng, ta sinh ra nhãn thức. Nhãn thức cũng lại chẳng khởi ý nghĩ rằng, ta có thể tự sinh ra. Đây thiện nam tử! Như vậy những pháp do nhân duyên hòa hợp được gọi là thấy (kiến). Đây thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, nhân sáu Balamật, ba mươi bảy pháp trợ Bồ Đề hiểu biết rõ các pháp, lại nhân yết hầu, lưỡi răng, môi, miệng, lời nói, âm thanh để vì ông Kiều Trần Như nói pháp đầu tiên, gọi là Chuyển pháp luân. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng gọi là Chuyển pháp luân vậy. Đây thiện nam tử! Nếu chẳng chuyển thì tức gọi là Pháp mà Pháp tức là Như Lai. Đây thiện nam tử! Ví như nhân đồ lấy lửa, nhân cái dùi, nhân tay, nhân phân trâu khô mà được sinh ra lửa. Đồ lấy lửa cũng chẳng nói rằng, ta có thể sinh ra lửa. Cái dùi, tay, phân trâu khô đều chẳng nghĩ rằng, ta có thể sinh ra lửa. Lửa cũng chẳng nói rằng, ta có thể tự sinh ra. Như Lai cũng vậy, nhân sáu Balamật... cho đến Kiều Trần Như thì gọi là Chuyển pháp luân. Như Lai cũng lại chẳng sinh ý niệm rằng, ta Chuyển pháp luân. Đây thiện nam tử! Nếu chẳng sinh thì đó gọi là Chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân này tức gọi là Như Lai. Đây thiện nam tử! Ví như nhân cao sữa, nhân nước, nhân quậy đảo, nhân bình, nhân sợi dây, nhân tay người bắt lấy mà được có ra váng sữa. Váng sữa cũng chẳng nói rằng, ta có thể tự có ra. Cho đến tay của người cũng chẳng có thể nghĩ rằng ta có thể sinh ra váng sữa. Váng sữa cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sinh. Do mọi duyên hòa hợp nên được có ra váng sữa (tô). Như Lai cũng vậy, nhất định chẳng nghĩ rằng, ta chuyển pháp luân. Đây thiện nam tử! Nếu chẳng có ra thì đó gọi là Chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân này tức là Như Lai. Đây thiện nam tử! Ví như nhân hạt giống, nhân đất, nhân nước, nhân lửa, nhân gió, nhân phân, nhân thời tiết, nhân con người tác nghiệp mà mầm được sinh ra. Đây thiện nam tử! Hạt giống cũng chẳng nói rằng, ta có thể sinh ra mầm... cho đến con người tác nghiệp cũng chẳng nghĩ rằng, ta có thể sinh ra mầm. Mầm cũng chẳng nói rằng, ta có thể tự sinh ra. Như Lai cũng vậy, nhất định chẳng nghĩ rằng, ta chuyển pháp luân. Đây thiện nam tử! Nếu chẳng làm thì đó gọi là Chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân này tức là Như Lai. Đây thiện nam tử! Ví như nhân cái trồng, nhân hư

không, nhân da, nhân con người, nhân dùi trống hòa hợp phát ra tiếng. Trống chẳng nghĩ rằng, ta có thể phát ra tiếng... cho đến cái dùi trống cũng như vậy. Tiếng cũng chẳng nói rằng, ta có thể tự sinh ra. Đây thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, nhất định chẳng nghĩ rằng, ta chuyển pháp luân. Đây thiện nam tử! Chuyển pháp luân thì gọi là chẳng làm mà chẳng làm thì tức là chuyển pháp luân. Chuyển pháp luân tức là Như Lai. Đây thiện nam tử! Chuyển pháp luân thì mới là cảnh giới của các đức Phật Thế Tôn, chẳng phải là sự hiểu biết của các Thanh Văn, Duyên Giác. Đây thiện nam tử! Hu không chẳng phải sinh, chẳng phải ra, chẳng phải làm, chẳng phải tạo, chẳng phải pháp hữu vi. Như Lai cũng vậy, chẳng phải sinh, chẳng phải ra, chẳng phải tác, chẳng phải tạo, chẳng phải pháp hữu vi. Như Như Lai tính, Phật tính cũng vậy, chẳng phải sinh, chẳng phải ra, chẳng phải tác, chẳng phải tạo, chẳng phải pháp hữu vi. Đây thiện nam tử! Lời nói của các đức Phật Thế Tôn có hai thứ, một là lời nói thế gian, hai là lời nói xuất thế gian. Đây thiện nam tử! Như Lai vì những Thanh Văn, Duyên Giác nói ra lời nói thế gian, vì các Bồ tát nói lời nói xuất thế gian. Đây thiện nam tử! Những đại chúng này lại có hai hạng, một là hạng câu Tiểu thừa, hai là hạng câu Đại Thừa. Ta ngày trước, ở thành Ba la Nại vì các Thanh Văn chuyển Pháp Luân. Hôm nay, bắt đầu ở thành Câu Thi Na này ta vì các Bồ tát chuyển Đại Pháp Luân. Lại nữa, đây thiện nam tử! Lại có hai hạng người là người trung căn và người thượng căn. Ta vì người trung căn, ở thành Ba La Nại chuyển pháp luân. Ta vì người thượng căn, hạng vua voi trong loài người, như Bồ tát Ca Diếp.v.v... nay ở thành Câu Thi Na này chuyển bánh xe Đại pháp. Đây thiện nam tử! Kẻ hạ căn cùng cực thì Như Lai nhất định chẳng vì họ mà chuyển pháp luân. Người hạ căn cùng cực tức là nhất xiển đề. Lại nữa, đây thiện nam tử! Người cầu Phật đạo lại có hai hạng, một là hạng trung tinh tấn, hai là hạng thượng tinh tấn. Ở thành Ba la Nại, ta vì hạng trung tinh tấn mà chuyển pháp luân. Hôm nay ở thành Câu Thi Na này, ta vì hạng thượng tinh tấn mà chuyển bánh xe Đại pháp. Lại nữa, đây thiện nam tử! Ngày trước, ở thành Ba La Nại kia, lần đầu tiên ta chuyển pháp luân thì tám vạn trời, người được quả Tu Đà Hoàn. Hôm nay, ở thành Câu Thi Na này, có tới tám mươi vạn ức người chẳng thoái chuyển đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, đây thiện nam tử! Ở thành Ba La Nại vua trời Đại Phạm cúi đầu thỉnh ta chuyển bánh xe pháp. Hôm nay, ở thành Câu Thi Na này, Bồ tát Ca Diếp cúi đầu thỉnh ta chuyển bánh xe Đại pháp. Lại nữa, đây thiện nam tử! Thuở trước, ở thành Ba La Nại kia, khi ta chuyển pháp luân thì nói về Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã. Hôm nay, ở thành Câu Thi Na này, khi ta chuyển pháp luân thì nói về Thường Lạc Ngã Tịnh.

Lại nữa, này thiện nam tử! Thuở trước, ở thành Ba La Nại kia, khi ta chuyển pháp luân thì âm thanh phát ra vang đến cõi trời Phạm. Hôm nay, ở thành Câu Thi Na, khi Như Lai chuyển pháp luân thì âm phát ra vang khắp cùng thế giới chư Phật nhiều bằng hai mươi lần cát sông Hằng ở phương Đông và phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới cũng lại như vậy. Lại nữa, này thiện nam tử! Các đức Phật Thế Tôn phàm có điều nói ra đều gọi là chuyển pháp luân vậy. Này thiện nam tử! Ví như Luân bảo (báu bánh xe) sở hữu của vị Thánh vương, đối với người chưa hàng phục thì có thể hàng phục, kẻ đã hàng phục thì có thể khiến cho yên ổn. Này thiện nam tử! Các đức Phật Thế Tôn phàm đã nói pháp thì cũng lại như vậy, người vô lượng phiền não chưa điều phục thì có thể khiến cho điều phục, người đã điều phục thì khiến cho họ sinh ra thiện căn. Này thiện nam tử! Ví như Luân bảo sở hữu của vị Thánh vương có thể tiêu diệt tất cả oán tặc. Như Lai diễn pháp cũng lại như vậy, có thể khiến cho tất cả các giặc phiền não đều tịch tịnh hết. Lại nữa, này thiện nam tử! Ví như Luân bảo sở hữu của vị Thánh vương hồi chuyển lên xuống. Như Lai nói pháp cũng lại như vậy, có thể khiến cho những chúng sinh ác của đường dưới sinh lên cõi người, trời... cho đến Phật đạo. Này thiện nam tử! Vậy nên nay ông chẳng nên khen rằng, Như Lai ở đây lại chuyển pháp luân.

Lúc bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Con đối với nghĩa này chẳng phải là chẳng biết. Sở dĩ con hỏi là muốn lợi ích cho các chúng sinh! Thưa đức Thế Tôn! Con từ lâu đã biết, chuyển pháp luân quả thật là cảnh giới của các đức Phật Thế Tôn, chẳng phải là sự theo kịp của hàng Thanh Văn, Duyên Giác.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bồ tát Ca Diếp rằng:

- Này thiện nam tử! Đó gọi là việc lành Thánh hạnh của Bồ tát trụ ở Kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Lại do ý nghĩa gì nên gọi là Thánh hạnh?

- Này thiện nam tử! Thánh là gọi các đức Phật Thế Tôn. Do nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh!

- Thừa đức Thế Tôn! Nếu là sở hạnh của các đức Phật thì chẳng phải là hạnh có thể tu hành của hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát!

- Nay thiện nam tử! Những vị Thế Tôn đó an trụ ở Đại Bát Niết Bàn này mà làm như vậy để khai thị, phân biệt, diễn nói nghĩa ấy! Do nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát nghe như vậy rồi có thể phụng hành nên gọi là Thánh hạnh. Nay thiện nam tử! Đại Bồ tát này được hạnh đó rồi thì được trụ ở Vô Sở Úy Địa. Nay thiện nam tử! Nếu có Bồ tát được trụ ở Vô Sở Úy Địa như vậy thì chẳng còn sợ tham dục, sân nhuế, ngu si, sinh, già, bệnh, chết nữa, cũng lại chẳng sợ những đường ác, địa ngục, súc sinh, ngã qui. Nay thiện nam tử! Ác có hai thứ, một là A tu la, hai là trong loài người. Trong loài người có ba loại ác, một là nhất xiển đề, hai là bài báng kinh điển Phương Đẳng, ba là phạm bốn trọng cấm. Nay thiện nam tử! Trụ ở trong Địa này, các Bồ tát.v.v... nhất định chẳng sợ rơi vào trong những ác như vậy cũng lại chẳng sợ Samôn, Balamật, ngoại đạo tà kiến, Thiên ma Ba Tuần, cũng lại chẳng sợ sinh ở hai mươi lăm cõi hữu. Vậy nên Địa này gọi là Vô Sở Úy. Nay thiện nam tử! Đại Bồ tát trụ ở Vô Sở Úy Địa được hai mươi lăm tam muội hoại hai mươi lăm cõi hữu. Nay thiện nam tử! Các Đại Bồ tát ấy được Vô Cấu tam muội có thể hoại Địa ngục hữu, được Vô Thoái tam muội có thể hoại súc sinh hữu, được Tâm lạc tam muội có thể hoại Ngã qui hữu, được Hoan hỷ tam muội có thể hoại A tu la hữu, được Nhật quang tam muội có thể đoạn Phát Bà Đề hữu, được Nguyệt quang tam muội có thể đoạn Cù Gia Ni hữu, được Nhiệt viêm tam muội có thể đoạn Uất Đan Việt hữu, được Như huyễn tam muội có thể đoạn Diêm Phù Đề hữu, được Nhất thiết pháp bất động tam muội có thể đoạn Tứ Thiên Xứ hữu, được Nan phục tam muội có thể đoạn Tam Thập Tam Thiên Xứ hữu, được Duyệt Ý tam muội có thể đoạn Viêm Ma Thiên hữu, được Thanh sắc tam muội có thể đoạn Đâu Suất Thiên hữu, được Hoàng sắc tam muội có thể đoạn Hóa Lạc Thiên hữu, được Xích sắc tam muội có thể đoạn Tha Hóa Tự Tại Thiên hữu, được Bạch sắc tam muội có thể đoạn Sơ Thiên hữu, được Chung chủng tam muội có thể đoạn Phạm Thiên Vương hữu, được Song tam muội có thể đoạn Nhị Thiên hữu, được Lô âm tam muội có thể đoạn Tam Thiên hữu, được Chú vũ tam muội có thể đoạn Tứ Thiên hữu, được Như hư không tam muội có thể đoạn Vô Tướng hữu, được Chiếu Kinh (gương) tam muội có thể đoạn Tịnh Cư A Na Hàm hữu, được Vô ngại tam muội có thể đoạn Không Xứ hữu, được Thường tam muội có thể đoạn Thức Xứ hữu, được Lạc tam muội có thể đoạn Bất Dụng Xứ hữu, được Ngã tam muội có thể đoạn Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ hữu. Nay thiện nam tử! Đó gọi là Bồ tát được hai mươi lăm tam muội đoạn trừ hai mươi lăm cõi hữu. Nay thiện nam tử! Hai mươi lăm tam muội như vậy gọi là những vua tam muội. Nay

thiện nam tử! Đại Bồ tát vào những vua tam muội như vậy, nếu muốn thối tan vua núi Tu Di thì có thể theo ý mình, muốn biết ý nghĩ trong lòng của những chúng sinh sẵn có của ba ngàn đại thiên thế giới, cũng có thể biết hết, muốn đem số chúng sinh sẵn có của ba ngàn đại thiên thế giới vào trong một lỗ chân lông của thân mình thì có thể theo ý mình mà cũng khiến cho chúng sinh không có cảm tưởng bị dồn ép, muốn hóa làm vô lượng chúng sinh khiến cho đầy ấp trong ba ngàn đại thiên thế giới thì cũng có thể làm theo ý, có thể phân chia một thân ra làm nhiều thân, rồi lại hợp nhiều thân làm một thân. Bồ tát tuy tác khởi như vậy nhưng lòng không có sự nhiễm trước giống như hoa sen. Nay thiện nam tử! Đại Bồ tát được vào những vua tam muội như vậy rồi liền được trụ ở Tụ Tại Địa. Bồ tát trụ ở Tụ Tại Địa này được sức tụ tại, tùy theo chỗ muốn sinh liền được vãng sinh. Nay thiện nam tử! Ví như vị Thánh Vương thống lĩnh bốn thiên hạ, đi đâu tùy ý không thể chướng ngại. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, tất cả chỗ sinh nếu muốn sinh thì theo ý vãng sinh. Nay thiện nam tử! Đại Bồ tát, nếu thấy tất cả chúng sinh của địa ngục có thể giáo hóa khiến cho trụ ở thiện căn thì Bồ tát liền vãng sinh vào trong ấy. Bồ tát tuy sinh nhưng chẳng phải do nghiệp quả xưa mà do nhân duyên lực của Bồ tát trụ Tụ Tại Địa nên sinh ra trong địa ngục ấy. Nay thiện nam tử! Đại Bồ tát tuy ở tại địa ngục nhưng chẳng chịu những khổ như thân rục cháy, tan nát.v.v... Nay thiện nam tử! Đại Bồ tát đã thành tựu công đức vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức như vậy còn chẳng thể nói, huống gì là công đức sở hữu của chư Phật mà sẽ có thể nói được sao?

Lúc bấy giờ, trong chúng có một vị Bồ tát tên là Vô Cấu Tạng Vương, có đại uy đức, thành tựu thần thông, được Đại Tổng Trì tam muội đầy đủ, được Vô sở úy, liền đứng dậy, trích áo vai phải, gối phải đặt xuống đất, quì dài, chấp tay bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như lời đức Phật nói, các đức Phật, Bồ tát đã thành tựu công đức trí tuệ vô lượng vô biên, trăm ngàn vạn ức, thật chẳng thể nói, nhưng theo ý con vẫn cho là chẳng bằng Kinh điển Đại Thừa này! Vì sao vậy? Vì nhân vào sức của Kinh Đại Thừa Phương Đẳng này có thể sinh ra các đức Phật Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật khen rằng:

- Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam tử! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng này tuy lại thành tựu vô lượng công đức nhưng muốn sách Kinh này bằng thí dụ thì chẳng được, dù được nhân lên trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn ức lần... cho đến thí dụ tính

toán đã chẳng thể bì kịp. Nay thiện nam tử! Ví như từ trâu ra sữa, từ sữa ra cao sữa, từ cao sữa ra váng sữa sống, từ váng sữa sống (sinh tô) ra váng sữa chín, từ váng sữa chín ra đề hồ. Đề hồ là tối thượng, nếu có người uống thì mọi bệnh đều tiêu trừ, các thuốc sẵn có đều vào trong đề hồ ấy. Nay thiện nam tử! Phật cũng như vậy, từ Phật ra mười hai bộ Kinh, từ mười hai bộ Kinh ra Tu đa la, từ Tu đa la ra Kinh Phương Đẳng, từ Kinh Phương Đẳng ra Bát nhã Balamật, từ Bát nhã Balamật ra Đại Niết Bàn giống như đề hồ. Rằng đề hồ là dụ cho Phật tính mà Phật tính thì tức là Như Lai. Nay thiện nam tử! Do nghĩa này nên nói rằng, công đức sở hữu của Như Lai nhiều vô lượng vô biên chẳng thể xưng kể.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như lời đức Phật khen, Kinh Đại Niết Bàn giống như Đề hồ tối thượng vi diệu. Nếu có người có thể uống thì mọi bệnh đều tiêu trừ, tất cả các thuốc đều vào trong ấy. Con nghe thế rồi lại trộm suy nghĩ, nếu có người chẳng thể thính thọ Kinh này thì phải biết rằng, người này là kẻ đại ngu si, không có thiện tâm. Thưa đức Thế Tôn! Hôm nay con thật có thể kham nhẫn (chịu nhin) lột da làm giấy, trích máu làm mực, dùng tủy làm nước, bẻ xương làm bút để ghi chép Kinh Đại Niết Bàn này, chép rồi đọc tụng cho nhuần nhuyễn (thông lợi) Kinh ấy, rồi nhiên hậu vì người rộng nói nghĩa của Kinh ấy. Thưa đức Thế Tôn! Nếu có chúng sinh tham trước của cải thì con sẽ cho của cải, rồi nhiên hậu dùng Kinh Đại Niết Bàn này khuyên họ đọc tụng. Nếu người tôn quý thì con trước dùng lời ái ngữ, thuận theo ý của họ, rồi nhiên hậu sẽ dần dần đem Kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn này khuyên họ đọc tụng. Nếu là hạng dân dã thì con sẽ dùng uy thế ép họ đọc tụng. Nếu là người kiêu mạn thì con sẽ vì người ấy mà làm kẻ sai khiến, thuận theo ý họ khiến cho họ hoan hỷ, rồi nhiên hậu sẽ đem Đại Bát Niết Bàn mà dạy bảo, dẫn đường cho họ. Nếu có người bài báng Kinh điển Đại Thừa thì con sẽ dùng thế lực đánh đố khiến cho họ phục tùng. Họ đã hàng phục rồi nhiên hậu con khuyên đọc tụng Đại Niết Bàn. Nếu người ưa thích Kinh Đại Thừa thì đích thân sẽ đến cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi.

Lúc bấy giờ, đức Phật khen Bồ tát Ca Diếp rằng:

- Hay thay! Hay thay! Ông rất yêu thích Kinh điển Đại Thừa! Tham Kinh Đại Thừa, thọ Kinh Đại Thừa, nếm vị Kinh Đại Thừa, tin, kính, tôn trọng, cúng dường Kinh Đại Thừa! Nay thiện nam tử! Ông nay do nhân duyên thiện tâm này nên sẽ được siêu việt vô lượng vô biên những Đại Bồ

tát nhiều như cát sông Hằng, hiện tại trước mắt được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ông cũng chẳng bao lâu lại sẽ như ta, rộng vì đại chúng diễn nói về Đại Bát Niết Bàn, Như Lai, Phật tính, Tạng bí mật của lời nói chư Phật... như vậy. Nay thiện nam tử! Đòi quá khứ, khi mặt trời Phật chưa xuất hiện, ta vào lúc đó, làm Bà la môn, tu hạnh Bồ tát, có thể thông đạt hết tất cả kinh luận sở hữu của ngoại đạo, tu hành Tịch Diệt, đầy đủ oai nghi. Tâm ấy thanh tịnh, chẳng bị sự phá hoại của dục tướng ngoại lai sinh ra, diệt lửa sân nhuế, thọ trì pháp Thường Lạc Ngã Tịnh, tìm kiếm khắp cùng Kinh điển Đại Thừa mà thậm chí chẳng nghe đến tên gọi Phương Đẳng. Ta vào lúc ấy, trụ ở núi Tuyết, núi ấy thanh tịnh với suối chảy, ao tắm, cây rừng, dược thảo tràn đầy. Đất ấy nơi nơi xen với đá có dòng nước trong với nhiều những hoa thơm nghiêm sức khắp cùng và nhiều loài chim, bày thú chẳng thể xưng kể, quả ngọt nhiều thứ khó phân biệt kể ra. Nơi ấy lại có vô lượng rễ ngó sen, rễ ngọt, rễ Thanh mộc hương. Ta vào lúc bấy giờ, một mình ở trong chỗ ấy, chỉ ăn các loại trái cây, ăn rồi buộc lòng tư duy tọa thiền trải qua vô lượng năm cũng chẳng nghe có Như Lai ra đời và tên Kinh Đại Thừa. Nay thiện nam tử! Khi ta tu hạnh khổ như vậy thì Thích Đề Hoàn Nhân, các trời, người.v.v...lòng rất kinh ngạc quái lạ, mỗi mỗi đều gọi nhau mà nói kệ rằng:

Đều chung nhau bày chỉ Ø Trong núi Tuyết sạch trong

Chúa tịch tịnh ly dục Công đức trang nghiêm vương

Đã lia tham, sân, mạn Ngu si đoạn dứt xong

Miệng mới chưa từng nói Lời thô ác vân vân...

Lúc bấy giờ, trong chúng có một thiên tử tên là Hoan Hỷ lại nói kệ rằng:

Người ly dục như vậy Ø Siêng tinh tấn sạch trong

Mà chẳng cầu Đế Thích Và địa vị chư thiên.

Người cầu đạo như vậy Các hạnh khổ tu hành

Người này muốn cầu chỗ Của Thích Đề Hoàn Nhân.

Lúc bấy giờ, lại có một vị Tiên Thiên tử liền vì Đế Thích mà nói kệ rằng:

Kiều Thi Ca thiên chúa Ø Nghĩ này chẳng nên sanh

Ngoại đạo tu khổ hạnh Hà tất cầu Đế Vương.

Nói kệ này rồi, ông lại nói rằng: “Này Kiều Thi Ca! Ở đời có bậc Đại Sĩ vì chúng sinh nên chẳng tham thân mình, vì muốn lợi ích cho các chúng sinh nên tu đủ thứ khổ hạnh không lường. Như người này thấy những tội lỗi trong sinh tử nên giả sử có thấy trên bảo đây trong đất đai, núi, rừng, biển cả này cũng chẳng sanh lòng tham trước mà như nhìn thấy nhổ bãi nước bọt. Như vậy Đại Sĩ xả bỏ của báu, sự yêu thương vợ con, đầu mắt, não tủy, tay chân, chi tiết, chỗ ở, nhà cửa, voi ngựa, xe cộ, nô tỳ, đồng bộc... cũng chẳng nguyện cầu sinh lên cõi trời mà chỉ cầu cho tất cả chúng sinh được hưởng thụ khoái lạc. Đúng như sự lý giải của tôi, như vậy là Đại Sĩ thanh tịnh không nhiễm ô, mọi kết sử hết vĩnh viễn, chỉ muốn cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Thích Đề Hoàn Nhân lại nói rằng: “Như lời ông nói thì người này là người nhiếp lấy tất cả chúng sinh của thế gian. Này Đại Tiên! Nếu thế gian này có cây Phật thì có thể trừ diệt rắn độc phiền não của tất cả chư thiên, người đời và A tu la. Nếu những chúng sinh này trụ ở trong bóng mát của cây Phật đó thì những độc phiền não đều bị tiêu diệt hết. Này Đại Tiên! Người này nếu trong đời vị lai làm bậc Thiện Thệ thì chúng ta đều sẽ được diệt hết vô lượng phiền não cháy rục. Việc như vậy thật là khó tin. Vì sao vậy? Vì vô lượng trăm ngàn những chúng sinh.v.v... phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thấy chút duyên nhỏ đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên liền động chuyển. Như trăng trong nước, hễ nước động thì động theo, giống như vẽ tượng, khó thành mà dễ hư hoại, tâm Bồ Đề cũng lại như vậy, khó phát mà dễ hoại. Này Đại Tiên! Như có nhiều người dùng áo giáp đồng, binh khí tự trang bị chắc chắn, muốn tiến tới trước thảo trừ giặc mà lâm trận sợ hãi liền thoái lui tan rã. Vô lượng chúng sinh cũng lại như vậy, phát tâm Bồ Đề, tự trang bị bền chắc, nhưng thấy tội lỗi sinh tử nên lòng sinh sợ hãi liền thoái lui, tiêu tan. Này Đại Tiên! Tôi thấy vô lượng chúng sinh như vậy, sau khi phát tâm Bồ Đề đều sinh ra động chuyển. Vậy nên tôi nay tuy thấy người này tu khổ hạnh, không náo, không nhiệt, trụ ở hiểm đạo, hạnh người ấy thanh tịnh nhưng chưa có thể tin vậy. Tôi nay cần phải tự đến đó thử thách để biết người ấy có thật có thể đủ sức gánh vác gánh rất nặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không? Này Đại Tiên! Giống như xe có hai bánh thì có thể sử dụng chuyên chở, con chim có hai cánh thì đủ sức bay đi, khổ hạnh này cũng lại như vậy, tôi tuy

thấy người ấy kiên trì cấm giới, nhưng chưa biết người ấy có thâm trí không. Nếu có thâm trí thì sẽ biết người ấy có thể đủ sức gánh vác gánh nặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa ĐạiTiên! Ví như mẹ cá có nhiều trứng cá nhưng thành tựu cá thì ít. Như hoa của cây Am La thì nhiều mà thành trái thì ít. Chúng sinh phát tâm có đến vô lượng và số thành tựu ấy thì ít, chẳng đủ nói. Nay Đại Tiên! Tôi cùng ông đều đến thử thách ông ấy! Ví như vàng ròng, sau ba lần thử rồi mới biết vàng ấy chân thật, là đốt, đập, mài. Thử thách người khổ hạnh kia thì cũng phải như vậy”.

Lúc bấy giờ, Thích Đề Hoàn Nhân tự biến thân mình làm hình dáng La sát, thân hình rất đáng sợ, xuống đến núi Tuyết, cách người tu ấy chẳng xa liền đứng lại. Lúc đó, La sát lòng không chút sợ hãi, mạnh mẽ khó đương, biện tài theo thứ lớp. Tiếng La sát ấy rất thanh nhã tuyên nói nửa bài kệ mà Phật đời quá khứ đã nói:

Các hạnh vô thường

Là pháp sinh diệt.

Nói nửa bài kệ này rồi, La sát liền đứng trước người tu hành ấy, thị hiện hình mạo rất đáng kinh sợ, quay đầu liếc khắp, nhìn xem bốn phương. Người khổ hạnh này nghe nửa bài kệ đó, lòng sinh ra vui mừng. Ví như khách buôn ở chỗ hiểm nạn, đi đêm lạc bạn, sợ hãi tìm kiếm, gặp lại được bạn đồng hành mà lòng sinh ra vui mừng, nhảy nhót không lường. Cũng như người bệnh lâu mà chưa gặp lương y xem bệnh, cho thuốc tốt, về sau bỗng nhiên được gặp, như người chìm trong biển bỗng gặp thuyền bè, như người khát gặp nước trong mát, như người bị kẻ oán truy đuổi bỗng nhiên được giải thoát, như người bị trói buộc lâu bỗng nghe được thả ra, cũng như người nông phu đang bị hạn hán gặp được mưa, cũng như người đi trở về, được về, người nhà thấy rồi sinh ra đại hoan hỷ. Nay thiện nam tử! Bấy giờ ta nghe nửa câu kệ này rồi trong lòng vui mừng cũng lại như vậy, liền đứng dậy dùng tay vén tóc, quay nhìn bốn phương rồi hướng về chỗ nghe kệ mà nói rằng: “Lời nói của ai đó?” Bấy giờ, ta cũng lại chẳng thấy còn ai khác, chỉ thấy La sát, liền nói rằng: “Ai mở cánh cửa Giải thoát như vậy? Ai có thể nổi sấm âm thanh của chư Phật? Ai ở trong giấc ngủ sinh tử mà một mình tỉnh thức xướng lên lời như vậy? Ai có thể ở đây hiển thị dắt dẫn chúng sinh cơ căn sinh tử được đạo vị Vô thượng? Vô lượng chúng sinh chìm trong biển sinh tử mà ai có thể ở trong đó làm bậc Đại thuyền sư? Những chúng sinh này thường bị sự ràng buộc của bệnh nặng phiền não mà ai có thể ở trong họ làm lương y? Người nói nửa bài kệ này đã khai ngộ lòng ta giống

như nửa tháng hoa sen nở dần dần”. Nay thiện nam tử! Vào lúc bấy giờ, ta lại không thấy gì, chỉ thấy có La sát, lại nghĩ rằng: “Chắc là La sát nói kệ này ư?” Ta lại sinh nghi hoặc: “Chẳng phải là La sát ấy nói sao?” Vì sao vậy? Vì người này hình dung rất đáng kinh sợ. Nếu có người được nghe câu kệ này thì tất cả sự xấu xí kinh tởm liền trừ hết mà sao người này có hình mạo như vậy lại có thể nói bài kệ này? Chẳng ứng trong lửa mọc ra hoa sen, chẳng phải trong ánh sáng mặt trời sinh ra nước lạnh đó sao?” Nay thiện nam tử! Vào lúc bấy giờ, ta lại nghĩ rằng: “Ta nay vô trí mà La sát này hoặc có thể được thấy các đức Phật quá khứ và từ chỗ các đức Phật nghe được nửa câu kệ này. Ta nay phải hỏi”. Ta liền đến trước chỗ La sát đó mà nói như vậy: “Hay thay! Thưa Đại sĩ! Ở đâu mà ông được lời nói nửa bài kệ của bậc Ly Bồ Úy đời quá khứ này? Thưa Đại sĩ! Ở đâu mà ông lại được nửa viên ngọc Như Ý như vậy! Thưa Đại sĩ! Nghĩa của nửa câu kệ này là chánh đạo của các đức Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai và hiện tại vậy. Tất cả thế gian, chúng sinh nhiều không lường thường bị sự che phủ của màn lưới các kiến, trợn đời ở trong pháp ngoại đạo này, ban đầu chẳng được nghe lời nói “không nghĩa” của đấng Thập Lực Thế Hùng ra khỏi thế gian như vậy”. Nay thiện nam tử! Ta hỏi rồi thì La sát liền đáp lời ta rằng: “Này Đại Balamôn! Ông nay chẳng nên hỏi ta ý nghĩa đó! Vì sao vậy? Vì ta chẳng ăn đến nay đã trải qua nhiều ngày, tìm kiếm khắp nơi nơi mà chẳng thể được, đói khát khổ não, lòng rối loạn, nói xằng bậy, chẳng phải là sự hiểu biết của bản tâm ta. Ta nay, sức có thể bay đi trong hư không để đến cõi Uất Đan Việt... cho đến lên cõi trời. Nhưng ở khắp nơi nơi tìm thức ăn cũng chẳng thể được. Do nghĩa này nên ta nói lời nói đó!” Ta liền nói với La sát rằng: “Này Đại sĩ! Nếu ngài có thể vì tôi nói hết bài kệ này thì tôi sẽ trọn đời làm đệ tử của ngài! Thưa Đại sĩ! Lời nói của ông thì tên gọi chẳng trọn, ý nghĩa cũng chẳng hết. Vì nhân duyên gì mà chẳng muốn nói vậy? Phạm tài thí thì có cạn kiệt hết, còn nhân duyên pháp thí chẳng thể hết vậy. Pháp thí vô tận đem nhiều lợi ích, ta nay nghe nửa bài kệ này rồi, lòng sinh ra kinh nghi. Ngài nay may mắn có thể vì tôi đoạn trừ cho mà nói trọn bài kệ này, tôi sẽ trọn đời làm đệ tử của ngài”. La sát đáp rằng: “Trí ông lớn quá chỉ tự lo cho thân mà quên chẳng thấy nghĩ đến ta đang bị sự bức bách của đói khổ, thật chẳng thể nói được”. Ta liền hỏi rằng: “Đồ ăn của ngài là những vật gì?” La sát đáp rằng: “ Ông chẳng hỏi lắm! Nếu ta nói thì khiến cho nhiều người sợ!” Ta lại hỏi rằng: “Trong này là chỗ riêng, lại không có người mà tôi thì chẳng sợ, vì sao ngài chẳng nói?” La sát đáp rằng: “Đồ ăn của ta chỉ là thịt ấm (còn nóng) của người còn đồ uống thì chỉ là máu nóng của người! Tự ta bạc phước chỉ ăn đồ này mà khôn đốn tìm kiếm cùng khắp chẳng thể được. Đời tuy có nhiều người nhưng họ đều có phước đức, lại thêm sự thù hận của chư Thiên mà ta không có sức nên chẳng thể giết được”. Nay thiện nam tử! Ta lại nói

rằng: “Ngài chỉ nói đầy đủ nửa thiếu của bài kệ này, tôi nghe kệ rồi sẽ đem thân này dâng cúng dường ngài! Thưa Đại sĩ! Giả sử tôi mạng chung, như tám thân này không dùng vào việc gì nữa mà sẽ bị sự ăn nuốt của cọp, sói, cú vọ, điều hâu... nhưng lại chẳng được một chút phước đức. Tôi này vì cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, bỏ thân chẳng bền chắc để đổi thân bền chắc”. La sát đáp rằng: “Ai sẽ tin lời nói như vậy của ông! Vì tám chữ mà bỏ thân yêu thích!” Nay thiện nam tử! Ta liền đáp rằng: “Ngài quả thật là không trí! Ví như có người cho người khác đồ sành mà được đồ bằng bảu báu. Tôi cũng như vậy, bỏ thân chẳng bền chắc mà được thân Kim cương. Ngài nói rằng, ai sẽ tin thì tôi nay đã có chứng! Vua trời Đại Phạm, Thích Đề Hoàn Nhân và vua bốn trời có thể chứng việc này. Lại có những Bồ tát thiên nhân vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sinh nên tu hành Đại Thừa đủ lục độ, cũng có thể chứng biết. Lại có các đức Phật Thế Tôn của mười phương lợi cho chúng sinh cũng có thể chứng cho tôi vì tám chữ nên bỏ thân mạng này”. La sát lại nói rằng: “Ông nếu có thể xả thân như vậy thì hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông nói nửa bài kệ còn lại ấy”. Nay thiện nam tử! Ta vào lúc bấy giờ, nghe lời nói này rồi trong lòng vui mừng, liền cởi tám da nai mặc trên thân mình, vì La sát này trải làm pháp tòa mà bạch rằng: “Thưa Hòa thượng! Mời Hòa thượng ngồi nơi tòa này. Ta liền vòng tay quý gối thưa rằng: Ngài khéo vì tôi nói nửa bài kệ còn lại ấy cho được đầy đủ!” La sát liền nói rằng:

Sinh diệt diệt xong

Là vui Tịch tịnh.

La sát bấy giờ nói kệ này xong rồi, lại nói rằng: “Này Đại Bồ tát! Ông nay đã nghe đầy đủ nghĩa bài kệ. Sở nguyện của ông đã được thỏa mãn, chắc chắn muốn được lợi cho chúng sinh thì bố thí thân cho ta đi!” Nay thiện nam tử! Ta vào lúc ấy, nghĩ sâu ý nghĩa này, rồi nhiên hậu ghi chép bài kệ này vào khắp nơi nơi, hoặc trên đá, hoặc trên vách, hoặc trên cây, hoặc trên đường. Ta liền buộc lại quần áo đang mặc vì sợ sau khi chết, thân thể bị lộ hiện, rồi leo lên cây cao. Lúc bấy giờ, thân cây lại hỏi ta rằng: “Hay thay! Ngài muốn làm việc gì?” Nay thiện nam tử! Ta liền đáp rằng: “Ta muốn xả thân để báo đền giá trị bài kệ!” Thân cây hỏi rằng: “Như vậy bài kệ có lợi ích gì?” Ta đáp rằng: “Bài kệ như vậy là lời nói khai thị đạo pháp không của các đức Phật quá khứ, vị lai và hiện tại. Ta vì pháp này mà xả bỏ thân mạng. Ta chẳng vì lợi dưỡng, tiếng tăm, của báu, Chuyển Luân Thánh Vương, Tứ Đại Thiên Vương, Thích Đề Hoàn Nhân, Đại Phạm Thiên Vương, niềm vui trong trời, người mà vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh nên xả thân này!”

Này thiện nam tử! Khi ta xả thân này, lại nói rằng: “Nguyện cho tất cả người san tham tiếc rẻ đều đến thấy ta lìa bỏ thân này. Nếu có người ít bố thí, khởi công cao thì cũng khiến cho được thấy ta xả thân mạng này vì một bài kệ như bỏ cỏ cây”. Vào lúc bấy giờ, ta nói lời này xong, liền buông thân gieo mình xuống dưới cây. Khi rơi xuống chưa đến đất thì trong hư không phát ra đủ thứ âm thanh. Những âm thanh ấy vang đến tận trời A Ca Ni Sắc. Lúc bấy giờ, La sát trở lại thân hình Đê Thích, liền ở trong không, tiếp lấy thân ta, đặt yên xuống đất bằng. Bấy giờ, Thích Đê Hoàn Nhân và những người trời, Đại Phạm Thiên Vương cúi đầu đánh lễ ở dưới chân ta mà khen rằng: “Hay thay! Hay thay! Chân thật là Bồ tát có thể đem lợi ích lớn cho vô lượng chúng sinh, muốn ở trong vô minh đen tối thấp ngọn đuốc Đại Pháp! Ta do yêu tiếc Đại Pháp của Như Lai nên nhiều hại nhau! Nguyện xin cho ta sám hối tội lỗi! Ngài vào đời vị lai nhất định thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác! Nguyện xin được tể độ!” Lúc bấy giờ, Thích Đê Hoàn Nhân và các thiên chúng đánh lễ dưới chân ta. Đến đây, họ giả từ ra đi, bỗng nhiên biến mất. Này thiện nam tử! Như ta thuở xưa vì một nửa bài kệ nên xả bỏ thân này. Do nhân duyên đó nên liền được vượt qua đủ mười hai kiếp, rồi thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trước Bồ tát Di Lặc. Này thiện nam tử! Ta được vô lượng công đức như vậy là đều do cúng dường chánh pháp của Như Lai. Này thiện nam tử! Ông nay cũng vậy, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì đã vượt lên trên vô lượng vô biên những Bồ tát nhiều như cát sông Hằng. Này thiện nam tử! Đó gọi là Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn tu Thánh hạnh.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ mười ba hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 14

PHẨM PHẠM HẠNH

Phần XX/1.

Này thiện nam tử ! Sao gọi là Phạm hạnh của Đại Bồ tát? Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn, trụ ở bảy thiện pháp thì được đủ Phạm hạnh. Những gì là bảy ? Một là biết pháp, hai là biết nghĩa, ba là biết thời, bốn là biết đủ, năm là tự biết, sáu là biết mọi người, bảy là biết tôn, ti. Này thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát biết pháp ? Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát này biết mười hai bộ Kinh là : Tu Đa La, Kỳ Dạ, Thọ Ký, Da Đà, Ưu Đà Na, Ni Đà Na, A Ba Đà Na, Y Đế Mục Đa Đà, Xà Đà Đà, Tỳ Phật Lược, A Phù Đà Đạt Ma, Ưu Ba Đề Xá. Này thiện nam tử ! Những gì gọi là Tu Đa La Kinh ? Từ “Nhu thị ngã văn” (Tôi nghe như vậy)... cho đến “hoan hỷ phụng hành”. Tất cả như vậy gọi là Tu Đa La. Những gì gọi là Kỳ Dạ Kinh ? Đức Phật bảo các vị Tỳ kheo : “Xưa ta cùng các ông ngu si không trí tuệ, chẳng thể thấy bốn chân đế như thật. Vậy nên lưu chuyên lâu ở sinh tử, chìm đắm trong biển đại khổ. Những gì là bốn chân đế ? Khổ Tập Diệt Đạo”. Như Phật ngày xưa vì các Tỳ kheo nói Khế Kinh xong rồi. Bây giờ lại có chúng sinh lợi căn, vì nghe pháp nên về sau đến chỗ Phật, liền hỏi người : “Đức Như Lai hướng về ai nói việc gì ?” Đức Phật biết rồi liền nhân vào nội dung Kinh cũ mà dùng kệ tụng rằng :

| | | |
|------------------------|---|--------------------------|
| Ta xưa cùng các ông | Ø | Chẳng thấy bốn chân đế |
| Vậy nên mãi chuyên vẫn | | Trong bể khổ sinh tử. |
| Nếu thấy bốn đế chân | | Thì được đoạn sinh tử |
| Sinh tử đã hết xong | | Lại chẳng thọ các “hữu”. |

Đó gọi là Kỳ Dạ Kinh. Sao gọi là Thọ Ký Kinh ? Như có Kinh Luật, khi đức Như Lai nói mà vì những trời, người trao lời ký biệt làm Phật : “Này A Dật Đa ! Đời vị lai có vị vua tên là Nhưong Khư sẽ ở đời đó mà thành đạo Phật hiệu là Di Lặc”. Đó gọi là Thọ Ký Kinh. Sao gọi là Đà Đà Kinh ? Trừ Tu Đa La và các giới luật, số còn lại ấy có nói kệ bốn câu, như là :

| | |
|------------------------|---------------------|
| Chư ác mạc tác | (Chớ làm các ác) |
| Chúng thiện phụng hành | (Vâng làm mọi lành) |
| Tự tịnh kỳ ý | (Tự sạch ý ấy) |
| Thị chư Phật giáo. | (Lời dạy Thế Tôn). |

Đó gọi là Đà Đà Kinh. Sao gọi là Ưu Đà Na Kinh ? Như khi đức Phật gọi mở (mớm lời) vào với thiên định, vì các thiên chúng rộng nói pháp yếu. Như các Tỳ kheo đều khởi lên ý niệm này : “Đức Như Lai hôm nay làm việc gì đây ?” Sáng sớm đức Như Lai ra khỏi thiên định, không có người hỏi, dùng Tha Tâm Trí, liền tự nói rằng : “Này Tỳ kheo! Các ông phải biết, tất cả chư thiên thọ mạng rất dài ! Này các Tỳ kheo ! Hay thay ! Các ông vì người khác, chẳng cầu lợi mình ! Hay thay ! Thiếu dục ! Hay thay ! Tri túc ! Hay thay ! Tịch tịnh !” Các Kinh không ai hỏi mà đức Phật tự nói như vậy thì đó gọi là Ưu Đà Na Kinh. Sao gọi là Ni Đa Na Kinh ? Như những Kinh kệ mà nguyên nhân căn bản là đức Phật vì người khác diễn nói. Như ở nước Xá Vệ có một trượng phu chần lười bắt chim, bắt được rồi nhốt vào lồng, rồi tùy loài mà cho nước uống, lúa ăn... rồi trở lại thả ra. Đức Thế Tôn biết gốc ngọn nhân duyên ấy mà nói kệ rằng :

Chớ khinh ác nhỏ Ø Là không tai ương

Giọt nước tuy nhỏ Đồ lớn đầy tràn.

Đó gọi là Ni Đa Na Kinh. Sao gọi là A Ba Đà Na Kinh ? Như lời nói ví dụ trong Giới Luật thì đó là A Ba Đà Na Kinh. Sao gọi là Y Đế Mục Đa Đà Kinh ? Như lời đức Phật nói rằng, Các Tỳ kheo phải biết, khi ta ra đời thì lời nói của ta gọi là Khế Kinh. Khi đức Phật Cưu Lưu Tần ra đời.. thì gọi là Cam Lộ Cổ (trông cam lộ). Khi đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni ra đời thì gọi là Pháp Kính (gương pháp). Khi đức Phật Ca Diếp ra đời... thì gọi là Phân Biệt Không. Đó gọi là Y Đế Mục Đa Đà Kinh. Sao gọi là Xà Đà Đà Kinh ? Như đức Phật Thế Tôn, xưa làm Bồ tát tu những hạnh khổ. Phật gọi : “Này Tỳ kheo ! Các ông phải biết, ta ở đời quá khứ, làm hươu, làm gấu lớn, làm nai, làm thỏ, làm Túc Tán vương, Chuyển Luân Thánh Vương, rồng, chim cánh vàng... Những hạnh như vậy, khi làm đạo Bồ tát, ta đã có thể thọ thân”. Đó gọi là Xà Đà Đà. Sao gọi là Tỳ Phật Lược Kinh ? Đó là Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Nghĩa Kinh ấy rộng lớn giống như hư không. Đó gọi là Tỳ Phật Lược kinh. Sao gọi là Vị Tăng Hữu Kinh ? Như khi đức Bồ tát mới sinh ra, không có người phò trì, liền đi bảy bước, phóng ra ánh sáng lớn soi khắp mười phương. Cũng như việc con khi đột, tay bung lọ đựng mật, dâng hiến đức Như Lai. Cũng như chó cỏ trắng ở bên đức Phật nghe pháp. Như Ma Ba Tuần biến làm con trâu xanh đi vào vùng bát sành, khiến cho những bát sành va chạm lẫn nhau mà không bị thương tổn. Như khi đức Phật mới sinh vào miếu thờ trời, khiến cho tượng trời kia đứng dậy, xuống làm lễ cung kính. Những Kinh như vậy gọi là Vị Tăng Hữu Kinh. Sao gọi là Ưu Ba

Đề Xá Kinh ? Như lời nói các Kinh của Phật Thế Tôn, nếu tạo tác nghị luận, phân biệt, biện nói rộng rãi tướng mạo của những Kinh ấy thì đó gọi là Ưu Ba Đề Xá Kinh. Nếu Bồ tát có thể rõ biết mười hai bộ Kinh như vậy thì gọi là biết pháp. Sao gọi là Đại Bồ tát biết nghĩa ? Nếu Đại Bồ tát đối với tất cả văn tự, ngôn ngữ mà hiểu biết rộng rãi nghĩa của chúng thì đó gọi là biết nghĩa. Sao gọi là Đại Bồ tát biết thời? Đây thiện nam tử ! Bồ tát giỏi biết trong lúc như vậy là dốc lòng tu Tịch tịnh, trong lúc như vậy là dốc lòng tu Tinh tấn, trong lúc như vậy là dốc lòng tu Xả định, trong lúc như vậy là dốc lòng cúng dường Phật, trong lúc như vậy là dốc lòng cúng dường thầy, trong lúc như vậy là dốc lòng tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, đầy đủ Bát nhĩ Balamật. Đó gọi là biết thời. Sao gọi là Đại Bồ tát biết đủ. Đây thiện nam tử ! Đại Bồ tát biết đủ những cái gọi là ăn uống, thuốc men, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, lặng thinh... Đó gọi là biết đủ. Đây thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát tự biết ? Bồ tát này tự biết rằng : “Ta có niềm tin như vậy, cấm giới như vậy, đa văn như vậy, xả như vậy, tuệ như vậy, đi lại như vậy, chánh niệm như vậy, thiện hạnh như vậy, hỏi như vậy, đáp như vậy... Đó gọi là tự biết. Sao gọi là Đại Bồ tát biết mọi người ? Đây thiện nam tử! Bồ tát đó biết những chúng Sát lợi, chúng Bà la môn, chúng cư sĩ, chúng Samôn... này như vậy nên đối với chúng đó đi, lại như vậy, ngồi, đứng dậy như vậy, nói pháp như vậy, hỏi, đáp như vậy. Đó gọi là biết mọi người. Đây thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát biết người tôn, ti ? Đây thiện nam tử ! Người có hai thứ, một là tín, hai là bất tín. Bồ tát phải biết người tín là thiện, người bất tín thì chẳng gọi là thiện. Lại nữa, tín có hai thứ, một là thường trụ tăng phùng, hai là chẳng trụ. Bồ tát phải biết, người trụ ấy là thiện, người chẳng trụ ấy thì chẳng gọi là thiện. Người trụ tăng phùng lại có hai thứ, một là lễ bái, hai là chẳng lễ bái. Bồ tát phải biết, người lễ bái là thiện, người chẳng lễ bái thì chẳng gọi là thiện. Người lễ bái ấy lại có hai thứ, một là nghe pháp, hai là chẳng nghe. Bồ tát phải biết, nghe pháp là thiện, người chẳng nghe pháp thì chẳng gọi là thiện. Người nghe pháp ấy lại có hai thứ, một là chí tâm nghe, hai là chẳng chí tâm. Bồ tát phải biết, người chí tâm nghe thì gọi là thiện, người chẳng chí tâm thì chẳng gọi là thiện. Chí tâm nghe pháp lại có hai thứ, một là tư duy nghĩa, hai là chẳng tư duy nghĩa. Bồ tát phải biết, người suy nghĩ nghĩa là thiện, người chẳng suy nghĩ nghĩa thì chẳng gọi là thiện. Người suy nghĩ nghĩa lại có hai thứ, một là theo như lời nói tu hành, hai là chẳng theo như lời nói tu hành. Người theo như lời nói tu hành thì gọi là thiện, người chẳng theo lời nói tu hành thì chẳng gọi là thiện. Người theo như lời nói tu hành lại có hai thứ, một là cầu Thanh Văn, chẳng thể đem lại lợi an, nhiều ích cho tất cả chúng sinh khổ não. Hai là hồi hướng Đại Thừa Vô thượng đem lợi ích cho nhiều người, khiến cho họ được an lạc. Bồ tát nên biết, người có thể lợi cho nhiều người, được an lạc thì tối

thượng tối thiện. Nay thiện nam tử ! Như trong các báu thì ngọc báu Như Ý rất là thắng diệu; như trong các vị thì vị cam lộ là tối thượng. Như vậy Bồ tát ở trong loài người, trời là tối thắng, tối thượng, chẳng thể ví dụ. Nay thiện nam tử ! Đó gọi là Đại Bồ tát trụ ở Kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn, trụ bảy pháp thiện. Nếu Bồ tát trụ ở bảy pháp thiện này rồi thì được đủ phạm hạnh.

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Lại có phạm hạnh gọi là Từ Bi Hỷ Xả.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu tu nhiều Từ có thể đoạn sân nhuế, tu tâm Bi thì cũng đoạn sân nhuế thì sao mà nói rằng, bốn vô lượng tâm ? Tìm theo nghĩa mà nói thì nên có ba thôi. Thưa đức Thế Tôn ! Từ có ba duyên, một là duyên chúng sinh, hai là duyên với pháp, ba là không duyên. Tâm Bi, Hỷ, Xả cũng lại như vậy. Nếu theo nghĩa này thì chỉ nên có ba, chẳng nên nói bốn. Chúng sinh duyên là duyên với năm ấm, nguyện cho vui năm ấm ấy. Đó gọi là chúng sinh duyên. Pháp duyên là duyên với vật cần dùng của các chúng sinh mà thí cho họ. Đó gọi là Pháp duyên, Vô duyên là duyên với Như Lai. Đó gọi là Vô duyên. Từ là duyên nhiều với chúng sinh bản cùng. Đại sư Như Lai vĩnh viễn lìa khỏi bản cùng, hưởng thụ đệ nhất lạc. Nếu duyên chúng sinh thì chẳng duyên với Phật, Pháp cũng như vậy. Do nghĩa này nên duyên Như Lai thì gọi là Vô duyên. Thưa đức Thế Tôn ! Sở duyên của từ là tất cả chúng sinh, như duyên với cha mẹ, vợ con, thân thuộc... Do nghĩa này nên gọi là Chúng sinh duyên. Pháp duyên là chẳng thấy cha mẹ, vợ con, thân thuộc... chỉ thấy tất cả pháp đều từ duyên sinh. Đó gọi là Pháp duyên. Vô duyên là chẳng trụ ở Pháp tướng và chúng sinh tướng. Vậy nên gọi là Vô duyên. Tâm Bi, Hỷ, Xả cũng lại như vậy. Vậy nên có ba chẳng nên có bốn. Thưa đức Thế Tôn ! Người có hai thứ, một là kiến hạnh, hai là ái hạnh. Người kiến hạnh tu nhiều Từ, Bi. Người ái hạnh tu nhiều Hỷ, Xả. Vậy nên có hai chẳng nên có bốn. Thưa đức Thế Tôn ! Phạm vô lượng thì gọi là vô biên. Biên chẳng thể có được nên gọi là vô lượng. Nếu vô lượng thì nên là một chẳng nên nói rằng bốn. Nếu nói là bốn thì làm sao được vô lượng. Do đó nên là một, chẳng nên nói là bốn vậy.

Đức Phật bảo ngài Ca Diếp rằng :

- Nay thiện nam tử ! Các đức Phật Như Lai vì những chúng sinh đã tuyên nói pháp yếu. Lời nói các vị ấy bí mật, khó có thể biết rõ. Hoặc chư Phật vì chúng sinh nói một nhân duyên. Như nói những gì là một nhân duyên ? Đó là nói tất cả pháp hữu vi. Nay thiện nam tử ! Hoặc nói hai thứ,

nhân duyên và kết quả. Hoặc nói ba thứ là phiền não, nghiệp và khổ. Hoặc nói bốn thứ như là vô minh, các hạnh, sinh và lão tử. Hoặc nói năm thứ như là thọ, ái, thủ, hữu và sinh. Hoặc nói sáu thứ như là nhân quả ba đời. Hoặc nói bảy thứ như là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ và ái, thủ. Hoặc nói tám thứ là mười hai nhân duyên trừ đi vô minh, hành và sinh, lão tử, tám việc còn lại ấy. Hoặc nói chín thứ, đúng như mười hai nhân duyên trong Kinh trừ đi vô minh, hành, thức, chín việc còn lại ấy. Hoặc nói mười một thứ như đúng như lời nói với Tát Già Ni Kiền Tử trừ đi một pháp sinh, mười một pháp còn lại ấy. Hoặc có khi nói đủ mười hai nhân duyên, như ở thành Vương Xá, Phật vì Ca Diếp.v.v... nói đủ mười hai nhân duyên, từ vô minh cho đến sinh, già, bệnh, chết. Đây thiện nam tử ! Như một nhân duyên, nhưng vì chúng sinh nên chư Phật phân biệt đủ thứ. Tâm pháp vô lượng cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Do nghĩa này nên đối với những hành xử thân mật của Như Lai chẳng nên sinh ra nghi hoặc. Đây thiện nam tử ! Như Lai Thế Tôn có phương tiện lớn : Vô thường nói thường - thường nói vô thường, nói vui là khổ - nói khổ là vui, bất tịnh nói tịnh - tịnh nói bất tịnh, ngã nói vô ngã - vô ngã nói ngã, đối với chẳng phải chúng sinh nói là chúng sinh, đối với chúng sinh thật thì nói chẳng phải chúng sinh, chẳng phải vật nói là vật - vật nói chẳng phải vật, chẳng phải thật nói là thật - thật nói chẳng phải thật, chẳng phải cảnh nói là cảnh - cảnh nói chẳng phải cảnh, chẳng phải sinh nói là sinh - sinh nói chẳng phải sinh... cho đến vô minh nói là minh - minh nói là vô minh, sắc nói chẳng phải sắc - chẳng phải sắc nói là sắc, chẳng phải đạo nói là đạo - đạo nói chẳng phải đạo. Đây thiện nam tử ! Như Lai dùng vô lượng phương tiện như vậy, đâu phải là hư dối vậy ! Đây thiện nam tử ! Hoặc có chúng sinh tham của cải thì ta đối với người ấy tự hóa thân mình làm vua Chuyển Luân, ở trong vô lượng năm, tùy theo sự cần dùng của người ấy mà cung cấp đủ thứ. Rồi nhiên hậu ta mới giáo hóa khiến cho người ấy an trụ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu có chúng sinh tham trước năm dục thì ở trong vô lượng năm, ta dùng năm dục vi diệu thỏa mãn tình cảm của người ấy. Rồi nhiên hậu ta mới khuyến hóa khiến cho người ấy an trụ ở Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu có chúng sinh vinh hiển giàu sang thì ta đối với người ấy ở trong vô lượng năm, nguyện làm bộc sứ (người sai khiến) chạy theo cung cấp hầu hạ. Được lòng người ấy rồi, ta liền khuyến hóa khiến cho người ấy an trụ ở Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu có chúng sinh tính tình ngang trái tự cho là cần người quở trách, can gián thì ta ở trong vô lượng trăm ngàn năm, dạy bảo, quở trách, can ngăn, dụ dỗ khiến cho lòng người ấy điều phục. Rồi nhiên hậu ta mới khuyến bảo khiến cho người ấy an trụ ở Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây thiện nam tử ! Như Lai ở trong vô lượng năm dùng đủ thứ phương tiện như vậy khiến cho các chúng sinh an trụ ở Vô Thượng Chánh

Đấng Chánh Giác, đâu phải là hư dối vậy ? Các đức Phật Như Lai tuy ở với mọi ác nhưng không bị nhiễm ô, giống như hoa sen. Đây thiện nam tử ! Ông nên biết ý nghĩa bốn vô lượng như vậy. Đây thiện nam tử ! Thể tính của vô lượng tâm này có bốn. Nếu có người tu hành thì sinh cõi Đại Phạm.

Này thiện nam tử ! Như vậy bạn bè của vô lượng có bốn. Vậy nên gọi là bốn. Phạm tu Từ thì có thể đoạn tham dục, tu tâm Bi thì có thể đoạn sân nhuế, tu tâm Hỷ thì có thể đoạn chẳng vui, tu tâm Xả thì có thể đoạn chúng sinh tham dục, sân nhuế. Đây thiện nam tử ! Do nghĩa này nên được gọi là bốn, chẳng phải là một, hai, ba. Đây thiện nam tử ! Như lời ông nói, Từ có thể đoạn được sân nhuế, cũng như vậy nên nói là ba thì nay ông chẳng nên tạo cái khó như vậy. Vì sao vậy ? Đây thiện nam tử ! Sân nhuế có hai thứ, một là đoạt mạng sống, hai là đánh đập. Tu Từ thì có thể chẳng đoạt mạng sống. Tu Bi thì có thể trừ sự đánh đập. Đây thiện nam tử ! Do nghĩa này nên há chẳng phải là bốn sao ? Lại nữa, sân có hai thứ, một là sân chúng sinh, hai là sân chẳng phải chúng sinh. Tu Từ tâm thì đoạn sân chúng sinh, tu Bi tâm thì đoạn sân chẳng phải chúng sinh. Lại nữa, sân có hai thứ, một là có nhân duyên, hai là không nhân duyên. Tu Từ tâm thì đoạn có nhân duyên, tu Bi tâm thì đoạn không nhân duyên. Lại nữa, sân có hai thứ, một là tu tập lâu ở đời quá khứ, hai là tu tập hôm nay ở đời hiện tại. Tu Từ Tâm thì có thể đoạn quá khứ, tu Bi tâm thì đoạn ở hiện tại. Lại nữa, sân có hai thứ, một là sân thánh nhân, hai là sân phàm phu. Tu Từ tâm thì đoạn sân thánh nhân, tu Bi tâm thì đoạn sân phàm phu. Lại nữa, sân có hai thứ, một là thượng, hai là trung. Tu Từ thì đoạn thượng, tu Bi thì đoạn trung. Đây thiện nam tử ! Do nghĩa này nên gọi là bốn thì làm sao đặt nạn vấn là nên ba chẳng phải bốn ? Vậy nên, này Ca Diếp ! Vô lượng tâm này, bạn bè tương đối phân biệt làm bốn. Lại, do đồ chứa đựng thì nên gọi là bốn. Đồ chứa đựng (tâm hành giả) nếu có Từ thì chẳng được có tâm Bi, Hỷ, Xả. Do nghĩa này thì nên là bốn, không giảm bớt. Đây thiện nam tử ! Do hành phân biệt thì nên có bốn. Nếu khi hành Từ thì không Bi, Hỷ, Xả. Vậy nên có bốn. Đây thiện nam tử ! Do vô lượng nên cũng được gọi là bốn. Phạm vô lượng thì có bốn thứ như là có vô lượng tâm có duyên chẳng phải tự tại, có vô lượng tâm tự tại chẳng phải duyên, có vô lượng tâm cũng duyên cũng tự tại, có vô lượng tâm chẳng phải duyên chẳng phải tự tại. Những gì là vô lượng có duyên chẳng phải tự tại ? Duyên với vô lượng vô biên chúng sinh mà chẳng thể được Tự tại tam muội. Tuy được bất định nhưng hoặc được hoặc mất. Những gì là vô lượng tự tại chẳng phải duyên ? Như duyên với cha mẹ, anh em, chị em mà muốn khiến cho họ an lạc thì chẳng phải vô lượng duyên. Những gì là vô lượng cũng duyên cũng tự tại ? Gọi chư Phật Bồ tát. Những gì là vô lượng chẳng phải duyên chẳng phải tự tại ? Hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể duyên

rộng rãi với vô lượng chúng sinh, cũng chẳng phải tự tại. Nay thiện nam tử ! Do nghĩa này nên gọi là bốn vô lượng. Đây là cảnh giới của các đức Phật Như Lai, chẳng phải là điều hiểu biết của hàng Thanh Văn, Duyên Giác. Nay thiện nam tử ! Bốn việc như vậy, Thanh Văn, Duyên Giác tuy gọi là vô lượng nhưng ít chẳng đủ nói. Các đức Phật Bồ tát mới được gọi là vô lượng vô biên.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đúng vậy ! Đúng vậy ! Thật đúng như lời dạy của đức Thánh. Cảnh giới sở hữu của các đức Phật Như Lai chẳng phải là chỗ bì kịp của Thanh Văn, Duyên Giác. Thưa đức Thế Tôn ! Vả có Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn được tâm Từ Bi mà chẳng phải là tâm Đại Từ, Đại Bi chẳng ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Có Bồ tát, nếu ở trong những chúng sinh phân biệt ba phẩm, một là người thân, hai là oán ghét, ba là người bậc giữa. Ở trong người thân lại chia làm ba bậc là thượng, trung, hạ. Oán tắng cũng vậy. Đại Bồ tát này ở trong thượng thân cho tắng thượng lạc, đối với trung, hạ thân cũng lại bình đẳng cho tắng thượng lạc, ở trong thượng oán cho ít phần lạc, đối với trung oán đã cho trung phẩm lạc, đối với hạ oán cho tắng thượng lạc. Bồ tát như vậy chuyển tăng thêm tu tập, đối với thượng oán đã cho trung phẩm lạc, đối với hạng trung, hạ oán cho tắng thượng lạc. Bồ tát lại chuyển tu tập, đối với hạng thượng, trung, hạ cho Thượng lạc. Nếu trong thượng oán cho thượng lạc thì bấy giờ được gọi là Từ tâm thành tựu. Bồ tát bấy giờ ở chỗ cha mẹ và trong thượng oán, được tâm bình đẳng, không có sai biệt. Nay thiện nam tử ! Đó gọi là được Từ chẳng phải Đại Từ vậy (?).

- Thưa đức Thế Tôn ! Vì duyên gì Bồ tát được Từ như vậy mà còn chẳng được gọi là Đại Từ ?

- Nay thiện nam tử ! Do khó thành nên chẳng gọi là Đại Từ. Vì sao vậy ? Vì lâu rồi, ở trong vô lượng kiếp đời quá khứ đã gom nhiều phiền não, chưa tu tập thiện pháp. Vậy nên chẳng thể ở trong một ngày mà điều phục được tâm ấy. Nay thiện nam tử ! Ví như khi hạt đậu oán khô thì dù đâm nhất định chẳng thể được. Phiền não cứng chắc cũng lại như vậy, tuy trọn ngày đêm buộc lòng chẳng tán loạn, nhưng khó có thể điều phục. Lại như chó nhà chẳng sợ người, nai hoang ở núi rừng thấy người sợ chạy. Sân nhuế

khó trừ khử như chó giữ nhà, Từ tâm dễ mất như con nai hoang kia. Vậy nên tâm này khó có thể điều phục. Do nghĩa này nên chẳng gọi là Đại Từ. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như vẽ lên đá thì hoa văn thường còn, vẽ lên nước thì mau diệt mất, chẳng trụ lâu. Sân như vẽ trên đá, các căn bản thiện như vẽ vào nước kia. Vậy nên tâm này khó được điều phục. Như đám lửa lớn thì ánh sáng ấy trụ lâu, sáng của ánh chớp chẳng tạm dừng lại. Sân như đám lửa, Từ như ánh chớp. Vậy nên tâm này khó được điều phục. Do nghĩa này nên chẳng gọi là Đại Từ. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ ở Sở địa gọi là Đại Từ. Vì sao vậy ? Này thiện nam tử ! Vì người tối cực ác thì gọi là Nhất xiển đề. Khi Bồ tát mới trụ tu Đại Từ thì đối với tâm của Nhất xiển đề không sai biệt, chẳng thấy lỗi ấy nên chẳng sinh ra sân. Do nghĩa này nên được gọi là Đại Từ. Này thiện nam tử ! Vì các chúng sinh trừ bỏ không lợi ích thì đó gọi là Đại Từ. Muốn cho chúng sinh vô lượng lợi lạc thì đó gọi là Đại Bi. Đối với chúng sinh, lòng sinh vui mừng thì đó gọi là Đại Hỷ. Không có cái gì để ủng hộ thì gọi là Đại Xả. Nếu chẳng tướng ngã, pháp và thân mình mà thấy tất cả pháp bình đẳng không hai thì đó gọi là Đại Xả. Tự bỏ niềm vui của mình, thí cho người khác thì đó gọi là Đại Xả. Này thiện nam tử ! Chỉ có bốn vô lượng tâm có thể khiến cho Bồ tát tăng trưởng đầy đủ sáu Balamật, các hạnh còn lại ấy nhất định chẳng thể làm được vậy. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát trước được bốn vô lượng tâm của thế gian, rồi nhiên hậu mới phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, theo thứ lớp mới được ra khỏi thế gian. Này thiện nam tử ! Nhân vô lượng của thế gian mà được vô lượng của xuất thế gian. Do nghĩa này nên gọi là Đại Vô lượng.

Ngài Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Trừ bỏ không lợi ích, ban cho lợi lạc thì thật ra không làm gì. Suy nghĩ như vậy tức là quan sát rỗng không, không có thật lợi. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như khi Tỳ kheo quán bất tịnh thấy áo mình mặc đều là tướng của da mà thật chẳng phải da, cái có thể ăn nuốt đều tạo ra tướng trùng, độc hại mà thật chẳng phải là trùng, xem bát canh đậu lớn tác khởi tướng nước bắn mà thật chẳng phải bắn, xem món ăn cao sữa giống như não tủy mà thật chẳng phải não, xem xương nát vụn giống như gạo tiêu mạch mà thật chẳng phải tiêu mạch. Bốn vô lượng tâm cũng lại như vậy, chẳng thể chân thật lợi ích chúng sinh, khiến cho họ được vui. Tuy miệng nói rằng, cho chúng sinh vui thì thật ra chẳng được. Quán như vậy chẳng phải là hư vọng sao ? Thưa đức Thế Tôn ! Nếu chẳng phải hư vọng mà cho vui thật thì những chúng sinh kia vì sao chẳng do sức uy đức của các đức Phật Bồ tát nên tất cả được hưởng thụ lạc ? Nếu sẽ chân thật chẳng được vui thì như lời đức Phật nói, con nhớ thuở xưa, một mình tu Từ tâm, trải qua kiếp

này, đời bảy lần thành, hoại, con chẳng sinh đến đây. Khi thế giới thành con sinh trong cõi Phạm thiên. Khi thế giới hoại con sinh lên cõi trời Quang Âm. Nếu sinh lên cõi trời Phạm thì thế lực tự tại không ai có thể tiêu diệt hàng phục, ở trong hàng ngàn vị Phạm thiên là bậc tối thắng tối thượng, gọi là vua trời Đại Phạm. Có những chúng sinh đều ở chỗ con sinh tư tưởng tối thượng. Con có ba mươi sáu lần làm Thích Đề Hoàn Nhân, vua cõi trời Đao Lợi, có vô lượng trăm ngàn lần làm vua Chuyển Luân. Con chỉ tu Từ tâm mà được quả báo người, trời như vậy. Nếu chẳng thật thì sao được cùng nghĩa này tương ứng ?

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Nay thiện nam tử ! Ông quả thật dũng mãnh không gì kinh sợ !

Đức Phật liền vì ngài Ca Diếp mà nói kệ rằng :

Nếu với một chúng sinh Ø Chẳng sinh lòng sân nhuế

Mà nguyện đó vui cùng Đó gọi là Từ thiện.

Trong tất cả chúng sinh Nếu lòng bi khởi lên

Đó gọi Thánh chủng tính Được phước báo không lường.

Giả sử tiên Ngũ thông Đều đầy cả đại địa

Có Đại Tự Tại vương Phụng thí an tiên ấy

Voi, ngựa... đủ vật dùng Quả phước báo sở đắc

Chẳng bằng tu một phần Từ phân thành mười sáu.

Nay thiện nam tử ! Phàm người tu Từ chân thật chẳng phải vọng tưởng thì chắc chắn là Chân đế. Nếu là từ của Thanh Văn, Duyên Giác thì đó gọi là hư vọng. Làm sao biết các đức Phật Bồ tát chân thật chẳng hư vọng vậy ? Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu hành Đại Niết Bàn như vậy thì xem đất là vàng, xem vàng là đất, đất trở thành tướng nước, nước trở thành tướng đất, nước trở thành tướng lửa, lửa trở thành tướng nước, đất trở thành tướng gió, gió trở thành tướng đất... tùy ý thành tựu, không có hư vọng. Bồ tát ấy

xem thật chúng sinh là chẳng phải chúng sinh, xem chẳng phải chúng sinh là thật chúng sinh... đều tự ý thành tựu, không có hư vọng. Nay thiện nam tử ! Ông phải biết bốn vô lượng tâm của Bồ tát là tư duy chân thật, chẳng phải chẳng chân thật. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Sao gọi là tư duy chân thật ? - Đó là có thể đoạn trừ các phiền não vậy. Nay thiện nam tử ! Phạm người tu Từ thì có thể đoạn được tham dục, tu Bi tâm thì có thể đoạn được sân nhuế, tu Hỷ tâm thì có thể đoạn được điều chẳng vui, tu Xả tâm thì có thể đoạn được tham dục, sân nhuế và tướng chúng sinh. Do vậy cho nên gọi là tư duy chân thật. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Bốn vô lượng tâm của Đại Bồ tát có thể làm căn bản cho tất cả các thiện. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát nếu chẳng được thấy chúng sinh nghèo cùng thì không có nhân duyên phát sinh Từ mà nếu chẳng sinh ra Từ thì chẳng thể dậy khởi lòng huệ thí. Do nhân duyên thí nên khiến cho các chúng sinh được niềm vui yên ổn. Như là bố thí đồ ăn, thức uống, xe cộ, quần áo, hương hoa, giường nằm, nhà cửa, đèn sáng... khi bố thí như vậy mà lòng không ràng buộc, chẳng sinh tham trước thì nhất định hồi hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tâm ấy, bấy giờ không chỗ y chỉ, vọng tưởng đoạn diệt vĩnh viễn, không bị kinh sợ, danh xưng lợi dưỡng chẳng cầu người trời, hưởng thụ khoái lạc chẳng sinh kiêu mạn, chẳng mong đền đáp lại, chẳng bị người khác lừa dối... nên là bố thí chẳng cầu giàu sang. Phạm khi làm bố thí, chẳng thấy người thọ thí là tri giới hay phá giới, là ruộng hay chẳng phải ruộng, đây là tri thức, đây chẳng phải tri thức. Khi thí chẳng thấy là khí cụ hay chẳng phải khí cụ. Chẳng chọn lựa ngày giờ, là chỗ hay chẳng phải chỗ, cũng lại chẳng kể là đói kém hay giàu có an vui, chẳng thấy nhân quả, thấy đây là chúng sinh, đây chẳng phải là chúng sinh, là phước hay chẳng phải là phước. Tuy lại chẳng thấy người bố thí, người thọ thí và cả tài vật bố thí... cho đến chẳng thấy đoạn dứt và quả báo nhưng mà thường làm bố thí, không có đoạn tuyệt. Nay thiện nam tử ! Bồ tát nếu còn thấy tri giới, phá giới... cho đến quả báo thì nhất định chẳng thể bố thí mà nếu chẳng bố thí thì chẳng đầy đủ Đàn Balamật. Nếu chẳng đầy đủ Đàn Balamật thì chẳng thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay thiện nam tử ! Ví như có người, thân bị tên độc. Quyển thuộc người ấy muốn làm cho yên ổn thì phải vì người ấy trừ độc liền mời lương y nhỏ mũi tên độc ra. Người kia mới nói rằng : “Hãy khoan chớ đụng vào ! Ta nay phải quan sát mũi tên độc như vậy từ phương nào đến ? Ai đã bắn nó ? Là chính Sát lợi, Bàlamôn, Tỳ Xá hay Thủ Đà ?” Người ấy lại tác khởi ý niệm : “Cây tên bằng gì vậy ? Bằng tre hay bằng liễu vậy ? Sắc bọc đầu mũi tên ấy làm ở chỗ nào ? Cứng hay mềm vậy ? Cánh lông của tên ấy là lông cánh loài chim nào ? Là của quạ hay của chim ưng vậy ? Chất độc có ở mũi tên là do làm ra hay tự nhiên mà có ? Là độc của con người hay là độc của rắn vậy ? Như vậy người ngu si kia chưa có thể biết hết những điều ấy

thì đã liền mạng chung. Nay thiện nam tử ! Bồ tát cũng vậy, nếu khi làm bố thí mà phân biệt người thọ thí tri giới hay phá giới... cho đến quả báo thì nhất định chẳng có thể bố thí. Nếu chẳng thể bố thí thì chẳng đầy đủ Đản Balamật. Nếu chẳng đủ Đản Balamật thì chẳng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát khi làm Bố thí thì đối với các chúng sinh thì Từ tâm bình đẳng, tương giống như con. Lại khi hành thí Bồ tát đối với các chúng sinh đầy khởi lòng bi mẫn ví như cha mẹ ngắm nhìn con bệnh. Khi làm bố thí lòng Bồ tát ấy vui mừng giống như cha mẹ thấy con khỏi bệnh. Sau khi đã bố thí, lòng Bồ tát ấy buông bỏ giống như cha mẹ thấy con khôn lớn có thể tự sống còn. Đại Bồ tát này, ở trong lòng Từ, khi bố thí thức ăn thường phát nguyện rằng : “Đồ bố thí của ta hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này nên khiến cho các chúng sinh được thức ăn đại trí, siêng năng tinh tấn, hồi hướng về Vô thượng Đại Thừa. Nguyện các chúng sinh được món ăn Thiện Trí, chẳng cầu món ăn của Thanh Văn, Duyên Giác. Nguyện cho chúng sinh được thức ăn pháp hỷ, chẳng cầu món ăn ái dục. Nguyện cho các chúng sinh đều được món ăn Bát nhã Balamật, đều khiến cho họ thỏa thuê, nhiếp lấy vô ngại tăng thượng thiện căn. Nguyện cho các chúng sinh ngộ giải tướng “không”, được thân vô ngại giống như hư không. Nguyện cho các chúng sinh thường làm người thọ thí, thương xót tất cả, làm ruộng phước của mọi người”. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát khi tu Từ tâm, phạm bố thí đồ ăn cần phải phát nguyện kiên cố như vậy. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Từ tâm khi bố thí nước uống thì phải phát nguyện rằng : “Đồ bố thí của ta hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này nên khiến cho các chúng sinh đi theo dòng sông Đại Thừa, uống nước tám vị, mau chóng lội vào con đường Bồ Đề Vô thượng, lìa khỏi dòng khô cạn Thanh Văn, Duyên Giác, chí khát ngưỡng (khao khát ngưỡng mộ) Phật thừa Vô thượng, đoạn dứt sự khao khát phiền não, khát ngưỡng pháp vị, lìa khỏi ái dục sinh tử, yêu thích Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn, đầy đủ pháp thân, được các Tam muội, vào đến biển cả trí tuệ rất sâu, được vị cam lộ Bồ Đề xuất thế, ly dục tịch tịnh... những vị như vậy. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ vô lượng trăm ngàn pháp vị. Đủ pháp vị rồi thì thấy được Phật tính. Thấy Phật tính rồi thì có thể mưa xuống pháp vũ. Mưa pháp vũ rồi thì Phật tính che phủ cùng khắp giống như hư không. Lại khiến cho vô lượng chúng sinh còn lại ấy được một pháp vị. Đó là Đại Thừa, chẳng phải vị pháp của các Thanh Văn, Bích Chi Phật. Nguyện cho các chúng sinh được một vị ngọt ngào, không có sáu thứ vị sai khác. Nguyện cho các chúng sinh chỉ cầu vị sở hạnh của pháp vị vô ngại Phật pháp, chẳng cầu những vị khác”. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Từ tâm, khi bố

thí nước uống cần phải phát nguyện kiên cố như vậy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Từ tâm, khi bố thí xe cộ thì cần phải phát nguyện rằng : “Của bố thí của ta hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này nên khiến cho khắp cả chúng sinh thành tựu Đại Thừa, được trụ ở Đại Thừa, thừa chẳng thoái chuyển, thừa chẳng động chuyển, thừa Kim cương tòa, chẳng cầu Thanh Văn, Bích Chi Phật thừa, hướng về Phật thừa, thừa không thể phục, thừa không thiếu thốn, thừa chẳng thoái mất, thừa Vô thượng, thừa Thập Lực, thừa đại công đức, thừa chưa từng có, thừa hy hữu, thừa khó được, thừa vô biên, thừa biết tất cả”. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Từ tâm khi bố thí xe cộ cần phải phát nguyện kiên cố như vậy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Từ tâm, khi bố thí áo, phải phát nguyện rằng : “Đồ bố thí của ta hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh được áo tầm quý, pháp giới che thân xé rách áo các kiến, quần áo lia khỏi thân một thước sáu tấc (?), được thân Kim sắc, thọ nhận những chạm xúc êm dịu không ngăn ngại, màu sáng thấm đượm, da dẻ mịn màng, thường sáng lên vô lượng màu sắc lia khỏi sắc. Nguyện cho các chúng sinh đều khắp được thân vô sắc, qua tất cả sắc, được vào vô sắc Đại Bát Niết Bàn”. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát khi bố thí áo cần phải phát nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong tu Từ tâm khi bố thí hương hoa, hương xoa, hương bột, các tạp hương thì cần phải phát nguyện rằng : “Đồ bố thí của ta hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh, tất cả đều được Phật Hóa tam muội, vòng hoa Thất giác vi diệu cài trên đầu chúng sinh ấy. Nguyện cho các chúng sinh thân hình như vàng trắng tròn đầy, nhìn thấy những sắc màu vi diệu đệ nhất. Nguyện cho các chúng sinh đều thành một tướng, trăm phước trang nghiêm. Nguyện cho các chúng sinh tùy ý được thấy sắc màu vừa ý. Nguyện cho các chúng sinh thường gặp bạn lành, được hương thơm vô ngại, lia khỏi những mùi xú ối. Nguyện cho các chúng sinh đủ các căn lành vô thượng trên bảo. Nguyện cho các chúng sinh nhìn nhau vui hòa, không có ưu khổ, mọi thiện đều hoàn bị, chẳng lo nghĩ nhau. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ giới hương. Nguyện cho các chúng sinh giữ giới vô ngại, hơi thơm sức nức tràn đầy mười phương. Nguyện cho các chúng sinh được giới bền chắc, giới vô hối, giới Nhất thiết trí, lia khỏi những phá giới, được vô giới, vị tăng hữu giới, vô sư giới, vô tác giới, vô ối giới, vô nhiễm ô giới, giới hết rồi, giới rốt ráo, giới được bình đẳng... Đối với hương xoa thân và việc đấm chém thân đều bình đẳng không có yêu hay ghét. Nguyện cho các chúng sinh được giới Vô thượng, giới Đại Thừa, giới chẳng phải Tiểu thừa. Nguyện cho các chúng sinh đều được đầy đủ Thi Ba la mật giống như sự

thành tựu giới của các đức Phật. Nguyên cho các chúng sinh đều được sự huân tập tu hành của Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Nguyên cho các chúng sinh đều được thành tựu hoa sen vi diệu Đại Bát Niết Bàn, hơi thơm của hoa ấy tràn ngập mười phương. Nguyên cho các chúng sinh thuần ăn bữa ăn hương thơm Vô thượng Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn giống như loài ong hút hoa chỉ lấy vị hương thơm. Nguyên cho các chúng sinh đều được thành tựu tâm huân tập vô lượng công đức”. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Từ tâm, khi bồ thí hương hoa... thường phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Từ tâm khi bồ thí giường nằm nên phát nguyện rằng : “Đồ bồ thí của ta hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh được giường nằm của đấng Thiên Trung Thiên, được đại trí tuệ, ngôi chỗ Tứ thiên, nằm giường nằm của Bồ tát, chẳng nằm giường của Thanh Văn, Bích Chi Phật, lia khỏi giường nằm ác. Nguyên cho các chúng sinh được nằm giường an lạc, lia khỏi giường sinh tử, thành tựu giường nằm Sư tử Đại Niết Bàn. Nguyên cho các chúng sinh ngồi ở những giường này rồi lại vì vô lượng chúng sinh còn lại ấy thị hiện thần thông Sư tử Du hí. Nguyên cho các chúng sinh trụ ở trong cung điện lớn Đại Thừa này vì các chúng sinh diễn nói Phật tính. Nguyên cho các chúng sinh ngồi trên giường Vô thượng chẳng bị sự hàng phục của pháp thế gian. Nguyên cho các chúng sinh được giường nhẫn nhục, lia khỏi sinh tử cơ cắn đói rét. Nguyên cho các chúng sinh được giường Vô úy, lia khỏi vĩnh viễn tất cả oán tặc phiền não. Nguyên cho các chúng sinh được giường thanh tịnh, chuyên cầu đạo Chánh Chân Vô thượng. Nguyên cho các chúng sinh được giường thiện pháp, thường được sự ủng hộ của bạn lành. Nguyên cho các chúng sinh được giường nằm nghiêng hông phải, y theo pháp sở hạnh của các đức Phật”. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Từ tâm, khi bồ thí giường nằm cần phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Từ tâm khi bồ thí nhà cửa thì phải phát nguyện rằng : “Đồ bồ thí của ta hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh ở nhà Đại Thừa, tu hành hạnh sở hạnh của bạn lành, tu hạnh Đại bi, hạnh sáu Ba la mật, hạnh Đại Chánh Giác, tất cả sở hạnh của Bồ tát, hạnh đạo, hạnh rộng lớn vô biên như hư không. Nguyên cho các chúng sinh đều được Chánh niệm, xa lia ác niệm. Nguyên cho các chúng sinh đều được an trụ ở Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, lia khỏi vĩnh viễn bốn điên đảo. Nguyên cho các chúng sinh đều thọ trì văn tự xuất thế. Nguyên cho các chúng sinh nhất định làm

khí cụ của Vô thượng Nhất Thiết Trí. Nguyên cho các chúng sinh đều được vào đến ngôi nhà Cam lộ. Nguyên cho các chúng sinh, tâm ban đầu, tâm giai đoạn giữa, tâm sau cùng thường vào ngôi nhà Đại Thừa Đại Niết Bàn. Nguyên cho các chúng sinh, vào đời vị lai là thường ở cung điện chỗ ở của Bồ tát”. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Từ tâm, khi bố thí nhà cửa thường phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Từ tâm, khi bố thí đèn sáng thì phải phát nguyện rằng : “Đồ bố thí của ta hôm nay cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho những chúng sinh có ánh sáng nhiều không lường, an trụ ở Phật pháp. Nguyên cho các chúng sinh thường được soi sáng. Nguyên cho các chúng sinh được ánh sáng màu vi diệu thắm đượm đệ nhất. Nguyên cho các chúng sinh được mắt ấy thanh tịnh, không các lưới ngăn che. Nguyên cho các chúng sinh được đuốc đại trí, khéo hiểu vô ngã, vô chúng sinh tướng, vô nhân, vô thọ mạng. Nguyên cho các chúng sinh đều được nhìn thấy Phật tính thanh tịnh, giống như hư không. Nguyên cho các chúng sinh, nhục nhãn thanh tịnh nhìn suốt hằng hà sa số thế giới trong mười phương. Nguyên cho các chúng sinh được ánh sáng Phật, soi khắp mười phương. Nguyên cho các chúng sinh được mắt vô ngại, đều được thấy Phật tính thanh tịnh. Nguyên cho các chúng sinh được ánh sáng Đại trí phá tan tất cả tối tăm và Nhất xiển đề. Nguyên cho các chúng sinh được ánh sáng vô lượng, soi khắp vô lượng thế giới của chư Phật. Nguyên cho các chúng sinh thấp ngọn đèn Đại Thừa, lìa khỏi đèn Nhị thừa. Nguyên cho các chúng sinh có ánh sáng sở đắc diệt tan tất cả vô minh, hơn cả ngàn mặt trời đồng thời chiếu soi. Nguyên cho các chúng sinh được ánh sáng lớn diệt hết tối tăm sẵn có của ba ngàn đại thiên thế giới. Nguyên cho các chúng sinh đầy đủ ngũ nhãn, giác ngộ các pháp tướng, thành tựu sự giác ngộ không thầy (vô sư). Nguyên cho các chúng sinh không thấy vô minh. Nguyên cho các chúng sinh đều được ánh sáng vi diệu của Đại thừa Đại Bát Niết Bàn, thị hiện giác ngộ Phật tính chân thật của chúng sinh”. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Từ tâm khi bố thí đèn sáng thường nên phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Nay thiện nam tử ! Tất cả thiện căn sở hữu của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, các đức Phật Như Lai thì Từ là căn bản. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu tập Từ tâm có thể sinh ra vô lượng căn lành như vậy. Những cái gọi là bất tịnh, thở ra, hít vào, vô thường, sinh diệt, bốn niệm xứ, bảy phương tiện, ba chỗ quán, mười hai nhân duyên, vô ngã.v.v... quán pháp nóng (ấm), pháp lạnh (nguyên văn pháp đánh), pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất, thấy đạo, tu đạo, chánh căn, như ý (túc), các căn, các lực, bảy Bồ Đề phận, tám đạo, bốn

thiền, bốn vô lượng tâm, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười nhất thiết nhập (vào tất cả), Không, Vô tướng, Vô nguyện, Vô tránh tam muội, trí biết tâm người khác và các thần thông, trí biết bản tế, trí Thanh Văn, trí Duyên Giác, trí Bồ tát, trí Phật... Đây thiện nam tử ! Những pháp như vậy thì Từ là căn bản. Đây thiện nam tử ! Do nghĩa này nên Từ là chân thật chẳng phải là hư dối vậy. Nếu có người hỏi rằng, cái gì là căn bản của tất cả các căn lành thì phải nói rằng, chính là Từ đó ! Do nghĩa này nên Từ là chân thật, chẳng phải là hư dối vậy.

Đây thiện nam tử ! Có thể làm thiện thì gọi là tư duy thật. Tư duy thật thì tức là Từ. Từ tức là Như Lai. Từ tức là Đại Thừa, Đại Thừa tức là Từ mà Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ tức Bồ Đề đạo, Bồ Đề đạo tức Như Lai, Như Lai tức là Từ. Đây thiện nam tử ! Từ tức Đại Phạm, Đại Phạm tức Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ thì có thể vì tất cả chúng sinh mà làm cha mẹ. Cha mẹ tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ mới là cảnh giới của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới chư Phật tức là Từ vậy. Ông phải biết Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ tức là Phật tính của chúng sinh. Như vậy Phật tính bị sự che phủ của phiền não từ lâu nên khiến cho chúng sinh chẳng được nhìn thấy. Phật tính tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ tức là Đại Không, Đại Không tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ tức là hư không, hư không tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ tức là Thường, Thường tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ tức là Lạc, Lạc tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ tức là Tịnh, Tịnh tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ tức là Ngã, Ngã tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ tức là Cam lộ, Cam lộ tức là Từ, Từ tức là Phật tính, Phật tính tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ tức là đạo Vô thượng của tất cả Bồ tát mà đạo tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam tử ! Từ tức là cảnh giới không lường của các đức Phật Thế Tôn. Cảnh giới không lường tức là Từ vậy. Ông phải biết là Từ tức là Như Lai.

Đây thiện nam tử ! Từ nếu là vô thường mà vô thường tức là Từ thì phải biết Từ này là Từ của Thanh Văn. Đây thiện nam tử ! Từ nếu là khổ, khổ tức là Từ thì phải biết Từ này là Từ của Thanh Văn. Đây thiện nam tử ! Từ nếu là bất tịnh, bất tịnh tức là Từ thì phải biết Từ này là Từ của Thanh Văn. Đây thiện nam tử ! Từ nếu là vô ngã, vô ngã tức là Từ thì phải biết Từ này là Từ của Thanh Văn. Đây thiện nam tử ! Từ nếu là vọng tưởng, vọng

tướng tức là Từ thì phải biết Từ này là Từ của Thanh Văn. Nay thiện nam tử ! Từ nếu chẳng gọi là Đản Ba la mật mà Từ chẳng phải Đản Ba la mật thì phải biết Từ này là Từ của Thanh Văn... cho đến Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Từ nếu chẳng thể lợi ích cho chúng sinh thì Từ như vậy là Từ của Thanh Văn. Nay thiện nam tử ! Từ nếu chẳng vào đạo Nhất tướng thì phải biết Từ này là Từ của Thanh Văn. Nay thiện nam tử ! Từ nếu chẳng hiểu rõ các pháp thì phải biết Từ này là Từ của Thanh Văn. Nay thiện nam tử ! Từ nếu chẳng thể thấy Như Lai tính thì phải biết Từ này là Từ của Thanh Văn. Nay thiện nam tử ! Từ nếu thấy pháp đều là hữu tướng thì phải biết Từ này là Từ của Thanh Văn. Nay thiện nam tử ! Từ nếu là hữu lậu mà hữu lậu là Từ thì tức là Từ của Thanh Văn. Nay thiện nam tử ! Từ nếu là hữu vi thì Từ hữu vi là Từ của Thanh Văn. Nay thiện nam tử ! Từ nếu chẳng phải trụ ở sơ trụ, chẳng phải Từ sơ trụ thì phải biết là Từ của Thanh Văn vậy. Nay thiện nam tử ! Từ nếu chẳng thể được mười lực, bốn vô sở úy của Phật thì phải biết Từ này là Từ của Thanh Văn. Nay thiện nam tử ! Từ có thể được bốn quả Samôn thì phải biết Từ này là Từ của Thanh Văn vậy.

Nay thiện nam tử ! Từ nếu là có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thì Từ như vậy chẳng phải là việc có thể nghĩ bàn của các Thanh Văn, Bích Chi Phật. Nay thiện nam tử ! Từ nếu chẳng thể nghĩ bàn thì pháp chẳng thể nghĩ bàn, Phật tính chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ ở Đại Thừa Đại Bát Niết Bàn tu Từ như vậy, tuy lại an trụ ở trong ngủ nghỉ mà chẳng ngủ nghỉ, siêng tỉnh tấn vậy, tuy thường tỉnh thức mà cũng không tỉnh thức vì không ngủ. Ở trong ngủ nghỉ chừ thiên tuy không hộ, cũng không người hộ nhưng chẳng làm ác. Hành giả ngủ chẳng ác mộng, không có việc chẳng lành, lia khỏi ngủ nghỉ, sau khi mạng chung tuy sinh lên cõi trời Phạm, cũng không có sự sinh mà được tự tại vậy. Nay thiện nam tử ! Phạm tu Từ thì có thể được thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy. Nay thiện nam tử ! Kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn này cũng có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy. Các đức Phật Như Lai cũng được thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Những tư duy sẵn có của Đại Bồ tát đều là chân thật còn của Thanh Văn, Duyên Giác chẳng phải là chân thật thì tất cả chúng sinh vì sao chẳng do uy lực của Bồ tát mà đều hưởng thụ khoái lạc ?

Nếu các chúng sinh thật chẳng được vui thì phải biết việc tu Từ tâm của Bồ tát là không lợi ích.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Từ của Bồ tát chẳng phải chẳng ích lợi ! Nay thiện nam tử ! Có những chúng sinh hoặc nhất định thọ khổ, hoặc có chúng sinh chẳng thọ. Nếu có chúng sinh nhất định thọ khổ thì Từ của Bồ tát là không lợi ích như là Nhất xiển đề. Nếu có người thọ khổ chẳng nhất định thì Từ của Bồ tát là lợi ích, khiến cho chúng sinh đó đều hưởng thụ khoái lạc. Nay thiện nam tử ! Ví như có người từ xa thấy sư tử, hổ báo, sài lang, la sát quỷ.v.v... tự nhiên sinh ra sợ, đi đêm thấy cái ghế cũng sinh ra kinh sợ. Nay thiện nam tử ! Như những người tự nhiên sinh sợ này, chúng sinh thấy người tu Từ như vậy thì tự nhiên sinh ra vui. Nay thiện nam tử ! Do nghĩa này nên Bồ tát tu Từ là thật Tư duy, chẳng phải không lợi ích.

Nay thiện nam tử ! Ta nói Từ này có vô lượng môn, như là Thần thông. Nay thiện nam tử ! Như Đề Bà Đạt Đa, vua A Xà Thế muốn hại Như Lai. Lúc đó, ta vào đại thành Vương Xá, đi theo thứ lớp khát thực vua A Xà Thế liền thả con voi say điên Hộ Tài ra, muốn cho nó hại ta và các đệ tử. Con voi ấy bấy giờ đã đập giết vô lượng trăm ngàn chúng sinh mà chúng sinh chết rồi có nhiều huyết khí (hơi máu) nên con voi này đã ngửi phải thì cuồng say gấp bội lúc thường. Nó thấy ta mặc quần áo màu đỏ nên cho là máu mà nhắm lao vào. Trong đệ tử của ta số người chưa ly dục, sợ hãi chạy tứ tán, chỉ trừ có ông A Nan. Lúc bấy giờ, trong đại thành Vương Xá, tất cả nhân dân đồng thời cất tiếng kêu gào khóc lóc mà nói lên rằng : “Lạ thay ! Đức Như Lai hôm nay chắc chết mất ! Sao mà đáng Chánh Giác một sớm bị tan hoại ?” Khi đó ông Điều Đạt, lòng sinh vui mừng mà rằng : “Samôn Cù Đàm diệt mất, rất hay ! Từ nay về sau thật sự là biến mất ! Sương thay! Đây kể như nguyện của ta đã được thỏa”. Nay thiện nam tử ! Lúc bấy giờ, ta vì muốn hàng phục con voi Hộ Tài nên liền vào Từ định, duỗi tay bày ra thì liền ở năm ngón tay hiện ra năm con sư tử. Con voi này thấy rồi, lòng nó kinh sợ đến vãi phân, toàn thân gieo xuống đất, lễ kính dưới chân ta. Nay thiện nam tử ! Bấy giờ năm đầu ngón tay ta thật không có sư tử mà chính là lực thiện căn của sự tu Từ nên khiến cho con voi đó được điều phục. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Ta sắp Niết Bàn, ban đầu cất bước hướng về thành Câu Thi Na, nơi có năm trăm người lực sĩ. Đường đi ở trong thành ấy bằng phẳng, quét dọn sạch sẽ, nhưng giữa đường có một tảng đá, mọi người muốn nhắc bỏ, đem hết sức mà chẳng thể được. Ta thương xót liền khởi Từ tâm. Các lực sĩ đó liền thấy ta dùng ngón chân hất tung tảng đá lớn này lên hư

không, rồi lại dùng tay tiếp lấy đặt yên vào bàn tay phải, thổi một cái khiến cho viên đá tan nát, rồi lại tụ hợp trở lại thành tảng đá, khiến cho lòng cống cao của các lực sĩ đó đứt ngay. Ta liền vì họ lược nói đủ thứ pháp yếu khiến cho họ đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay thiện nam tử ! Như Lai, bấy giờ thật chẳng dùng ngón chân hất tung viên đá lớn này lên trong hư không, trở lại đặt vào bàn tay phải, thổi khiến cho tan nát, lại hợp lại như cũ. Nay thiện nam tử ! Ông phải biết, đó là lực thiện căn của Từ đã khiến cho các lực sĩ thấy việc như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Tại Nam Thiên Trúc này có một ngôi thành lớn tên là Thủ Ba La, ở trong thành đó có một ông trưởng giả tên là Lô Chí làm chủ dẫn đường mọi người, đã ở chỗ Phật đời quá khứ nhiều không lường, gieo trồng các gốc thiện. Nay thiện nam tử ! Tất cả nhân dân trong thành lớn đó tin phục tà đạo, phụng thờ phái Ni Kiền. Ta thì muốn độ ông trưởng giả đó nên từ thành Vương Xá đi đến thành ấp kia, khoảng cách nhau giữa hai thành là sáu mươi lăm do tuần. Ta lợi bộ mà đi đến vì muốn hóa độ những người ở đó. Những người Ni Kiền kia nghe ta sắp đến thành Thủ Ba La liền khởi ý nghĩ rằng : “Ông Samôn Cù Đàm đến đây thì những nhân dân này liền sẽ bỏ ta và chẳng cung cấp. Chúng ta khốn cùng nhờ vào đâu mà tự sống ? Bọn những Ni Kiền mỗi mỗi đều phân tán đi bảo người trong thành đó rằng : “Ông Samôn Cù Đàm nay sắp đến đây. Nhưng ông Samôn đó bỏ bê cha mẹ, rong ruổi Đông Tây mà chỗ đến của ông ấy có thể khiến cho đất đai lúa gạo chẳng lên nổi, nhân dân đói kém, mọi tướng bệnh, héo hắt, không thể cứu giải. Ông Cù Đàm vô lại thuận đem những quỷ thần La sát ác để làm thị tưng. Những người cô quả nghèo cùng, không cha, không mẹ đến hỏi han theo ông ấy làm môn đồ mà lời dạy bảo toàn nói về hư không. Tù theo chỗ đến của ông ấy thì việc trước tiên là không có an vui”. Những người đó nghe rồi liền ôm lòng sợ hãi, đầu mặt lễ kính dưới chân Ni Kiền Tử mà bạch rằng : “Thưa Đại Sư ! Chúng con hôm nay phải bày kế gì ?” Người Ni Kiền đáp rằng : “Tính Samôn Cù Đàm ưa rừng rậm, suối chảy, nước trong. Giả sử bên ngoài có thì cần phải phá hoại ! Các người liền có thể cùng nhau ra khỏi thành, xem chỗ nào có thì chặt phá hết, dùng để sớt lại. Dòng suối, giếng, ao... đều đặt phân, thây chết, đóng chặt cửa thành, nghiêm bị binh khí, phải dựng vách phòng hộ, siêng năng tự cố thủ. Giả sử ông Cù Đàm kia đến thì chớ cho được gặp trước. Nếu chẳng gặp trước thì các người sẽ yên ổn. Chúng ta cũng sẽ làm đủ thứ phép thuật khiến cho ông Cù Đàm kia quay trở lại đường đi khỏi”. Những nhân dân đó nghe lời nói này rồi thì kính vâng, thi hành. Họ chặt phá cây cối, làm ô nhục các dòng nước, nghiêm bị binh khí, tự phòng hộ chắc chắn. Nay thiện nam tử ! Vào lúc bấy giờ, ta đến thành đó rồi, chẳng thấy tất cả cây cối, rừng rậm, chỉ thấy mọi người

trang nghiêm binh khí, dựng vách tự thủ. Thấy việc đó rồi, ta liền sinh lòng Từ thương xót hướng về họ thì cây cối sẵn có trở lại sống như cũ, lại sinh trưởng những cây còn lại ấy nhiều chẳng thể xưng kể. Sông, ao, suối, giếng... nước trong ấy trong sạch, tràn đầy như lưu ly xanh, mọc lên mọi thứ hoa rộng che bên trên, biến vách thành ấy thành lưu ly xanh biếc, nhân dân bên trong thành đều được thông suốt thấy ta và đại chúng, cửa thành tự mở ra, không ai có thể chế ngự, những binh khí nghiêm bị đều biến thành đủ thứ hoa. Trưởng giả Lô Chí làm thượng thủ cùng với nhân dân thành ấy đều chung theo nhau đi đến chỗ đức Phật. Ta liền vì họ nói đủ thứ Pháp yếu khiến cho những người đó, tất cả đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay thiện nam tử ! Ta vào lúc ấy, thật ra chẳng hóa làm đủ thứ cây cối, dòng nước trong sạch tràn đầy sông ao, biến vách thành ấy làm lưu ly xanh biếc khiến cho nhân dân trong đó thông suốt thấy ta, mở cửa thành ấy, binh khí thành hoa. Nay thiện nam tử ! Ông phải biết, đều là sức thiện căn của Từ có thể khiến cho những người ở đó thấy được việc như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Trong thành Vương Xá có con gái của Bà la môn họ Bà Tư Tra chỉ có một đứa con hết mực yêu thương, nhưng gặp bệnh nặng mạng chung. Lúc bấy giờ, người con gái sầu độc nhập tâm, cuồng loạn mất tính, khóa thân không thẹn, du hành ở ngã tư đường, gào khóc thất thanh, xướng lên rằng : “Con ơi ! Con ! Con đi chỗ nào ?” Đi khắp cùng thành ấp mà không biết mệt mỏi. Người con gái này đã ở chỗ các đức Phật trước gieo trồng mọi gốc đức. Nay thiện nam tử ! Ta đối với người con gái này dây khởi lòng từ mẫn thì lúc đó người con gái liền được thấy ta, liền sinh tư tưởng về, trở lại bản tâm, trước ôm lấy thân ta đúng như phép yêu con. Ta liền bảo thị giả A Nan : “Ông nên đem áo cho người con gái này !” Đã cho áo rồi, ta liền vì người con gái đó nói đủ thứ những pháp yếu. Người con gái này nghe pháp, vui mừng nhảy nhót, phát lòng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay thiện nam tử ! Vào lúc ấy ta thật chẳng phải con của người đó, người đó chẳng phải là mẹ ta, cũng không ôm giữ ta. Nay thiện nam tử ! Ông phải biết, đều là sức thiện căn của Từ đã khiến cho người con gái đó thấy được việc như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam tử ! Thành Ba La Nại có người Ưu bà di tên là Ma Ha Tư Na Đạt Đa, đã ở đời quá khứ, trước chư Phật nhiều không lường gieo trồng các căn lành. Vị ưu bà di này, trong chín mươi ngày mùa hạ, thỉnh mời chúng Tăng phụng thí thuốc men chữa bệnh. Lúc đó trong chúng có một vị Tỳ kheo mắc bệnh nặng, lương y xem bệnh thấy cần phải dùng thuốc có thịt. Nếu được thịt thì bệnh có thể trừ khỏi, nếu chẳng được thịt thì mạng sẽ chẳng toàn vẹn. Người ưu bà di nghe lời nói này của thầy

thuốc, liền mang vàng đến khắp các chợ, xướng lên rằng : “Ai có thịt bán, ta dùng vàng để mua ! Nếu ai có thịt thì sẽ ngang cùng vàng !” Đi khắp cùng chợ trong thành mà cầu chẳng thể được, người Ưu bà di này liền tự lấy dao cắt thịt về của mình nấu thành canh cho vào đủ thứ hương liệu, đưa đến cho vị Tỳ kheo bệnh. Vị Tỳ kheo uống rồi, bệnh liền được khỏi. Vị Ưu bà di bị vết thương, khổ não chẳng thể chịu đựng nổi liền lên tiếng rằng : “Nam mô Phật Đà ! Nam mô Phật Đà !” Vào lúc ấy, ta tại thành Xá Vệ, nghe âm thanh ấy thì đối với người con gái này khởi lên lòng đại từ. Người con gái này liền thấy ta đem lương dược xoa lên vết thương ấy trở lại lành như cũ. Ta liền vì người ấy nói đủ thứ pháp. Nghe pháp rồi người ấy vui mừng, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay thiện nam tử ! Ta vào lúc ấy, thật sự chẳng đi đến thành Ba La Nại, đem thuốc thoa vết thương của người Ưu bà di này. Nay thiện nam tử ! Ông phải biết, đều là sức thiện căn của Từ khiến cho người con gái đó thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Người ác Điều Đạt tham chẳng biết đủ, uống nhiều váng sữa (tô) nên đau đầu, đầy bụng, chịu khổ não lớn, chẳng thể chịu đựng nổi nên phát lên lời như vậy : “Nam mô Phật Đà ! Nam mô Phật Đà !” Ta khi ấy trụ tại thành Ưu Thiên Ni, nghe âm thanh ấy, liền sinh Từ tâm. Bấy giờ, Điều Đạt liền thấy ta đi đến chỗ ấy, tay xoa đầu, bụng trao cho nước muối mà bảo uống, uống rồi thì bình phục. Nay thiện nam tử ! Ta thật ra chẳng đi đến chỗ ông Điều Đạt, xoa đầu bụng, trao thuốc thang bảo uống. Nay thiện nam tử ! Ông phải biết, đều là sức thiện căn Từ khiến cho Điều Đạt thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Nước Kiền Tát La có những bọn giặc, số ấy những năm trăm bày đảng, cướp bóc làm hại nhiều lắm. Vua Ba Tư Nặc lo cho nạn tung hoành hung bạo của bọn ấy, sai lính theo dõi tìm bắt. Bắt được rồi, nhà vua cho móc mắt, rồi đem bỏ chúng dưới rừng rậm tối tăm. Những bọn giặc này đã từng ở chỗ Phật đời trước, gieo trồng mọi gốc đức. Chúng đã mất mắt rồi, chịu khổ não lớn nên đều nói lên lời này : “Nam mô Phật Đà ! Nam mô Phật Đà ! Chúng con hôm nay không người cứu hộ !” Họ khóc lóc kêu gào. Ta lúc ấy, trụ tại tinh xá Kỳ Hoàn, nghe được âm thanh ấy, liền sinh ra Từ tâm thì liền có luồng gió mát thổi đủ thứ hương dược trong núi Hương Sơn đầy vành mắt những người ấy, mắt những người ấy trở lại như cũ, chẳng khác. Những kẻ giặc mở mắt ra liền thấy Như Lai đang ở trước mặt họ mà vì họ nói pháp. Giặc nghe pháp rồi phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay thiện nam tử ! Vào lúc ấy, ta thật chẳng làm gió thổi đủ thứ hương dược trong núi Hương Sơn và trụ ở trước những người ấy mà nói pháp. Nay thiện nam tử ! Ông phải biết, đều là sức thiện căn của

Từ khiến cho bọn giặc kia thấy việc như vậy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Thái tử Lưu Ly do ngu si nên phé bỏ cha mình tự lập làm vua, lại nhớ hiềm khích xưa, hại nhiều người họ Thích. Ông bắt lấy một vạn hai ngàn người con gái họ Thích, dùng hình phạt cắt tai, mũi, chặt đứt tay, chân rồi xô họ xuống hầm, hào. Những người con gái, thân chịu khổ não, nói lên rằng : “Nam mô Phật Đà ! Nam mô Phật Đà ! Chúng con hôm nay không có ai cứu hộ !” Họ lại gào khóc. Những người con gái này đã ở chỗ Phật đời trước gieo trồng các căn lành. Vào lúc ấy, ta ở trong rừng trúc, nghe được âm thanh ấy, liền khởi Từ tâm. Những người con gái lúc bấy giờ thấy ta đi đến thành Ca Tỳ La, dùng nước rửa vết thương và lấy thuốc xoa vào thì khổ đau liền tiêu trừ, tai, mũi, tay, chân trở lại như cũ. Ta liền vì họ lược nói pháp yếu, khiến cho họ đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những người con gái ấy liền ở chỗ của Tỳ kheo ni Đại Ái Đạo, xuất gia thọ Cụ túc giới. Này thiện nam tử ! Lúc bấy giờ, Như Lai thật chẳng đi đến thành Ca Tỳ La, dùng nước rửa vết thương, thoa thuốc, dùng khổ. Này thiện nam tử ! Ông phải biết, đó đều là lực thiện căn của Từ khiến cho những người con gái đó được việc như vậy. Lòng Bi, Hỷ cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Do nghĩa này nên Đại Bồ tát tu tư duy Từ tức là Chân thật, chẳng phải là hư dối vậy. Này thiện nam tử ! Phạm vô lượng thì chẳng thể nghĩ bàn, sở hành của Bồ tát chẳng thể nghĩ bàn, sở hạnh của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn, Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn này cũng chẳng thể nghĩ bàn.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ mười bốn hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 15

PHẠM PHẠM HẠNH (tiếp theo)

Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu Từ, Bi, Hỷ rồi được trụ ở Địa Cực ái nhất tử. Này thiện nam tử ! Sao địa này gọi là Cực ái, lại gọi là Nhất tử ? Này thiện nam tử ! Vì như cha mẹ thấy con yên ổn, lòng rất vui mừng. Đại Bồ tát trụ trong Địa này cũng lại như vậy, thấy các chúng sinh đồng với con một, thấy người tu thiện thì phát sinh đại hoan hỷ. Vậy nên Địa này gọi

là Cực ái. Nay thiện nam tử ! Ví như cha mẹ thấy con gặp hoạn nạn thì lòng khổ não, xót thương sâu độc không nở lia bỏ. Đại Bồ tát trụ trong Địa này cũng lại như vậy, thấy các chúng sinh bị sự ràng buộc bức thiết của phiền não, lòng sinh ra sầu não, lo nghĩ như con, các lỗ chân lông của thân đều chảy ra máu. Vậy nên Địa này gọi là Nhất tử (con một). Nay thiện nam tử ! Như khi người còn nhỏ nhặt lấy hòn đất, phân dơ, ngói, đá, xương khô, cành cây đặt vào trong miệng. Cha mẹ thấy thế rồi, sợ người ấy bị hoạn nạn nên tay trái nắm lấy đầu, tay phải móc ra. Đại Bồ tát trụ trong Địa này cũng lại như vậy, thấy pháp thân của các chúng sinh chưa tăng, hoặc làm nghiệp chướng thiện của thân, miệng, ý. Bồ tát thấy thế rồi thì dùng tay trí nhỏ nó ra, chẳng muốn cho chúng lưu chuyển sinh tử chịu những khổ não. Vậy nên Địa này gọi là Nhất tử. Nay thiện nam tử ! Ví như đứa con thân yêu của cha mẹ bỏ đi mà chết mất. Cha mẹ sầu não nguyện cùng chết theo. Bồ tát cũng vậy, thấy Nhất xiển đề rơi vào địa ngục, cũng khiến cùng sinh vào trong địa ngục. Vì sao vậy? Vì nhất xiển đề này khi thọ khổ, hoặc lòng sinh ra một ý niệm cải hối thì ta liền sẽ vì họ nói đủ thứ pháp khiến cho họ được sinh ra một ý niệm căn lành. Vậy nên Địa này lại gọi là Nhất tử. Nay thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có một người con. Người con ấy ngủ, thức, đi, đứng, ngồi, nằm... lòng cha mẹ ấy luôn nghĩ đến đó. Nếu nó có tội lỗi thì cha mẹ khéo nói dỗ dành, chẳng thêm ghét bỏ. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, thấy các chúng sinh, nếu rơi vào địa ngục, súc sinh, ngã quỷ, hoặc ở trong trời, người tạo tác thiện, ác thì lòng thường nghĩ đến họ, chẳng buông bỏ họ. Nếu họ làm những điều ác nhất định chẳng sinh ra sân giận để thêm ghét họ. Vậy nên Địa này lại tên là Nhất tử.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đúng như lời đức Phật nói, lời nói ấy bí mật ! Trí con hôm nay cạn kiệt làm sao có thể lý giải được ? Nếu Bồ tát trụ ở Nhất tử địa có thể như vậy thì sao thuở xưa đức Như Lai khi làm quốc vương hành đạo Bồ tát đã đoạn tuyệt mạng của người Bà la môn ? Nếu ngài được địa này thì nên hộ niệm hẳn, còn nếu chẳng được thì lại vì nhân duyên gì mà chẳng đọa địa ngục ? Nếu giả sử nhìn bình đẳng tất cả chúng sinh đồng với tư tưởng như La Hầu La thì vì sao ngài lại hướng về Đề Bà Đạt Đa mà nói rằng: “Người si dại không xấu hổ, ăn nước dãi của người nhỏ ra” khiến cho ông đó nghe rồi phát sinh sân hận, dấy lên lòng bất thiện, làm chảy máu thân Phật. Đề Bà Đạt Đa tạo ác này rồi, đức Như Lai lại trao lời ký rằng, sẽ đọa địa ngục một kiếp để chịu tội. Thưa đức Thế Tôn ! Lời nói như vậy thì làm sao đối với nghĩa này chẳng trái ngược nhau ? Thưa đức Thế Tôn ! Ông Tu Bồ Đề trụ ở Hư Không địa. Phạm muốn vào thành cầu xin đồ ăn thức

uống, trước tiên cần phải quan sát người. Nếu có người đối với mình sinh lòng ngờ vực, ganh ghét thì ông dừng lại chẳng đi, thậm chí đối cùng cực còn chẳng đi xin. Vì sao vậy ? Vì ông Tu Bồ Đề này luôn nghĩ rằng : “Ta nhớ thuở xưa, ở chỗ ruộng phước, đã sinh ra một ác niệm. Do nhân duyên này nên rơi vào địa ngục chịu đủ thứ khổ. Ta nay thà chịu đói trọn ngày chẳng ăn, nhất định chẳng khiến cho người đó đối với ta khởi lên ngờ vực mà bị đọa vào địa ngục, chịu khổ nào vậy”. Ông ấy lại nghĩ rằng : “Nếu có chúng sinh ngờ vực ta mà đứng thì ta sẽ trọn ngày ngồi ngay thẳng, chẳng đứng dậy. Nếu có chúng sinh ngờ vực ta mà ngồi thì ta sẽ trọn ngày đứng, chẳng dời chỗ. Đi, nằm cũng vậy... Ông Tu Bồ Đề này hộ chúng sinh mà còn dấy khởi lòng như vậy, huống gì là Bồ tát. Bồ tát nếu được Nhất tử địa thì vì duyên gì mà đức Như Lai nói ra lời thô này, khiến cho các chúng sinh khởi lòng trọng ác ?

- Nay thiện nam tử ! Ông nay chẳng nên nạn vẫn như vậy ! Phật Như Lai vì các chúng sinh tạo tác nhân duyên phiền não ! Nay thiện nam tử ! Giả sử mòng muối có thể uống hết biển cả. Như Lai nhất định không vì chúng sinh làm các nhân duyên phiền não. Nay thiện nam tử ! Giả sử làm cho đại địa này đều là chẳng phải sắc, nước là tướng khô cứng, lửa là tướng lạnh, gió là tướng đứng yên, Tam bảo, Phật tính và cả hư không trở nên tướng vô thường... thì Như Lai nhất định chẳng vì các chúng sinh tạo tác nhân duyên phiền não. Nay thiện nam tử ! Giả sử người hủy phạm bốn tội trọng cấm và Nhất xiển đề bài báng chánh pháp mà hiện thân được thành mười lục, bốn vô úy, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp thì Như Lai nhất định chẳng vì các chúng sinh tạo tác nhân duyên phiền não. Nay thiện nam tử ! Giả sử Thanh Văn, Bích Chi Phật.v.v.. là thường trụ, bất biến thì Như Lai cũng nhất định chẳng vì các chúng sinh tạo tác nhân duyên phiền não. Nay thiện nam tử ! Giả sử những Bồ tát Thập Trụ.v.v... phạm bốn trọng cấm, làm Nhất xiển đề, bài báng chánh pháp thì Như Lai nhất định chẳng vì các chúng sinh tạo tác nhân duyên phiền não. Nay thiện nam tử ! Giả sử tất cả vô lượng chúng sinh đoạn diệt Phật tính, Như Lai rót ráo vào Bát Niết Bàn thì Như Lai nhất định chẳng vì các chúng sinh tạo tác nhân duyên phiền não. Nay thiện nam tử ! Giả sử ném sợi tơ có thể trói buộc được gió, răng có thể phá hoại sắt, móng có thể hủy hoại núi Tu Di thì Như Lai nhất định chẳng vì các chúng sinh tạo tác nhân duyên phiền não. Thà cùng rắn độc ở đồng chung một chỗ, thà đưa hai tay mình vào miệng sư tử đó, thà dùng than Khur đà la tắm rửa thân thể... chẳng nên nói rằng, Như Lai Thế Tôn vì các chúng sinh tạo tác nhân duyên phiền não. Nay thiện nam tử ! Như Lai chân thật có khả năng vì chúng sinh đoạn trừ phiền não, nhất định chẳng vì họ tạo tác nhân duyên phiền não.

Này thiện nam tử ! Đúng như lời ông nói, Như Lai thuở xưa đã giết Bà la môn ! Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát, thậm chí con kiến còn chẳng nên giết huống gì là Bà la môn ! Bồ tát thường làm đủ thứ phương tiện, ban cho chúng sinh thọ mạng nhiều không lường. Này thiện nam tử ! Phạm cho người ăn thì tức là cho mạng sống. Khi Đại Bồ tát hành Đàn Ba la mật thì thường thí cho chúng sinh vô lượng thọ mạng. Này thiện nam tử ! Tu giới Bát Sát được sống lâu dài. Khi Đại Bồ tát hành Thi Ba la mật thì tức là thí cho tất cả chúng sinh vô lượng thọ mạng. Này thiện nam tử ! Thận trọng miệng, không tội lỗi thì được thọ mạng lâu dài. Khi Đại Bồ tát hành Sằn đề Ba la mật, thường khuyên chúng sinh chớ sinh tư tưởng oán giận, đưa ngay thẳng đến người, đem rắc rối về mình, không có sự tranh tụng, được thọ mạng lâu dài. Vậy nên khi Bồ tát hành Sằn đề Ba la mật thì đã thí cho chúng sinh vô lượng thọ mạng. Này thiện nam tử ! Tinh cần tu thiện được thọ mạng lâu dài. Khi Đại Bồ tát hành Tỳ lê gia Ba la mật, thường khuyên chúng sinh siêng tu thiện pháp, tu hành rồi được vô lượng thọ mạng. Vậy nên khi Bồ tát hành Tỳ lê gia Ba la mật, đã thí cho chúng sinh vô lượng thọ mạng. Này thiện nam tử ! Tu nhiếp lấy tâm thì được thọ mạng lâu dài. Khi Đại Bồ tát hành Thiền Ba la mật thì khuyên các chúng sinh tu tâm bình đẳng. Chúng sinh tu hành rồi thì được thọ mạng lâu dài. Vậy nên khi Bồ tát hành Thiền Ba la mật, rồi thí cho chúng sinh vô lượng thọ mạng. Này thiện nam tử ! Đối với các thiện pháp mà chẳng buông lung thì được thọ mạng lâu dài. Khi Đại Bồ tát hành Bát nhã Ba la mật thì khuyên các chúng sinh đối với những thiện pháp chẳng sinh buông lung. Chúng sinh tu hành rồi thì do nhân duyên này mà được thọ mạng lâu dài. Vậy nên khi Bồ tát hành Bát nhã Ba la mật thì đã thí cho chúng sinh vô lượng thọ mạng. Này thiện nam tử ! Do nghĩa này nên Đại Bồ tát đối với các chúng sinh nhất định không đoạt lấy mạng họ. Này thiện nam tử ! Về câu hỏi của ông, khi giết Bà la môn thì có được Địa này không ? Này thiện nam tử ! Khi đó ta đã được nó rồi ! Do ái niệm nên ta đoạn dứt mạng căn ông ấy, chứ chẳng phải do ác tâm vậy ! Này thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con nên rất nặng tình yêu thương mà đứa con phạm phải hiến chế (pháp luật) nhà nước. Khi đó cha mẹ do sợ hãi nên hoặc đuổi đi, hoặc giết chết con. Tuy có sự đuổi đi hay giết chết nhưng không có ác tâm. Đại Bồ tát vì hộ chánh pháp cũng lại như vậy, nếu có chúng sinh bài báng Đại Thừa thì liền dùng roi đánh đập để thêm khổ mà sửa trị họ. Hoặc đoạt mạng của họ là muốn khiến cho họ đổi đời để tuân tu pháp lành. Bồ tát thường phải tác khởi suy nghĩ này : “Dùng nhân duyên gì có thể khiến cho chúng sinh phát khởi tín tâm ! Rồi theo phương tiện ấy mà cần phải làm cho họ”. Những Bà la môn, sau khi mạng chung, sinh vào địa ngục A Tỳ liền có ba ý nghĩ : Một là tự nghĩ, ta từ chỗ nào mà sinh đến đây ?

Liên tục biết từ trong nhân đạo đến. Hai là tự nghĩ, chỗ sinh của ta hôm nay là chỗ nào ? Rồi liên tục biết chính là địa ngục A Tỳ. Ba là tự nghĩ, ta theo nghiệp duyên gì mà sinh đến đây ? Rồi liên tục biết theo nhân duyên bất tín, bài báng Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng mà bị quốc chủ giết chết nên sinh đến đây. Họ nghĩ ra việc này rồi thì liên đới với Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng phát sinh lòng tin kính, tức thời mạng chung, sinh vào thế giới của đức Như Lai Cam Lộ Cổ, ở đó thọ mạng đầy đủ mười kiếp. Nay thiện nam tử ! Do nghĩa này nên vào thuở xa xưa ta mới cho người đó mười kiếp thọ mạng. Sao gọi là giết ? Nay thiện nam tử ! Có người đào đất, cắt cỏ, chặt cây, bằm vằm xác chết, mắng chửi, đánh đập... do những nghiệp duyên này có bị đọa địa ngục không ?

Ngài Ca Diếp Bồ tát bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như sự lý giải của con về ý nghĩa lời nói của đức Phật thì người đó nên đọa vào địa ngục. Vì sao vậy ? Vì thuở xưa đức Phật vì hàng Thanh Văn nói pháp rằng : “Này Tỳ kheo ! Các ông đối với những loài cỏ cây chớ sinh ra ác tâm. Vì sao vậy ? Vì tất cả chúng sinh nhân ác tâm nên đọa vào địa ngục”.

Lúc bấy giờ, đức Phật khen Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Đúng như lời nói của ông ! Ông nên khéo thọ trì! Nay thiện nam tử ! Nếu nhân ác tâm mà đọa vào địa ngục thì Bồ tát bấy giờ quả thật không có ác tâm. Vì sao vậy ? Vì Đại Bồ tát đối với tất cả chúng sinh thậm chí cả trùng, kiến.... đều phát sinh thương xót đem cho ích lợi. Sở dĩ vì sao ? Vì Bồ tát giỏi biết phương tiện nhân duyên, dùng phương tiện lực muốn khiến cho chúng sinh gieo trồng các thiện căn. Nay thiện nam tử ! Do nghĩa này nên ta vào lúc bấy giờ, dùng phương tiện khéo léo, tuy đoạt lấy mạng của Bà la môn ấy mà chẳng phải ác tâm. Nay thiện nam tử ! Pháp của Bà la môn, nếu giết loài kiến dựng đầy mười xe thì không có tội báo. Muỗi, bọ chét, chấy, rận, mèo, chồn, sư tử, cọp, sói, gấu... những loài trùng ác, thú ác và những thứ còn lại có thể làm hại chúng sinh thì có giết đầy xe, quỷ thần, la sát, Câu bàn trà, Ca la Phú đơn na, điên cuồng, khô cạn, các quỷ thần.v.v... có thể vì chúng sinh tạo tác sự nhiễu hại, cho dù có đoạt mất mạng họ thì đều không có tội báo. Nếu giết người ác thì có tội báo. Giết người rồi chẳng hối hận thì đọa vào loài ngã quỷ. Nếu có thể sám hối, ba ngày nhịn ăn thì tội ấy tiêu diệt, không có còn sót lại. Nếu giết Hòa Thượng, hại cha mẹ mình, nữ nhân và trâu thì vô số ngàn năm ở trong địa ngục. Nay thiện nam tử ! Phật và Bồ tát biết rằng, giết có ba là hạ, trung, thượng. Hạ sát

là giết từ con kiến cho đến tất cả loài súc sinh, chỉ trừ Bồ tát thị hiện sinh ra. Đây thiện nam tử! Đại Bồ tát do nhân duyên thế nguyện thị hiện thọ thân súc sinh. Đó gọi là hạ sát. Do nhân duyên hạ sát nên đọa vào địa ngục, súc sinh, ngã qui chịu đủ hạ khổ. Vì sao vậy? Vì các chúng sinh có thiện căn nhỏ nhoi. Vậy nên kẻ giết chịu đủ tội báo. Đó gọi là hạ sát. Trung sát là giết từ người phạm phu cho đến A Na Hàm. Đó gọi là trung sát. Do nhân duyên nghiệp này nên đọa vào địa ngục, súc sinh, ngã qui chịu đủ trung khổ. Đó gọi là trung sát. Thượng sát là giết từ cha mẹ cho đến A La Hán, Bích Chi Phật, Tất định Bồ tát. Đó gọi Thượng. Do nhân duyên nghiệp này nên đọa vào trong đại địa ngục A Tỳ, chịu đủ thượng khổ. Đó gọi là thượng sát. Đây thiện nam tử! Nếu có người có thể giết Nhất xiển đề thì chẳng đọa vào trong ba thứ giết này. Đây thiện nam tử! Những Bà la môn đó.v.v.. tất cả đều là Nhất xiển đề vậy. Ví như đào đất, cắt cỏ, chặt cây, bằm vằm xác chết, mắng chửi, đánh đập... không có tội báo. Giết Nhất xiển đề cũng lại như vậy, không có tội báo. Vì sao vậy? Vì các Bà la môn thậm chí không có niềm tin ngang bằng năm pháp. Vậy nên tuy giết nhưng chẳng đọa địa ngục.

Đây thiện nam tử! Lời nói trước đây của ông, vì sao đức Như Lai mắng Đề Bà Đạt Đa là người ngu si ăn nước dãi nhỏ ra, ông cũng chẳng nên hỏi câu hỏi như vậy. Vì sao vậy? Vì các đức Phật Thế Tôn, phạm lời nói ra của các ngài chẳng thể nghĩ bàn. Đây thiện nam tử! Hoặc có lời nói chân thật vì sự yêu thương thế gian mà chẳng phải lúc, chẳng phải pháp, chẳng vì lợi ích thì lời nói như vậy ta nhất định chẳng nói. Đây thiện nam tử! Hoặc lại có lời nói thô ác hư vọng, chẳng phải lúc, chẳng phải pháp mà người nghe chẳng yêu thích, chẳng thể lợi ích thì ta cũng chẳng nói. Đây thiện nam tử! Nếu có lời nói tuy thô ác nhưng chân thật, chẳng hư vọng, đúng lúc, đúng pháp, có thể làm cho tất cả chúng sinh lợi ích, người nghe tuy chẳng vui lòng nhưng ta cần phải nói. Vì sao vậy? Vì các đức Phật Thế Tôn Ứng Cúng Chánh Biến Tri biết phương tiện vậy. Đây thiện nam tử! Như ta một thuở, du hành ở vùng khoáng dã, tụ lạc, rừng rậm kia, tại dưới khu rừng ấy, có một quỷ thần tên là Khoáng Dã thuận ăn máu thịt, giết hại nhiều chúng sinh. Nó lại ở tại tụ lạc ấy mỗi ngày ăn thịt một người. Đây thiện nam tử! Vào lúc đó, ta vì quỷ thần kia rộng nói pháp yếu, nhưng quỷ bạo ác ngu si vô trí đó chẳng thính thọ giáo pháp. Ta liền hóa thân làm quỷ đại lực lay động cung điện của con quỷ ấy khiến cho chỗ ở chẳng yên. Con quỷ đó liền đem quyền thuộc của nó ra khỏi cung điện, muốn đến chống trả lại. Quỷ thấy ta tức thời mất hồn, sợ hãi ngã lăn ra đất mê man, đoạ tuyệt giống như người chết. Ta dùng tay từ mẫn xoa lên thân quỷ ấy thì quỷ liền đứng lên trở lại mà nói như vậy: “Khoái thay! Hôm nay ta trở lại được thân mạng! Vị Đại Thần Vương này có uy đức lớn, có lòng từ mẫn xá bỏ tội lỗi của ta”. Quỷ ấy

liền đối với ta đã phát sinh lòng tin thiện. Ta liền trở lại thân Như Lai, rồi vì quỷ ấy nói đủ thứ pháp yếu khiến cho quỷ thần đó thọ giới bất sát (chẳng sát sinh). Vào ngày đó, trong thôn Khoáng Dã liền có một ông trưởng giả theo thứ tự nên phải chết, người trong thôn đã đưa đến giao cho quỷ thần đó. Quỷ thần được rồi liền đem cho ta. Ta đã nhận rồi liền vì ông trưởng giả đổi lập tự danh tên là Thủ trưởng giả. Lúc bấy giờ, quỷ kia liền bạch với ta rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Con và quyến thuộc chỉ trông chờ vào máu thịt để tự sống còn, nay đã thọ giới thì nên phải sống ra sao ?” Ta liền đáp rằng : “Từ nay ta sẽ bảo đệ tử Thanh Văn, theo chỗ tu hành Phật pháp, đều sẽ khiến cho họ cho ông ăn uống”. Này thiện nam tử ! Do nhân duyên này nên ta vì các Tỳ kheo chế giới như vậy : “Các ông từ nay luôn phải cho quỷ Khoáng Dã đó ăn ! Nếu có trú xứ nào chẳng thể bố thí thì phải biết, bọn này chẳng phải là đệ tử của ta mà là đồ đảng quyến thuộc của thiên ma”. Này thiện nam tử ! Như Lai vì muốn điều phục chúng sinh nên thị hiện đủ thứ phương tiện như vậy, chẳng phải là cố làm cho quỷ đó sinh ra kinh sợ vậy. Này thiện nam tử ! Ta cũng dùng cây đánh quỷ hộ pháp. Lại vào một thuở, tại trên một ngọn núi ta đã xô quỷ đầu dê rơi xuống núi. Lại ở trên ngọn cây ta đánh ngã quỷ Hộ Di Hâu. Ta khiến cho voi Hộ tài thấy năm con sư tử, sai thần Kim Cương khùng bố Tát Già Ni Kiền, cũng dùng kim đâm vào thân của quỷ Tiểu Mao... Ta tuy làm như vậy nhưng cũng chẳng khiến cho những quỷ thần đó.v.v.. bị diệt mất. Ta ngay thẳng muốn khiến cho những quỷ đó an trụ ở Chánh pháp nên thị hiện đủ thứ phương tiện như vậy thôi. Này thiện nam tử ! Vào lúc bấy giờ, ta thật sự chẳng nhục mạ Đề Bà Đạt Đa mà Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng ngu si ăn nước dãi của người, cũng chẳng sinh ở trong đường ác, địa ngục A Tỳ, chịu tội một kiếp, cũng chẳng hủy hoại Tăng, làm chảy máu thân Phật, cũng chẳng vi phạm bốn tội nặng, bài báng chính pháp, kinh điển Đại Thừa, chẳng phải Nhất xiển đề, cũng chẳng phải là Thanh Văn, Bích Chi Phật vậy. Này thiện nam tử ! Việc ông Đề Bà Đạt Đa quả thật chẳng phải là cảnh giới của Thanh Văn. Duyên Giác mà chỉ là sự thấy biết của chư Phật. Này thiện nam tử ! Vậy nên ông nay chẳng nên nạn vấn, vì nhân duyên gì đức Như Lai quả trách, nhục mạ Đề Bà Đạt Đa. Đối với cảnh giới sở hữu của chư Phật, ông chẳng nên sinh ra lưới nghi ngờ như vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Ví như mía ngọt, lần lửa chung nấu được đủ thứ vị. Con cũng như vậy, theo đức Phật lần lửa nghe được nhiều vị pháp, như là vị xuất gia, vị ly dục, vị tịch diệt, vị đạo... Thưa đức Thế Tôn ! Ví như vàng ròng lẫn lửa đốt đập, nấu tan ra nước, luyện trị thì trở nên sáng sạch, điều hòa, mềm mại, quang sắc vi diệu, giá trị vàng ấy khó lường. Rồi nhiên

hậu nó mới của báu quý trọng của người, trời. Thừa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai cũng vậy, có trình trọng hỏi han thì mới được nghe thấy ý nghĩa thâm thâm, khiến cho hành giả thọ trì phụng tu sâu sắc, khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Rồi nhiên hậu họ mới được sự tôn trọng, cung kính, cúng dường.

Lúc bấy giờ, đức Phật khen Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Đại Bồ tát vì muốn lợi ích cho các chúng sinh nên hỏi han Như Lai về nghĩa sâu như vậy ! Này thiện nam tử ! Do nghĩa này nên ta theo ý ông nói về pháp Đại Thừa Phương Đẳng thậm thâm bí mật là “Cực ái như nhất tử địa”.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Nếu các Bồ tát tu Từ Bi Hỷ được Nhất tử địa thì khi tu tâm Xả lại được Địa gì ?

Đức Phật đáp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Ông khéo biết thời cơ, biết ta sắp nói thì ông hỏi đến ! Khi Đại Bồ tát tu tâm Xả thì được trụ ở Không Bình Đẳng địa như ông Tu Bồ Đề. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ ở Không Bình Đẳng địa thì chẳng thấy có cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, thân tộc, bạn bè, kẻ oán người thân... cho đến chẳng thấy âm, giới, các nhập, chúng sinh, thọ mạng... Này thiện nam tử ! Ví như hư không không có cha mẹ, anh em, vợ con... cho đến không có chúng sinh, thọ mạng. Tất cả các pháp cũng lại như vậy, không có cha mẹ... cho đến thọ mạng. Đại Bồ tát thấy tất cả pháp cũng lại như vậy. Tâm Bồ tát ấy bình đẳng như Hư Không kia. Vì sao vậy ? Vì Bồ tát khéo có thể tu tập các pháp không vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Sao gọi là Không ?

- Này thiện nam tử ! Không là cái gọi là Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Hữu vi không, Vô vi không, Vô thi không, Tính không, Vô sở hữu không, Đệ nhất nghĩa không, Không không, Đại không. Sao gọi là Đại Bồ tát quán đến Nội không ? Đại Bồ tát này quan sát Nội pháp không. Nội pháp không này là không cha mẹ, người oán, kẻ thân, chúng sinh, thọ

mạng, Thường Lạc Ngã Tịnh, Như Lai, Pháp, Tăng, tài vật sở hữu. Trong nội pháp này, tuy có Phật tính mà Phật tính đó chẳng phải nội, chẳng phải ngoại. Sở dĩ vì sao ? Vì Phật tính thường trụ, chẳng biến dị vậy. Đó gọi là Đại Bồ tát quán đến Nội không. Ngoại không thì cũng lại như vậy, không có nội pháp. Nội ngoại không thì cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Chỉ có Như Lai, Pháp, Tăng, Phật tính là chẳng ở tại hai không. Vì sao vậy ? Vì như vậy là bốn pháp Thường Lạc Ngã Tịnh. Vậy nên bốn pháp chẳng gọi là không. Đó gọi là Nội, Ngoại đều không. Đây thiện nam tử ! Hữu vi không là pháp hữu vi đều là không. Đó là Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Thường Lạc Ngã Tịnh không, chúng sinh, thọ mạng, Như Lai, Pháp, Tăng, Đệ nhất nghĩa không, trong đó Phật tính chẳng phải là pháp hữu vi. Vậy nên Phật tính chẳng phải là Hữu vi pháp không. Đó gọi là Hữu vi không. Đây thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát quán Vô vi không ? Pháp Vô vi này đều là không. Như không vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, âm, giới, nhập, chúng sinh, thọ mạng, tướng, hữu vi, hữu lậu, nội pháp, ngoại pháp. Trong pháp Vô vi, Phật ngang bằng bốn pháp, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, tính là thiện nên chẳng phải vô vi, tính thường trụ nên chẳng phải hữu vi. Đó gọi là Bồ tát quán Vô vi không. Sao gọi là Đại Bồ tát quán Vô thị không ? Đại Bồ tát này thấy sinh tử Vô thị (không có bắt đầu), đều là không tịch. Cái gọi không là Thường Lạc Ngã Tịnh đều không tịch không có biến dị, chúng sinh, thọ mạng, Tam bảo, Phật tính và pháp Vô vi. Đó gọi là Bồ tát quán Vô thị không. Sao gọi là Bồ tát quán đến Tính không ? Đại Bồ tát này quan sát bản tính của tất cả pháp đều không. Những cái gọi là âm, giới, nhập, thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã... Bồ tát quan sát tất cả các pháp như vậy mà chẳng thấy bản tính thì đó gọi là Đại Bồ tát quán đến Tính không. Sao gọi là Đại Bồ tát quán Vô sở hữu không ? Như người không con nói rằng nhà cửa trống không. Quan sát rốt ráo là không có thân ái. Người ngu si nói rằng, các phương trống không. Người nghèo cùng nói rằng, tất cả rỗng không. Việc kể như vậy thì hoặc không hoặc chẳng phải không. Khi Bồ tát quan sát như người bần cùng, tất cả đều không thì đó gọi là Đại Bồ tát quán Vô sở hữu không. Sao gọi là Đại Bồ tát quán Đệ nhất nghĩa không ? Đây thiện nam tử ! Khi Đại Bồ tát quan sát Đệ nhất nghĩa thì thấy mắt này khi sinh không có chỗ từ đó lại và khi nó diệt thì ra đi không chỗ đến, xưa không nay có, đã có rồi lại không, tìm kiếm thật tính ấy thì không mắt, không chủ. Như mắt, tất cả các pháp cũng lại như vậy. Sao gọi là Đệ nhất nghĩa không ? Có nghiệp có báo mà chẳng thấy tác giả, không pháp như vậy gọi là Đệ nhất nghĩa không. Đó gọi là Đại Bồ tát quán Đệ nhất nghĩa không. Sao gọi là Đại Bồ tát quán đến Không không ? Trong Không không này mới là chỗ mê đắm của Thanh Văn, Bích Chi Phật. Đây thiện nam tử ! Có này, không có này thì đó gọi là Không không. Đúng này, chẳng phải đúng này thì

đó gọi là Không không. Đây thiện nam tử ! Bồ tát Thập Trụ còn ở trong đó thông đạt phần ít giống như hạt bụi nhỏ, huống gì là những người còn lại. Đây thiện nam tử ! Như vậy Không không cũng chẳng đồng với tam muội Không không sở đắc của Thanh Văn. Đó gọi là Bồ tát quán đến Không không. Đây thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát quán đến Đại không ? Đây thiện nam tử ! Nói Đại không thì nghĩa là Bát Nhã Ba la mật. Đó gọi là Đại không. Đây thiện nam tử ! Đại Bồ tát được không môn như vậy thì được trụ ở Hư Không Đẳng địa. Đây thiện nam tử ! Ta nay ở trong đại chúng này khi nói những nghĩa không như vậy thì có mười hằng hà sa số Đại Bồ tát liền được trụ ở Hư Không Đẳng địa. Đây thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ ở Địa đó rồi thì không có lòng trệ ngại, trói buộc, câu chấp, không còn mê muội đối với tất cả pháp. Do nghĩa này nên gọi là Hư Không Đẳng địa. Đây thiện nam tử ! Ví như hư không đối với màu sắc đáng yêu chẳng sinh tham trước, ở trong màu sắc chẳng yêu thích chẳng sinh sân nhuế. Đại Bồ tát trụ trong Địa này cũng lại như vậy, đối với sắc đẹp, xấu không phát sinh tham trước, sân nhuế. Đây thiện nam tử ! Ví như hư không rộng lớn không gì đối lại đều có thể dung chứa tất cả các pháp. Bồ tát Ma ha tát trụ trong Địa này cũng lại như vậy, rộng lớn không gì đối lại đều có thể dung chứa tất cả các pháp. Do nghĩa này nên lại được gọi là Hư Không Đẳng địa vậy.

Đây thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ trong Địa này, đối với tất cả pháp cũng thấy, cũng biết. Hoặc hành, hoặc duyên, hoặc tính, hoặc tướng, hoặc nhân, hoặc duyên, hoặc tâm chúng sinh, hoặc căn, hoặc thiên định, hoặc Thừa, hoặc thiện tri thức, hoặc tri cấm giới, hoặc sở thí.v.v... những pháp như vậy, Bồ tát tất cả đều thấy biết. Lại nữa, đây thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ trong Địa này, biết mà chẳng thấy. Sao gọi là biết ? Biết pháp tự nhiên đói, gieo xuống vực sâu, nhảy vào lửa đỏ, tự rơi xuống từ núi cao, thường kiếng một chân (co lên một chân), nằm lửa nung thân, thường nằm trên tro đất, gai nhọn, cành bèn (đàn cành cây lại với nhau), lá cây, cỏ xấu, phân bò, áo mặc là áo vải thô đồ bỏ ở nghĩa trang rách rưới bần thiếu, áo vải Khâm bà la, áo quần bằng rơm cỏ, da hươu nai, ăn rau, ăn trái, củ rễ, cặn dầu, phân trâu, rễ cây, trái cây... Nếu đi xin ăn thì giới hạn một nhà. Người chủ nhà nếu nói rằng, không thì liền bỏ đi. Giả sử người chủ đó gọi lại thì nhất định chẳng quay trở lại, chẳng ăn thịt muối, năm thứ vị của sữa trâu, đồ uống thường là nước trấu, nước sôi, thọ trì giới của trâu, giới của chó gà trĩ, lấy tro bôi thân thể, để tóc dài làm hình tướng, dùng dê khi tế cúng, trước chú nguyện, sau giết thịt, bốn tháng thờ lửa, bảy ngày đón gió, trăm ngàn ức hoa cúng dường chư Thiên... Những nguyện sở dục nhân vào những việc này mà thành tựu. Những pháp như vậy mà có thể là nhân của giải thoát vô thượng thì điều này không có được. Đó gọi là Tri. Sao gọi là chẳng thấy ? Đại Bồ tát

chẳng thấy một người tu hành pháp như vậy mà được giải thoát thì đó gọi là chẳng thấy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát cũng thấy, cũng biết. Những gì là thấy ? Thấy các chúng sinh làm những tà pháp này nhất định rơi vào địa ngục thì đó gọi là thấy. Sao gọi là biết ? Biết những chúng sinh từ địa ngục sinh ra ở trong loài người, nếu có thể tu hành Đản Ba la mật... đầy đủ những Ba la mật. Người đó nhất định được vào Chánh giải thoát. Đó gọi là biết. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại có cũng thấy, cũng biết. Sao gọi là thấy ? Thấy thường - vô thường, Khổ - lạc, tịnh - bất tịnh, ngã - vô ngã thì đó gọi là thấy. Sao gọi là biết ? Biết các đức Như Lai nhất định chẳng rớt ráo vào với Niết Bàn. Biết thân Như Lai là Kim Cương chẳng hoại, chẳng phải là thân do phiến não thành tựu, lại chẳng phải là thân xú uế hủ bại. Bồ tát cũng lại có thể biết tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Đó gọi là biết. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại có cũng biết, cũng thấy. Sao gọi là biết ? Biết chúng sinh này thành tựu tín tâm, biết chúng sinh này cầu Đại Thừa, người này thuận dòng, người này nghịch dòng, người này chánh trụ. Bồ tát biết chúng sinh này đã đến bờ kia, người thuận dòng gọi là người phạm phu, người nghịch dòng là từ bậc Tu Đà Hoàn... cho đến Duyên Giác, người Chánh trụ gọi là Bồ tát.v.v., người đến bờ kia tức là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đó gọi là biết. Sao gọi là thấy ? Đại Bồ tát trụ ở Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn tu tâm Phạm hạnh, dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy các chúng sinh tạo ba nghiệp thân, miệng, ý chẳng lành nên rơi vào địa ngục, súc sinh, ngã quỉ, thấy những chúng sinh tu thiện nghiệp thì mạng chung sẽ nhất định sinh lên trời hay trong loài người, thấy có các chúng sinh từ tối vào tối, có các chúng sinh từ tối vào sáng, có các chúng sinh từ sáng vào tối, có các chúng sinh từ sáng vào sáng. Đó gọi là thấy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát lại có cũng biết, cũng thấy. Đại Bồ tát biết các chúng sinh tu thân tu giới, tu tâm, tu huệ; biết người này đời nay thành tựu nghiệp ác, hoặc nhân tham dục, sân nhuế, ngu si, nghiệp đó nhất định ứng với địa ngục thọ báo; biết người này ngay thẳng do tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên đời hiện tại thọ báo nhẹ nhàng, chẳng rơi vào địa ngục. Sao gọi là Nghiệp có thể được hiện báo ? Sám hối phát lộ những việc ác sở hữu. Sau khi đã sám hối rồi lại chẳng dám làm, thành tựu đức tâm quý, cúng dường Tam Bảo, luôn tự quở trách. Do nhân duyên nghiệp thiện này, người đó chẳng rơi vào địa ngục mà ở đời hiện tại thọ quả báo như là đau đầu, đau mắt, đau bụng, đau lưng, chết bất đắc kỳ tử, bị quở trách, mạ nhục, đánh đập, giam cầm đói khát, khốn khổ... Thọ những quả báo nhẹ ở đời hiện tại như vậy thì gọi là Biết. Sao gọi là thấy ? Đại Bồ tát thấy người như vậy chẳng thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ mà tạo chút ít nghiệp ác thì nhân duyên nghiệp này nên thọ báo hiện tại. Người này ít ác, chẳng thể sám hối, chẳng tự quở trách, chẳng sinh tâm quý, không có sợ sệt. Nghiệp này nếu lớn thêm

thì thọ quả báo địa ngục. Đó gọi là thấy. Lại có biết mà chẳng thấy. Sao gọi là biết mà chẳng thấy ? Biết các chúng sinh đều có Phật tính, vì bị sự che phủ của các phiền não nên chẳng thể được thấy. Đó gọi là biết mà chẳng thấy. Lại có biết mà ít thấy. Đại Bồ tát Thập Trụ.v.v... biết các chúng sinh đều có Phật tính nhưng thấy chẳng sáng tỏ giống việc nhìn thấy trong đêm tối chẳng rõ ràng. Lại nữa, có cũng thấy, cũng biết. Như là các đức Phật Như Lai cũng thấy, cũng biết, chẳng thấy, chẳng biết. Cũng thấy, cũng biết là gọi văn tự, ngôn ngữ, nam nữ, xe cộ, bình chầu, nhà cửa, thành ấp, quần áo, ăn uống, núi sông, vườn rừng, chúng sinh, thọ mạng... của thế gian. Đó gọi là cũng biết cũng thấy. Sao gọi là chẳng thấy chẳng biết ? Lời nói vi mật sẵn có của Thánh nhân, không có trai gái... cho đến vườn rừng. Đó gọi là chẳng thấy chẳng biết. Lại có biết mà chẳng thấy. Biết cái ban cho, biết chỗ cung cấp, biết kẻ thọ nhận, biết nhân quả báo ứng thì đó gọi là biết. Sao gọi là chẳng thấy ? Chẳng thấy cái cho, chỗ cung cấp, người thọ nhận và cả quả báo thì đó gọi là chẳng thấy. Biết của Đại Bồ tát có tám thứ tức là sự rõ biết của năm mắt Như Lai.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đại Bồ tát như vậy có thể biết được những lợi gì ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát như vậy có thể iết được bốn vô ngại là pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ (lời) vô ngại, lạc thuyết vô ngại. Pháp vô ngại là biết tất cả pháp và tên gọi của pháp. Nghĩa vô ngại là biết những nghĩa sở hữu của tất cả pháp, có thể tùy theo sự lập tên gọi của các pháp mà tạo tác nghĩa. Từ vô ngại là tùy theo tự (chữ) luận, chính âm luận, siển đà luận, thế biện luận. Lạc thuyết vô ngại là gọi Đại Bồ tát phàm có sự diễn nói thì không có chướng ngại, chẳng thể động chuyển, không sự kinh sợ, khó có thể tiêu diệt hàng phục. Này thiện nam tử ! Đó gọi là Bồ tát có thể như vậy thấy biết liền được bốn vô ngại trí như vậy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Pháp vô ngại là Đại Bồ tát biết khắp cùng pháp của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát và chư Phật. Nghĩa vô ngại là thừa tuy có ba nhưng biết chúng qui về một, nhất định chẳng cho là có tướng sai khác. Từ vô ngại là Đại Bồ tát ở trong một pháp tạo tác đủ thứ tên, trải qua vô lượng kiếp, nói chẳng thể cùng tận. Thanh Văn, Duyên Giác mà có thể tạo tác sự nói năng này thì không có điều đó. Lạc thuyết vô ngại là Đại Bồ tát ở vô lượng kiếp, vì các chúng sinh diễn nói các pháp mà hoặc tên gọi, hoặc ý nghĩa, đủ thứ sai khác, nói chẳng

thể cùng tận. Lại nữa, này thiện nam tử ! Pháp vô ngại là Đại Bồ tát tuy biết các pháp mà chẳng thủ trước. Nghĩa vô ngại là Đại Bồ tát tuy biết các nghĩa mà chẳng thủ trước. Tư vô ngại là Đại Bồ tát tuy biết tên gọi mà cũng chẳng thủ trước. Lạc thuyết vô ngại là Đại Bồ tát tuy biết lạc thuyết tối thượng như vậy mà cũng chẳng thủ trước. Vì sao vậy ? Này thiện nam tử ! Vì nếu thủ trước thì chẳng gọi là Bồ tát.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu chẳng thủ trước thì chẳng biết pháp. Nếu biết pháp thì tức là thủ trước. Nếu biết pháp mà chẳng thủ trước thì không có cái để biết làm sao đức Như Lai nói rằng, biết pháp mà chẳng thủ trước.

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Phạm đã thủ trước thì chẳng gọi là Vô ngại. Không có sự thủ trước mới gọi là vô ngại. Này thiện nam tử ! Vậy nên tất cả các Bồ tát.v.v... có thủ trước thì không có vô ngại mà nếu không có vô ngại thì chẳng gọi là Bồ tát, phải biết rằng, người này gọi là Phạm phu. Vì sao thủ trước gọi là Phạm phu ? Vì tất cả phạm phu thủ trước đối với sắc... cho đến thủ trước đối với thức. Do thủ trước sắc nên sinh ra lòng tham mà sinh lòng tham nên bị sắc trói buộc... cho đến bị sự trói buộc của thức. Do bị trói buộc nên chẳng được khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, tất cả phiền não đại khổ. Vậy nên thủ trước gọi là phạm phu. Do nghĩa này nên tất cả phạm phu không có bốn vô ngại. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát đã ở trong vô lượng atăngki kiếp, thấy biết pháp tướng. Do thấy biết nên biết được nghĩa của những pháp ấy. Do thấy pháp tướng và biết cả nghĩa nên ở trong sắc mà chẳng sinh chấp trước ràng buộc... cho đến ở trong thức cũng lại như vậy. Do chẳng thủ trước nên Bồ tát đối với sắc chẳng sinh lòng tham... cho đến ở trong thức cũng chẳng sinh tham. Do không tham nên chẳng bị sự trói buộc của sắc... cho đến chẳng bị sự trói buộc của Thức. Do chẳng bị trói buộc nên được thoát khỏi ưu bi của sinh già bệnh chết và tất cả phiền não đại khổ. Do nghĩa này nên tất cả Bồ tát được bốn vô ngại. Này thiện nam tử ! Do nhân duyên này nên ta vì đệ tử, trong mười hai bộ Kinh, nói rằng buộc chấp trước thì gọi là sự trói buộc của ma. Nếu chẳng thủ trước thì thoát khỏi sự ràng buộc của ma. Ví như người thế gian có tội bị sự trói buộc của vua, người không tội thì vua chẳng thể trói buộc. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, có sự trói buộc thủ trước thì bị sự trói buộc của ma, không có sự trói buộc thủ trước thì ma chẳng thể ràng buộc. Do nghĩa này nên Đại Bồ tát không sở trước.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Pháp vô ngại là Đại Bồ tát khéo biết thủ trì mà chẳng quên mất. Cái để thủ trì đó là như đất, như núi, như mắt, như mây, như người, như mẹ... tất cả các pháp cũng lại như vậy. Nghĩa vô ngại là Bồ tát tuy biết tên gọi các pháp mà chẳng biết nghĩa. Bồ tát được nghĩa vô ngại thì biết nghĩa của những pháp ấy. Sao gọi là biết nghĩa ? Gọi đất giữ gìn là như đất giữ gìn khắp tất cả chúng sinh và chẳng phải chúng sinh. Do nghĩa này nên gọi là Địa trì (đất giữ gìn). Này thiện nam tử ! Gọi sơn trì (núi giữ gìn) là Đại Bồ tát khởi lên suy nghĩ rằng : “Vì sao gọi là núi mà giữ gìn vậy ? Núi có thể giữ gìn đất khiến cho không khuynh động. Vậy nên gọi là Trì. Vì sao lại gọi mắt là trì vậy ? Mắt có thể giữ ánh sáng nên gọi là trì. Vì sao lại gọi Vân là trì vậy ? Mây gọi là hơi rỗng (long khí), hơi rỗng giữ nước nên gọi là Vân trì. Vì sao lại gọi Nhân là trì vậy ? Vì người có thể giữ gìn pháp và cả phi pháp nên gọi là Nhân trì. Vì sao lại gọi Mẫu là trì vậy ? Vì mẹ có thể giữ gìn con nên gọi là Mẫu trì. Đại Bồ tát biết tên gọi câu nghĩa của tất cả pháp cũng lại như vậy. Từ vô ngại là Đại Bồ tát dùng đủ thứ lời để diễn nói một nghĩa, cũng không có nghĩa, giống như tên gọi trai, gái, nhà cửa, xe cộ, chúng sinh.v.v... vì sao vô nghĩa ? Này thiện nam tử ! Phạm là nghĩa thì mới là cảnh giới của các đức Phật, Bồ tát. Từ là cảnh giới của phạm phu. Do biết nghĩa nên được từ vô ngại. Lạc thuyết vô ngại là Đại Bồ tát biết từ, biết nghĩa nên ở trong vô lượng atăng kỳ kiếp, nói từ nói nghĩa mà chẳng thể cùng tận. Đó gọi là Lạc thuyết vô ngại. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong vô lượng atăng kỳ kiếp đã tu hành Thế Đế. Do đã tu hành nên biết pháp Vô ngại. Bồ tát lại ở vô lượng atăng kỳ kiếp tu Đệ nhất nghĩa để nên được nghĩa vô ngại, cũng ở vô lượng atăng kỳ kiếp tập Tỳ Đà La Na luận nên được từ vô ngại, cũng ở vô lượng atăng kỳ kiếp tu tập nói thế đế luận nên được Lạc thuyết vô ngại. Này thiện nam tử ! Thanh Văn, Duyên Giác nếu có được bốn vô ngại này thì không có điều đó. Này thiện nam tử ! Trong chín bộ Kinh ta nói, người Thanh Văn, Duyên Giác có bốn vô ngại, nhưng hàng Thanh Văn, Duyên Giác chân thật không có. Vì sao vậy ? Vì Đại Bồ tát vì độ chúng sinh nên tu bốn trí vô ngại như vậy. Người Duyên Giác tu pháp Tịch diệt , chỉ ưa chỗ một mình. Nếu giáo hóa chúng sinh thì chỉ hiện thân thông, trọn ngày lặng thinh, không tuyên thuyết điều gì cả thì sao phải có bốn trí vô ngại ? Vì sao lặng thinh mà không nói điều gì ? Vì Duyên Giác chẳng thể nói pháp độ người, khiến cho họ được pháp noãn, pháp đỉnh, pháp nhãn, pháp thế đệ nhất, Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích Chi Phật, Đại Bồ tát và chẳng thể khiến cho người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao vậy ? Này thiện nam tử ! Duyên Giác ra đời, thế gian không có chín bộ Kinh điển. Vậy nên Duyên Giác không có từ vô ngại và lạc thuyết vô ngại. Này thiện nam tử ! Người Duyên Giác tuy biết các pháp nhưng không có pháp vô ngại. Vì sao vậy ? Vì pháp vô ngại thì gọi

là biết chữ (tri tự). Người Duyên Giác tuy biết văn tự nhưng không có Tự Vô ngại. Vì sao vậy ? Vì họ chẳng biết hai chữ Thường trụ. Vậy nên Duyên Giác chẳng được Pháp vô ngại. Người Duyên Giác tuy biết được nghĩa nhưng không có nghĩa vô ngại. Chân thật biết nghĩa là biết các chúng sinh đều có Phật tính. Nghĩa của Phật tính thì gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này nên người Duyên Giác chẳng được nghĩa vô ngại. Vậy nên Duyên Giác, tất cả không có bốn trí vô ngại. Sao gọi là Thanh Văn không bốn vô ngại ? Người Thanh Văn không có ba thứ phương tiện khéo léo. Những gì là ba ? Một là nhất định cần lời dụ dàng, nhiên hậu thọ pháp. Hai là nhất định cần lời thô tháo, nhiên hậu thọ hóa. Ba là chẳng dụ dàng, chẳng thô tháo, nhiên hậu thọ hóa. Người Thanh Văn không có ba thứ này nên không bốn vô ngại. Lại nữa, Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể rốt ráo biết từ, biết nghĩa, không trí tự tại biết được cảnh giới, không có mười lực, bốn vô sở úy, chẳng thể rốt ráo qua được dòng sông lớn mười hai nhân duyên, chẳng thể giới biết các căn lợi, độn sai khác của chúng sinh, chưa thể đoạn trừ vĩnh viễn lòng nghi hoặc hai đế (?) chẳng biết cảnh giới sở duyên của đủ thứ các tâm chúng sinh, chẳng thể khéo nói Đế nhất nghĩa không. Vậy nên hàng Nhị thừa không có bốn vô ngại.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu những người Thanh Văn, Duyên Giác, tất cả không có bốn vô ngại thì sao đức Thế Tôn nói rằng, Xá Lợi Phất trí tuệ đệ nhất, Đại Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất, Ma Ha Câu Hy La bốn vô ngại đệ nhất. nếu như những vị ấy không thì vì sao đức Như Lai nói như vậy ?

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen ngài Ca Diếp rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Ví như sông Hằng có vô lượng nước, nước sông lớn Tân Đầu cũng vô lượng, nước sông lớn Bác Xoa cũng vô lượng, nước sông lớn Tất (Tư) Đà cũng vô lượng, nước ao A Nậu Đạt cũng vô lượng, nước trong biển cả cũng vô lượng. Như vậy những lượng nước tuy đồng là vô lượng, nhưng nước ấy nhiều ít thật ra chẳng ngang bằng. Bốn trí vô ngại của Thanh Văn, Duyên Giác và các Bồ tát cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Nếu nói ngang bằng thì không có điều đó. Này thiện nam tử ! Ta vì phàm phu mà nói rằng, Ma Ha Câu Hy La thì bốn trí vô ngại là tối đệ nhất. Về câu hỏi của ông thì nghĩa ấy là như vậy. Này thiện nam tử ! Người Thanh Văn hoặc có được một, hoặc có được hai, còn nếu đầy đủ cả bốn thì không có điều đó.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời nói trước đây của đức Phật, trong phẩm Phạm Hạnh, Bồ tát thấy biết được bốn vô ngại. Nếu Bồ tát thấy biết thì không sở đắc, cũng không có lòng nói rằng, không sở đắc. Thừa đức Thế Tôn ! Đại Bồ tát này chân thật không sở đắc. Nếu khiến cho lòng Bồ tát có được thì chẳng phải Bồ tát mà gọi là phàm phu. Thế sao đức Như Lai nói rằng, Bồ tát mà có sở đắc ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Hay thay ! Hay thay ! Điều ta sắp muốn nói mà ông lại hỏi ! Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát thật không có sở đắc mà không sở đắc thì gọi là bốn Vô ngại. Nay thiện nam tử ! Do nghĩa này nên không sở đắc thì gọi là Vô ngại. Nếu có sở đắc thì gọi là Ngại mà có chướng ngại thì gọi là bốn điên đảo. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát không có bốn điên đảo nên được Vô ngại. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Vô sở đắc thì gọi là Tuệ. Đại Bồ tát được tuệ như vậy gọi là vô sở đắc. Có vô sở đắc gọi là vô minh. Bồ tát vĩnh viễn không có vô minh ám tối, nên gọi là vô sở đắc. Như vậy nên gọi Bồ tát là vô sở đắc. Lại nữa, nay Thiện nam tử Vô sở đắc gọi là Đại Niết Bàn. Đại Bồ tát an trụ trong Đại Niết Bàn như vậy thì chẳng thấy tính tướng của tất cả các pháp. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là hai mươi lăm Hữu mà Bồ tát đoạn trừ vĩnh viễn hai mươi lăm Hữu, được Đại Niết Bàn. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Vô sở đắc thì gọi là Đại Thừa. Đại Bồ tát chẳng trụ ở các pháp nên được Đại Thừa. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là đạo Thanh Văn, Bích Chi Phật. Bồ tát đoạn trừ vĩnh viễn đạo Nhị thừa nên được Phật đạo. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Vô sở đắc thì gọi là Kinh Phương Đẳng. Đại Bồ tát đọc tụng Kinh như vậy nên được Đại Niết Bàn. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là mười hai bộ Kinh. Việc tu hành của Bồ tát, thuần nói Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Vô sở đắc thì gọi là là Hư không. Thế gian không có vật gọi là hư không. Bồ tát được Hư không tam muội này thì không sở kiến. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là sinh tử luân (bánh xe sinh tử). Tất cả phàm phu luân hồi sinh tử nên có sở kiến. Bồ tát đoạn trừ vĩnh viễn tất cả sinh tử. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát không sở đắc thì gọi là Thường Lạc Ngã Tịnh. Đại Bồ tát thấy Phật tính nên được Thường Lạc Ngã Tịnh. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Đại Bồ tát đoạn

trừ vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh này. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam tử ! Vô sở đắc thì gọi là Đệ Nhất Nghĩa Không. Đại Bồ tát quan sát Đệ Nhất Nghĩa Không đều không sở kiến. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là ngũ kiến (năm thứ thấy). Bồ tát đoạn trừ vĩnh viễn ngũ kiến này nên được Đệ Nhất Nghĩa Không. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam tử ! Vô sở đắc thì gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi Đại Bồ tát được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì đều không sở kiến. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là Bồ Đề của Thanh Văn, Duyên Giác. Bồ tát vĩnh viễn đoạn dứt Bồ Đề của Nhị thừa. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô sở đắc. Này thiện nam tử ! Câu hỏi của ông cũng không sở đắc, lời nói của ta cũng không sở đắc. Nếu nói có sở đắc là quyền thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của ta !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Vì khi lời nói của con là Bồ tát không sở đắc thì vô lượng chúng sinh đoạn trừ tâm hữu tướng. Do việc này nên con mới dám hỏi han về nghĩa của Vô sở đắc, khiến cho vô lượng chúng sinh như vậy .v.v... lìa khỏi quyền thuộc của ma, làm đệ tử của đức Phật.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai trước ở vùng Ta La Song Thọ vì ông Thuần Đà nói kệ rằng :

Vốn có nay không

Vốn không hay có,

Pháp ba đời có

Điều này thì không.

Thưa đức Thế Tôn ! Nghĩa này thế nào ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Ta vì hóa độ các chúng sinh mà nói lời đó, cũng vì Thanh Văn, Bích Chi Phật mà nói lời đó, cũng vì Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử mà nói lời đó, chứ chẳng chính vì Thuần Đà, một người mà nói

bài kệ đó. Văn Thù Sư Lợi sắp muốn hỏi ta, ta biết ý ông ấy mà vì ông ấy nói đó. Ta đã nói rồi thì Văn Thù Sư Lợi liền được hiểu rõ.

Bồ tát Ca Diếp thưa rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như Văn Thù.v.v... há có bao nhiêu người có thể rõ nghĩa này ? Nguyện xin đức Thế Tôn lại vì đại chúng phân biệt giảng nói rộng rãi !

- Nay thiện nam tử ! Hãy lắng nghe ! Lắng nghe ! Nay ta sẽ vì ông diễn bày vấn đề đó một lần nữa. Nói rằng, vốn có là Ngũ thuở xưa vốn có vô lượng phiền não. Do phiền não nên hiện tại không có Đại Bát Niết Bàn. Nói rằng vốn không là vốn không Bát Nhã Ba la mật. Do không Bát Nhã Ba la mật nên hiện tại có đủ các phiền não kết. Nếu có Samôn, hoặc Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người... nói rằng, Như Lai quá khứ, vị lai và hiện tại có phiền não, thì không có điều đó. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nói rằng, vốn có là Ngũ thuở xưa vốn có thân cha mẹ hòa hợp. Vậy nên hiện tại không có thân pháp Kim Cương vi diệu. Nói rằng, vốn không là thân của Ngũ không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp nên hiện tại có đủ bốn trăm linh bốn bệnh. Nếu Samôn, hoặc Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người... nói rằng, Như Lai quá khứ, vị lai và hiện tại có bình khổ, thì không có điều đó. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nói rằng, vốn có là Ngũ xưa vốn vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Do vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh nên hiện tại không có Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nói rằng, vốn không là vốn chẳng thấy Phật tính. Do chẳng thấy Phật tính nên không có Thường Lạc Ngã Tịnh. Nếu có Samôn, hoặc Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người... nói rằng, Như Lai quá khứ, vị lai và hiện tại không có Thường Lạc Ngã Tịnh, thì không có điều đó. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nói rằng, vốn có là vốn có tâm phàm phu tu khổ hạnh cho là được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do việc này nên hiện tại chẳng thể phá hoại bốn ma. Nói rằng, vốn không là Ngũ vốn không có sáu Ba la mật. Do vốn không có sáu Ba la mật nên tâm tu hành khổ hạnh phàm phu, gọi là được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu có Samôn, hoặc Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người... nói rằng, Như Lai quá khứ, vị lai và hiện tại có khổ hạnh, thì không có điều đó. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nói rằng, vốn có là Ngũ xưa vốn có thân tạp thực. Do thân tạp thực nên hiện tại không có thân vô biên. Nói rằng, vốn không là vốn không có ba mươi bảy pháp trợ đạo. Do không có ba mươi bảy pháp trợ đạo nên hiện tại có đủ thân tạp thực. Nếu có Samôn, hoặc Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm,

hoặc người... nói rằng, Như Lai quá khứ, vị lai và hiện tại có thân tạp thực, thì không có điều đó. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nói rằng, vốn có là Ngã, xưa vốn có lòng thủ trước trong tất cả pháp. Do việc này nên hiện tại không có rốt ráo không định. Nói rằng, vốn không là Ngã vốn không có nghĩa thật của trung đạo. Do không có nghĩa chân thật của trung đạo nên đối với tất cả pháp có lòng thủ trước. Nếu có Samôn, hoặc Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người... nói rằng, Như Lai quá khứ, vị lai và hiện tại nói tất cả pháp là có tướng, thì không có điều đó. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nói rằng, vốn có là Ngã đầu tiên khi được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có các đệ tử Thanh Văn độn căn. Do có đệ tử Thanh Văn độn căn nên chẳng được diễn nói Nhất Thừa chân thật. Nói rằng, vốn không là vốn không có tượng vương trong người lợi căn như Bồ tát Ca Diếp.v.v... Do không có người lợi căn như Ca Diếp.v.v... nên tùy nghi dùng phương tiện khai thị ba thừa. Nếu có Samôn, hoặc Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người... nói rằng, Như Lai quá khứ, vị lai và hiện tại, rốt ráo diễn nói pháp ba thừa, thì không có điều đó. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nói rằng, vốn có là Ta vốn nói rằng, lui về sau ba tháng, ở Ta La Song Thọ, sẽ vào Niết Bàn. Vậy nên hiện tại chẳng được nói kinh điển Đại Phương Đẳng Đại Bát Niết Bàn. Nói rằng, vốn không là vốn xưa không có Đại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi.v.v... Do không có nên hiện tại nói rằng, Như Lai vô thường. Nếu có Samôn, hoặc Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người... nói rằng, Như Lai quá khứ, vị lai và hiện tại là vô thường thì không có điều đó.

Này thiện nam tử ! Như Lai khắp vì các chúng sinh nên tuy biết các pháp, nhưng nói rằng, chẳng biết, tuy thấy các pháp nhưng nói rằng, chẳng thấy, có pháp tướng mà nói rằng vô tướng, không pháp tướng nói rằng hữu tướng, thật có vô thường nói rằng có thường, thật có hữu thường nói rằng vô thường. Lạc, Ngã, Tịnh.v.v... cũng lại như vậy. Pháp ba thừa nói rằng một thừa, pháp một thừa, tùy nghi nói ba thừa, tướng lược nói rộng, tướng rộng nói lược, bốn trọng pháp nói Du Lan Già, Du Lan Già nói bốn trọng pháp, phạm nói chẳng phải phạm, chẳng phải phạm nói phạm (hủy phạm), khinh tội nói trọng, trọng tội nói khinh. Vì sao vậy ? Vì Như Lai thấy rõ ràng căn của chúng sinh. Này thiện nam tử ! Như Lai tuy nói thế nhưng nhất định không hư vọng. Vì sao vậy ? Vì lời nói hư vọng tức là tội lỗi. Như Lai đã đoạn dứt hết tất cả tội lỗi thì làm sao sẽ có lời hư vọng vậy ? Này thiện nam tử ! Như Lai tuy lời nói không hư vọng nhưng nếu biết chúng sinh nhân hư vọng mà nói được pháp lợi thì Như Lai tùy nghi phương tiện vì họ nói pháp. Này thiện nam tử ! Tất cả thế đế, nếu đối với Như Lai thì tức là Đệ nhất nghĩa đế. Vì sao vậy ? Vì các đức Phật Thế Tôn vì Đệ nhất nghĩa đế nên nói đến Thế đế, cũng khiến cho chúng sinh được Đệ nhất nghĩa đế. Nếu khiến

cho chúng sinh chẳng được Đệ nhất nghĩa đế như vậy thì các đức Phật nhất định chẳng tuyên nói Thế đế. Nay thiện nam tử ! Có lúc Như Lai diễn nói Thế đế mà các chúng sinh gọi là Phật nói Đệ nhất nghĩa đế. Có lúc diễn nói Đệ nhất nghĩa đế mà các chúng sinh gọi là Phật diễn nói Thế đế. Đó là cảnh giới thâm thâm của các đức Phật, chẳng phải là sự hiểu biết của hàng Thanh Văn, Duyên Giác. Nay thiện nam tử ! Vậy nên ông trước chẳng nên nạn vấn, Đại Bồ tát vô sở đắc vậy. Bồ tát thường được Đệ nhất nghĩa đế thì sao nạn vấn là không sở đắc vậy ?

Ngài Ca Diếp lại nói rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là Đạo, cũng gọi là Bồ Đề, cũng gọi là Niết Bàn. Nếu có Bồ tát nói rằng, có được Đạo, Bồ Đề, Niết Bàn thì tức là vô thường. Vì sao vậy ? Vì Pháp, nếu thường thì không thể được, giống như hư không thì ai có được nào ? Thưa đức Thế Tôn ! Như vật của thế gian vốn không mà nay có nên gọi là vô thường. Đạo cũng như vậy, Đạo nếu được thì gọi là vô thường. Pháp, nếu Thường thì không được, không sinh, giống như Phật tính không được, không sinh. Thưa đức Thế Tôn ! Phạm là Đạo thì chẳng phải sắc, chẳng phải chẳng sắc, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải sinh, chẳng phải diệt, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải có, chẳng phải không... thì sao đức Như Lai nói rằng có thể được Bồ Đề, Niết Bàn cũng lại như vậy.

Đức Phật dạy rằng :

- Đúng vậy ! Đúng vậy ! Nay thiện nam tử ! Đạo có hai thứ, một là Thường, hai là Vô thường. Tướng Bồ Đề cũng có hai thứ, một là Thường, hai là Vô thường. Niết Bàn cũng vậy. Đạo của ngoại đạo thì gọi là vô thường. Đạo của nội đạo thì gọi là thường. Bồ Đề sở hữu của Thanh Văn, Duyên Giác thì gọi là vô thường. Bồ Đề sở hữu của các đức Phật, Bồ tát thì gọi là thường. Giải thoát bên ngoài thì gọi là vô thường. Giải thoát bên trong thì gọi đó là thường. Nay thiện nam tử ! Đạo cùng Bồ Đề và cả Niết Bàn đều gọi là thường. Tất cả chúng sinh thường bị sự che phủ của vô lượng phiền não, không có tuệ nhãn nên chẳng thể được thấy. Nhưng mà các chúng sinh vì muốn thấy nên tu Giới, Định, Tuệ. Do tu hành nên họ thấy Đạo, Bồ Đề và cả Niết Bàn. Đó gọi là Bồ tát được Đạo, Bồ Đề và Niết Bàn vậy. Tính tướng của Đạo thật chẳng sinh diệt. Do nghĩa này nên chẳng thể nắm biết. Nay thiện nam tử ! Đạo tuy không sắc tượng để có thể thấy, xung lường, có thể biết mà thật hữu dụng. Nay thiện nam tử ! Như tâm chúng sinh tuy chẳng

phải là sắc, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải thô, chẳng phải tế (nhỏ mịn), chẳng phải trói, chẳng phải mở (cởi), chẳng phải là thấy pháp mà cũng là có. Do nghĩa này nên ta vì ông Tu Đạt nói rằng, lòng tưởng giả làm chủ ngôi thành. Nếu tưởng giả chẳng hộ trì tâm thì chẳng hộ trì thân, miệng, nếu đã hộ trì tâm thì hộ trì thân, miệng. Do chẳng khéo hộ trì thân miệng này nên khiến cho các chúng sinh đến ba đường ác. Hộ trì thân miệng thì khiến cho chúng sinh được Niết Bàn người, trời, được gọi là Chân thật, nếu chẳng được thì gọi là chẳng chân thật. Đây thiện nam tử ! Đạo cùng Bồ Đề và cả Niết Bàn cũng lại như vậy, cũng có cũng thường. Như những điều ấy không thì làm sao có thể đoạn tất cả phiền não ? Do những điều ấy có nên tất cả Bồ tát tỏ rõ thấy biết. Đây thiện nam tử ! Thấy có hai thứ, một là thấy tướng mạo, hai là thấy tỏ rõ. Sao gọi là thấy tướng mạo ? Như từ xa thấy khói thì gọi là thấy lửa mà thật chẳng thấy lửa. Tuy chẳng thấy lửa nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Thấy chim hạc trong không liền nói rằng thấy nước. Tuy chẳng thấy nước, nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy hoa lá liền nói thấy rễ cây. Tuy chẳng thấy rễ cây nhưng chẳng phải hư vọng. Như người xa xa thấy sừng trâu ở bờ dâu liền nói thấy trâu. Tuy chẳng thấy trâu nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy nữ nhân mang thai, liền nói thấy dục. Tuy chẳng thấy dục nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy cây sinh ra lá liền nói thấy nước. Tuy chẳng thấy nước nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Lại như thấy mây liền nói rằng thấy mưa. Tuy chẳng thấy mưa nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy thân nghiệp và cả khẩu nghiệp liền nói rằng thấy tâm. Tuy chẳng thấy tâm nhưng cũng chẳng phải hư vọng... Đó gọi là thấy tướng mạo. Sao gọi là thấy tỏ rõ (liễu liễu) ? Như mắt thấy sắc. Đây thiện nam tử ! Như nhãn căn của người thanh tịnh, chẳng hoại, tự xem trái cây A Ma Lạc trong bàn tay. Đại Bồ tát thấy tỏ rõ Đạo, Bồ Đề, Niết Bàn cũng lại như vậy. Tuy thấy tướng vô kiến đầu tiên như vậy, đây thiện nam tử ! Nhưng do nhân duyên này nên ta thưở trước bảo ông Xá Lợi Phất : “Tất cả thế gian, nếu có sự chẳng biết, chẳng thấy, chẳng giác của Samôn, hoặc Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm, hoặc người... thì chỉ có Như Lai là biết, thấy, giác hết và các Bồ tát cũng lại như vậy. Đây Xá Lợi Phất ! Nếu có sự thấy, biết, giác của các thế gian thì ta cùng Bồ tát cũng biết, thấy, giác. Sự chẳng biết, chẳng thấy, chẳng giác của chúng sinh thế gian, họ cũng chẳng tự biết chẳng biết, thấy giác sự biết, thấy, giác của chúng sinh thế gian nên liền tự nói rằng, ta biết, thấy, giác. Đây Xá Lợi Phất ! Như Lai, tất cả đều biết, thấy, giác mà cũng chẳng tự nói rằng, ta biết, thấy, giác, tất cả Bồ tát cũng lại như vậy. Vì sao vậy ? Vì nếu giả sử Như Lai tạo tác tướng biết, thấy, giác thì phải biết đó chẳng phải là Phật Thế Tôn mà gọi là Phạm phu. Bồ tát cũng vậy”.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ mười lăm hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 16

PHẨM PHẠM HẠNH (tiếp theo)

Bồ tát Ca Diếp nói rằng :

- Như đức Phật Thế Tôn vì ngài Xá Lợi Phất nói về sự hiểu biết của thế gian thì con cũng được biết. Nói về sự chẳng biết của thế gian thì con cũng đều biết. Nghĩa ấy thế nào ?

- Này thiện nam tử ! Tất cả thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng giác Phật tính. Nếu có người biết - thấy - giác Phật tính thì chẳng gọi là thế gian mà gọi là Bồ tát. Người thế gian cũng lại chẳng biết, chẳng thấy, chẳng giác mười hai bộ Kinh, mười hai nhân duyên, bốn điên đảo, bốn đế, ba mươi bảy phẩm, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Đại Bát Niết Bàn mà nếu họ biết - thấy - giác thì chẳng gọi là Thế gian, phải gọi là Bồ tát. Này thiện nam tử ! Đó gọi là thế gian chẳng biết, chẳng giác. Sao gọi là sự biết - thấy - giác của thế gian ? Đó là gọi Phạm thiên, Tự Tại thiên, Bát Tỳ thiên... Khi tính vi trần thì pháp và phi pháp là chủ tạo hóa, thế giới chung - thì, đoạn - thường hai kiến. Nói rằng, Sơ thiên cho đến Phi phi tướng gọi là Niết Bàn, này thiện nam tử ! Đó gọi là sự biết - thấy - giác của thế gian. Đại Bồ tát đối với việc như vậy cũng biết - thấy - giác. Bồ tát biết - thấy - giác như vậy rồi, nếu nói rằng, chẳng biết, chẳng thấy, chẳng giác thì đó là hư vọng mà pháp hư vọng thì tức là tội. Vì là tội nên đọa vào địa ngục. Này thiện nam tử ! Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc Samôn, hoặc Bàlamôn nói rằng, không có Đạo, Bồ Đề, Niết Bàn thì phải biết bọn người này gọi là Nhất xiển đề, quyến thuộc của ma gọi là bài bàng pháp. Bài bàng pháp như vậy gọi là bài bàng chur Phật. Người như vậy chẳng gọi là thế gian, chẳng gọi là chẳng phải thế gian.

Bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp nghe việc như vậy rồi liền dùng kệ tụng mà khen ngợi đức Phật rằng :

Đấng thương xót sinh chúng ỜNên nay con về nương

Khéo nhỏ mọi tên độc Nên xưng Đại Y Vương.

Dùng thế y trị liệu Tuy khỏi nhưng lại sinh.

Sự trị liệu của Phật Chẳng tái phát, rốt cùng.

Thuốc cam lộ của Phật Đem ban cho chúng sinh

Mà chúng sinh đã uống Thì chẳng chết, chẳng sinh.

Vì con nay đức Phật Diễn nói Đại Niết Bàn.

Chúng sinh nghe bí tạng Chẳng sinh diệt được liền.

Bồ tát Ca Diếp nói bài kệ này rồi, liền bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, tất cả thế gian chẳng biết, thấy, giác, Bồ tát đều có thể biết, thấy, giác. Nếu giả sử Bồ tát là người thế gian thì chẳng được nói rằng, thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng giác mà Bồ tát này có thể biết, thấy, giác. Nếu chẳng phải thế gian thì có tướng gì khác ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Nói rằng, Bồ tát thì cũng là thế gian, cũng chẳng phải thế gian. Chẳng biết, thấy, giác thì gọi là thế gian, còn biết, thấy, giác thì chẳng gọi là thế gian. Ông nói rằng, có gì khác, thì ta nay sẽ nói ! Nay thiện nam tử ! Hoặc nam hoặc nữ, nếu có nghe Kinh Niết Bàn này đầu tiên mà liền sinh ra kính tín phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì đó gọi là Bồ tát thế gian. Tất cả thế gian chẳng biết - thấy - giác thì như vậy Bồ tát cũng đồng thế gian chẳng biết - thấy - giác. Bồ tát nghe Kinh Niết Bàn này rồi biết có thế gian chẳng biết - thấy - giác. Bồ tát biết - thấy - giác này biết việc đó rồi liền tự tư duy : “Ta phải làm sao dùng phương tiện tu tập cho được biết - thấy - giác”. Rồi lại tự nghĩ rằng : “Chỉ phải thâm tâm tu trì tịnh giới !” Nay thiện nam tử ! Bây giờ, Bồ tát do nhân duyên này, vào đời vị lai ở tại chỗ sinh đến, giới thường thanh tịnh. Đại Bồ tát do giới thanh tịnh nên ở tại chỗ sinh đến, thường không kiêu mạn, tà kiến, nghi hoặc và nhất định chẳng nói rằng, Như Lai rốt ráo vào với Niết Bàn. Đó gọi là Bồ tát tu trì tịnh

giới. Giới đã thanh tịnh, tiếp theo là tu Thiền định. Do tu Định nên ở tại nơi sinh đến, chánh niệm chẳng quên. Đó là tất cả chúng sinh đều có Phật tính, mười hai bộ Kinh, các đức Phật Thế Tôn thường-lạc-ngã-tịnh, tất cả Bồ tát an trụ ở Kinh Phương Đẳng Đại Niết Bàn, đều thấy Phật tính. Những việc như vậy.v.v... hành giả nhớ mà chẳng quên. Nhân tu Định nên hành giả được mười một “không”. Đó gọi là Bồ tát tu thanh tịnh Định. Giới Định đã đủ, tiếp theo hành giả tu Tuệ. Do tu Tuệ nên mới chẳng kể chấp trước trong thân có ngã, trong ngã có thân, là thân, là ngã, chẳng phải thân, chẳng phải ngã... Đó gọi là Bồ tát tu tập Tịnh Tuệ. Do tu tuệ nên việc thọ trì giới bền chắc chẳng động. Này thiện nam tử ! Ví như núi Tu Di chẳng bị sự khuynh động của bốn thứ gió. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, chẳng bị sự khuynh động của bốn điên đảo. Này thiện nam tử! Bây giờ Bồ tát tự biết - thấy - giác việc thọ trì giới không có khuynh động. Đó gọi là sự biết - thấy - giác của Bồ tát, chẳng phải thế gian vậy. Này thiện nam tử ! Bồ tát thấy sự trì giới bền chắc chẳng động, lòng không hối hận. Không hối hận nên lòng được hoan hỷ. Được hoan hỷ nên lòng được duyệt lạc. Được duyệt lạc nên lòng yên ổn. Lòng yên ổn nên được Vô động định. Được Vô động định nên được thật tri kiến. Được thật tri kiến nên chán lìa sinh tử. Chán lìa sinh tử nên liền được Giải thoát. Được giải thoát nên thấy ánh sáng Phật tính. Đó gọi là sự biết - thấy - giác của Bồ tát, chẳng phải thế gian vậy. Này thiện nam tử ! Đó gọi là thế gian chẳng biết - thấy - giác mà là sự biết - thấy - giác của Bồ tát.

Ngài Ca Diếp lại nói rằng :

- Sao gọi là Bồ tát tu trì tịnh giới, tâm không hối hận ? ... cho đến thấy sáng rõ được Phật tính ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Giới (cấm) thế gian thì chẳng gọi là thanh tịnh. Vì sao vậy ? Vì giới thế gian là đối với có nên tính bất định, chẳng phải rốt ráo, chẳng thể rộng vì tất cả chúng sinh. Do nghĩa này nên gọi là bất tịnh. Do bất tịnh nên có lòng hối hận. Do hối hận nên lòng chẳng hoan hỷ. Không hoan hỷ thì không duyệt lạc. Không duyệt lạc thì không yên ổn. Không yên ổn nên không có Bất động định. Không Bất động định nên không tri kiến chân thật. Không thật tri kiến thì không chán lìa. Không chán lìa thì không giải thoát. Không giải thoát nên chẳng thấy Phật tính. Chẳng thấy Phật tính nên nhất định chẳng thể được Đại Bát Niết Bàn. Đó gọi là Giới thế gian chẳng thanh tịnh. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát thanh tịnh giới là giới chẳng phải giới, chẳng phải là có, nhất định rốt ráo, vì chúng sinh. Đó gọi là giới thanh

tịnh của Bồ tát vậy. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong tịnh giới, tuy chẳng muốn sinh lòng hối hận, nhưng lòng không hối hận tự nhiên mà sinh ra. Nay thiện nam tử ! Ví như có người cầm giữ gương sáng, chẳng hẹn thấy mặt mà hình dáng mặt tự hiện lên, cũng như người nông phu gieo hạt vào ruộng tốt, chẳng hẹn mọc mầm mà mầm tự mọc ra, cũng như thấp đèn, chẳng hẹn tiêu diệt bóng tối mà bóng tối tự diệt. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát kiên trì tịnh giới, lòng không hối hận tự nhiên mà sinh ra cũng lại như vậy. Do tịnh giới nên lòng được hoan hỷ. Nay thiện nam tử ! Như người đoan chính tự thấy diện mạo, lòng sinh hoan hỷ, người trì tịnh giới cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Người phá giới thấy giới bất tịnh, lòng chẳng hoan hỷ. Như người tàn phế tự thấy diện mạo, chẳng sinh hỷ duyệt, người phá giới cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Ví như người chăn trâu có hai người con gái, một người mang bình đựng cao sữa, một người mang bình đựng nước uống. Cả hai đều cùng đến thành phố để bán, ở trên đường đi trượt chân ngã, cả hai bình đều vỡ. Một người thì hoan hỷ, một người thì sầu não. Trì giới, phá giới cũng lại như vậy. Người trì giới thì lòng hoan hỷ mà lòng hoan hỷ thì liền suy nghĩ : “Các đức Phật Như Lai ở trong Niết Bàn nói rằng, có người có thể trì giới thanh tịnh thì được Niết Bàn. Ta nay tu tập tịnh giới như vậy cũng ứng được Niết Bàn. Do nhân duyên này nên lòng duyệt lạc.

Ngài Ca Diếp lại thưa rằng :

- Hỷ cùng với lạc có gì sai biệt ?

- Nay thiện nam tử ! Khi Đại Bồ tát chẳng làm ác thì gọi là hoan hỷ, lòng trì tịnh giới thì gọi đó là Lạc. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát quan sát ở sinh tử thì gọi là Hỷ, thấy Đại Niết Bàn thì gọi đó là Lạc. Dưới thì gọi là Hỷ, trên thì gọi là Lạc. Lìa khỏi Thế cộng pháp thì gọi đó là Hỷ, được Bất cộng pháp thì gọi đó là Lạc. Do giới thanh tịnh nên thân thể nhẹ nhàng mềm mại, miệng không thô ác, lỗi lầm. Bồ tát bấy giờ, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc thưởng thức, hoặc chạm xúc, hoặc biết... đều không có các thứ ác. Do không ác nên lòng được yên ổn. Do yên ổn nên được tịch định. Được tịch định nên được tri kiến chân thật. Do thấy biết chân thật nên chán lìa sinh tử. Chán lìa sinh tử thì được Giải thoát. Được Giải thoát nên được thấy Phật tính. Thấy Phật tính nên được Đại Niết Bàn. Đó gọi là trì giới thanh tịnh của Bồ tát, chẳng phải là giới của thế gian. Vì sao vậy ? Nay thiện nam tử ! Vì sự thọ trì tịnh giới của Đại Bồ tát có năm pháp tá trợ. Sao gọi là năm ? Một là tín, hai là tầm, ba là quý, bốn là thiện tri thức, năm là tôn kính giới. Bồ tát lìa khỏi ngũ cái nên thấy thanh tịnh, lìa khỏi ngũ kiến nên lòng không lười nghi, lìa khỏi năm nghi, một là nghi Phật, hai là nghi Pháp, ba là nghi Tăng, bốn là

nghi giới, năm là nghi chẳng phóng dật. Bồ tát bấy giờ, liền được năm căn là tín, niệm, tinh tấn, định, tuệ. Được năm căn nên được năm thứ Niết Bàn là sắc giải thoát, cho đến thức giải thoát. Đó gọi là trì giới thanh tịnh của Bồ tát, chẳng phải giới của thế gian vậy. Nay thiện nam tử ! Đó gọi là sự chẳng biết, chẳng thấy, chẳng giác của thế gian mà là sự biết - thấy - giác của Bồ tát.

Nay thiện nam tử ! Nếu đệ tử của ta thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói Kinh Đại Niết Bàn mà có người phá giới, có người quở trách, khinh chê, hủy nhục mà nói rằng : “Nếu Kinh Đại Niết Bàn bí tạng có uy lực thì sao khiến cho ông hủy phạm việc thọ giới. Nếu người thọ trì Kinh Niết Bàn này mà hủy phạm cấm giới thì phải biết Kinh này là không có uy lực. Nếu không uy lực thì tuy lại đọc tụng nhưng là không có lợi ích”. Do sự khinh khi, hủy báng Kinh Niết Bàn này nên lại khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh rơi vào địa ngục. Kẻ thọ trì Kinh này mà hủy phạm giới thì tức là ác tri thức của chúng sinh, chẳng phải là đệ tử của ta, là quyến thuộc của ma. Người như vậy, ta cũng chẳng cho thọ trì Kinh điển này. Thà khiến cho chẳng thọ, chẳng trì, chẳng tu, chẳng để cho người hủy phạm giới thọ trì tu tập. Nay thiện nam tử ! Nếu đệ tử của ta thọ trì, đọc tụng, ghi chép, diễn nói Kinh Niết Bàn thì phải chính thân tâm, thận trọng chớ có cử động đùa cợt, khinh tháo. Thân là điều hí, tâm là khinh động. Lòng cầu có gọi là khinh động. Thân tạo các nghiệp gọi là điều hí. Nếu đệ tử của ta cầu có, tạo nghiệp thì chẳng nên thọ trì Kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn này. Nếu có người thọ trì Kinh như vậy thì người ta sẽ khinh chê, quở trách mà nói lên rằng : “Nếu Kinh Đại Niết Bàn, Bí tạng của Phật có uy lực thì sao lại khiến cho ông cầu có, tạo nghiệp ? Nếu người trì Kinh mà cầu có, tạo nghiệp thì phải biết Kinh này không uy lực. Nếu không uy lực thì tuy thọ trì nhưng là không lợi ích. Duyên vào sự khinh chê, hủy báng Kinh Niết Bàn này nên lại khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh rơi vào địa ngục. Kẻ thọ trì Kinh này mà cầu có, tạo nghiệp thì chính là ác tri thức (bạn xấu) của chúng sinh, chẳng phải là đệ tử của ta, chính là quyến thuộc của ma. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Nếu đệ tử của ta thọ trì, đọc tụng, ghi chép, diễn nói Kinh Đại Niết Bàn thì chớ nói phi thời ! Chớ nói phi quốc (chẳng phải đất nước đáng nói) ! Chớ nói mà chẳng ai thính ! Chớ nói bằng tâm lòng khinh khi ! Chớ nói khắp nơi nơi ! Chớ nói để tự khen ! Chớ nói để khinh người khác. Chớ nói để diệt Phật pháp ! Chớ nói để rực sáng Thế pháp ! Nay thiện nam tử ! Nếu đệ tử của ta thọ trì Kinh này, chẳng phải lúc mà nói... cho đến thế pháp rực sáng thì người ta sẽ khinh khi, quở trách mà nói rằng : “Nếu Kinh Đại Niết Bàn, bí mật tạng của đức Phật có uy lực thì sao khiến cho ông chẳng phải lúc mà nói... cho đến thế pháp rực sáng mà nói. Nếu người thọ trì Kinh tạo tác sự

nói như vậy thì phải biết Kinh này là không uy lực. Nếu Kinh không uy lực thì tuy thọ trì nhưng là không lợi ích”. Duyên vào sự khinh khi, hủy báng Kinh Niết Bàn nên khiến cho vô lượng chúng sinh rơi vào địa ngục. Người thọ trì Kinh này, chẳng phải lúc mà nói... cho đến thế pháp rực sáng mà nói thì chính là ác tri thức của chúng sinh, chẳng phải là đệ tử của ta, chính là quyến thuộc của ma. Này thiện nam tử ! Nếu người thọ trì muốn nói Đại Niết Bàn, nói Phật tính, nói bí mật tạng của Như Lai, nói Đại Thừa, nói Kinh Phương Đẳng, nói Thanh Văn thừa, nói Bích Chi Phật thừa, nói giải thoát, thấy Phật tính... thì trước tiên phải thanh tịnh thân mình. Do thân thanh tịnh nên không quở trách. Không quở trách nên khiến cho vô lượng người đối với Đại Niết Bàn phát sinh thanh tịnh tín. Tín tâm đã sinh nên cung kính Kinh này. Nếu nghe một bài kệ, một câu, một chữ ở người nói pháp mà được phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì phải biết người nói pháp đó chính là thiện tri thức chân thật của chúng sinh, chẳng phải ác tri thức, chính là đệ tử của ta, chẳng phải quyến thuộc của ma. Đó gọi là Bồ tát, chẳng phải là thế gian vậy. Này thiện nam tử ! Đó gọi là sự chẳng biết chẳng thấy chẳng giác của thế gian mà chính là sự biết - thấy - giác của Bồ tát.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Sao lại gọi là sự chẳng biết - thấy - giác của tất cả thế gian mà chính là sự biết - thấy - giác của Bồ tát ? Đó là sáu niệm xứ ! Những gì là sáu ? Là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên (trời). Này thiện nam tử ! Sao gọi là niệm Phật ? Là niệm Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hành Túc Thiện Thế Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn thường trụ chẳng biến dị, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, Đại sư tử hống, gọi là Đại Samôn, Đại Balamôn, Đại tịnh rớt ráo đến được Bờ kia, không người có thể thắng, không người thấy đỉnh, không có bố úy, chẳng kinh, chẳng động, một mình không bạn bè, không thầy tự giác ngộ... thành tựu báu trí như tạt trí (trí nhanh chóng), đại trí, lợi trí, thâm trí, giải thoát trí, bất cộng trí, quảng phổ trí, tất cảnh trí (trí rớt ráo)..., vua voi trong loài người, vua trâu trong loài người, vua rồng trong loài người, đấng trượng phu trong loài người, hoa sen hoa phân đà lợi trong loài người, đấng điều ngự nhân sư, bậc đại thí chủ, đấng địa pháp sư. Do biết pháp nên gọi là Đại pháp sư. Do biết nghĩa nên gọi là Đại pháp sư. Do biết thời nên gọi là Đại pháp sư. Do biết đủ nên gọi là Đại pháp sư. Do biết Ngã nên gọi là Đại pháp sư. Do biết đại chúng nên gọi là Đại pháp sư. Do biết đủ thứ tính của chúng sinh nên gọi là Đại pháp sư. Do biết các căn lợi, độn, trung bình nên gọi là Đại pháp sư. Do nói trung đạo nên gọi là Đại pháp sư.

Sao gọi là Như Lai, đúng như lời nói của chư Phật quá khứ chẳng biến dị ? Sao gọi là bất biến ? các đức Phật quá khứ vì độ chúng sinh nên nói mười hai bộ Kinh. Như Lai cũng vậy nên gọi là Như Lai. Các đức Phật Thế Tôn từ sáu Balamật, ba mươi bảy phẩm, mười một không lại đến Đại Niết Bàn. Như Lai cũng vậy. Vậy nên hiệu Phật là Như Lai vậy. Các đức Phật Thế Tôn vì chúng sinh nên tùy nghi phương tiện khai thị Tam thừa, thọ mạng không lường, chẳng thể xưng kể. Như Lai cũng vậy. Vậy nên Phật hiệu là Như Lai vậy.

Sao gọi là Ứng ? Pháp thế gian đều gọi là oán gia. Phật ứng hại nên gọi là Ứng. Phàm bốn ma thì chính là oán địch của Bồ tát. Các đức Phật Như Lai khi làm Bồ tát, có thể dùng trí tuệ phá hoại bốn ma. Vậy nên gọi là Ứng. Lại nữa, Ứng thì gọi là viễn ly (xa lìa). Khi làm Bồ tát cần phải xa lìa vô lượng phiền não nên gọi là Ứng. Lại nữa, Ứng gọi là lạc. Các đức Phật quá khứ khi làm Bồ tát, tuy ở trong vô lượng Atăngkỳ kiếp, vì chúng sinh nên chịu các khổ não nhưng nhất định không gì chẳng vui mà thường lạc. Như Lai cũng vậy nên gọi là Ứng. Lại nữa, Ứng là tất cả người, trời nên dùng đủ thứ hương hoa, chuỗi ngọc, tràng phan, kỹ nhạc mà cúng dường Phật. Vậy nên gọi là Ứng.

Sao gọi là Chánh biến tri ? Chánh là chẳng điên đảo. Biến Tri là đối với bốn điên đảo không gì chẳng thông đạt. Lại nữa, Chánh gọi là khổ hạnh. Biến Tri là biết nhân khổ hạnh quyết định có khổ quả. Lại nữa, Chánh là gọi giữa thế gian. Biến Tri là rốt cùng nhất định biết tu tập trung đạo thì được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, Chánh gọi là có thể tính, có thể lường, có thể nói lên. Biến Tri là chẳng thể tính, chẳng thể lường, chẳng thể nói lên. Vậy nên hiệu Phật là Chánh Biến Tri. Nay thiện nam tử ! Thanh Văn, Duyên Giác cũng có Biến Tri, cũng chẳng Biến Tri. Vì sao vậy ? Vì Biến Tri là gọi năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Thanh Văn, Duyên Giác cũng được Biến Tri. Đó gọi là Biến Tri. Sao gọi là chẳng Biến Tri ? Nay thiện nam tử ! Giả sử hàng Nhị Thừa, ở vô lượng kiếp, quan sát một sắc ấm mà chẳng thể biết hết. Do nghĩa này nên Thanh Văn, Duyên Giác không có Biến Tri.

Sao gọi là Minh Hành Túc ? Minh là gọi được vô lượng thiện quả. Hành là gọi Chân đi (cước túc). Thiện quả là gọi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chân đi thì gọi là Giới, Tuệ. Đi bằng chân trí tuệ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên gọi là Minh Hành Túc. Lại nữa, Minh gọi là Chú, Hành gọi là Cát, Túc gọi là Quả. Nay thiện nam tử ! Đó là nghĩa của thế gian. Chú gọi là Giải thoát, Cát gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

Giác, Quả gọi là Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên gọi là Minh Hành Túc. Lại nữa, Minh là gọi ánh sáng, Hành là gọi Nghiệp, Túc là gọi Quả. Đây thiện nam tử ! Đó gọi là nghĩa của thế gian. Ánh sáng là gọi chẳng phóng dật, nghiệp là gọi sáu Balamật, quả là gọi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, Minh là gọi ba minh, một là Bồ tát minh, hai là Chư Phật minh, ba là Vô minh minh. Bồ tát minh tức là Bát nhã Balamật. Chư Phật minh tức là Phật nhãn. Vô minh minh tức là rốt ráo không. Hành là ở vô lượng kiếp, vì chúng sinh nên tu các thiện nghiệp. Túc là sáng thấy Phật tính. Do nghĩa này nên gọi là Minh Hành Túc. Sao gọi là Thiện Thệ ? Thiện là gọi cao, Thệ là gọi chẳng cao. Đây thiện nam tử ! Đó gọi là nghĩa của thế gian. Cao là gọi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chẳng cao tức là tâm Như Lai. Đây thiện nam tử ! Tâm nếu cao thì chẳng gọi là Như Lai. Vậy nên Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại nữa, Thiện là gọi thiện tri thức, Thệ là quả của thiện tri thức. Đây thiện nam tử ! Đó gọi là nghĩa của thế gian. Thiện tri thức tức là mới phát tâm. Quả là gọi Đại Bát Niết Bàn. Như Lai chẳng xả bỏ sự phát tâm đầu tiên, được Đại Niết Bàn. Vậy nên Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại nữa, Thiện là gọi tốt đẹp, Thệ là gọi có. Đây thiện nam tử ! Đó gọi là nghĩa thế gian. Tốt đẹp là gọi thấy Phật tính, có là gọi Đại Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Tính của Niết Bàn thật chẳng phải có. Các đức Phật Thế Tôn nhân thế gian nên nói rằng là có. Đây thiện nam tử ! Ví như người đời thật không có con mà nói rằng có con, thật không có đạo (đường) mà nói rằng có đạo, Niết Bàn cũng vậy, nhân thế gian nên nói rằng là có. Các đức Phật Thế Tôn thành Đại Niết Bàn nên gọi là Thiện Thệ.

Đây thiện nam tử ! Sao gọi là Thế Gian Giải ? Đây thiện nam tử ! Thế gian là gọi năm ấm, Giải là gọi sự biết. Các đức Phật Thế Tôn giỏi biết năm ấm nên gọi là Thế Gian Giải. Lại nữa, Thế gian là gọi năm dục, Giải là gọi chẳng đắm trước, chẳng đắm trước năm dục nên gọi là Thế Gian Giải. Lại, Thế Gian Giải là tất cả Thanh Văn, Duyên giác ở vô lượng Atăngkỳ thế giới của phương Đông chẳng biết, chẳng thấy, chẳng giải mà các đức Phật đều biết, đều thấy, đều giải. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bằng, phương trên, phương dưới cũng lại như vậy. Vậy nên hiệu Phật là Thế Gian Giải. Lại, Thế gian là tất cả phàm phu. Giải là biết nhân quả thiện ác của các phàm phu, chẳng phải là sự biết của Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ có Phật mới có thể biết. Vậy nên hiệu Phật là Thế Gian Giải. Lại, Thế gian là gọi hoa sen, Giải là gọi chẳng bấn (bất ô). Đây thiện nam tử ! Đó là nghĩa của thế gian. Hoa sen tức là Như Lai. Chẳng bấn là Như Lai chẳng bị sự ô nhiễm của tám pháp thế gian. Vậy nên hiệu Phật là Thế Gian Giải. Lại, Thế Gian Giải là các đức Phật, Bồ tát gọi là Thế Gian Giải. Vì sao vậy ? Vì các đức Phật, Bồ tát thấy thế gian nên gọi là Thế Gian Giải. Đây thiện nam tử !

Như nhân ăn được mạng nên gọi ăn là mạng. Các đức Phật, Bồ tát cũng lại như vậy, thấy thế gian nên gọi là Thế Gian Giải. Sao gọi là Vô Thượng Sĩ ? Thượng Sĩ thì gọi đó là đoạn (chặt đứt). Không có cái để đoạn thì gọi là Vô Thượng Sĩ. Các đức Phật Thế Tôn không có phiền não nên không có cái để đoạn. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là gọi tranh tụng. Vô Thượng Sĩ là không có tranh tụng mà Như Lai không có tranh tụng. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại, Thượng Sĩ là lời nói có thể hoại. Vô Thượng Sĩ là lời nói chẳng thể hoại mà lời nói của Như Lai là lời chẳng thể hoại của tất cả chúng sinh. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là gọi Thượng tòa. Vô Thượng Sĩ là gọi Vô Thượng tòa, các đức Phật ba đời lại không có ai qua khỏi. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Thượng là gọi mới, Sĩ là gọi cũ. Thế các đức Phật Thế Tôn là Đại Niết Bàn không mới, không cũ. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Sao gọi là Điều Ngự Trượng Phu ? Tự mình đã trượng phu, lại điều phục trượng phu. Đây thiện nam tử! Nói rằng, Như Lai thật chẳng phải trượng phu, chẳng phải chẳng trượng phu, nhân điều phục trượng phu nên gọi Như Lai là trượng phu vậy. Đây thiện nam tử ! Tất cả trai gái nếu đủ bốn pháp thì gọi là trượng phu. Những gì là bốn ? Một là thiện tri thức, hai là có thể nghe pháp, ba là suy nghĩ nghĩa, bốn là theo đúng lời nói tu hành. Đây thiện nam tử ! Nếu nam hay nữ đủ bốn pháp này thì gọi là Trượng phu. Đây thiện nam tử ! Nếu có nam tử không có bốn pháp này thì chẳng được gọi là Trượng phu. Vì sao vậy ? Vì thân tuy là trượng phu nhưng hành động đồng với súc sinh mà Như Lai điều phục hoặc nam hoặc nữ. Vậy nên hiệu Phật là Điều Ngự Trượng Phu. Lại nữa, đây thiện nam tử ! Như người cầm cương ngựa (điều khiển ngựa) phàm có bốn thứ, một là chạm lông, hai là chạm da, ba là chạm thịt, bốn là chạm xương. Tùy theo sự chạm xúc ấy xứng với ý người cầm cương. Như Lai cũng vậy, dùng bốn thứ pháp điều phục chúng sinh. Một là nói về sinh liền khiến cho người nghe thọ lời Phật dạy như chạm vào lông ngựa ấy là ngựa theo ý người cầm cương. Hai là nói về sinh, già liền khiến cho người nghe thọ lời Phật dạy như chạm vào lông, da thì ngựa ấy theo ý người cầm cương. Ba là nói về sinh và cả lão, bệnh liền khiến cho người nghe thọ lời Phật dạy, như chạm vào lông da, thịt thì ngựa ấy theo ý người cầm cương. Bốn là nói về sinh, già, bệnh và chết liền khiến cho người nghe thọ lời Phật dạy, như chạm vào lông, da, thịt và xương thì ngựa ấy theo ý người cầm cương. Đây thiện nam tử ! Người cầm cương điều phục ngựa không có quyết định, Như Lai Thế Tôn điều phục chúng sinh nhất định chẳng chẳng rỗng không. Vậy nên hiệu Phật là Điều Ngự Trượng Phu. Sao gọi là Thiên Nhân Sư ? Sư có hai thứ, một là thiện giáo (lời dạy tốt), hai là ác giáo (lời dạy xấu). Các đức Phật, Bồ tát thường dùng thiện pháp dạy các chúng sinh. Những gì là thiện pháp ? Đó là thiện của thân, miệng, ý. Các đức Phật, Bồ tát dạy các chúng sinh đều

nói lời như vậy: “Này thiện nam tử ! Ông phải xa lìa thân chẳng thiện nghiệp ! Vì sao vậy ? Vì ác nghiệp của thân có thể xa lìa là được giải thoát. Vậy nên ta dùng pháp này dạy ông. Nếu nghiệp ác này chẳng thể xa lìa, được giải thoát thì nhất định ta chẳng dạy ông khiến cho xa lìa vậy”. Nếu các chúng sinh lìa khỏi nghiệp ác rồi mà còn rơi vào ba đường ác thì không có điều đó. Do xa lìa nên thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, được Đại Niết Bàn. Vậy nên các đức Phật, Bồ tát thường dùng pháp này giáo hóa chúng sinh. Miệng, ý cũng vậy. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sư. Lại nữa, xưa chưa được đạo, nay đã được rồi, đem đạo sở đắc vì chúng sinh giảng nói. Từ xưa đến nay chưa tu phạm hạnh, nay đã tu xong, đem điều đã tu vì chúng sinh giảng nói. Tự phá vô minh, lại vì chúng sinh phá hoại vô minh. Tự được tịnh mục (mắt thanh tịnh), lại vì chúng sinh phá trừ mù tối, khiến cho họ được tịnh nhãn. Tự biết Nhị đế, lại vì chúng sinh diễn nói Nhị đế. Đã tự giải thoát, lại vì chúng sinh nói pháp giải thoát. Tự qua khỏi vô biên dòng sông lớn sinh tử, lại khiến cho chúng sinh đều được qua khỏi hết. Tự được Vô úy, lại dạy chúng sinh khiến cho họ không kinh sợ. Đã tự Niết Bàn lại vì chúng sinh diễn nói Đại Niết Bàn. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sư. Thiên là gọi ngày. Trên trời ngày dài đêm ngắn. Vậy nên gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên là gọi không sâu nã, thường hưởng thụ khoái lạc. Vậy nên gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên là gọi đèn sáng, có thể phá đen tối mà làm nguồn ánh sáng lớn. Vậy nên gọi là Thiên. Cũng do có thể phá nghiệp ác đen tối, được các nghiệp thiện mà sinh lên trời. Vậy nên gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên là gọi Cát (tốt). Do cát tường nên được gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên là gọi mặt trời. Mặt trời có ánh sáng nên gọi mặt trời là Thiên. Do những nghĩa đó nên gọi là Thiên vậy. Nhân là gọi có thể nhiều ân nghĩa. Lại nữa, Nhân là thân, miệng nhu nhuyễn. Lại nữa, Nhân là gọi có kiêu mạn. Lại nữa, Nhân là có thể phá kiêu mạn. Này thiện nam tử ! Các đức Phật tuy làm Đại Sư Vô thượng của tất cả chúng sinh, nhưng trong Kinh nói làm Thiên Nhân Sư. Vì sao vậy ? Này thiện nam tử ! Trong các chúng sinh chỉ có trời cùng người là có thể phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có thể tu Thập thiện nghiệp đạo, có thể được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích Chi Phật, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên hiệu Phật là Thiên Nhân Sư. Sao gọi là Phật ? Phật là gọi Giác. Đã tự giác ngộ lại có thể giác ngộ người khác. Này thiện nam tử ! Ví như có người hay biết có giặc thì giặc không thể làm gì. Đại Bồ tát hiểu biết tất cả vô lượng phiền não mà hiểu rõ rồi thì khiến cho các phiền não không thể làm điều gì được. Vậy nên gọi là Phật. Do sự giác ngộ đó nên chẳng sinh, chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết. Vậy nên gọi là Phật Bà Đà Bà (Thế Tôn) thì Bà Đà gọi là Phá, Bà gọi là phiền não. Có khả năng phá phiền não nên gọi là Bà Đà Bà. Lại, người có khả năng thành tựu các thiện pháp, lại có khả năng giải

giải nghĩa các pháp, có đại công đức không ai có thể hơn, có danh tiếng lớn vang khắp mười phương. Lại là người có khả năng đại huệ thí đủ thứ lại ở vô lượng Atăng kiếp đã vất bỏ nữ căn. Nay thiện nam tử ! Nếu nam hay nữ mà có thể nghĩ đến Phật (niệm Phật) như vậy thì hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc sáng, hoặc tối... thường được chẳng lìa khỏi thấy Phật Thế Tôn. Nay thiện nam tử ! Vì sao gọi là Như Lai Ứng Chánh Biến Tri ... cho đến Bà Đà Bà mà có như vậy vô lượng công đức đại danh xưng vậy ? Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở vô lượng Atăngkiếp kiếp xưa, cung kính cha mẹ, hòa thượng, các thầy, các trưởng lão thượng tòa, ở vô lượng kiếp thường vì chúng sinh mà làm bố thí, kiên trì cấm giới, tu tập nhân nhục, siêng làm tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả. Vậy nên hôm nay Bồ tát Mahatát được thân Kim Cương với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Lại nữa, Bồ tát thuở xưa, vô lượng Atăngkiếp kiếp đã tu tập năm căn Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, đối với các sư trưởng cung kính cúng dường, thường vì pháp lợi, chẳng vì lợi dưỡng. Bồ tát nếu thọ trì mười hai bộ kinh, hoặc đọc, hoặc tụng, luôn vì chúng sinh muốn khiến cho họ giải thoát yên ổn, khoái lạc thì nhất định chẳng vì mình. Vì sao vậy ? Vì Bồ tát thường tu bằng tâm xuất thế gian và tâm xuất gia, tâm vô vi, tâm không tranh tụng, tâm không cầu uế, tâm không trói buộc, tâm không thủ trước, tâm không che trùm, tâm không vô ký, tâm không sinh tử, tâm không lưới nghi, tâm không tham dục, tâm không sân nhuế, tâm không ngu si, tâm không kiêu mạn, tâm không uế trược, tâm không phiền não, tâm không khổ, tâm vô lượng, tâm quảng đại, tâm hư không, tâm vô, tâm vô vô (không không), tâm điều phục, tâm chẳng hộ, tâm không che giấu, tâm không thế gian, tâm thường định, tâm thường tu, tâm thường giải thoát, tâm không báo đền, tâm vô nguyện, tâm thiện nguyện, tâm vô ngữ, tâm nhu nhuyến, tâm chẳng trụ, tâm tự tại, tâm vô lậu, tâm Đệ nhất nghĩa, tâm bất thoái, tâm vô thường, tâm chánh chân, tâm không dua nịnh quanh co, tâm thuần thiện, tâm không nhiều ít, tâm không keo kiệt, tâm không phạm phu, tâm không Thanh Văn, tâm không Duyên Giác, tâm thiện tri, tâm Giới (cõi) tri, tâm sinh giới (cõi) tri, tâm tự tại giới... Vậy nên hôm nay Đại Bồ tát được mười lục, bốn vô sở úy, Đại Bi, ba (?) niệm xứ, Thường-Lạc-Ngã-Tịnh. Vậy nên Đại Bồ tát được xưng là Như Lai... cho đến Bà Đà Bà. Đó gọi là Đại Bồ tát niệm Phật. Sao gọi là Đại Bồ tát niệm pháp ? Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát suy nghĩ điều có thể nói của các đức Phật là pháp tối diệu, tối thượng. Nhân pháp này nên có thể khiến cho chúng sinh được quả hiện tại. Chỉ chánh pháp này không có thời tiết (?) mà là điều thấy được của pháp nhãn, chẳng phải là nhục nhãn nhìn thấy, nhưng chẳng thể dùng ví dụ làm so sánh, chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng trụ, chẳng diệt, chẳng thi, chẳng chung, vô vi, vô sở, kẻ không nhà vì họ làm nhà, không chỗ về làm chỗ về, không sáng

làm sáng, chưa đến bờ kia khiến cho đến bờ kia, vì chỗ không hương làm vô ngại hương, chẳng thể thấy thì nhìn thấy, chẳng động, chẳng chuyển, chẳng dài, chẳng ngắn, vĩnh viễn đoạn dứt các niềm vui mà vui yên ổn rất ráo, vi diệu, chẳng phải sắc đoạn dứt sắc mà cũng là sắc... cho đến chẳng phải thức đoạn dứt thức mà cũng là thức, chẳng phải nghiệp đoạn nghiệp, chẳng phải kết đoạn kết, chẳng phải vật đoạn vật mà cũng là vật, chẳng phải giới (cõi) đoạn giới mà cũng là giới, chẳng phải hữu đoạn hữu mà cũng là hữu, chẳng phải nhập đoạn nhập mà cũng là nhập, chẳng phải nhân đoạn nhân mà cũng là nhân, chẳng phải quả đoạn quả mà cũng là quả, chẳng phải hư, chẳng phải thật đoạn tất cả thật mà cũng là thật, chẳng phải sinh, chẳng phải diệt vĩnh viễn đoạn sinh diệt mà cũng là diệt, chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng đoạn tất cả tướng mà cũng là tướng, chẳng phải giáo, chẳng phải chẳng giáo mà cũng là thầy dạy, chẳng phải sợ, chẳng phải an đoạn tất cả sợ mà cũng là an, chẳng phải nhẫn, chẳng phải chẳng nhẫn vĩnh viễn đoạn chẳng nhẫn mà cũng là nhẫn, chẳng phải dừng (chỉ) chẳng phải chẳng dừng đoạn tất cả dừng mà cũng là dừng, tất cả pháp định đều có thể vĩnh viễn đoạn tất cả phiền não, vô tướng thanh tịnh vĩnh viễn thoát khỏi các tướng, chỗ trụ rất ráo của vô lượng chúng sinh, có thể diệt tất cả lửa rục sinh tử, chính là chỗ du cư của chư Phật thường trụ chẳng biến dị. Đó gọi là Bồ tát niệm pháp. Sao gọi là niệm Tăng ? Các đức Phật Thánh Tăng theo đúng như pháp mà trụ, thọ pháp chính trực, thuận theo tu hành, chẳng thể nhìn thấy, chẳng thể nắm bắt, chẳng thể phá hoại, không thể nhiều hại, chẳng thể nghĩ bàn, ruộng phước, thần giúp đỡ của tất cả chúng sinh, tuy là ruộng phước nhưng không gì thọ nhận, thanh tịnh dơ bẩn, vô lậu vô vi, rộng khắp vô biên. Lòng thánh tăng điều hòa, nhu nhuyễn, bình đẳng không hai, không có nhiều hại ô trược, thường chẳng biến dị. Đó gọi là niệm Tăng. Sao gọi là niệm Giới? Bồ tát suy nghĩ : “Có giới chẳng phá, chẳng lậu, chẳng hoại, chẳng tạp, tuy không hình sắc mà có thể hộ trì, tuy không chạm xúc đối tác nhưng khéo tu phương tiện, có thể được đầy đủ, không có lỗi lầm, sự khen ngợi của chư Phật, Bồ tát, chính là nhân của Đại Phương Đẳng Đại Niết Bàn. Này thiện nam tử ! Ví như đất đai, thuyền bè, chuỗi ngọc, biển cả, nước tro, nhà cửa, dao kiếm, cây cầu, lương y, diệu dược, A đà đà dược, ngọc báu Như ý, chân cẳng, mắt, cha mẹ, lạnh lẽo... không thể trộm cướp, chẳng thể nhiều hại, lửa chẳng thể đốt cháy, nước chẳng thể trôi dạt, bậc thang lên núi lớn, thẳng tràng diệu bảo của các đức Phật, Bồ tát. Nếu trụ ở giới này thì được quả Tu đà hoàn, ta cũng có phần nhưng ta chẳng cần. Vì sao vậy ? Vì nếu ta được quả Tu đà hoàn này thì chẳng thể rộng độ tất cả chúng sinh. Nếu trụ ở giới này mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì ta cũng có phần, là sở dục của ta. Vì sao vậy ? Vì nếu được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì ta sẽ vì chúng sinh rộng nói diệu pháp mà tạo tác sự cứu hộ. Đó gọi là Đại Bồ tát

niệm giới. Sao gọi là niệm thí ? Đại Bồ tát quan sát sâu sắc việc bố thí này mới là cái nhân của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các đức Phật, Bồ tát thân cận, tu tập bố thí như vậy thì ta cũng thân cận, tu tập như vậy. Nếu chẳng huệ thí thì chẳng thể trang nghiêm bốn bộ chúng. Bố thí tuy chẳng thể đoạn trừ rốt ráo kết sử mà có thể đoạn trừ phá kiến ở tại phiền não. Do nhân duyên bố thí nên thường được sự khen ngợi của chúng sinh ở vô lượng vô biên thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương. Đại Bồ tát thí cho chúng sinh ăn tức là thí cho mạng của họ. Do quả báo này nên khi thành Phật thường trụ chẳng biến dị. Do thí cho Lạc nên khi Bồ tát thành Phật thì được an lạc. Khi Bồ tát bố thí thì đúng như pháp cầu tài (của cải), chẳng lán hiếp sự bố thí đó (có ý lợi dụng). Vậy nên khi thành Phật được Niết Bàn thanh tịnh. Khi Bồ tát bố thí thì khiến cho chúng sinh chẳng cầu mà được. Vậy nên khi thành Phật được tự tại Ngã. Do nhân duyên bố thí nên khiến cho người khác được sức lực. Vậy nên khi thành Phật thu hoạch được mười lực. Do nhân duyên bố thí nên khiến cho người khác được lời nói. Vậy nên khi thành Phật được bốn vô ngại. Các đức Phật Bồ tát tu tập sự bố thí này làm nhân của Niết Bàn, ta cũng tu tập bố thí như vậy để làm nhân của Niết Bàn. Rộng nói như trong Tạp hoa (?). Sao gọi là niệm thiên ? Có cõi bốn thiên vương... cho đến cõi Phi tướng phi phi tướng. Nếu có lòng tin được cõi bốn thiên vương thì ta cũng có phần. Nếu giới, đa văn, bố thí, trí huệ mà được cõi bốn thiên vương... cho đến được cõi Phi tướng phi phi tướng thì ta cũng có phần. Nhưng chẳng phải là điều ham muốn của ta. Vì sao vậy ? Vì cõi bốn thiên vương... cho đến cõi Phi tướng phi phi tướng đều là vô thường. Do vô thường nên sinh, già, bệnh chết. Do nghĩa này nên chẳng phải là điều ham muốn của ta. Ví như sự huyền hóa dối gạt được người ngu, người trí tuệ thì chẳng mê hoặc họ được. Như huyền hóa tức là cõi bốn thiên vương... cho đến cõi Phi tướng phi phi tướng. Người ngu tức là tất cả phàm phu. Ta thì chẳng đồng với người phàm phu ngu. Ta từng nghe có Đệ nhất nghĩa thiên là gọi các đức Phật, Bồ tát thường trụ chẳng biến dị. Do thường trụ nên chẳng sinh, chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết. ta vì chúng sinh tinh cần cầu đến Đệ nhất nghĩa thiên. Vì sao vậy ? Vì Đệ nhất nghĩa thiên có thể khiến cho chúng sinh đoạn trừ phiền não giống như cây Như ý. Nếu ta có Tin... cho đến có Tuệ thì có thể được Đệ nhất nghĩa thiên này. Ta sẽ vì chúng sinh rộng vì chúng sinh phân biệt, giảng nói Đệ nhất nghĩa thiên. Đó gọi là Đại Bồ tát niệm Thiên. Nay thiện nam tử ! Đó gọi là Bồ tát chẳng phải thế gian vậy. Đó là thế gian chẳng biết - thấy - giác mà là sự biết - thấy - giác của Bồ tát. Nay thiện nam tử ! Nếu đệ tử của ta cho là thọ trì, đọc tụng, ghi chép, diễn nói mười hai bộ Kinh và cả việc thọ trì, đọc tụng, ghi chép, phu diễn, giải nói Kinh Đại Niết Bàn là ngang bằng, không sai biệt thì nghĩa này chẳng vậy. Vì sao vậy ? Nay thiện nam tử ! Vì Kinh Đại Niết Bàn tức là tạng

bí mật thậm thâm của các đức Phật Thế Tôn. Vì tạng bí mật thậm thâm của chư Phật này tức là thắng hơn. Nay thiện nam tử ! Do nghĩa này nên Kinh Đại Niết Bàn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, chẳng thể nghĩ bàn !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con cũng biết Kinh Đại Niết Bàn này rất kỳ lạ rất đặc biệt chẳng thể nghĩ bàn, Phật Pháp, chúng Tăng chẳng thể nghĩ bàn. Bồ tát, Bồ Đề, Kinh Đại Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn. Thưa đức Thế Tôn ! Do nghĩa gì mà lại nói rằng, Bồ tát chẳng thể nghĩ bàn ?

- Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát không có người dạy mà có thể tự phát tâm Bồ Đề. Đã phát tâm rồi thì Bồ tát siêng tu tinh tấn. Giả sử lửa lớn thiêu đốt thân, đầu, Bồ tát nhất định chẳng cầu cứu, xả bỏ tâm niệm pháp. Vì sao vậy ? Vì Đại Bồ tát thường tự suy nghĩ : Ta ở vô lượng Atăngkỳ kiếp, hoặc ở tại địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, trong loài người, trên cõi trời bị sự thiêu đốt của ngọn lửa các kết sử, ban đầu chưa từng được một pháp quyết định. Pháp quyết định tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ta vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nhất định chẳng thủ hộ tiếc nuôi thân, tâm cùng mạng sống. Ta vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà giả sử thân nát vụn giống như vi trần nhất định chẳng buông bỏ siêng năng tinh tấn. Vì sao vậy ? Vì lòng siêng tinh tấn tức là cái nhân của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay thiện nam tử ! Như vậy Bồ tát chưa thấy Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà có thể chẳng tiếc, mạng thân như vậy, huống lại là đã thấy rồi. Vậy nên Bồ tát chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, chẳng thể nghĩ bàn là việc thấy sinh tử có vô lượng tội ác của Đại Bồ tát chẳng phải là sự bì kịp của hàng Thanh Văn, Duyên Giác. Tuy Bồ tát biết vô lượng lỗi ác của sinh tử nhưng vì chúng sinh nên ở trong đó chịu khổ chẳng sinh ra chán lìa. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ tát vì chúng sinh nên tuy ở tại địa ngục chịu các khổ não nhưng giống như niềm vui Tam thiên. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nay thiện nam tử ! Ví như nhà ông trưởng giả bị hỏa hoạn. Ông trưởng giả thấy rồi, chạy ra khỏi nhà, các con ông ở sau, chưa thoát được nạn lửa. Bây giờ, ông trưởng giả nhất định biết sự tai hại của lửa, vì các con nên quay trở lại xông vào cứu hộ, chẳng đoái hoài gì đến hiểm nạn ấy. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, tuy biết sinh tử có nhiều lỗi ác nhưng vì chúng sinh nên ở lại đó chẳng chán. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nay thiện nam tử ! Vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ Đề, thấy trong sinh tử có nhiều những lỗi ác, lòng liền thoái mất nên hoặc làm Thanh Văn, hoặc làm Duyên Giác. Nếu có Bồ tát nghe Kinh này thì nhất định chẳng thoái mất tâm Bồ Đề mà làm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Như vậy Bồ tát tuy lại chưa

vào bậc sơ địa Bất Động mà tâm kiên cố không có thoái mất. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nay thiện nam tử ! Nếu có người nói rằng, ta có thể bơi qua nước của biển cả. Lời nói như vậy có thể nghĩ bàn chăng ?

- Thưa đức Thế Tôn ! Lời nói như vậy, hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy ? Vì nếu người qua được thì chẳng thể nghĩ bàn. A tu la qua được thì có thể nghĩ bàn.

- Nay thiện nam tử ! Ta cũng chẳng nói A tu la mà chính là nói người vậy !

- Thưa đức Thế Tôn ! Trong loài người cũng có người có thể nghĩ bàn, có người chẳng thể nghĩ bàn. Thưa đức Thế Tôn ! Người cũng có hai hạng, một là Thánh nhân, hai là Phàm phu. Người Phàm phu thì chẳng thể nghĩ bàn. Người Thánh nhân thì có thể nghĩ bàn.

- Nay thiện nam tử ! Ta nói phàm phu, chẳng nói Thánh nhân.

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu là phàm phu thì quả thật chẳng thể nghĩ bàn !

- Nay thiện nam tử ! Người phàm phu thật chẳng thể qua được nước biển cả. Như vậy Bồ tát thật có thể qua khỏi biển cả sinh tử. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nay thiện nam tử ! Nếu có người có thể dùng tơ của ngó sen để treo núi Tu Di lên thì có thể nghĩ bàn chăng ?

- Chẳng vậy, thưa đức Thế Tôn !

- Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong khoảnh khắc một niệm có thể xung lường hết tất cả sinh tử ! Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát đã ở vô lượng Atăngkỳ kiếp thường quan sát sinh tử, vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh mà vì chúng sinh phân biệt diễn nói Thường-Lạc-Ngã-Tịnh, tuy nói như vậy nhưng chẳng phải là tà kiến. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nay thiện nam tử ! Như người vào trong nước mà nước chẳng thể nhận chìm vào trong lửa mạnh mà lửa chẳng thể thiêu đốt. Việc như vậy chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, tuy ở trong sinh tử nhưng chẳng bị sự náo hại của sinh tử. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nay thiện nam tử ! Con người có ba hạng là Thượng, Trung và Hạ. Người Hạ phẩm khi mới vào thai thì tác khởi ý nghĩ rằng : “Ta nay ở nơi nhà xí, chỗ mọi dơ bẩn tụ về, vùng đất tử thi, trong chỗ nhiều gai nhọn, chỗ rất đen tối”. Khi ra khỏi thai thì họ lại nghĩ rằng : “Ta nay ra khỏi nhà xí, ra khỏi chỗ mọi dơ bẩn... cho đến ra khỏi chỗ rất đen tối”. Người Trung phẩm

khi vào thai thì nghĩ rằng : “Ta nay vào trong rừng cây, trong dòng sông thanh tịnh, phòng ốc nhà cửa”. Khi ra cũng vậy. Người Thượng phẩm, khi vào thì nghĩ rằng : “Ta thăng lên điện đường, ở tại vùng rừng hoa, cưỡi ngựa, cưỡi voi đi lên núi cao”. Khi ra cũng vậy. Đại Bồ tát, khi mới vào thai tự biết vào, khi trụ biết trụ, khi ra biết ra nhất định chẳng sinh ra lòng tham, sân mà chưa được bậc trụ địa đầu tiên. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nay thiện nam tử ! Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác quả thật chẳng thể dùng thí dụ để làm so sánh. Nay thiện nam tử ! Tâm cũng chẳng thể dùng phương tiện thí dụ để làm so sánh mà đều có thể nói. Đại Bồ tát không có thầy hỏi han, thọ học mà có thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Được pháp này rồi lòng không keo kiệt tiếc lặn, Bồ tát thường vì chúng sinh mà diễn nói. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát có thân viễn ly (xa lìa) chẳng phải là miệng, có miệng viễn ly chẳng phải là thân, có chẳng phải thân miệng mà cũng viễn ly. Thân viễn ly là lìa khỏi sát sinh, trộm cắp, dâm dục. Đó gọi là thân viễn ly chẳng phải là miệng. Miệng viễn ly là lìa khỏi vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, lời nói vô nghĩa. Đó gọi là miệng viễn ly chẳng phải là thân. Chẳng phải thân chẳng phải miệng viễn ly là gọi sự xa lìa tham dục, sân nhuế, tà kiến. Nay thiện nam tử ! Đó gọi là chẳng phải thân chẳng phải miệng mà chính là viễn ly. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát chẳng thấy một pháp là thân, là nghiệp và cùng lìa khỏi chủ mà cũng có lìa. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Miệng cũng như vậy. Nay thiện nam tử ! Từ thân lìa khỏi thân, từ miệng lìa khỏi miệng, từ tuệ xa lìa chẳng phải thân, chẳng phải miệng. Nay thiện nam tử ! Thật có tuệ này nhưng chẳng thể khiến cho Bồ tát xa lìa. Vì sao vậy ? Nay thiện nam tử ! Không có một pháp có thể hủy hoại, có thể tạo tác. Tính pháp hữu vi sinh khác, diệt khác. Vậy nên tuệ này chẳng thể viễn ly. Nay thiện nam tử ! Tuệ này chẳng thể phá, lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể làm thối rửa, gió chẳng thể lay động, đất chẳng thể trì giữ, sinh chẳng thể sinh, già chẳng thể già, trụ chẳng thể trụ, hoại chẳng thể hoại, tham chẳng thể tham, sân chẳng thể sân, si chẳng thể si. Do tính hữu vi sinh khác, diệt khác nên Đại Bồ tát nhất định chẳng phát sinh ý niệm : “Ta dùng tuệ này phá các phiền não”. Mà tự nói rằng : “Ta phá phiền não”. Bồ tát tuy nói lời này nhưng chẳng phải là hư dối. Vậy nên lại gọi là là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con nay mới biết Đại Bồ tát chẳng thể nghĩ bàn. Phật pháp, chúng Tăng, Kinh Đại Niết Bàn và người thọ trì Bồ Đề Niết Bàn chẳng thể nghĩ bàn. Thưa đức Thế Tôn ! Phật pháp vô thượng sẽ trụ thế thời gian lâu mau mà diệt ?

- Nay thiện nam tử ! Như Kinh Đại Niết Bàn... cho đến có năm hạnh này là Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bệnh hạnh, Anh nhi hạnh (hạnh trẻ con) mà nếu đệ tử của ta có thể thọ trì, đọc tụng, ghi chép, diễn nói nghĩa của những điều ấy thì được sự cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường đủ thứ của các chúng sinh. Ông phải biết là lúc bấy giờ Phật pháp chưa diệt. Nay thiện nam tử ! Nếu Kinh Đại Niết Bàn lưu bố đầy đủ, đang lúc ấy mà các đệ tử của ta phạm cấm giới nhiều, tạo tác mọi điều ác, chẳng thể kính tín Kinh điển như vậy, do chẳng tin nên chẳng thể thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói nghĩa ấy, chẳng được sự cung kính... cho đến cúng dường của mọi người, thấy người thọ trì thì khinh chê, bài báng rằng : “Ông chính là bọn lục sư, chẳng phải đệ tử của Phật” thì phải biết là Phật pháp sắp diệt, chẳng còn bao lâu !

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con gần gũi theo đức Phật, nghe được nghĩa như vậy : “Pháp của đức Phật Ca Diếp trụ thế bảy ngày nhiên hậu diệt tận”. Thưa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai Ca Diếp có Kinh này chăng ? Như có Kinh ấy thì sao nói rằng diệt ? Còn như Kinh ấy không có thì sao nói rằng Kinh Đại Niết Bàn là tạng Bí mật của các đức Như Lai ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Ta nói ở trước rằng, chỉ có Văn Thù Sư Lợi mới giải được nghĩa này. Hôm nay ta sẽ nói một lần nữa, ông hãy chí tâm lắng nghe ! Nay thiện nam tử ! Các đức Phật Thế Tôn có hai thứ pháp, một là Thế pháp, hai là Đệ nhất nghĩa pháp. Thế pháp có thể diệt, Đệ nhất nghĩa pháp thì chẳng hoại diệt. Lại có hai thứ, một là Vô thường - Vô ngã - Vô lạc - Vô tịnh, hai là Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Vô thường, Vô lạc, Vô ngã, Vô tịnh thì có hoại diệt. Thường Lạc Ngã Tịnh thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là sự trì giữ của Nhị thừa, hai là sự trì giữ của Bồ tát. Sự trì giữ của Nhị thừa thì có hoại diệt, sự trì giữ của Bồ tát thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là ngoại, hai là nội. Ngoại pháp thì có hoại diệt, nội pháp thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là hữu vi, hai là vô vi. Pháp hữu vi thì có hoại diệt, pháp vô vi thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là có thể được, hai là chẳng thể được. Pháp có thể được thì có hoại diệt, pháp chẳng thể được thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là Cộng pháp, hai là Bất cộng pháp. Cộng pháp thì hoại diệt, Bất cộng pháp thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là trong người, hai là trong trời. Pháp trong người hoại diệt, pháp trong

trời thì không hoại diệt (?). Lại có hai thứ, một là mười một bộ Kinh, hai là Kinh Phương Đẳng. Mười một bộ Kinh thì có hoại diệt, Kinh điển Phương Đẳng không có hoại diệt. Nay thiện nam tử ! Nếu đệ tử của ta thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói Kinh điển Phương Đẳng, cung kính, tôn trọng, khen ngợi thì phải biết, lúc bấy giờ Phật pháp chẳng diệt. Nay thiện nam tử ! Câu hỏi của ông hướng về việc đức Như Lai Ca Diếp có Kinh này không ? Thì nay thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn đều là tạng bí mật của tất cả các đức Phật. Vì sao vậy ? Vì các đức Phật tuy có mười một bộ Kinh nhưng chẳng nói Phật tính, chẳng nói Như Lai Thường-Lạc-Ngã-Tịch, các đức Phật Thế Tôn vĩnh viễn chẳng rớt ráo vào với Niết Bàn. Vậy nên Kinh này gọi là Tạng bí mật của Như Lai, điều mà chẳng nói ở mười một bộ Kinh. Vậy nên gọi là Tạng. Như người có bảy báu, chẳng đem ra ngoài để dùng nên gọi đó là Tạng. Nay thiện nam tử ! Người đó sở dĩ tàng chứa vật này là vì việc chưa đến. Những gì là việc chưa đến ? Đó là lúa gạo khan hiếm, giặc đến xâm lấn đất nước, gặp phải vua ác dùng tiền chuộc mạng, nạn nguy cấp trên đường đi, của cải khó được... thì mới phải xuất ra để dùng. Nay thiện nam tử ! Tạng bí mật của các đức Phật Như Lai cũng lại như vậy, vì những Tỳ kheo ác ở đời vị lai nuôi chứa những vật bất tịnh, vì bốn chúng nói Như Lai rớt ráo vào với Niết Bàn, đọc tụng thế điển, chẳng kính Phật kinh... khi những việc ác như vậy hiện ở đời thì đức Như Lai vì muốn diệt những việc ác đó, khiến cho họ được xa lìa tà mạng, lợi dưỡng thì Như Lai vì họ diễn nói Kinh này. Nếu Kinh điển này, tạng bí mật của Như Lai biến mất thì phải biết là lúc bấy giờ Phật pháp diệt. Nay thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn thường trụ chẳng biến dị thì sao nạn hỏi rằng, thời đức Phật Ca Diếp có Kinh này không ? Nay thiện nam tử ! Thời đức Phật Ca Diếp, chúng sinh sở hữu, tham dục rất ít, trí tuệ nhiều thêm, các Đại Bồ tát điều hòa, nhu nhuyễn dễ giáo hóa, có đại uy đức, tông trì chẳng quên như Đại Tượng Vương, thế giới Phật thì thanh tịnh. Tất cả chúng sinh của thế giới đó đều biết Như Lai nhất định chẳng rớt ráo vào với Niết Bàn, thường trụ, bất biến.. nên tuy có Kinh điển này nhưng chẳng cần diễn nói. Nay thiện nam tử ! Đời nay, chúng sinh nhiều những phiền não, ngu si, vui quên, không có trí tuệ, nhiều những lưới nghi hoặc, tin căn chẳng thành lập, thế giới bất tịnh, tất cả chúng sinh đều cho là Như Lai vô thường, biến thiên, rớt ráo vào với Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên Như Lai diễn nói Kinh điển này. Nay thiện nam tử ! Pháp của các đức Phật Ca Diếp thật cũng chẳng diệt. Vì sao vậy ? Vì pháp thường trụ, bất biến. Nay thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh mà ngã thấy vô ngã - vô ngã thấy ngã, thường thấy vô thường - vô thường thấy thường, lạc thấy vô lạc - vô lạc thấy lạc, tịnh thấy bất tịnh - bất tịnh thấy tịnh, diệt thấy bất diệt - bất diệt thấy diệt, tội thấy chẳng phải tội - chẳng phải tội thấy tội, tội nhẹ thấy nặng - tội nặng thấy nhẹ, thừa thấy chẳng phải thừa - chẳng phải thừa thấy thừa, đạo thấy

chẳng phải đạo - chẳng phải đạo thấy đạo, thật là Bồ Đề thấy chẳng phải Bồ Đề - thật chẳng phải Bồ Đề thấy là Bồ Đề, khổ thấy chẳng phải khổ, tập thấy chẳng phải tập, diệt thấy chẳng phải diệt, thật thấy chẳng phải thật, thật là Thế đế thấy Đệ nhất nghĩa đế - Đệ nhất nghĩa đế thấy là Thế đế, qui (về) thấy chẳng phải qui - chẳng phải qui thấy qui, lấy lời Phật chân thật gọi là lời nói của ma, thật là lời nói của ma lấy làm lời nói của Phật.. Khi như vậy thì chư Phật mới nói Kinh Đại Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Thà nói vôi muối hút cạn đáy biển cả chớ chẳng thể nói rằng pháp Như Lai diệt ! Thà nói miệng thổi hoại tan núi Tu Di, chớ chẳng thể nói rằng pháp Như Lai diệt ! Thà nói dùng sợi tơ trời buộc gió mạnh, chớ chẳng thể nói rằng pháp Như Lai diệt ! Thà nói rằng trong lửa Khư đà la mọc ra hoa sen, chớ chẳng thể nói rằng pháp Như Lai diệt ! Thà nói thuốc A Đà Đà mà là độc dược chớ chẳng thể nói rằng pháp Như Lai diệt ! Thà nói mặt trăng có thể làm cho nóng, mặt trời có thể làm cho lạnh, chớ chẳng thể nói rằng pháp Như Lai diệt ! Thà nói bốn đại đều bỏ tính của mình, chớ chẳng thể nói rằng pháp Như Lai diệt ! Nay thiện nam tử ! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, chưa có đệ tử lý giải nghĩa thậm thâm mà đức Phật Thế Tôn đó liền nhập Niết Bàn thì phải biết là pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, có các đệ tử lý giải nghĩa thậm thâm thì tuy Phật Niết Bàn, nhưng phải biết là pháp đó trụ thế lâu dài. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, tuy có đệ tử giải được nghĩa thậm thâm nhưng không có đàn việt bạch y dốc lòng tin kính trọng Phật pháp mà Phật liền Niết Bàn thì phải biết là pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, có các đệ tử giải được nghĩa thậm thâm, có nhiều đàn việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng Phật pháp thì tuy Phật Niết Bàn, nhưng phải biết là Phật pháp trụ ở đời lâu dài. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, có các đệ tử giải được nghĩa thậm thâm, tuy có đàn việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng Phật pháp nhưng mà các đệ tử diễn nói kinh pháp vì tham lợi dưỡng, chẳng vì Niết Bàn, Phật lại diệt độ thì phải biết là pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, có các đệ tử giải được nghĩa thậm thâm, lại có đàn việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng Phật pháp, các đệ tử của đức Phật đó, phàm diễn nói kinh pháp, chẳng tham lợi dưỡng vì cầu Niết Bàn thì tuy đức Phật diệt độ nhưng phải biết là pháp đó trụ ở đời lâu dài. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, tuy có đệ tử giải được nghĩa thậm thâm, lại có đàn việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng Phật pháp mà các đệ tử

dấy lên nhiều tranh cãi phải trái lẫn nhau, Phật lại Niết Bàn thì phải biết là pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, có các đệ tử giải được nghĩa thậm thâm, lại có đàn việt bạch y dóc lòng tin, kính trọng Phật pháp, các đệ tử của đức Phật đó tu hòa hợp kính Pháp, chẳng tranh phải, trái tôn trọng lẫn nhau thì Phật tuy Niết Bàn nhưng phải biết pháp đó trụ lâu chẳng diệt. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, tuy có đệ tử giải được nghĩa thậm thâm, lại có đàn việt bạch y dóc lòng tin, kính trọng Phật pháp, các đệ tử của đức Phật ấy vì Đại Niết Bàn mà diễn nói pháp, cung kính lẫn nhau, chẳng khởi lên tranh cãi, nhưng nuôi chứa tất cả vật bất tịnh, lại tự khen rằng, ta được quả Tu đà hoàn... cho đến quả A la hán, đức Phật lại Niết Bàn thì phải biết là pháp đó trụ thế chẳng lâu. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu Phật mới xuất hiện được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, có các đệ tử giải được nghĩa thậm thâm, lại có đàn việt bạch y dóc lòng tin, kính trọng Phật pháp, các đệ tử của đức Phật đó vì Đại Niết Bàn diễn nói Kinh pháp, khéo tu hòa kính, tôn trọng lẫn nhau, chẳng nuôi chứa tất cả vật bất tịnh, cũng chẳng nói rằng được Tu đà hoàn... cho đến A la hán, đức Phật Thế Tôn đó tuy lại diệt độ, nhưng phải biết là pháp đó trụ ở đời lâu dài. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, có các đệ tử... cho đến chẳng nuôi chứa vật bất tịnh, lại chẳng tự nói rằng được Tu đà hoàn... cho đến A la hán, nhưng đều chấp sở kiến, đủ thứ dị thuyết mà nói lên rằng : “Thưa trưởng lão ! Việc chế ra bốn trọng pháp... cho đến bảy pháp diệt tránh (diệt tranh cãi), vì chúng sinh nên hoặc ngăn (già) hoặc mở (khai), mười hai bộ Kinh cũng lại như vậy. Vì sao vậy ? Vì Phật biết đất nước, thời tiết đều khác, chúng sinh chẳng đồng, độn căn, lợi căn sai biệt. Vậy nên đức Như Lai hoặc ngăn, hoặc mở, có khinh, có trọng mà nói. Này thiện nam tử ! Ví như vị lương y vì bệnh cho uống sữa, vì bệnh ngăn uống sữa, bệnh nóng thì cho uống, bệnh lạnh thì ngăn. Đức Như Lai cũng vậy, quan sát bệnh căn phiền não của chúng sinh nên cũng mở, cũng ngăn. Thưa trưởng lão ! Tôi thân cận theo đức Phật nghe được nghĩa như vậy. Chỉ có tôi biết nghĩa, còn ông thì chẳng thể biết. Chỉ có tôi giải được Luật, còn ông thì chẳng thể giải. Tôi biết các Kinh, còn ông thì chẳng thể biết”. Đức Phật đó lại diệt độ thì phải biết pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, có các đệ tử... cho đến chẳng nói rằng, ta được quả Tu đà hoàn đến quả A la hán, cũng chẳng nói rằng : “Các đức Phật Thế Tôn vì chúng sinh nên hoặc ngăn, hoặc mở, thưa trưởng lão ! Tôi thân cận theo đức Phật nghe nghĩa như vậy, Pháp như vậy, Luật như vậy ! Thưa trưởng lão ! Phải nương vào mười hai bộ Kinh của Như Lai. Nghĩa này như vậy thì tôi thọ trì, như chẳng phải nghĩa ấy thì tôi sẽ xả

bỏ...” Tuy đức Phật Thế Tôn đó lại Niết Bàn, nhưng phải biết là pháp đó trụ ở đời lâu dài. Nay thiện nam tử ! Khi pháp của ta diệt, có hàng đệ Thanh Văn, hoặc nói có Thần, hoặc nói Thần rỗng không, hoặc nói có âm bên trong, hoặc nói không âm bên trong, hoặc nói có ba đời, hoặc nói không ba đời, hoặc nói có ba thừa, hoặc nói không ba thừa, hoặc nói tất cả hữu, hoặc nói tất cả không, hoặc nói chúng sinh có thì có chung, hoặc nói chúng sinh vô thì vô chung, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp vô vi, hoặc nói Như Lai có bệnh khổ hạnh, hoặc nói Như Lai không bệnh khổ hạnh, hoặc nói Như Lai chẳng cho Tỳ kheo ăn mười thứ thịt. Những gì là mười ? Đó là thịt người, rắn, voi, ngựa, lừa, chó, sư tử, heo, chồn, khi đốt. Những thứ còn lại ấy đều cho ăn. Hoặc nói tất cả chẳng cho ăn. Hoặc nói Tỳ kheo chẳng làm năm việc. Những gì là năm ? Là chẳng bán miệng sống, dao, rượu, cát sông, dầu mè; số còn lại ấy đều cho làm. Hoặc nói chẳng cho vào năm thứ nhà. Những gì là năm ? Đó là nhà đũa giết mổ, nhà dâm nữ, nhà bán rượu, cung vua, nhà Chiên đà la. Số nhà còn lại đều cho vào. Hoặc nói chẳng cho mặc áo Kiều xa gia, số còn lại tất cả đều cho. Hoặc nói Như Lai cho các Tỳ kheo nhận lấy áo quần, đồ ăn, ngọa cụ mà giá trị những đồ ấy đến hàng mười vạn lượng vàng, hoặc nói chẳng cho. Hoặc nói Niết Bàn Thường-Lạc-Ngã-Tĩnh. Hoặc nói Niết Bàn chính là kết sử hết, lại không có thứ biệt pháp gọi là Niết Bàn. Ví như dệt sợi tơ gọi đó là áo mà áo đã hoại rồi thì gọi là không có áo. Thật ra không có biệt pháp gọi là không có áo. Thế của Niết Bàn cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Đang lúc ấy, đệ tử của ta, người nói chân chính thì ít, kẻ nói tà bậy thì nhiều, người thọ chính pháp thì ít, kẻ thọ tà pháp thì nhiều, người thọ lời Phật thì ít, kẻ thọ lời ma thì nhiều ! Nay thiện nam tử ! Lúc bấy giờ, nước Câu Diệm Di có hai đệ tử, một là A la hán, hai là phá giới. Đồ chúng của người phá giới có đến năm trăm người, đồ chúng của vị A la hán có chừng một trăm người. Người phá giới nói rằng : “Đức Như Lai rất ráo vào với Niết Bàn, ta gần gũi theo đức Phật nghe được nghĩa như vậy. Như Lai đã chế ra bốn trọng pháp mà nếu giữ gìn thì cũng có thể phạm, cũng không có tội. Ta nay cũng được quả A la hán, bốn vô ngại trí mà A la hán cũng phạm bốn trọng pháp như vậy. Bốn trọng pháp nếu là tội chân thật thì A la hán nhất định chẳng nên phạm. Đức Như Lai tại thế chế rằng, kiên trì đến khi Niết Bàn thì đều buông bỏ hết”. Vị Tỳ kheo A la hán nói rằng : “Thưa trưởng lão ! Ngài chẳng nên nói Như Lai rất ráo vào với Niết Bàn ! Tôi biết Như Lai thường trụ chẳng biến dị. Đức Như Lai tại thế và sau khi Niết Bàn, phạm bốn trọng cấm, tội không sai biệt. Nếu nói A la hán phạm bốn trọng cấm thì nghĩa đó chẳng vậy. Vì sao vậy ? Vì người Tu đà hoàn còn chẳng phạm cấm giới, huống gì là A la hán ? Nếu trưởng lão nói rằng, ta là A la hán, thì A la hán nhất định chẳng sinh ra tư tưởng ta được A la hán. A la hán thì chỉ nói

pháp thiện, chẳng nói pháp bất thiện. Lời nói của trưởng lão đều thuần là phi pháp. Nếu người có được thấy mười hai bộ Kinh thì nhất định biết trưởng lão chẳng phải là A la hán”. Nay thiện nam tử ! Lúc bấy giờ, đề chúng của Tỳ kheo phá giới liền cùng nhau giết chết vị A la hán. Nay thiện nam tử ! Khi đó ma vương nhân lòng phần hận của hai chúng đó nên đều hại hết sáu trăm vị Tỳ kheo này. Bấy giờ, người phạm phụ đều cùng nói rằng : “Thương thay ! Phật pháp đến đây đã diệt tận !” Mà chính pháp của ta thật chẳng diệt vậy. Lúc bấy giờ, nước ấy có mười hai vạn những vị Đại Bồ tát giới hộ trì pháp của ta thì sao phải nói pháp của ta diệt vậy ? Đang khi ấy, bên trong cõi Diêm phù đề không có một vị Tỳ kheo làm đệ tử của ta. Lúc bấy giờ, ma Ba Tuần dùng lửa lớn đốt cháy tất cả Kinh điển sẵn có ở đó. Trong số Kinh điển ấy, nếu có còn sót lại thì các Bà la môn liền trộm lấy, khắp nơi nơi nhặt nhạnh đem an trí vào Kinh điển của mình. Do nghĩa này nên khi Phật chưa xuất hiện thì các tiểu Bồ tát cùng theo tín thọ lời nói của Bà la môn. Các thầy Bà la môn tuy nói lời rằng : “Ta có trai giới mà các ngoại đạo chân thật là không vậy” nhưng các ngoại đạo.v.v...tuy lại nói rằng, có Ngã, Lạc, Tịnh nhưng mà thật chẳng thể giải được nghĩa Ngã, Lạc, Tịnh. Những dùng một chữ, hai chữ, một câu, hai câu của Phật pháp mà nói rằng, Kinh điển của ta có nghĩa như vậy.

Lúc bấy giờ, vùng Ta La Song Thọ ở thành Câu Thi Na, vô lượng vô biên Atăngky chúng nghe lời nói này rồi đều chung nhau xưng lên rằng :

- Thế gian rộng không ! Thế gian rộng không !

Bồ tát Ca Diếp bảo các đại chúng rằng :

- Các ông hãy chớ ưu sầu gào khóc ! Thế gian chẳng rộng không ! Như Lai thường trụ, không có biến dị ! Pháp, Tăng cũng vậy !

Lúc bấy giờ, đại chúng nghe lời này rồi, gào khóc liền dừng lại, đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ mười sáu hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 17

PHẨM PHẠM HẠNH (tiếp theo)

Lúc bấy giờ, vua A Xà Thế của thành lớn Vương Xá, tính ông ấy tệ ác, ưa hành động giết hại, miệng đủ bốn lối ác. Tham dục, sân nhuế, ngu si hùng hực trong lòng ông ấy. Ông chỉ thấy hiện tại, chẳng thấy vị lai, thuận dùng người ác làm quyền thuộc, tham trước năm dục lạc đời hiện tại. Phụ vương không tội, ông ngang ngược gia thêm nghịch hại. Nhân hại cha rồi, lòng sinh ra hối hận nóng nảy, thần cõi bỏ chuỗi ngọc, kỹ nhạc chẳng ngự xem. Lòng hối hận, nóng nảy nên khắp thân thể sinh ra ghẻ lở. Ghẻ lở ấy hồi thối, dơ bẩn, chẳng thể đến gần, ông liền tự nghĩ rằng : “Ta hôm nay, thân đã chịu hoa báo, còn quả báo địa ngục sẽ gần chẳng xa”. Lúc bấy giờ, mẹ ông ấy tên là Vi Đề Hy, dùng đủ thứ thuốc mà thoa thì ghẻ ấy liền tăng thêm, không có giảm bớt. Vua liền thưa mẹ rằng : “Như vậy ghẻ lở từ lòng mà sinh ra chẳng phải do bốn đại khởi lên. Nếu nói rằng, chúng sinh có thể trị được thì không có điều đó”. Có vị đại thần tên là Nguyệt Xứng, đến chỗ nhà vua, đứng ở một bên, tâu rằng : “Thưa đại vương ! Vì sao ưu sầu, tiều tụy, dung nhan chẳng vui ? Vì thân đau à ? Hay vì lòng đau ư ?” Nhà vua đáp lời bề tôi rằng : “Ta nay thân tâm đâu được chẳng đau ! Cha ta không tội mà ngang ngược gia thêm nghịch hại ! Ta theo người trí từng nghe nghĩa này. Đời có năm hạng người chẳng thoát được địa ngục, gọi là ngũ nghịch tội. Ta nay đã có ở vô lượng vô biên atăng kỳ tội thì sao thân tâm mà chẳng bị đau ? Lại không có lương y trị liệu cho thân tâm của ta”. Vị đại thần tâu rằng : “Thưa đại vương ! Ngài chớ sầu khổ” liền nói kệ rằng :

| | |
|---------------------|---------------------|
| Nếu thường sầu khổ | Sầu liền lớn lên |
| Như người ưa ngủ | Thì ngủ nhiều thêm. |
| Tham dâm, thềm rượu | Cũng lại như trên. |

Như lời nhà vua nói, đời có năm hạng người chẳng thoát khỏi địa ngục, ai đến đó thấy mà về nói với vua vậy ? Người nói địa ngục chính là người nhiều trí của thế gian nói. Như lời vua nói, đời không có lương y trị thân tâm thì hôm nay có vị đại lương y tên là Phú Lan Na, tất cả thấy biết, được tự tại định, rót ráo tu tập phạm hạnh thanh tịnh, thường vì vô lượng vô

biên chúng sinh mà diễn nói đạo Niết Bàn Vô thượng. Ông vì các đệ tử nói pháp như vậy : Không có nghiệp đen, không nghiệp báo đen, không có nghiệp trắng, không nghiệp báo trắng, không có nghiệp đen trắng, không nghiệp báo trắng đen, không có nghiệp trên và cả nghiệp dưới. Vị thầy này nay ở tại trong thành Vương Xá. Nguyên xin đại vương chịu khuất, xa giá đến đó, có thể khiến cho vị thầy đó trị liệu thân tâm cho ngài. Nhà vua đáp rằng : “Xét có thể quả đúng như vậy, diệt trừ được tội của ta thì ta sẽ qui y !”

Lại có một vị bề tôi tên là Tạng Đức, lại đến chỗ nhà vua mà nói lên rằng : “Thưa đại vương ! Vì sao diện mạo ngài tiêu tụy, môi miệng khô cháy, âm thanh vi tế giống như người khiếp nhược nhìn thấy oán địch lớn. Nhan sắc ngài biến đổi thâm hại vì nỗi khổ gì đây ? Vì thân đau à ? Hay vì lòng đau ư ?” Nhà vua liền đáp rằng : “Ta nay thân tâm làm sao chẳng đau? Ta đã ngu si, mù tối, không có mắt tuệ, gần bạn ác mà làm thân thiện, theo lời người ác Đề Bà Đạt Đa, vua của Chánh pháp, ngang ngược gia thêm nghịch hại. Ta xưa từng nghe người trí nói kệ rằng :

| | |
|-----------------------|--------------------|
| Nếu với song thân | Phật và đệ tử |
| Sinh chẳng thiện tâm | Khởi lên nghiệp ác |
| Như vậy quả đền (báo) | Tại A Tỳ ngục. |

Do việc này nên khiến cho lòng ta sợ, sinh ra khổ não lớn, lại không có lương y mà cứu vớt, trị liệu cho”. Vị đại thần lại tâu rằng : “Nguyên xin đại vương hãy chớ buồn sợ ! Pháp có hai thứ, một là xuất gia, hai là vương pháp. Vương pháp thì gọi việc hại cha ấy là vua đất nước. Tuy gọi là nghịch nhưng thật không có tội, như con trùng ca la la cần phải phá hoại bụng của mẹ, rồi nhiên hậu mới sinh ra. Phép sinh như vậy, tuy phá hoại thân mẹ nhưng thật cũng không tội. Con la (loa) mang thai .v.v... cũng lại như vậy. Phép trị nước, phương pháp nên như vậy, tuy giết hại cha, anh nhưng thật không có tội. Phép xuất gia thì thậm chí giết con muỗi, con kiến cũng có tội. Nguyên xin đại vương ý thoáng rộng chớ buồn. Vì sao vậy ? Vì :

| | |
|---------------------|--------------------|
| Nếu thường sầu khổ | Sầu liền lớn lên |
| Như người ưa ngủ | Thì ngủ nhiều thêm |
| Tham dâm, thèm rượu | Cũng lại như trên. |

Như lời vua nói, đời không lương y trị liệu thân tâm, thì nay có đại sư tên là Mạt Đà Lê Câu Xá Ly tử đủ tất cả tri kiến, thương xót chúng sinh giống như con đò, đã lia khỏi phiền não, có thể nhổ ba mũi tên bèn độc hại, tất cả chúng sinh đối với tất cả pháp không biết, thấy, giác, chỉ một người này độc nhất biết-thấy-giác. Đại sư như vậy thường vì đệ tử nói pháp như vậy : Thân của tất cả chúng sinh có bảy thành phần. Những gì là bảy ? Đó là đất, nước, lửa, gió, khổ, lạc, thọ mạng. Bảy pháp như vậy chẳng phải hóa, chẳng phải tác, chẳng thể hủy hại như cỏ Y Sư Ca, an trụ chẳng động như núi Tu Di, chẳng xả (bỏ), chẳng tác giống như cao sữa, đều chẳng tranh tụng, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc thiện, hoặc chẳng thiện, lao vào dao bèn không bị tổn thương. Vì sao vậy ? Vì trong bảy thành phần rỗng không không có phương hại nên mạng cũng không hại. Vì sao vậy ? Vì không có hại và chết nên không tác, không thọ, không nói, không nghe, không có niệm và giáo (dạy bảo) thì thường nói pháp này có thể khiến cho chúng sinh diệt trừ tất cả vô lượng tội nặng. Vị thầy này nay ở tại đại thành Vương Xá, nguyện xin đại vương đi đến nơi ấy ! Nhà vua nếu thấy ông ấy thì mọi tội tiêu trừ”. Nhà vua đáp rằng : “Xét có thể quả đúng như vậy, trừ diệt được tội của ta thì ta sẽ qui y”.

Lại có một đại thần tên là Thật Đắc, lại đến chỗ vua, liền nói kệ rằng :

| | |
|--------------------------------|---------------------|
| Vì sao Đại vương | Thân cỡi chuỗi ngọc |
| Đầu tóc rối tung | Đến nổi như vậy ? |
| Vì sao vương thân (thân vua) | Chẳng yên, run rẩy |
| Giống như mãnh phong(gió mạnh) | Thổi cây hoa động ? |

Đức vua hôm nay vì sao dung sắc ưu sầu tiêu tụy giống như nông phu sau khi xuống giống mà trời chẳng tuông mưa. Ngài sầu khổ như vậy là chính lòng đau hay là thân đau vậy ?” Nhà vua liền đáp rằng : “Ta hôm nay, thân tâm há được chẳng đau sao ? Cha ta, đáng tiên vương, từ ái nhân đức, những thấy nghĩ mà thương, không có lỗi lầm. Vua cha có lần đến hỏi thầy tướng, thầy tướng đáp rằng, sinh đứa con này rồi, nhất định về sau sẽ hại cha. Tuy nghe lời nói này nhưng vua còn nâng niu nuôi dưỡng. Ta từng nghe kẻ trí nói rằng, nếu người thông dâm với mẹ và Tỳ kheo ni, ăn trộm đồ vật của tăng kỳ, giết người phát tâm Bồ Đề và hại cha của mình... người như vậy nhất định sẽ đọa địa ngục A Tỳ. Ta nay thân tâm há được chẳng đau sao ?”

Vị đại thần lại nói rằng : “Nguyện xin đại vương hãy chớ sầu khổ ! Như tu giải thoát mà hại vua cha ấy thì có tội. Nếu theo pháp trị nước mà giết thì không tội. Thưa đại vương ! Chẳng phải pháp thì gọi là vô pháp mà vô pháp thì gọi là vô pháp. Ví như không con thì gọi là vô tử, cũng như ác tử (con xấu) cũng gọi là vô tử. Tuy nói rằng, không con nhưng thật chẳng phải là không con. Như ăn không muối gọi là không muối, nếu ăn ít muối cũng gọi là không muối. Như dòng sông không nước gọi là không nước, nếu có ít nước cũng gọi là không nước. Như từng niệm từng niệm diệt gọi là vô thường, tuy trụ một kiếp cũng gọi là vô thường. Như người chịu khổ gọi là không vui, tuy hưởng ít vui cũng gọi là không vui. Như chẳng tự tại gọi là vô ngã, tuy ít tự tại cũng gọi là vô ngã. Như khi đêm tối gọi là không mặt trời, khi mây mù cũng nói rằng không mặt trời. Thưa đại vương! Tuy nói rằng ít pháp gọi là vô pháp nhưng thật chẳng phải không có pháp ! Nguyện xin đức vua để lòng nghe lời nói của thần, tất cả chúng sinh đều có dư nghiệp. Do nghiệp duyên nên đôi khi thọ sinh tử. Nếu giả sử đáng tiên vương có dư nghiệp mà hôm đức vua hại ngài xong thì có tội gì ? Nguyện xin đại vương rộng thoáng tâm ý, chớ ưu sầu ! Vì sao vậy ? Vì :

Nếu thường sầu khổ Sầu khổ lớn lên

Như người ưa ngủ Thì ngủ nhiều thêm

Tham dâm, thích rượu Cũng lại như trên.

Như lời vua nói, đời không có lương y trị liệu thân tâm thì hôm nay có đại sư tên là San Xà Gia Tỳ La Đề tử, tất cả thấy, biết, trí thầy ấy uyên thâm giống như biển cả, có uy đức lớn, đủ đại thần thông, có thể khiến cho chúng sanh lìa khỏi các lưới nghi, tất cả chúng sinh chẳng biết, thấy, giác, chỉ độc một người này là biết, thấy, giác. Hôm nay vị đại sư này trụ ở gần thành Vương Xá, vì các đệ tử nói pháp như vậy : Trong tất cả chúng, nếu là vương giả thì tự tại tùy ý tạo tác thiện ác. Tuy làm mọi ác nhưng đều không có tội. Như lửa thiêu đốt vật không phân biệt tịnh hay chẳng tịnh, vua cũng như vậy, cùng với lửa đồng tính. Vì như đại địa, sạch, dơ đều chở hết. Tuy làm việc đó mà đất không giận hay mừng, vua cũng như vậy, cùng với đất đồng tính. Ví như tính của nước, sạch dơ đều tẩy rửa. Tuy làm việc đó mà nước cũng không lo hay mừng, vua cũng như vậy, cùng với nước đồng tính. Ví như tính của gió, sạch hay dơ đều thổi. Tuy làm việc đó mà gió cũng không lo hay mừng, vua cũng như vậy, cùng với gió đồng tính. Như mùa thu cây trụi cành lá, mùa xuân thì trở lại sinh ra. Tuy trọc trụi cành lá nhưng thật không có tội. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, mạng chung chỗ này trở

lại sinh ra chỗ kia. Do sinh ra trở lại mà phải có tội sao? Quả báo khổ vui của tất cả chúng sinh đều chẳng do nghiệp của đời hiện tại. Nhân tại quá khứ thì hiện tại thọ quả. Hiện tại mà không nhân thì vị lai không quả. Do quả báo hiện tại nên chúng sinh trì giới, siêng tu tinh tấn, ngăn chặn quả ác hiện tại. Do trì giới nên được vô lậu. Được vô lậu nên hết nghiệp hữu lậu. Do hết nghiệp nên mọi khổ được hết mà mọi khổ hết nên được giải thoát. Nguyên xin đại vương hãy mau đến chỗ vị đại sư ấy, để cho ông ấy trị liệu sự thống khổ của thân tâm ngài. Đức vua nếu thấy vị đại sư ấy thì mọi tội tiêu trừ”. Nhà vua liền đáp rằng : “Xét đúng có vị đại sư này, có thể trừ được tội của ta thì ta sẽ qui y”.

Lại nữa, có một đại thần tên là Tất Tri Nghĩa, lại đến chỗ nhà vua mà nói rằng : “Đức vua hôm nay vì sao hình dung chẳng đoan nghiêm như người mất nước, như suối khô, ao cạn, không hoa sen, cây không hoa lá, như Tỳ kheo phá giới, thân không uy đức, vì thân đau ? Hay vì lòng đau u?” Nhà vua đáp rằng : “Ta nay thân tâm há được chẳng đau sao ? Cha ta, đáng tiên vương từ ái lưu niệm, nhưng ta bất hiếu, chẳng biết báo ơn. Ngài thường dùng an lạc để an lạc cho ta mà ta bội ân, phản nghịch cắt đứt niềm an lạc ấy. Đáng tiên vương không tội mà ta ngang ngược dấy khởi nghịch hại. Ta cũng từng nghe kẻ trí nói rằng, nếu có người hại cha thì sẽ ở trong vô lượng atăngki kiếp, thọ đại khổ não. Ta nay chẳng bao lâu nữa nhất định rơi vào địa ngục mà lại không có lương y cứu tế, trị liệu tội của ta”. Vị đại thần liền nói rằng : “Nguyên xin đại vương buông bỏ sầu khổ ! Đức vua chẳng nghe sao ? Thuở xưa có một vị vua tên là La Ma hại cha mình, rồi được nối ngôi vua. Đại vương Bạt Đề, vua Tỳ Lô Chân, vua Na Hầu Sa, vua Ca Đế Ca, vua Tỳ Xá Khư, vua Nguyệt Quang Minh, vua Nhật Quang Minh, vua Ái, vua Trì Đa Nhân.v.v... những vua như vậy đều hại cha của mình để được nối ngôi vua, nhưng không có một vị vua nào vào địa ngục cả. Ở hiện tại hôm nay, vua Tỳ Lưu Ly, vua Ưu Đà Na, vua Ác Tính, vua Thử (chuột), vua Liên Hoa.v.v.. Những vua như vậy đều hại cha mình mà đều không một vị vua nào sinh ra sầu não cả. Tuy nói rằng, trong địa ngục, ngã quỷ, trời nhưng nào có ai thấy đâu ? Thừa đại vương ! Chúng ta chỉ thấy có hai con đường, một là đường làm người, hai là đường súc sinh thôi ! Tuy có hai lối đó nhưng chẳng phải là nhân duyên sinh, chẳng phải là nhân duyên chết. Nếu chẳng phải do nhân duyên thì làm gì có thiện ác ! Nguyên xin đại vương chớ ôm lòng buồn sợ. Vì sao vậy ? Vì :

Nếu thường sầu khổ

Sầu liền tăng lên

Như người ưa ngủ

Thì ngủ nhiều thêm

Tham dâm, thích rượu

Cũng lại như trên.

Như lời đại vương nói, đòi không lương y trị liệu thân tâm, thì nay có đại sư tên là A Kỳ Đa Xí Xá Khâm Bà La, tất cả đều thấy biết, quan sát vàng cùng đất bình đẳng không hai, kẻ cầm dao chặt vào hông phải, người trát chiên đàn hông trái, đại sư ấy đối với hai người này, lòng không sai khác, bình đẳng nhìn kẻ oán người thân, lòng không dị tướng. Vị thầy này chân thật là lương y của đời, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm luôn ở tại tam muội, lòng không phân tán. Ngài bảo các đệ tử rằng, hoặc tự làm hoặc dạy người khác làm, hoặc tự chặt hoặc dạy người khác chặt, hoặc tự nướng hoặc dạy người khác nướng, hoặc tự hại hoặc dạy người khác hại, hoặc tự ăn trộm hoặc dạy người khác ăn trộm, hoặc tự dâm dục hoặc dạy người khác dâm dục, hoặc tự nói dối hoặc dạy người khác nói dối, hoặc tự uống rượu hoặc dạy người khác uống rượu, hoặc giết chết một làng, một thành, một nước hoặc dùng bánh xe dao (đao luân) giết chết tất cả chúng sinh, hoặc ở phía Nam sông Hằng bố thí chúng sinh mà ở phía Bắc sông Hằng thì sát hại chúng sinh... Tất cả đều không có tội phước, không có thí, giới, định. Hiện nay vị đại sư ấy trụ ở gần thành Vương Xá, nguyện xin đại vương đến đó mau ! Đại vương nếu thấy vị ấy thì mọi tội trừ diệt hết”. Nhà vua nói rằng : “Này đại thần ! Xét nếu có thể đúng như vậy, trừ diệt được tội của ta thì ta sẽ qui y”.

Lại có vị đại thần tên là Cát Đức, lại đến chỗ nhà vua mà nói lên rằng : “Đức vua hôm nay vì sao mặt ngài không ngời sáng ? Sao như ánh đèn trong ánh sáng mặt trời ? Như mặt trăng lúc ban ngày ? Như đất hoang hóa ? Thưa đại vương ! Hôm nay, bốn phương thanh bình, không có những oán địch mà vì sao đức vua sầu khổ như vậy ? Vì thân khổ sao ? Vì tâm khổ ư ? Có các vương tử thường sinh ý niệm này, ta nay khi nào được tự tại ? Thưa đại vương ! Hôm nay ngài đã thỏa nguyện tự tại ! Đức vua thống lĩnh nước Ma Đà Đà, bảo tàng của tiên vương đã được đầy đủ thì chỉ phải khoái ý mặc tình hưởng thụ lạc thú ! Ngài ôm mãi sầu não như vậy để làm gì ?” Nhà vua liền đáp rằng : “Ta nay làm sao được phép chẳng sầu não ? Này đại thần ! Ví như người ngu chỉ tham vị ngon ấy mà chẳng thấy lưỡi dao bén, như ăn tạp độc mà chẳng thấy cái hại của độc ấy, ta cũng như vậy. Như con hươu thấy cỏ mà chẳng thấy hổ sâu, như con chuột tham ăn mà chẳng thấy mèo chồn, ta cũng như vậy. Ta thấy niềm vui hiện tại mà chẳng thấy quả khổ chẳng lành đời sau. Ta từng theo bậc trí giả nghe lời nói như vậy : “Thà trọn ngày chịu đựng ba trăm lần giáo dâm, chớ chẳng đối với cha mẹ sinh ra một ý niệm ác ! Ta nay đã gần với lửa rục địa ngục thì làm sao được phép chẳng

sâu nào vậy ?” Vị đại thần lại tâu rằng : “Ai đến dối gạt đức vua rằng có địa ngục ? Như cây nhọn đâm vào đầu là sự tạo ra của ai ? Chim bay khác màu lại ai làm ra ? Tính nước thấm nhuần, tính đá cứng chắc, như gió tính động, như lửa tính nóng... tất cả muôn vật tự chết tự sinh, những sự tạo tác này của ai ? Nói rằng, địa ngục chỉ những là sự tạo tác văn từ của bậc trí giả. Nói địa ngục là có nghĩa gì ? Bề tôi sẽ giải nói, địa là gọi đất, ngục là gọi phá. Phá đối với địa ngục không có tội báo. Đó gọi là địa ngục. Lại nữa, địa là gọi người, ngục là gọi trời. Do hại cha mình nên đến với người, trời. Do nghĩa này nên tiên nhân Bà Tâu xướng lên rằng : Giết dê được niềm vui người trời. Đó gọi là địa ngục. Lại nữa, địa là gọi mạng, ngục là gọi dài. Do giết sự sống nên được thọ mạng lâu dài nên gọi là địa ngục. Thưa đại vương ! Vậy nên ngài phải biết thật không có địa ngục. Thưa đại vương ! Như gieo lúa mì được lúa mì, gieo lúa nước được lúa nước, giết địa ngục thì trở lại được địa ngục, giết hại người nên trở lại được làm người. Thưa đại vương ! Hôm nay, ngài phải nghe lời nói của thần là thật không có sự giết hại. Nếu có ngã thì thật cũng không hại. Nếu vô ngã thì lại không có cái bị hại. Vì sao vậy ? Vì nếu có ngã thì thường trụ, chẳng biến dị. Do thường trụ nên chẳng thể giết hại. Chẳng phá, chẳng hoại, chẳng ràng, chẳng buộc, chẳng giận, chẳng mừng giống như hư không thì sao gọi rằng phải có tội giết hại ? Nếu vô ngã thì các pháp vô thường. Do vô thường nên từng niệm từng niệm hoại diệt mà nếu từng niệm từng niệm diệt thì cái giết cái chết đến từng niệm từng niệm diệt. Nếu từng niệm từng niệm diệt thì ai phải có tội ? Thưa đại vương ! Như lửa đốt cây, lửa thì không tội, như búa chặt cây, búa cũng không tội, như liềm cắt cỏ, liềm thật không tội, như dao giết người, dao thật chẳng phải là người mà dao đã không tội thì người làm sao gọi là tội ? Như độc giết người, độc thật chẳng phải là người. Thuốc độc không tội thì người sao gọi là tội ? Tất cả muôn vật đều cũng như vậy, thật không giết hại thì sao gọi là có tội ? Nguyện xin đại vương chớ sinh sâu khổ ! Vì sao vậy ? Vì :

Nếu thường sâu khổ Sâu liền tăng lên

Như người ưa ngủ Thì ngủ nhiều thêm

Tham dâm, thích rượu Cũng lại như trên.

Như lời vua nói, đời không có lương y trị liệu nghiệp ác thì hôm nay có vị đại sư tên là Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên, tất cả đều tri kiến, sáng tỏ ba đời, ở trong khoảnh khắc một niệm có thể thấy vô lượng vô biên thế giới và nghe tiếng cũng vậy, có thể khiến cho chúng sinh xa lìa tội lỗi ác. Ví như sông Hằng, hoặc trong, hoặc ngoài những tội sở hữu đều thanh tịnh hết, vị

đại lương y này cũng lại như vậy, có thể trừ diệt mọi tội trong ngoài của chúng sinh. Vị đại sư ấy vì các đệ tử nói pháp như vậy : Nếu người giết hại tất cả chúng sinh mà lòng không tầm quý thì nhất định chẳng đọa vào ác đạo, giống như hư không chẳng thọ bụi, nước. Người có tầm quý thì liền vào địa ngục, giống như nước lớn thấm tháp ở đất. Tất cả chúng sinh đều là sự tạo tác của trời Tự Tại. Trời Tự Tại vui thì chúng sinh an lạc, trời Tự Tại giận thì chúng sinh khổ não. Tất cả chúng sinh hoặc tội, hoặc phước mới chính là việc làm của trời Tự Tại thì sao phải nói rằng người có tội, phước ? Vì như người thợ mộc làm người gỗ máy, đi, đứng, ngồi, nằm chỉ chẳng thể nói được, chúng sinh cũng vậy. Trời Tự Tại là dụ cho người thợ mộc, người gỗ là dụ cho thân chúng sinh. Tạo hóa như vậy thì ai sẽ có tội ? Bậc đại sư như vậy hiện nay trụ ở gần thành Vương Xá, nguyện xin đại vương hãy mau đến đó ! Như ngài diện kiến vị ấy thì mọi tội đều tiêu diệt”. Nhà vua liền đáp rằng : “Xét quả đúng có người này, có thể diệt tội của ta thì ta sẽ qui y”. Lại có một vị đại thần tên là Vô Sở Úy, đi đến chỗ nhà vua mà nói như vậy : “Thưa đại vương ! Đời có người ngu, trong một ngày, trăm điều mừng, trăm điều buồn, trăm lần ngủ, trăm lần thức, trăm lần kinh hãi, trăm lần khóc lóc. Người có trí thì không có những việc này. Đại vương vì sao lo buồn như vậy ? Như mắt bạn bè khách khứa ? Như rơi vào bùn sâu không người cứu vớt ? Như người khát chẳng được nước uống ? Giống như người đi lạc không có kẻ dẫn đường ? Như người bệnh khốn không thầy thuốc chữa trị ? Như thuyền trên biển bị vỡ không người tiếp cứu ? Thưa đại vương! Hôm nay ngài thân đau chẳng ? Hay vì lòng đau ư ?” Nhà vua liền đáp rằng : “Ta nay thân tâm há được phép chẳng đau sao ? Ta gần bạn xấu, chẳng quan sát tội lỗi của miệng, đáng tiên vương không tội mà ta ngang ngược dấy khởi nghịch hại. Ta nay nhất định biết sẽ vào địa ngục, lại không có lương y mà diện kiến xin cứu tế”. Vị đại thần liền bạch rằng : “Nguyện xin đại vương chớ sinh sầu độc ! Phạm Sát Lợi thì gọi là dòng vua. Nếu ngài vì đất nước, hoặc vì Samôn hay Bà la môn, vì yên nhân dân, tuy ngài lại giết hại nhưng không có tội vậy. Đáng tiên vương tuy lại cung kính Samôn nhưng chẳng thể vưng thờ các Balamôn, lòng không bình đẳng mà không bình đẳng nên chẳng phải là Sát lợi. Thưa đại vương ! Nay ngài vì muốn cúng dường các Bà la môn mà giết hại tiên vương thì sẽ có tội gì ? Thưa đại vương ! Quả thật ngài không giết hại. Phạm giết hại thì giết hại thọ mạng. Mạng gọi là hơi gió mà tính của hơi gió chẳng thể giết hại thì sao gọi là hại mạng mà phải có tội ? Nguyện xin đại vương chớ sầu khổ nữa ! Vì sao vậy ? Vì :

Nếu thường sầu khổ

Sầu liền tăng lên

Như người ưa ngủ

Thì ngủ nhiều thêm

Tham dâm, thích rượu

Cũng lại như trên.

Như lời đức vua nói, đời không có lương y có thể trị liệu thì nay có vị đại sư tên là Ni Càn Đà Nhã Đề Tử, tất cả đều thấy biết, thương xót chúng sinh, giỏi biết các căn lợi hay độn của chúng sinh, giải đạt tất cả tùy nghi phương tiện, tám pháp thế gian đã chẳng thể nhiễm ô, tịch tịnh, tu tập phạm hạnh thanh tịnh, vì các đệ tử nói pháp như vậy : không thí, không thiện, không cha, không mẹ, không đời nay, đời sau, không A la hán, không tu, không đạo. Tất cả chúng sinh trải qua tám vạn kiếp ở trong vòng sinh tử, rồi tự nhiên được giải thoát dù có tội hay không tội đều cũng như vậy. Như bốn dòng sông lớn là Tân Đầu, Hằng Hà, Bác Xoa, Tư Đà đều chảy vào biển cả không có sai biệt, tất cả chúng sinh cũng lại như vậy. Khi được giải thoát họ đều không sai biệt. Vị thầy này, nay ở tại thành Vương Xá, nguyện xin đại vương mau chóng đi đến chỗ vị ấy. Nếu được diện kiến ngài thì mọi tội của vua đều tiêu trừ”. Nhà vua nói rằng : “Xét đúng có thầy này, có thể trừ tội của ta thì ta sẽ qui y”.

Lúc bấy giờ, vị đại y tên là Kỳ Bà đi đến chỗ nhà vua mà tâu rằng: “Thưa đại vương ! Ngài được ngủ yên không ?” Nhà vua dùng kệ đáp rằng :

| | |
|----------------------------|--------------------------|
| Nếu có thể đoạn mãi | Tất cả các não phiền |
| Chẳng tham nhiễm ba cõi | Thì mới được ngủ yên |
| Đại Niết Bàn nếu được | Diễn nói nghĩa thậm thâm |
| Gọi Bà la môn thật | Thì mới được ngủ yên. |
| Thân không các nghiệp ác | Miệng lia bốn lối lầm |
| Lòng không có nghi hoặc | Thì mới được ngủ yên. |
| Thân tâm không nhiệt não | Chỗ tịch tịnh trụ an |
| Thu hoạch Vô thượng lạc | Thì mới được ngủ yên. |
| Lòng không có thù trước | Các oán thù lia tan |
| Thường hòa không tranh cãi | Thì mới được ngủ yên. |

| | |
|--------------------------------|---------------------------|
| Nếu chẳng tạo nghiệp ác | Tâm quý lòng thường mang |
| Tin ác có quả báo | Thì mới được ngủ yên. |
| Kính dưỡng với cha mẹ | Chẳng hại một chúng sinh |
| Chẳng trộm của người khác | Thì mới được ngủ yên. |
| Với các căn điều phục | Thân cận với bạn lành |
| Phá hoại bốn ma chúng | Thì mới được ngủ yên. |
| Chẳng thấy tốt, chẳng tốt(cát) | Và khổ, vui vân vân... |
| Vì tất cả sinh chúng | Nên sinh tử xoay vần |
| Nếu có thể như vậy | Thì mới được ngủ yên. |
| Ai được ngủ yên ổn | Đó là Phật Thế Tôn |
| Thâm quán không tam muội | Chẳng động, yên tâm thân. |
| Ai được ngủ yên ổn | Là đấng Từ Bi Tôn |
| Thường tu chẳng phóng dật | Xem mọi người như con. |
| Chúng sinh vô minh tối | Chẳng thấy quả nào phiền |
| Thường tạo các nghiệp ác | Chẳng được giấc ngủ yên. |
| Nếu vì tự thân mạng | Và thân của tha nhân |
| Tạo tác mười ác nghiệp | Thì chẳng được ngủ yên. |
| Nếu nói rằng vì lạc | Hại cha không lỗi lầm |
| Thuận theo ác tri thức | Thì chẳng được ngủ yên. |
| Nếu ăn quá tiết độ | Uống lạnh mà quá chừng |

| | |
|--------------------------|-------------------------|
| Như vậy thì bịnh khổ | Thì chẳng được ngủ yên. |
| Nếu với vua có lỗi | Tà niệm vợ tha nhân |
| Và đi đường trông vắng | Thì chẳng được ngủ yên. |
| Trì giới chưa thành thực | Thái tử, ngôi chưa lên |
| Kẻ trộm chưa được của | Thì chẳng được ngủ yên. |

Này Kỳ Bà ! Ta nay bệnh nặng, đối với vua Chánh pháp dấy lên ác nghịch hại. Tất cả lương y, diệu dược, chú thuật khéo léo xem bệnh đều đã chẳng thể trị liệu được. Vì sao vậy ? Vì cha ta, vị pháp vương, đúng như pháp trị nước, thật không có tội lỗi mà ta ngang ngược gia thêm nghịch hại, như cá ở trên đất sẽ có vui sao ? Như loài hươu ở tại vùng hoang lương không có lòng vui, như người tự biết mạng sống chẳng còn trọn ngày, như vị vua mất nước chạy trốn sang đất khác, như người nghe bệnh chẳng thể trị liệu, như người phá giới nghe nói tội lỗi... Ta thở trước từng nghe bậc trí giả nói rằng, nghiệp thân, miệng, ý nếu chẳng thanh tịnh thì phải biết người này nhất định đọa vào địa ngục. Ta cũng như vậy thì làm sao sẽ được ngủ yên ổn vậy ? Nay ta lại không có bậc đại y Vô thượng diệu nói pháp dược diệt trừ bệnh khổ của ta”. Ông Kỳ Bà đáp rằng : “Hay thay ! Hay thay! Đức vua tuy làm nên tội nhưng lòng sinh ra hối hận vô cùng mà mang lòng tâm quý. Thừa đại vương ! Các đức Phật Thế Tôn thường nói lời này, có hai bạch pháp có thể cứu chúng sinh, một là tâm, hai là quý. Tâm là tự chẳng làm nên tội. Quý là chẳng dạy người khác làm. Tâm là bên trong tự hổ thẹn. Quý là phát lộ hướng về người. Tâm là hổ thẹn người. Quý là hổ thẹn trời. Đó gọi là tâm quý. Không tâm quý thì chẳng gọi là người mà gọi là súc sinh. Có tâm quý thì có thể cung kính cha mẹ, sư trưởng. Có tâm quý nên nói có cha mẹ, anh em, chị em. Hay thay ! Thừa đại vương! Ngài có đủ tâm quý ! Thừa đại vương ! Ngài hãy lắng nghe ! Thần có nghe đức Phật nói rằng, kẻ trí có hai, một là chẳng tạo các ác, hai là đã làm rồi thì sám hối. Người ngu cũng có hai, một là làm nên tội, hai là che giấu. Tuy trước làm ác nhưng sau có thể phát lộ, hối lỗi rồi tâm quý, lại chẳng dám làm nữa. Giống như nước đục, đặt vào đó viên minh châu. Do uy lực của viên ngọc nên nước liền lắng trong, như khói mây tiêu trừ thì trăng trong sáng... làm ác mà có thể hối hận thì cũng lại như vậy. Đức vua nếu sám hối, mang lòng tâm quý thì tội liền trừ diệt, thanh tịnh như cũ. Thừa đại vương ! Giàu có hai thứ, một là voi, ngựa đủ thứ súc sinh, hai là vàng, bạc đủ thứ trân bảo. Voi, ngựa tuy nhiều nhưng

chẳng dịch lại một viên ngọc. Thừa đại vương ! Chúng sinh cũng vậy, một là giàu ác, hai là giàu thiện. Làm nhiều những ác chẳng bằng một điều thiện. Thần nghe đức Phật nói rằng, tu một điều thiện, lòng phá trăm thứ ác. Thừa đại vương ! Như một chút Kim Cương có thể phá hoại núi Tu Di, cũng như chút xíu lửa có thể đốt cháy tất cả, như ít thuốc độc có thể hại chúng sinh... chút ít thiện cũng vậy, có thể phá tan đại ác. Tuy gọi là chút thiện nhưng thật ra thiện ấy là lớn. Vì sao vậy ? Vì nó phá được đại ác. Thừa đại vương ! Như lời đức Phật nói, che giấu thì có lậu, chẳng che giấu thì không có lậu. Phát lộ hối lỗi vậy nên chẳng lậu. Nếu làm mọi tội mà chẳng che chẳng giấu thì do chẳng che nên tội rất nhỏ, nếu còn mang lòng tà quý thì tội tiêu diệt. Thừa đại vương ! Như giọt nước tuy nhỏ nhưng dần dần tràn đầy đồ đựng lớn. Lòng thiện cũng vậy, mỗi một lòng thiện có thể phá tan đại ác. Nếu che giấu tội thì tội lớn thêm, còn phát lộ, tà quý thì tội tiêu diệt. Vậy nên các đức Phật nói người có trí thì chẳng che giấu tội. Hay thay! Thừa đại vương ! Ngài có thể tin nhân quả, tin nghiệp, tin báo ! Nguyên xin đại vương chớ ôm lòng sầu sợ ! Nếu có chúng sinh tạo tác các tội mà che giấu, chẳng sám hối, lòng không tà quý, chẳng thấy nhân quả và cả nghiệp báo, chẳng thể hỏi han người có trí, chẳng gần bạn lành thì người như vậy, tất cả lương y dù cho đến xem bệnh cũng chẳng thể trị liệu được. Như bệnh Ca ma la thì thầy thuốc của đời đành bó tay, người che giấu tội cũng lại như vậy. Sao gọi là tội nhân ? Là gọi Nhất xiển đề. Nhất xiển đề là người chẳng tin nhân quả, không có tà quý, chẳng tin nghiệp báo, chẳng thấy hiện tại và đời vị lai, chẳng thân cận bạn lành, chẳng theo lời nói dạy răn của chư Phật. Người như vậy gọi là Nhất xiển đề mà các đức Phật Thế Tôn chẳng thể trị liệu. Vì sao vậy? Vì như thầy chết của thế gian thầy thuốc chẳng thể trị liệu. Người Nhất xiển đề cũng lại như vậy, các đức Phật Thế Tôn chẳng thể trị liệu được. Thừa đại vương ! Ngài nay chẳng phải là Nhất xiển đề thì sao nói rằng chẳng thể cứu giúp, trị liệu ?

Như lời đức vua nói, không người có thể trị liệu thì đại vương phải biết là tại thành Ca Tỳ La có vương tử của vua Tịnh Phạn, dòng họ Cù Đàm tên là Tất Đạt Đa, vô sự tự nhiên giác ngộ mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm bản thân, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, tất cả thấy biết, đại từ, đại bi, thương xót tất cả như La Hầu La, theo chúng sinh thiện như ghé con theo trâu mẹ, biết lúc mà nói pháp, phi thời thì chẳng nói lời thật, lời tịnh, lời diệu, lời nghĩa, lời pháp. Một lời nói có thể khiến cho chúng sinh lìa khỏi vĩnh viễn phiền não, giới biết căn tâm tính của chúng sinh, tùy nghi phương tiện, không gì chẳng thông đạt. Trí của vị ấy cao như núi Tu Di, sâu thẳm mênh mông giống như biển cả. Chính là Phật Thế Tôn có trí Kim Cương có thể

phá tất cả tội ác của chúng sinh. Nếu nói rằng, ngài chẳng thể thì không có điều này. Hôm nay ngài ở cách đây mười hai do tuần, tại vùng Ta La Song Thọ của thành Câu Thi Na, rộng vì vô lượng atăngky những chúng Tăng Bồ tát.v.v... mà diễn nói đủ thứ pháp : hoặc có hay không, hoặc hữu vi hay vô vi, hoặc hữu lậu hay vô lậu, hoặc quả phàm nã hay quả thiện pháp, hoặc sắc pháp hay phi sắc pháp hay phi sắc phi phi sắc pháp, hoặc ngã hay phi ngã hay phi ngã phi phi ngã, hoặc thường hay phi thường hay phi thường phi phi thường, hoặc lạc hay phi lạc hay phi lạc phi phi lạc, hoặc tướng hay phi tướng hay phi tướng phi phi tướng, hoặc đoạn hay phi đoạn hay phi đoạn phi phi đoạn, hoặc thể hay xuất thể hay phi thể phi xuất thể, hoặc thừa hay phi thừa hay phi thừa phi phi thừa, hoặc tự tác tự thọ, hoặc tự tác người khác thọ, hoặc không tác không thọ. Thừa đại vương ! Nếu ngài đang ở chỗ đức Phật nghe vấn đề không tác không thọ thì những trọng tội sở hữu của đức vua liền sẽ tiêu diệt. Đức vua hôm nay hãy lắng nghe ! Có ông Thích Đề Hoàn Nhân nhân mạng mình sắp muốn hết nên có năm tướng xuất hiện, một là quần áo bản thiu, hai là hoa trên đầu héo úa, ba là thân thể hôi thối, bốn là dưới nách ra mồ hôi, năm là chẳng ưa bản tòa. Thiên Đế Thích hoặc ở chỗ yên lặng nếu thấy Samôn hay Bà la môn thì liền đi đến chỗ những vị ấy mà sinh ra Phật tướng. Lúc bấy giờ, Samôn và Bà la môn thấy Đế thích đến thì tự cho là may mắn, mừng vui vô hạn. Họ liền nói lời này : “Thưa Thiên chúa ! Tôi nay xin qui y với ngài !” Đế Thích nghe rồi mới biết chẳng phải Phật, lại tự nghĩ rằng : “Những vị đó, nếu chẳng phải Phật thì chẳng thể trị liệu năm tướng thoái mất của ta !” Lúc đó có vị ngự thần (bè tôi theo hầu xe) tên là Bát Già Thi nói với Đế Thích rằng : “Thưa Kiều Thi Ca ! Vua Càn Thát Bà tên là Đôn Phù Lô, vua ấy có người con gái tên là Tu Bạt Đà. Nhà vua nếu có thể đem người con gái này cùng tương kiến thì hạ thần sẽ bày đức vua diệt trừ chỗ tướng suy”. Đế Thích liền đáp rằng : “Này thiện nam tử ! Vua A tu la Tỳ Ma Chất Đa có người con gái Xá Chi là chỗ kính yêu của ta. Khanh nếu nhất định có thể bày ta tiêu diệt chỗ tướng ác thì đâu còn phải tương kiến cùng Tu Bạt Đà ?” Vị ngự thần thưa : “Thưa Kiều Thi Ca ! Có đức Phật Thế Tôn tự là Thích Ca Mâu Ni, nay đang ở tại đại thành Vương Xá, nếu ngài có thể đến đó bẩm hỏi điều chưa nghe thì tướng suy mất nhất định được tiêu trừ”. Đế Thích bảo : “Này thiện nam tử ! Nếu đức Phật Thế Tôn, xét quả có thể diệt được thì hãy quay xa giá đi đến chỗ ấy ngay !” Vị ngự thần vâng lệnh, liền quay xa giá trở lại, đi đến chỗ đức Phật trong núi Kỳ Xà Quật ở thành Vương Xá, Đế Thích, đầu mặt lễ dưới chân đức Phật, lui về ngồi một bên, mà bạch đức Phật rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Trong cõi trời người, cái gì là ràng buộc ?” Đức Phật đáp : “Này Kiều Thi Ca ! San tham, tật đố !” Lại hỏi : “San tham, tật đố nhân đâu mà sinh ra ?” Đáp rằng : “Nhân vô minh sinh ra !” Lại hỏi : “Vô minh lại nhân đâu sinh ra ?” Đáp

rằng : “Nhân phóng dật sinh ra”. Lại hỏi : “Phóng dật nhân đâu sinh ra ?”
Đáp rằng : “Nhân điên đảo sinh ra !” Lại hỏi : “Điên đảo lại nhân đâu sinh ra ?”
Đáp rằng : “Nhân lòng nghi hoặc sinh ra !” Đê Thích bạch rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Pháp điên đảo nhân nghi hoặc sinh ra ! Thật đúng như lời dạy của đức Thánh ! Vì sao vậy ? Vì con có nghi tâm mà do nghi tâm nên sinh ra điên đảo, đối với chẳng phải Thế Tôn mà sinh ra Thế Tôn tướng. Con nay thấy đức Phật, thì lưới nghi hoặc liền trừ diệt. Lưới nghi trừ diệt nên điên đảo cũng hết. Điên đảo đã hết nên không có lòng san tham cho đến lòng tật đố”. Đức Phật dạy rằng : “Ông nói không có lòng san tham, tật đố thì ông hôm nay đã được A na hàm rồi sao vậy ? A na hàm là không có lòng tham. Nếu ông không lòng tham thì tại sao vì mạng sống mà đi đến chỗ ta ? Như Anahàm thì quả thật chẳng cầu mạng sống !” Đê Thích bạch : “Thưa đức Thế Tôn ! Có điên đảo thì có cầu mạng sống, không điên đảo thì chẳng cầu mạng sống. Nhưng con hôm nay quả thật chẳng cầu mạng sống. Điều con muốn cầu là chỉ cầu thân Phật pháp và trí tuệ của Phật !” Đức Phật dạy : “Này Kiều Thi Ca ! Cầu thân Phật pháp và trí tuệ của Phật thì đời tương lai nhất định sẽ được đó !”. Bấy giờ, Đê Thích nghe lời đức Phật nói rồi thì năm tướng suy mất tức thời tiêu diệt, liền đứng dậy làm lễ, nhiễu quanh đức Phật ba vòng, chấp tay cung kính mà bạch đức Phật rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Con nay dù tử, dù sinh, mất mạng hay được mạng mà lại nghe đức Phật thọ ký sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì chính là lại sinh, là lại được mạng ! Thưa đức Thế Tôn ! Tất cả người, trời làm sao được tăng ích ? Lại do nhân duyên gì đi đến tổn giảm ?” Đức Phật dạy : “Này Kiều Thi Ca ! Do nhân duyên đấu tranh mà người, trời tổn giảm ! Khéo tu hòa kính thì được tăng ích !” Đê Thích bạch : “Thưa đức Thế Tôn ! Nếu do đấu tranh mà tổn giảm thì con từ hôm nay lại chẳng cùng với Atula đánh nhau nữa”. Đức Phật dạy rằng : “Hay thay ! Hay thay ! Này Kiều Thi Ca ! Các đức Phật Thế Tôn nói pháp Nhẫn nhục, chính là nhân của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”.

Lúc bấy giờ, Thích Đề Hoàn Nhân liền lễ trước đức Phật. Đến đây thì Đê Thích đi trở về. Thưa đại vương (nói với vua A Xà Thế) Như Lai do có thể trừ các ác tướng nên xung Phật chẳng thể nghĩ bàn. Đức vua nêu đến đó thì trọng tội sở hữu của ngài nhất định sẽ được tiêu trừ. Đại vương hãy nghe đây : Có đứa con của vị Bà la môn tên là Bất Hại, do giết chết vô lượng những chúng sinh nên mang danh là Ưong Quật Ma. Ông ấy lại muốn hại mẹ, khi ác tâm dậy lên thì thân cũng động theo. Thân tâm động thì tức là nhân của ngũ nghịch mà nhân ngũ nghịch nên nhất định đọa địa ngục. Sau khi thấy đức Phật thì thân tâm đều động lại muốn sinh hại. Thân tâm động thì tức là nhân của ngũ nghịch mà nhân ngũ nghịch nên sẽ vào địa ngục.

Người này được gặp đấng đại sư Như Lai tức thời được diệt nhân duyên địa ngục, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên xưng đức Phật là đấng thầy thuốc Vô thượng, chẳng phải là hàng lục sư vậy. Thưa đại vương ! Lại có vương tử Tu Tỳ La. Cha ông ấy giận, chặt chân tay ông ấy rồi xô xuống giếng sâu. Mẹ ông ấy thương xót sai người kéo lên đem đến chỗ đức Phật, vừa thấy đức Phật thì tay chân đủ trở lại. Ông liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa đại vương ! Do thấy Phật nên được quả báo hiện tiền. Vậy nên xưng Phật là thầy thuốc Vô thượng, chẳng phải là Lục sư vậy. Thưa đại vương ! Như bên bờ sông Hằng có những quỷ đói, số quỷ ấy có đến năm trăm. Chúng ở đây đã vô lượng năm mà chẳng hề thấy nước, tuy có đến trên dòng sông nhưng thuần thấy lửa cháy. Sự bức bách của đói khát khiến chúng lên tiếng gào khóc. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đang ngồi dưới một gốc cây ở tại rừng Uất Đàm Bát bên dòng sông ấy thì các quỷ đói đi đến chỗ đức Phật mà bạch rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Chúng con đói khát, mạng sắp chẳng còn lâu !” Đức Phật dạy rằng : “Sông Hằng nước chảy sao các người chẳng uống ?” Quỷ liền đáp rằng : “Đức Như Lai thấy nước còn chúng con thì thấy lửa !” Đức Phật dạy rằng : “Dòng nước sông Hằng trong sạch, thật không có lửa vậy. Do nghiệp ác nên lòng tự điên đảo mà gọi đó là lửa. Ta sẽ vì các người trừ diệt điên đảo khiến cho các người thấy nước”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn rộng vì các quỷ nói về tội lỗi của san tham. Các quỷ liền nói rằng : “Chúng con nay đói khát, tuy nghe lời nói pháp nhưng đều chẳng vào lòng !” Đức Phật dạy rằng : “Các người nếu khát quá thì trước hãy vào dòng sông mà mặc lòng uống nước đi !” Những quỷ đó nhờ thần lực của đức Phật nên liền được uống nước. Đã uống nước rồi, đức Như Lai lại vì chúng mà nói pháp đủ thứ. Đã nghe pháp rồi, chúng đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, bỏ hình thể quỷ đói mà được thân trời. Thưa đại vương ! Vậy nên xưng Phật là thầy thuốc Vô thượng, chẳng phải là Lục sư vậy. Thưa đại vương ! Bọn giặc ở nước Xá Bà Đề có năm trăm tên bị vua Ba Tư Nặc móc hết mắt của chúng. Bọn chúng mù mà không người dẫn đường đi trước nên chẳng thể được đi đến chỗ đức Phật. Đức Phật thương xót chúng nên liền đến chỗ bọn giặc an ủi dỗ dành chúng rằng : “Này thiện nam tử ! Hãy khéo hộ trì thân miệng ! Chớ lại tạo ác !” Bọn giặc, bấy giờ nghe âm thanh của đức Như Lai vi diệu trong suốt, liền được mắt trở lại. Chúng liền ở trước đức Phật chấp tay lễ Phật mà bạch rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Con nay biết từ tâm của đức Phật che khắp tất cả chúng sinh, chẳng phải chỉ độc có người, trời”. Lúc bấy giờ, đức Như Lai liền vì chúng mà nói pháp, đã nghe pháp rồi thì đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên đức Như Lai chân thật là đấng lương y Vô thượng của thế gian, chẳng phải là Lục sư vậy. Thưa đại vương ! Nước Xá Bà Đề có chiên đà la tên là Khí Hư, giết vô lượng người, thấy vị đại đệ tử

của đức Phật là ngài Đại Mục Kiền Liên thì tức thời được phá nhân duyên địa ngục mà được sinh lên trời thứ Ba mươi ba. Do có đệ tử Thánh như vậy nên xưng Phật Như Lai là thầy thuốc Vô thượng, chẳng phải là hạng Lục sư vậy. Thưa đại vương ! Thành Ba La Nại có đứa con ông trưởng giả tên là A Đạt Đa đâm lén với mẹ, do nhân duyên đó nên giết chết cha mình. Rồi mẹ hấn lại cùng với người ngoài thông giao mà hấn biết được liền lại giết chết luôn. Có vị A la hán là bạn của hấn biết được việc này nên hấn lại sinh hổ thẹn liền giết luôn người đó. Giết rồi, hấn liền đến tinh xá Kỳ Hoàn cầu xin xuất gia. Các vị Tỳ kheo đều biết người này có ba nghịch tội, không dám cho xuất gia. Do không cho xuất gia nên phát sinh sân nhuế bội phần ngay trong đêm ấy, hấn phóng hỏa đốt cháy tầng phùng, giết chết nhiều người vô tội. Rồi nhiên hậu hấn lại đến trong thành Vương Xá, đi tới chỗ đức Như Lai cầu xin xuất gia. Đức Như Lai liền cho phép và vì người đó nói pháp yếu khiến cho trọng tội ấy dần dần nhẹ bớt đi, rồi phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên xưng đức Phật là lương y của thế gian, chẳng phải là hạng Lục sư vậy. Thưa đại vương ! Ngài vốn tính bạo ác, tin theo người ác Đề Bà Đạt Đa, thả voi lớn say, muốn khiến cho nó dầy xéo đức Phật. Voi thấy đức Phật rồi tức thời tỉnh ngộ, đức Phật liền duỗi tay ra xoa trên đầu nó lại vì nó nói pháp, khiến cho nó được phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa đại vương ! Súc sinh thấy Phật còn được phá hoại nghiệp quả súc sinh, huống lại là người vậy ? Đại vương phải biết, nếu thấy đức Phật thì trọng tội sở hữu nhất định sẽ được diệt trừ. Thưa đại vương ! Khi đức Thế Tôn chưa được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì ma cùng vô lượng vô biên quyến thuộc đến chỗ đức Bồ tát, bấy giờ đức Bồ tát dùng sức nhẫn nhục phá hoại lòng ác của ma, khiến cho ma thọ pháp và liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Phật có lực đại công đức như vậy đó. Thưa đại vương ! Có loài quỷ Khoáng Dã hại nhiều chúng sinh. Đức Như Lai bấy giờ vì ông Thiện Hiền trưởng giả nên đi đến thôn Khoáng Dã vì quỷ ấy nói pháp. Quỷ Khoáng Dã nghe nói pháp thì vui mừng, liền đem ông trưởng giả trao cho đức Như Lai, rồi nhiên hậu mới phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa đại vương ! Thành Ba La Nại có người đồ tể tên là Quảng Ngạch, ở trong ngày ngày, giết vô lượng dê, thấy ngài Xá Lợi Phất liền thọ tám giới, trải qua một ngày đêm. Do nhân duyên này nên khi mạng chung được làm con vua trời Tỳ Sa Môn ở phương Bắc. Đệ tử của đức Như Lai còn có quả đại công đức như vậy, huống lại là đức Phật vậy. Thưa đại vương ! Ở bắc Thiên Trúc có thành tên là Tế Thạch. Thành ấy có vị vua tên là Long Ấn, vì tham đất nước, trọng ngôi vị nên giết hại cha mình. Giết cha mình rồi, nhà vua lòng sinh ra hối hận liền bỏ quốc chính, đi đến chỗ đức Phật, khẩn cầu xin xuất gia. Đức Phật dạy rằng : “Thiện lai !” Ông liền thành Tỳ kheo trọng tội tiêu diệt, rồi phát tâm Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đại vương phải biết, đức Phật có vô lượng vô biên quả đại công đức như vậy đó. Thưa đại vương ! Đức Như Lai có em là Đề bà Đạt Đa, phá hoại chúng tăng, làm chảy máu thân Phật, hại Tỳ kheo ni Liên Hoa... làm ba nghịch tội. Đức Như Lai vì ông ấy nói đủ thứ pháp yếu khiến cho trọng tội ấy liền được giảm nhẹ. Vậy nên đức Như Lai là vị Đại lương y, chẳng phải là hàng Lục sư vậy. Thưa đại vương ! Nếu ngài có thể tin lời nói của thần thì nguyện xin ngài hãy mau chóng đi đến chỗ đức Như Lai ! Nếu chẳng thấy tin thì nguyện xin ngài suy nghĩ kỹ những điều thần nói đó ! Thưa đại vương ! Các đức Phật Thế Tôn, đại bi che khắp, chẳng giới hạn ở một người, chánh pháp rộng lớn không chỗ nào chẳng bao phủ, kẻ oán người thân bình đẳng lòng không yêu ghét nhất định chẳng thiên vị một người khiến cho được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn người khác thì chẳng được. Đức Như Lai chẳng phải chỉ độ là thầy của bốn bộ chúng mà là thầy của khắp tất cả trời, người, rồng, thần, quỷ, địa ngục, súc sinh, ngã qui.v.v.... Tất cả chúng sinh cũng sẽ nhìn đức Phật như tướng cha mẹ. Thưa đại vương ! Ngài phải biết, đức Như Lai chẳng chỉ độ vì người giàu sang như vua Bạt Đề Ca mà điển nói pháp. Ngài cũng vì hàng hạ tiện như Ưu Ba Ly.v.v... Ngài chẳng độ thiên lệch nhận sự dâng cúng bữa ăn của ông Tu Đạt Đa A Na Bàn Đề mà cũng nhận bữa ăn của người nghèo Tu Đạt Đa. Ngài chẳng chỉ độ vì người lợi căn như ngài Xá Lợi Phất.v.v... nói pháp mà cũng vì kẻ độn căn như ông Châu Lợi Bàn Đạc. Ngài chẳng chỉ độ cho phép người tính không tham như ngài Đại Ca Diếp xuất gia cầu đạo mà cũng cho phép kẻ đại tham như Nan Đà xuất gia. Ngài chẳng chỉ độ cho phép người ít phiền não như ngài Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp.v.v... xuất gia cầu đạo mà cũng cho phép kẻ phiền não sâu dày, tạo tội nặng như em vua Ba Tư Nặc là Tu Đà Gia xuất gia cầu đạo. Ngài chẳng vì Ta Thảo cung kính cúng dường mà cứu vớt sân căn ông ấy, còn Ương Quật Ma La, lòng ác muốn hại nên bỏ mà chẳng cứu. Ngài chẳng chỉ độ vì nam tử có trí mà điển nói pháp, còn cũng vì người cực ngu Phán Hợp Hôn là nữ nhân nói pháp. Ngài chẳng chỉ độ khiến cho người xuất gia được bốn đạo quả mà cũng khiến cho kẻ tại gia được ba đạo quả (?). Ngài chẳng chỉ độ vì Phú Đa La.v.v... bỏ những việc thông suốt, nhân tịch suy nghĩ mà nói pháp yếu, ngài cũng vì vua Tần Bà Ta La.v.v.. thống lĩnh việc nước, xử lý việc vua mà nói pháp yếu. Ngài chẳng chỉ độ vì người bỏ dứt rượu mà cũng vì kẻ đam mê rượu như ông trưởng giả Úc Đà say mèm nói pháp. Ngài chẳng chỉ độ vì người vào Thiền định như Ly Bà Đa.v.v... mà cũng vì người chôn con loạn tâm như Bà la môn nữ Bà Tư Tra nói pháp. Ngài chẳng chỉ độ vì đệ tử của mình mà cũng vì ngoại đạo Ni Kiên Tử nói pháp. Ngài chẳng chỉ độ vì người tuổi trai tráng hai mươi lăm mà cũng vì người lão suy tám mươi nói pháp. Ngài chẳng chỉ độ vì người căn thuần thực mà cũng vì người thiện căn chưa

thuần thực nói pháp. Ngài chẳng chỉ độc vì Mạt Lợi phu nhân mà cũng vì dân nữ Liên Hoa nữ nói pháp. Ngài chẳng chỉ độc thọ bữa ăn thịnh soạn ngon lành của vua Ba Tư Nặc mà cũng thọ bữa ăn tạp độc của ông Thi Lợi Cúc Đa. Thưa đại vương ! Ngài phải biết, ông Thi Lợi Cúc Đa thuở trước cũng tạo tác nhân duyên nghịch tội. Rồi do gặp đức Phật, nghe pháp nên ông liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa đại vương ! Giả sử một tháng thường dùng y thực để cúng dường cung kính tất cả chúng sinh chẳng bằng một phần mười sáu công đức sở đắc của người niệm Phật trong một niệm. Thưa đại vương ! Giả sử có người rèn kim loại làm xe ngựa chở báu vật mà số ấy đều hàng trăm thứ đem dùng bố thí thì chẳng bằng có người phát tâm hướng về Phật trong thời gian nhấc một bước chân. Thưa đại vương ! Giả sử, người ấy lại dùng xe voi trăm chiếc chở đủ thứ trân bảo của nước Đại Tàn (?) và những nữ nhân thân đeo chuỗi ngọc của nước ấy mà số cũng cả trăm người đem dùng bố thí cũng còn chẳng bằng người phát tâm hướng về đức Phật trong thời gian nhấc một bước chân. Lại giả sử có việc này, nếu có người dùng tứ sự cúng dường cung cấp cho chúng sinh sẵn có trong ba ngàn đại thiên thế giới còn cũng chẳng bằng người phát tâm hướng về đức Phật trong thời gian nhấc một bước chân. Lại giả sử có việc này, nếu khiến cho vị đại vương cúng dường cung kính vô lượng chúng sinh nhiều như cát sông Hằng thì cũng chẳng bằng một lần đi đến chỗ đức Như Lai tại Ta La Song Thọ mà thành tâm nghe pháp”. Lúc bấy giờ, đại vương đáp rằng : “Này Kỳ Bà ! Đức Như Lai Thế Tôn, tính đã điều nhu nên được người điều nhu làm quyến thuộc, như rừng cây Chiên đàn thì thuần dùng cây chiên đàn mà vây quanh. Đức Như Lai thanh tịnh nên quyến thuộc sở hữu cũng lại thanh tịnh, giống như con rồng lớn thì thuần lấy các rồng mà làm quyến thuộc. Đức Như Lai tịch tịnh nên quyến thuộc sở hữu của ngài cũng lại tịch tịnh. Đức Như Lai không tham nên quyến thuộc sở hữu của ngài cũng lại không tham. Đức Phật không phiền não nên quyến thuộc sở hữu của ngài cũng không phiền não. Ta nay đã là người cực ác bị ác nghiệp trôi buộc, thân mình hôi thối, thuộc về địa ngục thì sao đáng được đến chỗ đức Như Lai. Ta giả sử đi đến thì sợ ngài chẳng đoái hoài tiếp nhận nói năng ! Ông tuy khuyên ta, bảo đến chỗ đức Phật, nhưng ta hôm nay tự thấy thấp hèn đáng thương sâu sắc nên không có lòng nào để đi đến đó !” Lúc bấy giờ, trong hư không liền phát ra tiếng nói rằng : “Phật pháp vô thượng sắp muốn suy tàn ! Dòng sông pháp thậm thâm đến đây muốn cạn ! Đèn sáng Đại pháp sắp tắt ! Chẳng còn lâu núi pháp sắp sụp lở ! Thuyền pháp sắp chìm ! Cây cầu pháp sắp hoại ! Ngôi điện pháp sắp tan ! Pháp tràng sắp ngã ! Cây pháp sắp gãy ! Bàn lạnh sắp ra đi ! Đại khủng bố sắp đến ! Chúng sinh đói khát sắp đến ! Chẳng bao lâu phiền não dịch bệnh sắp sửa lưu hành ! Thời đại ám đến ! Thời khát pháp lại ! Ma vương mừng vui cởi bỏ giáp trụ ! Vàng mặt

trời Phật sẽ lặn xuống núi Đại Niết Bàn ! Nay đại vương ! Nếu đức Phật ra đi thì trọng ác của vua đòi lại không có người trị liệu. Nay đại vương ! Nay ngài đã tạo nghiệp A Tỳ địa ngục rất nặng ! Do nghiệp duyên này nhất định ngài phải chịu, chẳng nghi ngờ gì nữa ! Nay đại vương ! Chữ A là nói rằng, Không ! Chữ Tỳ là gọi rằng Gián (xen vào). Gián là không tạm vui nên gọi là Vô gián. Nay đại vương ! Giả sử một người, một mình rơi vào địa ngục này thì thân người ấy to lớn đến tám vạn do tuần, tràn đầy khắp trong địa ngục ấy, xen không có chỗ trống. Thân người ấy chịu đủ thứ khổ giáp vòng. Giả sử có nhiều người thì thân họ cũng đầy khắp nhưng chẳng phương (hại) ngại (ngăn ngại) lẫn nhau. Nay đại vương ! Trong địa ngục lạnh còn tạm gặp gió nóng nên lấy đó làm vui. Trong địa ngục nóng còn tạm gặp gió lạnh cũng gọi là vui. Có địa ngục, người trong đó mạng chung rồi, nếu nghe tiếng “sống” thì liền sống trở lại. Địa ngục A Tỳ đều không có những việc này. Nay đại vương ! Địa ngục A Tỳ, bốn mặt đều có cửa. Bên ngoài mỗi một cửa đều có lửa mạnh, Đông Tây Nam Bắc giao qua thông suốt, tám vạn do tuần tường sắt giáp vòng, lưới sắt che khắp bên trên, đất địa ngục ấy cũng bằng sắt, lửa bên trên cháy suốt xuống dưới, lửa bên dưới cháy suốt lên trên. Thưa đại vương ! Như cá trong lò sấy bị mở đốt cháy, tội nhân trong ngục này cũng lại như vậy. Nay đại vương ! Kẻ tạo tác một nghịch tội thì liền thọ đủ một tội như vậy, nếu tạo hai nghịch tội thì liền chịu gấp đôi, người đủ năm nghịch tội cũng chịu gấp năm lần. Nay đại vương ! Ta nay đã biết ác nghiệp của vua nhất định chẳng được miễn. Nguyên xin đại vương mau chóng đi đến chỗ đức Phật ! Ngoại trừ đức Phật Thế Tôn thì không còn ai khác có thể cứu ngài ! Ta nay thương xót ngài nên khuyên nhau và dẫn đường !” Lúc bấy giờ, nhà vua nghe lời nói đó rồi, lòng mang nỗi kinh sợ, toàn thân run rẩy, nạm vóc lắc động như cây chuối, ngược lên mà đáp rằng : “Ngài là ai đó ? Chẳng hiện ra sắc tượng mà chỉ có âm thanh !” Trên không đáp : “Ta là cha ngươi, Tần Bà Ta La đây ! Ngươi nay phải nghe theo lời nói của ông Kỳ Bà ! Chớ theo lời nói của sáu người bè tôi tà kiến !” Nhà vua nghe xong, ngất đi ngã lăn ra đất, ghê trên thân tăng nhiều lắm, hôi thối gấp bội hơn trước đó. Tuy dùng thuốc lạnh bôi lên để điều trị nhưng ghê bốc nhiệt độc, chỉ tăng thêm, không tồn giảm.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ mười bảy hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 18

PHẨM PHẠM HẠNH (tiếp theo)

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở tại vùng Song Thọ, thấy vua A Xà Thế ngất xỉu ngã lăn ra đất, liền bảo đại chúng rằng :

- Ta nay sẽ vì vị vua này mà trụ thế đến vô lượng kiếp, chẳng vào Niết Bàn !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai phải vì vô lượng chúng sinh mà chẳng vào Niết Bàn chớ vì sao độc chỉ vì vua A Xà Thế ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Trong đại chúng này không có một người cho là ta nhất định vào với Niết Bàn còn A Xà Thế thì quyết định cho là ta sẽ rốt ráo diệt mãi. Vậy nên ông ấy ngất xỉu đi tự lăn ra đất. Này thiện nam tử ! Như lời ta nói, vì vua A Xà Thế ta chẳng vào Niết Bàn. Ý nghĩa bí mật như vậy ông chưa có thể hiểu được. Vì sao vậy ? Vì ta nói vì là tất cả phàm phu như A Xà Thế và khắp tất cả người tạo ngũ nghịch tội. Lại nữa vì tức là vì tất cả chúng sinh hữu vi. Ta nhất định chẳng vì chúng sinh vô vi mà trụ ở đời. Vì sao vậy ? Vì phàm là vô vi thì chẳng phải chúng sinh vậy. A Xà Thế thì tức là người đầy đủ phiền não.v.v... Lại nữa, vì tức là chúng sinh chẳng thấy Phật tính. Nếu chúng sinh thấy Phật tính thì ta nhất định chẳng vì họ trụ ở đời lâu. Vì sao vậy ? Vì người thấy Phật tính chẳng phải là chúng sinh vậy. A Xà Thế thì tức là tất cả những người chưa phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, vì thì tức là hai chúng A Nan và Ca Diếp. A Xà Thế thì tức là hậu cung phi hậu của vua A Xà Thế và tất cả phụ nữ của thành Vương xá. Lại nữa, vì thì gọi là Phật tính. A Xà Thế thì gọi là bất sinh. Thế thì gọi là oán. Do chẳng sinh Phật tính nên oán phiền não sinh mà oán phiền não sinh nên chẳng thấy Phật tính. Do chẳng sinh phiền não nên thấy Phật tính mà thấy Phật tính thì được an trụ ở Đại Bát Niết Bàn. Đó gọi là bất sinh. Vậy nên gọi là A Xà Thế. Này thiện nam tử ! A Xà thì gọi là bất sinh mà bất sinh thì gọi là Niết Bàn. Thế nào gọi là Thế pháp. Vì thì gọi là

bất ô (chẳng dơ bẩn). Do việc chẳng ô nhiễm tám pháp thế gian nên vô lượng vô biên atăngkỳ kiếp chẳng vào Niết Bàn. Vậy nên ta nói rằng, vì A Xà Thế nên vô lượng ức kiếp chẳng vào Niết Bàn. Này thiện nam tử ! Mặt ngữ của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn ! Phật pháp, chúng Tăng cũng chẳng thể nghĩ bàn ! Đại Bồ tát cũng chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Đại Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn !

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, đấng Đại Bi Đạo Sư, vì vua A Xà Thế vào tam muội Nguyệt Ái. Vào tam muội rồi, ngài phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng thanh lương ấy đến chiếu vào thân vua thì ghê trên thân liền khỏi, hôi thối trừ diệt. Nhà vua hay biết ghê đã khỏi, thân thể thanh lương thì nói với ông Kỳ Đà rằng :

- Ta từng nghe người nói rằng, khi kiếp sắp muốn hết thì ba mặt trăng đồng thời hiện lên. Đang lúc đó thì hoạn khổ của tất cả chúng sinh đều trừ hết. Thời đã chưa đến mà ánh sáng này từ đâu đến soi vào một mình thân ta, sự khổ của ghê lở trừ khỏi, thân được an vui.

Ông Kỳ Đà đáp rằng :

- Đây chẳng phải là kiếp hết, ba mặt trăng soi cùng một lúc, cũng chẳng phải là ánh sáng của lửa, mặt trời, tinh tú, thảo dược, ngọc báu, trời.

Nhà vua lại hỏi rằng :

- Ánh sáng này nếu chẳng phải là ánh sáng của ba mặt trăng cùng soi, của ngọc báu thì chính là ánh sáng của ai ?

- Thừa đại vương ! Ngài phải biết, đó là ánh sáng phóng ra của đấng Thiên Trung Thiên ! Ánh sáng này vô hạn, không có bờ cõi, chẳng phải nóng, chẳng phải lạnh, chẳng phải thường, chẳng phải diệt, chẳng phải sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng... Vì muốn độ chúng sinh nên khiến cho họ có thể thấy có tướng, có thể nói vô hạn, có biên, có nóng, có lạnh, có xanh, vàng, đỏ, trắng. Thừa đại vương ! Ánh sáng này tuy vậy, thật ra chẳng thể nói, chẳng thể nhìn thấy, thậm chí không có xanh, vàng, đỏ, trắng.

Nhà vua nói rằng :

- Này Kỳ Bà ! Đấng Thiên Trung Thiên đó vì nhân duyên gì mà phóng ra ánh sáng ấy ?

Ông Kỳ Bà đáp rằng :

- Tướng điềm này hôm nay là vì đại vương ! Do đại vương trước nói rằng, đời không có lương y trị liệu thân tâm, nên đức Phật phóng ra ánh sáng này để trị thân vua trước, nhiên hậu trị đến tâm !

Nhà vua nói rằng :

- Này Kỳ Bà ! Đức Như Lai Thế Tôn cũng thấy được ý niệm sao?

Ông Kỳ Bà đáp rằng :

- Ví như một người mà có bảy đứa con. Một đứa con trong bảy đứa con đó gặp bệnh. Lòng cha mẹ chẳng phải không bình đẳng, nhưng đối với đứa con bệnh thì lòng thiên về nhiều hơn. Thưa đại vương ! Đức Như Lai cũng vậy, đối với các chúng sinh chẳng phải không bình đẳng, nhưng đối với người có tội thì lòng thiên về nặng hơn, với người phóng dật thì từ niệm, với người chẳng phóng dật thì lòng buông bỏ. Những ai gọi là người chẳng phóng dật ? Đó là Lục trụ Bồ tát ! Thưa đại vương ! Các đức Phật Thế Tôn đối với các chúng sinh, chẳng quan sát chủng tính, già trẻ, trung niên, giàu, nghèo, thời tiết, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, nghề khéo, hạ tiện, đồng tộc, nô tỳ mà chỉ quan sát chúng sinh có thiện tâm hay không thôi. Nếu họ có thiện tâm thì đức Như Lai liền từ niệm. Này đại vương ! Ngài phải biết, tướng điềm như vậy tức là đức Như Lai vào tam muội Nguyệt Ái mà phóng ra ánh sáng.

Nhà vua liền hỏi rằng :

- Sao gọi là tam muội Nguyệt Ái ?

Ông Kỳ Bà đáp rằng :

- Ví như ánh sáng của vàng trắng có thể khiến cho tất cả hoa Ưu bát la nở bày tươi sáng. Tam muội Nguyệt Ái cũng lại như vậy, có thể khiến cho thiện tâm của chúng sinh mở bày. Vậy nên gọi là tam muội Nguyệt Ái. Thưa đại vương ! Ví như ánh sáng của vàng trắng có thể khiến cho tất cả người đi đường, lòng sinh vui mừng. Nguyệt Ái tam muội cũng lại như vậy, có thể

khiến cho người tu tập đạo Niết Bàn, lòng sinh hoan hỷ. Vậy nên gọi là Nguyệt Ái tam muội. Thừa đại vương! Ví như ánh sáng vàng trắng, từ ngày đầu tiên mỏng một đến ngày mười lăm thì hình sắc, ánh sáng dần dần tăng trưởng. Nguyệt Ái tam muội cũng lại như vậy, khiến cho người mới phát tâm, các thiện căn bản dần dần tăng trưởng... cho đến đầy đủ Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên lại gọi là Nguyệt Ái tam muội. Thừa đại vương ! Ví như ánh sáng của vàng trắng, từ ngày mười sáu đến ngày ba mươi thì hình sắc ánh sáng dần dần tồn giảm. Nguyệt Ái tam muội cũng lại như vậy, phiền não sở hữu ở chỗ ánh sáng này soi đến có thể khiến cho dần dần giảm hết. Vậy nên lại gọi là Nguyệt Ái tam muội. Nay đại vương ! Ví như khi nóng lắm thì tất cả chúng sinh thường nghĩ đến ánh sáng trăng mà ánh sáng trăng đã soi thì uất nhiệt liền diệt trừ. Nguyệt Ái tam muội cũng lại như vậy, có thể khiến cho chúng sinh trừ diệt nhiệt não của tham. Thừa đại vương ! Ví như vàng trắng tròn đầy là vua trong mọi tinh tú, là vị cam lộ được sự yêu thích của tất cả chúng sinh. Nguyệt Ái tam muội cũng lại như vậy, là vua trong các điều thiện, là vị cam lộ được sự yêu thích của tất cả chúng sinh. Vậy nên lại gọi là Nguyệt Ái tam muội.

Nhà vua nói rằng :

- Nay Kỳ Bà ! Ta nghe đức Như Lai chẳng cùng với người ác đồng dùng, đồng ngồi, đồng đứng dậy, đồng nói năng đàm luận giống như biển cả chẳng chấp nhận thầy chết, như chim uyên ương chẳng trụ ở nhà xí (cầu tiêu), như Thích Đề Hoàn Nhân chẳng cùng ở với quỷ, như chim Cưu Sí La chẳng đậu cây khô... Đức Như Lai cũng vậy thì ta làm sao mà được đến diện kiến ? Giả sử được diện kiến ngài thì thân ta sẽ chẳng bị hãm vào địa ngục sao ? Ta xem ra đức Như Lai thà gần voi say, sư tử, cọp, sói, lửa mạnh hùng hực chớ nhất định chẳng gần gũi với người ác nghiệp nặng nề này ! Vậy nên ta nay suy nghĩ thế rồi thì phải có tấm lòng gì để diện kiến đức Như Lai ?

Ông Kỳ Bà đáp rằng :

- Thừa đại vương ! Ví như người khát nước thì phải mau chóng đi đến dòng suối trong, người đói thì cầu xin đồ ăn, người sợ thì cầu người cứu, người bệnh thì cầu lương y, nóng cầu bóng mát, lạnh thì cầu lửa... Nhà vua nay cầu đức Phật cũng nên như vậy. Thừa đại vương ! Đức Như Lai còn vì Nhất xiển đề.v.v... mà diễn nói pháp yếu, huống gì là đại vương, người chẳng phải là Nhất xiển đề mà sẽ chẳng nhờ ơn từ bi cứu tế sao ?

Nhà vua nói rằng :

- Nay ông Kỳ Bà ! Ta trước đã từng nghe, Nhất xiển đề chẳng tin, chẳng nghe, chẳng thể quan sát, chẳng được nghĩa lý thì vì sao đức Như Lai mà vì họ nói pháp ?

Ông Kỳ Bà đáp rằng :

- Thưa đại vương ! Ví như có người, thân mang trọng bệnh. Người này đêm mơ thấy thăng lên trên điện làm một người quan trọng, ăn uống toàn là váng sữa, dầu, mỡ và dùng xoa vào thân nữa. Mơ nằm trên tro, ăn tro. Mơ leo lên cây khô, hoặc cùng với loài vượn du hành, ngồi, nằm. Mơ chìm xuống nước, ngập trong bùn. Mơ rơi xuống từ lầu điện, núi cao, cây cối, voi ngựa, trâu dê... Mơ thân mặc áo màu xanh, vàng, đỏ, đen mà vui cười, ca múa. Hoặc mơ thấy cùng bọn với quạ, chim thú, hồ ly... Mơ thấy răng, tóc rơi rụng, thân hình trần truồng, gói đầu vào chó, ngủ trong phân bần thiu. Lại mơ cùng với người đã chết đi, đứng, ngồi, nằm, nắm tay nhau, ăn uống... Mơ thấy rắn độc đầy đường mà đi trên đó. Hoặc mơ cùng với người nữ bới tóc chung nhau ôm giữ, lấy lá cây Đa La làm quần áo, cuỗi xe lửa hư nát, nhắm hướng Nam mà đi. Người đó mơ rồi, lòng sinh sầu não. Do sầu não nên thân bệnh càng tăng. Do bệnh tăng nên những người thân thuộc sai người đi mời thầy thuốc. Hình thể người được sai đi mời thầy thuốc khiếm khuyết, lùn, các căn chẳng đầy đủ, đầu lấm lem bụi đất, mặc áo rách rưới, xe chở cũ nát... Người đó nói với thầy thuốc rằng : “Hãy mau mau lên xe !” Lúc bấy giờ, vị lương y liền tự nghĩ rằng : “Nay thấy người sứ giả này, tướng mạo chẳng tốt thì phải biết người bệnh khó có thể liệu trị”. Nhưng lại nghĩ : “Sứ giả tuy chẳng tốt, nhưng lại phải xem ngày coi có thể trị được không ? Nếu là ngày bốn, ngày sáu, ngày tám, ngày mười hai, ngày mười bốn... những ngày như vậy thì bệnh cũng khó trị !” Ông lại nghĩ : “Ngày tuy chẳng tốt nhưng còn phải xem sao (chiêm tinh) coi có thể trị được không ? Nếu là sao Hỏa, sao Kim, sao Mão, sao Diêm la vương, sao Thấp, sao Mãn... những sao như vậy thì bệnh cũng khó trị”. Ông lại nghĩ : “Sao tuy chẳng tốt nhưng lại phải xem thời tiết. Nếu là mùa thu, mùa đông và ngày vào mùa, đêm nửa mùa, tháng vào mùa... thì phải biết là bệnh cũng khó có thể trị”. Ông lại nghĩ : “Nhu vậy mọi tướng tuy lại chẳng tốt nhưng hoặc định hay chẳng định thì phải quan sát người bệnh. Người bệnh, nếu có phước đức thì đều có thể trị liệu, nếu không phước đức thì tuy tốt nhưng nào ích gì ?” Suy nghĩ thế rồi, ông liền cùng đi với sứ giả. Trên đường đi, ông lại nghĩ : “Nếu người bệnh kia có tướng trường thọ thì có thể trị liệu được, còn nếu tướng đoản thọ thì chẳng thể trị”. Ông liền thấy đường trước có hai đứa trẻ đang ra sức đánh nhau. Chúng nắm đầu, bứt tóc, dùng ngói đá, dao, gậy... ném, đánh

lẫn nhau. Hoặc thấy người giữ lửa tự nhiên tắt hết. Hoặc thấy người chặt cây cối. Hoặc lại thấy người, tay kéo tấm da thuộc, theo đường mà đi. Hoặc thấy trên đường đi có vật đánh rơi. Hoặc thấy có người cầm giữ đồ đựng rỗng. Hoặc thấy vị Samôn đi một mình không bạn bè. Hoặc lại thấy cọp, sói, quạ, chim thú, chồn hoang... Ông thấy những việc đó rồi lại nghĩ rằng : “Việc người được sai khiến... cho việc thấy các tướng trên đường đi đều là chẳng tốt thì phải biết người bệnh chắc khó trị liệu lắm”. Ông lại nghĩ : “Ta nếu chẳng đến thì chẳng phải là lương y. Như đến nơi ấy thì chẳng thể cứu chữa !” Ông lại nghĩ : “Mọi tướng như vậy tuy lại chẳng lành, nhưng hãy bỏ hết để đi đến chỗ người bệnh”. Suy nghĩ thế rồi, ở đường trước ông lại nghe tiếng như vậy : “Vong thất, tử, táng, băng (lở), phá hoại, chặt, lột, cởi, rơi rụng, thiêu đốt... chẳng đến, chẳng thể trị liệu, chẳng thể cứu vớt”. Ông lại nghe ở phương Nam có tiếng chim thú, như là tiếng chim quạ, chim thú, chim xá lợi, hoặc tiếng chó, tiếng chuột, tiếng chồn hoang, heo, thỏ... Nghe những tiếng đó rồi ông lại nghĩ : “Phải biết, người bệnh này khó có thể trị liệu”. Lúc bấy giờ, ông đã vào đến nhà người bệnh, thấy người bệnh đó lúc nóng lúc lạnh, đốt xương đau đớn, mắt đỏ rơi lệ, tai không nghe tiếng, yết hầu thất lại đau đớn, trên lưỡi rách nát, hình sắc đen sạm, đầu chẳng tự kèm chế, thân thể khô đét không có mồ hôi, đại tiểu tiện bế tắc chẳng thông. Thân bông phì to hồng đỏ khác thường. Tiếng nói chẳng đều, hoặc to hoặc nhỏ, toàn thân loang lổ, xanh, vàng khác màu. Bụng người ấy trướng đầy, lời nói chẳng rõ. Thầy thuốc thấy thế rồi, xem bệnh hỏi rằng : “Người bệnh từ trước đến nay ý chí ra sao ?” Đáp rằng : “Thưa đại sư ! Người ấy từ trước kính tín Tam Bảo và chư Thiên, còn nay thì đổi khác, dứt tình kính tín, xưa ưa ban cho nay thì san lặn, xưa tính ít ăn nay thì quá nhiều, xưa tính tình hòa thiện nay thì tệ ác, xưa tính từ hiếu, cung kính cha mẹ nay đối với cha mẹ lòng không cung kính”. Thầy thuốc nghe rồi liền ngửi người bệnh, nghe được mùi hương Ưu bát la, hương trầm thủy tạp, hương tất ca đa, hương Đa đà la, hương Đa ma la bạt, hương Uất kim, hương Chiên đàn, mùi thịt nướng, mùi rượu bồ đào, mùi gân cốt cháy, mùi cá, mùi phân. Biết được mùi hương rồi, thầy thuốc liền chạm vào thân, biết thân mềm mại giống như tơ lụa, hoa kiếp bồi ta, hoặc cứng như đá, hoặc lạnh như băng, hoặc nóng như lửa, hoặc nhám như cát. Lúc bấy giờ, vị lương y thấy đủ thứ những tướng như vậy rồi, định biết người bệnh ắt phải chết, chẳng còn nghi ngờ gì. Nhưng thầy thuốc chẳng định nói rằng, người này sẽ chết, mà nói với người xem bệnh rằng : “Ta nay có việc vội, ngày mai sẽ đến lại ! Người bệnh ấy cần gì thì cứ theo ý chớ ngăn cản !” Rồi ông liền quay về nhà. Sáng hôm sau sứ giả đến, ông lại nói với người sai rằng : “Việc của ta chưa xong, thêm chưa hòa thuốc”. Người trí phải biết, như vậy người bệnh nhất định chết, chẳng gì nghi ngờ. Thưa đại vương ! Đức Thế Tôn cũng vậy, đối với bọn Nhất xiển đề, giỏi biết

căn tính của chúng mà vì chúng nói pháp. Vì sao vậy ? Vì nếu chẳng vì chúng nói thì tất cả phàm phu sẽ nói rằng, Như Lai không đại từ bi. Người có từ bi thì gọi là Nhất thiết trí. Nếu không từ bi thì sao nói rằng người Nhất thiết trí. Vậy nên đức Như Lai vì Nhất xiển đề mà diễn nói pháp. Thưa đại vương ! Đức Như Lai Thế Tôn thấy những người bệnh thường ban cho pháp dược mà người chẳng uống thì chẳng phải lỗi của đức Như Lai. Thưa đại vương ! Bọn Nhất xiển đề phân biệt có hai hạng, một là được thiện căn hiện tại, hai là được thiện căn đời sau. Đức Như Lai giỏi biết bọn Nhất xiển đề, người có thể ở hiện tại được thiện căn thì vì họ nói pháp, người ở đời sau được thì cũng vì họ nói pháp, hôm nay tuy không có ích nhưng tạo tác nhân duyên cho đời sau. Vậy nên đức Như Lai vì Nhất xiển đề diễn nói pháp yếu. Nhất xiển đề lại có hai thứ, một là lợi căn, hai là trung căn. Người lợi căn ở đời hiện tại có thể được thiện căn. Người trung căn thì sẽ được ở đời sau. Các đức Phật Thế Tôn chẳng nói pháp rỗng không. Thưa đại vương ! Ví như người sạch sẽ bị rơi xuống hố xí, có thiện tri thức thấy thương xót mà trước liền nắm tóc kéo ra khỏi. Các đức Phật Thế Tôn cũng lại như vậy, thấy các chúng sinh rơi vào ba đường ác, dùng phương tiện cứu tế, khiến cho họ ra khỏi. Vậy nên đức Như Lai vì Nhất xiển đề mà diễn nói pháp.

Nhà vua nói với ông Kỳ Bà rằng:

- Nếu giả sử đức Như Lai thăm xét như vậy thì ta phải sáng suốt chọn lựa ngày lành sao tốt, rồi nhiên hậu mới đi đến !

Ông Kỳ Bà tâu vua rằng :

- Thưa đại vương ! Trong pháp của đức Như Lai không có việc chọn lựa ngày lành, sao tốt. Thưa đại vương ! Như người bệnh nặng còn chẳng xem ngày, thời tiết cát hung mà chỉ cầu thầy thuốc giỏi. Nhà vua hôm nay bệnh nặng cầu vị thầy thuốc giỏi Phật, chẳng nên chọn lựa thời tiết lành, ngày tốt. Thưa đại vương ! Như lửa chiêm đàn và lửa y lan, cả hai đều là tương thiêu đốt không có khác vậy. Ngày cát, ngày hung cũng lại như vậy, nếu đi đến chỗ đức Phật đều được diệt tội. Nguyện xin đại vương ngay ngày hôm nay mau đi đến đó !

Lúc bấy giờ, nhà vua liền ra lệnh cho một bề tôi tên là Cát Tường mà bảo rằng :

- Này đại thần ! Ông phải biết, ta nay muốn đi đến chỗ đức Phật Thế Tôn ! Ông hãy mau chóng lo biện đồ cúng dường cần thiết !

Vị đại thần tâu rằng :

- Thưa đại vương ! Hay thay ! Hay thay ! Đồ cúng dường cần thiết, tất cả đều có !

Vua A Xà Thế cùng phu nhân nghiêm chỉnh xa giá, một vạn hai ngàn chiếc, năm vạn con voi lớn mạnh mẽ. Trên mỗi một con voi đều chở ba người, đem theo tràng phan, bảo cái, hoa hương, kỹ nhạc đủ thứ đồ cúng, không gì chẳng đầy đủ. Kỳ mã theo dẫn đường có đến mười tám vạn người. Nhân dân sở hữu của nước Ma Đà Đà tháp tùng nhà vua, số ấy đầy đủ năm mươi tám vạn người. Lúc bấy giờ, đại chúng sẵn có của thành Câu Thi Na đứng đầy mười hai do tuần, đều từ xa nhìn thấy vua A Xà Thế cùng với quyền thuộc tìm đường mà đến. Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các đại chúng rằng :

- Tất cả chúng sinh được nhân duyên gần Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì không bằng có bạn lành trước tiên. Vì sao vậy ? Vì vua A Xà Thế nếu chẳng thuận theo lời nói của ông Kỳ Già thì ngày mùng bảy tháng đến nhất định mạng chung, đọa địa ngục A Tỳ. Vậy nên nhân duyên gần không bằng bạn lành !

Vua A Xà Thế lại ở đường trước, nghe vua Xá Bà Đề Tỳ Lưu Ly cười thuyền vào biển gặp lửa mà chết, Tỳ kheo Cù Đà Ly thân sống vào đất, đến ngục A Tỳ, Tu Na Sát làm đủ thứ ác mà đi đến chỗ đức Phật thì mọi tội được diệt... Nghe những lời nói này xong, nhà vua nói với ông Kỳ Bà rằng :

- Ta nay tuy nghe hai lời nói như vậy nhưng còn chưa thâm định được. Nay ông Kỳ Bà ! Ông đến đây ! Ta muốn cùng ông đồng đi một con voi. Giả sử ta phải vào địa ngục A Tỳ thì nhờ ông nắm lấy chẳng để cho ta rơi. Vì sao vậy ? Vì ta trước đã từng nghe, người đắc đạo chẳng vào địa ngục.

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các đại chúng rằng :

- Vua A Xà Thế còn có lòng nghi ngờ. Ta nay sẽ vì ông ấy tạo tám lòng quyết định !

Lúc bấy giờ, trong chúng hội có một vị Bồ tát tên là Trì Nhất Thiết, bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời nói trước của đức Phật, tất cả các pháp đều không định tướng, như là sắc không định tướng... cho đến Niết Bàn cũng không định tướng thì vì sao hôm nay đức Như Lai nói rằng, vì vua A Xà Thế tạo tác lòng quyết định ?

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Ta nay nhất định vì vua A Xà Thế tạo tác lòng quyết định. Vì sao vậy ? Vì nếu lòng nghi ngờ của vua có thể phá hoại được thì phải biết là, các pháp không có định tướng. Vậy nên ta vì vua A Xà Thế tạo tác quyết định tâm. Ông phải biết, tâm này là không quyết định. Này thiện nam tử ! Nếu tâm vua đó là quyết định thì nghịch tội của vua làm sao có thể hoại. Do không định tướng nên tội ấy có thể hoại. Vậy nên ta vì vua A Xà Thế tạo tác tâm quyết định.

Lúc bấy giờ, vị đại vương đã đến vùng Ta La Song Thọ, tới chỗ đức Phật, chiêm ngưỡng đức Như Lai với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp giống như núi vàng ròng vi diệu. Bấy giờ, đức Thế Tôn phát ra tám thứ tiếng, bảo rằng :

- Này đại vương !

A Xà Thế quay nhìn bên trái, bên phải và nghĩ : “Trong đại chúng này ai là đại vương ! Ta đã phạm tội nghịch, lại không có phước đức, đức Như Lai chẳng nên xưng ta là đại vương”. Bấy giờ đức Như Lai lại liền kêu lên rằng :

- Này đại vương A Xà Thế !

Nhà vua nghe rồi, lòng rất hoan hỷ, liền nghĩ như vậy : “Đức Như Lai hôm nay hạ cố dùng lời ái ngữ. Ta biết quả thật đức Như Lai đối với các chúng sinh đại bi thương xót bình đẳng không sai biệt”. Vua liền bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Lòng nghi ngờ của con hôm nay vĩnh viễn không còn nữa. Con nhất định biết đức Như Lai chân thật là đấng Vô thượng đại sư của chúng sinh.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp nói với Bồ tát Trì Nhất Thiết rằng :

- Đức Như Lai đã vì vua A Xà Thế tạo tác tâm quyết định.

Vua A Xà Thế liền bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Giả sử hôm nay, con được cùng với Phạm Vương, Thích Đề Hoàn Nhân ngồi đứng, ăn uống còn chẳng hân hoan bằng được gặp đức Như Lai với một lời đoái hoài đến con rất lấy làm vui mừng.

Bấy giờ vua A Xà Thế liền đem tràng phan, bảo cái, hương hoa, kỹ nhạc đã mang theo để cúng dường, trước làm lễ dưới chân đức Phật, nhiễu quanh về bên phải ba vòng. Lễ kính xong rồi, lui về ngồi một phía.

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo vua A Xà Thế rằng :

- Nay đại vương ! Hôm nay ta sẽ vì ông nói chánh pháp yếu. Ông phải một lòng lắng nghe ! Lắng nghe ! Người phạm phu thường phải ràng buộc lòng quan sát thân có hai mươi việc.

Một là trong thân này của ta rỗng không, vô lậu.

Hai là không có các căn lành.

Ba là sinh tử này của ta chưa được điều thuận.

Bốn là rơi rớt xuống hầm sâu, không chỗ nào chẳng sợ.

Năm là dùng phương gì để được thấy Phật tính.

Sáu là làm sao tu định để được thấy Phật tính.

Bảy là sinh tử, thường, khổ, vô thường, ngã, tịnh.

Tám là nạn tám nạn khó được xa lìa.

Chín là thường bị sự truy đuổi của oán gia.

Mười là không có một pháp có thể ngăn chặn các hữu.

Mười một là đối với ba đường ác chưa được giải thoát.

Mười hai là đầy đủ chủng loại những ác tà kiến.

Mười ba là cũng chưa tạo lập bền qua khỏi ngũ nghịch.

Mười bốn là sinh tử không bờ cõi mà chưa được bờ biên ấy.

Mười lăm là chẳng tạo tác các nghiệp thì chẳng bị quả báo.

Mười sáu là không có ngã làm người khác thọ quả.

Mười bảy là chẳng tạo nhân duyên vui thì nhất định không có kết quả vui.

Mười tám là nếu có tạo nghiệp thì quả nhất định chẳng mất.
Mười chín là nhân vô minh sinh thì cũng nhân đó mà tử.

Hai mươi là quá khứ, vị lai và hiện tại thường làm phóng dật. Này đại vương ! Người phạm phu phải đối với thân này thường tạo tác hai mươi thứ quan sát như vậy. Tạo tác sự quan sát này rồi thì chẳng ưa sinh tử mà chẳng ưa sinh tử thì được chỉ quán. Bây giờ, theo thứ lớp quan sát tướng tâm sinh, tướng trụ, tướng diệt. Theo thứ lớp quan sát tướng tâm sinh, trụ, diệt rồi thì định, tuệ, tấn, giới cũng lại như vậy. Quan sát sinh, trụ, diệt rồi, biết tướng tâm... cho đến tướng giới thì nhất định chẳng làm ác, không có nỗi sợ chết, nỗi sợ ba đường ác. Nếu hành giả chẳng ràng buộc lòng quan sát hai mươi việc như vậy thì lòng buông lung, không việc ác nào chẳng làm.

Vua A Xà Thế thưa rằng :

- Như con hiểu được ý nghĩa của câu nói đức Phật thì con từ xưa đến giờ chưa từng quan sát hai mươi việc này nên đã tạo nên mọi nghiệp ác. Đã tạo mọi nghiệp ác nên con có nỗi sợ chết, nỗi sợ ba đường ác. Thưa đức Thế Tôn ! Tự con đã rước lấy tai ương, tạo tác tội ác nặng nề ấy, phụ vương không có tội mà ngang ngược gia thêm nghịch hại. Hai mươi việc quán này mà giả sử chẳng quan sát thì nhất định phải đọa vào địa ngục A Tỳ.

Đức Phật bảo rằng :

- Nay đại vương ! Tính tướng của tất cả các pháp vô thường, không có quyết định thì sao nhà vua nói rằng, nhất định phải đọa địa ngục A Tỳ ?

Vua A Xà Thế bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu tất cả pháp không định tướng thì tội giết cha của con cũng nên chẳng định. Nếu tội giết định thì tất cả các pháp chẳng phải bất định.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay đại vương ! Hay thay ! Hay thay ! Các đức Phật Thế Tôn nói rằng, tất cả pháp đều không định tướng, nhà vua lại có thể biết giết cũng chẳng định. Vậy nên phải biết giết không định tướng. Nay đại vương ! Như lời ông nói, phụ vương không tội mà ngang ngược gia thêm nghịch hại, thì ai là cha ? Chỉ đối với năm âm giả danh chúng sinh mà vọng sinh ra tư tưởng cha. Ở trong mười hai nhập, mười tám giới thì cái gì là cha ? Nếu sắc là cha thì bốn âm còn lại nên chẳng phải. Nếu bốn âm còn lại là cha thì sắc cũng nên chẳng phải. Nếu sắc và chẳng phải sắc hợp lại là cha thì không có điều này. Vì sao vậy ? Vì sắc cùng chẳng phải sắc, tính chúng không hợp. Nay đại vương ! Chúng sinh phạm phu đối với sắc âm này vọng sinh ra tư tưởng cha. Như vậy thì sắc âm cũng chẳng thể hại. Vì sao vậy ? Vì sắc có mười thứ mà trong mười thứ này chỉ có một thứ sắc là có thể thấy, có thể nắm giữ, có thể xung hô, có thể đo lường, có thể điều khiển, có thể trói buộc. Tuy có thể thấy... có thể trói buộc nhưng tính của sắc ấy chẳng trụ. Do tính ấy chẳng trụ nên chẳng thể được thấy, chẳng thể nắm bắt, chẳng thể xung lường, chẳng thể điều khiển, trói buộc. Sắc tướng như vậy thì làm sao có thể giết ? Nếu sắc là cha có thể giết có thể hại mà bị tội báo thì chín thứ sắc còn lại nên chẳng phải. Nếu chín thứ còn lại chẳng phải thì nên không có tội. Nay đại vương ! Sắc có ba thứ là sắc quá khứ, vị lai và hiện tại. Sắc quá khứ và hiện tại thì chẳng thể hại. Vì sao vậy ? Vì quá khứ qua đi, còn hiện tại thì từng niệm từng niệm diệt mất, ngăn chặn vị lai nên gọi đó là giết. Như vậy một sắc, hoặc có thể giết, hoặc chẳng thể giết mà có giết, chẳng giết thì sắc là bất định. Nếu sắc bất định thì giết cũng bất định mà giết bất định nên báo cũng bất định thì sao nói rằng, nhất định vào địa ngục ? Nay đại vương ! Sự tội nghiệp của tất cả chúng sinh thường có hai thứ, một là khinh (nhẹ), hai là trọng (nặng). Nếu lòng với miệng làm thì gọi là khinh. Nếu thân, miệng, lòng cùng làm thì gọi là trọng. Nay đại vương ! Lòng nghĩ, miệng nói mà thân chẳng làm thì bị quả báo nhẹ. Nay đại vương ! Ngày xưa miệng ngài chẳng ra lệnh giết mà chỉ nói là hình phạt là đủ. Nay đại vương ! Nếu

ngài ra lệnh cho thị thần lập đài chém đầu vua và khi ngài ngồi xem mới chém mà còn chẳng bị tội, huống là vua chẳng ra lệnh thì sao gọi là bị tội ? Nhà vua nếu bị tội thì các đức Phật Thế Tôn cũng nên bị tội. Vì sao vậy ? Vì cha ngài, vị tiên vương Tần Bà Ta La, đã từng ở chỗ các đức Phật gieo trồng các căn lành nên ngày hôm nay được ở ngôi vua. Nếu các đức Phật chẳng thọ sự cúng dường của ông ấy thì ông ấy chẳng được làm vua. Nếu ông ấy chẳng làm vua thì ngài chẳng vì muốn được nước nên sinh lòng giết hại. Vậy nếu ngài giết cha phải có tội thì chúng ta, các đức Phật, cũng nên có tội. Nếu các đức Phật Thế Tôn không có tội thì làm sao một mình ngài có tội được vậy ? Nay đại vương ! Vua Tần Bà Ta La, thuở trước có ác tâm, du hành ở trong núi Tỳ Phú La, săn nai. Ông đi cùng khắp vùng khoáng dã đều không được gì mà chỉ thấy một vị tiên nhân đầy đủ năm thần thông. Thấy rồi, ông liền sinh lòng ác sân nhuế mà nghĩ : “Ta nay đi săn, sở dĩ chẳng được gì chính là do người này, phải xua đuổi hẳn đi khỏi”. Ông liền ra lệnh cho tả hữu giết người đó. Người ấy lâm chung sinh lòng sân ác, mất hết thần thông mà thề rằng : “Ta thật vô tội, người dùng tâm, miệng ngang ngược gia hại giết chết ! Vào đời vị lai, ta cũng sẽ trở lại dùng tâm, miệng mà gia hại người như vậy”. Vị vua nghe rồi liền sinh lòng hối hận, cúng dường tử thi. Vị vua này như vậy còn được khinh tội, chẳng bị đọa địa ngục, huống là vua chẳng vậy mà phải đọa địa ngục, thọ quả báo sao? Đức tiên vương đã tự tạo ra, rồi trở lại tự nhận lấy thì làm sao khiến cho nhà vua bị tội giết được ? Như lời vua đã nói, Phụ vương không tội, thì sao gọi rằng không? Nay đại vương ! Phạm người có tội thì có tội báo, người không ác nghiệp thì không tội báo. Cha của ngài, vị tiên vương, nếu không tội thì sao có quả báo ? Vua Tần Bà Ta La, ở trong hiện thế cũng được thiện quả và cả ác quả. Vậy nên vị tiên vương cũng lại bất định mà do bất định nên giết cũng bất định. Giết bất định thì làm sao mà nói rằng, nhất định vào địa ngục.

Nay đại vương ! Sự cuồng hoặc của chúng sinh phạm có bốn thứ, một là tham cuồng, hai là dục cuồng, ba là chú cuồng, bốn là bản nghiệp duyên cuồng. Nay đại vương ! Trong đệ tử của ta có bốn thứ cuồng này, tuy họ làm nhiều điều ác nhưng nhất định chẳng ghi là người này phạm giới. Việc làm người đó chẳng đến ba đường ác. Nếu họ trở lại được lòng thì cũng chẳng nói rằng phạm. Nhà vua vốn tham đất nước, nghịch hại phụ vương, do tâm tham cuồng làm thì làm sao bị tội ? Nay đại vương ! Như người say rượu, nghịch hại cha hấn, khi tỉnh dậy rồi thì lòng sinh hối hận. Ông phải biết nghiệp này cũng chẳng bị quả báo. Nhà vua hôm nay tham say, chẳng phải bản tâm làm mà nếu chẳng phải bản tâm thì sao gọi là bị tội. Nay đại vương ! Ví như vị huyễn sư, ở đầu đường ngã tư, huyễn hóa làm ra đủ trai, gái, voi, ngựa, chuỗi ngọc, quần áo... Người ngu cho đó là chân thật. Người

có trí biết đó chẳng phải thật có. Giết cũng như vậy, phạm phu cho là thật, các đức Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân. Nay đại vương ! Ví như tiếng vang trong vùng núi, người ngu si cho là tiếng thật, kẻ có trí biết tiếng ấy chẳng phải chân. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, các đức Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân. Nay đại vương ! Như người có kẻ oán giả trá đến cận kề, người ngu si cho là thật thân, kẻ trí thông đạt mới biết là dối trá. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, các đức Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải là chân. Nay đại vương ! Như người cầm gương soi tự thấy dáng mặt của mình, người ngu si cho là mặt chân thật, kẻ trí rõ thông biết mặt ấy chẳng phải chân thật. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, các đức Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải là chân. Nay đại vương ! Như khi lửa cháy, người ngu si cho đó là nước, kẻ trí thông đạt biết lửa ấy chẳng phải nước. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, các đức Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải là chân. Nay đại vương ! Như thành của Càn thất bà, người ngu cho là chân thật, kẻ trí rõ đạt biết thành ấy chẳng phải là chân. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, các đức Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải là chân. Nay đại vương ! Như người trong mơ, hưởng thụ niềm vui năm dục, người ngu si cho đó là thật, kẻ trí rõ đạt biết việc ấy chẳng phải là chân. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, các đức Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải là chân. Nay đại vương ! Pháp giết, nghiệp giết, người giết, quả báo giết và cả giải thoát... ta đều biết rõ chúng là không có tội. Nhà vua tuy biết giết nhưng sao gọi là có tội ? Nay đại vương ! Ví như có người giỏi biết về rượu. Như người ấy chẳng uống thì cũng chẳng say, tuy lại biết lửa nhưng cũng chẳng đốt cháy. Nhà vua cũng như vậy, tuy lại biết giết nhưng sao gọi rằng có tội ? Nay đại vương ! Có các chúng sinh vào lúc mặt trời mọc làm đủ thứ tội, vào lúc mặt trăng mọc lại đi trộm cướp, mặt trời, mặt trăng chẳng mọc thì chẳng làm nên tội. Tuy nhân mặt trời, mặt trăng khiến cho họ làm nên tội nhưng mặt trời, mặt trăng này thật chẳng đắc tội. Giết cũng như vậy, tuy lại nhân nơi vua, nhưng nhà vua thật không có tội. Nay đại vương ! Như trong cung vua thường lệnh bảo làm thịt dê, lòng ban đầu không sợ thì sao đối với cha riêng sinh ra lòng sợ. Tuy người và súc sinh sự tôn ty có khác biệt nhưng ham sống, sợ chết cả hai đều không khác thì vì sao đối với dê lòng nhẹ không sợ, còn đối với vua cha sinh ưu khổ nặng nề ? Nay đại vương ! Người thế gian là yêu thích tội đó chẳng được tự tại. Vì yêu thích sự sai khiến mà làm ác hại, giả sử có quả báo thì mới là tội yêu thích. Nhà vua chẳng tự tại thì phải có tội gì ? Nay đại vương ! Ví như Niết Bàn chẳng phải có, chẳng phải không mà cũng là có. Giết cũng như vậy, tuy chẳng phải có, chẳng phải không mà cũng là có. Người tầm quý thì chính là chẳng phải có, người không tầm quý thì chính là chẳng phải không. Người thọ quả báo thì gọi đó là có. Người thấy không thì

tức là chẳng phải có, người thấy có thì tức là chẳng phải không. Có người thấy có thì cũng gọi là có. Vì sao vậy ? Vì có người thấy có được quả báo, không người thấy có thì không quả báo. Người thường thấy thì tức là chẳng phải không. Không người thường thấy thì tức là chẳng phải có. Người thường thường thấy thì chẳng được là không. Vì sao vậy ? Vì người thường thường thấy có nghiệp quả ác. Vậy nên người thường thường thấy thì chẳng được là không. Do nghĩa này nên tuy chẳng phải có, chẳng phải không mà cũng là có. Nay đại vương ! Luận về chúng sinh thì gọi là hơi thở ra vào, đoạn dứt hơi thở ra vào nên gọi là giết : các đức Phật Thế Tôn theo thế tục cũng nói là giết. Nay đại vương ! Sắc là vô thường, nhân duyên của sắc cũng là vô thường. Từ nhân duyên vô thường sinh ra sắc thì sao gọi là thường ? ... cho đến thức là vô thường, nhân duyên của thức cũng là vô thường. Từ nhân duyên vô thường sinh ra thức thì sao gọi là thường ? Do vô thường nên khổ, do khổ nên không, do không nên vô ngã. Nếu là vô thường, khổ, không, vô ngã thì là giết cái gì ? Giết vô thường thì được thường Niết Bàn, giết khổ được lạc, giết không được thật, giết vô ngã mà được chân ngã. Nay đại vương ! Nếu giết vô thường, khổ, không, vô ngã thì cùng với ngã đồng. Ta cũng giết vô thường, khổ, không, vô ngã mà chẳng vào địa ngục thì sao ông gọi là vào?.

Lúc bấy giờ, vua A Xà Thế theo đúng như lời đức Phật nói mà quan sát sắc... cho đến quan sát thức. Tác khởi sự quan sát này rồi, ông liền bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Hôm nay con mới biết sắc là vô thường... cho đến thức là vô thường. Con trước nếu có thể biết như vậy thì đã chẳng làm nên tội. Thưa đức Thế Tôn ! Con trước từng nghe các đức Phật Thế Tôn thường vì chúng sinh mà làm cha mẹ. Tuy nghe lời nói đó nhưng còn chưa thấm định, hôm nay thì nhất định biết. Thưa đức Thế Tôn ! Con cũng từng nghe Tu Di Sơn Vương là sự tạo thành của bốn thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Nếu có nhiều chim theo chỗ tập hợp thì đồng màu với núi ấy. Tuy nghe lời nói này, nhưng con cũng chẳng thấm định. Hôm nay, con đi đến núi Tu Di Phật thì cùng đồng màu mà cùng đồng màu thì biết các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Thưa đức Thế Tôn ! Con thấy ở thế gian, từ hạt Y lan sinh ra cây Y lan, chẳng thấy hạt Y lan sinh ra cây Chiên đàn. Hôm nay con mới thấy từ hạt Y lan sinh ra cây Chiên đàn. Hạt Y lan là thân con đó ! Cây chiên đàn thì tức là lòng không có niềm tin căn bản vậy. Không căn là con ban đầu chẳng biết cung kính đức Như Lai, chẳng tin Pháp, Tăng. Đó gọi là vô căn. Thưa đức Thế Tôn ! Con nếu chẳng gặp được Như Lai Thế Tôn thì phải ở tại đại địa ngục trong vô lượng atăng kỳ kiếp, chịu vô lượng

khổ. Con hôm nay may mắn được diện kiến đức Phật. Do công đức được diện kiến đức Phật này mà phá hoại tất cả ác tâm phiền não sẵn có của chúng sinh !

Đức Phật dạy rằng :

- Nay đại vương ! Hay thay ! Hay thay ! Ta nay biết ông nhất định có thể phá hoại ác tâm của chúng sinh.

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu con xét có thể phá hoại các ác tâm của chúng sinh thì khiến cho con luôn ở tại địa ngục A Tỳ, trong vô lượng kiếp, vì các chúng sinh chịu đại khổ não mà chẳng lấy làm khổ.

Lúc bấy giờ, vô lượng nhân dân của nước Ma Đà Đà đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do vô lượng nhân dân phát đại tâm như vậy.v.v... nên trọng tội sẵn có của vua A Xà Thế liền được mỏng nhỏ bớt đi. Nhà vua và phu nhân, hậu cung thể nữ đều đồng phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lúc bấy giờ, vua A Xà Thế nói với ông Kỳ Bà rằng :

- Ta nay chưa chết đã được thân trời, bỏ đi mạng ngắn ngủi mà được mạng dài lâu, bỏ thân vô thường mà được thân thường trụ, khiến cho những chúng sinh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là thân trời, mạng dài lâu, thân thường trụ, tức là đệ tử của tất cả các đức Phật.

Nói lời này xong, ông liền dùng đủ thứ bảo tràng, bảo phan, bảo cái, hương hoa, chuỗi ngọc, kỹ nhạc vi diệu mà cúng dường đức Phật. Ông lại dùng kệ tụng mà khen ngợi rằng :

Lời thật rất vi diệu Câu nghĩa khéo léo hơn

Tặng thậm thâm bí mật Vì chúng hiển thị lên.

Lời quảng bác sẵn có Vì chúng lược tuyên dương

Đầy đủ lời như vậy Khéo trị liệu chúng sinh.

Nếu có các sinh chúng Lời này được nghe xong

Hoặc tin hoặc bất tín Biết là lời Thế Tôn.

Lời Phật thường êm dịu Vì chúng nói thô hơn
Lời thô và lời dịu Về Đệ nhất nghĩa tôn.
Nên con hôm nay nguyện Qui y với Thế Tôn.
Lời Như Lai một vị Như nước biển mênh mông
Đó gọi Đệ nhất nghĩa Không lời nghĩa rỗng không.
Hôm nay lời đức Phật Đủ thứ pháp không lường
Mọi trai gái nghe được Đệ nhất nghĩa đều đồng.
Không nhân cũng không quả Không diệt và không sinh
Đó gọi Niết Bàn lớn Người nghe phá kết duyên.
Như Lai vì tất cả Thường làm cha mẹ lành
Phải biết các sinh chúng Đều là con Thế Tôn.
Như Lai từ bi lớn Vì chúng, khổ hạnh làm
Như người mê qui mị Việc làm nhiều loạn cuồng.
Con nay được thấy Phật Sở đắc ba nghiệp lành
Công đức này con nguyện Hồi hướng đạo Không Trên (Vô thượng)
Đồ con nay dâng cúng Phật pháp và chúng Tăng
Công đức này con nguyện Tam Bảo, đời thường tôn.
Con hôm nay sẽ được Đủ thứ công đức lành
Con nguyện đem phá hoại Bốn ma của chúng sinh.
Con gặp ác tri thức Tội ba đời tạo nên

Nay hồi ở trước Phật Nguyện sau không dám làm.

Nguyện cho những sinh chúng Đều phát Bồ Đề tâm

Buộc lòng thường suy nghĩ Tất cả Phật mười phương

Lại nguyện các sinh chúng Mãi phá tan não phiền

Tỏ rõ thấy Phật tính Như Diệu Đức (Văn Thù) vân vân.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen vua A Xà Thế rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Nếu có người có thể phát tâm Bồ Đề thì phải biết là người này làm trang nghiêm đại chúng của chư Phật. Nay đại vương ! Ông thuở xưa đã ở chỗ đức Phật Tỳ Ba Thi, đầu tiên phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Từ đó về sau, đến khi ta ra đời, ở khoản giữa thời gian ấy, ông chưa từng đọa vào địa ngục, chịu khổ. Đại vương phải biết rằng, tâm Bồ Đề mới có quả báo không lường như vậy. Nay đại vương ! Từ nay về sau thường phải siêng tu tâm Bồ Đề. Vì sao vậy ? Vì từ nhân duyên này sẽ được tiêu diệt vô lượng nghiệp ác vậy.

Lúc bấy giờ, vua A Xà Thế và nhân dân toàn nước Ma Đà Đà đứng dậy, nhiễu quanh đức Phật, rồi từ tạ lui trở về cung. Phạm Thiên hành, như Tạt Hoa thuyết.

--- o0o ---

PHẨM ANH NHI HẠNH

Phần XXI .

- Nay thiện nam tử ! Sao gọi là Anh nhi hạnh ? Nay thiện nam tử ! Chẳng thể đứng dậy, đi lại, nói năng thì đó gọi là anh nhi (đứa trẻ con). Như Lai cũng vậy, chẳng thể khởi dậy là Như Lai nhất định chẳng khởi dậy các pháp tướng. Chẳng thể trụ đứng là Như Lai chẳng chấp trước tất cả các pháp. Chẳng thể lại là thân Như Lai đi không có lay động. Chẳng thể đi là

Như Lai đã đi đến Đại Bát Niết Bàn. Chẳng thể nói năng là Như Lai tuy vì tất cả chúng sinh diễn nói các pháp nhưng thật không có điều gì để nói. Vì sao vậy ? Vì có điều để nói thì gọi là pháp hữu vi mà Như Lai Thế Tôn chẳng phải là hữu vi, vậy nên không nói. Lại, không lời nói thì giống như đứa trẻ con nói năng chưa rõ. Tuy nó lại có nói nhưng thật cũng không lời nói. Như Lai cũng vậy, lời nói chưa rõ tức là lời bí mật của các đức Phật. Các đức Phật tuy có lời nói ra nhưng chúng sinh chẳng lý giải được nên gọi là không lời nói (vô ngữ). Lại, anh nhi là gọi vật bất nhất, chưa biết lời gọi chính đáng. Tuy gọi là vật bất nhất, chưa biết lời gọi chính đáng nhưng chẳng phải chẳng nhân vào đây mà được nhận thức về vật. Như Lai cũng vậy, địa phương chủng loại của tất cả chúng sinh đều khác, lời nói chẳng đồng, Như Lai phương tiện tùy theo họ mà nói cũng khiến cho tất cả bọn họ nhân đó mà được lý giải. Lại, anh nhi là có thể nói đại tự (chữ lớn). Như Lai cũng vậy, nói đến đại tự như là Bà, Hòa. Hòa là hữu vi, Bà là vô vi. Đó gọi là anh nhi. Hòa thì gọi là vô thường, Bà thì gọi là hữu thường. Như Lai nói “thường”, chúng sinh nghe rồi thì vì “thường pháp” nên đoạn dứt với vô thường pháp. Đó gọi là hạnh anh nhi. Lại, anh nhi thì chẳng biết khổ, lạc, ngày đêm, cha, mẹ... Đại Bồ tát cũng lại như vậy vì chúng sinh nên chẳng thấy khổ, lạc, không có tướng ngày đêm. Đối với các chúng sinh lòng Bồ tát ấy bình đẳng nên không có tướng cha mẹ, thân sơ .v.v...Lại, anh nhi thì chẳng thể tạo tác những việc lớn nhỏ. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, chẳng lại tạo tác nghiệp sinh tử. Đó gọi là chẳng tạo tác đại sự mà đại sự tức là ngũ nghịch vậy. Đại Bồ tát thì nhất định chẳng tạo tác tội nặng ngũ nghịch. Việc nhỏ tức là tâm Nhị thừa mà Bồ tát thì nhất định chẳng thoái tâm Bồ Đề mà tạo tác Thanh Văn, Bích Chi Phật thừa. Lại, hạnh anh nhi là như lúc đứa trẻ con kia kêu khóc thì cha mẹ liền dùng lá vàng của cây dương mà nói dối rằng : “Chớ khóc ! Chớ khóc ! Ta cho con vàng đây !” Đứa trẻ thấy rồi, sinh ra ý tưởng về vàng ròng, liền dừng lại, chẳng khóc nữa, nhưng lá dương này thật chẳng phải là vàng vậy. Trâu gỗ, ngựa gỗ, con trai gỗ, con gái gỗ... đứa trẻ nhìn thấy rồi cũng lại sinh ra ý tưởng về con trai, con gái.v.v... liền dừng lại, chẳng khóc nữa, nhưng thật chẳng phải là con trai, con gái. Do tạo nên tư tưởng về con trai, con gái như vậy nên gọi là anh nhi. Như Lai cũng vậy, nếu có chúng sinh muốn tạo mọi việc ác thì Như Lai vì họ nói về ba mươi ba tầng trời thường-lạc-ngã-tịnh, đoan chính, tự do với cung điện đẹp, hưởng thụ niềm vui ngũ dục, đối tượng của sáu căn không gì chẳng phải là vui. Chúng sinh nghe có niềm vui như vậy nên lòng sinh ra tham vui, dừng lại chẳng làm ác siêng năng làm nghiệp thiện của ba mươi ba trời. Thật ra đó là sinh tử, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh nhưng vì độ chúng sinh nên phương tiện nói rằng, thường-lạc-ngã-tịnh. Lại, anh nhi là nếu có chúng sinh khi chán sinh tử thì Như Lai vì họ nói về Nhị thừa nhưng thật ra không có

Nhị thừa chân thật. Do Nhị thừa nên biết được lỗi hoạn của sinh tử, thấy được niềm vui Niết Bàn. Do việc thấy này thì có thể tự biết có đoạn - chẳng đoạn, có chân - chẳng chân, có tu - chẳng tu, có đắc - chẳng đắc... Đây thiện nam tử ! Như đứa trẻ kia ở trong chẳng phải vàng mà sinh ra ý tưởng vàng, Như Lai cũng vậy, ở trong bất tịnh mà nói là tịnh. Như Lai đã được Đệ nhất nghĩa thì không có hư dối ! Như đứa trẻ kia đối với chẳng phải trâu, ngựa mà tác khởi ý tưởng trâu, ngựa nên nếu có chúng sinh ở trong chẳng phải đạo mà tác khởi ý tưởng Chân đạo thì Như Lai cũng nói chẳng phải đạo là đạo. Trong chẳng phải đạo thật không có đạo, nhưng do có thể sinh ra chút nhân duyên đạo nên Như Lai nói chẳng phải đạo là đạo. Như đứa trẻ kia đối với trai, gái bằng gỗ sinh ra tư tưởng con trai, con gái, Như Lai cũng vậy, biết chẳng phải chúng sinh mà nói tướng chúng sinh, nhưng thật không có tướng chúng sinh vậy. Nếu Phật Như Lai nói không chúng sinh thì tất cả chúng sinh rơi vào tà kiến. Vậy nên, Như Lai nói có chúng sinh. Ở trong chúng sinh tạo tác tướng chúng sinh thì chẳng thể phá tướng chúng sinh vậy. Nếu ở trong chúng sinh mà phá tướng chúng sinh thì người đó có thể được Đại Bát Niết Bàn. Do được Đại Niết Bàn như vậy nên đừng lại chẳng kêu khóc. Đó gọi là hạnh Anh nhi. Đây thiện nam tử ! Nếu có người nam, người nữ thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói năm hạnh này thì ông phải biết rằng, người này nhất định sẽ được năm hạnh như vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như con lý giải được ý nghĩa lời nói của đức Phật thì con cũng nhất định sẽ được năm hạnh này !

Đức Phật dạy rằng :

- Đây thiện nam tử ! Chẳng đọc một mình ông được năm hạnh như vậy mà hôm nay trong hội này, có chín mươi ba vạn người cũng đồng với ông được năm hạnh này.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ mười tám hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 19

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH

BIÊN CHIÊU CAO QUÍ ĐỨC VƯƠNG

PHẦN XXII/1

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Đại Bồ tát Quang Minh Biên Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng:

- Này thiện nam tử! Nếu có Đại Bồ tát tu hành Kinh Đại Niết Bàn như vậy thì được mười việc công đức, chẳng cùng chung với Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng thể nghĩ bàn, người nghe kinh lạ, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải khó, chẳng phải dễ, chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, chẳng phải là thế pháp, không có tướng mạo, cái không có của thế gian. Những gì là mười?

- Một là có năm. Những gì là năm? Một là điều người chẳng nghe mà có thể được nghe. Hai là nghe rồi có thể làm lợi ích. Ba là có thể đoạn dứt lòng nghi hoặc. Bốn là lòng tuệ chánh trực không quanh co. Năm là có thể biết mật tạng của Như Lai. Đó là năm. Những gì chẳng nghe mà có thể được nghe? Đó là bí mật tạng vi diệu thậm thâm, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, Phật pháp, chúng tăng không có sai biệt, tính tướng Tam Bảo Thường-Lạc-Ngã-Tĩnh, tất cả các đức Phật không có rớt ráo vào Niết Bàn mà thường trụ bất biến, Như Lai Niết Bàn chẳng phải có - chẳng phải không, chẳng phải hữu vi - chẳng phải vô vi, chẳng phải hữu lậu - chẳng phải vô lậu, chẳng phải sắc - chẳng phải chẳng sắc, chẳng danh - chẳng phải chẳng danh, chẳng phải tướng - chẳng phải chẳng tướng, chẳng phải có - chẳng phải chẳng có, chẳng phải vật - chẳng phải chẳng vật, chẳng phải nhân - chẳng phải quả, chẳng phải đơi - chẳng phải chẳng đơi, chẳng phải sáng - chẳng phải tối, chẳng phải ra - chẳng phải chẳng ra, chẳng phải thường - chẳng phải chẳng thường, chẳng phải đoạn - chẳng phải chẳng đoạn, chẳng phải thi - chẳng phải chung, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải âm - chẳng phải chẳng âm, chẳng phải nhập - chẳng phải chẳng nhập, chẳng phải giới - chẳng phải chẳng giới, chẳng phải mười hai nhân duyên - chẳng phải chẳng mười hai nhân duyên. Những pháp thậm thâm vi

mật như vậy.v.v.. mà xưa chẳng được nghe thì có thể được nghe. Lại có cái chẳng được nghe như là Kinh sách của cửa tất cả ngoại đạo, bốn Tỳ Đà luận, Tỳ Đà La luận, Vệ Thế Sư luận, Ca Tỳ La luận, tất cả chú thuật, phương thuốc trị bệnh, kỹ nghệ, Nhật nguyệt thực, tinh tú biến chuyển, đồ thư, sách ký.v.v.. Những Kinh như vậy ban đầu chưa từng nghe ý nghĩ bí mật, hôm nay đối với Kinh này mà được biết nghĩa của chúng. Lại có mười một bộ Kinh, trừ bộ Tỳ Phật Lược, cũng không biết nghĩa thậm thâm như vậy, nay nhân Kinh này mà được biết nghĩa đó. Nay thiện nam tử! Đó gọi là chẳng nghe mà có thể được nghe. Nghe rồi lợi ích là nếu có thể thính thọ Kinh Đại Niết Bàn thì đều có thể biết đủ nghĩa vị thậm thâm của tất cả Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Ví như trai gái ở trước tấm gương sáng sạch nhìn thấy sắc tượng của họ tỏ rõ phân minh. Gương Đại Niết Bàn cũng lại như vậy, Bồ tát cầm lấy đều được thấy sáng nghĩa thậm thâm của kinh điển Đại Thừa. Cũng như có người ở trong nhà tối, cầm đuốc lửa sáng thấy hết mọi vật, đuốc Đại Niết Bàn cũng như vậy. Bồ tát cầm đuốc ấy thì được thấy nghĩa thâm áo của Đại Thừa. Cũng như mặt trời mọc có hàng ngàn ánh sáng đều có thể soi rõ những núi u tối, khiến cho tất cả mọi người từ xa nhìn thấy mọi vật. Mặt trời tuệ thanh tịnh Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy, soi rõ chỗ thâm thúy của Đại Thừa, khiến cho người Nhị thừa từ xa thấy Phật đạo. Sở dĩ vì sao? Vì do họ có thể thính thọ được Kinh vi diệu Đại Niết Bàn này. Nay thiện nam tử! Nếu có Đại Bồ tát thính thọ Kinh Đại Niết Bàn như vậy thì được biết danh tự của tất cả các pháp. Nếu họ có thể ghi chép, đọc tụng thông lợi, vì người khác diễn nói rộng rãi, suy nghĩ ý nghĩa Kinh ấy thì biết nghĩa lý của tất cả các pháp. Nay thiện nam tử! Người thính thọ Kinh ấy chỉ biết danh tự, chẳng biết nghĩa lý Kinh ấy mà nếu có thể ghi chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy nghĩ nghĩa Kinh ấy thì có thể biết được nghĩa lý. Lại nữa, nay thiện nam tử! Người nghe Kinh này, nghe có Phật tính, chưa có thể được thấy, nếu ghi chép, đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy nghĩ nghĩa Kinh ấy thì được thấy Phật tính. Người nghe Kinh này, nghe có danh tự Đản (Bồ thí) chưa thể được thấy Đản Balamật, nếu ghi chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy nghĩ nghĩa Kinh ấy thì có thể thấy Đản Balamật... Bát nhã Balamật cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Đại Bồ tát, nếu có thể nghe Kinh Đại Niết Bàn này thì biết pháp, biết nghĩa đủ cả hai không ngại. Các vị Bồ tát này đối các Samôn, Balamôn.v.v... hoặc trời, ma, Phạm trong tất cả đời, được vô sở úy, khai thị, phân biệt mười hai bộ Kinh, diễn nói nghĩa những Kinh ấy không có sai trái. Các vị ấy chẳng theo nghe người khác mà có thể tự biết gần với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay thiện nam tử! Đó gọi là nghe rồi có thể làm lợi ích. Đoạn tâm nghi thì nghi có hai thứ, một là nghi danh, hai là nghi nghĩa. Người nghe Kinh này đoạn dứt được lòng nghi danh, người suy nghĩ

về nghĩa thì đoạn được lòng nghi nghĩa. Lại nữa, này thiện nam tử! Nghi có năm thứ, một là nghi Phật có nhất định Niết Bàn không? Hai là nghi Phật có thường trụ không? Ba là nghi Phật có chân lạc không? Bốn là nghi Phật có chân tịnh không? Năm là nghi Phật có thật ngã không? Người nghe Kinh này nghi Phật Niết Bàn thì được đoạn dứt vĩnh viễn. Nếu họ ghi chép, đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy nghĩ nghĩa Kinh ấy thì bốn nghi còn lại đoạn dứt vĩnh viễn. Lại nữa, này thiện nam tử! Nghi có ba thứ, một là nghi Thanh Văn là có hay là không? Hai là nghi Duyên Giác là có hay là không? Ba là nghi Phật thừa là có hay là không? Người nghe Kinh này thì ba nghi như vậy diệt vĩnh viễn, không còn. Nếu người ấy ghi chép, đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy nghĩ nghĩa Kinh ấy thì có thể rõ biết tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Lại nữa, này thiện nam tử! Nếu có chúng sinh chẳng nghe kinh Đại Niết Bàn như vậy thì lòng nghi rất nhiều. Như là hoặc thường hay vô thường, hoặc lạc hay chẳng lạc, hoặc tịnh hay chẳng tịnh, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc mạng hay chẳng phải mạng, hoặc chúng sinh hay chẳng phải chúng sinh, hoặc rốt ráo hay chẳng rốt ráo, hoặc đời khác, hoặc đời đã qua, hoặc có, hoặc không, hoặc khổ hay chẳng phải khổ, hoặc tập hay chẳng phải tập, hoặc đạo hay chẳng phải đạo, hoặc diệt hay chẳng phải diệt, hoặc pháp hay chẳng phải pháp, hoặc thiện hay chẳng phải thiện, hoặc không hay chẳng phải không... người nghe Kinh này thì các nghi như vậy đều được đoạn trừ vĩnh viễn. Lại nữa, này thiện nam tử! Nếu có người chẳng nghe Kinh như vậy thì lại có đủ thứ nhiều những nghi tâm. Như là sắc là ngã vậy? Thọ, tưởng, hành, thức là ngã vậy? Mắt có thể thấy hay ngã có thể thấy vậy? ... cho đến thức có thể biết hay ngã có thể biết vậy? Sắc thọ báo hay ngã thọ báo vậy? ... cho đến thức thọ báo hay ngã thọ báo vậy? Sắc đến đời khác hay ngã đến đời khác vậy? ... cho đến thức cũng như vậy. Pháp sinh tử có đầu có cuối hay không đầu không cuối vậy? ... Người nghe Kinh này thì những nghi như vậy cũng được trừ diệt vĩnh viễn. Lại có người nghi Nhất xiển đề, phạm bốn trọng cấm làm ngũ nghịch tội, bài báng Kinh Phương Đẳng... những bọn như vậy có Phật tính hay không Phật tính vậy? Người nghe Kinh này thì những nghi như vậy.v.v... đều được đoạn trừ vĩnh viễn. Lại có người nghi, thế gian biên hay thế gian vô biên vậy? Có thế giới mười phương hay không thế giới mười phương vậy? Người nghe Kinh này thì những nghi như vậy.v.v... cũng được vĩnh viễn đoạn trừ. Đó gọi là có thể đoạn trừ lòng nghi hoặc. Tuệ tâm chính trực không tà khúc là nêu tâm có nghi hoặc thì sở kiến chẳng chánh trực. Tất cả phàm phu nếu chẳng được nghe Kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn này thì sở kiến tà khúc thậm chí sở kiến của người Thanh Văn, Bích Chi Phật cũng quanh co. Sao gọi là sở kiến của tất cả phàm phu là tà khúc? Ở trong hữu lậu thấy Thường-Lạc-Ngã-Tịnh thì ở chỗ Như Lai thấy Vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã; thấy có chúng sinh, thọ mạng, tri kiến; kể

cõi chẳng phải hữu tướng, cõi chẳng phải vô tướng là Niết Bàn; thấy trời Tự Tại có tám Thánh đạo, hữu kiến, đoạn kiến.... Những sự thấy như vậy gọi là tà khúc. Đại Bồ tát, nếu được nghe Kinh Đại Niết Bàn này, tu hành hạnh Thánh thì được đoạn trừ những tà khúc như vậy. Sao gọi là cái thấy tà khúc của Thanh Văn, Duyên giác vậy? Thấy Bồ tát từ cõi trời Đâu Suất hóa thân xuống, cõi voi trắng, giáng thân vào thai mẹ, cha tên là Tịnh Phạm, mẹ tên là Ma Gia, ở tại thành Ca Tỳ La, ở trong thai đầy đủ mười tháng mà sinh ra, sinh ra chưa đến đất thì Đế Thích đã tiếp bông, vua rồng Nan Đà và Bà Nan Đà phun nước tắm ngài, vua quỷ thần lớn Ma Ni Bạt Đà cầm bảo cái theo sau đứng hầu, thần đất hóa ra hoa để đỡ chân ngài, bốn phương đều đi đầy đủ bảy bước, đến với miếu thờ trời khiến cho tượng chư thiên đều đứng dậy nghinh đón, tiên A Tư Đà ẩm để xem tướng, xem tướng xong ông đã sinh đại bi khổ, tự thương mình sẽ mạng chung chẳng nhìn thấy Phật hưng khởi, đến thầy học sách vở, tính toán, bắn cung, cưỡi ngựa, vẽ tranh, sấm ký, kỹ nghệ, ở tại thâm cung với sáu vạn thể nữ vui sướng hưởng lạc, ra thành du ngoạn, đến vườn Ca Tỳ La, trên đường thấy người già... cho đến thấy vị Samôn mặc pháp phục mà đi, trở về đến trong cung, thấy các thể nữ, hình thể dáng vẻ giống như xương khô, cung điện sở hữu như mồ mã không khác, chán ghét xuất gia, nửa đêm vượt thành, đến chỗ các vị đại tiên Uất Đà Già, Ca La La.v.v.. nghe Thức xứ và Phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Đã nghe vậy rồi quan sát kỹ thấy xứ này là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã. Bỏ đi đến dưới cây, tu đủ hạnh khổ đầy đủ sáu năm, biết khổ hạnh này chẳng thể được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lúc bấy giờ, Bồ tát lại đến trong dòng sông A Di La Bạt Đề tắm gội, thọ sự dâng cháo sữa của người con gái chăn trâu, thọ rồi chuyển đến dưới cây Bồ Đề, phá ma Ba Tuần, được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở thành Ba La Nại vì năm vị Tỳ kheo lần đầu tiên chuyển bánh xe pháp... cho đến ở thành Câu Thi Na này vào Bát Niết Bàn. Thấy những việc như vậy thì đó gọi là sự thấy quanh co của Thanh Văn, Duyên Giác. Đây thiện nam tử! Đại Bồ tát thính thọ Kinh Đại Niết Bàn này thì đều được đoạn trừ những kiến (thấy) như vậy. Nếu có thể ghi chép, đọc tụng thông lợi, vì người khác diễn nói, suy nghĩ nghĩa Kinh ấy thì được sự thấy (kiến) chính trực không tà khúc. Đây thiện nam tử! Đại Bồ tát tu hành kinh Đại Niết Bàn như vậy thì chắc chắn biết là Bồ tát từ vô lượng kiếp đến nay chẳng từ cõi trời Đâu Suất giáng thân vào thai mẹ... cho đến ở thành Câu Thi Na vào Bát Niết Bàn. Đó gọi là thấy Chánh trực của Đại Bồ tát. Có thể biết nghĩa thâm mật của Như Lai thì đó tức là Đại Bát Niết Bàn, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, sám hối bốn trọng cấm, trừ tâm bài báng pháp, hết ngũ nghịch tội, diệt Nhất xiển đề, rồi nhiên hậu được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó gọi là nghĩa bí mật thậm thâm. Lại nữa, đây thiện nam tử! Sao lại gọi là nghĩa thậm thâm? Tuy biết

chúng sinh thật không có ngã mà ở đời vị lai chẳng mất nghiệp quả. Tuy biết năm âm đến đây diệt hết nhưng nghiệp thiện ác nhất định chẳng bại vong. Tuy có các nghiệp nhưng chẳng được tác giả. Tuy có chỗ đến nhưng không có người đi. Tuy có trói buộc nhưng không người chịu trói. Tuy có Niết Bàn nhưng cũng không người diệt. Đó gọi là nghĩa bí mật thậm thâm.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa lời nói nghe chẳng nghe của đức Phật thì nghĩa này chẳng vậy! Vì sao vậy? Vì pháp, nếu có thì nên nhất định có. Pháp, nếu không thì nên nhất định không. Không chẳng nên sinh ra, có chẳng nên diệt đi. Như người nghe ấy thì tức là nghe, nếu người chẳng nghe thì tức là chẳng nghe. Vì sao mà nói rằng, nghe điều chẳng nghe? Thưa đức Thế Tôn! Nếu chẳng thể nghe thì đó là chẳng nghe. Nếu đã nghe thì lại cũng chẳng nghe. Vì sao vậy? Vì đã được nghe thì sao mà nói rằng, nghe điều chẳng nghe. Ví như người đi đã đến thì chẳng còn đi, đã còn đi thì chẳng đến. Cũng như sinh ra rồi thì chẳng còn sinh, chẳng còn sinh thì chẳng sinh. Được rồi thì chẳng còn được, chẳng còn được thì chẳng được. Nghe rồi thì chẳng còn nghe, chẳng còn nghe thì chẳng nghe.... cũng lại như vậy. Thưa đức Thế Tôn! Nếu chẳng nghe mà nghe thì tất cả chúng sinh chưa có Bồ Đề thì nên có Bồ Đề ngay, chưa được Niết Bàn cũng nên được Niết Bàn, chưa thấy Phật tính nên thấy Phật tính thì sao lại nói rằng, Bồ tát thập trụ tuy thấy Phật tính nhưng chưa được sáng tỏ? Thưa đức Thế Tôn! Nếu người nghe chẳng nghe thì đức Như Lai thuở xưa theo ai được nghe? Nếu nói được nghe thì vì sao trong đức Như Lai, ở trong Kinh A Hàm, lại nói rằng, vô sư? Nếu: chẳng nghe” thì chẳng nghe mà đức Như Lai được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì tất cả chúng sinh chẳng nghe mà chẳng nghe cũng nên được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa đức Như Lai! Nếu ngài chẳng nghe Kinh Đại Niết Bàn này mà thấy Phật tính thì tất cả chúng sinh chẳng nghe Kinh này cũng nên được thấy! Thưa đức Thế Tôn! Phạm là sắc thì hoặc có thể thấy, hoặc chẳng thể thấy. Thanh cũng như thế hoặc có thể thấy, hoặc chẳng thể thấy. Đại Niết Bàn này chẳng phải sắc, chẳng phải thanh thì sao mà nói rằng, có thể được thấy nghe? Thưa đức Thế Tôn! Quá khứ đã diệt thì chẳng thể nghe, vị lai chưa đến cũng chẳng thể nghe và hiện tại khi nghe thì chẳng gọi là nghe, khi nghe rồi thanh diệt lại chẳng thể nghe. Kinh Đại Niết Bàn này cũng chẳng phải quá khứ, vị lai và hiện tại mà nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể nói. Nếu chẳng thể nói thì chẳng thể nghe thì sao mà nói rằng, Bồ tát tu Kinh Đại Niết Bàn này nghe điều chẳng nghe?

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng:

- Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử! Ông nay giỏi biết tất cả các pháp như huyền, như lửa hừng, như thành của Càn thất bà, như dầu vẽ xuống nước, như bong bóng nước, cây chuối.... rỗng không không có thật, chẳng phải mạng, chẳng phải ngã, không có khổ vui, đúng như sự thấy biết của Bồ tát Thập Trụ.

Trong đại chúng bỗng nhiên có ánh sáng lớn, chẳng phải xanh thấy xanh, chẳng phải vàng thấy vàng, chẳng phải đỏ thấy đỏ, chẳng phải trắng thấy trắng, chẳng phải sắc thấy sắc, chẳng phải sáng thấy sáng, chẳng phải thấy mà thấy. Bấy giờ, đại chúng gặp ánh sáng ấy rồi thì thân tâm khoái lạc, ví như Tỳ kheo vào định Sư Tử Vương. Khi ấy, ngài Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ tát bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Hôm nay ánh sáng này do ai phóng ra vậy?

Khi ấy đức Như Lai mặc nhiên chẳng nói. Bồ tát Ca Diếp lại hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi:

- Vì nhân duyên gì mà có ánh sáng này soi đến đại chúng?

Ngài Văn Thù Sư Lợi lặng thinh chẳng đáp. Bấy giờ, Bồ tát Vô Biên Thân lại hỏi Bồ tát Ca Diếp:

- Hôm nay ánh sáng này là sở hữu của ai?

Bồ tát Ca Diếp lặng thinh chẳng nói. Bồ tát Tịnh Trụ Vương Tử lại hỏi Bồ tát Vô Biên Thân rằng:

- Vì nhân duyên gì trong đại chúng có ánh sáng này?

Bồ tát Vô Biên Thân lặng thinh chẳng nói... Cứ như vậy, năm trăm vị Bồ tát đều cũng hỏi như vậy. Tuy các vị hỏi han nhau nhưng không có người trả lời. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng:

- Này Văn Thù Sư Lợi! Vì nhân duyên gì trong đại chúng có ánh sáng này?

Ngài Văn Thù Sư Lợi đáp rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Ánh sáng như vậy gọi là trí tuệ. Trí tuệ thì tức là thường trụ mà pháp thường trụ không có nhân duyên thì vì sao đức Phật hỏi, vì nhân duyên gì có ánh sáng này? Ánh sáng này gọi là Đại Niết Bàn mà Đại Niết Bàn thì gọi là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao đức Phật hỏi rằng, vì nhân duyên gì có ánh sáng này? Ánh sáng này tức là Như Lai mà Như Lai tức là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao đức Như Lai hỏi đến nhân duyên? Ánh sáng này gọi là Đại Từ Đại Bi mà Đại Từ Đại Bi thì gọi là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao đức Như Lai hỏi đến nhân duyên? Ánh sáng này tức là Niệm Phật mà Niệm Phật tức là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao đức Như Lai hỏi đến nhân duyên? Ánh sáng này tức là đạo Bất Cộng của tất cả Thanh Văn, Duyên Giác mà đạo Bất Cộng của Thanh Văn, Duyên Giác tức là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao đức Như Lai hỏi về nhân duyên? Thế Tôn cũng có nhân duyên! Nhân diệt vô minh thì được sáng rực đèn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác!

Đức Phật dạy rằng:

- Nay Văn Thù Sư Lợi! Hôm nay ông chớ vào Đệ nhất nghĩa để thăm thâm của các pháp! Ông nên dùng thế để mà giải nói điều đó!

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Ở phương Đông này, qua khỏi số thế giới nhiều bằng hai mươi lần cát sông Hằng, có thế giới Phật tên là Bất Động, trụ xứ của đức Phật ấy ngang dọc bằng nhau đầy đủ một vạn hai ngàn do tuần. Đất nơi ấy bằng bảy thứ báu, không có đất đá, bằng phẳng, mềm mại, không các ngòi rãnh, hầm hố. Những cây cối của cõi ấy do bốn thứ báu tạo thành là vàng, bạc, lưu ly và pha lê, hoa trái sum suê, không lúc nào chẳng có. Nếu có chúng sinh nghe mùi hương hoa ấy thì thân tâm an lạc, ví như Tỳ kheo vào thiền thứ ba. Giáp vòng cõi ấy lại có ba ngàn dòng sông lớn, nước sông ấy đầy đủ tám vị vi diệu. Nếu có chúng sinh tắm gội ở trong nước ấy thì được niềm hỷ lạc, ví như Tỳ kheo vào thiền thứ hai. Những dòng sông ấy có đủ thứ những loài hoa như hoa Ưu bát la, hoa Ba đầu ma, hoa Câu vật đầu, hoa Phân đà lợi, hoa Hương, hoa Đại hương, hoa Diệu hương, hoa Thường. Tất cả chúng sinh không che chở hoa. Hai bên bờ sông ấy cũng có nhiều loài hoa, như là hoa A Đề mục đa đà, hoa Chiêm bà, hoa Ba tra la, hoa Bà sư la,

hoa Ma lợi ca, hoa Đại ma lợi ca, hoa Tân ma lợi ca, hoa Tu ma na, hoa Do đề ca, hoa Đàn ca lợi, hoa thường... Tất cả chúng sinh không che chở hoa. Đáy sông trải cát vàng, có bốn bực bệ bằng vàng, bạc, lưu ly và pha lê đủ màu. Có nhiều loài chim tập hợp dạo trong những dòng sông ấy. Lại có vô lượng cọp, sói, sư tử... những loài chim, thú ác mà lòng chúng xem nhau giống như con đò. Trong thế giới đó, tất cả không có kẻ phạm trọng cấm, bài báng chánh pháp và Nhất xiển đề, tội ngũ nghịch.v.v... Cõi ấy điều hòa thích hợp, không có lạnh nóng, đói khát, khổ não, không có tham dục, sân nhuế, phóng dật, tật đố (ganh ghét) không có mặt trời, mặt trăng, ngày, đêm, thời tiết giống như trên trời thứ hai Đạo Lợi. Nhân dân cõi ấy đều có ánh sáng, mỗi mỗi đều không có lòng kiêu mạn, tất cả đều là bậc Đại Sĩ Bồ tát, đều được thần thông, đầy đủ công đức lớn. Lòng họ đều tôn trọng Chánh pháp, theo về Đại Thừa, ái niệm Đại Thừa, ham thích Đại Thừa, hộ tiếc Đại Thừa, thành tựu đại tuệ, được đại Tổng trì. Lòng họ thường thương xót tất cả chúng sinh. Đức Phật của thế giới ấy hiệu là Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hành Túc Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn. Tùy theo chỗ sở trụ của ngài mà có sự giảng nói, tuyên dương. Chúng sinh của cõi ấy không gì chẳng được nghe. Đức Phật ấy vì Đại Bồ tát Lưu Ly Quang tuyên giảng Kinh Đại Niết Bàn mà nói rằng: “Này thiện nam tử! Đại Bồ tát nếu có thể tu hành Kinh Đại Niết Bàn thì điều chẳng nghe đều được nghe hết”. Đại Bồ tát Lưu Ly Quang đó hỏi đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh cũng đúng như lời hỏi của Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương ở cõi này, không có khác. Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh kia liền bảo Bồ tát Lưu Ly Quang rằng: “Này thiện nam tử! Phương Tây cách đây hai mươi lần cát sông Hằng cõi Phật, ở đó có thế giới tên là Ta bà. Cõi ấy có nhiều núi đồi, gò đồng, đất cát, sỏi đá, gai góc bén nhọn... tràn đầy cùng khắp, thường có đói khát, lạnh nóng, khổ não. Nhân dân cõi ấy chẳng thể cung kính Samôn, Bà la môn, cha mẹ, sư trưởng. Họ tham trước phi pháp, muốn ở trong phi pháp, tu hành tà pháp, chẳng tin Chánh pháp, có thọ mạng ngắn ngủi, có hành động gian trá. Vua thì cai trị họ. Vua tuy có nước, nhưng chẳng biết thỏa mãn, đối với sở hữu của người khác sinh lòng tham lợi, dấy binh chinh phạt nhau, kẻ chết oan uổng là dân chúng. Vua thì tu hành phi pháp như vậy, thiện thần bốn trời lòng không hoan hỷ nên giáng xuống tai họa, hạn hán, lúa gạo khan hiếm, nhân dân nhiều bệnh, khổ não không lường. Trong cõi đó có đức Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hành Túc Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn, đại bi thuận hậu, thương xót chúng sinh. Ngài đang ở vùng Ta La Song Thọ của thành Câu Thi Na vì các đại chúng phu diễn Kinh Đại Niết Bàn như vậy. Ở đó có

vị Bồ tát tên là Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương, đã hỏi việc ấy như ông không khác. Đức Phật hôm nay đang đáp vấn đề đó. Ông hãy mau chóng đi đến thì tự sẽ được nghe!” Bồ tát Lưu Ly Quang kia nghe việc đó rồi, cùng với tám muôn bốn ngàn Đại Bồ tát muốn đến cõi kia, nên trước hết hiện những điềm lành, đó là nhân duyên, để có ánh sáng này, nên gọi là nhân duyên, cũng chẳng phải là nhân duyên. Lúc bấy giờ Bồ tát Lưu Ly Quang cùng với tám vạn bốn ngàn các Bồ tát đều mang những tràng, cái, hương hoa, chuỗi ngọc đủ thứ kỹ nhạc gấp bội hơn trước, cùng đi đến vùng Ta La Song Thọ ở thành Câu Thi Na, đem đồ cúng dường mang theo của mình mà cúng dường đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân, chấp tay cung kính, đi nhiễu quanh bên phải ba vòng. Họ tu kính xong rồi, lùi về ngồi một phía.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi vị Bồ tát kia rằng:

- Này thiện nam tử! Ông vì đến mà lại hay vì chẳng đến mà lại?

Bồ tát Lưu Ly Quang đáp rằng:

- Đến cũng chẳng lại, chẳng đến cũng chẳng lại. Con quan sát nghĩa này đều không có lại (lại). Thừa đức Thế Tôn! Các hành nếu thường cũng lại chẳng lại (đi lại), nếu là vô thường cũng không có lại. Nếu người thấy có tính chúng sinh thì có lại, chẳng lại. Con nay chẳng thấy định tính của chúng sinh thì sao phải nói rằng, có lại hay chẳng lại? Người có kiêu mạn thì thấy có đi, lại, người không kiêu mạn thì không đi, lại. Người có thủ hành thì thấy có đi lại, người không thủ hành thì không đi lại. Nếu thấy Như Lai rất ráo Niết Bàn thì có đi lại, chẳng thấy Như Lai rất ráo Niết Bàn thì không đi lại. Người chẳng nghe Phật tính thì có đi lại, người nghe Phật tính thì không đi lại. Nếu người thấy hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật có Niết Bàn thì có đi lại, người chẳng thấy hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật có Niết Bàn thì không đi lại. Nếu người thấy hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật Thường-Lạc-Ngã-Tịnh thì có đi lại, nếu người chẳng thấy thì không đi lại. Nếu người thấy Như Lai không Thường-Lạc-Ngã-Tịnh thì có đi lại, nếu người thấy Như Lai Thường-Lạc-Ngã-Tịnh thì không (khứ lại) đi lại. Thừa đức Thế Tôn! Vả lại đặt ra việc ấy là muốn có điều hỏi! Con nguyện xin ngài rủ lòng thương xót người ít gặp này mà hứa cho!

Đức Phật nói rằng:

- Này thiện nam tử! Ông cứ tùy ý đặt vấn đề! Hôm nay chính là lúc đó! Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói! Sở dĩ vì sao? Vì các đức Phật khó gặp

nghĩa như loài hoa Ưu Đàm! Pháp cũng như vậy, khó có thể được nghe! Trong mười hai bộ Kinh, Phương Đẳng lại khó hơn! Vậy nên ông cần phải chuyên tâm thính thọ!

Đại Bồ tát Lưu Ly Quang đã được đức Phật hứa cho và gồm cả lời dạy bảo, liền bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Sao gọi là Đại Bồ tát có thể tu hành Kinh Đại Niết Bàn thì nghe điều chẳng nghe?

Bấy giờ, đức Như Lai khen rằng:

- Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử! Ông nay muốn vào tận cùng biển Đại Thừa Đại Niết Bàn như vậy mà chính lại gặp được ta có thể giải nói hoàn thiện thì tên độc, lưới nghi sẵn có của ông hôm nay, ta sẽ làm đại lương y có thể khéo nhỏ ra hết. Ông đối với Phật tính còn chưa sáng tỏ thì ta có đức tuệ, có thể vì ông soi sáng. Ông nay muốn đi qua dòng sông lớn sinh tử, ta có thể vì ông làm Đại Thuyền Sư. Ông ở chỗ ta sinh tư tưởng kính như cha mẹ thì ta cũng đối với ông sinh lòng thương như con đò. Lòng ông hôm nay tham Chánh pháp bảo mà gặp ta có nhiều thì có thể ban cho nhau! Ông hãy lắng nghe! Lắng nghe! Hãy suy nghĩ khéo léo! Ta sẽ vì ông phân biệt, tuyên nói, giải thích cho! Này thiện nam tử! Ông muốn nghe pháp thì hôm nay chính là lúc đó! Nếu nghe pháp rồi thì ông phải sinh niềm kính tín, chí tâm thính thọ, cung kính tôn trọng. Đối với Chánh pháp chớ tìm kiếm lỗi lầm, chớ nghĩ tham dục, sân nhuế, ngu si, chớ tìm xem dòng họ pháp sư tốt xấu. Đã nghe pháp rồi, ông chớ sinh kiêu mạn, chớ vì sự cung kính, danh dự, lợi dưỡng, phải vì pháp lợi độ thể cam lộ, cũng chớ sinh ra ý nghĩ rằng: “Ta nghe pháp rồi thì trước tự độ thân nhiên hậu độ người, trước tự giải thoát thân nhiên hậu giải thoát người, trước tự an thân nhiên hậu an người, trước tự Niết Bàn nhiên hậu khiến cho người được Niết Bàn. Đối với Pháp và Tăng nên sinh bình đẳng tưởng. Ở trong sinh tử thì sinh đại khổ tưởng. Đối với Đại Niết Bàn nên sinh tư tưởng Thường-Lạc-Ngã-Tĩnh. Trước vì người khác nhiên hậu vì bản thân. Phải vì Đại Thừa chớ vì Nhị Thừa. Đối với tất cả pháp phải không sở trụ, cũng chớ chuyên chấp tất cả pháp tướng. Ở trong các pháp chớ sinh ra tư tưởng tham mà thường sinh ra tư tưởng biết pháp, thấy pháp. Này thiện nam tử! Ông có thể chí tâm như vậy mà nghe pháp. Đó gọi là nghe điều chẳng nghe. Này thiện nam tử! Có chẳng nghe nghe (bất văn văn), có chẳng nghe chẳng nghe (bất văn bất văn), có nghe chẳng nghe (văn bất văn), có nghe nghe (văn văn). Này thiện nam tử! Như chẳng sinh sinh, chẳng sinh chẳng sinh, sinh chẳng sinh, sinh sinh.

Như chẳng đến đến (đáo), chẳng đến chẳng đến, đến chẳng đến, đến đến (đáo đáo).

- Thừa đức Thế Tôn! Sao gọi là chẳng sinh sinh?

- Này thiện nam tử! An trụ ở thế đế, khi mới ra khỏi thai thì đó gọi là chẳng sinh sinh.

- Sao gọi là chẳng sinh chẳng sinh?

- Này thiện nam tử! Đại Niết Bàn này không có tướng sinh. Đó gọi là chẳng sinh chẳng sinh!

- Sao gọi là sinh chẳng sinh

- Này thiện nam tử! Theo thế đế, khi chết thì đó gọi là sinh chẳng sinh!

- Sao gọi là sinh sinh?

- Này thiện nam tử! Tất cả phàm phu thì gọi là sinh sinh. Vì sao vậy? Vì sinh sinh chẳng gián đoạn. Tất cả hữu lậu từng niệm từng niệm sinh ra. Đó gọi là sinh sinh. Bồ tát tứ trụ gọi sinh chẳng sinh. Vì sao vậy? Vì sinh tự tại nên đó gọi sinh chẳng sinh. Này thiện nam tử! Đó gọi là nội pháp. Sao gọi là ngoại pháp? Chưa sinh sinh, chưa sinh chưa sinh, sinh chưa sinh, sinh sinh! Này thiện nam tử! Ví như hạt giống khi chưa nảy mầm. Nó được bốn đại hòa hợp, công sức người gieo trồng (tác nghiệp), nhiên hậu mới mọc ra. Đó gọi là chưa sinh sinh. Sao gọi là chưa sinh chưa sinh? Ví như hạt giống hư và chưa gặp duyên. Những nhóm như vậy gọi là chưa sinh chưa sinh. Sao gọi là sinh chưa sinh? Như mầm đã sinh ra rồi mà chẳng tăng trưởng. Đó gọi là sinh chưa sinh. Sao gọi là sinh sinh? Ví như mầm cây tăng trưởng. Nếu sinh chẳng sinh thì không tăng trưởng. Như vậy tất cả hữu lậu gọi là sinh sinh ngoại pháp.

Đại Bồ tát Lưu Ly Quang bạch đức Phật rằng:

- Thừa đức Thế Tôn! Pháp hữu lậu nếu có sinh thì tức là thường hay là vô thường vậy? Sinh nếu là thường thì pháp hữu lậu không có sinh. Sinh nếu vô thường thì hữu lậu là thường. Thừa đức Thế Tôn! Nếu sinh có thể tự sinh thì sinh không tự tính. Nếu nó có thể sinh ra cái khác thì vì nhân duyên

gì chẳng sinh ra hữu lậu? Thừa đức Thế Tôn! Nếu khi chưa sinh mà có sinh thì sao đến hôm nay mới gọi là sinh? Nếu khi chưa sinh mà không sinh thì vì sao chẳng nói hư không là sinh?

Đức Phật dạy rằng:

- Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử! Chẳng sinh sinh chẳng thể nói! Sinh sinh cũng chẳng thể! Sinh chẳng sinh cũng chẳng thể nói! Chẳng sinh chẳng sinh cũng chẳng thể nói! Sinh cũng chẳng thể nói! Chẳng sinh cũng chẳng thể nói! Có nhân duyên nên cũng có thể được nói! Sao gọi là chẳng sinh sinh chẳng thể nói? Chẳng sinh gọi là sinh thì sao có thể nói! Vì sao vậy? Vì do sinh ấy vậy. Sao gọi là sinh sinh chẳng thể nói? Sinh sinh nên sinh, sinh sinh nên chẳng sinh, cũng chẳng thể nói. Sao gọi là sinh chẳng sinh chẳng thể nói? Sinh tức gọi là sinh, sinh chẳng tự sinh nên chẳng thể nói. Sao gọi là chẳng sinh chẳng sinh chẳng thể nói? Chẳng sinh thì gọi là Niết Bàn. Niết Bàn chẳng sinh nên chẳng thể nói. Vì sao vậy? Vì do tu đạo mà được vậy! Sao gọi là sinh cũng chẳng thể nói? Do sinh không có vậy! Sao gọi là chẳng sinh chẳng thể nói? Do có được vậy! Sao gọi là có nhân duyên nên cũng có thể được nói? Mười pháp nhân duyên làm tác nhân của sanh. Do nghĩa này nên cũng có thể được nói. Này thiện nam tử! Ông nay chớ vào Không định thậm thâm! Vì sao vậy? Vì đại chúng trì độn vậy. Này thiện nam tử! Pháp hữu vi sinh cũng là thường nhưng do trụ ở vô thường nên sinh cũng vô thường. Trụ cũng là thường nhưng sinh sinh nên trụ cũng vô thường. Di cũng là thường nhưng do pháp vô thường nên di cũng vô thường. Hoại cũng là thường nhưng do xưa không nay có nên hoại cũng vô thường. Này thiện nam tử! Do tính nên sinh-trụ-di-hoại đều là thường. Nhưng từng niệm, niệm diệt nên chẳng thể nói thường. Đại Niết Bàn này có khả năng đoạn diệt nên gọi là vô thường. Này thiện nam tử! Pháp hữu lậu khi chưa sinh đã có tính sinh nên sinh có thể sinh. Pháp vô lậu vốn không có tính sinh nên sinh chẳng thể sinh. Như lửa có bản tính gặp duyên thì dậy lên. Mắt có tính thấy, nhãn màu sắc, nhãn ánh sáng, nhãn tâm lòng nên thấy. Pháp sinh của chúng sinh cũng lại như vậy, do vốn có tính nên gặp nhân duyên nghiệp, cha mẹ hòa hợp thì liền có sinh.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Lưu Ly Quang và tám muôn bốn ngàn Đại Bồ tát nghe pháp này xong, liền vọt lên hư không cao bằng bảy cây Đa La, cung kính chấp tay mà bạch đức Phật rằng:

- Thừa đức Thế Tôn! Con nhờ đức Như Lai ân cần dạy bảo và nhân Đại Niết Bàn mới được ngộ giải vấn đề nghe điều chẳng nghe; cũng khiến

cho tám muôn bốn ngàn vị Bồ tát lý giải sâu sắc về các pháp chẳng sinh sinh.v.v... Thừa đức Thế Tôn! Con nay đã ngộ giải, đoạn dứt các lưới nghi hoặc. Nhưng trong hội này có một vị Bồ tát tên là Vô Úy lại muốn bảm hỏi, nguyện xin đức Thế Tôn rũ lòng hứa cho!

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bồ tát Vô Úy rằng:

- Nay thiện nam tử! Ông cứ tùy ý nạn hỏi! Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói!

Lúc bấy giờ, Bồ tát Vô Úy cùng tám muôn bốn ngàn các vị Bồ tát.v.v... đều đứng dậy, sửa lại y phục, quì dài, chấp tay mà bạch đức Phật rằng:

- Thừa đức Thế Tôn! Chúng sinh cõi này phải tạo nghiệp mà được sinh về thế giới Bất Động kia? Bồ tát cõi ấy làm sao mà được trí tuệ thành tựu, là vua voi trong loài người có uy đức lớn, tu đủ các hạnh, trí sắc bén nhanh nhẹn nghe thì có thể hiểu được?

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

| | |
|---------------------------|-------------------------|
| Chẳng hại mạng chúng sinh | Kiên trì các cấm giới |
| Chịu lời dạy Thế Tôn | Thì sinh nước Bất Động. |
| Chẳng đoạt của tha nhân | Thường ban cho tất cả |
| Tạo lập hộp tăng phùng | Thì sinh nước bất Động. |
| Chẳng phạm vợ tha nhân | Chẳng phi thời với vợ |
| Thí trì giới đồ nằm | Thì sinh nước Bất Động. |
| Chẳng vì cầu lợi mình | Mà khùng bỏ người khác |
| Cẩn thận chẳng vọng ngôn | Thì sinh nước Bất Động. |
| Chớ hủy hoại bạn lành | Xa lìa quyến thuộc ác |
| Lời miệng hòa hợp luôn | Thì sinh nước Bất Động. |

Các Bồ tát vân vân... Thường lia khỏi ác khẩu
Nói, người nghe vui lòng Thì sinh nước Bất Động.
Lúc cười đùa cũng nên Chẳng nói phi thời ngữ
Cẩn thận lời lúc thường Thì sinh nước Bất Động.
Thấy lợi dưỡng tha nhân Thường sinh lòng hoan hỷ
Chẳng khởi kết ghét ghen Thì sinh nước Bất Động.
Chẳng nã hại chúng sinh Thường sinh lòng từ ái
Phương tiện ác chẳng sinh Thì sinh nước Bất Động.
Tà kiến nói không ban (thí) Cha mẹ, và đi lại
Chẳng khởi kiến như trên Thì sinh nước Bất Động.
Đường trồng làm giếng(nước) ngon Gieo trồng rừng cây trái
Thường thí người xin ăn Thì sinh nước Bất Động.
Nếu với Phật - Pháp - Tăng Hương đèn một lần cúng
Cho đến hiến cảnh bông Thì sinh nước Bất Động.
Bị khủng bố kinh hoàng Lợi dưỡng và phước đức
Chép một kệ Niết Bàn(kinh này) Thì sinh nước Bất Động.
Vì phước lợi cầu mong Trong một ngày có thể
Đọc tụng kinh Niết Bàn(Kinh này) Thì sinh nước Bất Động.
Nếu vì đạo không trên(vô thượng) Trong một ngày đêm suốt
Tám giới trai giữ gìn Thì sinh nước Bất Động.

Chẳng cùng một chỗ chung Với người phạm trọng cấm

Trách kẻ chê (kinh) Phương Đăng Thì sinh nước Bất Động.

Nếu hay cho bệnh nhận Thậm chí chỉ một trái

Hoan hỷ mà ngắm nhìn Thì sinh nước Bất Động.

Chẳng phạm vật tăng man(?man=tóc mượt) Khéo giữ vật cúng Phật

Tô quét đất Phật, Tăng Thì sinh nước Bất Động.

Tạo tháp tượng Thế Tôn Giống như ngón tay cái

Thường sinh lòng vui mừng Thì sinh nước Bất Động.

Nếu vì Kinh Niết Bàn Tự thân và của báu

Cúng người nói pháp chân Thì sinh nước Bất Động.

Nếu nghe, chép thành văn Thọ trì và đọc tụng

Mật tặng các Thế Tôn Thì sinh nước Bất Động.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Vô Úy bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Con nay đã biết sự tạo nghiệp duyên để được sinh đến nước Bất Động kia. Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương này khắp vì thương xót tất cả chúng sinh nên trước đã hỏi han. Đức Như Lai nếu nói thì có thể đem lại lợi ích an lạc cho người, trời, A tu la, Càn thất bà, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già.v.v..

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn liền bảo Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng:

- Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam tử! Ông nay ở đây phải chí tâm lắng nghe! ta sẽ vì ông phân biệt giải nói: Có nhân duyên chưa đến chẳng đến, có nhân duyên nên chẳng đến đến, có nhân duyên nên đến chẳng đến, có nhân duyên nên đến đến (đáo đáo). Vì nhân duyên gì nên chưa đến chẳng

đến? Đây thiện nam tử! Phạm chẳng đến là Đại Niết bàn thì phạm phu chưa đến, do có tham dục, sân nhuế, ngu si, nghiệp thân miệng ý chẳng thanh tịnh và thọ tất cả vật bất tịnh, phạm bốn trọng cấm, bài báng Phương Đăng, Nhất xiển đề, năm nghịch tội. Do nghĩa này nên chưa đến chẳng đến. Đây thiện nam tử! Vì nhân duyên gì nên chẳng đến đến? Chẳng đến thì gọi là Đại Niết Bàn. Vì nghĩa gì nên gọi là đến? Vĩnh viễn đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si, thân, miệng ác, chẳng thọ tất cả vật bất tịnh, chẳng phạm bốn trọng cấm, chẳng bài báng Kinh Phương Đăng, chẳng làm Nhất xiển đề, chẳng làm tội ngũ nghịch. Do nghĩa này nên gọi là chẳng đến đến. Tu đà hoàn thì tám vạn kiếp đến, Tư đà hàm thì sáu vạn kiếp đến, A na hàm thì bốn vạn kiếp đến, A la hán thì hai vạn kiếp đến, Bích Chi Phật thì mười ngàn kiếp đến. Do nghĩa này nên gọi là chẳng đến đến. Đây thiện nam tử! Vì nhân duyên gì nên gọi là đến chẳng đến? Đến thì gọi là hai mươi lăm cõi Hữu. Tất cả chúng sinh thường bị sự che phủ của vô lượng những phiền não kết, qua lại chẳng rời giống như bánh xe quay. Đó gọi là đến. Thanh Văn, Duyên Giác và các Bồ tát đã được vĩnh viễn lìa khỏi nên gọi là chẳng đến. Vì muốn hóa độ các chúng sinh nên thị hiện ở trong đó nên cũng gọi là đến. Đây thiện nam tử! Vì nhân duyên gì nên gọi là đến đến. Đến tức là hai mươi lăm cõi hữu. Nhân duyên phiền não của tất cả phạm phu, Tu đà hoàn cho đến A na hàm nên gọi là đến đến. Đây thiện nam tử! Nghe điều chẳng nghe cũng lại như vậy, có chẳng nghe nghe, có chẳng nghe chẳng nghe, có nghe chẳng nghe, có nghe nghe. Sao gọi là chẳng nghe nghe? Đây thiện nam tử! Chẳng nghe thì gọi là Đại Niết Bàn. Vì sao chẳng nghe? Vì chẳng phải hữu vi, chẳng phải âm thanh, chẳng thể nói. Sao gọi là cũng nghe? Được nghe danh như là Thường-Lạc-Ngã-Tịnh. Do nghĩa này nên gọi là chẳng nghe nghe.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như lời đức Phật nói, Đại Niết Bàn thì chẳng thể được nghe thì sao lại nói Thường-Lạc-Ngã-Tịnh mà có thể được nghe? Vì sao vậy? Thưa đức Thế Tôn! Đoạn phiền não thì gọi là được Niết Bàn, nếu chưa đoạn thì gọi là chẳng được. Do nghĩa này nên tính của Niết Bàn trước không nay có. Nếu pháp thế gian trước không nay có thì gọi là vô thường, ví như cái bình.v.v... trước không nay có, đã có rồi trở lại không nên gọi là vô thường. Niết Bàn nếu vậy thì sao nói rằng, Thường-Lạc-Ngã-Tịnh. Lại nữa, thưa đức Thế Tôn! Phạm cái gì nhân trang nghiêm mà được thành thì đều gọi là vô thường. Niết Bàn nếu vậy thì nên là vô thường. Những gì là nhân duyên? Đó là ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu Ba la mật, bốn vô lượng tâm, quán đến tướng xương, A na ba na (?), sáu niệm xứ, phá gãy sáu

đại.v.v...những pháp như vậy đều là nhân duyên thành tựu Niết Bàn nên gọi là vô thường. Lại nữa, thừa đức Thế Tôn! Có gọi là vô thường, nếu Niết Bàn là có cũng nên vô thường. Như đức Phật trước ở trong Kinh A Hàm nói rằng, Thanh Văn, Duyên Giác các đức Phật Thế Tôn đều có Niết Bàn. Do nghĩa này nên gọi là vô thường. Lại nữa, thừa đức Thế Tôn! Pháp có thể thấy gọi là vô thường. Như đức Phật trước đã nói, thấy Niết Bàn thì được đoạn trừ tất cả phiền não. Lại nữa, thừa đức Thế Tôn! Ví như hư không đối với các chúng sinh đều không ngăn ngại nên gọi là vô thường. Nếu giả sử Niết Bàn là thường thì vì sao chúng sinh có người được, có người chẳng được? Niết Bàn nếu vậy, đối với các chúng sinh chẳng bình đẳng thì chẳng gọi là thường. Thừa đức Thế Tôn! Ví như một trăm người có chung một oán thù. Nếu hại được kẻ oán thù này thì nhiều người được hưởng thụ niềm vui. Nếu giả sử Niết Bàn là pháp bình đẳng thì khi một người được nên có nhiều người được, một người đoạn kết phiền não nên có nhiều người cũng đoạn trừ. Nếu chẳng như vậy thì làm sao gọi là thường. Ví như có người cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen quốc vương, vương tử, cha mẹ, sư trưởng thì được lợi dưỡng. Đó chẳng gọi là thường. Niết Bàn cũng vậy, chẳng gọi là thường. Vì sao vậy? Vì như lúc trước đức Phật ở trong Kinh A hàm, bảo ngài A Nan rằng, nếu có người cung kính Niết Bàn thì được đoạn trừ kết sử, thọ vô lượng vui. Do nghĩa này nên chẳng gọi là thường. Thừa đức Thế Tôn! Nếu trong Niết Bàn có tên Thường-Lạc-Ngã-Tịnh thì chẳng gọi là thường. Nếu điều ấy không thì sao có thể nói được?

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Đại Bồ tát Quang Minh Biên Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng:

- Thể của Niết Bàn chẳng phải vốn không mà nay có. Nếu thể của Niết Bàn vốn không mà nay có thì chẳng phải là pháp vô lậu thường trụ. Có Phật, không Phật tính tướng thường trụ nhưng vì các chúng sinh bị phiền não che phủ nên chẳng thấy Niết Bàn liền cho là không có. Đại Bồ tát dùng giới, định, tuệ huân tập tu hành tâm của mình, đoạn trừ phiền não rồi thì liền được thấy Niết Bàn đó. Ông phải biết rằng, Niết Bàn là pháp thường trụ, chẳng phải vốn không mà nay có. Vậy nên Niết Bàn là thường. Này thiện nam tử! Như trong ngôi nhà tôi có cái giếng chứa đủ thứ bảy báu mà ai cũng biết vì tôi nên chẳng thấy. Có người trí giỏi biết phương tiện, thắp đèn sáng lớn, đem đến soi sáng, thấy được hết những báu đó. Người này ở đây, chẳng sinh ra ý niệm nước và bảy báu vốn không nay có. Niết Bàn cũng vậy, vốn tự đã có, chẳng phải hôm nay vừa mới có vậy. Vì phiền não tôi tăm nên chúng sinh chẳng thấy, đức Như Lai đại trí, dùng phương tiện, thắp đèn trí tuệ, khiến cho các Bồ tát được thấy Niết Bàn Thường-Lạc-Ngã-Tịnh. Vậy

nên kẻ trí đối với Niết Bàn này chẳng nên nói rằng, vốn không mà nay có. Nay thiện nam tử! Ông nói rằng, nhân trang nghiêm mà được thành Niết Bàn nên Niết Bàn vô thường thì đó cũng chẳng đúng vậy. Vì sao vậy? Nay thiện nam tử! Thế của Niết Bàn chẳng phải sinh, chẳng phải ra, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải tác nghiệp sinh, chẳng phải là pháp hữu lậu hữu vi, chẳng phải nghe, chẳng phải thấy, chẳng phải đọa, chẳng phải tử, chẳng phải tướng biệt dị cũng chẳng phải tướng đồng, chẳng phải trụ, chẳng phải hoàn (trở lại) , chẳng phải quá khứ, vị lai và hiện nay, chẳng phải một, chẳng phải nhiều, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tròn, chẳng phải vuông, chẳng phải nhọn, chẳng tà (không nhọn) , chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải danh, chẳng phải sắc, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải ngã và ngã sở... Do nghĩa này nên Niết Bàn là thường hằng chẳng biến dị. Đó là do vô lượng atăng kỳ kiếp tu tập thiện pháp để tự trang nghiêm, rồi nhiên hậu mới thấy. Nay thiện nam tử! Ví như dưới đất có nước tám vị mà tất cả chúng sinh chẳng thể được. Có người trí thi công đào xuyên qua thì liền được nước đó. Niết Bàn cũng vậy. Ví như người mù chẳng thấy mặt trời, mặt trăng, được lương y trị liệu cho thì liền được thấy mà mặt trời, mặt trăng này chẳng phải là vốn không mà nay có. Niết Bàn cũng vậy, trước đã tự có rồi, chẳng phải vừa mới có hôm nay vậy. Nay thiện nam tử! Ví như người có tội bị giam giữ lâu trong ngục mới được ra, trở về nhà được thấy cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, Niết Bàn cũng vậy. Nay thiện nam tử! Ông nói rằng, vì là nhân duyên nên pháp Niết Bàn phải là vô thường, thì điều này cũng chẳng đúng vậy! Vì sao vậy? Nay thiện nam tử! Vì Nhân có năm thứ. Những gì là năm? Một là sinh nhân, hai là hòa hợp nhân, ba là trụ nhân, bốn là tăng trưởng nhân, năm là viễn nhân. Sao gọi là sinh nhân? Sinh nhân tức là nghiệp phiền não.v.v... và bên ngoài là hạt giống cỏ cây... Đó gọi là sinh nhân. Sao gọi là hòa hợp nhân? Như cái thiện cùng lòng thiện hòa hợp, cái chẳng thiện cùng với lòng chẳng thiện hòa hợp, cái vô ký cùng với lòng vô ký hòa hợp. Đó gọi là nhân hòa hợp. Sao gọi là trụ nhân? Như bên dưới có trụ chống thì nhà chẳng sập, núi, sông, cây cối nhân vào đất đai mà được đứng vững. Bên trong có bốn đại, vô lượng phiền não nên chúng sinh được trụ. Đó gọi là trụ nhân. Sao gọi là tăng trưởng nhân? Nhân duyên quần áo, ăn uống.v.v... nên khiến cho chúng sinh tăng trưởng. Như bên ngoài, hạt giống chẳng bị lửa đốt cháy, chẳng bị chim ăn mất thì nó được tăng trưởng. Như các Samôn, Bà la môn.v.v... nương vào nhân Hòa thượng, Thiện tri thức.v.v... mà được tăng trưởng. Như nhân cha mẹ thì con được tăng trưởng. Đó gọi là nhân tăng trưởng. Sao gọi là viễn nhân (nhân xa)? Ví như nhân thần chú mà quý chẳng thể hại đọa, chẳng thể trúng. Nương tựa quốc vương thì không có đọa tặc. Như mầm cây nương nhờ đất nước lửa gió.v.v... Như người tích góp nước là nhân xa của cao sữa.

Như sắc sáng.v.v... là nhân xa của nhận thức. Tinh huyết cha mẹ là nhân xa của chúng sinh. Như thời tiết.v.v... đều gọi là viễn nhân. Này thiện nam tử! Thể của Niết Bàn chẳng phải là sự tạo thành của năm thứ nhân như vậy thì sao phải nói rằng, đó là nhân vô thường? Lại nữa, này thiện nam tử! Lại có hai thứ nhân, một là tác nhân, hai là liễu nhân. Như bánh xe, sợi dây của người thợ gốm thì đó gọi là tác nhân. Như đèn đuốc.v.v... chiếu soi vật trong tối thì đó gọi là liễu nhân (nhân làm rõ). Này thiện nam tử! Đại Niết Bàn thì chẳng từ tác nhân mà có, chỉ từ liễu nhân thôi! Liễu nhân thì đó là ba mươi bảy pháp trợ đạo, sáu Ba la mật.... Đó gọi là Liễu nhân. Này thiện nam tử! Bồ thí là nhân Niết Bàn, chẳng phải nhân của Đại Niết Bàn. Đàn Balamật (Thí độ vô cực) mới được gọi là nhân của Đại Niết Bàn. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là nhân của Niết Bàn, chẳng phải là nhân của Đại Niết Bàn. Vô lượng vô biên atăngky kiếp tu hành pháp Bồ Đề thì mới được gọi là nhân của Đại Niết Bàn.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Sao gọi bồ thí chẳng được gọi là Đàn Balamật? Sao gọi là bồ thí mà được gọi là Đàn Balamật?... cho đến Bát nhã sao chẳng được gọi là Bát nhã Balamật? Sao được gọi là Bát nhã Balamật? Sao gọi là Niết Bàn? Sao gọi là Đại Niết Bàn?

Đức Phật dạy rằng:

- Đại Bồ tát tu hành Phương Đẳng Đại Bát Niết Bàn thì chẳng nghe bồ thí, chẳng thấy bồ thí, chẳng nghe Đàn Balamật, chẳng thấy Đàn Balamật... cho đến chẳng nghe Bát nhã, chẳng thấy Bát nhã, chẳng nghe Bát nhã Balamật, chẳng thấy Bát nhã Balamật, chẳng nghe Niết Bàn, chẳng thấy Niết Bàn, chẳng nghe Đại Niết Bàn, chẳng thấy Đại Niết Bàn. Đại Bồ tát tu hành Đại Niết Bàn thì thấy biết pháp giới, hiểu rõ thật tướng rỗng không, không có sở hữu, không có tướng hiểu biết hòa hợp, được tướng vô lậu, tướng không sở tác, tướng như huyễn hóa, tướng cháy lên khi nóng, tướng rỗng không của thành Càn thất bà. Bấy giờ, được những tướng như vậy Bồ tát không tham sân si, chẳng nghe, chẳng thấy. Đó gọi là tướng chân thật của Đại Bồ tát, an trụ thật tướng. Đại Bồ tát tự biết đây là Đàn, đây là Đàn Balamật... cho đến đây là Bát Nhã, đây là Bát nhã Balamật, đây là Niết Bàn, đây là Đại Niết Bàn.

Này thiện nam tử! Sao gọi là Thí chẳng phải là Balamật? Thấy có người xin, nhiên hậu mới cho thì đó gọi thí, chẳng phải là Balamật. Nếu không có người xin mà mở lòng tự thí thì đó gọi là Đàn Balamật. Nếu thời thí (cho từng lúc từng lúc) thì đó gọi là thí chẳng phải là Balamật. Nếu tu thường thí thì gọi là Đàn Balamật. Nếu thí cho người rồi trở lại sinh lòng hối thì gọi là thí, chẳng phải là Balamật. Thí rồi chẳng hối thì đó gọi là Đàn Balamật. Đại Bồ tát ở trong của cải sinh ra bốn tâm lo sợ là vua, giặc, nước, lửa mà hoan hỷ thí cho thì đó gọi là Đàn Balamật, còn nếu hy vọng quả báo bố thí thì gọi là thí, chẳng phải là Balamật. Bố thí chẳng mong báo đáp thì gọi là Đàn Balamật. Nếu bố thí vì khùng bố, vì danh tiếng, vì lợi dưỡng, vì phép nhà nối nhau, vì năm dục trên trời, vì kiêu mạn, vì thắng mạn, vì tình bạn, vì quả báo đời sau... theo như phép trao đổi ở chợ. Này thiện nam tử! Như người trồng cây vì được bóng mát, vì được hoa trái và cây gỗ... Nếu người tu hành thí như vậy.v.v... thì gọi là thí chẳng phải là Balamật.

Đại Bồ tát tu hành Đại Niết Bàn này thì chẳng thấy người thí, người nhận thí và của bố thí, chẳng thấy thời tiết, chẳng thấy ruộng phước và chẳng phải ruộng phước, chẳng thấy nhân, chẳng thấy duyên, chẳng thấy quả báo, chẳng thấy người làm, chẳng thấy người nhận, chẳng thấy nhiều, chẳng thấy ít, chẳng thấy tịnh, chẳng thấy bất tịnh, chẳng khinh người nhận tài vật của thân mình, chẳng thấy người thấy, chẳng thấy người chẳng thấy, chẳng kể của mình, của người... mà chỉ vì pháp thường trụ của Phương Đẳng Đại Bát Niết Bàn nên tu hành bố thí, vì lợi ích cho tất cả chúng sinh mà làm việc bố thí, vì đoạn trừ phiền não của tất cả chúng sinh nên làm bố thí, vì các chúng sinh chẳng thấy người nhận, người cho, tài vật cho nên làm bố thí. Này thiện nam tử! Ví như có người rơi xuống nước biển cả mà bão trị được thân chết thì được độ thoát. Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn khi làm bố thí cũng lại như vậy, như tử thi kia. Này thiện nam tử! Ví như có người bị giam ở tại ngục sâu, cửa nẻo chắc chắn, chỉ có lỗ nhà xí, liền từ trong đó đi ra, đến chỗ không ngăn ngại. Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn khi làm bố thí cũng lại như vậy. Này thiện nam tử! Ví như người cao quý bị khùng bố nguy cấp lại không nhờ cậy, nương vào Chiên đà la. Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn, làm bố thí cũng lại như vậy. Này thiện nam tử! Ví như người bệnh vì trừ khỏi bệnh khổ nên ăn uống bất tịnh. Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn làm bố thí cũng lại như vậy. Này thiện nam tử! Như Bà la môn gặp lúc lương thực khan hiếm, vì thọ mạng nên ăn thịt chó. Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn làm bố thí cũng lại như vậy. Này thiện nam tử! Trong Đại Niết Bàn, những việc như vậy, từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng nghe mà nghe. Thi la, Thi la Balamật (Tri giới, Tri giới Balamật)... cho đến Bát nhã, Bát nhã Balamật... như Phật đã rộng nói trong Kinh Tập Hoa.

Này thiện nam tử! Sao gọi là Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn chẳng nghe mà nghe? Mười hai bộ Kinh, ý nghĩa thâm thúy từ xưa đến giờ chẳng nghe, nay nhân kinh này được nghe đầy đủ. Trước tuy được nghe nhưng chỉ nghe danh tự mà nay ở Kinh Đại Niết Bàn này mới được nghe nghĩa. Thanh Văn, Duyên Giác chỉ nghe danh tự mười hai bộ kinh mà chẳng nghe được nghĩa của Kinh ấy thì nay nhân kinh này được nghe đầy đủ. Đó gọi là chẳng nghe mà nghe. Này thiện nam tử! Trong tất cả kinh của Thanh Văn, Duyên Giác, chẳng từng nghe Phật có Thường-Lạc-Ngã-Tịnh, chẳng rớt ráo diệt, Tam Bảo, Phật tính không có tướng sai biệt và phạm bốn trọng cấm, bài báng Kinh Phương Đẳng, tạo tội ngũ nghịch, Nhất xiển đề đều có Phật tính. Hôm nay ở Kinh này mà được nghe những điều đó. Đó gọi là chẳng nghe mà nghe.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ mười chín hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 20

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH

BIÊN CHIẾU CAO QUÍ ĐỨC VƯƠNG

(tiếp theo)

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Quang Minh Biên Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu người phạm trọng cấm, bài báng Kinh Phương Đẳng, làm tội ngũ nghịch, nhất xiển đề.v.v... mà có Phật tính thì những người đó lại đọa vào địa ngục ? Thưa đức Thế Tôn ! Giả sử nếu những người này có Phật tính thì sao lại nói rằng họ không có Thường - Lạc - Ngã - Tịnh ? Thưa đức Thế Tôn ! Nếu đoạn dứt thiện căn gọi là nhất xiển đề thì khi đoạn thiện căn sao chẳng đoạn Phật tính sở hữu ? Phật tính đoạn

thì sao nói rằng Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Như thiện căn ấy chẳng đoạn thì vì sao gọi là nhất xiển đề vậy ? Thừa đức Thế Tôn ! Phạm bốn trọng cấm gọi là bất định. Bài báng Kinh Phương Đẳng, tạo tội ngũ nghịch và nhất xiển đề đều gọi là bất định. Những loại như vậy, nếu quyết định thì làm sao được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Từ Tu đà hoàn cho đến Bích Chi Phật cũng gọi là bất định. Nếu từ Tu đà hoàn đến Bích Chi Phật là quyết định thì cũng chẳng nên thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thừa đức Thế Tôn ! Nếu người phạm bốn trọng cấm chẳng quyết định thì từ Tu đà hoàn cho đến Bích Chi Phật cũng chẳng quyết định. Như vậy bất định thì các đức Phật Như Lai cũng lại bất định. Nếu Phật bất định thì thể tính Niết Bàn cũng lại bất định, đến tất cả pháp cũng lại bất định. Sao gọi là bất định ? Nếu nhất xiển đề trừ nhất xiển đề thì thành Phật đạo. Các đức Phật Như Lai cũng nên như vậy, vào Niết Bàn rồi thì cũng nên trở ra, chẳng vào Niết Bàn. Nếu như vậy thì tính của Niết Bàn là bất định chẳng quyết định thì phải biết không có Thường - Lạc - Ngã - Tịnh thì sao nói rằng, nhất xiển đề.v.v... sẽ được Niết Bàn ?

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sinh, khiến cho họ được an vui, thương xót từ niệm các thế gian, vì muốn tăng trưởng sự phát tâm Bồ Đề cho các Bồ tát nên ông đã đặt câu hỏi như vậy ! Này thiện nam tử ! Ông đã gần gũi vô lượng các đức Phật Thế Tôn đời quá khứ, ở chỗ các đức Phật ấy gieo trồng các căn lành. Ông đã thành tựu công đức Bồ Đề lâu rồi, đã hàng phục mọi ma khiến cho chúng thoái tan. Ông đã giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh đều khiến cho họ được đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ông đã thông đạt tạng bí mật thâm thâm sở hữu của các đức Phật Như Lai lâu rồi, đã hỏi nghĩa vi mật thâm thâm như vậy với vô lượng vô biên hàng hà sa số các đức Phật Thế Tôn đời quá khứ. Ta đều chẳng thấy tất cả thế gian, hoặc người, hoặc trời, hoặc Sa môn, hoặc Bà la môn, hoặc ma, hoặc Phạm... có thể hỏi han Như Lai về nghĩa này. Hôm nay ông phải thành tâm lắng nghe! Lắng nghe ! Ta sẽ vì ông phân biệt diễn nói. Này thiện nam tử ! Nhất xiển đề cũng chẳng quyết định. Nếu quyết định thì nhất xiển đề này trọn chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà do chẳng quyết định nên có thể được. Như lời ông nói, Phật tính chẳng đoạn thì làm sao nhất xiển đề đoạn thiện căn ? Này thiện nam tử ! Thiện căn có hai thứ, một là nội, hai là ngoại. Phật tính chẳng phải nội, chẳng phải ngoại. Do nghĩa này nên Phật tính chẳng đoạn. Thiện căn lại có hai thứ, một là hữu lậu, hai là vô lậu. Phật tính chẳng phải là hữu

lậu, chẳng phải là vô lậu. Vậy nên Phật tính chẳng đoạn. Thiện căn lại có hai thứ, một là thường, hai là vô thường. Phật tính chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Vậy nên Phật tính chẳng đoạn. Nếu là đoạn thì nên được trở lại mà nếu chẳng được trở lại thì gọi là chẳng đoạn. Nếu đoạn rồi mà được thì gọi là nhất xiển đề. Phạm bốn trọng cấm cũng là bất định. Nếu quyết định thì phạm bốn trọng cấm nhất định chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bài báng Kinh Phương Đẳng cũng lại bất định. Nếu quyết định thì người bài báng Chánh pháp nhất định chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tạo tội ngũ nghịch cũng lại bất định. Nếu quyết định thì người tạo tội ngũ nghịch nhất định chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sắc cùng tướng của sắc cả hai đều bất định. Tướng hương, vị xúc, tướng sinh đến tướng vô minh, tướng âm, nhập giới, tướng hai mươi lăm cõi hữu, bốn sinh cho đến tất cả các pháp đều cũng bất định. Nay thiện nam tử ! Ví như nhà huyền thuật, ở trong đại chúng, hóa làm bốn thứ binh là xe, bộ, voi, ngựa, tạo tác những chuỗi ngọc, đồ trang sức thân, tạo ra thành ấp, tụ lạc, núi rừng, cây cối, suối ao, sông giếng. Ở trong chúng đó có các tiểu nhi, không có trí tuệ, khi nhìn thấy những thứ đó đều cho là thật. Kẻ trí trong chúng ấy biết những thứ kia là hư dối, do sức huyền thuật nên mê hoặc mắt người. Nay thiện nam tử ! Tất cả phàm phu cho đến Thanh Văn, Bích Chi Phật.v.v... đối với tất cả pháp thấy có định tướng. Lại cũng như vậy. Chư Phật Bồ tát đối với tất cả pháp không thấy định tướng. Nay thiện nam tử ! Ví như đưa trẻ con vào tháng mùa hè khi thấy nóng bốc lửa thì gọi đó là nước. Người có trí đối với lửa nóng cháy này nhất định chẳng sinh ra tư tưởng nước thật mà chỉ là lửa bốc lửa dối mắt người chẳng phải thật là nước. Tất cả phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác thấy tất cả pháp cũng lại như vậy, đều cho là thật. Các đức Phật, Bồ tát, đối với tất cả pháp chẳng thấy định tướng. Nay thiện nam tử ! Ví như hang núi nhân tiếng có âm vang. Trẻ con nghe âm vang cho là tiếng thật. Người có trí biết được đó không thật mà chỉ có tướng của tiếng lừa dối nhận thức của tai. Nay thiện nam tử ! Tất cả phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác đối với tất cả pháp cũng lại như vậy, thấy có định tướng các vị Bồ tát hiểu rõ các pháp đều không định tướng mà là tướng vô thường, tướng không tịch, tướng không sinh diệt.v.v... Do nghĩa này nên Đại Bồ tát thấy tất cả pháp là tướng vô thường. Nay thiện nam tử ! Cũng có định tướng. Sao gọi là định ? Thường - Lạc - Ngã - Tịnh ! Ở tại đâu vậy ? Chỗ gọi là Niết Bàn! Nay thiện nam tử ! Quả Tu đà hoàn cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua tám vạn kiếp mới được tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Quả Tư đà hàm cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua sáu vạn kiếp mới được tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Quả A na hàm cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua bốn vạn kiếp mới được tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Quả A la hán cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua hai vạn kiếp mới được tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đạo Bích Chi Phật cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua mười ngàn kiếp mới được tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này thiện nam tử ! Như Lai hôm nay ở trong vùng Ta La Song Thọ tại thành Câu Thi Na thị hiện nằm tựa vào giường Sư Tử, muốn vào Niết Bàn khiến cho những chúng đệ tử chưa được quả A la hán.v.v... và các lực sĩ sinh ra đại khổ não, cũng khiến cho trời, người, A tu la, Càn thất bà, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già.v.v... thiết đại lễ cúng dường và muốn khiến cho mọi người dùng một ngàn tấm vải trắng ràng bọc tám thân ấy, dùng bảy báu làm áo quan đựng đầy dầu thơm, gom chứa gỗ thơm, dùng lửa đề thiêu đốt (trà tỳ), chỉ trừ hai tấm chẳng thể được đốt, một là tấm bọc xác thân, hai là tấm ở ngoài cùng, cũng vì các chúng sinh phân tán Xá Lợi làm tám phần. Tất cả đệ tử Thanh Văn sở hữu đều nói rằng, Như Lai vào với Niết Bàn, ông phải biết Như Lai cũng chẳng nhất định vào với Niết Bàn. Vì sao vậy ? Vì Như Lai thường trụ bất biến vậy. Do nghĩa này nên Như Lai Niết Bàn cũng lại bất định. Này thiện nam tử ! Ông phải biết là, Như Lai cũng lại bất định. Như Lai chẳng phải trời. Vì sao vậy ? Vì có bốn thứ trời, một là trời thế gian, hai là trời sinh, ba là trời tịnh, bốn là trời nghĩa. Trời thế gian thì như các quốc vương. Trời sinh thì từ Tứ Thiên Vương cho đến trời Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng. Trời tịnh là từ Tu đà hoàn đến Bích Chi Phật. Trời nghĩa là Bồ tát Mahatát Thập trụ.v.v... Vì nghĩa gì nên Bồ tát Thập Trụ gọi là trời nghĩa ? Do Bồ tát Thập Trụ có thể giới giải nghĩa các pháp vậy. Sao gọi là Nghĩa ? Thấy tất cả pháp chính là “Không nghĩa”. Này thiện nam tử ! Như Lai chẳng phải vua cũng chẳng phải bốn trời cho đến trời Phi Hữu Tướng Phi Vô tướng, chẳng phải từ Tu đà hoàn đến Bích Chi Phật, Bồ tát Thập Trụ. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng phải là Trời. Nhưng các chúng sinh cũng lại xưng Phật là đấng Thiên Trung Thiên. Vậy nên Như Lai chẳng phải trời chẳng phải Phi thiên, chẳng phải người chẳng phải phi nhân, chẳng phải qui chẳng phải phi qui, chẳng phải địa ngục súc sinh ngã qui, chẳng phải phi địa ngục súc sinh ngã qui, chẳng phải chúng sinh chẳng phải phi chúng sinh, chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp, chẳng phải sắc chẳng phải phi sắc, chẳng phải trường chẳng phải phi trường, chẳng phải đoạn chẳng phải phi đoạn, chẳng phải tướng chẳng phải phi tướng, chẳng phải tâm chẳng phải phi tâm, chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải huyễn chẳng phải phi huyễn, chẳng phải danh chẳng phải phi danh, chẳng phải định chẳng phải phi định, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải thuyết chẳng phải phi thuyết, chẳng phải Như Lai chẳng phải chẳng Như Lai... Do nghĩa này nên Như Lai bất định. Này thiện nam tử ! Vì sao Như Lai chẳng gọi là

trời thế gian ? Trời thế gian tức là các vì vua. Như Lai từ lâu, ở trong vô lượng kiếp, đã bỏ vương vị. Vậy nên Như Lai chẳng phải là vua. Chẳng phải phi vương là Như Lai sinh ra trong vương gia Tịnh Phạn ở thành Ca Tỳ La. Vậy nên Như Lai chẳng phải phi vương. Chẳng phải trời Sinh là Như Lai từ lâu đã lìa khỏi các hữu. Vậy nên Như Lai chẳng phải trời Sinh. Chẳng phải phi Sinh Thiên. Vì sao vậy ? Vì Như Lai lên trời Đâu Suất, xuống cõi Diêm phù đề vậy. Vậy nên Như Lai chẳng phải là phi Sinh Thiên, cũng chẳng phải trời Tịnh. Vì sao vậy ? Vì Như Lai chẳng phải là Tu đà hoàn cho đến Bích Chi Phật. Vậy nên Như Lai chẳng phải là trời Tịnh, cũng chẳng phải phi Tịnh Thiên. Vì sao vậy ? Vì chẳng thể bị nhiễm tám pháp của thế gian, giống như hoa sen chẳng thọ nước vẫn đục. Vậy nên Như Lai chẳng phải phi Tịnh Thiên, cũng chẳng phải trời Nghĩa. Vì sao vậy ? Vì Như Lai chẳng phải là Bồ tát Thập Trụ. Vậy nên Như Lai chẳng phải là trời Nghĩa cũng chẳng phải phi Nghĩa Thiên. Vì sao vậy ? Vì Như Lai thường tu mười tám “không nghĩa”. Vậy nên Như Lai chẳng phải là phi Nghĩa Thiên. Như Lai chẳng phải người. Vì sao vậy ? Vì Như Lai từ lâu, ở trong vô lượng kiếp, đã lìa khỏi cõi hữu của loài người. Vậy nên Như Lai chẳng phải người, cũng chẳng phải phi nhân. Vì sao vậy ? Vì Như Lai sinh ra ở thành Ca Tỳ La nên chẳng phải là phi nhân. Như Lai chẳng phải quỷ. Vì sao vậy ? Vì chẳng hại tất cả chúng sinh. Vậy nên Như Lai chẳng phải quỷ, cũng chẳng phải phi quỷ. Vì sao vậy ? Vì cũng dùng hình dạng quỷ để giáo hóa chúng sinh nên Như Lai chẳng phải phi quỷ. Như Lai cũng chẳng phải địa ngục súc sinh ngã quỷ. Vì sao vậy ? Vì Như Lai từ lâu đã lìa khỏi các nghiệp ác. Vậy nên Như Lai chẳng phải địa ngục súc sinh ngã quỷ, cũng chẳng phải phi địa ngục súc sinh ngã quỷ. Vì sao vậy ? Vì Như Lai cũng lại thị hiện thọ thân của ba đường ác để hóa độ chúng sinh. Vậy nên Như Lai chẳng phải phi địa ngục súc sinh ngã quỷ, cũng chẳng phải chúng sinh. Vì sao vậy ? Vì Như Lai từ lâu xa lìa tính chúng sinh. Vậy nên Như Lai chẳng phải chúng sinh, cũng chẳng phải phi chúng sinh. Vì sao vậy ? Vì hoặc khi diễn nói Như Lai mang tướng chúng sinh. Vậy nên Như Lai chẳng phải phi chúng sinh. Như Lai chẳng phải pháp. Vì sao vậy ? Vì các pháp mỗi mỗi đều có tướng sai biệt mà Như Lai chẳng vậy, chỉ có một tướng. Vậy nên Như Lai chẳng phải pháp, cũng chẳng phải phi pháp. Vì sao vậy ? Vì Như Lai là pháp giới nên Như Lai chẳng phải phi pháp. Như Lai chẳng phải sắc. Vì sao vậy ? Vì mười sắc nhập Như Lai chẳng nhiếp lấy. Vậy nên Như Lai chẳng phải sắc, cũng chẳng phải phi sắc. Vì sao vậy ? Vì thân có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp nên Như Lai chẳng phải phi sắc. Như Lai chẳng phải trường (dài). Vì sao vậy ? Vì đoạn trừ các sắc nên Như Lai chẳng phải trường, cũng chẳng phải phi trường. Vì sao vậy ? Vì tất cả thế gian không có ai có thể thấy tướng đánh kể. Vậy nên Như Lai chẳng phải phi trường. Như Lai chẳng phải

đoạn. Vì sao vậy ? Vì từ lâu, Như Lai đã xa lìa kết sử kiêu mạn nên Như Lai chẳng phải đoán, cũng chẳng phải phi đoán. Vì sao vậy ? Vì Như Lai vì ông trưởng giả Cù Sư La thị hiện thân ba thước nên chẳng phải phi đoán. Như Lai chẳng phải tướng. Vì sao vậy ? Vì từ lâu Như Lai đã xa lìa các tướng của tướng. Vậy nên Như Lai chẳng phải tướng, cũng chẳng phải phi tướng. Vì sao vậy ? Vì Như Lai giỏi biết các tướng nên chẳng phải phi tướng. Như Lai chẳng phải tâm. Vì sao vậy ? Vì là tướng hư không. Vậy nên Như Lai chẳng phải tâm, cũng chẳng phải phi tâm. Vì sao vậy ? Vì có tâm pháp mười lực, cũng có thể biết lòng của chúng sinh khác. Vậy nên Như Lai chẳng phải phi tâm. Như Lai chẳng phải hữu vi. Vì sao vậy ? Vì Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Vậy nên Như Lai chẳng phải hữu vi, cũng chẳng phải vô vi. Vì sao vậy ? Vì Như Lai có đi, lại, ngồi, nằm và thị hiện Niết Bàn. Vậy nên Như Lai chẳng phải vô vi. Như Lai chẳng phải Thường. Vì sao vậy ? Vì thân có phân biệt nên chẳng phải thường. Sao gọi là thường ? Do có biết mà thường pháp thì không biết giống như hư không. Như Lai có biết nên chẳng phải thường. Sao gọi là phi thường ? Có lời nói mà thường pháp thì không lời nói giống như hư không. Như Lai có lời nói nên là vô thường, có dòng họ nên gọi rằng vô thường. Pháp không dòng họ mới gọi là thường. Hư không thường nên không có dòng họ. Như Lai có họ là họ Cù Đàm Thị nên vô thường, có cha mẹ nên gọi là vô thường. Không cha mẹ thì mới gọi là thường. Hư không thường nên không có cha mẹ. Phật có cha mẹ nên là vô thường. Có bốn oai nghi gọi là vô thường, không bốn oai nghi mới gọi là thường. Hư không thường nên không bốn oai nghi, Phật có bốn oai nghi nên là vô thường. Pháp thường trụ không có phương sở (địa phương xứ sở). Hư không thường nên không có phương sở. Như Lai xuất hiện tại đất Đông Thiên Trúc, trụ ở thành Xá Bà Đề hay thành Vương Xá nên vô thường. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng phải thường, cũng chẳng phải phi thường. Vì sao vậy ? Vì sự sinh đoạn trừ vĩnh viễn. Pháp có sinh gọi là vô thường. Pháp không sinh mới gọi là thường. Như Lai không sinh vậy nên là thường. Thường pháp không tính, pháp có tính thì gọi là vô thường. Như Lai không sinh, không tính (họ) mà không sinh, không tính nên là thường. Pháp hữu thường khắp cùng tất cả chỗ giống như hư không không chỗ nào chẳng có. Như Lai cũng vậy, cùng khắp tất cả chỗ. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp vô thường, hoặc nói đây có, hoặc nói kia không. Như Lai chẳng vậy, chẳng thể nói rằng, chỗ này có, chỗ kia không. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp vô thường có khi là có, có khi là không. Như Lai chẳng vậy, có khi là có, có khi là không. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp thường trụ không danh, không sắc. Hư không thường nên không danh không sắc. Như Lai cũng vậy không danh không sắc. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp thường trụ không nhân không quả, hư không thường nên không nhân không quả. Như Lai cũng vậy, không nhân không

quả, vậy nên là thường. Pháp thường trụ ba đời chẳng nhiếp lấy. Như Lai cũng vậy, ba đời chẳng nhiếp lấy. Vậy nên Như Lai là thường. Như Lai chẳng phải huyễn. Vì sao vậy ? Vì vĩnh viễn đoạn trừ tất cả lòng hư dối. Vậy nên Như Lai chẳng phải huyễn cũng chẳng phải phi huyễn. Vì sao vậy ? Vì Như Lai, hoặc khi phân một thân này làm vô lượng thân. Rồi thân vô lượng lại làm thành một thân, đi ra xuyên qua tường vách mà không có chướng ngại, đi trên nước như trên đất, vào trong đất như trong nước, đi giữa hư không như trên mặt đất, thân tuông ra khỏi lửa như đám lửa lớn, mây sấm chấn động, âm thanh đáng sợ. Hoặc làm ra thành ấp, tụ lạc, nhà cửa, núi sông, cây cối, hoặc tạo nên thân lớn, hoặc hóa làm thân nhỏ, thân trai, thân gái, thân bé trai, thân bé gái... Vậy nên Như Lai cũng chẳng phải phi huyễn. Như Lai chẳng phải định. Vì sao vậy ? Vì Như Lai ở vùng Ta La Song Thọ tại thành Câu Thi Na thị hiện vào Niết Bàn. Vậy nên Như Lai chẳng phải định, cũng chẳng phải phi định. Vì sao vậy ? Vì Thường - Lạc - Ngã - Tịnh nên Như Lai chẳng phải phi định. Như Lai chẳng phải hữu lậu. Vì sao vậy ? Vì Như Lai đoạn trừ ba lậu nên chẳng phải là hữu lậu. Ba lậu là, tất cả phiền não của Dục giới trừ vô minh thì đó gọi là Dục lậu. Tất cả phiền não của Sắc giới và Vô sắc giới trừ vô minh thì đó gọi là Hữu lậu. Vô minh của ba cõi gọi là vô minh lậu. Như Lai đoạn trừ vĩnh viễn ba lậu, vậy nên phi lậu. Lại nữa, tất cả phàm phu chẳng có hữu lậu. Sao gọi là phàm phu chẳng thấy hữu lậu ? Tất cả phàm phu ở đời vị lai đều có nghi tâm (lòng nghi hoặc) thì trong đời vị lai họ sẽ được thân hay chẳng được thân vậy ? Trong đời quá khứ, thân vốn có hay vốn không vậy ? Trong đời hiện tại thân này có hay thân này không vậy ? Nếu có ngã thì chính là sắc hay chẳng phải sắc vậy ? Là sắc chẳng phải sắc hay chẳng phải sắc chẳng phải phi sắc vậy ? Tưởng hay chẳng phải tưởng vậy ? Tưởng chẳng phải tưởng hay chẳng phải tưởng chẳng phải phi tưởng vậy ? Thân này thuộc người khác hay chẳng thuộc người khác vậy ? Thuộc chẳng thuộc hay chẳng phải thuộc chẳng phải phi thuộc vậy ? Có mạng không thân hay có thân không mạng vậy ? Có thân có mạng hay không thân không mạng vậy ? Thân cùng với mạng có thường hay vô thường vậy ? Thường vô thường hay chẳng phải thường chẳng phải vô thường vậy ? Thân cùng với mạng tự tại tạo tác hay thời tiết tạo tác vậy ? Vô nhân tạo tác hay thế tánh tạo tác vậy ? Vì trần tạo tác hay pháp phi pháp tạo tác, sĩ phu tạo tác ? Phiền não tạo tác hay cha mẹ tạo tác vậy ? Ngã trụ ở tâm hay trụ trong mắt vậy ? Hay đầy khắp trong thân vậy ? Ngã từ đâu lại rồi đi đến đâu vậy ? Ai sinh ra ? Ai chết vậy ? Ngã ở quá khứ là dòng Bà la môn ? Là dòng Sát lợi ? Là dòng Tỳ Xá ? Là dòng Thủ đà la vậy ? Ở đời vị lai ngã sẽ được dòng gì vậy ? Thân này của ta, lúc quá khứ là thân nam ? Là thân nữ ? Là thân súc sinh vậy ? Nếu ta sát sinh thì sẽ có tội hay sẽ không có tội vậy ?... Cho đến uống rượu thì sẽ có tội hay sẽ không có tội vậy ? Ta tự làm hay

vì người khác làm vậy. Ta thọ báo hay thân thọ báo vậy ? Vô lượng phiền não của những nghi kiến như vậy che phủ lòng của chúng sinh. Nhân những nghi kiến này nên sinh ra sáu thứ tâm : Quyết định có ngã, quyết định không ngã, ngã thấy ngã, ngã thấy vô ngã, vô ngã thấy ngã, ngã tác, ngã thọ, ngã tri. Đó gọi là tà kiến. Như Lai vĩnh viễn bứng bỏ cội rễ (căn bản) của vô lượng kiến lậu như vậy. Vậy nên Như Lai chẳng phải lậu. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát ở trong Đại Niết Bàn tu thánh hạnh thì cũng được vĩnh viễn đoạn trừ những lậu như vậy. Các đức Phật Như Lai thường tu Thánh hạnh nên vô lậu.

Nay thiện nam tử ! Phàm phu chẳng thể khéo nhiếp lấy năm căn thì có ba lậu, bị sự ác dẫn dắt đến chỗ bất thiện. Nay thiện nam tử ! Ví như con ngựa dữ, tính ngang bướng của nó có thể khiến cho người đi xe đến chỗ hiểm ác. Người chẳng thể khéo nhiếp lấy năm căn cũng lại như vậy, khiến cho người xa lìa thiện đạo Niết Bàn đi đến chỗ ác. Ví như con voi dữ, chưa điều thuận mà có người cưỡi nó thì chẳng đi được theo ý, lìa xa thành ấp, đi đến chỗ trống không. Người chẳng thể khéo nhiếp lấy năm căn này cũng lại như vậy, sẽ đem người lìa xa thành ấp Niết Bàn đi đến chỗ đồng hoang sinh tử. Nay thiện nam tử ! Ví như người nịnh thần dạy vua làm ác. Nịnh thần năm căn cũng lại như vậy, thường dạy chúng sinh tạo ác không lường. Nay thiện nam tử ! Ví như người con ác chẳng chịu sự dạy bảo của cha mẹ, sư trưởng thì không ác nào chẳng tạo. Chẳng điều phục năm căn cũng lại như vậy, chẳng chịu lời dạy bảo thiện của sư trưởng thì không ác nào chẳng tạo. Nay thiện nam tử ! Người phàm phu chẳng nhiếp lấy năm căn thường bị sự giặc hại của địa ngục, súc sinh và ngã quỷ, cũng như oán trộm hại đến người tốt. Nay thiện nam tử ! Người phàm phu chẳng nhiếp lấy năm căn dong ruổi theo năm trần thì ví như người chăn trâu chẳng khéo giữ gìn để xâm phạm lúa má của người. Người phàm phu chẳng nhiếp lấy năm căn thường ở tại các cõi hữu, chịu nhiều khổ não. Nay thiện nam tử ! Khi Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn hành thánh hạnh thì thường có thể giỏi điều phục nhiếp giữ năm căn, kinh sợ tham dục, sân nhuế, ngu si, kiêu mạn, tật đố.... làm được tất cả các thiện pháp. Nay thiện nam tử ! Nếu người có thể khéo giữ năm căn này thì có thể nhiếp lấy tâm. Nếu có thể nhiếp lấy tâm thì nhiếp được năm căn. Ví như có người ủng hộ vua thì ủng hộ đất nước, người ủng hộ đất nước thì ủng hộ vua. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, nếu được nghe Kinh Đại Niết Bàn thì được trí tuệ mà được trí tuệ thì được chuyên niệm. Năm căn nếu niệm tán loạn thì có thể dừng. Vì sao vậy ? Vì là niệm tuệ vậy. Nay thiện nam tử ! Ví như người chăn trâu giỏi, giả sử trâu đây đó ăn lúa má của người khác thì liền có thể ngăn chặn lại, chẳng cho xâm phạm. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, nhân duyên niệm tuệ nên nhiếp giữ năm căn chẳng cho dong ruổi, tán loạn.

Đại Bồ tát có niệm tuệ thì chẳng thấy tướng của ngã, chẳng thấy tướng của ngã sở, chẳng thấy chúng sinh và sự thọ dụng, thấy tất cả pháp đồng tướng pháp tính. Sinh ra tướng đất, đá, sành, sỏi (?). Ví như nhà cửa từ mọi duyên sinh ra, không có định tính. Đại Bồ tát thấy các chúng sinh là sự thành lập của bốn đại, năm âm, truy tìm ra không có định tính. Vì không định tính nên Bồ tát ở trong đó chẳng sinh ra tham trước. Tất cả phàm phu thấy có chúng sinh nên khởi lên phiền não. Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn có niệm tuệ nên đối với các chúng sinh chẳng sinh ra tham trước. Lại nữa, Đại Bồ tát tu tập Kinh Đại Niết Bàn thì chẳng tham trước tướng chúng sinh, làm đủ thứ pháp tướng. Này thiện nam tử ! Ví như nhà họa sư dùng mọi thứ màu sắc vẽ ra mọi hình tượng, hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, hoặc ngựa.... Kẻ phàm phu không biết, nhìn thấy những hình tượng đó thì sinh ra tướng trai gái.v.v... Còn họa sư rõ biết là không có trai, gái... Đại Bồ tát cũng lại như vậy, đối với tướng khác của pháp vẫn xem thấy một tướng, nhất định chẳng sinh ra tướng chúng sinh. Vì sao vậy? Vì Bồ tát có niệm tuệ. Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn, hoặc khi nhìn thấy người con gái đoan chính nhất định chẳng sinh lòng tham trước. Vì sao vậy ? Vì khéo quan sát tướng. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát biết pháp ngũ dục không có hoan lạc, chẳng được tạm dừng như chó gặm xương khô, như người cầm lửa đi ngược gió, như rắn độc trong hòm, như trong mơ sờ đắc cây trái ven đường bị nhiều người ném, cũng như miếng thịt bị nhiều chim tranh nhau giành, như bọt trên nước, như nét vẽ xuống nước, như sợi chỉ dục hết, như người tù đi đến chợ, giống như giả mượn thể lực chẳng được lâu.... Quan sát dục nhiều những lỗi xấu như vậy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát quan sát các chúng sinh vì nhân duyên sắc, hương, vị, xúc nên từ vô lượng vô số kiếp xưa đến nay thường chịu khổ não. Mỗi một chúng sinh, trong một kiếp đã tích góp xương của bản thân như núi Tỳ Phú La ở thành Vương Xá, đã uống nước sữa như nước bốn biển, máu của thân chảy ra lại nhiều như nước bốn biển, cha mẹ anh em vợ con quyến thuộc mạng chung mà nước mắt khóc thương tuông ra nhiều như nước bốn biển lớn, chặt hết cỏ cây trên đất làm thẻ để tính số cha mẹ cũng chẳng thể hết, từ vô lượng kiếp đến nay, hoặc ở tại địa ngục, súc sinh, ngã qui, đã chịu hành khổ chẳng thể kể xiết. Vô tròn đại địa này giống như quả táo thì dễ có thể cùng cực, nhưng sinh tử không lường chẳng thể hết được ! Đại Bồ tát như vậy quán sâu tất cả chúng sinh vì dục nhân duyên nên thọ khổ không lường. Bồ tát quan sát sinh tử hành khổ này nên chẳng mất niệm tuệ. Này thiện nam tử ! Ví như thế gian có một số người rất đông, đứng đầy cả hai mươi lăm dặm. Nhà vua ra lệnh một người bẻ tôi bung một bát dầu, đi qua hết trong số người ấy mà không cho nghiêng đổ. Nếu người đó làm rớt ra một giọt dầu thì phải bị chém. Vua lại sai một người bặt đao theo sau mà khùng bô người bung dầu. Người bẻ tôi nhận lời dạy của vua hết lòng kiên

trì, trải qua trong đại chúng ấy. Tuy thấy năm tà dục vừa ý.v.v... nhưng lòng luôn nghĩ rằng : “Nếu ta buông lung đấm trước những tà dục kia, phải bỏ sự kiên trì thì mạng chẳng được an toàn”. Người đó nhờ nhân duyên sợ này nên thậm chí chẳng làm rớt một giọt dầu. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, ở trong sinh tử, chẳng đánh mất niệm tuệ. Do chẳng đánh mất nên Bồ tát tuy thấy năm dục nhưng lòng chẳng tham trước, hoặc thấy tịnh sắc chẳng sinh ra sắc tướng, chỉ quan sát khổ tướng... Cho đến thức tướng cũng lại như vậy, chẳng làm ra tướng sinh, chẳng làm ra tướng diệt, chẳng làm ra tướng nhân duyên mà quan sát tướng hòa hợp. Bồ tát bấy giờ, năm căn thanh tịnh mà căn thanh tịnh thì hộ căn giới đầy đủ. Tất cả phàm phu, năm căn chẳng tịnh, chẳng thể giới giữ gìn thì gọi là căn lậu. Bồ tát đoạn trừ vĩnh viễn điều đó nên vô lậu. Như Lai nhổ bật ra cội rễ, đoạn trừ vĩnh viễn, vậy nên chẳng phải lậu (phi lậu). Lại nữa, này thiện nam tử ! Lại có Ly lậu (lìa khỏi lậu). Đại Bồ tát muốn vì quả Phật cam lộ vô thượng nên lìa khỏi ác lậu. Sao gọi là Ly (lìa) ? Nếu có thể tu hành Kinh Đại Niết Bàn, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, giải nói, tư duy thì đó gọi là Ly. Vì sao vậy ? Này thiện nam tử ! Vì ta đều chẳng thấy mười hai bộ Kinh có thể lìa khỏi ác lậu như Kinh Phương Đẳng Đại Niết Bàn này. Này thiện nam tử ! Ví như vị lương y dạy các đệ tử. Trong các đệ tử có người thọ giáo, lòng chẳng tạo ác. Đại Bồ tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn vi diệu cũng lại như vậy, lòng chẳng tạo ác. Này thiện nam tử ! Ví như thế gian có thứ chú thuật hay, nếu có người nghe một lần mà bảy năm sau chẳng bị trúng tất cả thuốc độc, rắn độc chẳng thể cắn. Nếu có người tụng chú ấy thì cho đến trọn đời, không có mọi thứ ác. Này thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy, nếu có chúng sinh, một lần nghe Kinh thì bảy kiếp về sau chẳng rơi vào đường ác. Nếu có người ghi chép, đọc tụng, giải nói, suy nghĩ nghĩa Kinh ấy thì nhất định được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thanh tịnh thấy Phật tính như vị Thánh Vương kia được vị cam lộ. Này thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn này có vô lượng công đức như vậy.v.v... Này thiện nam tử ! Nếu có người có thể sao chép Kinh này, đọc tụng, giải nói, vì người khác trình bày và suy nghĩ nghĩa Kinh ấy thì phải biết người đó chân thật là đệ tử của ta, giới chịu lời dạy bảo của ta. Đó là sở kiến của ta, sở niệm của ta. Người đó biết chắc chắn là ta chẳng Niết Bàn. Tùy theo chỗ sở trụ của người như vậy, hoặc thành ấp, tụ lạc, núi rừng, đồng hoang, nhà cửa, ruộng đất, lâu các, điện đường... ta cũng thường trụ ở trong những chỗ đó, chẳng di dời. Ta đối với người này thường làm người thọ thí, hoặc làm Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, Bà la môn, Phạm chí, người đi xin nghèo cùng... thì làm sao phải khiến cho người đó được biết Như Lai nhận đồ vật bố thí ấy ? Này thiện nam tử ! Người đó, ở trong đêm ngủ nằm mơ, mơ thấy hình dáng đức Phật, hoặc thấy hình dáng trời, hình dáng Sa môn, hình dáng quốc chủ, Thánh Vương, vua Sư Tử, hình

dáng hoa sen, hình dáng hoa ưu đàm, hoặc thấy núi lớn hay nước biển cả, hoặc thấy mặt trời, mặt trăng, hoặc thấy hình dáng voi trắng và hình dáng ngựa trắng, hoặc thấy cha mẹ, hoặc thấy đờc hoa, đờc trái, đờc vàng, bạc, lưu ly, pha lê... các thứ báu, đờc năm thứ vị của trâu. Bấy giờ thì phải biết là Như Lai đã nhận sự bố thí của người ấy. Người đó tỉnh dậy rồi, liền đờc đủ thứ vật cần dùng, lòng chẳng nghĩ ác, ưa tu thiện pháp. Này thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn này có thể thành tựu vô lượng atăngkỳ chẳng thể nghĩ bàn vô biên công đức như vậy. Này thiện nam tử ! Ông nay nên phải tin thọ lời nói của ta ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn thấy ta, muốn cung kính ta, muốn đờng pháp tính mà thấy đờc ta, muốn đờc “không định”, muốn thấy thật tướng, muốn đờc tu tập Thủ Lăng Nghiêm định, Sư Tử Vương định, muốn phá tám ma. Tám ma đó là bốn ma vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, muốn đờc niềm vui trong loài người trên cõi trời... thì thấy có người thọ trì Kinh Đại Niết Bàn, sao chép, đờc tụng, vì người khác giải nói, suy nghĩ nghĩa lý, phải đi đến thân cận, nương kê, hỏi han thỉnh thọ, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi... vì người đó rửa tay chân, bố thí giường chiếu, tứ sự cúng dường cung cấp khiến cho người đó không gì thiếu thốn. Nếu người đó từ xa đi lại thì nên tổ chức nghênh đón trước mười do tuần đờng. Vì Kinh này nên phải dùng những vật quý trọng để hiến dâng. Nếu như thiện nam, tín nữ ấy không có thì nên tự bán thân. Vì sao vậy ? Vì Kinh này khó gặp hơn cả hoa Ưu Đàm. Này thiện nam tử ! Ta nghĩ về quá khứ, vô lượng vô biên na do tha kiếp, bấy giờ thế giới tên là Ta Bà, có đức Phật Thế Tôn hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hành Túc Thiện Thế Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn, vì các đại chúng tuyên nói Kinh Đại Niết Bàn như vậy. Ta, lúc bấy giờ, từ chỗ bạn lành mà nghe đờc đức Phật đó sẽ vì đại chúng nói Kinh Đại Niết Bàn. Ta nghe thế rồi; trong lòng hoan hỷ, muốn thiết lễ cúng dường nhưng nhà nghèo không có vật gì. Ta muốn tự bán thân nhưng bạc phước chẳng bán đờc, liền muốn trở về nhà. Trên đờng về, gặp một người, ta liền nói rằng : “Tôi muốn bán thân, ngài có thể mua chăng ?” Người ấy đờc rằng : “Người làm việc cho nhà ta, không ai kham đờc ! Ông giả sử có thể vì ta thì ta sẽ mua ông !” Ta liền hỏi rằng : “Người phải làm việc gì mà không thể kham đờc ?” Người ấy đờc rằng : “Ta có ác bệnh, lương y xử lý thuốc là cần phải mỗi ngày ăn ba lạng thịt người. Ông nếu có thể ngày ngày lấy ba lạng thịt của thân cung cấp cho ta thì ta sẽ cho ông năm xâu tiền vàng”. Khi ta nghe rồi trong lòng hoan hỷ, liền nói rằng : “Ngài cho tôi tiền và cho tôi hẹn lại sau bảy ngày, khi công việc cần làm xong, tôi trở lại gặp nhau”. Người kia đờc rằng : “Bảy ngày thì chẳng thể ! Xét ra có thể hẹn lại cho ông một ngày !” Này thiện nam tử ! Khi ấy, ta liền nhận lấy tiền, đến trở lại chỗ đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân, đờc

hết tiền sẵn có ấy mà hiển dâng lên, rồi nhiên hậu thành tâm thính thọ Kinh này. Ta thì ám độn, tuy được nghe Kinh nhưng chỉ có thể thọ trì câu văn của một bài kệ :

Như Lai chứng Niết Bàn

Vĩnh viễn đoạn sinh tử

Nếu lắng nghe hết lòng

Thường được vô lượng lạc.

Nhận bài kệ này rồi, ta liền trở lại đến nhà người bệnh kia. Đây thiện nam tử ! Khi ta tuy lại ngày ngày cho ba lạng thịt nhưng do nhân duyên niệm kệ nên chẳng lấy làm đau đớn, ngày ngày chẳng bỏ, đủ đầy một tháng. Đây thiện nam tử ! Do nhân duyên này mà bệnh ông ấy được chữa khỏi, thân ta bình phục, cũng không lở loét. Ta thấy thân đầy đủ, hoàn bị liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lực của một bài kệ mà còn như vậy, huống gì là thọ trì đọc tụng đầy đủ. Ta thấy Kinh này có lợi như vậy lại phát tâm bội phần. Ta nguyện vào đời vị lai, khi thành Phật đạo có tự hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Đây thiện nam tử ! Do lực của nhân duyên bài kệ này nên khiến cho ta ngày hôm nay, ở trong đại chúng, vì những trời, người tuyên nói đầy đủ. Đây thiện nam tử ! Do nhân duyên này nên Kinh Đại Niết Bàn chẳng thể nghĩ bàn, thành tựu vô lượng vô biên công đức và mới là tạng bí mật thâm thâm của các đức Phật Như Lai. Do nghĩa này nên người hay thọ trì thì đoạn lìa ác lậu. Chỗ gọi là ác như là chỗ trụ của voi ác, ngựa ác, trâu ác, chó ác (dữ), rắn độc..., đất đai, ác độc, ven núi cheo leo, bờ sông nguy hiểm, nước mạnh chảy xoáy, người ác, nước ác, thành ác, nhà ác, bạn ác.v.v... Những bọn như vậy nếu trở thành nhân lậu thì Bồ tát liền lìa khỏi, nếu chẳng thể làm thì chẳng xa lìa. Nếu tăng thêm hữu lậu thì liền lìa khỏi, nếu chẳng tăng thêm thì chẳng xa lìa. Nếu làm pháp ác thì liền lìa khỏi, nếu có thể làm thiện thì chẳng xa lìa. Sao gọi là lìa (ly) ? Chẳng nắm giữ dao gậy, thường dùng phương tiện chánh tuệ mà xa lìa những thứ đó. Vậy nên gọi là chánh tuệ xa lìa, vì sinh thiện pháp thì xa lìa ác pháp. Đại Bồ tát tự quan sát thân mình như bệnh, như ghẻ lở, như ung nhọt, như oán thù, như tên cắm vào thân thể... chính là chỗ gom đại khổ, đều chính là căn bản của tất cả thiện ác. Thân này tuy bất tịnh như vậy nhưng Bồ tát còn cố ngắm nhìn nuôi nấng. Vì sao vậy ? Chẳng phải vì tham thân mà vì thiện pháp vậy, vì đến với Niết Bàn chẳng vì sinh tử, vì Thường - Lạc - Ngã - Tịnh mà chẳng vì vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, vì đạo Bồ Đề chẳng vì đạo hữu

vi, vì Nhất thừa chẳng vì Tam thừa, vì thân ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp vi diệu mà chẳng vì thân... cho đến thân của trời Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng, vì pháp Luân Vương chẳng vì Chuyển Luân Vương. Đây thiện nam tử ! Đại Bồ tát luôn phải hộ thân. Vì sao vậy? Vì nếu chẳng hộ thân thì chẳng toàn mạng. Mạng nếu chẳng toàn thì chẳng thể được sao chép Kinh này để thọ trì, đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy nghĩ nghĩa Kinh ấy. Vậy nên Bồ tát nên khéo hộ thân. Do nghĩa này nên Bồ tát được lìa khỏi tất cả ác lậu. Đây thiện nam tử ! Như muốn qua được nước thì phải khéo hộ giữ thuyền bè, người đi đường khéo hộ ngựa tốt, nhà nông gieo trồng khéo hộ phân dơ, như vì chữa khỏi độc thì khéo hộ giữ rắn độc, như người vì của cải hộ giữ Chiên đà la, vì phá giặc nên nuôi hộ kiện tướng, cũng như người lạnh thích hộ với lửa, như người bệnh hủi thì cầu thuốc độc... Đại Bồ tát cũng lại như vậy, tuy thấy thân này bất tịnh không lường, sung mãn đầy đủ, nhưng vì muốn thọ trì Kinh Đại Niết Bàn nên còn ưa nuôi hộ, chẳng cho nó thiếu thốn. Đại Bồ tát quan sát con voi dữ và bạn xấu ngang bằng nhau không có hai. Vì sao vậy ? Vì chúng đều hủy hoại thân. Đại Bồ tát đối với voi dữ.v.v.. lòng không kinh sợ nhưng đối với bạn xấu thì sinh lòng kinh sợ. Vì sao vậy ? Vì con voi dữ này.v.v... chỉ có thể hoại thân, chẳng có thể hoại tâm còn bạn xấu (ác tri thức) thì hủy hoại cả hai. Coi voi dữ này... chỉ hoại một thân, còn người bạn xấu thì hủy hoại vô lượng thân, vô lượng tâm. Con voi dữ này chỉ có thể phá hoại tám thân thói bất tịnh, còn người bạn xấu thì có thể hoại thân thanh tịnh và cả tâm thanh tịnh. Con voi dữ này có thể hoại nhục thân (thân bằng thịt) còn ác tri thức thì hoại đến pháp thân. Bị voi dữ giết chết thì chẳng đến ba đường, còn bị bạn xấu giết thì nhất định đến ba đường. Voi dữ này chỉ bị thân oán, còn bạn xấu thì bị thiện pháp oán... Vậy nên Bồ tát thường phải xa lìa những ác tri thức (bạn xấu). Những lậu như vậy.v.v... phạm phụ chẳng lìa khỏi. Vậy nên họ sinh ra lậu. Bồ tát lìa khỏi những lậu đó thì chẳng sinh ra lậu. Như vậy Bồ tát còn không có lậu, huống là đối với Như Lai. Vậy nên Như Lai chẳng phải lậu. Sao gọi là thân cận lậu ? Tất cả phạm phụ nhận lấy y thực, ngọa cụ, y dược. Vì niềm vui của thân tâm nên họ cầu những vật như vậy, tạo ra đủ thứ ác, chẳng biết lỗi hoạn (nạn) luân hồi ba đường. Vậy nên gọi là lậu. Đại Bồ tát thấy lỗi hoạn như vậy thì liền lìa xa. Nếu khi cần áo thì Bồ tát liền nhận lấy, chẳng vì bản thân mà chỉ vì pháp, chẳng lớn kiêu mạn, lòng thường hạ thấp, chẳng vì nghiêm sức chỉ vì xấu hổ, ngăn những lạnh nóng, gió độc, mưa dữ, trùng độc, muỗi, nhặng, ruồi, bọ chết, nọc rắn độc. Bồ tát tuy nhận ăn uống nhưng lòng không tham trước, chẳng vì thân thường vì chánh pháp, chẳng vì hình thể bề ngoài chỉ vì chúng sinh, chẳng vì kiêu mạn mà vì thân lực, chẳng vì oán hại mà vì trị bệnh đói. Tuy được vị ngon nhưng lòng không tham trước. Bồ tát thọ lấy phòng, nhà cũng lại như vậy, những kết sử tham trước, kiêu mạn chẳng cho

ở trong lòng. Vì nhà Bồ Đề ngăn chặn giặc kết sử, ngăn gió mưa dữ nên Bồ tát nhận lấy nhà cửa. Bồ tát cầu y dược thì lòng không tham trước, kiêu mạn, chỉ vì chánh pháp, chẳng vì thọ mạng, vì mạng thường trụ vậy. Này thiện nam tử ! Như người bệnh ghê lở, lấy lương khô trát lên, dùng áo bó lại. Vì chảy máu mủ làm kết dính bột lương khô làm ghê lở bớt nên dùng bột thuốc tra vào, vì gió dữ nên ở tận trong nhà sâu. Bồ tát Mahatát cũng lại như vậy, quan sát thân là đồ ghê lở nên dùng áo che đậy, vì chín lỗ thẩm lậu nên tìm kiếm ăn uống, vì gió mưa hung dữ nên nhận lấy nhà cửa, vì bốn độc phát ra nên tìm tòi y dược. Bồ tát nhận lấy tứ sự cúng dường là vì đạo Bồ Đề, chẳng phải vì thọ mạng. Vì sao vậy ? Vì Đại Bồ tát dấy khởi ý nghĩ này : “Ta, nếu chẳng nhận bốn việc cúng dường này thì thân bị tiêu diệt, chẳng được bền chắc. Nếu thân chẳng bền chắc thì chẳng nhận được khổ (chịu đựng khổ). Nếu chẳng nhận được khổ thì chẳng thể được tu tập thiện pháp. Nếu có thể chịu đựng được khổ thì được tu tập vô lượng thiện pháp. Ta nếu chẳng thể đủ sức chịu đựng mọi khổ thì đối với việc thọ khổ sinh lòng sân nhuê, đối với việc thọ lạc sinh lòng tham trước. Nếu cầu lạc (vui) chẳng được thì sinh ra vô minh. Vậy nên phạm phu đối với bốn việc cúng dường sinh ra hữu lậu”. Đại Bồ tát có thể quan sát sâu nên chẳng sinh ra lậu. Vậy nên Bồ tát gọi là Vô lậu thì làm sao Như Lai phải gọi là hữu lậu được ? Vậy nên Như Lai chẳng gọi là hữu lậu.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Tất cả phạm phu tuy khéo hộ thân nhưng lòng còn cố sinh ra ba thứ ác giác. Do nhân duyên này nên tuy đoạn trừ phiền não, được sinh lên cõi Phi Tướng Phi Tướng, nhưng còn phải trở lại rơi vào trong ba đường ác. Này thiện nam tử ! Ví như có người qua khỏi biển cả, sắp đến bờ kia nhưng chìm nước mà chết. Người phạm phu cũng lại như vậy, sắp tận cùng ba cõi nhưng trở lại rơi vào ba đường. Vì sao vậy ? Vì không có thiện giác. Những gì là thiện giác ? Đó là sáu niệm xứ. Người phạm phu, thiện tâm còn cõi, tất bất thiện bùng bùng. Thiện tâm còn cõi nên lòng tuệ mỏng manh. Tuệ tâm mỏng manh nên tăng trưởng các lậu. Đại Bồ tát, tuệ nhãn thanh tịnh thấy lỗi lầm ba giác. Biết ba ác giác này có đủ thứ hoạn, thường cùng với chúng sinh tạo tác oán của ba thừa. Nhân duyên ba giác mới khiến cho vô lượng chúng sinh phạm phu chẳng thấy Phật tính. Họ ở trong vô lượng kiếp sinh ra lòng điên đảo, cho là Phật Thế Tôn không Thường - Lạc - Ngã mà chỉ có một Tịnh thôi, Như Lai rót ráo vào Niết Bàn. Tất cả chúng sinh vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh, nhưng lòng họ điên đảo nên nói rằng có Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Thật ra không có Tam thừa nhưng lòng họ điên đảo nên nói rằng có Tam thừa. Đạo Nhất Thật là chân thật chẳng hư dối, nhưng lòng họ điên đảo nên nói rằng không có đạo Nhất Thật. Ba ác giác này thường bị sự quở trách của các đức Phật và các vị Bồ

tát. Ba ác giác này thường hại đến ta hay cũng hại đến người khác. Có ba ác giác này thì tất cả các ác thường đến làm tùy tùng. Ba ác giác này tức là ba sự trói buộc, nối liền chúng sinh với vô biên sinh tử. Đại Bồ tát thường tạo tác sự quan sát ba ác giác như vậy. Hoặc khi Bồ tát có nhân duyên ứng sinh dục giác thì mặc nhiên chẳng thọ. Ví như người đoan chính tịnh khiết chẳng nhận tất cả phân bần bất tịnh, như người không nhận lấy hòn sắt nóng, như dòng Bà la môn chẳng nhận thịt trâu, như người no đủ chẳng nhận đồ ăn xấu, như vua Chuyển Luân chẳng cùng tất cả Chiên đà la đồng ngồi một giường. Đại Bồ tát đối với giác ác ba giác chẳng nhận, chẳng nếm cũng lại như vậy. Vì sao vậy ? Vì Bồ tát suy nghĩ rằng : “Chúng sinh biết ta là ruộng phước tốt thì ta làm sao mà thọ nhận những pháp ác này. Nếu ta thọ ác giác thì chẳng nhận làm ruộng phước của chúng sinh. Ta tự chẳng nói là ruộng phước tốt mà chúng sinh thấy tướng liền nói rằng, ta là ruộng phước tốt. Ta nay nếu khởi lên ác giác như vậy thì tức là lừa dối tất cả chúng sinh. Ta vào thuở xa xưa, vì lừa dối nên đọa trong vô lượng kiếp lưu chuyển sinh tử, rơi vào ba đường ác. Ta nếu dùng ác tâm để thọ tín thí của người thì tất cả trời, người, tiên nhân ngũ thông đều sẽ chứng biết mà quả trách. Ta nếu ác giác mà thọ tín thí của người thì, hoặc khiến cho quả báo của thí chủ giảm thiểu, hoặc rỗng không, không có quả báo. Ta nếu ác tâm mà thọ thí của đàn việt thì cùng với thí chủ mà kết làm oán thù. Tất cả thí chủ luôn ở chỗ ta khởi xích tử tương (tương như đứa con yêu) thì ta làm sao lừa dối họ để mà oán tương (tương như kẻ oán thù). Vì sao vậy ? Vì hoặc khiến cho thí chủ chẳng được quả báo, hoặc ít quả báo. Ta thường tự xưng là người xuất gia mà luận về xuất gia thì chẳng nên khởi ác, nếu khởi ác thì chẳng phải là xuất gia. Người xuất gia thì thân miệng tương ứng, nếu chẳng tương ứng thì chẳng phải là xuất gia. Ta bỏ cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè... xuất gia tu đạo chính là khi tu tập các thiện giác, chẳng phải là lúc tu tập bất thiện giác. Ví như có người vào biển tìm của báu chẳng chọn lấy chân châu mà chọn lấy thủy tinh, cũng như có người bỏ nghe âm nhạc vi diệu mà dạo chơi chỗ phân đờ bản, như bỏ đi người con gái quý báu mà yêu nghĩ đến hạng thấp hèn, như bỏ đồ bằng vàng mà dùng chén sành, như bỏ cam lộ mà uống thuốc độc, như bỏ thầy thuốc giỏi hiền lành thân thiết mà lại theo kẻ oán ghét xin thuốc trị liệu cho mình. Ta cũng như vậy, lìa bỏ cam lộ pháp vị của đại sư Như Lai Thế Tôn mà uống đủ thứ ác giác của ma oán. Thân người khó được như hoa Ưu Đàm mà ta nay đã được. Như Lai khó gặp hơn cả hoa Ưu đàm mà ta nay đã gặp. Pháp bảo thanh tịnh khó được thấy nghe mà ta nay đã được nghe giống như con rùa mù gặp lỗ miếng gỗ nổi trên biển. Mạng người chẳng dùng qua nhanh như nước chảy xuống núi. Ngày hôm nay tuy còn ánh sáng nhưng cũng khó bảo tồn. Như thế thì sao ta lại buông lòng khiến trụ ở ác pháp ? Hình sắc khỏe mạnh chẳng dùng, giống như ngựa

chạy nhanh thì sao mà cậy thế sinh ra kiêu mạn ? Giống như loài quỷ ác rình rập tìm lỗi lầm của người, ác qui bốn đại cũng lại như vậy, thường đến rình rập tìm lỗi lầm của ta thì sao lại để cho ác giác phát khởi ? Ví như ngôi nhà mục nát, nóc nhà sắp đổ vỡ, mạng ta cũng vậy thì sao mà khởi ác ? Ta mang danh là Sa môn mà người Sa môn gọi là học thiện giác. Ta nay dấy khởi giác bất thiện thì làm sao được gọi là Sa môn. Ta mang danh là xuất gia mà người xuất gia gọi là người tu thiện đạo. Ta nay làm ác thì sao được gọi là xuất gia ? Ta nay mang danh là chân Bà la môn mà Bà la môn thì gọi là người tu tịnh hạnh. Ta nay lại làm ác giác bất tịnh thì sao sẽ được gọi là Bà la môn. Ta nay cũng mang danh là dòng họ lớn Sát Lợi mà dòng Sát Lợi thì có thể diệt trừ oán địch. Ta nay chẳng thể trừ diệt oán địch ác thì làm sao sẽ được gọi là dòng Sát Lợi. Ta mang danh là Tỳ kheo mà người Tỳ kheo thì gọi là người phá phiền não. Ta nay chẳng phá được phiền não ác giác thì sao sẽ được gọi là Tỳ kheo. Đời có sáu chỗ khó có thể gặp gỡ được mà ta nay đã được thì sao còn để cho ác giác ở trong lòng ? Những gì là sáu chỗ ? Một là đời có Phật khó gặp, hai là Chánh pháp khó nghe, ba là lòng sợ khó khởi, bốn là khó sinh giữa nước, năm là thân người khó được, sáu là các căn khó đủ. Sáu việc khó được như vậy đã được. Vậy nên chẳng nên khởi lên ác giác” Bồ tát bấy giờ, tu hành Kinh Đại Niết Bàn như vậy, thường siêng quan sát những tâm ác này. Tất cả phàm phu chẳng thấy lỗi hoạn của tâm ác như vậy nên thọ ba giác, gọi là thọ lậu. Bồ tát thấy rồi nên chẳng thọ lấy, chẳng tham trước, buông bỏ, chẳng hộ trì mà nương vào tám Thánh đạo xô đuổi chúng đi, chặt đứt chúng. Vậy nên Bồ tát không có thọ lậu thì làm sao lại nói rằng, Như Lai có lậu ? Do nghĩa này nên Như Lai Thế Tôn cũng phải là có lậu.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ hai mươi hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 21

PHẨM BỒ TÁT QUANG MINH

BIẾN CHIẾU CAO QUÍ ĐỨC VƯƠNG (tiếp theo)

Lại nữa, này thiện nam tử ! Kẻ phạm phu nếu gặp thân tâm khổ não thì khởi lên đủ thứ ác. Nếu bị thân bệnh hay bị tâm bệnh thì khiến cho thân miệng ý tạo tác đủ thứ ác. Do tạo tác ác nên luân chuyển trong ba đường, chịu đủ các khổ. Vì sao vậy ? Vì người phạm phu không có niệm tuệ. Vậy nên họ sinh ra đủ thứ những lậu; đó gọi là niệm lậu. Đại Bồ tát thường tự suy nghĩ rằng : “Ta từ thuở xa xưa, vô số kiếp đến nay, vì chính thân tâm này tạo ra đủ thứ ác. Do nhân duyên này nên lưu chuyển sinh tử ở tại ba đường ác, chịu đủ mọi thứ khổ, khiến cho ta rời xa chánh lộ Tam Thừa”. Bồ tát do nhân duyên ác này nên đối với thân tâm mình sinh ra rất kinh sợ, lìa bỏ mọi nẻo ác, hướng về đường thiện. Này thiện nam tử ! Ví như có vị vua đem bốn con rắn độc đựng trong một cái hòm nhỏ, sai người nuôi dưỡng trông nom, ngủ dậy xoa rửa thân chúng. Nếu khiến cho một con rắn nổi giận thì vua sẽ theo đúng pháp giết chết nơi đô thị. Lúc bấy giờ, người ấy nghe lệnh bức thiết của vua thì lòng sinh hoảng sợ, bỏ cái hòm nhỏ, chạy trốn. Nhà vua lại sai năm người Chiên đà la vung đao đuổi theo. Người ấy quay nhìn lại thấy năm người đuổi theo sau thì bỏ chạy nhanh hơn. Lúc đó, năm người dùng phương tiện ác, che giấu việc cầm dao kín đáo, sai một người trá làm thân thiện mà nói với kẻ trốn đó rằng : “Ông nên trở về lại !” Người ấy chẳng tin, lao vào một tú lạch (thôn xóm), muốn ẩn kín mình. Đã vào trong xóm rồi, người ấy nhìn thấy mọi nhà đều chẳng thấy người, cầm các dụng cụ đựng đồ lên xem đều không có vật. Đã chẳng thấy người, tìm vật chẳng được, người ấy liền ngồi xuống đất thì nghe tiếng trong hư không rằng : “Hỡi ôi ! Này nam tử ! Xóm này trống rỗng, không có dân cư, đêm nay sẽ có sáu tên giặc lớn đến mà giả sử người gặp phải thì mạng sẽ chẳng toàn. Ông sẽ làm sao mà được khỏi ?” Lúc bấy giờ, nỗi kinh sợ của người ấy liền tăng thêm, người ấy lại bỏ đi. Trên đường đi, người ấy lại gặp một dòng sông mà nước sông chảy mạnh, lại không có thuyền bè. Vì kinh sợ nên người ấy liền lấy đủ thứ cỏ cây làm bè và lại suy nghĩ rằng : “Ta giả sử đứng ở đây thì sẽ bị năm Chiên đà la rắn độc mà một tên trá giả thân thiện và sự nguy hại của sáu tên giặc lớn. Nếu qua sông này mà bè chẳng thể nương nhờ thì ta sẽ phải chìm chết dưới nước. Ta thà chìm chết dưới nước, nhất định chẳng để bị hại do rắn độc và giặc kia”. Người ấy liền đẩy bè cỏ đặt vào trong nước, thân dựa trên bè ấy, vận động tay chân, cắt dòng nước chảy mà đi. Đã đến bờ bên kia rồi, người ấy yên ổn, không còn hoạn nạn, lòng dạ hanh thông, sợ hãi tiêu trừ.

Đại Bồ tát được nghe, thọ trì Kinh Đại Niết Bàn, quán thân như cái hòm nhỏ, đất nước lửa gió như bốn con rắn độc. Thấy độc, chạm độc, hơi

độc, cắn độc, tất cả chúng sinh gặp bốn thứ độc này nên mất mạng. Bốn đại của chúng sinh cũng lại như vậy, hoặc thấy là ác, hoặc chạm là ác, hoặc hơi là ác, hoặc cắn là ác. Do những nhân duyên này nên xa lìa mọi thiện. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát quan sát bốn con rắn độc có bốn dòng giống là Sát Lợi, Bà la môn, Tỳ xá, Thủ đà. Rắn bốn đại này cũng lại như vậy, có bốn thứ tính là tính cứng, tính ẩm ướt, tính nóng, tính động. Vậy nên bốn đại cùng bốn độc xà đồng chung chủng tính ấy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát quán bốn đại này như bốn con rắn độc. Sao gọi là quán ? Bốn con rắn độc này thường rình rập tiện nghi của con người, khi nào phải nhìn ? Khi nào phải chạm ? Khi nào phải hà hơi ? Khi nào phải cắn ? Rắn độc bốn đại cũng lại như vậy, thường rình rập chúng sinh tìm cầu sở đoản, khuyết lậu của họ. Nếu bị sự giết hại của bốn con rắn độc thì nhất định chẳng đến ở trong ba đường ác, còn nếu bị sự giết hại của bốn đại thì ắt đến ba đường ác, chẳng có gì nghi ngờ. Bốn con rắn độc này tuy lại được trông nom nuôi dưỡng nhưng cũng muốn giết người. Bốn đại cũng vậy, tuy thường được cung cấp nhưng cũng thường dẫn dắt con người làm mọi việc ác. Bốn con rắn độc này, nếu một con giận lên thì có thể giết người. Tính bốn đại cũng lại như vậy, nếu một đại phát ra cũng có thể hại người. Bốn con rắn độc này tuy ở đồng một chỗ nhưng bốn tâm đều khác nhau. Rắn độc bốn đại cũng lại như vậy, tuy đồng một chỗ nhưng tính đều khác biệt. Bốn con rắn độc này tuy lại cung kính nhưng khó có thể thân cận. Rắn độc bốn đại cũng lại như vậy, tuy lại cung kính nhưng cũng khó thân cận. Bốn con rắn độc này nếu khi hại người mà hoặc có Sa môn, Bà la môn.v.v... dùng chú hay thuốc thì có thể trị liệu được. Bốn đại giết người, tuy có Sa môn, Bà la môn.v.v... dùng thần chú, thuốc hay đều chẳng thể trị liệu. Như người tự vui lòng nghe hơi hám bốn con độc xà có thể gớm thì liền xa lìa. Các đức Phật, Bồ tát cũng lại như vậy, nghe mùi bốn đại thì liền lìa xa. Bấy giờ, Bồ tát lại suy nghĩ về rắn độc bốn đại, rồi sinh ra rất kinh sợ, quay lưng chạy nhanh, lo tu tám Thánh đạo.

Chiên đà la tức là năm âm. Sao gọi là Bồ tát quán năm âm như Chiên đà la ? Người Chiên đà la thường hay khiến cho con người ân ái, biệt ly, oán tắng, tập hội. Năm âm cũng vậy, khiến cho con người tham lam, thân cận với pháp bất thiện, xa lìa tất cả pháp thuận thiện. Lại nữa, này thiện nam tử ! Như Chiên đà la tự trang nghiêm đủ thứ binh khí như dao, hoặc thuẫn, hoặc cung, hoặc tên, hoặc áo giáp đồng, hoặc giáo dài... để có thể hại người. Năm âm cũng vậy, dùng các phiền não tự trang nghiêm chắc chắn, hại những người si dại, khiến cho họ rơi vào các cõi hữu. Này thiện nam tử ! Như Chiên đà la có người lỗi là được dịp hại họ. Năm âm cũng vậy, có những lỗi kết là thường có thể hại người. Vậy nên Bồ tát quán sâu năm âm như Chiên

đà la. Lại nữa, Bồ tát quán sát năm ám như Chiên đà la. Người Chiên đà la không có lòng từ mẫn, kẻ oán người thân đều hại. Năm ám cũng vậy, không có lòng từ mẫn thiện ác đều hại. Như Chiên đà la làm não lòng tất cả mọi người. Năm ám cũng vậy, do những phiền não thường làm não lòng tất cả chúng sinh sinh tử. Vậy nên Bồ tát quán năm ám như Chiên đà la. Lại nữa, Bồ tát quán sát năm ám như Chiên đà la. Người Chiên đà la thường ôm lòng hại. Năm ám cũng vậy, thường mang các kết sử não hại trong lòng. Như người mà không có chân, dao, gậy, thì từng thì phải biết nhất định bị sự giết hại của người Chiên đà la. Chúng sinh cũng vậy, không có chân, dao, không có thị từng thì bị sự giết hại của năm ám. Chân gọi là giới, dao gọi là tuệ, thị từng gọi là thiện tri thức vậy. Không có ba việc này nên bị sự giết hại của năm ám. Vậy nên Bồ tát quán năm ám như Chiên đà la. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát quán sát năm ám quá hơn Chiên đà la. Vì sao vậy ? Vì nếu chúng bị sự giết hại của Chiên đà la thì chẳng rơi vào địa ngục, còn người bị năm ám giết thì rơi vào địa ngục. Do nghĩa này nên Bồ tát quán năm ám quá hơn Chiên đà la. Bồ tát tác khởi sự quán sát này rồi mà phát nguyện rằng : “Ta thà trọn đời gần Chiên đà la, chẳng thể tạm thời gần gũi năm ám”. Người Chiên đà la chỉ có thể hại người ngu si của cõi Dục, còn giặc năm ám này hại khắp chúng sinh phàm phu của ba cõi. Người Chiên đà la chỉ có thể giết chết người có tội, còn giặc năm ám chẳng hỏi chúng sinh có tội hay không tội, đều có thể hại hết. Người Chiên đà la chẳng hại người già yếu, phụ nữ, trẻ con, còn giặc năm ám này chẳng cần hỏi chúng sinh ai già cả, phụ nữ, trẻ con yếu đuối, tất cả đều hại hết. Vậy nên Bồ tát quán sát sâu năm ám này quá hơn Chiên đà la. Vậy nên Bồ tát phát nguyện rằng, thà phải trọn đời gần Chiên đà la, chẳng thể tạm thời gần gũi năm ám. Lại nữa, này thiện nam tử ! Người Chiên đà la chỉ hại người khác, nhất định chẳng hại mình. Giặc năm ám thì hại mình và hại cả người khác. Người Chiên đà la có thể dùng lời nói tốt, tiền tài, của báu để cầu xin mà được thoát. Năm ám chẳng vậy, chẳng thể miễn cưỡng dùng lời nói khéo, dụ dỗ, tiền tài, của báu để cầu mà được thoát. Người Chiên đà la ở trong tứ thời (bốn mùa), chẳng nhất định phải thường giết hại. Năm ám chẳng vậy, luôn ở trong từng niệm, từng niệm hại chúng sinh. Người Chiên đà la chỉ ở tại một chỗ nên có thể chạy trốn. Năm ám chẳng vậy, ở khắp mọi chỗ nên không thể chạy trốn. Người Chiên đà la tuy lại hại người, hại mình rồi nhưng chẳng theo đuổi. Năm ám chẳng vậy, giết hại chúng sinh rồi còn theo đuổi chẳng rời. Vậy nên Bồ tát thà trọn đời gần Chiên đà la, chẳng thể tạm thời gần gũi năm ám. Người có trí dùng phương tiện khéo léo được thoát khỏi năm ám. Phương tiện khéo léo tức là tám Thánh đạo, sáu Ba la mật, bốn Vô lượng tâm... Nhờ phương tiện này mà kẻ trí được Giải thoát, thân tâm chẳng bị sự giết hại của năm ám. Vì sao vậy ? Vì thân như Kim Cương, lòng như hư không. Vậy nên

thân tâm khó có thể ngăn trở, hủy hoại. Do nghĩa này nên Bồ tát quan sát thấy ám thành tựu đủ thứ những pháp bất thiện nên sinh ra rất kinh sợ mà tu tám Thánh đạo. Cũng như người kia sợ bốn con rắn độc, năm Chiên đà la mà lặn lội trên đường, đi không quay nhìn lại.

Người trá thân thiện thì gọi là tham ái. Đại Bồ tát quán sâu ái kết như kẻ oán trá hiện người thân. Nếu biết người thật thì không thể làm gì, nếu chẳng biết thì nhất định bị hại. Tham ái cũng vậy, nếu biết tính chúng thì chẳng thể khiến cho chúng sinh luân chuyển trong sinh tử, như chẳng biết tính ấy thì luân chuyển sáu đường, chịu đủ mọi khổ. Vì sao vậy ? Vì ái là bệnh khó lìa bỏ như kẻ oán trá hiện người thân khó có thể xa lìa. Kẻ oán trá hiện thân thiện thường rình rập tiện nghi của con người, khiến cho họ ái biệt ly, oán tắng hợp hội. Ái cũng như vậy, khiến cho con người xa lìa tất cả thiện pháp, gần gũi với tất cả pháp bất thiện. Do nghĩa này nên Đại Bồ tát quán sâu tham ái như oán trá hiện thân thiện. Thấy chẳng thấy, nghe chẳng nghe thì như người phạm phu thấy lỗi sinh tử, tuy có trí tuệ nhưng vì ngu si che phủ nên về sau trở lại chẳng thấy. Thanh Văn, Duyên Giác cũng lại như vậy, tuy thấy nhưng chẳng thấy, tuy nghe nhưng chẳng nghe. Vì sao vậy ? Vì do tâm ái vậy. Sở dĩ vì sao ? Vì thấy lỗi sinh tử nhưng chẳng thể mau chóng đến được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này nên Đại Bồ tát quán ái kết này như oán trá hiện thân thiện. Sao gọi là tướng oán trá hiện thân thiện ? Như oán, chẳng thật mà trá hiện tướng thật, chẳng thể thân cận mà trá hiện tướng thân cận, thật là chẳng thiện mà trá hiện tướng thiện, thật là chẳng ái mà trá hiện tướng ái (yêu). Vì sao vậy ? Vì luôn rình rập tiện nghi của con người muốn làm hại họ. Ái cũng như vậy, thường vì chúng sinh, chẳng phải thật mà trá hiện thật, chẳng phải thân cận mà trá hiện thân cận, chẳng phải thiện mà trá hiện thiện, chẳng phải ái mà trá hiện ái... luôn lừa dối tất cả sinh tử luân hồi. Do nghĩa này nên Bồ tát quan sát ái như oán trá hiện thân thiện. Kẻ oán trá hiện thân thiện thì chỉ thấy thân miệng, chẳng nhìn thấy lòng họ. Vậy nên họ có thể lừa dối. Ái cũng như vậy, chỉ là hư dối, thật chẳng thể được. Vậy nên có thể mê hoặc tất cả chúng sinh. Kẻ oán trá hiện thân thiện thì có thì có chung, dễ có thể xa lìa. Ái chẳng như vậy, không thì không chung, khó có thể lìa xa. Kẻ oán trá hiện thân thiện ở xa thì khó biết, đến gần thì dễ biết. Ái chẳng như vậy, gần còn khó biết, huống lại là xa vậy ? Do nghĩa này nên Bồ tát quán ái quá hơn oán trá hiện thân thiện. Tất cả chúng sinh do ái kết nên xa Đại Niết Bàn, gần với sinh tử, xa Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, gần vô thường - khổ - vô ngã - bất tịnh. Vậy nên ta, ở mọi chỗ trong Kinh, nói là ba câu đối với việc hiện tại do vô minh, chẳng thấy lỗi hoạn thì chẳng thể lìa bỏ. Oán ái mà trá hiện thân thiện nhất định chẳng thể hại người có trí. Vậy nên Bồ tát quán sâu ái này thì sinh ra kinh sợ mà tu tám

Thánh đạo giống như người kia sợ bốn con rắn độc, năm Chiên đà la và một người trá hiện thân thiện mà lặn lội trên đường, đi chẳng trở lại.

Tụ lạc trống không tức là sáu nhập bên trong. Đại Bồ tát quán sáu nhập này rỗng không, không sở hữu, giống như tụ lạc trống rỗng, như người sợ kia đã vào tụ lạc rồi thì thậm chí chẳng thấy có một người ở, tìm trong đó đừng chẳng được một vật gì. Bồ tát cũng vậy, quan sát kỹ càng sáu nhập trống rỗng, không sở hữu, chẳng thấy cái thật của một vật chúng sinh. Vậy nên Bồ tát quan sát sáu nhập bên trong trống rỗng, không sở hữu như tụ lạc trống rỗng kia. Nay thiện nam tử ! Tụ lạc trống rỗng kia, bọn giặc trông ngóng từ xa nhất định chẳng sinh ra tư tưởng rỗng không. Người phạm phu cũng lại như vậy, đối với tụ lạc sáu nhập chẳng sinh không tưởng. Do họ chẳng thể sinh không tưởng nên sinh tử luân hồi, chịu khổ không lường. Nay thiện nam tử ! Bọn giặc đã đến nơi mới sinh ra không tưởng. Bồ tát cũng vậy, quan sát sáu nhập này thường sinh ra không tưởng, sinh ra không tưởng thì chẳng sinh tử luân hồi, chịu khổ. Đại Bồ tát đối với sáu nhập này thường không điên đảo. Không điên đảo nên chẳng lại sinh tử luân hồi. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Như có bọn giặc vào tụ lạc trống rỗng này thì được an vui. Các giặc phiền não cũng lại như vậy, vào sáu nhập này thì được an vui. Như giặc trụ ở tụ lạc trống rỗng, lòng không sở úy. Bọn giặc phiền não cũng lại như vậy, trụ ở sáu nhập này cũng không sở úy, như tụ lạc trống rỗng kia mới là chỗ ở của sư tử, cọp sói... đủ thứ ác thú. Nội lục nhập này cũng lại như vậy, là chỗ trụ của tất cả ác thú mọi phiền não ác. Vậy nên Bồ tát quán sáu nhập rỗng không, không sở hữu, thuần là chỗ trú của tất cả điều bất thiện. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát quan sát nội lục nhập rỗng không, không sở hữu như tụ lạc trống rỗng kia. Vì sao vậy ? Vì xử sự lừa dối chẳng thật, rỗng không không sở hữu mà tác khởi tư tưởng “có” vậy. Thật không có vui mà tác khởi lạc tưởng, thật không có người mà tác khởi nhân tưởng. Nội lục nhập cũng lại như vậy, rỗng không không sở hữu mà tác khởi hữu tưởng, thật không có vui mà tác khởi lạc tưởng, thật không có người mà tác khởi nhân tưởng. Chỉ có người trí mới có thể biết được sự chân thật ấy. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Như tụ lạc trống rỗng, hoặc khi có người, hoặc khi không có người. Sáu nhập chẳng vậy, chỉ một hướng là không người. Vì sao vậy ? Vì tính luôn rỗng không. Sự nhận biết của người trí chẳng phải là mắt thấy. Vậy nên Bồ tát quan sát nhiều những oán hại của nội lục nhập mà tu tám Thánh đạo chẳng ngưng, chẳng nghỉ, giống như người kia sợ bốn con rắn độc, năm người Chiên đà la, một kẻ trá hiện thân thiện và sáu tên đại tặc mà mãi miết theo đường chính.

Sáu đại tặc tức là sáu trần bên ngoài (ngoại lục trần). Đại Bồ tát quan sát sáu trần này như sáu tên đại tặc. Vì sao vậy ? Vì nó có thể cướp tất cả các thiện pháp, như sáu tên đại tặc có thể cướp tất cả của báu của nhân dân. Giặc sáu trần này cũng lại như vậy, có thể cướp tất cả của cải thiện của chúng sinh. Như sáu tên đại tặc, nếu vào nhà người thì có thể cướp đoạt sở hữu của nhà hiện có, chẳng phân biệt tốt xấu, khiến cho người cự phú bỗng nhiên thành bần cùng. Giặc lục trần này cũng lại như vậy, nếu vào căn (cơ quan) của người thì cũng có thể cướp đoạt tất cả thiện pháp. Thiện pháp đã hết thì trở nên bần cùng cô lộ, thành nhất xiển đề. Vậy nên Bồ tát quan sát chắc chắn sáu trần như sáu tên đại tặc. Lại nữa, này thiện nam tử ! Như sáu tên đại tặc khi muốn cướp đoạt của người thì cốt yếu nhờ người ở bên trong. Nếu không người bên trong thì liền trở về không. Giặc sáu trần này cũng lại như vậy, muốn cướp thiện pháp cốt nhờ bên trong có chúng sinh thấy biết tướng Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, chẳng rõ không.v.v...Nếu bên trong không có những tướng như vậy thì giặc ác sáu trần chẳng thể cướp đoạt tất cả thiện pháp. Người có trí bên trong không có tướng này mà kẻ phàm phu thì có. Vậy nên sáu trần thường đến chiếm đoạt của cải thiện pháp. Vì chẳng khéo hộ trì nên kẻ phàm phu bị sự cướp đoạt ấy. Cái để hộ trì gọi là tuệ. Người có trí có thể khéo phòng hộ nên chẳng bị cướp. Vậy nên Bồ tát quán sáu trần này như sáu tên đại tặc ngang bằng không sai khác. Lại nữa, này thiện nam tử ! Như sáu tên đại tặc có thể làm cho thân tâm nhân dân khổ não. Giặc sáu trần này cũng lại như vậy, thường làm cho thân tâm chúng sinh khổ não. Sáu tên đại tặc thì chỉ có thể cướp tài vật hiện tại của con người, còn giặc sáu trần này thường cướp thiện tài của chúng sinh ba đời. Sáu tên đại tặc, ban đêm thì vui sướng. Giặc ác sáu trần này cũng lại như vậy, ở chỗ vô minh tối tăm thì được hoan lạc. Sáu tên đại tặc này chỉ có các vị vua mới có thể ngăn chặn. Giặc ác sáu trần cũng lại như vậy, chỉ có Phật, Bồ tát mới có thể ngăn chặn. Sáu tên đại tặc này phàm muốn cướp đoạt thì chẳng lựa chọn dòng họ, đoan chính, thông triết, đa văn, bác học, giàu sang, nghèo hèn... Giặc ác sáu trần cũng lại như vậy, muốn cướp thiện pháp cũng chẳng chọn lựa đoan chính... cho đến nghèo hèn. Sáu tên đại tặc này tuy có các vị vua chặt tay chân chúng nhưng còn chẳng thể khiến cho lòng chúng dứt được. Giặc ác sáu trần cũng lại như vậy, tuy Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm chặt tay chân chúng cũng chẳng thể khiến cho chúng chẳng cướp thiện pháp. Như người mạnh mẽ mới có thể tiêu diệt hàng phục sáu tên đại tặc này. Các đức Phật Bồ tát cũng lại như vậy, mới có thể tiêu diệt hàng phục giặc ác sáu trần. Ví như có người có nhiều những dòng họ, phe đảng đông đúc thì chẳng thể bị sự cướp đoạt của sáu tên giặc. Chúng sinh cũng vậy, có thiện tri thức thì chẳng bị sự cướp đoạt giặc ác sáu trần. Sáu tên giặc lớn này nếu thấy vật của người thì có thể trộm cướp. Giặc sáu trần chẳng

vậy, nếu thấy hoặc biết, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc chạm xúc, hoặc hay biết (giác) chúng đều có thể cướp. Sáu tên đại tặc thì chỉ có thể cướp đoạt của cải người Dục giới, chẳng thể cướp đoạt ở Sắc giới và Vô sắc giới. Giác ác sáu trần thì chẳng như vậy, chúng có thể cướp đoạt tất cả thiện báo của ba cõi. Vậy nên Bồ tát quán sát chắc chắn sáu trần quá hơn sáu tên đại tặc kia. Tạo tác sự quán tưởng này rồi, Bồ tát tu tám Thánh đạo, đi thẳng chẳng trở lại. Như người sợ kia sợ bốn con rắn độc, nắm tên Chiên đà la, một kẻ trá hiện thân thiện và sáu tên đại tặc bỏ tu lạc trống không, lặn lội trên đường mà đi.

Trên đường gặp một dòng sông thì tức là phiền não. Sao gọi là Bồ tát quán phiền não này giống như dòng sông lớn ? Như dòng sông chảy xiết đó có thể cuốn trôi con Hương tượng (một loài voi có mùi thơm). Dòng sông phiền não chảy xiết cũng lại như vậy, có thể cuốn trôi Duyên Giác. Vậy nên Bồ tát quán sâu phiền não giống như dòng sông chảy xiết. Sâu khó đến được đáy nên gọi là sông. Bờ chẳng thể đến được nên gọi là lớn. Trong sông lớn ấy có nhiều loài cá ác đủ chủng loại. Dòng sông lớn phiền não cũng lại như vậy, chỉ Phật, Bồ tát mới có thể đến được đáy nên gọi rất sâu, chỉ Phật, Bồ tát mới đến được bờ kia nên gọi là rộng lớn, thường hại tất cả chúng sinh ngu si nên gọi là cá ác. Vậy nên Bồ tát quán phiền não này giống như dòng sông lớn. Như nước dòng sông lớn có thể nuôi lớn tất cả cỏ cây, rừng rậm. Dòng sông lớn phiền não cũng lại như vậy, có thể làm lớn hai mươi lăm cõi của chúng sinh. Vậy nên Bồ tát quán phiền não này giống như dòng sông lớn. Ví như có người rơi xuống nước dòng sông lớn mà không có tầm quý (xấu hổ). Chúng sinh cũng vậy, rơi vào dòng sông phiền não mà không có tầm quý. Như người rơi vào dòng sông mà chưa đến được đáy sông liền mạng chung. Rơi vào dòng sông phiền não cũng lại như vậy, chưa đến tận đáy sông đã quay trở lại luân chuyển hai mươi lăm cõi. Cái nói rằng đáy thì gọi là tướng không. Nếu có người chẳng tu tướng không như vậy thì phải biết người này chẳng ra khỏi hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sinh chẳng thể khéo tu tướng không nên thường bị sự cuốn trôi của dòng sông phiền não chảy xiết. Như dòng sông lớn kia chỉ có thể hoại thân, chẳng thể cuốn trôi mất tất cả thiện pháp. Dòng sông lớn phiền não thì chẳng như vậy, có thể hoại tất cả thiện pháp của thân và tâm. Dòng sông lớn hung dữ chỉ có thể cuốn trôi, nhận chìm con người trong cõi Dục. Dòng sông lớn phiền não mới có thể cuốn trôi, nhận chìm người trời của ba cõi. Dòng sông lớn thế gian vận động tay chân thì đến bờ kia, còn dòng sông lớn phiền não chỉ có Bồ tát nhân vào sáu Ba la mật mới có thể qua được. Như nước dòng sông lớn khó có thể qua được, dòng sông lớn phiền não cũng lại như vậy, khó có thể qua được. Sao gọi là khó có thể qua được ? Cho đến nhưng Đại Bồ tát hàng Thập Trụ còn chưa có thể qua được rốt ráo, chỉ có các đức Phật mới qua khỏi rốt

ráo. Vậy nên gọi là khó có thể qua được. Ví như có người bị sự cuốn trôi của dòng sông mà chẳng thể tu tập một chút xíu thiện pháp. Chúng sinh cũng vậy, bị sự cuốn trôi chìm mất của dòng sông phiền não thì cũng lại chẳng thể tu tập thiện pháp như người rơi xuống sông bị nước cuốn trôi, trừ người có sức thì có thể cứu vớt. Người rơi vào dòng sông phiền não làm nhất xiển đề thì Thanh Văn, Duyên Giác cho đến các đức Phật cũng chẳng thể cứu vớt. Những dòng sông lớn thế gian khi kiếp tận thì bảy mặt trời đều chiếu có thể khiến cho khô cạn. Dòng sông lớn phiền não thì chẳng như vậy, Thanh Văn, Duyên Giác tuy tu bảy giác ý nhưng còn chẳng thể làm khô cạn được. Vậy nên Bồ tát quán tưởng các phiền não giống như dòng sông hung dữ.

Ví như người kia sợ bốn con rắn độc, năm người Chiên đà la một kẻ trá hiện thân thiện và năm tên đại tặc bỏ tù lạc trống không, theo đường mà đi, đã đến trên dòng sông, gom cỏ làm bè. Bồ tát cũng vậy, sợ rắn bốn đại, Chiên đà la năm ám, ái trá hiện thân thiện, tù lạc trống không sáu nhập, giặc ác sáu trần đi đến dòng sông phiền não, tu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu Ba la mật, ba mươi bảy phẩm trợ pháp... dùng làm thuyền bè. Rồi Bồ tát nương theo bè này qua dòng sông phiền não để đi đến bờ Thường Lạc Niết Bàn kia. Bồ tát tu hành Đại Niết Bàn thì khởi lên suy nghĩ này : “Ta, nếu chẳng thể nhẫn thọ thân khổ, tâm khổ như vậy thì chẳng thể khiến cho tất cả chúng sinh qua khỏi dòng sông phiền não”. Do suy nghĩ này, Bồ tát tuy có thân tâm khổ não như vậy, nhưng mặc nhiên nhẫn thọ. Do nhẫn thọ nên chẳng sinh ra lậu. Bồ tát như vậy còn không có các lậu, huống là Phật Như Lai mà phải có lậu sao ? Vậy nên các đức Phật chẳng gọi là hữu lậu. Sao gọi là Như Lai chẳng phải vô lậu vậy ? Như Lai thường hành trong hữu lậu mà hữu lậu tức là hai mươi lăm cõi hữu. Vậy nên người phạm phu, Thanh Văn, nói rằng, Phật có lậu. Nhưng các đức Phật Như Lai chân thật vô lậu.

Này thiện nam tử ! Do nhân duyên này, các đức Phật Như Lai không có định tướng. Này thiện nam tử ! Vậy nên việc phạm bốn trọng cấm, bài báng Kinh Phương Đẳng và Nhất xiển đề đều chẳng định.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương nói rằng :

- Đúng vậy ! Đúng vậy ! Đúng như lời dạy của đức Thánh. Tất cả các pháp đều chẳng định. Vì chẳng định nên phải biết rằng, Như Lai cũng chẳng rớt ráo vào với Niết Bàn. Như trước đức Phật đã nói, Đại Bồ tát tu Đại Niết

Bàn, nghe chẳng nghe. Trong đó có Niết Bàn, có Đại Niết Bàn. Sao gọi là Niết Bàn ? Sao gọi là Đại Niết Bàn ?

Lúc bấy giờ, đức Phật khen Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Nếu có Bồ tát được niệm Tổng trì thì mới có thể hỏi han được như ông. Này thiện nam tử ! Như người đòi thường nói, có biển thì có biển lớn, có sông thì có sông lớn, có núi thì có núi lớn, có đất thì có đất lớn, có thành thì có thành lớn, có chúng sinh thì có chúng sinh lớn, có vua thì có vua lớn, có người thì có người lớn, có trời thì có đấng Thiên Trung Thiên, có đạo thì có đạo lớn. Niết Bàn cũng vậy, có Niết Bàn thì có Đại Niết Bàn. Sao gọi là Niết Bàn ? Này thiện nam tử ! Như người đói được ít cơm ăn thì gọi là an vui mà an vui như vậy cũng gọi là Niết Bàn. Như người bệnh được khỏi thì gọi là an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết Bàn. Như người sợ hãi được chỗ nương về thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết Bàn. Như người nghèo cùng nhặt được vật Thất bảo thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết Bàn. Như người quan sát xương khô chẳng khởi lên tham dục thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết Bàn. Những Niết Bàn như vậy chẳng được gọi là Đại Niết Bàn. Vì sao vậy ? Vì đói khát, bệnh, sợ, nghèo, sanh tham trước... đó gọi là Niết Bàn chẳng phải là Đại Niết Bàn. Này thiện nam tử ! Nếu người phạm phu và tất cả Thanh Văn hoặc nhân thế tục, hoặc nhân Thánh đạo đoạn được kết sử cõi Dục thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết Bàn, chẳng được gọi Đại Niết Bàn. Họ có thể đoạn những kết sử từ sơ thiên... cho đến cõi Phi Tướng Phi Tướng Xứ thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết Bàn, chẳng được gọi là Đại Niết Bàn. Vì sao vậy ? Vì còn trở lại sinh phiền não, có tập khí. Sao gọi là phiền não tập khí ? Thanh Văn, Duyên Giác có phiền não khí như là thân ta, áo ta, ta đi, ta lại, ta nói, ta nghe, các đức Phật Như Lai vào với Niết Bàn, tính của Niết Bàn là vô ngã, vô lạc, chỉ có thường Tịnh.... Đó gọi là phiền não tập khí, Phật, Pháp, Tăng có tướng sai khác, Như Lai rốt ráo vào với Niết Bàn, Niết Bàn sở đắc của Thanh Văn, Duyên Giác, các đức Phật Như Lai bình đẳng không sai biệt.... Do nghĩa này nên sở đắc của hàng Nhị thừa chẳng phải là Đại Niết Bàn. Vì sao vậy? Vì không Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Thường - Lạc - Ngã - Tịnh mới được gọi là Đại Niết Bàn vậy.

Này thiện nam tử ! Ví như có nơi có thể nhận mọi dòng nước gọi là biển lớn. Theo đó, có chỗ sở nhập của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, các đức Phật Như Lai thì gọi là Đại Niết Bàn. Bốn Thiên, ba Tam muội, tám Bối

xả, tám Thắng xứ, mười Nhất thiết xứ.... mà người theo có thể nhiếp lấy vô lượng những pháp thiện như vậy thì gọi là Đại Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Ví như có dòng sông mà con hương tượng đệ nhất chẳng thể đến được đáy thì gọi là Lớn. Thanh Văn, Duyên Giác đến Bồ tát Thập Trụ chẳng thấy Phật tính gọi là Niết Bàn, chẳng phải là Đại Niết Bàn. nếu có thể thấy tỏ rõ Phật tính thì được gọi là Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn này chỉ Đại Tượng vương có thể tận cùng được đáy. Đại Tượng vương là gọi các đức Phật vậy. Đây thiện nam tử ! Như Đại Na Đà và Bát Kiền Đà mà đại lực sĩ.v.v... trải qua nhiều thời gian mà chẳng thể lên đến đỉnh thì mới gọi là núi lớn. Đại na đà Thanh Văn, Duyên Giác và các Bồ tát mà đại lực sĩ.v.v... chẳng thể thấy thì như vậy mới gọi là Đại Niết Bàn. Lại nữa, đây thiện nam tử ! Tùy theo, có chỗ sở trụ của tiểu vương thì gọi là thành nhỏ, chỗ sở trụ của Chuyển Luân Thánh Vương mới gọi là thành lớn. Trụ cứ của Thanh Văn, Duyên Giác tám vạn, sáu vạn, bốn vạn hai vạn, một vạn thì gọi là Niết Bàn. Chỗ trụ của đấng Vô thượng Pháp Chủ Thánh Vương mới được gọi là Đại Bát Niết Bàn. Do vậy, nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Ví như có người thấy bốn thứ binh chẳng sinh kinh sợ thì phải biết người đó gọi là đại chúng sinh. Nếu có chúng sanh đối với nghiệp ác phiền não của ba đường ác, chẳng sinh ra sợ hãi mà có thể ở trong đó rộng độ chúng sinh thì phải biết người đó được Đại Niết Bàn. Nếu có người có thể cúng dường cha mẹ, cung kính Sa môn và Bà la môn, sửa trị thiện pháp, lời nói thành thật, không có lừa dối, có thể nhẫn nhịn các ác, huệ thí nghèo thiếu... thì gọi là Đại Trượng Phu. Bồ tát cũng vậy, có đại từ bi, thương xót tất cả, đối với các chúng sinh giống như cha mẹ, có thể đưa chúng sinh qua khỏi dòng sông sinh tử, khắp bày ra cho chúng sinh đạo Nhất thật. Đó gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Đại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chẳng thể nghĩ bàn là điều chẳng thể tin của tất cả chúng sinh thì đó gọi là Đại Bát Niết Bàn. Chỉ là sở kiến của Phật, Bồ tát nên gọi là Đại Niết Bàn. Do nhân duyên gì lại gọi là Đại ? Do vô lượng nhân duyên, nhân hậu mới được nên gọi là Đại. Đây thiện nam tử ! Như sở đắc của người thế gian do nhiều nhân duyên thì gọi là Đại (lớn). Niết Bàn cũng vậy, sở đắc do nhiều nhân duyên nên gọi là Đại. Sao lại gọi là Đại Niết Bàn ? Có Đại Ngã nên gọi là Đại Niết Bàn, còn Niết Bàn thì vô ngã. Có Đại tự tại nên gọi là Đại Ngã. Sao gọi là Đại tự tại vậy ? Có tám tự tại thì gọi là Ngã. Những gì là tám ? Một là có thể thị hiện một thân lấy làm nhiều thân. Số thân lớn nhỏ giống như vi trần tràn đầy mười phương vô lượng thế giới. Thân Như Lai thật chẳng phải vi trần, do tự tại nên hiện thân vi trần. Như vậy tự tại tức là Đại ngã. Hai là thị hiện một thân vi trần đầy ở ba ngàn đại thiên thế giới. Thân Như Lai thật chẳng đầy ở ba ngàn đại thiên thế giới. Vì sao vậy ? Vì do vô ngại, những do tự tại nên đầy ba ngàn đại thiên thế giới. Như vậy Tự tại gọi là Đại Ngã. Ba là có thể dùng thân đầy ba ngàn đại

thiên thể giới này nhẹ nhàng cất lên bay vào hư không đi qua những thế giới Phật nhiều bằng hai mươi lần cát sông Hằng mà không ngần ngại. Thân Như Lai thật không nặng, nhẹ, do tự tại nên có thể làm nặng, nhẹ. Như vậy tự tại gọi là Đại Ngã. Bốn là do tự tại nên được tự tại. Sao gọi là tự tại ? Như Lai một lòng an trụ chẳng động mà đã có thể thị hiện hóa ra vô lượng hình loại đều khiến cho chúng có tâm. Như Lai có khi, hoặc tạo ra một việc mà khiến cho chúng sinh mỗi mỗi đều biến thành. Thân Như Lai thường trụ ở một cõi mà khiến cho cõi khác, tất cả đều thấy. Như vậy Tự tại gọi là Đại Ngã. Năm là Căn tự tại. Sao gọi là Căn tự tại vậy ? Một căn của Như Lai cũng có thể thấy sắc, nghe tiếng, ngửi hương, phân biệt vị, giác xúc, biết pháp. Sáu căn của Như Lai cũng chẳng thấy sắc, nghe tiếng, ngửi hương, phân biệt vị, giác xúc, biết pháp. Do tự tại nên khiến cho căn tự tại. Như vậy Tự tại gọi là Đại Ngã. Sáu là do tự tại nên được tất cả pháp. Tâm Như Lai cũng không được tướng. Vì sao vậy ? Vì không sở đắc vậy. Nếu là có thì có thể gọi là được (đắc), nhưng thật ra không sở hữu. Sao gọi là được ? Nếu giả sử Như Lai kể là có được tướng thì tức là các đức Phật chẳng được Niết Bàn. Do không được nên gọi là được Niết Bàn. Do tự tại nên được tất cả pháp mà được các pháp nên gọi là Đại Ngã. Bảy là nói tự tại nên Như Lai diễn nói ý nghĩa một bài kệ trải qua vô lượng kiếp mà ý nghĩa cũng chẳng thể hết. Đó là như giới, hoặc định, hoặc trí, hoặc tuệ... Như Lai bảy giờ đều chẳng phát ý niệm, ta nói người kia nghe, cũng lại chẳng sinh ý tưởng về một bài kệ. Theo người thế gian thì bốn câu là một bài kệ, Như Lai theo thế tục nói ra nên gọi là kệ. Tất cả pháp tánh cũng không có điều để nói nhưng do tự tại nên Như Lai diễn nói. Do diễn nói nên gọi là Đại Ngã. Tám là Như Lai cùng khắp tất cả mọi nơi giống như hư không. Tính hư không chẳng thể được thấy. Như Lai cũng vậy, chẳng thể thấy. Do tự tại nên khiến cho tất cả thấy. Như vậy tự tại gọi là Đại Ngã. Như vậy Đại Ngã gọi là Đại Niết Bàn. Do ý nghĩa này nên gọi là Đại Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như bảo tàng với nhiều những đồ trân quý kỳ lạ, hàng trăm thứ đầy đủ nên gọi là đại tạng. Tạng rất thâm áo của các đức Phật Như Lai cũng lại như vậy, nhiều những thứ kỳ lạ, đầy đủ không khiếm khuyết nên gọi là Đại Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam tử ! Vật vô biên mới gọi là đại. Niết Bàn vô biên, vậy nên gọi là đại. Lại nữa, này thiện nam tử ! Có đại lạc nên gọi là Đại Niết Bàn, còn Niết Bàn thì không lạc. Do bốn thứ lạc nên gọi là Đại Niết Bàn. Những gì là bốn ? Một là đoạn dứt những niềm vui (lạc). Chẳng đoạn dứt vui thì tức là khổ mà nếu có khổ thì chẳng gọi là đại lạc (vui lớn). Do đoạn dứt vui thì không có khổ mà không khổ, không lạc mới gọi là Đại Lạc. Tính của Niết Bàn không khổ, không lạc. Vậy nên Niết Bàn gọi là Đại Lạc. Do nghĩa này nên gọi là Đại Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam tử ! Lạc có hai thứ, một là lạc của phàm phu, hai là lạc của chư Phật. Lạc của phàm phu thì vô thường, bại hoại. Vậy

nên không có lạc. Chư Phật thì thường lạc không có biến dị nên gọi là Đại Lạc. Lại nữa, này thiện nam tử ! Có ba thứ thọ, một là khổ thọ, hai là lạc thọ, ba là bất khổ bất lạc thọ. Chẳng khổ chẳng vui cũng là khổ. Niết Bàn tuy đồng chẳng khổ, chẳng vui, nhưng gọi là Đại Lạc. Do Đại Lạc nên gọi là Đại Niết Bàn. Hai là Đại Tịch Tĩnh nên gọi là Đại Lạc. Tính Niết Bàn là Đại Tịch Tĩnh. Vì sao vậy? Vì xa lìa tất cả pháp rối loạn, ồn ào. Do Đại Tịch Tĩnh nên gọi là Đại Niết Bàn. Ba là biết tất cả nên gọi là Đại Lạc. Chẳng phải biết tất cả thì chẳng gọi là Đại Lạc. Các đức Phật Như Lai biết tất cả nên gọi là Đại Lạc. Do Đại Lạc nên gọi là Đại Niết Bàn. Bốn là thân chẳng hoại nên gọi là Đại Lạc. Thân nếu có thể hoại thì chẳng gọi là Lạc. Thân của Như Lai là thân Kim Cương không hoại, chẳng phải là thân phiến não, là thân vô thường nên gọi là Đại Lạc. Do Đại Lạc nên gọi là Đại Niết Bàn. Này thiện nam tử! Danh tự (tên) của thế gian, hoặc có nhân duyên, hoặc không nhân duyên. Có nhân duyên là như ông Xá Lợi Phất có mẹ tên là Xá Lợi rồi nhân tên mẹ đặt tên con nên gọi là Xá Lợi Phất. Như đạo nhân Ma Du La sinh ra ở nước Ma Du La, rồi nhân nước mà đặt tên nên gọi là đạo nhân Ma Du La. Như ông Mục Kiền Liên, Mục Kiền Liên tức là họ, rồi nhân họ đặt tên nên gọi là Mục Kiền Liên. Như ta sinh ra ở dòng họ Cù Đàm, rồi nhân họ đặt tên, xưng là Cù Đàm. Như đạo nhân Tỳ Xá Khư, Tỳ Xá Khư tức là tên một vì sao. Nhân lấy sao làm tên nên gọi là Tỳ Xá Khư. Như tay có sáu ngón, nhân sáu ngón nên gọi là người sáu ngón. Như kẻ làm tội cho Phật, làm tội cho trời, nhân Phật, nhân trời nên gọi kẻ đó là Phật nô, Thiên nô. Nhân âm thấp sinh ra nên gọi là thấp sinh. Như nhân âm thanh nên tên là Ca Ca La, tên Cứu Cứu La, Đán Đán La. Những tên như vậy.v.v... gọi là tên nhân duyên. Tên không nhân duyên là như : hoa sen, đất nước, lửa, gió, hư không. Như Mạn Đà Bà thì một là tên, hai là thật. Một là gọi điện đường, hai là gọi nước uống. Nhà chẳng uống nước cũng lại được gọi là Mạn Đà Bà. Như Tát Ba Xa Đa tên là Xà Cái mà thật chẳng phải là xà cái. Đó gọi là tên không nhân duyên mà chỉ cưỡng đặt tên gọi. Như Đễ La Bà Di tên là Thực Du nhưng thật ra chẳng ăn dầu, chỉ là khiên cưỡng đặt tên gọi là Thực Du. Đó gọi là áp đặt tên gọi không có nhân duyên. Này thiện nam tử ! Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy, không có nhân duyên mà là áp đặt tên gọi. Này thiện nam tử ! Ví như hư không chẳng nhân cái tiểu không mà gọi là đại vậy. Niết Bàn cũng thế, chẳng nhân tiểu tướng mà gọi Đại Niết Bàn. Này thiện nam tử ! Ví như có pháp chẳng thể xưng lường, chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là đại (lớn). Niết Bàn cũng vậy, chẳng thể xưng lường, chẳng thể nghĩ bàn nên được gọi là Đại bát Niết Bàn. Do thuần tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn. Sao gọi là thuần tịnh ? Tịnh có bốn thứ ? Những gì là bốn ? Một là hai mươi lăm cõi hữu gọi là bất tịnh mà có thể vĩnh viễn đoạn tuyệt nên được gọi là tịnh. Tịnh tức là Niết Bàn mà Niết Bàn như vậy cũng được gọi là có. Nhưng

Niết Bàn này thật chẳng phải là có. Các đức Phật Như Lai theo thể tục nên nói Niết Bàn có. Ví như người đời, chẳng phải cha mà nói rằng cha, chẳng phải mẹ mà nói rằng mẹ. Thật chẳng phải là cha mẹ mà nói rằng cha mẹ. Niết Bàn cũng vậy, theo thể tục nên chư Phật nói rằng, có Đại Niết Bàn. Hai là Nghiệp thanh tịnh. Nghiệp của tất cả phàm phu chẳng thanh tịnh nên không Niết Bàn. Nghiệp của các đức Phật Như Lai thanh tịnh nên gọi là Đại tịnh. Do Đại tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn. Ba là thân thanh tịnh. Thân nếu vô thường thì gọi là bất tịnh. Thân Như Lai thường nên gọi là Đại tịnh. Do đại tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn. Bốn là tâm thanh tịnh. Tâm nếu có lậu thì gọi là bất tịnh. Tâm Phật vô lậu nên gọi là đại tịnh. Do đại tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Đó gọi là, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân tu hành Kinh Đại Niết Bàn như vậy thì thành tựu đầy đủ công đức phân đầu.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ hai mươi một hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 22

PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI

BỒ TÁT QUANG MINH

BIÊN CHIẾU CAO QUÍ ĐỨC VƯƠNG

Phần thứ IV. - Lại nữa, này thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn thành tựu công đức thứ hai đầy đủ ? Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn thì cái xưa chẳng được mà nay được, cái xưa chẳng thấy mà nay thấy, cái xưa chẳng nghe mà nay nghe, cái xưa chẳng đến mà nay đến, cái xưa chẳng biết mà nay biết. Sao gọi là cái xưa chẳng được mà nay được ? Đó là thần thông, cái xưa chẳng được mà nay mới được. Thần thông có hai thứ, một là nội, hai là ngoại. Cái gọi là ngoại thì cùng chung với ngoại đạo.

Nội lại có hai, một là thần thông của Nhị thừa, hai là thần thông của Bồ tát. Thần thông sở đắc của Bồ tát tu hành Kinh Đại Niết Bàn chẳng cùng chung với Thanh Văn, Bích Chi Phật. Sao gọi là chẳng cùng chung với Thanh Văn, Bích Chi Phật ? Sự tạo tác biến hóa thần thông của Nhị thừa là một tâm chỉ làm ra một, chẳng làm được nhiều. Bồ tát chẳng vậy, ở trong một tâm thì có thể hiện đầy đủ thân năm đường. Sở dĩ vì sao ? Vì do thế lực của Kinh Đại Niết Bàn như vậy. Đó gọi là cái xưa chẳng được mà nay được. Lại nữa, sao gọi là cái xưa chẳng được mà nay được? Đó là thân được tự tại, tâm được tự tại. Vì sao vậy ? Vì việc có thân tâm của tất cả phàm phu chẳng được tự tại mà hoặc tâm theo thân, hoặc thân theo tâm. Sao gọi là tâm theo thân ? Ví như người say thì rượu ở trong thân, bấy giờ thân động thì tâm cũng động theo. Cũng như thân lười thì tâm cũng lười theo. Đó gọi là tâm theo thân. Lại như, đứa trẻ con, thân nó trẻ nhỏ thì tâm cũng nhỏ theo, còn người lớn thì thân lớn nên tâm cũng lớn theo. Lại như có người, thân thể thô ráp, lòng thường suy nghĩ muốn được dầu mỡ thấm nhuần làm cho mềm mại. Đó gọi là tâm tùy theo thân. Sao gọi là thân tùy theo tâm. Đó là đi, lại, ngồi, nằm, tu hành Thí, Giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn. Thân người sâu não thì gầy còm, tiêu tụy. Thân người hoan hỷ béo mập, tươi tốt. Thân thể người kinh sợ run rẩy, chao động. Người chuyên tâm nghe pháp thì thân tươi vui. Người buồn khổ thì nước mắt tuông rơi. Đó gọi là thân tùy theo tâm. Bồ tát chẳng vậy, ở trong thân tâm đều được tự tại. Đó gọi là cái xưa chẳng được mà nay được. Lại nữa, này thiện nam tử ! Thân tướng thị hiện của Đại Bồ tát giống như vi trần. Do thân vi trần này nên đều có thể đến khắp vô lượng vô biên những thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng, không có sự ngăn ngại mà tâm thường định chỗ ban đầu chẳng di động. Đó gọi là tâm chẳng tùy theo thân. Đó cũng gọi là cái xưa chẳng đến mà nay có thể đến. Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật.v.v... đã chẳng thể đến, còn Bồ tát thì có thể đến (đáo). Vậy nên gọi là cái xưa chẳng đến mà nay có thể đến. Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật.v.v... tuy dùng thần thông nhưng chẳng thể biến thân nhỏ như vi trần đến khắp vô lượng những thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng. Thân của Thanh Văn, Duyên Giác nếu khi động thì tâm cũng động theo. Bồ tát chẳng vậy, tâm tuy chẳng động nhưng thân thì không đâu chẳng đến. Đó gọi là tâm Bồ tát chẳng tùy theo thân. Lại nữa, này thiện nam tử ! Bồ tát hóa thân giống như ba ngàn đại thiên thế giới, rồi dùng thân lớn này vào một thân vi trần mà lòng Bồ tát ấy, bấy giờ cũng chẳng nhỏ theo. Thanh Văn, Duyên Giác tuy có thể hóa thân khiến cho lớn như ba ngàn đại thiên thế giới nhưng mà chẳng thể dùng thân lớn này vào thân vi trần. Ở trong việc này còn tự chẳng thể được, huống là có thể khiến cho tâm chẳng động theo. Đó gọi là tâm Bồ tát chẳng tùy theo thân. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát dùng một âm thanh có thể khiến cho chúng sinh của ba ngàn đại thiên thế giới đều nghe

mà tâm chẳng nghĩ, làm cho âm thanh này khắp các thế giới, khiến cho điều các chúng sinh xưa chẳng nghe mà nay được nghe. Bồ tát này ban đầu cũng chẳng nói rằng, ta khiến cho chúng sinh, cái xưa chẳng nghe mà nay được nghe. Bồ tát, nếu nói rằng, nhân ta nói pháp nên khiến cho các chúng sinh chẳng nghe được nghe, thì phải biết người này nhất định chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao vậy ? Vì tất cả chúng sinh chẳng nghe ta là người nói. Như tâm này là tâm sinh tử thì tất cả Bồ tát tâm đó đã hết. Do nghĩa này nên thân tâm sở hữu của Đại Bồ tát chẳng theo đuổi nhau. Nay thiện nam tử ! Thân tâm của tất cả phạm phu theo nhau. Bồ tát chẳng vậy, vì hóa độ chúng sinh nên tuy hiện thân nhỏ nhưng tâm cũng chẳng nhỏ. Vì sao vậy ? Vì tâm tính sở hữu của các Bồ tát... thường rộng lớn nên tuy hiện thân lớn nhưng tâm cũng chẳng lớn. Sao gọi là thân lớn ? Thân như ba ngàn đại thiên thế giới. Sao gọi là tâm nhỏ ? Làm hành động trẻ con. Do nghĩa này nên tâm chẳng tùy theo thân. Đại Bồ tát đã ở vô lượng atăngki kiếp xa rượu chẳng uống mà tâm cũng động, lòng không bi khổ mà thân cũng chảy nước mắt, thật không kinh sợ mà thân cũng run lấy bầy. Do nghĩa này nên phải biết là, thân tâm của Bồ tát tự tại chẳng theo đuổi nhau. Đại Bồ tát chỉ hiện một thân mà các chúng sinh mỗi mỗi đều thấy khác. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn thì điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe ? Đại Bồ tát trước tiên chọn lấy tướng của tiếng như là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng người, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng tiêu, tiếng địch (sáo), tiếng ca, tiếng khóc.v.v.. mà tu tập. Do tu tập nên Bồ tát có thể nghe âm thanh của địa ngục sẵn có trong ba ngàn đại thiên thế giới. Bồ tát lại tu tập chuyển đổi được nhĩ căn khác, khác với tai của Thanh Văn, Duyên Giác và trời. Vì sao vậy ? Vì nhĩ căn thanh tịnh sở đắc của Nhị thừa nếu vương vào bốn đại tịnh diệu của sơ thiên thì chỉ nghe sơ thiên, chẳng nghe Nhị thiên cho đến Tứ thiên cũng lại như vậy. Họ tuy có thể cùng một lúc được nghe âm thanh sở hữu của ba ngàn đại thiên thế giới mà chẳng thể nghe được âm thanh của vô lượng vô biên hằng hà sa số thế giới. Do nghĩa này nên sở đắc của Bồ tát khác với nhĩ căn của Thanh Văn, Duyên Giác. Do sự khác này nên điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe, tuy nghe âm thanh mà lòng bắt đầu không nghe tướng của âm thanh, chẳng tạo tác tướng có, tướng thường, tướng lạc, tướng ngã, tướng tịnh, tướng chủ, tướng y (nuơng), tướng tác, tướng nhân, tướng định, tướng quả. Do nghĩa này nên các Bồ tát.v.v... điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe.

Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương thừa rằng :

- Như lời đức Phật nói, chẳng tạo tác tướng định, chẳng tạo tác tướng quả thì ý nghĩa này chẳng đúng vậy ! Vì sao vậy ? Vì đức Như Lai trước đã

nói rằng, nếu người chưa nghe được một câu, một chữ của Kinh Đại Niết Bàn này thì nhất định được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Như Lai hôm nay sao lại nói rằng, không định, không quả ? Nếu được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì tức là định tướng, tức là quả tướng thì sao mà nói rằng, không định, không quả ? Nghe tiếng ác thì sinh tâm ác. Sinh tâm ác thì đến tam đồ. Nếu đến tam đồ tức là định là quả thì sao nói rằng, không định không quả ?

Lúc bấy giờ, đức Như Lai khen rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Ông mới có thể hỏi câu hỏi này ! Nếu giả sử, các đức Phật nói rằng, các âm thanh có tướng định quả, thì chẳng phải là tướng của các đức Phật Thế Tôn mà là tướng ma vương, tướng sinh tử, tướng xa Niết Bàn. Vì sao vậy ? Vì phạm là sự diễn nói của tất cả các đức Phật thì không có tướng định, quả. Này thiện nam tử ! Ví như trong lưỡi dao soi dáng mặt người, dựng đứng dao thì thấy mặt người dài, cầm ngang dao thì thấy mặt người rộng. Nếu có tướng định thì sao mà dựng đứng thì thấy dài, cầm ngang thì thấy rộng ? Do nghĩa này nên phạm sự diễn nói của các đức Phật Thế Tôn không có tướng định, quả. Này thiện nam tử ! Luận về Niết Bàn thì chân thật chẳng phải là kết quả của âm thanh. Nếu giả sử Niết Bàn là kết quả của âm thanh thì phải biết Niết Bàn chẳng phải là Thường pháp. Này thiện nam tử ! Ví như thế gian, từ nhân duyên sinh ra pháp, có nhân thì có quả, không nhân thì không quả. Nhân vô thường nên quả cũng vô thường. Sở dĩ vì sao ? Vì nhân cũng làm ra quả mà quả cũng làm ra nhân. Do nghĩa này nên tất cả các pháp không có định tướng. Nếu giả sử Niết Bàn từ nhân sinh ra mà nhân vô thường thì quả cũng vô thường. Nhưng Niết Bàn này chẳng từ nhân sinh ra nên thể của Niết Bàn này chẳng phải là quả. Vậy nên Niết Bàn này là thường. Này thiện nam tử ! Do nghĩa này nên thể của Niết Bàn không định không quả. Này thiện nam tử ! Luận về Niết Bàn thì cũng có thể nói định, cũng có thể nói quả. Sao gọi là định ? Niết Bàn Thường - Lạc - Ngã - Tịnh là sở hữu của tất cả các đức Phật. Vậy nên là định. Niết Bàn không sinh, lão, hoại. Vậy nên là định. Nhất xiển đề, những kẻ phạm bốn trọng cấm, bài báng Phương Đẳng tạo tác tội ngũ nghịch mà trừ bỏ bản tâm thì nhất định được Niết Bàn. Vậy nên là định ! Này thiện nam tử ! Như lời ông nói, nếu người nghe ta nói một chữ, một câu của Đại Niết Bàn thì được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ông đối với nghĩa lời nói này còn chưa giải rõ. Ông hãy lắng nghe ! Ta sẽ vì ông lại phân biệt ! Này thiện nam tử ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe một chữ, một câu của Kinh Đại Niết Bàn mà chẳng tác khởi tướng chữ, chẳng tác khởi tướng câu, chẳng tác khởi tướng nghe, chẳng tác khởi tướng Phật, chẳng tác

khởi tướng nói... Nghĩa như vậy thì gọi là tướng Vô tướng. Do tướng vô tướng nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay thiện nam tử ! Như lời ông nói, nghe tiếng ác nên đến ba đường, thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy ? Vì chẳng phải do tiếng ác mà đến ba đường. Ông phải biết, kết quả này chính là do tâm ác. Sở dĩ vì sao ? Vì có thiện nam tử, thiện nữ nhân.v.v... tuy nghe tiếng ác nhưng tâm chẳng sinh ra ác. Vậy nên ông phải rằng, chẳng phải nhân tiếng ác mà sinh ra trong ba đường. Các chúng sinh nhân phiền não kết, tâm ác nhiều thêm nên sinh ba đường ác, chẳng phải nhân tiếng ác. Nếu tiếng có định tướng thì những người có nghe đều ứng sinh ra tâm ác, nhưng lại có người sinh, có không sinh. Vậy nên phải biết rằng, tiếng không có định tướng, tuy lại nhân vào đó nhưng chẳng sinh ra ác tâm.

- Thưa đức Thế Tôn ! Tiếng nếu không định thì vì sao điều Bồ tát xưa chẳng nghe mà nay được nghe ?

- Nay thiện nam tử ! Tiếng không định tướng. Điều xưa chẳng nghe mà khiến cho các Bồ tát nay được nghe. Do nghĩa này nên ta nói lời này, điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe. Nay thiện nam tử ! Sao gọi là cái xưa chẳng thấy mà nay được thấy ? Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu tập Kinh Đại Niết Bàn vi diệu thì trước tiên chọn lấy tướng ánh sáng như là ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú, lửa sân nhà (đỉnh liệ) đèn, đuốc, hỏa châu, dược thảo.v.v... Do tu tập nên được nhãn căn khác, khác với sở đắc của Thanh Văn, Duyên Giác. Những gì là khác ? Thiên nhãn thanh tịnh sở đắc của hàng Nhị thừa, nếu nương vào Nhãn căn bốn đại của Dục giới thì chẳng thấy sơ thiên, nếu nương sơ thiên thì chẳng thấy đất cõi trên, thậm chí mắt mình còn chẳng thể thấy, như muốn thấy nhiều, đến cùng cực ba ngàn đại thiên thế giới. Đại Bồ tát chẳng tu thiên nhãn, thấy sắc thân đẹp đều là tướng xương. Bồ tát tuy thấy sắc tướng của hàng hà sa số thế giới ở phương khác nhưng chẳng tác khởi sắc tướng, chẳng tác khởi thường tướng, hữu tướng, vật tướng, danh tự tướng, tướng tạo tác nhân duyên.v.v.. Chẳng tác khởi tướng thấy, chẳng nói rằng, tướng mắt vi diệu thanh tịnh mà chỉ thấy tướng nhân duyên chẳng phải nhân duyên. Sao gọi là nhân duyên ? Sắc là duyên của mắt. Nếu giả sử sắc này chẳng phải nhân duyên thì tất cả phàm phu chẳng ứng sinh ra tướng thấy sắc. Do nghĩa này nên sắc gọi là nhân duyên. Chẳng phải nhân duyên là Đại Bồ tát tuy lại thấy sắc nhưng chẳng sinh ra sắc tướng. Vậy nên chẳng phải là duyên. Do nghĩa này nên thiên nhãn thanh tịnh sở đắc của Bồ tát khác với sở đắc của Thanh Văn, Duyên Giác. Do sự khác này nên cùng một lúc thấy khắp các đức Phật hiện tại của mười phương thế giới. Đó gọi là điều xưa Bồ tát chẳng thấy mà nay được thấy. Do sự khác

này nên có thể thấy vi trần, cái mà Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể thấy. Do sự khác này nên tuy thấy nhưng mắt mình đầu tiên không thấy tướng, thấy tướng vô thường, thấy thân phàm phu trần đầy ba mươi sáu vật bất tịnh như xem quả A ma lạc trong lòng bàn tay. Do nghĩa này nên nói điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy. Nếu thấy sắc tướng sở hữu của chúng sinh thì biết căn người ấy đại thừa hay tiểu thừa. Nếu chạm vào áo cũng biết các căn sai biệt thiện, ác của người đó. Do nghĩa này nên nói, điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Do sự biết này nên điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Do sự biết này nên điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Sao gọi là điều xưa Bồ tát chẳng biết mà nay được biết ? Đại Bồ tát tuy biết lòng của phàm phu tham, sân, si nhưng ban đầu chẳng tác khởi tướng tâm và tâm số, chẳng tác khởi tướng chúng sinh và cả tướng vật, tu Đệ nhất nghĩa rốt ráo không tướng. Vì sao vậy ? Vì tất cả Bồ tát thường khéo tu tập tướng không tính. Do tu tập “không” nên điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Sao gọi là biết ? Biết không có ngã, không có ngã sở, biết các chúng sinh đều có Phật tính. Do Phật tính nên Nhất xiển đề.v.v... lìa bỏ bản tâm thì đều sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những điều này đều là điều chẳng thể biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Do nghĩa này nên nói, điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Lại nữa, này thiện nam tử ! Sao gọi là điều xưa chẳng biết mà nay được biết ? Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu, nghĩ đến đời sống, dòng họ, cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè, oán ghét của tất cả chúng sinh đời quá khứ. Ở trong một niệm được trí khác lạ, khác với trí tuệ của Thanh Văn, Duyên Giác. Sao gọi là khác ? Trí tuệ sở hữu của Thanh Văn, Duyên Giác nghĩ đến dòng họ, cha mẹ... cho đến kẻ oán ghét của chúng sinh sở hữu trong đời quá khứ mà tác khởi tướng chủng tính... cho đến tướng oán ghét. Bồ tát chẳng vậy, tuy nghĩ đến dòng họ, cha mẹ... cho đến kẻ oán ghét ở đời quá khứ nhưng nhất định chẳng sinh ra tướng dòng họ, tướng cha mẹ... tướng oán ghét.v.v... thường tác khởi pháp tướng, tướng không tịch. Đó gọi là điều xưa Bồ tát chẳng biết mà nay được biết. Lại nữa, này thiện nam tử ! Sao gọi là điều xưa chẳng biết mà nay được biết ? Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu được trí Tha Tâm (trí biết tâm người khác) khác với sở đắc của Thanh Văn, Duyên Giác. Sao gọi là khác ? Khi Thanh Văn, Duyên Giác dùng một niệm trí để biết lòng người thì chẳng thể biết tâm của địa ngục, súc sinh, ngã quỷ và trời. Bồ tát chẳng vậy, ở trong một niệm biết khắp lòng của chúng sinh trong sáu đường. Đó gọi là điều xưa Bồ tát chẳng biết mà nay được biết. Lại nữa, này thiện nam tử ! Lại có sự biết khác. Đại Bồ tát ở trong một tâm, biết từ tâm đầu tiên của Tu đà hoàn, rồi lần lượt đến mười sáu tâm. Do nghĩa này nên nói, điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Đó là Bồ tát tu Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ hai.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ ba ? Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn bỏ Từ đợc Từ (Từ Bi), khi đợc Từ chẳng Từ nhân duyên. Sao gọi là bỏ Từ đợc Từ ? Này thiện nam tử ! Từ là gọi thế đế. Đại Bồ tát bỏ Từ thế đế, đợc đệ nhất nghĩa từ. Đệ nhất nghĩa Từ chẳng từ duyên mà đợc. Lại nữa, sao gọi là bỏ Từ đợc Từ ? Từ nếu có thể bỏ thì gọi là Từ phạm phu. Từ nếu có thể đợc thì tức là Từ không duyên của Bồ tát. Bỏ Từ nhất xiển đề, Từ phạm trọng cấm, Từ bài báng Phương Đẳng, Từ tạo ngũ nghịch để đợc Từ lân mẫn, đợc Từ Như Lai, Từ Thế Tôn, Từ không nhân duyên. Sao lại gọi là bỏ Từ đợc Từ. Bỏ Từ của bọn Huỳnh môn, Từ của người không căn, người hai căn, người nữ, Từ của đồ tể, thợ săn, người nuôi dưỡng gà, heo.v.v... cũng bỏ Từ của Thanh Văn, Bích Chi Phật để đợc Từ không nhân duyên của những Bồ tát. Hành giả chẳng thấy Từ của mình, chẳng thấy từ của người khác, chẳng thấy trì giới, chẳng thấy phá giới. Tuy tự thấy “bi” nhưng chẳng thấy chúng sinh. Tuy có khổ thọ nhưng chẳng thấy người thọ. Vì sao vậy ? Vì do tu Đệ nhất chân thật nghĩa. Đó gọi là Bồ tát tu Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ ba.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư ? Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư thì có mười việc. Những gì là mười ? Một là rễ (căn) sâu khó có thể nhổ bật. Hai là tự thân sinh quyết định tướng. Ba là chẳng quan sát phước điền và chẳng phải phước điền. Bốn là tu cõi Phật thanh tịnh. Năm là diệt trừ “hữu dư”. Sáu là đoạn trừ nghiệp duyên. Bảy là tu thân thanh tịnh. Tám là rõ biết các duyên. Chín là lia các oán địch. Mười là đoạn trừ nhị biên. Sao gọi là rễ sâu khó nhổ bật. Cái gọi là rễ (căn) tức là gọi chẳng phóng dật. Chẳng phóng dật là căn gì ? Đó là căn của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này thiện nam tử ! Những căn bản thiện của tất cả chư Phật đều là chẳng phóng dật. Chẳng phóng dật nên các thiện căn khác đắp đổi thêm lớn. Do nó có thể làm tăng trưởng các thiện căn nên ở trong các thiện, là tối thù thắng. Này thiện nam tử ! Như trong các dấu chân thì dấu chân voi là trên hết. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các thiện pháp là tối thù thắng. Này thiện nam tử ! Như trong các ánh sáng thì ánh sáng mặt trời là trên hết. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các thiện pháp là tối thù thắng. Này thiện nam tử ! Như trong các vì vua thì vua Chuyển Luân Thánh là tối đệ nhất. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp thiện là tối đệ nhất. Này thiện nam tử ! Như trong các dòng chảy thì bốn dòng sông là trên hết. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp thiện là trên hết. Này thiện nam tử ! Như trong các

núi thì núi vua Tu Di là tối đệ nhất. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp thiện là tối đệ nhất. Đây thiện nam tử ! Như trong loài hoa sinh trong nước thì hoa sen xanh là trên hết. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp thiện là trên hết. Đây thiện nam tử ! Như trong loài hoa sinh trên đất thì hoa Bà Lợi Su là tối thượng. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp thiện là tối thượng. Đây thiện nam tử ! Như trong các loài thú thì sư tử là trên hết. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp thiện là tối thượng. Đây thiện nam tử ! Như trong loài chim bay thì vua chim cánh vàng là tối thượng. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp thiện là tối thượng. Đây thiện nam tử ! Như trong loài thân lớn thì vua A tu la La Hầu là tối thượng. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp thiện là tối thượng. Đây thiện nam tử ! Như trong tất cả chúng sinh, hoặc loài hai chân, bốn chân, nhiều chân hay không chân thì Như Lai là trên hết. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, ở trong các pháp thiện là tối thượng. Đây thiện nam tử ! Như trong các chúng thì Phật, Tăng là trên. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, ở trong các pháp thiện là tối thượng. Đây thiện nam tử ! Như trong Phật pháp thì pháp Đại Niết Bàn này là tối thượng. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp thiện, là tối thượng. Đây thiện nam tử ! Do nghĩa này nên rễ (căn) chẳng phóng dật thâm sâu, bền chắc khó bứng lên được. Sao gọi là chẳng phóng dật mà được tăng trưởng ? Như là tín căn, giới căn, thí căn, tuệ căn, nhãn căn, văn (nghe) căn, tấn căn, niệm căn, định căn, thiện tri thức căn... Những căn như vậy mà chẳng phóng dật thì được tăng trưởng. Do chúng tăng trưởng nên thâm sâu bền chắc khó bứng lên được. Do nghĩa này nên gọi là Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn thì căn thâm sâu khó bứng lên được.

Sao gọi là đối với thân tạo tác quyết định tướng ? Đối với tự thân đã sinh tâm quyết định rằng : “Thân này của ta hôm nay ở đời vị lai, nhất định sẽ làm pháp khí Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tâm cũng như vậy, chẳng tác khởi nhỏ hẹp, chẳng tác khởi biến dị, chẳng tác khởi tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng tác khởi tâm ma và tâm tự lạc, tâm ưa sinh tử. Ta luôn vì chúng sinh cầu tâm Từ Bi”. Đó gọi là Bồ tát, ở trong tự thân, sinh ra tâm quyết định “Ta ở đời vị lai sẽ làm pháp khí Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Do nghĩa này nên Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn thì ở trong tự thân sinh ra quyết định tướng.

Sao gọi là Bồ tát chẳng quán phước điền (ruộng phước) và chẳng phải phước điền ? Sao gọi là phước điền ? Kẻ ngoại đạo trì giới... lên đến các đức Phật thì đó gọi là phước điền. Nếu có người nghĩ rằng, những bộn

như vậy là chân phước điền thì phải biết tâm này là hẹp hòi, hèn yếu. Đại Bồ tát đều quán tất cả vô lượng chúng sinh không chẳng phải phước điền. Vì sao vậy ? Vì do khéo tu tập niệm xứ khác. Có niệm xứ khác khéo tu tập là : quán các chúng sinh không có trì giới và cả hủy giới, thường quán lời nói của các đức Phật Thế Tôn. Thí tuy có bốn thứ nhưng đều được quả báo thanh tịnh. Những gì là bốn ? Một là thí chủ thanh tịnh, người thọ thí bất tịnh. Hai là thí chủ bất tịnh, người thọ thí thanh tịnh. Ba là người thí, kẻ thọ thí đều thanh tịnh. Bốn là cả hai đều bất tịnh. Sao gọi là thí chủ thanh tịnh, người thọ thí bất tịnh ? Thí chủ có đủ giới, đa văn, trí tuệ, biết có huệ thí và cả quả báo. Kẻ thọ thí phá giới, chuyên chấp trước tà kiến, không huệ thí, không quả báo. Đó gọi là thí chủ thanh tịnh, người thọ thí bất tịnh. Sao gọi là người thọ thí thanh tịnh, thí chủ bất tịnh ? Thí chủ phá giới, chuyên chấp trước tà kiến, nói rằng không huệ thí và cả quả báo. Kẻ thọ thí trì giới, đa văn, trí tuệ, biết có huệ thí và quả báo thí. Đó gọi là thí chủ bất tịnh, người thọ thí thanh tịnh. Sao gọi là người thí, kẻ thọ đều thanh tịnh ? Người thí, kẻ thọ đều có trì giới, đa văn, trí tuệ, biết có huệ thí và quả báo thí. Đó gọi là kẻ thí, người thọ cả hai đều thanh tịnh. Sao gọi là cả hai đều bất tịnh ? Người thí, kẻ thọ đều phá giới, tà kiến và nói rằng, không có thí và quả báo thí. Nếu như vậy thì sao lại gọi rằng, được tịnh quả báo ? Do không thí, không quả báo nên gọi là thanh tịnh. Nay thiện nam tử ! Nếu có người chẳng thấy bố thí và quả báo thí thì phải biết người này chẳng gọi phá giới, chuyên chấp trước tà kiến. Nếu nương vào Thanh Văn mà nói rằng, chẳng thấy bố thí và quả báo thí thì đó gọi là phá giới, tà kiến. Nếu y vào Kinh Đại Niết Bàn như vậy mà chẳng thấy huệ thí và quả báo thí thì đó gọi là trì giới, chánh kiến. Đại Bồ tát có niệm xứ khác để tu tập nên chẳng thấy chúng sinh trì giới, phá giới, người thí, kẻ thọ và quả báo thí. Vậy nên được gọi là trì giới, chánh kiến. Do nghĩa này nên Đại Bồ tát chẳng quán phước điền và chẳng phải phước điền.

Sao gọi là đất nước Phật thanh tịnh ? Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì độ chúng sinh nên lìa khỏi tâm giết hại. Rồi đem thiện căn này nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh. Nguyện cho các chúng sinh được thọ mạng lâu dài, có thể lực lớn, được đại thân thông. Do sức của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh sở hữu của đất nước được thọ mạng lâu dài, có đại thể lực, được đại thân thông. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì độ chúng sinh nên lìa khỏi tâm trộm cắp. Rồi đem thiện căn này nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh. Nguyện cho sở hữu đất đai của đất nước chư Phật thuần là bảy báu, chúng sinh giàu có đầy đủ, sở dục

thỏa lòng mình. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì đất nước sở đắc thuần là bảy báu, chúng sinh giàu có đầy đủ, sở dục thỏa lòng mình. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì độ chúng sinh nên li khỏi tâm dâm dục. Rồi đem thiện căn này nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh. Nguyện cho chúng sinh sở hữu của các cõi Phật không có tâm tham dục, sân nhuế, ngu si, cũng không có hoạn nạn đói khát khổ não. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì chúng sinh trong đất nước mình xa li tâm tham dâm, sân nhuế, ngu si và tất cả không có đói khát khổ não. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì độ chúng sinh nên li khỏi tâm vọng ngữ. Rồi đem thiện căn này nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh. Nguyện cho các cõi Phật thường có rừng sum suê cây trái, hương hoa, chúng sinh sở hữu được âm thanh vi diệu. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên vào đời vị lai, khi thành Phật thì đất nước sở hữu thường có rừng sum suê cây trái, hương hoa. Chúng sinh trong cõi ấy đều được âm thanh thượng diệu thanh tịnh. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì độ chúng sinh nên xa li nói hai lưỡi. Rồi đem thiện căn này nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh. Nguyện cho chúng sinh sở hữu của các cõi Phật thường chung hòa hợp giảng nói chánh pháp. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên khi thành Phật thì tất cả chúng sinh sở hữu của đất nước mình đều chung hòa hợp giảng luận pháp yếu. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì độ chúng sinh nên xa li ác khẩu. Rồi đem thiện căn này nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh. Nguyện cho đất của các cõi Phật bằng phẳng như bàn tay, không cát đá, gai góc ác nhọn... Chúng sinh sở hữu của những cõi ấy, lòng bình đẳng. Do lực nhân duyên của thế nguyện này nên vào đời vị lai, khi thành Phật thì đất đai của đất nước sở đắc bằng phẳng như bàn tay, không có cát đá, gai góc nhọn ác và chúng sinh sở hữu thì lòng họ bình đẳng. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì độ chúng sinh nên xa li nói vô nghĩa. Rồi đem thiện căn này nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh. Nguyện cho chúng sinh sở hữu của các cõi Phật không có khổ não. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên vào đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh sở hữu của đất nước không có khổ não. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì độ chúng sinh nên xa li tham tật (tham lam ganh ghét). Đem thiện căn này nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh. Nguyện cho tất cả chúng sinh của các cõi Phật không có tham

tật, não hại, tà kiến. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên vào đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh sở hữu của đất nước đều không tham tật, não hại, tà kiến. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì độ chúng sinh nên xa lìa não hại. Rồi đem thiện căn này nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh. Nguyện cho sở hữu của các cõi Phật đều chung tu tập đại từ đại bi; được địa vị nhất tử. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên vào đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh sở hữu của thế giới đều chung tu tập đại từ đại bi, được địa vị nhất tử. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu vì Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì độ chúng sinh nên xa lìa tà kiến. Rồi đem thiện căn này nguyện cùng chung với tất cả chúng sinh. Nguyện cho chúng sinh sở hữu của các cõi Phật đều được Ma Ha Bát Nhã Balamật. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên vào đời vị lai, khi thành Phật thì chúng sinh của thế giới đều được thọ trì Ma Ha Bát Nhã Balamật. Đó gọi là Bồ tát tu tịnh Phật thổ.

Sao gọi là Đại Bồ tát diệt trừ hữu dư ? Hữu dư có ba, một là phiền não dư báo, hai là dư nghiệp, ba là dư hữu. Này thiện nam tử ! Sao gọi là phiền não dư báo ? Nếu có chúng sinh quen gần tham dục mà quả báo này thành thực thì đọa vào địa ngục. Từ địa ngục ra thì thọ thân súc sinh như là bò trâu, chim sẻ, uyên ương, anh vũ, kỳ bà kỳ bà, chim Xá lợi đà, thanh tước, cá, rùa, khỉ, nai... Nếu được thân người thì thọ hình dáng huỳnh môn, nữ nhân, người hai căn hay không căn, dân nữ. Nếu được xuất gia thì phạm giới nặng đầu tiên. Đó gọi là dư báo. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh đem lòng ân trọng quen gần sân nhuế. Quả báo này thành thực nên rơi vào địa ngục. Từ địa ngục ra thọ thân súc sinh như là rắn độc đủ bốn thứ độc : thấy độc, chạm độc, cắn độc, liếm hơi độc, hoặc là sư tử, cọp, sói, gấu, mèo, chồn, chim ưng, điều hâu.v.v... Nếu được thân người thì đầy đủ mười sáu những luật nghi ác. Nếu được xuất gia thì phạm trọng giới thứ hai. Đó gọi là dư báo. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu có người tu tập ngu si thì khi quả báo này thành thực, rơi vào địa ngục. Từ địa ngục ra, thọ thân súc sinh như là voi, heo, trâu, dê, trâu nước, rận, bọ chét, nhặng, kiến.v.v.. Nếu được thân người thì điếc, mù, câm, ngọng, tàn phế, lưng gù... các căn chẳng đủ, chẳng thể thọ pháp. Nếu được xuất gia thì các căn ám độn, ưa phạm trọng giới... cho đến tội thấp hèn. Đó gọi là dư báo. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu có người tu tập kiêu mạn thì khi quả báo thành thực, rơi vào địa ngục. Từ địa ngục ra, thọ thân súc sinh như là trùng phân, lạc đà, lừa, chó, ngựa. Nếu sinh ra trong loài người thì thọ thân nô tỳ, nghèo cùng, ăn xin. Hoặc được xuất gia thì thường bị sự khinh miệt của chúng sinh và phá giới thứ tư. Đó gọi là dư báo. Những điều như vậy.v.v... gọi là phiền não dư báo.

Những dư báo như vậy, Đại Bồ tát nhờ tu tập Kinh Đại Niết Bàn nên đều được trừ diệt. Sao gọi là dư nghiệp ? Đó là gọi nghiệp của tất cả phàm phu, nghiệp của tất cả Thanh Văn, người Tu đà hoàn thọ bảy hữu nghiệp, người Tư đà hàm thọ hai hữu nghiệp, người A na hàm thọ sắc hữu nghiệp. Đó gọi là dư nghiệp. Những dư nghiệp như vậy, Đại Bồ tát nhờ khả năng tu tập Kinh Đại Niết Bàn nên đều được đoạn trừ. Sao gọi là dư hữu ? A la hán được quả A la hán, Bích Chi Phật được quả Bích Chi Phật, không nghiệp không kết mà chuyển thành hai quả. Đó gọi là dư hữu. Ba thứ pháp hữu dư này, Đại Bồ tát tu tập kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn nên được diệt trừ. Đó gọi là Đại Bồ tát diệt trừ hữu dư.

Sao gọi là Bồ tát tu thanh tịnh thân ? Đại Bồ tát tu giới bất sát có năm thứ tâm là hạ, trung, thượng, thượng trung và thượng thượng... cho đến tu Chánh kiến cũng lại như vậy. Năm mươi thứ tâm này gọi là tâm sơ phát (tâm phát đầu tiên). Đây đủ quyết định thành năm mươi tâm thì gọi là mãn túc (đủ đầy). Một trăm như vậy gọi là một trăm phước đức. Đây đủ một trăm phước đức thì thành được một tướng. Cứ như vậy đắp đổi thành tựu đầy đủ ba mươi hai tướng thì gọi thân thanh tịnh. Sở dĩ vì sao lại tu tám mươi vẻ đẹp ? Đời có chúng sinh thờ tám mươi vị thần. Những gì là tám mươi ? Đó là mười hai mặt trời, mười hai đại thiên, năm vì tinh tú lớn là sao Bắc Đẩu, sao Mã thiên, sao Hành Đạo thiên, sao Bà La Đọa Bạt Xà thiên, sao Công Đức thiên, hai mươi tám vì sao, Địa thiên, Phong thiên, Thủy thiên, Hỏa thiên, Phạm thiên, Lâu Đà thiên, Nhân Đề thiên, Câu Ma La thiên, Bát Tý thiên, Ma Ê Thủ La thiên, Bán Xà La thiên, Quỷ Tử Mẫu thiên, Tứ Thiên Vương thiên, Tọa Trú thiên, Bà Tẩu thiên, (18 trời). Đó gọi là tám mươi. Bồ tát vì chúng sinh này tu tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm. Đó gọi là thân Bồ tát thanh tịnh. Vì sao vậy ? Vì tám mươi trời đó được sự tín phục của tất cả chúng sinh. Vậy nên Bồ tát tu tám mươi vẻ đẹp mà thân ấy chẳng động khiến cho chúng sinh theo sự tin ấy, mỗi mỗi đều được thấy. Thấy rồi họ đều tôn kính và phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này nên Đại Bồ tát tu thân thanh tịnh. Nay thiện nam tử ! Ví như có người muốn thỉnh vị vua lớn thì cần phải trang nghiêm nhà cửa sở hữu cho cực kỳ thanh tịnh, bày biện đủ thứ trăm món ăn ngon lành, rồi nhiên hậu mới thỉnh vua đến. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, muốn thỉnh vua Pháp Luân Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì trước phải sửa thân cho cực kỳ thanh tịnh, rồi vua pháp Vô thượng mới sẽ đến ở đó. Do nghĩa này nên Đại Bồ tát cần phải tu thân thanh tịnh. Nay thiện nam tử ! Ví như có người muốn uống cam lộ thì trước phải tịnh thân. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, muốn uống pháp vị cam lộ Vô thượng Bát Nhã Balamật thì cần phải trước dùng tám mươi vẻ đẹp mà thanh tịnh thân ấy. Nay thiện nam tử ! Ví như bảo khí bằng vàng bạc

tốt đẹp đựng nước sạch thì trong ngoài đều sạch. Thân thanh tịnh ấy của Đại Bồ tát cũng lại như vậy, đựng nước Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì trong ngoài đều thanh tịnh. Nay thiện nam tử ! Như áo lụa trắng Ba la nại dễ chịu nhuộm màu. Vì sao vậy ? Vì tính bạch tịnh vậy. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, do thân thanh tịnh nên mau chóng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này nên Đại Bồ tát tu thân thanh tịnh. Sao gọi là Đại Bồ tát rõ biết các duyên ? Đại Bồ tát chẳng thấy sắc tướng, chẳng thấy sắc duyên, chẳng thấy sắc thể, chẳng thấy sắc sinh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy một tướng, chẳng thấy dị tướng (tướng khác), chẳng thấy người thấy, chẳng thấy tướng mạo, chẳng thấy người thọ. Vì sao vậy ? Vì rõ nhân duyên vậy. Như sắc, tất cả pháp cũng như vậy. Đó gọi là Bồ tát rõ biết các duyên.

Sao gọi là Bồ tát loại các oán địch ? Tất cả phiền não là oán của Bồ tát nên đại Bồ tát thường xa lìa. Đó gọi là Bồ tát hoại các oán địch. Bồ tát ngũ trụ nhìn thấy các phiền não chẳng gọi là oán địch. Sở dĩ vì sao ? Vì nhân phiền não nên Bồ tát có sinh, do có sinh nên có thể đáp đối giáo hóa chúng sinh. Do nghĩa này nên chẳng gọi là oán. Những gì là oán ? Đó là người bài báng Kinh Phương Đẳng Bồ tát tùy theo chỗ sinh ra, chẳng sợ địa ngục, súc sinh, ngã quỷ mà chỉ sợ người bài báng Phương Đẳng như vậy. Tất cả Bồ tát có tám thứ ma gọi là oán gia, xa lìa tám ma này gọi là lìa khỏi oán gia. Đó gọi là Bồ tát lìa các oán địch.

Sao gọi là Bồ tát xa lìa nhị biên ? Nói nhị biên là gọi hai mươi lăm cõi hữu và ái phiền não. Bồ tát thường lìa khỏi hai mươi lăm cõi hữu và ái phiền não thì đó gọi là Bồ tát lìa nhị biên. Đó gọi là Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ công đức theo thứ tự.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Quan Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch rằng :

- Như lời đức Phật nói, nếu có Bồ tát tu tập Kinh Đại Niết Bàn thì đều tạo tác mười việc công đức. Như vậy thì sao đức Như Lai chỉ tu chín việc mà chẳng tu tịnh thổ (Cõi thanh tịnh) ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Ta, vào thuở xưa, cũng thường tu đủ mười việc như vậy. Tất cả Bồ tát và các đức Như Lai không ai chẳng tu đủ mười việc như vậy. Nếu giả sử thế giới bất tịnh mà tràn đầy các đức Phật Thế Tôn xuất hiện trong đó thì không có việc này. Nay thiện nam tử ! Ông nay cho rằng,

các đức Phật xuất hiện ở thế giới bất tịnh. Ông phải biết tấm lòng này chẳng tốt, hẹp hòi, hèn yếu. Ông nay phải biết, Ta thật chẳng xuất hiện ở cõi Diêm Phù Đề. Ví như có người nói rằng, cõi này độc nhất có mặt trời, mặt trăng, thế giới phương khác không có mặt trời, mặt trăng. Lời nói như vậy không có nghĩa lý. Nếu có Bồ tát phát ngôn như vậy : “Thế giới Phật này uest ác bất tịnh, cõi Phật phương khác thanh tịnh trang nghiêm thì cũng lại như vậy”. Nay thiện nam tử ! Phương Tây, cách thế giới Ta bà này độ ba mươi hai lần cát sông Hằng những cõi Phật, tại đó có thế giới tên là Vô Thắng. Cõi đó vì sao tên là Vô Thắng ? Vì việc trang nghiêm sở hữu của cõi ấy đều bình đẳng, không có sai biệt giống như thế giới An Lạc ở phương Tây, cũng như thế giới Mãn Nguyệt ở phương Đông. Ta ở cõi Vô Thắng đó xuất hiện ở đời. Vì hóa độ chúng sinh nên ta ở trong cõi Diêm Phù Đề này thị hiện chuyển bánh xe pháp. Chẳng phải chỉ độc một mình thân ta, ở trong cõi này, thị hiện chuyển pháp luân. Tất cả các đức Phật cũng ở trong cõi này mà chuyển bánh xe pháp. Do nghĩa này nên các đức Phật Thế Tôn chẳng phải chẳng tu hành mười việc như vậy. Nay thiện nam tử ! Bồ tát Từ Thị do thế nguyện nên đời đương lai sẽ khiến cho thế giới này thanh tịnh trang nghiêm. Do nghĩa này nên tất cả thế giới sở hữu của chư Phật không đâu chẳng nghiêm tịnh.

Lại nữa, nay Thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát tu Kinh điển Đại Niết Bàn vì diệp thành tựu đầy đủ công đức thứ năm? Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu Kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy công đức thứ năm thì có năm việc. Những gì là năm ? Một là các căn đầy đủ, hai là chẳng sinh ra ở vùng biên địa, ba là chư Thiên ái niệm, bốn là thường được sự cung kính của trời, ma, samôn, sát lợi, Bàlamôn.v.v..., năm là được trí tức mạng. Bồ tát do lực của nhân duyên Đại Niết Bàn này nên đầy đủ năm việc công đức như vậy.

Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch rằng :

- Như lời đức Phật nói, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân tu bố thí thì được thành tựu đầy đủ năm việc công đức, thì sao hôm nay Ngài nói rằng : Nhân Đại Niết Bàn được năm việc này ?

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Nay thiện nam tử ! Việc như vậy, ý nghĩa của nó đều khác. Hôm nay ta sẽ vì ông phân biệt, giải nói. Bồ thí được năm việc là chẳng định, chẳng thường, chẳng tịnh, chẳng thắng và chẳng khác. Đó chẳng phải là vô lậu, chẳng thế lợi ích, an lạc, thương xót tất cả chúng sinh. Nếu nương vào Kinh Đại Niết Bàn như vậy thì năm việc sở đắc là định, là

thường , là tịnh, là thắng là khác. Đó là vô lậu có thể lợi ích, an lạc, thương xót tất cả chúng sinh. Nay thiện nam tử ! Luận về bố thí thì được lia khỏi đói khát. Kinh Đại Niết Bàn có thể khiến cho chúng sinh đều được lia khỏi bệnh khát ái (khao khát ái dục) của hai mươi lăm cõi hữu. Nhân duyên bố thí khiến cho sinh tử nối tiếp nhau. Kinh Đại Niết Bàn có khiến cho sinh tử đoạn trừ, chẳng nối tiếp nhau. Nhân sinh tử nên chịu pháp phạm phu, nhân đại Niết Bàn được làm Bồ tát. Nhân duyên bố thí có thể đoạn trừ tất cả căn cùng khổ não, Kinh Đại Niết Bàn có thể đoạn trừ tất cả sự nghèo thiện pháp. Nhân duyên bố thí có phân biệt, có quả báo, nhân duyên Đại Niết Bàn được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không phân biệt, không quả báo. Đều gọi là Đại Bồ tát tu Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ năm.

Nay thiện nam tử ! Sao gọi là Bồ tát tu Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu ? Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn được Kim Cương tam muội. Bồ tát an trụ trong tam muội này đều có thể phá tan tất cả các pháp, thấy tất cả pháp đều là Vô thường, đều là động tướng, nhân duyên của khủng bố, bệnh khô, trộm cướp, từng niệm từng niệm diệt hoại không có chân thật, tất cả đều là cảnh giới của ma, không thể thấy tướng. Đại Bồ tát trụ ở tam muội này, tuy bố thí cho chúng sinh nhưng thậm chí chẳng thấy một chúng sinh thật. Vì chúng sinh nên tinh cần tu tập Thi Balamật (trì giới độ vô cực)... cho đến tu tập Bát nhã Balamật cũng lại như vậy, nếu Bồ tát thấy có một chúng sinh chẳng thể rốt ráo thành tựu đầy đủ Đản Balamật cho đến Bát nhã Balamật. Nay thiện nam tử ! Ví như chỗ mô phỏng theo Kim cương. Không gì chẳng tan nát mà chính Kim cương không có gãy tổn. Kim cương tam muội cũng lại như vậy, pháp không theo không gì chẳng tan nát mà chính tam muội không có gãy tổn. Nay thiện nam tử ! Như trong các báu Kim cương là tối thắng. Kim cương tam muội sở đắc của Bồ tát cũng lại như vậy, đối với các tam muội là tối đệ nhất. Vì sao vậy ? Vì đại Bồ tát tu tam muội này thì tất cả tam muội đều đến qui thuộc. Nay thiện nam tử ! Như các tiểu vương đều đến qui thuộc Chuyển luân Thánh vương. Tất cả tam muội cũng lại như vậy đều đến qui thuộc Kim cương tam muội. Nay thiện nam tử ! Ví như có người là oán thù của nước, là sự chán ghét tai họa của người. Nếu có người giết hấn thì tất cả người đời không ai chẳng xung tán công đức người này. Kim cương tam muội cũng lại như vậy, Bồ tát tu tập có thể hoại oán địch của tất cả chúng sinh. Vậy nên thường được tôn kính của tất cả tam muội. Nay thiện nam tử ! Ví như có người mà sức rất mạnh mẽ không ai đương cự được. Nhưng lại có người mà sức có thể hàng phục được người đó thì phải biết người này được đời khen ngợi. Kim cương tam muội cũng lại như vậy, sức có thể tiêu diệt, hàng phục pháp khó hàng

phục. Do nghĩa này nên tất cả tam muội đều đến qui thuộc. Nay thiện nam tử ! Ví như có người tắm ở tại biển lớn thì phải biết người này đã sử dụng nước của những dòng sông, dòng suối và ao. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, tu tập Kim cương tam muội như vậy thì phải biết là đã tu tập tất cả các tam muội còn lại. Nay thiện nam tử ! Như trong núi Hương Sơn có một dòng nước suối tên là A nậu đạt. Suối ấy đầy đủ nước tám vị. Có người uống nước suối ấy thì không có các bệnh khổ. Kim cương tam muội cũng lại như vậy, đủ tám chánh đạo mà Bồ tát tu tập thì đoạn trừ những trọng bệnh ghê lở phiền não. Nay thiện nam tử ! Như người cúng dường trời Ma ê thủ la thì phải biết người này đã là cúng dường tất cả chư thiên. Kim cương tam muội cũng lại như vậy, nếu có người tu tập thì phải biết người này đã tu tập tất cả các tam muội còn lại. Nay thiện nam tử ! Nếu có Bồ tát an trụ ở Kim cương tam muội như vậy thì thấy tất cả pháp không có chướng ngại như xem quả Amalac ở trong lòng bàn tay. Bồ tát tuy lại được thấy như vậy nhưng nhất định chẳng tác khởi tư tưởng thấy tất cả pháp. Nay thiện nam tử ! Ví như có người ngồi ngã tư đường thấy các chúng sinh đi, lại, ngồi, nằm. Kim cương tam muội cũng lại như vậy, thấy tất cả pháp sinh, diệt, hiện ra, mất đi. Nay thiện nam tử ! Ví như núi cao, có người leo lên đó, trông xa các phương đều tỏ rõ. Núi định Kim cương cũng lại như vậy, Bồ tát leo lên đó xa trông các pháp, không pháp nào chẳng sáng tỏ. Nay thiện nam tử ! Ví như tháng mùa Xuân trời tuông mưa ngọt. Những giọt mưa ấy đan xen không chỗ trống, người mắt sáng thấy chúng rõ ràng. Bồ tát cũng vậy, được mắt thanh tịnh Kim cương định, thấy từ xa những thế giới sở hữu của phương Đông. Trong số ấy, hoặc có đất nước thành hay hoại... tất cả đều thấy rõ ràng không ngăn ngại... cho đến mười phương cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Như núi Do Càn Đà, khi bảy mặt trời đồng thời xuất hiện thì cây cối, rừng rậm sở hữu của núi ấy, tất cả đều cháy hết. Bồ tát tu tập Kim cương tam muội cũng lại như vậy, tất cả rừng rậm phiền não sở hữu tức thời tiêu diệt. Nay thiện nam tử ! Ví như Kim cương tuy có thể diệt phá tất cả vật nhưng nhất định chẳng sinh ra ý niệm : “Ta có thể diệt phá”. Kim cương tam muội cũng lại như vậy, Bồ tát tu rồi có thể phá phiền não nhưng nhất định chẳng sinh ý niệm : “Ta có thể hoại tan kết sử”. Nay thiện nam tử ! Ví như đại địa có thể trì giữ vạn vật, nhưng nhất định chẳng sinh ý niệm : “Sức ta có thể trì giữ”. Lửa cũng chẳng nghĩ : “Ta có thể đốt cháy vật”. Nước cũng chẳng nghĩ : “Ta có thể thấm nhuần”. Gió cũng chẳng nghĩ : “Ta có thể lay động vật”. Không cũng chẳng nghĩ : “Ta có thể dung thọ hết”. Niết bàn cũng lại chẳng sinh ra ý nghĩ rằng : “Ta khiến cho chúng sinh được diệt độ”. Kim Cương tam muội cũng lại như vậy, tuy có thể diệt trừ tất cả phiền não mà đầu tiên không có lòng nói rằng : “Ta có thể diệt”. Nếu có Bồ tát an trụ ở Kim Cương tam muội như vậy thì ở trong một niệm, biến thân Phật mà số ấy không lường,

đầy khắp hằng hà sa số thế giới chư Phật trong mười phương. Bồ tát này tuy làm sự biến hóa này nhưng tâm Bồ tát ấy đầu tiên không có tư tưởng kiêu mạn. Vì sao vậy ? Vì Bồ tát thường nghĩ: “Ai có định này thì có thể làm sự biến hóa đó ? Chỉ có Bồ tát an trụ ở Kim Cương tam muội như vậy mới có thể làm vậy”. Đại Bồ tát an trụ ở Kim Cương tam muội như vậy thì ở trong một niệm, đi đến khắp mười phương hằng hà sa số thế giới của chư Phật, rồi trở lại chỗ cũ của mình. Bồ tát tuy có lực này nhưng cũng chẳng nghĩ rằng : “Ta có thể như vậy”. Vì sao vậy ? Vì do lực của nhân duyên tam muội vậy. Đại Bồ tát an trụ ở Kim Cương tam muội như vậy thì ở trong một niệm, có thể đoạn trừ phiền não sở hữu của chúng sinh trong mười phương hằng hà sa số thế giới mà tâm đầu tiên không có tư tưởng đoạn trừ phiền não của các chúng sinh. Vì sao vậy ? Vì do lực của nhân duyên tam muội này vậy. Bồ tát trụ ở Kim Cương tam muội này thì dùng một âm thanh sở hữu diễn nói mà tất cả chúng sinh tùy theo chủng loại đều được giải rõ, thị hiện một sắc mà tất cả chúng sinh mỗi mỗi đều thấy đủ thứ sắc tướng, an trụ một chỗ thân chẳng di dịch mà có thể khiến cho chúng sinh tùy theo phương diện của mình, mỗi mỗi đều thấy, diễn nói một pháp hoặc là giới hay nhập thì tất cả chúng sinh đều tùy theo sự lý giải của mình mà được nghe hết. Bồ tát an trụ ở tam muội như vậy, tuy thấy chúng sinh mà tâm ban đầu không có tướng chúng sinh, tuy thấy nam nữ mà không tướng nam nữ, tuy thấy sắc pháp mà không có tướng sắc... cho đến thấy thức cũng không tướng thức, tuy thấy ngày đêm mà không tướng ngày đêm, tuy thấy tất cả mà không có tướng tất cả, tuy thấy các kết của tất cả phiền não mà cũng không có tướng của tất cả phiền não, tuy thấy tám Thánh đạo mà không tướng Thánh đạo, tuy thấy Bồ Đề mà không tướng Bồ Đề, tuy thấy Niết bàn mà không tướng Niết Bàn. Vì sao vậy ? Đây thiện nam tử ! Vì tất cả các pháp vốn không có tướng vậy. Bồ tát do lực của tam muội này nên thấy tất cả pháp như vốn không tướng. Vì sao gọi là Kim Cương tam muội ? Đây thiện nam tử ! Ví như Kim Cương ở tại trong ngày thì màu sắc chẳng định. Kim Cương tam muội cũng lại như vậy, ở tại đại chúng thì sắc cũng chẳng định. Vậy nên gọi là Kim Cương tam muội. Đây thiện nam tử ! Ví như Kim Cương thì tất cả người đời chẳng thể đánh giá (bình giá). Kim Cương tam muội cũng lại như vậy, công đức sở hữu của tam muội này thì tất cả người, trời chẳng thể đánh giá, đo lường. Vậy nên lại gọi là Kim Cương tam muội. Đây thiện nam tử ! Ví như người nghèo được báu Kim Cương thì được xa lìa bần cùng khốn khổ, ác quỷ tà độc. Đại Bồ tát cũng lại như vậy, được tam muội này thì có thể xa lìa phiền não, các khổ, các ma tà độc. Vậy nên lại gọi là Kim Cương tam muội. Đó gọi là Bồ tát tu Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ hai mươi hai hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 23

PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI : BỒ TÁT QUANG MINH

BIÊN CHIẾU CAO QUÍ ĐỨC VƯƠNG

Phần thứ V. - Lại nữa, này thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ bảy ? Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu tác khởi suy nghĩ này : “Pháp nào có thể vì Đại Bát Niết Bàn mà tạo tác nhân gần ?” thì liền biết có bốn thứ pháp vì Đại Niết Bàn mà làm nhân gần. Nếu nói rằng, siêng tu tất cả khổ hạnh là nhân duyên gần Đại Niết Bàn thì nghĩa này chẳng đúng. Sở dĩ vì sao ? Vì nếu lìa khỏi bốn pháp mà được Niết Bàn thì không có điều này. Những gì là bốn pháp ? Một là thân cận bạn lành, hai là chuyên tâm nghe pháp, ba là buộc ý niệm tư duy, bốn là như pháp tu hành. Này thiện nam tử ! Ví như có người, thân mắc mọi thứ bệnh hoặc nóng, hoặc lạnh, ho lao, sốt rét và mọi thứ tà quỷ độc hại... đi đến chỗ thầy thuốc giỏi. Thầy thuốc giỏi liền vì người ấy, theo bệnh nói toa thuốc. Người này chí tâm khéo thọ lời dạy của thầy thuốc, rồi theo lời dạy hòa hợp thuốc, theo đúng như pháp uống thuốc, uống xong bệnh khỏi, thân được an vui. Người có bệnh là ví các Bồ tát. Vị đại lương y là ví cho thiện tri thức. Lời nói của lương y là ví kinh Phương Đẳng. Khéo thọ lời dạy của thầy thuốc là ví cho sự khéo suy nghĩ nghĩa của kinh Phương Đẳng. Theo lời dạy hòa hợp thuốc là ví cho việc theo đúng như pháp tu hành ba mươi bảy pháp trợ đạo. Bình trừ khỏi là ví cho việc diệt phiền não. Được an vui là ví cho việc được Niết Bàn Thường Lạc Ngã Tịnh. Này thiện nam tử ! Ví như có vị vua muốn theo đúng như pháp cai trị khiến cho dân an vui. Ngài hỏi các bề tôi trí tuệ, pháp ấy là gì ? Các bề tôi liền đem pháp xưa của tiên vương mà vì vua nói ra. Vua đã nghe rồi, chí tâm tin làm, đúng như pháp trị nước, không có các oán địch. Vậy nên

khiến cho dân an vui, không hoạn nạn. Đây thiện nam tử ! Vua là ví các vị Bồ tát. Các bề tôi trí tuệ là ví thiện tri thức. Lời nói pháp trị của bề tôi trí tuệ vì vua là ví mười hai bộ kinh. Vua đã nghe rồi chí tâm tin làm là ví các vị Bồ tát ràng buộc lòng suy nghĩ thậm thâm sở hữu của mười hai bộ kinh. Theo đúng như pháp trị nước là ví các Bồ tát theo đúng như pháp tu hành như là sáu Balamật. Do có thể tu tập sáu Balamật nên không các oán địch là vì các Bồ tát đã lìa khỏi những ác tặc phiền não kết. Được an vui là ví các Bồ tát được Đại Niết Bàn Thường Lạc Ngã Tịnh. Đây thiện nam tử ! Ví như có người mắc bệnh hủi. Có người thiện tri thức nói với ông rằng : “Người nếu có thể đến bên núi Tu Di thì bệnh có thể được khỏi. Sở dĩ vì sao ? Vì ở đó có thuốc hay, vị như cam lộ. Nếu có thể được uống thì bệnh không gì chẳng khỏi”. Người bệnh ấy chí tâm tin việc này, rồi liền đi đến núi đó, tìm uống cam lộ thì bệnh ấy trừ khỏi, thân được an vui. Người bệnh hủi ví cho các phàm phu. Thiện tri thức ví cho các Đại Bồ tát.v.v... Chí tâm tin thọ ví cho bốn vô lượng tâm. Núi Tu Di ví cho tám Thánh đạo. Vị cam lộ ví cho Phật tính. Bệnh hủi trừ khỏi ví cho diệt phiền não. Được yên vui ví cho được Niết Bàn Thường Lạc Ngã Tịnh. Đây thiện nam tử ! Ví như có người nuôi các đệ tử thông minh đại trí. Người này ngày đêm thường dạy bảo họ chẳng mệt mỏi. Các Bồ tát .v.v.. cũng lại như vậy, tất cả chúng sinh có tin hay chẳng tin đều thường giáo hóa không có mệt chán. Đây thiện nam tử ! Thiện tri thức là gọi Phật, Bồ tát, Bích Chi Phật, Thanh Văn, kẻ tin Phương Đẳng trong loài người. Vì sao gọi là thiện tri thức vậy ? Thiện tri thức thì có thể dạy bảo chúng sinh xa lìa mười ác, tu hành mười thiện. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, thiện tri thức là theo đúng như pháp mà nói, theo đúng như nói mà làm. Sao gọi là theo đúng như pháp mà nói, theo đúng như lời nói mà làm ? Tự chẳng sát sinh, dạy người chẳng sát sinh... cho đến tự làm theo chánh kiến, dạy người chánh kiến. Người nếu có thể như vậy thì được gọi là chân thiện tri thức. Tự tu Bồ Đề, cũng dạy người tu hành Bồ Đề, do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Tự có thể tu hành Tín, Giới, Bố thí, Đa văn, Trí tuệ... cũng có thể dạy người Tín, Giới, Bố thí, Đa văn, Trí tuệ... lại do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Người thiện tri thức thì có thiện pháp vậy. Những gì là thiện pháp ? Việc mình làm chẳng cầu vui cho mình, thường vì chúng sinh mà cầu an vui. Thấy người khác có lỗi chẳng nói ra sở đoản của họ. Miệng thường tuyên nói toàn là việc thiện. Do những nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Đây thiện nam tử ! Như vàng trắng trong không từ ngày mùng một đầu tiên đến ngày mười lăm tăng trưởng dần dần. Thiện tri thức cũng lại như vậy, khiến cho những người học xa dần ác pháp, tăng trưởng thiện pháp. Đây thiện nam tử ! Nếu có người thân cận thiện tri thức mà vốn chưa có giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến thì liền có những thứ đó, chưa đầy đủ thì được rộng thêm. Vì sao vậy ? Vì do thân cận thiện tri thức

ấy. Nhân sự thân cận này được liễu đạt nghĩa thậm thâm của mười hai bộ kinh. Nếu người có thể nghe nghĩa thậm thâm của mười hai bộ kinh này thì gọi là Thính pháp (nghe pháp).

Nghe pháp thì tức là nghe kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng này. Nghe kinh Phương Đẳng thì gọi là chân thính pháp. Chân thính pháp thì tức là thính thọ kinh Đại Niết Bàn. Trong kinh Đại Niết Bàn nghe có Phật tính, Như Lai rốt ráo chẳng Bất Niết Bàn. Vậy nên gọi là chuyên tâm thính pháp mà chuyên tâm thính pháp gọi tám Thánh đạo. Do tám Thánh đạo có thể đoạn trừ tham dục, sân nhuế, ngu si nên gọi là Thính pháp. Luận về thính pháp thì gọi là mười một không. Do những không này đối với tất cả pháp chẳng tạo tác tướng mạo. Luận về thính pháp thì gọi sự bắt đầu phát tâm đến rốt ráo tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nhân tâm ban đầu mà được Đại Niết Bàn, chẳng do nghe được Đại Niết Bàn mà do tu tập nên được Đại Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Ví như người bệnh tuy nghe lời dạy bảo của thầy thuốc và tên các vị thuốc thì chẳng thể khỏi bệnh mà cần phải uống thuốc mới được trừ khỏi bệnh. Tuy nghe pháp mười hai nhân duyên thậm thâm thì chẳng thể đoạn diệt tất cả phiền não mà cần phải ràng buộc ý niệm khéo suy nghĩ mới có thể được đoạn trừ. Đó gọi là ràng buộc tư duy thứ ba.

Lại nữa, do nghĩa gì gọi là ràng buộc ý niệm tư duy ? Đó gọi là ba tam muội : Không tam muội, Vô tướng tam muội, Vô tác tam muội. Không là đối với hai mươi lăm cõi hữu chẳng thấy một cái gì thật cả. Vô tác là đối với hai mươi lăm cõi hữu chẳng tác khởi nguyên cầu. Vô tướng là không có mười tướng, là sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sinh tướng, trụ tướng, diệt tướng, nam tướng, nữ tướng. Tu tập ba tam muội như vậy thì đó gọi là Bồ tát ràng buộc ý niệm tư duy.

Sao gọi là đúng như pháp tu hành ? Như pháp tu hành tức là tu Đàn Balamật... cho đến bát nhã Balamật, biết tướng chân thật của âm, giới, nhập cũng biết Thanh Văn, Duyên Giác và chư Phật đồng ở một đạo, mà pháp Niết Bàn tức là Thường Lạc Ngã Tĩnh, chẳng sinh, chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết, chẳng đói, chẳng khát, chẳng khổ, chẳng não, chẳng thoái, chẳng mất. Nay thiện nam tử ! Giải được nghĩa thậm thâm của Đại Niết Bàn thì biết các đức Phật nhất định chẳng rốt ráo vào Niết Bàn.

Nay thiện nam tử ! Thiện tri thức chân thật đệ nhất là gọi Bồ tát chư Phật Thế Tôn. Vì sao vậy ? Vì các ngài thường dùng ba thứ thiện để điều ngự. Những gì là ba ? Một là lời nói êm dịu rốt ráo, hai là lời quở trách rốt ráo, ba là lời êm dịu quở trách. Do nghĩa này nên Bồ tát, chư Phật tức là

thiện tri thức rất ráo vậy. Lại nữa, này thiện nam tử ! Phậ và Bồ tát là bậc Đại y (thầy thuốc) nên gọi là Thiện tri thức. Vì sao vậy ? Vì các vị biết bệnh, biết thuốc và ứng với bệnh mà cho thuốc. Ví như vị lương y giỏi tám thứ thuật; trước tiên xem tướng của bệnh. Tướng bệnh có ba thứ. Những gì là ba ? Đó là phong, nhiệt, thủy. Người bệnh về phong (gió) thì trao cho tô du (dầu váng sữa). Người bệnh về nhiệt thì trao cho thạch mật (đường tắng). Người bệnh về nước thì trao cho nước nấu gừng. Do biết căn bệnh cho thuốc được khỏi nên gọi là lương y. Phậ và Bồ tát cũng lại như vậy, biết bệnh của các phạm phu có ba thứ, một là tham dục, hai là sân nhuế, ba là ngu si. Người bệnh tham dục thì dạy quán tướng xương khô. Người bệnh sân nhuế thì dạy quán tướng từ bi. Người bệnh ngu si thì dạy quán tướng mười hai nhân duyên. Do nghĩa này nên các đức Phậ Bồ tát gọi là thiện tri thức. Này thiện nam tử ! Ví như vị thuyền sư giỏi đưa người nên gọi là Đại thuyền sư. Các đức Phậ, Bồ tát cũng lại như vậy, đưa các chúng sinh qua biển lớn sinh tử. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nhân Phậ, Bồ tát khiến cho các chúng sinh tu được đầy đủ căn bản thiện pháp nên này thiện nam tử ! Ví như núi Tuyết mới là chỗ của đủ thứ cội rễ thượng dược vi diệu. Phậ và Bồ tát cũng lại như vậy, đều là chỗ căn bản của tất cả thiện căn. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Này thiện nam tử ! Trong núi Tuyết có thứ thượng hương dược tên là Tatta mà có người nhìn thấy nó thì được sống lâu không lờng, không có bệnh khổ, tuy có bốn thứ độc nhưng chẳng thể gây tổn thương. Nếu có người chạm đến nó thì tăng trưởng thọ mạng đầy một trăm hai mươi năm. Nếu có người nghĩ đến nó thì được trí tức mạng (trí biết đời trước). Vì sao vậy ? Vì thế lực của thuốc vậy. Các đức Phậ Bồ tát cũng lại như vậy, nếu có người thấy liền đoạn trừ tất cả phiền não, tuy có bốn ma nhưng chẳng thể can loạn. Nếu có người chạm được thì mạng chẳng thể chết yếu, chẳng sinh, chẳng chết, chẳng thoái, chẳng mất. Như là người chạm xúc, nếu ở bên đức Phậ thánh thọ diệu pháp. Nếu có người nghĩ đến thì được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này nên các đức Phậ, Bồ tát gọi là thiện tri thức. Này thiện nam tử ! Như trong núi Hương có cái ao A nậu đạt. Do cái ao này nên có bốn dòng sông lớn, gọi là Hằng Hà, Tân Đà, Tư Đà, Bác Xoa. Chúng sinh ở thế gian thường nói rằng : “Nếu người có tội tắm ở bốn dòng sông này thì mọi tội được trừ diệt”. Ông phải biết là lời nói này hư dối chẳng thật. Trừ việc đã qua này, thì những gì là thật ? Các đức Phậ, Bồ tát mới chính là thật. Sở dĩ vì sao ? Vì nếu người thân cận các vị ấy thì được diệt trừ tất cả mọi tội. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, này thiện nam tử ! Ví như những thứ thuộc sở hữu của đại địa như cây thuốc, tất cả rừng rậm, trăm thứ lúa, mía đường, hoa quả.... gặp thời tiết nóng hạn lớn, sắp muốn khô chết. Vua rồng Nan Đà và Bà Nan Đà thương xót chúng sinh, từ biển cả xuất hiện, tuông xuống mưa

cam lộ thì tất cả rừng rậm, trăm thứ lúa, cỏ cây thắm nhuần mà sống trở lại. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, sở hữu thiện căn của họ sắp muốn tiêu diệt. Các đức Phật Bồ tát phát sinh đại từ bi, từ biển trí tuệ, tuông mưa cam lộ, khiến cho các chúng sinh trở lại được đầy đủ mười pháp thiện. Do nghĩa này nên các đức Phật, Bồ tát gọi là thiện tri thức. Nay thiện nam tử ! Ví như vị lương y giỏi tám thứ thuật, thấy các người bệnh, chẳng quan sát phân biệt dòng họ, đoan chính, xấu hèn, tiền tài, của báu... mà đều vì họ trị liệu. Vậy nên đời xưng tụng là bậc đại lương y. Các đức Phật, Bồ tát cũng lại như vậy, thấy các chúng sinh có bệnh phiền não, chẳng cần quan sát dòng họ, đoan chính, xấu hèn, tiền tài, của báu đều sinh lòng thương xót vì họ nói pháp. Chúng sinh nghe rồi, bệnh phiền não tiêu trừ. Do nghĩa này nên các đức Phật, Bồ tát gọi là thiện tri thức. Do nhân duyên gần gũi bạn lành này nên được gần với Đại Bát Niết Bàn.

Sao gọi là nhân duyên Bồ tát nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn ? Tất cả chúng sinh do nghe pháp nên đủ tín căn mà được tín căn nên ưa hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ... được quả Tu đà hoàn... cho đến quả Phật. Vậy nên phải biết rằng, được các thiện pháp đều là thế lực của nhân duyên thính pháp này. Nay thiện nam tử ! Ví như ông trưởng giả chỉ có một đứa con. Ông sai con đi đến nước khác để trao đổi những điều cần thiết. Ông đưa con ra chỗ đường giao thông đông đúc mà lại răn dạy rằng, nếu gặp dâm nữ thì dè chừng chớ thân ái. Nếu thân ái thì chôn thân mất mạng và cả của báu ! Người tệ ác cũng chớ giao du. Người con ấy kính thuận lời dạy bảo của cha nên thân tâm yên ổn, thu hoạch được nhiều của cải quý báu. Đại Bồ tát vì các chúng sinh phu diễn pháp yếu cũng lại như vậy, hiện bày cho các chúng sinh và bốn bộ chúng sự thông suốt hay tắt nghẽn của các con đường để những chúng này, do nghe pháp nên xa lìa các ác, đầy đủ thiện pháp. Do nghĩa này nên nhân duyên nghe pháp thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Ví như gương sáng soi dáng mặt người thì không gì chẳng sáng rõ. Gương sáng nghe pháp cũng lại như vậy, có người soi vào đó thì thấy thiện, ác rõ ràng, không bị ngăn che. Do nghĩa này nên nhân duyên nghe pháp thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Ví như người thương nhân muốn đến bến báu mà chẳng biết đường đi, có người chỉ đường, người ấy theo lời chỉ liền đến được bến báu, thu hoạch được nhiều trân bảo chẳng thể kể xiết. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, muốn đến chỗ thiện để thu nhặt lấy sự quý báu của đạo mà chẳng biết tướng thông suốt hay tắt nghẽn của con đường ấy, được Bồ tát bày đường, chúng sinh theo rồi được đến chỗ thiện, thu hoạch được báu Đại Niết Bàn Vô Thượng. Do nghĩa này nên nhân duyên nghe pháp thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Ví như con voi say điên

cuồng lòng lộn, bạo ác muốn giết hại nhiều. Có người quản tượng dùng móc sắt lớn, thiện nghệ móc vào đỉnh đầu voi ấy thì tức thời nó điều thuận, lòng ác hết sạch. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, vì say mê tham dục, sân nhuế, ngu si nên muốn tạo nhiều việc ác. Các vị Bồ tát dùng móc nghe pháp, khéo léo móc lấy khiến cho họ trụ dừng, lại chẳng được khởi tâm tạo các việc ác. Do nghĩa này nên nhân duyên nghe pháp thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên ở khắp nơi nơi trong kinh, ta nói rằng, đệ tử của ta chuyên tâm thính thọ mười hai bộ kinh thì lìa khỏi năm ám, tu thất giác phận. Do tu tập bảy giác phận nên được gần với Đại Bát Niết Bàn. Do nghe pháp nên người Tu đà hoàn lìa khỏi các khủng bố. Sở dĩ vì sao ? Vì như ông trưởng giả Tu Đạt, thân gặp trọng bệnh, lòng buồn rầu lo sợ. Ông nghe ông Xá Lợi Phất nói về Tu đà hoàn có bốn công đức và mười thứ an ủi dễ dàng. Nghe những điều này rồi, thì sự khủng bố liền trừ diệt. Do nghĩa này nên nhân duyên nghe pháp thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Vì sao vậy ? Vì ông được mở pháp nhãn vậy. Đời có ba loại người, một là người không mắt, hai là người một mắt, ba là người hai mắt. Người không mắt thì thường chẳng nghe pháp. Người một mắt thì tuy tạm nghe pháp nhưng lòng họ chẳng trụ. Người hai mắt thì chuyên tâm thính thọ, theo đúng điều đã nghe mà thực hành. Do nghe pháp nên được biết ba loại người như vậy của thế gian. Do nghĩa này nên nhân duyên nghe pháp thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam tử ! Như ta thuở trước khi ở thành Câu Thi Na, ông Xá Lợi Phất, thân gặp bệnh khổ. Khi ta để lại lời dặn dò Tỳ-kheo A Nan, rộng vì mọi người nói pháp. Ông Xá Lợi Phất nghe việc này rồi, bảo bốn người đệ tử rằng : “Các ông hãy khiêng giường của ta đi đến chỗ đức Phật, ta muốn nghe pháp!” Bốn người đệ tử vâng lệnh khiêng đến, ông đã nghe được pháp, nhờ lực nghe pháp nên bệnh khổ trừ khỏi, thân được yên ổn. Do nghĩa này nên nhân duyên nghe được gần với Đại Bát Niết Bàn.

Sao gọi là Bồ tát nhân duyên tư duy mà được với Đại Bát Niết Bàn ? Nhân tư duy này mà lòng được giải thoát. Vì sao vậy ? Vì tất cả chúng sinh thường bị sự trói buộc của năm dục nhờ tư duy nên được giải thoát. Do nghĩa này nên nhân duyên tư duy thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh thường bị sự điên đảo của bốn pháp Thường Lạc Ngã Tịnh. Do tư duy nên được thấy các pháp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Thấy như vậy rồi thì bốn điên đảo liền đoạn trừ. Do nghĩa này nên nhân duyên tư duy thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam tử ! Tất cả các pháp có bốn thứ tướng. Những gì là bốn ? Một là sinh tướng, hai là lão tướng, ba là bệnh tướng, bốn là diệt tướng. Do bốn tướng này có thể khiến cho tất cả chúng sinh phàm phu cho đến Tu đà hoàn sinh ra đại khổ não. Nếu người có thể ràng buộc ý niệm khéo tư duy thì

tuy gặp bốn tướng này nhưng chẳng sinh ra mọi khổ não. Do nghĩa này nên nhân duyên tư duy thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam tử ! Tất cả thiện pháp không gì chẳng nhân tư duy này mà được. Vì sao vậy ? Vì có người tuy ở vô lượng vô biên atăng kỳ kiếp chuyên tâm nghe pháp, nhưng nếu chẳng tư duy thì nhất định chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này nên nhân duyên tư duy thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh tin Phật, Pháp, Tăng không có biến dịch mà sinh lòng cung kính thì phải biết đều chính là sức của nhân duyên ràng buộc ý niệm tư duy và nhân được đoạn trừ tất cả phiền não. Do nghĩa này nên nhân duyên tư duy thì được gần với Đại Bát Niết Bàn.

Sao gọi là Bồ tát như pháp tu hành ? Này thiện nam tử ! Đoạn trừ ác pháp, tu tập thiện pháp. Đó gọi là Bồ tát như pháp tu hành. Lại nữa, sao gọi là như pháp tu hành ? Thấy tất cả pháp trống rỗng, không sở hữu, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do sự thấy này nên thà xả bỏ thân mạng, chẳng phạm cấm giới. Đó gọi là Bồ tát như pháp tu hành. Lại nữa, sao gọi là như pháp tu hành ? Tu có hai thứ, một là chân thật, hai là chẳng thật. Chẳng thật thì chẳng biết Niết Bàn, Phật tính, Như Lai, Pháp, Tăng thật tướng, hư không.v.v... Đó gọi là chẳng thật. Sao gọi là chân thật ? Có thể biết Niết Bàn, Phật tính, Như Lai, Pháp, Tăng, thật tướng, hư không.v.v... Đó gọi là chân thật. Sao gọi là biết tướng Niết Bàn ? Tướng Niết Bàn, phạm có tám việc. Những gì là tám ? Một là tận (hết), hai là thiện tính, ba là thật, bốn là chân, năm là thường, sáu là lạc, bảy là ngã, tám là tịnh. Đó gọi là Niết Bàn. Lại có tám việc. Những gì là tám ? Một là giải thoát, hai là thiện tính, ba là chẳng thật, bốn là chẳng chân, năm là vô thường, sáu là vô lạc, bảy là vô ngã, tám là vô tịnh. Lại có sáu tướng, một là giải thoát, hai là thiện tính, ba là chẳng thật, bốn là chẳng chân, năm là an lạc, sáu là thanh tịnh. Nếu có chúng sinh nương theo đạo thể tục, đoạn trừ phiền não thì Niết Bàn như vậy có tám việc giải thoát chẳng thật. Vì sao vậy ? Vì chẳng thường vậy. Do vô thường nên không có thật, không có thật thì không có chân; tuy đoạn phiền não nhưng rồi sẽ khởi trở lại nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đó gọi là tám việc giải thoát của Niết Bàn. Sao gọi là sáu tướng ? Thanh Văn, Duyên Giác đoạn được phiền não nên gọi là giải thoát mà chưa có thể được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên gọi là chẳng thật. Do chẳng thật nên gọi là chẳng chân, đời vị lai sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên gọi là vô thường. Do được tám Thánh đạo vô lậu nên gọi là tịnh lạc. Này thiện nam tử ! Nếu biết như vậy thì chính là biết Niết Bàn, chẳng gọi là Phật tính, Như Lai, Pháp, Tăng, thật tính, hư không. Sao gọi là Bồ tát biết Phật tính ? Phật tính có sáu. Những gì là sáu ? Một là thường, hai là

tịnh, ba là thật, bốn là thiện, năm là sẽ thấy, sáu là chân. Lại có bảy việc, một là khả chứng, sáu cái còn lại như trên. Đó gọi là Bồ tát biết đến Phật tính. Sao gọi là Bồ tát biết tướng Như Lai ? Như Lai tức là tướng giác, tướng thiện, Thường Lạc Ngã Tịnh, giải thoát, chân thật thị hiện đạo có thể thấy. Đó gọi là Bồ tát biết tướng Như Lai. Sao gọi là Bồ tát biết tướng của pháp ? Pháp thì hoặc thiện hay chẳng thiện, hoặc thường hay chẳng thường, hoặc lạc hay chẳng lạc (vui), hoặc ngã hay vô ngã, hoặc tịnh hay bất tịnh, hoặc biết hay chẳng biết, hoặc giải hay chẳng giải, hoặc chân hay chẳng chân, hoặc tu hay chẳng tu, hoặc thầy (sư) hay chẳng phải thầy, hoặc thật hay chẳng thật. Đó gọi là Bồ tát biết đến tướng của pháp. Sao gọi là Bồ tát biết đến tướng của Tăng? Tăng thì hoặc là Thường, lạc, ngã, tịnh, là tướng đệ tử, tướng có thể thấy, thiện, chân, chẳng thật. Vì sao vậy ? Vì tất cả Thanh Văn đều đắc Phật đạo vậy. Vì sao gọi là chân ? Vì giác ngộ pháp tính. Đó gọi là Bồ tát biết đến tướng của Tăng. Sao gọi là Bồ tát biết đến thật tướng ? Thật tướng thì hoặc thường hay vô thường, hoặc lạc hay vô lạc, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc tịnh hay vô tịnh, hoặc thiện hay bất thiện, hoặc có hay không, hoặc Niết Bàn hay chẳng phải Niết Bàn, hoặc giải thoát hay chẳng phải giải thoát, hoặc biết hay chẳng biết, hoặc đoạn hay chẳng đoạn, hoặc chứng hay chẳng chứng, hoặc tu hay chẳng tu, hoặc thấy hay chẳng thấy. Đó gọi là thật tướng, chẳng phải là Niết Bàn, Phật tính, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không. Đó gọi là Bồ tát nhân tu Đại Niết Bàn như vậy nên biết được Niết Bàn, Phật tính, Như Lai, Pháp, Tăng, thật tướng, hư không..v.v... tướng pháp sai biệt. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu chẳng thấy hư không. Vì sao vậy ? Vì Phật và Bồ tát tuy có năm mắt nhưng đã chẳng thấy. Chỉ có tuệ nhãn mới có thể thấy hư không đó. Sự thấy của tuệ nhãn là không có pháp có thể thấy. Vậy nên gọi là thấy. Nếu thấy không có vật gọi là hư không thì hư không như vậy mới gọi là thật. Do sự thật này nên gọi là vô thường. Do vô thường nên không lạc, ngã, tịnh. Nay thiện nam tử ! Trống không gọi là không có pháp, không có pháp gọi là trống không (không). Ví như thế gian không có vật gọi là trống không. Tính hư không cũng lại như vậy, không sở hữu nên gọi là hư không. Nay thiện nam tử ! Tính của chúng sinh cùng tính hư không đều không thật tính. Vì sao vậy ? Vì như người nói rằng, trừ diệt vật có, nhiên hậu làm ra không, nhưng mà hư không này thật chẳng thể làm. Vì sao vậy ? Vì không sở hữu vậy. Do không có nên phải biết là không có không. Tính của hư không này nếu có thể làm thì gọi là vô thường mà nếu vô thường thì chẳng gọi là hư không. Nay thiện nam tử ! Như người thế gian nói rằng, hư không không sắc, không ngăn ngại, thường trụ chẳng biến dịch. Vậy nên đời xưng pháp hư không là “đại” thứ năm. Nay thiện nam tử ! Mà hư không này thật không có tính. Do ánh sáng nên gọi là hư không, thật ra không có hư không. Giống như thế để thật ra không có tính

ấy, nhưng vì chúng sinh nên nói có thể để. Đây thiện nam tử ! Thể của Niết Bàn cũng lại như vậy, không có trụ xứ, những là chỗ đoạn phiền não của các đức Phật nên gọi là Niết Bàn. Niết Bàn tức là Thường, lạc, ngã, tịnh. Niết Bàn tuy lạc nhưng chẳng phải thọ lạc mới là niềm vui Tịch diệt thượng diệu. Các đức Phật Như Lai có hai thứ lạc, một là Tịch diệt lạc, hai là Giác tri lạc. Thể của Thật tướng có ba thứ lạc, một là Thọ lạc, hai là Tịch diệt lạc, ba là Giác tri lạc. Phật tính có một lạc, do thường kiến nên khi được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì gọi là Bồ Đề lạc.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu chỗ đoạn phiền não là Niết Bàn thì việc này chẳng vậy ! Vì sao ? Vì đức Như Lai thưở trước mới thành đạo Phật, đến bên dòng sông Ni Liên Thiên. Bấy giờ, ma vương cùng quyến thuộc đến chỗ đức Phật mà nói lên rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Thời gian Niết Bàn đến rồi ! Vì sao đức Phật chẳng vào Niết Bàn ?” Đức Phật bảo rằng : “Đây ma vương ! Ta nay chưa có nhiều đệ tử đa văn, giỏi giữ gìn cấm giới, trí thông minh, linh lợi, có thể giáo hóa chúng sinh. Vậy nên ta chẳng vào !” Nếu nói rằng, chỗ đoạn phiền não là Niết Bàn thì các Bồ tát.v.v... ở vô lượng kiếp đã đoạn dứt phiền não thì vì sao chẳng được xưng là Niết Bàn. Cùng đều là chỗ đoạn nhưng vì duyên gì độc xưng chư Phật có Niết Bàn còn Bồ tát thì không vậy ? Nếu đoạn phiền não chẳng phải Niết Bàn thì vì sao đức Như Lai thưở trước bảo ông Balamôn Sinh Danh rằng : “Thân này của ta hôm nay tức là Niết Bàn !” Lại khi đức Như Lai ở tại nước Tỳ Xá Ly, Ma vương lại khải thỉnh đức Như Lai, thưở xưa vì chưa có đệ tử đa văn, trì giới, trí thông minh, linh lợi có thể giáo hóa chúng sinh nên chẳng vào Niết Bàn, nay đã đầy đủ vì sao chẳng vào ? Bấy giờ, đức Như Lai liền bảo Ma rằng : “Ông nay chớ sinh tư tưởng lo chậm ! Lùi về sau ba tháng nữa, ta sẽ vào Niết Bàn !” Thưa đức Thế Tôn ! Nếu giả sử diệt độ chẳng phải là Niết Bàn thì vì sao đức Như Lai tự hẹn ba tháng sẽ Bát Niết Bàn ? Thưa đức Thế Tôn ! Nếu đoạn phiền não là Niết Bàn thì đức Như Lai thưở trước mới ở tại dưới cây Bồ Đề Đạo Tràng, khi đoạn trừ phiền não liền chính là Niết Bàn thì vì sao nay lại nói lùi về sau ba tháng, sẽ bát Niết Bàn ? Thưa đức Thế Tôn ! Nếu giả sử, bấy giờ Niết Bàn thì sao mới vì các lực sĩ của thành Câu Thi Na mà nói rằng, hậu dạ sẽ Bát Niết Bàn ? Đức Như Lai thành thật mà sao phát ra lời nói hư dối này ?

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng :

- Nay thiện nam tử ! Nếu nói rằng, Như Lai được tướng Quảng trường thiệ thì phải biết Như Lai ở vô lượng kiếp đã lìa khỏi vọng ngữ. Tất cả các đức Phật và các vị Bồ tát, phàm đã nói ra là thành thật chắc chắn, không hư dối. Nay thiện nam tử ! Như lời ông nói, ma Ba Tuần thuở trước, khái thỉnh ta vào Niết Bàn, nay thiện nam tử ! Nhưng mà vua ma này chân thật chẳng biết định tướng của Niết Bàn. Vì sao vậy ? Vì ý của Ba Tuần cho là chẳng giáo hóa chúng sinh, mặc nhiên mà trụ tức là Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Ví như người đời thấy người chẳng nói, không có sự tạo tác liền cho là người này như chết, không khác. Ma Ba Tuần cũng lại như vậy, ý cho là Như Lai chẳng hóa độ chúng sinh; lặng thinh không lời nói thì liền cho là Như Lai vào Bát Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Như Lai chẳng nói Phật, Pháp, chúng Tăng không tướng sai biệt mà chỉ nói hai pháp Thường trụ, Thanh tịnh không sai biệt vậy. Nay thiện nam tử ! Phật cũng chẳng nói, Phật và Phật tính, Niết Bàn không có tướng sai biệt mà chỉ nói, thường hằng, bất biến không sai biệt vậy. Nay thiện nam tử ! Phật cũng chẳng nói, Niết Bàn Thật tướng không có tướng sai biệt mà chỉ nói, thường có thật chẳng biến dịch không sai biệt vậy. Nay thiện nam tử ! Lúc bấy giờ, các đệ tử Thanh Văn của ta sinh ra tranh tụng như các Tỳ-kheo ác của Câu Đàm Di trái phản lời dạy của ta, phàm nhiều cấm giới, nhận vật bất tịnh, tham cầu lợi dưỡng, hướng về những người bạch y mà tự ngợi khen rằng : “Ta được vô lậu, gọi là quả Tu đà hoàn”... cho đến “Ta được quả A la hán”, hủy nhục người khác, đối với Phật, Pháp, Tăng, giới luật, hòa thượng chẳng sinh lòng cung kính. Ông ở trước ta nói rằng, những vật như vậy đức Phật cho phép nuôi chứa, những vật như vậy đức Phật cho phép nuôi chứa. Ta cũng nói rằng, những vật như vậy ta quả thật chẳng cho phép. Họ lại phản lời ta rằng, những vật như vậy quả thật là Phật cho phép. Những người ác như vậy chẳng tin lời nói của ta. Vì những người này nên ta bảo ma Ba Tuần : “Người chớ lo chậm, lui về sau ba tháng, ta sẽ bát Niết Bàn !” Nay thiện nam tử ! Nhân những ác Tỳ-kheo như vậy nên khiến cho những đệ tử Thanh Văn thọ học chẳng thấy thân ta, chẳng nghe pháp của ta, liền nói rằng, đức Như Lai vào với Niết Bàn. Chỉ có các Bồ tát có thể thấy thân ta thường trụ, nghe pháp của ta nên chẳng nói rằng, ta vào Niết Bàn. Đệ tử Thanh Văn tuy lại phát ra lời rằng, Như Lai Niết Bàn. Nhưng mà ta thật chẳng vào với Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Nếu đệ tử Thanh Văn sở hữu của ta, có người nói rằng, Như Lai vào Niết Bàn thì phải biết người này chẳng phải là đệ tử của ta, đó là bè đảng của ma, là người ác tà kiến, chẳng phải là chánh kiến vậy. Nếu có người nói rằng, Như Lai chẳng vào Niết Bàn thì phải biết người đó là chân đệ tử của ta, chẳng phải là bè đảng của ma, là người chánh kiến, chẳng phải là tà kiến vậy. Nay thiện nam tử ! Ta ban đầu chẳng thấy trong đệ tử có

người nói rằng, Như Lai chẳng giáo hóa chúng sinh, mặc nhiên mà trụ gọi là Bát Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Ví như ông trưởng giả có nhiều vợ con, bỏ đi đến phương khác mà chưa được khoảnh khắc trở về. Các con đều cho là người cha đã đi mãi mà ông trưởng giả này thật chẳng chết mất. Các con ông điên đảo đều sinh ra tư tưởng chết mất. Đệ tử Thanh Văn cũng lại như vậy, chẳng thấy ta nên liền cho là Như Lai đã ở vùng Ta La Song Thọ của thành Câu Thi Na mà Bát Niết Bàn, nhưng ta thật chẳng Bát Niết Bàn mà đệ tử Thanh Văn sinh ra Niết Bàn tưởng. Nay thiện nam tử ! Ví như đèn sáng, có người che nó, người còn lại không biết, cho là đèn đã tắt. Nhưng ánh sáng đèn này thật ra cũng chẳng tắt mà do chẳng biết nên sinh tư tưởng đèn tắt đó thôi. Đệ tử Thanh Văn cũng lại như vậy, tuy có tuệ nhãn nhưng do phiền não che khuất nên khiến cho tâm điên đảo, chẳng thấy chân thân mà liền vọng sinh ra tư tưởng diệt độ. Nhưng ta chân thật chẳng rốt ráo diệt độ. Nay thiện nam tử ! Như người mù bẩm sinh chẳng thấy mặt trời, mặt trăng. Do chẳng thấy nên họ chẳng biết tướng ngày đêm, sáng tối. Do chẳng biết nên họ liền nói không có mặt trời, mặt trăng chân thật. Thật sự có mặt trời mặt trăng mà người mù chẳng thấy. Do chẳng thấy mà sinh ra tư tưởng điên đảo nên họ nói rằng, không mặt trời, mặt trăng. Đệ tử Thanh Văn cũng lại như vậy, như người mù bẩm sinh kia, chẳng thấy Như Lai, liền cho là Như Lai vào với Niết Bàn. Nhưng Như Lai thật chẳng vào Niết Bàn, do điên đảo tưởng nên họ sinh tâm như vậy. Nay thiện nam tử ! Ví như mây mù che khuất mặt trời, mặt trăng. Người ngu si liền nói rằng, không có mặt trời mặt trăng mà mặt trời mặt trăng là thật có, nhưng vì bị che khuất nên chúng sinh chẳng thấy đó thôi. Đệ tử Thanh Văn cũng lại như vậy, vì các phiền não che khuất mắt trí tuệ nên chẳng thấy Như Lai, liền nói rằng Như Lai vào với Diệt Độ vậy. Nay thiện nam tử ! Chính là Như Lai thị hiện hạnh Anh nhi chẳng phải là Diệt độ. Nay thiện nam tử ! Như khi mặt trời của cõi Diêm phù đề lặn thì chúng sinh chẳng thấy vì núi Đen ngăn che. Nhưng mặt trời này, tính chân thật, không lặn mất, do chúng sinh chẳng thấy nên sinh ra tư tưởng lặn mất. Đệ tử Thanh Văn cũng lại như vậy, bị sự che phủ của những núi phiền não nên chẳng thấy thân ta. Do chẳng thấy nên họ liền đối với Như Lai sinh ra tư tưởng Diệt độ mà ta chân thật chẳng rốt ráo diệt độ mãi. Vậy nên, ở thành Tỳ Xá Ly, ta bảo ma Ba Tuần rằng : “Lùi về sau ba tháng nữa, ta sẽ Niết Bàn!” Nay thiện nam tử ! Như Lai huyền kiến (thấy thông qua lẽ huyền bí, thấy trước) Bồ tát Ca Diếp lùi về sau ba tháng thì căn lành sẽ thành thực, cũng thấy trước ông Tu Bạt Đà La ở núi Hương an cư xong rồi sẽ đến chỗ ta. Vậy nên ta bảo vua ma Ba Tuần, lùi về sau ba tháng sẽ vào Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Có các lực sĩ mà số họ đến năm trăm người trọn xong ba tháng nữa, cũng sẽ được phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ta vì những điều đó nên bảo với Ba Tuần rằng, lùi về sau ba tháng sẽ Bát Niết

Bàn. Đây thiện nam tử ! Như ông Thuần Đà.v.v... và năm trăm người con gái Ly Xa Am La quả, lùi về sau ba tháng thì thiện căn của đạo tâm Vô Thượng sẽ thành thực. Vì những người đó nên ta bảo Ba Tuần, lùi về sau ba tháng sẽ Bát Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Ông Tu Na Sát Đa gần gũi ngoại đạo Ni Kiên Tử.v.v... Ta vì người đó nói pháp trọn mười hai năm mà người đó tà kiến chẳng tin, chẳng thọ. Ta biết rễ cây tà kiến của người này lùi về sau ba tháng nhất định có thể nhỏ đứt. Ta vì việc này nên bảo với Ba Tuần rằng, lùi về sau ba tháng sẽ Bát Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Vì nhân duyên gì mà thuở trước, ở bên dòng sông Ni Liên, ta bảo với ma Ba Tuần, ta nay chưa có đệ tử nhiều trí tuệ, vậy nên chẳng được vào Niết Bàn? Khi ta muốn vì năm vị Tỳ-kheo.v.v.. ở thành Ba La Nại chuyên pháp luân. Tiếp theo ta lại muốn vì năm vị Tỳ-kheo.v.v.. như là Gia Xa, Phú Na, Tỳ Ma La Xà, Kiều Phạm Ba Đề, Tu Bà Hầu, tiếp theo lại muốn vì bọn ông trưởng giả Úc Đà gồm năm mươi người.v.v... thứ đến lại muốn vì vua Tần Bà Ta La của nước Ma Đà Đà cũng vô lượng người trời.v.v... thứ đến lại muốn vì Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp với môn đồ gồm năm trăm Tỳ-kheo, thứ đến lại muốn vì hai người anh em Na Đề Ca Diếp, Đà Gia Ca Diếp và năm trăm đệ tử, thứ đến lại muốn vì ông Xá Lợi Phất, ông Mục Kiên Liên với hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.v.v.. chuyên bánh xe diệu pháp. Vậy nên ta bảo vua ma Ba Tuần rằng, chẳng Bát Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Có cái tên là Niết Bàn chẳng phải Đại Niết Bàn. Sao gọi là Niết Bàn chẳng phải Đại Niết Bàn ? Do chẳng thấy Phật tính nên vô thường, vô ngã, chỉ có lạc và tịnh. Do nghĩa này nên tuy đoạn phiền não nhưng chẳng được gọi là Đại Niết Bàn. Nếu thấy Phật tính, có thể đoạn phiền não thì đó gọi là Đại Bát Niết Bàn. Do thấy Phật tính nên được gọi là Thường Lạc Ngã Tịnh. Do nghĩa này nên đoạn trừ phiền não thì cũng được xưng là Đại Bát Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Niết là nói rằng “chẳng”. Bàn là nói rằng “Diệt”. Nghĩa Chẳng Diệt (Bất Diệt) gọi là Niết Bàn. Lại chữ Bàn nghĩa là che (phú). Nghĩa Chẳng Che (Bất Phú) mới gọi là Niết Bàn. Bàn nghĩa là khứ lai, chẳng khứ, chẳng lai mới gọi là Niết Bàn. Bàn nghĩa là thủ (lấy), chẳng thủ mới gọi là Niết Bàn. Bàn nghĩa là bất định, định không bất định mới gọi là Niết Bàn. Bàn nghĩa là mới (tâm), không mới nên mới gọi là Niết Bàn. Bàn nghĩa là chướng ngại, nghĩa không chướng ngại mới gọi là Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Có đệ tử Ưu Lô Ca Ca Tỳ La.v.v... nói rằng, Bàn là gọi tướng nghĩa không tướng thì mới gọi là Niết Bàn. Đây thiện nam tử! Bàn là nói có, nghĩa không có mới gọi là Niết Bàn. Bàn gọi là hòa hợp, nghĩa không hòa hợp mới gọi là Niết Bàn. Bàn là nói khổ, nghĩa không khổ mới gọi là Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Đoạn trừ phiền não thì chẳng gọi là Niết Bàn, chẳng sinh ra phiền não mới gọi là Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Các đức Phật Như Lai chẳng khởi phiền não thì đó gọi là Niết Bàn. Trí tuệ sở hữu đối với pháp không ngăn ngại thì đó là Như

Lai. Như Lai chẳng phải là phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát thì đó gọi là Phật tính. Thân tâm trí tuệ của Như Lai đầy khắp vô lượng vô biên atăngkỳ cõi, không có sự chướng ngại thì đó gọi là hư không. Như Lai thường trụ không có biến dịch thì gọi rằng Thật tướng. Do nghĩa này nên Như Lai chân thật chẳng rốt ráo Niết Bàn. Đó gọi là Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ bảy.

Này thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ tám ? Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn thì đoạn trừ năm việc, lìa xa năm việc, thành tựu sáu việc, tu tập năm việc, thủ hộ một việc, thân cận bốn việc, tin thuận một sự thật, lòng giỏi giải thoát, tuệ khéo giải thoát. Này thiện nam tử ! Sao gọi là Bồ tát đoạn trừ năm việc ? Đó là đoạn trừ năm ám, sắc, thọ, tưởng, hành thức. Cái gọi là ám, nghĩa ấy thế nào ? Có thể khiến cho chúng sinh, sinh tử nối tiếp nhau, chẳng lìa khỏi gánh nặng, phân tán tụ họp bị sự nhiếp lấy của ba đời, tìm câu nghĩa thật của nó rõ ràng chẳng thể được... do những nghĩa này nên gọi là ám. Đại Bồ tát tuy thấy sắc ám nhưng chẳng thấy tướng của sắc ấy. Vì sao vậy ? Vì ở trong mười sắc mà tìm kiếm tính của nó đều chẳng thể được. Vì thế giới nên nói rằng là ám. Thọ có một trăm lẻ tám. Tuy thấy Thọ ám nhưng đầu tiên không có thọ tướng. Vì sao vậy ? Thọ tuy một trăm lẻ tám nhưng lý không nhất định chân thật. Vậy nên Bồ tát chẳng thấy Thọ ám. Tưởng, Hành, Thức.v.v... cũng lại như vậy. Đại Bồ tát thấy sáu năm ám chính là nơi phát sinh ra căn bản của phiền não vậy. Do nghĩa này nên dùng phương tiện khiến cho chúng đoạn trừ. Sao gọi là Bồ tát xa lìa năm việc ? Đó là xa lìa năm kiến. Những gì là năm ? Một là thân kiến, hai là biên kiến, ba là tà kiến, bốn là giới thủ (giới là cấm giới), năm là kiến thủ (thủ là lấy). Nhân năm kiến này sinh ra sáu mươi hai kiến. Nhân những kiến này mà sinh tử chẳng dứt. Vậy nên Bồ tát phòng hộ chẳng gần gũi. Sao gọi là Bồ tát thành tựu sáu việc ? Đó là sáu niệm xứ. Những gì là sáu ? Một là niệm Phật, hai là niệm Pháp, ba là niệm Tăng, bốn là niệm Thiên, năm là niệm Thí (bố thí), sáu là niệm Giới (giới cấm). Đó gọi là Bồ tát thành tựu sáu việc. Sao gọi là Bồ tát tu tập năm việc ? Đó là tu tập năm định, một là Tri định, hai là Tịch định, ba là thân tâm thọ khoái lạc định, bốn là Vô lạc định, năm là Thủ Lăng Nghiêm định. Tu tập năm thứ định tâm như vậy thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên Bồ tát lòng phải siêng năng tu tập. Sao gọi là Bồ tát thủ hộ một việc ? Đó là thủ hộ tâm Bồ Đề. Đại Bồ tát thường phải siêng thủ hộ tâm Bồ Đề, giống như người đời thủ hộ con một, cũng như kẻ chốt hộ giữ một mắt còn lại, như người đi giữa đồng trống thủ hộ kẻ dẫn đường. Bồ tát thủ hộ tâm Bồ Đề cũng lại như vậy. Nhân thủ hộ tâm Bồ Đề như vậy nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nhân được Vô Thượng Chánh

Đẳng Chánh Giác nên Thường Lạc Ngã Tịnh đầy đủ mà có, tức là Đại Bát Niết Bàn Vô Thượng. Vậy nên Bồ tát thủ hộ một pháp. Sao gọi là Bồ tát thân cận bốn việc ? Đó là bốn vô lượng tâm. Những gì là bốn ? Một là Đại Từ, hai là Đại Bi, ba là Đại Hỷ, bốn là Đại Xả. Nhân bốn tâm này có thể khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Bồ Đề. Vậy nên Bồ tát bọc lòng thân cận. Sao gọi là Bồ tát tin thuận một thật ? Bồ tát biết rõ tất cả chúng sinh đều về một đạo. Một đạo là gọi Đại Thừa vậy. Các đức Phật, Bồ tát vì chúng sinh nên phân thừa đó làm ba. Vậy nên Bồ tát tin thuận chẳng nghịch lại. Sao gọi là Bồ tát, tâm giỏi giải thoát ? Tâm tham, sân, si đoạn diệt vĩnh viễn thì đó gọi là tâm Bồ tát giỏi giải thoát. Sao gọi là Tuệ Bồ tát giỏi giải thoát ? Đại Bồ tát đối với tất cả pháp biết không có chướng ngại. Đó gọi là tuệ Bồ tát giỏi giải thoát. Nhân tuệ giải thoát nên điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe, điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy, nơi xưa chẳng đến mà nay được đến.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, tâm giải thoát thì nghĩa chẳng vậy ! Vì sao vậy ? Vì tâm vốn không ràng buộc. Sở dĩ vì sao ? Vì tâm này vốn tính chẳng bị sự trói buộc của các kết tham dục,, sân nhuế, ngu si. Nếu vốn không ràng buộc thì sao mà nói rằng, tâm khéo giải thoát ? Thừa đức Thế Tôn ! Nếu bản tính của tâm chẳng bị sự ràng buộc của tham kết thì nhờ nhân duyên gì mà có thể buộc ? Như người bầu vào sừng mà sừng vốn không tương sữa thì tuy thêm công lực, sữa cũng không từ đó ra. Người bầu vào vú thì chẳng như vậy, sữa tuy ít nhưng thêm công lực thì ra nhiều. Tâm cũng như vậy, vốn không tham thì sao nay lại có ? Nếu tâm vốn không tham mà sau mới có thì các đức Phật, Bồ tát vốn không tương tham thì nay đều nên có ! Thừa đức Thế Tôn ! Ví như người con gái bằng đá vốn không tương con, tuy thêm nhiều công lực với vô lượng nhân duyên nhưng con chẳng thể được. Tâm cũng như vậy, vốn không tương tham thì tuy tạo đủ mọi duyên nhưng tham không từ đó sinh ra. Thừa đức Thế Tôn ! Như dùi gỗ ẩm ướt thì lửa chẳng thể được. Tâm cũng như vậy, tuy dùi cầu tham nhưng chẳng thể được.... thì sao gọi là tham kết có thể ràng buộc tâm ? Thừa đức Thế Tôn ! Ví như ép cát thì dầu chẳng thể được. Tâm cũng như vậy, tuy lại ép tâm nhưng tham chẳng thể được. Phải biết rằng, tham và tâm hai lý đều khác mà giả sử lại có tham đó thì đâu có thể làm bản tâm ? Thừa đức Thế Tôn ! Ví như có người mặc áo ở hư không thì nhất định chẳng trụ, đặt tham vào tâm cũng lại như vậy, dù cho đủ thứ nhân duyên cũng chẳng thể khiến cho tham ràng buộc được tâm. Thừa đức Thế Tôn ! Nếu tâm không tham gọi là giải

thoát thì các đức Phật, Bồ tát vì sao chẳng nhỏ gai nhọn trong hư không. Thưa đức Thế Tôn ! Tâm đời quá khứ chẳng gọi là giải thoát, tâm đời vị lai cũng không gọi là giải thoát, tâm đời hiện tại chẳng cùng chung đạo thì tâm của những đời nào gọi là được giải thoát? Thưa đức Thế Tôn ! Như vậy đèn quá khứ chẳng thể diệt tối, đèn đời vị lai cũng chẳng diệt tối, đèn đời hiện tại lại chẳng diệt chẳng diệt tối. Vì sao vậy ? Vì ánh sáng cùng bóng tối, cả hai chẳng tồn tại đồng thời. Tâm cũng lại như vậy thì làm sao mà nói rằng, tâm được giải thoát ? Thưa đức Thế Tôn ! Tham cũng là có, nếu tham không có thì khi thấy tướng nữ chẳng nên sinh tham. Nếu nhân tướng nữ mà được sinh ra thì phải biết là tham chân thật là có và do có tham nên đọa ba đường ác. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như có người thấy bức vẽ hình người con gái cũng lại sinh tham. Do sinh ra tham nên được đủ thứ tội. Nếu vốn không tham thì sao thấy bức họa mà sinh ra tham ? Nếu tâm không tham thì sao đức Như Lai nói rằng, tâm Bồ tát được giải thoát ? Nếu tâm có tham thì sao thấy tướng rồi nhiên hậu mới sanh ? Còn chẳng thấy tướng thì chẳng sinh ra vậy ? Con nay hiện thấy có quả báo ác thì phải biết là có tham dục, sân nhuế, ngu si cũng lại như vậy. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như chúng sinh có thân vô ngã mà các phàm phu ngang ngược kể ngã tướng, tuy có ngã tướng nhưng chẳng đọa ba đường thì sao người tham đối với không tướng nữ mà khởi lên nữ tướng thì đọa ba đường ác ? Thưa đức Thế Tôn ! Ví như dùi cây mà sinh ra lửa. Nhưng tính lửa này trong mọi duyên không có thì do nhân duyên gì mà được sinh ra vậy ? Thưa đức Thế Tôn ! Tham cũng như vậy, trong sắc không có tham và hương, vị, xúc, pháp cũng lại không tham thì sao đối với sắc, hương, vị, xúc, pháp mà sinh ra tham vậy ? Nếu trong mọi duyên đều không tham thì sao chỉ một mình chúng sinh sinh ra tham, còn các đức Phật, Bồ tát mà chẳng sinh vậy ? Thưa đức Thế Tôn ! Tâm cũng chẳng định. Nếu tâm định thì không có tham dục, sân nhuế, ngu si. Nếu tâm chẳng định thì làm sao mà nói rằng, tâm được giải thoát ? Tham cũng chẳng định mà nếu chẳng định thì làm sao nhân đó sinh ra ba đường ác ? Tham và cảnh giới, cả hai đều bất định. Vì sao vậy ? Vì đều duyên vào một sắc rồi hoặc sinh ra tham, hoặc sinh ra sân, hoặc sinh ra ngu si. Vậy nên tham cùng với cảnh giới, cả hai đều bất định. Nếu chúng đều bất định thì vì sao đức Như Lai nói rằng, Bồ tát tu Đại Niết Bàn thì tâm được giải thoát ?

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Tâm cũng chẳng bị sự ràng buộc của tham kết, cũng chẳng phải chẳng ràng buộc, chẳng phải là giải thoát, chẳng phải chẳng giải thoát, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng

phải hiện tại - chẳng phải quá khứ - chẳng phải vị lai. Vì sao vậy ? Đây thiện nam tử ! Vì tất cả các pháp không tự tính. Đây thiện nam tử ! Có các ngoại đạo nói rằng : “Nhân duyên hòa hợp thì có kết quả sinh ra. Nếu trong mọi duyên vốn không tính sinh mà có thể sinh ra quả thì hư không chẳng sinh cũng ứng sinh ra quả. Hư không chẳng sinh chẳng phải là nhân mà do trong mọi duyên vốn có tính quả. Vậy nên tập hợp mà được sinh ra quả. Sở dĩ vì sao ? Vì như Đền Bà Đát muốn tạo tường vách thì lấy bùn đất chẳng lấy màu sắc, muốn tạo bức tượng vẽ thì gom màu sắc chẳng lấy cỏ cây, làm thì lấy vải lụa chẳng lấy bùn cây, làm nhà thì lấy bùn chẳng lấy vải lụa... Do người lấy nên phải biết là trong đó đều có thể sinh ra quả. Do có thể sinh ra quả nên phải biết là trong nhân nhất định trước có tính. Nếu không tính thì trong một vật cần phải sinh ra tất cả các vật. Nếu đó có thể lấy, có thể tạo tác, có thể sinh ra thì phải biết là trong đó nhất định có quả trước. Nếu không có quả thì người chẳng lấy, chẳng làm, chẳng sinh ra mà chỉ có hư không không lấy, không làm nên có thể sinh ra tất cả vạn vật. Do có nhân nên như hạt Ni câu đà trụ ở cây Ni câu đà, trong sữa có đề hồ, trong tơ có vải, trong bùn có bình”. Đây thiện nam tử ! Tất cả phàm phu mù tối vô minh tạo tác ra định thuyết này : Sắc có nghĩa tham trước, tâm có tính tham, lại nói rằng, tâm phàm phu có tính tham, cũng có tính giải thoát, gặp nhân duyên tham thì tâm sinh ra tham, nếu gặp giải thoát thì tâm giải thoát. Tuy họ làm ra lý thuyết này nhưng nghĩa đó chẳng đúng. Có những phàm phu lại nói rằng : “Trong tất cả nhân đều không có quả. Nhân có hai thứ, một là vi tế, hai là thô đại. Tế (nhỏ) tức là thường, thô (to) thì vô thường. Từ nhân vi tế chuyển thành nhân thô đại, rồi từ nhân thô này chuyển lại thành quả. Nhân thô vô thường nên quả cũng vô thường”. Đây thiện nam tử ! Có các phàm phu lại nói rằng : “Tâm cũng không nhân, tham cũng không nhân. Do thời tiết nên sinh ra tâm tham”. Bọn người như vậy do chẳng thể biết nhân duyên của tâm nên luân hồi trong sáu đường, chịu đủ sinh tử. Đây thiện nam tử ! Ví như con chó bị cột vào trụ, trọn ngày chạy quanh cây trụ, chẳng thể được rời khỏi. Tất cả phàm phu cũng lại như vậy, bị gông vô minh trói buộc vào trụ sinh tử, chạy quanh hai mươi lăm cõi hữu, chẳng thể được rời khỏi. Đây thiện nam tử ! Ví như có người rơi vào nhà xí (nhà cầu) đã được ra khỏi rồi mà lại trở vào, như người khỏi bệnh mà lại bị mầm bệnh, như người đi đường gặp nơi hoang vắng, đã qua được rồi mà lại quay trở lại, lại như rửa sạch rồi trở lại trét bùn đất. Tất cả phàm phu cũng lại như vậy, đã được giải thoát chỗ không sở hữu, chỉ chưa được thoát khỏi Phi Phi Tướng Xứ mà lại đi đến trở lại ba đường ác. Vì sao vậy ? Vì tất cả phàm phu chỉ quan sát ở kết quả, chẳng quan sát nhân duyên. Như con chó đuổi theo hòn đất, chẳng đuổi theo người. Người phàm phu cũng lại như vậy, chỉ quan sát kết quả, chẳng quan sát nhân duyên. Do chẳng quan sát nhân duyên nên từ Phi Tướng lụi trở lại ba đường

ác. Nay thiện nam tử ! Các đức Phật, Bồ tát trọn chẳng định nói, trong nhân có quả, trong nhân không quả và có không quả, chẳng phải có chẳng phải không quả. Nếu nói rằng, trong nhân trước tiên định có quả và định không quả, định có không quả, định chẳng phải có chẳng phải không quả thì phải biết những người này đều là bè đảng của ma, hệ thuộc với ma, tức là ái nhân mà ái nhân như vậy thì chẳng thể đoạn trừ vĩnh viễn sự ràng buộc của sinh tử, chẳng biết tướng của tâm và cả tướng của tham. Nay thiện nam tử ! Các đức Phật, Bồ tát hiển bày Trung đạo. Vì sao vậy ? Vì các ngài tuy nói các pháp chẳng phải có, chẳng phải không mà chẳng quyết định. Sở dĩ vì sao ? Vì nhân mắt, nhân sắc, nhân ánh sáng, nhân tâm, nhân niệm thì thức được sinh ra. Thức này quyết định chẳng ở trong mắt, trong sắc, trong ánh sáng, trong tâm, trong niệm, cũng chẳng phải trung gian, chẳng phải có, chẳng phải không, từ duyên sinh ra nên gọi đó là hữu (có), không tự tính nên gọi đó là vô (không). Vậy nên Như Lai nói rằng, các pháp chẳng phải có, chẳng phải không. Nay thiện nam tử ! Các đức Phật, Bồ tát trọn chẳng định nói, tâm có tịnh tịnh và bất tịnh tịnh. Tâm tịnh hay bất tịnh không trụ xứ, từ duyên sinh ra tham nên nói rằng, chẳng phải không; vốn không tịnh tham nên nói rằng, chẳng phải có. Nay thiện nam tử ! Từ nhân duyên nên tâm sinh ra tham, từ nhân duyên nên tâm giải thoát. Nay thiện nam tử ! Nhân duyên có hai, một là theo với sinh tử, hai là theo Đại Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Có nhân duyên nên tâm chung với tham sinh ra, chung với tham diệt hết. Có nhân duyên nên tâm chung với tham sinh ra, chẳng chung với tham diệt. Có nhân duyên nên tâm chẳng chung với tham sinh ra, chung với tham đều diệt. Có nhân duyên nên tâm chẳng chung với tham sinh ra, chẳng chung với tham diệt. Sao gọi là tâm chung với tham sinh ra, chung với tham đều diệt ? Nay thiện nam tử ! Nếu có phàm phu chưa đoạn trừ tâm tham, tu tập tâm tham thì người như vậy, tâm chung với tham sinh ra, tâm chung với tham diệt. Tất cả chúng sinh chẳng đoạn tâm tham thì tâm chung với tham sinh ra, tâm chung với tham diệt. Như chúng sinh cõi Dục, tất cả đều có vị thiên sơ địa, hoặc tu hay chẳng tu thường được thành tựu, gặp nhân duyên nên liền được ngay, nói nhân duyên là gọi hỏa tai vậy. Tất cả phàm phu cũng lại như vậy, hoặc tu hay chẳng tu, thì tâm chung với tham sinh, tâm chung với tham diệt. Vì sao vậy ? Vì chẳng đoạn trừ tham vậy. Sao gọi là tâm chung với tham sinh, chẳng chung với tham diệt ? Đệ tử Thanh Văn có nhân duyên nên sinh ra tâm tham. Rồi họ sợ tâm tham nên tu quán tưởng xương trắng. Đó gọi là tâm chung với tham sinh, chẳng chung với tham diệt. Lại có tâm chung với tham sinh, chẳng chung với tham diệt. Như người Thanh Văn chưa chứng được bốn quả, có nhân duyên nên sinh ra tâm tham, khi chứng bốn quả thì tâm tham được diệt. Đó gọi là tâm chung với tham sinh, chẳng chung với tham diệt. Bạc Đại Bồ tát khi được Bất Động Địa thì tâm chung

với tham sinh, chẳng chung với tham diệt. Sao gọi là tâm chẳng chung với tham sinh, chung với tham đều diệt ? Nếu Đại Bồ tát đoạn trừ tham tâm, rồi vì chúng sinh nên thị hiện có tham. Do thị hiện nên có thể khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh hồi hán thính thọ thiện pháp, thành tựu đầy đủ. Đó gọi là chẳng chung với tham sinh, chung với tham đều diệt. Sao gọi là chẳng chung với tham sinh, chẳng chung với tham diệt ? Đó là A la hán, Duyên Giác, chư Phật, Bồ tát trừ hàng Bất Động địa. Đó gọi là chẳng chung với tham sinh, chẳng chung với tham diệt. Do nghĩa này nên các đức Phật, Bồ tát chẳng quyết định nói rằng, tâm thì tính vốn tịnh, tính vốn chẳng tịnh. Đây thiện nam tử ! Tâm này chẳng cùng với tham kết hòa hợp, cũng lại chẳng cùng với sân si hòa hợp. Đây thiện nam tử ! Ví như mặt trời, mặt trăng bị sự che phủ của khói, bụi, mây, mù và a tu la. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh chẳng thể được thấy. Tuy họ chẳng thể thấy tính của mặt trời, mặt trăng nhưng nhất định chúng chẳng cùng năm sự che chắn kia hòa hợp. Tâm cũng như vậy, do nhân duyên nên sinh ra tham kết. Chúng sinh tuy nói tâm cùng với tâm hòa hợp nhưng mà tính của tâm này thật chẳng cùng hòa hợp. Nếu tâm tham này tức là tính tham hay tâm chẳng tham này tức là tính chẳng tham thì tâm chẳng tham chẳng thể là tham và tâm tham kết chẳng thể chẳng tham. Đây thiện nam tử ! Do nghĩa này nên tham dục kết chẳng thể làm bản tâm. Các đức Phật, Bồ tát phá hoại vĩnh viễn tham kết. Vậy nên nói rằng, tâm được giải thoát. tất cả chúng sinh từ nhân duyên nên sinh ra tham kết, từ nhân duyên nên tâm được giải thoát. Đây thiện nam tử ! Ví như núi Tuyết, chỗ cheo leo cao chót vót, người cùng vợ đều chẳng thể đi, hoặc lại có chỗ vợ có thể đi, người chẳng thể đi, hoặc lại có chỗ người cùng vợ, cả hai có thể đi. Đây thiện nam tử ! Chỗ người cùng vợ có thể đi là như nơi các thợ săn dùng nhựa keo đặt lên đó dùng để bẫy bắt vợ. Con vợ dại nên đưa tay chạm vào, chạm rồi dính tay. Vợ muốn thoát tay nên lấy chân đạp thì chân lại mắc vào theo. Muốn thoát chân nên vợ dùng miệng cắn vào đó thì miệng lại dính luôn. Như vậy năm chỗ đều không được giải thoát. Đến đây, người thợ săn dùng gậy xâu qua con vợ khiêng trở về nhà. Chỗ cao của núi Tuyết ví cho sự được chánh đạo của Phật, Bồ tát. Nhi hầu (vợ) là ví các phàm phu. Thợ săn là ví ma Ba Tuần. Nhựa keo là ví tham dục kết. Người cùng vợ đều chẳng thể đi là ví những phàm phu, ma vương Ba Tuần đều chẳng thể đi. Vợ có thể đi, người chẳng thể đi là ví những người có trí tuệ của ngoại đạo, những ác ma.v.v... tuy do năm dục nhưng chẳng thể ràng buộc. Người cùng vợ đều có thể đi là ví tất cả phàm phu và ma Ba Tuần thường ở trong sinh tử, chẳng thể tu hành. Người phàm phu bị năm dục trói buộc, khiến cho ma Ba Tuần tự tại đem đi như người thợ săn kia đánh bẫy nhựa bắt vợ khiêng về nhà. Đây thiện nam tử ! Ví như vị quốc vương an trụ ở nước mình thì thân tâm an vui, nếu đến cõi khác thì bị

mọi khổ sở. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, nếu có thể tự trụ ở cảnh giới của mình thì được an vui, nếu đến cảnh giới khác thì gặp ác ma chịu những khổ não. Tự cảnh giới là gọi bốn niệm xứ. Cảnh giới khác là gọi năm dục vậy. Sao gọi là hệ thuộc với ma ? Có những chúng sinh, vô thường thấy thường - thường thấy vô thường, khổ thấy ra vui - vui thấy ra khổ, chẳng tịnh thấy tịnh - tịnh thấy chẳng tịnh, vô ngã thấy ngã - ngã thấy vô ngã, chẳng phải thật giải thoát đối thấy giải thoát - chân thật giải thoát thấy chẳng phải giải thoát, chẳng phải Thừa thấy Thừa - Thừa thấy chẳng phải Thừa... Người như vậy gọi là hệ thuộc ma mà hệ thuộc ma thì lòng chẳng thanh tịnh. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu thấy các pháp chân thật là có định tướng riêng biệt thì phải biết người này khi thấy sắc thì liền tạo ra sắc tướng... cho đến thấy thức cũng tạo ra thức tướng, thấy nam tạo ra nam tướng, thấy nữ tạo ra nữ tướng, thấy ngày tạo ra tướng ngày, thấy tháng tạo ra tướng tháng, thấy năm tạo ra tướng năm, thấy âm tạo ra tướng âm, thấy nhập tạo ra tướng nhập, thấy giới tạo ra tướng giới. Người thấy như vậy thì gọi hệ thuộc ma mà hệ thuộc ma thì tâm chẳng thanh tịnh. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu thấy ngã là sắc, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc và sắc thuộc về ngã... cho đến thấy ngã là thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức và thức thuộc về ngã... thì người thấy như vậy là hệ thuộc với ma, chẳng phải là đệ tử của ta. Này thiện nam tử ! Đệ tử Thanh Văn của ta xa lìa mười hai bộ kinh của Như Lai, tu tập đủ thứ kinh sách của ngoại đạo, chẳng tu nghiệp xuất gia tịch tịnh, toàn kinh doanh việc tại gia thế tục. Những gì gọi là việc tại gia ? Nhận nuôi chứa tất cả vật bất tịnh như nô tỳ, điền trạch, voi ngựa, xe cộ, la lừa, gà tri, chó vượn, heo dê, đủ thứ lúa, mì..., xa lìa Sư Tăng, gần gũi bạch y, trái phản lời dạy của Thánh và hướng về những người bạch y nói rằng : “Đức Phật cho phép Tỳ-kheo nhận nuôi chứa đủ thứ vật bất tịnh. Đó gọi là tu tập việc tại gia. Có các đệ tử chẳng vì Niết Bàn, chỉ vì lợi dưỡng mà thân cận thính thọ mười hai bộ kinh. Vật của Chiêu Đề tăng và vật của tăng mạn (?), áo mặc, ăn tham như tự của mình có, san tham tiếc rẻ của nhà người khác, khen ngợi gần gũi quốc vương và các vương tử, bói quẻ cát hung, tính vận đầy voi (giàu nghèo), cờ vạy, đánh bạc, đánh sư bò (một lối đánh bạc), ném bầu (một cách đánh bạc), gần gũi Tỳ-kheo ni và những xử nữ (gái chưa chồng), nuôi hai sa di, thường giao du với nhà thợ săn, đồ tể, bán rượu và chỗ ở của bọn chiêm đà la, đủ thứ buôn bán, tay tự làm ăn, nhận sự sai khiến của lân quốc, thông báo tin tức... Những người hành động như vậy thì phải biết là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử của ta. Do nhân duyên này nên tâm chung với tham sinh, tâm chung với tham diệt... cho đến tâm chung với si sinh, tâm chung với si diệt (si và tâm chung sinh, chung diệt) cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Do nhân duyên này nên tính của tâm chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Vậy nên ta nói rằng, tâm được giải thoát. Nếu có

người chẳng nhận, chẳng nuôi chứa tất cả vật bất tịnh, vì Đại Niết Bàn thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, sao chép, giải nói thì phải biết những người đó là đệ tử chân chính của ta, chẳng hành động theo cảnh giới của ác ma Ba Tuần tức là tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Do tu tập nên họ chẳng chung với tham sinh, chẳng chung với tham diệt. Đó gọi là Bồ tát tu kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ tám.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ hai mươi ba hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 24

PHẨM THỨ HAI MƯƠI HAI : ĐẠI BỒ TÁT QUANG MINH

BIÊN CHIẾU CAO QUÍ ĐỨC VƯƠNG

Phần thứ VI. - Lại nữa, này thiện nam tử ! Sao gọi là Đại Bồ tát tu Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ chín ? Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu, đầu tiên phát khởi năm việc đều được thành tựu. Những gì là năm ? Một là Tín, hai là Trực tâm, ba là Giới (cấm), bốn là thân cận bạn lành, năm là đa văn. Sao gọi là Tín ? Đại Bồ tát tin vào bố thí Tam bảo có quả báo, tin vào đạo Nhất Thừa hai đế, lại không đường khác nhưng vì muốn cho chúng sinh mau được giải thoát nên các đức Phật Bồ tát phân biệt làm ba, tin đệ nhất nghĩa đế, tin thiện phương tiện ... Đó gọi là tín. Người tin như vậy thì hoặc các Sa môn, hoặc Bà la môn, hoặc Thiên ma, Phạm thiên, tất cả chúng sinh chẳng thể hoại họ. Nhân sự tin này nên được tính của Thánh nhân. Tu hành bố thí hoặc nhiều hay ít đều được gần với Đại Bát Niết Bàn, chẳng rơi vào sinh tử. Giới cấm, đa văn, trí tuệ cũng lại như vậy. Đó gọi là Tín. Tuy có tín này mà cũng chẳng thấy. Đó gọi là Bồ tát tu Đại Niết Bàn thành tựu việc đầu tiên.

Sao gọi là Trục tâm ? Đại Bồ tát đối với các chúng sinh tác khởi tâm chất trực (ngay thẳng chân chất). Tất cả chúng sinh nếu gặp nhân duyên thì sinh ra nịnh hót quanh co còn Bồ tát chẳng vậy. Vì sao vậy ? Vì giới lý giải các pháp đều do nhân duyên. Đại Bồ tát tuy thấy những tội lỗi ác của chúng sinh nhưng nhất định chẳng nói ra. Vì sao vậy ? Vì sợ họ sinh ra phiền não mà nếu sinh phiền não thì rơi vào đường ác. Như vậy Bồ tát nếu thấy có ít việc thiện của chúng sinh thì khen ngợi họ. Sao gọi là thiện ? Đó gọi là Phật tính, khen ngợi Phật tính nên khiến cho các chúng sinh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ Đại Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, Đại Bồ tát khen Phật tính khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì nghĩa này chẳng phải vậy. Vì sao vậy ? Vì đức Như Lai lúc ban đầu khai Kinh Niết Bàn, nói có ba thứ. Một là nếu có người bệnh mà được lương y, thuốc và người xem bệnh thì bệnh dễ khỏi. Như người bệnh ấy chẳng được thì chẳng thể lành bệnh. Hai là nếu được hay chẳng được đều chẳng thể khỏi bệnh. Ba là nếu được hay chẳng được đều có thể khỏi bệnh. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, nếu gặp bạn lành, các đức Phật, Bồ tát nghe nói diệu pháp thì có thể phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Như những chúng sinh ấy chẳng gặp thì chẳng thể phát tâm như là Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích Chi Phật. Hai là tuy người ấy gặp bạn lành, các đức Phật, Bồ tát, nghe nói diệu pháp cũng chẳng thể phát tâm, hoặc họ chẳng gặp nên cũng chẳng thể phát tâm như là bọn Nhất xiển đề. Ba là hoặc gặp hay chẳng gặp, tất cả đều có thể phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như là Bồ tát. Nếu nói rằng, gặp cùng chẳng gặp đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì đức Như Lai hôm nay làm sao nói rằng, nhân khen Phật tính khiến cho các chúng sinh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? Thưa đức Thế Tôn ! Nếu gặp bạn lành, các đức Phật, Bồ tát, nghe nói diệu pháp và cả chẳng gặp mà đều chẳng thể phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì phải biết nghĩa này cũng lại chẳng phải vậy. Vì sao vậy ? Vì người như vậy sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bọn Nhất xiển đề do có Phật tính nên hoặc nghe hay chẳng nghe đều cũng sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ! Thưa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói thì những gì gọi là Nhất xiển đề vậy ? Đó là kẻ đoạn dứt thiện căn. Nghĩa như vậy cũng lại chẳng đúng. Vì sao vậy ? Vì chẳng đoạn dứt Phật tính. Như vậy là lý Phật tính chẳng thể đoạn thì làm sao đức Phật nói đoạn các thiện căn. Như đức Phật thuở trước

nói mười hai bộ kinh, thiện có hai thứ, một là Thường, hai là Vô thường. Thường là chẳng đoạn, vô thường thì có thể đoạn nên đọa địa ngục. Thường chẳng thể đoạn thì vì sao chẳng ngăn chặn ? Phật tính chẳng đoạn thì chẳng phải Nhất xiển đề mà vì sao đức Như Lai nói như vậy là Nhất xiển đề ? Thưa đức Thế Tôn ! Nếu nhân Phật tính phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì vì sao đức Như Lai rộng vì chúng sinh nói mười hai bộ Kinh ? Thưa đức Thế Tôn ! Ví như bốn dòng sông, xuất phát từ ao A Nậu Đạt. Nếu có trời, người, các đức Phật Thế Tôn nói rằng những dòng sông này chẳng chảy vào biển cả mà sẽ trở lại nguồn cũ thì không có điều này. Tâm Bồ Đề cũng lại như vậy, nếu người có Phật tính thì hoặc nghe hay chẳng nghe, hoặc giới (cấm) hay chẳng phải giới, hoặc thí hay chẳng phải thí, hoặc tu hay chẳng phải tu, hoặc trí hay chẳng phải trí... đều nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa đức Thế Tôn ! Như mặt trời từ trong núi Ưu Đà Diên hiện ra đi đến hướng chánh Nam (?). Nếu mặt trời nghĩ rằng, ta chẳng đến phương Tây mà trở lại phương Đông thì không có điều này. Phật tính cũng vậy, nếu chẳng nghe, chẳng giới, chẳng thí, chẳng tu, chẳng trí... chẳng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì không có điều này. Thưa đức Thế Tôn ! Các đức Phật Như Lai nói rằng, tính của nhân quả chẳng phải có, chẳng phải không, nghĩa như vậy cũng chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì như trong sữa ấy không có tính cao sữa thì không có cao sữa (lạc), hạt Ni câu đà không tính năm trượng thì chẳng thể sinh chất cây năm trượng. Nếu trong Phật tính không cây Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì làm sao sinh ra cây Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác được ? Do nghĩa này nên lời nói, nhân quả chẳng phải có, chẳng phải không thì nghĩa như vậy làm sao tương ứng ?

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Đời có hai loại người rất là hiếm có như hoa Ưu đàm. Một là người chẳng làm pháp ác, hai là người có tội có thể sám hối. Người như vậy rất là hiếm có. Lại có hai loại người, một là làm ơn, hai là nghĩ đến ơn. Lại có hai loại người, một là người hỏi han thính thọ pháp mới, hai là người ôn cũ chẳng quên. Lại có hai hạng người, một là người tạo ra cái mới, hai là người sửa cái cũ. Lại có hai loại người, một là người ưa nghe pháp, hai là người ưa nói pháp. Lại có hai loại người, một là người giỏi vấn nạn, hai là người giỏi giải đáp. Người giỏi vấn nạn là thân ông đó ! Người giỏi giải đáp gọi là Như Lai vậy ! Này thiện nam tử ! Nhân sự khéo hỏi này, ta liền được chuyển bánh xe pháp Vô Thượng, có thể làm khô cây đại thọ mười hai nhân duyên, có thể độ vô biên dòng sông lớn sinh tử, có thể cùng ma vương Ba Tuần chung chiến đấu, có thể xô ngã

sự kiến lập thẳng tràng của Ba Tuần. Nay thiện nam tử ! Như trước ta đã nói, ba thứ mà người bệnh gặp là lương y, người xem bệnh, thuốc tốt và cả việc chẳng gặp được thì bệnh đều được khỏi. Nghĩa này ra sao ? Nghĩa này là nếu được hay chẳng được gọi là định thọ mạng. Sở dĩ vì sao ? Vì người này đã ở trong vô lượng đời, tu ba thứ thiện là thương, trung, hạ. Do tu ba thứ thiện như vậy nên được định thọ mạng như người Uất Đan Việt thọ mạng một ngàn năm. Có người gặp bệnh, nếu được lương y, thuốc tốt, người coi bệnh và cả việc chẳng được đều được khỏi bệnh. Vì sao vậy ? Vì đã được định mệnh. Nay thiện nam tử ! Như lời ta nói, nếu có người bệnh được gặp lương y, thân tốt, người trông bệnh thì bệnh được trừ khỏi, nếu chẳng gặp thì chẳng được khỏi. Nghĩa này ra sao ? Nay thiện nam tử ! Người như vậy thọ mạng chẳng định, mạng tuy chẳng tận nhưng có chín nhân duyên có thể làm chết yểu thọ mạng ấy. Những gì là chín ? Một là biết ăn chẳng yên mà lại ăn. Hai là ăn nhiều. Ba là đồ ăn trước chưa tiêu mà lại ăn nữa. Bốn là đi đại tiện tiện lợi chẳng theo thời tiết. Năm là khi bệnh chẳng theo lời dạy của thầy thuốc. Sáu là chẳng theo lời dạy bảo của người coi bệnh. Bảy là cố cưỡng lại chẳng thổ ra. Tám là đi đêm, do đi đêm nên bị ác quỷ đánh. Chín là phòng nhà lỗi sai. Do những nhân duyên này nên ta nói người bệnh nếu gặp lương y, thuốc tốt thì bệnh có thể khỏi còn nếu chẳng gặp thì chẳng thể bớt. Nay thiện nam tử ! Như trước ta nói, nếu gặp hay chẳng gặp đều chẳng thể khỏi. Nghĩa này ra sao ? Có người mạng tận, nếu gặp hay chẳng gặp đều chẳng thể khỏi. Vì sao vậy ? Vì mạng đã hết vậy. Do nghĩa này nên ta nói người bệnh, nếu gặp lương y, thuốc tốt và cả chẳng gặp đều chẳng thể được khỏi. Chúng sinh cũng vậy, người phát tâm Bồ Đề nếu gặp bạn lành, các đức Phật, Bồ tát hỏi han, thỉnh thọ thâm pháp hay chẳng gặp được thì đều sẽ thành tựu. Vì sao vậy ? Vì người ấy có thể phát tâm Bồ Đề như người Uất Đan Việt được định thọ mạng. Như lời ta nói, từ Tu đà hoàn đến Bích Chi Phật nếu nghe lời nói thâm pháp của bạn lành, các đức Phật, Bồ tát thì phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, còn nếu chẳng gặp các đức Phật, Bồ tát nghe nói thâm pháp thì chẳng thể phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Như người mạng bất định vì chín nhân duyên nên mạng chết yểu. Như người bệnh đó gặp lương y, thuốc tốt thì bệnh được khỏi còn nếu chẳng gặp thì bệnh chẳng khỏi. Vậy nên ta nói gặp Phật, Bồ tát, nghe nói thâm pháp thì có thể phát tâm, còn nếu chẳng gặp thì chẳng thể phát tâm. Như ta trước đã nói, nếu gặp bạn lành, các đức Phật, Bồ tát, nghe nói thâm pháp và nếu chẳng gặp cũng đều chẳng thể phát tâm thì nghĩa này ra sao ? Nay thiện nam tử ! Bọn Nhất xiển đề nếu gặp bạn lành, các đức Phật, Bồ tát nghe nói thâm pháp và cả chẳng gặp đều chẳng được lia khỏi tâm Nhất xiển đề. Vì sao vậy ? Vì đoạn thiện pháp vậy. Còn sở dĩ vì sao bọn Nhất xiển đề cũng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? Nếu chúng có thể phát tâm Bồ Đề thì

chẳng lại gọi là Nhất xiển đề. Nay thiện nam tử ! Do nhân duyên gì nói rằng, Nhất xiển đề được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? Bọn Nhất xiển đề thật chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như người mạng tận tuy gặp lương y, thuốc tốt, người coi bệnh nhưng chẳng thể được khỏi. Vì sao vậy ? Vì mạng hết vậy. Nay thiện nam tử ! Nhất xiển gọi là tin, đề gọi là chẳng đủ. Tin chẳng đủ nên gọi là Nhất xiển đề. Phật tính chẳng phải tin, chúng sinh chẳng phải đủ. Do chẳng đủ nên sao gọi là có thể đoạn ? Nhất xiển gọi là thiện phương tiện, đề gọi là chẳng đủ. Tu thiện phương tiện chẳng đầy đủ nên gọi là Nhất xiển đề. Phật tính chẳng phải là tu thiện phương tiện, chúng sinh chẳng phải đủ. Do chẳng đủ nên sao gọi là có thể đoạn ? Nhất xiển gọi là tấn, đề gọi là chẳng đủ. Tấn chẳng đủ nên gọi là Nhất xiển đề. Phật tính chẳng phải tấn, chúng sinh chẳng phải đủ. Do chẳng đủ nên sao gọi là có thể đoạn ? Nhất xiển gọi là niệm, đề gọi là chẳng đủ. Niệm chẳng đủ nên gọi là Nhất xiển đề. Phật tính chẳng phải niệm, chúng sinh chẳng phải đủ. Do chẳng đủ nên sao gọi là có thể đoạn ? Nhất xiển gọi là định, đề gọi là chẳng đủ. Định chẳng đủ nên gọi là Nhất xiển đề. Phật tính chẳng phải định, chúng sinh chẳng phải đủ. Do chẳng đủ nên sao gọi là có thể đoạn ? Nhất xiển gọi là tuệ, đề gọi là chẳng đủ. Tuệ chẳng đủ nên gọi là Nhất xiển đề. Phật tính chẳng phải tuệ, chúng sinh chẳng phải đủ. Do chẳng đủ nên sao gọi là có thể đoạn ? Nhất xiển gọi là vô thường thiện, đề gọi là chẳng đủ. Do vô thường thiện chẳng đủ nên gọi là Nhất xiển đề. Phật tính chẳng phải vô thường thiện chẳng phải bất thiện. Vì sao vậy ? Vì pháp yếu thiện từ phương tiện mà được mà Phật tính này chẳng phải phương tiện được. Vậy nên chẳng phải thiện. Vì sao lại gọi là chẳng phải bất thiện vậy ? Vì có thể được thiện quả vậy. Thiện quả tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại thiện pháp thì sinh rồi được mà Phật tính này chẳng phải sinh rồi được. Vậy nên chẳng phải thiện. Do đoạn trừ sinh mà được các thiện pháp nên gọi là Nhất xiển đề. Nay thiện nam tử ! Như lời ông nói, nếu Nhất xiển đề có Phật tính thì sao chẳng ngăn chặn tội địa ngục ? Nay thiện nam tử ! Trong Nhất xiển đề có Phật tính. Nay thiện nam tử ! Ví như có vị vua nghe tiếng đàn không hầu. Âm thanh đàn ấy thanh diệu, lòng liền đắm trước, tình ái niệm vui thích, không rời bỏ, liền bảo vị đại thần rằng : “Âm thanh vi diệu như vậy từ đâu phát ra ?” Vị đại thần đáp rằng : “Âm thanh vi diệu như vậy từ cây đàn không hầu phát ra !” Nhà vua lại nói rằng : “Hãy đem âm thanh đó lại đây !” Lúc bấy giờ vị đại thần liền mang cây đàn không hầu đặt ở trước đức vua mà nói rằng : “Thưa đại vương ! Ngài phải biết, đây tức là âm thanh”. Nhà vua nói rằng : “Đàn không hầu hãy phát ra tiếng ! Hãy phát ra tiếng !” Nhưng mà tiếng đàn không hầu cũng chẳng phát ra. Lúc bấy giờ, vị đại vương liền cắt đứt dây của đàn ấy mà tiếng cũng chẳng phát ra. Ông đem da, gỗ của đàn ấy chẻ, xé ra hết để tìm kiếm tiếng đàn ấy mà cuối cùng chẳng

thể được. Bấy giờ, vị đại vương liền giận vị đại thần, sao mà nói dối như vậy ? Vị đại thần bạch vua rằng : “Bàn về việc thử lấy âm thanh thì phương pháp chẳng như vậy mà nên dùng mọi duyên và phương tiện khéo léo thì âm thanh mới phát ra vậy. Chúng sinh, Phật cũng lại như vậy, không có trụ xứ, do phương tiện khéo nên có thể được thấy. Do có thể thấy nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bọn Nhất xiển đề chẳng thấy Phật tính thì làm sao có thể ngăn chặn tội của ba đường ác. Này thiện nam tử ! Nếu Nhất xiển đề tin có Phật tính thì phải biết người này chẳng đến ba đường, người này cũng chẳng gọi là Nhất xiển đề vậy. Do chẳng tự tin có Phật tính nên liền rơi vào ba đường mà rơi vào ba đường nên gọi là Nhất xiển đề.

Này thiện nam tử ! Như lời ông nói, nếu sữa không tính của váng sữa thì chẳng nên sinh ra váng sữa, hạt cây Ni câu đà không tính năm trượng thì chẳng nên có chất năm trượng. Người ngu si nói lời như vậy, còn kẻ trí thì nhất định chẳng phát ngôn như vậy. Vì sao vậy? Vì do vô tính vậy. Này thiện nam tử ! Như trong sữa có tính cao sữa thì chẳng cần lại nhờ sức mọi duyên. Này thiện nam tử ! Như sữa và nước đá nằm xen nhau đến cả tháng cũng nhất định chẳng thành cao sữa. Nếu dùng một giọt nước nhựa cây pha cầu cho vào trong sữa liền trở thành cao sữa. Nếu sữa vốn có cao sữa thì vì sao phải đợi duyên. Phật tính của chúng sinh cũng lại như vậy, nhờ mọi duyên nên liền có thể thấy, nhờ mọi duyên nên được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu cái đợi mọi duyên, rồi nhiên hậu mới thành thì tức là vô tính. Do vô tính nên có thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này thiện nam tử ! Do nghĩa này nên Đại Bồ tát thường khen cái thiện của con người và chẳng ca tụng cái khiếm khuyết của họ. Đó gọi là tâm chất trực.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Sao gọi là lòng Bồ tát chất trực vậy? Đại Bồ tát thường chẳng phạm ác. Giả sử các vị có lỗi lầm thì tức thời sám hối, đối với thầy, bạn đồng học nhất định chẳng che giấu, xấu hổ tự trách, chẳng dám làm nữa, ở trong tội nhẹ sinh ra tư tưởng tội rất nặng, nếu có người cật vấn thì đáp rằng, thật sự phạm tội. Người lại hỏi : “Tội này là tốt hay chẳng tốt ?” thì đáp rằng : “Chẳng tốt !” Người lại hỏi : “Tội này là thiện hay bất thiện ?” Đáp rằng : “Bất thiện !” Người lại hỏi : “Tội này là thiện quả hay bất thiện quả ?” Đáp rằng : “Là tội thật chẳng phải là thiện quả !” Người lại hỏi : “Ai đã tạo ra tội này ? Chắc chẳng phải là sở tác của Phật, Pháp, Tăng ?” Đáp rằng : “Chẳng phải của Phật, Pháp, Tăng mà là sở tác của ta vậy. Đó là sự tập hợp cấu thành của phiền não”. Do trực tâm nên tin có Phật tính mà tin Phật tính thì chẳng bị gọi là Nhất xiển đề. Do trực tâm nên gọi là đệ tử

của Phật. Nếu thọ y phục, ẩm thực, ngoại cụ, y dược của chúng sinh, mỗi thứ đều ngàn vạn mà chẳng đủ cho là nhiều. Đó là tâm chất trực của Bồ tát vậy.

Sao gọi là Bồ tát tu trì giới ? Đại Bồ tát thọ trì cấm giới chẳng vì để sinh lên trời, chẳng vì khùng bố... cho đến chẳng thọ giới chó, giới gà, giới trâu, giới trĩ, chẳng tạo tác phá giới, chẳng làm khuyết giới, chẳng làm giả giới, chẳng làm tạp giới, chẳng làm Thanh Văn giới mà thọ trì Đại Bồ tát giới, Thi Balamật giới, đượ cụ túc giới, chẳng sinh ra kiêu mạn. Đó gọi là Bồ tát tu Đại Niết Bàn, đủ giới thứ ba.

Sao gọi là Bồ tát thân cận bạn lành ? Đại Bồ tát thường vì chúng sinh nói về thiện đạo, chẳng nói ác đạo, nói ác đạo chẳng phải là quả báo thiện. Nay thiện nam tử ! Thân ta tức là chân thiện tri thức của tất cả chúng sinh. Vậy nên ta có thể đoạn trừ tà kiến sở hữu của Bàlamôn Phú Đà La. Nay thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh thân cận ta thì tuy có nhân duyên ứng sinh vào địa ngục, nhưng liền được sinh lên trời. Như Tu na sát đa.v.v... ứng đọa vào địa ngục, do thấy ta nên liền được đoạn trừ nhân duyên địa ngục, sinh lên cõi trời Sắc. Tuy có Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên.v.v... nhưng chẳng gọi là thiện tri thức chân thật của chúng sinh. Vì sao vậy ? Vì nhân duyên sinh tâm Nhất xiển đề. Nay thiện nam tử ! Thuở trước, ta trụ ở nước Ba La Nại, ông Xá Lợi Phất dạy hai người đệ tử, một người quán tưởng xương trắng, một người dạy cho quán sở tức (phép quán đếm hơi thở). Trải qua nhiều năm cả hai đều chẳng được định. Do nhân duyên này liền sinh ra tà kiến nên nói rằng : “Không có pháp Niết Bàn vô lậu. Nếu pháp ấy có thì ta nên được. Vì sao vậy ? Vì ta có thể giới trì sự thọ giới vậy”. Vào lúc ấy, ta thấy những Tỳ kheo đó sinh ra tà tâm này nên gọi ông Xá Lợi Phất mà quở trách rằng: “Ông chẳng khéo dạy ! Thế nào mới làm hai người đệ tử này điên đảo nói pháp ? Hai người đệ tử của ông, tính của họ đều khác. Một người là chủ giặt quần áo, một người là thợ vàng. Người thợ vàng nên dạy họ sở tức, người giặt quần áo nên dạy họ quán tưởng bạch cốt. Do ông dạy nhầm nên khiến cho hai người này sinh ra tà ác”. Lúc bấy giờ, ta vì hai người này, đúng như sự đáp ứng của họ mà nói pháp. Hai người nghe rồi, được quả A la hán. Vậy nên ta là chân thiện tri thức của tất cả chúng sinh, chứ chẳng phải ông Xá Lợi Phất, ông Mục Kiền Liên.v.v... Nếu giả sử chúng sinh có kết rất nặng mà được gặp ta thì ta dùng phương tiện liền vì họ đoạn trừ. Như ông Nan Đà em ta có ái dục rất nặng, ta dùng đủ thứ phương tiện khéo léo mà vì ông ấy đoạn trừ. Ông Ương Quật Ma La có sân nhuế nặng nhờ thấy ta nên sân nhuế liền đoạn trừ. Vua A Xà Thế có ngu si nặng, nhờ thấy ta nên lòng ngu si liền diệt. Như ông trưởng giả Bà Hy Đà, ở vô lượng kiếp, tích tập, thành tựu phiền não rất nặng, nhờ thấy ta nên liền đoạn diệt. Giả sử có người hạ tiện tệ

ác mà gần gũi với ta làm đệ tử thì do nhân duyên này nên được tất cả người, trời cung kính, ái niệm. Tà kiến của ông Thi Lợi Cúc Đa xí thanh, nhân thấy ta nên tà kiến liền diệt, nhân thấy ta nên đoạn trừ nhân của địa ngục, tạo tác duyên sinh lên trời. Như người Chiên đà la ghen thờ, khi mạng sắp hết, nhân thấy ta nên trở lại được thọ mạng. Như ông Kiêu Thi Ca, cuồng tâm thác loạn, nhân thấy ta nên trở lại được tâm như cũ. Như Cù Đàm Di gây ồm, con của nhà đồ tể, thường làm nghiệp ác, nhờ thấy ta nên liền lìa bỏ. Như Siễn đề Tỳ kheo nhân thấy ta nên thà bỏ thân mạng, chẳng hủy phạm cấm giới. Như Tỳ kheo buộc cổ (mặc áo cổ ?) mà do nghĩa này nên Tỳ kheo A Nan nói là bán phạm hạnh, gọi là Thiện tri thức. Ta nói rằng, chẳng vậy ! Phải đầy đủ phạm hạnh mới gọi là Thiện tri thức. Đó là Bồ tát tu Đại Niết Bàn đầy đủ thân cận thiện tri thức thứ tư.

Sao gọi là Bồ tát đầy đủ đa văn ? Đại Bồ tát vì Đại Niết Bàn, mười hai bộ Kinh mà sao chép, đọc tụng, phân biệt, giải nói. Đó gọi là Bồ tát đầy đủ đa văn. Trừ mười một bộ kinh mà chỉ thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói kinh Tỳ Phật Lượng thì cũng gọi là Bồ tát đầy đủ đa văn. Trừ mười hai bộ kinh, nếu Bồ tát có thể thọ trì Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu, ghi chép, đọc tụng, phân biệt, giải nói thì đó cũng gọi là Bồ tát đầy đủ đa văn. Trừ toàn thể đầy đủ Kinh điển này mà nếu Bồ tát có thể thọ trì một bài kệ bốn câu, lại trừ luôn bài kệ này mà nếu Bồ tát có thể thọ trì câu : Như Lai thường trụ, tính không biến dịch thì đó gọi là Bồ tát đầy đủ đa văn. Lại trừ luôn việc này mà nếu hành giả biết là : Như Lai thường chẳng nói pháp, thì cũng gọi là Bồ tát đầy đủ đa văn. Vì sao vậy ? Vì pháp vô tính vậy. Như Lai tuy nói tất cả các pháp nhưng thường không có điều gì để nói. Đó gọi là Bồ tát tu Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ đa văn thứ năm.

Này thiện nam tử ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân vì Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ năm việc như vậy thì việc khó làm có thể làm, điều khó nhẫn có thể nhẫn (nhịn), của khó thí có thể thí (cho). Sao gọi là việc Bồ tát khó làm có thể làm ? Như nghe có người ăn một hạt mè mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì tin lời nói này nên cho đến vô lượng atăng kỳ kiếp, thường ăn một hạt mè. Hoặc nghe nói, vào lửa được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì ở vô lượng kiếp, ở tại địa ngục A tỳ để vào đám lửa hừng hực. Đó gọi là việc khó làm Bồ tát có thể làm. Sao gọi là điều khó nhẫn Bồ tát có thể nhẫn ? Nếu nghe nhân duyên chịu khổ tay, gậy, dao, đá..., chặt, đánh mà được Đại Niết Bàn thì liền ở vô lượng atăng kỳ kiếp, thân chịu đủ những thứ đó mà chẳng lấy làm khổ sở. Đó gọi là việc khó nhẫn Bồ tát có thể nhẫn. Sao gọi là của khó thí Bồ tát có thể thí ? Như nghe nói, có thể dùng đất nước, thành quách, vợ con, đầu mắt, não tủy ban cho

người mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì liền ở vô lượng atăngkỳ kiếp, dùng đất nước, thành quách, vợ con, đầu mắt, não tủy sở hữu của mình mà ban cho người. Đó gọi là của khó thí Bồ tát có thể thí. Bồ tát tuy lại có thể làm việc khó làm nhưng nhất định chẳng nghĩ rằng : “Chính là việc làm của ta !”... cho đến của khó cho có thể cho cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con yêu thương rất nặng tình, dùng quần áo đẹp, đồ ăn ngon thượng diệu, tùy thời nuôi dưỡng, không gì thiếu thốn. Giả sử đứa con ấy đối với cha mẹ đã dấy khởi lòng khinh mạn, ác khẩu mạ nhục, nhưng cha mẹ vì yêu thương nên chẳng sinh ra sân hận, cũng chẳng nghĩ rằng : “Ta cho đứa trẻ này quần áo, đồ ăn, thức uống...” Đại Bồ tát cũng lại như vậy, nhìn các chúng sinh giống như đứa con một. Nếu đứa con gặp bệnh thì cha mẹ cũng bệnh theo. Vì con cầu thầy thuốc, siêng năng gia công trị liệu, cứu chữa. Khi bệnh đã khỏi rồi, cha mẹ nhất định chẳng sinh ý niệm : “Ta vì đứa trẻ này trị liệu bệnh khổ !” Bồ tát cũng vậy, thấy các chúng sinh gặp bệnh phiền não, sinh lòng ái niệm mà vì họ nói pháp. Chúng sinh nhờ nghe pháp nên các phiền não được đoạn trừ. Phiền não đoạn rồi, Bồ tát nhất định chẳng nghĩ rằng : “Ta vì chúng sinh đoạn trừ phiền não !” Nếu Bồ tát phát sinh ý niệm này thì nhất định chẳng được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bồ tát chỉ tác khởi ý niệm này : “Không một chúng sinh được ta vì họ nói pháp khiến cho họ được đoạn trừ phiền não”. Đại Bồ tát đối với các chúng sinh chẳng giận, chẳng mừng. Vì sao vậy ? Vì giới có thể tu tập Không tam muội vậy. Bồ tát nếu tu Không tam muội thì sẽ sinh giận, sinh mừng đối với ai đây ? Đây thiện nam tử ! Ví như rừng núi bị lửa dữ đốt cháy hoặc con người đôn chặt hay bị nước cuốn trôi thì rừng cây này sẽ sinh ra giận, sinh ra mừng với ai đây ? Đại Bồ tát cũng lại như vậy, đối với các chúng sinh, không giận, không mừng. Vì sao vậy ? Vì tu Không tam muội vậy.

Bấy giờ Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Tính của tất cả các pháp tự Không sao ? Không không nên không ? Nếu tính tự Không thì chẳng cần tu Không, rồi nhiên hậu thấy Không. Sao đức Như Lai nói rằng, do tu Không mà thấy Không vậy ? Nếu tính tự chẳng Không thì tuy tu Không nhưng chẳng thể khiến cho nó không !

- Đây thiện nam tử ! Tính của tất cả các pháp vốn tự Không. Vì sao vậy ? Vì tính của tất cả pháp chẳng thể được vậy. Đây thiện nam tử ! Tính của sắc chẳng thể được. Sao gọi là tính của sắc ? Tính của sắc chẳng phải là

đất, nước lửa, gió, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, chẳng phải có, chẳng phải Không thì sao sẽ nói rằng, sắc có tự tính. Do tính chẳng thể được nên nói là Không. Tất cả các pháp cũng lại như vậy. Do sự giống nhau, tiếp nối nhau nên các phàm phu thấy rồi mà nói rằng, tính các pháp chẳng không tịch. Đại Bồ tát đầy đủ năm việc nên thấy tính của pháp vốn không tịch. Nay thiện nam tử ! Nếu Samôn và Bàlamôn thấy tính của tất cả pháp chẳng không thì phải biết người đó chẳng phải là Samôn, chẳng phải là Bàlamôn, chẳng được tu tập Bát nhã Balamật, chẳng được vào với Đại Bát Niết Bàn, chẳng được hiện thấy các đức Phật, Bồ tát mà họ là quyến thuộc của ma. Nay thiện nam tử ! Tính của tất cả các pháp vốn tự không và cũng nhân Bồ tát tu tập không nên thấy các pháp không. Nay thiện nam tử ! Như tính của tất cả pháp vô thường nên diệt có thể diệt nó. Nếu nó chẳng phải vô thường thì diệt chẳng thể diệt. Pháp hữu vi có tướng sinh nên sinh có thể sinh ra nó, có tướng diệt nên diệt có thể diệt nó. Tất cả các pháp có tướng khổ nên khổ có thể khiến cho nó khổ. Nay thiện nam tử ! Như tính của muối mặn có thể làm mặn vật khác, tính của đường ngọt có thể làm ngọt vật khác, tính rượu đắng rót trả lại có thể rót trả lại vật khác, gừng vốn tính cay có thể làm cay vật khác, quả Ha lê lặc đắng có thể làm đắng vật khác, quả Am la nhạt có thể làm nhạt vật khác, tính độc có thể hại khiến cho vật khác hại, tính của cam lộ khiến cho người chẳng chết, nếu đem hòa hợp với vật khác cũng có thể chẳng chết. Bồ tát tu không cũng lại như vậy, do tu không nên thấy tính của tất cả pháp đều không tịch.

Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại nói rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Nếu muối có thể khiến cho chẳng phải mặn trở thành mặn mà tu Không tam muội nếu như vậy thì phải biết định này chẳng phải thiện, chẳng phải diệu, tính định ấy điên đảo. Nếu Không tam muội chỉ thấy không mà không là không có pháp thì thấy cái gì ?

- Nay thiện nam tử ! Không tam muội này thấy pháp chẳng không có thể khiến cho nó không tịch nhưng chẳng phải điên đảo. Như muối làm cho vật chẳng phải mặn trở thành mặn. Tam muội Không này cũng lại như vậy, pháp chẳng không làm trở thành không. Nay thiện nam tử ! Tham là hữu tính, chẳng phải là không tính. Tham nếu là không thì chúng sinh chẳng nên vì nhân duyên này mà rơi vào địa ngục. Nếu rơi vào địa ngục thì sao gọi tính tham sẽ là không vậy ? Nay thiện nam tử ! Tính của sắc là có thì những tính gì gọi là điên đảo ? Do điên đảo nên chúng sinh sinh ra tham. Nếu tính sắc này chẳng phải điên đảo thì sao có thể khiến cho chúng sinh sinh ra tham ? Do sinh ra tham nên phải biết tính của sắc chẳng phải chẳng có. Do nghĩa

này nên tu Không tam muội chẳng phải là điên đảo. Nay thiện nam tử ! Tất cả phàm phu nếu thấy nữ nhân liền sinh ra nữ tướng. Bồ tát chẳng vậy, tuy thấy nữ nhân nhưng chẳng sinh ra nữ tướng. Do chẳng sinh ra nữ tướng nên tham chẳng sinh ra mà tham chẳng sinh nên chẳng phải điên đảo. Do người thế gian thấy có nữ nên Bồ tát theo đó nói rằng, có nữ nhân. Còn nếu khi thấy nam mà nói là nữ thì đó là điên đảo. Vậy nên ta vì ông Xà Đề nói rằng : “Này ông Balamôn ! Nếu lấy ngày làm đêm thì tức là điên đảo, lấy đêm làm ngày thì cũng là điên đảo. Ngày là tướng ngày, đêm là tướng đêm thì sao gọi điên đảo được ? Nay thiện nam tử ! Tất cả Bồ tát trụ ở chín địa thấy pháp có tính mà do sự thấy này nên chẳng thấy Phật tính. Nếu thấy Phật tính thì chẳng lại thấy tính của tất cả pháp. Do tu Không tam muội như vậy nên chẳng thấy tính của pháp mà do chẳng thấy nên thấy Phật tính. Các đức Phật, Bồ tát có hai thứ nói, một là hữu tính, hai là vô tính. Vì chúng sinh nên nói có pháp tính, vì các hiền thánh nên nói không pháp tính. Vì chẳng “Không” thì thấy pháp không nên tu không tam muội khiến cho được thấy “Không”. Không pháp tính thì cũng tu Không nên không. Do nghĩa này nên tu không thì thấy không. Nay thiện nam tử ! Ông nói rằng, thấy không không là không có pháp thì thấy cái gì ? Nay thiện nam tử ! Đúng vậy ! Đúng vậy ! Đại Bồ tát quả thật không sở kiến. Không sở kiến thì tức là không sở hữu không sở hữu thì tức là tất cả pháp. Đại Bồ tát tu Đại Niết Bàn thì đối với tất cả pháp đều không sở kiến. nếu có thấy thì chẳng thấy Phật tính, chẳng thể tu tập Bát nhã Balamật, chẳng được vào với Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên Bồ tát thấy tính của tất cả pháp không sở hữu. Nay thiện nam tử ! Bồ tát chẳng những chỉ nhân thấy tam muội mà thấy không, Bát nhã Balamật cũng không, Thiền Balamật cũng không, Tỳ lê gia Balamật cũng không, Sằn đề Balamật cũng không, Thi Balamật cũng không, Đàn Balamật cũng không, sắc cũng không, nhãn cũng không, thức cũng không, Như Lai cũng không, Đại Bát Niết Bàn cũng không... Vậy nên Bồ tát thấy tất cả pháp đều là không. Vậy nên khi ta ở tại thành Ca Tỳ La có bảo ông A Nan rằng : “Ông chớ sầu não kêu gào khóc lóc !” Ông A Nan liền đáp rằng : “Thưa đức Như Lai Thế Tôn ! Thân thuộc của con hôm nay đều bị diệt hết thì con làm sao chẳng buồn khóc vậy ? Đức Như Lai cùng con đều sinh ra ở thành này, cùng đồng họ Thích, thân thích, quyến thuộc mà sao đức Như Lai một mình chẳng sầu não, nét mặt sáng ngời?” Nay thiện nam tử ! Ta lại bảo rằng : “Này A Nan ! Ông thấy thành Ca Tỳ La chân thật là có, còn ta thấy không tịch, không sở hữu ! Ông thấy dòng họ Thích là thân thích, còn ta tu Không nên đều không sở kiến ! Do nhân duyên này nên ông sinh ra sầu khổ, còn thân ta thì dung nhan lại ngời sáng. Các đức Phật, Bồ tát tu tập Không tam muội như vậy nên chẳng sinh ra sầu não. Đó gọi là Bồ tát tu Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ chín. Nay thiện nam tử ! Sao gọi là Bồ tát tu

Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ mười sau cùng ? Nay thiện nam tử ! Bồ tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, vào Đại Niết Bàn Thường Lạc Ngã Tịnh, vì các chúng sinh phân biệt giải nói kinh Đại Niết Bàn, hiển bày Phật tính. Nếu Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích Chi Phật, Bồ tát tin lời nói này thì đều được vào với Đại Bát Niết Bàn. Nếu họ chẳng tin thì luân hồi sinh tử.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Những chúng sinh nào đối với kinh này chẳng sinh lòng cung kính ?

- Nay thiện nam tử ! Sau khi ta Niết Bàn, có đệ tử Thanh Văn ngu si, phá giới, ưa sinh ra tranh cãi, bỏ mười hai bộ Kinh mà đi đọc tụng đủ thứ sách điển của ngoại đạo, làm văn khen ngợi, tự tay ghi chép. Họ nhận nuôi chứa tất cả vật bất tịnh mà nói là Phật cho phép. Người như vậy đem chiên đàn tốt đôi lấy gỗ thường, đem vàng đôi lấy đá quặng, bạc đôi lấy bạch lạp (hợp kim thiếc pha chì), lụa đôi vải thô, đem vị cam lộ đôi lấy ác độc. Sao gọi là chiên đàn đôi lấy gỗ thường ? Như đệ tử của ta vì sự cúng dường nên hướng về những người bạch y, diễn nói kinh pháp. Tính tình buông thả, chẳng ưa nghe pháp, bạch y ở trên cao, Tỳ kheo ở dưới thấp, thêm dùng đủ thứ đồ ăn ngon mà cung cấp cho họ mà họ còn chẳng chịu nghe. Đó gọi là đem chiên đàn đôi lấy gỗ thường. Sao gọi là đem vàng đôi lấy đá quặng ? Đá quặng ví cho sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vàng đem ví cho Giới. Các đệ tử của ta dùng nhân duyên sắc phá sự thọ giới. Đó gọi là đem vàng đôi lấy đá quặng. Sao gọi là đem bạc đôi lấy bạch lạp. Bạc ví cho mười thiện, bạch lạp ví cho mười ác. Các đệ tử của ta buông bỏ mười thiện, làm mười pháp ác. Đó gọi là đem bạc đôi lấy bạch lạp. Sao gọi là đem lụa đôi lấy vải thô. Vải thô ví cho không tầm không quý, lụa ví cho tầm quý (hổ thẹn). Các đệ tử của ta buông bỏ tầm quý, tập quen không tầm quý. Đó gọi là đem lụa đôi lấy vải thô. Sao gọi là cam lộ đôi lấy độc dược. Độc dược là ví cho đủ thứ lợi dưỡng, cam lộ là ví cho các pháp vô lậu. Các đệ tử của ta vì lợi dưỡng nên hướng về các bạch y mà tự khen mình rằng, được vô lậu. Đó gọi là đem cam lộ đôi lấy độc dược. Do những ác Tỳ kheo như vậy nên đang khi Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này lưu hành trải rộng cõi Diêm Phù Đề mà có các đệ tử thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh này và diễn nói, lưu bố thì bị những Tỳ kheo ác như vậy giết hại họ. Những ác Tỳ kheo đó cùng nhau tụ hội, chung nhau lập định chế nghiêm ngặt : “Nếu có người thọ trì kinh Đại Niết Bàn, sao chép, đọc tụng, phân biệt, diễn nói thì tất cả chẳng được ở chung, ngồi

chung đàm luận nói năng. Vì sao vậy ? Vì Kinh Niết Bàn chẳng phải là của Phật, là sự tạo ra của tà kiến mà người tà kiến tức là Lục sư ngoại đạo. Lời nói của lục sư thì chẳng phải là Kinh điển của Phật. Sở dĩ vì sao ? Vì tất cả các đức Phật đều nói là các pháp vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Nếu nói rằng, các pháp Thường Lạc Ngã Tịnh thì đâu phải là lời nói Kinh của Phật. Các đức Phật, Bồ tát cho phép các Tỳ kheo nuôi chứa đủ thứ vật, còn lời nói của Lục sư thì chẳng cho phép đệ tử nuôi chứa tất cả vật. Nghĩa như vậy thì đâu phải là lời nói của Phật. Các đức Phật, Bồ tát chẳng cấm chế đệ tử đoạn dứt năm vị của trâu và cả ăn thịt máu, còn Lục sư chẳng cho phép ăn năm thứ muối, năm thứ vị của trâu và cả mỡ, máu. Nếu đoạn dứt điều đó thì đâu phải là chánh điển của Phật. Các đức Phật, Bồ tát diễn nói ba thừa mà trong Kinh này thuận nói Nhất thừa, gọi là Đại Niết Bàn. Như lời nói Kinh này thì đâu phải là chánh điển của Phật. Các đức Phật rớt ráo vào với Niết Bàn, còn Kinh này nói rằng, Phật Thường Lạc Ngã Tịnh chẳng vào Niết Bàn. Kinh này chẳng ở trong số mười hai bộ Kinh tức là lời nói của ma, chẳng phải là lời nói của Phật”. Nay thiện nam tử ! Người như vậy tuy là đệ tử của ta nhưng chẳng thể tin thuận Kinh Niết Bàn này. Nay thiện nam tử ! Đương lúc ấy, nếu có chúng sinh tin Kinh điển này, thậm chí chỉ nửa câu kệ thì phải biết người này là chân đệ tử của ta. Nhân họ tin như vậy nên liền thấy Phật tính vào với Niết Bàn.

Bấy giờ, Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Hay thay ! Hay thay ! Ngày hôm nay đức Như Lai khéo có thể khai thị Kinh Đại Niết Bàn ! Thừa đức Thế Tôn ! Con nhân việc này liền được giải ngộ từng nửa câu, từng câu của Kinh Đại Niết Bàn. Do giải được một câu đến nửa câu nên thấy ít Phật tính! Như lời đức Phật nói thì con cũng sẽ được vào Đại Niết Bàn. Đó gọi là Bồ tát tu Kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ mười.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ hai mươi bốn hết -

Quyển Thứ 25

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BA: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

Phần thứ I. - Lúc bấy giờ, đức Phật bảo tất cả đại chúng rằng:

- Nay các thiện nam tử! Nếu các ông nghi ngờ có Phật hay không Phật, có pháp hay không pháp, có Tăng hay không Tăng, có khổ hay không khổ, có tập hay không tập, có diệt hay không diệt, có đạo hay không đạo, có thật hay không thật, có ngã hay không ngã, có vui hay không vui, có tịnh hay không tịnh, có thường hay không thường, có thừa hay không thừa, có tính hay không tính, có chúng sinh hay không chúng sinh, có hữu hay không hữu, có chân hay không chân, có nhân hay không nhân, có quả hay không quả, có tác hay không tác, có nghiệp hay không nghiệp, có báo hay không báo, thì nay ta cho mặc ý ông hỏi. Ta sẽ vì các ông phân biệt giải nói! Nay thiện nam tử! Ta thật chẳng thấy hoặc trời, hoặc người, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc Sa môn, hoặc Bàlamôn có đến hỏi mà ta chẳng thể đáp!

Lúc bấy giờ, trong hội có một vị Bồ tát tên là Sư Tử Hồng, liền đứng dậy, thu liễm dung nhan, sửa sang y phục, trước lễ dưới chân đức Phật, qui dài, tréo tay bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Con vừa muốn hỏi thì đức Như Lai đại từ đã rừ lòng thương cho phép!

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các đại chúng rằng:

- Nay các thiện nam tử! Nay các ông phải đối với vị Bồ tát này sinh lòng cung kính sâu sắc, tôn trọng, khen ngợi, phải dùng đủ thứ hương hoa, kỹ nhạc, chuỗi ngọc, tràng phan, bảo cái, quần áo, đồ ăn uống, ngọa cụ, y dược, phòng nhà, điện đường... mà cúng dường, rước đến, đưa đi. Sở dĩ vì sao? Vì người này đã ở chỗ các đức Phật quá khứ, trồng sâu căn lành, thành tựu phước đức. Vậy nên hôm nay, ở trước ta ông muốn rống tiếng sư tử. Nay thiện nam tử! Như vua sư tử tự biết thân lực, nanh vuốt nhọn hoắt, bốn chân chống đất, an trụ trong hang nghiêm bị, đập đuôi phát ra tiếng. Nếu sư tử có

đủ các tướng như vậy thì phải biết nó có thể rống tiếng sư tử. Vua sư tử chân thật sáng sớm ra khỏi hang, vươn vai ngáp dài, quay nhìn bốn hướng, phát ra tiếng rống chấn động vì mười một việc. Những gì là mười một? Một là vì muốn hoai chẳng phải sư tử thật mà giả làm sư tử. Hai là muốn thử thách thân lực của mình. Ba là vì muốn chỗ ở sạch. Bốn là vì muốn các con biết chỗ ở. Năm là vì muốn bày đàn không lòng kính sợ. Sáu là vì muốn người ngủ được thức tỉnh. Bảy là vì muốn tất cả các loài thú phóng dật chẳng buồn lung. Tám là vì muốn các loài thú đến nhờ nương cận kề. Chín là vì muốn điều phục các con hương tượng. Mười là vì muốn dạy bảo những vợ con. Mười một là vì muốn trang nghiêm quyền thuộc của mình. Tất cả loài cầm thú nghe tiếng rống sư tử thì loài sống dưới nước lặn chìm vực sâu, loài đi trên đất giấu mình trong hang động, loài bay trên không rơi rớt xuống. Những con hương tượng lớn sợ chạy vãi phân... Này thiện nam tử! Như loài dã thú kia cho dù có đuổi theo sư tử đến hàng trăm năm thì nhất định chẳng thể tạo được tiếng rống của sư tử. Nếu sư tử bắt đầu tròn ba tuổi thì có thể kêu rống như vua sư tử. Này thiện nam tử! Thân đầy đủ nanh vuốt trí tuệ, bốn như ý túc, sáu Balamật của Như Lai với mười lực hùng mạnh, đại Bi làm đuôi, an trụ trong hang thanh tịnh Tứ Thiên, Như Lai vì các chúng sinh mà rống tiếng sư tử, diệt phá ma quân, mười lực thị chúng, mở hành xứ của Phật, vì các tà kiến làm chỗ quy y, an ủi vỗ về chúng sinh kính sợ sinh tử, thức tỉnh chúng sinh trong giấc ngủ vô minh, người làm ác pháp vì họ tạo tác lòng hối hận, khai thị tất cả chúng sinh tà kiến khiến cho họ biết hàng Lục Sư chẳng phải là sư tử hồng, phá lòng kiêu mạn của Phú lan na. Vì khiến cho hàng Nhị thừa sinh lòng hối hận, vì dạy các Bồ tát năm trụ.v.v... sinh tâm đại Lực, vì khiến cho bốn bộ chúng chánh kiến đối với bốn bộ đồ đảng tà kiến kia chẳng sinh ra sợ hãi... nên từ trong hang động Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh vươn vai mà ra. Vì muốn khiến cho những chúng sinh đó.v.v... phá kiêu mạn nên ngáp dài. Vì khiến cho các chúng sinh.v.v... sinh ra thiện pháp nên quay nhìn bốn hướng. Vì khiến cho chúng sinh được bốn ngại nên bốn chân chống đất. Vì khiến cho chúng sinh an trụ đầy đủ ở Thi Balamật nên rống tiếng sư tử. Tiếng rống sư tử gọi là lời nói quyết định, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, Như Lai thường trụ không có biến dịch. Này thiện nam tử! Thanh Văn, Duyên Giác tuy lại theo đuổi Như Lai Thế Tôn đến vô lượng trăm ngàn atăng kỳ kiếp mà cũng chẳng thể làm nên tiếng rống sư tử. Bồ tát Thập Trụ nếu có thể tu hành ba hành xứ này thì phải biết là có thể rống tiếng sư tử. Này các thiện nam tử! Đại Bồ tát Sư Tử Hồng này hôm nay muốn rống lên tiếng sư tử lớn như vậy. Vậy nên thâm tâm các ông cần phải cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi!

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Đại Bồ tát Sư Tử Hồng rằng:

- Này thiện nam tử! Nếu ông muốn hỏi thì hôm nay có thể tùy ý!

Đại Bồ tát Sư Tử Hồng bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Sao gọi là Phật tính? Do ý nghĩa gì nên gọi là Phật tính? Vì sao lại gọi là Thường Lạc Ngã Tịnh? Nếu tất cả chúng sinh có Phật tính thì vì sao chẳng thấy Phật tính sở hữu của tất cả chúng sinh? Bồ tát Thập Trụ trụ ở những pháp gì mà chẳng thấy rõ ràng? Phật trụ ở những pháp gì mà thấy rõ ràng? Bồ tát Thập Trụ dùng những mắt gì mà chẳng thấy rõ ràng? Phật dùng mắt gì mà thấy rõ ràng?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Hay thay! Hay thay! Nếu có người có thể vì pháp hỏi han thì được đầy đủ hai thứ trang nghiêm, một là trí tuệ, hai là phước đức. Nếu có Bồ tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thì biết được Phật tính và cũng giải biết sao gọi là Phật tính... cho đến có thể biết Bồ tát Thập Trụ dùng mắt gì để thấy, các đức Phật Thế Tôn dùng mắt gì để thấy!

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Sao gọi là Trí Tuệ trang nghiêm? Sao gọi là phước đức trang nghiêm?

- Này thiện nam tử! Tuệ trang nghiêm là gọi từ Nhất Địa cho đến Thập Địa. Đó gọi là Tuệ trang nghiêm. Phước đức trang nghiêm là gọi từ Đàn Balamật cho đến Bát nhã, chẳng phải là Bát nhã Balamật. Lại nữa, tuệ trang nghiêm là gọi các đức Phật, Bồ tát. Phước đức trang nghiêm là gọi Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát cứu trụ.

Lại nữa, này thiện nam tử! Phước đức trang nghiêm là hữu vi, hữu lậu, có hữu, có quả báo, có ngăn ngại, chẳng phải thường... là những pháp phạm phu. Tuệ trang nghiêm là vô vi, vô lậu, không hữu, không quả báo, không ngăn ngại, thường trụ. Này thiện nam tử! Nay ông đầy đủ hai thứ trang nghiêm này nên có thể hỏi diệu nghĩa thậm thâm. Ta cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm này nên có thể đáp nghĩa đó.

Đại Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng:

- Thừa đức Thế Tôn! Nếu có Bồ tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy, thì chẳng nên hỏi một thứ, hai thứ... thì sao đức Thế Tôn nói rằng có thể đáp một thứ, hai thứ. Sở dĩ vì sao? Vì tất cả các pháp không một, hai thứ. Một thứ, hai thứ là tướng của phàm phu.

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Nếu có Bồ tát không có hai thứ trang nghiêm thì chẳng thể biết một thứ, hai thứ. Nếu có Bồ tát đủ hai thứ trang nghiêm thì có thể giải biết một thứ, hai thứ. Nếu nói rằng các pháp không một, hai thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Nếu không một, hai thì làm sao được nói tất cả các pháp không một, không hai... Nay thiện nam tử! Nếu nói rằng, một, hai là tướng của phàm phu thì đó mới gọi là Bồ tát Thập Trụ, chẳng phải phàm phu. Vì sao vậy? Vì một là gọi Niết Bàn, hai là gọi sinh tử. Vì sao một thì gọi là Niết Bàn? Vì một ấy thường! Vì sao hai thì gọi là sinh tử? Vì thọ vô minh. Thường Niết Bàn thì chẳng phải tướng phàm phu. Sinh tử là hai thì cũng chẳng phải tướng phàm phu. Do nghĩa này nên người đủ hai thứ trang nghiêm thì có thể hỏi, có thể đáp. Nay thiện nam tử! Ông hỏi, sao gọi là Phật tính? Ông hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói! Nay thiện nam tử! Phật tính là gọi Đệ Nhất Nghĩa Không. Đệ Nhất Nghĩa Không gọi là trí tuệ. Sở dĩ nói không là chẳng thấy không cùng chẳng không. Người trí tuệ thấy không và cùng chẳng không, thường cùng vô thường, khổ cùng vui, ngã cùng vô ngã. Không là tất cả sinh tử, chẳng không thì gọi là Đại Niết Bàn... cho đến vô ngã tức là sinh tử. Ngã thì gọi là Đại Niết Bàn. Thấy tất cả không, chẳng thấy chẳng không chẳng gọi là trung đạo... cho đến thấy tất cả vô ngã, chẳng thấy ngã thì chẳng gọi là trung đạo. Trung đạo thì gọi là Phật tính. Do nghĩa này nên Phật tính thường hằng không có biến dịch, vì vô minh che nên khiến cho chúng sinh chẳng thể được thấy. Thanh Văn, Duyên Giác thấy tất cả không, chẳng thấy chẳng không... cho đến thấy tất cả vô ngã, chẳng thấy được ngã. Do nghĩa này nên họ chẳng được đệ nhất nghĩa không. Chẳng được Đệ nhất nghĩa không nên chẳng hành trung đạo. Không trung đạo nên chẳng thấy Phật tính. Nay thiện nam tử! Người chẳng thấy trung đạo thì thường có ba hạng, một là Định Lạc hạnh, hai là Định Khổ hạnh, ba là Khổ Lạc hạnh. Định Lạc hạnh là gọi Đại Bồ tát thương xót tất cả chúng sinh nên tuy ở tại địa ngục A tỳ nhưng như niềm vui Tam thiên. Định khổ hạnh là gọi các phàm phu. Khổ lạc hạnh là gọi Thanh Văn, Duyên Giác. Thanh Văn, Duyên Giác hành theo khổ lạc, tác khởi tư tưởng trung đạo. Do nghĩa này nên tuy có Phật tính mà chẳng thể thấy. Như lời ông đã hỏi, do nghĩa gì nên gọi là Phật tính? Nay thiện nam tử! Phật tính thì tức là chủng tử trung đạo của tất cả các đức Phật Vô Thượng

Chánh Đăng Chánh Giác. Lại nữa, này thiện nam tử! Đạo có ba thứ là hạ, thượng, trung. Hạ là Phạm thiên, vô thường làm thấy là thường. Hạ là sinh tử vô thường làm thấy là thường, Tam Bảo là thường mà ngang ngược kể là vô thường. Sao gọi là Thượng? Có thể được tối thượng Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác. Trung thì gọi là Đệ nhất nghĩa không, vô thường thấy vô, thường thấy là thường. Đệ nhất nghĩa không chẳng gọi là hạ. Vì sao vậy? Vì điều chẳng thể được của tất cả phàm phu nên chẳng gọi là Thượng. Vì sao vậy? Vì tức là Thượng vậy. Đạo tu hành của các đức Phật, Bồ tát chẳng thượng, chẳng hạ. Do nghĩa này nên gọi là trung đạo vậy.

Lại nữa, này thiện nam tử! Này thiện nam tử! Bản tế của sinh tử thường có hai thứ, một là vô minh, hai là hữu ái. Trung gian của hai thứ này thì có khổ, sinh, già, bệnh, chết. Đó gọi là Trung đạo. Như vậy trung đạo có thể phá sinh tử nên gọi là trung. Do nghĩa này nên pháp trung đạo gọi là Phật tính. Vậy nên Phật tính Thường Lạc Ngã Tĩnh. Do các chúng sinh chẳng thể thấy nên cho là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Phật tính thật chẳng phải vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Này thiện nam tử! Ví như nhà người nghèo có bảo tàng mà người đó chẳng thấy. Do chẳng thấy nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Có người thiện tri thức nói với người đó rằng: “Trong nhà ông có Kim bảo tàng (kho báu chứa vàng) mà vì sao ông bận cùng khốn khổ, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh như vậy?” Người này liền dùng phương tiện khiến cho người nghèo kia thấy được. Do được thấy nên người đó liền được Thường Lạc Ngã Tĩnh. Phật tính cũng vậy, chúng sinh chẳng thấy mà do chẳng thấy nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Có thiện tri thức các đức Phật, Bồ tát dùng phương tiện lực, đủ thứ lời dạy bảo khiến cho những chúng sinh đó được thấy. Do được thấy nên chúng sinh liền được Thường Lạc Ngã Tĩnh.

Lại nữa, này thiện nam tử! Chúng sinh khởi kiến thường có hai thứ, một là thường kiến, hai là đoạn kiến. Hai kiến như vậy chẳng gọi là trung đạo, vô thường vô đoạn mới gọi là trung đạo. Vô thường vô đoạn tức là trí quán chiếu mười hai duyên. Trí quán như vậy thì gọi là Phật tính. Người Nhị thừa tuy quán nhân duyên nhưng còn cũng chẳng được gọi là Phật tính. Phật tính tuy thường do các chúng sinh bị vô minh che nên chẳng thể được thấy, lại chưa có thể qua khỏi dòng sông mười hai duyên, giống như con thỏ, con ngựa. Vì sao vậy? Vì chẳng thấy Phật tính vậy. Này thiện nam tử! Trí tuệ quán mười hai nhân duyên này tức là hạt giống Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác. Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tính. Này thiện nam tử! Ví như nắm hồ gọi là bệnh nóng. Vì sao vậy? Vì nó có thể vì bệnh nóng làm nhân duyên. Mười hai nhân duyên cũng lại như vậy. Này

thiện nam tử! Phật tính thì có nhân, có nhân của nhân, có quả, có quả của quả. Có nhân tức là mười hai nhân duyên. Nhân của nhân thì tức là trí tuệ. Có quả thì tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Quả của quả tức là Vô Thượng Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam tử! Ví như vô minh là nhân, các hành là quả, hành là nhân, thức là quả. Do nghĩa này nên thể của vô minh đó cũng là nhân cũng là nhân của nhân và thức cũng là quả, cũng là quả của quả. Phật tính cũng vậy. Này thiện nam tử! Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên chẳng sinh ra, chẳng diệt đi, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng lại, chẳng đi, chẳng nhân, chẳng phải quả. Này thiện nam tử! Nhân này chẳng phải quả. Như Phật tính là quả chẳng phải nhân. Như Đại Niết Bàn là nhân, là quả. Như pháp sở sinh của mười hai nhân duyên chẳng phải nhân, chẳng phải quả nên gọi là Phật tính, chẳng phải nhân quả nên thường hằng không biến dịch. Do nghĩa này nên trong kinh ta nói mười hai nhân duyên, nghĩa ấy thậm thâm, không biết, không thấy, chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của các đức Phật, Bồ tát, chẳng phải các Thanh Văn, Duyên Giác bì kịp. Do nghĩa gì nên rất sâu rất sâu? Nghiệp hành của chúng sinh chẳng thường, chẳng đoạn mà được quả báo, tuy niệm niệm diệt mà không có gì mất, tuy không tác giả mà có tác nghiệp, tuy không người thọ mà có quả báo. Người thọ tuy diệt nhưng quả chẳng bại vong, tuy không có nghĩ biết, hòa hợp mà có tất cả chúng sinh, tuy cùng mười hai nhân duyên hành động chung mà chẳng thấy biết mà chẳng thấy biết nên không có đầu, cuối. Bồ tát Thập Trụ chỉ thấy cuối nghiệp hành ấy, chẳng thấy đầu của nghiệp hành ấy. Các đức Phật Thế Tôn thì thấy đầu, thấy cuối. Do nghĩa này nên các đức Phật được thấy Phật tính rõ ràng. Này thiện nam tử! Tất cả chúng sinh chẳng thể thấy đến mười hai nhân duyên nên bị luân chuyển. Này thiện nam tử! Như con tầm làm kén tự sinh, tự chết. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, chẳng thấy Phật tính nên tự tạo kết nghiệp lưu chuyển sinh tử giống như đá cầu. Này thiện nam tử! Vậy nên ở trong các Kinh ta nói rằng, nếu có người thấy mười hai nhân duyên thì tức là thấy pháp mà thấy pháp tức là thấy Phật. Phật tức là Phật tính. Vì sao vậy? Vì tất cả các đức Phật lấy Phật tính này làm tính. Này thiện nam tử! Trí quán mười hai nhân duyên thường có bốn thứ, một là hạ, hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng. Người hạ trí quán chẳng thấy Phật tính. Do chẳng thấy nên họ được đạo Thanh Văn. Người trung trí quán thì chẳng thấy Phật tính mà do chẳng thấy nên được đạo Duyên Giác. Người thượng trí quán thì thấy Phật tính chẳng rõ ràng mà thấy chẳng rõ ràng nên trụ ở Thập Trụ Địa. Người thượng thượng trí quán thì thấy Phật tính rõ ràng nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tính. Phật tính tức là Đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không gọi là trung đạo. Trung đạo tức là Phật mà Phật gọi là Niết Bàn.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Sư Tử Hồng bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Nếu Phật cùng Phật tính không sai khác thì tất cả chúng sinh cần gì phải tu đạo?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Như lời ông hỏi thì nghĩa này chẳng đúng! Phật cùng Phật tính tuy không sai khác, nhưng các chúng sinh đều chưa đầy đủ. Này thiện nam tử! Ví như có người ác tâm hại mẹ, hại rồi sinh ra hối hận. Nghiệp thứ hai tuy tốt nhưng người này gọi là người địa ngục. Vì sao vậy? Vì người này nhất định phải đọa địa ngục. Người này tuy không đọa địa ngục, âm, giới, các hạnh nhưng còn được gọi là người địa ngục. Này thiện nam tử! Vậy nên ở trong các Kinh ta nói rằng, nếu thấy có người tu hành thiện thì gọi là thấy trời người. Người tu hành ác thì gọi là thấy địa ngục. Vì sao vậy? Vì nhất định thọ báo. Này thiện nam tử! Tất cả chúng sinh nhất định được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên ta nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Tất cả chúng sinh chân thật chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nghĩa này nên ở Kinh này ta nói bài kệ này:

Trước có nay không

Trước không nay có

Pháp ba đời có

Điều này là không.

Này thiện nam tử! Có thì thường có ba thứ, một là vị lai có, hai là hiện tại có, ba là quá khứ có. Tất cả chúng sinh đời vị lai sẽ có Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó gọi là Phật tính. Tất cả chúng sinh hiện tại đều có những kết phiền não nên hiện tại không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sinh đời quá khứ mà có đoạn trừ phiền não nên hiện tại được thấy Phật tính. Do nghĩa này nên ta thường tuyên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, thậm chí nhất xiển đề.v.v... cũng có Phật tính. Nhất xiển đề.v.v... không có thiện pháp mà Phật tính cũng thiện. Do đời vị lai sẽ có nên Nhất xiển đề.v.v... đều có Phật tính. Vì sao vậy? Vì nhất xiển đề.v.v... nhất định sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này thiện nam tử! Ví như có người, trong nhà có cao sữa. Có người hỏi hấn rằng: “Ông có

váng sữa không vậy?” Đáp rằng: “Ta có cao sữa, thật chẳng phải váng sữa. Nhưng ta dùng phương tiện khéo thì nhất định sẽ có được nên nói rằng, có váng sữa”. Chúng sinh cũng vậy, họ đều có tâm mà phàm có tâm thì nhất định sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này nên ta thường tuyên nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Nay thiện nam tử! Rốt ráo (tất cánh) có hai thứ, một là trang nghiêm rốt ráo, hai là cứu cánh rốt ráo. Một là thế gian rốt ráo, hai là xuất thế gian rốt ráo. Trang nghiêm rốt ráo là sáu Ba la mật. Cứu cánh rốt ráo là tất cả chúng sinh được Nhất thừa. Nhất Thừa thì gọi là Phật tính. Do nghĩa này nên ta nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, tất cả chúng sinh đều có Nhất thừa nhưng vì vô minh che lấp nên chẳng thể được thấy. Nay thiện nam tử! Như quả báo ba mươi ba trời cõi Uất Đan Việt bị che khuất nên chúng sinh của thế gian này chẳng thể được thấy. Phật tính cũng vậy, các kết sử che khuất nên chúng sinh chẳng thấy. Lại nữa, nay thiện nam tử! Phật tính tức là Thủ Lăng Nghiêm tam muội, tính như Đề hồ tức là mẹ của tất cả các đức Phật. Do sức lực của Thủ Lăng Nghiêm tam muội mà khiến cho các đức Phật Thường Lạc Ngã Tịnh. Tất cả chúng sinh đều có Thủ Lăng Nghiêm tam muội, nhưng vì chẳng tu hành nên chẳng được thấy. Vậy nên chẳng thể được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay thiện nam tử! Thủ Lăng Nghiêm tam muội có năm thứ tên, một là Thủ Lăng Nghiêm tam muội, hai là Bát nhã Ba la mật, ba là Kim Cương tam muội, bốn là Sư Tử Hồng tam muội, năm là Phật tính. Tùy theo sở tác của tam muội ấy khắp nơi nơi mà được danh xưng. Nay thiện nam tử! Như một tam muội được đủ thứ tên: Như Thiền gọi là Tứ Thiền, căn gọi là Định Căn, lực gọi là Định Lực, giác gọi là Định Giác, chính gọi là Định Chính, Bát đại nhân giác gọi là Định Giác. Thủ Lăng Nghiêm định cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Tất cả chúng sinh đầy đủ ba định là Thượng, Trung, Hạ. Thượng định thì gọi là Phật tính. Do đó nên nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Trung định là tất cả chúng sinh đầy đủ sơ thiền, khi có nhân duyên thì có thể tu tập, nếu không có nhân duyên thì chẳng thể tu tập. Nhân duyên có hai thứ, một gọi là hỏa tai (tai họa lửa), hai gọi là phá kết sử của dục giới. Do đó nên nói rằng, tất cả chúng sinh đều đủ Trung định. Hạ định là trong mười Đại Địa, tâm số định vậy. Do đó nên nói rằng, tất cả chúng sinh đều đủ hạ định. Tất cả chúng sinh đều có Phật tính nhưng vì phiền não che khuất nên chẳng thể được thấy. Bồ tát Thập Trụ tuy thấy Nhất Thừa nhưng chẳng biết Như Lai là pháp thường trụ. Do đó nên nói rằng, Bồ tát Thập Trụ tuy thấy Phật tính mà chẳng sáng tỏ. Nay thiện nam tử! Thủ Lăng Nghiêm thì gọi là Rốt ráo tất cả. Nghiêm gọi là Kiên, tất cả rốt ráo mà được kiên cố thì gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Do đó nên nói rằng, Thủ Lăng Nghiêm tam muội định gọi là Phật tính.

Này thiện nam tử! Một thuở, ta ở cạnh sông Ni Liên Thiên, bảo ông A Nan rằng: “Ta nay muốn tắm, ông hãy lấy áo và cả bát gỗ múc nước tắm!” Ta đã vào nước rồi thì tất cả loài chim bay, các loài thuộc dưới nước, trên đất đều đến xem ta. Bấy giờ lại có năm trăm vị Phạm Chí đến tại bờ sông. Nhân đến chỗ ta tắm, họ đều nói với nhau rằng: “Làm sao mà được tắm thân Kim Cương? Nếu giả sử ông Cù Đàm chẳng nói đoạn kiến thì ta sẽ từ ấy khai thọ Trai pháp!” Này thiện nam tử! Lúc bấy giờ, ta dùng trí Tha Tâm biết được điều nghĩ của lòng Phạm Chí này nên bảo Phạm Chí rằng: “Sao gọi là ta nói đến Đoạn Kiến?” Ông Phạm Chí đó nói rằng: “Thưa ông Cù Đàm! Trước đây ở mọi chỗ trong Kinh, ông nói các chúng sinh đều không có ngã. Đã nói rằng vô ngã thì sao gọi là chẳng phải Đoạn kiến vậy? Nếu vô ngã thì người trì giới là ai? Người phá giới là ai?” Phật nói rằng: “Ta cũng chẳng nói tất cả chúng sinh đều không có ngã mà ta thường tuyên nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Phật tính thì há chẳng phải là ngã sao? Do nghĩa này nên ta chẳng nói Đoạn. Tất cả chúng sinh chẳng thấy Phật tính nên vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Như thế thì gọi là nói Đoạn Kiến vậy”. Các Phạm Chí nghe nói Phật tính tức là ngã nên liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đồng thời xuất gia tu đạo Bồ Đề. Tất cả các loài thuộc loại chim bay, sống dưới nước, ở trên đất cũng phát tâm Bồ Đề Vô Thượng. Đã phát tâm rồi thì chúng liền được xả thân. Này thiện nam tử! Phật tính này thật ra chẳng phải ngã, nhưng vì chúng sinh nên ta nói danh xưng là ngã. Này thiện nam tử! Như Lai có nhân duyên nên nói rằng, vô ngã là ngã mà chân thật là vô ngã. Tuy ta nói lời này nhưng không có hư vọng. Này thiện nam tử! Vì có nhân duyên nên nói ngã là vô ngã mà chân thật có ngã. Vì thế giới nên tuy nói vô ngã mà không hư vọng. Phật tính không ngã Như Lai nói ngã vì là thường vậy. Như Lai là ngã mà nói vô ngã được tự tại vậy.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Sư Tử Hống bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh đều có Phật tính như lực sĩ Kim Cương thì vì nghĩa gì mà tất cả chúng sinh chẳng thể được thấy?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Ví như sắc pháp tuy có khác về màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, về tính chất hình dáng dài ngắn... nhưng người mù chẳng thấy. Tuy họ chẳng thấy nhưng cũng chẳng được nói rằng, sắc pháp không có tính chất, hình dáng dài, ngắn, xanh, vàng, đỏ, trắng. Vì sao vậy? Vì tuy người mù chẳng thấy, nhưng người sáng mắt thì thấy. Phật tính cũng vậy, tất

cả chúng sinh tuy chẳng thể thấy nhưng Bồ tát Thập Trụ thấy một phần ít, Như Lai thấy hoàn toàn. Bồ tát Thập Trụ thấy Phật tính như ban đêm thấy sắc. Việc thấy Phật tính của Như Lai thì như ban ngày thấy sắc. Đây thiện nam tử! Ví như người mù lòa thấy sắc chẳng rõ. Có vị lương y trị liệu cho ông ấy, nhờ sức lực của thuốc nên được thấy rõ ràng. Bồ tát Thập Trụ cũng lại như vậy, tuy thấy Phật tính chẳng thể rõ ràng nhưng do lực của Thủ Lăng Nghiêm tam muội nên có thể được sáng tỏ. Đây thiện nam tử! Nếu có người thấy tất cả pháp vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh và thấy chẳng phải tất cả pháp cũng vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh thì người như vậy chẳng thấy Phật tính. Tất cả thì gọi là sinh tử. Chẳng phải tất cả thì gọi là Tam Bảo. Thanh Văn, Duyên Giác thấy tất cả pháp vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh và chẳng phải tất cả pháp cũng thấy vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Do nghĩa này nên họ chẳng thấy Phật tính. Bồ tát Thập Trụ thấy tất cả pháp vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, thấy chẳng phải tất cả pháp một phần ít Thường Lạc Ngã Tịnh. Do nghĩa này nên trong mười phần được thấy một phần. Các đức Phật Thế Tôn thấy tất cả pháp vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, thấy chẳng phải tất cả pháp là Thường Lạc Ngã Tịnh. Do nghĩa này nên thấy Phật tính như xem trái A ma lạc trong lòng bàn tay. Do nghĩa này nên Thủ Lăng Nghiêm định gọi là Rốt ráo (tất cánh). Đây thiện nam tử! Ví như trăng ngày đầu tiên tuy chẳng thể thấy nhưng chẳng được nói là không. Phật tính cũng vậy, tất cả phàm phu tuy chẳng được thấy nhưng cũng chẳng được nói là không có Phật tính vậy.

Đây thiện nam tử! Phật tính thì như là mười lục, bốn vô sở úy, đại Bi, ba niệm xứ. Tất cả chúng sinh đều có ba thứ phá phiền não rồi nhiên hậu được thấy nhất xiển đề. Phá nhất xiển đề, rồi nhiên hậu được mười lục, bốn vô sở úy, đại Bi, ba niệm xứ. Do nghĩa này nên ta thường tuyên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tính.

Đây thiện nam tử! Mười hai nhân duyên thì tất cả chúng sinh đều chung có cả bên trong lẫn bên ngoài. Những gì là mười hai? Phiền não quá khứ gọi là vô minh, nghiệp quá khứ thì gọi là hành. Trong đời hiện tại khi bắt đầu thọ thai thì gọi là Thức. Vào thai mà năm phần tư căn chưa đủ thì gọi là Danh Sắc. Đầy đủ bốn căn chưa gọi là Xúc thì đó gọi là Lục Nhập. Chưa phân biệt khổ vui thì đó gọi là Xúc. Nhiệm tập một ái thì gọi là Thọ. Quen gần năm dục thì đó gọi là Ái. Tham cầu trong, ngoài thì đó gọi là Thủ. Vì việc trong ngoài mà khởi lên nghiệp thân, miệng, ý thì gọi là Hữu. Thức của đời hiện tại gọi là vị lai Sinh. Danh sắc, lục nhập, xúc, thọ hiện tại gọi là Lão bệnh tử đời vị lai. Đó gọi là mười hai nhân duyên. Đây thiện nam tử! Tất cả chúng sinh tuy có mười hai nhân duyên như vậy nhưng hoặc có loại

chưa đủ. Như khi Ca la la chết thì không mười hai, từ sinh cho đến chết, được kể đủ mười hai. Chúng sinh cõi sắc không ba thứ thọ, ba thứ xúc, ba thứ ái, không có lão bệnh thì cũng được gọi là đầy đủ mười hai. Chúng sinh cõi Vô Sắc không sắc... cho đến không có lão tử mà cũng được gọi là đầy đủ mười hai. Do họ nhất định được nên gọi là chúng sinh bình đẳng có đủ mười hai nhân duyên. Nay thiện nam tử! Phật tính cũng vậy, tất cả chúng sinh nhất định sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên ta nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Nay thiện nam tử! Núi Tuyết có thứ cỏ tên là Nhân Nhục, trâu ăn vào thì cho ra đề hồ. Ở đó lại có thứ cỏ khác, trâu nếu ăn thì không có đề hồ. Tuy không đề hồ nhưng chẳng thể nói rằng, trong núi Tuyết không có cỏ Nhân Nhục. Phật tính cũng vậy, núi Tuyết là gọi Như Lai, cỏ Nhân Nhục là gọi Đại Niết Bàn, cỏ khác là mười hai bộ Kinh. Chúng sinh nếu có thể thính thọ, hỏi han, gọi mở Đại Bát Niết Bàn thì thấy Phật tính. Trong mười hai bộ Kinh, tuy chẳng nghe nói có nhưng chẳng thể nói rằng, không Phật tính vậy.

Nay thiện nam tử! Phật tính là cũng sắc, phi sắc, phi sắc phi phi sắc, cũng tướng, phi tướng, phi tướng phi phi tướng, cũng nhất (một), phi nhất, phi nhất phi phi nhất, phi thường, phi đoạn, phi phi thường, phi phi đoạn, cũng có, cũng không, chẳng phải có, chẳng phải không, cũng là tận, phi tận, phi tận phi phi tận, cũng nhân, cũng quả, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, cũng là nghĩa, phi nghĩa, phi nghĩa phi phi nghĩa, cũng là tự (chữ), phi tự, phi tự phi phi tự. Sao gọi là sắc? Thân Kim Cương. Sao gọi là phi sắc? Mười tám pháp phi sắc bất cộng. Sao gọi là phi sắc phi phi sắc? Sắc phi sắc không có định tướng. Sao gọi là tướng. Ba mươi hai tướng. Sao gọi là phi tướng? Tướng của tất cả chúng sinh chẳng hiện ra. Sao gọi là phi tướng phi phi tướng? Tướng chẳng phải tướng chẳng quyết định. Sao gọi là nhất? Tất cả chúng sinh đều Nhất thừa. Sao gọi là phi nhất? Nói về Ba Thừa. Sao gọi là phi nhất phi phi nhất? Vô số pháp. Sao gọi là phi thường? Từ nhân duyên mà thấy. Sao gọi là đoạn? Lìa khỏi đoạn kiến. Sao gọi là phi phi thường, phi phi đoạn? Không thi chủng vậy. Sao gọi là hữu? Tất cả chúng sinh đều là hữu. Sao gọi là vô? Từ phương tiện khéo mà được thấy. Sao gọi là phi hữu phi vô? Tính của hư không vậy. Sao gọi là tận? Được Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Sao gọi là phi tận? Vì tam muội ấy thường vậy. Sao gọi là phi tận phi phi tận? Tất cả tướng tận đoạn hết. Sao gọi là nhân? Vì rõ nhân vậy! Sao gọi là quả? Vì quả quyết định vậy. Sao gọi là phi nhân, phi quả? Vì nhân quả ấy thường. Sao gọi là nghĩa? Có thể nhiếp lấy hết nghĩa không ngại. Sao gọi là phi nghĩa? Chẳng thể nói vậy. Sao gọi là phi nghĩa phi phi nghĩa? Rốt ráo rỗng không vậy. Sao gọi là Tự (chữ)? Có danh xưng vậy. Sao gọi là phi tự? Tên không tên vậy. Sao gọi là phi tự phi phi tự? Đoạn dứt tất cả tự. Sao gọi

là phi khổ phi lạc? Đoạn dứt tất cả Thọ. Sao gọi là phi ngã? Chưa có thể đủ được tám tự tại. Sao gọi là phi phi ngã? Do ngã ấy thường. Sao gọi là phi ngã phi phi ngã? Chẳng tác, chẳng thọ vậy. Sao gọi là không? Đệ nhất nghĩa không. Sao gọi là phi không? Do không ấy thường vậy. Sao gọi là phi không phi phi không? Có thể vì thiện pháp tạo tác chủng tử vậy. Nay thiện nam tử! Nếu có người có thể suy nghĩ giải rõ nghĩa của Kinh Đại Niết Bàn như vậy thì phải biết người này thấy được Phật tính. Phật tính chẳng thể nghĩ bàn mới chính là cảnh giới của các đức Phật Như Lai, chẳng phải là điều hiểu biết của các Thanh Văn, Duyên Giác. Nay thiện nam tử! Phật tính chẳng phải là âm, giới, nhập, chẳng phải vốn không nay có, chẳng phải đã có rồi trở lại không, từ nhân duyên thiện mà chúng sinh được thấy. Ví như sắt đen cho vào lửa thì đỏ, lấy ra lạnh thì trở lại đen, màu đen này chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài mà do nhân duyên nên có Phật tính cũng vậy, lửa phiền não diệt thì tất cả chúng sinh được nghe thấy. Nay thiện nam tử! Như hạt giống diệt rồi thì mầm được sinh mà tính của mầm này chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài... cho đến hoa quả cũng lại như vậy, từ duyên nên có. Nay thiện nam tử! Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Phật tính cũng vậy, đều là sự thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Sư Tử Hồng nói rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Bồ tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp để được thấy Phật tính mà chẳng rõ ràng? Các đức Phật thành tựu bao nhiêu pháp mà được thấy rõ ràng?

- Nay thiện nam tử! Bồ tát thành tựu đầy đủ mười pháp tuy thấy Phật tính mà chẳng sáng tỏ. Những gì là mười? Một là thiếu dục, hai là tri túc, ba là tịch tịnh, bốn là tinh tấn, năm là chánh niệm, sáu là chánh định, bảy là chánh tuệ, tám là giải thoát, chín là khen ngợi giải thoát, mười là dùng Đại Niết Bàn giáo hóa chúng sinh!

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Thiếu dục và tri túc có gì sai biệt?

- Nay thiện nam tử! Thiếu dục là chẳng cầu, chẳng lấy. Tri túc là khi được ít lòng chẳng hối hận. Thiếu dục là ít có sự ham muốn. Tri túc là chỉ vì pháp sự, lòng chẳng sầu não. Nay thiện nam tử! Dục có ba thứ, một là ác dục, hai là đại dục, ba là dục dục. Ác dục là nếu có Tỳ kheo, lòng sinh tham

dục muốn làm thượng thủ của tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng Tăng đuổi theo sau mình, khiến cho những bốn bộ chúng đều cúng dường, cung kính, khen ngợi, tôn trọng mình, mình trước vì bốn chúng nói pháp đều khiến cho tất cả tin thọ lời dạy của mình, cũng muốn khiến cho quốc vương, đại thần, trưởng giả đều cung kính mình, khiến cho mình được nhiều y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược, nhà cửa đẹp đẽ... là dục của sinh tử. Đó gọi là ác dục. Sao gọi là Đại dục? Nếu có Tỳ kheo sinh ra dục tâm: “Làm sao sẽ khiến cho bốn bộ chúng đều biết ta được Sơ trụ địa... cho đến Thập Trụ địa? Được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác? Được quả A la hán cho đến quả Tu đà hoàn? Ta được Tứ thiên cho đến vô ngại trí?” để vì lợi dưỡng. Đó gọi là Đại Dục. Dục dục là nếu có Tỳ kheo muốn sinh làm Phạm thiên, Ma thiên, Tự Tại thiên, Chuyển Luân Tán Vương, hoặc Sát Lợi, hoặc Bà la môn đều được tự tại là vì lợi dưỡng nên đó gọi là dục dục. Nếu chẳng bị sự hại của ba thứ ác dục này thì đó gọi là thiếu dục. Dục là gọi hai mươi lăm thứ yêu thích (ái). Không có hai mươi lăm thứ yêu thích như vậy thì đó gọi là thiếu dục. Chẳng cầu việc sở dục chưa đến thì đó gọi là thiếu dục. Được mà chẳng đắm trước thì đó gọi là tri túc. Chẳng cầu cung kính, đó gọi là thiếu dục. Được chẳng tích tụ, đó gọi là tri túc. Đây thiện nam tử! Cũng có thiếu dục chẳng gọi là tri túc, có tri túc chẳng gọi là thiếu dục, cũng có thiếu dục cũng tri túc, có chẳng tri túc chẳng thiếu dục. Thiếu dục là gọi Tu đà hoàn, tri túc là gọi Bích Chi Phật, thiếu dục tri túc là gọi A la hán, chẳng thiếu dục chẳng tri túc là gọi Bồ tát. Đây thiện nam tử! Thiếu dục tri túc lại có hai thứ, một là thiện, hai là chẳng thiện. Chẳng thiện là gọi phạm phu. Thiện là thánh nhân Bồ tát. Tất cả Thánh nhân tuy được đạo quả nhưng chẳng tự xưng nói. Chẳng xưng nói nên lòng chẳng nã hận. Đó gọi là tri túc. Đây thiện nam tử! Đại Bồ tát tu tập Kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn muốn thấy Phật tính nên tu tập thiếu dục tri túc. Sao gọi là tịch tịnh? Tịch tịnh có hai, một là tâm tịch tịnh, hai là thân tịch tịnh. Thân tịch tịnh thì nhất định chẳng tạo tác ba thứ ác của thân. Tâm tịch tịnh thì cũng chẳng tạo tác ba thứ ác của ý. Đó gọi là thân tâm tịch tịnh. Thân tịch tịnh là chẳng thân cận bốn chúng, chẳng can dự vào sự nghiệp sở hữu của bốn chúng. Tâm tịch tịnh là nhất định chẳng tu tập tham dục, sân nhuế, ngu si. Đó gọi là thân tâm tịch tịnh. Hoặc có Tỳ kheo, thân tuy tịch tịnh mà tâm chẳng tịch tịnh, có tâm tịch tịnh mà thân chẳng tịch tịnh, có thân tâm tịch tịnh, lại có thân tâm đều chẳng tịch tịnh. Thân tịch tịnh tâm chẳng tịch tịnh là, hoặc có Tỳ kheo ngồi thiền chỗ tịch tịnh, xa lìa bốn chúng mà tâm thường tích tập tham dục, sân nhuế, ngu si. Đó gọi là thân tịch tịnh, tâm chẳng tịch tịnh. Tâm tịch tịnh thân chẳng tịch tịnh là, hoặc có Tỳ kheo thân cận bốn chúng, quốc vương, đại thần mà đoạn trừ tham, sân, si. Đó gọi là tâm tịch tịnh thân chẳng tịch tịnh. Thân tâm tịch tịnh là gọi các đức Phật, Bồ tát. Thân tâm chẳng tịch tịnh là gọi các phạm phu. Vì sao vậy? Vì người

phàm phu tuy thân tâm có tịch tịnh nhưng chẳng thể quan sát sâu vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do nghĩa này nên người phàm phu chẳng thể tịch tịnh nghiệp của thân, miệng, ý. Bọn nhất xiển đề phạm bốn trọng cấm, tạo nên tội ngũ nghịch.... người như vậy cũng chẳng được gọi là thân tâm tịch tịnh. Sao gọi là tinh tấn? Nếu có Tỳ kheo muốn khiến cho nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh, xa lìa tất cả các nghiệp bất thiện, tu tập tất cả các nghiệp thiện thì đó gọi là tinh tấn. Người đủ tinh tấn thì luôn nghĩ đến sáu chỗ là Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí, Trời. Đó gọi là Chánh niệm. Người đủ Chánh niệm thì sở đắc tam muội. Đó gọi là Chánh định. Người đủ Chánh định thì xem thấy các pháp giống như hư không. Đó gọi là Chánh tuệ. Người đủ Chánh tuệ thì xa lìa các kết của tất cả phiền não. Đó gọi là giải thoát. Người được giải thoát vì các chúng sinh khen ngợi giải thoát rằng, giải thoát này thường hằng bất biến. Đó gọi là tán thán giải thoát. Giải thoát tức là Vô Thượng Đại Bát Niết Bàn. Niết Bàn tức là lìa các kết phiền não diệt. Lại, Niết Bàn gọi là nhà cửa. Vì sao vậy? Vì có thể ngăn chặn gió mưa phiền não ác. Lại, Niết Bàn gọi là bến bãi. Vì sao vậy? Vì bốn dòng sông dữ chẳng thể cuốn trôi. Những gì là bốn? Một là Dục bạo, hai là Hữu bạo, ba là Kiến bạo, bốn là Vô minh bạo (bạo ác, dữ). Vậy nên Niết Bàn gọi là bến bãi. Lại, Niết Bàn gọi là Về rốt ráo. Vì sao vậy? Vì có thể được tất cả niềm vui rốt ráo. Nếu có Đại Bồ tát thành tựu đầy đủ mười pháp như vậy thì tuy thấy Phật tính mà chẳng rõ ràng. Lại nữa, này thiện nam tử! Người xuất gia có bốn thứ bệnh nên chẳng được bốn quả Sa môn. Những gì là bốn bệnh? Đó là bốn ác dục, một là y dục, hai là thực dục, ba là ngoại cụ dục, bốn là hữu dục. Đó gọi là bốn ác dục. Bốn bệnh xuất gia này có bốn thứ thuốc hay có thể trị liệu chúng. Đó là, Phân tảo y có thể trị liệu Tỳ kheo bị bệnh y ác dục, Khất thực có thể phá bệnh thực ác dục, thọ hạ (ở dưới cây) có thể phá bệnh ngoại cụ ác dục, thân tâm tịch tịnh có thể phá trừ Tỳ kheo bị bệnh hữu ác dục. Nhờ bốn thứ thuốc này trừ được bốn bệnh đó. Bốn thứ thuốc này gọi là Thánh hạnh. Những hạnh Thánh như vậy được gọi là Thiểu dục tri túc. Tịch tịnh thì có bốn niềm vui. Những gì là bốn? Một là niềm vui xuất gia, hai là niềm vui tịch tịnh, ba là niềm vui vĩnh diệt, bốn là niềm vui rốt ráo. Được bốn niềm vui này gọi là Tịch Tịnh. Đủ bốn tinh tấn nên gọi là Tinh Tấn. Đủ bốn niệm xứ nên gọi là Chánh niệm. Đủ bốn thiền nên gọi là Chánh định. Thấy bốn Thánh Thật nên gọi là Chánh tuệ. Đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não kết nên gọi là giải thoát. Quả trách tất cả lỗi phiền não nên gọi là khen ngợi giải thoát. Này thiện nam tử! Đại Bồ tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy thì tuy thấy Phật tính mà chẳng rõ ràng. Lại nữa, này thiện nam tử! Đại Bồ tát nghe Kinh này rồi thì gần gũi tu tập, xa lìa tất cả việc của thế gian. Đó gọi là thiểu dục. Đã xuất gia rồi thì chẳng sinh lòng hối hận. Đó gọi là Tri túc. Đã tri túc rồi thì gần chỗ không nhân, xa lìa ồn ào, rối loạn. Đó gọi là tịch tịnh. Người

chẳng biết tri túc thì chẳng ưa không nhân. Phàm người tri túc thì thường ưa không tịch. Họ ở chỗ thường tác khởi ý niệm này: “Tất cả thế gian đều cho là ta được đạo quả Sa môn, nhưng ta nay thật ra chưa có thể được. Nay ta làm sao mà lừa dối, mê hoặc mọi người được?” Tác khởi ý niệm này rồi, họ tinh cần tu tập đạo quả Sa môn. Đó gọi là Tinh tấn. Thân cần tu tập Đại Niết Bàn thì đó gọi là Chánh niệm. Thuận theo thiên hạnh thì đó gọi là Chánh định. An trụ ở định này mà chánh kiến, chánh tri thì đó gọi là Chánh tuệ. Thấy biết chân chính thì có thể được xa lìa sự trói buộc của phiền não kết. Đó gọi là giải thoát. Bồ tát Thập Trụ vì chúng sinh nên xưng nói tốt Niết Bàn thì đó gọi là khen ngợi Giải thoát. Nay thiện nam tử! Đại Bồ tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy thì tuy thấy Phật tính mà chẳng rõ ràng. Lại nữa, này thiện nam tử! Luận về thiếu dục thì như có Tỳ kheo trụ ở chỗ không tịch, ngồi ngay ngắn, chẳng nằm. Hoặc Tỳ kheo trụ ở góc cây, hoặc tại nghĩa địa, hoặc tại chỗ trống trải, tùy theo chỗ đất có cỏ mà ngồi lên, xin đồ ăn mà ăn, tùy theo đồ ăn xin được mà cho là đủ, hoặc một lần ngồi ăn chẳng quá một món ăn, chỉ cất giữ ba áo mà là áo phẩn tảo cũ mục. Đó gọi là thiếu dục. Đã làm việc này mà lòng chẳng sinh ra hối hận thì đó gọi là Tri túc. Tu Không tam muội, đó gọi là Tịch tịnh. Được bốn quả rồi mà đối với tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chẳng ngưng nghỉ thì đó gọi là Tinh tấn. Lòng luôn luôn suy nghĩ, Như Lai thường hằng không có biến dịch thì đó gọi là Chánh niệm. Tu tám Giải thoát thì đó gọi là Chánh định. Được bốn vô ngại thì đó gọi là Chánh tuệ. Xa lìa bảy lậu thì đó gọi là Giải thoát. Xưng nói tốt Niết Bàn không có mười tướng thì gọi là khen ngợi Giải thoát. Mười tướng là sinh, lão, bệnh, tử, sắc, thanh, hương, vị, xúc, vô thường. Xa lìa mười tướng thì gọi là Đại Niết Bàn. Nay thiện nam tử! Đó gọi là Đại Bồ tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy, tuy thấy Phật tính mà chẳng rõ ràng. Lại nữa, này thiện nam tử! Vì nhiều dục nên gần gũi quốc vương, đại thần, trưởng giả, Sát Lợi, Bà la môn, Tỳ xá, Thủ đà và tự xưng là: “Ta được quả Tu đà hoàn... cho đến quả A la hán”. Vì lợi dưỡng nên đi, đứng, ngồi, nằm thậm chí cả khi đi đại, tiểu tiện lợi mà nếu thấy đàn việt còn hành lễ cung kính, tiếp dẫn, nói năng. Phá ác dục thì gọi là Thiếu dục. Tuy chưa có thể phá hoại hết các kết phiền não mà có thể đồng hành xứ với Như Lai. Đó gọi là tri túc. Nay thiện nam tử! Hai pháp như vậy mới là nhân duyên gần của Niệm Định thường được sự khen ngợi của người đồng học theo tông phái của thầy. Ta cũng thường ở khắp nơi nơi trong Kinh, xưng nói tốt đẹp, khen ngợi hai pháp như vậy. Nếu người có thể đầy đủ hai pháp này thì được gần với cửa Đại Niết Bàn và năm thứ vui. Đó gọi là tịch tịnh. Người kiên trì giới thì gọi là tinh tấn. Người có tâm quý thì gọi là Chánh niệm. Chẳng thấy tâm tướng thì gọi là Chánh định. Chẳng cầu nhân duyên tính tướng các pháp thì gọi là Chánh tuệ. Không có tướng thì phiền não đoạn trừ. Đó gọi là giải

thoát. Xung nói tốt đẹp Kinh Đại Niết Bàn như vậy thì gọi là tán thán giải thoát. Nay thiện nam tử! Đó gọi là Đại Bồ tát an trụ ở mười pháp, tuy thấy Phật tính mà chẳng rõ ràng. Nay thiện nam tử! Như lời ông hỏi, Bồ tát Thập Trụ dùng mắt gì, tuy thấy Phật tính mà chẳng tỏ rõ? Các đức Phật Thế Tôn dùng mắt gì mà thấy Phật tính được sáng tỏ? Nay thiện nam tử! Các Bồ tát đó dùng tuệ nhãn thấy nên chẳng được sáng tỏ. Chư Phật dùng Phật nhãn thấy nên được sáng tỏ. Vì Bồ Đề hạnh thì chẳng tỏ rõ, nếu không có hạnh thì được tỏ rõ. Trụ ở Thập Trụ nên tuy thấy mà chẳng rõ, chẳng trụ chẳng đi thì được tỏ rõ. Nhân trí tuệ của Đại Niết Bàn nên thấy chẳng tỏ rõ. Các đức Phật Thế Tôn đoạn trừ nhân quả nên thấy rõ ràng. Nhất thiết giác (hiểu biết hết tất cả) thì gọi là Phật tính. Bồ tát Thập Trụ chẳng được gọi là Nhất Thiết Giác. Vậy nên Bồ tát đó tuy thấy mà chẳng sáng tỏ. Nay thiện nam tử! Thấy có hai thứ, một là mắt thấy, hai là nghe thấy. Các đức Phật Thế Tôn mắt thấy Phật tính như xem quả A ma lặc ở trong lòng bàn tay. Bồ tát Thập Trụ nghe thấy Phật tính nên chẳng rõ ràng. Bồ tát Thập Trụ chỉ có thể tự biết nhất định được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà chẳng thể biết tất cả chúng sinh đều có Phật tính.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyền thứ hai mươi lăm hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 26

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BA : BỒ TÁT SỰ TỬ HỒNG

Phần thứ II. - Nay thiện nam tử ! Lại có mắt thấy, các đức Phật Như Lai và Bồ tát Thập Trụ mắt thấy Phật tính. Lại có nghe thấy, tất cả chúng sinh cho đến Bồ tát Cữu Địa nghe thấy Phật tính. Bồ tát nếu nghe tất cả chúng sinh đều có Phật tính mà lòng chẳng sinh ra niềm vui thì chẳng gọi là nghe thấy.

Nay thiện nam tử ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn thấy Như Lai thì cần phải tu tập mười hai bộ Kinh, thọ trì, đọc tụng, sao chép, giải nói.

Đại Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Tất cả chúng sinh chẳng thể được biết tâm tướng của Như Lai thì phải quan sát thế nào mà được biết vậy ?

- Nay thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh thật chẳng thể biết tâm tướng của Như Lai ! Nếu muốn quan sát mà được biết thì có hai nhân duyên, một là mắt thấy, hai là nghe thấy. Nếu thấy thân nghiệp sở hữu của Như Lai thì phải biết chính đó là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Nếu quan sát khẩu nghiệp sở hữu của Như Lai thì phải biết chính đó là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu thấy sắc mao không cùng ngang bằng với tất cả chúng sinh thì phải biết chính đó là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Nếu nghe âm thanh vi diệu tối thắng chẳng đồng với âm thanh sở hữu của chúng sinh thì phải biết đó là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu thấy thân thông sở tác của Như Lai là vì chúng sinh hay vì lợi dưỡng. Nếu vì chúng sinh chẳng vì lợi dưỡng thì phải biết chính đó là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Nếu khi quan sát Như Lai dùng trí Tha Tâm quan sát chúng sinh là để vì lợi dưỡng hay vì chúng sinh nói pháp. Nếu vì chúng sinh, chẳng vì lợi dưỡng thì phải biết chính là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu quan sát sao gọi là Như Lai mà thọ thân này ? Vì sao thọ thân ? Vì ai thọ thân ? Đó gọi là mắt thấy. Nếu quan sát Như Lai, sao gọi là nói pháp ? Vì sao nói pháp ? Vì ai nói pháp ? Đó gọi là nghe thấy. Dùng nghiệp ác thân gia hại mà chẳng sân hận thì phải biết đó là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Dùng nghiệp ác miệng gia hại mà chẳng sân hận thì phải biết đó là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu thấy khi Bồ tát mới sinh, ở mười phương diện đều đi bảy bước, đại tướng quỷ thần Ma Ni Bạt Đà, Phú Na Bạt Nan Đà cầm tràng phan, bảo cái, chân động vô lượng vô biên thế giới, ánh sáng vàng chói sáng cùng khắp trong hư không. Vua rồng Nan Đà và Bạt Nan Đà dùng sức thân thông tắm rửa thân Bồ tát, hình tượng chư thiên nghênh đón, lễ bái, tiên A Từ Đà chấp tay cung kính, tuổi trẻ bỏ dục như nhô bỏ nước bọt, chẳng bị sự mê hoặc của thế lạc, xuất gia tu đạo, ưa thích nhàn tịch, vì phá tà kiến nên sáu năm khổ hạnh, đối với các chúng sinh bình đẳng không hai, lòng thường ở tại định, trước không tán loạn, tướng tốt nghiêm lệ, trang sức thân mình, chỗ ngồi đi qua gò đồng đều bằng phẳng, y phục rời thân bốn tác chẳng rơi, khi đi nhìn thẳng, chẳng quay nhìn trái, phải, vật ngài đã ăn là vật , chỗ ngồi đứng dậy cỏ chẳng động chẳng rơi, vì điều phục chúng sinh nên đến nói pháp mà lòng không kiêu mạn... Đó gọi là mắt thấy. Nếu nghe Bồ tát đi bảy bước đã xưng lên rằng : “Thân này của ta hôm nay là biên sau cùng”. Nghe tiên A Từ Đà chấp tay nói rằng : “Đại vương phải biết, thái tử Tất Đạt nhất định được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhất định chẳng ở nhà làm Chuyển Luân Vương ! Vì sao

vậy ? Vì tướng sáng tỏ, còn tướng của Chuyển Luân Thánh Vương chẳng sáng tỏ. Thân tướng của thái tử Tất Đạt sáng tỏ. Vậy nên nhất định được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Nghe Bồ tát thấy lão, bệnh, tử nói rằng : “Tất cả chúng sinh rất đáng thương xót ! Họ thường cùng với sanh, già, bệnh, chết như vậy chung đuôi theo nhau mà chẳng thể quan sát ! Họ thường đi với khổ, ta sẽ đoạn trừ !” Từ tiên nhân ngũ thông A La La thọ Vô tướng định, sau khi đã thành tựu rồi thì nói rằng: “Định ấy chẳng phải !” Từ tiên nhân Uất Đà thọ phi hữu tướng phi vô tướng định, khi đã thành tựu rồi thì nói rằng : “Chẳng phải Niết Bàn mà là pháp sinh tử !” Tu sáu năm khổ hạnh không có sự thu hoạch, liền nói rằng : “Tu hạnh khổ này rồi không không sở đắc. Nếu là thật thì ta nên được. Nhưng do hư vọng nên ta không sở đắc. Đó gọi là tà thuật, chẳng phải chánh đạo vậy”. Bồ tát đã thành đạo rồi, Phạm thiên khuyến thỉnh : “Nguyện xin đức Như Lai vì chúng sinh mở rộng cam lộ, nói pháp Vô Thượng”. Đức Phật nói rằng : “Này Phạm vương ! Tất cả chúng sinh thường bị sự ngăn che của phiền não, chẳng thể thọ lời nói chánh pháp của ta !” Phạm vương lại lại nói rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Tất cả chúng sinh thường có ba loại là lợi căn, trung căn, độn căn. Hạng lợi căn có thể thọ, nguyện xin ngài vì họ diễn nói !” Đức Phật dạy rằng : “Này Phạm vương ! Hãy lắng nghe ! Lắng nghe ! Ta nay sẽ vì tất cả chúng sinh mở cửa cam lộ”. Phật liền ở nước Ba La Nại, chuyển bánh xe chánh pháp, tuyên nói trung đạo. Tất cả chúng sinh chẳng phải phá các kết, chẳng phải chẳng thể phá. Chẳng phải phá, chẳng phải chẳng phá nên gọi là Trung đạo. Chẳng độ chúng sinh, chẳng phải chẳng độ thì đó gọi là Trung đạo. Chẳng phải tất cả thành, cũng chẳng phải chẳng thành thì đó gọi là Trung đạo. Phạm có lời nói mà chẳng tự nói rằng thầy, chẳng nói rằng đệ tử thì đó gọi là Trung đạo. Nói chẳng vì lợi mà chẳng phải chẳng được quả thì đó gọi là Trung đạo. Chánh ngữ, Thật ngữ, Thời ngữ, Chân ngữ, nói chẳng phát ra trống rỗng mà vi diệu đệ nhất... Những pháp như vậy thì gọi là nghe thấy. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn thấy Như Lai thì nên phải nương vào hai thứ nhân duyên này !

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Sư Tử Hống bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như trước ngài đã nói, quả Am La dụ cho bốn thứ người.v.v... Có người hành động tinh tế mà lòng chẳng chính thật, có người lòng tinh tế mà hành động chẳng chánh thật; có người lòng tinh tế mà hành động cũng chánh thật, có người lòng chẳng tinh tế mà hành động cũng chẳng chánh thật. Hai thứ người đầu này làm sao có thể biết ? Như lời đức Phật nói, chỉ nương vào hai thứ nhân duyên đó chẳng thể được biết.

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Quả Am La dụ cho hai thứ người.v.v... thì thật khó có thể biết. Do khó biết nên trong Kinh ta nói rằng, phải cùng cộng trụ. Nếu trụ mà chẳng biết thì phải cùng ở lâu. Ở lâu mà chẳng biết thì phải dùng trí tuệ. Trí tuệ mà chẳng biết thì phải quan sát sâu. Do quan sát sâu nên biết kẻ trì giới và người phá giới. Này thiện nam tử ! Đủ bốn việc này : Cộng trụ, ở lâu, trí tuệ, quan sát, nhiên hậu được biết trì giới hay phá giới. Này thiện nam tử ! Giới có hai thứ, người trì cũng có hai thứ, một là cứu cánh, hai là chẳng cứu cánh. Có người do nhân duyên nên thọ trì cấm giới. Người trí phải quan sát, người này trì giới là vì lợi dưỡng hay là cứu cánh trì? Này thiện nam tử ! Giới cấm của Như Lai thì không có nhân duyên. Vậy nên được gọi là cứu cánh giới. Do nghĩa này nên Bồ tát tuy bị sự tổn hại của các chúng sinh ác nhưng sinh ra sân si. Vậy nên Như Lai được gọi là thành tựu trì giới rốt cùng, trì giới cứu cánh. Này thiện nam tử ! Một thuở trước đây, ông Xá Lợi Phất và năm trăm đệ tử đều chung dùng trụ ở đại thành Chiêm Bà của nước Ma Đà Đà, có người thợ săn truy đuổi một con bò câu. Con bò câu này kinh sợ đến núp bóng ông Xá Lợi Phất mà còn run lẩy bẩy như cây chuối. Nó đến núp trong bóng của ta thì thân tâm yên ổn, nỗi kinh sợ được trừ khỏi. Vậy nên phải biết rằng, Như Lai Thế Tôn rất ráo trì giới, thậm chí bóng của thân còn có sức lực này. Này thiện nam tử ! Chẳng cứu cánh giới còn chẳng thể được Thanh Văn, Duyên Giác, huống gì là có thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại có hai thứ, một là vì lợi dưỡng, hai là vì chánh pháp. Vì lợi dưỡng nên thọ trì cấm giới thì phải biết giới này chẳng thấy Phật tính và cả Như Lai. Tuy chỉ nghe danh Phật tính và Như Lai thôi mà còn chẳng được danh để nghe thấy. Nếu vì chánh pháp thọ trì cấm giới thì phải biết giới này có thể thấy Phật tính và cả Như Lai. Đó gọi mắt thấy, cũng gọi là nghe thấy. Lại có hai thứ, một là rễ sâu khó nhổ, hai là rễ cạn dễ lay (động). Nếu có thể tu tập Không, Vô tướng, Vô nguyện thì đó gọi là rễ sâu khó nhổ. Nếu chẳng tu tập ba tam muội này thì tuy lại tu tập vì hai mươi lăm cõi hữu thì đó gọi là rễ cạn dễ lay. Lại có hai thứ, một là vì tự thân, hai là vì chúng sinh. Vì chúng sinh thì có thể thấy Phật tính và cả Như Lai. Người trì giới lại có hai thứ, một là tính tự có thể trì, hai là cần sự dạy bảo của người khác. Nếu thọ giới rồi mà trải qua vô lượng đời, ban đầu chẳng lỗi làm gì, rồi hoặc gặp đất nước ác, gặp ác tri thức, lúc ác, đời ác, nghe pháp tà ác, ở chung với tà kiến... Bấy giờ tuy không thọ giới pháp, vẫn tu trì như cũ, không có sự hủy phạm. Đó gọi là tính tự có thể trì. Nếu gặp sự tăng, bạch bốn yết ma, rồi nhiên hậu được giới. Tuy được giới rồi nhưng cần nhờ cậy Hòa Thượng, các thầy, bạn lành đồng học dạy bảo đỡ dành mới biết tấn chỉ (tiên dùng), nghe pháp, nói pháp để hoàn bị các oai

ngi. Đó gọi là cần sự dạy bảo của người khác. Nay thiện nam tử ! Tính có thể trì là mắt thấy Phật tính và cả Như Lai, cũng gọi là nghe thấy. Giới lại có hai, một là Thanh Văn giới, hai là Bồ tát giới. Từ lúc mới phát tâm cho đến khi được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó gọi là Bồ tát giới. Như từ quan sát xương trắng cho đến chứng được quả A la hán. Đó gọi là Thanh Văn giới. Nếu có người thọ trì Thanh Văn giới thì phải biết người đó chẳng thấy Phật tính và cả Như Lai. Nếu có người thọ trì Bồ tát giới thì phải biết người đó sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có thể thấy Phật tính, Như Lai, Niết Bàn !

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì mà thọ trì cấm giới ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Vì lòng chẳng hỏi vậy ! Vì sao chẳng hỏi ? Vì thọ lạc vậy ! Vì sao thọ lạc ? Vì viễn ly (xa lìa) vậy ! Vì sao viễn ly ? Vì yên ổn vậy ! Vì sao yên ổn ? Vì Thiên định vậy ! Vì sao Thiên định ? Vì tri kiến chân thật vậy ! Vì sao vì tri kiến chân thật ? Vì thấy những tội lỗi hoạn nạn của sinh tử ! Vì sao vì thấy lỗi hoạn của sinh tử ? Vì lòng chẳng tham trước ! Vì sao vì lòng chẳng tham trước ? Vì được giải thoát ! Vì sao vì được giải thoát ? Vì được Vô Thượng Đại Niết Bàn ! Vì sao vì được Đại Niết Bàn ? Vì được pháp Thường Lạc Ngã Tịnh. Vì sao vì được Thường Lạc Ngã Tịnh ? Vì được chẳng sinh, chẳng diệt. Vì sao vì được chẳng sinh chẳng diệt ? Vì thấy Phật tính ! Vậy nên tính Bồ tát tự có thể trì cứu cánh tịnh giới. Nay thiện nam tử ! Tỳ kheo trì giới tuy chẳng phát nguyện cầu lòng chẳng hỏi, nhưng lòng chẳng hỏi tự nhiên mà được. Vì sao vậy ? Vì pháp tính vậy nên tuy Tỳ kheo trì giới chẳng cầu lạc, viễn ly, yên ổn, thiên định, thật tri kiến, thấy lỗi hoạn sinh tử, lòng chẳng tham trước, giải thoát, Niết Bàn, Thường Lạc Ngã Tịnh, chẳng sinh chẳng diệt, thấy Phật tính mà tự nhiên được. Vì sao vậy ? Vì pháp tính vậy.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu nhân trì giới được quả bất hỏi (chẳng hỏi hận), nhân giải thoát được quả Niết Bàn thì Giới không có nhân, Niết Bàn không có quả. Giới nếu không nhân thì gọi là Thường. Niết Bàn không có nhân thì chính là Vô thường. Nếu vậy thì Niết Bàn là vốn không nay có. Nếu

là vốn không nay có thì chính là vô thường, giống như thắp đèn. Niết Bàn nếu vậy thì làm sao được gọi là Ngã Lạc Tịnh vậy ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Hay thay ! Hay thay ! Ông đã từng ở vô lượng chỗ Phật, gieo trồng căn lành, mới có thể hỏi Như Lai nghĩa lý sâu như vậy! Nay thiện nam tử ! Ông chẳng mất ý niệm xưa mới hỏi được như vậy ! Ta nhớ thuở xa xưa, qua vô lượng kiếp, tại thành Ba La Nại, có đức Phật ra đời hiệu là Thiện Đắc. Bảy giờ, trong ba ức năm, đức Phật đó diễn nói Kinh Đại Niết Bàn như vậy. Ta cùng với ông đều ở tại pháp hội đó, ta đã vì việc này mà hỏi han đức Phật đó. Bảy giờ đức Như Lai vì chúng sinh nên chánh thọ tam muội, chưa giải đáp nghĩa này. Hay thay ! Nay Đại sĩ ! Ông mới có thể nhớ nghĩ việc cũ như vậy ! Ông hãy lắng nghe ! Lắng nghe ! Ta sẽ vì ông diễn nói ! Giới cũng có nhân gọi là nghe chánh pháp. Nghe chánh pháp là cũng có nhân gọi là gần bạn lành. Gần bạn lành thì cũng có nhân gọi là tín tâm. Có tín tâm thì cũng có nhân. Nhân có hai thứ, một là nghe pháp, hai suy nghĩ nghĩa. Nay thiện nam tử ! Tín tâm là nhân đối với thính pháp. Thính pháp là nhân đối với tín tâm. Hai pháp như vậy cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Nay thiện nam tử ! Ví như bọ ni cần đứng nâng đỡ cái bình, vì nhân quả đáp đối họ chẳng được lia nhau. Nay thiện nam tử ! Như vô minh duyên hành, hành duyên vô minh. Vô minh, hành này cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân. Chúng cũng là quả mà cũng là quả của quả... cho đến sinh duyên lão tử, lão tử duyên sinh. Sinh, Lão tử này cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân. Chúng cũng là quả mà cũng là quả của quả. Nay thiện nam tử ! Sinh có thể sinh ra pháp nhưng chẳng thể tự sinh. Chẳng tự sinh nên do sinh mà sinh ra sinh. Sinh ra sinh chẳng tự sinh mà nhờ sinh nên sinh. Vậy nên hai sinh cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân. Chúng cũng là quả mà cũng là quả của quả. Nay thiện nam tử ! Tín tâm và thính pháp cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Quả này chẳng phải là nhân, gọi là Đại Niết Bàn thì vì sao gọi là quả ? Là Thượng quả ? Quả của Sa môn ? Quả của Bà la môn ? Đoạn trừ sinh tử, phá tan phiền não, vậy nên gọi là quả. Bị sự quở trách của các phiền não, vậy nên Niết Bàn gọi là quả. Phiền não thì gọi là tội lỗi của tội lỗi. Nay thiện nam tử ! Niết Bàn không nhân mà thể chính là quả. Vì sao vậy ? Vì không sinh diệt, không sở tác, chẳng phải hữu vi, chính là vô vi, thường trụ bất biến, không xứ sở, không chung thì. Nay thiện nam tử ! Nếu Niết Bàn có nhân thì chẳng được xưng là Niết Bàn. Bàn là nói nhân. Bát Niết là nói Không. Không có nhân nên xưng là Niết Bàn.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Như lời đức Phật nói, Niết Bàn không nhân thì nghĩa này chẳng vậy ! Nếu nói rằng không thì phải hợp sáu nghĩa. Một là rốt ráo không nên gọi đó là không, như tất cả pháp không ngã, không ngã sở. Hai là có lúc không nên gọi đó là không, như người đời nói rằng, sông ao không nước, không có mặt trời, mặt trăng. Ba là ít nên gọi đó là không, như người đời nói rằng, trong đồ ăn ít mặn nên gọi là không mặn, nước uống ít ngọt nên gọi là không ngọt. Bốn là không thọ nhận nên gọi đó là không, như Chiên đà la chẳng thể thọ trì pháp của Bà la môn nên gọi là Không Bà la môn. Năm là thọ pháp ác nên gọi đó là không, như người đời nói rằng, người thọ pháp ác thì chẳng gọi là Sa môn, Bà la môn. Vậy nên gọi là không có Sa môn và Bà la môn. Sáu là chẳng đối nên gọi đó là không. Ví như không trắng thì gọi đó là đen, không có sáng nên gọi đó là vô minh. Thưa đức Thế Tôn ! Niết Bàn cũng vậy, có lúc không nhân nên gọi là Niết Bàn.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Nay ông đã nói sáu nghĩa như vậy, vì sao ông chẳng dẫn rốt ráo không để dụ cho Niết Bàn mà chọn lấy “có lúc không” vậy ? Nay thiện nam tử ! Thể của Niết Bàn là rốt ráo không nhân giống như không ngã và không ngã sở. Nay thiện nam tử ! Thế pháp và Niết Bàn nhất định chẳng đối nhau. Vậy nên sáu việc chẳng được làm ví dụ. Nay thiện nam tử ! Tất cả các pháp đều không có ngã mà Niết Bàn này chân thật có Ngã. Do nghĩa này nên Niết Bàn không nhân mà thể chính là quả. Nhân này chẳng phải quả mà gọi là Phật tính. Chẳng phải nhân sinh ra nên nhân này chẳng phải quả. Chẳng phải quả của Sa môn nên gọi là chẳng phải quả. Vì sao gọi là nhân ? Vì do rõ nhân vậy ! Nay thiện nam tử ! Nhân có hai thứ, một là sinh nhân, hai là liễu nhân. Có thể sinh ra pháp thì gọi là sinh nhân. Đền có thể làm rõ vật nên gọi là Liễu nhân. Các kết phiến não gọi là nhân sinh, cha mẹ chúng sinh gọi là Liễu nhân. Như hạt lúa gọi là sinh nhân, đất nước, phân.v.v... thì gọi là liễu nhân. Lại có sinh nhân là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của sáu Ba la mật. Lại có liễu nhân là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Phật tính. Lại có Liễu nhân là Phật tính của sáu ba la mật. Lại có sinh nhân là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Lại có Liễu nhân là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của tám Chánh đạo. Lại có sinh nhân là sáu Ba la mật của tín tâm.

Bồ tát Sư Tử Hồng nói rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, thấy đối với Như Lai và cả Phật tính là nghĩa làm sao ? Thừa đức Thế Tôn ! Thân Như Lai không có tướng mạo, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải trắng, chẳng phải đen, không có địa phương, xứ sở, chẳng ở tại ba cõi, chẳng phải tướng hữu vi, chẳng phải sự nhận biết của nhãn thức thì làm sao có thể thấy Phật tính vậy ?

Đức Phật dạy rằng :

- Thân Phật có hai thứ, một là Thường, hai là Vô Thường. Thân vô thường là vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh nên phương tiện thị hiện. Đó gọi là thân mắt thấy. Thân thường là thân giải thoát của Như Lai Thế Tôn, cũng gọi là thân mắt thấy, cũng gọi là thân nghe thấy. Phật tính cũng có hai, một là có thể thấy, hai là chẳng thể thấy. Có thể thấy là Bồ tát Thập Trụ, các đức Phật Thế Tôn. Chẳng thể thấy là tất cả chúng sinh. Mắt thấy là gọi mắt của Bồ tát Thập Trụ, các đức Phật Như Lai Phật tính sở hữu của chúng sinh. Nghe thấy là tất cả chúng sinh, Bồ tát Cửu Trụ nghe có Phật tính. Thân Như Lai lại có hai, một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc là Như Lai Giải thoát. Chẳng phải sắc là Như Lai vĩnh viễn đoạn trừ các sắc tướng. Phật tính có hai thứ, một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chẳng phải sắc là từ phàm phu cho đến Bồ tát Thập Trụ. Bồ tát Thập Trụ thấy Phật tính chẳng rõ ràng nên gọi là chẳng phải sắc. Nay thiện nam tử ! Phật tính lại có hai thứ, một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc là gọi Phật, Bồ tát. Chẳng phải sắc là tất cả chúng sinh. Sắc thì gọi là mắt thấy. Chẳng phải sắc thì gọi là nghe thấy. Phật tính thì chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài. Tuy chẳng phải bên trong, bên ngoài nhưng Phật tính chẳng phải mắt hoại nên gọi là chúng sinh đều có Phật tính.

Bồ tát Sư Tử Hống nói rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tính như trong sữa có lạc (cao sữa). Phật tính của chư Phật và Kim Cương lực sĩ như Đê hồ trong sạch thì làm sao đức Như Lai nói rằng, Phật tính chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Ta cũng chẳng nói trong sữa có lạc. Lạc từ sữa sinh ra nên nói rằng có lạc (cao sữa).

- Thưa đức Thế Tôn ! Tất cả pháp sanh đều có thời gian tiết độ ?

- Nay thiện nam tử ! Khi sữa không lạt cũng không sinh ra tô (váng sữa) sô, tô chín và đề hồ thì tất cả chúng sinh cũng gọi là sữa. Vậy nên ta nói rằng, trong sữa không có lạt. Như trong sữa ấy có thì vì sao chẳng được gọi tên hai thứ như người làm được hai thứ thì có thể nói rằng, thợ vàng sắt ? Khi lạt không sữa, tô sô, tô chín và cả đề hồ thì chúng sinh cũng gọi là lạt chẳng phải sữa, tô sô, tô chín và cả đề hồ... cho đến đề hồ cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Nhân có hai thứ, một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân là như sữa sinh ra lạt. Duyên nhân là như men, hơi ấ. v.v... từ sữa sinh ra nên nói rằng, trong sữa mà có tính của lạt.

Bồ tát Sư Tử Hống nói rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu sữa không có tính của lạt thì trong sừng cũng không. Vì sao lạt chẳng từ trong sừng sinh ra vậy ?

- Nay thiện nam tử ! Sừng cũng sinh ra lạt ! Vì sao vậy ? Vì ta cũng nói rằng, duyên nhân có hai thứ, một là men, hai là hơi ấ. Tính của sừng ấ nên cũng có thể sinh ra lạt !

Bồ tát Sư Tử Hống nói rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu sừng có thể sinh ra lạt thì người cầu lạt vì sao cầu sữa mà chẳng chọn lấy sừng ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Vậy nên ta nói, chánh nhân và duyên nhân.

Bồ tát Sư Tử Hống nói rằng :

- Nếu giả sử trong sữa vốn không có tính của lạt mà nay mới có thì trong sữa vốn không có cây Am ma la, vì sao nay chẳng sinh ra ? Vì cả hai đều không vậy.

- Nay thiện nam tử ! Sữa cũng có thể sinh ra cây Am ma la, nếu dùng sữa tưới thì trong một đêm, tăng trưởng năm thước. Do nghĩa này nên ta nói có hai nhân. Nay thiện nam tử ! Nếu tất cả pháp do một nhân sinh ra thì khó có thể được nói rằng, trong sữa vì sao chẳng thể sinh ra cây Am ma la. Nay

thiện nam tử ! Giống như “Bổn Đại” vì tất cả sắc mà tạo tác nhân duyên, nhưng sắc đều khác sai biệt, chẳng đồng. Do nghĩa này nên trong sữa chẳng sinh cây Am ma la.

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, có hai thứ nhân, chánh nhân và duyên nhân thì chúng sinh và Phật tính là nhân gì đây?

- Này thiện nam tử ! Chúng sinh và Phật tính cũng có hai thứ nhân, một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân là gọi các chúng sinh, duyên nhân là gọi sáu Ba la mật.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con nay quyết định biết sữa có tính của lạc. Vì sao vậy ? Vì con thấy người cầu sữa ở thế gian chỉ chọn lấy sữa nhất định chẳng chọn lấy nước. Vậy nên phải biết sữa có tính của lạc !

- Này thiện nam tử ! Như lời ông hỏi thì nghĩa này chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì ví như có người muốn thấy hình dáng của mặt mình liền chọn lấy lưỡi dao.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Do nghĩa này nên sữa có tính của lạc. Nếu dao không có hình dáng của mặt thì vì sao người ta chọn lấy dao ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Nếu trong dao này nhất định có hình dáng của mặt thì vì sao điên đảo, dựng đứng thì thấy mặt dài ra, để ngang thì thấy mặt rộng bành ra. Nếu là mặt mình thì vì sao thấy dài ? Nếu là mặt người khác thì sao được xưng rằng, đó là hình dáng mặt của mình. Nếu nhân mặt mình thấy mặt khác thì vì sao chẳng thấy hình dáng mặt lừa, mặt ngựa ?

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Ánh sáng của mắt đèn mặt đó nên thấy mặt dài !

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Mà ánh sáng mắt này thật ra chẳng đến mặt đó. Vì sao vậy ? Vì gần hay xa đều cùng một lúc nhìn thấy mà chẳng thấy vật sở hữu trung gian. Nay thiện nam tử ! Ánh sáng nếu đến mặt đó mà được thấy thì tất cả chúng sinh đều thấy đến lửa thì vì sao lửa chẳng đốt cháy ? Như người từ xa thấy vật trắng chẳng nên sinh nghi là ngỗng trời chẳng ? Phượng chẳng ? Người chẳng ? Cây chẳng ? Nếu ánh sáng đến thì làm sao được thấy vật trong thủy tinh, cá và đá trong vực sâu ? Nếu ánh sáng chẳng đến thì vì sao được thấy vật trong thủy tinh mà chẳng được thấy hình sắc ngoài tường vách. Vậy nên nếu nói rằng, ánh sáng của mắt đến mặt đó mà thấy dài ra thì nghĩa này chẳng đúng ! Nay thiện nam tử ! Như lời ông nói, sữa có lạc thì vì sao người bán sữa chỉ chọn lấy giá trị của sữa, chẳng kể đến giá trị của lạc. Người buôn bán ngựa chỉ chọn lấy giá trị của ngựa chẳng kể đến giá trị của ngựa con. Nay thiện nam tử ! Người thế gian không vợ con nên cưới vợ. Người vợ nếu mang thai chẳng được nói rằng là con gái. Nếu nói rằng, người con gái này có tính con nên cần cưới thì nghĩa này chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì nếu có tính con thì cũng nên có cháu mà nếu có cháu thì tức là anh em. Vì sao vậy ? Vì một bụng sinh ra vậy. Vậy nên ta nói rằng người con gái không có tính con. Nếu trong sữa ấy có tính lạc (cao sữa) thì vì sao chẳng thấy năm vị cùng một lúc. Nếu trong hạt cây có chất năm trượng của cây Ni câu đà thì vì sao chẳng thấy những hình sắc khác của mầm, thân, cành, lá, hoa, trái ? Nay thiện nam tử ! Khi màu sữa khác, vị khác, quả khác... cho đến đề hồ cũng lại như vậy thì làm sao có thể nói sữa có tính lạc ? Nay thiện nam tử ! Ví như có người buổi sáng phải dùng tô (ăn váng sữa) nhưng nay đã bị hôi. Nếu nói rằng, trong sữa nhất định có lạc cũng lại như vậy (?). Nay thiện nam tử ! Ví như có người có bút giấy mực thì hòa hợp thành ra chữ mà trong giấy này vốn không có chữ. Do vốn không nên mượn duyên mà thành. Nếu vốn có thì sao cần đến các duyên. Ví như xanh, vàng hợp thành duyên sắc. Phải biết rằng, hai cái này vốn không có tính duyên. Nếu chúng vốn có thì đâu cần phải hợp thành ? Nay thiện nam tử ! Ví như chúng sinh nhân ăn được thọ mạng mà trong thức ăn này thật không có mạng. Nếu vốn có mạng thì khi chưa ăn, thức ăn nên có mạng này. Nay thiện nam tử ! Tất cả các pháp vốn không có tính. Do nghĩa này nên ta nói kệ rằng :

Trước (vốn) không nay có

Trước có nay không

Ba đời hữu pháp

Điều này thì không.

Này thiện nam tử ! Tất cả các pháp do nhân duyên nên sinh, do nhân duyên nên diệt. Này thiện nam tử ! Nếu bên trong chúng sinh có Phật tính thì tất cả chúng sinh nên có thân Phật như ta hôm nay vậy. Phật tính của chúng sinh chẳng phá, chẳng hoại, chẳng điều khiển, chẳng nắm bắt, chẳng trói, chẳng buộc như sở hữu hư không trong chúng sinh. Tất cả chúng sinh đều có hư không, không ngăn ngại mà đều chẳng tự thấy có hư không này. Nếu giả sử chúng sinh không có hư không thì không đi lại, đi đứng ngồi nằm, chẳng sinh ra, chẳng lớn lên. Do nghĩa này nên trong Kinh ta nói, tất cả chúng sinh có hư không giới. Hư không giới thì gọi là hư không. Phật tính của chúng sinh cũng lại như vậy. Bồ tát Thập Trụ có thể thấy ít Phật tính đó như viên ngọc Kim Cương. Này thiện nam tử ! Phật tính của chúng sinh là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Tất cả chúng sinh chẳng thấy Phật tính. Vậy nên họ thường bị sự trói buộc của phiền não nên lưu chuyển trong sinh tử. Thấy được Phật tính rồi thì các kết phiền não đã chẳng thể trói buộc, giải thoát khỏi sinh tử, được Đại Niết Bàn.

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Tất cả chúng sinh có Phật tính như lạc tính trong sữa. Nếu sữa không lạc tính thì làm sao đức Phật nói có hai thứ nhân, một là chánh nhân, hai là duyên nhân ? Duyên nhân thì một là men, hai là hơi ấm ? Hư không không có tính nên không duyên nhân !

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Nếu giả sử trong sữa nhất định có lạc tính thì đâu cần duyên nhân ?

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Do có tính nên cần duyên nhân. Vì sao vậy? Vì muốn thấy sáng vậy ! Duyên nhân tức là liễu nhân. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như trong tối có các đồ vật trước, vì muốn thấy nên dùng đèn soi rõ. Nếu trước không có thì đèn soi vào đâu ? Như trong bùn có bình nên cần có người, nước, bánh xe, sợi dây, cây gậy.v.v... mà làm liễu nhân. Như hạt Ni câu đà cần có đất, nước, phân mà làm liễu nhân. Trong sữa cần có men, hơi ấm cũng lại như vậy để làm liễu nhân. Vậy nên tuy trước có tính nhưng cần

nhờ liễu nhân, rồi nhiên hậu được thấy. Do nghĩa này nên nhất định biết trong sữa có tính của lạc trước !

- Này thiện nam tử ! Nếu giả sử trong sữa nhất định có lạc tính thì tức là liễu nhân. Nếu liễu nhân thì lại đâu cần làm rõ ? Này thiện nam tử ! Nếu tính của liễu (rõ) nhân này là rõ thì thường nên tự rõ. Nếu tự mình chẳng rõ thì sao có thể rõ người khác. Nếu nói rằng, liễu nhân có hai thứ tính, một là tự rõ, hai là rõ người khác thì nghĩa này chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì liễu nhân một pháp thì làm sao có hai được ? Nếu có hai thì sữa cũng nên có hai. Nếu giả sử trong sữa không hai tướng thì làm sao một mình liễu nhân có hai tướng ?

Bồ tát Sư Tử Hống đáp rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như người đời nói rằng, ta chung tám người. Liễu nhân cũng vậy, tự liễu và liễu tha !

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Liễu nhân nếu vậy thì chẳng phải liễu nhân. Vì sao vậy ? Vì tính thì có thể tính sắc của mình, sắc của người khác nên được nói rằng tám mà tính của sắc này tự không rõ tướng. Vì không rõ tướng nên cần phải có tính của trí mới tính được mình và người khác. Vậy nên liễu nhân chẳng thể tự liễu (rõ về mình) cũng chẳng liễu tha (rõ về người khác). Này thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh có Phật tính thì vì sao phải tu tập vô lượng công đức ? Nếu nói rằng, tu tập liễu nhân này thì đã đồng với sự hư hoại của cao sữa (lạc). Nếu nói rằng, trong nhân nhất định có quả thì giới, định, trí tuệ không tăng trưởng. Ta thấy người đời vốn không có cấm giới, thiên định, trí tuệ, rồi theo thầy thọ lấy mà dần dần tăng trưởng thêm. Nếu nói rằng, thầy dạy là liễu nhân thì khi thầy dạy, người thọ phải chưa có giới, định, trí tuệ. Nếu liễu này ứng với liễu chưa có thì làm sao mới liễu giới, định, trí tuệ, khiến cho chúng được tăng trưởng ?

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu liễu nhân không thì làm sao được gọi là có sữa có lạc ?

- Này thiện nam tử ! Thế gian đáp khó thường có ba thứ : Một là chuyển đáp. Như trước ta đã nói, vì sao gọi là giới ? Do chẳng hỏi hận... cho

đến vì được Đại Niết Bàn. Hai là mặc nhiên đáp. Như có vị Phạm chí đến hỏi ta rằng : “Ngã là thường chăng ?” thì ta mặc nhiên. Ba là nghi đáp. Như trong Kinh này, nếu liễu nhân có hai thì vì sao trong sữa chẳng được có hai. Đây thiện nam tử ! Ta nay chuyển đáp, như người đời nói rằng, có sữa nhất định được lạc. Vậy nên gọi là có sữa có lạc. Phật tính cũng vậy, có chúng sinh, có Phật tính rồi sẽ thấy vậy.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói thì nghĩa này chẳng vậy ! Quá khứ diệt rồi, vị lai chưa đến thì vì sao gọi là có ? Nếu nói rằng, sẽ có gọi là có thì nghĩa này chẳng đúng ! Như người thế gian thấy không vợ con liền nói rằng, không con. Tất cả chúng sinh không Phật tính thì làm sao nói rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tính ?

Đức Phật dạy rằng :

- Đây thiện nam tử ! Quá khứ gọi là có. Ví như trồng cây quít, mầm mọc ra thì hạt diệt mất. Mầm cũng vị ngọt... cho đến quả sống vị cũng như vậy, quả chín rồi mới thành giấm. Đây thiện nam tử ! Mà vị dấm này, từ hạt, mầm cho đến trái sống, đều không theo gốc. Khi chín thì hình sắc, tướng mạo của nó sinh ra vị dấm mà vị dấm này vốn không nay có. Tuy vị dấm này vốn không nay có nhưng chẳng phải là chẳng nhân vào gốc. Như vậy hạt giống gốc này tuy lại là quá khứ nhưng được gọi là có. Do nghĩa này nên quá khứ gọi là có. Sao lại gọi vị lai là có ? Ví như có người gieo trồng mè (Hồ ma). Có người hỏi rằng: “Vì sao trồng thứ này ?” Đáp rằng : “Vì có dầu !” Thật ra chưa có dầu. Mè chín rồi lấy hạt rang, hấp, giã, ép mới được dầu. Nhưng phải biết lời người này chẳng phải là hư vọng. Do nghĩa này nên gọi là vị lai có. Sao lại gọi là quá khứ có ? Đây thiện nam tử ! Ví như có người lên lút mắng vua mà trải qua nhiều năm vua mới nghe được. Vua nghe rồi liền hỏi : “Vì sao dám mắng ?” Người đó đáp rằng : “Thưa đại vương ! Con chẳng mắng ! Vì sao vậy ? Vì người mắng đã diệt!” Nhà vua nói rằng : “Người mắng và thân ta cả hai đều tồn tại mà sao nói rằng diệt ?” Do nhân duyên này nên người đó mất thân mạng. Đây thiện nam tử ! Hai điều này chân thật không mà quả chẳng diệt. Đó gọi là quá khứ có. Sao gọi là vị lai có vậy ? Ví như có người đi đến chỗ thợ gốm hỏi : “Có bình không ?” Đáp rằng : “Có bình !” mà người thợ gốm này thật chưa có bình. Nhưng do có bùn nên thợ gốm nói rằng : “Có bình” thì phải biết là người này chẳng phải nói dối. Trong sữa có lạc, chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy, muốn thấy Phật

tính cần phải quan sát thời tiết, hình sắc. Vậy nên ta nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, là chân thật chẳng hư dối.

Bồ tát Sư Tử Hồng nói rằng :

- Tất cả chúng sinh không Phật tính thì làm sao mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? Do nhờ Chánh duyên nên khiến cho chúng sinh được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cái gì là Chánh nhân ? Đó là Phật tính ! Thừa đức Thế Tôn ! Nếu hạt Ni câu đà không có cây Ni câu đà thì vì sao gọi là hạt Ni câu đà mà chẳng gọi là hạt Khư đà la ? Thừa đức Thế Tôn ! Như họ Cù Đàm chẳng được xưng là họ A để gia, họ A để gia cũng lại chẳng được xưng là họ Cù Đàm. Hạt Ni câu đà cũng lại như vậy, chẳng được xưng là hạt Khư đà la, hạt Khư đà la chẳng được xưng là hạt Ni câu đà, giống như đức Thế Tôn chẳng được lìa bỏ dòng họ Cù Đàm. Chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy. Do nghĩa này nên phải biết, chúng sinh đều có Phật tính.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Nếu nói rằng, trong hạt có Ni câu đà thì nghĩa này chẳng đúng ! Như Ni câu đà ấy có thì vì sao chẳng thấy ? Nay thiện nam tử ! Như vật của thế gian có nhân duyên nên chẳng thể được thấy. Sao gọi là nhân duyên ? Như là xa chẳng thể thấy như dấu chim trong không, gần chẳng thể thấy như người nhắm mắt. Hoại nên chẳng thấy như cơ quan của mắt bại hoại. Loạn tướng nên chẳng thấy như lòng chẳng chuyên nhất. Nhỏ nên chẳng thấy như tiểu vi trần. Ngăn nên chẳng thấy như sao ngoài mây. Nhiều nên chẳng thấy như mè trong đồng gạo. Tương tợ nên chẳng thấy như đậu ở tại đồng đậu. Cây Ni câu đà chẳng đồng như tám thứ nhân duyên như vậy. Như cây ấy có thì vì sao chẳng thấy ? Nếu nói rằng, nhỏ nên chẳng thấy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy ? Vì tướng của cây thô. Nếu nói rằng, tính nhỏ thì làm sao tăng trưởng ? Nếu nói rằng, ngăn nên chẳng thể thấy thì thường (luôn luôn) nên chẳng thấy. Nếu vốn không tương thô mà nay thì thấy thô thì phải biết thô này vốn không có tính thấy. Vốn không tính thấy mà nay thì có thể thấy thì phải biết sự thấy này cũng vốn không có tính. Hạt cũng như vậy, vốn không có cây mà nay có thì phải có lỗi sao ?

Bồ tát Sư Tử Hồng nói rằng :

- Như lời đức Phật nói, có hai thứ nhân, một là Chánh nhân, hai là Liễu nhân. Hạt Ni câu đà lấy đất, nước, phân làm liễu nhân nên khiến cho nhỏ được to (thô).

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Nếu đã vốn có thì đâu cần liễu nhân. Nếu vốn không có tính thì liễu chỗ liễu nào ? Nếu trong Ni câu đà vốn không có tướng to mà do liễu nhân nên mới sinh ra to thì vì sao chẳng sinh ra cây Khư đà la ? Vì cả hai đều không vậy. Nay thiện nam tử ! Nếu nhỏ chẳng thể thấy thì to nên có thể thấy, ví như một hạt bụi chẳng thể thấy thì nhiều bụi hòa hợp lại nên có thể thấy. Như vậy trong hạt cái thô có thể thấy. Vì sao vậy ? Vì trong hạt này đã có mầm, thân, hoa, trái. Trong mỗi một trái có vô lượng hạt, trong mỗi một hạt có vô lượng cây. Vậy nên gọi là thô mà có cái thô này nên có thể thấy. Nay thiện nam tử ! Nếu hạt Ni câu đà có tính Ni câu đà mà sinh ra cây thì mắt thấy hạt này bị sự đốt cháy của lửa. Như vậy tính đốt cũng nên vốn có. Nếu vốn có thì cây chẳng nên sinh ra. Nếu tất cả pháp vốn có sinh diệt thì vì sao trước sinh sau diệt chẳng cùng một lúc vậy ? Do nghĩa này nên phải biết là không có tính.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu hạt Ni câu đà vốn không có tính cây mà sinh ra cây thì hạt này vì sao chẳng cho ra dầu ? Cả hai đều không vậy. Nay thiện nam tử ! Như trong hạt này cũng sinh ra dầu thì tuy không có tính nhưng do nhân duyên nên có.

Sư Tử Hồng nói rằng :

- Vì sao chẳng gọi là dầu mè vậy ?

- Nay thiện nam tử ! Vì chẳng phải mè vậy ! Nay thiện nam tử ! Như duyên lửa sinh ra lửa, duyên nước sinh ra nước, tuy đều từ duyên nhưng chẳng thể có nhau. Hạt Ni câu đà và dầu mè cũng lại như vậy, tuy đều từ duyên nhưng đều chẳng sinh ra nhau. Tính của hạt Ni câu đà có thể trị lạnh. Dầu mè thì tính có thể trị gió. Nay thiện nam tử ! Ví như mía nhờ nhân duyên nên sinh ra đường cát, đường đen. Tuy chúng đều một duyên nhưng sắc tướng đều khác. Đường cát trị nóng, đường đen trị lạnh.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như trong sữa ấy không có tính của cao sữa (lạc), mè không có tính của dầu, hạt Ni câu đà không có tính của cây, bùn không có tính của bình, tất cả chúng sinh không có Phật tính mà như lời đức Phật trước đã nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Vậy nên ứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì nghĩa này chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì người, trời không có tính. Do không tính nên người có thể làm trời, trời có thể làm người. Do nghiệp duyên nên chẳng thể do tính vậy. Đại Bồ tát do nghiệp duyên nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu các chúng sinh có Phật tính thì vì nhân duyên gì nhất xiển đề.v.v... đoạn dứt các thiện căn, đọa vào địa ngục ? Nếu tâm Bồ Đề là Phật tính thì nhất xiển đề.v.v... chẳng nên có thể đoạn mà nếu có thể đoạn thì làm sao có thể được nói rằng, Phật tính là thường ? Nếu chẳng phải Thường thì chẳng gọi là Phật tính. Nếu các chúng sinh có Phật tính thì vì sao gọi là đầu tiên phát tâm vậy ? Làm sao mà nói rằng là Tỳ bạt thí (Thoái chuyển) và A Tỳ bạt thí (bất thoái chuyển) ? Tỳ bạt thí thì phải biết người này không có Phật tính. Thừa đức Thế Tôn ! Đại Bồ tát một lòng hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Đại từ Đại bi, thấy lỗi hoạn sinh lão tử phiền não, quan sát Đại Niết Bàn không các tội lỗi phiền não sinh tử, tin vào Tam bảo và nghiệp quả báo, thọ trì cấm giới... Những pháp như vậy gọi là Phật tính. Nếu lìa khỏi những pháp này thì người có Phật tính đâu cần pháp này mà tạo tác nhân duyên ? Thừa đức Thế Tôn ! Như sữa chẳng mượn duyên nhất định sẽ thành cao sữa (lạc). Váng sữa sống (sinh tô) chẳng vậy, cần phải đợi nhân duyên, đó là nhân công, nước, bình, xoay, sợi dây... chúng sinh cũng vậy, người có Phật tính nên lìa khỏi nhân duyên để được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu nhất định có thì vì sao hành nhân thấy ba ác khổ, sinh lão bệnh tử mà sinh ra thoái tâm ? Cũng chẳng cần tu sáu Ba la mật vẫn được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ! Như sữa chẳng phải duyên mà được thành Lạc. Nhưng mà chẳng phải chẳng nhân sáu Ba la mật mà được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này nên phải biết, chúng sinh đều không có Phật tính. Như đức Phật trước đã nói, Tăng bảo là thường. Như thường ấy tức là chẳng phải vô thường mà chẳng phải vô thường thì làm sao được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? Tăng bảo nếu thường thì làm sao lại nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính ? Thừa đức Thế Tôn ! Nếu giả sử chúng sinh từ trước đến nay không có tâm Bồ Đề cũng không có tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà sau mới có thì Phật tính của chúng sinh cũng nên trước không nay có như vậy. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh nên không có Phật tính.

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Nay thiện nam tử ! Ông biết nghĩa lý của Phật tính đã lâu, nhưng vì chúng sinh nên đặt câu hỏi như vậy ! Tất cả chúng sinh chân thật có Phật tính ! Ông nói rằng, chúng sinh nếu có Phật tính thì chẳng nên nói rằng, có người mới phát tâm. Nay thiện nam tử ! Tâm chẳng phải Phật tính. Vì sao vậy ? Tâm là vô thường, Phật tính là Thường ! Ông nói rằng, vì sao có người thoái tâm ? Thật ra tâm không thoái vì nếu tâm có thoái thì nhất định chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do chậm được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên gọi đó là Thoái. Tâm Bồ Đề này chân thật chẳng phải Phật tính. Vì sao vậy ? Vì Nhất xiển đề.v.v... đoạn dứt căn lành, rơi vào địa ngục. Nếu tâm Bồ Đề là Phật tính thì bọn nhất xiển đề chẳng được gọi là nhất xiển đề và tâm Bồ Đề cũng chẳng được gọi là vô thường. Vậy nên quyết định biết là, tâm Bồ Đề thật chẳng phải là Phật tính.

Nay thiện nam tử ! Ông nói rằng, chúng sinh nếu có Phật tính thì chẳng nên mượn nhờ duyên như sữa thành cao sữa. Nghĩa này chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì, nếu nói rằng, do năm duyên thành ra vàng sữa sống (tô) thì phải biết rằng, Phật tính cũng lại như vậy. Ví như mọi thứ đá có vàng, có bạc, có đồng, có sắt.... đều bằm thụ bốn đại, một tên gọi, một thật tế mà cái chúng cho ra mỗi mỗi chẳng đồng. Chúng phải nhờ đến mọi duyên như phước đức chúng sinh, lò đúc, nhân công... rồi nhiên hậu mới sinh ra. Vậy nên phải biết rằng, vốn không có tính vàng. Phật tính của chúng sinh chẳng gọi là Phật mà do các công đức nhân duyên hòa hợp nên được thấy Phật tính, rồi nhiên hậu mới được Phật.

Ông nói rằng, chúng sinh đều có Phật tính, vì sao chẳng thấy ? Nghĩa này chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì do các nhân duyên chưa hòa hợp. Nay thiện nam tử ! Do nghĩa này nên ta nói hai nhân, chánh nhân và duyên nhân. Chánh nhân thì gọi là Phật tính, duyên nhân là phát tâm Bồ Đề. Do hai nhân duyên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như đá cho ra vàng.

Nay thiện nam tử ! Ông nói rằng, Tăng thường thì tất cả chúng sinh không Phật tính. Nay thiện nam tử ! Tăng gọi là hòa hợp. Hòa hợp có hai, một là đời hòa hợp, hai là Đệ nhất nghĩa hòa hợp. Đời hòa hợp là gọi Thanh Văn tăng, Đệ nhất nghĩa hòa hợp là gọi tăng Bồ tát. Tăng của đời thì vô thường mà Phật tính là Thường. Như Phật tính Thường thì Đệ nhất nghĩa tăng cũng vậy. Lại nữa, có tăng gọi là pháp hòa hợp. Pháp hòa hợp là gọi mười hai bộ kinh mà mười hai bộ kinh Thường vậy nên ta nói rằng, Pháp, Tăng là Thường. Nay thiện nam tử ! Tăng gọi là hòa hợp. Hòa hợp là gọi

mười hai nhân duyên. Trong mười hai nhân duyên cũng có Phật tính. Mười hai nhân duyên thường, Phật tính cũng vậy. Vậy nên ta nói rằng, Tăng có Phật tính. Lại nữa, Tăng là chư Phật hòa hợp. Vậy nên ta nói rằng, Tăng có Phật tính.

Này thiện nam tử ! Ông nói rằng, chúng sinh nếu có Phật tính thì sao có người thoái, người chẳng thoái ? Ông hãy lắng nghe ! Lắng nghe ! Ta sẽ vì ông phân biệt, giải nói. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát có mười ba pháp làm cho thoái chuyển. Những gì là mười ba ? Một là lòng chẳng tin, hai là lòng bất tác, ba là lòng nghi, bốn là tham tiếc thân mạng của cải, năm là ở trong Niết Bàn sinh ra sợ hãi lớn làm sao khiến cho chúng sinh diệt mãi, sáu là lòng chẳng kham nhẫn, bảy là lòng chẳng điều nhu, tám là sàu não, chín là chẳng vui, mười là phóng dật, mười một là tự khinh thân mình, mười hai là tự thấy phiền não, không thể hoại, mười ba là chẳng ưa tiến đến pháp Bồ Đề. Này thiện nam tử ! Đó là mười ba pháp khiến cho các Bồ tát thoái chuyển Bồ Đề. Lại có sáu pháp hoại tâm Bồ Đề. Những gì là sáu ? Một là tham lận pháp, hai là đối với các chúng sinh đầy lòng bất thiện, ba là thân cận bạn ác, bốn là chẳng siêng tinh tấn, năm là tự đại kiêu mạn, sáu là kinh doanh nghề nghiệp của đời. Sáu pháp như vậy có thể phá hoại lòng Bồ Đề. Này thiện nam tử ! Có người được nghe các đức Phật Thế Tôn là thầy của người trời, ở trong chúng sinh là bậc Tối Thượng Vô Tỷ, thắng hơn Thanh Văn, Bích Chi Phật.v.v... Pháp nhãn sáng tỏ, thấy pháp không ngăn ngại, có thể độ chúng sinh qua biển đại khổ. Họ nghe rồi liền lại phát đại thệ nguyện rằng : “Nhu thể gian ấy có người như vậy thì ta cũng sẽ được !” Do nhân duyên phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác này, hoặc lại được sự dạy bảo phát tâm Bồ Đề của người khác, hoặc nghe Bồ tát qua atăng kỳ kiếp tu hành hạnh khổ, rồi nhiên hậu mới được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nghe rồi, người ấy suy nghĩ rằng : “Ta nay chẳng kham được những hạnh khổ như vậy thì làm sao có thể được”. Vậy nên có thoái lui. Này thiện nam tử ! Lại có năm pháp làm thoái tâm Bồ Đề. Những gì là năm ? Một là ưa theo ngoại đạo xuất gia, hai là chẳng tu tâm Đại Từ, ba là ưa cầu tìm lỗi xấu của pháp sư, bốn là thường ưa ở tại sinh tử, năm là chẳng thích thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói mười hai bộ kinh. Đó gọi là năm pháp thoái tâm Bồ Đề. Lại có hai pháp thoái tâm Bồ Đề. Những gì là hai ? Một là tham lạc năm dục, hai là chẳng thể cung kính tôn trọng Tam bảo. Do những nhân duyên như vậy nên thoái tâm Bồ Đề.

Sao gọi là tâm chẳng thoái ? Có người nghe Phật có thể độ sinh già bệnh chết của chúng sinh, chẳng theo thầy học hỏi mà tự nhiên tu tập được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác... Rồi nghĩ rằng : “Nếu đạo Bồ

Đề là có thể được thì ta sẽ tu tập nhất định làm cho được”. Do nhân duyên phát tâm Bồ Đề này, việc tạo tác công đức hoặc nhiều hay ít đều đem hồi hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Người đó tác khởi thệ nguyện rằng : “Nguyện cho ta thường được gần gũi các đức Phật và đệ tử của Phật, thường nghe thâm pháp, nắm tình đầy đủ, nếu gặp khổ nạn, chẳng mất tâm này !” Lại nguyện : “Các đức Phật và đệ tử của Phật thường ở chỗ của ta sinh tâm hoan hỷ, đủ năm căn lành. Nếu các chúng sinh chặt phạt thân ta, chém đứt tay chân đầu mắt, chi tiết thì ta sẽ đối với người này sinh tâm Đại từ, tự mừng vui sâu sắc. Những người như vậy đã vì ta làm tăng trưởng nhân duyên Bồ Đề. Nếu không có người này thì ta sẽ nhờ duyên gì mà được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác !” Lại phát nguyện rằng : “Chớ khiến cho ta được không căn, hai căn và thân nữ nhân, chẳng bị hệ thuộc người, chẳng gặp người chủ ác, chẳng thuộc về vua ác, chẳng sinh vào nước ác. Nếu được thân đẹp, dòng họ chân chính, có nhiều cửa báu thì chẳng sinh ra kiêu mạn, nguyện khiến cho ta thường được nghe mười hai bộ kinh, thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói. Nếu vì chúng sinh diễn nói thì nguyện khiến cho người thính thọ kính tin không nghi hoặc, thường ở chỗ của ta chẳng sinh ra tâm ác. Ta thà nghe ít mà lý giải được nghĩa vị nhiều, chẳng nguyện nghe nhiều mà đối với nghĩa chẳng rõ. Nguyện làm thầy của tâm, chẳng học theo tam. Nghiệp thân miệng ý chẳng cùng với ác giao du. Có thể ban cho tất cả chúng sinh an vui. Thân giới, tâm tuệ chẳng động như núi. Vì muốn thọ trì chánh pháp vô thượng, đối với thân mạng của cải chẳng sinh lòng san lạn. Vật bất tịnh chẳng lấy làm nghiệp phước. Chánh mạng tự sinh sống, lòng không tà bậy dua nịnh. Thọ ơn luôn nghĩ : ơn nhỏ phải báo đền lớn. Giỏi biết nghề khéo, công việc sở hữu trong đời. Khéo giải lời nói phương tục của chúng sinh. Đọc tụng, ghi chép mười hai bộ kinh chẳng sinh lòng lười biếng giải đãi. Nếu các chúng sinh chẳng ưa thính thọ thì dùng phương tiện tiếp dẫn khiến cho họ thích nghe. Lời nói thường nhu nhuyễn, miệng chẳng tuyên dương điều ác. Chúng chẳng hòa hợp có thể làm cho hòa hợp. Có người lo sợ thì làm sao lìa khỏi lo sợ. Đời đời kém thì khiến cho được giàu có no đủ. Đời dịch bệnh thì làm Đại y vương với thuốc bệnh cần dùng, của cải, vật báu tự tại... khiến cho tật bệnh đều được trừ khỏi. Ở kiếp đao binh thì có đại thế lực đoạn dứt sự tàn hại ấy khiến cho không còn nữa. Có thể đoạn diệt đủ thứ sự bố úy của chúng sinh như là : sợ chết, sợ giam cầm, trói buộc, đánh đập, ném vào nước lửa, giặc vua, nghèo cùng, phá giới, ác danh, ác đạo.v.v... Những việc kinh sợ như vậy đều sẽ đoạn trừ hết. Đối với cha mẹ, sư trưởng thâm tâm sinh cung kính. Ở trong oán ghét phát sinh lòng đại từ. Thường tu sáu niệm, “Không tam muội” môn, mười hai nhân duyên sinh diệt.v.v... Quán tưởng thở ra hít vào (sổ tức), tu tập Thiên hạnh, Phạm hạnh và cả Thánh hạnh, Kim Cương tam muội, Thủ Lăng Nghiêm định... Ở

chỗ không có Tam Bảo thì khiến cho ta tự được tâm tịch tịnh. Nếu khi thân tâm ấy chịu đại khổ vẫn không mất tâm Vô Thượng Bồ Đề, không vì tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật mà sinh ra tri túc. Ở chỗ không có Tam Bảo, thường ở trong pháp ngoại đạo xuất gia nhưng vì phá tà kiến nên chẳng tu tập đạo ấy mà được pháp tự tại, được tâm tự tại. Đối với pháp hữu vi thấy lỗi rõ ràng khiến cho ta kinh sợ đạo quả Nhị thừa như người tiếc mạng sống kinh sợ xả thân. Vì chúng sinh nên ưa ở ba đường ác như chúng sinh ưa cõi trời Đao Lợi. Vì mỗi một người mà ở vô lượng kiếp thọ khổ địa ngục lòng không hề sinh hồi hận. Thấy người khác được lợi chẳng sinh lòng ganh ghét, thường sinh vui mừng như tự mình được niềm vui. Nếu gặp Tam Bảo thì sẽ dùng y phục, ẩm thực, ngọa cụ, nhà cửa, y dược, đèn sáng, hoa hương, kỹ nhạc, tràng phan, bảo cái, bảy báu cúng dường. Nếu thọ giới cấm của Phật thì kiên cố hộ trì nhất định chẳng sinh tư tưởng hủy phạm. Nếu nghe hạnh khổ Bồ tát khó làm thì lòng mình vui mừng chẳng sinh ra hồi hận. Tự nhận thức được việc túc mạng đời xa xưa (đã qua) nhất định chẳng tạo tác nghiệp tham sân, si, chẳng bị quả báo mà tập nhân duyên. Đối với niềm vui hiện tại chẳng sinh lòng tham trước. Đây thiện nam tử ! Nếu có người có thể phát nguyện như vậy thì đó gọi là Bồ tát nhất định chẳng thoái mất tâm Bồ Đề, cũng gọi là Thí chủ, có thể thấy Như Lai, sáng tỏ Phật tính, có thể điều phục chúng sinh, độ thoát sinh tử, khéo có thể hộ trì chánh pháp vô thượng, có thể được đầy đủ sáu Ba la mật. Đây thiện nam tử ! Do nghĩa này nên tâm chẳng thoái chẳng gọi là Phật tính.

Này thiện nam tử ! Ông chẳng thể căn cứ vào tâm có thoái mà nói rằng các chúng sinh không có Phật tính. Ví như hai người đều nghe ở tha phương có núi Thất bảo, núi ấy có dòng suối trong, vị ngon ngọt. Người có thể đến đó thì đoạn dứt vĩnh viễn sự nghèo cùng và uống nước suối ấy thì tăng tuổi thọ vạn năm. Nhưng chỉ có điều là đường đi xa xôi, hiểm trở nhiều khó khăn. Hai người kia đều muốn cùng chung đi đến đó. Một người thì trang bị đủ thứ đồ đi đường, còn một người thì đi đến tay không, không mang theo thứ gì cả. Trên đường cùng nhau tiến về phía trước, họ gặp một người mang theo nhiều của báu, đầy đủ bảy thứ trân quý. Hai người liền hỏi trước rằng : “Thưa ngài ! Cõi đó thật có núi bảy báu sao ?” Người kia đáp rằng : “Thật có chẳng hư dối ! Ta đã thu hoạch được của báu, đã uống nước dòng suối ấy ! Nhưng chỉ lo đường đi hiểm trở, có nhiều đạo tặc, cát sỏi, gai nhọn, thiếu thốn nước cỏ... Người đi đến có hàng ngàn vạn mà người đạt được rất ít”. Nghe việc đó rồi, một người liền hồi hận, mà nói rằng : “Đường đi đã xa xôi, gian nan chẳng phải một, người đi đến nhiều không lường mà người đạt được không bao nhiêu, thì ta làm sao sẽ có thể đến đó được ? Sản nghiệp to lớn của ta hôm nay tự cung cấp đủ ! Nếu ta lặn lội trên con đường

ấy, hoặc mất thân mạng mà thân mạng chẳng toàn thì trường thọ chỗ nào ?” Một người lại nói rằng : “Có người có thể qua thì ta cũng có thể qua được ! Nếu kết quả đạt được thì ta được đúng như nguyện, thu lấy trân bảo, uống nước suối ngọt. Như nguyện ấy chẳng đạt thì lấy cái chết làm kỳ hẹn !” Lúc đó, hai người, một người thì hồi hận thoái lui, một người thì nhắm đường trước tiến tới. Đi đến núi đó, người này thu hoạch được nhiều của cải trân bảo. Đúng như nguyện, người này uống nước suối, mang theo nhiều trân bảo sở hữu trở về chỗ ở của mình để phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho bà con. Người hồi hận trở về thấy việc này rồi thì trong lòng sinh ra nóng nảy nghĩ rằng : “Người kia đi đã trở về thì ta làm sao ở yên được ?” Người đó liền trang bị đồ đi đường mà ra đi. Núi Thất Bảo là ví cho Đại Niết Bàn. Nước ngon ngọt là ví cho Phật tính. Hai người ấy là dụ cho hai vị Bồ tát mới phát tâm. Đường hiểm ác là ví cho sinh tử. Người gặp trên đường đi là ví cho Phật Thế Tôn. Có đạo tặc là dụ cho bốn ma. Cát sỏi, gai nhọn là dụ cho các phiền não. Không nước cỏ là dụ cho chẳng tu tập đạo Bồ Đề. Một người trở về là dụ cho Bồ tát thoái chuyển. Người đi thẳng đến là dụ cho Bồ tát chẳng thoái chuyển. Đây thiện nam tử ! Phật tính của chúng sinh thường trụ bất biến. Còn con đường hiểm kia chẳng thể nói rằng, người hồi quay trở lại nên khiến cho con đường vô thường. Phật tính cũng vậy, đây thiện nam tử ! Trong đạo Bồ Đề nhất định không có người thoái lui ! Đây thiện nam tử ! Như người hồi hận quay về thấy người bạn trước kia thu hoạch báu trở về với thể lực tự tại, cúng dường cha mẹ, cấp đủ bà con, thụ hưởng nhiều an lạc. Thấy việc này rồi, trong lòng sinh ra nóng nảy, người này liền lại trang bị, trở lại con đường mà ra đi nữa. Chẳng tiếc thân mạng kham nhẫn gian nan, người này liền đến được trong núi Thất Bảo kia. Bồ tát thoái chuyển cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh quyết định sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này nên trong Kinh ta nói rằng, tất cả chúng sinh thậm chí ngũ nghịch, phạm bốn trọng cấm và nhất xiển đề đều có Phật tính.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Sao gọi là Bồ tát có thoái chuyển và chẳng thoái chuyển ?

- Đây thiện nam tử ! Nếu có Bồ tát tu tập nhân duyên nghiệp của ba mươi hai tướng Như Lai thì được gọi là chẳng thoái (Bất thoái), được gọi là Đại Bồ tát, gọi là chẳng động chuyển, gọi là lân mẫn tất cả chúng sinh, gọi là thẳng tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, gọi là A tỳ bạt trí (Bất thoái chuyển) ! Đây thiện nam tử ! Nếu Bồ tát Mahatát trì giới chẳng động, thí tâm chẳng

dồi, an trụ ở thật ngữ như núi Tu Di. Do duyên nghiệp này nên được dưới chân bằng như tướng của đáy hộp gương. Nếu Đại Bồ tát ở chỗ cha mẹ, hòa thượng, sư trưởng... cho đến súc sinh theo đúng như pháp đem của cải cúng dường cung cấp thì do duyên nghiệp này sẽ được thành tướng ngàn nan hoa bánh xe dưới chân.

Nếu Đại Bồ tát chẳng sát sinh thì chẳng trộm cắp, đối với cha mẹ, sư trưởng thường sinh ra vui mừng thì do duyên nghiệp này được thành ba tướng, một là ngón tay nhỏ dài, hai là gót chân dài, ba là thân ấy vuông thẳng. Ba tướng như vậy đồng một duyên nghiệp. Nếu Đại Bồ tát tu bốn nhiếp pháp, nhiếp lấy chúng sinh thì do duyên nghiệp này nên được ngón tay có màn lưới như vua bạch nga (ngỗng trắng). Nếu Đại Bồ tát, khi cha mẹ, sư trưởng bị bệnh khổ mà tự tắm rửa, lau chùi, nắm giữ, xoa bóp thì do duyên nghiệp này nên được tay chân mềm mại. Nếu Đại Bồ tát trì giới, bố thí, nghe pháp không chán thì do duyên nghiệp này nên được đốt xương, các khớp đầy đặn, lông trên thân đẹp đẽ. Nếu Đại Bồ tát chuyên tâm nghe pháp, diễn nói chánh giáo thì do duyên nghiệp này nên được tướng đuôi nai chúa. Nếu Đại Bồ tát đối với các chúng sinh chẳng sinh lòng giết hại, ăn uống tri túc, thường ưa ban cho xem bệnh cấp thuốc thì do duyên nghiệp này nên được thân viên mãn như cây Ni câu đà, đứng lên tay quá gối, đỉnh đầu có nhục kế, không ai thấy đỉnh tướng. Nếu Đại Bồ tát thấy người sợ hãi mà vì họ tạo sự cứu hộ, thấy kẻ trần truồng ban cho quần áo thì do duyên nghiệp này nên được âm tàng tướng. Nếu Đại Bồ tát thân cận người trí, xa lìa người ngu, khéo vừa lòng hỏi đáp, quét dọn đường đi do những duyên nghiệp này nên được da dẻ mềm mại, lông trên thân xoáy về bên phải. Nếu Đại Bồ tát thường dùng y phục, ẩm thực, ngọc cụ, y dược, hương hoa, đèn sáng cho người thì do duyên nghiệp này nên được thân Kim sắc, thường phát ánh sáng rực rỡ. Nếu Đại Bồ tát, khi hành thí, mà vật trân quý có thể xả bỏ chẳng tiếc nuối, chẳng cần quan sát là phước điền hay chẳng phải phước điền thì do duyên nghiệp này nên được tướng bảy chỗ đầy đặn. Nếu Đại Bồ tát, khi Bồ thí mà lòng chẳng sinh nghi ngờ thì do duyên nghiệp này nên được âm thanh êm dịu. Nếu Đại Bồ tát theo đúng như pháp tìm cầu của cải rồi đem dùng bố thí thì do duyên nghiệp này nên được xương khuyết đầy tràn, thân phần trên như sư tử, cánh tay thon dài. Nếu Bồ tát xa lìa lưỡng thiệt, ác khẩu, lòng sân giận thì do duyên nghiệp này nên được bốn mươi cái răng trắng, sạch, bằng và kín. Nếu Đại Bồ tát đối với các chúng sinh tu đại từ bi thì do duyên nghiệp này nên được tướng hai ngà. Nếu Đại Bồ tát thường tác khởi lời nguyện này, có người đến cầu xin, cấp cho theo ý thì do duyên nghiệp này nên được tướng hai má sư tử. Nếu Đại Bồ tát tùy theo sự ăn uống cần dùng của chúng sinh mà đều ban cho cả thì do duyên nghiệp này nên được thượng

vị trong các vị ngon. Nếu Đại Bồ tát tự tu mười điều thiện, kiêm thêm đem giáo hóa cho người thì do duyên nghiệp này nên được tướng Quảng Trường Thiệt (Lưỡi dài rộng). Nếu Đại Bồ tát chẳng nói lên sở đoán của người khác, chẳng bài báng chánh pháp thì do duyên nghiệp này nên được âm thanh của trời Phạm. Nếu Đại Bồ tát thấy các điều oán ghét mà sinh ra lòng mừng thì do duyên nghiệp này nên được lông mi màu xanh biếc. Nếu Đại Bồ tát chẳng che giấu đức của người khác mà xưng dương cái tốt của họ thì do duyên nghiệp này nên được tướng Bạch hào. Nay thiện nam tử ! Khi Đại Bồ tát tu tập nhân duyên nghiệp của ba mươi hai tướng thì được tâm Bồ Đề.

Nay thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới của chư Phật nghiệp quả và Phật tính cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì bốn pháp như vậy đều là thường mà do sự thường này nên chẳng thể nghĩ bàn. Phiền não của tất cả chúng sinh ngăn che nên gọi là thường mà đoạn dứt thường của phiền não nên gọi là vô thường. Nếu nói rằng, tất cả chúng sinh thường thì vì sao tu tập tám Thánh đạo phận là đoạn được mọi khổ. Mọi sự khổ nếu đoạn thì gọi là vô thường. Niềm vui đã thọ thì gọi là thường. Vậy nên ta nói rằng, phiền não của tất cả chúng sinh ngăn che, chẳng thấy Phật tính mà do chẳng thấy nên chẳng được Niết Bàn.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ hai mươi sáu hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 27

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BA : BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

Phần thứ III. - Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, tất cả các pháp có hai thứ nhân, một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Do hai nhân này nên không có trói buộc hay cởi mở. Năm ấm này thì từng niệm từng niệm sinh diệt. Như sự sinh diệt ấy thì ai trói ? Ai mở ? Thừa đức Thế Tôn ! Nhân năm ấm này sinh ra năm ấm sau. Ấm này tự diệt chẳng đến ấm kia. Tuy chẳng đến ấm kia nhưng có thể sinh ra ấm kia. Như hạt sinh ra mầm mà hạt chẳng đến mầm. Tuy hạt chẳng đến mầm mà có thể sinh ra mầm. Chúng sinh cũng vậy thì sao gọi là trói hay mở ?

- Nay thiện nam tử ! Hãy lắng nghe ! Lắng nghe ! Ta sẽ vì ông phân biệt, giải nói ! Nay thiện nam tử ! Như khi người bỏ mạng chịu khổ lớn thì bà con vay quanh gào khóc áo não. Người ấy sợ hãi không biết y cứu vào đâu. Tuy có năm tình nhưng người ấy không hay biết gì, chi tiết rúng động, chẳng thể tự giữ gìn, thân thể trống lạnh, hơi ấm muốn hết, thấy trước tướng báo ứng của việc tu thiện, ác. Nay thiện nam tử ! Như mặt trời lặn xuống thì bóng núi, đồi, gò, đồng hiện ngã về đông, không ngã về tây. Nghiệp quả chúng sinh cũng lại như vậy, khi ấm này diệt thì ấm kia nối tiếp sinh, như đèn tắt lên thì bóng tối diệt, đèn tắt thì tối sinh ra. Nay thiện nam tử ! Như dầu sáp ong in vào đất bùn, con dầu cùng đất bùn hợp lại, nếu con dầu diệt thì hoa văn hiện thành. Nhưng con dầu sáp chẳng biến mất tại đất bùn, hoa văn chẳng phải do đất bùn sinh ra, chẳng ở chỗ khác đến mà do nhân duyên dầu sáp sinh ra hoa văn này. Ấm hiện tại diệt thì ấm của trung ấm sinh. Ấm hiện tại này nhất định chẳng biến làm năm ấm của trung ấm. Năm ấm của trung ấm cũng chẳng phải tự sinh ra, chẳng từ chỗ khác đến mà **nhân** ấm hiện tại sinh ra ấm trung ấm, như dầu sáp in vào bùn mà dầu hoại thì hoa văn thành. Tên gọi tuy không sai mà thời tiết đều khác. Vậy nên ta nói rằng, năm ấm của trung ấm chẳng phải mắt thịt nhìn thấy mà là cái thấy của mắt trời. Trong Trung ấm này có ba thứ ăn, một là tư thực (ăn bằng tư tưởng), hai là xúc thực (ăn bằng chạm xúc), ba là ý thực. Trung ấm có hai thứ, một là thiện nghiệp quả, hai là ác nghiệp quả. Nhân thiện nghiệp nên được thiện giác quán. Nhân ác nghiệp nên được ác giác quán. Khi cha mẹ giao hội ly hợp thì tùy theo nhân duyên nghiệp, một hướng về chỗ thọ sinh, đối với mẹ sinh yêu thương thì đối với cha sinh sân giận. Khi tinh cha ra thì gọi là đã có. Đã thấy rồi, lòng mừng mà sinh ra hoan hỷ. Do ba thứ nhân duyên phiền não này nên ấm của Trung ấm hoại đi mà sinh ra năm ấm sau, như dầu in vào đất bùn mà dầu hoại thì hoa văn sinh ra. Khi sinh ra các căn có đủ hay chẳng đủ. Người đủ thì thấy sắc nên sinh ra tham mà sinh ra tham thì gọi là Ái. Rồ dại (cuồng nên sinh ra tham thì đó gọi là vô minh. Do hai nhân duyên tham ái, vô minh nên sự nhìn thấy cảnh giới đều điên đảo : vô thường thấy thường, vô ngã thấy ngã, vô lạc thấy lạc, vô tịnh thấy tịnh. Do bốn điên đảo nên tạo tác hạnh

thiện, ác, phiền não tạo tác nghiệp, nghiệp tạo tác phiền não... Đó gọi là trói buộc. Do nghĩa này nên gọi là Năm Âm sinh. Người này nếu được thân cận với Phật và đệ tử của Phật, các thiện tri thức thì liền được nghe thọ mười hai bộ kinh. Do được nghe pháp nên quan sát cảnh giới thiện. Quan sát cảnh giới thiện nên được đại trí tuệ. Người Đại trí tuệ thì gọi là Chánh tri kiến. Được Chánh tri kiến nên ở trong sinh tử mà sinh lòng hồi hận. Do sinh lòng hồi hận nên chẳng sinh ra hoan lạc. Chẳng sinh ra hoan lạc nên có thể phá được lòng tham. Phá lòng tham nên tu Bát chánh đạo. Tu Bát chánh đạo nên được không sinh tử mà không sinh tử nên gọi là được giải thoát. Như lửa chẳng gặp được củi gọi là lửa tắt, diệt sinh tử nên gọi là diệt độ. Do nghĩa này nên gọi là năm âm diệt.

Bồ tát Sư Tử Hống nói rằng :

- Trong hư không không có gai nhọn sao nói rằng nhỏ ? Âm không ràng buộc thì sao gọi là trói buộc ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Do khóa phiền não trói buộc năm âm, lia năm âm rồi không biết phiền não, lia phiền não rồi không biết năm âm ! Này thiện nam tử ! Như cây trụ chống giữ nhà, lia nhà không có trụ, lia trụ không có nhà ! Chúng sinh ngũ âm cũng lại như vậy, có phiền não nên gọi là trói buộc, không phiền não nên gọi là giải thoát. Này thiện nam tử ! Như nắm tay, chắp tay, trói buộc.v.v... cả ba hợp tan, sinh diệt lại không có biệt pháp. Năm âm chúng sinh cũng lại như vậy, có phiền não nên gọi là trói buộc, không phiền não nên gọi là giải thoát. Này thiện nam tử ! Như nói danh sắc trói buộc chúng sinh. Danh sắc nếu biệt thì không chúng sinh, lia danh sắc rồi không biết chúng sinh, lia chúng sinh rồi không biết danh sắc nên cũng gọi là danh sắc trói buộc chúng sinh, cũng gọi là chúng sinh trói buộc danh sắc.

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như mắt chẳng tự thấy, ngón tay chẳng tự chạm xúc, lưỡi dao chẳng tự cắt, người thọ chẳng tự thọ thì làm sao đức Như Lai nói rằng, danh sắc trói buộc danh sắc ? Vì sao vậy ? Vì nói danh sắc thì tức là chúng sinh, nói chúng sinh thì tức là danh sắc. Nếu nói rằng, danh sắc trói buộc chúng sinh tức là danh sắc trói buộc danh sắc.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Như khi hai tay hợp lại thì không có pháp khác đến hợp. Danh cùng với sắc cũng lại như vậy. Do nghĩa này nên ta nói rằng, danh sắc trói buộc chúng sinh. Nếu lìa khỏi danh sắc thì được giải thoát nên ta nói rằng, chúng sinh giải thoát.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu có danh sắc là trói buộc thì các A la hán chưa lìa khỏi danh sắc cũng ứng rằng buộc ?

- Nay thiện nam tử ! Giải thoát có hai thứ, một là tử đoạn (đoạn hạt nhân), hai là quả đoạn (đoạn kết quả). Nói Tử đoạn là gọi đoạn phiền não. A la hán.v.v.. đã đoạn phiền não, mọi kết tan rã hủy hoại. Vậy nên sử kết của hạt nhân chẳng thể trói buộc. Chưa đoạn kết quả nên gọi là quả trói buộc. Các A la hán chẳng thấy Phật tính. Do chẳng thấy nên chẳng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này nên có thể nói rằng, quả ràng buộc, chẳng thể nói rằng, danh sắc ràng buộc. Nay thiện nam tử ! Ví như khi thắp đèn mà dầu chưa hết thì ánh sáng chẳng diệt. Nhưng nếu dầu hết thì ánh sáng diệt không gì nghi ngờ ! Nay thiện nam tử ! Cái gọi rằng dầu là dụ cho các phiền não, đèn lại dụ cho chúng sinh. Tất cả chúng sinh vì dầu phiền não nên chẳng vào Niết Bàn. Nếu có người đoạn được thì vào Niết Bàn.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đèn với dầu cả hai tính đều khác còn chúng sinh, phiền não thì chẳng như vậy. Chúng sinh tức là phiền não, phiền não tức là chúng sinh, chúng sinh gọi là năm ấm, năm ấm gọi là chúng sinh, năm ấm gọi là phiền não, phiền não gọi là năm ấm thì làm sao đức Như Lai đem dụ nó với đèn ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Dụ có tám thứ, một là thuận dụ, hai là nghịch dụ, ba là hiện dụ, bốn là phi dụ, năm là tiên (trước) dụ, sáu là hậu dụ, bảy là tiên hậu dụ, tám biến dụ (biến : khắp).

Sao gọi là thuận dụ ? Như trong kinh nói rằng, trời tuông mưa lớn suối khe tràn đầy nên hàm nhỏ đầy, hàm nhỏ đầy nên hàm lớn đầy, hàm lớn đầy nên suối nhỏ đầy, suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy, suối lớn đầy nên ao nhỏ đầy, ao nhỏ đầy nên ao lớn đầy, ao lớn đầy nên sông nhỏ đầy, sông nhỏ đầy nên sông lớn đầy, sông lớn đầy nên biển cả đầy. Mưa pháp của Như Lai cũng lại như vậy, chúng sinh giới (cấm) đầy, giới đầy đủ nên lòng chẳng hối đầy, lòng chẳng hối đầy nên hoan hỷ đầy, hoan hỷ đầy nên viễn ly đầy, viễn ly đầy nên yên ổn đầy, yên ổn đầy nên Tam muội đầy, Tam muội đầy nên chánh tri kiến đầy, chánh tri kiến đầy nên yếm ly (chán lia) đầy, yếm ly đầy nên quở trách đầy, quở trách đầy nên giải thoát đầy, giải thoát đầy nên Niết Bàn đầy. Đó gọi là thuận dụ.

Sao gọi là nghịch dụ ? Biển cả có gốc là sông lớn, sông lớn có gốc gọi là sông nhỏ, sông nhỏ có gốc gọi là ao lớn, ao lớn có gốc gọi là ao nhỏ, ao nhỏ có gốc gọi là suối lớn, suối lớn có gốc gọi là suối nhỏ, suối nhỏ có gốc gọi là hàm lớn, hàm lớn có gốc gọi là hàm nhỏ, hàm nhỏ có gốc gọi là suối khe, suối khe có gốc gọi là mưa lớn... Niết Bàn có gốc gọi là giải thoát, giải thoát có gốc gọi là quở trách, quở trách có gốc gọi là yếm ly, yếm ly có gốc gọi là chánh tri kiến, chánh tri kiến có gốc gọi là Tam muội, Tam muội có gốc gọi là yên ổn, yên ổn có gốc gọi là viễn ly, viễn ly có gốc gọi là hỷ tâm, hỷ tâm có gốc gọi là chẳng hối, chẳng hối có gốc gọi là trì giới, trì giới có gốc gọi là pháp vũ. Đó gọi là nghịch dụ.

Sao gọi là hiện dụ ? Như trong kinh nói tâm tính chúng sinh giống như con khi đốt. Tính khi đốt bỏ buông bắt không dừng một, lấy một. Tâm tính chúng sinh cũng lại như vậy, tham lấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không khi nào tạm đứng lại. Đó gọi là hiện dụ. Sao gọi là phi dụ ? Như thuở trước ta bảo vua Ba Tư Nặc rằng : “Này Đại vương ! Có người thân tín từ bốn phương đến đều nói lời này, thưa đại vương ! Có bốn núi lớn từ bốn phương đến muốn hại nhân dân. Nếu nhà vua nghe thì phải thiết lập kế gì?”. Nhà vua đáp rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Giả sử có điều này đến, không tìm chỗ chạy trốn, chỉ phải chuyên chuyên tâm trì giới, bố thí !” Ta liền khen ngợi rằng : “Hay thay ! Này đại vương ! Ta nói bốn núi tức là sự sinh già bệnh chết của chúng sinh. Sinh già bệnh chết thường đến bức thiết con người thì làm sao đại vương chẳng tu trì giới, bố thí?”. Nhà vua bạch rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Trì giới, bố thí thì được những quả gì ?” Ta đáp rằng : “Này đại vương ! Ở trong người trời hưởng thọ nhiều khoái lạc !” Nhà vua bạch rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Cây Ni câu đà có trì giới, bố thí đâu mà cũng ở với người trời hưởng thọ an lạc vậy ?” Ta nói rằng : “Thưa đại vương

! Cây Ni câu đà chẳng thể trì giới, tu hành bổ thí. Như cây ấy có thể trì giới, bổ thí thì hưởng thọ khoái lạc không khác người, trời”. Đó gọi là phi dụ.

Sao gọi là tiên dụ ? Trong Kinh ta nói, ví như có người tham trước hoa đẹp, khi hái hoa bị nước cuốn trôi. Chúng sinh cũng vậy, tham trước năm dục bị cuốn trôi mất của sinh, già, chết. Đó gọi là tiên dụ.

Sao gọi là hậu dụ ? Như kinh pháp cú nói rằng :

Chớ khinh ác nhỏ

Là không tai ương

Giọt nước tuy nhỏ

Chậu lớn dần tràn.

Đó gọi là hậu dụ.

Sao gọi là tiên hậu dụ ? Ví như cây chuối ra trái thì chết. Người ngu được lợi dưỡng cũng lại như vậy, như con la mang thai thì sinh mạng chẳng an toàn lâu.

Sao gọi là biến dụ ? Như trong Kinh nói, trời thứ ba mươi ba có cây Ba lợi chất đa, rễ nó vào sâu trong đất đến năm do tuần, cao đến hàng trăm do tuần, cành lá trải rộng bốn phía đến năm mươi do tuần. Lá chín thì vàng, chư thiên thấy rồi lòng sinh ra hoan hỷ, lá này chẳng bao lâu ắt rơi rụng. Lá ấy đã rơi thì chư thiên lại sinh ra hoan hỷ. Cành cây này chẳng bao lâu ắt đổi sắc mà cành đã đổi sắc thì chư thiên lại sinh hoan hỷ. Sắc này chẳng bao lâu sẽ sinh những nốt phòng lên mà chư thiên thấy rồi lại sinh hoan hỷ. Nốt phòng này chẳng lâu ắt sẽ nhú những mồm nhọn mà chư thiên thấy rồi lại mừng. Mồm nhọn này chẳng bao lâu ắt sẽ nở ra mà khi nó nở ra thì hơi thơm lan cùng khắp năm mươi do tuần, ánh sáng soi chiếu xa đến tám mươi do tuần. Bây giờ là thời gian ba tháng mùa hạ, chư thiên ở dưới cây này, hưởng thụ khoái lạc. Nay thiên nam tử ! Các đệ tử của ta cũng lại như vậy. Màu lá vàng là dụ cho ý niệm của đệ tử ta muốn xuất gia. Lá ấy rụng là dụ cho đệ tử ta cạo bỏ râu tóc. Sắc ấy biến đổi là dụ cho đệ tử của ta bạch bốn yết ma, thọ cụ túc giới. Nốt phòng lên mới sinh là dụ cho đệ tử của ta mới phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Mồm nhọn là dụ cho Bồ tát Thập Trụ được thấy Phật tính. Mồm nhọn nở ra là dụ cho Bồ tát được Vô Thượng

Chánh Đẳng Chánh Giác. Hương thơm là dụ cho vô lượng chúng sinh ở mười phương thọ trì cấm giới. Ánh sáng là dụ cho danh hiệu của Như Lai châu biến mười phương không ngăn ngại. Ba tháng hạ là dụ cho Tam muội. Trừ Ba mươi ba hương thụ khoái lạc là dụ cho các đức Phật tại Đại Niết Bàn được Thường Lạc Ngã Tịnh. Đó gọi là Biến dụ. Này thiện nam tử ! Phàm việc dẫn dụ thì chẳng nhất định phải lấy hết mà hoặc lấy một phần ít, hoặc lấy phần nhiều, hoặc lại lấy toàn phần. Như nói rằng, mặt Như Lai như trăng đầy thì đó gọi là phần ít. Này thiện nam tử ! Ví như có người, đầu tiên chẳng thấy sữa mà chuyển hỏi người khác rằng, sữa là loại gì ? Người kia đáp rằng : “Như nước, mật và vỏ sò !” Nước thì tương ẩm ướt, mật thì tương ngọt, vỏ sò thì tương màu. Tuy dẫn ba dụ nhưng chưa là sữa thật. Này thiện nam tử ! Ta nói ví dụ đèn để dụ cho chúng sinh cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Rời khỏi nước thì không có sông, chúng sinh cũng vậy, lìa khỏi năm ấm rồi không biết chúng sinh (không có chúng sinh khác). Này thiện nam tử ! Như lìa khỏi thùng xe, bánh xe, nan hoa bánh xe, trục xe, vành bánh xe thì lại không có cái xe khác (biệt xa). Chúng sinh cũng vậy. Này thiện nam tử ! Nếu muốn được hợp với cái ví dụ đèn đó thì ông hãy lắng nghe ! Lắng nghe ! Ta nay sẽ vì ông nói ! Bắc (tim) đèn là dụ cho hai mươi lăm cõi hữu, dầu là dụ cho ái, ánh sáng dụ cho trí tuệ, phá trừ đen tối là dụ cho phá vô minh, hơi ấm dụ cho Thánh đạo. Như đèn hết dầu thì ánh sáng diệt, chúng sinh hết ái thì thấy Phật tính. Tuy có danh sắc nhưng chẳng thể trói buộc ! Tuy lại ở tại hai mươi lăm cõi hữu nhưng chẳng bị sự ô nhiễm của các hữu !

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Chúng sinh ngũ ấm rỗng không, không sở hữu thì có ai thọ giáo tu tập đạo ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh đều có tâm niệm, tâm tuệ, tâm phát, tâm siêng tinh tấn, tâm tín, tâm định.... Những pháp như vậy tuy từng niệm từng niệm sinh diệt nhưng giống như cũ, tương tự nối tiếp nhau, chẳng đoạn dứt nên gọi là tu đạo.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Những pháp như vậy đều từng niệm từng niệm diệt. Từng niệm từng niệm diệt này cũng tương tự nối tiếp nhau thì làm sao tu tập ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Đèn tuy từng niệm từng niệm diệt mà có ánh sáng phá trừ tối tăm. Các pháp từng niệm.v.v... cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Như chúng sinh ăn tuy từng niệm từng niệm diệt nhưng cũng khiến cho người đói mà được no đủ. Ví như thuốc tốt nhất tuy từng niệm từng niệm diệt nhưng cũng có thể khỏi bệnh. Ánh sáng mặt trời mặt trăng tuy từng niệm từng niệm diệt nhưng cũng có thể làm tăng trưởng rừng cây, thảo mộc. Nay thiện nam tử ! Ông nói rằng, từng niệm từng niệm diệt thì làm sao tăng trưởng ? Thì tâm chẳng đoạn nên gọi là tăng trưởng. Nay thiện nam tử ! Ví như người đọc sách. Việc đọc chữ câu chẳng được cùng một lúc, trước chẳng đến giữa, giữa chẳng đến sau. Người đọc cùng chữ và cả tâm tưởng đều từng niệm từng niệm diệt, rồi do tu lâu nên được thông lợi. Nay thiện nam tử ! Ví như người thợ vàng, từ lúc mới tập cho đến lúc bạc đầu, tuy từng niệm từng niệm diệt, trước chẳng đến sau, nhưng do tích tập nên việc làm trở nên khéo đẹp. Vậy nên được xưng là thợ vàng giỏi bậc thầy. Đọc tụng kinh sách cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Ví như hạt giống, đất cũng chẳng dạy nó rằng : “Người phải nảy mầm !” Nhưng do tính của pháp nên mầm tự sinh ra. Cho đến hoa đất cũng chẳng dạy người : “Người phải kết trái !” Nhưng do tính của pháp nên trái tự sinh ra. Chúng sinh tu đạo cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Ví như phép tính mà một chẳng đến hai, hai chẳng đến ba... tuy niệm niệm diệt mà đến ngàn vạn. Chúng sinh tu đạo cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Đèn từng niệm từng niệm diệt, ánh sáng mới diệt chẳng bảo ánh sáng sau rằng: “Ta diệt, người sinh ra phải phá các tối tăm !” Nay thiện nam tử ! Ví như con trâu nghé sinh ra liền tìm sữa. Trí tìm sữa thật không có người dạy, tuy từng niệm diệt mà ban đầu đói, về sau no. Vậy nên phải biết, chẳng nên tương tự. Nếu tương tự thì chẳng nên sinh khác. Chúng sinh tu đạo cũng lại như vậy, ban đầu tuy chưa tăng trưởng nhưng do tu lâu nên có thể phá hoại tất cả phiền não.

Bồ tát Sư Tử Hống nói rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, người Tu đã hoàn được quả chứng rồi, tuy sinh vào đất nước ác nhưng còn cố giữ giới, chẳng sát sinh, trộm cắp, dâm dục, lưỡng thiệt, uống rượu thì Tu đã hoàn ám liền ở chỗ này diệt, chẳng đến đất nước ác. Tu đạo cũng vậy, chẳng đến đất nước

ác. Nếu tương tự thì vì sao chẳng sinh đến đất nước thanh tịnh vi diệu ? Nếu ấm của đất nước ác chẳng phải là ấm của Tu đà hoàn thì làm sao mà được chẳng tạo tác nghiệp ác ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Người Tu đà hoàn tuy sinh ở nước ác nhưng nhất định chẳng mất danh xưng Tu đà hoàn và ấm chẳng tương tự nên ta dẫn con trâu nghé làm ví dụ. Người Tu đà hoàn tuy sinh ở nước ác nhưng do đạo lực nên chẳng tạo tác nghiệp ác. Nay thiện nam tử ! Ví như núi Hương có vua Sư Tử. Vậy nên tất cả loài chim bay, thú chạy tuyệt tích ở núi này, chẳng dám đến gần. Có lúc vua Sư tử này đến trong núi Tuyết, tất cả loài chim thú còn chẳng trụ. Người Tu đà hoàn cũng lại như vậy, tuy chẳng tu đạo nhưng do đạo lực nên chẳng làm các ác. Nay thiện nam tử ! Ví như có người ăn uống cam lộ. Cam lộ tuy diệt nhưng nhờ thế lực của nó nên khiến cho người này chẳng sinh, chẳng chết. Nay thiện nam tử ! Như núi Tu Di có thuốc thượng diệu tên là Lăng Đà Lợi. Có người uống nó, tuy từng niệm từng niệm diệt nhưng do dược lực nên chẳng gặp họa khổ. Nay thiện nam tử ! Như chỗ ngồi của vua Chuyển Luân, tuy nhà vua chẳng ở tại đó nhưng không ai dám gần. Vì sao vậy ? Vì uy lực của nhà vua. Người Tu đà hoàn cũng lại như vậy, tuy sinh ở nước ác, chẳng tu tập đạo nhưng do đạo lực nên chẳng làm nghiệp ác. Nay thiện nam tử ! Ấm của người Tu đà hoàn ở đây mà diệt thì tuy sinh ra ấm khác còn chẳng mất ấm của Tu đà hoàn. Nay thiện nam tử ! Ví như chúng sinh vì quả trái nên ở trong hạt giống đã làm nhiều việc như bón phân, tưới nước. Chưa được quả trái mà hạt lại diệt và cũng được gọi là nhân hạt được quả. Ấm của Tu đà hoàn cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Ví như có người của cải giàu to mà chỉ có một người con mà đã chết trước. Người con ấy có con nhưng lại ở nước khác. Người nhà giàu ấy bỗng nhiên vội mạng chung. Người cháu nghe tin này đã trở về thu lấy sản nghiệp, tuy biết của cải chẳng phải là sở tác của người ấy, nhưng người ấy thâu lấy không ai ngăn giữ. Vì sao vậy? Vì do cùng một họ vậy. Ấm của Tu đà hoàn cũng lại như vậy.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Như bài kệ đức Phật đã nói :

Tỳ kheo nếu tu tập

Giới, định, tuệ ba môn

Phải biết là chẳng thoát

Gần gũi Đại Niết Bàn.

Thưa đức Thế Tôn ! Sao gọi tu Giới ? Sao gọi là tu Định ? Sao gọi là tu Tuệ ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Nếu có người thọ trì cấm giới chỉ vì tự lợi, làm người trời thụ hưởng an vui, chẳng vì độ thoát tất cả chúng sinh, chẳng vì hộ trì chánh pháp Vô Thượng, chỉ vì lợi dưỡng, sợ ba đường ác, vì sắc lực của mạng sống, an vô ngại biện, sợ sệt vương pháp, danh xấu, tiếng dư, vì sự nghiệp thế gian.... Hộ trì giới như vậy thì chẳng được gọi là tu tập giới. Này thiện nam tử ! Sao gọi là tu tập giới chân thật ? Khi thọ trì giới, nếu vì độ thoát tất cả chúng sinh, vì hộ chánh pháp, vì độ người chưa độ, giải thoát kẻ chưa giải thoát đưa về người chưa về, người chưa vào Niết Bàn khiến cho vào... Khi tu như vậy chẳng thấy giới, chẳng thấy tướng của giới, chẳng thấy người trì giới, chẳng thấy quả báo, chẳng quan sát kẻ hủy phạm. Này thiện nam tử ! Nếu có thể như vậy thì đó gọi là tu tập giới vậy.

Sao gọi là tu tập Tam muội ? Khi tu Tam muội mà vì tự độ, vì lợi dưỡng, chẳng vì chúng sinh, chẳng vì hộ pháp, vì thấy lỗi tham dục, ăn bản.v.v..., căn nam nữ.v.v... chín lỗ chẳng sạch, chiến đấu, tranh tụng, đánh đâm, sát hại lẫn nhau.... Nếu vì những việc này mà tu Tam muội thì đó chẳng gọi là tu tập Tam muội. Này thiện nam tử ! Sao gọi là tu tập Tam muội chân thật ? Nếu vì chúng sinh tu tập Tam muội, ở trong chúng sinh được lòng bình đẳng, vì khiến cho chúng sinh được pháp bất thoái, vì khiến cho chúng sinh được tâm của Thánh, vì khiến cho chúng sinh được Đại Thừa, vì muốn hộ trì pháp Vô Thượng, vì khiến cho chúng sinh chẳng thoái tâm Bồ Đề, vì khiến cho chúng sinh được Thủ Lăng Nghiêm, vì khiến cho chúng sinh được Kim Cương Tam muội, vì khiến cho chúng sinh được Đà la ni, vì khiến cho chúng sinh được bốn vô ngại, vì khiến cho chúng sinh thấy Phật tính... khi làm hạnh này, hành giả chẳng thấy Tam muội, chẳng thấy tướng Tam muội, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo. Này thiện nam tử ! Nếu có thể như vậy thì đó gọi là tu tập Tam muội.

Sao gọi là tu Trí tuệ ? Nếu có người tu suy nghĩ rằng : “Ta nếu tu tập trí tuệ như vậy thì được giải thoát, qua khỏi ba đường ác. Phật ra đời khó

như hoa Ưu Đàm, ta nay có thể đoạn các kết phiền não, nhất định được giải thoát. Vậy nên ta phải siêng tu trí tuệ, mau chóng đoạn phiền não, sớm được độ thoát”. Người tu như vậy chẳng được gọi là tu tập trí tuệ. Sao gọi là người tu tập trí tuệ chân thật ? Nếu người đó quan sát khổ sinh, già, chết, tất cả chúng sinh bị vô minh che phủ, chẳng biết tu tập đạo Vô Thượng chân chính mà phát nguyện rằng : “Ta nguyện đem thân này thay cho chúng sinh thọ đại khổ não ! Tâm bần cùng, hạ tiện, phá giới và nghiệp tham sân, si... sẵn có của chúng sinh, ta nguyện đem gom hết về thân ta ! Nguyện các chúng sinh chẳng sinh ra tham thủ (lấy), chẳng bị sự trói buộc của danh sắc ! Nguyện cho các chúng sinh sớm qua khỏi sinh tử, khiến cho ta ở đó một mình mà chẳng chán ! Nguyện khiến cho tất cả đều được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Khi tu như vậy, hành giả chẳng thấy trí tuệ, chẳng thấy tướng của trí tuệ, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo. Đó gọi là tu tập trí tuệ.

Này thiện nam tử ! Tu tập Giới, Định, Tuệ như vậy thì đó gọi là Bồ tát. Chẳng thể tu Giới, Định, Tuệ như vậy thì đó gọi là Thanh Văn.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Sao lại gọi là tu tập Giới ? Nếu là người có thể phá hoại mười sáu luật nghi ác của tất cả chúng sinh. Những gì là mười sáu ? Một là vì lợi mà nuôi dê con cho béo rồi đem bán. Hai là vì lợi mà mua nó về giết mổ. Ba là vì lợi mà nuôi dưỡng heo cho béo rồi đem bán. Bốn là vì lợi mà mua nó về giết mổ. Năm là vì lợi mà nuôi dưỡng trâu nghé cho béo rồi đem bán. Sáu là vì lợi mà mua nó về giết mổ. Bảy là vì lợi nuôi gà cho mập béo rồi đem bán. Tám là vì lợi mà mua nó về giết mổ. Chín là câu cá. Mười là làm thợ săn. Mười một là cướp đoạt. Mười hai là làm kẻ đầu nậu nem chả. Mười ba là giăng lưới bắt loài chim bay. Mười bốn là nói hai lưỡi. Mười lăm là làm ngục tốt. Mười sáu là nguyên rửa loài rồng (chú rồng?). Nếu hành giả có thể vì chúng sinh đoạn trừ vĩnh viễn mười sáu nghiệp ác như vậy thì đó gọi là Tu Giới.

Sao gọi là tu Định ? Nếu có thể đoạn tất cả Tam muội của thế gian, như là vô thân Tam muội có thể khiến cho chúng sinh sinh tâm điên đảo cho là Niết Bàn. Lại như là vô biên tâm Tam muội, Tịnh tụ Tam muội, Thế biên Tam muội, Thế đoạn Tam muội, Thế tính Tam muội, Thế trạng phủ Tam muội, Phi tướng phi phi tướng Tam muội... Những định như vậy có thể khiến cho chúng sinh sinh lòng điên đảo cho là Niết Bàn. Nếu có thể đoạn trừ vĩnh viễn những Tam muội như vậy thì đó gọi là tu tập Tam muội.

Sao gọi là tu tập Trí tuệ ? Là có thể phá hết ác kiến sở hữu của thế gian. Tất cả chúng sinh đều có ác kiến, như gọi sắc tức là ngã cũng là ngã sở, trong sắc có ngã trong ngã có sắc... cho đến thức cũng như vậy, sắc tức là ngã mà sắc diệt ngã tồn tại, sắc tức là ngã mà sắc diệt ngã diệt. Lại có người nói rằng, tác giả gọi là ngã, người thọ nhận gọi là sắc. Lại có người nói rằng, tác giả gọi là sắc, người thọ gọi là ngã. Lại có người nói rằng, không người làm, kẻ thọ mà tự sinh, tự diệt đều chẳng phải là nhân duyên. Lại có người nói rằng, không tác không thọ mà đều là sự tạo tác của Tự tại. Lại có người nói rằng, không có người làm, không có người thọ, tất cả đều là sự tạo tác của thời tiết. Lại có người nói rằng, tác giả thọ giả đều không sở hữu, địa, thủy, hỏa, phong, không, năm đại, gọi là chúng sinh. Nay thiện nam tử ! Nếu có thể phá hoại tất cả những ác kiến như vậy của chúng sinh thì đó gọi là tu tập Trí tuệ.

Nay thiện nam tử ! Tu tập Giới là vì thân thanh tịnh. Tu tập Tam muội là vì tâm thanh tịnh. Tu tập Trí tuệ là vì phá hoại tâm nghi hoặc. Hủy hoại tâm nghi hoặc là vì tu tập đạo. Tu tập đạo là để thấy Phật tính. Thấy Phật tính là để được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là để được Vô Thượng Đại Niết Bàn. Được Đại Niết Bàn là để đoạn trừ tất cả sinh tử, tất cả phiền não, tất cả các hữu, tất cả các giới, tất cả các đế của chúng sinh. Đoạn trừ được sinh tử... cho đến đoạn các đế là được pháp Thường - Lạc - Ngã - Tịnh vậy.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, nếu chẳng sinh diệt thì gọi là Đại Niết Bàn. Sinh cũng như vậy, chẳng sinh chẳng diệt thì vì sao chẳng được gọi là Niết Bàn ?

- Nay thiện nam tử ! Đúng vậy ! Đúng vậy ! Đúng như lời ông nói ! Sinh này tuy lại chẳng sinh, chẳng diệt mà có đầu có cuối.

- Thưa đức Thế Tôn ! Pháp sinh tử này cũng không đầu cuối. Nếu nó không đầu cuối thì gọi là thường mà thường tức là Niết Bàn thì vì sao chẳng gọi sinh tử là Niết Bàn vậy ?

- Nay thiện nam tử ! Pháp sinh tử này đều có nhân quả mà có nhân quả nên chẳng được gọi là Niết Bàn. Vì sao vậy ? Vì thể của Niết Bàn không có nhân quả.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Luận về Niết Bàn thì cũng có nhân quả, như lời đức Phật nói :

Từ nhân nên sinh thiên (sinh lên trời)

Từ nhân rời đường ác

Từ nhân nên Niết Bàn

Vậy nên có nhân hết !

Như thuở trước, đức Phật bảo các vị Tỳ kheo rằng : “Ta nay sẽ nói về đạo quả Sa môn !” Nói Sa môn là gọi người có thể tu đủ Giới, Định, Trí tuệ. Đạo là gọi tám Thánh đạo. Sa môn quả là gọi Niết Bàn. Thừa đức Thế Tôn ! Niết Bàn như vậy há chẳng phải là quả sao ? Sao đức Phật nói rằng, thể của Niết Bàn không nhân, không quả ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Ta sở dĩ tuyên nói nhân của Niết Bàn thì gọi là Phật tính. Nhưng tính của Phật tính chẳng sinh ra Niết Bàn, nên ta nói rằng, Niết Bàn không nhân, có thể phá hoại phiền não nên gọi là đại quả, chẳng từ đạo sinh ra nên gọi là không quả. Vậy nên Niết Bàn không nhân, không quả.

Bồ tát Sư Tử Hồng nói rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Chúng sinh Phật tính là đều có chung hay là mỗi mỗi có riêng ? Nếu có chung thì một người khi được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì tất cả chúng sinh cũng nên đồng được hết. Thừa đức Thế Tôn ! Như hai mươi người đồng có một kẻ oán, nếu một người có thể diệt trừ thì mười chín người còn lại đều cũng đồng trừ khỏi. Phật tính nếu vậy thì khi một người được thì những người còn lại cũng nên được. Nếu mỗi mỗi đều có riêng thì là vô thường. Vì sao vậy ? Vì có thể tính toán. Nhưng lời Phật nói rằng, chúng sinh Phật tính chẳng một, chẳng hai. Nếu mỗi mỗi đều có riêng thì chẳng nên nói rằng, các đức Phật bình đẳng ! Cũng chẳng nên nói, Phật tính như hư không !

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Chúng sinh Phật tính chẳng một, chẳng hai, các đức Phật bình đẳng giống như hư không, tất cả chúng sinh đồng có chung Phật tính đó. Nếu có người có thể tu tám Thánh đạo thì phải biết người này đã được minh kiến (sự thấy sáng suốt). Này thiện nam tử ! Núi Tuyết có thứ cỏ tên là Nhẫn nhục. Nếu trâu ăn nó thì thành đê hồ, chúng sinh Phật cũng lại như vậy.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Như lời đức Phật nói, cỏ Nhẫn nhục là một hay nhiều vậy ? Như cỏ ấy một thì trâu ăn hết. Như cỏ ấy nhiều thì làm sao mà nói rằng, chúng sinh Phật tính cũng như vậy được ? Như lời đức Phật nói, nếu có người tu tập tám Thánh đạo thì thấy Phật tính, nghĩa này chẳng phải vậy ! Vì sao vậy ? Vì nếu đạo một thì như cỏ Nhẫn nhục nếu có tận. Như đạo ấy có tâm mà một người tu rồi thì những kẻ còn lại không có phần. Đạo nếu nhiều thì làm sao được nói rằng, tu tập đầy đủ, cũng chẳng được gọi là trí Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Chúng Trí).

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Như đường đi bằng phẳng. Tất cả chúng sinh đều đi ở trong đó không chướng ngại gì. Giữa đường có cây mà bóng của nó che mát mẻ. Người đi dường dừng xe ngựa nghỉ ngơi ở dưới bóng cây. Nhưng bóng cây ấy thường trụ chẳng dời, cũng chẳng tiêu hoại, không giữ người đi. Đường đi dụ cho Thánh đạo, cây dụ cho Phật tính. Này thiện nam tử ! Ví như ngôi thành lớn có một cửa. Tuy có nhiều người qua đó vào ra mà đều không ai có thể làm chướng ngại, cũng lại không có người phá hủy mà mang đi theo. Này thiện nam tử ! Ví như cây cầu mà người đi qua nhờ nó, cũng không có người ngăn chặn, chướng ngại, hủy hoại lấy đem đi. Này thiện nam tử ! Ví như vị lương y trị liệu mọi thứ bệnh, cũng không có ai có thể ngăn chặn vị lương y này trị người này bỏ người kia. Thánh đạo Phật tính cũng lại như vậy.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Việc dẫn các ví dụ, ý nghĩa chẳng như vậy. Vì sao vậy ? Vì người trước ở tại đường thì người sau bị cản ngại thì làm sao mà nói không có chướng ngại được ? Các ví dụ còn lại cũng đều vậy !

Thánh đạo Phật tính nếu như vậy thì khi một người tu thì làm cảm ngại những người còn lại.

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Như lời ông nói là, nghĩa chẳng tương ứng. Lời dụ của ta về đạo là thiếu phần dụ, chẳng phải tất cả. Này thiện nam tử ! Đạo của thế gian thì có chướng ngại, đây, đó khác biệt, không có bình đẳng. Đạo vô lậu thì chẳng như vậy, có thể khiến cho chúng sinh không có chướng ngại, bình đẳng không hai, không có địa phương, xứ sở đây, đó khác biệt. Chánh đạo như vậy có thể vì Phật tính của tất cả chúng sinh mà làm liễu nhân, chẳng làm sinh nhân giống như đèn sáng soi rõ được vật. Này thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh đều đồng “vô minh” nhân duyên với “hành” nên chẳng thể nói rằng, một người “vô minh” nhân duyên với “hành” rồi thì những người còn lại ấy nên không có. Tất cả chúng sinh đều có “vô minh” nhân duyên với “hành”. Vậy nên nói rằng, mười hai nhân duyên tất cả bình đẳng. Việc tu chánh đạo vô lậu của chúng sinh cũng lại như vậy, bình đẳng đoạn tuyệt phiền não, tứ sinh (bốn cách sinh ra của các loài vật), các giới, đạo hữu vi của chúng sinh. Do nghĩa này nên gọi là bình đẳng. Trong số ấy có người chứng thấy biết đó, đây không có chướng ngại. Vậy nên được gọi là Nhất thiết trí.

Bồ tát Sư Tử Hống nói rằng :

- Thân của tất cả chúng sinh chẳng một chủng loại, hoặc có thân trời, hoặc có thân người, thân súc sinh, thân ngã quỉ, thân địa ngục. Như vậy là nhiều thân sai khác, chẳng phải là một thì làm sao mà nói rằng, Phật tính là một ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Ví như có người đổ độc vào trong sữa thì cho đến đê hồ đều có độc. Sữa chẳng gọi là lạc, lạc chẳng gọi là sữa... cho đến đê hồ cũng lại như vậy, danh tự tuy biến đổi nhưng tính độc chẳng mất mà ở khắp trong năm vị đều như vậy. Nếu uống đê hồ đó cũng có thể giết người mà thật ra chẳng đổ độc ở trong đê hồ. Chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy, tuy chúng sinh năm đường, thọ thân khác biệt mà Phật tính này thường một không biến đổi.

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Mười sáu nước lớn, có sáu thành lớn như là: thành Xá Bà Đề, thành Bà Chi Đa, thành Chiêm Bà, thành Tỳ Xá Ly, thành Ba La Nại, thành Vương Xá. Sáu thành như vậy rất lớn trong đời vì sao đức Như Lai bỏ đi hết mà ở tại ngôi thành nhỏ Câu Thi Na nơi vùng biên địa tệ ác rất nhỏ hẹp này để vào Bát Niết Bàn ?

- Nay thiện nam tử ! Ông chẳng nên nói rằng, thành Câu Thi Na là nơi biên địa tệ ác rất nhỏ hẹp mà nên nói rằng, thành này được trang nghiêm công đức vi diệu. Vì sao vậy ? Vì là chỗ sở hành của các đức Phật, Bồ tát vậy ! Nay thiện nam tử ! Ví như nhà người hèn mà nếu vua ở qua thì nên khen ngợi là nhà này nghiêm lệ, phước đức thành tựu mới khiến cho đại vương quay xe đoái hoài đến ! Nay thiện nam tử ! Như người bệnh nặng uống thuốc dơ bẩn tệ ác mà uống xong, thì bệnh khỏi, liền ứng lên vui mừng, khen ngợi là thuốc tối thượng, tối diệu có thể trị khỏi bệnh của mình. Nay thiện nam tử ! Như người đi thuyền ở trong biển lớn. Thuyền ấy bỗng nhiên hư hoại, không có gì nương tựa nên nhân nhờ vào cây chết mà được đến bờ kia. Đến bờ kia rồi, người ấy vui mừng khen ngợi cây chết này rằng : “Ta nhờ gặp nhau với cây chết mà được yên ổn”. Câu Thi Na thành cũng lại như vậy, nơi đó mới chính là hành xứ của các đức Phật, Bồ tát thì làm sao mà nói rằng, thành nhỏ nơi biên địa tệ ác nhỏ hẹp được ? Nay thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xa xưa qua hằng hà sa số kiếp, có kiếp tên là Thiện Giác có vị Thánh vương họ Kiền Thi Ca với bảy báu thành tựu, ngàn đứa con đầy đủ. Vị vua ấy, người đầu tiên tạo lập ngôi thành này, giáp vòng ngang dọc mười hai do tuần, đất trang nghiêm bằng bảy báu, có nhiều dòng sông mà nước trong sạch, ngon ngọt, êm dịu. Đó là sông Ni Liên Thiên, sông Y La Bạt Đề, sông Hy Liên Thiên, sông Y Suu Mạt Đề, sông Tỳ Bà Xá Na.v.v... Những sông như vậy có đến năm trăm dòng. Bờ của những con sông này cây cối rậm rạp hoa trái tươi sạch. Thời bấy giờ thọ mạng của nhân dân không lường, lúc vị Chuyển Luân Thánh Vương qua tuổi một trăm rồi thì xưng lên rằng : “Như lời đức Phật nói, tất cả các pháp đều vô thường, nếu ai có thể tu tập mười pháp thiện thì có thể đoạn trừ đại khổ vô thường như vậy”. Nhân dân nghe rồi đều chung phụng tu mười pháp thiện. Ta lúc bấy giờ nghe danh hiệu đức Phật, thọ trì mười pháp thiện, suy nghĩ tu tập, mới phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phát tâm này rồi, ta lại đem pháp này chuyển giáo cho vô lượng vô biên chúng sinh mà nói rằng, tất cả pháp vô thường, biến hoại. Vậy nên ta hôm nay tiếp tục ở chỗ này cũng nói về các pháp vô thường biến hoại, chỉ nói rằng, thân Phật là pháp thường trụ. Ta nhớ nhân duyên đã làm thuở xa xưa nên hôm nay đến tại đây mà Niết Bàn và cũng muốn thù báo ơn xưa của đất này. Do nghĩa này nên trong kinh ta nói

rằng, quyền thuộc ta thọ ân có thể báo đáp ! Lại nữa, này thiện nam tử ! Thuở xưa, khi chúng sinh thọ mạng không lường, bấy giờ thành này tên là Câu Xá Bạt Đề, giáp vòng ngang dọc năm mươi do tuần, cư dân cõi Diêm phù đề sống gần gũi tiếp giáp nhau mà gà bay kịp đến, có vị vua Chuyển Luân tên là Thiện Kiến với bảy báu thành tựu, ngàn người con đầy đủ, làm vua bốn thiên hạ. Vị thái tử thứ nhất suy nghĩ về chánh pháp được thành Bích Chi Phật. Vua Chuyển Luân thấy vị thái tử ấy thành Bích Chi Phật với uy nghi tường tự, thần thông hiêm có. Thấy việc này rồi, ông liền bỏ ngôi vua như bỏ bãi nước bọt, xuất gia ở tại vùng Ta La song thọ này, tu tập Từ tâm trong tám vạn năm và Bi tâm, Hỷ tâm, Xả tâm cùng đều tu mỗi thứ tám vạn năm. Này thiện nam tử ! Ông muốn biết Thánh Vương Thiện Kiến bấy giờ ? Chính là thân ta đó. Vậy nên ta nay thường ưa vận dụng bốn pháp như vậy. Bốn pháp này gọi là Tam muội. Do nghĩa này nên thân Như Lai Thường Lạc Ngã Tịnh. Này thiện nam tử ! Do nhân duyên này nên hôm nay ta đến tại vùng Ta La song thọ của thành Câu Thi Na này mà Tam muội chánh thọ. Này thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xa xưa qua vô lượng kiếp, thành này bấy giờ tên là Ca Tỳ La Vệ. Thành ấy có vị vua tên là Bạch Phạn. Phu nhân của vua ấy tên là Ma Gia. Nhà vua có một người con tên là Tất Đạt Đa. Lúc bấy giờ, vị vương tử chẳng do thầy dạy, tự nhiên suy nghĩ mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có hai vị đệ tử, một tên là Xá Lợi Phất, hai tên là Mục Kiền Liên và người đệ tử hậu hạ tên là A Nan. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở tại vùng Song Thọ diễn nói kinh Đại Niết Bàn như vậy. Ta khi đó ở tại pháp hội được dự việc ấy, nghe nói các chúng sinh đều có Phật tính. Nghe điều này rồi, ta liền đối với Bồ Đề được Bất Thoái Chuyển, liền tự phát nguyện rằng : “Nguyện vào đời vị lai, khi thành Phật thì cha mẹ, đất nước, tên họ, đệ tử, người thị giả, nói pháp, giáo hóa.... đều như đức Thế Tôn hôm nay, không có khác. Do nhân duyên này nên hôm nay ta đến tại đây tuyên dương diễn nói kinh Đại Niết Bàn !

Này thiện nam tử ! Khi ta mới xuất gia chưa được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vua Tần Bà Ta La sai sứ đến nói rằng : “Thưa thái tử Tất Đạt ! Nếu ngài làm Thánh vương thì tôi sẽ là thần thuộc ! Nếu ngài chẳng ưa ngôi vua, xuất gia được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì nguyện xin ngài đi đến thành Vương Xá này trước để nói pháp độ người, thọ sự cúng dường của tôi !” Ta mặc nhiên nhận lời mời của vị vua đó.

Này thiện nam tử ! Khi ta mới được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ta đã hướng về nước Kiết Xà thì ở dòng sông Y Liên Thiên, có vị Bà la môn dòng họ Ca Diếp cùng với năm trăm đệ tử sống tại cạnh dòng sông đó, cầu đạo Vô Thượng. Ta vì người này nên đến nói pháp. Ông Ca Diếp nói

rằng : “Này ông Cù Đàm ! Ta nay tuổi đã hơn một trăm hai mươi. Nhân dân trong nước Ma Đà Đà và đại vương Tần Bà Ta La của nước ấy đều cho là ta đã chứng quả La Hán. Ta nay nếu ở trước ông thánh thọ pháp thì tất cả nhân dân, hoặc sinh lòng điên đảo nghĩ rằng : “Đại đức Ca Diếp chẳng phải là La Hán sao ?”. Nguyện cầu ông Cù Đàm mau chóng đi đến chỗ khác ! Nếu nhân dân ở đây quyết định biết công đức của ông Cù Đàm hơn ta thì chúng ta không được họ cúng dường nữa !” Ta đáp rằng : “Này Ca Diếp ! Nếu ông đối với ta chẳng sinh ra sân hận to lớn nặng nề thì hãy cho ta nghỉ lại một đêm, sáng mai sẽ đi sớm !” Ông Ca Diếp nói rằng : “Này ông Cù Đàm ! Lòng ta không đối với người khác ái trọng nhau lắm, chỉ vì chỗ ở của ta có một con độc long mà tính khí hung dữ, sợ nguy hại nhau thôi !” Ta nói rằng : “Này Ca Diếp ! Độc long độc chẳng gì hơn ba độc mà ta nay đã đoạn trừ thì độc của thế gian ta chẳng sợ gì !” Ông Ca Diếp lại nói rằng : “Nếu ngài có thể chẳng sợ thì hay thay ! Xin mời ngài trụ !” Này thiện nam tử ! Ta vào lúc ấy cố vì ông Ca Diếp thị hiện mười tám sự biến hóa, như trong Kinh đã nói. Bảy giờ ông Ca Diếp và bốn năm trăm quyến thuộc của ông ấy đã thấy nghe thể rồi chứng quả La Hán. Lúc đó, ông Ca Diếp lại có hai người em, một người tên Đà Gia Ca Diếp, hai tên là Na Đề Ca Diếp. Thầy trò quyến thuộc lại có năm trăm người, cũng đều chứng được quả A la hán. Đồ chúng của Lục sư trong thành Vương Xá nghe việc này rồi liền đối với ta sinh ra lòng đại ác. Khi ta đến dự sự tín thọ vua kia thỉnh đến thành Vương Xá, chưa đến trung lộ thì nhà vua cùng với vô lượng trăm ngàn chúng đều đến phụng nghinh. Ta vì họ mới pháp. Nghe pháp rồi thì tám vạn sáu ngàn chư thiên Dục giới phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Mười hai vạn người của vua Tần Bà Ta La đem đi theo đều được quả Tu đà hoàn. Vô lượng chúng sinh thành tựu tâm Nhẫn. Đã vào thành rồi, ta độ cho ông Xá Lợi Phất, ông Đại Mục Kiền Liên và hai trăm năm mươi người quyến thuộc họ, khiến cho những người ấy bỏ tấm lòng xưa, xuất gia học đạo. Ta liền trụ ở thành đó, nhận sự cúng dường của nhà vua. Bốn lục sư ngoại đạo cùng nhau tụ tập, đi đến thành Xá Vệ.

Trong thành đó có một ông trưởng giả tên là Tu Đạt Đa, vì con đi hỏi vợ nên đến thành Vương Xá. Đã đến được thành đó rồi, ông ở nhờ nhà của ông trưởng giả San Đàn Na. Ông trưởng giả này nửa đêm thức dậy bảo các quyến thuộc rằng : “Các ông hãy dậy đi ! Hãy mau chóng cùng nhau trang nghiêm, quét dọn nhà cửa, bày biện đủ đồ ăn ngon lành !” Ông Tu Đạt nghe rồi liền tự suy nghĩ rằng : “Họ sắp chẳng phải muốn thỉnh vua Ma Đà sao ? Hay là có hội hoan lạc hôn nhân ư ?”. Suy nghĩ vậy rồi liền hỏi rằng : “Thưa đại sĩ ! Ngài muốn thỉnh đức vua nước Ma Đà Đà, Tần Bà Ta La chăng ? Hay là có hội hoan lạc hôn nhân ư ? Việc gì mà gấp gáp chẳng an đến như

vậy?”. Ông trưởng giả đáp rằng : “Chẳng phải vậy! Thưa cư sĩ ! Ngày mai tôi thỉnh đức Phật, dâng Pháp Vương Vô Thượng!”. Ông trưởng giả Tu Đạt mới nghe đến danh hiệu Phật thì lòng của thân đều dựng đứng, lại liền hỏi rằng : “Sao gọi là Phật?”. Ông trưởng giả đáp rằng: “Ông chẳng nghe sao ? Ở thành Ca Tỳ La có người con dòng họ Thích, tự là Tất Đạt Đa, dòng họ Cù Đàm, cha tên là Bạch Phạn. Vị ấy sinh chưa lâu, thầy tướng xem tướng quyết định ngài sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, như quả Am La đã ở trong tay. Nếu tâm nguyện ngài chẳng ưa mà bỏ đi xuất gia thì không thầy dạy bảo, tự giác ngộ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tận diệt tham, sân, si, thường trụ không biến đổi, chẳng sinh, chẳng diệt, không có lo sợ, đối với các chúng sinh lòng ngài bình đẳng, giống như cha mẹ bình đẳng nhìn xem con một, đối với thân tâm sở hữu là tối thắng trong mọi người, tuy hơn tất cả mà không kiêu mạn, bồi đắp tổn hại hai việc lòng ngài không hai, trí tuệ thông đạt đối với pháp không ngăn ngại, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, năm trí Tam muội, đại từ đại bi và ba niệm xứ.... Vậy nên hiệu là Phật. Sáng mai này ngài nhận lời mời của tôi đến đây. Vậy nên vội vội vàng vàng chưa rảnh rồi ngắm nhìn nhau (thăm hỏi nhau)”. Ông Tu Đạt Đa nói rằng : “Hay thay ! Thưa đại sĩ ! Đáng gọi là Phật công đức Vô Thượng, nay ở chỗ nào?”. Ông trưởng giả đáp rằng: “Nay ở tại đại thành Vương Xá này ! Ngài đang trụ ở tinh xá Trúc Lâm Ca Lan Đà !” Ông Tu Đạt Đa một lòng nghĩ đến công đức sở hữu của đức Phật, mười lực, bốn vô sở úy, năm trí Tam muội, đại từ đại bi và ba niệm xứ. Khi tác khởi ý niệm này, ông bỗng nhiên thấy ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy mạnh mẽ giống như mặt trời trắng, ông liền tìm theo ánh sáng, ra đến dưới cửa thành. Nhờ thần lực của đức Phật nên cửa tự nhiên mở ra. Đã ra khỏi cửa rồi, trên đường đi có miếu thờ trời, ông Tu Đạt đi qua lễ bái cung kính thì liền trở lại tối đen, lòng sinh kinh sợ, lại muốn quay trở về chỗ nghỉ. Ở cửa thành đó, có một vị Thiên Thần bảo ông Tu Đạt rằng : “Ngài nếu đến chỗ của đức Như Lai thì được nhiều thiện lợi!”. Ông Tu Đạt nói rằng : “Sao gọi là thiện lợi?”. Vị trời nói rằng : “Này trưởng giả ! Giả sử có người bảo quần quanh, tuần mã trăm thốt, hương tượng trăm đầu, xe báu trăm chiếc, đúc vàng làm người số ấy lại cả trăm, nữ nhân đoan chính đeo chuỗi ngọc với mọi báu lấp đầy khoảng trống, cung trạch điện đường thượng diệu, nhà cửa mái hiên chạm khắc hoa văn, chậu vàng đựng gạo bạc, chậu bạc đựng gạo vàng, số ấy mỗi thứ một trăm đem thí cho một người. Cứ như vậy mà đáp đối thí cho hết cõi Diêm Phù Đề thì sở đắc công đức chẳng bằng có người phát ý nghĩ một bước đi đến chỗ đức Như Lai !” Ông Tu Đạt Đa nói rằng : “Này thiện nam tử ! Ông là ai vậy?”. Vị trời đáp rằng : “Này trưởng giả ! Ta là con của Bà la môn Thắng Tướng, là thiện tri thức của ông thuở xưa. Ta nhân ngày trước gặp được ngài Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên, lòng sinh ra vui mừng nên khi xả thân được làm

con của vua trời Tỳ Sa Môn, chuyên coi việc thủ hộ thành Vương xá này. Ta nhân lễ bái ngài Xá Lợi Phất.v.v... sinh lòng vui mừng mà còn được thân diệu hảo như vậy, huống là sẽ được diện kiến đức đại sư Như Lai để lễ bái cúng dường!”. Ông trưởng giả Tu Đạt nghe việc này rồi liền quay trở lại đường đi đến chỗ của ta. Đến nơi rồi, ông ấy đầu mặt kính lễ dưới chân ta, ta liền vì ông mà nói pháp. Ông trưởng giả nghe rồi được quả Tu đà hoàn, đã được quả chứng, lại thỉnh ta rằng: “Đức Như Lai đại từ! Nguyên xin ngài đoái hoài đến thành Xá Vệ thọ nhận sự cúng dường nhỏ nhoi của con!”. Ta liền hỏi rằng: “Thành Xá Vệ của ông, đã có tinh xá dung thọ được nhau chăng?”. Ông Tu Đạt Đa đáp rằng: “Nếu đức Phật thương xót quyết định rừ lòng đoái hoài đến thì con sẽ tự hết sức kiến tạo thành lập”. Vào thời bấy giờ, ta mặc nhiên thọ thỉnh (nhận lời mời). Ông Tu Đạt trưởng giả đã được hứa rồi liền bạch với ta rằng: “Con từ xưa đến nay chưa làm việc ấy! Nguyên xin đức Như Lai sai ngài Xá Lợi Phất chỉ dẫn, trao đổi nghi thức, phép tắc cho con!”. Ta liền giao phó lệnh bảo ông Xá Lợi Phất đi giúp đỡ xây dựng. Ông Xá Lợi Phất cùng ông Tu Đạt Đa ngồi chung một xe, đi đến thành Xá Vệ. Nhờ thần lực của ta nên trải qua một ngày đêm đã đến nơi, ông Tu Đạt Đa bạch ông Xá Lợi Phất rằng: “Thưa đại đức! Ở bên ngoài thành này, chỗ nào có đất chẳng gần, chẳng xa lắm suối nhiều ao, có rừng cây đẹp, hoa quả xum xuê, thanh tịnh, nhàn nhã, khoáng dãng thì tôi sẽ trong đó vì đức Phật Thế Tôn và Tỳ kheo Tăng mà tạo lập tinh xá?”. Ngài Xá Lợi Phất nói rằng: “Có vườn cây ông Kỳ Đà là chẳng gần, chẳng xa, thanh tịnh, tịch mịch, có nhiều dòng suối, cây cối, hoa trái theo mùa mà có. Chỗ này tôi tưởng có thể tạo lập tinh xá!”. Ông Tu Đạt Đa nghe lời nói này rồi liền đến chỗ của ông trưởng giả Kỳ Đà, nói với ông Kỳ Đà rằng: “Tôi nay muốn vì đấng Pháp Vương Vô Thượng tạo lập tăng phường mà chỉ khu đất vườn của ngài là có thể tạo lập được. Tôi nay muốn mua, ngài có thể cho mua không?”. Ông Kỳ Đà đáp rằng: “Giả sử ông dùng vàng trải khắp đất ấy ta còn chẳng cho nhau!”. Ông Tu Đạt Đa nói rằng: “Hay thay! Thưa ngài Kỳ Đà! Đất rừng thuộc về tôi, còn ngài thì nhận lấy vàng”. Ông Kỳ Đà đáp rằng: “Vườn ta chẳng bán thì làm sao nhận lấy vàng?”. Ông Tu Đạt Đa nói rằng: “Nếu ý ngài chẳng rõ thì chúng ta sẽ đi chung đến chỗ của người quyết đoán việc (phân xử)!”. Hai ông trưởng giả liền cùng chung đi đến, người phân xử nói rằng: “Vườn thuộc về ông Tu Đạt, ông Kỳ Đà nhận lấy vàng!”. Ông trưởng giả Tu Đạt tức thời sai người, xe ngựa chở, vát theo gom lại, rồi trải ra đất, trong một ngày mà chỉ còn năm trăm bước là vàng chưa cùng khắp. Ông Kỳ Đà nói rằng: “Thưa trưởng giả! Nếu ngài hối hận thì tùy ý, ngài được dừng lại!”. Ông Tu Đạt nói rằng: “Tôi chẳng hối hận! Đang tự suy nghĩ sẽ xuất kho nào cho đủ vàng đây?”. Ông Kỳ Đà nghĩ rằng: “Đấng Như Lai Pháp Vương chân thật là vô thượng! Lời nói diệu pháp của ngài thanh

tịnh vô nhiễm nên đã khiến cho người ấy khinh của báu đến vậy !”, nên liền nói với ông Tu Đạt rằng : “Chỗ còn chưa khắp, ngài chẳng cần lấy vàng nữa ! Mời ngài nhận lấy đất ! Tôi tự vì đức Phật tạo lập môn lâu (cửa có lâu) luôn khiến cho đức Như Lai đi qua cửa ấy mà vào, ra !”. Ông trưởng giả Kỳ Đà tự tạo lập môn lâu. Ông trưởng giả Tu Đạt thì trong bảy ngày, thành lập phòng lớn đủ ba trăm gian, thiền phòng, chỗ vắng lặng, sáu mươi ba chỗ, nhà nghỉ đông, điện đường mùa hạ mỗi mỗi đều khác biệt, chỗ nấu ăn, nhà tắm, nơi rửa chân, nhà xí (chỗ tiểu tiện) đại tiểu tiện... không gì chẳng đầy đủ. Xây dựng xong rồi, ông liền bùng lư hương, hướng về thành Vương Xá, từ xa nói lên rằng : “Việc xây dựng đã xong rồi, con nguyện xin đức Như Lai từ ai lân mẫn vì các chúng sinh thọ nhận trú xứ này !”. Ta huyền diệu biết được lòng của ông trưởng giả này nên liền cùng với đại chúng bắt đầu đi khỏi thành Vương Xá, ví như khoảnh khắc người tráng sĩ co duỗi cánh tay, thì chúng ta đã đến tinh xá của Tu Đạt trong vườn cây của ông Kỳ Đà ở tại thành Xá Vệ. Khi ta đã đến rồi thì ông Tu Đạt trưởng giả đem cơ sở xây dựng ấy dâng cho ta. Khi ta nhận rồi liền ở luôn trong tinh xá ấy.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ hai mươi bảy hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 28

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BA : BỒ TÁT SỰ TỬ HỒNG

Phần thứ IV : - Lúc bấy giờ, lòng của Lục sư ngoại đạo sinh ra ganh ghét nên chúng đều tập hợp lại đi đến chỗ vua Ba Tư Nặc mà nói rằng :

- Thừa đại vương ! Ngài phải biết, cảnh đất nước của vua thanh bình, nhân tịnh, chân thật là chỗ trụ dừng của người xuất gia. Vậy nên chúng tôi vì việc ấy mà đi đến đây. Thừa đại vương ! Ngài dùng chính pháp cai trị, vì dân trừ hoạn nạn. Ông Sa môn Cù Đàm tuổi còn ấu trĩ, ngày học lại cạn, đạo thuật không thi thố. Đất nước này trước có những bậc túc đức kỳ cựu, nhưng ông ấy tự cậy vào dòng giống vua, chẳng sinh lòng cung kính. Nếu là dòng giống vua thì theo pháp nên cai trị dân, còn như ông ấy xuất gia thì nên cung

kính bậc túc đức. Đại vương giỏi nghe biết. Ông Sa môn Cù Đàm chân thật chẳng sinh ra trong dòng dõi vua. Sa môn Cù Đàm nếu có cha mẹ thì vì sao cướp đoạt cha mẹ người khác ? Thưa đại vương ! Trong Kinh của ta nói rằng, qua một ngàn năm rồi có một điều quái lạ, vật huyền hóa xuất hiện, là gọi ông Sa môn Cù Đàm đó. Vậy nên phải biết là ông Sa môn Cù Đàm không cha không mẹ. Nếu có cha mẹ thì làm sao ông nói rằng, các pháp Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã, Vô tác, Vô thọ. Ông dùng huyền thuật lừa dối mê hoặc chúng sinh, kẻ ngu tín thọ, người trí bỏ đi. Thưa đại vương ! Phạm là nhân vương (vua loài người) thì trời xuống làm cha mẹ. Như cái cân, như đất, như gió, như lửa, như đường, như sông, như cầu, như đèn, như mặt trời, như mặt trăng... cứ như pháp mà quyết đoán sự việc, chẳng chọn lựa kẻ oán, người thân. Ông Sa môn Cù Đàm chẳng cho tôi sống, theo chỗ tôi đi mà truy đuổi cha bỏ. Nguyện xin đại vương cho phép tôi cùng ông đó thi đấu đạo lực. Nếu ông đó thắng tôi thì tôi sẽ thuộc về ông đó. Nếu tôi thắng ông đó thì ông đó sẽ thuộc về tôi.

Nhà vua nói rằng :

- Thưa đại đức ! Các ông mỗi mỗi đều tự có pháp tu hành, chỗ dừng ở cũng đều chẳng đồng. Ta nay nhất định biết đức Như Lai Thế Tôn đối với các ông không phương hại gì !

Lục sư đáp rằng :

- Sao gọi là không phương hại ? Ông Sa môn Cù Đàm dùng phép huyền thuật dụ dỗ lừa dối mọi người và Bà la môn qui phục hết rồi. Nhà vua nếu cho phép tôi cùng ông ấy thi đấu đạo lực thì thiện danh của nhà vua sẽ lưu bố tám phương. Như ông ấy chẳng thi đấu thì tiếng xấu đầy đường !

Nhà vua nói rằng :

- Nay đại đức ! Các ông chưa biết đạo lực của đức Như Lai uy thần lồng lộng nên cầu xin thi đấu ! Nếu các ông định biết rồi thì sợ chẳng thể cầu xin đâu !

- Thưa đại vương ! Ngài nay đã thọ nhận sự huyền hóa của ông Cù Đàm rồi sao ? Nguyện xin Đại vương quan tâm cho phép và giám sát, chớ khinh chúng tôi ! Việc chưa rõ mà nói suông chẳng bằng kiểm nghiệm bằng sự thật !

Nhà vua nói rằng :

- Hay thay ! Hay thay !

Bọn Lục sư vui mừng mà ra về.

Vua Ba Tư Nặc liền ra lệnh nghiêm chỉnh xa giá đi đến chỗ của ta, đầu mặt lễ kính, nhiễu quanh bên phải ba vòng, lui về ngồi một bên mà bạch với ta rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Lục sư hướng đến Như Lai cầu thi đấu đạo lục mà con chẳng lượng độ đã dám hứa với họ rồi !

Đức Phật dạy rằng :

- Nay đại vương ! Hay thay ! Hay thay ! Chỉ lại ở nước này, khắp nơi nơi sẽ tạo lập Tăng phường. Vì sao vậy ? Vì nếu ta cùng bọn thi đấu thần lực thì trong chúng đó, người chịu sự giáo hóa nhiều lên mà chỗ này nhỏ hẹp thì làm sao dung thọ hết.

Này thiện nam tử ! - Đức Phật nói với Bồ tát Sư Tử Hồng - Vào lúc bấy giờ, ta vì bọn Lục sư nên từ ngày mừng một đến ngày mười lăm thị hiện thần thông biến hóa rất hy hữu. Đang khi đó thì vô lượng chúng sinh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vô lượng chúng sinh ở chỗ Tam Bảo phát sinh niềm tin, chẳng nghi ngờ. Số đồ chúng của Lục sư ấy nhiều vô lượng, phá tâm tà kiến, theo chánh pháp xuất gia. Vô lượng chúng sinh ở trong đạo Bồ Đề được tâm bất thoái. Vô lượng chúng sinh được Đà la ni, các tam muội môn. Vô lượng chúng sinh được từ quả Tu đà hoàn đến quả A la hán.

Lúc bấy giờ, nội tâm của Lục sư xấu hổ, cùng nhau vay quanh kéo đến thành Bà Chi Đa, dạy nhân dân ở đó tín thọ tà pháp là : Sa môn Cù Đàm chỉ nói về việc rỗng không. Này thiện nam tử ! Khi ta vì mẹ ở dưới cây Ba-lợi-chất-đa trên trời Đạo Lợi an cư nói pháp thì lúc đó tâm trạng của bọn Lục sư rất vui mừng, xướng lên rằng : “Hay thay! Huyền thuật của ông Cù Đàm nay đã diệt mất !” Chúng lại dạy cho vô lượng vô số chúng sinh tăng trưởng tà kiến. Lúc bấy giờ, vua Tần Bà Ta La vua Ba Tư Nặc và bốn bộ chúng bạch ông Mục Kiền Liên rằng : “Thừa đại đức ! Cõi Diêm phù đề này tà kiến tăng trưởng, chúng sinh có thể lo làm những việc rất đen tối! Nguyên

xin đại đức đi lên cõi trời đó, cúi đầu trước đấng Thế Tôn và bạch như lời chúng tôi rằng : “Ví như con trâu nghé mới sinh chưa lâu, nếu chẳng được sữa thì nhất định phải chết không gì nghi ngờ. Chúng sinh chúng con cũng lại như vậy, nguyện xin đức Như Lai thương xót chúng sinh trở về đến trụ nơi đây ?”. Ông Mục Kiền Liên lặng thinh mà hứa, rồi trong khoảnh khắc như vị đại lực sĩ co duỗi cánh tay, ông đi lên cõi trời đó, đến chỗ đức Thế Tôn, bạch đức Phật rằng : “Bốn chúng sở hữu trong cõi Diêm phù đề khát khao, ngưỡng mộ đức Như Lai, nhớ nghĩ mong gặp nghe pháp ! Vua Tần Bà Ta La, vua Ba Tư Nặc và bốn chúng.v.v... cúi đầu dưới chân. Chúng sinh sở hữu của cõi Diêm phù đề này, tà kiến tăng trưởng, hành động rất đen tối, rất đáng thương xót. Ví như con trâu nghé sinh ra chưa lâu, nếu chẳng được sữa thì nhất định phải chết, chẳng nghi ngờ gì ! Chúng con cũng vậy, nguyện xin đức Như Lai vì chúng sinh mà trở lại ở trong cõi Diêm phù đề này !”. Phật bảo ông Mục Kiền Liên rằng : “Ông hãy mau trở về cõi Diêm phù đề bảo các vị quốc vương và bốn bộ chúng là lui về sau bảy ngày, ta sẽ trở xuống ! Nhưng vì bọn Lục sư nên ta lại phải đến thành Bà Chi Đa kia”. Qua bảy ngày rồi, Phật cùng với Thích thiên, Phạm thiên, Ma thiên, vô lượng thiên tử và tất cả trời người của hội Thủ Đà, vây quanh trước sau đi đến thành Bà Chi Đa, rống tiếng Đại sư tử mà nói lên rằng : “Chỉ độc nhất trong pháp của ta mới có Sa môn và Bà la môn ! Tất cả các pháp vô thường vô ngã còn Niết Bàn thì tịch tịnh liả các lỗi hoạn. Nếu nói rằng, pháp khác cũng có Sa môn và Bà la môn, có Thường, có Ngã, có Niết Bàn thì không có điều này. Lúc bấy giờ, vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi đó Lục sư đều nói với nhau rằng : “Nếu trong pháp ta thật không có Sa môn, Bà la môn thì làm sao mà được sự cúng dường của thế gian. Đến đây thì bọn Lục sư lại tụ tập nhau đi đến Tỳ Xá Ly.

Này thiện nam tử ! Vào một thuở, ta trụ ở vùng rừng Am La của Tỳ Xá Ly, có người con gái Am La biết ta ở trong đó nên muốn đến chỗ của ta. Vào lúc ấy, ta bảo các Tỳkheo phải quán niệm xứ, giỏi tu trí tuệ, theo việc tu tập tâm chớ buông lung (phóng dật) ! Sao gọi là quán niệm xứ ? Nếu có Tỳkheo quan sát nội thân chẳng thấy ngã và cả ngã sở, quan sát ngoại thân và nội ngoại thân chẳng thấy ngã và cả ngã sở, quan sát thọ tâm pháp cũng lại như vậy thì đó gọi là niệm xứ. Sao gọi là tu tập trí tuệ ? Nếu có Tỳkheo chân thật mà thấy khổ, tập, diệt, đạo thì đó gọi là Tỳkheo tu tập trí tuệ. Sao gọi là tâm chẳng phóng dật ? Nếu có Tỳkheo niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm trời thì đó gọi là Tỳkheo tâm chẳng phóng dật. Ngay khi đó thì người con gái Am La liền đến chỗ của ta đầu mặt làm lễ, nhiễu quanh bên phải ba vòng, tu kính xong rồi, lui về ngồi một phía. Này thiện nam tử ! Ta vào lúc ấy, vì người con gái Am La đứng theo yêu cầu

mà nói pháp. Người con gái này nghe rồi liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Trong thành đó có năm trăm Lê xa tử đi đến chỗ ta đầu mặt làm lễ, nhiễu quanh bên phải ba vòng, tu kính xong rồi, lui về ngồi một phía. Ta lại vì các Lê xa tử theo đúng yêu cầu mà nói pháp như vậy : “Này các thiện nam tử ! Bàn về phóng dật có năm việc quả báo. Những gì là năm ? Một là chẳng được tự tại về tài lợi. Hai là tiếng xấu lưu bố ra bên ngoài. Ba là chẳng ưa ban cho bản cùng thiếu thốn. Bốn là chẳng ưa thấy bốn chúng. Năm là chẳng được thân chư thiên. Này các thiện nam tử ! Nhân chẳng phóng dật có thể sinh ra pháp thế gian, pháp xuất thế gian. Nếu có người muốn được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì nên phải siêng tu pháp chẳng phóng dật. Phạm người phóng dật lại được mười ba quả báo. Những gì là mười ba ? Một là ưa vì thế gian tác nghiệp. Hai là ưa nói lời nói vô ích. Ba là thường ưa nằm ngủ nghỉ lâu. Bốn là ưa nói việc thế gian. Năm là thường ưa gần gũi bạn xấu. Sáu là lười biếng uể oải. Bảy là thường bị sự khinh rẻ của người khác. Tám là tuy có điều nghe biết nhưng lại liền quên mất. Chính là ưa ở chỗ biên địa. Mười là chẳng thể điều phục các căn. Mười một là ăn chẳng biết đủ. Mười hai là chẳng ưa không tịch. Mười ba là việc thấy chẳng chính. Này thiện nam tử ! Phạm người phóng dật tuy được gần Phật và đệ tử của Phật nhưng còn rất là xa !”. Các Lê xa tử bạch rằng : “Chúng con tự biết là người phóng dật ! Vì sao vậy ? Vì như chúng con chẳng phóng dật thì đáng Như Lai Pháp Vương sẽ ra khỏi cõi của con !”. Trong đại hội có con của một Bà la môn tên là Vô Thắng nói với các Lê xa rằng : “Hay thay ! Hay thay ! Đúng như lời ông nói ! Vua Tần Bà Ta La đã thu hoạch đại lợi. Đức Như Lai Thế Tôn xuất hiện ở đất nước vua ấy giống như ao lớn mọc lên hoa sen đẹp, tuy mọc lên tại trong nước nhưng nước chẳng thể làm dơ bản. Này các Lê xa tử ! Đức Phật cũng như vậy, tuy sinh ở nước đó nhưng chẳng bị sự trệ ngại của pháp thế gian. Các đức Phật Thế Tôn không ra không vào nhưng vì chúng sinh nên xuất hiện ở đời mà chẳng bị sự trệ ngại của pháp thế gian. Các ông tự đam mê phóng túng theo năm dục, chẳng biết thân cận đến chỗ đức Như Lai nên mới gọi là người phóng túng, chứ chẳng phải đức Phật xuất hiện ở nước Ma Đà Đà mà gọi là phóng dật vậy. Vì sao vậy ? Vì đức Như Lai Thế Tôn giống như mặt trời mặt trăng chẳng phải vì một người, hai người mà ra đời !” Các Lê xa nghe lời nói đó rồi liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, họ lại nói lên rằng : “Hay thay ! Hay thay ! Thưa đồng tử Vô Thắng ! Ông khéo nói lời nói thiện diệu như vậy !”. Các Lê xa, từng người từng người đều cởi một cái áo đang mặc trên người, đem hiến thí cho đồng tử Vô Thắng. Vô Thắng nhận rồi chuyển dâng lên cho ta và lại nói rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Con từ Lê xa được số áo này, nguyện xin đức

Như Lai thương xót chúng sinh mà nhận sự hiến dâng của con !” Vào lúc ấy, ta thương đồng tử Vô Thắng đó nên liền nạp thọ. Các Lê xa đồng thời chấp tay nói lên lời như vậy : “Nguyện xin đức Như Lai ở đất nước này mà an cư một thời gian, nhận sự cúng dường nhỏ nhoi của con !” Ta mặc nhiên nhận lời mời của các Lê xa.

Lúc đó, bọn Lục sư nghe việc như vậy rồi thì thầy trò cùng nhau đi đến thành Ba La Nại. Bấy giờ, ta lại sang thành Ba La Nại, trụ ở bên dòng sông Ba La. Ở Ba La Nại có con ông trưởng giả tên là Bảo Xứng đam mê phóng túng theo năm dục mà chẳng biết chẳng phải là thường. Do ta đến nên ông ấy tự nhiên được pháp Bạch Cốt quán. Ông thấy điện đường, nhà cửa, cung nhân, thê nữ đều là xương trắng, lòng sinh ra kinh sợ như thấy dao bén, rắn độc, như giặc, như lửa nên liền ra khỏi nhà đi đến chỗ ta. Theo đường đi ông kêu lên rằng : “Ông Sa môn Cù Đàm ơi ! Tôi nay như bị sự truy đuổi của giặc rất là kinh sợ ! Nguyện xin được ngài cứu tế cho !”. Phật nói rằng : “ Này thiện nam tử ! Phật Pháp Tăng yên ổn không sợ !”. Con ông trưởng giả nói rằng : “Nếu trong Tam Bảo không có sự sợ hãi thì con hôm nay cũng sẽ được không sợ úy !”. Ta liền cho ông ấy xuất gia làm đạo. Con ông trưởng giả lại có năm mươi người đồng bạn, từ xa nghe tin bạn Bảo Xứng chán lìa xuất gia liền chung hòa thuận cùng nhau xuất gia.

Bọn Lục sư nghe rồi, đáp đối lại đi đến đại thành Chiêm Bà. Tất cả nhân dân nước Chiêm Bà đều chung phụng sự đồ chúng Lục sư, ban đầu chưa nghe tên Phật Pháp Tăng, có nhiều những người tạo tác nghiệp cực ác. Vào lúc ấy, ta vì chúng sinh nên đến thành Chiêm Bà. Trong thành đó có ông Đại trưởng giả không có người nối dõi nên cúng dường phụng sự Lục sư để cầu con. Về sau chẳng bao lâu, vợ ông ấy mang thai, ông trưởng giả biết rồi đi đến chỗ của Lục sư, vui mừng mà nói rằng : “Vợ tôi mang thai là trai hay gái vậy ?” Lục sư đáp rằng : “Sinh ra nhất định là gái !”. Ông trưởng giả nghe rồi, lòng sinh sầu não. Lại có người bạn đến hỏi ông trưởng giả : “Vì sao mà sầu não đến như vậy ?”. Ông trưởng giả đáp rằng : “Vợ tôi mang thai chưa biết trai hay gái nên đến hỏi Lục sư thì Lục sư thấy nói là như pháp tướng của ta, sinh ra nhất định là con gái. Tôi nghe lời nói này rồi tự nghĩ mình tuổi già, của cải giàu có không lường, như đứa bé ấy chẳng phải là con trai thì không biết phú chúc (giao phó lại) cho ai nên tôi buồn”. Người bạn lại nói rằng : “Ông không trí tuệ, trước chẳng nghe sao ? Anh em ông Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp là đệ tử của ai ? Của Phật hay là của Lục sư vậy ? Nếu Lục sư là Nhất Thiết Trí thì ông Ca Diếp vì sao bỏ đi làm đệ tử của đức Phật. Lại, ông Xá Lợi Phất, ông Mục Kiền Liên.v.v... và các quốc vương như Tần Bà Ta La.v.v... các phu nhân của vua như Mạt Lợi phu nhân.v.v...

trưởng giả các nước như ông Tu Đạt Đa.v.v... Những người như vậy chẳng phải là đệ tử của đức Phật sao ? Khoáng dã quỷ thần, vua A Xà Thế, vua say Hộ Tài, Ưng Quật Ma La, lòng ác hùng hực muốn hại mẹ mình.... Những bọn như vậy chẳng phải đã được đức Như Lai điều phục rồi sao ? Thưa trưởng giả ! Đức Như Lai Thế Tôn đối với tất cả pháp thấy biết không ngăn ngại nên gọi là Phật, lời nói ra không hai nên gọi là Như Lai, đã đoạn trừ phiền não nên gọi là A La Ha. Lời nói của đức Thế Tôn nhất định không có hai, còn Lục sư chẳng vậy nên làm sao có thể tin được ? Đức Như Lai nay ở gần tại đây, nếu muốn biết thật thì phải đến chỗ đức Phật!”. Lúc bấy giờ ông trưởng giả liền cùng với người đó đi đến chỗ của ta, đầu mặt làm lễ, nhiễu quanh bên phải ba vòng, chắp tay, quì dài mà bạch rằng: “Thưa đức Thế Tôn ! Ngài đối với các chúng sinh bình đẳng không hai, oán thân một tướng ! Con bị sự trói buộc của ái kết nên đối với oán thân chưa thể không hai, nay con muốn hỏi đức Như Lai việc đời mà thân tâm tự thẹn và sợ nên chưa dám phát ngôn ! Thưa đức Thế Tôn ! Vợ con mang thai, thầy tướng Lục sư nói rằng, sinh ra nhất định là con gái, việc này ra sao ?”. Phật nói rằng : “Này trưởng giả ! Vợ ông mang thai là con trai, không gì nghi ngờ ! Đứa bé ấy sinh ra rồi thì phước đức không ai sánh kịp!”. Bấy giờ, ông trưởng giả nghe lời nói này rồi, phát sinh đại hoan hỷ liền lui ra, quay về nhà. Bấy giờ, bọn Lục sư nghe ta huyền ký đứa bé sinh ra nhất định là con trai có phước đức lớn thì lòng họ phát sinh ganh ghét, dùng quả Am La hòa hợp với thuốc độc, mang đến nhà ông trưởng giả ấy và nói với ông rằng : “Giỏi thay ! Ông Cù Đàm khéo nói tướng của con ông!” Vợ ông tới tháng sinh có thể uống thứ thuốc này ! Uống thuốc này rồi thì đứa trẻ đọa chính, sản phụ không hoạn nạn !”. Ông trưởng giả vui mừng nhận thứ thuốc độc ấy, đem cho vợ mình bảo uống. Vợ ông trưởng giả uống xong liền chết, bọn Lục sư vui mừng đi cùng khắp thành thị, cao giọng xưng lên rằng: “Ông Sa môn Cù Đàm huyền ký cho vợ ông trưởng giả kia sẽ sinh ra con trai. Đứa trẻ ấy phước đức cả thiên hạ không ai hơn. Nay đứa trẻ chưa sinh mà người mẹ đã mất mạng”. Bấy giờ ông trưởng giả lại ở chỗ ta, sinh lòng chẳng tin, liền y theo phép thế gian tần liệm vào áo quan, đưa đến bên ngoài thành, chôn nhiều củi khô, dùng lửa đốt. Ta dùng đạo nhãn thấy rõ việc này, ra lệnh cho ông A Nan lấy áo lại cho ta, ta muốn đến chỗ đó tiêu diệt tà kiến. Vua trời Tỳ Sa Môn bảo đại tướng Ma Ni Bạt Đà rằng : “Đức Như Lai hôm nay muốn đến nơi tha ma kia (nghĩa địa). Ông hãy mau đến đó dọn quét sạch sẽ, làm bằng phẳng, đặt tòa ngai sư tử, tìm kiếm hương hoa đẹp mà trang nghiêm đất ấy”. Lúc bấy giờ, bọn Lục sư từ xa thấy ta đến, đều nói với nhau rằng : “Ông Sa môn Cù Đàm đến bãi tha ma này, muốn ăn thịt sao ?”. Bấy giờ có nhiều người chưa được pháp nhãn, các Ưu bà tắc đều ôm lòng thẹn sợ mà bạch với ta rằng : “Người đàn bà đó đã chết rồi, nguyện xin ngài chẳng nên đến đó !”. Lúc ấy

ông A Nan nói với mọi người rằng : “Hãy đợi giây lát ! Chẳng bao lâu nữa, đức Như Lai sẽ siển khai rộng rãi cảnh giới rộng rãi của chư Phật !”. Khi ta đến rồi, ngồi vào tòa sư tử thì ông trưởng giả nói khó với ta rằng : “Lời nói không hai nên gọi là Thế Tôn, nay người mẹ đã chết mất thì làm sao sinh con đây ?”. Ta nói rằng : “Này trưởng giả ! Vào lúc ấy, ta chẳng thấy ông hỏi về mạng người mẹ ngắn hay dài mà chỉ hỏi thai đang mang là trai hay gái thôi ! Các đức Phật Như Lai lời nói ra không hai ! Vậy nên ông phải biết, nhất định được con trai !” Lúc đó tử thi bị lửa đốt cháy, bụng nứt ra, đứa con từ trong đó xuất hiện ngồi ngay thẳng trong đám lửa giống như chim uyên ương ở trên đài hoa sen. Bọn Lục sư thấy rồi lại nói lên rằng : “Yêu mị thay ! Ông Cù Đàm khéo làm huyền thuật !”. Ông trưởng giả thấy rồi, lòng lại vui mừng, quở trách bọn Lục sư : “Nếu nói là huyền thuật thì sao các ông chẳng làm !”. Ta vào lúc ấy liền bảo ông Kỳ Bà : “Ông đến trong đám lửa bồng đứa bé đó lại đây !”. Ông Kỳ Bà sắp đi đến thì bọn Lục sư trước đã mở lời nói với ông Kỳ Bà rằng : “Việc tạo tác huyền thuật của ông Cù Đàm chưa chắc là thường vậy. Hoặc có thể hay chẳng thể bồng ra, nếu đứa trẻ ấy chẳng thể thoát được thì có thể ông bị cháy hại lay ! Ông nay làm sao có thể tin thọ lời nói của ông ấy ?”. Ông Kỳ Bà đáp rằng : “Đức Như Lai sai vào địa ngục A Tỳ, lửa dữ ở đó còn chẳng thiêu đốt huông là lửa của thế gian !”. Bấy giờ, ông Kỳ Bà vào trước đám lửa như là vào trong nước dòng sông mát mẻ, bồng đem đứa trẻ đó trở về đến chỗ của ta và trao đứa bé cho ta. Ta nhận đứa bé rồi bảo ông trưởng giả rằng : “Thọ mạng của tất cả chúng sinh bất định như bọt trên nước. Chúng sinh nếu có quả báo nghiệp nặng thì lửa chẳng thể đốt, độc chẳng thể hại. Quả báo nghiệp của đứa bé này chẳng phải là sự tạo tác của ta !”. Ông trưởng giả bạch rằng : “Hay thay ! Thừa đức Thế Tôn ! Đứa trẻ này nếu được tận thiên mệnh của nó thì nguyện xin đức Như Lai vì nó mà đặt tên cho !”

Đứa Phật dạy rằng :

- Đứa trẻ này sinh ra trong lửa mạnh mà lửa gọi là thọ đề nên tên là Thọ Đề !

Lúc bấy giờ, trong chúng hội thấy thân hóa của ta, vô lượng chúng sinh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc bấy giờ, bọn Lục sư đi cùng khắp sáu thành mà chẳng được dừng chân, cúi đầu xấu hổ, lại đi đến thành Câu Thi Na này. Đã đến đây rồi, họ xướng lên rằng : “Mọi người phải biết rằng, ông Sa môn Cù Đàm là một nhà đại huyền thuật, lừa dối mê hoặc thiên hạ khắp sáu ngôi đại thành. Ví

như nhà huyền thuật huyền tác bốn thứ binh như là binh xe, binh ngựa, binh voi, binh bộ. Lại nữa, ông huyền tác ra đủ thứ chuỗi ngọc, thành quách, cung điện, nhà cửa, sông ao, cây cối.... ông Sa môn Cù Đàm cũng lại như vậy, huyền tác thân vua rồi vì vua nói pháp. Hoặc làm ra thân Sa môn, Bà la môn, thân nam, thân nữ, thân lớn, thân nhỏ, hoặc làm ra thân súc sinh, thân quỷ thần. Ông ấy hoặc nói vô thường, hoặc nói có thường, hoặc nói khổ hay nói vui, hoặc nói có ngã hay nói không ngã, hoặc nói có tịnh hay nói không tịnh, hoặc nói có hay nói không... Những điều đó là hư vọng nên gọi là huyền. Ví như nhân hạt, tùy theo hạt mà được trái, ông Sa môn Cù Đàm cũng lại như vậy, người mẹ sinh ra ông ấy là Ma Gia đã là huyền thì ông ấy là con chẳng được coi là chẳng phải huyền. Ông Sa môn Cù Đàm không có tri kiến chân thật. Các thầy Bà la môn từng trải nhiều năm tháng, tu tập khổ hạnh, hộ trì cấm giới, còn nói ra chưa có tri kiến chân thật. Huống gì là ông Cù Đàm tuổi trẻ, học cạn, chẳng tu khổ hạnh thì làm sao mà có tri kiến chân thật ? Nếu ông ấy có thể đủ đầy bảy năm khổ hạnh, vẫn thấy còn chẳng nhiều, huống là việc tu tập chẳng trọn sáu năm ? Người ngu không trí mới tin thọ lời dạy của ông ấy. Như bậc thầy lớn về huyền thuật lừa dối mê hoặc kẻ ngu, ông Sa môn Cù Đàm cũng lại như vậy”. Nay thiện nam tử ! Như vậy, bọn Lục sư ở trong thành lớn này vì chúng sinh tăng trưởng tà kiến. Nay thiện nam tử ! Ta thấy việc này, lòng sinh thương xót, dùng thần lực ấy triệu thỉnh những Đại Bồ tát trong mười phương vân tập về khu rừng này, đầy đầy cùng khắp cả bốn mươi do tuần. Hôm nay, ở trong rừng này ta rống tiếng đại sư tử. Nay thiện nam tử ! Tuy đối với “không xứ” mà có nhiều lời nói thì chẳng được gọi là Sư Tử Hống. Nhưng ở trong đại chúng gồm những người trí này thì chân thật được gọi là Đại Sư Tử Hống. Sư Tử Hống là nói : Tất cả pháp đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh và chỉ nói : Như Lai Thường Lạc Ngã Tịnh.

Lúc bấy giờ, bọn Lục sư lại nói lời này : “Nếu ông Cù Đàm có ngã thì ta cũng có ngã. Sở dĩ nói ngã là thấy thì gọi là ngã. Thưa ông Cù Đàm, ví như có người hướng về trông thấy vật thì ngã cũng như vậy. Hướng là dụ cho mắt, thấy là dụ cho ngã”. Đức Phật bảo : “Nay Lục sư ! Nếu nói rằng, thấy gọi là ngã thì nghĩa này chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì sự dẫn dụ của các ông là nhân hướng thấy thì con người ở tại một hướng, sáu căn đều sử dụng. Nếu nhất định có ngã nhân mắt thấy thì sao chẳng như trong một căn đó đều dò tìm các trần ? Nếu trong một căn chẳng thể cùng một lúc nghe thấy sáu trần thì phải biết là không ngã. Sự dẫn dụ “hướng”, tuy trải qua trăm năm thấy thì sự thấy của nhân không khác và nhãn căn ngàn ấy năm già đi thì căn thực (chín) cũng nên không khác. Con người hướng khác nên thấy trong, thấy ngoài. Nhãn căn nếu vậy thì cũng nên trong ngoài cùng một lúc đều thấy. Nếu chẳng thấy thì sao gọi là có ngã ?”. Bọn Lục sư lại nói rằng :

“Thưa ông Cù Đàm ! Nếu không Ngã thì ai có thể thấy vậy?”. Đức Phật nói rằng : “Có hình sắc, có ánh sáng, có tâm, có mắt, bốn thứ này hòa hợp nên gọi là thấy. Trong đó thật không có người thấy và cái để thấy. Chúng sinh điên đảo nói rằng, có người thấy và cả cái để thấy. Do nghĩa này nên sở kiến tất cả chúng sinh là điên đảo còn sở kiến của các đức Phật, Bồ tát là chân thật. Nay Lục sư ! Nếu nói sắc là ngã thì điều đó cũng chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì sắc thật chẳng phải ngã. Sắc nếu là ngã thì chẳng nên có được hình mạo xấu xí! Vì sao lại có bốn dòng họ sai biệt mà chẳng đều một dòng Bà la môn vậy ? Vì sao lệ thuộc người khác chẳng được tự tại, các căn khiếm khuyết, sinh ra chẳng đầy đủ ?. Vì sao chẳng làm thân chư thiên mà thọ đủ thứ các thân địa ngục, súc sinh, ngã quý ?. Nếu chẳng thể tạo tác tùy ý thì phải biết nhất định không có ngã vậy. Do không ngã nên gọi là vô thường mà vô thường nên khổ. Do khổ nên là rỗng không mà rỗng không nên điên đảo. Do điên đảo nên tất cả chúng sinh luân chuyển sinh tử. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Lục sư ! Như Lai Thế Tôn đoạn tuyệt vĩnh viễn sắc phược (sự trói buộc của sắc)... cho đến thức phược. Vậy nên gọi là Thường Lạc Ngã Tịnh. Lại nữa, sắc thì tức là nhân duyên mà nếu là nhân duyên thì gọi là vô ngã. Vô ngã thì gọi là khổ, không. Thân của Như Lai chẳng phải là nhân duyên mà chẳng phải nhân duyên nên gọi là có ngã. Nếu có ngã thì tức là Thường Lạc Tịnh !”. Bọn Lục sư lại nói rằng : “Thưa ông Cù Đàm ! Sắc cũng chẳng phải ngã... cho đến thức cũng chẳng phải ngã ! Ngã thì khắp tất cả mọi nơi giống như hư không !”. Đức Phật nói rằng : “Nếu khắp nơi có Ngã thì chẳng nên nói rằng, Ngã ban đầu chẳng thấy. Nếu ban đầu chẳng thấy thì biết là cái thấy đó vốn không mà nay có. Nếu vốn không mà nay có thì đó gọi là vô thường. Nếu vô thường thì làm sao nói rằng, có khắp. Nếu có khắp thì trong năm đường nên có đủ thân. Nếu có thân thì nên đều thọ báo. Nếu đều thọ báo thì vì sao mà nói chuyện thọ thân người trời. Ông nói khắp cùng là một hay là nhiều vậy ? Ngã nếu là một thì không cha, con, kẻ oán, người thân, người không oán không thân.... Ngã nếu là nhiều thì năm căn sở hữu của tất cả chúng sinh đều nên bình đẳng và nghiệp tuệ sở hữu của họ cũng nên như vậy. Nếu như vậy thì làm sao nói rằng, căn có người đầy đủ, có người không đầy đủ ? và nghiệp thiện, nghiệp ác, người ngu, kẻ trí sai biệt ?”. “Thưa ông Cù Đàm ! Ngã của chúng sinh thì không có bờ cõi. Pháp cùng phi pháp thì có phân ra nhiều thứ. Chúng sinh tu pháp thì được thân đẹp, nếu làm phi pháp thì được thân xấu. Do nghĩa này nên nghiệp quả của chúng sinh chẳng được không sai khác”. Đức Phật nói rằng : “Nay Lục sư ! Pháp cùng phi pháp nếu như vậy thì ngã chẳng cùng khắp. Nếu ngã cùng khắp thì nên đều đến nơi. Như ngã ấy đều đến nơi thì người tu thiện cũng nên có ác, người làm ác cũng nên có thiện. Nếu chẳng vậy thì làm sao nói rằng cùng khắp ?”. “Thưa ông Cù Đàm ! Ví như ngôi

nhà thấp trăm ngàn ngọn đèn, mỗi mỗi đều tự sáng, chẳng tổn ngại lẫn nhau. Ngã của chúng sinh thì cũng lại như vậy. Việc tu thiện, làm ác của họ chẳng hòa hợp xen lẫn vào nhau!”. “Các ông nếu nói Ngã như ngọn đèn thì nghĩa này chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì ánh sáng của đèn kia từ nhân duyên mà có. Đèn tăng trưởng nên ánh sáng cũng tăng trưởng, còn Ngã của chúng sinh thì chẳng như vậy. Ánh sáng từ đèn phát ra trụ tại chỗ khác còn ngã của chúng sinh thì chẳng được như vậy, từ thân mà ra chẳng trụ tại chỗ khác. Ánh sáng của đèn kia ở chung cùng với bóng tối. Vì sao vậy ? Vì như trong nhà tối thấp một ngọn đèn thì soi chẳng tỏ, thấp lên nhiều ngọn đèn mới được sáng tỏ. Nếu ngọn đèn đầu tiên phá được bóng tối thì chẳng cần những ngọn đèn sau. Nếu cần những ngọn đèn sau thì phải biết ánh sáng ban đầu ở chung cùng bóng tối”. “Thưa ông Cù Đàm ! Nếu không Ngã thì ai tạo tác thiện ác?”. Đức Phật nói rằng : “Nếu Ngã tạo tác thì sao gọi là Thường. Như Ngã ấy thường thì làm sao mà được có thời gian làm thiện, có thời gian làm ác ?. Nếu nói có thời gian làm thiện, có thời gian làm ác thì làm sao lại được nói rằng, Ngã là vô biên ?. Nếu Ngã tạo tác thì vì sao mà lại tập làm pháp ác ?. Như ngã ấy chính là người làm, người biết thì vì sao sinh ra nghi ngờ chúng sinh vô ngã ?. Do nghĩa này nên trong pháp của ngoại đạo nhất định không có Ngã. Nếu nói Ngã thì tức là Như Lai. Vì sao vậy ? Vì thân Như Lai vô biên không có lưới nghi hoặc. Chẳng tác, chẳng thọ nên gọi là Thường. Chẳng sinh, chẳng diệt nên gọi là Lạc. Không cấu bần phiền não nên gọi là Tịnh. Không có mười tướng nên gọi là Không. Vậy nên Như Lai Thường Lạc Ngã Tịnh, rỗng không, không các tướng !”. Các ngoại đạo nói rằng : “Nếu nói rằng, Như Lai Thường Lạc Ngã Tịnh, vô tướng nên rỗng không thì phải biết pháp của ông Cù Đàm nói là chẳng phải rỗng không vậy ! Vậy nên chúng ta hôm nay phải cung kính nhận lấy mà hộ trì !”. Lúc bấy giờ, ngoại đạo, số ấy nhiều không lường, đều ở trong Phật pháp khởi lòng tin mà xuất gia.

Này thiện nam tử ! Do nhân duyên này nên ta ở vùng Ta La song thọ này mà Đại Sư Tử Hống. Sư Tử Hống là gọi Đại Niết Bàn. Này thiện nam tử ! Song thọ của đông phương là phá hoại vô thường, thu hoạch được Thường.... cho đến song thọ của bắc phương là phá hoại được bất tịnh mà được tịnh. Này thiện nam tử ! Chúng sinh trong này vì song thọ nên hộ trì rừng Ta La, chẳng khiến cho người ngoài lấy cành lá của cây ấy, chặt cắt phá hoại. Ta cũng như vậy, vì bốn pháp nên khiến cho các đệ tử hộ trì Phật pháp. Những gì là bốn ? - Là Thường Lạc Ngã Tịnh. Đây là bốn song thọ, bốn vương điện chường. Ta vì bốn vua hộ trì pháp của ta nên ta ở trong đó mà Bát Niết Bàn. Này thiện nam tử ! Ta La song thọ hoa trái luôn sum suê, luôn có thể lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Ta cũng như vậy, luôn có thể

lợi ích cho hàng Thanh Văn, Duyên Giác. Hoa là dụ cho Ngã, quả là dụ cho Lạc. Do nghĩa này nên ta ở vùng Ta La song thọ này mà vào Đại Tịch Định. Đại Tịch Định là gọi Đại Niết Bàn.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai vì sao Niết Bàn vào tháng hai?

- Nay thiện nam tử ! Tháng hai gọi là mùa xuân, tháng của xuân dương, muôn vật sinh trưởng, gieo trồng cây cối hoa trái phát triển tươi tốt, sông nước tràn đầy, trăm loài thú sinh sôi. Lúc đó chúng sinh sinh ra nhiều thường tưởng. Vì muốn phá tâm thường tưởng như vậy của chúng sinh nên ta nói tất cả pháp đều là vô thường mà chỉ nói Như Lai thường trụ bất biến. Nay thiện nam tử ! Ở trong sáu thời : Tiết mạnh đông khô khan tiêu tụy mọi người chẳng yêu thích, tiết xuân dương dịch sống ôn hòa mọi người tham ái. Vì phá niềm vui thế gian của chúng sinh nên ta diễn nói Thường Lạc. Ngã Tịnh cũng vậy, Như Lai vì phá Ngã của thế gian, Tịnh của thế gian nên nói lên Ngã Tịnh chân thật của Như Lai. Nói tháng hai là dụ cho hai thứ pháp thân của Như Lai. Kẻ mùa đông chẳng ưa là người trí chẳng ưa Như Lai vô thường vào với Niết Bàn. Kẻ ưa thích tháng hai là dụ cho người trí ưa thích Như Lai Thường Lạc Ngã Tịnh. Người gieo trồng là dụ cho các chúng sinh nghe pháp vui mừng, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà gieo trồng các căn lành ! Sông là dụ cho những Đại Bồ tát ở mười phương đến chỗ của ta hỏi han thánh thọ kinh điển Đại Niết Bàn này. Trăm loài thú sinh sôi là dụ cho đệ tử của ta sinh ra các thiện căn. Hoa dụ cho bảy giác chi. Quả dụ cho bốn thứ quả. Do nghĩa này nên ta ở trong tháng hai vào Đại Niết Bàn.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Đức Như Lai từ sơ sinh, xuất gia, thành đạo, chuyển diệu pháp luân đều lấy ngày mùng tám mà vì sao riêng lấy ngày mười lăm để Niết Bàn ?

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Nay thiện nam tử ! Như ngày mười lăm, vầng trăng không khuyết, tròn đầy. Các đức Phật Như Lai cũng lại như vậy, vào Đại Niết Bàn không có khuyết, tròn đầy. Do nghĩa này nên ở trong ngày mười lăm vào Bát Niết Bàn. Nay thiện nam tử ! Như ngày mười lăm, khi vầng trăng tròn đầy thì có mười một việc. Những gì là mười một ? Một là có thể phá bóng tối. Hai là khiến cho chúng sinh thấy đạo hay chẳng phải đạo.

Ba là khiến cho chúng sinh thấy đạo tà hay chính. Bốn là trừ uất kết nung nấu được niềm vui thanh lương. Năm là có thể phá hoại lòng cống cao. Sáu là dứt tất cả tư tưởng đạo tặc. Bảy là trừ lòng sợ thú dữ của chúng sinh. Tám là có thể làm nở hoa Ưu Bát La. Chín là khép lại hoa sen. Mười là lòng người ra đi lên đường. Mười một là khiến cho các chúng sinh ưa thích thọ năm dục thu hoạch nhiều khoái lạc. Nay thiện nam tử ! Vàng trắng tròn đầy Như Lai cũng lại như vậy : Một là phá hoại bóng tối lớn vô minh. Hai là diễn nói về chánh đạo, tà đạo. Ba là mở bày đường tà hiểm sinh tử, đường bằng phẳng Niết Bàn. Bốn là khiến cho con người xa lìa lửa nóng tham dục, sân nhuế, ngu si. Năm là phá hoại ánh sáng của ngoại đạo. Sáu là phá hoại giặc ác phiền não kết. Bảy là trừ diệt lòng sợ năm cái. Tám là mở mang lòng gieo trồng căn lành của chúng sinh. Chín là che phủ lòng năm dục của chúng sinh. Mười là phát khởi hạnh tiến tu hướng đến Đại Niết Bàn của chúng sinh. Mười một là khiến cho chúng sinh ưa tu giải thoát. Do ý nghĩa này nên ta ở trong ngày mười lăm vào Đại Niết Bàn mà chân thật ta chẳng vào Niết Bàn. Người ác ngu si trong đê tử của ta thì nhất định cho là Như Lai vào với Niết Bàn. Ví như người mẹ có nhiều những đứa con. Người mẹ ấy bỏ đi đến đất nước khác, trong khoảng thời gian chưa trở lại, các con đều nói rằng, mẹ ta đã chết. Nhưng mà người mẹ này thật chẳng chết vậy.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Những Tỳkheo nào có thể trang nghiêm vùng Ta La Song Thọ này ?

- Nay thiện nam tử ! Nếu có Tỳkheo thọ trì, đọc tụng mười hai bộ Kinh đúng với câu văn Kinh ấy, thông đạt nghĩa lý sâu xa, vì người giải nói mà lời đầu, lời giữa, lời cuối đều tốt. Rồi vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sinh mà diễn nói Phạm hạnh. Những Tỳkheo như vậy thì có thể trang nghiêm Ta La Song Thọ.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như con lý giải được ý nghĩa lời đức Phật nói thì Tỳkheo A Nan tức là người ấy vậy. Vì sao vậy ? Vì Tỳkheo A Nan thọ trì đọc tụng mười hai bộ Kinh, vì người khác khai thị, diễn nói chính ngữ, chính nghĩa giống như rót nước đựng vào đồ đựng khác. Tỳkheo A Nan cũng lại như vậy, từ điều nghe được nơi đức Phật, ông nói truyền lại đúng như đã nghe.

- Nay thiện nam tử ! Nếu có vị Tỳkheo được tịnh thiên nhãn nhiều thâu sở hữu của mười phương ba ngàn đại thiên thế giới như xem quả Am ma lạc trong bàn tay thì Tỳkheo như vậy cũng có thể trang nghiêm Ta La Song Thọ.

Bồ tát Sư Tử Hồng Bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu như vậy thì Tỳkheo A Ni Lô Đà là người ấy vậy. Vì sao vậy ? Vì mắt của ngài A Ni Lô Đà thấy đến sở hữu của mười phương ba ngàn đại thiên thế giới cho đến trung âm đều rõ ràng không chướng ngại vậy.

- Nay thiện nam tử ! Nếu có vị Tỳkheo thiếu dục tri túc, lòng ưa tịch tịnh, siêng hành tinh tấn, niệm định tuệ giải thì Tỳkheo như vậy có thể trang nghiêm Ta La Song Thọ.

Bồ tát Sư Tử Hồng Bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu như vậy thì Tỳkheo Ca Diếp tức là người ấy vậy. Vì sao vậy ? Vì Tỳkheo Ca Diếp giỏi tu pháp thiếu dục, tri túc.v.v...

- Nay thiện nam tử ! Nếu có Tỳkheo vì lợi ích cho chúng sinh chẳng vì lợi dưỡng mà tu tập thông đạt Vô Trách tam muội, Thánh hạnh, Không hạnh thì Tỳkheo như vậy có thể trang nghiêm Ta La Song Thọ.

Bồ tát Sư Tử Hồng Bạch rằng :

- Nếu như vậy thì Tỳkheo Tu Bồ Đề tức là người ấy vậy. Vì sao vậy ? Vì ngài Tu Bồ Đề giỏi tu Vô Trách tam muội, Thánh hạnh, Không hạnh.

- Nay thiện nam tử ! Nếu có Tỳkheo giỏi tu thần thông. Trong một niệm có thể tạo tác đủ thứ thần thông biến hóa. Một tâm một định mà có thể tạo tác hai kết quả như là nước và lửa. Tỳkheo như vậy thì có thể trang nghiêm Ta La Song Thọ.

Bồ tát Sư Tử Hồng Bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu như vậy thì Tỳkheo Mục Liên tức là người ấy. Vì sao vậy ? Vì ngài Mục Liên giỏi tu thần thông, biến hóa không lường.

- Nay thiện nam tử ! Nếu có Tỳkheo giỏi tu đại trí, lợi trí, trang nghiêm trí, giải thoát trí, thậm thâm trí, quảng trí, vô biên trí, vô thắng trí, thật trí... Thành tựu đầy đủ tuệ căn như vậy, ở trong oán thân lòng không sai khác, nếu nghe Như Lai Niết Bàn vô thường thì lòng không lo buồn, nếu nghe Như Lai thường trụ chẳng vào Niết Bàn thì chẳng sinh ra vui mừng. Tỳkheo như vậy thì có thể trang nghiêm Ta La Song Thọ.

Bồ tát Sư Tử Hồng Bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu như vậy thì Tỳkheo Xá Lợi Phất tức là người ấy. Vì sao vậy ? Vì ngài Xá Lợi Phất giỏi có thể thành tựu đầy đủ đại trí tuệ như vậy.

- Nay thiện nam tử ! Nếu có Tỳkheo có thể nói chúng sinh đều có Phật tính, được thân Kim Cương, không có bờ cõi, Thường Lạc Ngã Tĩnh, thân tâm vô ngại, được tám tự tại. Tỳkheo như vậy thì có thể trang nghiêm Ta La Song Thọ.

Bồ tát Sư Tử Hồng Bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu như vậy thì chỉ có đức Như Lai chính là người ấy. Vì sao vậy ? Vì thân của đức Như Lai là thân Kim Cương, vô biên, Thường Lạc Ngã Tĩnh, thân tâm vô ngại, đủ tám tự tại. Thưa đức Thế Tôn ! Chỉ có đức Như Lai mới có thể trang nghiêm Ta La Song Thọ. Như không có ngài thì chẳng đoan nghiêm. Nguyện xin đấng Đại Từ vì trang nghiêm nên thường trụ ở rừng cây Ta La này !

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Tính của tất cả các pháp trụ Vô trụ mà sao ông nói rằng, nguyện xin Như Lai trụ ? Nay thiện nam tử ! Phạm nói trụ tức là gọi sắc pháp. Các từ nhân duyên sinh ra nên gọi là trụ. Nhân duyên không chỗ nên gọi là vô trụ. Như Lai đã đoạn tất cả sắc phược (sự ràng buộc của sắc) thì sao phải nói là Như Lai trụ vậy ? Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Trụ gọi là kiêu mạn, do kiêu mạn nên chẳng được giải thoát, chẳng được giải thoát nên gọi là trụ. Ai có kiêu mạn ? Từ đâu đến ? Vậy nên được gọi là trụ ở Vô trụ. Như Lai đoạn trừ vĩnh viễn tất cả kiêu mạn thì sao mà nói rằng, Nguyện xin đức Như Lai trụ? Trụ là gọi pháp hữu vi. Như Lai đã đoạn pháp hữu vi, vậy nên chẳng trụ. Trụ là gọi

Không pháp. Như Lai đã đoạn pháp không như vậy. Vậy nên Như Lai thu hoạch được Thường Lạc Ngã Tịnh thì làm sao mà nói rằng, Nguyên xin đức Như Lai trụ ? Trụ là gọi hai mươi lăm cõi hữu. Như Lai đã đoạn hai mươi lăm cõi hữu thì làm sao mà nói rằng, Nguyên xin đức Như Lai trụ ? Trụ thì tức là tất cả phàm phu. Các bậc thánh thì vô khứ, vô lai, vô trụ. Như Lai đã đoạn tướng khứ, tướng lai, tướng trụ thì làm sao nói rằng trụ. Luận về vô trụ là gọi thân vô biên mà thân vô biên thì làm sao mà nói rằng, Nguyên xin đức Như Lai trụ ở rừng Ta La ? Nếu trụ ở rừng này thì tức là thân có biên. Nếu có biên thì đó là vô thường mà Như Lai là thường thì sao nói rằng trụ ? Phàm vô trụ là gọi hư không. Tính của Như Lai đồng với hư không thì sao nói rằng trụ ? Lại vô trụ là gọi Kim Cương tam muội hoại tất cả trụ. Kim Cương tam muội tức là Như Lai thì sao nói rằng trụ ? Lại, vô trụ tức là gọi huyễn. Như Lai đồng với huyễn thì sao nói rằng trụ ? Lại, vô trụ là gọi không thi chung. Tính của Như Lai không có thi chung thì sao nói rằng trụ ? Lại, vô trụ là gọi pháp giới vô biên mà pháp giới vô biên tức là Như Lai thì sao nói rằng trụ ? Lại, vô trụ là gọi Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Thủ Lăng Nghiêm tam muội biết tất cả pháp mà không sờ trước. Do không chấp trước nên gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Như Lai đầy đủ Thủ Lăng Nghiêm định thì sao nói rằng trụ ? Lại, vô trụ là gọi xứ phi xứ lực mà Như Lai thành tựu xứ phi xứ lực thì sao nói rằng trụ ? Lại, vô trụ là gọi Đàn Ba la mật mà Đàn Ba la mật nếu có trụ thì chẳng được đến Thi Ba la mật... cho đến Bát nhã Ba la mật. Do nghĩa này nên Đàn Ba la mật gọi là vô trụ. Như Lai... cho đến chẳng trụ Bát nhã Ba la mật thì sao nguyện rằng, Như Lai thường trụ ở rừng cây Ta La. Lại, vô trụ là gọi tu bốn Niệm xứ. Như Lai nếu trụ ở bốn Niệm xứ thì chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, gọi là trụ ở chẳng trụ. Lại, vô trụ là gọi vô biên chúng sinh giới. Như Lai đều đến giới phận vô biên của tất cả chúng sinh mà không chỗ trụ. Lại, vô trụ là gọi không nhà cửa (ốc trạch). Không nhà cửa là gọi sự không có. Không có thì gọi là vô sinh. Vô sinh thì gọi là vô tử. Vô tử thì gọi là vô tướng. Vô tướng thì gọi là không ràng buộc. Không ràng buộc thì gọi là vô trước. Vô trước thì gọi là vô lậu. Vô lậu tức là thiện. Thiện tức là vô vi. Vô vi thì tức là Đại Niết Bàn thường. Đại Niết Bàn thường tức là ngã. Ngã tức là Tịnh. Tịnh tức là Lạc. Thường Lạc Ngã Tịnh tức là Như Lai. Nay thiện nam tử ! Ví như hư không chẳng trụ ở phương Đông, ở phương Nam, ở phương Tây, ở phương Bắc, ở bốn phương bàng, ở phương trên, phương dưới. Như Lai cũng vậy, chẳng trụ ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng và phương trên, phương dưới. Nay thiện nam tử ! Nếu có người nói rằng, thân miệng ý ác được quả thiện thì không có chỗ này ! Thân miệng ý thiện được quả ác thì cũng không có chỗ này ! Nếu nói rằng, phàm phu thấy được Phật tính còn Bồ tát Thập Trụ chẳng được thấy thì cũng không có chỗ này ! Bọn

nhất xiển đề, phạm tội ngũ nghịch, bài báng kinh Phương Đẳng, hủy phạm bốn trọng cấm được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì cũng không có chỗ này ! Bồ tát Lục trụ nhân duyên phiền não rơi vào ba đường ác thì cũng không có chỗ này ! Đại Bồ tát dùng thân nữ chân thật để được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì cũng không có chỗ này ! Nhất xiển đề thường trụ còn Tam Bảo vô thường thì cũng không có chỗ này ! Như Lai trụ ở thành Câu Thi Na thì cũng không có chỗ này ! Đây thiện nam tử ! Như Lai hôm nay, ở thành Câu Thi Na, vào Đại tam muội, hang thiền định sâu mà chúng chẳng thấy nên gọi là Đại Niết Bàn.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Đức Như Lai vì sao mà vào hang thiền định ?

- Đây thiện nam tử ! Vì muốn độ thoát các chúng sinh nên đối với người chưa gieo trồng thiện căn thì khiến cho họ gieo trồng. Kẻ đã gieo trồng thiện căn thì được tăng trưởng. Kẻ mà quả thiện chưa thành thực thì khiến cho được thành thực. Người đã thành thực thì nói về thú hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Kẻ khinh chê thiện pháp thì khiến cho họ sinh lòng tôn quý. Những kẻ có phóng dật thì khiến cho họ lìa khỏi phóng dật. Ta vì muốn cùng với Văn Thù Sư Lợi.v.v... các Đại Hương Tượng (Đại Bồ tát) chung luận nghị, vì muốn giáo hóa người ưa đọc tụng thâm ái thiền định, vì muốn dùng Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh để giáo hóa chúng sinh, vì quan sát pháp tạng thậm thâm bất cộng, vì muốn quở trách đệ tử phóng dật... Như Lai thường tịch tịnh mà còn ưa thiền định huống là bọn các ông phiền não chưa hết mà sinh ra phóng dật ! Ta vì muốn quở trách các Tỳkheo ác nhận chứa tám thứ vật bất tịnh và chẳng thiếu dục, chẳng tri túc, vì khiến cho chúng sinh tôn trọng pháp thiền định đã nghe... Do vì những nhân duyên này nên ta vào hang thiền định.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Vô tướng định này là gọi Đại Niết Bàn ! Vậy nên Niết Bàn gọi là vô tướng. Do nhân duyên gì gọi là vô tướng ?

- Đây thiện nam tử ! Vì không có mười tướng ! Những gì là mười? - Đó là sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sinh tướng, trụ tướng, hoại tướng, nam tướng, nữ tướng. Đó là mười tướng. Không có những tướng như vậy nên gọi là vô tướng. Đây thiện nam tử ! Phạm chấp trước tướng thì có thể sinh ra si. Si nên sinh ra ái mà ái nên bị trói buộc. Đã

trói buộc nên thọ sinh mà đã sinh nên có chết. Có chết nên vô thường. Nếu chẳng chấp trước tướng thì chẳng sinh ra si. Chẳng sinh si thì không có ái, không có ái thì không trói buộc. Không trói buộc thì chẳng thọ sinh. Chẳng thọ sinh thì không có chết. Không có chết thì gọi là Thường. Do nghĩa này nên Niết Bàn gọi là Thường !

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Những Tỳkheo nào có thể đoạn được mười tướng ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Nếu có Tỳkheo lúc nào cũng tu tập ba thứ tướng thì đoạn được mười tướng ! Lúc nào cũng tu tập tướng tam muội định. Lúc nào cũng tu tập tướng trí tuệ. Lúc nào cũng tu tập tướng xả. Đó gọi là ba tướng.

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Sao gọi là định tướng định, tướng tuệ, tướng xả? Tam muội này là tất cả chúng sinh đều có tam muội thì sao nói rằng, tu tập tam muội ? Nếu tại một cảnh thì gọi là tam muội, nếu thay đổi theo duyên khác thì chẳng gọi là tam muội. Như bất định kia chẳng phải nhất thiết trí mà chẳng phải nhất thiết trí thì sao gọi là định ? Nếu do một hạnh được tam muội thì các hạnh còn lại ấy cũng chẳng phải là tam muội. Nếu chẳng phải tam muội thì chẳng phải nhất thiết trí. Nếu chẳng phải nhất thiết trí thì sao gọi là tam muội ? Hai tướng tuệ và xả cũng lại như vậy.

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Như lời ông nói, duyên với một cảnh được gọi là tam muội, các duyên còn lại kia chẳng gọi là tam muội thì nghĩa này chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì các duyên còn lại như vậy cũng một cảnh. Hạnh cũng như vậy. Ông lại nói, chúng sinh có tam muội trước, chẳng cần tu hành thì điều này cũng chẳng đúng ! Sở dĩ vì sao ? Vì khi nói tam muội là gọi thiện tam muội mà tất cả chúng sinh chân thật chưa có thì làm sao mà nói rằng, chẳng cần tu tập ? Do trụ ở trong thiện tam muội như vậy mà quan sát tất cả pháp nên gọi là tướng thiện tuệ. Chẳng thấy tướng khác của tam muội và trí tuệ thì đó gọi là tướng xả. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu chọn

lấy sắc tướng thì chẳng quan sát tướng sắc thường hay vô thường. Đó gọi là tam muội. Nếu có thể quan sát tướng sắc thường hay vô thường thì đó gọi là tướng tuệ. Tam muội và Tuệ bình đẳng quan sát tất cả pháp thì đó gọi là tướng Xả. Nay thiện nam tử ! Như người giỏi điều khiển chiếc xe bốn ngựa làm chủ được sự chậm nhanh. Sở dĩ sự chậm nhanh nên gọi là tướng xả. Bồ tát cũng vậy, người nhiều tam muội thì tu tập tuệ. Nếu người nhiều tuệ thì tu tập tam muội. Tam muội và tuệ bình đẳng thì gọi là Xả. Nay thiện nam tử ! Bồ tát Thập Trụ lực trí tuệ nhiều, lực tam muội ít, vậy nên chẳng được thấy Phật tính rõ ràng. Thanh Văn, Duyên Giác lực tam muội nhiều, lực trí tuệ ít. Do nhân duyên này nên chẳng thấy Phật tính. Các đức Phật Thế Tôn thì Định và Tuệ bình đẳng nên sáng thấy Phật tính rõ ràng, không ngăn ngại như xem quả Am ma lặc trong bàn tay. Thấy Phật tính gọi là tướng Xả.

Xa ma tha thì gọi là năng diệt, hay diệt trừ tất cả phiền não kết. Lại, Xa ma tha thì gọi là năng điều, hay điều phục việc ác, bất thiện của các căn. Lại, Xa ma tha thì gọi rằng Tịch Tĩnh, có thể khiến cho ba nghiệp trở nên tịch tịnh. Lại, Xa ma tha là gọi rằng Viễn Ly, có thể khiến cho chúng sinh lìa khỏi năm dục. Lại, Xa ma tha là gọi rằng năng thanh, có thể làm trong sạch ba trược (vấn đục) pháp là tham dục, sân nhuế và ngu si. Do nghĩa này nên gọi là Định tướng. Tỳ Bà Xá Na gọi là chánh kiến, cũng gọi là liễu kiến, gọi là năng kiến, gọi là biến (khấp) kiến, gọi là thứ đệ kiến, gọi là biệt tướng kiến... Đó gọi là Tuệ. Ưu Tát Xoa thì gọi là bình đẳng, cũng gọi là bất tranh (cãi), lại gọi là bất quán, cũng gọi là bất hạnh (hành động)... Đó gọi là Xả. Nay thiện nam tử ! Xa ma tha có hai thứ, một là thế gian, hai là xuất thế gian. Lại có hai thứ, một là thành tựu, hai là chẳng thành tựu. Thành tựu thì để gọi chư Phật, Bồ tát, chẳng thành tựu thì để gọi Thanh Văn, Bích Chi Phật.v.v... Lại có ba thứ là hạ, trung, thượng. Hạ là gọi các phàm phu, trung là Thanh Văn, Duyên Giác, thượng là chư Phật Bồ tát. Lại có bốn thứ, một là thoái, hai là trụ, ba là tiến, bốn là có thể đại lợi ích. Lại có năm thứ, đó là gọi năm trí tam muội. Những gì là năm ? Một là vô thực (ã) tam muội, hai là vô quá (lỗi) tam muội, ba là thân ý thanh tịnh nhất tâm tam muội, bốn là nhân quả câu lạc tam muội, năm là Thường niệm tam muội. Lại có sáu thứ, một là quán cốt tam muội, hai là từ tam muội, ba là quán thập nhị nhân duyên tam muội, bốn là A na bà na tam muội, năm là niệm giác quán tam muội, sáu là quán sinh diệt tam muội. Lại có bảy thứ, đó là bảy giác phận, một là niệm giác phận, hai là trạch pháp giác phận, ba là tinh tấn giác phận, bốn là hỷ giác phận, năm là trừ giác phận, sáu là định giác phận, bảy là xả giác phận. Lại có bảy thứ, một là Tu đà hoàn tam muội, hai là Tư đà hàm tam muội, ba là A na hàm tam muội, bốn là A la hán tam muội, năm là Bích Chi Phật tam muội, sáu là Bồ tát tam muội, bảy là Như Lai giác tri tam

muội. Lại có tám thứ là tám giải thoát tam muội. Một là Nội hữu sắc tướng ngoại quán sắc giải thoát tam muội. Hai là Nội vô sắc tướng ngoại quán sắc giải thoát tam muội. Ba là Tịnh giải thoát thân chứng tam muội. Bốn là Không xứ giải thoát tam muội. Năm là Thức xứ giải thoát tam muội. Sáu là Vô sở hữu xứ giải thoát tam muội. Bảy là phi hữu tướng phi vô tướng xứ giải thoát tam muội. Tám là Diệt tận định giải thoát tam muội. Lại có chín thứ là chín thứ lớp định : Bốn thiền, bốn Không và Diệt tận định tam muội. Lại có mười thứ là mười Nhất thiết xứ tam muội. Những gì là mười ? Một là Địa nhất thiết xứ tam muội. Hai là Thủy nhất thiết xứ tam muội. Ba là Phong nhất thiết xứ tam muội. Bốn là Thanh (xanh) nhất thiết xứ tam muội. Năm là Hoàng (vàng) nhất thiết xứ tam muội. Sáu là xích (đỏ) nhất thiết xứ tam muội. Bảy là Bạch nhất thiết xứ tam muội. Tám là Không nhất thiết xứ tam muội. Chín là Thức nhất thiết xứ tam muội. Mười là Vô sở hữu nhất thiết xứ tam muội. Lại có vô số thứ, là gọi các đức Phật, Bồ tát. Đây thiện nam tử ! Đó gọi là tướng tam muội.

Này thiện nam tử ! Tuệ có hai thứ, một là thế gian, hai là xuất thế gian. Lại có ba thứ, một là Bát nhã, hai là Tỳ bà xá na, ba là Xà na. Bát nhã là gọi tất cả chúng sinh. Tỳ bà xá na là gọi tất cả Thánh nhân. Xà na là chư Phật Bồ tát. Lại, Bát nhã thì gọi là Biệt tướng. Tỳ bà xá na thì gọi là Tổng tướng. Xà na thì gọi là Phá tướng. Lại có bốn thứ là quan sát bốn chân đế. Đây thiện nam tử ! Vì ba việc nên tu Xa ma tha. Những gì là ba ? Một là chẳng phóng dật, hai là trang nghiêm đại trí, ba là được tự tại. Lại nữa, vì ba việc nên tu Tỳ bà xá na. Những gì là ba ? Một là vì quan sát quả báo của sinh tử ác. Hai là vì muốn tăng trưởng các căn lành. Ba là vì phá tất cả các phiền não.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ hai mươi tám hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 29

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BA : BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

Phần thứ V. - Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như trong Kinh nói, nếu Tỳ Bà Xá Na có thể phá phiền não thì vì sao lại tu Xa ma tha vậy ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Ông nói, Tỳ Bà Xá Na phá phiền não thì nghĩa này chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì khi có trí tuệ thì không phiền não, khi có phiền não thì không trí tuệ thì sao mà nói Tỳ Bà Xá Na có thể phá phiền não ? Nay thiện nam tử ! Ví như khi sáng thì không có tối, khi tối thì không có sáng. Nếu có người nói rằng, sáng có thể phá tối thì không có chỗ này ! Nay thiện nam tử ! Ai có trí tuệ ? Ai có phiền não mà nói trí tuệ có thể phá phiền não ? Như cái ấy không thì không có cái phá. Nay thiện nam tử ! Nếu nói trí tuệ có thể phá phiền não thì vì đến nên phá và chẳng đến nên phá. Nếu chẳng đến mà phá là phạm phu chúng sinh thì nên có thể phá. Nếu đến nên phá thì ý niệm đầu tiên nên phá. Nếu ý niệm đầu tiên chẳng phá thì sau cũng chẳng phá. Nếu mới đến liền phá tức là chẳng đến thì làm sao nói rằng, trí tuệ có thể phá. Nếu nói đến cùng chẳng đến mà có thể phá thì nghĩa này chẳng đúng ! Lại nữa Tỳ Bà Xá Na phá phiền não là một mình có thể phá hay là bạn bè nên phá ? Nếu một mình có thể phá thì Bồ tát vì sao tu tám chánh đạo ? Nếu bạn bè nên phá thì phải biết rằng, một mình chẳng thể phá. Nếu một mình chẳng thể thì bạn bè cũng chẳng thể. Như một người mù chẳng thể thấy sắc thì tuy có chúng bạn nhưng mù thì cũng chẳng thể thấy. Tỳ Bà Xá Na cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Như tính cứng của đất, tính nóng của lửa, tính ẩm ướt của nước, tính chuyển động của gió mà tính cứng của đất... cho đến tính động của gió chẳng phải nhân duyên tạo tác mà tính của chúng tự như vậy. Như tính của bốn đại, tính của phiền não cũng vậy, là tự đoạn. Nếu là đoạn thì làm sao mà nói rằng, trí tuệ có thể đoạn. Do nghĩa này nên Tỳ Bà Xá Na quyết định chẳng thể phá các phiền não. Nay thiện nam tử ! Như tính của muối là mặn khiến cho vật khác mặn. Mật vốn tính ngọt khiến cho vật khác ngọt. Nước vốn tính ẩm ướt khiến cho vật khác ẩm ướt. Tính của trí tuệ là diệt nên khiến cho các pháp diệt thì nghĩa này chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì nếu pháp không diệt thì làm sao trí tuệ có thể cưỡng ép khiến cho diệt được ? Nếu nói muối mặn khiến cho vật khác mặn, tuệ diệt cũng vậy, có thể khiến cho pháp khác diệt thì điều này cũng chẳng đúng. Vì sao vậy ? Vì tính của trí tuệ là từng niệm từng niệm diệt. Nếu từng

niệm từng niệm diệt thì làm sao mà nói có thể diệt pháp khác. Do nghĩa này nên tính của trí tuệ chẳng phá phiền não. Đây thiện nam tử ! Tất cả các pháp có hai thứ diệt, một là tính diệt, hai là rốt ráo diệt. Nếu tính diệt thì làm sao mà nói trí tuệ có thể diệt ? Nếu nói trí tuệ có thể diệt phiền não như lửa thiêu đốt vật thì nghĩa này không đúng. Vì sao vậy ? Vì như lửa thiêu đốt vật thì có để lại tàn lửa. Trí tuệ như vậy thì nên để lại diệt tàn. Như búa chặt cây thì chỗ chặt ra có thể thấy. Trí tuệ nếu vậy thì có gì có thể thấy ? Tuệ nếu có thể khiến cho phiền não lìa khỏi thì như vậy phiền não nên hiện bày chỗ còn lại. Như các ngoại đạo rời khỏi sáu đại thành thì hiện diện ở thành Câu Thi Na. Nếu phiền não đó chẳng hiện bày này chỗ thừa thì biết rằng, trí tuệ chẳng thể khiến cho phiền não lìa khỏi. Đây thiện nam tử ! Tính của tất cả các pháp nếu tự rõ không thì ai có thể khiến cho sinh ra ? Ai có thể khiến cho diệt đi? Sinh khác, diệt khác, không người tạo tác ! Đây thiện nam tử ! Nếu tu tập định thì được chánh trí, chính kiến như vậy. Do nghĩa này nên trong Kinh của ta nói, nếu có Tỳ-kheo tu tập định thì có thể thấy tướng sinh diệt của năm ấm. Đây thiện nam tử ! Nếu chẳng tu định thì việc thế gian còn chẳng thể rõ, huống là đối với việc xuất thế. Nếu người không định thì chỗ bằng cũng ngã lặn, lòng duyên pháp khác, miệng tuyên nói lời khác, tai nghe tiếng khác, tâm giải nghĩa khác, muốn tạo chữ khác, tay viết văn khác, muốn đi đường khác, thân lặn lội lối khác. Nếu người có tu tập tam muội định thì được lợi ích lớn... cho đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát đầy đủ hai pháp có thể lợi ích lớn, một là Định, hai là Trí. Đây thiện nam tử ! Như cắt cỏ gianh (cỏ may) nắm nhanh thì đứt, Đại Bồ tát tu hai pháp này cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Như nhổ cây cứng mà trước dùng tay lay động thì sau dễ nhổ lên. Bồ tát tu định tuệ cũng lại như vậy, trước dùng định khởi động, sau dùng tuệ nhổ lên. Đây thiện nam tử ! Như giặt áo bẩn, trước dùng nước tro, sau dùng nước trong thì áo sạch sẽ. Bồ tát tu định tuệ cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Như trước đọc tụng, sau thì giải nghĩa. Bồ tát tu định tuệ cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Ví như người dũng mãnh, trước dùng giáp đồng, binh khí tự trang bị chắc chắn, nhiên hậu ra trận mới có thể phá hoại được giặc oán thù. Bồ tát tu định tuệ cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Ví như người thợ khéo với cây kềm, chiếc búa đập và thỏi kim loại mà tự tại theo ý nhào nặn nấu chảy. Bồ tát tu định tuệ cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Ví như tấm gương sáng soi rõ hình dáng của mặt. Bồ tát tu định tuệ cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử ! Như trước làm bằng phẳng đất rồi nhiên hậu mới xuống giống. Trước theo thầy thọ giáo rồi sau tư duy nghĩa lý, Bồ tát tu định tuệ cũng lại như vậy. Do nghĩa này nên Đại Bồ tát tu hai pháp này, điều phục nhiếp lấy năm căn, kham nhẫn mọi khổ như là đói khát, nóng lạnh, đánh đập, mạ

nhục, sự cắn xé của ác thú, sự chích hút của muỗi mòng... Bồ tát luôn nhiếp lấy tâm chẳng để cho phóng dật, chẳng vì lợi dưỡng mà hành động phi pháp, khách trần phiền não chẳng thể làm ô nhiễm, chẳng bị sự mê hoặc của các tà kiến, dị kiến, thường có thể xa lìa các giác quán ác, chẳng bao lâu sẽ thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì muốn thành tựu lợi ích cho chúng sinh. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu hai pháp này thì bốn luồng gió dữ điên đảo chẳng thể thổi động như núi Tu Di tuy bị sự thổi mạnh của bốn gió nhưng chẳng thể lay động, chẳng bị sự nhổ bật của tà sư ngoại đạo như Đế Thích Tràng chẳng thể di động, mọi tà dị thuật chẳng thể lừa dối mê hoặc, thường thọ đệ nhất an lạc vi diệu, có thể giải được nghĩa bí mật của Như Lai, hưởng thọ niềm vui chẳng mừng, gặp phải nỗi khổ chẳng buồn, chư thiên, người đời cung kính khen ngợi, thấy sáng tỏ sinh tử và chẳng phải sinh tử, giỏi có thể biết rõ pháp giới và pháp tính, thân có pháp Thường Lạc Ngã Tịnh. Đó gọi là Đại Niết Bàn Lạc.

Này thiện nam tử ! Định tướng là gọi Không tam muội. Tuệ tướng là gọi Vô nguyện tam muội. Xả tướng là gọi Vô Tướng tam muội. Nay thiện nam tử ! Nếu có Đại Bồ tát khéo biết lúc nào định, lúc nào tuệ, lúc nào xả và biết lúc chẳng phải lúc thì đó gọi là Đại Bồ tát hành đạo Bồ Đề !

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Sao gọi là Bồ tát biết thời (lúc) và phi thời (chẳng phải lúc) ?

- Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát nhân được thọ lạc sinh ra kiêu mạn, hoặc nhân nói pháp mà sinh ra kiêu mạn, hoặc nhân tinh cần mà sinh ra kiêu mạn, hoặc nhân lúc giải nghĩa khéo hỏi đáp mà sinh ra kiêu mạn, hoặc nhân gần gũi ác tri thức mà sinh ra kiêu mạn, hoặc nhân bố thí vật ái trọng của mình mà sinh ra kiêu mạn, hoặc nhân công đức của thiện pháp thế gian mà sinh ra kiêu mạn, hoặc nhân sự cung kính của người giàu sang ở thế gian mà sinh ra kiêu mạn... thì phải biết là những lúc như vậy chẳng nên tu Trí mà phải nên tu Định. Đó gọi là Bồ tát biết thời và phi thời. Như có Bồ tát siêng tu tinh tấn chưa được niềm vui lợi ích Niết Bàn. Rồi do chẳng được nên sinh tâm hối tiếc, do độn căn nên chẳng thể điều phục năm tình, các căn, do thế lực của các phiền não bản hưng thịnh nên tự nghi ngờ giới luật có suy tổn... thì phải biết là những lúc như vậy chẳng nên tu Định mà phải nên tu Trí. Đó gọi là Bồ tát biết thời và phi thời. Nay thiện nam tử ! Nếu có Bồ tát mà hai pháp Định Tuệ chẳng bình đẳng thì phải biết lúc ấy chẳng nên tu Xả, còn hai pháp nếu bình đẳng thì nên tu. Đó gọi là Bồ tát biết thời và phi thời. Nay

thiện nam tử ! Nếu có Bồ tát tu Định Tuệ mà khởi lên phiền não thì phải biết lúc ấy chẳng nên tu Xả, cần nên đọc tụng, ghi chép, giải nói mười hai bộ Kinh, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thiên (trời), niệm Xả. Đó gọi là tu Xả. Nay thiện nam tử ! Nếu có Bồ tát tu tập ba pháp tướng như vậy thì do nhân duyên này mà được Vô Tướng Niết Bàn.

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Không mười tướng nên gọi Đại Niết Bàn là vô tướng thì lại do nhân duyên gì mà gọi là vô sinh, vô xuất, vô tác, nhà cửa, châu thổ, qui y, yên ổn, diệt độ, Niết Bàn, tịch tịnh, không các bệnh khổ, không sở hữu vậy ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Không nhân duyên nên gọi Vô sinh. Do vô vi nên gọi là vô xuất. Không tạo nghiệp nên gọi là vô tác. Chẳng vào năm kiến nên gọi là ốc trạch (nhà cửa). Lìa khỏi bốn dòng nước dữ nên gọi là châu (châu thổ : vùng đất ven sông ven biển). Điều phục chúng sinh nên gọi là qui y. Phá hoại giặc kết sử nên gọi là yên ổn. Các lửa kết diệt nên gọi là Diệt độ. Lìa khỏi giác quán nên gọi là Niết Bàn. Xa nơi rối loạn ồn ào nên gọi là tịch tịnh. Đoạn vĩnh viễn việc phải chết nên gọi là vô bệnh. Tất cả không nên gọi là vô sở hữu. Nay thiện nam tử ! Nếu Đại Bồ tát khi tác khởi sự quan sát này thì liền được sáng tỏ, thấy được Phật tính.

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đại Bồ tát thành tựu bao nhiêu pháp thì có thể thấy được từ vô tướng Niết Bàn đến vô sở hữu như vậy ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát thành tựu mười pháp thì có thể thấy rõ Niết Bàn vô tướng... đến vô sở hữu. Những gì là mười ?

Một là lòng tin đầy đủ. Sao gọi là lòng tin đầy đủ ? Thân tín Phật, Pháp, Tăng là thường; các đức Phật mười phương là phương tiện thị hiện; tất cả chúng sinh và nhất xiển đề đều có Phật tính. Chẳng tin : Như Lai sinh già bệnh chết và tu khổ hạnh; Đề Bà Đạt Đa chân thật phá Tăng, làm chảy máu

thân Phật; Như Lai rót ráo vào với Niết Bàn; chính pháp diệt tận. Đó gọi là Bồ tát tín tâm đầy đủ.

Hai là Tịnh giới đầy đủ. Sao gọi là tịnh giới đầy đủ ? Này thiện nam tử ! Nếu có Bồ tát tự nói là tịnh giới. Bồ tát ấy tuy chẳng cùng người con gái kia hòa hợp nhưng khi gặp nữ nhân thì cùng chung nói cười đùa giỡn. Bồ tát như vậy là thành tựu dục pháp, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới xen lẫn dơ bẩn, chẳng được gọi là Tịnh giới đầy đủ. Lại có Bồ tát tự nói là Tịnh giới. Bồ tát này tuy chẳng cùng người con gái kia hòa hợp thân, nói cười đùa giỡn, nhưng ở ngoài tường ngăn, xa nghe đủ thứ những tiếng va chạm của chuỗi ngọc, vòng xuyên... mà lòng sinh ái trước. Bồ tát như vậy là thành tựu dục pháp, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới xen lẫn dơ bẩn, chẳng được gọi là Tịnh giới đầy đủ. Lại có Bồ tát tự nói là tịnh giới. Bồ tát này tuy lại chẳng cùng với nữ nhân hòa hợp, nói cười đùa giỡn và nghe âm thanh đồ trang sức ấy, nhưng khi thấy người con trai theo đuổi con gái hay khi thấy người con gái theo đuổi con trai thì liền sinh ra tham trước. Bồ tát như vậy là thành tựu dục pháp, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới xen tạp dơ bẩn, chẳng được gọi là Tịnh giới đầy đủ. Lại có Bồ tát tự nói là tịnh giới. Bồ tát này tuy lại chẳng cùng nữ nhân hòa hợp, nói cười đùa giỡn, nghe âm thanh đồ trang sức, thấy nam nữ theo nhau, nhưng giữ giới vì muốn sinh lên trời, hưởng thụ niềm vui ngũ dục. Bồ tát như vậy là thành tựu dục pháp, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới xen tạp dơ bẩn, chẳng được gọi là Tịnh giới đầy đủ. Này thiện nam tử ! Nếu có Bồ tát trì giới thanh tịnh mà chẳng vì Giới, chẳng vì Thi Ba la mật, chẳng vì chúng sinh, chẳng vì lợi dưỡng, chẳng vì Bồ Đề, chẳng vì Niết Bàn, chẳng vì Thanh Văn, Bích Chi Phật mà chỉ vì tối thượng đệ nhất nghĩa nên hộ trì cấm giới. Này thiện nam tử ! Đó gọi là Bồ tát Tịnh giới đầy đủ.

Ba là thân cận các thiện tri thức. Thiện tri thức là nếu có người có thể nói về tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ khiến cho người thọ nhận, tu hành thì đó gọi là Bồ tát thiện tri thức.

Bốn là ưa thích tịch tịnh. Tịch tịnh là gọi thân tâm tịch tịnh. Quan sát các pháp và pháp giới thậm thâm thì đó gọi là tịch tịnh.

Năm là Tinh tấn. Tinh tấn là gọi sự hết lòng quan sát bốn Thánh đế mà giả sử lửa cháy trên đầu cũng nhất định chẳng buông bỏ. Đó gọi là tinh tấn.

Sáu là niệm đầy đủ. Niệm đầy đủ là gọi việc niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thiên, niệm Xã. Đó gọi là Niệm đầy đủ.

Bảy là nhuyển ngữ. Nhuyển ngữ là gọi lời nói thật, lời nói diệu, lời khi có ý trước hỏi han, lời nói chân chính. Đó gọi là nhuyển ngữ.

Tám là hộ pháp. Hộ Pháp là gọi sự yêu thích chính pháp, thường ưa diễn nói, đọc tụng, ghi chép, suy nghĩ ý nghĩa của pháp ấy, tuyên dương phổ bày rộng rãi khiến cho pháp ấy được lưu bố. Nếu thấy có người ghi chép, giải nói, đọc tụng, khen ngợi, suy nghĩ Kinh ấy thì vì tư sinh (như cầu đời sống) mà cúng dường cho họ những thứ như là y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược..., vì hộ pháp nên chẳng tiếc thân mạng. Đó gọi là hộ pháp.

Chín là Đại Bồ tát thấy có người đồng học, người đồng giới có sự thiếu thốn mà đi theo người khác xin bát nung, áo nhuộm, đồ cần để xem bệnh, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, phòng nhà để cung cấp cho họ.

Mười là đầy đủ trí tuệ. Trí tuệ là gọi sự quan sát được Như Lai Thường Lạc Ngã Tĩnh, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, quan sát được hai tướng của pháp như là không hay chẳng không, thường hay vô thường, lạc hay vô lạc, ngã hay vô ngã, tịnh hay bất tịnh, pháp khác có thể đoạn, pháp khác chẳng thể đoạn, pháp khác từ duyên sinh, pháp khác từ duyên thấy, pháp khác từ duyên quả, pháp khác chẳng phải từ duyên quả. Đó gọi là đầy đủ trí tuệ. Này thiện nam tử ! Đó gọi là Bồ tát đầy đủ mười pháp, liền có thể thấy rõ Niết Bàn Vô Tướng.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như đức Phật trước đã bảo ông Thuần Đà rằng, ông nay đã được thấy Phật tính, được Đại Niết Bàn, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì nghĩa này là sao ? Thưa đức Thế Tôn ! Như trong Kinh nói rằng, nếu bố thí cho súc sinh thì được báo đền gấp trăm lần. Bố thí cho nhất xiển đề được báo đền gấp ngàn lần. Bố thí cho người trì giới thì báo đền gấp trăm ngàn lần. Nếu bố thí cho kẻ ngoại đạo đoạn trừ phiền não thì được báo đền không lường. Bố thí cho bốn bậc đạo hướng và cả bốn quả đến Bích Chi Phật được báo đền không lường. Bố thí cho hàng Bồ tát bất thoái và các Đại Bồ tát, Như Lai, Thế Tôn của thân sau cùng thì sự được phước báo vô lượng vô biên, chẳng thể xưng kể, chẳng thể nghĩa bàn. Đại sĩ Thuần Đà nếu thọ quả báo vô lượng như vậy mà quả báo đó vô tận thì khi nào ông sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? . Thưa

đức Thế Tôn ! Trong Kinh lại nói rằng, nếu người trọng tâm tạo nghiệp thiện hoặc ác thì nhất định được quả báo, hoặc hiện thế thọ, hoặc thứ sinh thọ, hoặc đời sau thọ. Ông Thuần Đà trọng tâm tạo tác thiện nghiệp thì phải biết là nghiệp này nhất định thọ báo. Nếu ông nhất định thọ báo thì làm sao được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? Làm sao lại được thấy Phật tính ? Thưa đức Thế Tôn ! Trong Kinh lại nói rằng, bố thí ba thứ người quả báo vô tận, một là người bệnh, hai là cha mẹ, ba là Như Lai. Thưa đức Thế Tôn ! Trong Kinh lại nói rằng, đức Phật bảo ngài A Nan là tất cả chúng sinh mà như họ không có nghiệp quả cõi Dục thì liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nghiệp cõi Sắc và cõi Vô Sắc cũng lại như vậy. Thưa đức Thế Tôn ! Như câu kệ pháp nói : Chẳng phải không chẳng phải trong biển, chẳng phải vào vùng núi đá, không có địa phương xứ sở, thoát khỏi đó chẳng thọ nghiệp. Lại, ông A Ni Lâu Đà nói rằng, thưa đức Thế Tôn ! Con nhớ thuở xưa nhờ thí một bữa ăn mà trong tám vạn kiếp chẳng rơi vào ba đường ác. Thưa đức Thế Tôn ! Bố thí một bữa ăn còn được quả báo thế, huống gì ông Thuần Đà tín tâm cúng dường đức Phật, thành tựu đầy đủ Đàn Ba la mật ? Thưa đức Thế Tôn ! Nếu thiện quả báo chẳng thể tận thì bài báng Kinh Phương Đẳng, phạm ngũ nghịch tội, hủy bốn trọng cấm, nhất xiển đề tội làm sao có thể tận ? Làm sao có thể được thấy Phật tính, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ?

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Chỉ có hai người được vô lượng vô biên công đức chẳng thể xưng kể, chẳng thể tuyên nói, có thể làm cạn kiệt dòng sông cuồng bạo sinh tử, hàng phục ma oán địch, xô ngã ma thắng tràng, có thể chuyển pháp luân vô thượng của Như Lai : Một là người giỏi hỏi, hai là người giỏi trả lời. Này thiện nam tử ! Trong mười lực của đức Phật thì nghiệp lực là sâu nhất. Này thiện nam tử ! Có các chúng sinh ở trong nghiệp duyên, lòng khinh chẳng tin, vì hóa độ họ nên ta nói lời như vậy. Này thiện nam tử ! Tất cả tác nghiệp có khinh, có trọng. Hai nghiệp trọng và khinh lại đều có hai, một là quyết định, hai là chẳng quyết định. Này thiện nam tử ! Hoặc có người nói nghiệp ác không có quả. Hoặc có người nói rằng, nghiệp ác nhất định có quả. Vậy thì sao chiêm đà la Khí Hư mà được sinh lên trời và Ương Quật Ma La được quả giải thoát ? Do nghĩa này nên phải biết là, tạo tác nghiệp có định thì được quả, chẳng định cũng được quả. Ta vì đoạn trừ tà kiến như vậy nên ở trong Kinh nói lời như vậy, tất cả mọi tác nghiệp không gì chẳng được quả. Này thiện nam tử ! Hoặc có trọng nghiệp (nghiệp nặng) có thể được làm thành khinh (nhẹ). Hoặc có khinh nghiệp có thể được làm thành trọng. Chẳng phải tất cả mọi người chỉ

có ngu và trí. Vậy nên phải biết là, chẳng phải tất cả nghiệp đều định được quả. Tuy nghiệp chẳng định được quả nhưng chẳng phải chẳng được. Đây thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh, phàm có hai hạng, một là người trí, hai là người ngu. Người có trí do lực của trí tuệ nên có thể khiến cho nghiệp rất nặng địa ngục ở hiện thế nhẹ. Người ngu si làm cho nghiệp nhẹ hiện thế phải thọ nặng ở địa ngục.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu như vậy thì chẳng nên cầu Phạm hạnh thanh tịnh và quả giải thoát.

Đức Phật dạy rằng :

- Đây thiện nam tử ! Nếu tất cả nghiệp định được quả thì chẳng nên cầu phạm hạnh giải thoát. Do chẳng định thì tu Phạm hạnh và Giải thoát quả. Đây thiện nam tử ! Nếu có thể xa lìa tất cả ác nghiệp thì được thiện quả. Nếu xa thiện nghiệp thì được ác quả. Nếu tất cả nghiệp định được quả thì chẳng nên cầu tu tập Thánh đạo. Nếu chẳng tu Thánh đạo thì không giải thoát. Tất cả Thánh nhân sở dĩ tu đạo là vì hoại định nghiệp, được khinh báo (quả báo nhẹ), nghiệp bất định không quả báo. Nếu tất cả nghiệp định được báo thì chẳng nên cầu tu tập Thánh đạo. Nếu người xa lìa tu tập Thánh đạo được giải thoát thì không có chỗ này. Chẳng được giải thoát mà được Niết Bàn thì cũng không có chỗ này. Đây thiện nam tử ! Nếu tất cả nghiệp định được quả thì việc làm cả đời thuần là nghiệp thiện thì nên phải vĩnh viễn đã luôn thọ an lạc. Việc làm cả đời nghiệp ác rất nặng cũng nên phải vĩnh viễn đã thọ khổ não lớn. Nghiệp quả nếu vậy thì không tu đạo giải thoát Niết Bàn. Người làm người thọ, Bà la môn làm Bà la môn thọ. Nếu như vậy thì chẳng nên có dòng họ hạ đẳng. Nếu hạ đẳng có thì nên luôn là người, Bà la môn nên luôn là Bà la môn, lúc nhỏ tạo nghiệp thì nên lúc nhỏ chịu báo, chẳng nên đến lúc trung niên, lúc già mới chịu quả báo. Lúc già tạo tác ác nghiệp, sinh vào trong địa ngục thì thân đầu tiên ở địa ngục, chẳng nên thọ báo liền mà nên đợi khi già rồi nhiên hậu mới thọ. Nếu khi già chẳng giết hại thì chẳng nên lúc tráng niên được sống lâu. Nếu không sống được thời trẻ thì làm sao đến già để nghiệp không mất ? Nếu nghiệp không mất thì làm sao mà có tu đạo Niết Bàn ? Đây thiện nam tử ! Nghiệp có hai thứ : định và bất định. Định nghiệp có hai, một là báo định, hai là thời định. Hoặc có báo định mà thời chẳng định, duyên hòa hợp thì thọ. Hoặc ba thời thọ đó là hiện thọ, sinh thọ và hậu thọ. Đây thiện nam tử ! Nếu định tâm tạo tác nghiệp thiện, ác.v.v... Tạo tác rồi sinh ra lòng tin sâu sắc vui mừng và nếu phát lên thế

nguyện cúng dường Tam Bảo thì đó gọi là Định nghiệp. Nay thiện nam tử ! Người trí thì thiện căn sâu bền khó chuyển động. Vậy nên họ có thể khiến cho nghiệp nặng thành nhẹ. Kẻ ngu si thì căn bất thiện thâm hậu nên có thể khiến cho nghiệp nhẹ mà trở thành quả báo nặng. Do nghĩa này nên tất cả các nghiệp chẳng gọi là quyết định. Đại Bồ tát không có nghiệp địa ngục nhưng vì chúng sinh nên phát đại thệ nguyện sinh vào trong địa ngục.

Nay thiện nam tử ! Thuở xưa, lúc chúng sinh sống lâu trăm tuổi thì hằng hà sa số chúng sinh thọ quả báo địa ngục. Ta thấy thế rồi liền phát đại nguyện, thọ thân địa ngục. Bồ tát bây giờ thật không có nghiệp đó, vì chúng sinh nên thọ quả báo địa ngục. Ta vào lúc ấy ở tại trong địa ngục trải qua vô lượng năm, vì các tội nhân rộng mở, phân biệt mười hai bộ Kinh. Mọi người nghe rồi, hủy hoại quả báo ác khiến cho địa ngục trống không, trừ bọn nhất xiển đề. Đó gọi là Đại Bồ tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này, có vô lượng chúng sinh rơi vào trong loài súc sinh thọ quả báo của nghiệp ác. Ta thấy thế rồi lại phát thệ nguyện, vì muốn nói pháp độ chúng sinh nên, hoặc làm thân hươu nai, gấu, bò cạp, vượn, rồng, rắn, chim cánh vàng, cá, rùa, chồn, thỏ, trâu, ngựa... Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát chân thật không có nghiệp ác súc sinh như vậy nhưng do lực đại nguyện, vì chúng sinh nên thị hiện thọ những thân này. Đó gọi là Đại Bồ tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ ác nghiệp này. Lại nữa, nay thiện nam tử ! Trong kiếp Hiền này, lại có vô lượng vô biên chúng sinh trong loài ngã quỷ. Chúng ăn nước ói ra, mỡ, thịt, máu mủ, đồ đại tiểu tiện, mũi dãi... sống lâu không lường, hàng trăm ngàn vạn năm mà chưa từng nghe đến danh từ nước uống, hưởng lại là tận mắt nhìn thấy và được uống. Giả sử từ xa thấy nước, sinh tâm đi đến thì đến nơi nước biến thành lửa mạnh và mủ máu. Hoặc khi chẳng biến đổi thì có nhiều người tay cầm mâu, kích ngăn giữ, tóm bắt khiến cho chúng chẳng đến chỗ nước được. Hoặc khi trời tuông mưa thì nước mưa đến thân chúng hóa thành lửa. Đó gọi là quả báo nghiệp ác. Nay thiện nam tử ! Đại Bồ tát thật không có các quả báo nghiệp ác như vậy nhưng vì giáo hóa chúng sinh khiến cho họ được giải thoát nên phát thệ nguyện thọ thân như vậy. Đó gọi là Đại Bồ tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này. Nay thiện nam tử ! Ta ở kiếp Hiền, sinh vào nhà giết mổ, nuôi dưỡng gà, heo, trâu, dê, làm người săn bắn, làm ngư phủ đánh cá, sinh vào nhà Chiên đà la làm giặc, trộm cướp... Bồ tát thật không làm những nghiệp ác như vậy, nhưng vì độ chúng sinh, khiến cho họ được giải thoát, dùng đại nguyện lực mà thọ thân như vậy. Đó gọi là Đại Bồ tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này. Nay thiện nam tử ! Trong kiếp Hiền này, ta lại sinh ra ở vùng biên địa, tạo tác nhiều tham dục, sân nhuế, ngu si, quen làm việc phi pháp, chẳng tin Tam Bảo, quả báo đời

sau, chẳng thể cung kính cha mẹ, người già gần gũi, kỳ cựu, trưởng túc....
Này thiện nam tử ! Bồ tát, lúc ấy thật không có những nghiệp này, nhưng vì
khiến cho chúng sinh được giải thoát nên dùng lực đại nguyện mà sinh ra
trong chỗ ấy. Đó gọi là Đại Bồ tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ
nghiệp ác này. Này thiện nam tử ! Trong kiếp Hiền này, ta lại thọ thân nữ,
thân ác, thân tham, thân sân, thân si, thân tật đố, thân keo kiệt, thân bé nhỏ
(thân giả dối ?), thân lừa dối, thân trói buộc... Này thiện nam tử ! Bồ tát lúc
ấy cũng không có những nghiệp này mà chỉ vì làm cho chúng sinh được giải
thoát nên dùng lực đại nguyện để sinh ra trong những thân ấy. Đó gọi là Đại
Bồ tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này. Này thiện nam
tử ! Ở kiếp Hiền ta thọ thân Huỳnh môn không căn, hai căn và căn chẳng
định. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát thật không có các nghiệp thân ác như
vậy, nhưng vì khiến cho chúng sinh được giải thoát nên dùng lực đại nguyện
mà sinh trong thân ấy. Đó gọi là Đại Bồ tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ,
hậu thọ nghiệp ác này. Này thiện nam tử ! Ở kiếp Hiền, ta lại tu tập pháp của
ngoại đạo Ni Kiền Tử, tín thọ pháp ấy : không thí, không từ (cúng tế), không
quả báo thí từ; không nghiệp thiện ác, không quả báo thiện ác; không đời
hiện tại và đời vị lai; không đây không đó; không có Thánh nhân; không
thân biến hóa, không đạo Niết Bàn... Này thiện nam tử ! Bồ tát thật không có
những nghiệp ác như vậy, chỉ vì khiến cho chúng sinh được giải thoát nên
dùng lực đại nguyện để thọ những tà pháp này. Đó gọi là Đại Bồ tát chẳng
phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này.

Này thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xưa, cùng với Đề Bà Đạt Đa đều làm
thương chủ (chủ buôn bán), mỗi người đều có năm trăm người theo buôn
bán, vì lợi ích nên đi vào trong biển, thu nhặt lấy trân bảo. Do nghiệp duyên
ác nên trên đường đi gặp phải gió dữ thổi phá tan thuyền bè, bạn buôn chết
hết. Lúc bấy giờ, ta cùng với Đề Bà Đạt Đa nhờ quả báo chẳng giết hại nên
sống lâu, được gió thổi đưa đến đất liền. Đề Bà Đạt Đa tham tiếc của báu,
sinh ra ưu khổ lớn, lên tiếng gào khóc. Ta nói rằng : “Này Đề Bà Đạt Đa !
Chẳng nên gào khóc !”. Đề Bà Đạt Đa liền nói với ta rằng : “Hãy lắng nghe !
Lắng nghe ! Ví như có người nghèo cùng khốn khổ đi đến vùng nghĩa địa,
tay nắm lấy thây chết mà nói lời này : Xin người hôm nay cho ta niềm vui
chết thì ta sẽ cho người mạng sống bản cùng. Bấy giờ thây chết liền ngồi dậy
nói với người nghèo rằng: Này thiện nam tử ! Mạng sống bản cùng người
hãy tự nhận lấy đi ! Ta nay rất thích niềm vui chết như vậy, thật chẳng
mừng được sự nghèo của người mà sống. Nhưng ta ngày hôm nay đã không
niềm vui của sự chết còn lại kiêm thêm bản cùng thì làm sao mà chẳng gào
khóc được vậy ?”. Ta lại an ủi dỗ dành : “Người hãy chớ buồn ! Nay có hai
viên ngọc giá trị vô số ta sẽ phân một viên cho người !”. Ta liền phân cho và

lại nói với ông rằng : “Người có mạng có thể được báu này. Như những người kia không mạng thì ai có thể được vậy ?”. Ta mệt mỏi lắm, đi đến dưới một cây nằm ngủ nghỉ ngơi. Lòng tham của Đè Bà Đạt Đa hừng hực, vì viên ngọc còn lại liền sinh ác tâm, đâm mù mắt ta mà cướp đoạt viên ngọc của ta. Khi ta bị thương phát ra tiếng kêu rên rĩ. Có một người con gái đi đến chỗ ta mà hỏi ta rằng : “Ngài vì sao mà rên rĩ như vậy ?”. Ta liền đem việc của mình nói cho người con gái ấy. Người con gái nghe rồi lại một lần nữa hỏi ta : “Ông tên là gì ?”. Ta liền đáp rằng : “Tên là Thật Ngữ !”. Người con gái nói rằng : “Làm sao biết ông là Thật Ngữ vậy ?”. Ta liền lập lời thề rằng : “Nếu ta nay dối với Đè Bà Đạt Đa có ác tâm thì mắt ta sẽ vĩnh viễn bị mù lòa như vậy. Như ác tâm ấy không có thì sẽ được sáng mắt trở lại”. Ta nói rồi thì mắt ấy bình phục như cũ. Đây thiện nam tử ! Đó gọi là Đại Bồ tát nói hiện thể báo (quả báo đời hiện tại). Đây thiện nam tử ! Ta nghĩ, thuở xưa, sinh vào nhà Bà la môn tại thành Phú Đơn Na ở Nam Thiên Trúc. Lúc đó có vị vua tên là Ca La Phú. Tính vua ấy bạo ác, kiêu mạn, tự đại, tuổi trẻ sắc đẹp, đằm trước năm dục. Ta vào lúc ấy, vì độ chúng sinh, ở tại bên ngoài thành đó mà tịch mặc Thiên tư. Lúc bấy giờ, mùa Xuân cây cối trở hoa, vị vua đó cùng với quyền thuộc, cung nhân, thể nữ ra khỏi thành du ngoạn. Ông ở dưới rừng cây, tự vui sướng với năm dục. Các thể nữ của ông bỏ vua đi chơi, liền đến chỗ của ta. Ta muốn vì họ đoạn tham dục nên đã vì họ nói pháp. Vị vua tìm đến liền thấy ta tức thời sinh ra ác tâm mà hỏi ta rằng : “Ông nay đã được quả A la hán rồi chăng ?”. Ta nói : “Chẳng được !”. Vua lại nói : “Tu được quả Bất Hoàn rồi chăng ?”. Ta nói : “Chẳng được!”. Vua lại nói lời này : “Ông nay nếu chưa được hai quả này tức là đầy đủ tham dục phiền não thì sao tự buông thả quan sát những người con gái của ta ?”. Ta liền đáp rằng : “Thưa đại vương ! Ngài phải biết rằng, ta nay tuy chưa đoạn tham dục kết nhưng nội tâm của ta thật không tham trước !” Vị vua nói rằng : “Đây si nhân ! Trên đời có các tiên nhân uống hơi, ăn trái cây mà thấy sắc còn tham, huống là ông tuổi trẻ, chưa đoạn dứt tham dục thì làm sao thấy sắc mà sẽ chẳng đằm trước ?”. Ta nói : “Thưa đại vương ! Thấy sắc chẳng đằm trước thật ra chẳng nhân vào việc uống hơi, ăn trái cây mà đều do hệ thuộc tâm vô thường, bất tịnh”. Vị vua nói : “Nếu có khinh người khác mà sinh ra bài báng thì làm sao được gọi là tu trì tịnh giới ?”. Ta nói : “Thưa đại vương ! Nếu có lòng ganh ghét thì có bài báng. Ta không lòng ganh ghét thì làm sao nói rằng bài báng ?”. Vị vua nói rằng : “Thưa Đại đức ! Sao gọi là giới ?”. “Thưa đại vương ! Nhẫn gọi là giới !”. Vua nói : “Nếu nhẫn là giới thì phải cắt tai của ông. Nếu ông có thể nhẫn thì biết là ông trì giới”. Vua liền cắt tai của ta. Ta bị cắt tai mà nhan sắc chẳng biến đổi. Quân thần của vua thấy việc này rồi, liền can vua rằng : “Vị đại sĩ như vậy chẳng nên gia hại !”. Vị vua bảo các bề tôi rằng : “Các khanh làm sao biết là Đại sĩ ?”. Các bề tôi

đáp rằng : “Thấy người này khi thọ khổ mà sắc mặt chẳng biến đổi !”. Vị vua lại nói rằng : “Ta sẽ lại thử thách để biết có biến đổi hay chẳng biến đổi”. Vua liền cho cắt mũi ta, chặt tay chân ta. Bây giờ Bồ tát đã ở trong vô lượng vô biên đời, tu tập từ bi thương xót chúng sinh khổ. Khi đó bốn vua trời lòng ôm sân giận, mưa xuống cát, sỏi, đá. Vị vua thấy thế rồi, lòng rất kinh sợ, lại đến chỗ của ta quì dài mà nói rằng : “Nguyện xin ngài thương xót cho phép tôi sám hối”. Ta nói rằng : “Thưa đại vương ! Lòng ta không sân cũng như không tham!”. Vị vua nói : “Thưa đại đức ! Làm sao được biết lòng ngài không sân hận ?”. Ta liền lập thệ rằng : “Ta nếu chân thật không sân hận thì khiến cho thân này của ta bình phục như cũ !”. Phát nguyện xong, thân ta liền bình phục. Đó gọi là Đại Bồ tát nói hiện thế báo.

Này thiện nam tử ! Sinh báo, hậu báo của nghiệp thiện và bất thiện nghiệp cũng lại như vậy. Khi Đại Bồ tát được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì tất cả các nghiệp đều được hiện báo. Nghiệp ác bất thiện được hiện báo thì như vị vua làm ác bị trời tuông mưa dữ; cũng như có người chỉ cho thợ săn chỗ của gấu và nai sắc bấu thì tay hắn bị rơi rụng. Đó gọi là quả báo hiện thọ của nghiệp ác. Sinh báo thì như nhất xiển đề phạm bốn trọng cấm và ngũ nghịch tội. Hậu báo thì như người trì giới phát thệ nguyện sâu sắc rằng : Nguyện đời vị lai luôn được thân tịnh giới như vậy. Nếu có chúng sinh lúc thọ trăm năm, lúc thọ tám mươi năm thì nguyện ở trong họ làm Chuyển Luân Thánh Vương để giáo hóa chúng sinh.

Này thiện nam tử ! Nếu nghiệp định được quả báo hiện thế thì chẳng thể được sinh báo và hậu báo. Đại Bồ tát tu nghiệp của ba mươi hai tướng Đại nhân thì chẳng thể được hiện thế báo. Nếu nghiệp chẳng được ba thứ báo thì đó gọi là bất định. Này thiện nam tử ! Nếu nói các nghiệp định được báo thì chẳng được có tu tập Phạm hạnh, Giải thoát, Niết Bàn. Ông phải biết người này chẳng phải đệ tử của ta, chính là quyến thuộc của ma. Nếu nói các nghiệp có định và bất định. Định thì hiện báo, sinh báo, hậu báo. Bất định thì duyên hòa hợp thì thọ, chẳng hòa hợp thì chẳng thọ. Do nghĩa này nên có Phạm hạnh, Giải thoát, Niết Bàn. Ông phải biết người này là đệ tử chân chính của ta, chẳng phải quyến thuộc của ma. Này thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh, bất định nghiệp thì nhiều, quyết định nghiệp thì ít. Do nghĩa này nên có sự tu tập đạo. Có tu tập đạo nên nghiệp nặng quyết định có thể khiến cho nhẹ thọ báo, bất định nghiệp chẳng phải sinh thọ quả báo.

Này thiện nam tử ! Có hai thứ người : “Một là bất định tạo tác định báo, hiện báo tạo tác sinh báo, kinh báo tạo tác trọng báo đáng nên thọ trong loài người thì thọ tại địa ngục. Hai là định tạo tác bất định nên sinh thọ

thì trở lại là hiện thọ, trọng báo tạo tác khinh báo đáng nên thọ báo tại địa ngục thì thọ báo nhẹ trong loài người. Hai người như vậy, một là ngu, hai là trí. Người trí thì làm cho nhẹ báo đi, người ngu thì khiến cho báo nặng thêm. Nay thiện nam tử ! Ví như hai người có tội đối với vua. Người quyền thuộc nhiều thì tội ấy nhẹ, kẻ quyền thuộc ít thì tội đáng nhẹ lại thành nặng. Kẻ ngu, người trí cũng lại như vậy. Người trí nghiệp thiện nhiều nên nghiệp nặng thì thọ báo nhẹ. Kẻ ngu nghiệp thiện ít nên nghiệp nhẹ thì thọ báo nặng. Nay thiện nam tử ! Ví như hai người, một người thì mập mạnh, một người thì gầy yếu. Họ đều chìm vào bùn sâu thì người mập mạnh có thể ra khỏi còn người gầy yếu thì chìm mất. Nay thiện nam tử ! Ví như hai người đều uống phải độc mà một người có chú lực và A đà đà, một người thì không có. Người có chú và thuốc thì độc chẳng thể làm thương tổn. Người không có chú và thuốc thì khi uống liền chết. Nay thiện nam tử ! Ví như hai người đều uống nhiều nước mà một người hỏa thể thịnh, một người yếu ớt. Người hỏa thể nhiều thì có thể tiêu hóa, người hỏa thể yếu thì bị bệnh hoạn. Nay thiện nam tử ! Ví như hai người bị sự trói buộc của vua mà một người có trí tuệ, một người thì ngu si. Người có trí thì có thể được giải thoát, người ngu si thì không hạn kỳ thoát khỏi. Nay thiện nam tử ! Ví như hai người đều lặn lội trên con đường hiểm trở mà một người thì sáng mắt còn một người thì mù lòa. Người có mắt đi thẳng qua không có hoạn nạn, còn người mù lòa thì rơi rớt xuống hầm sâu nguy hiểm. Nay thiện nam tử ! Ví như hai người đều cùng uống rượu mà một người uống được nhiều rượu còn một người thì uống ít rượu. Người uống được nhiều thì uống không hoạn nạn gì, còn kẻ uống được ít thì thành hoạn nạn. Nay thiện nam tử ! Ví như hai người ra trận đánh địch mà một người thì trang bị đầy đủ áp giáp, binh khí còn một người thì thân trần (không trang bị). Người có binh khí thì có thể phá tan oán địch, còn người thân trần thì chẳng thể tự tránh khỏi họa. Lại có hai người quần áo dơ bẩn mà một người biết liền giặt, một người biết chẳng giặt. Người giặt thì quần áo sạch sẽ, còn người chẳng giặt thì cấu bẩn mỗi ngày một thêm. Lại có hai người đều cùng đi bằng xe mà một người xe có trục có nan hoa còn một người thì xe không trục không nan hoa. Người xe có trục có nan hoa thì theo ý mà đi, còn người xe không trục không nan hoa thì chẳng dời khỏi chỗ. Lại có hai người đều đi trên con đường trống vắng mà một người có lương thực còn một người thì đi không. Người có lương thực thì qua được hiểm nghèo còn người đi không thì chẳng thể qua khỏi. Lại có hai người bị giặc cướp mà một người có bảo tàng còn một người thì không bảo tàng. Người có bảo tàng lòng không lo buồn còn người không bảo tàng thì lòng sầu não. Kẻ ngu, người trí cũng lại như vậy, người có bảo tàng thiện thì nghiệp nặng được thọ báo nhẹ, người không bảo tàng thiện thì nghiệp nhẹ phải thọ quả báo nặng.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, chẳng phải tất cả nghiệp đều được định quả, cũng chẳng tất cả chúng sinh quyết định thọ báo. Thừa đức Thế Tôn ! Làm sao chúng sinh khiến cho kinh báo hiện tại mà phải thọ nặng ở địa ngục ? Trọng báo ở địa ngục mà được thọ nhẹ ở đời hiện tại ?

Đức Phật dạy rằng :

- Tất cả chúng sinh thường có hai thứ, một là có trí, hai là ngu si. Nếu người có thể tu tập thân giới, tâm tuệ thì đó gọi là người trí. Nếu kẻ chẳng thể tu tập thân giới tâm tuệ thì đó gọi là kẻ ngu si. Sao gọi là chẳng tu thân ? Nếu chẳng thể nhiếp lấy năm tình, các căn thì gọi là chẳng tu thân; chẳng thể thọ trì bảy thứ tịnh giới thì gọi là chẳng tu giới; chẳng điều phục tâm thì gọi là chẳng tu tâm; chẳng tu Thánh hạnh thì gọi là chẳng tu tuệ. Lại nữa, chẳng tu thân là chẳng thể đầy đủ giới thể thanh tịnh. Chẳng tu giới là thọ chứa tám thứ vật bất tịnh. Chẳng tu tâm là chẳng thể tu tập ba thứ tướng. Chẳng tu tuệ là chẳng tu phạm hạnh. Lại nữa, chẳng tu thân là chẳng thể quan sát thân, chẳng thể quan sát sắc và quan sát sắc tướng, chẳng quan sát thân tướng, chẳng biết thân số, chẳng biết thân này từ đây đến đó, ở trong phi thân mà sinh ra thân tướng, ở trong phi sắc mà tác khởi sắc tướng. Vậy nên tham trước ngã thân, thân số thì gọi là chẳng tu thân. Chẳng tu giới là nếu thọ giới hạ tiện thì chẳng gọi là tu giới. Thọ trì biên giới (giới cấm ven bờ) là giới tự lợi, là giới tự điều, chẳng thể khắp vì chúng sinh an lạc, chẳng phải là hộ trì chánh pháp Vô Thượng. Nếu vì sinh lên trời thọ niềm vui ngũ dục thì chẳng gọi là tu giới. Chẳng tu tâm là nếu tâm tán loạn chẳng thể chuyên nhất giữ cảnh giới của mình. Cảnh giới của mình là bốn niệm xứ. Cảnh giới người khác như là năm dục. Nếu chẳng thể tu bốn niệm xứ thì gọi là chẳng tu tâm. Ở trong nghiệp ác mà chẳng khéo hộ trì tâm thì gọi là chẳng tu tuệ. Lại nữa, chẳng tu thân là chẳng thể quan sát sâu sắc thân này vô thường, vô trụ, dễ tan vỡ, từng niệm từng niệm diệt hoại, chính là cảnh giới của ma. Chẳng tu giới là chẳng thể đầy đủ Thi Ba la mật. Chẳng tu tâm là chẳng thể đầy đủ Thiên Ba la mật. Chẳng tu tuệ là chẳng thể đầy đủ Bát nhã Ba la mật. Lại nữa, chẳng tu thân thì tham trước ngã thân và thân ngã sở, ngã thân là thường hằng không có biến dịch. Chẳng tu giới thì vì thân mình nên làm mười nghiệp ác. Chẳng tu tâm thì ở trong nghiệp ác chẳng thể nhiếp lấy tâm. Chẳng tu tuệ thì do chẳng nhiếp lấy tâm nên chẳng thể phân biệt pháp thiện, ác.v.v... Lại nữa, chẳng tu thân thì chẳng cắt đứt ngã kiến. Chẳng tu giới thì chẳng cắt đứt giới thủ (chọn lấy giới). Chẳng tu tâm thì tác khởi

nghiệp tham, sân, hường đến địa ngục. Chẳng tu tuệ thì chẳng cắt đứt si tâm. Lại nữa, chẳng tu thân thì chẳng thể quan sát thân tuy không tội lỗi mà luôn chính là oán. Này thiện nam tử ! Ví như người con trai có kẻ oán luôn theo dò tìm sơ hở. Người trí hay biết đã hết lòng thận trọng hộ trì, nếu chẳng thận trọng hộ trì thì bị hại. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, thường do ăn uống, lạnh nóng nuôi dưỡng. Nếu chẳng nuôi dưỡng, giữ gìn thận trọng như vậy thì liền phải tan hoại. Này thiện nam tử ! Như Bà la môn phụng sự trời Lửa, thường dùng hương hoa khen ngợi, lễ bái, cúng dường, thừa sự... hạn tròn trăm năm. Nhưng nếu một khi chạm vào lửa thì liền cháy tay người. Lửa này tuy được cúng dường như vậy nhưng nhất định không một ý niệm đền ơn người phụng sự. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, tuy trong nhiều năm, dùng hương hoa tốt, chuỗi ngọc, quần áo, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh... mà cung cấp cho thân. Nhưng nếu nó gặp phải những nhân duyên ác ở trong hay ở ngoài thì tức thời diệt hoại, chẳng nhớ nghĩ đến cái ơn cung cấp y thực... của ngày trước. Này thiện nam tử ! Ví như có vị vua nuôi bốn con rắn độc, nhốt chúng vào một cái hòm nhỏ, đem giao cho một người lệnh cho trông nom nuôi dưỡng. Trong bốn con rắn này, giả sử một con sinh ra sân hận thì có thể hại người. Người này kinh sợ thường cầu ẩm thực tùy lúc giữ hộ. Rắn độc bốn đại của tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, nếu một đại nổi sân thì có thể hoại thân. Này thiện nam tử ! Như người bệnh lâu cần phải chí tâm cầu thuốc trị liệu. Nếu họ chẳng siêng cầu cứu thì nhất định phải chết chẳng nghi ngờ gì. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, phải thường nhiếp lấy tâm chẳng để cho nó buông lung. Nếu buông lung thì liền bị hoại diệt. Này thiện nam tử ! Ví như cái bình đất chẳng chịu đựng được gió, mưa, đánh, đập, xô đẩy, đè nén. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, chẳng chịu đựng được đói khát, lạnh, nóng, gió, mưa, đánh đập, trói buộc, mắng chửi... Này thiện nam tử ! Ví như mọt nhọt chưa muối thì luôn phải khéo giữ gìn, chẳng cho người đụng vào. Giả sử có người đụng vào thì rất đau khổ. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy. Này thiện nam tử ! Như con la mang thai là tự hại thân của nó. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, bên trong có gió lạnh thì thân liền chịu khổ. Này thiện nam tử ! Ví như cây chuối sinh ra quả thì khô. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy. Này thiện nam tử ! Cũng như cây chuối, bên trong không có quả cứng, thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy. Này thiện nam tử ! Như rắn, chuột, chó sói mỗi mỗi đối với nhau luôn sinh ra lòng oán. Bốn đại của chúng sinh cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Ví như con ngỗng chúa chẳng ưa chỗ mò mẫm. Bò tát cũng vậy, đối với thân mò mẫm cũng chẳng tham lạc. Này thiện nam tử ! Như Chiên đà la bảy đời nối tiếp nhau chẳng bỏ nghiệp ấy. Vậy nên họ bị người đời khinh rẻ. Chúng tử của thân này cũng lại như vậy, chúng tử tinh huyết rốt ráo bất tịnh. Do bất tịnh nên các đức

Phật Bồ tát quở trách. Này thiện nam tử ! Thân này chẳng như núi Ma la gia sinh ra chiên đàn, cũng chẳng thể sinh ra hoa Ưu bát la, hoa Phân đà lợi, hoa Chiêm bà, hoa Ma lợi ca, hoa Bà sư ca mà nó chảy ra mũ máu bất tịnh, chỗ sinh sống dơ bẩn, xấu xí đáng ghét, thường cùng với loài trùng ở chung một chỗ. Này thiện nam tử ! Ví như thế gian tuy có vườn rừng thanh tịnh thượng diệu nhưng có cây chết trong đó thì tức là bất tịnh thì mọi người đều xả bỏ, chẳng sinh lòng ái trước. Sắc giới cũng vậy, tuy lại tịnh diệu nhưng do có thân nên các đức Phật, Bồ tát đều cùng xả bỏ. Này thiện nam tử ! Nếu có người chẳng thể tác khởi sự quan sát như vậy thì gọi là chẳng tu thân. Này thiện nam tử ! Chẳng tu giới là nếu chẳng thể quan sát giới chính là thêm bậc của tất cả thiện pháp, cũng chính là căn bản của tất cả thiện pháp. Như đất chính là chỗ sinh ra của tất cả cây cối, chính các thiện căn là dẫn đầu thiện pháp vậy. Như vị thương chủ kia dẫn đường các thương nhân, giới chính là Thắng tràng của tất cả thiện pháp. Như việc lập Thắng tràng của Thiên đế thích, giới có thể đoạn dứt vĩnh viễn tất cả nghiệp ác và ba đường ác, có thể trị liệu ác bệnh giống như cây thuốc. Giới chính là lương thực (tư lương) để đi trên đường nguy hiểm sinh tử. Giới chính là áo giáp, binh khí tiêu diệt giặc kết sử ái. Giới chính là thần chú hay diệt rắn độc kết sử. Giới chính là cây cầu để qua khỏi hành động nghiệp ác. Nếu có người chẳng thể quan sát như vậy thì gọi là chẳng tu tịnh giới. Chẳng tu tâm là chẳng thể quan sát tâm khinh tháo chuyên động, khó nắm bắt, khó điều phục, dong ruổi chạy rong như con voi hung dữ. Từng niệm từng niệm qua nhanh như ánh chớp, xao động nhiều loạn chẳng trụ giống như con vượn. Như huyễn hóa, như lửa nóng mới chính là căn bản của các ác. Năm dục khó thỏa mãn như lửa được củi khô, cũng như biển cả nuốt lấy các dòng sông, như núi Mạn đà cở cây rậm rạp chẳng thể quan sát sinh tử hư vọng, đắm chìm mê hoặc dẫn đến hoạn nạn như cá cắn câu, thường đi trước dẫn đường các nghiệp đi theo giống như mẹ sò dẫn đường các con, tham trước năm dục chẳng ưa Niết Bàn, như lạc đà ăn mật cho đến chết chẳng đoái hoài đến cỏ sô, đắm sâu vui hiện tại chẳng quan sát lỗi ngay sau như trâu ăn lúa chẳng sợ gậy gộc, dong ruổi cùng khắp hai mươi lăm cõi hữu giống như gió mạnh thổi vào chỗ Đậu la nhi, điều chẳng nên cầu mà cầu không chán đủ như người không biết cầu lửa không nóng, thường ưa sinh tử chẳng thích giải thoát như con sâu Nhiệm bà ưa cây nhiệm bà, mê hoặc ái trước sinh tử hôi thối giống như người tù trong ngục thích con gái của ngục tốt, cũng như heo trong chuồng ưa sống bất tịnh. Nếu có người chẳng thể quan sát như vậy thì gọi là chẳng tu tuệ. Chẳng tu tuệ là chẳng quan sát trí tuệ có thể lực lớn như con chim cánh vàng, có thể hủy hoại nghiệp ác, hủy hoại bóng tối vô minh giống như ánh sáng mặt trời, có thể đánh bạt thọ ám như nước cuốn trôi vật, đốt cháy tà kiến giống như lửa mạnh. Tuệ chính là căn bản của tất cả thiện pháp, là

chúng tử mẹ của Phật, Bồ tát. Nếu có người chẳng thể quan sát như vậy thì gọi là chẳng tu tuệ. Nay thiện nam tử ! Trong đệ nhất nghĩa, nếu thấy thân, tướng của thân, nhân của thân, quả của thân, tụ của thân, một thân, hai thân, thân này, thân kia, diệt thân, đẳng thân, tu thân, người tu. Nếu có người thấy như vậy thì gọi là chẳng tu thân. Nay thiện nam tử ! Nếu thấy giới, giới tướng, giới nhân, giới quả, thượng giới, hạ giới, giới tụ, giới nhất, giới nhị, thử giới, bỉ giới, giới diệt, giới đẳng, giới tu và người tu giới Ba la mật... Nếu có người thấy như vậy thì gọi là chẳng tu giới. Nếu thấy tâm, tâm tướng, tâm nhân, tâm quả, tâm tụ, tâm cập, tâm số, tâm nhất, tâm nhị, thử tâm, bỉ tâm, tâm diệt, tâm đẳng, tâm tu, người tu, tâm thượng trung hạ, tâm thiện, tâm ác... Nếu có người thấy như vậy thì gọi là chẳng tu tâm. Nay thiện nam tử ! Nếu thấy tuệ, tuệ tướng, tuệ nhân, tuệ quả, tuệ tụ, tuệ nhất, tuệ nhị, thử tuệ, bỉ tuệ, tuệ diệt, tuệ đẳng, tuệ thượng trung hạ, độn tuệ, lợi tuệ, tuệ tu, người tu... Nếu có người thấy như vậy thì gọi là chẳng tu tuệ. Nay thiện nam tử ! Nếu có người chẳng tu thân, giới, tâm, tuệ thì người như vậy đối với nghiệp ác nhỏ được quả báo ác lớn. Do kinh sợ nên họ thường sinh ra ý niệm này : Ta thuộc địa ngục nên tạo tác hạnh địa ngục. Tuy nghe người Trí nói về khổ của địa ngục nhưng thường tác khởi ý niệm này : Như sắt đánh vào sắt, đá lại đánh vào đá, cây tự đánh vào cây, con trùng lửa ưa lửa, thân địa ngục trở lại tương tự địa ngục có việc gì là khổ ? Ví như con nhặng xanh bị nước dãi nhỏ ra dán dính thì chẳng thể ra được. Người này cũng vậy ở trong tội nhỏ chẳng thể tự ra, lòng ban đầu không ăn năn, chẳng thể tu thiện, che giấu tội vết (lỗi lầm). Tuy họ có tất cả thiện nghiệp trong quá khứ nhưng đều bị sự cấu bẩn của tội đó. Khinh báo hiện thọ sẵn có của người này chuyển thành quả ác cực nặng ở địa ngục. Nay thiện nam tử ! Như nước chứa trong đồ đựng nhỏ mà cho vào một thùng (dụng cụ đo lường) muối thì vì nước ấy mặn đắng, khó có thể uống được. Tội nghiệp người này cũng như vậy. Nay thiện nam tử ! Ví như có người thua người khác một tiền mà chẳng thể đền trả nên thân bị trói buộc chịu nhiều khổ sở. Tội nghiệp của người này cũng lại như vậy.

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Người này vì sao khiến cho khinh báo hiện tại chuyển đến địa ngục thọ ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh nếu đủ năm việc thì khiến cho khinh báo hiện tại chuyển đến địa ngục thọ. Những gì là năm ? Một là ngu

si, hai là thiện căn nhỏ ít, ba là nghiệp ác sâu nặng, bốn là chẳng sám hối, năm là chẳng tu nghiệp thiện căn bản. Lại có năm việc : Một là tu tập nghiệp ác, hai là không của cải giới, ba là xa lìa các thiện căn, bốn là chẳng tu thân, giới, tâm, tuệ, năm là gần gũi ác tri thức. Nay thiện nam tử ! Vậy nên có thể khiến cho khinh báo hiện tại chuyển đến thọ nặng ở địa ngục.

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Những người nào có thể chuyển được địa ngục báo thành thọ quả nhẹ ở đời hiện tại ?

- Nay thiện nam tử ! Nếu có người tu tập thân, giới, tâm tuệ thì như trước đã nói, có thể quan sát các pháp đồng như hư không, chẳng thấy trí tuệ, chẳng thấy người trí, chẳng thấy ngu si, chẳng thấy người ngu, chẳng thấy tu tập và người tu tập. Đó gọi là người trí. Người như vậy thì có thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ. Người này có thể khiến cho quả báo địa ngục được thọ nhẹ ở đời hiện tại. Người này giả sử tạo tác nghiệp ác rất nặng mà tư duy quan sát có thể khiến cho nhẹ và nhỏ. Họ nghĩ rằng : Nghiệp của ta tuy nặng nhưng chẳng bằng nghiệp thiện. Ví như hoa chong chóng tuy đến hàng trăm cân nhưng nhất định chẳng thể địch nổi một lượng vàng ròng, như ném một thặng muối vào sông Hằng thì nước vẫn không vị mặn, người uống chẳng hay biết, như kẻ giàu to tuy thua nhiều người đến hàng ngàn vạn vật báu, nhưng không thể trói buộc khiến cho ông ấy thọ khổ, như con Đại Hương Tượng (con voi thom) có hể phá hoại khóa sắt, tự tại mà đi. Người trí tuệ cũng lại như vậy, thường tư duy rằng : Thiện lực của ta nhiều, ác nghiệp yếu kém. Ta có thể phát lồ sám hối diệt trừ ác, có thể tu trí tuệ. Lực trí tuệ nhiều, lực vô minh ít. Nghĩ như vậy rồi, họ gần gũi bạn lành, tu tập chính kiến, thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói mười hai bộ Kinh. Thấy có người thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói thì lòng họ sinh cung kính, thêm đem y thực, phòng xá, ngọa cụ, thuốc chữa bệnh, hương hoa đê cúng dường, khen ngợi, tôn trọng người đó. Đi đến chỗ người hành trì đó, người trí xưng nói cái thiện, chẳng nói sở đoản. Người có trí cúng dường Tam Bảo, kính tín Kinh Phương Đẳng Đại Niết Bàn, tin Như Lai thường hằng, không có biến dịch, tin tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Người này có thể khiến cho quả báo nặng ở địa ngục trở thành thọ nhẹ ở đời hiện tại. Nay thiện nam tử ! Do nghĩa này nên chẳng phải tất cả nghiệp đều có định quả, cũng chẳng phải tất cả chúng sinh định thọ.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ hai mươi chín hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 30

PHẨM THỨ HAI MƯƠI BA : BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

Phần thứ VI. - Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu tất cả nghiệp chẳng định được quả, tất cả chúng sinh đều có Phật tính mà cần phải tu tập tám Thánh đạo thì vì nhân duyên gì tất cả chúng sinh đều chẳng thể được Đại Bát Niết Bàn này ? Thưa đức Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sinh có Phật tính thì tức là sẽ quyết định được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cần gì tu tập tám Thánh đạo vậy ? Thưa đức Thế Tôn ! Như trong Kinh này nói, người có bệnh nếu được thuốc men và người xem bệnh theo bệnh cho uống thuốc, hoặc giả sử chẳng được như thế cũng đều trừ khỏi. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, hoặc gặp Thanh Văn, Bích Chi Phật, các đức Phật, Bồ tát và các thiện tri thức mà nghe nói pháp tu tập Thánh đạo, hoặc chẳng gặp, chẳng nghe, chẳng tu tập Thánh đạo đều sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao vậy ? Vì do Phật tính vậy. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như vậy mặt trời, mặt trăng không gì có thể ngăn khiến cho chẳng được đến ven sườn núi Át Đa, nước bốn dòng sông lớn chẳng đến biển cả, nhất xiển đề.v.v.. chẳng đến địa ngục. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, không gì có thể ngăn khiến cho chẳng được đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao vậy ? Vì do Phật tính vậy. Thưa đức Thế Tôn ! Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh chẳng cần tu Thánh đạo. Dọ lực Phật tính nên ứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chứ chẳng do sức tu tập Thánh đạo vậy. Thưa đức Thế Tôn ! Nếu nhất xiển đề phạm bốn trọng cấm, tội ngũ nghịch.v.v... chẳng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì cần phải tu tập. Do nhân Phật tính quyết định sẽ được, chẳng phải nhân tu tập, nhân hậu mới được vậy. Thưa đức Thế Tôn ! Ví như Từ thạch (đá có từ tính) khử sắt. Tuy ở xa nhưng do lực của đá ấy nên sắt bị cuốn hút theo. Phật tính của chúng sinh cũng lại như vậy. Vậy nên chẳng cần siêng tu tập Thánh đạo.

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Như bên bờ sông Hằng có bảy thứ người, hoặc vì tắm gội, sợ sệt khấu tặc, hoặc vì hái hoa nên vào trong dòng sông ấy. Người thứ nhất vào nước thì chìm mất. Vì sao vậy ? Vì yếu đuối không thể lực, chẳng tập bơi nổi. Người thứ hai tuy chìm nhưng ra trở lại, ra rồi lại chìm mất. Vì sao vậy ? Vì thân lực lớn nên có thể trở lại nhưng chẳng tập bơi nổi nên ra rồi chìm trở lại. Người thứ ba chìm rồi liền ra, ra lại chẳng chìm mất. Vì sao vậy ? Vì thân nặng nên chìm mà lực lớn nên ra và trước có tập bơi nổi nên rồi liền trụ. Người thứ tư thì vào rồi liền chìm, chìm rồi trở lại ra, ra rồi liền trụ và quan sát khắp bốn phương. Vì sao vậy ? Vì nặng nên chìm, lực lớn nên ra trở lại, tập bơi nổi nên trụ, chẳng biết chỗ ra nên quan sát bốn phương. Người thứ năm thì vào rồi liền chìm, chìm rồi liền ra trở lại, ra rồi liền trụ, trụ rồi quan sát bốn phương, quan sát rồi liền đi. Vì sao vậy ? Vì kinh sợ vậy. Người thứ sáu thì vào rồi liền đi đến chỗ cạn mà trụ. Vì sao vậy ? Vì xem thấy giặc gần hay xa. Người thứ bảy thì đã đi đến bờ kia, leo lên ngọn núi lớn, không kinh sợ nữa, lìa khỏi các giặc dữ, hưởng thọ khoái lạc lớn. Này thiện nam tử ! Dòng sông lớn sinh tử cũng lại như vậy, có bảy thứ người sợ giặc phiền não nên phát khởi ý muốn qua khỏi dòng sông lớn sinh tử, xuất gia, cạo tóc, thân mặc pháp phục. Đã xuất gia rồi mà họ còn gần gũi bạn ác, thuận theo lời dạy của chúng, thính thọ tà pháp như cho là thân chúng sinh tức là năm ấm, năm ấm thì gọi là năm đại. Chúng sinh nếu chết là đoạn dứt vĩnh viễn năm đại. Đã đoạn dứt năm đại rồi thì vì sao cần tu tập các nghiệp thiện, ác ? Vậy nên phải biết không có thiện ác và quả báo thiện ác. Như vậy thì gọi là nhất xiển đề. Nhất xiển đề thì gọi là đoạn thiện căn mà đoạn thiện căn nên chìm vào dòng sông sinh tử, chẳng thể được ra. Vì sao vậy ? Vì nghiệp ác nặng, không có tín lực giống như người thứ nhất bên bờ sông Hằng vậy. Này thiện nam tử ! Bọn nhất xiển đề có sáu nhân duyên chìm vào ba đường ác, chẳng thể được ra. Những gì là sáu ? Một là lòng ác hừng hực, hai là chẳng thấy đời sau, ba là ưa quen phiền não, bốn là xa lìa thiện căn, năm là nghiệp ác ngăn cách, sáu là gần gũi ác tri thức.

Lại có năm việc chìm vào ba đường ác. Những gì là năm ? Một là ở bên Tỳkheo làm việc phi pháp. Hai là ở bên Tỳkheo ni làm việc phi pháp. Ba là tự tại sử dụng vật của Tăng. Bốn là ở bên mẹ làm việc phi pháp. Năm là đối với năm bộ Tăng đáp đối phát sinh thị phi (phái trái).

Lại có năm việc chìm vào ba đường ác. Những gì là năm ? Một là thường nói không quả báo thiện ác. Hai là giết hại chúng sinh phát tâm Bồ Đề. Ba là ưa nói lỗi lầm của pháp sư. Bốn là pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp. Năm là vì tìm cầu lỗi của pháp mà thính thọ.

Lại có ba việc chìm vào ba đường ác. Những gì là ba ? Một là gọi Như Lai vô thường, diệt vĩnh viễn. Hai là chánh pháp vô thường biến đổi. Ba là Tăng bảo có thể hoại diệt. Vậy nên họ thường chìm trong ba đường ác. Người thứ hai phát ý muốn qua khỏi dòng sông lớn sinh tử mà đoạn thiện căn nên chìm mất chẳng thể ra. Sở dĩ nói rằng ra là nói gần gũi bạn lành thì được tín tâm. Người tín tâm là người tin Bồ thí và quả báo của Bồ thí, tin thiện và quả báo của thiện, tin ác và quả báo của ác, tin sinh tử, khổ, vô thường, bại hoại. Đó gọi là tin. Đã được tín tâm, tu tập tịnh giới, thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói, thường làm Bồ thí, khéo tu trí tuệ nhưng do độn căn nên lại gặp bạn ác, chẳng thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ, thính thọ tà pháp, hoặc gặp lúc ác, ở đất nước ác, đoạn dứt các căn lành mà đoạn căn lành nên thường chìm vào sinh tử như người thứ hai bên bờ sông Hằng. Người thứ ba phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử mà đoạn căn lành nên chìm đắm ở trong đó. Gần gũi bạn lành thì được gọi là ra. Tin Như Lai chính là Nhất Thiết Trí thường hằng không biến đổi, vì chúng sinh nên nói đạo Vô thường, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, Như Lai chẳng phải diệt, Pháp, Tăng cũng vậy, không có diệt hoại, nhất xiển đề chẳng đoạn pháp ấy nhất định chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cần phải xa lìa thì nhiên hậu mới được. Do tín tâm nên tu tập tịnh giới, tu tịnh giới rồi thì thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói mười hai bộ kinh, vì các chúng sinh tuyên dương lưu bố rộng rãi, ưa thích Bồ thí, tu tập trí tuệ. Do lợi căn nên trụ vững ở tín tuệ, lòng không thoái chuyển như người thứ ba bên bờ sông Hằng. Người thứ tư là người phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử mà đoạn thiện căn nên chìm đắm ở trong đó, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm thì đó gọi là xuất (ra). Được tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói mười hai bộ kinh, vì chúng sinh nên tuyên dương lưu bố rộng rãi, ưa làm Bồ thí, tu tập trí tuệ. Do lợi căn nên trụ vững ở tín tuệ, lòng không thoái chuyển người này quan sát khắp bốn phương, bốn phương là bốn quả Sa môn, như người thứ tư bên bờ sông Hằng. Người thứ năm là người phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử mà đoạn dứt thiện căn nên chìm đắm ở trong đó, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm, đó gọi là ra. Do tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói mười hai bộ Kinh, vì chúng sinh nên tuyên dương lưu bố rộng rãi. Người này ưa làm Bồ thí, tu tập trí tuệ, do lợi căn nên trụ vững ở tín tuệ, lòng không thoái chuyển. Không thoái chuyển rồi thì người này liền tiến tới trước. Người tiến tới trước gọi là Bích Chi Phật. Bích Chi Phật tuy có thể tự độ nhưng chẳng độ cả chúng sinh. Vậy nên gọi là đi (khứ) như người thứ năm bên bờ sông Hằng. Người thứ sáu là người phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử mà đoạn dứt thiện căn nên chìm đắm ở trong đó, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm. Được tín tâm nên gọi là ra.

Do tín tâm nên người đó thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói mười hai bộ Kinh, vì chúng sinh nên tuyên dương lưu bố rộng rãi. Người đó ưa làm bố thí, tu tập trí tuệ và do lợi căn nên trụ vững ở tín tuệ, lòng không thoái chuyển. Không thoái chuyển rồi thì liền lại tiến tới trước đến chỗ cạn, đến chỗ cạn rồi liền trụ lại chẳng đi. Người trụ lại chẳng đi gọi là Bồ tát. Bồ tát vì muốn độ thoát các chúng sinh nên trụ lại quan sát phiền não như người thứ sáu bên bờ sông Hằng. Người thứ bảy là người phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử mà đoạn dứt thiện căn nên chìm đắm trong đó, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm. Được tín tâm rồi thì đó gọi là ra. Do có tín tâm nên người đó thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói mười hai bộ Kinh và vì chúng sinh nên tuyên dương lưu bố rộng rãi. Người đó ưa bố thí, tu tập trí tuệ và do lợi căn nên trụ vững ở tín tuệ, lòng không thoái chuyển, không thoái chuyển rồi liền tiến tới trước, đã tiến tới trước rồi thì được đến bờ kia, leo lên núi cao, lìa khỏi các sợ hãi, thọ nhiều an vui. Đây thiện nam tử ! Núi bờ kia là dụ cho Như Lai, thọ an lạc là dụ cho Phật thường trụ, núi cao lớn là dụ cho Đại Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Những người như vậy ở bên bờ sông Hằng này đều đủ tay chân mà chẳng thể vượt qua, tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, thật có Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, Như Lai thường nói yếu nghĩa các pháp, có tám Thánh đạo, Đại Bát Niết Bàn mà chúng sinh đều chẳng thể được. Đây chẳng phải lỗi của ta, cũng chẳng phải lỗi của Thánh đạo và chúng sinh mà phải biết đều chính là tội ác của phiền não. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh chẳng được Niết Bàn. Đây thiện nam tử ! Ví như vị lương y biết bệnh cho thuốc, còn người bệnh chẳng uống thì chẳng phải lỗi của thầy thuốc. Đây thiện nam tử ! Như có vị thí chủ đem sở hữu của mình thí cho tất cả mọi người mà có người chẳng nhận thì chẳng phải lỗi của thí chủ. Đây thiện nam tử ! Ví như mặt trời mọc mọi u tối đều sáng mà người mù lòa chẳng thấy đường đi thì chẳng phải lỗi của mặt trời. Đây thiện nam tử ! Như nước sông Hằng có thể trừ được khát thiếu mà người khát chẳng uống thì chẳng phải lỗi của nước. Đây thiện nam tử ! Ví như đại địa khắp sinh ra quả trái bình đẳng không hai nhưng nông dân chẳng gieo trồng thì chẳng phải lỗi của đất. Đây thiện nam tử ! Như Lai khắp vì tất cả chúng sinh mở rộng, phân biệt mười hai bộ Kinh mà chúng sinh chẳng thọ nhận thì chẳng phải lỗi của Như Lai.

Này thiện nam tử ! Nếu tu đạo thì liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây thiện nam tử ! Ông nói rằng, chúng sinh đều có Phật tính nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác như đá có từ tính thì hay thay ! Hay thay ! Do có lực nhân duyên Phật tính nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu nói rằng chẳng cần tu Thánh đạo thì nghĩa này chẳng đúng ! Đây thiện nam tử ! Ví như có người khát nước gặp được

giếng. Giếng ấy rất sâu, tuy chẳng thấy nước, nhưng nhất định là có. Người này phương tiện tìm kiếm, dùng dây buộc vào lọ mà mức lấy nước thì thấy có nước. Phật tính cũng vậy, tất cả chúng sinh tuy lại đều có nhưng cần phải tu tập đạo Thánh vô lậu rồi nhiên hậu mới được thấy. Nay thiện nam tử ! Như có hạt mè thì được thấy có dầu, nhưng nếu lia khỏi các phương tiện thì chẳng được thấy. Cây mía cũng vậy. Nay thiện nam tử ! Như cội Uất Đơn Việt ở phương Bắc của trời Ba mươi ba. Tuy đó là hữu pháp nhưng nếu không có đạo lực thần thông thiện nghiệp thì chẳng thể thấy. Như rễ cỏ trong đất và nước dưới đất vì đất phủ lên nên chúng sinh chẳng thể thấy. Phật tính cũng vậy, vì chẳng tu Thánh đạo nên chẳng được thấy. Nay thiện nam tử ! Như ông đã nói, ở đời có người bệnh nếu gặp lương y xem bệnh, thuốc tốt, tùy bệnh cho ăn uống và cả nếu chẳng gặp được vậy thì cũng đều được khỏi bệnh. Nay thiện nam tử ! Ta vì Bồ tát lục trụ mà nói nghĩa như vậy. Nay thiện nam tử ! Ví như hư không đối với các chúng sinh thì chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải trong ngoài nên cũng không ngăn ngại. Chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử ! Ví như có người mà của cải ở tại địa phương khác, tuy chẳng hiện tiền nhưng được tùy ý thọ dụng. Có người hỏi xin thì người đó nói rằng : Ta hứa! Vì sao vậy ? Vì nhất định có. Chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy, chẳng phải đây, chẳng phải đó mà do nhất định được nên nói rằng, tất cả đều có. Nay thiện nam tử ! Ví như chúng sinh tạo tác các nghiệp hoặc thiện, hoặc ác, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Như vậy tính của nghiệp chẳng phải có, chẳng phải không, cũng lại chẳng phải là vốn không mà nay có, chẳng phải không nhân sinh ra, chẳng phải đây làm đây chịu, đây làm đó chịu, đó làm đó chịu, không làm, không chịu, thời tiết hòa hợp mà được quả báo. Chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy, cũng lại chẳng phải chính là vốn không mà nay có, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải đây, chẳng phải đó, chẳng phải chỗ khác lại, chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng phải tất cả chúng sinh chẳng thấy. Có các Bồ tát mà thời tiết, nhân duyên hòa hợp thì được thấy. Thời tiết là nói các Đại Bồ tát Thập Trụ tu tám Thánh đạo, đối với các chúng sinh được tâm bình đẳng mà bấy giờ được thấy thì chẳng gọi là tác (thọ tác). Nay thiện nam tử ! Ông nói rằng, như từ thạch thì nghĩa đó chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì đá chẳng hút sắt. Sở dĩ vì sao ? Vì không có tâm nghiệp vậy. Nay thiện nam tử ! Pháp khác có nên pháp khác sinh ra, pháp khác không nên pháp khác diệt hoại, không có người làm, không có kẻ hoại. Nay thiện nam tử ! Giống như lửa mạnh chẳng thể đốt cỏ (?). Lửa xuất hiện, cỏ hoại tan thì gọi là đốt cỏ. Nay thiện nam tử ! Ví như cây quì tiêu (một giống chuối hương theo mặt trời) theo mặt trời mà chuyển. Nhưng cây quì tiêu này cũng không có lòng cung kính, không thức, không nghiệp, do tính pháp khác mà tự hồi chuyển. Nay thiện nam tử ! Như

cây ba tiêu (cây chuối) nhân tiếng sấm mà tăng trưởng. Cây này không có tai, không tâm, ý, thức nhưng do pháp khác có nên pháp khác tăng trưởng, pháp khác không nên pháp khác hoại diệt. Đây thiện nam tử ! Như cây A thúc ca mà con gái sờ mó vào là hoa xuất hiện. Cây này không có tâm cũng không hay biết chạm xúc nhưng do pháp khác có nên pháp khác sinh ra, pháp khác không nên pháp khác hoại diệt. Đây thiện nam tử ! Như cây quất (quít) được xác chết thì trái nhiều thêm mà cây quất đó không tâm, không chạm xúc, nhưng do pháp khác có nên pháp khác nhiều thêm, pháp khác không nên pháp khác hoại diệt. Đây thiện nam tử ! Như cây An thạch lựu nhờ phân xương nên quả trái sum suê mà cây an thạch lựu cũng không tâm, không chạm xúc nhưng do pháp khác có nên pháp khác sinh ra, pháp khác không nên pháp khác diệt hoại. Đây thiện nam tử ! Từ thạch (đá có từ tính) hút sắt cũng lại như vậy, do pháp khác có nên pháp khác sinh ra, pháp khác không nên pháp khác diệt hoại. Chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy, chẳng thể hút được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây thiện nam tử ! Vô minh chẳng thể hút lấy các hành, hành cũng chẳng thể hút lấy thức; cũng được gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức. Pháp giới có Phật, không Phật thường trụ.

Này thiện nam tử ! Nếu nói Phật tính trụ ở trong chúng sinh thì, này thiện nam tử ! Thường pháp không trụ. Nếu có chỗ trụ tức là pháp vô thường. Đây thiện nam tử ! Như mười hai nhân duyên không định trụ xứ. Nếu có trụ xứ thì mười hai nhân duyên chẳng được gọi là Thường. Pháp thân của Như Lai cũng không trụ xứ. Pháp giới, pháp nhập, pháp âm, hư không đều không trụ xứ. Phật tính cũng vậy, đều không trụ xứ. Đây thiện nam tử ! Ví như lực của bốn đại tuy quân bình có cứng, có nóng, có ẩm ướt, có chuyên động, có nặng, có nhẹ, có đỏ, có trắng, có vàng, có đen mà bốn đại này cũng không có nghiệp nhưng do pháp giới khác nên đều chẳng tương tự. Phật tính cũng vậy, pháp giới khác nên thời đến thì hiện ra. Đây thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh chẳng thoái Phật tính nên gọi đó là có. A tỳ bạt chí (bất thoái chuyển). Do phải có nên quyết được, quyết định sẽ thấy. Vậy nên gọi là tất cả chúng sinh đều có Phật tính.

Này thiện nam tử ! Ví như có vị vua bảo một đại thần rằng : “Ông hãy dắt một con voi để cho người mù xem !”. Bấy giờ vị đại thần nhận sắc lệnh của vua rồi tập trung nhiều người mù, đem voi cho họ xem. Lúc đó mọi người mù đều dùng tay sờ. Vị đại thần liền trở lại mà bạch với vua rằng : “Thần đã bày xong !”. Bấy giờ vị đại vương liền kêu những người mù mà hỏi từng người một rằng : “Người có thấy voi không vậy ?”. Những người mù đều đáp rằng : “Tôi đã được thấy !” Nhà vua nói : “Voi là loại gì ?”.

Người sờ ngà voi liền nói rằng : “Hình voi như rễ cây Lai phục (?)”. Người sờ tai voi thì nói rằng : “Voi như cái sàng”. Người sờ đầu thì nói rằng : “Voi như hòn đá”. Người sờ mũi voi thì nói rằng : “Voi như cái chày !” Người sờ chân voi thì nói rằng : “Voi như cái cối bằng gỗ !”. Người sờ sống lưng voi thì nói rằng : “Voi như cái giường !”. Người sờ bụng voi thì nói rằng : “Voi như cái vò !” Người sờ đuôi voi thì nói rằng : “Voi như sợi dây!”. Đây thiện nam tử ! Như những người mù kia chẳng nói hình thể con voi cũng chẳng phải chẳng nói. Nếu mọi tướng này đều chẳng phải con voi thì bỏ ngoài những tướng đó lại không có con voi khác. Đây thiện nam tử ! Vua dụ cho Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Thần dụ cho Kinh Phương Đẳng Đại Niết Bàn. Voi dụ cho Phật tính. Người mù dụ cho tất cả chúng sinh vô minh. Những chúng sinh này nghe Phật nói rồi, hoặc nói rằng : “Sắc chính là Phật tính ! Vì sao vậy ? Vì sắc này tuy diệt nhưng thứ lớp nối tiếp nhau. Vậy nên thu hoạch được ba mươi tướng của Như Lai Vô Thượng, sắc của Như Lai thường. Sắc của Như Lai thường thì chẳng đoạn. Vậy nên nói sắc là Phật tính. Ví như chất vàng ròng tuy biến đổi nhưng sắc thường chẳng khác. Hoặc khi làm xuyên, làm thoa cài tóc, làm chậu tắm... nhưng màu vàng ấy vẫn như ban đầu không biến đổi. Chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy, chất tuy vô thường nhưng mà sắc là thường. Do vậy nên nói sắc là Phật tính”. Hoặc có người nói rằng : “Thọ là Phật tính. Vì sao vậy ? Vì thọ nhân duyên nên thu hoạch được niềm vui chân thật của Như Lai. Như Lai thọ nghĩa là rốt ráo thọ, Đệ nhất nghĩa thọ. Thọ của chúng sinh, tính tuy lại vô thường nhưng thọ ấy theo thứ lớp nối tiếp nhau chẳng dứt. Vậy nên thu hoạch được thọ thường hằng của Như Lai. Ví như có người họ Kiều Thi Ca. Người tuy vô thường mà dòng họ là thường, dù trải qua ngàn vạn đời cũng không có thay đổi. Chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy. Do vậy nên nói Thọ là Phật tính”. Lại có người nói rằng : “Tướng chính là Phật tính. Vì sao vậy ? Vì Tướng nhân duyên nên thu hoạch được tướng chân thật của Như Lai. Như Lai tướng là gọi tướng vô tướng. Tướng vô tướng thì chẳng phải chúng sinh tướng, chẳng phải nam nữ tướng, cũng chẳng phải sắc thọ tướng hành thức tướng, chẳng phải tướng đoạn tướng. Tướng của chúng sinh tuy lại vô thường nhưng do tướng theo thứ lớp nối tiếp nhau chẳng dứt nên được tướng thường hằng của Như Lai. Đây thiện nam tử ! Ví như mười hai nhân duyên của chúng sinh. Chúng sinh tuy diệt mà nhân duyên thì thường. Chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy. Do vậy nên nói Tướng là Phật tính”. Lại có người nói rằng : “Hành là Phật tính. Vì sao vậy ? Vì hành gọi là thọ mạng mà do thọ mạng nhân duyên nên thu hoạch được thọ mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng của chúng sinh tuy vô thường nhưng mà thọ mạng theo thứ lớp nối tiếp nhau chẳng dứt nên được thọ mạng thường hằng chân thật của Như Lai”. Đây thiện nam tử ! Ví như mười hai bộ kinh mà người

nghe nói kinh thì tuy lại vô thường nhưng kinh điển đó lại thường tồn bất biến. Chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy. Do vậy nên nói Hành là Phật tính. Lại có người nói rằng : “Thức là Phật tính. Do Thức nhân duyên nên thu hoạch được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sinh tuy lại vô thường nhưng mà thức theo thứ lớp nối tiếp nhau nên được tâm thường hằng chân thật của Như Lai. Như tính nóng của lửa, lửa tuy vô thường nhưng nóng chẳng phải vô thường. Chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy. Do vậy nên nói thức là Phật tính”. Lại có người nói rằng : “Lìa khỏi ám thì có ngã. Ngã chính là Phật tính. Vì sao vậy ? Vì ngã nhân duyên nên thu hoạch được tám tự tại tại ngã của Như Lai”. Có các ngoại đạo nói rằng : “Đi lại, nghe thấy, buồn vui, nói năng... là ngã. Như vậy tướng của ngã tuy lại vô thường nhưng mà chân thật ngã của Như Lai là thường. Này thiện nam tử ! Như âm, nhập, giới tuy lại là vô thường mà gọi là thường. Chúng sinh Phật tính cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Như những người mù kia, mỗi mỗi đều nói về voi, tuy chẳng được chân thật nhưng chẳng phải chẳng nói về voi. Người nói về Phật tính cũng lại như vậy, chẳng phải tức là sáu pháp, chẳng lìa khỏi sáu pháp. Này thiện nam tử ! Vậy nên ta nói Phật tính của chúng sinh chẳng phải sắc, chẳng lìa khỏi sắc... cho đến chẳng phải ngã, chẳng lìa khỏi ngã. Này thiện nam tử ! Có các ngoại đạo tuy nói có ngã mà thật không có ngã. Ngã của chúng sinh tức chính là năm ấm mà bỏ ngoài năm ấm lại không có ngã khác. Này thiện nam tử ! Ví như thân cành, cánh hoa, tua hoa, đài hoa hợp làm hoa sen mà bỏ ngoài những yếu tố này lại không có hoa sen khác. Ngã của chúng sinh cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Ví như tường vách cỏ cây hòa hợp thì gọi đó là nhà mà bỏ ngoài những yếu tố đó lại không có nhà khác. Như cây Khư đà la, cây Ba la xa, cây Ni câu đà, cây Uất đàm bát... hòa hợp làm thành rừng mà bỏ ngoài những cây đó lại không có rừng khác. Ví như binh xa, binh tượng, binh mã, binh bộ hòa hợp làm quân đội mà bỏ ngoài những binh đó lại không có quân đội khác. Ví như năm màu dệt xen vào nhau hòa hợp gọi là lụa hoa mà bỏ ngoài năm màu đó lại không có lụa hoa khác. Như bốn dòng họ hòa hợp lại gọi là đại chúng mà bỏ ngoài bốn dòng đó lại không có đại chúng khác. Ngã của chúng sinh cũng lại như vậy, bỏ ngoài năm ấm ra lại không có ngã khác. Này thiện nam tử ! Như Lai thường trụ thì gọi là Ngã. Pháp thân của Như Lai vô biên, vô ngại, chẳng sinh, chẳng diệt, được tám tự tại thì đó gọi là Ngã. Chúng sinh chân thật không có ngã và cả ngã sở như vậy. Chỉ vì chúng sinh nhất định sẽ được rốt ráo Đệ nhất nghĩa không nên gọi là Phật tính.

Này thiện nam tử ! Đại từ đại bi gọi là Phật tính. Vì sao vậy ? Vì đại từ đại bi thường theo Bồ tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sinh nhất định sẽ được đại từ đại bi nên nói rằng; tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Đại từ

đại bi gọi là Phật tính mà Phật tính thì gọi là Như Lai. Đại hỷ đại xả gọi là Phật tính. Vì sao vậy ? Vì Đại Bồ tát nếu chẳng thể xả bỏ hai mươi lăm cõi hữu thì chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà vì các chúng sinh nhất định sẽ được nên nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Đại hỷ đại xả tức là Phật tính mà Phật tính tức là Như Lai. Phật tính là gọi đại tín tâm. Vì sao vậy ? Vì tín tâm nên Đại Bồ tát có thể đầy đủ Đản Ba la mật... Bát nhã Ba la mật mà tất cả chúng sinh nhất định sẽ được đại tín tâm. Vậy nên nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Đại tín tâm tức là Phật tính mà Phật tính tức chính là Như Lai. Phật tính là gọi Nhất tử địa (địa vị con một). Vì sao vậy ? Vì do Nhất tử địa nhân duyên nên Bồ tát đối với tất cả chúng sinh được tâm bình đẳng. Tất cả chúng sinh nhất định sẽ được Nhất tử địa. Vậy nên nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính mà Phật tính thì tức là Như Lai. Phật tính là gọi Đệ tứ lực. Vì sao vậy ? Vì do Đệ tứ lực nhân duyên nên Bồ tát có thể giáo hóa chúng sinh. Tất cả chúng sinh nhất định sẽ được Đệ tứ lực. Vậy nên nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Đệ tứ lực tức là Phật tính mà Phật tính tức là Như Lai. Phật tính là gọi mười hai nhân duyên. Vì sao vậy ? Vì do nhân duyên nên Như Lai thường trụ. Tất cả chúng sinh nhất định có mười hai nhân duyên như vậy. Vậy nên nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Mười hai nhân duyên tức là Phật tính mà Phật tính tức là Như Lai. Phật tính là gọi bốn vô ngại trí. Do bốn vô ngại trí nhân duyên nên nói chữ, nghĩa không ngăn ngại. Chữ nghĩa không ngăn ngại, nên có thể giáo hóa chúng sinh. Bốn vô ngại trí tức là Phật tính mà Phật tính tức là Như Lai. Phật tính là gọi Đỉnh tam muội. Do tu Đỉnh tam muội như vậy nên có thể thống nhiếp tất cả Phật pháp. Vậy nên nói rằng, Đỉnh tam muội gọi là Phật tính. Bồ tát Thập Trụ tu tam muội này chưa được đầy đủ nên tuy thấy Phật nhưng mà chẳng sáng rõ. Tất cả chúng sinh nhất định được tam muội đó. Vậy nên nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Nay thiện nam tử ! Như nói ở trên, đủ thứ các pháp mà tất cả chúng sinh nhất định sẽ được. Vậy nên nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Nay thiện nam tử ! Ta nếu nói sắc chính là Phật tính thì chúng sinh nghe rồi liền sinh ra tà kiến điên đảo. Do tà đảo nên mạng chung, họ phải sinh vào địa ngục A tỳ mà Như Lai nói pháp là vì họ đoạn địa ngục. Vậy nên Như Lai chẳng nói sắc chính là Phật tính... cho đến nói thức cũng lại như vậy.

Nay thiện nam tử ! Nếu các chúng sinh liễu ngộ Phật tính thì chẳng cần tu Đạo. Bồ tát Thập Trụ tu tám Thánh Đạo mà còn thấy ít Phật tính, huống là người chẳng mà được thấy ư ? Nay thiện nam tử ! Như các Bồ tát Văn Thù Sư Lợi.v.v.. đã vô lượng đời tu tập Thánh đạo mới rõ biết Phật tính thì làm sao Thanh Văn, Bích Chi Phật.v.v... lại có thể biết Phật tính. Nếu các

chúng sinh muốn được biết rõ ràng Phật tính thì nên phải một lòng thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi Kinh Niết Bàn này. Nếu thấy có người thọ trì... cho khen ngợi Kinh này như vậy thì nên phải dùng phòng nhà đẹp, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men chữa bệnh... mà cúng dường họ lại thêm khen ngợi, lễ bái, hỏi thăm họ. Đây thiện nam tử ! Nếu có người đã ở trong vô lượng vô biên đời quá khứ, gần gũi cúng dường vô lượng các đức Phật, gieo trồng sâu căn lành thì nhiên hậu mới được nghe tên của Kinh này. Đây thiện nam tử ! Phật tính chẳng thể nghĩ bàn ! Phật Pháp Tăng bảo cũng chẳng thể nghĩ bàn ! Tất cả chúng sinh đều có Phật tính mà chẳng thể biết. Đó cũng chẳng thể nghĩ bàn ! Pháp của Như Lai Thường Lạc Ngã Tịnh cũng chẳng thể nghĩ bàn ! Tất cả chúng sinh có thể tin Kinh Đại Niết Bàn như vậy cũng chẳng thể nghĩ bàn !

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, tất cả chúng sinh có thể tin Kinh Đại Niết Bàn như vậy chẳng thể nghĩ bàn ! Thưa đức Thế Tôn ! Trong đại chúng này có tám vạn năm ngàn ức người mà đối với Kinh này chẳng sinh lòng tin. Vậy nên có người có thể tin Kinh này thì gọi là chẳng thể nghĩ bàn !

- Đây thiện nam tử ! Đúng vậy ! Những người ở đời vị lai cũng sẽ nhất định được tin Kinh điển này, thấy được Phật tính, được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bồ tát Sư Tử Hống bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Làm sao Bồ tát bất thoái tự biết quyết định có tâm bất thoái ?

Đức Phật dạy rằng :

- Đây thiện nam tử ! Đại Bồ tát sẽ dùng khổ hạnh để tự thử thách lòng mình. Mỗi ngày ăn một hạt mè, trải qua một lần bảy ngày. Với hạt gạo nếp, hạt đậu xanh, hạt vừng, hạt gạo tẻ và cả đậu trắng cũng lại như vậy. Mỗi một lần bảy ngày khi ăn một hạt mè thì tác khởi suy nghĩ này : “Khổ hạnh như vậy đều không lợi ích. Việc không lợi ích mà còn có thể làm hưởng là việc có lợi ích mà sẽ chẳng làm ?” Đối với việc không lợi ích mà tâm có thể kham nhẫn chẳng thoái chẳng chuyển. Vậy nên nhất định được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những ngày như vậy khi tu khổ hạnh

thì tất cả da thịt tiêu giảm héo hắt, nhăn nheo như chặt cây sổng đặt vào giữa trưa nắng. Mắt người ấy hõm sâu như sao đáy giếng. Thịt hết, xương sườn bày ra như mái nhà cỏ mục nát; xương sổng nổi liền hiện ra đường chỉ khâu trùng lấp, chỗ ngồi như vết móng ngựa, muốn ngồi thì nằm phục xuống, muốn đứng dậy thì nằm lăn ra. Tuy thọ khổ không ích lợi như vậy nhưng hành giả chẳng thoái tâm Bồ Đề. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát vì phá mọi khổ, ban an vui nên thậm chí có thể xả bỏ tài vật trong ngoài và thân mạng của mình như rom cỏ. Nếu có thể chẳng tiếc thân mạng này thì như vậy Bồ tát tự biết nhất định có tâm bất thoái, Bồ tát nhất định sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, Bồ tát vì nhân duyên pháp mà khoét thân làm đèn rồi thu thập da thịt, dầu mỡ rót vào đó đốt cháy lên làm bắc đèn. Bồ tát lúc bấy giờ, chịu khổ lớn này mà tự quở trách lòng mình nói lên rằng : “Khổ như vậy so với khổ ở địa ngục trăm ngàn vạn phần còn chưa bằng một ! Người trong vô lượng trăm ngàn kiếp, thọ khổ nào lớn đều không lợi ích ! Người nếu chẳng thể thọ cái khổ nhẹ nhàng này thì làm sao mà có thể ở trong địa ngục cứu khổ cho chúng sinh”. Đại Bồ tát khi tác khởi sự quan sát này thì thân chẳng hay biết khổ, lòng ấy chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển. Bồ tát bấy giờ ứng tự biết sâu sắc rằng, ta nhất định sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này thiện nam tử ! Bồ tát, bấy giờ phiền não đầy đủ chưa có đoạn dứt thì vì pháp nhân duyên có thể đem đầu, mắt, tủy não, tay, chân, máu, thịt bố thí cho người, dùng đinh đóng vào thân, nhảy xuống từ núi cao ngất, gieo mình vào lửa đỏ. Bấy giờ, Bồ tát tuy thọ vô lượng những khổ như vậy mà lòng chẳng thoái, chẳng động chẳng chuyển. Bồ tát phải biết rằng, ta nay nhất định có tâm chẳng thoái chẳng chuyển, sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Này thiện nam tử ! Đại Bồ tát vì phá phiền não của tất cả chúng sinh nên nguyện làm thân loài súc sinh to lớn, đem máu thịt bố thí cho chúng sinh mà khi chúng sinh nhận lấy lại sinh lòng thương xót. Bấy giờ, Bồ tát nín hơi chẳng thở thị hiện làm tướng chết khiến cho những người lấy máu thịt đó chẳng sinh tư tưởng nghi ngờ giết hại. Bồ tát tuy thọ thân súc sinh nhưng nhất định chẳng tạo tác nghiệp súc sinh. Vì sao vậy ? Này thiện nam tử ! Vì Bồ tát đã được tâm bất thoái rồi thì nhất định chẳng tạo tác nghiệp ba đường ác. Đại Bồ tát, nếu đời vị lai có quả báo nghiệp ác nhỏ như vi trần thì chẳng quyết định thọ. Nhưng do lực đại nguyện, vì chúng sinh mà đều thọ hết. Ví như người bệnh bị quỷ ả nấu ở trong thân. Do lực thần chú nên nó tức thời hiện tướng. Hoặc nói năng, hoặc mừng, hoặc giận, hoặc mắng chửi, hoặc kêu gào, hoặc khóc lóc... Nghiệp ba đường ác đời vị lai của Đại Bồ tát cũng lại như vậy. Khi Đại Bồ tát thọ thân loài gấu thường vì chúng sinh diễn nói chánh pháp. Hoặc thọ thân chim Ca tân xà la vì các chúng sinh nói chánh pháp. Hoặc thọ thân Cù đà, thân nai, thân thỏ, thân voi, thân dê, thân vượn, thân bò câu trắng, thân

chim cánh vàng, thân rồng, thân rắn.v.v... Khi Bồ tát thọ những thân súc sinh như vậy thì nhất định chẳng tạo tác nghiệp ác súc sinh mà còn thường vì chúng sinh của những loài súc sinh còn lại kia diễn nói chính pháp khiến cho những chúng sinh đó mau được chuyển khỏi thân súc sinh. Bây giờ, Bồ tát tuy thọ thân súc sinh nhưng chẳng tạo tác ác nghiệp thì phải biết là Bồ tát nhất định có tâm bất thoái. Đại Bồ tát ở vào đời đối kém, thấy chúng sinh đối, thì hiện làm thân rùa, cá to lớn vô lượng do tuần. Bồ tát lại phát nguyện rằng : “Nguyện cho các chúng sinh khi lấy thịt của ta thì lấy tùy ý theo sự sống của mình và nhân ăn thịt của ta được lia khỏi nỗi khổ đói khát, tất cả đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Bồ tát lại phát nguyện : “Nếu có người nhân ăn thịt của ta được lia khỏi đói khát thì đời vị lai mau chóng được lia khỏi khổ hoạn đói khát của hai mươi lăm cõi hữu”. Đại Bồ tát thọ khổ như vậy mà lòng chẳng thoái thì phải biết Bồ tát nhất định được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, Bồ tát ở vào đời dịch bệnh, thấy bệnh khổ thì suy nghĩ như vậy : “Như vua cây thuốc, nếu có người bệnh lấy rễ, lấy thân, lấy cành, lấy lá, lấy hoa, lấy quả, lấy da, (vỏ cây), lấy phần ngoài của da... mà uống đều được khỏi bệnh. Nguyện thân này của ta cũng lại như vậy. Nếu có người bệnh nghe tiếng, chạm vào thân, ăn uống máu thịt... cho đến xương tủy của ta thì bệnh đều trừ khỏi. Nguyện cho các chúng sinh khi ăn thịt của ta thì chẳng sinh lòng ác như ăn thịt con”. Ta trị bệnh cho họ rồi thường vì họ nói pháp, nguyện cho họ tín thọ, tư duy, chuyển hóa. Lại nữa, này thiện nam tử ! Bồ tát đầy đủ phiền não, tuy thọ thân khổ nhưng tâm của Bồ tát chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển thì phải biết Bồ tát nhất định được tâm bất thoái, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, này thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh bị bệnh quỷ ám. Bồ tát thấy rồi liền nói rằng : “Nguyện làm thân quỷ, thân lớn, thân khỏe mạnh, thân nhiều quyền thuộc... khiến cho người bệnh kia nghe thấy thì bệnh được trừ khỏi”. Đại Bồ tát vì chúng sinh nên siêng tu khổ hạnh, tuy có phiền não nhưng ô nhiễm lòng Bồ tát. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát tuy lại tu hành sáu Ba la mật nhưng cũng lại chẳng cầu quả báo lục độ. Khi Bồ tát tu hành sáu Ba la mật vô thượng thì phát nguyện rằng : “Ta nay dùng sáu Ba la mật này thi hành với tất cả chúng sinh. Mỗi một chúng sinh thọ nhận sự thi hành của ta rồi đều khiến cho được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ta cũng tự vì sáu Ba la mật, siêng tu khổ hạnh, thọ các khổ não. Khi phải thọ khổ thì nguyện cho ta chẳng thoái tâm Bồ Đề. Này thiện nam tử ! Khi Đại Bồ tát phát nguyện này thì đó gọi là tướng Bồ Đề Bất Thoái.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát chẳng thể nghĩ bàn ! Vì sao vậy ? Vì Đại Bồ tát biết sâu nhiều những tội lỗi của sinh tử, quan sát Đại Niết Bàn có công đức lớn mà vì chúng sinh nên ở tại sinh tử, chịu đủ thứ

khổ, lòng không thoái chuyển. Đó gọi là Bồ tát chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, này thiện nam tử ! Đại Bồ tát không có nhân duyên mà sinh lên trần, thật chẳng thọ ân mà thường thi ân, tuy thường thi ân mà chẳng cầu đền đáp (báo). Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, này thiện nam tử ! Hoặc có chúng sinh vì sự lợi ích của mình mà tu các hạnh khổ, còn Đại Bồ tát vì lợi người khác nên tu hành khổ hạnh. Đó gọi là tự lợi (của Bồ tát). Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ tát đầy đủ phiền não, nhưng vì phá hoại sự thọ nhận những khổ não của kẻ oán, người thân nên tu tâm bình đẳng. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ tát nếu thấy các chúng sinh ác, bất thiện thì hoặc quở trách, hoặc nói lời dịu dàng, hoặc xua đuổi, hoặc buông bỏ... Người có tính ác thì hiện làm người nói lời dịu dàng. Người có tính kiêu mạn thì hiện làm người kiêu mạn mà kỳ thật bên trong lòng không kiêu mạn. Đó gọi là Bồ tát phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ tát đầy đủ phiền não khi ít của cải mà người đến cầu xin nhiều nhưng lòng chẳng mong ít. Đó gọi là Bồ tát chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ tát ở vào lúc Phật ra đời, biết công đức của Phật. Nhưng vì chúng sinh nên ở chỗ không có Phật, thọ thân nơi biên địa như mù, như điếc, như thọt, như què... Đó gọi là Bồ tát chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ tát biết sâu tội lỗi sở hữu của chúng sinh nhưng vì độ thoát họ nên thường cùng hành động chung. Bồ tát tuy hành động theo ý họ nhưng tội cấu chẳng ô nhiễm. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ tát thấy biết rõ ràng, không có tướng chúng sinh không ô nhiễm phiền não, không đạo tu tập, lìa khỏi phiền não, tuy là Bồ Đề nhưng không hạnh Bồ Đề cũng không thành tựu hạnh Bồ Đề, không có người thọ khổ, người phá khổ mà có thể vì chúng sinh phá hoại. Khổ, hành hạnh Bồ Đề. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ tát thọ thân hậu biên ở trên trời Đâu Suất thì đó cũng gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy ? Vì trời Đâu Suất Đà là cõi tối thấp trong Dục giới. Người ở trời dưới thì lòng họ buông lung. Người ở trời trên thì các căn ám độn. Vậy nên gọi là thấp. Tu thí, tu giới thì được thọ thân trời trên, trời dưới. Tu Thí Giới Định thì được thân trời Đâu Suất. Tất cả Bồ tát hủy báng các hữu, phá hoại các hữu, nhất định chẳng tạo tác nghiệp của trời Đâu Suất để thọ thân của cõi trời đó. Vì sao vậy ? Vì Bồ tát, nếu ở các cõi hữu còn lại ấy thì cũng có thể giáo hóa thành tựu chúng sinh. Bồ tát chân thật không có dục tâm mà sinh ra ở Dục giới. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ tát sinh lên trời Đâu Suất có ba việc thù thắng : Một là mạng, hai là sắc, ba là danh. Đại Bồ tát chân thật chẳng cầu lấy mạng, sắc và danh xưng. Tuy lòng Bồ tát không cầu mà sở đắc thắng hơn. Đại Bồ tát ưa thích Niết Bàn sâu sắc nhưng có nhân duyên cũng thắng hơn. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ tát có ba việc

như vậy tuy thắng hơn các trời mà các trời ở chỗ Bồ tát nhất định chẳng sinh ra lòng sân giận, lòng ganh ghét, lòng kiêu mạn mà thường sinh ra lòng vui mừng. Bồ tát đối với các trời cũng chẳng kiêu mạn. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ tát chẳng tạo tác mạng nghiệp mà đối với các trời kia thọ mạng rất ráo. Đó gọi là mạng thắng (thọ mạng ngắn hơn). Bồ tát cũng không sắc nghiệp mà thân diệu sắc sáng ngời đầy khắp. Đó gọi là sắc thắng. Đại Bồ tát ở cung trời kia chẳng ưa ngũ dục mà chỉ vì việc pháp. Vậy nên danh xưng tràn đầy mười phương. Đó gọi là danh thắng. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ tát xuống trời Đâu Suất thì khi đó đại địa chấn động sáu thứ. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy ? Vì Bồ tát khi xuống cõi Dục cõi Sắc thì chư thiên đều đến hầu đưa tiễn, phát ra âm thanh lớn khen ngợi Bồ tát. Do hơi gió trong miệng nên khiến cho đất rung động. Lại có Bồ tát là chúa voi trong loài người. Chúa voi trong loài người gọi là Long vương. Long vương khi bắt đầu vào thai thì có các Long vương ở bên dưới đất này, hoặc sợ, hoặc thức dậy nên đại địa chấn động sáu thứ. Vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ tát biết khi vào thai, khi trụ thai, khi sinh ra, biết cha, biết mẹ chẳng sạch, chẳng ô nhiễm như châu báu màu xanh trên tóc Đế Thích. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn cũng lại như vậy, chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam tử ! Ví như biển lớn có tám điều chẳng nghĩ bàn. Những gì là tám ? Một là dần dần trở nên sâu. Hai là sâu khó lần được đáy. Ba là đồng một vị mặn. Bốn là nước triều chẳng quá giới hạn. Năm là đủ thứ bảo tàng. Sáu là chúng sinh thân lớn cư trú ở trong đó. Bảy là chẳng chứa chấp thay chết. Tám là tất cả muôn dòng nước, mưa lớn... trút vào trong đó mà chẳng tăng, chẳng giảm. Này thiện nam tử ! Dần dần trở thành sâu có ba việc. Những gì là ba ? Một là phước lực của chúng sinh, hai là thuận gió mà đi, ba là nước sông vào... cho đến việc chẳng tăng chẳng giảm cũng đều có ba việc. Kinh điển Đại Niết Bàn vì diệu này cũng lại như vậy, có tám điều chẳng thể nghĩ bàn. Một là dần dần sâu như là năm giới, mười giới, hai trăm năm mươi giới, Bồ tát giới... như là quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, quả Bích Chi Phật, quả Bồ tát, quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác... kinh Niết Bàn này nói những pháp đó. Đó gọi là sâu dần dần. Vậy nên Kinh này gọi là sâu dần dần. Hai là sâu khó lần được đáy : Như Lai Thế Tôn chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng chuyển pháp luân, chẳng ăn, chẳng thọ, chẳng làm huệ thí (bố thí). Vậy nên gọi là Thường Lạc Ngã Tịnh. Tất cả chúng sinh đều có Phật tính. Phật tính chẳng phải là sắc, chẳng lìa khỏi sắc, chẳng phải thọ, tướng, hành, thức... cho đến chẳng lìa khỏi... thức là thường có thể thấy rõ nhân, chẳng phải tác nhân. Tu đà hoàn... cho đến Bích Chi Phật sẽ được Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không phiền não, cũng không trụ xứ, tuy không có phiền não nhưng chẳng gọi là Thường. Vậy nên gọi là sâu. Lại có chỗ rất sâu ở trong Kinh này. Hoặc khi nói Ngã hoặc nói Vô Ngã, hoặc khi nói Thường hoặc nói Vô thường, hoặc khi nói Tịnh hoặc nói bất tịnh, hoặc khi nói vui hoặc nói khổ, hoặc khi nói không hoặc nói chẳng không, hoặc nói tất cả có, hoặc nói tất cả không, hoặc nói ba thừa, hoặc nói một thừa, hoặc nói năm ấm tức là Phật tính, Kim Cương tam muội và cả trung đạo, Thủ Lăng Nghiêm tam muội, mười hai nhân duyên, Đệ nhất nghĩa không, từ bi bình đẳng với các chúng sinh, đỉnh trí, tín tâm, biết các căn, lực, trong tất cả pháp trí không ngăn ngại, tuy có Phật tính nhưng chẳng nói quyết định. Vậy nên gọi là sâu. Ba là một vị : tất cả chúng sinh đồng có Phật tính, đều đồng một thừa, đồng một giải thoát, một nhân một quả, đồng một cam lộ. Tất cả sẽ được Thường Lạc Ngã Tịnh. Đó gọi là một vị. Bốn là nước triều chẳng quá giới hạn : Như trong Kinh này hạn chế các Tỳkheo chẳng được nhận nuôi chứa tám vật bất tịnh. Nếu đệ tử của ta có thể thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giải nói, phân biệt Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này thì thà mất thân mạng chớ nhất định chẳng hủy phạm Kinh đó. Đó gọi là nước triều chẳng quá giới hạn. Năm là có đủ thứ bảo tàng. Kinh này tức là vô lượng bảo tàng. Nói là báu là gọi bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn Như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phận, tám Thánh đạo phận, hạnh anh nhi (trẻ con), hạnh Thánh, hạnh Phạm, hạnh Trời, các thiện phương tiện, Phật tính của chúng sinh, công đức của Bồ tát, công đức của Như Lai công đức của Thanh Văn, công đức của Duyên Giác, sáu Ba la mật, vô lượng tam muội, vô lượng trí tuệ. Đó gọi là bảo tàng. Sáu là chỗ cư trú của chúng sinh thân lớn. Chúng sinh thân lớn là gọi Phật, Bồ tát. Vì Phật, Bồ tát có trí tuệ lớn nên gọi là chúng sinh lớn. (Chúng sinh lớn thì) có thân lớn, tâm lớn, trang nghiêm lớn, điều phục lớn, phương tiện lớn, nói pháp lớn, thế lực lớn, đồ chúng lớn, thần thông lớn, từ bi lớn, thường hằng chẳng biến đổi, tất cả chúng sinh không ngăn ngại, dung thọ tất cả các chúng sinh. Đó gọi là chỗ cư trú của chúng sinh thân lớn. Bảy là chẳng chứa chấp thân chết. Thân chết là gọi Nhất xiển đề, phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián, bài báng kinh Phương Đẳng, chẳng phải pháp nói là pháp, pháp nói chẳng phải pháp, thọ nhận nuôi chứa tám thứ vật bất tịnh, vật của Phật vật của Tăng mà sử dụng tùy ý, hoặc ở chỗ Tỳkheo, Tỳkheo ni làm việc phi pháp... Đó gọi là thân chết. Kinh Niết Bàn này liả khỏi những điều như vậy. Vậy nên gọi là chẳng chứa chấp thân chết. Tám là chẳng tăng, chẳng giảm : không bờ cõi nên không thi chung, chẳng phải sắc nên chẳng phải tác (làm), thường trụ nên chẳng sinh diệt, tất cả chúng sinh đều bình đẳng, tất cả pháp tính đồng một tính. Đó gọi là không tăng giảm. Vậy nên Kinh này như biển cả kia, có tám điều chẳng nghĩ bàn.

Bồ tát Sư Tử Hồng bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Nếu nói Như Lai chẳng sinh chẳng diệt là sâu thì tất cả chúng sinh có bốn loại sinh là noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh. Bốn loại sinh này trong loài người có đủ : Như Tỳkheo Thi Bà La, Tỳkheo Ưu Bà Thi Bà La, mẹ trưởng giả Di Ca La, mẹ trưởng giả Ni Câu Đà, mẹ trưởng giả Bán Xà La đều có năm trăm con đồng ở noãn sinh (sinh ra từ trứng) thì phải biết là trong loài người có sinh ra từ trứng. Thấp sinh thì như lời đức Phật nói, ta vào thuở xưa, khi làm Bồ tát từng làm vua sinh ra từ đỉnh đầu và làm vua sinh ra từ tay. Như hôm nay ngài nói, người con gái Am La Thọ, con gái Bất Đa Thọ thì phải biết trong loài người có thấp sinh (sinh ra từ âm ướt). Khi kiếp bắt đầu thì tất cả chúng sinh đều hóa sinh hết. Đức Như Lai Thế Tôn được tám tự tại, vì nhân duyên gì mà chẳng hóa sinh vậy ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Việc sinh ra làm bốn lối sinh của tất cả chúng sinh, người được Thánh pháp rồi chẳng được như vốn đã noãn sinh, thấp sinh. Nay thiện nam tử ! Ban đầu kiếp chúng sinh đều hóa sinh. Đang lúc ấy, Phật chẳng ra đời. Nay thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh khi gặp bệnh khổ cần thầy thuốc, cần thuốc mà lúc đầu kiếp chúng sinh đều hóa sinh, tuy có phiền não mà bệnh ấy chưa phát. Vậy nên Như Lai chẳng xuất hiện ở đời ấy. Đầu kiếp thân chúng sinh chẳng phải pháp khí. Vậy nên Như Lai chẳng xuất hiện ở đời ấy. Nay thiện nam tử ! Nghiệp sở hữu của Như Lai Thế Tôn thắng hơn các chúng sinh như là về chủng tính, quyền thuộc, cha mẹ. Do thù thắng nên phạm lời nói pháp của Như Lai mọi người đều tín thọ. Vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa sinh. Nay thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh thì cha tạo tác nghiệp con, con tạo tác nghiệp cha. Như Lai Thế Tôn nếu thọ hóa thân thì không cha mẹ. Nếu không cha mẹ thì làm sao có thể khiến cho tất cả chúng sinh tạo tác các nghiệp lành. Vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Nay thiện nam tử ! Trong chính pháp của Phật có hai thứ hộ, một là nội, hai là ngoại. Nội hộ là gọi cấm giới. Ngoại hộ là gọi thân tộc quyền thuộc. Nếu Phật Như Lai thọ hóa thân thì không ngoại hộ. Vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Nay thiện nam tử ! Có người ý vào dòng họ mà sinh kiêu mạn, Như Lai vì phá sự kiêu mạn như vậy nên sinh ở dòng họ tôn quý, chẳng thọ hóa thân. Nay thiện nam tử ! Như Lai Thế Tôn có cha mẹ chân thật. Cha tên là Tịnh Phạn, mẹ tên là Ma Da mà các chúng sinh còn nói là huyễn thì làm sao mà thọ thân hóa sinh ? Nếu thọ hóa thân thì làm sao được có xá lợi của thân vụn. Như Lai vì thêm phước đức cho chúng sinh nên làm vụn nát thân ấy để

cho họ cúng dường. Vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Tất cả các đức Phật đều không hóa sinh thì làm sao khiến một mình thọ hóa thân.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Sư Tử Hống chấp tay, quì dài, gối phải đặt xuống đất, dùng kệ khen đức Phật rằng :

Như Lai công đức tụ không lường

Con nay chẳng thể rộng tuyên nói

Nay vì chúng sinh diễn một phần

Nguyện xin thương xót cho con nói !

Chúng sinh đi trong tối vô minh

Thọ đủ vô biên trăm thứ khổ.

Thế Tôn hay khiến lìa khỏi nhanh

Nên đời xưng đáng Từ Bi lớn !

Chúng sinh qua lại sinh tử thẳng (sợ dây sinh tử)

Phóng dật mê man không an lạc

Như Lai hay cho mọi lạc an

Vậy nên cắt đứt dây sinh tử.

Phật hay ban bố mọi lạc an

Tự vui với mình, chẳng tham lạc,

Tu khổ hạnh vì các chúng sinh

Nên thế gian cúng dường cung kính.

Thấy người thọ khổ rúng động thân

Ở tại địa ngục, đau chẳng biết
Chịu khổ lớn vì các chúng sinh
Nên không có lòng, không ai thắng.
Phật tu khổ hạnh vì chúng sinh
Thành tựu đầy đủ, mãn lục độ
Tâm ở gió tà chẳng chao nghiêng
Nên có thể thắng bậc Đại sĩ
Chúng sinh thường muốn được lạc an
Mà chẳng biết tu nhân an lạc
Nhu Lai hay dạy, khiến tu hành
Giống như cha lành yêu con một.
Phật thấy chúng sinh bệnh não phiền
Lòng khổ như mẹ lo con bệnh
Phương tiện khỏi bệnh nghĩ tới luôn
Vậy nên thân này thuộc người khác.
Các khổ, tất cả chúng sinh làm
Mà lòng điên đảo cho là lạc (vui)
Nhu Lai diễn nói khổ, lạc chân
Nên xưng hiệu là Từ Bi Lớn.
Thế gian đều ở trứng vô minh

Không có mỗ trí có thể phá
Mỗ trí Như Lai mỗ phá tan
Vậy nên gọi là tối đại tử.
Chẳng bị ba đời nhiếp giữ gìn
Không có danh tự và hiệu quả
Hiểu biết nghĩa thậm thâm Niết Bàn
Vậy nên xưng Phật là Đại Giác.
Có sông cuộn cuộn chìm chúng sinh
Vô minh mù tối, ra chẳng biết
Như Lai tự độ, độ chúng sinh
Vậy nên xưng Phật, Thuyền Sư Lớn (người lái thuyền giỏi).
Có thể biết tất cả quả, nhân
Cũng lại thông đạt tận diệt đạo
Thường ban thuốc bệnh khổ chúng sinh
Vậy nên đời xưng : Y vương lớn.
Khổ hạnh ngoại đạo thường tuyên dương
Nhân đó hay được Vô Thượng Lạc
Như Lai diễn nói lạc hạnh chân
Hay khiến chúng sinh thọ khoái lạc.
Phá tà đạo, Như Lai Thế Tôn

Khai thị chúng sinh đường chân chính

Người đi đường đó được lạc an

Nên xưng Phật là thầy dẫn dắt.

Sở tác chẳng phải người và mình

Chẳng phải cộng tác, không nhân tác

Việc thọ khổ theo lời Thế Tôn

Thắng hơn tất cả các ngoại đạo.

Thành tựu Giới, Định, Tuệ hoàn toàn

Cũng đem pháp này dạy sinh chúng

Khi đem pháp thí không ghét lặn

Vậy nên xưng Phật : Bi không duyên.

Không sự tạo tác không nhân duyên

Thu được không nhân, không quả báo

Vậy nên tất cả người trí thông

Xưng nói Như Lai chẳng cầu báo

Thường chung hạnh phóng dật thế gian

Mà thân chẳng bị nhiễm phóng dật

Vậy nên gọi là chẳng nghĩ bàn

Tám pháp thế gian chẳng thể nhiễm.

Như Lai Thế Tôn không oán thân

Vậy nên tâm ấy thường bình đẳng

Đại Bi, con rộng su tử khen

Hay rộng vô lượng Su tử hồng.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ ba mươi hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 31

PHẨM THỨ HAI MƯƠI TƯ: BỒ TÁT CA DIẾP.

Phần thứ I. - Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai thương xót tất cả chúng sinh. Người chẳng điều phục có thể điều phục, người bất tịnh có thể làm cho tịnh, người không qui y có thể làm qui y, người chưa giải thoát có thể khiến cho giải thoát, được vào tám tự tại, làm Đại y sư, làm Đại Dược Vương. Tỳkheo Thiện Tinh là đệ tử của đức Phật, khi làm Bồ tát, sau khi xuất gia, thọ trì, đọc tụng, phân biệt, giải nói mười hai bộ Kinh, hoại tan kết sử cõi Dục, thu hoạch được bốn thiên mà sao đức Như Lai huyền ký rằng, Thiện Tinh chính là nhất xiển đề, người thấp hèn, ở địa ngục suốt kiếp, người chẳng thể sửa trị ? Đức Như Lai vì sao chẳng trước vì ông ấy diễn nói chính pháp, rồi sau mới vì Bồ tát ? Đức Như Lai Thế Tôn nếu chẳng thể cứu Tỳkheo Thiện Tinh thì làm sao được gọi là đáng có đại từ mẫn, có đại phương tiện ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có ba người con. Người con thứ nhất ấy có lòng tín thuận, cung kính cha mẹ, căn tính linh lợi, có trí tuệ, đối với việc thế gian có thể mau biết rõ. Người con thứ hai ấy chẳng kính cha mẹ, không lòng tín thuận, lợi căn, trí tuệ, đối với việc thế gian có thể

mau rõ biết. Người con thứ ba ấy chẳng kính cha mẹ, không lòng tín thuận, căn tính ám độn, không có trí tuệ. Cha mẹ nếu khi muốn dạy bảo chúng thì nên dạy ai trước ? Thân ái với ai trước ? Phải trước dạy cho ai biết việc thế gian ?

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nên trước dạy trao cho người con có lòng tín thuận, cung kính cha mẹ, lợi căn, trí tuệ, hiểu biết việc đời. Tiếp theo dạy đến người con thứ hai, rồi mới đến người con thứ ba. Nhưng mà hai người con kia tuy không có lòng tín thuận cung kính nhưng vì từ niệm nên tiếp theo phải dạy bảo họ !

- Nay thiện nam tử ! Như Lai cũng vậy ! Ba người con kia, người đầu tiên là dụ cho Bồ tát, người ở giữa là dụ cho Thanh Văn, người sau cùng là dụ cho nhất xiển đề. Như ý nghĩa vi tế trong các Kinh của mười hai bộ Kinh, ta trước đã vì các Bồ tát mà nói. Ý nghĩa thiền cận của Kinh thì ta vì hàng Thanh Văn mà nói. Còn ý nghĩa thế gian thì ta vì bọn nhất xiển đề, ngũ nghịch tội mà nói. Trong đời hiện tại tuy không có lợi ích nhưng do lòng thương xót nên làm phát sinh những chủng tử (hạt giống) thiện cho đời sau. Nay thiện nam tử ! Như có ba thửa ruộng : Một là ruộng có kênh mương lưu thông tiện lợi dễ dàng, không có những cát, đất mặn, sình, đá, gai góc... thì gieo trồng một thu được cả trăm. Hai là ruộng tuy không có cát, đất mặn, sình đá, gai góc nhưng kênh mương hiểm trở khó khăn thì thu hoạch kết quả giảm đi một nửa. Ba là ruộng mà kênh mương hiểm trở khó khăn, có nhiều cát, đất mặn, sình, đá, gai góc thì gieo trồng một, chỉ thu hoạch được một là cỏ khô. Nay thiện nam tử ! Người nông phu, trong tháng mùa Xuân, trước nên gieo trồng ruộng nào?

- Thưa đức Thế Tôn ! Trước họ nên gieo trồng ở ruộng đầu tiên, tiếp đến là ở ruộng thứ hai, rồi sau mới đến loại ruộng thứ ba.

- Ruộng đầu tiên là dụ cho Bồ tát, ruộng tiếp theo là dụ cho Thanh Văn, ruộng sau cùng là dụ cho nhất xiển đề. Nay thiện nam tử ! Ví như ba cái đồ đựng : một cái lành lặn (hoàn hảo), cái thứ hai bị rò rỉ, cái thứ ba bị vỡ. Nếu muốn đựng đầy sữa, cao sữa, ván sữa, nước thì trước dùng cái nào?

- Thưa đức Thế Tôn ! Nên dùng cái lành lặn, tiếp đến dùng cái rò rỉ, sau mới dùng đến cái bị vỡ !

- Cái lành lặn sạch sẽ ấy là dụ cho Bồ tát tăng, cái rò rỉ là dụ cho Thanh Văn, cái bị vỡ là dụ cho nhất xiển đề. Nay thiện nam tử ! Như có ba người bệnh đều đi đến chỗ thầy thuốc : Một người dễ điều trị, người thứ hai khó điều trị, người thứ ba thì chẳng thể điều trị. Nay thiện nam tử ! Thầy thuốc nếu trị thì phải trị ai trước ?

- Thưa đức Thế Tôn ! Nên trước điều trị cho người dễ, tiếp đến là người thứ hai, sau mới đến người thứ ba. Vì sao vậy ? Vì là thân thuộc.

- Người dễ trị ấy là dụ cho Bồ tát tăng. Người khó trị ấy là dụ cho Thanh Văn tăng. Người chẳng thể trị là dụ cho nhất xiển đề. Với hạng người này trong đời hiện tại tuy không kết quả tốt nhưng vì thương xót nên ta vì họ gieo trồng những hạt giống lành cho đời sau. Nay thiện nam tử ! Ví như vị đại vương có ba giống ngựa. Một là ngựa đã điều phục trẻ khỏe đầy sức mạnh. Hai là ngựa chẳng điều phục, trẻ khỏe, nhiều sức mạnh. Ba là ngựa chẳng điều phục, gầy yếu, già cả, không có sức. Nhà vua nếu cưỡi ngựa thì phải cưỡi con nào trước ?

- Thưa đức Thế Tôn ! Nên cưỡi con ngựa điều phục trẻ khỏe nhiều sức mạnh, tiếp đến cưỡi con thứ hai, sau mới cưỡi đến con thứ ba.

- Nay thiện nam tử ! Con ngựa điều phục trẻ khỏe nhiều sức mạnh là dụ cho Bồ tát tăng, con ngựa thứ hai là dụ cho Thanh Văn tăng, con ngựa thứ ba là dụ cho nhất xiển đề. Trong đời hiện tại hạng người này tuy không có ích lợi nhưng vì thương xót nên ta vì họ gieo trồng hạt giống lành cho đời sau. Nay thiện nam tử ! Như khi đại thí (làm bố thí lớn) có ba người đến : Một là người quý tộc, thông minh, tri giới. Hai là người thuộc dòng họ bậc trung, độn căn, tri giới. Ba là người thuộc dòng họ thấp hèn, độn căn, hủy giới. Nay thiện nam tử ! Vị đại thí chủ này nên trước bố thí cho ai ?

- Thưa đức Thế Tôn ! Nên trước bố thí cho người quý tộc, lợi căn, tri giới, tiếp đến là người thứ hai, rồi sau mới đến người thứ ba.

- Người thứ nhất dụ cho Bồ tát tăng, người thứ hai dụ cho Thanh Văn tăng, người thứ ba dụ cho nhất xiển đề. Nay thiện nam tử ! Như con sư tử lớn khi giết chết con hương tượng phải dùng hết sức của nó, giết chết một con thỏ cũng vậy, chẳng sinh ý tưởng khinh thường. Các đức Phật Như Lai cũng lại như vậy, khi vì các Bồ tát và nhất xiển đề diễn nói pháp dùng công đức không hai (không khác nhau).

Này thiện nam tử ! Vào một thuở, ta trụ ở thành Vương Xá, Tỳkheo Thiện Tinh là cấp sứ (người sai khiến, cung cấp) của ta. Ở đầu đêm, ta vì trời Đê Thích diễn nói pháp yếu. Theo phép làm đệ tử là nên ngủ sau thầy. Bấy giờ, do ta ngồi lâu nên lòng Thiện Tinh sinh ra ý niệm ác. Trẻ con trai gái của thành Vương Xá thời đó nếu khóc không nín thì cha mẹ hay dọa rằng : “Nếu con chẳng nín thì sẽ đem con giao cho quý Bạc câu la !” Bấy giờ, Thiện Tinh trái lại nắm lấy lời ấy mà nói với ta rằng : “Hãy mau vào thiền thất ! Quý Bạc câu la đến !”. Ta nói rằng : “Này người ngu si ! Ông thường chẳng nghe, Như Lai Thế Tôn chẳng sợ gì sao ?”. Bấy giờ, Đê Thích liền nói với ta rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Những người như vậy cũng lại được vào trong Phật pháp sao ?”. Ta liền nói rằng : “Này Kiều Thi Ca ! Người như vậy được vào Phật pháp, cũng có Phật tính, sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ta tuy vì ông Thiện Tinh này nói pháp mà ông đó đều không có lòng tín thọ”. Này thiện nam tử ! Vào một thuở, ta ở tại thành Thi Bà Phú La của nước Ca Thi, Tỳkheo Thiện Tinh là cấp sứ của ta. Khi ta muốn vào thành đó khát thực có vô lượng chúng sinh lòng trống không, khao khát, ngưỡng mộ muốn thấy dấu chân của ta thì Tỳkheo Thiện Tinh liền theo sau ta mà hủy diệt. Ông ấy đã chẳng thể xóa hết mà còn khiến cho chúng sinh sinh lòng bất thiện. Ta vào thành rồi, ở quán rượu, thấy một Ni Kiền gò lưng ngồi chồm hồm dưới đất ăn bã rượu. Tỳkheo Thiện Tinh thấy rồi mà nói rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Thế gian nếu có A la hán thì người này là tối thắng. Vì sao vậy ? Vì người này đã nói rằng, không nhân không quả”. Ta nói rằng : “Này người ngu si ! Ông có thường nghe, A la hán thì chẳng uống rượu, chẳng hại người, chẳng lừa dối, chẳng trộm cắp, chẳng dâm dục. Còn như người này giết hại cha mẹ, ăn nuốt bã rượu thì làm sao mà nói là A la hán ? Người này sau khi xả thân nhất định sẽ rơi vào địa ngục A Tỳ còn A la hán đoạn tuyệt vĩnh viễn ba đường ác thì làm sao mà nói là A la hán?”. Thiện Tinh liền nói rằng : “Tính của bốn đại còn có thể chuyển dịch nhưng muốn khiến cho người này nhất định rơi vào ngục A tỳ thì không có điều đó”. Ta nói rằng : “Này người ngu si ! Ông thường chẳng nghe lời nói thành thật của các đức Phật Như Lai không có hai !”. Ta tuy vì ông Thiện Tinh này nói pháp mà ông đó tuyệt không có lòng tín thọ. Này thiện nam tử ! Vào một thuở, ta cùng với Tỳkheo Thiện Tinh trụ ở thành Vương Xá. Bấy giờ, trong thành có một Ni Càn tên là Khổ Đắc, thường nói rằng : “Phiền não của chúng sinh không nhân không duyên. Giải thoát của chúng sinh cũng không nhân không duyên”. Tỳkheo Thiện Tinh lại nói rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Thế gian, nếu có A la hán thì Khổ Đắc là bậc trên”. Ta nói rằng : “Này người ngu si ! Ni Càn Khổ Đắc thật chẳng phải là La Hán, chẳng thể hiểu rõ đạo A la hán !”. Thiện Tinh lại nói rằng : “Vì sao La Hán đối với A la hán mà sinh ra tật đó (ganh ghét) ?”. Ta nói rằng : “Này người

ngu si ! Ta đối với La hán chẳng sinh ra tật đổ mà ông tự sinh ra tà kiến ác vậy. Nếu nói Khổ Đắc là La hán thì sau bảy ngày sẽ bị bệnh tức thực (đồ ăn lưu lại không tiêu hóa), đau bụng mà chết, chết rồi sinh vào loài quỷ Thực Thỏ (ói đồ ăn ra). Bọn đồng học của ông ấy sẽ đem thi thể ông ấy bỏ trong rừng lạnh”. Bấy giờ Thiện Tinh liền đi đến chỗ của Ni Càn tử Khổ Đắc nói rằng : “Thưa trưởng lão ! Ngài nay có biết gì không ? Ông sa môn Cù Đàm đã huyền ký cho ngài sau bảy ngày sẽ bị bệnh tức thực, đau bụng mà chết, chết rồi sinh vào trong loài quỷ Thực Thỏ. Những người đồng học, đồng sư sẽ đem thi thể của ngài bỏ trong rừng lạnh. Thưa trưởng lão ! Ngài hãy tư duy khéo léo tạo mọi phương tiện tốt thì sẽ khiến cho ông Cù Đàm rơi vào trong tình trạng nói dối !”. Bấy giờ, ông Khổ Đắc nghe lời đó xong thì liền nhịn ăn (đoạn thực) từ bắt đầu ngày một cho đến ngày sáu. Đủ bảy ngày rồi ông liền ăn đường đen. Ăn đường đen (hắc mật) rồi lại uống nước lạnh. Uống nước lạnh rồi đau bụng mà mạng chung. Ông chết rồi bọn đồng học đem thi hài ông để trong rừng lạnh. Ông liền thọ hình thể loài quỷ đói Thực Thỏ ở bên thi hài của mình. Tỳkheo Thiện Tinh nghe việc này rồi, đi đến trong rừng lạnh, thấy Khổ Đắc thọ thân hình loài quỷ Thực Thỏ ở tại bên thi hài của ông ấy, đang khom lưng ngồi xồm trên đất. Thiện Tinh nói với ông ấy rằng: “Thưa đại đức ! Ngài chết rồi sao ?”. Khổ Đắc đáp rằng : “Ta đã chết rồi !”. Hỏi : “Vì sao chết vậy ?”. Đáp : “Nhân đau bụng mà chết !”. Hỏi : “Ai đưa thi hài ngài ra đây ?”. Đáp rằng : “Bạn đồng học đưa ra !”. Hỏi : “Đặt ở đâu ?”. Đáp rằng : “Người ngu si ơi ! Ông nay chẳng biết rừng lạnh này sao?”. Hỏi : “Được thân gì ?”. Đáp rằng : “Ta được thân của loài quỷ Thực Thỏ ! Nay Thiện Tinh! Ông đã lắng nghe lời thiện, lời đúng lúc, lời nghĩa, lời pháp... Nay Thiện Tinh ! Miệng Như Lai nói ra lời chân thật như vậy mà ông lúc bấy giờ sao chẳng tin ? Nếu có chúng sinh chẳng tin lời nói chân thật của Như Lai thì người đó cũng sẽ thọ thân này như ta !”. Bấy giờ Thiện Tinh liền trở lại chỗ của ta mà nói rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Ni Càn Khổ Đắc sau khi mạng chung sinh lên trời Ba mươi ba”. Ta nói rằng : “Này người ngu si ! A la hán thì không có chỗ sinh làm sao mà nói Khổ Đắc sinh lên trời Ba mươi ba ?”. Thiện Tinh nói : “Thưa đức Thế Tôn ! Thật đúng như lời ngài, Ni Càn Khổ Đắc thật chẳng sinh lên trời Ba mươi ba mà nay đang thọ thân của loài quỷ đói Thực Thỏ !”. Ta nói rằng : “Này người ngu si ! Lời nói thành thật của các đức Phật Như Lai không hai. Nếu nói rằng, Như Lai có nói hai lời thì không có điều đó !” Thiện Tinh liền nói rằng : “Lúc ấy đức Như Lai tuy nói lời nói đó nhưng con đối với việc này đều chẳng sinh niềm tin tưởng”. Nay thiện nam tử ! Ta cũng thương vì Tỳkheo Thiện Tinh nói pháp chân thật mà ông đó tuyệt nhiên không có lòng tin thọ. Nay thiện nam tử ! Tỳkheo Thiện Tinh tuy lại đọc tụng mười hai bộ Kinh, thu hoạch được bốn thiên... nhưng thậm chí chẳng hiểu được ý nghĩa của một bài kệ,

một câu, một chữ lại còn gần gũi bạn ác làm thoái mất bốn thiền. Mất bốn thiền rồi thì sinh ra tà kiến ác, ông ấy nói lên lời như vậy : “Không Phật, không Pháp, không có Niết Bàn ! Ông Sa môn Cù Đàm giỏi biết phép xem tướng nên có thể được biết tâm của người khác !”. Ta vào lúc ấy, bảo Thiện Tinh rằng : “Lời nói pháp của ta thì đầu tiên tốt, khoảng giữa tốt và về sau cũng tốt. Lời nói ấy xảo diệu, chữ nghĩa chân chính. Lời nói không xen tạp thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh !” Tỳkheo Thiện Tinh lại nói rằng : “Đức Như Lai tuy lại vì con nói pháp mà con chân thật cho là không có nhân quả !”. Này thiện nam tử ! Nếu ông chẳng tin việc như vậy thì hiện nay Tỳkheo Thiện Tinh ở gần sông Ni Liên Thiên, có thể đi chung đến hỏi !

Bây giờ đức Như Lai liền cùng với Bồ tát Ca Diếp đi đến chỗ của Thiện Tinh. Tỳkheo Thiện Tinh từ xa thấy đức Phật đến, thấy rồi liền sinh lòng tà ác. Do lòng ác nên thân sống của ông bị hãm vào ngục A tỳ.

Đức Phật nói tiếp :

- Này thiện nam tử ! Tỳkheo Thiện Tinh tuy vào vô lượng bảo tụ của Phật Pháp mà trống rỗng, không thu hoạch được gì, thậm chí chẳng được sự lợi ích của một pháp vì buông lung và theo ác tri thức. Ví như có người tuy vào biển cả, thấy nhiều mọi thứ báu mà không được gì vì buông lung. Lại như vào được biển tuy thấy bảo tụ (đồng báu), rồi tự giết nhau mà chết, hoặc bị quỷ ác La sát giết chết. Tỳkheo Thiện Tinh cũng lại như vậy, vào Phật pháp rồi thì bị sự giết hại của đại quỷ La sát Ác Tri thức. Này thiện nam tử ! Vậy nên Như Lai do thương xót nên thường nói nhiều những sự buông lung của ông Thiện Tinh. Này thiện nam tử ! Nếu vốn bản cùng thì ở chỗ người này tuy sinh thương xót nhưng lòng ấy mỏng. Nếu vốn cự phú thì sau khi mất của cải mà ở chỗ người này sinh ra thương xót thì lòng ấy dày. Tỳkheo Thiện Tinh cũng lại như vậy, tuy thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, thu hoạch được bốn thiền nhưng về sau thoái mất rất đáng thương xót. Vậy nên ta nói nhiều những phóng dật của Tỳkheo Thiện Tinh. Vì nhiều phóng dật nên cắt đứt các căn lành. Những đệ tử của ta, người có thấy nghe thì đối với người này không ai chẳng sinh lòng thương xót nặng nề như người giàu lúc đau về sau mất của. Đã nhiều năm ta thường cùng với Thiện Tinh chung nhau theo đuổi mà ông đó tự sinh ra lòng tà ác mà do tà ác nên chẳng bỏ ác kiến. Này thiện nam tử ! Ta từ trước đến nay nếu thấy ông Thiện Tinh này có một chút căn lành như sợi lông cọng tóc thì nhất định ta chẳng huyền ký rằng, ông đó đoạn tuyệt căn lành, là nhất xiển đề, hạng người thấp hèn, trụ kiếp địa ngục. Do ông ấy tuyên nói không nhân, không quả, không có tác nghiệp nên ta mới huyền ký rằng, người đó vĩnh viễn cắt đứt thiện căn, là

nhất xiển đề, hạng người thấp hèn, trụ kiếp địa ngục. Nay thiện nam tử ! Ví như có người chìm trong chuồng xí (cầu tiêu), có bậc thiện tri thức dùng tay kéo nâng lên mà níu được đầu tóc thì liền kéo ra khỏi, nhưng tìm lâu chẳng được vậy mới ngưng ý tìm kiếm. Ta cũng như vậy, tìm thấy chút xíu căn lành của Thiện Tinh thì liền muốn cứu vớt. Nhưng ta trọn ngày tìm kiếm mà thậm chí chẳng được chút xíu căn lành như sợi lông cọng tóc. Vậy nên ông chẳng được cứu vớt khỏi địa ngục ấy.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai vì sao huyền ký ông đó sẽ đọa vào địa ngục A tỳ ?

- Nay thiện nam tử ! Có nhiều quyến thuộc của Tỳkheo Thiện Tinh đều gọi Thiện Tinh là Alahán, là được đạo quả. Ta muốn hủy hoại lòng tà ác đó nên huyền ký rằng : Ông Thiện Tinh đó do phóng dật nên đọa vào địa ngục. Nay thiện nam tử ! Ông nay phải biết, lời nói của Như Lai chân thật không hai. Vì sao vậy ? - Vì nếu lời ký của Phật là sẽ đọa vào địa ngục, mà nếu chẳng đọa thì không có điều này. Lời ký biệt của Thanh Văn, Duyên Giác thì có hai thứ, hoặc hư dối, hoặc chân thật. Như ông Mục Kiền Liên, ở tại nước Ma Đà Đà, bảo khắp mọi người rằng, lùi sau bảy ngày trời sẽ tuông mưa mà hết thời hạn trời chẳng mưa. Ông lại ký biệt rằng, con trâu cái sẽ sinh con nghé trắng, đến khi con trâu ấy sinh thì sinh ra con nghé loang lổ, ký sinh nam thì sau sinh ra nữ ! Nay thiện nam tử ! Tỳkheo Thiện Tinh thường vì vô lượng những chúng sinh tuyên nói rằng, tất cả không quả báo thiện ác. Khi ấy ông đã cắt đứt vĩnh viễn tất cả căn lành, thậm chí không có chút xíu như sợi lông cọng tóc. Nay thiện nam tử ! Ta biết từ lâu Tỳkheo Thiện Tinh này sẽ cắt đứt căn lành. Do vậy nên ta ở chung trọn hai mươi năm nuôi dưỡng, tu hành chung. Nếu ta rời xa chẳng gần gũi tả hữu thì người này sẽ dạy cho vô lượng chúng sinh tạo tác nghiệp ác. Đó gọi là lực giải thứ năm của Như Lai.

- Thưa đức Thế Tôn ! Bọn nhất xiển đề vì nhân duyên gì mà không có thiện pháp ?

- Nay thiện nam tử ! Bọn nhất xiển đề đoạn tuyệt căn lành. Chúng sinh có tín.v.v... năm căn mà bọn nhất xiển đề thì đoạn diệt vĩnh viễn. Do nghĩa này mà giết hại một con kiến còn bị tội sát sinh nhưng giết chết nhất xiển đề thì không có tội sát sinh.

- Thưa đức Thế Tôn ! Nhất xiển đề thì nhất định không thiện pháp. Vậy nên gọi là nhất xiển đề sao ?

Đức Phật dạy rằng :

- Đúng vậy ! Đúng vậy !

- Thưa đức Thế Tôn ! Tất cả chúng sinh có ba thứ thiện. Đó là thiện quá khứ, thiện vị lai, thiện hiện tại. Bọn nhất xiển đề cũng chẳng thể đoạn dứt thiện pháp của vị lai thì làm sao nói rằng, đoạn các thiện pháp gọi là nhất xiển đề vậy ?

- Nay thiện nam tử ! Đoạn có hai thứ : Một là hiện tại diệt. Hai là hiện tại chướng ngại đến vị lai. Bọn nhất xiển đề đủ cả hai thứ đoạn này. Vậy nên ta nói rằng, đoạn dứt các căn lành. Nay thiện nam tử ! Ví như có người chìm trong chuồng xí chỉ có đầu một sợi tóc, cọng lông chưa chìm. Tuy còn đầu một sợi tóc, cọng lông chưa chìm mà đầu một sợi lông chẳng thể thấy được thân. Bọn nhất xiển đề cũng lại như vậy, tuy đời vị lai sẽ có thiện căn mà chẳng thể cứu thoát khỏi khổ của địa ngục. Đời vị lai tuy có thể cứu vớt nhưng đời hiện tại thì điều đó không có. Vậy nên gọi là chẳng thể cứu tế. Do nhân duyên Phật tính nên có thể được cứu. Phật tính thì chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Vậy nên Phật tính chẳng thể đoạn được. Như hạt giống mục nát thì chẳng thể mọc mầm. Nhất xiển đề cũng lại như vậy. - Thưa đức Thế Tôn ! Bọn nhất xiển đề chẳng đoạn dứt Phật tính mà Phật tính cũng thiện thì làm sao nói rằng, đoạn dứt tất cả thiện pháp ?

- Nay thiện nam tử ! Nếu các chúng sinh trong đời hiện tại có Phật tính thì chẳng được gọi là nhất xiển đề. Như tính ngã của chúng sinh trong thế gian, Phật tính là thường, ba đời chẳng nhiếp lấy. Ba đời nếu nhiếp lấy thì gọi là vô thường. Phật tính vị lai do sẽ thấy nên nói rằng, chúng sinh đều có Phật tính. Do nghĩa này nên Bồ tát Thập Trụ trang nghiêm đầy đủ mới được thấy chút ít.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Phật tính thường giống như hư không thì vì sao đức Như Lai nói rằng, vị lai ? Nếu đức Như Lai nói nhất xiển đề không có thiện pháp thì bọn nhất xiển đề đối với người đồng học, đồng sư, cha mẹ,

thân tộc, vợ con của họ há sẽ chẳng sinh lòng ái niệm sao ? Nếu bọn ấy sinh lòng đó thì chẳng phải là thiện u ?

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay ! Hay thay ! Này thiện nam tử ! Ông hỏi vấn đề ấy hay lắm ! Phật tính giống như hư không, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại ! Tất cả chúng sinh có ba thứ thân. Đó là thân quá khứ, thân vị lai và thân hiện tại. Thân chúng sinh vị lai trang nghiêm đầy đủ thanh tịnh thì được thấy Phật tính. Vậy nên ta nói Phật tính vị lai. Này thiện nam tử ! Ta vì chúng sinh hoặc khi nói nhân là quả, hoặc khi nói quả là nhân. Vậy nên trong Kinh nói mạng là ăn, thấy sắc là xúc. Thân vị lai tịnh nên nói Phật tính.

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói mà nghĩa như vậy thì vì sao nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính ?

- Này thiện nam tử ! Phật tính của chúng sinh tuy hiện tại Không nhưng chẳng thể nói là Không. Như tính hư không tuy không hiện tại nhưng chẳng được nói là Không. Tất cả chúng sinh tuy lại vô thường mà Phật tính này thường trụ không biến đổi. Vậy nên ở trong Kinh này ta nói rằng, Phật tính của chúng sinh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài giống như hư không chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Như hư không ấy có trong ngoài thì hư không chẳng gọi là một, là thường, cũng chẳng được nói rằng, tất cả chỗ có. Hư không tuy lại chẳng phải trong, chẳng phải ngoài mà các chúng sinh đều có nó. Phật tính của chúng sinh cũng lại như vậy. Như lời ông nói, bọn nhất xiển đề có thiện pháp thì nghĩa này không đúng. Vì sao vậy ? - Vì bọn nhất xiển đề nếu có nghiệp thân, nghiệp miệng, nghiệp ý, nghiệp thủ (lấy), nghiệp cầu, nghiệp thí, nghiệp giải .v.v... những nghiệp như vậy thì đều là nghiệp tà. Vì sao vậy ? - Vì chẳng cầu nhân quả vậy. Này thiện nam tử ! Như quả, rễ, thân, cành, lá, hoa... của cây Ha lê lạc đều đáng, nghiệp của nhất xiển đề cũng lại như vậy.

- Này thiện nam tử ! Như Lai biết đầy đủ các căn, lực. Vậy nên Như Lai giỏi có thể phân biệt chúng sinh thượng căn, trung căn, hạ căn. Như Lai có thể biết người này chuyển đổi hạ căn trở thành trung căn, có thể biết người này chuyển đổi trung căn trở thành thượng căn, có thể biết người này chuyển đổi thượng căn trở thành trung căn, có thể biết người này chuyển đổi trung căn trở thành hạ căn. Vậy nên ông phải biết là căn tính của chúng sinh không có quyết định. Do không quyết định nên hoặc đoạn dứt thiện căn

mà đoạn rồi thì sinh trở lại. Nếu căn tính của những chúng sinh định thì nhất định chẳng trước đoạn dứt và đoạn rồi lại sinh ra, cũng chẳng nên nói rằng, bọn nhất xiển đề rơi vào địa ngục sống lâu một kiếp. Nay thiện nam tử ! Vậy nên Như Lai nói rằng, tất cả pháp không có tướng quyết định !

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai biết đầy đủ các căn, lực thì nhất định biết ông Thiện Tinh sẽ đoạn dứt thiện căn. Do nhân duyên gì mà Ngài cho phép ông ấy xuất gia ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Vào thuở trước, khi ta mới xuất gia thì em ta là Nan Đà, từng đệ là A Nan, Đề Bà Đạt Đa, con ta là La Hầu La... những người như vậy đều theo ta xuất gia tu đạo. Nếu ta chẳng cho ông Thiện Tinh xuất gia thì người ấy theo thứ tự sẽ được nối ngôi vua. Sức lực ông ấy tự tại thì sẽ hủy hoại Phật pháp. Do nhân duyên này nên ta cho ông ấy xuất gia tu đạo. Nay thiện nam tử ! Tỳkheo Thiện Tinh nếu chẳng xuất gia cũng đoạn dứt thiện căn, ở vô lượng đều không có lợi ích. Nay ông ấy xuất gia rồi, tuy đoạn thiện căn nhưng có thể thọ trì giới, cúng dường cung kính bậc kỳ cựu trưởng túc và người có đức, tu tập Sơ thiền cho đến Tứ thiền. Đó gọi là thiện nhân (nhân duyên thiện) . Thiện nhân như vậy có thể sinh ra thiện pháp. Thiện pháp đã sinh thì có thể tu tập đạo. Đã tu tập đạo thì sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên ta cho ông Thiện Tinh xuất gia. Nay thiện nam tử ! Nếu ta chẳng cho Tỳkheo Thiện Tinh xuất gia thọ giới thì mới chẳng được xưng ta là Như Lai đầy đủ mười lực. Nay thiện nam tử ! Phật quan sát chúng sinh đầy đủ thiện pháp và bất thiện pháp. Người này tuy đủ hai pháp như vậy nhưng chẳng bao lâu có thể đoạn dứt tất cả thiện căn mà đầy đủ bất thiện căn. Vì sao vậy ? - Vì chúng sinh như vậy chẳng gần gũi bạn tốt, chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng theo đúng như pháp tu hành. Do nhân duyên này người ấy có thể cắt đứt thiện căn, đầy đủ bất thiện căn. Nay thiện nam tử ! Như Lai lại biết người này đời hiện tại hay đời vị lai lúc nhỏ, lúc lớn, khi già sẽ gần gũi bạn tốt, thính thọ chánh pháp : Khổ, Tập, Diệt, Đạo thì lúc ấy có thể trở lại sinh ra căn lành. Nay thiện nam tử ! Ví như có dòng suối cách xóm làng chẳng xa. Nước suối ấy ngon ngọt, đủ tám vị công đức. Có người nóng khát muốn đi đến suối. Có người trí ở bên cạnh quan sát người khát đó nhất định sẽ đi đến chỗ nước không gì nghi ngờ. Vì sao vậy ? - Vì không có con đường nào khác. Như Lai Thế Tôn quan

sát các chúng sinh cũng lại như vậy. Vậy nên Như Lai gọi là biết đầy đủ các căn lực.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lấy ít đất ở dưới đất đặt lên móng tay mà bảo ngài Ca Diếp Bồ tát rằng :

- Đất này nhiều hay đất của thế giới mười phương nhiều ?

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đất trên móng tay thì chẳng thể sánh với đất sở hữu của mười phương được.

- Nay thiện nam tử ! Có người xả thân trở lại được thân người, xả thân ba đường ác, được thọ thân người, các căn đầy đủ lành lặn, sinh ra ở trung tâm đất nước, đầy đủ chánh tín, có thể tu tập đạo, đã tu đạo là có thể được giải thoát, được giải thoát rồi là có thể vào Niết Bàn thì như đất trên móng tay. Còn chúng sinh xả thân người rồi được thân ba ác, xả thân ba ác được thân ba ác, các căn chẳng đủ, sinh ra nơi biên địa, tin tà đảo kiến, tu tập tà đạo, chẳng được giải thoát, Niết Bàn thường lạc thì như đất đai sở hữu của thế giới mười phương. Nay thiện nam tử ! Hộ trì cấm giới, tinh cần chẳng giải đãi, chẳng phạm bốn trọng cấm, chẳng tạo tội ngũ nghịch, chẳng dùng đồ vật của tăng chúng, chẳng làm nhất xiển đề, chẳng cắt đứt căn lành, tin Kinh điển Niết Bàn.v.v... những người như vậy như đất trên móng tay (ít). Phá hủy giới, giải đãi, phạm bốn trọng cấm, tạo tội ngũ nghịch, dùng đồ vật của tăng chúng, làm nhất xiển đề, cắt đứt các căn lành, chẳng tin Kinh Đại Niết Bàn này.v.v... những người như vậy như đất đai sở hữu của thế giới mười phương. Nay thiện nam tử ! Như Lai giỏi biết chúng sinh thượng căn, trung căn và hạ căn như vậy. Vậy nên xưng Phật biết đầy đủ căn lực.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Đức Như Lai đầy đủ sự biết căn lực này nên có thể biết sự sai biệt về ngu độn, lanh lợi, hạ căn, trung căn, thượng căn của tất cả chúng sinh, biết các căn của chúng sinh đời hiện tại, cũng biết các căn của chúng sinh đời vị lai. Sau khi đức Phật diệt độ, những chúng sinh như vậy sẽ nói lên như vậy : “Như Lai vào rớt ráo Niết Bàn hoặc chẳng vào rớt ráo Niết Bàn, hoặc nói có ngã, hoặc nói vô ngã, hoặc có “trung ấm”, hoặc không “trung ấm”, hoặc nói có thoái, hoặc nói không thoái, hoặc nói thân Như Lai là hữu vi, hoặc nói thân Như Lai là vô vi, hoặc nói mười hai nhân

duyên là pháp hữu vi, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp vô vi, hoặc nói tâm là hữu thường, hoặc nói tâm là vô thường, hoặc nói thọ năm dục lạc có thể chướng ngại đạo, hoặc nói chẳng ngại đạo, hoặc nói pháp đệ nhất của đời chỉ là Dục giới, hoặc nói là Tam giới, hoặc nói bố thí chỉ là nghiệp của ý, hoặc nói tức là của năm ấm”. Hoặc có người nói rằng, có ba vô vi. Hoặc có người nói rằng, không có ba vô vi. Lại có người nói rằng , hoặc có tạo sắc. Lại có người nói rằng, hoặc không tạo sắc. Hoặc có người nói rằng, có sắc vô tác. Hoặc có người nói rằng, không có sắc vô tác. Hoặc có người nói rằng, có pháp tâm số. Hoặc có người nói rằng, không có pháp tâm số. Hoặc có người nói rằng, có năm thứ hữu. Hoặc có người nói rằng, có sáu thứ hữu. Hoặc có người nói rằng, pháp tám giới trai, người đầy đủ giới Ưu bà tắc thọ được. Hoặc có người nói rằng, người chẳng đủ thọ được. Hoặc có người nói rằng, Tỳkheo phạm bốn trọng cấm rồi thì giới Tỳkheo vẫn tồn tại, hoặc nói chẳng tồn tại. Hoặc có người nói rằng, người Tu đà hoàn, người Tu đà hàm, người A na hàm, người A la hán đều được Phật đạo, hoặc nói chẳng được. Hoặc có người nói, Phật tính tức là hữu của chúng sinh, hoặc nói, Phật tính là khỏi hữu của chúng sinh. Hoặc có người nói rằng, người phạm bốn trọng cấm, tạo tội ngũ nghịch, nhất xiển đề.v.v... đều có Phật tính, hoặc nói rằng, không. Hoặc có người nói rằng, có Phật mười phương. Hoặc có người nói rằng, không có Phật mười phương... Như đức Như Lai thành tựu đầy đủ việc biết căn lực ấy thì vì sao ngày hôm nay chẳng quyết định nói ?

Đức Phật bảo Bồ tát Ca Diếp rằng :

- Nay thiện nam tử ! Nghĩa như vậy chẳng phải là nhãn thức biết... cho đến chẳng phải là ý thức biết. Đó là sự “năng tri” của trí tuệ. Nếu người có trí tuệ thì ta đối với người này nhất định chẳng tạo tác hai lời. Đó cũng gọi là ta chẳng tạo tác hai lời. Đối với kẻ vô trí thì ta tạo tác lời nói bất định mà kẻ vô trí này cũng lại cho là ta tạo tác lời nói bất định. Nay thiện nam tử ! Tất cả nghiệp hạnh sở hữu của Như Lai đều vì điều phục các chúng sinh. Ví như những phương thuốc sở hữu của vị y vương đều vì trị liệu tất cả bệnh khổ. Nay thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn vì đất nước, vì thời tiết, vì lời nói người khác. Vì người, vì mọi căn nên ở trong một pháp tạo ra hai thứ nói, đối với pháp một tên nói ra vô lượng tên, ở trong một nghĩa nói ra vô lượng tên, ở vô lượng nghĩa nói ra vô lượng tên. Sao gọi là một tên nói ra vô lượng tên ? - Giống như Niết Bàn, cũng tên là Niết Bàn, cũng tên là vô sinh, cũng tên là Vô Xuất, cũng tên là Vô Tác, cũng tên là Vô Vi, cũng tên là Quy Y, cũng tên là Hang Ổ (Quật trạch), cũng tên là Giải thoát, cũng tên là Quang Minh, cũng tên là Đăng Minh, cũng tên là Bỉ Ngạn, cũng tên Vô Úy, cũng tên là Vô Thoái, cũng tên là An Xứ, cũng tên là Tịch Tĩnh, cũng tên là Vô

Tướng, cũng tên là Vô Nhi, cũng tên là Nhất Hạnh, cũng tên là Thanh Lương, cũng tên là Vô Âm, cũng tên là Vô Ngại, cũng tên là Vô Tránh, cũng tên là Vô Trước, cũng tên là Quảng Đại, cũng tên là Cam Lộ, cũng tên là Cát Tường... Đó gọi là một tên tạo ra vô lượng tên.

Sao gọi là một nghĩa nói ra vô lượng tên ? - Giống như Đế Thích. Cũng tên là Đế Thích, cũng tên là Kiều Thi Ca, cũng tên là Bà Tha Bà, cũng tên là Phú Lan Đà La, cũng tên là Ma Khư Bà, cũng tên là Nhân Đà La, cũng tên là Thiên Nhân, cũng tên là Xá Chi Phù, cũng tên là Kim Cương, cũng tên là Bảo Đỉnh, cũng tên là Bảo Tràng... Đó là một nghĩa nói ra vô lượng tên.

Sao gọi là vô lượng nghĩa nói ra vô lượng tên ? - Như Phật Như Lai tên là Như Lai thì nghĩa khác tên khác, cũng tên là A La Ha thì nghĩa khác tên khác, cũng tên là Tam Miệu Tam Phật Đà thì nghĩa khác tên khác, cũng tên là Thuyền Sư, cũng tên là Đạo sư, cũng tên là Chính Giác, cũng tên là Minh Hành Túc, cũng tên là Đại sư Tử vương, cũng tên là Sa Môn, cũng tên là Bà la Môn, cũng tên là Tịch Tĩnh, cũng tên là Thí Chủ, cũng tên là Đáo Bỉ Ngạn, cũng tên là Đại Y Vương, cũng tên là Đại Tượng Vương, cũng tên là Đại Long Vương, cũng tên là Thí Nhân, cũng tên là Đại Lực Sĩ, cũng tên là Đại Vô Uy, cũng tên là Bảo Tụ, cũng tên là Thương Chủ, cũng tên là Đắc Thoát, cũng tên là Đại Trượng Phu, cũng tên là Thiên Nhân Sư, cũng tên là Đại Phân Đà Lợi, cũng tên là Độc Vô Đẳng Lữ, cũng tên là Đại Phước Điền, cũng tên là Đại Trí Tuệ Hải, cũng tên là Vô Tướng, cũng tên là Cụ Túc Bát Trí... Như vậy tất cả nghĩa khác, tên khác. Này thiện nam tử ! Đó gọi là trong vô lượng nghĩa nói vô lượng tên.

Lại có một nghĩa nói vô lượng tên. Đó là Như Âm, cũng tên là Âm, cũng tên là Diên Đảo, cũng tên là Đế, cũng tên là Tứ Niệm Xứ, cũng tên là Tứ Thực (Bốn ăn), cũng tên là Tứ Thức Trụ Xứ, cũng tên là Hữu, cũng tên là Đạo, cũng tên là Thời, cũng tên là Chúng Sinh, cũng tên là Vi Thế, cũng tên là Đệ Nhất nghĩa, cũng tên là Tam Tu gọi là Thân, Giới, Tâm, cũng tên là Nhân Quả, cũng tên là Phiền Não, cũng tên là Giải Thoát, cũng tên là Thập Nhị Nhân Duyên, cũng tên là Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng tên là Địa Ngục, Ngã Quỷ, Súc Sinh, Nhân Thiên, cũng tên là Quá Khứ, Hiện tại, Vị Lai... Đó gọi là một nghĩa mà nói vô lượng tên. Này thiện nam tử ! Như Lai Thế Tôn vì chúng sinh nên trong rộng nói lược, trong lược nói rộng. Đệ Nhất Nghĩa Đế nói là Thế Đế, nói Thế Đế pháp là Đệ Nhất Nghĩa Đế.

Sao gọi là trong rộng nói lược ? - Như bảo các Tỳkheo rằng : “Ta nay tuyên nói mười hai nhân duyên. Sao gọi là mười hai nhân duyên ? Đó là Nhân quả”.

Sao gọi là trong lược nói rộng ? - Như bảo các Tỳkheo rằng : “Ta nay tuyên nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ nghĩa là vô lượng những khổ, Tập nghĩa là vô lượng phiền não, Diệt nghĩa là vô lượng giải thoát, Đạo nghĩa là vô lượng phương tiện”.

Sao gọi là Đệ Nhất Nghĩa Đế nói là Thế Đế ? - Như bảo Tỳkheo rằng : “Thân này của ta hôm nay có già, bệnh, chết”. Sao gọi là Thế Đế nói là Đệ Nhất Nghĩa Đế ? - Như ta bảo ông Kiều Trần Như rằng : “Ông được pháp nên được gọi là A Nhã Kiều Trần Như”. Vậy nên tùy người, tùy ý, tùy lúc nên gọi là Như Lai biết các căn lực. Nay thiện nam tử ! Ta nếu phải đối với những nghĩa như vậy mà tạo tác lời nói quyết định thì chẳng được xưng ta là Như Lai biết đầy đủ căn lực. Nay thiện nam tử ! Người có trí phải biết rằng : Sự gánh vác của con hương tượng chẳng phải là sự thắng hơn của con lừa. Sở hạnh của tất cả chúng sinh không lượng vậy nên Như Lai vì họ nói đủ thứ pháp không lường. Vì sao vậy ? - Vì chúng sinh có nhiều những phiền não. Nếu giả sử Như Lai chỉ nói về một hạnh thì chẳng gọi là Như Lai thành tựu đầy đủ sự hiểu biết các căn lực. Vậy nên ở trong Kinh khác của ta nói rằng, năm thứ chúng sinh chẳng nên trở lại vì họ nói năm thứ pháp : Vì người chẳng tin thì chẳng khen chánh tín, vì người hủy phạm cấm giới thì chẳng khen trì giới, vì người xan tham thì chẳng khen bố thí, vì người giải đãi thì chẳng khen đa văn, vì người ngu si thì chẳng khen (tán thành) trí tuệ. Vì sao vậy ? - Vì người trí nếu vì năm thứ người này mà nói năm việc đó thì phải biết là người nói này chẳng được đầy đủ sự biết các căn lực, cũng chẳng được gọi là thương xót chúng sinh. Vì sao vậy ? - Vì năm thứ người này nghe năm việc đó rồi thì sinh lòng bất tín, lòng ác, lòng sân. Do nhân duyên này mà chúng sinh đó ở trong vô lượng đời chịu quả báo khổ. Vậy nên chẳng gọi người nói pháp đó là Bạc thương xót chúng sinh, biết đầy đủ căn lực. Vậy nên trước đây, ở trong Kinh khác, ta bảo ông Xá Lợi Phất rằng : “Như thật trọng không vì người lợi căn rộng nói pháp ngữ, người độn căn lược nói pháp vậy !”. Ông Xá Lợi Phất nói rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Con chỉ vì thương xót nên nói, chẳng phải là đầy đủ căn lực nên nói!”. Nay thiện nam tử ! Nói pháp rộng hay lược là cảnh giới của Phật, chẳng phải sự hiểu biết của hàng Thanh Văn, Duyên Giác. Nay thiện nam tử ! Như lời ông nói, sau khi Phật Niết Bàn, các đệ tử .v.v... đều nói khác thì những người đó đều do nhân duyên điên đảo, chẳng được chánh kiến. Vậy nên họ chẳng thể tự lợi và lợi tha. Nay thiện nam tử ! Những chúng sinh đó chẳng phải chỉ một

tính, một hạnh, một căn, một thứ đất nước, một thiện tri thức. Vậy nên Như Lai vì đủ thứ người đó tuyên nói pháp yếu. Do nhân duyên này mà các đức Phật Như Lai ba đời trong mười phương vì chúng sinh khai thị diễn nói mười hai bộ Kinh. Đây thiện nam tử ! Như Lai nói mười hai bộ Kinh đó chẳng phải vì tự lợi mà chỉ vì lợi tha. Vậy nên lực thứ năm của Như Lai gọi là Giải lực. Nhờ hai lực này mà Như Lai biết sâu : Người này hiện tại có thể cắt đứt thiện căn, người này đời sau có thể cắt đứt thiện căn, người này hiện tại có thể được giải thoát, người này đời sau có thể được giải thoát... Vậy nên Như Lai gọi là Lực sĩ vô thượng.

Này thiện nam tử ! Nếu người nói rằng Như Lai Niết Bàn rốt ráo hay chẳng Niết Bàn rốt ráo thì người này chẳng hiểu được ý của Như Lai nên nói lời như vậy. Đây thiện nam tử ! Trong núi Hương Sơn này có những năm vạn ba ngàn tiên nhân mà họ đều ở chỗ đức Phật Ca Diếp đời quá khứ, tu các công đức nhưng chưa được chánh đạo và gài gủi các đức Phật thánh thọ chánh pháp. Như Lai muốn vì những người đó nên bảo ông A Nan rằng : “Qua ba tháng, rồi ta sẽ Niết Bàn!”. Chư thiên nghe rồi, tiếng ấy đáp đờ vang vọng đến tận Hương Sơn, các tiên nhân nghe rồi liền sinh lòng hối tiếc, nói lời như vậy : “Sao chúng ta được sinh ra trong loài người mà chẳng thân cận đức Phật ! Các đức Phật Như Lai ra đời rất khó như hoa Ưu đàm ! Chúng ta nay phải đi đến chỗ đức Thế Tôn để thánh thọ chánh pháp”. Đây thiện nam tử ! Bây giờ năm vạn ba ngàn những tiên nhân liền đến chỗ ta. Ta liền vì họ đáp ứng nói pháp : “Đây các đại sĩ ! Sắc là vô thường. Vì sao vậy ? - Vì nhân duyên của Sắc là vô thường. Nhân vô thường sinh ra sắc thì sao gọi là thường được ? Cho đến Thức ta cũng nói như vậy. Lúc bấy giờ, các tiên nhân nghe pháp này rồi tức thời chứng được quả Alahán.

Này thiện nam tử ! Thành Câu Thi Na có các lực sĩ nhiều đến ba mươi vạn người mà không có sự ràng buộc. Họ tự thị kiêu mạn, phóng túng sắc lực, thân mạng, của cải, lòng loạn cuồng say. Đây thiện nam tử ! Ta vì điều phục các lực sĩ nên bảo ông Mục Liên rằng : “Ông phải điều phục những lực sĩ như vậy!”. Ông Mục Liên cung kính thuận theo lời dạy của ta, ở trong năm năm, dùng đủ cách giáo hóa mà thậm chí chẳng thể khiến cho một lực sĩ điều phục thọ pháp. Vậy nên ta lại vì những lực sĩ kia mà bảo ông A Nan rằng : “Qua ba tháng rồi ta sẽ Niết Bàn!”. Đây thiện nam tử ! Các lực sĩ nghe lời nói này rồi thì tập hợp nhau lại, sửa sang đường cái bằng phẳng. Qua ba tháng rồi, ta liền từ nước Tỳ Xá Ly đi đến thành Câu Thi Na. Giữa đường, từ xa thấy một nhóm những lực sĩ, ta liền tự hóa thân làm hình dáng Sa môn, đi đến chỗ lực sĩ, nói lên như vậy : “Các đồng tử làm việc gì vậy?”. Các lực sĩ nghe rồi đều nổi sân giận mà nói như vậy : “Đây

Samôn ! Nay ông làm sao mà gọi bọn chúng ta là đồng tử vậy ?”. Ta nói rằng : “Các ông, rất đông người, đến ba mươi vạn người đem hết sức lực của thân mình mà chẳng thể dời được hòn đá nhỏ xíu này thì sao mà chẳng gọi là đồng tử ư ?”. Các lực sĩ nói rằng : “Nếu ông gọi chúng ta là đồng tử thì phải biết ông tức là đại nhân (người lớn) vậy”. Nay thiện nam tử ! Lúc ấy, ta dùng hai ngón chân đào hòn đá này ra. Các lực sĩ này thấy việc đó rồi liền ở thân mình phát sinh ý tưởng yếu hèn, lại nói rằng : “Này ông Samôn ! Ông nay lại có thể dời hòn đá này ra khỏi đường đi không?”. Ta nói rằng : “Này các đồng tử ! Vì nhân duyên gì mà các ông sửa sang con đường này ?”. Các lực sĩ nói rằng : “Này ông Samôn ! Ông chẳng biết sao ? Đức Thích Ca Như Lai sẽ theo con đường này đi đến rừng Ta La để vào Niết Bàn. Do nhân duyên đó nên chúng ta sửa sang”. Ta khen rằng : “Hay thay ! Này các đồng tử ! Các ông đã phát lòng lành như vậy thì ta sẽ vì các ông trừ khử hòn đá này”. Ta dùng tay nâng cao hòn đá ném lên cao đến tận trời A Ca Ni Sắc. Các lực sĩ thấy hòn đá ở tại hư không đều sinh kinh sợ, liền muốn chạy tứ tán. Ta lại bảo rằng : “Này các lực sĩ ! Các ông nay chẳng nên sinh lòng sợ hãi mà muốn tản đi”. Các lực sĩ nói rằng : “Này ông Sa môn ! Nếu có thể cứu hộ chúng tôi thì chúng tôi sẽ ở yên. Bây giờ ta lại dùng tay tiếp lấy hòn đá đặt nó vào bàn tay. Lực sĩ thấy rồi thì lòng sinh vui mừng, lại nói rằng : “Thưa ông Sa môn ! Hòn đá này là thường hay vô thường vậy ?”. Lúc ấy, ta dùng miệng thổi hòn đá thì hòn đá liền tan hoại giống như vi trần. Lực sĩ thấy xong liền nói rằng : “Thưa ông Samôn ! Hòn đá này vô thường!”. Họ liền sinh lòng hổ thẹn mà tự khảo trách rằng : “Làm sao chúng ta cậy nhờ vào tự tại sắc lực thân mạng, của cải mà sinh ra kiêu mạn ?”. Ta biết lòng của họ, liền xả bỏ hóa thân trở lại hình dáng cũ mà vì họ nói pháp. Các lực sĩ thấy rồi thì tất cả đều phát tâm Bồ đề.

Này thiện nam tử ! Thành Câu Thi Na có một người thợ khéo tên là Thuần Đà. Người này đời trước ở chỗ đức Phật Ca Diếp phát thệ nguyện lớn rằng : “Khi đức Thích Ca Như Lai vào Niết Bàn thì tôi sẽ phụng thí bữa ăn uống sau cùng!”. Vậy nên ta đang ở nước Tỳ Xá Ly, lệnh cho Tỳkheo Ưu Bà Ma Na rằng : “Này thiện nam tử ! Qua ba tháng rồi thì ta sẽ ở rừng Ta La Song Thọ tại thành Câu Thi Na mà vào Bát Niết Bàn. Ông hãy đến bảo cho ông Thuần Đà biết”.

Này thiện nam tử ! Trong thành Vương Xá có vị tiên ngũ thông tên là Tu Bạt Đà một trăm hai mươi tuổi, thường tự xưng là người Nhất thiết trí, sinh lòng đại kiêu mạn. Ông này đã từng ở chỗ vô lượng Phật đời quá khứ gieo trồng các thiện căn. Ta cũng vì muốn điều phục người đó nên bảo ông A Nan rằng : “Qua ba tháng rồi ta sẽ vào Niết Bàn, ông Tu Bạt nghe rồi sẽ

đến chỗ ta, phát sinh lòng tin cung kính, ta sẽ vì ông đó nói đủ thứ pháp. Người ấy nghe rồi sẽ được tận lậu.

Này thiện nam tử ! Vua nước La Duyệt Kỳ là Tần Bà Ta La. Thái tử của vua ấy tên là Thiện Kiến do nghiệp nhân duyên nên sinh lòng nghịch ác muốn hại cha mình mà chẳng được thuận tiện. Bấy giờ người ác Đề Bà Đạt Đa cũng nhân nghiệp nhân duyên quá khứ cũng lại ở chỗ ta sinh lòng bất thiện muốn hại ta, liền tu ngũ thông, chẳng bao lâu thì thu hoạch được. Ông cùng với thái tử Thiện Kiến chung làm bạn thân hậu và vì thái tử nên hiện làm đủ thứ việc thần thông như : từ chẳng phải cửa mà ra rồi từ cửa mà vào, từ cửa mà vào rồi chẳng phải từ cửa mà ra, hoặc có khi thị hiện thân voi, ngựa, trâu, dê, trai, gái... Thái tử Thiện Kiến thấy rồi liền sinh lòng yêu thích, lòng vui mừng, lòng kính tín. Vì những việc này nên thái tử sắp bày đủ thứ đồ cúng dường mà cúng dường ông đó. Lại nữa, thái tử bạch rằng : “Thưa đại sư Thánh nhân ! Tôi nay muốn thấy hoa Mạn Đà La!” . Đề Bà Đạt Đa liền đi đến trời Ba mươi ba, theo người trời đó mà tìm kiếm hoa. Nhưng phước của ông ấy hết nên đều không có ai cho. Đã chẳng được hoa nên ông suy nghĩ : “Cây Mạn Đà La không ngã và ngã sở. Nếu ta tự lấy thì sẽ có tội gì ?”. Trước khi, ý ông muốn lấy hoa thì liền mất hết thần thông và trở lại thấy thân mình ở tại thành Vương Xá. Lòng ông ấy sinh tâm quý, chẳng thể gặp lại thái tử Thiện Kiến nên lại nghĩ rằng : “Ta nay phải đi đến chỗ đức Như Lai tìm kiếm đại chúng. Đức Phật nếu cho phép thì ta sẽ tùy ý dạy bảo, kêu gọi, sai bảo ông Xá Lợi Phất.v.v...”. Bấy giờ ông Đề Bà Đạt Đa liền đến chỗ ta nói như vậy: Nguyện xin đức Thế Tôn đem đại chúng này giao phó cho con ! Con sẽ nói đủ thứ pháp giáo hóa khiến cho họ điều phục”. Ta nói rằng : “Này người ngu si ! Ông Xá Lợi Phất.v.v.. là những bậc thông minh đại trí, được đời tin phục mà ta còn chẳng đem đại chúng giao phó huống là ông, người ngu si, kẻ ăn đồ nhỏ bỏ ư ?”. Đề Bà Đạt Đa lại đối với ta sinh ra ác tâm bội phản và nói như vậy : “Này ông Cù Đàm ! Ông nay tuy điều phục được đại chúng nhưng thế lực chẳng bao lâu sẽ bị mòn diệt (ma diệt)!”. Nói lời đó rồi thì đại địa tức thời sau lần chấn động, Đề Bà Đạt Đa liền ngã lăn ra đất. Ở bên thân ông ấy, gió rất mạnh nổi lên thổi tung những bụi đất và bụi bần vùi thây. Đề Bà Đạt Đa thấy ác tướng rồi lại nói rằng : “Nếu đời hiện tại thân này của ta nhất định vào địa ngục A Tỳ thì ta cần phải báo cái oán lớn này!”. Đề Bà Đạt Đa liền đứng dậy đi đến chỗ của thái tử Thiện Kiến. Thái tử Thiện Kiến thấy rồi liền hỏi : “Thưa Thánh nhân ! Vì sao dung nhan ngài tiêu tụy có vẻ lo âu vậy ?”. Đề Bà Đạt Đa nói rằng : “Ta thường như vậy Ngài chẳng biết ư ?”. Ông Thiện Kiến đáp rằng : “Nguyện xin ngài nói lên ý nghĩ ấy ! Vì nhân duyên gì vậy ?”. Đề Bà Đạt Đa nói rằng : “Tôi nay cùng ngài đã trở thành rất thân ái. Người ngoài mắng ngài rất là phi lý mà ta nghe

được việc này thì há chẳng lo ư?”. Thái tử Thiện Kiến lại nói rằng : “Người trong nước làm sao mà nhục mạ ta?”. Đê Bà Đạt Đa nói rằng : “Người trong nước mắng ngài là “Oán chưa sinh”!. Thiện Kiến lại nói rằng : “Vì sao gọi ta là “Oán chưa sinh ? Ai tạo ra cái tên này ?” . Đê Bà Đạt Đa nói rằng : “Khi ngài chưa sinh ra, tất cả thầy tướng đều nói rằng, đứa trẻ này sinh ra rồi sẽ giết cha của nó! Vậy nên người bên ngoài đều gọi ngài là Oán chưa sinh. Tất cả người bên nội một lòng ủng hộ ngài nên gọi ngài là Thiện Kiến! Phu nhân Vi Đề nghe lời nói này, sinh ra thân ngài rồi, ở trên lầu cao bỏ ngài xuống đất, hủy hoại của ngài một ngón tay. Do nhân duyên này mà người lại gọi ngài là Ba La Lưu Chi. Ta nghe những điều đó rồi lòng sinh ra lo rầu mà lại chẳng thể nói cho ngài biết”. Đê Bà Đạt Đa dùng đủ thứ việc ác như vậy dạy bảo ông ấy giết cha. Rằng nếu cha ngài chết thì ta cũng có thể giết chết ông Sa môn Cù Đàm. Thái tử Thiện Kiến hỏi một vị đại thần tên là Vũ Hạnh rằng : “Đại vương vì sao đặt tên ta là Vị Sinh Oán?”. Vị đại thần liền vì thái tử nói hết đầu đuôi chuyện ấy đúng như lời của Đê Bà Đạt Đa không khác. Thái tử Thiện Kiến nghe rồi liền cùng với đại thần bắt giam vua cha. Bên ngoài thành ông dùng bốn thứ binh mà thủ vệ. Phu nhân Vi Đề nghe được việc này liền đi đến chỗ vua thì bị người canh giữ vua ngăn chảng cho vào. Bảy giờ phu nhân sinh lòng sân nhuế liền trách mắng họ. Những người canh giữ liền báo cho thái tử rằng : “Thưa đại vương ! Phu nhân của vua cha muốn gặp vua cha, chẳng biết có nên cho không?”. Thiện Kiến nghe rồi lại sinh hờn giận, liền đến chỗ của mẹ, kéo tóc mẹ về trước, vung dao muốn chém. Bảy giờ, ông Kỳ Bà bạch rằng : “Thưa đại vương ! Từ khi có nước trở đi, tội tuy rất nặng nhưng chẳng bằng giết nữ nhân, huống là mẹ đẻ mình!”. Thái tử Thiện Kiến nghe lời nói đó rồi, vì Kỳ Bà nên liền buông tha. Ông cho người ngăn dứt nguồn quần áo, đồ nằm, ăn uống, thuốc thang của vua cha, qua bảy ngày rồi thì nhà vua mạng chung. Thái tử Thiện Kiến thấy cha chết rồi mới sinh lòng hối hận. Đại thần Vũ Hạnh lại dùng đủ thứ pháp tà ác để nói cho vua nghe rằng : “Thưa đại vương ! Tất cả nghiệp hạnh đều không có tội thì hôm nay vì sao mà sinh lòng hối hận?”. Kỳ Bà lại nói rằng : “Thưa đại vương ! Ngài phải biết là nghiệp như vậy thì tội gồm hai thứ, một là giết vua cha, hai là giết Tu đà hoàn. Tội như vậy thì ngoại trừ đức Phật thì không ai có thể trừ diệt được!”. Vua Thiện Kiến nói rằng : “Đức Như Lai thanh tịnh không có uế trước, còn người có tội như chúng ta thì làm sao được thấy?”.

Này thiện nam tử ! Ta biết việc như vậy nên bảo ông A Nan rằng : “Qua ba tháng rồi ta sẽ Niết Bàn !”. Vua Thiện Kiến nghe được liền đến chỗ của ta. Ta vì ông ấy nói pháp tội nặng được nhẹ, thu hoạch được niềm tin vô căn(?). Này thiện nam tử ! Những đệ tử của ta nghe lời nói này rồi chẳng lý giải được ý của ta nên nói rằng, Như Lai quyết định nói Niết Bàn rốt ráo.

Này thiện nam tử ! Bồ tát có hai thứ, một là thật nghĩa, hai là giả danh. Bồ tát giả danh nghe ta ba tháng sẽ vào Niết Bàn thì đều sinh thoái tâm mà nói rằng : “Như đức Như Lai kia mà còn không thường, chẳng trụ thì chúng ta làm gì được ? Vì việc này nên ở trong vô lượng đời chịu khổ não lớn. Đức Như Lai Thế Tôn thành tựu đầy đủ vô lượng công đức mà còn chẳng thể hủy hoại được loài ma chết như vậy, huống là bọn chúng ta sẽ có thể hoại được sao ?”. Này thiện nam tử ! Vậy nên ta vì những Bồ tát như vậy mà nói rằng, Như Lai thường trụ không có biến dịch. Này thiện nam tử ! Những đệ tử của ta nghe lời này rồi chẳng hiểu được ý của ta nên quyết định nói rằng, Như Lai nhất định chẳng rút rảo vào Niết Bàn.

Này thiện nam tử ! Có những chúng sinh ở đoạn kiến nói lên lời như vậy : “Thân của tất cả chúng sinh sau khi diệt thì nghiệp quả thiện ác không có người thọ. Ta vì những người đó nói như vậy : “Quả báo thiện ác thật có người thọ !”. Làm sao biết là có ? - Này thiện nam tử ! Đời quá khứ tại thành Câu Thi Na, có vị vua tên là Thiện Kiến, khi làm đồng tử trải qua tám muôn bốn ngàn năm, khi làm thái tử trải qua tám muôn bốn ngàn năm và khi lên ngôi vua cũng trải qua tám muôn bốn ngàn năm. Ở riêng một chỗ, ông ngồi suy nghĩ rằng : “Chúng sinh bạc phước, thọ mạng ngắn ngủi, thường có bốn oán đuổi theo mà chẳng tự biết còn buông lung ! Vậy nên ta phải xuất gia, tu đạo, đoạn tuyệt bốn oán sinh, già, bệnh, chết”. Ngài liền ra lệnh cho quan Hữu ty, làm bảy ngôi bảo đường ở bên ngoài thành ấy. Xây dựng xong, nhà vua liền bảo quần thần bá quan, phi, hậu, các con, quyền thuộc ở nội cung rằng : “Này các ngươi phải biết, ta muốn xuất gia ! Các ngươi có cho không ?”. Bấy giờ đại thần và quyền thuộc của vua đều nói rằng : “Hay thay ! Thừa đại vương ! Hôm nay chính là lúc đó!”. Vua Thiện Kiến đem theo một người sai bảo, rồi một mình lên thượng đường. Nhà vua lại trải qua tám muôn bốn ngàn năm tu tập từ tâm. Nhờ nhân duyên của lòng Từ đó mà về sau tám muôn bốn ngàn đời theo thứ lớp được làm Chuyển Luân Thánh Vương, trong ba mươi đời làm Thích Đề Hoàn Nhân, trong vô lượng đời làm các tiểu vương. Này thiện nam tử ! Vua Thiện Kiến bây giờ đâu phải ai khác ư ? Chớ tác khởi sự quan sát ấy mà chính là thân ta đó ! Này thiện nam tử ! Những đệ tử của ta nghe lời này rồi chẳng hiểu được ý ta nên xưng rằng : “Như Lai quyết định nói có ngã và có ngã sở”. Lại, một thuở, ta vì các chúng sinh nói rằng : “Ngã tức là tính vậy ! Như là nhân duyên trong ngoài, mười hai nhân duyên, chúng sinh, ngũ âm, tâm, giới, thể gian, công đức, nghiệp hạnh, trời tự tại, đời... thì gọi là Ngã. Những đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta nên xưng lên rằng : “Đức Như Lai quyết định nói có Ngã”.

Này thiện nam tử ! Lại vào một lúc khác, có một Tỳkheo đi đến chỗ ta nói như vậy : “Thưa đức Thế Tôn ! Sao gọi là Ngã ? Ai là Ngã vậy ? Ngã duyên gì ? “. Ta liền vì vị Tỳkheo mà nói rằng : “Này Tỳkheo ! Không Ngã và Ngã sở ! Nhân (mắt) tức là vốn không nay có, đã có lại hoàn không. Khi mắt ấy sinh thì không có nơi từ đó đến và khi mắt ấy diệt cũng không có chỗ đi đến. Tuy có nghiệp quả nhưng không có tác giả. Không có người xả ấm và người thọ ấm. Như lời ông hỏi, sao gọi là ngã thì ngã tức là hện kỳ vậy. Ai là ngã thì tức là nghiệp vậy. Ngã duyên gì thì tức là Ái vậy. Này Tỳkheo ! Ví như hai tay vỗ vào nhau thì tiếng phát ra trong ấy ! Ngã cũng như vậy. Chúng sinh , nghiệp, ái, ba nhân duyên nên gọi là Ngã. Này Tỳkheo ! Sắc của tất cả chúng sinh chẳng phải ngã, trong ngã không sắc, trong sắc không ngã... Cho đến Thức cũng như vậy. Này Tỳkheo ! Những bọn ngoại đạo tuy nói có ngã nhưng nhất định chẳng lìa khỏi ấm. Nếu nói lìa khỏi ấm mà riêng có ngã thì không có điều này. Hành của tất cả chúng sinh như huyễn hóa, như lửa cháy khi nóng. Này Tỳkheo ! Năm ấm đều là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Này thiện nam tử ! Bảy giờ, có vô lượng Tỳkheo quan sát năm ấm này không có ngã và ngã sở mà đắc quả Alahán. Này thiện nam tử ! Những đệ tử của ta nghe lời nói này rồi chẳng hiểu được ý ta nên xướng lên rằng, đức Như Lai quyết định nói vô ngã.

Này thiện nam tử ! Ở trong Kinh, ta lại nói rằng : “Ba việc hòa hợp thì được thọ thân này. Một là cha, hai là mẹ, ba là trung ấm là ba việc hòa hợp được thọ thân này”. Hoặc khi lại nói :”Người Anahàm hiện Bát Niết Bàn, hoặc ở trung ấm vào Bát Niết Bàn”. Hoặc lại nói rằng : “Thân căn trung ấm đầy đủ rõ ràng đều nhân nghiệp đời trước như đề hồ sạch sẽ”. Này thiện nam tử ! Ta hoặc có khi nói rằng : “Chúng sinh tặc ác thọ trung ấm như tấm vải sù sì thô ráp trong thế gian, còn chúng sinh thuần thiện thọ trung ấm như tấm vải trắng mịn sản xuất ở thành ba La Nại”. Các đệ tử của ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của ta nên xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói có trung ấm”.

Này thiện nam tử ! Ta lại vì những chúng sinh tội nghịch kia mà nói lời rằng : “Người tạo ngũ nghịch, xả thân vào thẳng địa ngục A Tỳ”. Ta lại nói rằng : “Tỳkheo Đản Ma Lưu Chi xả thân vào thẳng địa ngục A Tỳ, ở khoảng giữa ấy không có chỗ dừng tá túc”. Ta lại vì phạm chí Độc tử kia nói rằng : “Này phạm chí ! Nếu có trung ấm thì có sáu hữu!”. Ta lại nói rằng :

“Chúng sinh cõi vô sắc không có trung ấm!”. Nay thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của ta mà xướng lên rằng : “Đức Phật nói quyết định không trung ấm”.

Nay thiện nam tử ! Ở trong Kinh, ta lại nói có thoái. Vì sao vậy ? - Vì nhân ở vô lượng giải đãi, các Tỳkheo lười biếng.v.v...chẳng tu đạo. Nói “thoái” là có năm thứ : Một là ưa nhiều chuyện (đa sự) hai là ưa nói việc đời, ba là ưa ngủ nghỉ, bốn là ưa gần kẻ tại gia, năm là ưa du hành nhiều. Do những nhân duyên này nên khiến cho các Tỳkheo thoái (lui). Nói về nhân duyên thoái lui có hai thứ, một là trong, hai là ngoài. Người Alahán tuy lìa khỏi nội nhân nhưng chẳng lìa khỏi ngoại nhân (nhân duyên bên ngoài). Do nhân duyên bên ngoài nên sinh ra phiền não, mà sinh ra phiền não thì liền thoái mất. Lại có Tỳkheo tên là Cù Chi có đến sáu lần thoái mất. Thoái rồi thì xấu hổ trở lại tiến tu, đến lần thứ bảy thì ông được. Được rồi lại sợ mất nên ông dùng dao tự hại mình. Ta lại hoặc nói có lúc giải đãi, hoặc nói có sáu thứ A la hán.v.v... Các đệ tử của ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của ta nên xướng lên rằng : “Đức Như Lai quyết định nói có Thoái”.

Nay thiện nam tử ! Trong kinh lại nói rằng, ví như đốt than thì than chẳng trở lại như cũ, cũng như bình vỡ thì lại không còn bình dùng. Phiền não cũng vậy, A la hán đoạn xong thì chẳng sinh trở lại. Kinh cũng nói rằng, chúng sinh sinh ra phiền não, nhân duyên phạm có ba thứ : Một là chưa đoạn phiền não, hai là chẳng đoạn nhân duyên, ba là chẳng khéo suy nghĩ. Nhưng mà A la hán không có hai nhân duyên là đoạn phiền não và khéo suy nghĩ. Nay thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe những lời đó rồi, chẳng hiểu ý của ta nên xướng lên rằng : “Đức Như Lai quyết định nói không thoái”.

Nay thiện nam tử ! Ở trong Kinh, ta nói, thân Như Lai có hai thứ : một là sinh thân, hai là pháp thân. Nói sinh thân thì tức là thân ứng hóa phương tiện. Như thân này thì có thể được nói rằng là sinh, già, bệnh, chết, dài, ngắn, đen, trắng, là đây, là đó, là học hay vô học... Các đệ tử của ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý của ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai quyết định nói thân Phật là pháp hữu vi”.

Pháp thân tức là Thường Lạc Ngã Tịnh, vĩnh viễn lìa khỏi tất cả sinh già bệnh chết, chẳng phải trắng, chẳng phải đen, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải đây, chẳng phải đó, chẳng phải học, chẳng phải vô học... Nếu Phật ra đời và chẳng ra đời thì vẫn thường trụ chẳng động, không có biến dịch. Nay thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe những lời nói đó rồi,

chẳng hiểu ý của ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai quyết định nói thân Phật là pháp Vô vi”.

Này thiện nam tử ! Trong Kinh của ta nói rằng, sao gọi là mười hai nhân duyên ? Từ Vô minh sinh ra Hành, từ Hành sinh ra Thức, từ Thức sinh ra Danh sắc, từ Danh sắc sinh ra Lục nhập, từ Lục nhập sinh ra Xúc, từ Xúc sinh ra Thọ, từ Thọ sinh ra Ái, từ Ái sinh ra Thủ, từ Thủ sinh ra Hữu, từ Hữu sinh ra Sinh, từ Sinh thì có Lão Tử Ưu khổ. Này thiện nam tử! Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý của ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói mười hai nhân duyên quyết định là hữu vi”.

Ta lại có lúc bảo Dự Tỳkheo mà nói lên rằng : “Mười hai nhân duyên có Phật, không Phật, tính tướng thường trụ. Này thiện nam tử ! Có mười hai duyên chẳng từ duyên sinh. Có từ duyên sinh chẳng phải mười hai duyên. Có từ duyên sinh cũng mười hai duyên. Có chẳng phải duyên sinh cũng chẳng phải mười hai duyên. Có mười hai duyên chẳng phải duyên sinh nghĩa là mười hai chi của đời vị lai. Có từ duyên sinh chẳng phải mười hai duyên thì nghĩa là năm ấm sở hữu của A la hán. Có từ duyên sinh cũng mười hai duyên thì nghĩa là năm ấm, mười hai nhân duyên sở hữu của người phàm phu. Có chẳng phải duyên sinh chẳng phải mười hai duyên thì nghĩa là hư không Niết Bàn”. Này thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý của ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói mười hai nhân duyên quyết định là vô vi”.

Này thiện nam tử ! Trong Kinh ta nói : “Tất cả chúng sinh tạo tác nghiệp thiện ác, khi xả thân thì bốn đại ở đây tức thời tan hoại. Người nghiệp thuần thiện thì tâm liền đi lên. Kẻ nghiệp thuần ác thì tâm đi xuống”. Này thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói tâm quyết định Thường”.

Này thiện nam tử ! Vào một thuở, ta vì vua Tần Bà Ta La mà nói rằng : “Này đại vương ! Ông phải biết rằng, sắc là vô thường. Vì sao vậy ? Vì nó từ nhân vô thường mà được sinh ra. Sắc đó nếu từ nhân vô thường sinh ra thì người trí làm sao mà nói rằng là thường ? Nếu sắc là thường thì chẳng nên hoại diệt mà sinh ra các khổ não. Nay ông thấy sắc này tan diệt hư hoại ! Vậy nên ông phải biết sắc là vô thường...” cho đến thức cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý của ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói Tâm quyết định đoạn”.

Này thiện nam tử ! Trong Kinh ta nói rằng, những đệ tử của ta thọ nhận những hương hoa, vàng bạc, vật báu, vợ con, nô tỳ... trăm thứ vật bất tịnh mà vẫn thu hoạch được Chánh đạo mà được Chánh đạo rồi cũng chẳng rời bỏ. Những đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà quyết định nói rằng : “Đức Như Lai nói thọ năm dục chẳng phương hại Thánh đạo”.

Lại có một lúc, ta lại nói rằng : “Người tại gia mà được Chánh đạo thì không có điều này”. Này thiện nam tử ! Những đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói người thọ năm dục quyết định ngăn trở đạo Chân chính”.

Này thiện nam tử ! Trong Kinh ta nói rằng, xa lìa phiền não chưa được giải thoát mà giống như ở Dục giới tu tập pháp đệ nhất của thế gian vậy. Này thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói pháp Đệ Nhất chỉ là Dục giới”.

Lại nữa, ta nói rằng, pháp noãn (ấm) pháp đĩnh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất ở tại sơ thiên đến đệ tứ thiên. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói những pháp như vậy ở tại Sắc giới”.

Lại nữa, ta nói rằng, các ngoại đạo.v.v... trước đã đoạn phiền não của bốn thiên, tu tập pháp noãn, pháp đĩnh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất mà quan sát bốn chân đế thì được quả A na hàm. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói pháp đệ nhất ở tại Vô sắc giới”.

Này thiện nam tử ! Trong Kinh ta nói rằng, trong bốn thứ thí có ba thứ tịnh : Một là thí chủ tin nhân, tin quả, tin thí mà người thọ chẳng tin. Hai là người thọ thí tin nhân, quả, thí mà thí chủ chẳng tin. Ba là thí chủ và người thọ cả hai có tin. Bốn là thí chủ và người thọ cả hai chẳng tin. Đó là bốn thứ thí mà ba thứ đầu là tịnh. Các đệ tử của ta nghe lời nói này rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói thí chỉ là ý”.

Này thiện nam tử ! Ta có lúc lại nói rằng, người thí khi thí dùng năm việc thí. Những gì là năm ? Một là thí sắc, hai là thí lực, ba là thí an, bốn là thí mạng, năm là thí biện. Do nhân duyên này nên thí chủ trở lại được năm quả báo. Các đệ tử của ta nghe lời nói này rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Phật nói thí tức là năm ấm”.

Này thiện nam tử ! Ta có lúc tuyên nói rằng, Niết Bàn tức là xa lìa phiền não, tận diệt vĩnh viễn không sót lại nữa. Giống như đèn tắt lại không pháp sinh ra, Niết Bàn cũng vậy. Răng, hư không thì tức là không sở hữu. Ví như thế gian không sở hữu nên gọi là hư không. Chẳng phải duyên trí diệt tức là không sở hữu. Như hư không kia có thì nên có nhân duyên. Có nhân duyên nên có tận diệt. Do hư không kia không nên không có tận diệt. Các đệ tử của ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Phật nói không có ba vô vi”.

Này thiện nam tử ! Có một lúc, ta vì ông Mục Kiền Liên mà nói rằng: “Này Mục Liên ! Luận về Niết Bàn thì tức là chương cú, tức là dấu chân, chính là chỗ rất ráo, chính là vô sở úy, tức là Đại sư, tức là Đại Quả, là trí rất ráo, tức là Đại Nhân Vô Ngại tam muội, là Đại pháp giới, là vị cam lộ, tức là khó thấy. Này Mục Liên ! Nếu nói không Niết Bàn thì làm sao có người sinh ra bài báng thì rơi vào địa ngục”. Này thiện nam tử ! Những đệ tử của ta nghe những lời đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói có Niết Bàn”.

Lại vào một lúc khác, ta vì ông Mục Kiền Liên mà nói rằng : “Này Mục Liên ! Nhãn (mắt) chẳng bền chắc.. cho đến thân cũng vậy, chúng đều chẳng bền chắc. Vì chẳng bền chắc nên gọi là hư không. Đồ ăn xuống chỗ xoay chuyển tiêu hóa, tất cả âm thanh, đều gọi là hư không”. Các đệ tử của ta nghe lời nói này rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai quyết định nói có hư không vô vi”.

Lại vào một lúc khác, ta vì ông Mục Kiền Liên nói rằng : “Này Mục Liên ! Có người chưa được quả Tu Đà Hoàn, khi trụ ở nhẫn pháp thì đoạn được vô lượng quả báo của ba đường ác. Ông phải biết rằng, chẳng từ Trí duyên mà diệt !” Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai quyết định nói “Có” chẳng phải trí duyên diệt”.

Này thiện nam tử ! Ta lại vào một lúc khác vì ông Tỳkheo Bạt Ba nói rằng : “Nếu Tỳkheo quan sát sắc hoặc quá khứ, hoặc vị lại, hoặc hiện tại, hoặc gần, hoặc xa, hoặc lớn, hoặc nhỏ.v.v... những sắc như vậy chẳng phải ngã và ngã sở. Nếu Tỳkheo quan sát như vậy rồi thì có thể cắt đứt sắc ái”. Bạt Ba lại nói rằng : “Sao gọi là sắc ?” Ta nói rằng : “Bốn đại gọi là sắc, bốn âm gọi là danh !” Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai quyết định nói rằng, sắc chính là bốn đại”.

Này thiện nam tử ! Ta lại nói rằng : “Ví như nhân tấm gương thì có hình dáng hiện ra. Sắc cũng như vậy, nhân bốn đại tạo ra. Nào là to, nhỏ, nhám, trơn, xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, tà (xiêng), góc, nhẹ, nặng, lạnh, nóng, đói, khát, khói, mây, bụi, mù... Đó gọi là tạo sắc giống như tiếng vang và hình dáng”. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói có bốn đại thì có tạo sắc thành ra không bốn đại, không có tạo sắc”.

Này thiện nam tử ! Thuở xưa có khi vương tử Bồ Đề nói lời như vậy : “Nếu có Tỳkheo hộ trì cấm giới mà phát lòng ác thì phải biết lúc đó đã mất giới Tỳkheo”. Ta thì nói rằng : “Này vương tử Bồ Đề ! Giới có bảy thứ, từ ở thân miệng có vô tác sắc. Do nhân duyên vô tác sắc này nên tâm ấy tuy ở tại trong ác vô ký nhưng chẳng gọi là mất giới mà còn gọi là trì giới. Vì nhân duyên gì gọi là vô tác sắc ? Chẳng phải nhân sắc khác thì chẳng tạo tác quả sắc khác. Này thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Phật nói có vô tác sắc”.

Này thiện nam tử ! Ở Kinh khác, ta lại nói như vậy : “Giới tức là ngăn chặn, chế ngự ác pháp. Nếu chẳng làm ác thì đó gọi là Trì giới”. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai quyết định tuyên nói không có Vô tác sắc”.

Này thiện nam tử ! Ở Krong kinh, ta nói như vậy : “Sắc ám cho đến thức ám của Thánh nhân đều là sự phát xuất của nhân duyên vô minh. Tất cả phạm phu cũng lại như vậy. Từ vô minh sinh ra ái thì phải biết là ái này tức là vô minh. Từ ái sinh ra thủ thì phải biết thủ này tức là vô minh ái. Từ thủ sinh ra hữu thì phải biết hữu này tức là vô minh ái thủ. Từ hữu sinh ra thọ thì phải biết thọ này tức là hành hữu. Từ thọ nhân duyên sinh ra danh sắc, vô minh, ái, thủ, hữu, hành, thọ, xúc, thức, lục nhập.v.v... Vậy nên thọ tức là mười hai chi”. Này thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói không có tâm số”.

Này thiện nam tử ! Ở trong Kinh, ta nói như vậy : “Từ mắt, sắc làm sáng bốn pháp ác dục thì sinh ra nhãn thức (sự nhận thức của mắt). Nói ác dục tức là nói vô minh. Khi tính dục cầu thì gọi là Ái. Ái nhân duyên thủ. Thủ gọi là Nghiệp. Nghiệp nhân duyên Thức. Thức duyên Danh sắc. Danh sắc duyên Lục nhập. Lục nhập duyên Xúc. Xúc duyên Tưởng, Thọ, Ái, Tín, Tinh tấn, Định, Tuệ.v.v... Những pháp như vậy nhân xúc mà sinh ra, nhưng chẳng phải là xúc. Này thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Phật nói có tâm số”.

Này thiện nam tử ! Hoặc có khi ta nói rằng, chỉ có một hữu. Hoặc nói rằng, có hai ba bốn năm sáu bảy tám chín cho đến hai mươi lăm cõi hữu. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói có năm cõi hữu, hoặc nói có sáu cõi hữu”.

Này thiện nam tử ! Một thuở trước đây, khi ta trụ ở rừng Ni Câu Đà tại thành Ca Tỳ La Vệ, ông Thích Ma Nam đi đến chỗ ta mà nói như vậy : “Sao gọi là Ưu bà tắc ?” Ta liền vì ông trả lời : “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân các căn hoàn bị, thọ ba quy y thì đó gọi là Ưu bà tắc vậy”. Ông Thích Ma Nam nói rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Sao gọi là một phần Ưu bà tắc ?” Ta đáp rằng : “Nếu thọ ba quy y và thọ một giới thì đó gọi là một phần Ưu bà tắc vậy !”. Các đệ tử của ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói Giới Ưu bà tắc chẳng thọ đủ được”. Này thiện nam tử ! Vào một thuở, ta trụ ở bên sông Hằng, bấy giờ ông Ca Chiên Diên đi đến chỗ ta mà nói như vậy : “Thưa đức Thế Tôn ! Con dạy chúng sinh bảo họ thọ Trai pháp (pháp Bát quan trai) hoặc một ngày, hoặc một đêm, hoặc một giờ, hoặc một niệm. Người như vậy có thành Trai giới không vậy ?”. Ta nói rằng : “Này Tỳkheo ! Người này được tốt (thiện) chớ chẳng gọi là được Trai !”. Các đệ tử của ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói Bát giới trai thọ đầy đủ mới được”.

Này thiện nam tử ! Ở trong Kinh ta nói như vậy : “Nếu có Tỳkheo phạm bốn trọng cấm rồi thì chẳng gọi là Tỳkheo mà gọi là Tỳkheo phá, Tỳkheo vong thất (mất), chẳng lại có thể sinh ra hạt giống mầm thiện. Ví như hạt giống cháy chẳng sinh ra kết quả. Như đầu cây Đa La nếu bị chặt phá thì chẳng sinh ra trái, Tỳkheo phạm trọng cấm cũng lại như vậy”. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói các Tỳkheo phạm bốn trọng cấm rồi thì mất giới Tỳkheo”.

Này thiện nam tử ! Ở trong Kinh ta vì ông Thuần Đà mà nói về bốn thứ Tỳkheo, một là rốt ráo đến đạo, hai là thị (bày) đạo, ba là thọ đạo, bốn là ô (lắm bản) đạo. Phạm bốn trọng cấm thì tức là ô đạo. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói các Tỳkheo phạm bốn trọng cấm rồi chẳng mất giới cấm”.

Này thiện nam tử ! Ở trong Kinh ta bảo các Tỳkheo rằng : “Một thừa, một đạo, một hạnh, một duyên. Như vậy một thừa... cho đến một duyên có thể vì chúng sinh tạo tác Đại Tịch Tĩnh, đoạn vĩnh viễn khổ của tất cả trời

buộc sâu khổ và nhân của khổ, khiến cho tất cả chúng sinh đến với Nhất hữu”. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói Tu đà hoàn cho đến A la hán đều được Phật đạo”.

Này thiện nam tử ! Ở trong Kinh ta nói : “Người Tu đà hoàn lên trời xuống nhân gian, qua lại bảy lần thì liền Bát Niết Bàn. Người Tư đà hàm một lần thọ thân người, trời thì liền Bát Niết Bàn. Người A na hàm thường có năm thứ, hoặc có người trung gian Bát Niết Bàn... cho đến người thượng lưu Bát Niết Bàn. Người A la hán thường có hai thứ, một là hiện tại, hai là vị lai. Hiện tại cũng đoạn phiền não năm ấm, vị lai cũng đoạn phiền não năm ấm”. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Như Lai nói Tu đà hoàn cho đến A la hán chẳng được Phật đạo”.

Này thiện nam tử ! Ở trong Kinh này, ta nói rằng : “Phật tính có đủ sáu việc, một là Thường, hai là Thật, ba là Chân, bốn là Thiện, năm là Tịnh, sáu là Khả kiến”. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Phật nói Phật tính của chúng sinh là khỏi chúng sinh mà có”.

Này thiện nam tử ! Ta lại nói rằng : “Phật tính của chúng sinh giống như hư không. Hư không thì chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải nội, chẳng phải ngoại, chẳng phải là sắc, thanh, hương, vị, xúc tiếp. Phật tính cũng vậy”. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Phật nói Phật tính của chúng sinh là khỏi chúng sinh mà có”.

Này thiện nam tử ! Ta lại nói nữa rằng : “Phật tính của chúng sinh giống như Bảo tạng trong nhà người con gái nghèo, như viên ngọc báu Kim Cương trên trán vị lực sĩ, như dòng suối cam lộ của vị Chuyển Luân Thánh Vương”. Các đệ tử của ta nghe lời nói này rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Phật nói Phật tính của chúng sinh là khỏi chúng sinh mà có”.

Này thiện nam tử ! Ta lại nói rằng : “Người phạm bốn trọng cấm, nhất xiển đề, người bài báng Kinh Phương Đẳng, người tạo tác tội ngũ nghịch đều có Phật tính. Những chúng sinh như vậy đều không thiện pháp mà Phật tính chính là thiện”. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Phật nói Phật tính của chúng sinh là khỏi chúng sinh mà có”.

Này thiện nam tử ! Ta lại nói rằng : “Chúng sinh tức là Phật tính. Vì sao vậy ? Vì nếu lìa khỏi chúng sinh thì chẳng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên ta cùng với vua Ba Tư Nặc nói về bài dụ con voi. Như người mù nói về voi tuy chẳng được voi nhưng chẳng lìa khỏi voi. Chúng sinh nói sắc cho đến nói thức chính là Phật tính thì cũng lại như vậy tuy chẳng phải Phật tính nhưng chẳng phải chẳng Phật tính. Như ta vì nhà vua nói bài dụ về cây đàn Không Hài, Phật tính cũng vậy”. Này thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe những lời nói này rồi, chẳng hiểu ý ta mà tạo tác đủ thứ lời nói, như việc người mù hỏi về sữa mà Phật tính cũng vậy. Do nhân duyên này nên hoặc có người nói rằng, người phạm bốn trọng cấm, bài báng kinh Phương Đẳng, tạo ngũ nghịch tội, nhất xiên đề.v.v... đều có Phật tính, hoặc nói rằng, không ! Này thiện nam tử ! Ở khắp nơi nơi trong kinh, ta nói rằng : “Một người ra đời nhiều người lợi ích, trong một đất nước có hai vua Chuyển Luân, trong một thế giới có hai Phật ra đời thì không có điều này. Một Tứ Thiên Hạ có tám Tứ Thiên vương... cho đến hai trời Tha Hóa Tự Tại cũng không có điều này. Nhưng ta mới nói từ địa ngục A Tỳ của cõi Diêm Phù Đề lên đến trời A Ca Ni Sắc. Các đệ tử của ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý ta mà xướng lên rằng : “Đức Phật nói không có mười phương Phật”. Nhưng ở trong những kinh Đại thừa, ta cũng nói có mười phương Phật.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ ba mươi một hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 32

PHẨM THỨ HAI MƯƠI TƯ : BỒ TÁT CA DIẾP

Phần thứ II : - Này thiện nam tử ! Tranh tụng như vậy là cảnh giới của Phật, chẳng phải là sự hiểu biết của các Thanh Văn, Duyên Giác. Nếu người đối với vấn đề này sinh ra lòng nghi ngờ thì còn có thể tiêu hoại vô lượng phiền não như núi Tu Di. Nếu người ở trong vấn đề này sinh ra quyết định thì đó gọi là chấp trước.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Sao gọi là chấp trước ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Người như vậy, hoặc theo người khác nghe, hoặc tự tìm ở kinh điển, hoặc người khác dạy bảo cho mà đối với những việc đã nhận được chẳng thể buông bỏ thì đó gọi là chấp trước.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như vậy chấp trước là thiện hay là bất thiện vậy ?

- Nay thiện nam tử ! Như vậy chấp trước chẳng gọi là thiện. Vì sao vậy ? Vì chẳng thể tiêu hoại các lưới nghi.

Ngài Ca Diếp lại bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như vậy con người vốn tự chẳng nghi ngờ thì làm sao mà nói rằng chẳng hoại lưới nghi ?

- Nay thiện nam tử ! Luận về chẳng nghi thì tức là nghi vậy !

- Thừa đức Thế Tôn ! Nếu có người cho là người Tu đã hoàn chẳng rơi vào ba ác thì người đó cũng phải gọi là trước, gọi là nghi !

- Nay thiện nam tử ! Đó có thể gọi là định, chẳng được gọi là nghi. Vì sao vậy ? Nay thiện nam tử ! Ví như có người trước thấy người và cây. Sau đó vào ban đêm từ xa thấy rễ cây nhô lên liền phát sinh ý tưởng nghi ngờ là người hay là cây vậy ? Nay thiện nam tử ! Như người trước thấy Tỳkheo và Phạm chí, lúc sau ở trên đường từ xa thấy Tỳkheo liền sinh ý tưởng nghi ngờ là Sa môn hay là Phạm chí vậy ? Nay thiện nam tử ! Như người trước thấy trâu và trâu nước, lúc sau từ xa thấy trâu liền sinh ra ý tưởng nghi ngờ là trâu hay là trâu nước vậy? Nay thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh trước thấy hai vật thì về sau liền sinh ra nghi ngờ. Vì sao vậy ? Vì tâm chẳng liễu ngộ vậy. Ta cũng chẳng nói người Tu đã hoàn có đọa vào ba ác, chẳng đọa vào ba ác thì người đó vì sao sinh ra lòng nghi ?

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, cần phải trước thấy rồi nhiên hậu mới nghi. Nhưng có người khi chưa thấy hai thứ vật cũng sinh nghi là sao vậy ? Như là Niết Bàn đó ! Thừa đức Thế Tôn ! Ví như có người trên đường đi gặp vũng nước đục, nhưng chưa từng thấy, mà vẫn sinh nghi ngờ, nước như vậy là sâu hay cạn vậy ? Người này chưa thấy thì làm sao sinh nghi ?

- Nay thiện nam tử ! Luận về Niết Bàn thì tức là đoạn khổ, chẳng phải Niết Bàn thì tức là khổ. Thấy của tất cả chúng sinh có hai thứ : Khổ, chẳng phải khổ. Khổ, chẳng phải khổ thì tức là đối khát, nóng lạnh, sân giận, vui mừng, bệnh ốm, yên ổn, già, trẻ, sinh, chết, trói buộc, giải thoát, ân ái biệt ly, oán ghét tụ hội... Chúng sinh thấy rồi liền sinh ra nghi ngờ : “Phải chăng có sự xa lìa rốt ráo khổ não như vậy ?”. Vậy nên chúng sinh đối với Niết Bàn mà sinh ra nghi vậy. Theo ý ông nếu cho rằng, người này trước khi đến chưa thấy vũng nước đục mà làm sao sinh ra nghi ngờ thì nghĩa này không đúng. Vì sao vậy ? Vì người đó đã thấy trước chỗ khác rồi. Vậy nên ở chỗ này chưa từng đến mà lại sinh ra nghi.

- Thừa đức Thế Tôn ! Người này khi trước thấy chỗ sâu, cạn rồi chẳng sinh nghi, đến nay vì sao mà lại sinh nghi ?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử ! Vốn chưa đi nên đã sinh ra nghi. Vậy nên ta nói rằng, chẳng rõ nên nghi.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói, nghi tức là chấp trước, chấp trước tức là nghi, là ai vậy ?

- Nay thiện nam tử ! Là người đoạn thiện căn.

Ngài Ca Diếp bạch rằng :

- Thừa đức Thế Tôn ! Những bọn người nào có thể đoạn thiện căn?

- Nay thiện nam tử ! Nếu có người thông minh, trí tuệ, căn tính linh lợi, có thể giải phân biệt mà xa lìa bạn lành, chẳng nghe chính pháp, chẳng

khéo tư duy, chẳng theo đúng như pháp mà trụ thì người như vậy có thể cắt đứt căn lành. Người lia khỏi bốn việc đó thì lòng tự nghĩ suy : “Không có vật bồ thí. Vì sao vậy ? Vì thí tức là xả bỏ tài vật (của cải). Nếu bồ thí có quả báo thì phải biết thí chủ thường nên nghèo cùng. Vì sao vậy ? Vì hạt với quả tương tự. Vậy nên nói rằng, không nhân không quả”. Nếu nói không nhân không quả như vậy thì đó gọi là cắt đứt căn lành. Người đó lại khởi ý nghĩ : “Thí chủ, người nhận và cả tài vật ba việc đều vô thường, không có đình trụ. Nếu không đình trụ thì làm sao nói rằng, đây là thí chủ, người nhận, tài vật ? Nếu không người nhận thì làm sao được quả báo ? Do nghĩa này nên không nhân không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người đó có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ rằng : “Người bồ thí khi thí có năm việc thí. Người nhận đã nhận rồi hoặc có khi làm thiện, hoặc làm bất thiện mà thí chủ này cũng lại chẳng được quả thiện hay bất thiện. Như pháp thế gian, từ hạt sinh ra quả, rồi quả trở lại làm hạt. Nhân tức là thí chủ, quả tức là người nhận mà người nhận này chẳng thể dùng pháp thiện hay bất thiện này để khiến cho thí chủ được. Do nghĩa này nên không nhân không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người đó có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ : “Không có vật thí. Vì sao vậy ? Vì vật thí vô ký. Nếu là vô ký thì làm sao mà được quả báo thiện vậy ? Không quả báo thiện ác tức là vô ký. Của cải nếu vô ký thì phải biết là không quả báo thiện ác. Vậy nên không thí, không nhân, không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người đó có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ : “Thí tức là ý. Nếu là ý thì không thấy, không đối tác, chẳng phải là sắc pháp. Nếu chẳng phải là sắc pháp thì làm sao có thể thí. Vậy nên không thí, không nhân, không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người này có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ : “Thí chủ nếu vì tượng Phật, tượng trời, cha mẹ quá cố mà hành thí thì tức là không người nhận. Nếu không người nhận thì ứng không quả báo. Nếu không quả báo thì đó là không nhân. Nếu không nhân thì đó là không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người này có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ : “Không cha, không mẹ. Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sinh sinh ra chúng sinh thì theo lý nên thường sinh không có đoạn tuyệt. Vì sao vậy ? Vì nhân thường có vậy. Nhưng mà chẳng thường sinh. Vậy nên phải biết là không có cha mẹ”. Lại nghĩ rằng : “Không cha không mẹ. Vì sao vậy ? Vì nếu thân chúng sinh nhân cha mẹ mà có thì một người nên đủ hai căn nam và nữ. Nhưng mà không đủ thì phải biết là chúng sinh chẳng phải nhân cha mẹ”. Lại nghĩ rằng : “Chẳng phải nhân cha mẹ mà sinh ra chúng sinh. Vì sao vậy ? Vì mắt thấy chúng sinh chẳng giống cha mẹ như là thân sắc, tâm, oai nghi, tiến lùi... Vậy nên cha mẹ chẳng phải là nhân của chúng sinh”. Lại nghĩ rằng : “Tất cả thế

gian có bốn thứ không : Một là chưa sinh ra gọi là không như khi viên bùn chưa có công dụng của cái bình. Hai là diệt rồi gọi là không như khi bình vỡ rồi thì đó gọi là không. Ba là đều khác lẫn nhau không như trong trâu không ngựa, trong ngựa không trâu. Bốn là rốt ráo gọi là không như sừng thỏ, lông rùa. Cha mẹ của chúng sinh cũng lại như vậy, đồng với bốn không này. Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sinh thì khi cha mẹ chết, con chẳng nhất định chết. Vậy nên cha mẹ chẳng phải nhân của chúng sinh”. Lại nghĩ rằng : “Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sinh thì nên nhân cha mẹ thường sinh ra chúng sinh. Nhưng mà lại có hóa sinh, thấp sinh. Vậy nên phải biết chẳng phải nhân cha mẹ sinh ra chúng sinh vậy”. Lại nghĩ rằng : “Tự có chúng sinh, chẳng phải nhân cha mẹ mà được sinh trưởng. Ví như chim Không tước (công) nghe tiếng sấm động mà liền được có thai. Lại như con sẻ xanh uống nước mắt con sẻ đực mà liền được có thai. Như loài chim mạng mạng (cộng mạng) thấy con trống thì múa mà liền được có thai”. Khi tác khởi những ý niệm này mà người ấy chẳng gặp thiện tri thức thì phải biết người đó có thể cắt đứt căn lành. Có người lại nghĩ rằng : “Tất cả thế gian không có quả báo thiện ác. Vì sao vậy ? Vì có những chúng sinh đủ mười thiện pháp, ưa bố thí, siêng tu công đức mà người này cũng lại bị bệnh tật, chết yểu, tài vật tổn thất, nhiều những ưu khổ. Có chúng sinh làm mười điều ác, san tham, tật đố, lười biếng, giải đãi, chẳng tu các điều thiện mà họ được thân yên không bệnh, sống lâu trọn đời, thừa thừa của báu, không các sầu khổ. Vậy nên phải biết là không có quả báo thiện ác”. Họ lại nghĩ rằng : “Ta cũng từng nghe các bậc Thánh nhân nói rằng, có người tu thiện khi mạng chung đọa vào ba đường ác, có người làm ác khi mạng chung được sinh lên cõi người, trời. Vậy nên phải biết là không quả báo thiện, ác”. Họ lại nghĩ rằng : “Tất cả Thánh nhân có hai lối nói, hoặc nói sát sinh được quả báo thiện, hoặc nói sát sinh được quả báo ác. Vậy nên phải biết lời nói của Thánh bất định (chẳng quyết định). Thánh nếu bất định thì ta làm sao định được ? Vậy nên phải biết là không quả báo thiện ác”. Họ lại nghĩ rằng : “Tất cả thế gian không có Thánh nhân. Vì sao vậy ? Vì nếu nói là Thánh nhân thì nên được Chính đạo. Khi tất cả chúng sinh đầy đủ phiền não mà tu chính đạo thì phải biết là người tu đó đều có chính đạo và phiền não cùng một lúc. Nếu có cùng một lúc thì phải biết là chính đạo chẳng thể phá kết. Nếu không phiền não mà tu chính đạo thì như vậy sở tác của chính đạo là gì ? Vậy nên người đủ phiền não thì đạo chẳng thể hoại, chẳng đủ phiền não thì đạo vô dụng. Vậy nên phải biết là tất cả thế gian không có Thánh nhân”. Họ lại nghĩ rằng : “Vô minh duyên hành... cho đến sinh duyên lão tử, mười hai nhân duyên này, tất cả chúng sinh đều chung có. Tám Thánh đạo thì tính của chúng bình đẳng cũng nên như vậy : Khi một người được thì tất cả nên được, khi một người tu thì nên tất cả khổ diệt. Vì sao vậy ? Vì phiền não

bình đẳng. Nhưng mà nay thì chẳng được. Vậy nên phải biết là không có Chánh đạo”. Họ lại nghĩ rằng : “Thánh nhân đều có pháp đồng với phàm phu như là ăn, uống, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, nóng lạnh, ưu sầu, khủng bố... Nếu họ đồng với phàm phu trong những việc như vậy thì phải biết Thánh nhân chẳng được đạo Thánh. nếu được đạo Thánh thì các vị ấy cần phải cắt đứt vĩnh viễn những việc như vậy. Những việc như vậy mà các vị ấy chẳng cắt đứt thì phải biết không có Thánh đạo”. Họ lại nghĩ rằng : “Thánh nhân có thân hưởng thọ niềm vui năm dục, cũng lại nhục mạ đánh đập người, ganh ghét, kiêu mạn, chịu khổ vui, tạo tác nghiệp thiện ác... Do nhân duyên này nên biết không có Thánh nhân. nếu có đạo thì nên cắt đứt việc này. Việc này chẳng cắt đứt thì phải biết là không có đạo”. Họ lại nghĩ rằng : “Người nhiều lần mãn thì gọi là Thánh nhân. Vì nhân duyên gì gọi là Thánh nhân ? Vì nhân duyên đạo nên gọi là Thánh nhân. Nếu tính của đạo là lần mãn thì nên thương nghĩ đến tất cả chúng sinh chẳng đợi tu rồi nhiên hậu mới được. Như đạo ấy không lần mãn thì vì sao Thánh nhân nhân được đạo Thánh có thể lần mãn vậy ? Vậy nên phải biết là đời không có Thánh đạo”. Họ lại nghĩ rằng : “Tất cả bốn đại chẳng từ nhân sinh mà chúng sinh đều có tính bốn đại này thì chẳng quan sát chúng sinh bên này nên đến, bên kia chẳng nên đến. Nếu có tính Thánh đạo thì nên như vậy. Nhưng mà nay chẳng vậy. Vậy nên phải biết là đời không có Thánh nhân”. Họ lại nghĩ rằng : “Nếu các Thánh nhân có một Niết Bàn thì phải biết là không có Thánh nhân. Vì sao vậy ? Vì chẳng thể được vậy. Theo lý của pháp thường trụ thì chẳng thể được, chẳng thể lấy hay bỏ (thủ xả). Nếu các Thánh nhân Niết Bàn nhiều thì tức là vô thường. Vì sao vậy ? Vì pháp có thể tính vậy. Niết Bàn nếu khi mỗi một người được thì tất cả nên được. Niết Bàn nếu nhiều thì tức là có biên mà biên (giới) thì làm sao gọi là Thường ? Nếu có người nói rằng, thể của Niết Bàn là một mà giải thoát thì nhiều như vòm miệng là một mà răng, lưỡi thì nhiều. Nghĩa lý này chẳng đúng ! Vì sao vậy ? Vì mỗi một đều sở đắc riêng, chẳng phải tất cả được. Vì cũng có biên nên là ứng với vô thường. Nếu đã vô thường thì làm sao được gọi là Niết Bàn vậy ? Niết Bàn nếu không thì ai là Thánh nhân. Vậy nên phải biết là không có Thánh nhân”. Họ lại nghĩ rằng : “Đạo Thánh nhân chẳng phải nhân duyên được. Nếu đạo Thánh nhân chẳng phải nhân duyên được thì vì sao tất cả chẳng làm Thánh nhân ? Nếu tất cả người chẳng phải Thánh nhân thì phải biết là không có Thánh nhân và cả Thánh đạo”. Họ lại nghĩ rằng : “Đức Thánh nói, chánh kiến có hai nhân duyên, một là từ người khác nghe pháp, hai là bên trong tự suy nghĩ. Hai nhân duyên này nếu từ duyên sinh ra thì cái chỗ từ đó sinh ra lại từ duyên sinh ra. Như vậy đáp đối có đến vô cùng vậy. Còn nếu hai việc này chẳng từ duyên sinh ra thì tất cả chúng sinh vì sao chẳng được...”. Khi tác khởi những sự quan sát này thì có thể cắt đứt căn lành. Nay thiện nam tử

! Nếu có chúng sinh thấy sâu không nhân, không quả như vậy thì người đó có thể cắt đứt Tín căn.v.v... năm căn. Nay thiện nam tử ! Người cắt đứt căn lành chẳng phải là người thấp hèn ngu độn, cũng chẳng phải ở trong trời và ba đường ác. Kẻ phá tăng cũng vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Người như vậy thì khi nào sẽ sanh trở lại thiện căn.

Đức Phật dạy :

- Nay Thiện nam tử ! Người như vậy có hai trường hợp sinh trở lại thiện căn. Đó là khi mới vào địa ngục và khi ra khỏi địa ngục.

Nay thiện nam tử ! Thiện có ba thứ, quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu là quá khứ thì tánh của nó tự diệt. Nhân tuy diệt tận mà quả báo chưa chín, vậy nên không gọi là đoạn quả của quá khứ, đoạn nhân của ba đời, nên gọi là đoạn.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu đoạn nhân của ba đời thì gọi là đoạn thiện căn mà người đoạn thiện căn thì có Phật tính. Như vậy Phật tính chính là quá khứ hay chính là hiện tại hay chính là vị lai hay là khắp ba đời ? Nếu là quá khứ thì làm sao gọi là Thường ? Phật tính chính là Thường. Vậy nên phải biết chẳng phải là quá khứ. Nếu là vị lai thì làm sao gọi là Thường ? Vì sao đức Phật nói tất cả chúng sinh nhất định sẽ được ? Nếu nhất định được thì sao nói là đoạn ? Nếu là hiện tại thì làm sao lại thường ? Vì sao lại nói nhất định sẽ thấy ? Đức Như Lai cũng nói Phật tính có sáu, một là thường, hai là chân, ba là thật, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là khả kiến (có thể thấy). Nếu người đoạn thiện căn có Phật tính thì chẳng được gọi là đoạn thiện căn vậy. Nếu không Phật tính thì làm sao lại nói tất cả chúng sinh đều có Phật tính ? Nếu nói rằng, Phật tính cũng có, cũng đoạn thì làm sao đức Như Lai lại nói là Thường ?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Như Lai Thế Tôn vì chúng sinh nên có bốn thứ đáp, một là định đáp, hai là phân biệt đáp, ba là tùy vấn đáp, bốn là trí (đặt đề) đáp.

Này thiện nam tử ! Sao gọi là định đáp ? Nếu hỏi : Nghiệp ác được quả thiện hay quả bất thiện vậy ? Là nên quyết định đáp rằng, được quả bất thiện và thiện cũng như vậy mà đáp. Nếu hỏi : Như Lai có Nhất Thiết Trí không ? Là nên quyết định đáp rằng, chính là Nhất Thiết Trí. Nếu hỏi : Phật pháp chính là thanh tịnh chăng ? Là nên quyết định đáp rằng, nhất định thanh tịnh. Nếu hỏi : Đệ tử của Như Lai có đúng như pháp mà trụ không ? Là nên quyết định đáp rằng, có đúng như pháp mà trụ. Đó gọi là định đáp.

Sao gọi là phân biệt đáp ? Như lời nói về pháp bốn chân đế của ta. Những gì là bốn ? - Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Sao gọi là Khổ đế ? Có tám khổ nên gọi là Khổ đế. Sao gọi là Tập đế ? Nhân của năm ấm nên gọi là Tập đế. Sao gọi là Diệt đế ? Tham dục, sân, si hết rốt ráo nên gọi là Diệt đế. Sao gọi là Đạo đế ? Ba mươi bảy pháp trợ đạo gọi là Đạo đế. Đó gọi là phân biệt đáp.

Sao gọi là tùy vấn đáp ? Như lời ta nói, tất cả pháp vô thường. Lại có người hỏi rằng : “Đức Như Lai Thế Tôn vì pháp gì mà nói đến vô thường?”. Đáp rằng : “Như Lai vì pháp hữu vi nên nói vô thường”. Đối đáp về vô ngã cũng vậy. Như lời ta nói, tất cả pháp đốt cháy người khác. Lại hỏi rằng : “Đức Như Lai Thế Tôn vì pháp gì mà nói tất cả đốt cháy ?” Đáp rằng : “Như Lai vì tham, sân, si nên nói tất cả cháy”.

Này thiện nam tử ! Mười lực Như Lai, bốn Vô sở úy, đại Từ đại Bi, ba Niệm xứ, Thủ Lăng Nghiêm.v.v... tám muôn ức các tam muội môn, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp. Ngũ trí ấn.v.v... ba vạn năm ngàn các tam muội môn, Kim Cương định.v.v... bốn ngàn hai trăm các tam muội môn, phương tiện tam muội nhiều vô lượng vô biên.v.v... những pháp như vậy là Phật tính. Phật tính như vậy thì có bảy việc : Một là thường, hai là ngã, ba là lạc, bốn là tịnh, năm là chân, sáu là thật, bảy là thiện. Đó gọi là phân biệt đáp. Này thiện nam tử ! Phật tính của Bồ tát thân sau có sáu việc : Một là thường, hai là tịnh, ba là chân, bốn là thật, năm là thiện, sáu là ít thấy. Đó là phân biệt đáp. Như trước ông hỏi, người đoạn thiện căn có Phật tính thì người đó cũng có Phật tính Như Lai, cũng có Phật tính thân sau. Hai Phật tính này chướng ngại vị lai nên được gọi là không rốt ráo được, nên được gọi là có. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tính của Như Lai chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Phật tính của thân sau thì hiện tại,

vị lai ít có thể thấy nên được gọi là hiện tại. Chưa thấy đủ nên gọi là vị lai. Khi Như Lai chưa được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì nhân của Phật tính cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai, còn quả thì chẳng vậy, có quả là ba đời, có quả chẳng phải ba đời. Nhân của Phật tính Bồ tát thân sau cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai và quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tính của Bồ tát Cửu Trụ có sáu thứ. Một là thường, hai là thiện, ba là chân, bốn là thật, năm là tịnh, sáu là khả kiến. Nhân của Phật tính cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai và quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tính của Bồ tát Bát Trụ xuống đến Lục Trụ có năm việc : Một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là thiện, năm là khả kiến. Nhân của Phật tính cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai và quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tính của Bồ tát Ngũ Trụ xuống đến Sơ Trụ có năm việc : Một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là khả kiến, năm là thiện hay bất thiện. Nay thiện nam tử ! Năm thứ Phật tính, sáu thứ Phật tính, bảy thứ Phật tính này thì người đoạn thiện căn nhất định sẽ được nên được nói rằng có. Đó gọi là phân biệt đáp.

Nếu có người nói rằng : “Người đoạn thiện căn thì quyết định có Phật tính hay quyết định không có Phật tính. Đó gọi là Trí đáp.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con nghe mà không trả lời mới gọi là trí đáp. Ngày nay đức Như lai dùng nhân duyên gì để đáp mà gọi là trí đáp.

Này thiện nam tử ! Ta cũng không nói trí mà chẳng đáp, mới gọi là trí đáp.

Này thiện nam tử ! Như vậy trí đáp lại có hai thứ, một là chận đứng, hai là không để ý, theo nghĩa này nên gọi là trí đáp.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói thì sao gọi là Nhân cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai ? Quả cũng quá khứ, hiện tại, vị lai ? Chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Năm ấm có hai thứ, một là nhân, hai là quả. Là nhân thì năm ấm là quá khứ, hiện tại, vị lai. Là quả thì năm ấm cũng là quá

khứ, hiện tại, vị lai và cũng chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai. Đây thiện nam tử ! Kết sử của tất cả vô minh phiền não đều là Phật tính. Vì sao vậy ? Vì nhân của Phật tính. Từ vô minh, hành... và các phiền não được năm ấm thiện thì đó gọi là Phật tính. Từ năm ấm thiện cho đến chúng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên ở trong Kinh, trước ta đã nói, Phật tính của chúng sinh như sữa với sữa hoàn lẫn. Sữa tức là vô minh, hành.v.v... tất cả phiền não. Sữa tức là năm ấm thiện vậy. Vậy nên ta nói, từ các phiền não và năm ấm thiện được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Như thân chúng sinh đều từ tinh huyết mà được thành tựu, Phật tính cũng vậy. Người Tu đà hoàn, người Tư đà hàm vì đoạn ít phiền não nên Phật tính như sữa. Phật tính của người A na hàm như cao sữa (lạc), của người A la hán giống như sinh tô (váng sữa sô), của hàng từ Bích Chi Phật cho đến Bồ tát Thập Trụ giống như thực tô (váng sữa chín). Phật tính của Như Lai giống như đề hồ. Đây thiện nam tử ! Phiền não hiện tại vì làm chướng ngại nên khiến cho các chúng sinh chẳng được nhìn thấy. Như trong núi Hương có loại cỏ Nhẫn nhục mà chẳng phải tất cả trâu đều có thể được ăn, Phật tính cũng vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Năm thứ, sáu thứ, bảy thứ Phật tính mà nếu vị lai có thì làm sao nói rằng, người đoạn thiện căn có Phật tính vậy ?

Đức Phật dạy rằng :

- Đây thiện nam tử ! Như các chúng sinh có nghiệp quá khứ mà nhân nghiệp này nên chúng sinh hiện tại được thọ quả báo. Còn chúng sinh có nghiệp vị lai, do chưa sinh ra nên nhất định chẳng sinh ra quả báo. Có phiền não hiện tại hoặc không phiền não thì tất cả chúng sinh nên phải rõ ràng hiện thấy Phật tính. Vậy nên người đoạn thiện căn do nhân duyên phiền não đời hiện tại có thể cắt đứt căn lành. Những đời vị lai nhờ nhân duyên của lực Phật tính nên trở lại sinh ra thiện căn. Bồ tát Ca Diếp bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Vị lai làm sao có thể sinh ra thiện căn ?

- Đây thiện nam tử ! Giống như đèn và mặt trời tuy lại chưa sinh ra nhưng cũng có thể phá bóng tối, sự sinh của vị lai có thể sinh ra chúng sinh. Phật tính vị lai cũng lại như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Nếu nói năm ấm là Phật tính thì làm sao nói rằng, Phật tính của chúng sinh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử ! Vì nhân duyên gì mà ông mất ý như vậy ? Ta trước chẳng đã nói Phật tính của chúng sinh là trung đạo đó sao ?

Ngài Ca Diếp bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn ! Con thật chẳng mất ý ! Nhưng do việc chúng sinh ở trung đạo này, con chẳng thể lý giải nên hỏi vấn đề ấy thôi !

- Này thiện nam tử ! Chúng sinh chẳng hiểu tức là trung đạo : Hoặc khi có hiểu, hoặc có chẳng hiểu ! Này thiện nam tử ! Ta vì chúng sinh được khai giải mà nói rằng, Phật tính chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Vì sao vậy ? Vì chúng sinh phạm phu hoặc nói rằng, Phật tính trụ ở trong năm ấm như trong đồ đựng có trái cây. Hoặc nói rằng, lìa khỏi năm ấm có Phật tính giống như hư không. Vậy nên Như Lai nói ở trung đạo, Phật tính chẳng phải trong sáu nhập chẳng phải ngoài sáu nhập mà trong ngoài hợp lại nên gọi là trung đạo. Vậy nên Như Lai tuyên nói Phật tính tức là Trung đạo, chẳng phải trong chẳng phải ngoài nên gọi là Trung đạo. Đó gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Sao gọi là chẳng phải trong chẳng phải ngoài ? Này thiện nam tử ! Hoặc nói rằng, Phật tính tức là ngoại đạo. Vì sao vậy ? Vì Đại Bồ tát ở vô lượng kiếp, ở tại trong ngoại đạo, cắt đứt các phiền não, điều phục lòng mình, giáo hóa chúng sinh rồi nhiên hậu mới được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do đó Phật tính tức là ngoại đạo. Hoặc nói rằng, Phật tính tức là nội đạo. Vì sao vậy ? Vì Bồ tát tuy ở trong vô lượng kiếp, tu tập ngoại đạo nhưng nếu lìa khỏi nội đạo thì chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do đó Phật tính tức là nội đạo. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này mà nói rằng, Phật tính chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, gọi là Trung đạo. Đó gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Hoặc nói rằng, Phật tính tức là thân Như Lai Kim Cương với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vì sao vậy ? Vì chẳng hư dối vậy. Hoặc nói rằng, Phật tính tức là Mười lục, bốn Vô sở úy, Đại từ Đại bi và bốn Niệm xứ, Thủ Lăng Nghiêm.v.v... tất cả tam muội. Vì

sao vậy ? Vì nhân tam muội này mà sinh ra thân Kim Cương ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này mà nói rằng, Phật tính chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, gọi là Trung đạo. Đó gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam tử ! Hoặc có người nói rằng, Phật tính tức là bên trong tư duy tốt. Vì sao vậy ? Vì lìa khỏi tư duy tốt (thiện) thì chẳng thể được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên Phật tính tức là bên trong tư duy tốt. Hoặc có người nói rằng, Phật tính tức là theo người khác nghe pháp. Vì sao vậy ? Vì theo người khác nghe pháp thì có thể bên trong tư duy tốt. Nếu chẳng nghe pháp thì không có tư duy. Do đó Phật tính tức là theo người khác nghe pháp. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này (hai bên) mà nói rằng, Phật tính chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là nội ngoại, gọi là Trung đạo. Lại nữa, này thiện nam tử ! Lại có người nói rằng, Phật tính là ngoài như là Đàn Balamật mà từ Đàn Balamật được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do đó nói rằng, Đàn Balamật tức là Phật tính. Hoặc có người nói rằng, Phật tính là trong như là năm Balamật (còn lại). Vì sao vậy ? Vì lìa khỏi năm việc này thì phải biết là không có nhân quả Phật tính. Do đó nói rằng, năm Balamật tức là Phật tính. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này mà nói rằng, Phật tính chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng trong cũng ngoài. Đó gọi là Trung đạo. Lại nữa, này thiện nam tử ! Hoặc có người nói rằng, Phật tính ở trong ví như viên ngọc báu trên trán người lục sĩ. Vì sao vậy ? Vì Thường Lạc Ngã Tịnh như viên ngọc báu. Do đó nói rằng, Phật tính ở bên trong. Hoặc có người nói rằng, Phật tính ở bên ngoài như bảo tàng của người nghèo. Vì sao vậy ? Vì do phương tiện nên mới được thấy. Phật tính cũng vậy, ở bên ngoài chúng sinh, phải dùng phương tiện mới được thấy nó. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này mà nói rằng, Phật tính chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng trong cũng ngoài. Đó gọi là Trung đạo.

Này thiện nam tử ! Phật tính của chúng sinh chẳng phải có chẳng phải không. Sở dĩ vì sao ? Vì Phật tính tuy có nhưng chẳng phải như hư không. Vì sao vậy ? Vì hư không của thế gian tuy dùng vô lượng phương tiện khéo léo nhưng chẳng thể được thấy mà Phật tính có thể thấy. Vậy nên tuy có nhưng chẳng phải như hư không. Phật tính tuy không nhưng chẳng đồng với sừng thỏ. Vì sao vậy ? Vì lông rùa, sừng thỏ tuy dùng vô lượng phương tiện khéo léo vẫn chẳng thể được sinh ra mà Phật tính có thể sinh ra. Vậy nên Phật tính tuy không nhưng chẳng đồng với sừng thỏ. Vậy nên Phật tính chẳng phải có chẳng phải không mà cũng có cũng không. Sao gọi là có ? Tất cả đều có ! Những chúng sinh này chẳng đoạn, chẳng diệt như ngọn

đèn cháy sáng, cho đến được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đó gọi là có. Sao gọi là không ? Tất cả chúng sinh hiện tại chưa có tất cả Phật pháp Thường Lạc Ngã Tịnh. Vậy nên gọi là không. Có không hợp lại nên tức là Trng đạo. Vậy nên Phật nói rằng, Phật tính của chúng sinh chẳng phải có chẳng phải không. Nay thiện nam tử ! Nếu có người hỏi rằng : “Trong chủng tử này có quả hay không có quả vậy ?” thì nên quyết định đáp rằng : “Cũng có cũng không !” Vì sao vậy ? Vì lìa khỏi chủng tử ra thì chẳng thể sinh ra quả. Vậy nên gọi là có. Chủng tử chưa mọc mầm nên gọi là không. Do nghĩa này nên cũng có cũng không. Sở dĩ vì sao ? Vì thời tiết có khác nhưng thể ấy là một. Phật tính của chúng sinh cũng lại như vậy. Nếu nói rằng, trong chúng sinh có Phật tính riêng khác thì nghĩa đó chẳng đúng. Vì sao vậy ? Vì chúng sinh tức là Phật tính, Phật tính tức là chúng sinh mà những do thời tiết khác mà có tịnh hay bất tịnh. Nay thiện nam tử ! Nếu có người hỏi rằng : “Hạt giống này có thể sinh ra quả không ? Quả này có thể sinh ra hạt không ?” Thì nên quyết định đáp rằng : “Cũng sinh, cũng chẳng sinh !”

- Thừa đức Thế Tôn ! Như người đời nói trong sữa có cao sữa (lạc), thì nghĩa đó ra sao ?

- Nay thiện nam tử ! Nếu có người nói rằng, trong sữa có cao sữa thì đó gọi là chấp trước. Nếu nói không có cao sữa thì gọi là hư vọng. Lìa khỏi hai việc này thì nên quyết định nói rằng, cũng có cũng không. Vì sao gọi là có ? Vì từ sữa sinh ra cao sữa. Nhân tức là sữa, quả tức là cao sữa. Đó gọi là có. Sao gọi là không ? Sắc vị đều khác, cách dùng chẳng đồng : Bệnh nóng uống sữa, bệnh lạnh uống cao sữa. Sữa sinh ra bệnh lạnh, cao sữa sinh ra bệnh nóng. Nay thiện nam tử ! Nếu nói trong sữa có tính của cao sữa thì sữa tức là cao sữa, cao sữa tức là sữa. Nếu tính của chúng là một thì vì nhân duyên gì sữa xuất hiện trước mà cao sữa chẳng sinh ra trước ? Nếu có nhân duyên thì tất cả người đời vì sao chẳng nói Còn nếu không nhân duyên thì vì sao cao sữa chẳng xuất hiện trước ? Nếu cao sữa chẳng xuất hiện trước thì ai tạo tác theo thứ lớp sữa, cao sữa, váng sữa sống, váng sữa chín, đề hồ ? Vậy nên biết là, cao sữa trước không nay có. Nếu trước không nay có thì tức là pháp vô thường. Nay thiện nam tử ! Nếu có người nói rằng, sữa có tính cao sữa nên có thể sinh ra cao sữa. Nước không tính của cao sữa nên chẳng sinh ra cao sữa, thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy ? Vì nước và cỏ cũng có tính của sữa và cao sữa. Sở dĩ vì sao ? Vì nhân nước và cỏ thì sinh ra sữa và cao sữa. Nếu nói trong sữa quyết định có tính của cao sữa mà nước và cỏ không thì đó gọi là hư vọng. Vì sao vậy ? Vì lòng chẳng bình đẳng nên nói hư vọng. Nay thiện nam tử ! Nếu nói trong sữa quyết định có cao sữa thì trong cao sữa cũng nên quyết định có tính của sữa. Vậy vì nhân duyên gì

trong sữa sinh ra cao sữa mà trong cao sữa chẳng sinh ra sữa ? Nếu không nhân duyên thì phải biết là cao sữa trước không nay có. Vậy nên người trí nên nói rằng, trong sữa chẳng phải có tính của cao sữa, chẳng phải không tính của cao sữa. Nay thiện nam tử ! Vậy nên Như Lai, ở trong kinh, nói lời như vậy : “Tất cả chúng sinh quyết có Phật tính”. Đó gọi là đấng trước. Nếu nói không Phật tính thì đó gọi là hư vọng. Người trí nên nói Phật tính của chúng sinh cũng có cũng không.

Nay thiện nam tử ! Bốn việc hòa hợp sinh ra nhân thức. Những gì là bốn ? Đó là mắt, sắc, ánh sáng và dục. Tính của nhân thức này chẳng phải mắt, chẳng phải sắc, chẳng phải ánh sáng, chẳng phải dục mà từ sự hòa hợp nên liền được sinh ra. Như vậy nhân thức trước không nay có mà có rồi lại hoàn không. Vậy nên phải biết không có bản tính. Tính của cao sữa trong sữa cũng lại như vậy. Nếu có người nói rằng, nước không tính của cao sữa nên chẳng sinh ra cao sữa vậy nên trong sữa quyết định có tính của cao sữa thì nghĩa này chẳng đúng! Vì sao vậy ? Nay thiện nam tử ! Vì tất cả các pháp khác nhân khác quả, cũng chẳng phải một nhân sinh tất cả quả, chẳng phải tất cả quả từ một nhân sinh ra. Nay thiện nam tử ! Như từ bốn việc sinh ra nhân thức thì chẳng thể lại nói từ bốn việc này ứng sinh ra nhĩ thức. Nay thiện nam tử ! Liạ khỏi phương diện, trong sữa được cao sữa, cao sữa sinh ra vầng sữa chẳng ? Hay được như vậy cần phải có phương tiện ? Nay thiện nam tử ! Kẻ trí chẳng thể thấy, liạ khỏi phương tiện mà từ sữa được cao sữa nghĩa là được sinh ra tô cũng nên liạ khỏi phương tiện như vậy để được ! Nay thiện nam tử ! Vậy nên, ở trong kinh này, ta nói : Nhân sinh nên pháp có, nhân diệt nên pháp diệt ! Nay thiện nam tử ! Như tính của muối là mặn, có thể khiến cho chẳng phải mặn hay khiến cho mặn. Nếu vật chẳng phải mặn trước có tính mặn thì người đời vì sao lại cầu mặn vậy ? Nếu trước không tính mặn thì phải biết là trước không nay có, do duyên khác mà được mặn vậy. Nếu nói tất cả vật chẳng mặn đều có tính mặn mà vì nhỏ nên chẳng biết nên do tính mặn nhỏ này có thể khiến cho mặn. Nếu vốn không tính mặn thì tuy lại có muối nhưng chẳng thể khiến cho nó mặn được. Ví như hạt giống tự có bốn đại duyên với bốn đại bên ngoài mà được tăng trưởng mầm chồi, thân cây, cành lá. Tính của muối cũng vậy thì nghĩa này không đúng. Vì sao vậy ? Vì vật chẳng mặn trước có tính mặn thì muối cũng nên có tính chẳng mặn nhỏ. Muối này nếu có hai tính như vậy thì vì nhân duyên gì mà liạ khỏi vật chẳng mặn, chẳng thể một mình dùng? Vậy nên biết là muối vốn không hai tính. Như muối tất cả vật chẳng mặn cũng lại như vậy. Nếu nói ngoài bốn đại chủng bên ngoài, sức hạt giống có thể tăng trưởng bốn đại bên trong thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy ? Vì nói theo thứ lớp vậy. Chẳng từ phương tiện mà trong sữa được cao sữa, rồi sinh vầng sữa cho đến tất cả

các pháp đều như vậy, chẳng phải do phương tiện mà được. Bốn đại cũng lại như vậy. Nếu nói từ bốn đại bên ngoài tăng trưởng bốn đại bên trong, chẳng thấy từ bốn đại bên trong tăng trưởng bốn đại bên ngoài. Như trái cây Thi Lợi Sa, trước không hình chất nhưng khi có sao Mão thì trái sinh ra lớn đủ năm tấc (thốn). Quả (trái) như vậy thì thật chẳng nhân vào bốn đại bên ngoài mà lớn.

Này thiện nam tử ! Như lời ta nói, mười hai bộ Kinh, hoặc ta theo ý mình mà nói, hoặc theo ý người khác mà nói, hoặc theo ý mình và ý người mà nói.

Sao gọi là theo ý mình nói ? Như năm trăm vị Tỳkheo hỏi ông Xá Lợi Phất : “Thưa đại đức ! Đức Phật nói, nhân của thân là gì đó vậy ?”. Ông Xá Lợi Phất nói rằng : “Này các Đại đức ! Các ông cũng đều được Chánh giải thoát thì tự nên biết ! Vì duyên gì mới hỏi như vậy ?”. Có Tỳkheo nói rằng : “Thưa Đại đức ! Khi tôi chưa chứng được Chánh Giải thoát thì cho là Ý vô minh tức là nhân của thân. Khi tôi tác sát sự quan sát này thì được quả A la hán”. Lại có Tỳkheo nói rằng : “Thưa Đại đức ! Khi tôi chưa chứng được giải thoát chân chính thì cho là Ái vô minh tức là nhân của thân. Khi tôi tác khởi sự quan sát này thì được quả A la hán. Hoặc có vị nói rằng, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, âm thực, ngũ dục... tức là nhân của thân. Lúc bấy giờ năm trăm vị Tỳkheo, mỗi mỗi đều tự nói sự hiểu biết của mình, rồi cùng chung đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu dưới chân của đức Phật, đi quanh về bên phải ba vòng. Lễ bái xong rồi họ lui về ngồi một bên, đều đem ý nghĩa hiểu biết của mình như trên, hướng về đức Phật mà nói. Ngài Xá Lợi Phất bạch đức Phật rằng: “Thưa đức Thế Tôn ! Những người như vậy thì ai nói đúng ? Ai nói chẳng đúng ?”. Phật bảo rằng : “ Này Xá Lợi Phất ! Hay thay ! Hay thay ! Mỗi một vị Tỳkheo đâu chẳng phải chánh thuyết !”. Ngài Xá Lợi Phất bạch rằng : “Thưa đức Thế Tôn ! Ý đức Phật thế nào ?”. Phật dạy rằng : “Này Xá Lợi Phất ! Ta vì chúng sinh cõi Dục nói rằng, cha mẹ tức là nhân của thân !”. Những kinh như vậy gọi là theo ý của mình mà nói.

Sao gọi là theo ý người khác nói ? Như ông trưởng giả Ba Sắc La đi đến chỗ của ta nói lên rằng : “Thưa ngài Cù Đàm ! Ngài biết huyền không ? Nếu ngài biết huyền thì tức là người đại huyền. Nếu ngài chẳng biết thì chẳng phải Nhất Thiết Trí !”. Ta nói rằng : “Này ông trưởng giả ! Người biết huyền gọi là người huyền sao ?” Ông trưởng giả nói rằng : “Hay thay ! Hay thay ! Người biết huyền tức là người huyền!” Phật nói rằng : “Này ông trưởng giả ! Bên trong nước Xá Vệ, vua Ba Tư Nặc, có người Chiên đà la

tên là Khí Hư. Ông có biết không ?” Ông trưởng giả đáp rằng : “Thưa ông Cù Đàm ! Tôi biết ông đó đã lâu !” Đức Phật nói rằng : “Ông biết lâu thì có thể trở thành Chiên đà la không ?”. Ông trưởng giả nói rằng : “Thưa ông Cù Đàm ! Tôi tuy biết người Chiên đà la đó nhưng thân này của tôi chẳng phải Chiên đà la !”. Đức Phật nói rằng : “Này ông trưởng giả ! Ông được nghĩa này, biết Chiên đà la thì chẳng phải là Chiên đà la. Ta nay vì sao chẳng được biết huyền mà chẳng phải huyền ư ? Này ông trưởng giả ! Ta thật biết huyền, biết người huyền, biết quả báo huyền, biết kỹ thuật huyền. Ta biết giết, biết giết người, biết giết quả báo, biết giết giải thoát... cho đến biết tà kiến, biết người tà kiến, biết quả báo tà kiến, biết giải thoát tà kiến. Này ông trưởng giả ! Nếu nói người chẳng phải huyền gọi là người huyền, người chẳng phải tà kiến nói là người tà kiến thì bị tội không lường”. Ông trưởng giả nói rằng : “Thưa ông Cù Đàm ! Như lời ông nói thì tôi bị tội lớn. Sở hữu của tôi hôm nay đều đem dâng lên ngài, mong ngài chớ cho vua Ba Tư Nặc kia biết việc này của tôi !”. Đức Phật nói rằng : “Này ông trưởng giả ! Nhân duyên của tội đó chẳng nhất định mất của cải mà còn sẽ nhân đó bị rơi vào ba đường ác!”. Khi đó ông trưởng giả nghe đến tên ác đạo thì lòng sinh kinh sợ mà bạch Phật rằng : “Thưa đức Thánh nhân ! Tôi nay thất ý chuốc lấy tội lớn ! Thưa đức Thánh nhân ! Ngài nay chính là đấng Nhất Thiết Trí nên phải biết rõ, chứng được giải thoát ! Tôi phải làm sao để được thoát khỏi địa ngục, ngã quỷ, súc sinh ?”. Bấy giờ ta vì ông đó nói bốn chân đế. Ông trưởng giả nghe rồi thì được quả Tu đà hoàn, lòng sinh tâm quý (xấu hổ), hướng về đức Phật sám hối rằng : “Con vốn ngu si, đức Phật chẳng phải người huyền mà nói là huyền ! Con từ hôm nay quy y Tam bảo !”. Phật dạy rằng : “Hay thay ! Hay thay ! Này ông trưởng giả !” Đó gọi là theo ý người khác nói.

Sao gọi là theo ý mình ý người khác nói ? Như lời ta nói, tất cả kẻ trí của thế gian nói Có thì ta cũng nói Có. Kẻ trí nói Không thì ta cũng nói Không. Người trí thế gian nói năm dục lạc có vô thường, khổ, vô ngã, có thể đoạn thì ta cũng nói là Có. Người trí thế gian nói năm dục lạc có Thường ngã tịnh, không có điều đó. Ta cũng nói như vậy, không có điều đó. Đó gọi là theo ý mình ý người mà nói. Này thiện nam tử ! Như lời ta nói, Bồ tát Thập Trụ thấy ít Phật tính. Đó gọi là theo ý người khác nói. Vì sao gọi là thấy ít ? Vì Bồ tát Thập Trụ được Thủ Lăng Nghiêm tam muội.v.v... ba ngàn pháp môn. Vậy nên tự biết rõ ràng họ sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà chẳng thấy tất cả chúng sinh quyết định được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên ta nói, Bồ tát Thập Trụ thấy phần ít Phật tính. Này thiện nam tử ! Ta thường tuy nói rằng, “tất cả chúng sinh đều có Phật tính”. Đó gọi là theo ý mình nói. “Tất cả chúng sinh chẳng đoạn chẳng diệt... cho đến được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Đó gọi là theo ý

mình nói. “Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, vì phiền não che nên chẳng thể được thấy”, ta nói như vậy, ông nói cũng vậy. Đó gọi là theo ý mình ý người mà nói.

Này thiện nam tử ! Như Lai, hoặc khi vì một pháp nên nói vô lượng pháp, như trong Kinh nói, tất cả Phạm hạnh nhân Thiện tri thức. Nhân của tất cả phạm hạnh tuy không lường, nhưng nói Thiện tri thức thì đã thu nhiếp hết. Như lời ta nói, tất cả ác hạnh thì tà kiến là nhân. Nhân của tất cả ác hạnh tuy không lường nhưng nếu nói tà kiến thì đã thu nhiếp hết. Hoặc nói : Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác lấy tín tâm làm nhân. Nhân của Bồ Đề này tuy lại không lường nhưng nếu nói tín tâm thì đã thu nhiếp hết. Này thiện nam tử ! Như Lai tuy nói vô lượng những pháp lấy làm Phật tính, nhưng chẳng lìa khỏi ám nhập và giới (năm ám, sáu nhập, mười tám giới) vậy.

Này thiện nam tử ! Như Lai nói pháp vì chúng sinh nên có bảy thứ lời nói (ngữ) : Một là nhân ngữ, hai là quả ngữ, ba là nhân quả ngữ, bốn là dụ ngữ, năm là bất ứng thuyết ngữ (lời chẳng nên nói), sáu là thế lưu bố ngữ (lời lưu bố ở đời), bảy là như ý ngữ.

Sao gọi là nhân ngữ ? Trong nhân hiện tại nói quả vị lai. Như lời ta nói : “Này thiện nam tử ! Ông thấy chúng sinh ưa giết hại cho đến ưa hành tà kiến, thì phải biết là người đó tức là người của địa ngục. Này thiện nam tử ! Nếu có chúng sinh chẳng ưa giết hại... cho đến tà kiến thì phải biết người đó tức là người trời. Đó gọi là nhân ngữ.

Sao gọi là quả ngữ ? Trong quả hiện tại nói nhân quá khứ. Như trong Kinh nói rằng : “Này thiện nam tử ! Như ông đã thấy, chúng sinh nghèo cùng, hình dung xấu xí, chẳng được tự tại, thì phải biết người đó quyết định có phá giới, lòng tật đố, lòng sân hận, lòng không tầm quý. Nếu thấy chúng sinh nhiều của cải, giàu to, các căn đầy đủ, uy đức tự tại thì phải biết người đó có trì giới, bố thí, tinh cần, tầm quý, không có tật đố, sân hận”. Đó gọi là quả ngữ.

Sao gọi là nhân quả ngữ ? Như trong Kinh nói rằng : “Này thiện nam tử ! Nhân tiếp xúc sáu nhập của chúng sinh hiện tại thì đó gọi là nghiệp quả quá khứ. Như Lai cũng nói, tên đó là nghiệp. Nhân duyên của nghiệp nay được quả vị lai. Đó gọi là nhân quả ngữ.

Sao gọi là dụ ngữ ? Như nói : Vua Sư Tử thì tức là dụ cho thân ta. Đại Tượng vương, Đại Long vương, cây Ba lợi chất đa la, Thất bảo tụ, Đại

hải, Tu Di sơn, Đại địa, mưa lớn, Thuyền sư, Đạo sư, Điều ngự, Trọng phu, Lực sĩ, Ngưu Vương, Bà la môn, Sa môn, Đại thành, cây Đa la.v.v... những dụ như vậy, Kinh gọi là Dụ ngữ.

Sao gọi là Bất ứng ngữ ? - Trong Kinh ta nói : “Trời đất có thể hợp lại, sông chằng chảy vào biển”. Như vì vua Ba Tư Nặc nói rằng : “Bốn phương núi đến !” Như vì Ưu bà di Lộc Mẫu (mẹ nai) nói rằng : “Nếu cây Ta La có thể thọ tám giới thì được thọ hưởng niềm vui của người trời !” Như nói : “Thà nói Bồ tát Thập Trụ có lòng thoái chuyển, chẳng nói Như Lai có hai thứ lời nói. Thà nói người Tu đà hoàn đọa ba đường ác, chẳng nói Bồ tát Thập trụ có lòng thoái chuyển”. Đó gọi là bất ứng ngữ.

Sao gọi là thế lưu bố ngữ ? - Như lời Phật nói : Trai gái, lớn nhỏ, đi lại ngồi nằm, xe cộ, phòng xá, bình, áo, chúng sinh, Thường Lạc Ngã Tịnh, quân đội, rừng, thành, ấp, huyện hóa, hợp tan... Đó gọi là thế lưu bố ngữ.

Sao gọi là như ý ngữ ? Như ta quả trách người hủy cấm khiến cho người đó tự trách mà hộ trì cấm giới. Như ta khen ngợi người Tu đà hoàn khiến cho các phạm phu sinh ra lòng thiện. Ta khen ngợi Bồ tát khiến cho chúng sinh phát tâm Bồ Đề. Ta nói sự khổ não của ba đường ác vì khiến mọi người tu tập các pháp thiện. Ta nói tất cả đốt cháy là chỗ vì tất cả pháp hữu và vô ngã cũng vậy. Ta nói, các chúng sinh đều có Phật tính là vì khiến cho tất cả chằng buông lung (phóng dật). Đó gọi là Như Ý ngữ.

Này thiện nam tử ! Như Lai lại có lời nói theo ý mình : Phật tính của Như Lai thì có hai thứ, một là có, hai là không. Có thì nghĩa là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười lục, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, Đại từ Đại bi, Thủ lãnh nghiêm.v.v... vô lượng tam muội, Kim cương.v.v... vô lượng tam muội, phương tiện.v.v... Vô lượng tam muội Ngũ trí ấn.v.v... vô lượng tam muội. Đó gọi là Có. Không thì nghĩa là các thiện, chẳng thiện, vô ký quá khứ của Như Lai, nghiệp nhân quả báo, phiền não, năm ấm, mười hai nhân duyên. Đó gọi là không.

Này thiện nam tử ! Như có không, thiện chẳng thiện, có lậu không lậu, thế gian chẳng phải thế gian, Thánh chẳng phải Thánh, hữu vi vô vi, thật chẳng thật, tịch tịnh chẳng phải tịch tịnh, tranh (cãi) chẳng phải tranh, cõi chẳng phải cõi, phiền não chẳng phải phiền não, thủ (lấy) chẳng phải thủ, thọ ký chẳng phải thọ ký, có chẳng phải có, ba đời chẳng phải ba đời, thời chẳng phải thời, thường vô thường, ngã vô ngã, lạc vô lạc, tịnh vô tịnh, sắc thọ tướng hành thức chẳng phải sắc thọ tướng hành thức, nội nhập chẳng phải

nội nhập, ngoại nhập chẳng phải ngoại nhập, mười hai nhân duyên chẳng phải mười hai nhân duyên. Đó gọi là Có Không của Phật tính Như Lai... cho đến Phật tính của nhất xiển đề có không cũng lại như vậy.

Này thiện nam tử ! Ta tuy nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tính mà chúng sinh chẳng lý giải được những lời nói theo ý mình như vậy của đức Phật.

Này thiện nam tử ! Những lời nói như vậy thì Bồ tát thân sau còn chẳng thể lý giải huống là đối với hàng nhị thừa và các hạng Bồ tát còn lại. Này thiện nam tử ! Một lúc xưa, ta ở tại núi Kỳ Xà Quật, cùng với Bồ tát Di Lặc chung luận bàn thế đế. Ông Xá Lợi Phất.v.v...năm trăm Thanh Văn đối với việc này đều chẳng hay biết, huống gì là Đệ nhất nghĩa đế của đạo Xuất thế.

Này thiện nam tử ! Hoặc có Phật tính mà nhất xiển đề thì có, người thiện căn thì không. Hoặc có Phật tính mà người thiện căn có, nhất xiển đề không. Hoặc có Phật tính mà cả hai người đều có. Hoặc có Phật tính mà cả hai người đều không.

Này thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nếu lý giải được ý nghĩa của bốn câu như vậy thì chẳng nên nạn vấn rằng, người nhất xiển đề quyết định có Phật tính, quyết định không Phật tính. Nếu nói chúng sinh đều có Phật tính thì đó gọi là tùy tự ý ngữ của Như Lai. Tùy tự ý ngữ như vậy của Như Lai thì chúng sinh làm sao lý giải một hướng được ?

Này thiện nam tử ! Như trong sông Hằng có bảy chúng sinh : Một là thường chìm, hai là tạm ra rồi trở lại chìm, ba là ra rồi thì trụ lại, bốn là ra rồi quan sát khắp bốn phương, năm là quan sát khắp rồi đi, sáu là đi rồi lại trụ, bảy là trên nước trên đất đều đi. Rằng chúng sinh thường chìm là gọi loài cá lớn thọ nghiệp ác lớn, thân nặng ở sâu. Vậy nên thường chìm. Chúng sinh tạm ra rồi chìm trở lại là loài cá lớn thọ ác nghiệp, thân nặng ở cạn, tạm thấy ánh sáng. Nhân ánh sáng nên nó tạm ra nhưng vì nặng nên trở lại chìm. Chúng sinh ra rồi liền trụ là gọi loài cá Chỉ Di, thân ở nước cạn, ưa thấy ánh sáng nên ra rồi trụ lại. Chúng sinh trụ lại nhìn khắp bốn phương là gọi loài cá tích vì kiếm tìm đồ ăn nên quan sát khắp bốn phương. Chúng sinh quan sát rồi đi là gọi loài cá tích từ xa thấy vật khác cho là có thể ăn nên mau chóng đi đến đó. Chúng sinh quan sát rồi đi, đi rồi lại trụ là loài cá này đi đến rồi, đã được mồi có thể ăn thì liền dừng lại nên gọi là đi rồi lại trụ. Chúng sinh trên nước, đất đều đi thì tức là loài rùa.

Này thiện nam tử ! Dòng sông Đại Niết Bàn vi diệu như vậy, trong sông ấy cũng có bảy thứ chúng sinh : từ loài đầu tiên thường chìm cho đến loài thứ bảy hoặc vào hoặc ra. Nói rằng, thường chìm là có người nghe Kinh Đại Niết Bàn này, Như Lai thường trụ không có biến dịch, Thường Lạc Ngã Tịnh, nhất định chẳng rớt ráo vào Niết Bàn, tất cả chúng sinh đều có Phật tính, người nhất xiển đề bài báng Kinh Phương Đẳng, tạo tội ngũ nghịch phạm bốn trọng cấm nhất định sẽ được thành đạo Bồ Đề, Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích Chi Phật.v.v... nhất định sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác... Nghe những lời nói này rồi, họ sinh ra lòng bất tín liền tác khởi ý niệm này. Tác khởi ý niệm này rồi thì họ liền nói rằng : “Kinh điển Niết Bàn này là sách ngoại đạo, chẳng phải là Kinh Phật”. Người này, bấy giờ xa lìa bạn tốt, chẳng nghe chính pháp. Tuy có lúc họ được nghe nhưng chẳng thể tư duy. Tuy họ lại tư duy nhưng chẳng tư duy thiện mà chẳng tư duy thiện nên như trụ ở ác pháp. Người trụ ở ác pháp có sáu thứ : Một là ác, hai là không thiện, ba là làm bản pháp, bốn là thêm có, năm là nảo nhiệt, sáu là thọ quả báo ác. Đó gọi là chìm. Vì sao gọi là chìm ? Vì không lòng thiện, thường làm ác, chẳng tu đối trị. Đó gọi là chìm. Sở dĩ gọi rằng ác là bị thánh nhân quở trách, lòng sinh bố úy, người thiện xa lìa chẳng ích chúng sinh. Đó gọi là ác. Nói rằng không thiện thì có thể sinh ra vô lượng quả báo ác, thường bị sự trói buộc nhiễu loạn của vô minh, ưa cùng người ác làm bạn bè, không có tu các phương tiện tốt, lòng họ điên đảo thường làm lẫn. Đó gọi là không thiện. Nói rằng làm bản pháp tức là thường làm bản thân miệng, làm bản chúng sinh thanh tịnh, tăng thêm nghiệp bất thiện, xa lìa thiện pháp. Đó gọi là ô pháp. Nói rằng, tăng hữu (thêm có) tức là như pháp sở hành của ba người trên, có thể tăng thêm địa ngục, súc sinh, ngã qui, chẳng thể tu tập pháp giải thoát, nghiệp thân miệng ý chẳng chán các hữu. Đó gọi là tăng hữu. Nói rằng, người nảo nhiệt thì tức là người làm đủ bốn việc như trên có thể khiến cho thân tâm có hai việc phiền não. Xa lìa tịch tịnh thì gọi là nhiệt. Thọ quả báo địa ngục nên gọi là nhiệt. Đốt cháy các chúng sinh nên gọi là nhiệt. Đốt cháy các thiện pháp nên gọi là nhiệt. Này thiện nam tử ! Lòng tin thanh lương thì người này chẳng đủ. Vậy nên gọi là nhiệt. Nói rằng, người thọ quả báo ác thì tức là người đầy đủ năm việc trên, chết đọa vào địa ngục, ngã qui, súc sinh. Này thiện nam tử ! Có ba việc ác, lại gọi là quả báo ác : Một là phiền não ác, hai là nghiệp ác, ba là báo ác. Đó gọi là thọ quả báo ác. Này thiện nam tử ! Người này đầy đủ sáu việc như trên thì có thể cắt đứt căn lành, tạo tác năm tội nghịch, có thể phạm bốn trọng cấm, có thể bài báng Tam Bảo, sử dụng vật của chúng Tăng, có thể làm đủ thứ việc phi pháp. Do nhân duyên này nên họ chìm đắm ở tại địa ngục A tỳ, phải thọ thân hình dọc ngang tám vạn bốn ngàn do diên. Nghiệp

thân, miệng tâm của người này nặng nên chẳng thể được ra. Vì sao vậy ? Vì tâm người ấy chẳng thể sinh ra thiện pháp nên tuy có vô lượng những đức Phật ra đời mà họ chẳng nghe chẳng thấy nên gọi là thường chìm mất như con cá lớn trong dòng sông Hằng.

Này thiện nam tử ! Ta tuy nói nhất xiển đề.v.v... gọi là thường mất nhưng lại có người thường chìm mất chẳng phải nhất xiển đề. Đó là ai vậy? Như người vì có tu Thí, Giới, Thiện. Đó gọi là thường chìm mất.

Này thiện nam tử ! Có bốn việc thiện mà gặt lấy quả ác. Những gì là bốn ? Một là vì thắng người khác nên dọc tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng nên thọ trì cấm giới, ba là vì lệ thuộc người khác mà làm bố thí, bốn là vì Phi tướng phi phi tướng xứ nên lắng lòng tư duy. Đó là bốn việc thiện được quả báo ác. Nếu người tu tập bốn việc như vậy thì đó gọi là chìm rồi trở lại ra, ra rồi trở lại chìm. Vì sao gọi là chìm ? Vì ưa ba hữu vậy. Vì sao gọi là ra ? Vì do thấy ánh sáng vậy. Ánh sáng tức là nghe thí, giới, định. Vì sao trở lại chìm? Vì tăng trưởng tà kiến, sinh ra kiêu mạn vậy. Vậy nên ở trong Kinh ta nói kệ rằng :

Nếu có chúng sinh ưa các hữu

Vì hữu, nghiệp ác lành tạo nên

Người này liền mất Niết Bàn đạo

Đó gọi tạm ra trở lại chìm.

Đi trong biển sinh tử hắc ám

Tuy được giải thoát xen não phiền

Người này trở lại thọ quả ác

Đó gọi tạm ra trở lại chìm.

Này thiện nam tử ! Như con cá lớn kia nhân thấy ánh sáng nên tạm được ra khỏi nước. Nhưng thân cá ấy nặng nên lại trở lại chìm đắm. Như hai người trên cũng lại như vậy. Này thiện nam tử ! Lại hoặc có người ưa đàm mê ba hữu thì đó gọi là chìm. Được nghe Kinh Đại Niết Bàn này sinh ra lòng tin thì đó gọi là ra. Vì nhân duyên gì gọi đó là ra ? Vì nghe Kinh này

rồi, xa lìa ác pháp, tu tập thiện pháp nên đó gọi là ra. Người này tuy tin nhưng cũng chẳng đầy đủ. Vì nhân duyên gì mà tin chẳng đầy đủ ? Vì người này tuy tin Đại Bát Niết Bàn Thường Lạc Ngã Tịnh nhưng nói thân Như Lai vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Như Lai thì có hai thứ Niết Bàn, một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Niết Bàn không Thường Lạc Ngã Tịnh, vô vi Niết Bàn có Thường Lạc Ngã Tịnh. Họ tuy tin Phật tính là chúng sinh có nhưng chẳng nhất định tất cả đều có Phật tính. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ.

Này thiện nam tử ! Tin có hai thứ, một là tin, hai là cầu. Người như vậy tuy lại có tin nhưng chẳng thể tìm cầu. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ. Tin lại có hai thứ, một là từ nghe sinh ra, hai là từ nghĩ sinh ra. Lòng tin của người này từ nghe mà sinh ra, chẳng từ nghĩ sinh ra. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ. Tin lại có hai thứ, một là tin có đạo, hai là tin người được đạo. Lòng tin người này chỉ tin có đạo, đều chẳng tin có người được đạo. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ. Tin lại có hai thứ, một là tin chánh, hai là tin tà. Nói có nhân quả, có Phật Pháp Tăng thì đó gọi là tin chánh. Nói không nhân quả, tính Tam Bảo khác, tin các lời nói tà bậy, phú lan na.v.v... thì đó gọi là tin tà. Người này tuy tin Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, nhưng chẳng tin Tam Bảo đồng một tính tướng. Họ tuy tin nhân quả nhưng chẳng tin người được quả báo. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ.

Người đó thành tựu chẳng đầy đủ niềm tin, việc thọ cấm giới cũng chẳng đầy đủ thì vì nhân duyên gì gọi là chẳng đầy đủ ? Vì nhân chẳng đủ nên sở đắc cấm giới cũng chẳng đầy đủ. Lại vì nhân duyên gì gọi là chẳng đầy đủ ? Vì cấm giới có hai thứ, một là oai nghi giới, hai là tòng giới giới. Người đó tuy đầy đủ giới oai nghi nhưng chẳng đủ giới tòng giới. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ. Lại giới có hai thứ, một là tác giới, hai là không tác giới. Người đó chỉ đủ tác giới chẳng đủ không tác giới. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ. Giới lại có hai thứ, một là từ thân miệng được chánh mạng, hai là từ thân miệng chẳng được chánh mạng. Người đó chỉ từ thân miệng chẳng được chánh mạng nên gọi đó là giới chẳng đầy đủ. Giới lại có hai thứ, một là cầu giới, hai là xả giới. Người đó chỉ đủ giới cầu có, chẳng được xả giới. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ. Giới lại có hai thứ, một là theo có, hai là theo đạo. Người đó chỉ đủ giới theo có, chẳng đủ giới theo đạo. Vậy nên gọi là Giới chẳng đầy đủ. Giới lại có hai thứ, một là thiện giới, hai là ác giới. Thân miệng ý thiện thì đó gọi là thiện giới. Giới của trâu, giới của chó thì đó gọi là ác giới. Người đó tin sâu hai thứ giới này đều có quả báo thiện. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Người đó chẳng tin đầy đủ hai việc của giới. Việc tu học đa văn cũng chẳng đầy đủ thì làm sao gọi là nghe chẳng đầy đủ ? Mười hai bộ Kinh mà Như Lai đã nói chỉ tin sáu bộ, chẳng tin sáu bộ. Vậy nên gọi là nghe chẳng đầy đủ. Chỉ lại thọ trì sáu bộ Kinh này chẳng có thể đọc tụng, vì người khác giải nói, không có sự lợi ích. Vậy nên gọi là nghe chẳng đầy đủ. Lại nữa, thọ nhận sáu bộ Kinh này rồi vì luận nghị, vì hơn kẻ khác, vì lợi dưỡng, vì các hữu (có) nên thọ trì, đọc tụng, giải nói. Vậy nên gọi là nghe chẳng đầy đủ. Đây thiện nam tử ! Ở trong Kinh ta nói, nghe chẳng đầy đủ thì thế nào là đầy đủ ? Nếu có Tỳkheo, thân miệng ý thiện, trước có thể cúng dường Hòa Thượng, các sư trưởng, người có đức. Những vị sư trưởng này.v.v... đối với người đó sinh lòng ái niệm. Do nhân duyên này nên các vị dạy trao kinh pháp, người đó hết lòng thọ trì, đọc tụng, tu tập. Thọ trì, đọc tụng, tu tập rồi thì thu được trí tuệ, được trí tuệ rồi thì có thể khéo suy nghĩ, theo đúng như pháp mà trụ. Khéo suy nghĩ rồi thì được chính nghĩa, được chính nghĩa rồi thì thân tâm tịch tịnh, thân tâm tịch tịnh rồi thì sinh lòng hoan hỷ. Nhân duyên lòng hoan hỷ thì tâm được định, nhân được định nên được Chánh tri kiến. Có Chánh tri kiến rồi thì đối với các hữu, lòng sinh nhàm chán, hối hận mà nhàm chán hối hận các hữu nên có thể được giải thoát. Người đó không có những việc như vậy nên gọi là nghe chẳng đầy đủ.

Người đó chẳng đủ ba việc như vậy thì Thí cũng chẳng đủ. Thí có hai thứ, một là tài thí, hai là pháp thí. Người đó tuy lại làm tài thí mà vì cầu có (hữu) nên tuy hành pháp thí nhưng cũng chẳng đầy đủ. Vì sao vậy ? Vì còn giữ kín chẳng nói hết sợ người khác hơn. Vậy nên gọi là thí chẳng đầy đủ. Tài, pháp hai thứ thí đều có hai thứ, một là Thánh, hai là chẳng phải Thánh. Thánh thì thí rồi chẳng cầu quả báo. Chẳng phải Thánh thì thí rồi cầu quả báo. Bậc Thánh thí pháp làm tăng trưởng pháp. Kẻ chẳng phải Thánh thí pháp làm tăng trưởng các hữu. Những người như vậy vì thêm của cải mà làm tài thí, vì thêm các hữu mà hành pháp thí. Vậy nên gọi là thí chẳng đầy đủ. Lại nữa, người đó thọ nhận sáu bộ Kinh mà thấy người thọ pháp thì cung cấp, còn người chẳng thọ thì chẳng cung cấp. Đó gọi là Thí chẳng đầy đủ.

Người đó chẳng đủ bốn việc như trên thì việc tu trí tuệ cũng chẳng đầy đủ. Tính của trí tuệ là tính có thể phân biệt. Người đó chẳng thể phân biệt Như Lai là thường hay vô thường. Ở trong Kinh Niết Bàn này, Như Lai nói rằng, Như Lai tức là Giải thoát, Giải thoát tức là Như Lai, Như Lai tức là Niết Bàn, Niết Bàn tức là Giải thoát. Ở trong nghĩa này người đó chẳng thể phân biệt. Phạm hạnh tức là Như Lai, Như Lai tức là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Từ, Bi, Hỷ, Xả tức là Giải thoát, Giải thoát tức là Niết Bàn, Niết Bàn tức là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Ở trong nghĩa này người đó chẳng thể phân biệt. Vậy nên gọi là Trí

chẳng đầy đủ. Lại nữa, chẳng thể phân biệt được Phật tính. Phật tính tức là Như Lai, Như Lai tức là tất cả pháp bất cộng, pháp bất cộng tức là Giải thoát, Giải thoát tức là Niết Bàn, Niết Bàn tức là pháp bất cộng... Ở trong nghĩa này họ chẳng thể phân biệt. Vậy nên gọi là Trí chẳng đầy đủ. Lại nữa, chẳng thể phân biệt bốn đế : Khổ - Tập - Diệt - Đạo. Chẳng thể phân biệt bốn chân đế nên chẳng biết Thánh hạnh, chẳng biết Thánh hạnh nên chẳng biết Như Lai, chẳng biết Như Lai nên chẳng biết Giải thoát, chẳng biết Giải thoát nên chẳng biết Niết Bàn. Vậy nên gọi là Trí chẳng đầy đủ.

Người đó chẳng đủ năm việc như vậy thì có hai thứ, một là tăng thiện pháp, hai là tăng ác pháp. Sao gọi là tăng trưởng ác pháp ? Người đó chẳng thấy mình chẳng đầy đủ mà tự nói đầy đủ và sinh ra lòng chấp trước, đối với người đồng hành tự cho mình hơn. Vậy nên họ thân cận bạn ác đồng với mình. Đã thân cận rồi lại còn được nghe pháp chẳng đầy đủ, nghe rồi lòng vui mừng và lòng họ nhiễm trước khởi lên kiêu mạn, hành động nhiều phóng dật, rồi nhân phóng dật nên gần gũi với hàng tại gia, cũng ưa nghe nói việc tại gia, xa lìa pháp xuất gia thanh tịnh. Do nhân duyên này nên thêm lớn ác pháp, ác pháp tăng nên thân miệng ý.v.v... khởi tác nghiệp bất tịnh. Vì ba nghiệp bất tịnh nên thêm lớn quả báo địa ngục, súc sinh, ngã quỉ. Đó gọi là tạm ra rồi trở lại chìm. Tạm ra rồi trở lại chìm thì trong Phật pháp của ta người ấy là ai vậy ? Là Đề Bà Đạt Đa, Tỳkheo Cù Đà Li, Tỳkheo Uyển Thủ, Tỳkheo Thiện Tinh, Tỳkheo Chi Xá, Tỳkheo Mãn Túc, Tỳkheo ni Từ Địa, Tỳkheo ni Khoáng Dã, Tỳkheo ni Phương, Tỳkheo ni Mạn, trưởng giả Tịnh Khiết, Ưu bà tắc Cầu Hữu, Xá Lặc Thích Chủng, Tượng trưởng giả, Ưu bà di Danh Xung, Ưu bà di Quang Minh, Ưu bà di Nan Đà, Ưu bà di Quân, Ưu bà di Linh.v.v... Những người như vậy gọi là tạm ra rồi trở lại chìm ví như con cá lớn thấy ánh sáng nên ra mà thân nặng nên chìm.

Người thứ hai tự thấy biết sâu là hành động chẳng đầy đủ, chẳng đầy đủ nên câu gần gũi bạn lành, gần gũi bạn lành nên ưa hỏi han điều chưa nghe, nghe rồi ưa thọ, thọ rồi ưa suy nghĩ tốt, suy nghĩ tốt rồi có thể đúng như pháp trụ, đúng như pháp trụ nên thêm lớn căn lành, thêm lớn căn lành nên nhất định chẳng chìm nữa. Đó gọi là Trụ. Trong Phật pháp của ta, những người ấy là ai vậy ? Là Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Nhã Kiều Trần Như.v.v... năm vị Tỳkheo, Gia Xá.v.v... năm trăm vị Tỳkheo, A Nâu Lô Đà đồng tử, Ca Diếp, Maha Ca Diếp, Thập Lực Ca Diếp, Tỳkheo ni Cù Đàm Di, Tỳkheo ni Ba Sắc La Hoa, Tỳkheo ni Thắng, Tỳkheo ni Thật Nghĩa, Tỳkheo ni Ý, Tỳkheo ni Bạt Đà, Tỳkheo ni Tịnh, Tỳkheo ni Bất Thoái Chuyển, vua Tần Bà Ta La, trưởng giả Úc Đà, trưởng giả Tu Đạt Đa, Thích Ma Nam, Tu Đạt Đa nghèo, con ông trưởng giả Thủ Lang, trưởng giả Danh Xung, trưởng

giả Cụ Túc, tướng quân Sư Tử, trưởng giả Ưu Ba Ly, trưởng giả Dao (Dao), Ưu bà di Vô Úy, Ưu bà di Thiện Trụ, Ưu bà di Ái Pháp, Ưu bà di Dũng Kiện, Ưu bà di Thiên Đắc, Ưu bà di Thiện Sinh, Ưu bà di Cụ Thân, Ưu bà di Ngưu Đắc, Ưu bà di Khoáng Dã, Ưu bà di Ma Ha Tư Na.v.v.. Những Tỳkheo, Tỳkheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di như vậy được gọi là trụ. Sao gọi là trụ ? Thường ưa nhìn thấy ánh sáng thiện. Do nhân duyên này nên nếu Phật ra đời, hoặc chẳng ra đời thì những người như vậy nhất định chẳng tạo ác. Đó gọi là Trụ. Như loài cá Chi Di ưa thấy ánh sáng chẳng đắm chẳng chìm, những chúng như trên cũng lại như vậy. Vậy nên, ở trong Kinh ta nói kệ rằng :

Nếu người giỏi hay phân biệt quả
Hết lòng cầu đến quả sa môn
Nếu hay quở trách tất cả “hữu”
“Nhu pháp trụ”, người đó xưng tên.
Nếu hay cúng dường vô lượng Phật
Thì đã tu đạo, đời không lường
Nếu thọ thể lạc chẳng phóng dật
Thì “Nhu pháp trụ” người đó xưng
Thân cận bạn lành nghe chánh pháp
Trong khéo tư duy, trụ theo pháp
Tu tập đạo, ưa thấy quang minh
Chứng được giải thoát trụ yên ổn.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ ba mươi hai -

--- o0o ---

Quyển Thứ 33

PHẨM THỨ HAI MƯƠI TƯ: BỒ TÁT CA DIẾP

Phần thứ III: ...Này thiện nam tử! Trí chẳng đầy đủ thường có năm việc. Người đó biết rồi câu gằn bạn lành. Bạn lành như vậy phải biết quan sát người này tham dục, sân nhuế, ngu si và suy nghĩ hiểu biết người này thiên về cái gì nhiều? Nếu biết người đó tham dục nhiều thì liền ứng vì họ nói pháp quán bất tịnh. Người sân nhuế nhiều thì vì họ nói từ bi. Người suy nghĩ hiểu biết nhiều thì dạy cho họ số tức (phép đếm hơi thở). Người chấp trước ngã nhiều thì phải vì họ phân tích mười tám giới.v.v.. Người đó nghe rồi chí tâm thọ trì, chí tâm thọ trì rồi theo đúng như pháp tu hành, theo đúng như pháp tu hành rồi theo thứ lớp chứng được bốn niệm xứ, quán thân bất tịnh, thọ là khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã. Được cái quán này rồi thì theo thứ lớp quán mười hai nhân duyên. Quán như vậy rồi thì người đó được Noãn pháp.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Tất cả chúng sinh đều có Noãn (ấm) pháp. Vì sao vậy? Vì như lời đức Phật nói, ba pháp hòa hợp gọi là chúng sinh: một là tuổi thọ, hai là noãn (hơi ấm), ba là thức. Nếu theo nghĩa này thì tất cả chúng sinh nên trước có noãn mà vì sao đức Như Lai nói rằng, Noãn pháp nhân bạn lành sinh ra?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Như lời ông hỏi, có Noãn pháp thì tất cả chúng sinh đến nhất xiển đề đều có hết. Như lời hôm nay ta nói là Noãn pháp cần phải nhân phương tiện, rồi nhiên hậu mới được thì nó vốn không nay có. Do nghĩa này nên chẳng phải các chúng sinh, tất cả trước đã có. Vậy nên hôm nay, ông chẳng nên nạn vấn ta là tất cả chúng sinh đều có Noãn pháp. Này

thiện nam tử! Noãn pháp như vậy là pháp của Sắc giới, chẳng phải Dục giới có được. Nếu nói rằng, tất cả chúng sinh có thì chúng sinh Dục giới cũng đều nên có mà Dục giới không có nên phải biết là chẳng phải tất cả có. Vì sao vậy? Vì đệ tử của ta có còn ngoại đạo thì không. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh chẳng nhất định đều có. Nay thiện nam tử! Tất cả ngoại đạo chỉ quán sáu hạnh còn đệ tử của ta đầy đủ mười sáu hạnh (?). Mười sáu hạnh này thì tất cả chúng sinh chẳng nhất định đều có.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Cái nói là Noãn pháp thì sao gọi là Noãn? Vì tự tính noãn hay vì người khác nên noãn?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Như vậy tự tính của pháp noãn, chẳng phải vì người khác nên noãn!

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Đức Như Lai trước đã nói rằng, mã sư Mãn Túc không có Noãn pháp. Vì sao vậy? Vì ở chỗ Tam Bảo không tín tâm. Vậy nên không noãn thì phải biết tín tâm tức là Noãn pháp.

- Nay thiện nam tử! Tín chẳng phải Noãn pháp. Vì sao vậy? Vì nhân ở tín tâm mà sau mới được noãn. Nay thiện nam tử! Luận về Noãn pháp thì tức là trí tuệ. Vì sao vậy? Vì quan sát bốn Đế. Vậy nên gọi đó là mười sáu hạnh mà hạnh tức là trí. Nay thiện nam tử! Như câu hỏi của ông nhân duyên thế nào nên gọi là noãn. Nay thiện nam tử! Luận về Noãn pháp thì tức là tướng lửa của tám Thánh đạo. Vậy nên gọi là noãn. Nay thiện nam tử! Ví như dùi lửa thì trước có hơi ấm, tiếp đến có lửa sinh ra và sau cùng thì bốc khói. Đạo Vô lậu này cũng lại như vậy. Hơi ấm tức là mười sáu hạnh, lửa tức là quả Tu đà hoàn, khói tức là tu đạo, cắt đứt kết sử.

Bồ tát Ca Diếp lại bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như vậy Noãn pháp cũng là Hữu pháp cũng là hữu vi! Quả báo pháp này được năm ấm của Sắc giới nên gọi là Hữu. Do nhân duyên này nên lại gọi là hữu vi. Nếu là hữu vi thì làm sao có thể là tướng của đạo Vô lậu được?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Nay thiện nam tử! Như vậy Noãn pháp tuy là hữu vi, pháp có nhưng trở lại có thể phá hoại hữu vi và pháp có. Vậy nên nó có thể là tướng của đạo Vô lậu. Nay thiện nam tử! Như người cưỡi ngựa cũng yêu ngựa nhưng cũng thúc giục ngựa. Noãn tâm cũng vậy, yêu thích nên thọ sinh, nhằm chán nên quan sát hạnh. Vậy nên tuy lại là hữu pháp, hữu vi mà có thể cùng chánh đạo kia làm tướng, được Noãn pháp. Người có bảy mươi ba thứ, Dục giới có mười thứ, thứ người này đầy đủ tất cả phiền não, từ đoạn một phần cho đến chín phần. Như ở Dục giới, từ sơ thiên cho đến Vô Sở Hữu Xứ cũng lại như vậy. Đó gọi là bảy mươi ba thứ. Những người như vậy được Noãn pháp rồi thì chẳng lại có thể cắt đứt căn lành, làm tội ngũ nghịch, phạm bốn trọng cấm. Hai thứ người này, một là gặp bạn lành, hai là gặp bạn ác. Người gặp bạn ác thì tạm ra trở lại chìm. Người gặp bạn lành thì quan sát khắp bốn phương, quan sát bốn phương thì tức là đỉnh pháp. Pháp này tuy tính lại là năm âm nhưng cũng duyên bốn Đế. vậy nên được gọi là quan sát khắp bốn phương. Được đỉnh pháp rồi tiếp đến được nhãn pháp. Nhãn này cũng vậy, tính cũng năm âm, cũng duyên bốn Đế. Người này tiếp đến được pháp Thế đệ nhất. Pháp này tuy tính lại là năm âm, cũng duyên bốn Đế. Người này tiếp đến được Khổ nhãn pháp mà tính của nhãn là tuệ duyên với một Đế. Như vậy nhãn pháp duyên một Đế rồi cho đến thấy đoạn phiền não, được quả Tu đà hoàn. Đó gọi là quan sát khắp bốn phương thứ tư. Bốn phương tức là bốn Đế.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như đức Phật trước đã nói, việc đoạn phiền não của người Tu đà hoàn giống như vũng nước dọc ngang bốn mươi dặm, còn cái còn lại ấy thì như một giọt nước nhỏ xíu. Trong giọt nước nhỏ này thì sao nói là đoạn ba kết? Gọi là Tu đà hoàn thì một là ngã kiến, hai là chẳng phải nhân thấy nhân, ba là nghi võng. Thưa đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì gọi Tu đà hoàn quan sát khắp bốn phương? Lại vì nhân duyên gì gọi Tu đà hoàn? Lại vì nhân duyên gì nói Tu đà hoàn dụ cho cá Tích?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Người Tu đà hoàn tuy lại có thể đoạn vô lượng phiền não nhưng ba thứ nặng này cũng nhiếp lấy sự cắt đứt kết sử của tất cả

người Tu đà hoàn. Nay thiện nam tử! Ví như vị Đại vương khi ra đi tuần du tuy có bốn binh nhưng người đời chỉ nói vua đến vua đi. Vì sao vậy? Vì thế gian xem trọng vua vậy. Ba phiền não này cũng lại như vậy. Vì nhân duyên gì mà gọi đó là trọng (nặng)? Vì tất cả chúng sinh thường khởi nó lên nhỏ khó nhận biết nên gọi là trọng. Như ba kết này khó có thể đoạn trừ nên có thể là nhân của tất cả phiền não. Oán địch đối trị ba kết này là giới, định, tuệ. Nay thiện nam tử! Có các chúng sinh nghe Tu đà hoàn có thể đoạn vô lượng phiền não như vậy thì sinh ra thoái tâm, liền nói lên rằng: “Chúng sinh làm sao có thể đoạn vô lượng phiền não như vậy?” Vậy nên Như Lai phương tiện nói có ba! Như lời ông hỏi, vì nhân duyên gì mà người Tu đà hoàn dụ cho quan sát bốn phương? Nay thiện nam tử! Người Tu đà hoàn quan sát bốn Đứ thu hoạch được bốn việc: Một là trụ ở đạo kiên cố, hai là có thể quan sát khắp, ba là có thể thấy như thật, bốn là có thể hoại đại oán. Đạo kiên cố nghĩa là Tu đà hoàn sở hữu năm căn nên không thể động. Vậy nên gọi là trụ đạo kiên cố. Quan sát khắp cùng nghĩa là Tu đà hoàn có thể quả trách phiền não trong, ngoài. Thấy như thật thì tức là Nhẫn trí. Hoại đại oán nghĩa là hoại bốn điên đảo. Như lời ông hỏi, vì nhân duyên gì gọi là Tu đà hoàn? Nay thiện nam tử! Tu là gọi Vô lậu, Đà Hoàn là gọi tu tập. Tu tập Vô lậu nên gọi là Tu đà hoàn. Nay thiện nam tử! Lại có, Tu gọi là lưu. Lưu có hai thứ: một là thuận lưu (thuận dòng), hai là nghịch lưu (ngược dòng). Do nghịch lưu nên gọi là Tu đà hoàn.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Nếu từ ý nghĩa này thì vì nhân duyên gì mà người Tu đà hàm, người A na hàm, người A la hán chẳng được gọi là Tu đà hoàn vậy?

- Nay thiện nam tử! Từ Tu đà hoàn cho đến các đức Phật cũng được gọi là Tu đà hoàn. Nếu từ Tu đà hàm cho đến các đức Phật không Tu đà hoàn (nghịch lưu) thì làm sao được gọi là Tu đà hàm cho đến Phật. Tên tất cả chúng sinh có hai thứ: một là cựu (cũ, trước), hai là khách (mượn tạm). Khi còn là phàm phu thì có tên gọi của đời. Đã được đạo rồi thì đổi tên gọi là Tu đà hoàn. Do trước được đạo nên tên là Tu đà hoàn, rồi sau được tiếp nên gọi Tu đà hàm. Người đó cũng tên là Tu đà hoàn, cũng tên là Tu đà hàm... cho đến Phật cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Lưu có hai thứ: Một là giải thoát, hai là Niết Bàn. Tất cả Thánh nhân đều có hai thứ này, cũng có thể được gọi là Tu đà hoàn, cũng gọi là Tu đà hàm... cho đến Phật cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Tu đà hoàn cũng gọi là Bồ tát. Vì sao vậy? Vì Bồ tát thì tức là tận trí và Vô sinh trí mà người Tu đà hoàn cũng lại

tìm cầu hai thứ trí như thế. Vậy nên phải biết người Tu đã hoàn được gọi là Bồ tát. Người Tu đã hoàn cũng được gọi là Giác. Vì sao vậy? Vì Chính giác thì thấy đạo, cắt đứt phiền não vậy. Do nhân quả của Chính giác nên Chính giác chung với đạo và chẳng chung với đạo. Tu đã hàm cho đến A la hán cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Tu đã hoàn này thường có hai thứ: Một là lợi căn, hai là độn căn. Người độn căn thì qua lại cõi người, trời bảy lần. Người độn căn đó lại có năm thứ: hoặc người có sáu lần, năm lần, bốn lần, ba lần, hai lần qua lại trời người. Người lợi căn thì hiện tại chứng được quả Tu đã hoàn đến quả A la hán. Nay thiện nam tử! Như lời ông hỏi, vì nhân duyên gì dùng loài cá Tích dụ cho người Tu đã hoàn? Nay thiện nam tử! Loài cá Tích có bốn việc: Một là xương nhỏ nên nhẹ, hai là có cánh nên nhẹ, ba là ưa thấy ánh sáng, bốn là ngậm vật giữ chắc. Người Tu đã hoàn cũng có bốn việc: Răng, xương nhỏ là dụ cho phiền não nhỏ, có cánh là dụ cho Xa ma tha (chỉ) Tỳ bà xá na (quán), ưa thấy ánh sáng là dụ cho thấy đạo, ngậm vật giữ chắc là dụ cho nghe Như Lai nói vô thường khổ vô ngã bất tịnh thì giữ chắc chẳng bỏ. Giống như Ma vương hóa làm hình dáng Phật, trưởng giả Thủ La nhìn thấy rồi, lòng kinh hãi. Ma thấy lòng ông trưởng giả ấy động rồi, liền nói với ông trưởng giả rằng: “Ta trước nói có bốn chân đế là lời nói chẳng chân thật! Nay ta sẽ vì ông nói lại là có năm Đế, sáu Ấm, mười ba nhập, mười chín giới!” Ông trưởng giả nghe rồi liền quan sát pháp tướng, nhưng đều không có cái lý này. Vậy nên phải kiên trì lòng mình chẳng động.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Tu đã hoàn này trước đã được đạo nên gọi là Tu đã hoàn. Vì sơ quả (quả vị đầu tiên) nên gọi là Tu đã hoàn. Nếu trước đã được đạo nên gọi là Tu đã hoàn thì khi được Khổ pháp nhẫn vì sao chẳng được gọi là Tu đã hoàn mà gọi là Hướng? Nếu vì sơ quả mà gọi là Tu đã hoàn thì người ngoại đạo trước đã đoạn phiền não, đến được “Vô sở hữu xứ” mà tu đạo vô lậu lại được quả A na hàm. Vì sao chẳng gọi họ là Tu đã hoàn?

- Nay thiện nam tử! Do sơ quả nên gọi là Tu đã hoàn! Như lời ông hỏi, người ngoại đạo trước đã đoạn phiền não, đến được Vô sở hữu xứ mà tu đạo Vô lậu được quả A na hàm thì vì sao chẳng gọi họ là Tu đã hoàn? Nay thiện nam tử! Do sơ quả nên gọi là Tu đã hoàn. Người này khi ấy đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh!

Ngài Ca Diếp bạch rằng:

- Thừa đức Thế Tôn! Người được A na hàm cũng lại như vậy, cũng được tám trí, đủ mười sáu hạnh mà vì sao chẳng được gọi là Tu đà hoàn?

- Nay thiện nam tử! Mười sáu hạnh hữu lậu có hai thứ: một là chung (cộng), hai là chẳng chung (bất cộng). Mười sáu hạnh Vô lậu cũng có hai thứ: Một là hướng quả, hai là đắc quả. Tám trí cũng có hai: Một là hướng quả, hai là đắc quả. Người Tu đà hoàn xả mười sáu hạnh cộng được mười sáu hạnh bất cộng, bỏ tám trí hướng quả được tám trí đắc quả. Người A na hàm thì chẳng như vậy. Vậy nên sơ quả gọi là Tu đà hoàn. Nay thiện nam tử! Người Tu đà hoàn duyên với bốn Đế còn người A na hàm chỉ duyên một Đế. Vậy nên sơ quả gọi là Tu đà hoàn. Do nhân duyên này nên dụ dùng loài cá Tích. Người quan sát khắp rồi đi tức là Tu đà hàm hết lòng tu đạo vì đoạn trừ tham dục, sân, si, kiêu mạn như con cá Tích kia quan sát khắp bốn phương rồi vì mỗi ăn nên đi.

Đi rồi lại trụ là dụ cho A na hàm, được ăn rồi trụ. A na hàm này thường có hai thứ: Một là hiện tại được A na hàm rồi tiến tu liền được quả A la hán. Hai là tham trước Tịch tịnh tam muội trong Sắc giới, Vô sắc giới mà người này chẳng thọ thân dục giới nên gọi là A na hàm. A na hàm này lại có năm thứ: Một là Trung Bát Niết Bàn, hai là Thọ Thân Bát Niết Bàn, ba là Hành Bát Niết Bàn, bốn là Vô hành Bát Niết Bàn, năm là Thượng lưu Bát Niết Bàn. A na hàm lại có sáu thứ: Năm thứ nêu trên, thêm sáu là Hiện tại Bát Niết Bàn. Lại có bảy thứ: Sáu thứ như trên, thêm thứ bảy là Vô Sắc Giới Bát Niết Bàn. Hành Bát Niết Bàn lại có hai thứ: Hoặc thọ hai thân, hoặc thọ bốn thân. Nếu thọ hai thân thì đó gọi là lợi căn. Nếu thọ bốn thân thì đó gọi là độn căn. Lại có hai thứ: Một là tinh tấn không tự tại định, hai là giải đãi có tự tại định. Lại có hai thứ: Một là đủ tinh tấn định, hai là chẳng đủ. Nay thiện nam tử! Chúng sinh Sắc giới có hai thứ nghiệp: Một là tác nghiệp, hai là thọ sinh nghiệp. Trung Niết Bàn thì chỉ có tác nghiệp không có thọ sinh nghiệp. Vậy nên ở giữa mà Bát Niết Bàn, xả thân Dục giới, chưa đến Sắc giới. Do lợi căn nên ở Trung Niết Bàn. Người A na hàm Trung Niết Bàn này có bốn thứ tâm: Một là phi học phi vô học, hai là học, ba là vô học, bốn là phi học phi vô học. Vào với Niết Bàn mà sao lại gọi là Trung Bát Niết Bàn? Nay thiện nam tử! Vì trong bốn thứ tâm của A na hàm này có hai: Một là Niết Bàn và hai là phi Niết Bàn. Vậy nên gọi là Trung Bát Niết Bàn. Thọ thân Niết Bàn có hai thứ: Một là tác nghiệp, hai là sinh nghiệp. Người xả thân Dục giới thọ thân Sắc giới, tinh cần tu đạo, hết thọ mạng ấy thì vào với Niết Bàn.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Nếu nói rằng hết thọ vào Niết Bàn thì làm sao mà nói rằng Thọ Thân Niết Bàn?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Người này thọ thân rồi nhiên hậu mới đoạn trừ phiền não của ba cõi nên gọi là Thọ Thân Niết Bàn. Nay thiện nam tử! Hành Bát Niết Bàn thì thường tu hành đạo. Do có sức của tam muội hữu vi nên có thể đoạn trừ phiền não mà vào với Niết Bàn. Đó gọi là Hành Bát Niết Bàn. Vô Hành Niết Bàn là người này quyết định biết sẽ được Niết Bàn nên giải đãi. Cũng do lực của tam muội hữu vi nên hết thọ mạng thì được vào với Niết Bàn. Đó gọi là Vô Hành Bát Niết Bàn. Thượng Lưu Bát Niết Bàn là nếu có người được Đệ Tứ Thiên rồi mà sinh ra ái tâm ở Sơ thiên thì do nhân duyên này sinh lùi lại ở Sơ thiên. Hạng này có hai dòng (lưu): Một là dòng phiền não, hai là dòng đạo. Nhờ dòng đạo nên người này thọ mạng hết sinh ra yêu Nhị thiên. Do nhân duyên này nên họ sinh ra ở Nhị thiên... cho đến Đệ tứ Thiên cũng lại như vậy. Trong bốn thiên này lại có hai thứ: Một là vào Vô sắc giới, hai là vào Ngũ Tịnh Cư. Hai người như vậy thì một người ưa tam muội và người thứ hai ưa trí tuệ. Người ưa trí tuệ thì vào Ngũ Tịnh Cư còn người ưa tam muội thì vào Vô Sắc giới. Như vậy hai người: Một là tu Đệ Tứ Thiên thì có năm bậc sai khác, hai là chẳng tu. Những gì là năm bậc? Đó là hạ, trung, thượng, thượng trung và thượng thượng. Người tu thượng thượng thì ở Vô Tiểu Thiên. Người tu thượng trung thì ở Thiên Kiến Thiên. Người tu thượng phẩm thì ở Thiên Kiến Thiên. Người tu trung phẩm thì ở Vô Nhiệt Thiên. Người tu hạ phẩm thì ở Tiểu Quảng Thiên. Hai người như vậy, một là ưa luận nghị, hai là ưa tịch tịnh. Người ưa tịch tịnh thì vào Vô Sắc Giới. Người ưa luận nghị ở Ngũ Tịnh Cư. Lại có hai thứ người, một là tu huân thiên, hai là chẳng tu huân thiên. Người tu huân thiên thì vào Ngũ Tịnh Cư. Người chẳng tu huân thiên thì sinh ở Vô sắc giới. Hết thọ mạng thì người ấy Bát Niết Bàn nên gọi là thượng lưu Bát Niết Bàn. Nếu muốn vào với Vô sắc giới thì tức là chẳng thể tu năm sai khác của Bốn Thiên. Nếu tu năm sai khác thì có thể quả trách định của Vô sắc giới.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Người Trung Niết Bàn thì tức lợi căn. Nếu là người lợi căn thì vì sao chẳng hiện tại vào Niết Bàn vậy? Vì sao Dục giới có Trung Niết Bàn mà Sắc giới thì không?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Người đó hiện tại bốn đại gây yếu chẳng thể tu đạo. Tuy có Tỳkheo với bốn đại mạnh khỏe nhưng không có phòng nhà, đồ ăn thức uống, quần áo, ngọa cụ, thuốc chữa bệnh... mọi duyên chẳng đủ. Vậy nên chẳng được hiện tại Niết Bàn. Nay thiện nam tử! Ngày trước một thuở, ta ở tại tinh xá A Na Bàn Chỉ nước Xá Vệ, có một Tỳkheo đi đến chỗ của ta nói lên như vậy: “Thưa đức Thế Tôn! Con thường tu đạo mà chẳng thể được quả Tu đà hoàn đến quả A la hán!” Ta tức thời bảo ông A Nan rằng: “Ông nay phải vì vị Tỳkheo này cấp đủ những sự cần dùng”. Lúc bấy giờ ông A Nan đem vị Tỳkheo này đến rừng Kỳ Đà cấp cho phòng nhà đẹp. Khi đó vị Tỳkheo nói với ông A Nan rằng: “Thưa đại đức! Nguyên xin ngài vì tôi trang nghiêm phòng nhà, sửa sang sạch sẽ, nghiêm lệ bảy báu, treo bảo cái, tràng phan lụa ngũ sắc...” Ông A Nan nói rằng: “Thế gian, người nghèo mới gọi là Sa môn thì tôi phải làm sao có thể bày biện những việc đó?” Tỳkheo này nói rằng: “Thưa đại đức! Nếu ngài có thể vì tôi làm thì tốt! Nếu chẳng thể thì tôi sẽ trở lại đi đến chỗ đức Thế Tôn!”. Lúc bấy giờ, ông A Nan liền đi đến chỗ Phật mà thưa rằng: “Thưa đức Thế Tôn! Tỳkheo vừa rồi theo con cầu tìm đủ thứ trang nghiêm bảy báu, tràng, cái... chẳng xem xét việc này thì phải làm sao vậy?”. Vào lúc ấy, ta lại bảo ông A Nan rằng: “Nay ông trở lại đi theo ý của Tỳkheo, đem những vật cần dùng của ông ấy mà bày biện đủ!”. Lúc bấy giờ, ông A Nan trở lại trong phòng, vì vị Tỳkheo này bày biện từng việc từng việc đầy đủ. Tỳkheo được như ý rồi thì hết lòng tu đạo. Chẳng bao lâu ông liền được quả Tu đà hoàn đến quả A la hán. Nay thiện nam tử! Vô lượng chúng sinh ứng vào Niết Bàn nhưng vì thiếu thốn nên làm loạn lòng họ nên chẳng được. Nay thiện nam tử! Lại có chúng sinh rất vui được giáo hóa nên lòng họ rộn ràng chẳng thể được định. Vậy nên chẳng được Hiện Tại Niết Bàn. Nay thiện nam tử! Như lời ông hỏi, vì nhân duyên gì xả thân Dục giới có Trung Niết Bàn mà Sắc giới thì không?. Nay thiện nam tử! Người này quan sát ở Dục giới, nhân duyên phiền não có hai: Một là nội, hai là ngoại mà trong Sắc giới không có ngoại nhân duyên. Dục giới lại có hai thứ ái tâm, một là dục ái, hai là thực (ăn) ái. Quan sát hai ái này, hết lòng quả trách, quả trách rồi thì được vào Niết Bàn. Trong Dục giới này có thể quả trách các phiền não thô như là xan tham, tật đố, không tâm, không quý... Do nhân duyên này nên có thể được Niết Bàn. Lại, đạo của Dục giới, tính của đạo ấy dừng kiên. Vì sao vậy? Vì được bốn quả vậy. Vậy nên Dục giới có Trung Niết Bàn mà trong Sắc giới thì không. Nay thiện nam tử! Trung Niết Bàn thì thường có ba thứ. Đó là thượng, trung, hạ. Thượng là xả thân chưa rời khỏi Dục giới liền được Niết Bàn. Trung là bắt đầu rời khỏi Dục giới chưa đến Sắc giới liền được Niết Bàn. Hạ là rời khỏi Dục giới rồi

đến biên giới Sắc giới mới được Niết Bàn. Dụ dùng loài cá Tích được mồi ăn rồi đi, người này cũng vậy. Sao gọi là Trụ? Ở tại Sắc giới và Vô sắc giới được thọ thân vậy. Vậy nên gọi trụ. Chẳng thọ thân người, trời, địa ngục, súc sinh, ngã quỷ của Dục giới. Vậy nên gọi là Trụ. Đã đoạn trừ vô lượng các phiền não kết, còn lại chút ít vậy. Vậy nên gọi Trụ. Lại vì nhân duyên gì mà gọi đó là Trụ? Vì nhân duyên nhất định chẳng tạo tác chung việc của phàm phu. Vậy nên gọi là Trụ. Mình không sợ gì, chẳng khiến người khác sợ. Vậy nên gọi là Trụ. Xa lìa hai ái, xan tham, sân nhuế. Vậy nên gọi là Trụ.

Này thiện nam tử! Người đến bờ kia là dụ cho A la hán, Bích Chi Phật, Bồ tát, Phật, giống như Rùa thần trên nước trên đất đều đi được cả. Vì nhân duyên gì mà dụ những vị ấy cho rùa? Vì nhân duyên năm tầng tốt (thiện). Những bậc A la hán này cho đến các đức Phật cũng lại như vậy, khéo che năm căn vậy nên dụ cho rùa. Rừng nước và đất thì nước dụ cho thế gian, đất dụ cho xuất thế gian. Các vị Thánh này cũng lại như vậy, có thể quan sát tất cả phiền não ác nên đến với bờ kia. Vậy nên dụ cho đến dưới nước, trên đất đều đi.

Này thiện nam tử! Như bảy loài chúng sinh trong sông Hằng, tuy có tên là cá, rùa nhưng chẳng lìa khỏi nước. Như vậy trong Đại Niết Bàn vi diệu, từ nhất xiển đề lên đến các đức Phật tuy có tên khác nhau nhưng cũng chẳng lìa khỏi nước Phật tính. Này thiện nam tử! Bảy loại chúng sinh này hoặc thiện pháp, hoặc bất thiện pháp, hoặc phương tiện đạo, hoặc giải thoát đạo, hoặc thứ đệ đạo, hoặc nhân, hoặc quả... hết thấy đều là Phật tính. Đó gọi là Tùy Tự Ý Ngữ của Như Lai!

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thừa đức Thế Tôn! Nếu có nhân thì có quả, nếu không nhân thì không quả. Niết Bàn gọi là quả thường nên không có nhân. Nếu không nhân thì sao gọi là quả? Nhưng mà Niết Bàn này cũng gọi là Sa môn và gọi là quả Sa môn thì thế nào là Sa môn? Thế nào là quả Sa môn?

- Này thiện nam tử! Tất cả thế gian có bảy thứ quả: Một là quả phương tiện, hai là quả báo ân, ba là quả thân cận, bốn là quả tàn dư, năm là quả bình đẳng, sáu là quả quả báo, bảy là quả viễn ly. Phương tiện quả thì như người thế gian, mùa thu, thu hoạch nhiều lúa, đều nói với nhau rằng, được phương tiện quả. Phương tiện quả còn gọi là Nghiệp hành quả. Quả như vậy thì có hai thứ nhân: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần là gọi hạt giống (chủng tử). Nhân xa là gọi nước, phân bón, công sức của

người. Đó gọi là phương tiện quả. Báo ân quả thì như người thế gian cúng dường cha mẹ, cha mẹ đều nói rằng, ta nay đã được quả báo ân dưỡng. Con có thể báo đền ơn cha mẹ thì gọi đó là quả. Quả như vậy thì nhân cũng có hai thứ: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là nghiệp thuận thiện đời quá khứ của cha mẹ. Nhân xa tức là cha mẹ đã sinh ra con hiếu. Đó gọi Báo ân quả. Thân cận quả thì ví như có người gần gũi bạn lành hoặc được từ quả Tu đà hoàn đến quả A la hán. Người đó xưng lên rằng: “Ta nay được Thân cận quả!” Quả như vậy thì nhân có hai thứ: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần là lòng tin, nhân xa là bạn lành. Đó gọi là Thân cận quả. Dư tàn quả thì như nhân chẳng sát hại được thân thứ ba kéo dài thêm thọ mạng. Đó gọi là Dư tàn quả. Quả như vậy thì có hai thứ nhân: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là thân, miệng, ý thanh tịnh. Nhân xa tức là kéo dài thêm thọ mạng. Đó gọi là Tàn dư quả. Bình đẳng quả nghĩa là thế giới khí (đồ dùng). Quả như vậy thì cũng có hai thứ nhân: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần như là chúng sinh tu mười nghiệp thiện. Nhân xa như là tam tai. Đó gọi là Bình đẳng quả. Quả Báo quả thì như người chứng được thân thanh tịnh rồi tu nghiệp thanh tịnh của thân, miệng, ý. Người đó liền nói rằng, ta được quả báo quả. Quả như vậy thì nhân có hai thứ: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần thì như là thân, miệng, ý hiện tại thanh tịnh. Nhân xa thì như là thân, miệng, ý quá khứ thanh tịnh. Đó gọi là quả báo quả. Viễn ly quả thì tức là Niết Bàn lìa các khổ não. Tất cả nghiệp thiện là nhân của Niết Bàn. Nó lại có hai thứ: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là ba cửa giải thoát. Nhân xa tức là việc tu hành thiện pháp của vô lượng đời. Nay thiện nam tử! Như pháp thế gian, hoặc nói sinh nhân, hoặc nói liễu nhân. Pháp xuất thế cũng lại như vậy, cũng nói sinh nhân, cũng nói liễu nhân. Nay thiện nam tử! Ba cửa giải thoát, ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể vì tất cả phiền não làm chẳng sinh ra sinh nhân, cũng vì Niết Bàn mà làm liễu nhân. Nay thiện nam tử! Lìa xa phiền não thì được thấy rõ ràng Niết Bàn. Vậy nên Niết Bàn chỉ có liễu nhân, không có sinh nhân. Nay thiện nam tử! Như lời ông hỏi, thế nào là Sa môn na? Thế nào là Sa môn quả? Nay thiện nam tử! Sa môn na tức là Bát chánh đạo. Sa môn quả thì từ đạo rốt ráo diệt vĩnh viễn tất cả tham, sân, si.v.v... Đó gọi là Sa môn na và Sa môn quả.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Bát chánh đạo gọi là Sa môn na?

- Nay thiện nam tử! Đời nói Sa môn là gọi thiếu! Na là gọi Đạo. Như vậy Đạo là đoạn tất cả thiếu, đoạn tất cả đạo. Do nghĩa này nên gọi Bát

chánh đạo là Sa môn na. Từ trong đạo này chúng được quả nên gọi là Sa môn quả. Nay thiện nam tử! Lại, Sa môn na là như người thế gian có lạc tịnh (vui yên lặng) thì cũng gọi là Sa môn. Đạo như vậy thì cũng lại như vậy có thể khiến cho hành giả lìa khỏi cái ác của thân, miệng, ý và tà mạng.v.v... mà được vui tịch tịnh. Vậy nên gọi đó là Sa môn na. Nay thiện nam tử! Như hạng hạ nhân của đời có thể làm bậc thượng nhân. Đó gọi là Sa môn. Như vậy đạo đó cũng lại như vậy, có thể khiến cho hạng hạ nhân làm bậc thượng nhân. Vậy nên được gọi là Sa môn na. Nay thiện nam tử! Người A la hán tu đạo này thì được Sa môn quả. Vậy nên được gọi là đến với bờ kia. Quả A la hán tức là thân pháp năm phần vô học (vô học ngũ phận pháp thân). Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, nhân năm phần này được đến bờ kia. Vậy nên gọi là đến với bờ kia. Đến bờ kia mà tự nói rằng: “Ta, sinh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã hoàn thành, lại chẳng thọ thân sau”. Nay thiện nam tử! A la hán này đã đoạn trừ vĩnh viễn nhân duyên sinh ba đời. Vậy nên tự nói, ta, sinh đã hết, cũng cắt đứt thân năm ấm của ba cõi. Vậy nên lại nói rằng, ta, sinh đã hết, việc tu phạm hạnh đã rốt ráo. Vậy nên xưng rằng, phạm hạnh đã lập. Lại nữa, xả bỏ học đạo cũng gọi là đã lập. Như sở cầu thuở trước, ngày nay đã được, vậy nên xưng lên rằng, việc làm đã hoàn thành. Tu đạo được quả cũng nói rằng, đã hoàn thành. Chúng được Tận trí, Vô sinh trí nên xưng lên rằng, Ta, sinh đã hết, tận diệt các hữu kết. Do những nghĩa này nên gọi là A la hán được đến bờ kia. Như A la hán, Bích Chi Phật cũng lại như vậy. Bồ tát và Phật thành tựu đầy đủ sáu Ba la mật nên gọi là đến bờ kia. Phật và Bồ tát này được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi thì gọi là đầy đủ sáu Ba la mật. Vì sao vậy? Vì được quả của sáu Ba la mật. Do được quả nên gọi là đầy đủ. Nay thiện nam tử! Bảy loại chúng sinh này chẳng tu thân, chẳng tu giới, chẳng tu tâm, chẳng tu tuệ, chẳng thể tu tập bốn việc như vậy thì có thể tạo tác tội nặng ngũ nghịch, có thể cắt đứt căn lành, phạm bốn trọng cấm, bài báng Phật Pháp Tăng. Vậy nên họ được gọi là thường đắm chìm. Nay thiện nam tử! Trong bảy thứ người này nếu có người thân cận thiện tri thức, hết lòng thính thọ chính pháp của Như Lai, nội tâm giới tư duy, theo đúng như pháp mà trụ, tinh cần tu tập thân, giới, tâm, tuệ thì được gọi là qua khỏi dòng sông sinh tử, đến được bờ kia. Nếu có người nói rằng, người nhất xiển đề được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì đó gọi là nhiệm trước, còn nếu nói rằng, chẳng được thì đó gọi là hư vọng. Nay thiện nam tử! Bảy thứ người này, hoặc có một người đủ bảy, hoặc có bảy người từng người một. Nay thiện nam tử! Nếu người mà lòng miệng khác, tướng khác nói rằng, nhất xiển đề được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì phải biết người đó bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu người mà tâm miệng khác, tướng khác nói rằng, nhất xiển đề chẳng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì người đó cũng gọi

là bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nay thiện nam tử! Nếu có người nói Bát Thánh đạo phận là sở đắc của phàm phu thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói rằng, Bát Thánh đạo phận chẳng phải là sở đắc của phàm phu thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nay thiện nam tử! Nếu có người nói rằng, tất cả chúng sinh quyết định có Phật tính hay quyết định không Phật tính thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nay thiện nam tử! Vậy nên ở trong Khế kinh ta nói có hai thứ người bài báng Phật, Pháp, Tăng: Một là chẳng tin lòng sân nhuế, hai là tuy tin nhưng chẳng hiểu nghĩa. Nay thiện nam tử! Nếu lòng tin của người không có trí tuệ thì người đó có thể thêm lớn vô minh. Nếu có trí tuệ mà không có lòng tin thì người đó có thể thêm lớn tà kiến. Nay thiện nam tử! Người chẳng tin mà lòng sân nhuế nói rằng, không có Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Người tin mà không tuệ thì giải nghĩa điên đảo khiến cho người nghe pháp bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nay thiện nam tử! Vậy nên ta nói rằng, người chẳng tin mà lòng sân nhuế, người có tin mà không trí tuệ là những người có thể bài báng Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Nay thiện nam tử! Nếu có người nói rằng, nhất xiển đề.v.v... chưa sinh ra thiện pháp liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu lại có người nói rằng, người nhất xiển đề bỏ nhất xiển đề, ở trong thân khác được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu lại có người nói rằng, người nhất xiển đề có thể sinh ra thiện căn, sinh thiện căn rồi nói nhau chẳng đoạn được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên nói rằng, nhất xiển đề được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì phải biết người đó chẳng bài báng Tam Bảo. Nay thiện nam tử! Nếu có người nói rằng, tất cả chúng sinh quyết định có Phật tính, Thường Lạc Ngã Tịnh, chẳng tác, chẳng sinh mà vì nhân duyên phiền não nên chẳng thấy thì phải biết người đó bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói rằng, tất cả chúng sinh đều không Phật tính giống như sừng thỏ, từ phương tiện sinh ra, vốn không nay có, có rồi trở lại không thì phải biết người đó bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói rằng, Phật tính của chúng sinh chẳng phải có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Vì sao vậy? Vì hư không thì thường, sừng thỏ thì không có vậy. Vậy nên được nói rằng, cũng có cũng không. Nếu có thì nên phá sừng thỏ, còn không thì nên phá hư không. Người nói như vậy thì chẳng bài báng Tam Bảo. Nay thiện nam tử! Luận về Phật tính thì chẳng gọi là một pháp, chẳng gọi là mười pháp, chẳng gọi là trăm pháp, chẳng gọi là ngàn pháp, chẳng gọi là vạn pháp. Khi chưa được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà tất cả thiện, bất thiện, vô ký hết thì gọi là Phật tính. Như Lai, hoặc khi trong nhân nói quả, trong quả nói nhân. Đó gọi là Tùy Tự Ý Ngữ của Như

Lai. Vì Tùy Ý Ngữ nên gọi là Như Lai, Tùy Ý Ngữ nên gọi là A La Ha, Tùy Ý Ngữ nên gọi là Tam Miệu Tam Phật Đà!

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như lời đức Phật nói, Phật tính của chúng sinh giống như hư không, thì sao gọi là hư không vậy?

- Này thiện nam tử! Tính của hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Phật tính cũng vậy. Này thiện nam tử! Hư không chẳng phải quá khứ. Vì sao vậy? Vì không hiện tại vậy. Pháp, nếu hiện tại có thể nói quá khứ. Nhưng do không hiện tại nên không quá khứ, cũng không hiện tại. Vì sao vậy? Vì không vị lai vậy. Pháp, nếu vị lai có thể nói hiện tại. Nhưng do không vị lai nên không hiện tại, cũng không vị lai. Vì sao vậy? Vì không hiện tại và quá khứ. Nếu có hiện tại, quá khứ thì có vị lai, nhưng do không hiện tại quá khứ nên không vị lai. Do nghĩa này nên tính của hư không chẳng phải ba đời nhiếp lấy.

Này thiện nam tử! Do hư không không nên không có ba đời. Chẳng do có nên không ba đời vậy. Như hoa hư không chẳng phải là có nên không có ba đời. Hư không cũng vậy, chẳng phải là có nên không có ba đời.

Này thiện nam tử! Không có vật tức là hư không, Phật tánh cũng vậy.

Này thiện nam tử! Hư không không nên chẳng phải ba đời nhiếp lấy. Phật tính thường nên chẳng phải ba đời nhiếp lấy.

Này thiện nam tử! Như Lai đã được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên Phật tính sở hữu và tất cả Phật pháp thường trụ không biến đổi. Do nghĩa này nên không có ba đời giống như hư không.

Này thiện nam tử! Hư không không nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài, Phật tính thường nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài nên nói Phật tính giống như hư không.

Này thiện nam tử! Như trong thế gian, chỗ không ngăn ngại gọi là hư không. Như lại được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi thì đối với tất cả pháp không có ngăn ngại nên nói rằng Phật tính giống như hư không. Do nhân duyên này ta nói rằng, Phật tính giống như hư không.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như Lai, Phật tính, Niết Bàn chẳng phải sự nhiếp lấy của ba đời mà gọi là hữu (có). Hư không cũng chẳng phải là sự nhiếp lấy của ba đời mà vì sao chẳng được gọi là hữu vậy?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Vì chẳng phải Niết Bàn gọi là Niết Bàn. Vì chẳng phải Như Lai gọi là Như Lai. Vì chẳng phải Phật tính gọi là Phật tính. Sao gọi là chẳng phải Niết Bàn vậy? Đó là tất cả pháp hữu vi phiến não. Vì phá phiến não hữu vi như vậy nên đó gọi là Niết Bàn. Chẳng phải Như Lai là gọi từ nhất xiển đề đến Bích Chi Phật. Vì phá nhất xiển đề đến Bích Chi Phật như vậy nên đó gọi là Như Lai. Chẳng phải Phật tính là gọi tất cả những vật vô tình như tường, vách, sành, đá.v.v... Lià khỏi những vật vô tình như vậy thì đó gọi là Phật tính. Này thiện nam tử! Tất cả thế gian không chẳng phải hư không đối với hư không.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Thế gian cũng không chẳng phải bốn đại đối với bốn đại mà còn được gọi bốn đại là có mà hư không không đối với thì vì sao chẳng được gọi là có?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Nếu nói Niết Bàn chẳng phải sự nhiếp lấy của ba đời mà hư không cũng vậy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? - Vì Niết Bàn là có thể thấy, có thể chứng, là sắc với đủ dấu vết, chương cú, là có, là tướng, là duyên, là chỗ qui y, là ánh sáng tịch tịnh, là bờ kia yên ổn. Vậy nên được gọi là chẳng phải sự nhiếp lấy của ba đời. Còn tính của hư không là không có những pháp như vậy. Vậy nên gọi là không. Nếu có lià khỏi những pháp như vậy thì lại có pháp thì ứng với sự nhiếp lấy của ba đời. Hư không nếu đồng với pháp có này thì chẳng được chẳng phải là sự nhiếp lấy của ba đời.

Này thiện nam tử! Như người đời nói, hư không gọi là không sắc, không đối, chẳng thể nhìn thấy. Nếu không sắc, không đối, chẳng thể nhìn thấy thì tức là pháp tâm số (sổ). Hư không nếu đồng với pháp tâm số thì

chẳng được chẳng là sự nhiếp lấy của ba đời. Vì nếu ba đời nhiếp lấy thì tức là bốn âm.. Vậy nên lia khỏi bốn âm rồi thì không có hư không.

Lại nữa, này thiện nam tử! Các ngoại đạo nói rằng, Luận về hư không thì tức là ánh sáng. Hư không nếu là ánh sáng thì tức là sắc pháp. Hư không nếu là sắc pháp thì tức là vô thường. Đã là vô thường nên bị sự nhiếp lấy của ba đời thì làm sao ngoại đạo nói là chẳng phải ba đời? Nếu ba đời nhiếp lấy thì chẳng phải hư không, cũng có thể nói rằng, hư không là thường.

Này thiện nam tử! Lại có người nói rằng, hư không tức là trụ xứ. Hư không nếu có trụ xứ thì tức là sắc pháp mà tất cả chỗ đều là vô thường, bị sự nhiếp lấy của ba đời. Hư không cũng thường, chẳng phải sự nhiếp lấy của ba đời. Nếu nói có chỗ thì biết không có hư không. Lại có người nói rằng, hư không thì tức là thứ lớp. Nếu là thứ lớp thì tức là Sở pháp. Nếu là có thể tính thì tức là ba đời nhiếp lấy. Nếu ba đời nhiếp lấy thì làm sao nói là Thường?.

Này thiện nam tử! Nếu lại nói rằng, luận về hư không thì chẳng lia khỏi ba pháp: Một là rỗng không, hai là thật, ba là rỗng không thật. Nếu nói rỗng không là đúng thì phải biết hư không là pháp vô thường. Vì sao vậy? Vì chỗ quả thật là không. Nếu nói là Thật đúng thì phải biết hư không cũng là vô thường. Vì sao vậy? Vì chỗ rỗng không là không. Nếu rỗng không thật đúng thì phải biết hư không cũng là vô thường. Vì sao vậy? Vì cả hai chỗ là không. Vậy nên hư không gọi là không. Này thiện nam tử! Như nói, hư không là pháp có thể tạo tác. Như nói khử bỏ cây cối, khử bỏ nhà cửa mà tạo làm hư không, làm bằng phẳng hư không, che ở trên hư không, vẽ ở hư không, màu sắc hư không như nước biển cả... Vậy nên hư không là pháp có tạo tác. Tất cả pháp tạo tác đều là vô thường. Giống như chiếc bình gốm, hư không nếu vậy thì nên là vô thường. Này thiện nam tử! Người thế gian nói rằng, chỗ không ngăn ngại trong tất cả pháp gọi là hư không. Chỗ không ngăn ngại này đối với tất cả chỗ là có đầy đủ hay là có từng phần vậy? Nếu có đầy đủ thì phải biết chỗ còn lại không có hư không. Nếu có từng phần thì tức là đó, đây pháp có thể tính. Nếu là có thể tính thì phải biết là vô thường. Này thiện nam tử! Nếu có người nói, hư không, không ngại cùng có, đều hòa hợp. Lại có người nói rằng, hư không ở tại sự vật như trái cây ở trong đồ đựng. Cả hai đều chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì, nếu nói cùng hòa hợp thì có ba thứ: Một là khác nghiệp hợp như loài chim bay tập hợp trên cây. Hai là cộng nghiệp (nghiệp chung) hợp như hai con dê tiếp xúc nhau. Ba là đã hợp cộng hợp như hai đôi ngón tay hợp ở một chỗ. Nếu nói rằng, khác nghiệp hợp chung mà khác thì có hai, một là nghiệp của vật, hai là nghiệp của hư

không. Nếu “không nghiệp” hợp với vật mà không thì vô thường. Nếu vật nghiệp hợp với không mà vật thì bất biến. Như vậy bất biến ấy là cũng vô thường. Nhưng nếu nói hư không là thường mà tính hư không ấy chẳng động, cùng với vật động hợp thì nghĩa này chẳng đúng! Vì sao vậy? Vì hư không nếu thường thì vật cũng nên thường. Vật nếu không thường thì hư không cũng không thường. Nếu nói hư không cũng thường cũng vô thường thì không có điều đó. Nếu cộng nghiệp hợp thì nghĩa này không đúng! Vì sao vậy? Vì hư không gọi là cùng khắp (biến) nên nếu cùng nghiệp hợp thì nghiệp cũng nên cùng khắp. Nếu nghiệp này cùng khắp thì nên tất cả cùng khắp. Nếu tất cả cùng khắp nên tất cả hợp thì chẳng nên nói có hợp cùng chẳng hợp. Nếu nói đã hợp chung hợp như hai đôi ngón hợp thì nghĩa này chẳng đúng! Vì sao vậy? Vì trước không có hợp về sau mới hợp. Trước không, sau có là pháp vô thường. Vậy nên chẳng được nói rằng, hư không đã hợp chung hợp như pháp thế gian trước không sau có là vật vô thường. Hư không nếu vậy thì cũng nên vô thường. Nếu nói hư không ở tại sự vật như trái cây ở trong đồ đựng thì nghĩa này chẳng đúng! Vì sao vậy? Vì như vậy thì hư không trước lúc không đồ chứa, tồn tại ở đâu? Nếu có chỗ trụ mà hư không thì nhiều. Như hư không ấy nhiều thì làm sao nói rằng thường? Rằng một? Rằng cùng khắp? Nếu giả sử hư không lìa khỏi không để có chỗ trụ thì vật có cũng nên lìa khỏi hư không mà trụ. Vậy nên phải biết là không có hư không! Đây thiện nam tử! Nếu có người nói rằng, chỗ trụ của ngón tay gọi là hư không thì phải biết hư không là pháp vô thường. Vì sao vậy? Vì ngón tay có bốn phương. Nếu có bốn phương thì phải biết hư không cũng có bốn phương. Nhưng tất cả pháp thường đều không địa phương xứ sở nên do có phương sở nên hư không vô thường. Nếu là vô thường thì chẳng lìa khỏi năm ấm mà cần lìa khỏi năm ấm là không sở hữu. Đây thiện nam tử! Có pháp, nếu từ nhân duyên trụ thì phải biết pháp đó gọi là vô thường. Đây thiện nam tử! Ví như tất cả chúng sinh, cây cối nhân đất mà trụ mà đất vô thường nên những vật nhân ở đất theo thứ lớp vô thường. Đây thiện nam tử! Như đất nhân nước mà nước vô thường nên đất cũng vô thường. Như nước nhân gió mà gió vô thường nên nước cũng vô thường. Gió nương hư không mà hư không vô thường nên gió cũng vô thường. Nếu vô thường thì làm sao nói rằng, hư không là thường, cùng khắp tất cả chỗ. Hư không không nên chẳng phải là quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng như sừng thỏ là vật không có nên chẳng phải là quá khứ, vị lai, hiện tại. Vậy nên ta nói rằng, Phật tính thường nên chẳng phải sự nhiếp lấy của ba đời. Hư không không nên chẳng phải sự nhiếp lấy của ba đời. Đây thiện nam tử! Ta nhất định chẳng cùng thế gian chung tranh cãi (cộng tranh). Vì sao vậy? Vì trí thế gian nói có ta cũng nói có, trí thế gian nói không ta cũng nói không!

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Đại Bồ tát đầy đủ bao nhiêu pháp để chẳng cùng với đời tranh cãi, chẳng bị sự thâm bản của thế pháp?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Đại Bồ tát đầy đủ mười pháp thì chẳng cùng đời tranh cãi và chẳng bị sự thâm bản của thế pháp. Những gì là mười? Một là tín tâm, hai là có giới, ba là thân cận bạn lành, bốn là bên trong giới tư duy, năm là đầy đủ tinh tấn, sáu là đầy đủ chánh niệm, bảy là đầy đủ trí tuệ, tám là đầy đủ chánh ngữ, chín là ưa thích chánh pháp, mười là thương xót chúng sinh. Này thiện nam tử! Bồ tát đầy đủ mười pháp như vậy thì chẳng cùng đời tranh cãi, chẳng bị sự thâm bản của thế pháp, như hoa Ưu bát la.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như lời đức Phật nói, thế trí nói có ta cũng nói có, thế trí nói không ta cũng nói không thì những gì gọi là có, không của thế trí?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Thế trí nếu nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã... cho đến thức cũng như vậy thì, này thiện nam tử! Đó gọi là thế trí nói có, ta cũng nói có. Này thiện nam tử! Thế trí nói sắc không có Thường Lạc Ngã Tịnh và Thọ, Tướng, Hành, Thức cũng lại như vậy thì, này thiện nam tử! Đó gọi là thế trí nói không, ta cũng nói không.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Trí thế gian tức là Phật, Bồ tát, tất cả Thánh nhân. Nếu sắc của các Thánh nhân là Vô thường, Khổ, Không, vô ngã thì làm sao đức Như Lai nói sắc thân của Phật thường hằng không biến đổi? Trí thế gian nói là không pháp làm sao đức Như Lai nói là có? Đức Như Lai Thế Tôn đã nói lời như vậy mà sao lại nói chẳng cùng đời tranh cãi, chẳng bị sự thâm bản của thế pháp? Đức Như Lai đã lià ba thứ điên đảo là tướng đảo, tâm đảo và kiến đảo nên nói sắc thân Phật thật là vô thường nay mới nói thường thì sao được gọi là xa lià điên đảo, chẳng cùng đời tranh cãi?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Sắc của phàm phu từ phiền não sinh ra. Vậy nên kẻ trí nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Sắc của Như Lai thì xa lìa phiền não. Vậy nên nói là thường hằng, không biến đổi.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Sao gọi là sắc từ phiền não sinh?

- Nay thiện nam tử! Phiền não có ba thứ là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Kẻ trí nên phải quán sát tội lỗi sở hữu của ba lậu này. Sở dĩ vì sao? Vì biết tội lỗi rồi có thể xa lìa. Ví như thầy thuốc trước xem mạch bệnh nhân, biết bệnh tại đâu, rồi nhiên hậu mới trao cho thuốc. Nay thiện nam tử! Như có người đem người đến trong rừng gai rồi bỏ đó trở về. Người mù về sau rất khó được ra khỏi mà giả sử có được ra khỏi thì thân thể cũng rách nát hết. Phàm phu thế gian cũng lại như vậy, chẳng thể thấy biết tội lỗi của ba lậu nên chạy đuổi theo. Như người thấy được tội lỗi ấy thì có thể xa lìa. Biết tội lỗi rồi thì tuy họ có thọ quả báo nhưng là quả báo nhỏ nhẹ. Nay thiện nam tử! Có bốn thứ người: Một là khi tạo nghiệp thì nặng, khi thọ báo thì nhẹ. Hai là khi tạo nghiệp thì nhẹ, khi thọ báo thì nặng. Ba là khi tạo nghiệp thì nặng, khi thọ báo cũng nặng. Bốn là khi tạo nghiệp thì nhẹ, khi thọ báo cũng nhẹ. Nay thiện nam tử! Nếu người có thể quán sát tội lỗi của phiền não thì người này tạo nghiệp, thọ quả đều nhẹ. Nay thiện nam tử! Người có trí có ý nghĩ như vậy: “Ta nên xa lìa các lậu như vậy! Lại nữa, chẳng nên làm những việc xấu xa hèn hạ như vậy. Vì sao vậy? Vì ta nay chưa được giải thoát khỏi quả báo địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, người, trời. Ta nếu tu đạo thì sẽ nhân cái lực đó mà phá hoại các khổ”. Người này quán sát rồi thì tham dục, sân nhuế, ngu si nhỏ yếu dần đi. Đã thấy tham dục, sân nhuế, ngu si nhẹ rồi thì lòng người ấy vui mừng mà tác khởi ý nghĩ này: “Ta nay như vậy đều do lực nhân duyên tu đạo nên khiến cho ta được lìa khỏi pháp bất thiện, gần gũi pháp thiện. Vậy nên hiện tại được thấy chánh đạo thì cần phải siêng năng thêm mà tu tập đạo”. Người này nhân sức siêng tu đạo đó mà xa lìa vô lượng những phiền não ác và lìa khỏi quả báo địa ngục, súc sinh, ngã quỷ, người, trời. Vậy nên ở trong Khế kinh ta nói rằng, phải quán sát tất cả phiền não hữu lậu và nhân của hữu lậu. Vì sao vậy? Vì người có trí nếu chỉ quán sát lậu, chẳng quán sát nhân của lậu thì chẳng thể cắt đứt các phiền não. Vì sao vậy? Vì kẻ trí quán sát: “Lậu từ nhân này sinh ra, ta nay cắt đứt nhân thì lậu chẳng sinh ra!” Nay thiện nam tử! Như vị thầy thuốc kia, trước cắt đứt nhân của bệnh thì bệnh chẳng sinh ra. Kẻ trí, trước cắt đứt nhân của phiền não thì

cũng lại như vậy. Người có trí trước phải quan sát nhân, tiếp đến quan sát quả báo, biết từ nhân thiện sinh ra quả thiện, biết từ nhân ác sinh ra quả ác, quan sát quả báo rồi xa lìa nhân ác. Quan sát quả báo rồi lại phải tiếp đến quan sát sự nặng nhẹ của phiền não. Quan sát được nặng, nhẹ rồi thì trước lìa khỏi phiền não nặng. Đã lìa khỏi nặng rồi thì phiền não nhẹ tự khứ (tự tiêu mất). Nay thiện nam tử! Người trí nếu biết phiền não, nhân của phiền não, quả của phiền não, phiền não nặng nhẹ thì người này lúc ấy, tinh cần tu đạo chẳng dừng chẳng hối, gần gũi bạn lành, hết lòng nghe pháp vì diệt các phiền não như vậy. Nay thiện nam tử! Ví như người bệnh tự biết bệnh nhẹ thì nhất định có thể trừ khỏi, tuy được thuốc đắng nhưng uống vào chẳng hối. Người có trí cũng lại như vậy, siêng tu Thánh đạo, hoan hỷ, chẳng buồn, chẳng dừng chẳng hối. Nay thiện nam tử! Nếu người có thể biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não nặng nhẹ mà vì trừ phiền não nên siêng tu Thánh đạo thì người này chẳng từ phiền não sinh ra sắc và thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nếu người chẳng thể biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não nặng nhẹ nên chẳng siêng tu tập Thánh đạo thì người đó từ phiền não sinh ra sắc và thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Người biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não nặng nhẹ rồi vì cắt đứt phiền não mà tu hành Thánh đạo thì tức là Như Lai. Do nhân duyên này nên sắc của Như Lai thường... cho đến thức thường. Nay thiện nam tử! Kẻ chẳng biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não và phiền não nặng nhẹ, chẳng tu tập đạo thì tức là phàm phu. Vậy nên sắc của phàm phu vô thường và thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường. Nay thiện nam tử! Người trí của thế gian mà tất cả Thánh nhân, Bồ tát, chư Phật nói là hai nghĩa này. Ta cũng như vậy nói là hai nghĩa này. Vậy nên ta nói, chẳng cùng với người trí của thế gian chung tranh cãi, chẳng bị sự thãm bản của thế pháp. Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như lời đức Phật nói, có ba thứ lậu thì sao gọi là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu vậy?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Dục lậu là giác quán ác bên trong nhân với duyên bên ngoài sinh ra dục lậu. Vậy nên thuở trước, ta ở tại thành Vương Xá, bảo ông A Nan rằng: “Này A Nan! Ông nay hãy nhận lời nói kệ tụng của người con gái này! Bài kệ này chính là lời tuyên thuyết của các đức Phật đời quá khứ vậy. Vậy nên tất cả giác quán ác bên trong và các nhân duyên bên ngoài gọi là dục”. Đó gọi là dục lậu. Hữu lậu là các ác pháp bên trong và

các nhân duyên bên ngoài của Sắc giới và Vô sắc giới trừ các nhân duyên bên ngoài và các giác quán bên trong của Dục giới. Đó gọi là hữu lậu. Vô minh lậu là chẳng thể rõ biết ngã và ngã sở, chẳng phân biệt trong ngoài thì gọi là Vô minh lậu. Nay thiện nam tử! Vô minh tức là căn bản của tất cả các lậu. Vì sao vậy? Vì nhân vô minh của tất cả chúng sinh duyên với ám, nhập, giới nhớ tướng làm tướng gọi là chúng sinh. Đó gọi là tướng đảo, tâm đảo, kiến đảo (điên đảo). Do nhân duyên này sinh ra tất cả lậu. Vậy nên ở mười hai bộ kinh, ta nói rằng, vô minh tức là nhân của tham, nhân của sân, nhân của si.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Đức Như Lai thuở trước, ở trong mười hai bộ Kinh, có nói rằng: “Chẳng khéo suy nghĩ nhân duyên sinh ra tham dục, sân, si”. Vì nhân duyên gì đến nay mới nói vô minh?

- Nay thiện nam tử! Hai pháp như vậy giúp làm cho nhân quả giúp nhau tăng trưởng: Tư duy bất thiện sinh ra vô minh, nhân duyên vô minh sinh ra tư duy bất thiện. Nay thiện nam tử! Những điều ấy có thể sinh trưởng các phiền não nên đều gọi là nhân duyên của phiền não. Thân cận nhân duyên phiền não như vậy thì gọi là vô minh tư duy bất thiện. Như hạt sinh ra mầm thì hạt là nhân gần, bốn đại là nhân xa, phiền não cũng vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như lời đức Phật nói, vô minh tức là lậu, thì sao lại nói rằng, nhân vô minh nên sinh ra các lậu?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Như lời ta nói, lậu của vô minh tức là nội vô minh. Nhân vào vô minh sinh ra các lậu tức là nhân nội ngoại. Nếu nói lậu của vô minh là gọi sự điên đảo ở bên trong, chẳng nhận thức được vô thường, khổ, không, vô ngã. Nếu nói là nhân duyên của tất cả phiền não thì đó gọi là chẳng biết ngã và ngã sở bên ngoài. Nếu nói lậu của vô minh thì đó gọi là vô thí vô chung, từ vô minh sinh ra ám, nhập, giới.v.v...

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như lời đức Phật nói, người có trí biết được nhân của lậu, thì sao gọi là biết được nhân của lậu?

- Này thiện nam tử! Người trí phải quan sát, vì nhân duyên gì mà sinh ra phiền não này? Tạo tác hạnh gì mà sinh ra phiền não này? Ở trong lúc nào mà sinh ra phiền não này? Khi ở chung với ai mà sinh ra phiền não này? Dừng trụ ở đâu mà sinh ra phiền não này? Quan sát việc gì rồi sinh ra phiền não? Thọ nhận phòng nhà, ngoại cụ, ẩm thực, y phục, thuốc thang của ai mà sinh ra phiền não? Vì nhân duyên gì nên chuyển từ hạ lên trung, chuyển từ trung lên thượng, từ hạ nghiệp lên trung, từ trung nghiệp lên thượng? Khi Đại Bồ tát tác khởi sự quan sát này thì được sự xa lìa nhân duyên sinh ra lậu. Khi quan sát như vậy mà người chưa sinh phiền não thì ngăn chặn khiến cho chẳng sinh, người đã sinh phiền não thì liền được trừ diệt. Vậy nên, ở trong Khế kinh, ta nói kẻ trí phải quan sát nhân sinh ra phiền não.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Chúng sinh có một thân thì làm sao có thể khởi đủ thứ phiền não?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Như trong một đồ vật đựng có đủ thứ hạt mà gặp được nước, mưa rồi thì mỗi mỗi đều tự mọc ra. Chúng sinh cũng vậy, đồ vật đựng tuy là một nhưng do nhân duyên ái mà có thể sinh trưởng đủ thứ phiền não.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Kẻ trí làm sao quan sát được quả báo?

- Này thiện nam tử! Người trí phải quan sát: Các nhân duyên của lậu có thể sinh ra địa ngục, ngã quỷ, súc sinh; nhân duyên của lậu này được thân người, trời tức là vô thường, khổ, không, vô ngã; trong thân khí này bị ba thứ khổ, ba thứ vô thường; nhân duyên của lậu này có thể khiến cho chúng sinh tạo tác tội ngũ nghịch, thọ các ác báo, có thể cắt đứt căn lành, phạm bốn trọng cấm, bài báng Tam Bảo. Người trí phải quan sát: Ta đã thọ được thân như vậy thì chẳng nên sinh khởi những phiền não như vậy mà bị thọ các ác quả!

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Có quả Vô lậu mà ngài lại nói, kẻ trí đoạn trừ các quả báo thì quả vô lậu có ở trong sự đoạn trừ này không? Những người đắc đạo có quả vô lậu, cũng như kẻ trí ấy cầu quả Vô lậu thì làm sao đức Phật nói, tất cả kẻ trí nên đoạn trừ quả báo. Nếu người ấy đoạn thì các Thánh nhân hôm nay làm sao được có?

- Nay thiện nam tử! Như Lai, hoặc khi trong nhân nói quả, trong quả nói nhân! Như người thế gian nói, bần tức là bình, lụa tức là áo. Đó gọi là trong nhân nói quả. Trong quả nói nhân thì như con trâu tức là nước cỏ, người tức là đồ ăn. Ta cũng như vậy, trong nhân nói quả. Ở trước, trong Kinh đã nói lời rằng: “Ta từ tâm thân đi đến biên giới của Phạm thiên”. Đó gọi là trong nhân nói quả (?). Trong quả nói nhân thì như lục nhập này gọi là nghiệp quá khứ. Đó gọi là trong quả nói nhân. Nay thiện nam tử! Tất cả Thánh nhân chân thật không có quả báo Vô lậu. Quả báo tu đạo của tất cả Thánh nhân lại chẳng sinh ra lậu. Vậy nên gọi là quả báo vô lậu. Nay thiện nam tử! Người có trí khi quan sát như vậy thì liền được quả báo phiền não tiêu diệt vĩnh viễn. Nay thiện nam tử! Người trí quan sát rồi, vì đoạn trừ quả báo phiền não như vậy nên tu tập Thánh đạo. Thánh đạo tức là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tu đạo này rồi thì có thể diệt quả báo của tất cả phiền não.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ ba mươi ba hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 34

PHẨM THỨ HAI MƯƠI TƯ: BỒ TÁT CA DIẾP

Phần thứ IV: - Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Tất cả chúng sinh đều từ phiền não mà bị quả báo. Nói phiền não thì tức là gọi cái ác. Việc sinh ra phiền não từ phiền não

ác cũng gọi là ác. Như vậy thì phiền não có hai thứ: Một là nhân, hai là quả. Nhân ác nên quả ác, quả ác nên chủng tử ác. Như trái cây Nhiệm Bà, hạt của nó đắng nên hoa, trái, thân, lá... tất cả đều đắng. Giống như cây độc thì hạt của nó độc nên trái cũng là độc. Nhân cũng chúng sinh, quả cũng chúng sinh, nhân cũng phiền não, quả cũng phiền não, nhân quả phiền não tức là chúng sinh, chúng sinh tức là nhân quả phiền não. Nếu từ nghĩa này thì làm sao đức Như Lai trước đây dụ rằng, núi Tuyết có cỏ độc cũng có vua thuốc vi diệu ? Nếu nói rằng, phiền não tức là chúng sinh, chúng sinh tức là phiền não thì làm sao mà nói rằng trong thân chúng sinh có vua thuốc vi diệu ?

Đức Phật dạy rằng:

- Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử! Có vô lượng chúng sinh đều đồng với sự nghi ngờ này! Ông nay có thể vì họ trình bày và thỉnh cầu giảng giải! Ta cũng có thể cắt đứt sự nghi ngờ ấy! Ông hãy lắng nghe! Lắng nghe! Hãy suy nghĩ kỹ càng! Ta nay sẽ vì ông phân biệt giải nói! Này thiện nam tử! Dụ núi Tuyết tức là chúng sinh. Nói cỏ độc thì tức là phiền não. Vua thuốc vi diệu tức là phạm hạnh thanh tịnh. Này thiện nam tử! Nếu có chúng sinh có thể tu phạm hạnh thanh tịnh như vậy thì đó gọi là trong thân có vua thuốc vi diệu.

Ngài Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Sao gọi là chúng sinh có phạm hạnh thanh tịnh?

- Này thiện nam tử! Giống như thế gian từ hạt sinh ra trái, và quả này có thứ có thể cho hạt làm nhân hay có thứ chẳng thể cho. Có thứ có thể cho hạt làm nhân thì đó gọi là hạt của quả. Nếu trái chẳng thể cho hạt làm nhân thì chỉ được gọi là quả chẳng được gọi là hạt. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, đều có hai thứ: Một là có quả phiền não là nhân của phiền não. Hai là có quả phiền não chẳng phải nhân của phiền não. Quả phiền não này chẳng phải nhân của phiền não thì đó gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Này thiện nam tử! Chúng sinh quan sát thọ biết được nhân gần của tất cả lậu gọi chung là nội ngoại lậu. Vì thọ nhân duyên nên chẳng thể đoạn tuyệt tất cả các lậu, cũng chẳng thể ra khỏi ngục tù ba cõi. Chúng sinh nhân thọ mà chấp trước ngã và ngã sở rồi sinh ra tâm điên đảo, tướng điên đảo, kiến điên đảo. Vậy nên chúng sinh trước phải quan sát thọ. Như thọ này vì tất cả ái mà tạo tác nhân gần. Vậy nên kẻ trí muốn đoạn tuyệt thì phải trước quan sát thọ. Này thiện nam tử! Sở tác thiện ác của mười hai nhân duyên của

tất cả chúng sinh đều nhân lúc thọ. Vậy nên ta vì A Nan nói rằng: “Này A Nan! Sở tác thiện ác của tất cả chúng sinh đều là khi thọ”. Vậy nên kẻ trí trước phải quan sát thọ! Đã quan sát thọ rồi lại phải quan sát lại thọ như vậy là do nhân duyên nào sinh ra? Nếu có nhân duyên sinh ra thì nhân duyên như vậy lại từ đâu sinh ra? Nếu không nhân sinh ra thì vì sao chẳng sinh ra không thọ? Lại quan sát thọ này chẳng nhân trời Tự Tại sinh, chẳng nhân sĩ phu sinh, chẳng nhân vi trần sinh, chẳng phải thời tiết sinh, chẳng nhân tướng sinh, chẳng nhân tính sinh, chẳng từ tự sinh, chẳng từ người khác sinh, chẳng phải mình và người khác sinh, chẳng phải không nhân sinh. Thọ này đều từ duyên hợp mà sinh ra. Nhân duyên thì tức là ái vậy. Trong sự hòa hợp này chẳng phải có thọ, chẳng phải không thọ. Vậy nên ta phải cắt đứt sự hòa hợp này. Cắt đứt sự hòa hợp thì chẳng sinh ra thọ.

Này thiện nam tử! Người trí đã quan sát nhân rồi thì tiếp đến quan sát quả báo. Chúng sinh nhân thọ mà thọ địa ngục, ngã qui, súc sinh cho đến vô lượng khổ não của ba cõi. Nhân duyên thọ nên thọ niềm vui vô thường, nhân duyên thọ nên cắt đứt căn lành, nhân duyên thọ nên chứng được giải thoát. Khi tác khởi sự quan sát này thì chẳng tạo tác nhân của thọ. Sao gọi là chẳng tạo tác nhân của thọ? Nghĩa là phân biệt thọ: những thọ nào có thể làm nhân của ái? Những ái nào có thể làm nhân của thọ. Này thiện nam tử! Chúng sinh nếu có thể quan sát sâu như vậy về nhân của ái và nhân của thọ thì liền có thể đoạn tuyệt ngã và ngã sở. Này thiện nam tử! Nếu người có thể tác khởi những quan sát như vậy thì nên phân biệt ái cùng thọ diệt tại chỗ nào? Rồi liền thấy ái thọ có chỗ diệt ít thì phải biết cũng nên có rốt ráo diệt. Bây giờ liền đối với giải thoát sinh ra tin. Sinh ra lòng tin rồi thì chỗ giải thoát này do đâu mà được? Biết là từ Bát chánh đạo thì tức thời liền tu tập. Sao gọi là Bát chánh đạo vậy? Đạo này quan sát thọ có ba thứ tướng: Một là khổ, hai là lạc, ba là chẳng khổ chẳng lạc. Ba thứ như vậy đều có thể tăng trưởng thân cùng với tâm. Vì nhân duyên gì có thể tăng trưởng vậy? Nhân duyên xúc vậy. Xúc này có ba thứ: Một là vô minh xúc, hai là minh xúc, ba là chẳng phải minh và vô minh xúc. Nói rằng Minh xúc thì tức là Bát chánh đạo. Hai xúc còn lại ấy tăng trưởng thân tâm và ba thứ thọ. Vậy nên ta nên đoạn tuyệt nhân duyên của hai xúc. Xúc đã cắt đứt thì chẳng sinh ra ba thọ. Này thiện nam tử! Như vậy thọ cũng là nhân, cũng gọi là quả. Người trí phải quan sát là cũng nhân, cũng quả. Sao gọi là nhân? Nhân thọ mà sinh ra ái thì gọi đó là nhân. Sao gọi là quả? Nhân xúc mà sinh ra nên gọi đó là quả. Vậy nên thọ này cũng là nhân, cũng là quả. Người trí quán thọ này như vậy rồi, tiếp đến lại quan sát ái thọ quả báo nên gọi đó là ái. Người trí quan sát ái lại có hai thứ: Một là tạp thực, hai là vô thực. Tạp thực ái là nhân sinh ra già, bệnh chết và tất cả các hữu. Vô thực ái là đoạn tuyệt sinh già bệnh chết và

tất cả các hữu, tham đạo vô lậu. Người trí lại phải tác khởi ý niệm như vậy: “Nếu ta sinh ra Tập thực ái này thì chẳng thể đoạn tuyệt sinh già bệnh chết. Ta nay tuy tham đạo vô lậu nhưng chẳng đoạn nhân của thọ thì chẳng thể được đạo quả vô lậu. Vậy nên cần phải trước đoạn trừ xúc này. Xúc đã đoạn rồi thì thọ tự diệt. Thọ đã diệt rồi thì ái cũng diệt theo”. Đó gọi là Bát Chánh đạo.

Này thiện nam tử! Nếu có chúng sinh có thể quan sát như vậy thì tuy có thân độc (hại) nhưng trong thân ấy có vua thuốc vi diệu, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có diệu dược.

Này thiện nam tử! Như vậy chúng sinh tuy từ phiền não mà được quả báo, nhưng quả báo này chẳng lại vì phiền não làm nhân. Đó gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam tử! Người trí phải quan sát hai việc thọ, ái do nhân duyên gì sinh ra ? Biết là nhân tướng sinh ra. Vì sao vậy ? Vì chúng sinh thấy sắc cũng chẳng sinh tham và khi quan sát thọ cũng chẳng sinh ra tham. Nếu ở trong sắc sinh ra điên đảo tướng, gọi sắc tức là Thường Lạc Ngã Tịnh, thọ là thường hằng không có biến dịch. Nhân điên đảo tướng này sinh ra tham, sân, si. Vậy nên người trí cần phải quan sát tướng. Quan sát tướng như thế nào ? Phải tác khởi ý niệm này: “Tất cả chúng sinh chưa được chính đạo đều có điên đảo tướng. Điên đảo tướng là sao ? Là ở trong cái chẳng phải thường sinh ra thường tướng, ở trong cái chẳng vui sinh ra lạc tướng, ở trong cái chẳng phải tịnh sinh ra tịnh tướng, ở trong không pháp sinh ra ngã tướng, đối với chẳng phải trai gái, lớn nhỏ, ngày đêm, năm tháng, y phục, phòng xá, ngọa cụ.... sinh ra tư tướng về nam nữ... cho đến ngọa cụ. Tướng này có ba thứ, một là nhỏ, hai là lớn, ba là vô biên. Nhân duyên nhỏ nên sinh ra tướng nhỏ, nhân duyên lớn nên sinh ra tướng lớn, vô lượng nhân duyên nên sinh ra vô lượng tướng. Lại có tiểu tướng gọi là chưa vào định. Lại có đại tướng gọi là đã vào định. Lại có vô lượng tướng gọi là mười tất cả nhập. Lại có tiểu tướng là gọi tất cả tướng của Dục giới. Lại có đại tướng là gọi tất cả tướng của Sắc giới. Lại có vô lượng tướng là gọi tất cả tướng của Vô sắc giới. Ba tướng diệt thì thọ tự diệt. Tướng, thọ diệt thì gọi là giải thoát.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Diệt tất cả pháp gọi là giải thoát, đức Như Lai làm sao nói tướng, thọ diệt gọi là giải thoát vậy ?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Như Lai, hoặc khi nhân chúng sinh nói mà người nghe hiểu được pháp, hoặc khi nhân pháp nói với chúng sinh mà người nghe cũng giải nói cho chúng sinh. Sao gọi là nhân chúng sinh nói mà người nghe hiểu pháp? Như ta trước vì ông Ca Diếp nói: “Này Ca Diếp! Khi chúng sinh diệt thì thiện pháp diệt. Đó gọi là nhân chúng sinh nói, người nghe hiểu pháp. Sao gọi là nhân pháp nói với chúng sinh mà người nghe cũng giải nói với chúng sinh? Như ta trước vì ông A Nan nói rằng: “Ta cũng chẳng nói thân cận tất cả pháp, cũng lại chẳng nói chẳng thân cận tất cả pháp. Nếu pháp gần rồi thì thiện pháp suy yếu, bất thiện pháp hưng thịnh. Pháp như vậy thì chẳng nên thân cận. Nếu pháp gần rồi thì bất thiện suy yếu, thiện pháp tăng trưởng. Pháp như vậy thì nên thân cận”. Đó gọi là nhân pháp nói với chúng sinh mà người nghe cũng giải nói với chúng sinh. Nay thiện nam tử! Như Lai tuy nói tướng, thọ cả hai diệt thì đã nói thâu tóm tất cả có thể đoạn trừ. Người trí đã quan sát tướng như vậy rồi tiếp đến quan sát tướng căn. Vô lượng tướng này nhân đâu mà sinh ra? Biết là nhân xúc sinh ra. Xúc này có hai thứ: Một là nhân phiền não xúc, hai là nhân giải thoát xúc. Nhân vô minh sinh ra gọi là phiền não xúc. Nhân minh sinh ra thì gọi là giải thoát xúc. Nhân phiền não xúc sinh ra điên đảo tướng. Nhân giải thoát xúc sinh ra bất đảo tướng. Quan sát nhân của tướng rồi, tiếp đến quan sát quả báo.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Nếu do nhân vào phiền não tướng này sinh ra điên đảo tướng thì tất cả Thánh nhân thật có điên đảo tướng mà không có phiền não thì nghĩa này ra sao?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Làm sao Thánh nhân mà có điên đảo tướng?

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Tất cả Thánh nhân thì đối với trâu tác khởi ngu tướng và cũng nói là trâu, với ngựa tác khởi mã tướng và cũng nói là ngựa, trai gái, lớn nhỏ, nhà cửa, xe cộ, đi lại cũng vậy. Đó gọi là điên đảo tướng!

- Nay thiện nam tử! Tất cả phàm phu có hai thứ tướng: Một là thể lưu bố tướng, hai là trước tướng. Tất cả Thánh nhân chỉ có Thể lưu bố tướng (cái tướng phổ biến ở thế gian) mà không có Trước tướng (tướng chấp trước). Tất cả phàm phu do giác quán ác nên đối với thể lưu bố tướng sinh ra trước tướng. Tất cả Thánh nhân do giác quán thiện nên đối với Thể lưu bố tướng chẳng sinh ra Trước tướng. Vậy nên phàm phu gọi là điên đảo tướng. Bậc Thánh nhân tuy biết nhưng chẳng gọi là điên đảo tướng. Người trí quan sát nhân của tướng như vậy rồi tiếp đến quan sát quả báo. Quả báo ác tướng này thọ ở tại trong địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, người, trời. Như ta nhân cắt đứt giác quán ác nên vô minh xúc đoạn trừ. Vậy nên tướng đoạn diệt. Nhân tướng đoạn trừ nên quả báo cũng đoạn diệt. Kẻ trí vì đoạn trừ nhân của tướng như vậy mà tu Bát Chánh đạo. Nay thiện nam tử! Nếu có thể tác khởi sự quan sát như vậy thì được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh. Nay thiện nam tử! Trong thân độc của chúng sinh có vua thuốc vi diệu như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có diệu dược.

Lại nữa, nay thiện nam tử! Người trí quan sát dục mà dục thì tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nay thiện nam tử! Tức là Như Lai, trong nhân nói quả, từ năm việc này sinh ra dục chứ thật chẳng phải dục vậy. Nay thiện nam tử! Người ngu si tham cầu thọ dục đó. Ở trong sắc này sinh ra điên đảo tướng... cho đến ở trong thức cũng sinh ra điên đảo tướng. Nhân duyên điên đảo tướng liền sinh ra thọ. Vậy nên thế gian nói, nhân điên đảo tướng sinh ra mười thứ tướng. Nhân duyên của dục nên ở tại thế gian thọ quả báo ác, dùng ác thêm với cha mẹ, sa môn, bà la môn.v.v... Việc chẳng nên làm mà làm chẳng tiếc thân mạng. Vậy nên kẻ trí quan sát nhân duyên ác tướng này nên sinh ra dục tâm. Kẻ trí quan sát nhân của dục như vậy rồi tiếp đến quan sát quả báo. Dục này có nhiều những quả báo ác như là địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, trong loài người, trên cõi trời. Đó gọi là quan sát quả báo. Nếu tướng ác đó được trừ diệt thì nhất định chẳng sinh ra lòng dục này. Không lòng dục nên chẳng thọ ác thọ. Không ác thọ thì không ác quả. Vậy nên ta nên trước đoạn trừ ác tướng. Đoạn ác tướng rồi thì những pháp như vậy tự nhiên mà diệt. Vậy nên kẻ trí vì diệt ác tướng nên tu Bát Chánh đạo. Đó gọi là Phạm hạnh thanh tịnh. Đó gọi là trong thân tộc của chúng sinh có vua diệu dược như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có diệu dược.

Lại nữa, nay thiện nam tử! Kẻ trí quan sát dục đó như vậy rồi tiếp đến phải quan sát nghiệp. Vì sao vậy? Vì người có trí phải tác khởi ý niệm này: “Thọ, tướng, xúc, dục tức là phiền não mà phiền não này có thể tạo tác sinh nghiệp, chẳng tạo tác thọ nghiệp. Như vậy phiền não cùng với nghiệp chung hành động thì có hai thứ: Một là tạo tác sinh nghiệp, hai là tạo tác thọ

nghiệp. Vậy nên kẻ trí phải quan sát đến nghiệp. Nghiệp này có ba thứ là thân, miệng, ý. Này thiện nam tử! Thân, miệng hai nghiệp cũng gọi là nghiệp cũng gọi là nghiệp quả, còn ý chỉ gọi là nghiệp, chẳng gọi là nghiệp quả. Vì nhân của nghiệp nên gọi là nghiệp. Này thiện nam tử! Hai nghiệp thân và miệng gọi là ngoại nghiệp (nghiệp bên ngoài). Ý nghiệp gọi là nội nghiệp. Ba thứ nghiệp này chung với phiền não hành động nên tạo ra hai thứ nghiệp: Một là sinh nghiệp, hai là thọ nghiệp. Này thiện nam tử! Chính nghiệp tức là ý nghiệp. Kỳ nghiệp (nghiệp có kỳ hẹn) là gọi nghiệp thân và miệng. Phát ra trước nên gọi là ý nghiệp. Từ ý nghiệp sinh ra gọi là nghiệp thân và miệng. Vậy nên ý nghiệp được gọi là chính. Kẻ trí quan sát nghiệp rồi tiếp đến quan sát nhân của nghiệp. Nhân của nghiệp thì tức là vô minh xúc. Nhân vô minh xúc chúng sinh cầu có mà nhân duyên của cầu có tức là ái vậy. Ái nhân duyên nên tạo tác ba thứ nghiệp thân, miệng, ý. Này thiện nam tử! Kẻ trí quan sát nhân của nghiệp như vậy rồi, tiếp đến quan sát quả báo. Quả báo có bốn thứ: Một là đen thì quả báo đen, hai là trắng thì quả báo trắng, ba là tạp thì quả báo tạp, bốn là chẳng đen chẳng trắng thì quả báo chẳng đen chẳng trắng. Đen quả báo đen là khi tạo tác nghiệp cấu bẩn thì quả báo cũng cấu bẩn. Trắng quả báo trắng là khi tạo tác nghiệp sạch thì quả báo cũng sạch. Tạp quả báo tạp là khi tạo tác nghiệp tạp thì quả báo cũng tạp. Chẳng trắng chẳng đen quả báo cũng chẳng trắng chẳng đen là gọi nghiệp vô lậu.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Trước nói vô lậu không có quả báo, nay sao nói rằng có quả báo chẳng trắng chẳng đen vậy ?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Nghĩa này có hai: Một là cũng quả cũng báo, hai là chỉ là quả chẳng phải là báo. Đen thì quả báo đen cũng gọi là quả, cũng gọi là báo. Nhân của đen sinh ra nên được gọi là quả mà quả này có thể làm nhân nên lại gọi là báo. Tịnh, tạp cũng vậy. Quả vô lậu là nhân hữu lậu sinh ra nên gọi là quả mà chẳng làm nhân cho cái khác nên chẳng gọi là báo. Vậy nên gọi là quả mà chẳng gọi là báo.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Nghiệp vô lậu này chẳng phải là hắc pháp thì vì nhân duyên gì chẳng gọi là bạch (trắng).

- Nay thiện nam tử! Không có báo nên chẳng gọi là bạch. Đối trị với hắc nên gọi là bạch. Ta nay nếu nói thọ quả báo thì gọi hắc là đối với bạch. Nghiệp vô lậu này chẳng thọ báo nên chẳng gọi là bạch mà gọi là Tịch tịnh. Như vậy nghiệp là có quyết định chỗ thọ báo. Như mười ác pháp quyết định tại địa ngục, ngã qui, súc sinh; nghiệp mười thiện thì quyết định tại người và trời. Mười pháp bất thiện có thượng, trung, hạ. Nhân duyên thượng nên thọ thân địa ngục. Nhân duyên trung nên thọ thân súc sinh. Nhân duyên hạ nên thọ thân ngã qui. Nghiệp con người về mười thiện lại có bốn thứ: Một là hạ, hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng. Nhân duyên hạ nên sinh ra ở Uất Đan Việt. Nhân duyên trung nên sinh ra ở Phát Bà Đề. Nhân duyên thượng nên sinh ra ở Cù Đà Ni. Nhân duyên thượng thượng nên sinh ra ở Diêm Phù Đề. Người có trí tác khởi sự quan sát này rồi liền khởi ý niệm này: “Ta phải làm sao đoạn trừ quả báo này!” Lại tác khởi ý niệm này: “Nghiệp đó nhân duyên vô minh xúc sinh ra, ta nếu đoạn trừ vô minh cùng xúc thì như vậy nghiệp quả diệt, chẳng sinh ra!” Vậy nên kẻ trí vì đoạn trừ nhân duyên vô minh, xúc nên tu Bát Chánh đạo. Đó thì gọi là Phạm hạnh thanh tịnh. Nay thiện nam tử! Đó gọi là trong thân độc của chúng sinh có vua diêu dục như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có diêu dục.

Lại nữa, nay thiện nam tử! Người trí quan sát nghiệp, quan sát phiền não rồi, tiếp đến quan sát hai quả sở đắc này. Hai quả báo này tức là khổ. Đã biết là khổ thì có thể lìa bỏ tất cả thọ sinh. Người trí lại quan sát nhân duyên phiền não sinh ra phiền não, nhân duyên nghiệp cũng sinh ra phiền não, nhân duyên phiền não lại sinh ra nghiệp, nhân duyên nghiệp sinh ra khổ, nhân duyên khổ nên sinh ra phiền não, nhân duyên phiền não sinh ra hữu (có), nhân duyên hữu sinh ra khổ, nhân duyên hữu sinh ra hữu, nhân duyên hữu sinh ra nghiệp, nhân duyên nghiệp sinh ra phiền não, nhân duyên phiền não sinh ra khổ, nhân duyên khổ sinh ra khổ. Nay thiện nam tử! Kẻ trí nếu có thể tác khởi sự quan sát như vậy thì phải biết người đó có thể quan sát nghiệp khổ. Vì sao vậy ? Vì sự quan sát như trên tức là sinh tử mười hai nhân duyên. Nếu người có thể quan sát sinh tử mười hai nhân duyên như vậy thì phải biết người đó chẳng tạo ra nghiệp mới, có thể phá hoại nghiệp cũ. Nay thiện nam tử! Người có trí quan sát khổ của địa ngục. Quan sát từ một địa ngục cho đến một trăm ba mươi sáu chỗ. Mỗi một địa ngục có đủ thứ khổ mà đều là nhân duyên nghiệp phiền não sinh ra. Quan sát địa ngục rồi, tiếp đến quan sát khổ của ngã qui và súc sinh.v.v... Tác khởi sự quan sát này rồi, lại quan sát những khổ sở hữu của người và trời. Như vậy mọi thứ khổ đều từ nhân duyên nghiệp phiền não sinh ra. Nay thiện nam tử! Trên trời tuy không có việc khổ não lớn nhưng thân thể mềm mại mịn màng ấy, khi thấy

năm tướng suy xuất hiện thì chịu đựng khổ lớn như khổ địa ngục, không sai khác. Nay thiện nam tử! Kẻ trí quan sát sâu những khổ của ba cõi đều từ nhân duyên nghiệp phiền não sinh ra. Nay thiện nam tử! Ví như đồ vật bằng đất thô tức là dễ phá vỡ. Chúng sinh thọ thân cũng lại như vậy. Đã thọ thân rồi tức là đồ chứa mọi khổ, ví như cây lớn hoa trái sum suê mà mọi loài chim có thể phá hoại, như cỏ khô lâu ngày thì chút lửa nhỏ có thể đốt cháy. Chúng sinh thọ thân bị sự phá hoại của khổ cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Kẻ trí nếu có thể quan sát khổ tám thứ như trong hạnh Thánh thì phải biết người đó có thể đoạn trừ mọi khổ.

Nay thiện nam tử! Kẻ trí quan sát sâu tám khổ này, rồi tiếp đến quan sát nhân của khổ. Nhân của khổ tức là ái vô minh. Ái vô minh này thì có hai thứ: Một là cầu thân mạng, hai là cầu của cải. Cầu thân, cầu tài cả hai đều là khổ. Vậy nên phải biết ái vô minh, tức là nhân của khổ.

Nay thiện nam tử! Ái vô minh này thì có hai thứ: Một là nội, hai là ngoại. Nội thì có thể tạo tác nghiệp, ngoại thì có thể làm tăng trưởng. Lại nữa, nội có thể tạo tác nghiệp, ngoại có thể tạo tác quả của nghiệp. Đoạn nội ái rồi thì nghiệp được đoạn, đoạn ngoại ái rồi thì quả được đoạn. Nội ái có thể sinh ra khổ của đời vị lai. Ngoại ái có thể sinh ra khổ đời hiện tại. Kẻ trí quan sát ái tức là nhân của khổ. Đã quan sát nhân của khổ rồi, tiếp đến quan sát quả báo của khổ. Quả báo của khổ tức là thủ, quả báo của ái gọi là thủ. Nhân duyên thủ này là nội ngoại ái mà ái thì có ái khổ.

Nay thiện nam tử! Kẻ trí phải quan sát ái nhân duyên thủ, thủ nhân duyên ái. Nếu ta có thể cắt đứt hai việc ái và thủ thì chẳng tạo nghiệp mà thọ mọi sự khổ. Vậy nên kẻ trí vì đoạn thọ khổ nên tu Bát Chánh đạo. Nay thiện nam tử! Nếu có người có thể quan sát như vậy thì đó gọi là Phạm hạnh thanh tịnh. Đó gọi là trong thân độc của chúng sinh có vua thuốc vi diệu như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có diệu dược.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Sao gọi là Phạm hạnh thanh tịnh ?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Tất cả pháp đó!

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thừa đức Thế Tôn! Tất cả pháp thì nghĩa chẳng quyết định. Vì sao vậy ? Vì đức Như Lai, hoặc nói là thiện hay chẳng thiện, hoặc khi nói là bốn niệm xứ quán, hoặc nói là mười hai nhập, hoặc nói là thiện tri thức, hoặc nói là mười hai nhân duyên, hoặc nói là chúng sinh, hoặc nói là chính kiến hay tà kiến, hoặc nói là mười hai bộ kinh, hoặc nói là nhị đế... hôm nay đức Như Lai mới nói tất cả pháp là Phạm hạnh thanh tịnh thì cái gì đều là tất cả pháp vậy ?

Đức Phật dạy rằng:

- Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam tử! Như vậy Kinh Đại Niết Bàn vi diệu mới chính là Bảo tàng của tất cả thiện pháp. Ví như biển lớn chính kho tàng của mọi báu, kinh Niết Bàn này cũng lại như vậy, tức là kho tàng bí mật của tất cả chữ nghĩa.

Này thiện nam tử! Như núi Tu Di là căn bản của mọi thứ thuốc, kinh Niết Bàn này cũng vậy, tức là căn bản của giới (cấm) Bồ tát. Đây thiện nam tử! Ví như hư không là chỗ trụ xứ của tất cả vật, kinh này cũng vậy, tức là trụ xứ của tất cả thiện pháp. Đây thiện nam tử! Ví như gió mạnh không thể trói buộc mà hạnh của tất cả Bồ tát chính là Kinh thì cũng lại như vậy, chẳng bị sự trói buộc của tất cả pháp ác phiền não. Đây thiện nam tử! Ví như Kim Cương không thể phá vỡ, Kinh này cũng vậy, tuy có người tà ác ngoại đạo nhưng chẳng thể phá hoại. Đây thiện nam tử! Như cát của sông Hằng không thể tính thì nghĩa của Kinh này cũng lại như vậy, không thể tính.

Này thiện nam tử! Kinh điển này vì các Bồ tát mà làm pháp tràng như Đế Thích tràng.

Này thiện nam tử! Kinh này tức là thương chủ đi đến thành Niết Bàn như vị thầy dẫn đường lớn dẫn các thương nhân đi về biển cả.

Này thiện nam tử! Kinh này có thể vì các Bồ tát.v.v... làm ánh sáng pháp như mặt trời mặt trăng của thế gian có thể phá các tối tăm.

Này thiện nam tử! Kinh này có thể vì chúng sinh bệnh khổ làm đại lương dược như vua thuốc vi diệu trong núi Hương có thể trị mọi bệnh.

Này thiện nam tử! Kinh này có thể là cây gậy của nhất xiển đề giống như người yếu nhờ gậy được đứng lên.

Này thiện nam tử! Kinh này có thể vì tất cả người ác mà làm cây cầu giống như cây cầu của đời có thể đi qua tất cả.

Này thiện nam tử! Kinh này có thể vì người đi trong ba cõi gặp phiền não nhiệt mà làm sự che mát như cái dù của thế gian ngăn che sức nóng của mặt trời.

Này thiện nam tử! Kinh này tức là vua đạo vô úy có thể hủy hoại của tất cả ma ác phiền não, như vua sư tử hàng phục mọi loài thú.

Này thiện nam tử! Kinh này tức là thầy đại thần chú có thể hoại tất cả ma quỷ phiền não như thầy thần chú của đời có thể trừ khử yêu quái. Này thiện nam tử! Kinh này tức là mưa đá vô thường có thể hoại tất cả quả báo sinh tử như mưa đá của đời phá hoại cây trái.

Này thiện nam tử! Kinh này có thể vì người hư con mắt giới (cấm) làm đại lương dược giống như thuốc An xà đà của thế gian trị lành bệnh đau mắt.

Này thiện nam tử! Kinh này có thể trụ tất cả thiện pháp như đất thế gian có thể trụ mọi vật.

Này thiện nam tử! Kinh này tức là gương sáng của chúng sinh hủy giới như gương soi của thế gian nhìn thấy các sắc tượng.

Này thiện nam tử! Kinh này có thể vì người không tầm quý mà làm y phục như áo quần của đời che đậy hình thể.

Này thiện nam tử! Kinh này có thể vì người nghèo thiện pháp làm của báu lớn như vị trời Công Đức Lợi cho người nghèo.

Này thiện nam tử! Kinh này có thể vì chúng sinh khao khát pháp làm nước uống cam lồ như nước tám vị làm sung túc người khát.

Này thiện nam tử! Kinh này có thể vì người phiền não mà làm giường pháp, như người đời gặp được giường yên ổn.

Này thiện nam tử! Kinh này có thể vì Bồ tát sơ địa đến Bồ tát thập địa mà làm chuỗi ngọc, hương hoa, hương bột, hương đốt... chiếc xe đầy đủ chủng tính thanh tịnh hơn tất cả chỗ thọ diệu lạc của sáu Ba la mật như cây cây Ba Lợi Chất Đa của trời Đạo Lợi.

Này thiện nam tử! Kinh này tức là búa bén Kim Cương có thể chặt tất cả cây lớn phiền não, tức là dao bén có thể cắt đứt tập khí, tức là sức mạnh có thể tiêu diệt ma oán, tức là lửa trí đốt cháy củi phiền não, tức là kho nhân duyên tạo ra Phật Bích Chi, tức là Thanh Văn tạn sinh ra người Thanh Văn, tức là mắt của tất cả chư thiên, tức là chính đạo của tất cả mọi người, tức là chỗ nương cậy của tất cả loài súc sinh, tức là chỗ giải thoát của loài ngã quỷ, tức là đấng Vô Thượng Tôn của địa ngục, tức là vô thượng khí của tất cả chúng sinh trong mười phương, tức là cha mẹ của các đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại trong mười phương vậy.

Này thiện nam tử! Vậy nên kinh này nhiếp lấy tất cả pháp. Như lời ta trước đã nói, Kinh này tuy nhiếp lấy tất cả các pháp, nhưng ta nói, Phạm hạnh tức là ba mươi bảy pháp trợ đạo.

Này thiện nam tử! Như vậy nếu lìa ba mươi bảy phẩm thì nhất định chẳng thể được chính quả Thanh Văn... cho đến quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng thấy Phật tính và quả của Phật tính. Do nhân duyên này nên Phạm hạnh tức là ba mươi bảy phẩm. Vì sao vậy? Vì tính của ba mươi bảy phẩm chẳng phải điên đảo mà có thể hủy hoại điên đảo. Tính ấy chẳng phải ác kiến mà có thể hủy hoại ác kiến. Tính ấy chẳng phải bố úy mà có thể hủy hoại bố úy. Tính ấy chính là tịnh hạnh có thể khiến cho chúng sinh rất ráo tạo tác Phạm hạnh thanh tịnh.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Pháp hữu lậu cũng lại có thể làm nhân của pháp vô lậu thì đức Như Lai vì sao chẳng nói hữu lậu là Phạm hạnh thanh tịnh. Này thiện nam tử! Tất cả hữu lậu tức là điên đảo. Vậy nên hữu lậu chẳng được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Đệ nhất pháp thế gian chính là hữu lậu hay là vô lậu vậy?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Chính là hữu lậu vậy!

- Thưa đức Thế Tôn! Tuy là hữu lậu nhưng tính chẳng phải điên đảo mà vì sao chẳng gọi là Phạm hạnh thanh tịnh ?

- Nay thiện nam tử! Đệ nhất pháp thế gian là nhân của vô lậu nên tựa như vô lậu, hướng về vô lậu nên chẳng gọi là điên đảo. Nay thiện nam tử! Phạm hạnh thanh tịnh phát tâm nối tiếp nhau cho đến rốt ráo còn Đệ nhất pháp của thế gian chỉ là một niệm. Vậy nên chẳng được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Năm thức của chúng sinh cũng là hữu lậu, chẳng phải là điên đảo, lại chẳng phải một niệm thì vì sao chẳng gọi là Phạm hạnh thanh tịnh ?

- Nay thiện nam tử! Năm thức của chúng sinh tuy chẳng phải là một niệm nhưng là hữu lậu, lại là điên đảo, làm tăng thêm các lậu nên gọi là hữu lậu. Thế của nó chẳng phải chân thật, chấp trước tướng nên điên đảo. Thế nào gọi là thế chẳng phải chân thật, chấp trước nên sanh điên đảo. Trong chẳng phải nam nữ sinh ra nam nữ tướng... cho đến nhà cửa, xe cộ, cái bình, quần áo cũng lại như vậy. Đó gọi là điên đảo. Nay thiện nam tử! Tính của ba mươi bảy phẩm không điên đảo. Vậy nên được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh. Nay thiện nam tử! Nếu có Bồ tát đối với ba mươi bảy phẩm mà biết căn, biết nhân, biết nhiếp lấy, biết tăng thêm, biết chủ, biết đạo (dẫn đường), biết thắng, biết thật, biết rốt ráo thì như vậy Bồ tát được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Sao gọi là biết căn... cho đến biết rốt ráo ?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Hay thay! Hay thay! Bồ tát phát vấn vì hai việc: Một là vì sự hiểu biết của mình, hai là vì sự hiểu biết của người khác. Ông nay đã biết rồi, chỉ vì vô lượng chúng sinh chưa hiểu biết mà thỉnh ta bày tỏ

việc này. Vậy nên ta nay một lần nữa khen ngợi ông! Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam tử! Căn bản của ba mươi bảy phẩm chính là Dục mà nhân gọi là minh xúc, nhiếp lấy gọi là thọ, tăng thêm gọi là thiện tư, chủ gọi là niệm, đạo gọi là định, thắng gọi là trí tuệ, thật gọi là giải thoát, rốt ráo gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam tử! Thiện dục tức là bắt đầu phát tâm đạo cho đến căn bản của Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy nên ta nói dục là căn bản.

Này thiện nam tử! Như thế gian nói, tất cả khổ não thì ái là căn bản, tất cả bệnh tật thì ăn chính là căn bản, tất cả đoán sự thì đấu tranh là gốc, tất cả việc ác thì hư vọng là gốc.

Bồ tát Ca Diếp bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Đức Như Lai trước ở trong kinh này đã nói rằng, tất cả thiện pháp thì chẳng phóng dật là gốc, đến nay mới nói tới Dục là nghĩa làm sao ?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Nếu nói “sinh nhân” thì tức là thiện dục đó! Nếu nói “Liễu nhân” thì tức là chẳng phóng dật đó! Như thế gian nói tất cả quả thì hạt là nhân của quả ấy. Hoặc lại có nói hạt là sinh nhân, đất là liễu nhân. Nghĩa này cũng vậy.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Đức Như Lai, trước ở trong kinh khác nói ba mươi bảy phẩm thì Phật là căn bản là nghĩa làm sao ?

- Nay thiện nam tử! Như Lai trước nói chúng sinh bắt đầu biết ba mươi bảy phẩm thì Phật chính là căn bản. Nếu tự chứng được thì dục là căn bản!

- Thưa đức Thế Tôn! Sao minh xúc gọi dục là nhân ?

- Nay thiện nam tử! Như Lai hoặc khi nói minh là tuệ hoặc nói là tín. Nay thiện nam tử! Nhân duyên tín nên gần gũi bạn lành thì đó gọi là xúc. Nhân duyên gần gũi được nghe chính pháp thì đó gọi là xúc. Nhân nghe

chính pháp mà thân miệng ý thanh tịnh thì đó gọi là xúc. Nhân ba nghiệp thanh tịnh nên thu hoạch được chánh mạng thì đó gọi là xúc. Nhân chánh mạng nên được căn giới thanh tịnh. Nhân tịnh căn giới nên ưa chỗ tịch tịnh. Nhân ưa tịch tịnh nên có thể thiện tư duy. Nhân thiện tư duy nên được đúng như pháp trụ. Nhân đúng như pháp trụ nên được ba mươi bảy phẩm, có thể hoại phá vô lượng những phiền não ác. Đó gọi là xúc. Đây thiện nam tử! Thọ gọi là nhiếp lấy. Khi chúng sinh thọ thì có thể tạo tác thiện hay ác. Vậy nên gọi thọ là nhiếp lấy vậy. Đây thiện nam tử! Nhân duyên thọ nên sinh ra các phiền não mà ba mươi bảy phẩm có thể phá hoại. Vậy nên gọi thọ là nhiếp lấy. Nhân thiện tư duy có thể phá phiền não. Vậy nên gọi là tăng thêm. Vì sao vậy ? Vì siêng tu tập nên được ba mươi bảy phẩm như vậy.v.v... Nếu quán có thể phá các phiền não ác thì cần nhờ vào chuyên niệm. Vậy nên lấy niệm làm chủ. Như trong thế gian, tất cả bốn binh chủng đều theo ý của chủ tướng. Ba mươi bảy phẩm cũng lại như vậy, đều theo niệm chủ.

Đây thiện nam tử! Đã vào định rồi, ba mươi bảy phẩm có thể giới phân biệt tất cả pháp tướng. Vậy nên lấy định làm dẫn đường. Ba mươi bảy phẩm này phân biệt pháp tướng thì trí là tối thắng. Vậy nên lấy tuệ làm thắng. Như vậy trí tuệ biết phiền não rồi thì nhờ lực trí tuệ nên phiền não tiêu diệt. Như trong thế gian, bốn binh phá hoại oán tặc, hoặc một, hoặc hai người dũng kiện có thể phá. Ba mươi bảy phẩm cũng lại như vậy, lực trí tuệ có thể phá hoại phiền não. Vậy nên dùng tuệ làm thắng.

Đây thiện nam tử! Tuy nhân tu tập ba mươi bảy phẩm chứng được tứ thiền thần thông an lạc nhưng cũng chẳng gọi là Thật. Nếu khi phá hoại phiền não chứng được giải thoát thì mới gọi là Thật. Nhân ba mươi bảy phẩm này phát tâm tu đạo tuy được thế lạc và xuất thế lạc, bốn quả Sa môn và cả Giải thoát nhưng cũng chẳng được gọi là rốt ráo. Nếu có thể đoạn trừ việc sở hành của ba mươi bảy phẩm thì đó gọi là Niết Bàn. Vậy nên ta nói rằng rốt ráo thì tức là Đại Niết Bàn.

Lại nữa, đây thiện nam tử! Lòng ái niệm thiện tức là dục vậy. Nhân ái niệm thiện mà gần gũi bạn lành nên gọi là xúc. Đó gọi là nhân. Nhân gần gũi bạn lành nên gọi là thọ. Đó gọi là nhiếp lấy. Nhân gần gũi bạn lành có thể thiện tư duy nên gọi là tăng thêm. Nhân bốn pháp này có thể sinh trưởng đạo như là dục, niệm, định trí. Đó tức gọi là chủ, đạo, thắng vậy. Nhân ba pháp này được hai giải thoát, đoạn trừ ái nên được tâm giải thoát, cắt đứt vô minh nên được tuệ giải thoát. Đó gọi là thật. Như vậy tám pháp rốt ráo được quả gọi là Niết Bàn nên gọi là rốt ráo.

Lại nữa, này thiện nam tử! Dục tức là phát tâm xuất gia, Xúc tức là bạch bốn yết ma. Đó gọi là nhân. Nhiếp tức là thọ hai thứ giới: Một là Ba la đề mộc xoa giới, hai là tịnh căn giới. Đó gọi là thọ. Đó gọi là nhiếp lấy. Tăng thêm tức là tu tập bốn thiền, chủ tức là quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, đạo tức là quả A na hàm, thắng tức là quả A la hán, thật tức là quả Bích Chi Phật, rốt ráo tức là quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, này thiện nam tử! Dục gọi là thức, xúc gọi là lục nhập, nhiếp gọi là thọ, tăng thêm gọi là vô minh, chủ gọi là danh sắc, đạo gọi là ái, thắng gọi là thủ, thật gọi là hữu, rốt ráo gọi là sinh già bệnh chết.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Căn bản nhân, tăng thêm ba pháp như vậy làm sao có khác ? Này thiện nam tử! Cái gọi là căn tức là mới phát, nhân tức là tương tợ chẳng đoạn, tăng thêm tức là diệt tương tợ rồi có thể sinh ra tương tợ.

Lại nữa, này thiện nam tử! Căn tức là tác, nhân tức là quả, tăng thêm tức là có thể dùng. Này thiện nam tử! Đời vị lai tuy có quả báo nhưng do chưa thọ nên gọi là nhân và khi thọ quả ấy thì đó gọi là tăng thêm.

Lại nữa, này thiện nam tử! Căn tức là cầu, được tức là nhân, dùng tức là tăng thêm. Này thiện nam tử! Trong Kinh này thì căn tức là thấy đạo, nhân tức là tu đạo, tăng thêm tức là đạo vô học.

Lại nữa, này thiện nam tử! Căn tức là chánh nhân, nhân tức là phương tiện nhân. Từ hai nhân này thu hoạch được quả báo gọi là tăng trưởng.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Như lời đức Phật nói, rốt ráo tức là Niết Bàn. Như vậy Niết Bàn làm sao có thể được ?

- Này thiện nam tử! Nếu Đại Bồ tát, Tỳkheo, Tỳkheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di có thể tu mười tướng thì phải biết người đó có thể được Niết Bàn. Những gì là mười tướng ? Một là vô thường tướng. Hai là khổ tướng. Ba là vô ngã tướng. Bốn là yếm ly thực tướng. Năm là tướng tất cả thế gian chẳng thể vui. Sáu là tử (chết) tướng. Bảy là tướng nhiều tội lỗi. Tám là ly (lia)

tướng. Chín là diệt tướng. Mười là vô ái tướng. Nay thiện nam tử! Đại Bồ tát, Tỳkheo, Tỳkheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di tu tập mười thứ tướng như vậy thì người đó rất ráo quyết định được Niết Bàn, chẳng theo lòng người khác mà tự có thể phân biệt thiện hay bất thiện.v.v... Đó gọi là chân thật xứng với nghĩa của Tỳkheo... cho đến được xứng với nghĩa của Ưu bà di.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Sao gọi là Bồ tát ... cho đến Ưu bà di.v.v... tu vô thường tướng ?

Nay thiện nam tử! Bồ tát có hai thứ: Một là mới phát tâm, hai là đã hành đạo. Vô thường tướng cũng lại có hai thứ: Một là thô, hai là tế (nhỏ). Bồ tát mới phát tâm khi quan sát được vô thường tướng tác khởi suy nghĩ này: “Vật của thế gian có hai thứ, một là nội, hai là ngoại. Như vậy nội vật vô thường biến dị. Ta thấy lúc sinh, lúc nhỏ, lúc lớn, lúc trai trẻ, lúc già lão, lúc chết... những thời tiết này mỗi mỗi đều chẳng đồng. Vậy nên phải biết nội vật vô thường”. Bồ tát lại khởi ý niệm này: “Ta thấy chúng sinh, hoặc có người béo tốt, đầy đủ sắc lực, đi lại tiến dừng tự tại không trở ngại. Hoặc thấy bệnh khổ, sắc lực tiêu tụy, nhan mạo hao tổn, chẳng được tự tại. Hoặc thấy của cải giàu có, kho tàng đầy ắp. Hoặc thấy nghèo cùng, đụng việc thì thiếu thốn. Hoặc thấy thành tựu vô lượng công đức. Hoặc thấy đầy đủ vô lượng pháp ác.... Vậy nên quyết định biết nội pháp vô thường”. Bồ tát lại quan sát ngoại pháp: Khi hạt, khi mầm, khi thân, khi lá, khi hoa, khi quả... như vậy những thời tiết mỗi mỗi đều chẳng đồng. Như vậy ngoại pháp hoặc có đầy đủ, hoặc chẳng đầy đủ. Vậy nên phải biết tất cả ngoại vật quyết định là vô thường. Đã quan sát thấy pháp là vô thường rồi thì lại quan sát pháp nghe: Ta nghe chư thiên thành tựu đầy đủ khoái lạc cực diệu, thần thông tự tại mà cũng có năm tướng. Vậy nên phải biết tức là vô thường. Lại nghe kiếp ban đầu có các chúng sinh, mỗi mỗi đều đầy đủ công đức thượng diệu, ánh sáng thân tự chiếu soi chẳng nhờ mặt trời, mặt trăng. Nhưng do lúc vô thường nên ánh sáng diệt, đức tổn. Lại nghe: Ngày xưa có vị Chuyển Luân Thánh Vương thống lĩnh bốn thiên hạ, thành tựu bảy báu, được đại tự tại nhưng mà chẳng thể phá hoại tướng vô thường. Bồ tát lại quan sát đại địa: Thuở xưa, là chỗ yên, bố trí vô lượng chúng sinh, vùng không chỗ trống như vùng bánh xe, sinh trưởng đầy đủ tất cả diệu dược, rừng rậm, cây cối hoa trái sum suê. Nhưng chúng sinh bạc phước khiến cho đại địa này không còn thể lực, vật sở sinh trở nên hư hao. Vậy nên phải biết pháp trong ngoài, tất cả vô thường. Đó thì gọi là thô vô thường vậy. Đã quan sát thô rồi thì Bồ tát tiếp đến quan sát tế. Sao gọi tế ? Đại Bồ tát quan sát tất cả vật nội ngoại cho

đến vi trần ở tại thời vị lai đã là vô thường. Vì sao vậy ? Vì thành tựu đầy đủ tướng phá hoại. Nếu sắc vị lai vô thường thì chẳng được nói rằng, sắc có mười thời sai khác. Những gì là mười ? Một là mô thời, hai là bào thời, ba là bào thai thời, bốn là nhục đoàn thời, năm là chi thời, sáu là anh hài thời, bảy là đồng tử thời, tám là thiếu niên thời, chín là thanh tráng thời, mười là suy lão thời. Bồ tát quan sát mô, nếu chẳng phải vô thường thì chẳng nên đến bào... cho đến thanh tráng nên chẳng phải vô thường thì nhất định chẳng đến lão. Nếu những thời đó chẳng phải từng niệm từng niệm diệt thì nhất định chẳng lớn dần mà nên phải một lúc trở thành lớn đầy đủ. Do việc này vậy nên phải biết là quyết định có từng niệm từng niệm vi tế vô thường. Lại thấy có người với các căn đầy đủ, nhan mạo rực rỡ mà về sau thấy khô khốc tiêu tụy, lại tác khởi ý niệm này: “Người đó quyết định có từng niệm từng niệm vô thường”. Lại quan sát bốn đại và bốn oai nghi, lại quan sát trong ngoài đều có hai nhân của khổ là đói khát, nóng lạnh, lại quan sát là bốn. Nếu không niệm vi tế vô thường thì cũng chẳng thể được nói bốn khổ như vậy. Nếu có Bồ tát có thể tác khởi ý niệm này thì đó gọi là Bồ tát quan sát tế vô thường. Như nội ngoại sắc, tâm pháp cũng vậy. Vì sao vậy ? Vì hành lục xứ. Khi hành lục xứ thì hoặc sinh ra hỷ tâm, hoặc sinh ra sân tâm, hoặc sinh ra ái tâm, hoặc sinh ra tham tâm... lần lượt sinh ra khác , chẳng được một thứ. Vậy nên phải biết, tất cả sắc pháp và chẳng phải sắc pháp đều là vô thường. Nay thiện nam tử! Bồ tát nếu có thể ở trong một niệm thấy tất cả pháp sinh diệt vô thường thì đó gọi là Bồ tát đủ vô thường tướng. Nay thiện nam tử! Kẻ trí tu tập vô thường tướng rồi thì xa lìa thường mạn, thường đảo, tướng đảo.

Tiếp đến tu khổ tướng. Vì nhân duyên gì nên có khổ như vậy ? Biết sâu khổ này nhân ở vô thường. Nhân vô thường nên thọ sinh, già, bệnh, chết. Sinh già bệnh chết nhân duyên nên gọi là vô thường. Vô thường nhân duyên nên thọ nội ngoại khổ. Đói khát, nóng lạnh, đánh đập, nhục mạ.v.v.... những khổ như vậy đều nhân vô thường. Lại nữa, kẻ trí quan sát sâu thân này tức là đồ đựng vô thường. Đồ đựng vô thường tức là khổ. Do đồ đựng khổ nên pháp được chứa đựng cũng lại là khổ. Nay thiện nam tử! Kẻ trí lại quan sát, sinh tức là khổ, diệt tức là khổ. Khổ sinh diệt nên tức là vô thường, chẳng phải ngã và ngã sở, tu vô ngã tướng. Kẻ trí lại quan sát khổ tức là vô thường, vô thường tức là khổ. Nếu khổ vô thường thì người trí làm sao nói rằng, có ngã ? Khổ chẳng phải là ngã, vô thường cũng vậy. Như vậy năm ấm cũng khổ vô thường thì chúng sinh làm sao nói rằng có ngã ? Lại nữa, quan sát tất cả pháp có hòa hợp khác, chẳng từ một hòa hợp sinh ra tất cả pháp, cũng chẳng phải một pháp là quả của tất cả hòa hợp. Tất cả hòa hợp đều không tự tính, cũng không một tính, cũng không tính khác, cũng không tính của vật, cũng không tự tại. Các pháp nếu có những tướng như vậy thì người trí làm

sao nói rằng có ngã. Lại tác khởi ý niệm này: Trong tất cả pháp không có một pháp có thể làm tác giả. Nếu giả sử một pháp chẳng thể làm thì mọi pháp hòa hợp cũng chẳng thể làm. Tính của tất cả các pháp nhất định chẳng thể một mình sinh một mình diệt mà hòa hợp nên diệt, hòa hợp nên sinh. Pháp này sinh ra rồi thì chúng sinh điên đảo tưởng nói rằng, hòa hợp này từ hòa hợp sinh ra. Tưởng của chúng sinh điên đảo, không có chân thật thì làm sao mà có ngã chân thật được ? Vậy nên kẻ trí quan sát vô ngã. Lại nữa, quan sát kỹ càng vì nhân duyên gì mà chúng sinh nói có ngã ? Ngã này nếu có thì nên một hay nên nhiều ? Ngã nếu một thì làm sao mà có Sát lợi, Bà la môn, Tỳ xá, Thủ đà, người, trời, địa ngục, ngã qui, súc sinh, lớn nhỏ, già trẻ.... vậy nên biết ngã chẳng phải là một. Ngã nếu nhiều thì làm sao nói rằng, ngã của chúng sinh là một, là khắp cùng, không có bờ cõi. Hoặc một, hoặc nhiều cả hai đều không có ngã.

Người trí quan sát vô ngã như vậy rồi, tiếp đến lại quan sát yếm ly thực tướng, Bồ tát khởi ý niệm rằng: “Nếu tất cả pháp vô thường, khổ, không, vô ngã thì làm sao thực (ăn) khởi lên ba thứ nghiệp ác của thân miệng ý ? Nếu có chúng sinh vì tham ăn nên khởi lên ba thứ nghiệp ác của thân miệng ý thì việc được của cải mọi người đều chung được đó, nhưng về sau chịu quả báo khổ thì không chung phần”. Nay thiện nam tử! Kẻ trí lại quan sát tất cả chúng sinh vì ăn uống nên thân tâm chịu khổ. Nếu từ mọi khổ mà được ăn thì ta phải làm sao ở trong ăn này mà sinh ra tham trước? Vậy nên đối với cái ăn chẳng sinh ra lòng tham. Lại nữa, kẻ trí phải quan sát, nhân ăn uống mà thân được tăng trưởng, ta nay xuất gia, thọ giới, tu đạo vì muốn xả thân, nhưng nay tham cái ăn này thì làm sao sẽ được xả thân này vậy? Quán như vậy rồi, tuy lại thọ ăn giống như quỉ Khoáng Dã ăn thịt của con mình, nhưng lòng người ấy chán ghét đều thấy chẳng ngon lành. Quan sát sâu đoàn thực có lỗi như vậy. Tiếp đến quan sát xúc thực như trâu bị mổ bị vô lượng trùng bu ăn. Tiếp đến quan sát tư thực như đám lửa lớn, thức thực giống như ba trăm cái dùi, cái mâu. Nay thiện nam tử! Người trí quan sát bốn thứ ăn như vậy rồi thì đối với ăn nhất định chẳng sinh tham lạc tưởng. Nếu còn sinh tham thì phải quán bất tịnh. Vì sao vậy? Vì lia khởi tham ái nên đối với tất cả loại ăn giới có thể phân biệt tướng bất tịnh, tùy theo các bất tịnh mà khiến cho cùng tương tự. Quán như vậy rồi, nếu được đồ ăn ngon và cả đồ ăn dở thì khi thọ giống như bôi thuốc lên ung nhọt, nhất định chẳng sinh ra lòng tham ái. Nay thiện nam tử! Kẻ trí nếu có thể quan sát như vậy thì đó gọi là thành tựu được yếm ly thực tướng.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thừa đức Thế Tôn! Kẻ trí quan sát ăn tạo tác bất tịnh tướng là chính là quán chân thật hay quán hư giải vậy ? Nếu chính là quan sát chân thật thì cái ăn được quan sát thật chẳng phải bất tịnh. Nếu chính là hư giải thì pháp đó sao gọi là thiện tướng.

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Người quan sát như vậy cũng là thực quán, cũng là hư giải. Có thể phá hoại được lòng tham ăn nên gọi là thật. Chẳng phải là trùng mà thấy trùng nên gọi là hư giải. Nay thiện nam tử! Tất cả hữu lậu đều gọi là hư mà cũng có thể được thật. Nay thiện nam tử! Nếu có Tỳkheo phát tâm xin ăn mà tác khởi ý niệm rằng: “Ta sẽ xin ăn, nguyện được của ngon, chớ được đồ thô ác! Nguyện ắt được nhiều, chớ khiến cho ít quá! Cũng nguyện cho mau được chớ khiến cho chậm trễ!” Tỳkheo như vậy chẳng gọi là đối với ăn được tư tưởng chán lìa mà việc tu tập pháp thiện ngày đêm hao suy, pháp bất thiện sẽ tăng trưởng dần.

Nay thiện nam tử! Nếu có Tỳkheo khi muốn xin ăn thì trước phải nguyện rằng: “Nguyện cho những người xin ăn đều được no đủ và người cho đồ ăn kia được phước không lường. Ta nếu được ăn là để trị liệu thân độc hại, tu tập pháp lành, lợi ích cho thí chủ”. Khi tác khởi nguyện này thì sự tu hành thiện pháp ngày đêm tăng trưởng, pháp bất thiện sẽ tiêu diệt dần. Nay thiện nam tử! Nếu có Tỳkheo có thể tu như vậy thì phải biết người đó chẳng ăn của luống dối đối với tín thí nơi trung tâm quốc gia.

Nay thiện nam tử! Kẻ trí đầy đủ bốn tướng như vậy thì có thể tu thế gian bất khả lạc tướng (tư tưởng thế gian chẳng thể vui). Kẻ trí tác khởi ý niệm này: “Tất cả thế gian không chỗ nào chẳng có sinh, lão, bệnh, tử, mà thân người của ta không chỗ nào chẳng sinh ra. Nếu trong thế gian không có một chỗ sẽ được lìa khỏi sinh già bệnh chết thì ta sẽ làm sao mà vui với thế gian. Tất cả thế gian không có gì tiến được mà chẳng lùi mất. Vậy nên thế gian quyết định vô thường. Nếu là vô thường thì làm sao mà kẻ trí vui với đời được ? Mỗi một chúng sinh trải qua cùng khắp tất cả thế gian thọ đủ khổ vui. Tuy lại được thọ thân Phạm thiên cho đến trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, nhưng mạng chung rồi trở lại rơi vào trong ba đường ác. Tuy làm thân Tứ Thiên Vương cho đến thân trời Tha Hóa Tự Tại, nhưng khi mạng chung rồi sinh ra trong đường súc sinh, hoặc làm sư tử, hổ báo, sài lang, voi ngựa, trâu lừa. Tiếp đến Bồ tát quan sát thân của Chuyển Luân Thánh Vương, thống lĩnh bốn thiên hạ, giàu sang tự tại, nhưng khi phước hết nghèo cùng khôn khó, ăn mặc chẳng cung cấp đủ. Người trí quan sát sâu những

việc như vậy rồi thì thấy sinh ra ở thế gian chẳng thể lạc tướng. Kẻ trí quan sát hữu pháp của thế gian như là nhà cửa, quần áo, ăn uống, ngọa cụ, thuốc thang, hương hoa, chuỗi ngọc, đủ thứ kỹ nhạc, của cải, vật báu... Những việc như vậy đều vì để lìa khỏi khổ mà những vật thể đó tức là khổ thì làm sao dùng khổ mà muốn lìa khỏi khổ ?

Này thiện nam tử! Người trí quan sát như vậy rồi thì đối với vật của thế gian chẳng sinh ra ái lạc mà tạo tác lạc tướng.

Này thiện nam tử! Ví như có người thân mắc bệnh nặng, tuy có đủ thứ âm nhạc, xướng kỹ, hương hoa, chuỗi ngọc... nhưng nhất định không đối với những vật ấy sinh ra tham ái lạc. Người trí quan sát rồi cũng lại như vậy.

Này thiện nam tử! Người trí quan sát sâu, tất cả thế gian chẳng phải chỗ qui y, chẳng phải chỗ giải thoát, chẳng phải chỗ tịch tịnh, chẳng phải chỗ khả ái, chẳng phải chỗ bờ kia, chẳng phải pháp Thường Lạc Ngã Tịnh.... Nếu ta tham lạc thế gian như vậy thì ta làm sao được lìa khỏi pháp đó. Như người chẳng ưa chỗ tối tăm mà cầu ánh sáng, lại trở lại về với tối tăm. Tối tăm tức là thế gian, ánh sáng tức là xuất thế gian. Nếu ta ưa thế gian thì tăng trưởng tối tăm, xa lìa ánh sáng. Tối tức là vô minh, ánh sáng tức là trí minh (trí sáng). Nhân của trí minh này tức là thế gian bất khả lạc tướng. Tất cả tham kết tuy là ràng buộc nhưng hôm nay tham đối với trí minh thì chẳng tham thế gian. Kẻ trí quan sát sâu pháp như vậy rồi thì đầy đủ thế gian bất khả lạc tướng.

Này thiện nam tử! Người có trí đã tu tập Thế gian bất khả lạc tướng rồi, tiếp đến tu tử tướng (tu tướng chết). Quan sát thọ mạng này thường bị sự nhiễu hại của vô lượng oán thù, từng niệm từng niệm tổn giảm, không có tăng trưởng giống như nước chảy xiết từ núi xuống chẳng được trụ dừng, cũng như móc buôi sớm thế chẳng dừng lâu, như người tù dẫn đến chợ mỗi bước mỗi bước gần với cái chết, như đất trâu, dê đi đến chỗ giết thịt.

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Làm sao kẻ trí quan sát từng niệm từng niệm diệt ?

- Này thiện nam tử! Ví như bốn người đều giỏi thuật bắn tên tụ lại ở một chỗ, đều bắn về một phương, đều tác khởi ý niệm này: “Bốn người chúng ta đều phát ra, đều rơi xuống!” Lại có một người tác khởi ý niệm

rằng: “Như vậy bốn mũi tên kịp khi chúng chưa rơi xuống, ta có thể cùng một lúc dùng tay bắt lấy hết!” Này thiện nam tử! Người như vậy có thể nói là nhanh không ?

Bồ tát Ca Diếp bạch rằng:

- Đúng vậy! Thưa đức Thế Tôn!

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Quý địa hành nhanh lại là nhanh hơn người, có quỷ phi hành lại nhanh hơn quỷ địa hành, nhanh của Tứ Thiên Vương lại nhanh hơn quỷ phi hành, thiên thần mặt trời mặt trăng lại nhanh hơn bốn vua trời, Hành Kiên thiên lại nhanh hơn mặt trời mặt trăng. Thọ mạng của chúng sinh lại nhanh hơn trời Kiên Tật. Này thiện nam tử! Một hơi thở, một nháy mắt mà thọ mạng của chúng sinh bốn trăm lần sinh diệt. Kẻ trí nếu có thể quan sát mạng như vậy thì đó gọi là có thể quan sát niệm niệm sinh diệt vậy. Này thiện nam tử! Kẻ trí quan sát mạng hệ thuộc tử vương (vua thân chết): Ta nếu có thể lìa khỏi tử vương như vậy thì được vĩnh viễn đoạn trừ thọ mạng vô thường. Lại nữa, kẻ trí quan sát thọ mạng này giống như bờ sông đến cây lớn cao vút, cũng như có người tạo tội đại nghịch và người ấy chịu tội chết không ai thương tiếc, như khi vua sư tử đói khát cùng khôn, cũng như khi độc xà hút gió lửa, giống như con ngựa khát hộ tiếc nước, như con ác quỷ lớn khi sân nhuế phát khởi, vua chết của chúng sinh cũng lại như vậy. Này thiện nam tử! Kẻ trí nếu có thể tạo tác sự quan sát như vậy thì đó gọi là tu tập tử tướng. Này thiện nam tử! Kẻ trí lại quan sát: Ta nay xuất gia, giả sử được thọ mạng, bảy ngày bảy đêm thì ta sẽ ở trong thời gian đó, tinh cần tu đạo, hộ trì cấm giới, nói pháp giáo hóa lợi ích cho chúng sinh. Đó gọi là kẻ trí tu tử tướng. Lại cho dù bảy ngày bảy đêm là nhiều thì nếu được sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ... cho đến khoảnh khắc thở hít vào... ta cũng sẽ ở trong thời gian đó tinh cần tu đạo, hộ trì cấm giới, nói pháp giáo hóa lợi ích chúng sinh. Đó gọi là kẻ trí giới tu tử tướng. Kẻ trí đầy đủ sáu tướng như trên thì liền được bảy tướng nhân. Những gì là bảy ? Một là thường tu tướng. Hai là ưa tu tướng. Ba là vô sân tướng. Bốn là vô tật đố tướng. Năm là thiện nguyện tướng. Sáu là vô mạn tướng. Bảy là Tam muội tự tại tướng. Này thiện nam tử! Nếu có Tỳkheo đầy đủ bảy tướng thì đó gọi là Sa môn, gọi là Bà la môn, đó gọi là tịch tịnh, đó gọi là tịnh khiết, đó gọi là giải thoát, đó gọi là người trí, đó gọi là chính kiến, gọi là đến bờ kia, gọi là Đại y vương, đó là đại thương chủ, đó gọi là giỏi hiểu bí mật của Như Lai. Tỳkheo này cũng biết bảy thứ lời nói của chư Phật,

gọi là chánh kiến, biết đoạn trừ lưới nghi sở sinh trong bảy thứ lời nói. Nay thiện nam tử! Nếu người đầy đủ sáu tướng như trên thì phải biết là người đó có thể quở trách ba cõi, xa lìa ba cõi, diệt trừ ba cõi, ở trong ba cõi mà chẳng sinh ra ái trước. Đó gọi là kẻ trí đầy đủ mười tướng. Nếu có vị Tỳkheo đầy đủ mười tướng thì liền được xứng đáng tướng Sa môn.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Ca Diếp liền ở trước đức Phật, dùng kệ khen ngợi đức Phật rằng:

Đại Y vương thương xót thế gian
Thân và trí tuệ đều tịch tịnh
Trong pháp vô ngã có pháp chân
Vậy nên kính lễ đáng Vô Thượng!
Phát tâm “hai chẳng biệt” rốt cùng
Nhu vậy hai tâm, tâm trước khó
Tự chưa được độ, độ người tiên (trước)
Nên con lễ đáng lòng mới phát!
Mới phát rồi làm thầy nhân thiên
Thắng hơn Thanh Văn và Duyên Giác
Hơn ba cõi như vậy phát tâm
Vậy nên được gọi Tối Vô Thượng!
Cứu thế yêu cầu, sau được thành
Nhu Lai không tỉnh, làm thầy dẫn
Phật như con ghé theo thế gian
Vậy nên được gọi Ngưu Bi (trâu từ bi) lớn

Như Lai công đức đầy mười phương
Phàm phu vô trí chẳng khen ngợi
Con nay tán thán Từ Bi tâm
Ví báo thân miệng hai thứ nghiệp.
Tự lợi ích, thường lạc thế gian
Như Lai trọn chẳng làm việc đó
Hay đoạn (quả) báo thế giới chúng sinh
Nên con lẽ đáng Tự Tha Lợi!
Làm ích dầy, người đời theo thân (thân tình)
Như Lai lợi ích không thân, oán
Phật không tướng này như thế nhân
Nên tâm Phật không hai, bình đẳng
Nói khác làm khác là thế gian
Như Lai nói như làm không khác
Phàm tu là đoạn các hạnh liền
Trước đã biết rõ lỗi phiền não
Thị hiện khắp nơi vì chúng sinh
Nên được gọi là Như Lai vậy.
Giải thoát rồi, ở mãi thế gian
Vì từ bi ưa ở sinh tử

Tuy hiện thiên thân và nhân thân
Từ bi theo đuổi như trâu nghé!
Như lai tức là mẹ chúng sinh
Lòng từ tín là trâu nghé vậy
Tự thọ mọi khổ vì chúng sinh
Khi niệm mẫn bi lòng chẳng hối
Chẳng biết khổ, lân mẫn đầy lòng
Nên con cúi lạy đấng Bạt Khổ!
Như Lai tuy làm phước không lường
Nghịệp thân miệng ý hằng thanh tịnh
Thường vì chúng sinh, chẳng vì mình
Nên con lễ đấng Thanh Tịnh Nghịệp!
Như Lai thọ khổ, khổ chẳng màng
Thấy chúng sinh khổ như mình khổ
Tuy ở địa ngục vì chúng sinh
Chẳng sinh tướng khổ và lòng hối.
Thọ khác khổ của mọi chúng sinh
Đều chính Như Lai, một người khổ
Biết rồi lòng ấy chuyển vững bền
Nên hay siêng tu đạo Vô Thượng.

Phật đũa một vị (mùi vị) đại từ tâm
Thương nghĩ chúng sinh như tử tướng (tướng con)
Chúng sinh chẳng biết Phật cứu mình
Nên bài báng Phật, Pháp, Tăng bảo.
Thế gian tuy đủ mọi não phiền
Cũng có vô lượng những lỗi ác
Nhu vậy mọi kết và tội khiên
Mới phát tâm Phật đã hay hoại.
Chỉ có chư Phật khen Thế Tôn (Phật)
Trừ Phật không ai hay khen ngợi
Con nay chỉ dùng một pháp khen
Là lòng từ đi khắp cõi thế.
Từ là đại pháp của Thế Tôn
Từ này cũng hay độ sinh chúng
Là Vô Thượng Giải thoát thật chân
Giải thoát tức là Đại Niết Bàn.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ ba mươi tư hết -

--- o0o ---

Quyển Thứ 35

PHẨM THỨ HAI MƯƠI LĂM: KIỀU TRẦN NHƯ

Phần thứ I: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Kiều Trần Như rằng:

- Sắc là vô thường. Nhân diệt sắc này chứng được sắc giải thoát thường trụ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Nhân diệt... thức này chứng được... thức giải thoát thường trụ. Nay Kiều Trần Như! Sắc tức là khổ. Nhân diệt sắc này chứng được sắc giải thoát an lạc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Sắc tức là không. Nhân diệt sắc không chứng được sắc giải thoát chẳng phải không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Sắc là vô ngã. Nhân diệt sắc này chứng được sắc giải thoát chân ngã. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Sắc là bất tịnh. Nhân diệt sắc này chứng được sắc giải thoát thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Sắc là tướng của sinh già bệnh chết. Nhân diệt sắc này chứng được sắc giải thoát chẳng phải tướng của sinh già bệnh chết. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Sắc là nhân của vô minh. Nhân diệt sắc này chứng được sắc giải thoát chẳng phải nhân của vô minh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Cho đến sắc là sinh nhân. Nhân diệt sắc này chứng được sắc giải thoát chẳng phải sinh nhân. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Sắc tức là nhân của bốn điên đảo. Nhân diệt sắc điên đảo chứng được sắc giải thoát chẳng phải nhân của bốn điên đảo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Sắc là nhân của vô lượng ác pháp như là thân trai gái, thực ái, dục ái, tham, sân, si, tật đố, xan tâm, ác tâm, đoàn thực, thức thực, tư thực, xúc thực, noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, ngũ dục, ngũ cái.v.v... Những pháp như vậy đều nhân với sắc. Nhân diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát không có vô lượng những ác như vậy. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Sắc tức là trói buộc. Nhân diệt sắc trói buộc chứng được sắc giải thoát không trói buộc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Sắc tức là dòng chảy. Nhân diệt sắc dòng chảy chứng được sắc giải thoát chẳng phải dòng chảy. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Sắc chẳng phải qui y. Nhân diệt sắc

này chứng được sắc giải thoát qui y. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Sắc là ghê lở. Nhân diệt sắc này chứng được sắc giải thoát không ghê lở. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Sắc chẳng phải tịch tịnh. Nhân diệt sắc này chứng được sắc Niết Bàn tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều Trần Như! Nếu có người có thể biết như vậy thì người đó gọi là Sa môn, gọi là Bà la môn, đầy đủ pháp Sa môn, Bà la môn. Nay Kiều Trần Như! Nếu lìa khỏi Phật pháp thì không có Sa môn và Bà la môn, cũng không có pháp Sa môn, Bà la môn. Tất cả ngoại đạo hư dối giả trá xưng đều là hạnh không thật. Tuy họ tạo tác tướng mạo nói rằng có hai thứ này, nhưng thật không có điều đó. Vì sao vậy? Vì nếu không có pháp Sa môn, Bà la môn thì sao mà nói có Sa môn và Bà la môn? Ta thường ở trong đại chúng này rống tiếng rống Sư tử! Các người cũng phải ở trong đại chúng rống tiếng rống sư Sư tử.

Bây giờ, có vô lượng người ngoại đạo nghe lời nói đó rồi lòng sinh ra sân ác mà rằng: “Ông Cù Đàm nay nói trong chúng của chúng ta không có Sa môn và Bà la môn, cũng không có pháp Sa môn, Bà la môn thì chúng ta phải làm sao thiết lập phương tiện rộng rãi để nói với ông Cù Đàm rằng, trong chúng của chúng ta cũng có Sa môn, có pháp Sa môn, có Bà la môn, có pháp Bà la môn?” Trong chúng đó có một Phạm chí xưng lên như vậy: “Thưa các ngài! Lời nói của ông Cù Đàm như lời cuồng điên, không khác! Sao có thể kiểm nghiệm? Người cuồng của thế gian hoặc ca, hoặc múa, hoặc khóc, hoặc cười, hoặc mắng chửi, hoặc khen ngợi, đối với người thân kẻ oán đã chẳng thể phân biệt. Ông Sa môn Cù Đàm cũng lại như vậy, hoặc nói ta sinh ở nhà vua Tịnh Phạn, hoặc nói chẳng sinh, hoặc nói sinh rồi đi bảy bước, hoặc nói chẳng đi, hoặc nói từ nhỏ học tập thế sự, hoặc nói ta là người Nhất Thiết Trí, hoặc khi ở cung hưởng thụ lạc sinh con, hoặc khi chán ghét khổ hoạn quở trách ác hèn, hoặc khi gần gũi tu khổ hạnh sáu năm, hoặc khi quở trách ngoại đạo khổ hạnh, hoặc nói rằng từ ông Uất Đà Lam Phát, ông A La La.v.v... bầm thừa điều chưa nghe, hoặc khi nói những ông ấy không có sự hiểu biết, hoặc khi nói rằng dưới cây Bồ Đề được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc khi nói rằng ta chẳng đến cây không có sự thu hoạch ấy, hoặc khi nói rằng thân này của ta hôm nay tức là Niết Bàn, hoặc nói thân diệt mới là Niết Bàn... Lời nói của ông Cù Đàm như cuồng điên không khác thì tại sao vì những lời này mà buồn lo bối rối vậy?” Các Bà la môn liền đáp rằng: “Thưa Đại sĩ! Chúng tôi hôm nay sao chẳng buồn được? Ông Sa môn Cù Đàm trước xuất gia rồi, nói vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Các đệ tử của tôi nghe được còn sinh ra sợ hãi thì làm sao chúng sinh vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh mà chẳng thọ nhận lời nói của ông ấy? Hôm nay ông Cù Đàm lại đến trong rừng Ta La này vì những đại

chúng nói có pháp Thường Lạc Ngã Tịnh. Các đệ tử của tôi nghe lời nói rồi đều bỏ tôi đi thọ lời nói của ông Cù Đàm. Do những nhân duyên đó nên tôi sinh ra sâu khổ lớn”. Bấy giờ lại có một Bà la môn nói rằng: “Thưa các ngài! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ông Sa môn Cù Đàm gọi là tu Từ Bi! Lời nói này hư vọng chẳng phải chân thật vậy! Nếu có Từ Bi thì làm sao dạy các đệ tử của tôi.v.v... tự thọ pháp ấy? Quả Từ Bi là thuận theo ý người khác, nay lại trái ý nguyện của tôi thì sao nói rằng có? Nếu có người nói rằng, ông Sa môn Cù Đàm chẳng bị nhiễm tám pháp của thế gian thì đó cũng hư vọng. Nếu nói ông Cù Đàm thiếu đức trí tức thì hôm nay sao lại đoạt lấy lợi của chúng ta? Nếu nói dòng họ là thượng tộc thì đó cũng hư vọng. Vì sao vậy? Vì từ xưa đến nay chẳng thấy chẳng nghe vua Đại Sư Từ tàn hại loài chuột nhất. Nếu giả sử ông Cù Đàm là dòng giống trên thì làm sao hôm nay lại náo loạn chúng ta? Nếu nói ông Cù Đàm đủ thể lực lớn thì đó cũng hư vọng. Vì sao vậy? Vì từ xưa đến nay cũng chẳng thấy nghe vua chim cánh vàng cùng với quạ tranh nhau. Nếu nói lực ông ấy lớn thì lại vì việc gì cùng với chúng ta chung đấu tranh? Nếu nói ông Cù Đàm đủ trí biết lòng người khác (tha tâm trí) thì đó cũng hư vọng. Vì sao vậy? Vì nếu đủ trí này thì vì nhân duyên gì chẳng biết lòng chúng ta? Thưa các ngài! Tôi, khi xưa đã từ người trí tuệ kỳ cựu, nghe nói việc này, qua trăm năm rồi thì có một kẻ yêu huyễn xuất hiện, tức là ông Cù Đàm. Như vậy kẻ yêu mị huyễn hoặc hôm nay đang ở trong rừng Ta la này sắp diệt chẳng lâu nữa. Các ngài hôm nay chẳng nên sầu não!” Lúc ấy lại có một Ni Kiên Tử đáp rằng: “Thưa ngài! Tôi nay sầu khổ chẳng vì sự cúng dường của đệ tử bản thân mình mà chỉ vì thế gian tối tăm không có mắt, chẳng nhận thức được ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước, xả bỏ những vị Bà la môn trí tuệ kỳ cựu, cúng dường cho hạng thiếu niên nên lấy làm buồn vậy! Ông Sa môn Cù Đàm cả biết chú thuật, nhân lực của chú thuật có thể khiến cho một thân làm ra vô lượng thân rồi khiến cho vô lượng thân trở lại thành một thân, hoặc dùng thân mình hóa làm hình dáng nam, nữ, trâu, dê, voi, ngựa... Sức của tôi có thể tiêu diệt thứ chú thuật như vậy. Chú thuật của ông Sa môn Cù Đàm đã diệt rồi thì chúng ta sẽ trở lại được nhiều sự cúng dường hưởng thụ an lạc!” Lúc bấy giờ, lại có một người Bà la môn nói lên rằng: “Thưa các ngài! Sa môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Vậy nên chúng ta chẳng nên cùng ông ấy đấu tranh!” Đại chúng đáp rằng: “Này người ngu si! Sao nói rằng, ông Sa môn Cù Đàm đầy đủ công đức lớn? Ông ấy sinh ra được bảy ngày thì mẹ liền mạng chung mà đó có thể được gọi là tướng phước đức sao?” Vị Bà la môn đáp rằng: “Khi bị mắng chẳng sân giận, khi bị đánh chẳng đánh lại thì phải biết là người đó có tướng phước đức lớn. Thân ông ấy đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và vô lượng thần thông. Vậy nên phải biết đó là tướng phước đức. Lòng không kiêu mạn, có ý trước thăm hỏi, lời nói dịu

dàng, trước không thô ác, lòng chẳng bạo ngược, vương quốc nhiều của cải mà không có sự luyến ái, bỏ hết tất cả mà xuất gia như nhổ bỏ nước dãi. Vậy nên tôi nói ông Sa môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức!” Đại chúng đáp rằng: “Hay thay! Thưa ngài! Ông Sa môn Cù Đàm thật đúng như lời ngài nói, thành tựu vô lượng thân thông biến hóa, chúng ta chẳng cùng với ông đó thi đấu việc này được! Ông Sa môn Cù Đàm bẩm tính nhu nhuyến, chẳng kham khổ hạnh, sinh trưởng ở thâm cung, chẳng nắm được việc bên ngoài. Ông chỉ có thể dùng lời nói dịu ngọt, chứ chẳng biết kỹ nghệ, thư tịch, nghị luận... Hãy thỉnh ông ấy chung biện luận tường tận điều cốt yếu của chính pháp! Ông đó nếu thắng tôi thì tôi sẽ làm cấp sự cho ông! Nếu tôi thắng ông đó thì ông đó sẽ làm cấp sự cho tôi!” (cấp sự: người cung cấp mọi việc).

Lúc bấy giờ, có ngoại đạo nhiều không lường chung hòa hợp kéo đến chỗ của A Xà Thế, vua nước Ma Đà Đà. Nhà vua thấy họ liền hỏi: “Này các ngài! Các ngài mỗi mỗi đều tu tập Thánh Đạo, là người xuất gia, lia bỏ của cải và việc tại gia mà nhân dân của nước ta đều chung cúng dường, lòng cung kính ngắm nhìn, không xúc chạm nhau mà vì sao các ngài hòa hợp nhau lại, kéo đến đây? Này các ngài! Các ngài đều thọ pháp khác, giới khác, xuất gia chẳng đồng. Các ngài cũng lại mỗi mỗi đều tự theo giới pháp, xuất gia tu đạo mà vì nhân duyên gì hôm nay một lòng chung hòa hợp giống như lá rụng cuốn theo gió thổi tụ về một chỗ? Hãy nói vì nhân duyên gì mà các ngài đi đến đây! Ta thường ủng hộ người xuất gia, thậm chí chẳng tiếc thân cùng mạng!” Bấy giờ, tất cả các chúng ngoại đạo đều nói lên rằng: “Thưa Đại vương! Xin ngài hãy lắng nghe! Đại vương, hôm nay chính là cây cầu của Đại pháp, là viên đá mài Đại pháp, là cái cân của Đại pháp... tức là pháp khí của tất cả công đức, tính chân thật của tất cả công đức, đường lối của chính pháp, tức là ruộng tốt của hạt giống, căn bản của tất cả đất nước, gương sáng của tất cả đất nước, hình tượng của tất cả chư thiên, cha mẹ của tất cả người trong nước. Thưa Đại vương! Bảo tàng công đức của tất cả thế gian tức là thân của nhà vua. Vì sao vậy? Gọi là công đức tạng là vì nhà vua quyết đoán việc nước chẳng lựa kẻ oán người thân. Lòng ngài bình đẳng như đất nước lửa gió. Vậy nên gọi vua là công đức tạng. Thưa Đại vương! Chúng sinh hiện tại tuy thọ mạng lại ngắn ngủi, nhưng công đức của vua thì như của vua thời an lạc sống lâu thuở xưa. Ngài cũng như vua Đỉnh Sinh Thiện Kiến Nhân Nhục Na Hầu Sa, vua Na Na Đế, vua Thi Tỳ, vua Nhất Xoa Cưu.v.v... những vị vua như vậy đầy đủ thiện pháp. Đại vương hôm nay cũng lại như vậy. Thưa Đại vương! Do nhân duyên của vua nên đất nước an lạc, nhân dân đông đúc nên người xuất gia hâm mộ ưa thích đất nước này, trì giới tinh tấn tu tập Chính đạo. Thưa Đại vương! Trong kinh ta nói rằng, nếu

người xuất gia theo nước sở trụ mà trì giới tinh tấn, siêng tu chính đạo thì vua nước ấy cũng có phần tu thiện. Thưa Đại vương! Tất cả đạo tặc, nhà vua đã chinh lý thì người xuất gia đều không có gì kinh sợ, chỉ có một người đại ác, ông Sa môn Cù Đàm! Nhà vua chưa kiểm nghiệm, chúng tôi thì rất sợ! Người ấy tự cậy vào dòng giống hào tộc và sắc thân đầy đủ, lại nhân vào quả báo bố thí đời quá khứ được nhiều sự cúng dường. Ông ấy ý thị vào những việc này mà sinh ra đại kiêu mạn: hoặc nhân chú thuật mà sinh kiêu mạn. Do nhân duyên đó nên chẳng thể tu khổ hạnh mà thâm nhận chứa chấp đồ tế nhuyễn, y phục, ngọa cụ... Vậy nên tất cả người ác của thế gian vì lợi dưỡng nên đến tụ tập ở chỗ ông ấy mà làm quyến thuộc, chẳng thể tu khổ hạnh. Nhờ sức chú thuật nên điều phục được ông Ca Diếp. Ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên.v.v... hôm nay ông ấy lại đi đến chỗ trú xứ của tôi trong rừng Ta La, tuyên nói, thân này Thường Lạc Ngã Tịnh để dụ dỗ các đệ tử của tôi. Thưa Đại vương! Ông Cù Đàm trước nói vô thường, vô lạc, vô tịnh, vô ngã thì tôi có thể nhận được. Nhưng nay ông tuyên nói Thường Lạc Ngã Tịnh thì tôi thật chẳng nhận được! Nguyên xin Đại vương cho phép tôi cùng ông Cù Đàm kia luận nghị!” Nhà vua liền đáp rằng: “Này các đại sĩ! Các ông hôm nay bị ai dạy bảo dẫn dắt mà khiến cho lòng các ông cuồng loạn bất định như nước nổi ba đào, lửa xoáy vòng bánh xe, vượn khỉ ném mình trên cây vậy? Việc này đáng xấu hổ. Kẻ trí nên nghe được tức thời sinh thương xót, kẻ ngu nghe được liền sinh ra chê cười. Các ông nói ra lời chẳng phải tướng xuất gia. Các ông nếu bị bệnh hoạn phong hoàng thủy (?) thì ta đều có thuốc có thể trị liệu cho. Còn như các ông bị quỷ bệnh thì gia huynh là Kỳ Bà giới có thể trị khỏi được! Các ông hôm nay muốn dùng móng tay bào mòn núi Tu Di, muốn dùng răng của miệng cắn vỡ Kim Cương, này các đại sĩ thì ví như người ngu khi thấy vua Sư tử đói nằm ngủ mà muốn thức nó dậy, như người dùng ngón tay đặt vào miệng rắn độc, như người muốn lấy tay sờ trong đám tro phủ trên lửa! Các ông hôm nay cũng lại như vậy! Này thiện nam tử! Ví như con cáo hoang làm tiếng rống Sư tử, giống như con muỗi cùng với chim cánh vàng thi đấu đi mau chậm, như con thỏ qua biển muốn đến tận đáy biển! Các ông hôm nay cũng lại như vậy. Các ông nếu mơ thấy thấy ông Cù Đàm thì giấc mơ này cuồng hoặc chưa đủ đáng tin! Này các Đại sĩ! Các ông hôm nay dấy lên ý này, giống như loài bướm đêm bay gieo mình vào đám lửa lớn! Các ông theo lời nói của ta chẳng cần nói nữa! Các ông tuy khen ta bình đẳng như cái cân nhưng chớ để cho người ngoài nghe lời nói này!” Bấy giờ ngoại đạo lại nói rằng: “Tâu Đại vương! Sa môn Cù Đàm đã làm huyền thuật đến bên ngài chưa vậy mà khiến cho lòng ngài nghi ngờ chẳng tin những Thánh nhân này? Thưa Đại vương! Ngài chẳng nên khinh miệt các vị Đại sĩ như vậy! Thưa Đại vương! Vàng trắng này tăng giảm, vị mặn của biển cả, núi Ma La Diên... Những việc như vậy là sự tạo

tác của ai? Há chẳng phải Bà la môn chúng ta sao?! Thưa Đại vương! Ngài chẳng nghe vị tiên A Kiệt Đa, trong mười hai năm, chặn đứng nước của sông Hằng trong tai sao? Thưa Đại vương! Ngài chẳng nghe vị tiên nhân Cù Đàm đại hiện thân thông, trong mười hai năm, biến làm thân Đế Thích, đồng thời khiến cho thân Đế Thích trở thành hình dáng con dê đực và làm ra một ngàn nữ căn tại thân Đế Thích sao? Thưa Đại vương! Ngài chẳng nghe tiên nhân Kỳ Miễn, trong một ngày, uống cạn nước bốn biển khiến cho đại địa khô ráo sao? Thưa Đại vương! Ngài chẳng nghe tiên nhân Bà Tâu vì trời Tự Tại làm ba con mắt sao? Thưa Đại vương! Ngài chẳng nghe tiên nhân La La biến thành Ca Phú La (Ca La Phú?) trở thành vùng đất mặn sao? Thưa Đại vương! Trong hàng Bà la môn có những vị tiên lực lớn như vậy.v.v... hiện có thể kiểm nghiệm. Thưa Đại vương! Làm sao mà ngài thấy khinh miệt vậy?” Nhà vua nói rằng: “Này các ngài! Nếu các ngài chẳng tin nên muốn làm gì thì đức Như Lai Chính Giác nay ở gần đây, tại trong rừng Ta La, các ông có thể đến mà tùy ý vấn nạn. Đức Như Lai cũng sẽ vì các ông mà phân biệt đáp vừa ý của các ông.

Lúc bấy giờ, vua A Xà Thế cùng các ngoại đạo và đồ chúng, quyến thuộc của họ đi đến chỗ đức Phật, đầu mặt làm lễ, đi nhiễu về bên phải ba vòng, tu kính đã xong, lui về trụ ở một bên, bạch đức Phật rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Những ngoại đạo này muốn được tùy ý vấn nạn! Nguyện xin đức Như Lai tùy ý đáp lại họ!

Đức Phật dạy rằng:

- Này Đại vương! Thôi đi ta tự biết lúc!

Bấy giờ, trong chúng có Bà la môn tên là Xà Đề Thủ Na nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Ông nói Niết Bàn là pháp Thường chẳng?

- Đúng vậy! Đúng vậy! Thưa ông Đại Bà la môn.

Vị Bà la môn nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Nếu nói Niết Bàn thường thì nghĩa đó chẳng đúng! Vì sao vậy? Vì pháp của thế gian thì từ hạt sinh ra quả, nối tiếp nhau chẳng đoạn dứt như từ bùn làm ra bình, từ lụa được áo. Ngài Cù Đàm thường nói tu vô thường tướng chứng được Niết Bàn. Nhân đó làm sao mà vô thường

quả nói là thường? Ông Cù Đàm lại nói, Giải thoát Dục tham tức là Niết Bàn, giải thoát Sắc tham và Vô sắc tham tức là Niết Bàn, diệt vô minh.v.v... tất cả phiền não tức là Niết Bàn. Từ Dục cho đến vô minh phiền não đều là vô thường. Nhân sự vô thường đó mà sở đắc Niết Bàn thì Niết Bàn đó cũng nên vô thường! Ông Cù Đàm lại nói, từ nhân nên sinh lên trời, từ nhân nên đọa vào địa ngục, từ nhân nên được giải thoát . Vậy nên các pháp đều từ nhân sinh ra. Nếu từ nhân nên được giải thoát thì làm sao nói là thường?. Ông Cù Đàm cũng nói, sắc từ duyên sinh nên gọi là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Như vậy, giải thoát nếu là sắc thì phải biết nó là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nếu lia năm ấm có giải thoát, thì phải biết tức là hư không. Nếu là hư không thì chẳng được nói rằng, từ nhân duyên sinh. Vì sao vậy? - Vì là thường, là một mà cùng khắp tất cả chỗ. Ông Cù Đàm cũng nói từ nhân sinh thì tức là khổ vậy. Nếu là khổ thì sao lại nói giải thoát là vui? Ông Cù Đàm lại nói, Vô thường tức là Khổ, Khổ tức là vô ngã. Nếu là Vô thường, Khổ, Vô ngã thì tức là bất tịnh. Tất cả các pháp sinh ra từ nhân đều Vô thường, Khổ, Vô ngã, bất tịnh thì sao lại nói Niết Bàn tức là Thường Lạc Ngã Tịnh?. Nếu ông Cù Đàm nói rằng cũng Thường, cũng Vô thường, cũng Khổ, cũng Vô ngã, cũng tịnh và bất tịnh. Như vậy há chẳng phải là lời nói hàng hai sao? Tôi cũng từng từ người trí kỳ cựu trước đây nghe nói đến lời nói này. Phật nếu ra đời thì lời nói không hai. Ông Cù Đàm hôm nay nói lời nói hàng hai, lại còn nói Phật tức là thân ta đó vậy. Ý nghĩa này ra sao?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay Bàlamôn! Như lời ông nói, ta nay hỏi ông thì ông cứ theo ý của mình mà đáp.

Vị Bà la môn nói rằng:

- Hay thay! Thưa ông Cù Đàm.

Đức Phật nói rằng:

- Nay ông Bà la môn! Tính của ông thường hay vô thường vậy?

Bà la môn đáp rằng:

- Tính của tôi là thường.

- Này Bà la môn! Tính đó có thể tạo tác nhân của tất cả pháp nội ngoại?

- Đúng vậy! Thưa ông Cù Đàm!

Đức Phật nói rằng:

- Này ông Bà la môn! Sao gọi là tác nhân?

- Thưa ông Cù Đàm! Từ tính sinh ra đại, từ đại sinh ra mạn, từ mạn sinh ra mười sáu pháp. Đó là đất, nước, lửa, gió, không, năm trí căn; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, năm nghiệp căn; tay, chân; miệng, tiếng, nam nữ hai căn, tâm bình đẳng căn. Mười sáu pháp đó từ năm pháp sinh ra là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Căn bản của hai mươi một pháp này có ba: Một là nhiễm, hai là thô, ba là đen (hắc). Nhiễm gọi là ái, thô gọi là sân, đen gọi là vô minh. Này ông Cù Đàm! Hai mươi bốn pháp này đều nhân tính sinh ra!

- Này ông Bà la môn! Những pháp đại.v.v... này Thường hay Vô thường vậy?

- Thưa ông Cù Đàm! Tính pháp của ta Thường! Đại.v.v... các pháp đều Vô thường!

- Này ông Bà la môn! Như trong pháp của ông thì Nhân thường mà Quả vô thường. Nhưng trong pháp của ta nhân tuy vô thường nhưng quả là thường thì có gì lỗi? Này ông Bà la môn! Trong pháp của các ông có hai nhân chăng?

Đáp rằng:

- Có!

Đức Phật hỏi:

- Cái gì là hai?

Bà la môn đáp:

- Một là Sinh nhân, hai là Liễu nhân!

- Đức Phật hỏi:

- Sao là Sinh nhân? Sao là Liễu nhân?

Bà la môn đáp:

- Sinh nhân thì như đất bùn làm ra cái bình. Liễu nhân thì như đèn soi vật!

Đức Phật nói rằng:

- Hai thứ nhân này nhân vào tính là một. Nếu là một thì có thể khiến cho sinh nhân tác động đến liễu nhân và có thể khiến cho liễu nhân tác động đến sinh nhân chăng?

- Chẳng vậy! Thưa ông Cù Đàm!

Đức Phật nói rằng:

- Giả sử, nếu sinh nhân chẳng tác động đến liễu nhân và liễu nhân chẳng tác động đến sinh nhân thì có thể được nói rằng là tướng của nhân không?

Vị Bà la môn nói rằng:

- Tuy chẳng tương tác nhưng có tướng của nhân!

- Nay ông Bà la môn! Cái liễu (rõ) của liễu nhân tức là đồng với liễu chăng?

- Chẳng đồng! Thưa ông Cù Đàm!

Đức Phật nói rằng:

- Pháp của ta tuy từ vô thường chúng được Niết Bàn mà chẳng phải vô thường. Nay Bà la môn! Niết Bàn được từ liễu nhân nên Thường Lạc Ngã Tịnh, còn cái được từ sinh nhân nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Vậy nên lời nói của Như Lai có hai. Như vậy lời nói hàng hai mà không có hai. Vậy nên Như Lai gọi là Vô Nhị Ngữ. Như lời nói của ông, từng nghe từ bên những người trí kỳ cựu trước, Phật ra đời không có lời nói hàng hai, lời nói này hay lắm! Lời nói của tất cả các đức Phật ba đời mười phương không sai. Vậy nên nói rằng, Lời của Phật không hai! Không sai là sao? Là có thì đồng nói có, không thì đồng nói không nên gọi là một nghĩa. Nay Bà la môn! Như

Lại Thế Tôn tuy gọi là hai lời nhưng được hiểu là một lời. Sao là hai lời mà hiểu (rõ) là một lời? Như mắt thấy sắc là hai lời, sinh ra thức là một lời... cho đến ý và pháp cũng lại như vậy!

Bà la môn nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Ông khéo có thể phân biệt nghĩa của lời nói như vậy mà tôi nay chưa lý giải sự phát ra hai lời mà hiểu được một lời!

Bấy giờ đức Thế Tôn liền vì ông ấy tuyên nói bốn pháp Chân Đế:

- Nay ông Bà la môn! Khổ Đế thì cũng hai cũng một... cho đến Đạo đế cũng hai cũng một.

Bà la môn bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Con đã biết rồi!

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Sao là biết rồi?

Vị Bà la môn bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Khổ Đế thì tất cả phàm phu hai, thánh nhân một... cho đến Đạo đế cũng lại như vậy!

Đức Phật dạy rằng:

- Hay thay! Ông đã hiểu rồi!

Vị Bà la môn bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Con nay nghe pháp rồi, rồi Chính Kiến. Hôm nay con sẽ qui y Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Nguyên xin đấng Đại Từ cho phép con xuất gia!

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo ông Kiều Trần Như rằng:

- Ông phải vì ông Xà Đề Thủ Na này cạo bỏ râu tóc, cho ông ấy xuất gia.

Ông Kiều Trần Như liền nhận lời dạy bảo của đức Phật, vì ông ấy xuống tóc. Khi ông Kiều Trần Như xuống tay thì có hai thứ rơi xuống theo: Một là râu tóc, hai là phiền não. Tức thời ở tại chỗ ngồi ông Xà Đề Thủ Na đắc quả A la hán.

Lại có ông Phạm chí họ Bà Tư Tra, lại nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Ông nói Niết Bàn là Thường sao?

- Đúng vậy! Thưa ông Phạm chí!

Ông Bà Tư Tra nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Ông sẽ chẳng nói không phiền não là Niết Bàn ư?

- Đúng vậy! Thưa ông Phạm chí!

Ông Bà Tư Tra nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Thế gian có bốn thứ gọi là không: Một là pháp chưa xuất hiện thì gọi đó là không, như bình mà khi đất bùn chưa làm ra thì gọi là không có bình. Hai là pháp đã diệt thì gọi đó là không, như bình vỡ rồi thì gọi là không có bình. Ba là cái khác hồ tương không thì gọi đó là không, như trong trâu không có ngựa, trong ngựa không có trâu. Bốn là rốt ráo không nên gọi đó là Không, như lông rùa, sừng thỏ. Thưa ông Cù Đàm! Nếu vì trừ phiền não rồi mà gọi là Niết Bàn thì Niết Bàn tức là Không. Nếu đó không thì sao nói rằng có Thường Lạc Ngã Tịnh?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Như vậy Niết Bàn chẳng phải trước không đồng với khi đất bùn chưa là bình. Cũng chẳng phải “diệt không” đồng với cái không của bình vỡ. Cũng chẳng phải rốt ráo không như lông rùa sừng thỏ. Niết Bàn đồng với “khác không”. Nay thiện nam tử! Như lời ông nói, thì tuy trong trâu không có ngựa, nhưng chẳng thể nói rằng, trâu cũng Không. Tuy trong ngựa không có trâu nhưng cũng chẳng thể nói ngựa cũng là Không. Niết Bàn cũng vậy, trong phiền não không Niết Bàn, trong Niết Bàn không phiền não. Vậy nên gọi là khác hồ tương không.

Ông Bà Tư Tra nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Nếu vì khác không là Niết Bàn thì phàm khác Không là không Thường Lạc Ngã Tịnh, thưa ông Cù Đàm! Sao ông nói rằng, Niết Bàn Thường Lạc Ngã Tịnh?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Như lời ông nói thì cái khác không này có ba thứ Không. Trâu, ngựa đều là trước Không sau có, đó gọi là trước Không. Đã có rồi trở lại Không, đó gọi là hoại Không. Tương khác Không thì như lời ông nói. Nay thiện nam tử! Ba thứ Không này, trong Niết Bàn không có. Vậy nên Niết Bàn Thường Lạc Ngã Tịnh. Như người bệnh của thế gian: Một là bệnh nóng, hai là bệnh gió, ba là bệnh lạnh. Ba thứ bệnh này có ba thứ thuốc có thể trị liệu. Người có bệnh nóng thì tô (váng sữa) có thể trị khỏi. Người có bệnh gió thì dầu có thể trị khỏi. Người có bệnh lạnh thì mật có thể trị khỏi. Ba thứ thuốc này có thể trị liệu ba thứ ác bệnh như vậy. Nay thiện nam tử! Trong gió không có dầu, trong dầu không có gió... cho đến trong mật không có lạnh, trong lạnh không có mật. Vậy nên có thể trị. Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, có ba thứ bệnh: Một là tham, hai là sân, ba là si. Như vậy ba bệnh thì có ba thứ thuốc: Quán bất tịnh có thể là thuốc trị tham, quán từ tâm có thể là thuốc trị sân, quán trí nhân duyên có thể là thuốc trừ si. Nay thiện nam tử! Vì trừ tham nên tác khởi sự quan sát phi tham, vì trừ sân nên tác khởi sự quan sát phi sân, vì trừ si nên tác khởi sự quan sát phi si. Trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc, trong ba thứ thuốc không có ba thứ bệnh. Nay thiện nam tử! Trong ba thứ bệnh không ba thứ thuốc nên vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Trong ba thứ thuốc không ba thứ bệnh, vậy nên được xưng là Thường Lạc Ngã Tịnh.

Ông Bà Tư Tra bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Đức Như Lai vì tôi nói Thường và Vô thường. Sao gọi là Thường? Sao gọi là Vô thường?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Sắc là vô thường, sắc giải thoát là thường... cho đến thức là vô thường, thức giải thoát là thường. Nay thiện nam tử! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân có thể quán từ sắc cho đến thức chính là vô thường thì phải biết người đó chứng được Thường pháp.

Ông Bà Tư Tra bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Con nay đã biết pháp Thường và Vô thường!

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Ông biết pháp Thường và Vô thường ra sao?

Ông Bà Tư Tra bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Con nay biết sắc của ngã là Vô thường, được giải thoát là Thường... cho đến thức cũng như vậy.

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Hay thay! Ông nay đã báo đáp thân này.

Đức Phật bảo ông Kiều Trần Như rằng:

- Ông Bà Tư Tra này đã chứng quả A la hán! Ông hãy đem cho ông ấy pháp khí ba y và bát!

Ông Kiều Trần Như theo đúng lời dạy của đức Phật cho ông ấy y bát. Ông Bà Tư Tra nhận y bát rồi, nói rằng:

- Thưa Đại đức Kiều Trần Như! Tôi hôm nay nhân tám thân tặc ác này được quả báo thiện, nguyện xin Đại đức vì tôi mà khuất ý đi đến chỗ đức Thế Tôn, tuyên nói đầy đủ nỗi lòng của tôi. Tôi đã là người xấu, xúc phạm đến đức Như Lai, dối trá họ Cù Đàm. Nguyện xin ngài vì tôi sám hối tội này. Tôi cũng chẳng thể trụ lâu trong tám thân độc hại. Hôm nay xin vào Niết Bàn!

Ông Kiều Trần Như liền đến chỗ đức Phật nói lên như vậy:

- Thưa đức Thế Tôn! Tỳkheo Bà Tư Tra sanh lòng hổ thẹn tự nói mình ngu đại xúc phạm đến đức Như Lai, dối trá họ Cù Đàm, chẳng thể trụ lâu ở tám thân độc hại này, hôm nay muốn diệt thân và gởi cho con lời sám hối.

Đức Phật nói rằng:

- Này Kiều Trần Như! Tỳkheo Bà Tư Tra đã ở chỗ của vô lượng đức Phật quá khứ, thành tựu căn lành, hôm nay thọ lời nói của ta, theo đúng như pháp mà trụ. Do theo đúng như pháp mà trụ nên chứng được chính quả. Các ông nên phải cúng dường thân của ông ấy.

Lúc bấy giờ, ông Kiều Trần Như theo đức Phật nghe rồi, trở lại cho thân ông ấy mà thiết lễ cúng dường. Vào lúc thiêu đốt thân, ông Bà Tư Tra làm đủ thứ thần túc. Những bọn ngoại đạo thấy việc này rồi, cao giọng xưng lên rằng: Ông Bà Tư Tra này đã được chú thuật của ông Cù Đàm Sa môn. Người này chẳng bao lâu sẽ hơn ông Sa môn Cù Đàm kia.

Lúc bấy giờ, trong chúng lại có ông Phạm chí tên là Tiên Ni lại nói lên rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Có Ngã ư?

Đức Như Lai mặc nhiên (lặng im).

- Thưa ông Cù Đàm! Không Ngã ư?

Đức Như Lai mặc nhiên. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy. Đức Phật đều mặc nhiên. Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Nếu tất cả chúng sinh có Ngã khắp tất cả chỗ thì tức là một tác giả! Thưa ông Cù Đàm! Vì sao ngài mặc nhiên chẳng đáp?

Đức Phật nói rằng:

- Này ông Tiên Ni! Ông nói Ngã khắp tất cả chỗ ư?

Ông Tiên Ni đáp rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Chẳng chỉ mình tôi nói mà tất cả kẻ trí cũng nói như vậy.

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Nếu Ngã cùng khắp tất cả chỗ thì nên phải năm đường thọ báo cùng một lúc. Nếu có năm đường thọ báo một lúc thì Phạm chí các

ông vì nhân duyên gì chẳng tạo tác mọi sự ác vì ngăn chặn địa ngục? Tu các pháp thiện vì thọ thân trời?

Ông Tiên Ni đáp rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Trong pháp của tôi thì Ngã có hai thứ: một là ngã của thân tạo tác, hai là ngã của thân thường hằng. Vì ngã của thân tạo tác nên tu lìa khỏi pháp ác để chẳng vào địa ngục, tu các pháp thiện để sinh lên trời.

Đức Phật nói rằng:

- Này thiện nam tử! Như ông nói Ngã khắp tất cả chỗ. Ngã như vậy thì nếu trong thân tạo tác thì phải biết là vô thường, còn nếu thân tạo tác không có thì làm sao nói khắp được?

- Thưa ông Cù Đàm! Ngã sở lập (cái do ngã lập nên) và ngã cũng lại trong thân tạo tác, cũng là thường pháp. Thưa ông Cù Đàm! Như người bị cháy nhà, khi nhà bị cháy, người chủ nhà ấy ra khỏi thì chẳng thể nói rằng, nhà cửa bị cháy, chủ cũng bị thiêu. Pháp của tôi cũng vậy, thân tạo tác này tuy là vô thường nhưng khi đang vô thường thì ngã ra khỏi. Vậy nên ngã của tôi cũng cùng khắp cùng thường hằng.

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Như lời ông nói, ngã cũng cùng khắp, cũng thường hằng, thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì cùng khắp có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường. Lại có hai thứ nữa: Một là sắc, hai là vô sắc. Vậy nên nếu nói rằng, tất cả có, thì cũng thường, cũng vô thường, cũng sắc, cũng vô sắc. Nếu nói chủ nhà được ra khỏi nên chẳng gọi là vô thường thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì nhà chẳng gọi là chủ, chủ chẳng gọi là nhà. Vì cái khác cháy, cái khác ra khỏi nên được như vậy, Ngã thì chẳng vậy. Vì sao vậy? Vì Ngã tức là sắc, sắc tức là Ngã, vô sắc tức là Ngã, Ngã tức là vô sắc thì làm sao mà nói khi sắc vô thường thì ngã được ra. Này thiện nam tử! Ý ông nếu cho là tất cả chúng sinh đồng một Ngã thì như vậy tức là trái với thế pháp và xuất thế pháp. Vì sao vậy? Vì pháp thế gian gọi cha, mẹ, con trai, con gái mà nếu Ngã là một thì cha tức là con trai, con trai tức là cha, mẹ tức là con gái, con gái tức là mẹ, oán tức là thân, thân tức là oán, đây tức là đó, đó tức là đây. Vậy nên nếu nói tất cả chúng sinh đồng một ngã thì điều đó liền trái ngược với pháp thế gian và pháp xuất thế gian.

Ông Tiên Ni thưa rằng:

- Tôi cũng chẳng nói tất cả chúng sinh đồng một ngã mà nói mỗi người đều có một ngã.

Đức Phật nói rằng:

- Này thiện nam tử! Nếu nói mỗi người đều có một ngã thì đó là nhiều ngã. Nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì như ông trước đã nói, ngã cùng khắp tất cả. Nếu ngã cùng khắp tất cả thì gốc nghiệp (nghiệp căn) của tất cả chúng sinh nên đồng: khi trời được thấy thì Phật được cũng thấy, khi trời được tạo tác thì Phật được cũng tạo tác, khi trời được nghe thì Phật được cũng nghe. Tất cả các pháp đều cũng như vậy. Nếu trời được thấy chẳng phải Phật được thấy thì chẳng nên nói Ngã cùng khắp tất cả chỗ, còn nếu chẳng cùng khắp thì đó tức là vô thường.

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Ngã của tất cả chúng sinh cùng khắp tất cả, pháp cùng phi pháp chẳng cùng khắp tất cả. Do nghĩa này nên Phật được tác khác, trời được tác khác. Vậy nên, thưa ông Cù Đàm! Chẳng nên nói rằng, khi Phật được thấy thì trời được nên là thấy, khi Phật được nghe thì trời được nên là nghe!

Đức Phật nói rằng:

- Này thiện nam tử! Pháp cùng phi pháp chẳng phải là nghiệp tác ư?

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Chính là sở tác của nghiệp!

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Nếu pháp và phi pháp là tạo tác của nghiệp thì tức là đồng pháp thì làm sao nói rằng khác? Vì sao vậy? Vì Phật được chỗ nghiệp có thì trời được ngã. Trời được chỗ nghiệp có thì Phật được ngã. Vậy nên khi Phật được tác thì trời cũng được tác. Pháp và phi pháp cũng nên như vậy. Này thiện nam tử! Vậy nên tất cả chúng sinh, pháp cùng phi pháp nếu như vậy thì quả báo sở đắc cũng nên chẳng khác. Này thiện nam tử! Từ hạt

sinh ra quả thì hạt này nhất định chẳng suy nghĩ phân biệt: Ngã chỉ sẽ tạo tác quả Bà la môn, chẳng cùng Sát lợi, Tỳ xá, Thủ đà mà tạo tác quả vậy. Vì sao vậy? Vì từ hạt sinh ra quả thì nhất định chẳng ngăn ngại. Bốn dòng họ như vậy. Pháp cùng phi pháp cũng lại như vậy, chẳng thể phân biệt, ngã chỉ sẽ cùng Phật được tác quả, chẳng cùng trời được tác quả, làm trời được quả chẳng làm Phật được quả. Vì sao vậy? Vì nghiệp bình đẳng vậy.

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Ví như một ngôi nhà có trăm ngàn ngọn đèn. Bắc đèn tuy có khác nhưng ánh sáng thì không sai. Bắc đèn biệt dụ cho pháp và phi pháp. Ánh sáng những ngọn đèn ấy không sai khác dụ cho ngã của chúng sinh.

Đức Phật nói rằng:

- Nay thiện nam tử! Ông nói ánh sáng của đèn dụ cho Ngã thì nghĩa này không đúng! Vì sao vậy? Vì nhà khác và đèn khác. Ánh sáng của đèn này cũng ở tại bắc đèn, cũng sáng cùng khắp trong nhà. Theo lời nói của ông, Ngã nếu như vậy thì bên pháp và phi pháp đều nên có Ngã và trong Ngã cũng nên có pháp và phi pháp. Nếu pháp và phi pháp không có ngã thì chẳng được nói rằng, cùng khắp tất cả chỗ mà nếu đều có thì sao được dùng ánh sáng của bắc đèn làm ví dụ? Nay thiện nam tử! Nếu ý ông cho là bắc đèn cùng ánh sáng khác biệt chân thật thì vì nhân duyên gì bắc đèn tăng thì ánh sáng thịnh, bắc đèn khô thì ánh sáng tắt. Vậy nên chẳng nên đem pháp và phi pháp dụ cho bắc đèn, ánh sáng không sai khác dụ cho Ngã vậy. Vì sao vậy? Vì pháp, phi pháp và Ngã ba việc tức là một.

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Ông dẫn ra cái ví dụ về đèn thì việc này chẳng tốt. Vì sao vậy? Vì cái dụ về đèn nếu tốt thì tôi đã dẫn ra trước rồi. Như dụ ấy chẳng tốt thì vì sao ngài lại nói?

- Nay thiện nam tử! Sự dẫn dụ của ta đều cũng chẳng làm cho tốt vì chẳng tốt là theo ý của ông nói! Dụ này cũng nói lìa khỏi bắc đèn có ánh sáng tức là bắc đèn có ánh sáng. Lòng ông chẳng bình đẳng nên nói đèn và bắc đèn dụ cho pháp và phi pháp, ánh sáng dụ cho Ngã. Vậy nên ta trách ông! Bắc đèn tức là ánh sáng, lìa bắc đèn có ánh sáng. Pháp tức có ngã, ngã tức có pháp, phi pháp tức ngã, ngã tức phi pháp, ông nay vì sao chỉ thọ nhân một

bên, còn một bên chẳng thọ nhân? Dụ như vậy thì đối với ông chẳng tốt. Vậy nên ta nay trở lại lấy nó để dạy ông! Nay thiện nam tử! Dụ như vậy thì tức là chẳng phải dụ. Cái chẳng phải dụ này đối với ta thì tốt còn đối với ông chẳng tốt. Nay thiện nam tử! Nếu ý của ông cho là ta chẳng tốt, người cũng chẳng tốt thì nghĩa này chẳng đúng! Vì sao vậy? Vì thấy người thế gian dao mình hại mình, mình làm người khác hưởng! Sự dẫn dụ của ông cũng lại như vậy, đối với ta thì tốt còn đối với ông chẳng tốt.

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Trước ông trách tôi, lòng chẳng bình đẳng, nay lời nói của ông cũng chẳng bình đẳng. Vì sao vậy? Thưa ông Cù Đàm! Vì hôm nay ông đem cái tốt hướng về mình, đem cái chẳng tốt hướng về phía tôi. Do đó suy ra quả thật là chẳng bình đẳng!

Đức Phật nói rằng:

- Nay thiện nam tử! Như bất bình đẳng của ta có thể phá bất bình đẳng của ông. Vậy nên bình đẳng của ông là bất bình đẳng của ta tức là tốt vậy. Bất bình đẳng của ta phá bất bình đẳng của ông khiến cho ông được bình đẳng tức là ta bình đẳng. Vì sao vậy? Vì đồng với các thánh nhân được bình đẳng!

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Tôi luôn là bình đẳng mà sao ông nói rằng, phá hoại cái bất bình đẳng của tôi! Tất cả chúng sinh bình đẳng có Ngã mà sao ông nói rằng, Ngã là bất bình đẳng vậy?

- Nay thiện nam tử! Ông cũng nói rằng, sẽ thọ địa ngục, sẽ thọ ngã quỷ, sẽ thọ súc sinh, sẽ thọ người, trời. Nếu Ngã trước đã cùng khắp trong năm đường thì làm sao mà nói sẽ thọ các đường? Ông cũng nói rằng, cha mẹ hòa hợp nhiên hậu sinh ra con. Nếu con trước đã có thì sao lại nói rằng, hòa hợp rồi mới có? Vậy nên một người có thân ở năm đường. Nếu năm chỗ này trước đã có thân thì vì nhân duyên gì mà vì thân tạo nghiệp? Vậy nên chẳng bình đẳng. Nay thiện nam tử! Ý ông nếu cho là Ngã chính là tác giả thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì nếu Ngã là tác giả thì vì nhân duyên gì tự tạo tác việc khổ? Nhưng nay chúng sinh quả thật có chịu khổ. Vậy nên phải biết Ngã chẳng phải là tác giả. Nếu nói rằng, khổ này chẳng phải là sở tác của Ngã, chẳng từ nhân duyên sinh. Tất cả các pháp cũng phải như vậy,

chẳng từ nhân duyên sinh thì vì nhân duyên gì mà nói Ngã tạo tác vậy? Nay thiện nam tử! Khổ vui của chúng sinh quả thật từ nhân duyên. Như vậy khổ vui có thể tạo ra lo, mừng. Khi lo thì không có mừng, khi mừng thì không lo. Hoặc lo, hoặc mừng thì người trí làm sao nói là thường vậy? Nay thiện nam tử! Ông nói Ngã thường. Nếu là thường thì sao nói có mười thời gian khác biệt. Pháp thường chẳng nên có lúc ca la la.... cho đến lúc già. Thường pháp hư không còn không một thời hướng là có mười thời! Nay thiện nam tử! Ngã thì chẳng phải là lúc ca la la cho đến lúc già thì làm sao nói có mười thời khác biệt? Nay thiện nam tử! Nếu ngã là tác giả thì ngã này cũng có lúc thịnh, lúc suy, chúng sinh cũng có lúc thịnh lúc suy. Nếu Ngã là vậy thì sao gọi là thường? Nay thiện nam tử! Nếu Ngã là tác giả thì sao mỗi người có linh lợi, có ngu độn khác nhau? Nay thiện nam tử! Ngã nếu là tác giả thì Ngã này có thể tạo tác nghiệp thân, nghiệp miệng, nghiệp ý. Nếu sở tác này là của Ngã thì sao miệng nói không có Ngã vậy? Sao tự nghi ngờ có hay không có Ngã vậy? Nay thiện nam tử! Ý ông nếu cho là, lia khỏi mắt có sự thấy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì nếu lia khỏi mắt rồi có sự thấy khác thì cần gì đến mắt này?... Cho đến thân căn cũng lại như vậy. Ý ông nếu cho là Ngã tuy có thể thấy nhưng cần phải nhân vào sự thấy của mắt. Nghĩa này cũng chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì như có người nói rằng, hoa Tu mạn na có thể đốt cháy cả thôn lớn. Làm sao có thể đốt? Nhân lửa có thể đốt! Ông lập sự nhận thức về Ngã cũng lại như vậy.

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Như người cầm liềm thì có thể cắt cỏ. Ngã nhân nắm căn để thấy, nghe... đến chạm xúc cũng lại như vậy.

- Nay thiện nam tử! Người và liềm đều khác. Vậy nên cầm liềm có thể có sở tác nhưng rời ra bên ngoài của căn lại không có Ngã khác thì sao nói rằng, Ngã nhân cái căn có thể có sở tác? Nay thiện nam tử! Ý ông nếu cho là cầm liềm có thể cắt cỏ, Ngã cũng như vậy thì Ngã này có tay hay là không có tay vậy? Nếu có tay thì sao chẳng tự cầm, nếu không tay thì sao nói rằng, Ngã chính là tác giả? Nay thiện nam tử! Cái có thể cắt cỏ tức là liềm, chẳng phải Ngã, chẳng phải người. Nếu Ngã và người có thể cắt thì vì sao phải nhân vào cái liềm? Nay thiện nam tử! Người có hai nghiệp: Một là nắm cỏ, hai là cầm liềm. Liềm này chỉ có công nặng đoạn thối. Chúng sinh thấy pháp cũng lại như vậy, mắt có thể thấy sắc từ sự hòa hợp sinh ra. Nếu từ nhân duyên hòa hợp mà thấy thì kẻ trí làm sao nói rằng có Ngã? Nay thiện nam tử! Ý ông nếu cho là thân làm, ngã thọ thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì thế gian chẳng thấy trời được tác nghiệp mà Phật được thọ quả. Nếu

nói rằng, chẳng phải là thân tạo tác, Ngã chẳng nhân thọ thì các ông vì sao từ nhân duyên cầu giải thoát vậy? Thân này của ông trước chẳng phải nhân duyên sinh ra mà được giải thoát rồi thì cũng nên chẳng phải nhân mà lại sinh ra thân. Như thân, tất cả phiền não cũng nên như vậy.

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Ngã có hai thứ: Một là biết, hai là không biết. Ngã không biết có thể được thân. Ngã có biết có thể lìa bỏ thân giống như cái bình đất thô đã bị nung rồi mất đi hình sắc cũ lại chẳng sinh trở lại. Phiền não của kẻ trí cũng lại như vậy, đã hoại diệt rồi nhất định chẳng sinh trở lại.

Đức Phật nói rằng:

- Nay thiện nam tử! Cái nói là biết đó là trí có thể biết hay Ngã có thể biết vậy? Nếu trí có thể biết thì vì sao nói rằng, Ngã là biết vậy? Nếu Ngã biết thì vì sao phương tiện lại cầu đến trí? Ý ông nếu cho là Ngã nhân trí mà biết thì đồng với cái dụ về hoa hư hoại. Nay thiện nam tử! Ví như tính của cây gai là tự có thể đâm, chẳng được nói rằng, cây cầm gai đâm. Trí cũng như vậy, trí tự có thể biết làm sao nói rằng, Ngã nắm trí để biết? Nay thiện nam tử! Như trong pháp của ông, Ngã được giải thoát mà không biết Ngã có được biết Ngã được giải thoát không vậy? Nếu không biết được thì phải biết vẫn còn như cũ với đầy đủ phiền não. Nếu biết được thì phải biết đã có các căn của năm tịnh. Vì sao vậy? Vì lìa khỏi bên ngoài của căn lại không có cái biết khác. Nếu đủ các căn thì sao lại gọi là được giải thoát vậy? Nếu nói rằng, ngã này, tính của nó thanh tịnh lìa khỏi năm căn thì làm sao nói rằng, cùng khắp năm đường có Ngã? Vì nhân duyên gì mà vì giải thoát nên tu các thiện pháp? Nay thiện nam tử! Ví như có người nhổ gai hư không, ông cũng như vậy. Ngã nếu thanh tịnh thì sao lại nói cắt đứt các phiền não? Ý ông nếu cho là chẳng từ nhân duyên chứng được giải thoát thì tất cả súc sinh vì sao chẳng được?

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Nếu không Ngã thì ai có thể nhớ nghĩ?

Đức Phật bảo ông Tiên Ni rằng:

- Nếu có Ngã thì vì duyên gì lại quên? Nay thiện nam tử! Nếu niệm là Ngã thì vì nhân duyên gì mà nghĩ đến niệm ác? Nghĩ điều chẳng nên nghĩ? Chẳng nghĩ điều nên nghĩ?

Ông Tiên Ni lại nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Nếu không có Ngã thì ai thấy? Ai nghe?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Bên trong có sáu nhập, bên ngoài có sáu trần, trong ngoài hòa hợp sinh ra sáu thứ thức. Sáu thứ thức này nhân duyên được tên gọi. Nay thiện nam tử! Ví như thứ lửa nhân cây được nên gọi là lửa cây, nhân cỏ được nên gọi là lửa cỏ, nhân trấu được nên gọi là lửa trấu, nhân phân trâu được nên gọi là lửa phân trâu. Ý thức của chúng sinh cũng lại như vậy, nhân mắt, nhân hình sắc, nhân ánh sáng, nhân dục gọi là nhãn thức. Nay thiện nam tử! Như vậy nhãn thức chẳng ở tại trong mắt... cho đến trong dục, nhưng do bốn việc hòa hợp nên sinh ra thức này... cho đến ý thức cũng lại như vậy. Nếu là nhân duyên hòa hợp nên sinh ra trí thì chẳng nên nói “thấy” tức là Ngã... cho đến xúc tức là Ngã. Nay thiện nam tử! Vậy nên ta nói, nhãn thức... cho đến ý thức, tất cả các pháp tức là huyễn vậy. Sao gọi là như huyễn? Là cái vốn không nay có, đã có rồi trở lại không. Nay thiện nam tử! Ví như váng sữa, miến (một thứ bún làm từ bột), mật, gừng, hồ tiêu, cây tất bát (cây lá lốt), Bồ đào, hồ đào, thạch lựu, huyền tử... như vậy hòa hợp lại gọi là viên hoan hỷ. Lìa khỏi sự hòa này thì không có hoàn hoan hỷ; trong ngoài sáu nhập đó gọi là chúng sinh, ta, người, sĩ phu. Lìa khỏi sáu nhập trong ngoài thì không có chúng sinh, ta, người, sĩ phu nào khác!

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Nếu không có Ngã thì làm sao nói rằng, ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui, ta lo, ta mừng?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Nếu nói: Ta thấy, ta nghe mà gọi là có Ngã thì vì nhân duyên gì thế gian lại nói rằng, sự tạo tác tội của ông chẳng phải việc thấy nghe của ta? Nay thiện nam tử! Ví như bốn thứ binh hòa hợp gọi là quân. Như vậy bốn binh chẳng gọi từng thứ một mà đều nói rằng: Quân ta dũng kiện, quân ta thắng quân kia. Việc tạo tác của sáu nhập trong ngoài hòa hợp

cũng lại như vậy, tuy chẳng là một nhưng cũng được nói rằng, ta làm, ta chịu, ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui.

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Như lời ông nói, trong ngoài hòa hợp thì ai phát ra tiếng nói: Ta làm, ta chịu...?

Đức Phật nói rằng:

- Nay ông Tiên Ni! Từ nhân duyên vô minh ái sinh ra nghiệp, từ nghiệp sinh ra hữu, từ hữu sinh ra vô lượng tâm số, tâm sinh ra giác quán, giác quán lay động gió, gió theo tâm chạm xúc yết hầu, lưỡi, răng, môi. Chúng sinh tưởng điên đảo mà lên tiếng nói rằng: Ta làm, ta chịu, ta thấy, ta nghe... Nay thiện nam tử! Như cái chuông nhỏ gắn ở đầu Tràng nhờ nhân duyên gió nên liền phát ra âm thanh, gió lớn tiếng lớn, gió nhỏ tiếng nhỏ, không có tác giả. Nay thiện nam tử! Ví như sắt nóng ném vào trong nước phát ra đủ thứ âm thanh mà trong đó chân thật không có tác giả. Nay thiện nam tử! Phạm phu chẳng thể suy nghĩ phân biệt việc như vậy nên nói rằng, có ngã và có ngã sở, ngã tác, ngã thọ!

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Như lời ông Cù Đàm nói, không có ngã và ngã sở thì vì duyên gì lại nói Thường Lạc Ngã Tịnh?

Đức Phật nói rằng:

- Nay thiện nam tử! Ta cũng chẳng nói trong ngoài sáu nhập và sáu thức ý Thường Lạc Ngã Tịnh. Ta đã tuyên nói, diệt sự sinh ra sáu thức của sáu nhập trong ngoài thì gọi đó là Thường. Do thường này nên gọi đó là ngã. Có thường có ngã nên gọi đó là lạc. Thường, Ngã, Lạc nên gọi đó là Tịnh. Nay thiện nam tử! Chúng sinh chán khổ, đoạn trừ nhân của khổ này, tự tại xa lìa thì đó gọi là Ngã. Do nhân duyên này nên ta nay tuyên nói Thường Lạc Ngã Tịnh.

Ông Tiên Ni nói rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Nguyện xin đấng Đại Từ vì con tuyên nói! Con phải làm sao để chứng được Thường Lạc Ngã Tịnh như vậy?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Tất cả thế gian từ trước đến nay đầy đủ đại mạn (kiêu mạn) có thể tăng trưởng mạn, cũng lại tạo tác nhân của mạn, nghiệp của mạn. Vậy nên hôm nay họ chịu quả báo mạn, chẳng thể xa lìa tất cả phiền não, được Thường Lạc Ngã Tịnh. Nếu các chúng sinh muốn được xa lìa tất cả phiền não thì trước phải lìa khỏi mạn!

Ông Tiên Ni bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy! Quả đúng như lời dạy của đức Thánh! Con trước có kiêu mạn! Nhân cái nhân duyên của mạn nên xưng hô đức Như Lai bằng họ Cù Đàm ấy! Con nay đã lìa khỏi lòng đại mạn như vậy nên thành tâm khải thỉnh câu pháp: Con làm sao sẽ được Thường Lạc Ngã Tịnh?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta nay sẽ vì ông phân biệt giải nói! Này thiện nam tử! Nếu chẳng phải tự mình, chẳng phải người khác, chẳng phải chúng sinh thì xa lìa được pháp đó!

Ông Tiên Ni bạch rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Con nay đã hiểu biết được chính pháp nhãn!

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Ông đã biết đã hiểu được chính pháp nhãn ra sao?

- Thưa đức Thế Tôn! Cái gọi là sắc thì chẳng phải tự mình, chẳng phải người khác, chẳng phải các chúng sinh... cho đến thức cũng lại như vậy. Con quan sát như vậy nên được Chính pháp nhãn. Thưa đức Thế Tôn! Con nay rất ưa xuất gia tu đạo, nguyện xin ngài hứa cho phép!

Đức Phật dạy rằng:

- Thiện lai Tỳkheo!

Ông ấy tức thời đầy đủ Phạm hạnh thanh tịnh, chứng quả A la hán.

Trong ngoại đạo lại có Phạm chí họ Ca Diếp lại nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Thân tức là mạng, thân khác, mạng khác!

Đức Như Lai mặc nhiên. Nói lần thứ hai, lần thứ ba, đức Như Lai cũng lại như vậy. Ông Phạm chí lại nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Nếu người xả thân mà chưa được thân sau thì ở khoảng trung gian ấy đâu có thể chẳng gọi là thân khác, mạng khác? Nếu là khác thì vì sao ngài Cù Đàm lặng im chẳng đáp?

- Này thiện nam tử! Ta nói, thân mạng đều từ nhân duyên, chẳng phải chẳng nhân duyên. Như thân mạng, tất cả các pháp cũng như vậy.

Ông Phạm chí lại nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Tôi thấy thế gian có pháp chẳng từ nhân duyên sinh.

Đức Phật nói rằng:

- Này ông Phạm chí! Làm sao ông thấy thế gian có pháp chẳng từ nhân duyên?

Ông Phạm chí nói rằng:

- Tôi thấy lửa lớn đốt cháy bụi cây, gió thổi ngọn lửa rơi ở chỗ khác. Đó há chẳng gọi là không nhân duyên sao?

Đức Phật nói rằng:

- Này thiện nam tử! Ta nói lửa này cũng từ nhân duyên sinh, chẳng phải chẳng từ nhân duyên sinh!

Ông Phạm chí nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Khi ngọn lửa lan đi chẳng nhân vào củi than thì làm sao mà nói rằng, nhân vào nhân duyên được?

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Tuy không củi than nhưng nhân theo gió mà đi. Do nhân duyên gió nên lửa ấy chẳng tắt!

- Thưa ông Cù Đàm! Nếu người xả thân mà chưa được thân sau thì thọ mạng trung gian lấy cái gì làm nhân duyên?

Đức Phật nói rằng:

- Này ông Phạm chí! Lấy vô minh cùng ái mà làm nhân duyên. Nhờ hai nhân duyên vô minh và ái nên thọ mạng được trụ. Này thiện nam tử! Có nhân duyên nên thân tức là mạng, mạng tức là thân. Có nhân duyên nên thân khác, mạng khác. Kẻ trí chẳng nên theo một hướng mà nói là thân khác, mạng khác!

Ông Phạm chí nói rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Nguyện xin ngài vì con phân biệt giải nói, khiến cho con được tỏ rõ biết được nhân quả!

Đức Phật dạy rằng:

- Này Phạm chí! Nhân tức là năm ấm, quả cũng là năm ấm. Này thiện nam tử! Nếu có chúng sinh chẳng đốt lửa thì tức là không có khói.

Ông Phạm chí nói rằng:

- Thưa đức Thế Tôn! Con đã biết rồi! Con đã hiểu rồi!

Đức Phật dạy rằng:

- Này thiện nam tử! Ông biết ra sao? Hiểu thế nào?

- Thưa đức Thế Tôn! Lửa tức là phiền não, có thể đốt cháy ở địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, người, trời. Khói tức là quả báo của phiền não. Nó vô thường, bất tịnh, xú uế đáng ghét nên gọi là khói. Nếu có chúng sinh chẳng tạo tác phiền não thì người đó không có quả báo phiền não. Vậy nên Như Lai nói, chẳng đốt lửa thì không có khói!

- Thưa đức Thế Tôn! Con đã có chính kiến, nguyện xin đức Từ Bi cho phép con xuất gia!

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ông Kiều Trần Như cho ông Phạm chí này xuất gia thọ giới. Ông Kiều Trần Như nhận lệnh của đức Phật rồi, hòa hợp chúng Tăng lại, cho phép ông ấy xuất gia, thọ cụ túc giới, qua năm ngày rồi, đắc quả A la hán.

Trong ngoại đạo lại có ông Phạm chí tên là Phú Na lại nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Ông thấy pháp thế gian là thường rồi nên nói thường chẳng? Nghĩa như vậy thật hay hư vậy? Thường hay vô thường? Hay cũng thường cũng vô thường? Hay chẳng phải thường, chẳng phải vô thường? Có biên hay vô biên? Hay cũng hữu biên cũng vô biên? Hay chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên? Thân này là mạng hay thân khác mạng khác? Đức Như Lai sau khi diệt độ như đi khỏi hay chẳng như đi khỏi? Cũng như đi cũng chẳng như đi? Hay chẳng phải như đi chẳng phải chẳng như đi?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay Phú Na! Ta chẳng nói thế gian thường, hư hay thật! Là thường, vô thường cũng thường cũng vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường - Hữu biên vô biên, cũng hữu biên cũng vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên, là thân là mạng, thân khác mạng khác. Như Lai sau khi diệt độ như đi khỏi, chẳng như đi khỏi, cũng như đi khỏi cũng chẳng như đi khỏi, chẳng phải như đi khỏi, chẳng phải chẳng như đi khỏi!

Ông Phú Na lại bạch rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Hôm nay ngài thấy tội lỗi gì mà chẳng nói lời nói này?

Đức Phật nói rằng:

- Nay ông Phú Na! Nếu có người nói, thế gian là thường và chỉ lời này là thật còn những lời nói khác là nói dối thì đó gọi là kiến (thấy). Thấy cái chỗ thấy thì đó gọi là kiến hành, đó gọi là kiến nghiệp, đó gọi là kiến trước, đó gọi là kiến phược, đó gọi là kiến khổ, đó gọi là kiến thủ, đó gọi là kiến bố (úy), đó gọi là kiến nhiệt, đó gọi là kiến triền. Nay Phú Na! Người phạm phu bị sự trói buộc của kiến, chẳng thể xa lìa sinh già bệnh chết, trôi lăn trong

sáu đường, chịu khổ không lường... Cho đến chẳng phải như đi khỏi, chẳng phải chẳng như đi khỏi cũng lại như vậy. Nay Phú Na! Ta thấy cái kiến này có những lỗi như vậy. Vậy nên ta chẳng chấp trước, chẳng vì người mà nói!

- Thưa ông Cù Đàm! Nếu thấy như vậy tội lỗi nên chẳng chấp trước, chẳng nói ra thì, thưa ông Cù Đàm! Hôm nay thấy gì? Chấp trước gì? Ở đâu? Mà ngài tuyên nói?

Đức Phật nói rằng:

- Nay thiện nam tử! Phàm kiến trước (sự chấp trước của kiến) thì gọi là pháp sinh tử. Như Lai đã lìa khỏi pháp sinh tử. Vậy nên chẳng chấp trước. Nay thiện nam tử! Như Lai gọi là Năng kiến, Năng thuyết (giỏi thấy, giỏi nói), chẳng gọi là trước!

- Thưa ông Cù Đàm! Sao gọi là Năng kiến? Sao gọi là Năng thuyết?

Đức Phật nói rằng:

- Nay thiện nam tử! Ta có thể thấy sáng tỏ Khổ Tập Diệt Đạo và phân biệt tuyên nói bốn đế như vậy. Ta thấy như vậy nên có thể xa lìa tất cả kiến, tất cả ái, tất cả lưu (dòng chảy), tất cả mạn. Vậy nên ta đầy đủ Phạm hạnh Vô thượng tịch tịnh thanh tịnh, chứng được thân thường hằng. Thân này cũng chẳng phải là Đông Tây Nam Bắc.

Ông Phú Na nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Vì nhân duyên gì mà thân thường hằng chẳng phải là Đông Tây Nam Bắc?

Đức Phật dạy rằng:

- Nay thiện nam tử! Ta nay hỏi ông cứ theo ý của mình mà đáp! Ý ông thế nào? Nay thiện nam tử! Như ở trước ông nhen đồng lửa lớn thì khi sắp nhen đồng lửa ấy, ông có biết nó đang nhen nhúm không?

- Biết như vậy, thưa ông Cù Đàm!

- Khi lửa này tắt thì ông có biết nó tắt không?

- Biết như vậy, thưa ông Cù Đàm!

- Nay Phú Na! Nếu có người hỏi ông, đồng lửa trước khi nhen từ đâu đến? Sau khi tắt đi về đâu? Thì ông sẽ đáp ra sao?

- Thưa ông Cù Đàm! Nếu có người hỏi thế thì tôi sẽ đáp rằng: “Lửa này khi sinh thì nhờ vào mọi duyên. Duyên cũ đã hết mà duyên mới chưa đến thì tắt”.

- Nếu lại có người hỏi: Lửa này tắt rồi đi đến phương nào? Thì ông đáp thế nào?

- Thưa ông Cù Đàm! Tôi sẽ đáp rằng: “Duyên hết thì tắt (diệt) chẳng đến phương nào cả”.

- Nay thiện nam tử! Như Lai cũng vậy! Nếu có sắc vô thường... cho đến thức vô thường nhân vào ái nên nhen nhúm. Nhen nhúm nghĩa là thọ hai mươi lăm cõi hữu. Vậy nên khi nhen nhúm thì có thể nói là lửa ở Đông Tây Nam Bắc. Hiện tại ái diệt thì quả báo của hai mươi lăm cõi hữu chẳng nhen nhúm. Do chẳng nhen nhúm nên chẳng thể nói lửa có ở Đông Tây Nam Bắc. Nay thiện nam tử! Như Lai đã diệt sắc vô thường... cho đến thức vô thường. Vậy nên thân thường hằng. Thân nếu là thường thì chẳng nói có Đông Tây Nam Bắc.

Ông Phú Na nói rằng:

- Tôi muốn nói một thí dụ! Nguyện xin ngài cho phép!

Đức Phật nói rằng:

- Hay thay! Hay thay! Tùy ý ông! Hãy nói đi!

- Thưa đức Thế Tôn! Như bên ngoài cái làng lớn có rừng cây Ta La. Trong rừng có một cây sinh trước, sống đủ một trăm năm. Lúc đó người chủ rừng tưới cây này, dùng nước tùy lúc sửa trị. Cây ấy cũ mục, da dẻ, cành lá đều rơi rụng hết, chỉ phần cốt lõi tồn tại. Đức Như Lai cũng vậy, những thứ cũ mục vốn có đều đã trừ hết, chỉ còn có tất cả pháp chân thật tồn tại. Thưa đức Thế Tôn! Con nay rất ưa xuất gia tu đạo!

Đức Phật dạy rằng:

- Thiện lai Tỳkheo!

Nói lời này xong, ông ấy tức thời được xuất gia, lậu tận, chứng được quả A la hán.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ ba mươi lăm hết -

--- oOo ---

Quyển Thứ 36

PHẨM THỨ HAI MƯƠI LĂM : KIỀU TRẦN NHƯ'

Phần thứ II: Lại có ông Phạm chí tên là Thanh Tịnh Phù nói rằng:

- Thưa ông Cù Đàm! Tất cả chúng sinh chẳng biết pháp gì mà thấy thế gian thường vô thường, cũng thường cũng vô thường, chẳng phải hữu thường chẳng phải vô thường... cho đến chẳng phải như đi khỏi, chẳng phải chẳng như đi khỏi?

Đức Phật nói rằng :

- Nay thiện nam tử! Chúng sinh chẳng biết sắc... cho đến chẳng biết thức nên thấy thế gian thường... cho đến chẳng phải như đi khỏi, chẳng phải chẳng như đi khỏi.

Ông Phạm chí nói rằng :

- Thưa ông Cù Đàm! Chúng sinh biết pháp gì nên chẳng thấy thế gian thường... cho đến chẳng phải như đi khỏi, chẳng phải chẳng như đi khỏi?

Đức Phật nói rằng :

- Này thiện nam tử! Chúng sinh biết sắc cho đến biết thức nên chẳng thấy thế gian thường... cho đến chẳng phải như đi khỏi, chẳng phải chẳng như đi khỏi.

Ông Phạm chí nói rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Nguyên xin ngài vì con phân biệt giải nói thế gian thường hay vô thường!

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử! Nếu người bỏ nghiệp cũ chẳng tạo nghiệp mới thì người đó có thể biết thường cùng vô thường.

Ông Phạm chí bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Con đã thấy biết rồi!

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử! Ông thấy thế nào? Ông biết thế nào?

- Thưa đức Thế Tôn! Nghiệp cũ là gọi vô minh cùng với ái. Nghiệp mới là gọi thủ, hữu. Nếu người xa lìa vô minh, ái đó, chẳng tạo tác thủ, hữu thì người đó chân thật biết thường và vô thường. Con nay đã được mắt tịnh Chánh pháp, qui y Tam bảo, nguyện xin đức Như Lai cho phép con xuất gia!

Đức Phật bảo ông Kiều Trần Như cho ông Phạm chí này xuất gia, thọ giới. Ông Kiều Trần Như nhận lệnh của đức Phật rồi, đem ông ấy đến trong chúng Tăng, vì ông ấy làm phép yết ma, khiến cho được xuất gia. Mười lăm ngày sau, ông ấy hết lậu vĩnh viễn, đắc quả A la hán.

Phạm chí Độc Tử lại nói rằng :

- Thưa ông Cù Đàm! Tôi nay muốn hỏi mà có thể được phép chăng?

Đức Như Lai lặng thinh. Hỏi lần thứ hai, lần thứ ba, đức Như Lai cũng lại như vậy. Ông Độc Tử lại nói rằng :

- Thưa ông Cù Đàm! Tôi từ lâu đã cùng ông chung làm bạn thân. Ông cùng tôi tình nghĩa không có hai, tôi muốn hỏi han. Vì sao ông lặng thinh?

Bấy giờ, đức Thế Tôn suy nghĩ rằng, như vậy ông Phạm chí này, tính tình nhu nhã, thuần thiện, chất trực, thường vì sự hiểu biết mà đến hỏi han chứ chẳng vì muốn náo loạn. Nếu ông đó hỏi thì sẽ theo ý mà đáp. Đức Phật nói rằng :

- Này Độc Tử! Hay thay! Hay thay! Ông cứ theo điều mình nghi ngờ mà hỏi! Ta sẽ giải đáp cho!

Ông Độc Tử bạch rằng :

- Thưa ngài Cù Đàm! Đời có thiện sao? Phạm chí như vậy! Đời có bất thiện sao? Phạm chí như vậy! Thưa ngài Cù Đàm! Xin nguyện Ngài vì tôi giải nói cho tôi được biết pháp thiện và bất thiện.

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử! Ta có thể phân biệt, giải nói rộng rãi nghĩa ấy. Nhưng nay ta sẽ vì ông nói giản lược vấn đề này. Này thiện nam tử! Dục gọi là bất thiện. Giải thoát dục thì gọi đó là thiện. Sân nhuế, ngu si cũng lại như vậy. Sát (giết hại) gọi là bất thiện, bất sát thì gọi là thiện... cho đến tà kiến cũng lại như vậy. Này thiện nam tử! Ta nay đã vì ông nói ba thứ pháp thiện, bất thiện và nói mười thứ pháp thiện, bất thiện. Nếu đệ tử của ta có thể làm sự phân biệt như vậy về ba thứ pháp thiện và bất thiện cho đến mười thứ pháp thiện và bất thiện thì phải biết người này có thể hết tham dục, sân nhuế, ngu si, tất cả các lậu, cắt đứt tất cả hữu.

Ông Phạm chí nói rằng :

- Thưa ngài Cù Đàm! Trong Phật pháp này hẳn có một vị Tỳkheo có thể hết tham dục, sân nhuế, ngu si, tất cả các lậu, tất cả hữu như vậy không?

Đức Phật nói rằng :

- Này thiện nam tử! Trong Phật pháp này chẳng phải là một, hai, ba mà cho đến năm trăm, thậm chí có vô lượng những Tỳkheo.v.v.. có thể hết tham dục, sân nhuế, ngu si, tất cả các lậu, tất cả các hữu như vậy.

- Thưa ngài Cù Đàm! Thay vì một Tỳkheo, trong Phật pháp này và có một Tỳkheo ni có thể hết tham, sân, si, tất cả các lậu, tất cả hữu như vậy chăng?

Đức Phật nói rằng :

- Nay thiện nam tử! Trong Phật pháp này chẳng phải một, hai, ba... cho đến năm trăm mà có đến vô lượng những Tỳkheo ni có thể đoạn trừ tham dục, sân, si, tất cả các lậu, tất cả các hữu như vậy.

Ông Độc Tử nói rằng :

- Thưa ngài Cù Đàm! Thay vì một Tỳkheo, một Tỳkheo ni, trong Phật pháp này và có một ưu bà tắc trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, qua khỏi bờ nghi kia, đoạn trừ lưới nghi chăng?

Đức Phật nói rằng :

- Nay thiện nam tử! Trong Phật pháp của ta chẳng phải một, hai, ba... cho đến năm trăm mà có đến vô lượng những Ưu bà tắc trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn trừ năm kết dưới, được quả A na hàm, qua được bờ nghi kia, cắt đứt lưới nghi.

Ông Độc Tử nói rằng :

- Thưa ông Cù Đàm! Thay vì một Tỳkheo, một Tỳkheo ni, một Ưu bà tắc, trong Phật pháp này, và có một Ưu bà di trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, qua được bờ nghi kia, cắt đứt lưới nghi không?

Đức Phật đáp rằng :

- Nay thiện nam tử! Trong Phật pháp của ta chẳng phải một, hai, ba... cho đến năm trăm mà có đến vô lượng những Ưu bà di trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn trừ năm kết dưới, được quả A na hàm, qua được bờ nghi kia, cắt đứt lưới nghi.

Ông Độc Tử nói rằng :

- Thưa ngài Cù Đàm! Thay vì một Tỳkheo, một Tỳkheo ni hết tất cả các lậu, một Ưu bà tắc, một Ưu bà di trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, cắt đứt

lười nghỉ, trong Phật pháp này và có một Ưu bà tắc thọ niềm vui năm dục mà lòng không lười nghỉ ngơi không?

Đức Phật đáp rằng :

- Nay thiện nam tử! Trong Phật pháp này chẳng phải một, hai, ba cho đến năm trăm mà có đến vô lượng những Ưu bà tắc đoạn trừ ba kết, được Tu đà hoàn, ít tham sân si được Tư đà hàm. Như Ưu bà tắc, Ưu bà di cũng như vậy.

- Thưa đức Thế Tôn! Con hôm nay ưa nói thí dụ!

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay! Hay thay! Thích nói thì nói đi!

- Thưa đức Thế Tôn! Ví như vua rồng Nan Đà Bà Nan Đà.v.v... tuông xuống mưa lớn. Mưa pháp của đức Như Lai cũng lại như vậy, bình đẳng mưa xuống cho Ưu bà tắc, Ưu bà di. Thưa đức Thế Tôn! Nếu các ngoại đạo muốn đến xuất gia thì chẳng rõ đức Như Lai thử thách bao nhiêu tháng?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử! Họ đều qua bốn tháng thử thách nhưng chẳng nhất định là một thứ.

- Thưa đức Thế Tôn! Nếu chẳng một thứ thì nguyện xin đức Đại Từ cho phép con xuất gia!

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ông Kiều Trần Như cho phép ông Độc Tử này xuất gia thọ giới. Ông Kiều Trần Như nhận lệnh của đức Phật rồi, đứng trong chúng Tăng, vì ông ấy làm phép yết ma cho xuất gia, sau đủ mười lăm ngày thì được quả Tu đà hoàn. Đã đắc quả rồi, ông ấy lại nghĩ rằng : “Nếu có người trí tuệ theo học được thì ta nay đã được đủ điều kiện thấy đức Phật”. Ông liền đi đến chỗ đức Phật, đầu mặt làm lễ, kính lễ xong rồi lùi về đứng một bên mà bạch với đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Những người có trí tuệ mà theo học được thì con nay đã được. Nguyện xin đức Phật vì con một lần nữa phân biệt giải nói, khiến cho con chứng được trí tuệ vô học!

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử! Ông siêng tinh tấn tu tập hai pháp, một là Xa ma tha (chỉ), hai là Tỳ bà xá na (quán). Nay thiện nam tử! Nếu có Tỳkheo muốn được quả Tu đà hoàn cũng phải siêng tu tập hai pháp như vậy. Nếu lại muốn được quả Tư đà hàm, A na hàm, quả A la hán cũng phải tu tập hai pháp như vậy. Nay thiện nam tử! Nếu có Tỳkheo muốn được bốn thiên, bốn vô lượng tâm, sáu thần thông, tám bối xả (trái bỏ), tám thắng xứ, trí vô tránh (không tranh cãi), trí đỉnh, trí rốt ráo, bốn vô ngại trí, Kim Cương tam muội, Tận trí, Vô sinh trí... cũng phải tu tập hai pháp như vậy. Nay thiện nam tử! Có Tỳkheo nếu muốn được Thập trụ địa, Vô sinh pháp nhẫn, Vô tướng pháp nhẫn, Bất khả tư nghị pháp nhẫn, Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bồ tát hạnh, Hư không tam muội, Trí ấn tam muội, Không Vô Tướng Vô Tác tam muội, Địa tam muội, Bất Thoái tam muội, Thủ Lăng Nghiêm tam muội, Kim Cương tam muội, Phật hạnh Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác... cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Ông Độc Tử nghe rồi, lễ bái đức Phật mà đi ra, ở tại trong rừng Ta La, tu hai pháp này, chẳng bao lâu liền được quả A la hán. Lúc đó lại có vô lượng Tỳkheo muốn đi đến chỗ đức Phật, ông Độc Tử thấy họ rồi hỏi rằng :

- Thưa các Đại đức! Các ngài muốn đi đến đâu?

Các vị Tỳkheo đáp rằng :

- Chúng tôi muốn đến chỗ đức Phật!

Ông Độc Tử lại nói rằng :

- Thưa các Đại đức! Nếu các ngài đi đến chỗ đức Phật thì nguyện xin các ngài vì tôi bày tỏ với đức Phật rằng : “Phạm chí Độc Tử tu hai pháp đã được trí Vô Học! Nay để báo ơn đức Phật, xin vào Bát Niết Bàn!”

Các vị Tỳkheo đến chỗ đức Phật rồi bạch với đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Tỳkheo Độc Tử gởi lời cho chúng con thưa rằng : “Thưa đức Thế Tôn! Phạm chí Độc Tử tu tập hai pháp được Vô Học trí. Nay để báo ơn đức Phật xin vào với Niết Bàn!”.

Đức Phật nói rằng :

- Nay các thiện nam tử! Phạm chí Độc Tử đã đắc quả A la hán! Các ông có thể đến đó cúng dường thân ông ấy.

Các vị Tỳkheo thọ lệnh đức Phật rồi trở lại chỗ thi thể ông ấy, thiết đại lễ cúng dường.

Phạm chí Nạp Y lại nói rằng :

- Như lời ngài Cù Đàm nói, trong vô lượng đời làm việc thiện hay bất thiện thì đời vị lai trở lại được thân thiện hay bất thiện. Nghĩa lý này chẳng đúng! Vì sao vậy? Vì như lời nói của ngài Cù Đàm, nhân phiền não nên có được thân này. Nếu nhân phiền não có được thân này thì thân tồn tại trước hay phiền não tồn tại trước? Là sở tác của ai? Trụ tại chỗ nào? Nếu thân tồn tại trước thì sao nói rằng, nhân phiền não được? Vậy nên nếu nói phiền não tại trước thì điều đó chẳng thể. Nếu nói thân tại trước thì điều đó cũng chẳng thể. Nếu nói tồn tại cùng một lúc thì lại cũng chẳng thể. Trước, sau, cùng một lúc mà nghĩa lý đều chẳng thể. Vậy nên tôi nói tất cả các pháp đều có tự tính, chẳng từ nhân duyên.

Lại nữa, thưa ngài Cù Đàm! Cứng là tánh của đất, ẩm thấp là tánh của nước, nóng là tánh của lửa, động là tánh của gió, không có gì trở ngại là tánh của hư không, đó là tánh của năm đại, chẳng phải do nhân duyên mà có, giả dụ trong thế gian có một pháp tánh, chẳng phải do nhân duyên mà có, thì tất cả pháp tánh cũng nên như vậy, chẳng phải do nhân duyên mà có. Nếu có một pháp từ nhân duyên mà có, thì tại sao nhân duyên tánh của năm đại không từ nhân duyên mà có.

Thưa ngài Cù Đàm! Chúng sanh thân thiện và thân bất thiện đều được giải thoát, đều là tự tánh, chẳng từ nhân duyên, vậy nên tôi nói tất cả các pháp tự tánh vốn có, chẳng phải từ nhân duyên sinh.

Lại nữa, thưa ngài Cù Đàm! Pháp của thế gian có chỗ định dụng của nó. Ví như người thợ mộc giỏi định rằng, gỗ như vậy dùng làm trục xe, gỗ như vậy dùng làm cửa, giường, ghế... Cũng như khả năng chế tác của người thợ vàng giỏi : cái đặt bên trên trán thì gọi là vòng cài tóc, cái đeo dưới cổ thì gọi là chuỗi, cái đeo trên cánh tay thì gọi là xuyên (vòng), cái đeo ở trên ngón tay thì gọi là hoàn (nhẫn)... Chỗ sử dụng của pháp được quyết định nên gọi là định tánh. Thưa ông Cù Đàm! Tất cả chúng sinh cũng lại như vậy, có tính

của năm đường nên có địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, người, trời. Nếu như vậy thì làm sao nói rằng, từ ở nhân duyên được? Lại nữa, thưa ông Cù Đàm! Tất cả chúng sinh, tính của họ đều khác. Vậy nên gọi là tất cả tự tính. Thưa ông Cù Đàm! Như rùa sống trên đất mà tự có thể vào trong nước. Con trâu nghe sinh ra rồi có thể tự uống sữa. Con cá thấy mỗi lưỡi câu tự nhiên đớp ăn. Con rắn độc sinh ra rồi tự nhiên ăn đất (?). Những việc như vậy có ai dạy bảo đâu? Như cây gai sinh ra rồi thì tự nhiên nhọn đầu. Lông vũ loài chim bay tự nhiên có màu sắc riêng biệt. Chúng sinh ở thế gian cũng lại như vậy, có linh lợi, có ngu độn, có giàu, có nghèo, có đẹp, có xấu, có được giải thoát, có được hạ hữu (dưới có?). Vậy nên phải biết, trong tất cả pháp đều có tự tính.

Lại nữa, như lời ông Cù Đàm nói, tham dục, sân, si từ nhân duyên sinh. Như vậy ba độc nhân duyên năm trần thì nghĩa này chẳng đúng! Vì sao vậy? Vì khi chúng sinh ngủ thì lìa xa năm trần mà cũng lại sinh ra tham dục sân si. Ở trong thai cũng vậy. Khi thai mới sinh ra chưa thể phân biệt năm trần tốt xấu mà cũng lại sinh ra tham dục sân si. Chư tiên, thánh hiền ở chỗ nhàn tịnh không có năm trần mà cũng có thể sinh ra tham dục sân si. Nhưng cũng lại có người nhân vào năm trần mà sinh ra chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Như vậy chẳng nhất định phải là từ ở nhân duyên sinh ra tất cả pháp mà do tự tính vậy.

Lại nữa, thưa ông Cù Đàm! Tôi thấy người đời, có kẻ năm căn chẳng đủ mà rất nhiều của báu, được tự tại lớn, có người các căn đầy đủ mà nghèo cùng hạ tiện, chẳng được tự tại, làm nô bộc cho kẻ khác. Nếu có nhân duyên thì vì sao như vậy. Vậy nên các pháp đều có tự tính, chẳng do nhân duyên.

Lại nữa, thưa ông Cù Đàm! Trẻ con ở thế gian cũng lại chưa có thể phân biệt năm trần, hoặc cười, hoặc khóc, khi cười biết mừng, khi khóc biết buồn. Vậy nên phải biết tất cả các pháp đều có tự tính.

Lại nữa, này ông Cù Đàm! Pháp thế gian có hai : Một là có, hai là không. Có tức là hư không, không tức là sừng của thỏ. Như vậy hai pháp, một là có nên chẳng từ nhân duyên, hai là không nên cũng chẳng phải nhân duyên. Vậy nên các pháp có tự tính nên chẳng từ nhân duyên.

Đức Phật nói rằng :

- Này thiện nam tử! Như lời ông nói, như tính của năm Đại, tất cả các pháp cũng nên như vậy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Này thiện nam tử!

Vì trong pháp của ông cho năm đại là thường thì vì nhân duyên gì mà tất cả các pháp đều chẳng là thường? Nếu vật của thế gian là vô thường thì tính của năm đại này vì nhân duyên gì mà chẳng là vô thường? Nếu năm đại thường thì vật của thế gian cũng nên là thường. Vậy nên ông nói tính của năm đại có tự tính nên chẳng từ nhân duyên khiến cho tất cả pháp đồng với năm đại thì điều này không có!

Này thiện nam tử! Ông nói chỗ dùng đã định nên có tự tính thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì đều từ nhân duyên được tên gọi vậy. Nếu từ nhân duyên được tên gọi thì cũng từ nhân duyên được nghĩa. Sao gọi là từ nhân duyên được danh? Như cái ở tại bên trên trán thì gọi đó là vòng cài tóc (man), cái ở tại cổ gọi là chuỗi, cái ở tại cánh tay gọi là xuyên, vòng tại xe gọi là bánh xe, lửa ở tại cây cỏ gọi là lửa cỏ cây...

Này thiện nam tử! Khi cây mới sinh ra không có tính mũi tên, cây giáo nhưng từ nhân duyên nên người thợ làm ra mũi tên, từ nhân duyên nên người thợ làm ra cây giáo. Vậy nên chẳng nên nói tất cả pháp có tự tính.

Này thiện nam tử! Ông nói rằng, như tính của con rùa sống trên đất tự vào nước. Con trâu nghé sinh ra rồi tính có thể uống sữa thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì nếu nói rằng vào nước chẳng phải nhân duyên thì đều chẳng phải nhân duyên mà sao nó chẳng vào lửa? Trâu nghé sinh ra rồi tính có thể bú sữa chẳng từ nhân duyên thì đều chẳng phải nhân duyên mà sao nó chẳng bú sừng.

Này thiện nam tử! Nếu nói các pháp đều có tự tính chẳng cần dạy bảo tập tành, không có tăng trưởng thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì nay thấy có dạy bảo và nhờ dạy bảo nên tăng trưởng. Vậy nên phải biết là không có tự tính.

Này thiện nam tử! Nếu tất cả pháp có tự tính thì các thầy Bà la môn, tất cả chẳng nên vì thân thanh tịnh mà giết dê cúng tế. Nếu vì thân mà cúng tế thì phải biết là không có tự tính.

Này thiện nam tử! Thế gian nói về pháp thường có ba thứ : Một là muốn làm, hai là khi làm, ba là làm rồi. Nếu tất cả pháp có tự tính thì vì sao trong đời có ba lời nói đó. Vì có ba lời nói nên biết tất cả không có tự tính.

Này thiện nam tử! Nếu nói các pháp có tự tính thì phải biết các pháp đều có định tính. Cây mía, một vật nếu có định tánh thì vì duyên gì làm ra nước

uống, làm ra mật, làm ra thạch mật, rượu và rượu đắng.v.v... Nếu nó có một tính thì vì duyên gì mà sinh ra những vị như vậy? Nếu trong một vật sinh ra nhiều thứ như vậy thì phải biết các pháp chẳng được nhất định đều có một tính.

Này thiện nam tử! Nếu tất cả pháp có định tính thì Thánh nhân vì sao uống nước mía, ăn thạch mật, hắc mật còn rượu thì chẳng uống? Về sau vì rượu đắng nên trở lại được uống? Vậy nên phải biết là không có định tính. Nếu không định tính thì làm sao chẳng nhân vào nhân duyên mà có.

Này thiện nam tử! Ông nói tất cả pháp có tự tính thì làm sao mà nói dụ. Nếu có ví dụ thì phải biết các pháp không có tự tính. Nếu có tự tính thì phải biết không có ví dụ. Người trí tuệ của thế gian đều nói ví dụ nên phải biết các pháp không có tự tính, không có một tính.

Này thiện nam tử! Ông nói rằng, thân là tồn tại trước hay phiền não tồn tại trước thì nghĩa này chẳng đúng! Vì sao vậy? Vì nếu ta sẽ nói thân tồn tại trước thì ông có thể nạn vấn rằng : “Ông cũng đồng với ta! Thân chẳng tồn tại trước thì vì nhân duyên gì mà tạo ra sự khó khăn này?”.

Này thiện nam tử! Tất cả thân của chúng sinh và phiền não đều không trước sau, cùng một lúc mà có. Tuy là nhất thời có nhưng cần phải nhân vào phiền não mà được có thân, nhất định chẳng nhân vào thân mà có phiền não. Ý ông nếu cho là như hai mắt của con người cùng một lúc mà được chẳng nhân đọi nhau, mắt trái chẳng nhân vào mắt phải, mắt phải chẳng nhân vào mắt trái, phiền não và thân cũng lại như vậy thì nghĩa này chẳng đúng! Vì sao vậy? Này thiện nam tử! Vì như mắt của thế gian thấy bắc đèn cùng ánh sáng tuy là một lúc nhưng ánh sáng cần phải nhân vào bắc đèn, nhất định chẳng nhân vào ánh sáng mà có bắc đèn vậy.

Này thiện nam tử! Ý ông nếu cho là thân chẳng tồn tại trước nên biết không nhân duyên thì nghĩa này chẳng đúng! Vì sao vậy? Vì nếu do thân trước không nhân duyên nên gọi là không thì ông chẳng nên nói tất cả các pháp đều có nhân duyên. Nếu nói chẳng thấy nên chẳng nói thì nay đã thấy cái bình.v.v... từ nhân duyên sinh ra mà vì sao chẳng nói là như cái bình, nhân duyên trước của thân cũng lại như vậy.

Này thiện nam tử! Nếu thấy rằng, chẳng thấy tất cả các pháp đều từ nhân duyên, không có tự tính, này thiện nam tử! Mà nếu nói tất cả pháp đều có tự tính, không có nhân duyên thì ông vì nhân duyên gì nói đến năm đại. Tính

của năm đại này tức là nhân duyên.

Này thiện nam tử! Nhân duyên năm đại tuy lại như vậy nhưng cũng chẳng nên nói các pháp đều đồng với nhân duyên năm đại, như người đời nói, tất cả người xuất gia tinh cần trì giới, chiêm đà la.v.v... cũng nên như vậy, tinh cần trì giới.

Này thiện nam tử! Ông nói năm đại có tính quyết định bền chắc, còn ta quan sát thấy tính đó chuyển biến nên chẳng định.

Này thiện nam tử! Váng sữa (tô), sáp, hồ, keo... ở trong pháp của ông gọi chúng là đất (địa). Đất này bất định, hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất nên chẳng được nói là tự tính bền chắc.

Này thiện nam tử! Bạch lạp (một thứ hợp kim có chì), chì, thiếc, đồng, sắt, vàng, bạc... ở trong pháp của ông gọi chúng là lửa (hỏa). Bốn tính của lửa này là khi chảy thì tính nước, khi động thì tính gió, khi nóng thì tính lửa, khi cứng thì tính đất thì sao nói rằng, quyết định gọi là tính của lửa.

Này thiện nam tử! Tính của nước gọi là chảy, nếu khi nước đóng băng chẳng gọi là đất mà vẫn gọi là nước thì vì nhân duyên gì khi sóng động chẳng gọi là gió? Nếu động, chẳng gọi là gió thì khi nước đóng băng cũng nên chẳng gọi là nước. Nếu hai nghĩa này từ nhân duyên thì vì sao nói rằng, tất cả các pháp chẳng từ nhân duyên.

Này thiện nam tử! Nếu nói tính của năm căn có thể thấy, nghe, hay, biết, chạm xúc nên đều là tự tính, chẳng từ nhân duyên thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Này thiện nam tử! Vì tính của tự tính là tính chẳng thể chuyển. Nếu nói tính của mắt là thấy thì thường nên có thể thấy, chẳng nên có khi thấy, có khi chẳng thấy. Vậy nên phải biết là từ nhân duyên mà thấy, chẳng phải không nhân duyên mà thấy được.

Này thiện nam tử! Ông nói chẳng phải nhân vào năm trần sinh ra tham giải thoát thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao vậy? Này thiện nam tử! Vì sinh ra tham giải thoát tuy lại chẳng nhân vào nhân duyên năm trần, nhưng nếu ác giác quán thì sinh ra tham dục, còn thiện giác quán thì được giải thoát.

Này thiện nam tử! Nhân duyên bên trong nên sinh ra tham giải thoát, nhân duyên bên ngoài thì có thể tăng trưởng. Vậy nên ông nói rằng, tất cả các

pháp đều có tự tính, chẳng nhân vào năm trần sinh ra tham, giải thoát thì không có chỗ đó.

Này thiện nam tử! Ông nói rằng, người đầy đủ các căn thiếu thốn của cải, chẳng được tự tại còn người các căn tàn khuyết giàu có nhiều của báu, được đại tự tại. Nhân vấn đề này dùng minh chứng là có tự tính, chẳng từ nhân duyên thì nghĩa này chẳng đúng! Vì sao vậy? Này thiện nam tử! Vì chúng sinh từ nghiệp mà có quả báo. Quả báo như vậy thì có ba thứ : Một là hiện báo, hai là sinh báo, ba là hậu báo. Bần cùng, cự phú, căn đủ hay chẳng đủ là do nghiệp đều khác. Nếu có tự tính, đủ các căn thì nên giàu có của báu, giàu có của báu thì nên đủ các căn, nhưng nay thì chẳng vậy. Vậy nên nhất định biết là không có tự tính, đều từ nhân duyên.

Này thiện nam tử! Như lời ông nói, trẻ con ở thế gian chưa thể phân biệt nhân duyên năm trần, cũng khóc cũng cười. Vậy nên tất cả có tự tính thì nghĩa này chẳng đúng! Vì sao vậy? Vì nếu có tự tính thì cười nên luôn cười, khóc nên luôn khóc. Nếu lúc cười, lúc khóc thì phải biết tất cả đều từ nhân duyên. Vậy nên chẳng nên nói tất cả pháp có tự tính, chẳng từ nhân duyên.

Ông Phạm chí bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp từ nhân duyên mà có thì như vậy thân có từ nhân duyên nào?

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử! Nhân duyên của thân này là phiền não cùng với nghiệp.

Ông Phạm chí bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Như thân ấy từ nghiệp phiền não thì nghiệp phiền não này có thể đoạn không vậy?

Đức Phật dạy rằng :

- Đúng vậy! Đúng vậy!

Ông Phạm chí lại bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Nguyên xin ngài vì con phân biệt giải nói, khiến cho con nghe rồi chẳng rời khỏi chỗ này đều đoạn hết.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử! Nếu biết khoảng giữa của hai bên không ngăn ngại thì người đó có thể đoạn được phiền não nghiệp.

- Thưa đức Thế Tôn! Con đã biết hiểu được chính pháp nhãn!

Đức Phật dạy rằng :

- Thế nào là biết?

- Thưa đức Thế Tôn! Hai biên tức là sắc và sắc giải thoát. Trung gian tức là Bát chính đạo vậy. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Đức Phật dạy rằng :

- Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam tử! Ông giỏi biết hai biên, đoạn trừ nghiệp phiền não.

- Thưa đức Thế Tôn! Nguyên xin ngài cho phép con xuất gia thọ giới!

Đức Phật dạy rằng :

- Thiện lai Tỳkheo!

Tức thời ông ấy đoạn trừ phiền não của ba cõi, được quả A la hán.

Lúc bấy giờ, lại có một vị Bà la môn tên là Hoàng Quảng lại nói rằng :

- Thưa ông Cù Đàm! Ngài có biết điều suy nghĩ của tôi hôm nay không?

Đức Phật nói rằng :

- Nay thiện nam tử! Niết Bàn là thường, hữu vi là vô thường. Quanh co tức là tà kiến, ngay thẳng tức là Thánh đạo!

Bà la môn nói rằng :

- Thưa ông Cù Đàm! Vì nhân duyên gì mà nói như vậy?

- Này thiện nam tử! Ý ông cho là khát thực là thường, thỉnh mời riêng là vô thường. Quanh co là cái khóa cửa, ngay thẳng là Đệ tràng! Vậy nên ta nói Niết Bàn là thường, hữu vi là vô thường. Quanh co gọi là tà kiến, ngay thẳng gọi là Bát chánh, chẳng phải như sự suy nghĩ trước tiên của ông.

Ông Bà la môn nói rằng :

- Thưa ông Cù Đàm! Ngài quả thật biết được lòng tôi! Bát chánh đạo này có khiến cho chúng sinh được tận diệt không?

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn mặc nhiên chẳng đáp. Ông Bà la môn nói rằng :

- Thưa ông Cù Đàm! Ngài đã biết lòng con, lời hỏi của con hôm nay vì sao ngài lặng im mà chẳng thấy đáp?

Ông Kiều Trần Như liền nói rằng :

- Này ông đại Bà la môn! Nếu có người hỏi đời hữu biên hay vô biên thì đức Như Lai thường lặng im như thế, chẳng đáp. Tám thánh đạo là ngay thẳng, Niết Bàn là thường. Nếu tu tám Thánh đạo tức là được diệt tận còn nếu chẳng tu tập thì chẳng thể được. Này ông Đại Bà la môn! Ví như ngôi đại thành mà bốn vách ngôi thành ấy đều không lỗ, chỉ có một cái cửa. Người giữ cửa thành ấy thông minh, có trí tuệ, có thể giỏi phân biệt, đáng thả thì thả, đáng ngăn thì ngăn. Tuy chẳng thể biết người ra vào nhiều hay ít nhưng nhất định biết tất cả người vào ra đều theo cửa này. Này thiện nam tử! Đức Như Lai cũng vậy. Thành dụ cho Niết Bàn, cửa dụ cho tám Chánh đạo, người giữ cửa dụ cho Như Lai. Này thiện nam tử! Đức Như Lai hôm nay tuy chẳng đáp lại ông tận cùng chẳng tận, nhưng người có tận ấy thì cần phải tu tập tám Chánh đạo ấy.

Ông Bà la môn nói rằng :

- Hay thay! Hay thay! Thưa Đại đức Kiều Trần Như! Đức Như Lai khéo có thể nói pháp vi diệu! Tôi nay thật muốn biết thành (Niết Bàn) biết đạo (tám chánh) và tự làm người giữ cửa.

Ngài Kiều Trần Như nói rằng :

- Hay thay! Hay thay! Nay ông Bà la môn! Ông có thể phát tâm Vô Thượng rộng lớn!

Đức Phật dạy rằng :

- Dừng lại! Dừng lại! Nay ông Kiều Trần Như! Ông Bà la môn này chẳng phải đến ngày hôm nay mới phát tâm! Thuở quá khứ xa xưa, vô lượng kiếp, có đức Phật Thế Tôn hiệu là Phổ Quang Minh Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hành Túc Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn. Người này trước đã ở chỗ đức Phật đó phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong kiếp Hiền này ông ấy sẽ được làm Phật. Đã lâu rồi ông ấy thông đạt, rõ biết pháp tướng, vì chúng sinh nên hiện ở ngoại đạo làm ra vẻ không biết gì! Do nhân duyên đó, này ông Kiều Trần Như! Ông chẳng nên khen ngợi rằng : “Hay thay! Hay thay! Ông nay có thể phát tâm rộng lớn như vậy!”

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết rồi liền bảo ông Kiều Trần Như rằng :

- Tỳkheo A Nan nay ở đâu?

Ông Kiều Trần Như bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Tỳkheo A Nan đang ở ngoài rừng Ta La, cách đại hội này mười hai do tuần, đang bị sự nhiễu loạn của sáu vạn bốn ngàn ức ma. Những ma chúng đó đều tự biến thân làm hình dáng đức Như Lai. Hoặc có ma tuyên nói tất cả các pháp từ nhân duyên sinh. Hoặc có ma nói rằng, tất cả các pháp chẳng từ nhân duyên sinh. Hoặc có ma nói rằng, tất cả nhân duyên đều là thường pháp, từ nhân duyên sinh ra thì đều là vô thường. Hoặc có ma nói rằng, năm âm là thật, hoặc nói hư giả, nhập, giới cũng vậy. Hoặc có ma nói rằng, có mười hai duyên. Hoặc có ma nói rằng, chính là có bốn duyên, hoặc nói các pháp như huyễn như hóa, như nóng, như ngọn lửa. Hoặc có ma nói rằng, nhân nghe mà được pháp. Hoặc có ma nói rằng, nhân tư duy mà đắc pháp. Hoặc có ma nói rằng, nhân tu mà đắc pháp. Hoặc lại có ma nói phép quán bất tịnh. Hoặc lại có ma nói phép quán hơi thở vào ra. Hoặc lại có ma nói quán bốn niệm xứ. Hoặc lại có ma nói bảy thứ phương tiện của nghĩa ba thứ quán. Hoặc lại có ma nói : Noãn pháp, đỉnh pháp, nhẫn pháp, thế gian đệ nhất pháp, học địa và vô học địa, Bồ tát Sơ trụ cho đến Thập trụ. Hoặc có ma nói, “Không”, vô tướng vô tác. Hoặc lại có ma nói : Tu Đa La, Kỳ Dạ, Tỳ Đà la Na, Đà Đà, Ưu Đà Na, Ni Đà Na, A Ba Đà Na, Y Đế Mục Đa Đà,

Xà Đà Đà, Tỳ Phạt Lược, A Phù Đà Đạt Ma, Ưu Ba Đề Xá (12 bộ kinh).
Hoặc có ma nói : bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phận, tám thánh đạo. Hoặc có ma nói : Nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thủ không, tính không, viển ly không, tán (tan) không, tự tướng không, vô tướng không, ấm không, nhập không, giới không, thiện không, bất thiện không, vô ký không, Bồ đề không, đạo không, Niết Bàn không, hành không, đắc không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không. Hoặc có ma thị hiện thần thông biến hóa, thân sinh ra nước lửa. Hoặc phân trên thân tuông ra nước, phần dưới thân phát ra lửa, dưới thân tuông ra nước, trên thân phát ra lửa, hông bên trái nghiêng xuống, hông bên phải tuông ra nước, hông bên phải nghiêng xuống, hông bên trái tuông ra nước, một bên hông nổi sấm, một bên hông tuông mưa. Hoặc có ma thị hiện thế giới chư Phật. Hoặc lại có ma thị hiện cảnh Bồ tát sơ sinh đi bảy bước, cảnh khi ở tại thâm cung hưởng thụ năm dục, cảnh khi mới bắt đầu xuất gia tu khổ hạnh, cảnh khi đến dưới gốc cây, ngồi vào tam muội phá hoại ma quân, cảnh khi chuyển pháp luân, cảnh khi thị hiện Đại thần thông vào Niết Bàn. Thưa đức Thế Tôn! Tỳkheo A Nan thấy những việc này rồi, tác khởi ý niệm rằng : “Những thần thông biến hóa như vậy xưa nay chưa thấy. Việc làm này của ai? Há chẳng phải là việc làm của đức Thế Tôn Thích Ca sao?” Ông muốn đứng dậy, muốn nói điều chẳng theo ý. Tỳkheo A Nan rơi vào dây trời của ma nên lại nghĩ rằng : “Lời nói của chư Phật mỗi mỗi chẳng đồng, ta nay phải thọ lời nói của ai?” Thưa đức Thế Tôn! A Nan hôm nay cực thọ đại khổ! Ông tuy nghĩ đến Như Lai nhưng không ai có thể cứu. Do nhân duyên này nên ông ấy chẳng đi đến trong đại chúng này.

Lúc bấy giờ, Đại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi bạch đức Phật rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Trong đại chúng này có các Bồ tát đã ở từ một đời phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đến ở vô lượng đời phát tâm Bồ đề, đã có thể cúng dường vô lượng chư Phật, lòng những vị ấy kiên cố tu hành đầy đủ Đản Ba la mật cho đến Bát nhã Ba la mật, thành tựu công đức, đã lâu rồi thân cần vô lượng chư Phật, tịnh tu Phạm hạnh được tâm Bồ đề Bất thoái chuyển, được Nhẫn bất thoái chuyển, Trì bất thoái chuyển, được Như pháp nhẫn, Thủ Lăng Nghiêm.v.v.. vô lượng tam muội... Những vị như vậy nghe kinh Đại Thừa nhất định chẳng sinh nghi, giới có thể phân biệt tuyên nói Tam Bảo đồng một tính tướng, thường trụ chẳng biến đổi, nghe điều chẳng nghĩ bàn chẳng sinh kinh sợ quái lạ, nghe đủ thứ Không lòng không sợ sệt, tỏ rõ thông đạt tất cả pháp tính, có thể trì tất cả mười hai bộ Kinh, rộng lý giải nghĩa của những Kinh ấy, cũng có thể thọ trì mười hai bộ

Kinh của vô lượng chư Phật... Lo gì các vị ấy chẳng thể thọ trì kinh điển Đại Niết Bàn như vậy, đức Phật vì nhân duyên gì mà hỏi ông Kiều Trần Như về chỗ ở của ông A Nan?

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng :

- Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Này thiện nam tử! Ta thành Phật đã qua hai mươi năm, trụ ở thành Vương Xá, bấy giờ ta bảo các Tỳkheo rằng : “Này các Tỳkheo! Hôm nay trong chúng này, ai có thể vì ta thọ trì mười hai bộ Kinh của Như Lai và cung cấp sự cần dùng bên phải bên trái mà cũng khiến cho chẳng mất phần thiện lợi của thân mình?” Ông Kiều Trần Như ở trong chúng lúc đó, đến bạch với ta rằng : “Con có thể thọ trì mười hai bộ Kinh, cung cấp tả hữu mà chẳng mất việc làm lợi ích của mình”. Ta nói rằng : “Này Kiều Trần Như! Ông đã già cả đáng cần người sai khiến thì làm sao muốn làm cấp sự cho ta?” Ông Xá Lợi Phất lại nói rằng : “Con có thể thọ trì tất cả lời dạy của đức Phật, cung cấp việc cần dùng cho ngài mà chẳng mất việc làm lợi ích của mình”. Ta nói rằng : “Này Xá Lợi Phất! Ông đã già cả rồi phải cần người sai bảo thì làm sao muốn làm cấp sự của ta được?”... cho đến năm trăm các vị A la hán đều cũng như vậy và ta đều chẳng thọ. Lúc bấy giờ, ông Mục Liên ở trong đại chúng tác khởi suy nghĩ rằng: “Đức Như Lai hôm nay chẳng nhận năm trăm vị Tỳkheo làm cấp sự thì ý đức Phật vì muốn ai làm vậy?” Tư duy thế rồi ông liền vào định, quan sát thấy lòng đức Như Lai đặt tại ông A Nan như mặt trời mới mọc chiếu sáng lên vách phía Tây. Thấy việc này rồi ông liền rời khỏi định nói với ông Kiều Trần Như rằng : “Thưa Đại đức! Tôi thấy đức Như Lai muốn khiến ông A nan làm cấp sự tả hữu!”. Bấy giờ, ông Kiều Trần Như cùng với năm trăm vị A la hán đến chỗ ông A Nan mà nói rằng : “Thưa ngài A Nan! Ngài nay phải vì đức Như Lai làm cấp sự! Kính mời ngài nhận việc đó cho!”. Ông A Nan nói rằng : “Thưa các Đại đức! Tôi thật chẳng đủ sức làm cấp sự cho đức Như Lai! Vì sao vậy? Vì Như Lai là đấng Tôn Trọng như vua Sư Tử, như rồng, như lửa! Tôi nay uế nhược (bần, yếu) thì làm sao có thể đảm đương được!”. Các vị Tỳkheo nói rằng : “Thưa ngài A nan! Ngài hãy nhận lời của chúng tôi làm cấp sự cho đức Như Lai, được lợi ích lớn!” Nói lần thứ hai, lần thứ ba cũng lại như vậy. Ông A Nan nói rằng : “Thưa các Đại đức! Tôi cũng chẳng cầu việc ích lợi lớn mà thật chẳng đủ sức đảm nhiệm phụng cấp tả hữu cho đức Như Lai!”. Ông Mục Liên lại nói : “Thưa ngài A Nan! Nay ngài chưa biết!”. Ông A Nan nói : “Thưa Đại đức! Nguyên xin ngài nói cho!”. Ông Mục Liên nói rằng : “Ngày hôm trước, đức Như Lai, ở trong Tăng chúng tìm kiếm cấp sự. Năm trăm A la hán đều xin làm mà đức Như Lai chẳng cho. Tôi liền vào định thì thấy ý đức Như Lai muốn khiến cho ngài

làm. Ngài nay làm sao từ chối chẳng nhận?”. Ông A Nan nghe rồi, chấp tay, quì dài nói lên lời rằng : “Thưa các Đại đức! Nếu có việc này thì xin đức Như Lai cho tôi ba nguyện, tôi sẽ thuận theo mệnh lệnh của chúng Tăng làm cấp sự tả hữu!”.

Ông Mục Kiền Liên nói rằng : “Những gì là ba nguyện?”.

Ông A Nan nói rằng :

- Một là đức Như Lai giả sử đem áo cũ ban cho tôi thì cho phép tôi chẳng nhận.
- Hai là đức Như Lai giả sử nhận lời mời riêng của Đoàn việt thì cho phép tôi chẳng đến.
- Ba là cho phép tôi ra vào không có thời tiết. Ba việc như vậy nếu đức Phật cho phép thì tôi sẽ thuận theo mạng lệnh của chúng Tăng”.

Ông Kiều Trần Như và năm trăm vị Tỳkheo trở lại chỗ của ta mà nói rằng : “Chúng con đã khuyên ông A Nan Tỳkheo, ông ấy chỉ cầu xin đức Thế Tôn ba nguyện. Nếu đức Phật cho thì sẽ thuận theo mệnh lệnh của Tăng!”

Này Văn Thù Sư Lợi! Ta vào lúc ấy, khen ông A Nan rằng : “Hay thay! Hay thay! Tỳkheo A Nan đầy đủ trí tuệ đã dự kiến được sự ngờ vực xằng bậy. Vì sao vậy? Vì sẽ có người nói rằng, ông vì ăn mặc mà phụng cấp đức Như Lai. Vậy nên trước cầu xin chẳng nhận áo cũ, chẳng đi theo lời mời riêng. Này Kiều Trần Như! Ông A Nan Tỳkheo đầy đủ trí tuệ, nếu vào ra có lúc thì tức là chẳng thể làm lợi ích rộng rãi cho bốn bộ chúng. Vậy nên ông ấy xin được vào ra không theo thời tiết. Này ông Kiều Trần Như! Ta vì ông A Nan mở ra ba việc này để theo ý nguyện của ông ấy”. Ông Mục Kiền Liên trở lại chỗ ông A Nan, nói với ông A Nan rằng : “Tôi đã vì ngài khai thỉnh ba việc và đức Như Lai đại từ đều đã hứa cho!” Ông A Nan nói rằng : “Thưa Đại đức! Nếu đức Phật đã cho phép thì tôi xin đến làm người hầu cung cấp!”.

Này Văn Thù Sư Lợi! Ông A Nan phụng sự ta hơn hai mươi năm, đầy đủ tám thứ chẳng thể nghĩ bàn. Những gì là tám?

- Một là phụng sự ta từ bấy đến nay hơn hai mươi năm, chẳng bao giờ theo ta khi ta nhận bữa mời ăn riêng.

- Hai là từ khi phụng sự ta đến nay, chẳng nhận quần áo cũ của ta.
- Ba là từ khi phụng sự ta đến nay, ông ấy đến chỗ của ta trọn chẳng phi thời.
- Bốn là từ khi phụng sự ta đến nay, tuy đầy đủ phiên nào nhưng khi theo ta vào ra chỗ những vua, sát lợi, họ lớn giàu sang, thấy các nữ nhân và con gái trời, rồng.... chẳng sinh dục tâm.
- Năm là từ khi phụng sự ta đến nay, trì giữ lời nói mười hai bộ Kinh của ta. Một Kinh đã vào tai rồi chẳng từng hỏi lại như rót nước ở bình này đựng vào một bình khác. Chỉ trừ có một lần ông ấy hỏi. Nay thiện nam tử! Khi thái tử Lưu Ly giết hại dòng họ Thích, phá hoại thành Ca Tỳ La, bấy giờ ông A Nan, lòng ôm sầu não, gào khóc lớn tiếng, đi đến chỗ của ta nói rằng : “Con cùng đức Như Lai đều sinh ra ở thành này, đồng một dòng họ Thích mà sao quang nhan của đức Như Lai như thường, còn con thì tiêu tụy?. Khi đó ta đáp rằng : “Này A Nan! Ta tu không định nên chẳng đồng với ông!”. Qua ba năm rồi, ông ấy trở lại hỏi ta : “Thưa đức Thế Tôn! Trước kia, ở thành Ca Tỳ La, con từng nghe nói đức Như Lai tu Không tam muội. Việc này hư hay thật?”. Ta nói rằng : “Này A Nan! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói!”.
- Sáu là từ khi phụng sự ta đến nay, tuy chưa chứng được trí biết tâm người khác, nhưng thường biết việc vào các định của Như Lai.
- Bảy là từ khi phụng sự ta đến nay tuy chưa được nguyện trí mà có thể rõ biết chúng sinh đến chỗ Như Lai như vậy thì hiện tại có thể được bốn quả Sa môn, có người về sau sẽ được, có người được thân người, có người được thân trời.
- Tám là từ khi phụng sự ta đến nay, lời nói bí mật sở hữu của Như Lai, ông ấy đều có thể rõ biết. Nay thiện nam tử! Tỳkheo A Nan đầy đủ tám thứ chẳng thể nghĩ bàn như vậy nên ta khen ông A Nan Tỳkheo là Đa văn tạng.

Nay thiện nam tử! Tỳkheo A Nan đầy đủ tám pháp có thể thọ trì đầy đủ mười hai bộ Kinh. Những gì là tám?

- Một là Tín căn kiên cố.
- Hai là lòng ông ấy chất trực.

- Ba là thân không bệnh khổ.
- Bốn là thường siêng tinh tấn.
- Năm là niệm tâm đầy đủ.
- Sáu là tâm không kiêu mạn.
- Bảy là thành tựu định tuệ.
- Tám là đầy đủ từ nghe sinh ra trí.

Này Văn Thù Sư Lợi! Đệ tử thị giả của đức Phật Tỳ Bà Thi tên là A Thúc Ca cũng lại đầy đủ tám pháp như vậy. Đệ tử thị giả của đức Phật Thi Khí tên là Sai Ma Ca La, đệ tử thị giả của đức Phật Tỳ Xá Phù tên là Ưu Ba Phiến Đà, đệ tử thị giả của đức Phật Ca La Cưu Thôn Đà tên là Bạt Đề, đệ tử thị giả của đức Phật Ca Na Hàm Mâu Ni tên là Tô Chỉ, đệ tử thị giả của đức Phật Ca Diếp tên là Diếp Bà Mật Đa đều cũng đầy đủ tám pháp như vậy. A Nan của ta hôm nay cũng lại như vậy, đầy đủ tám pháp. Vậy nên ta khen Tỳkheo A Nan là Đa văn tạng. Này thiện nam tử! Đúng như lời ông nói, trong đại chúng này tuy có vô lượng vô biên Bồ tát, nhưng những Bồ tát đó đều có trách nhiệm nặng, như là Đại Từ Đại Bi. Nhân duyên từ bi như vậy nên mỗi mỗi đều chuyên chăm lo điều phục quyến thuộc và trang nghiêm thân mình. Do nhân duyên này nên sau khi ta Niết Bàn, những vị ấy chẳng thể tuyên thông mười hai bộ Kinh mà nếu có Bồ tát, hoặc khi có thể nói thì người chẳng tin thọ. Này Văn Thù Sư Lợi! Tỳkheo A Nan là em của ta, làm cấp sự cho ta đến nay hơn hai mươi năm, pháp được nghe ông ấy thọ trì đầy đủ ví như rót nước vào đồ đựng nước. Vậy nên hôm nay ta lưu ý hỏi ông A Nan đang ở đâu? Là muốn khiến cho ông ấy thọ trì Kinh Niết Bàn này. Này thiện nam tử! Sau khi ta Niết Bàn, những điều chưa nghe của Tỳkheo A Nan thì Bồ tát Hoằng Quảng sẽ có thể lưu bố còn điều ông A Nan tự có thể tuyên thông.

Này Văn Thù Sư Lợi! Tỳkheo A Nan nay ở chỗ khác cách chỗ hội này mười hai do tuần mà đang bị sự nhiễu loạn, của sáu vạn bốn ngàn ức ma. Ông có thể đến đó, lớn tiếng xướng với tất cả ma như vậy : Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Nay Như Lai nói Đại Đà la ni thì tất cả trời, rồng, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người chẳng phải người, thần núi, thần cây, thần sông, thần biển, thần nhà cửa.v.v... nghe tên tổng trì này không ai chẳng cung kính thọ trì. Đà la ni này đã được các đức Phật Thế Tôn nhiều

bằng mười lần cát sông Hằng chung tuyên nói. Đà la ni này có thể chuyển nữ thân, tự biết túc mạng nếu người thọ trì làm năm việc : Một là Phạm hạnh, hai là đoạn nhục (cắt đứt việc ăn thịt), ba là đoạn tửu (rượu), bốn là đoạn tân (vị cay), năm là ưa ở tịch tịnh. Người thọ năm việc này rồi, chí tâm đọc tụng, ghi chép Đà la ni này thì phải biết người đó liền được siêu việt bảy mươi bảy ức thân tặc ác!

Lúc bấy giờ, đức Như Lai liền nói chú rằng :

A ma lê - A ma lệ - Niết ma lệ - Mãng dà lệ - Ế ma la - Nhã kiệt tỳ - Tam mạn na bạt đề - Ta bà tha ta đàn ni - Ta la ma tha ta đàn ni - Ma na tư - A quật đề - Tỳ la kỳ - Am la lại đề - Bà lam di - Bà lam - Ma tá lệ - Phú nê phú na ma nô lại đề.

Bấy giờ, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi theo đức Phật thọ Đà la ni này rồi, đi đến chỗ ngài A Nan, ở tại trong chúng ma, nói lên rằng : “Này các ma và quyến thuộc hãy lắng nghe ta nói chú Đà la ni mà ta thọ được từ đức Phật”.

Ma vương nghe Đà la ni này rồi đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, xả bỏ ma nghiệp, liền thả ông A Nan. Văn Thù Sư Lợi cùng với A Nan đều đi đến chỗ đức Phật. A Nan thấy đức Phật hết lòng lễ kính, rồi lui về trụ một bên.

Đức Phật bảo ông A Nan rằng :

- Bên ngoài rừng Ta La này có một Phạm chí tên là Tu Bạt Đà, tuổi đến một trăm hai mươi, tuy được ngũ thông nhưng chưa xả kiêu mạn, chứng được Phi tướng phi phi tướng định, sinh ra Nhất thiết trí, khởi lên Niết Bàn tướng. Ông có thể đến nói với ông Tu Bạt kia rằng : “Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu Đàm, vào giữa đêm nay ngài sẽ Bát Niết Bàn! Nếu có việc gì làm thì hãy kịp thời làm ngay, chớ để ngày hôm sau mà sinh lòng hối hận!”.

Này A Nan! Lời nói của ông nhất định ông đó tin thọ. Vì sao vậy? Vì ông, thuở xưa trong năm trăm đời, đã từng làm con của ông Tu Bạt Đà. Lòng yêu mến của người ấy tập quen còn chưa hết. Do nhân duyên này nên tin thọ lời của ông!

Lúc bấy giờ, ngài A Nan nhận lời đức Phật dạy rồi, đi đến chỗ của ông Tu Bạt nói như vậy : “Thưa ngài! Ngài phải biết, đức Như Lai ra đời như hoa Ưu Đàm! Vào giữa đêm hôm nay ngài sẽ Bát Niết Bàn! Nếu có việc gì làm

thì hãy kịp thời làm ngay! Chớ để ngày sau mà sinh ra lòng hối hận vậy!”. Ông Tu Bạt Đà nói rằng : “Hay thay! Hay thay! Thưa ngài A Nan! Hôm nay tôi sẽ đi đến chỗ đức Như Lai!”. Lúc bấy giờ, ngài A Nan cùng ông Tu Bạt Đà quay trở lại chỗ đức Phật. Đến nơi rồi, ông Tu Bạt Đà thăm hỏi đức Phật rằng :

- Thưa ngài Cù Đàm! Tôi nay muốn hỏi, xin tùy ý ngài đáp!

Đức Phật nói rằng :

- Nay Tu Bạt! Hôm nay chính là lúc đó! Theo lời hỏi của ông ta sẽ phương tiện theo ý của ông mà đáp!

- Thưa ngài Cù Đàm! Có các Sa môn, Bà la môn.v.v... nói rằng : “Tất cả chúng sinh thọ quả báo khổ, vui đều theo nhân duyên nghiệp cũ ngày trước. Vậy nên nếu có trì giới tinh tấn mà thọ khổ thân tâm thì có thể phá hoại nghiệp cũ. Nghiệp cũ đã hết thì mọi khổ tận diệt. Mọi khổ tận diệt tức là được Niết Bàn!”. Nghĩa lời này ra sao?

Đức Phật nói rằng :

- Nay thiện nam tử! Nếu có Sa môn, Bà la môn nói lời nói như vậy thì ta vì thương xót họ nên thường phải qua lại chỗ của những người này. Đã đến với họ rồi ta sẽ hỏi họ rằng : “Các ông có thật nói như vậy không?”. Nếu thấy họ đáp rằng : “Chúng tôi nói như vậy! Vì sao vậy? Thưa ngài Cù Đàm! Vì tôi thấy chúng sinh quen làm các việc ác mà được nhiều của báu, thân được tự tại. Lại thấy kẻ tu thiện mà nghèo cùng nhiều thiếu thốn, chẳng được tự tại. Lại thấy có người nỗ lực làm nhiều việc để cầu của cải nhưng chẳng được. Lại thấy có người chẳng cầu mà tự nhiên được. Lại thấy có người từ tâm chẳng giết hại mà ngược lại chết yêu giữa chừng. Lại thấy kẻ ưa giết hại mà bảo toàn tuổi thọ. Lại thấy có người tịnh tu Phạm hạnh, tinh cần trì giới mà có kẻ được giải thoát, có kẻ chẳng được. Vậy nên tôi nói tất cả chúng sinh thọ quả báo khổ vui đều do nhân duyên nghiệp cũ ngày trước!”.

Này ông Tu Bạt! Ta lại sẽ hỏi : “Này các ông! Các ông có thật thấy nghiệp quá khứ không? Nếu có thấy thì nghiệp này nhiều hay ít? Khổ hạnh hiện tại có thể phá được nhiều hay ít vậy? Có thể biết nghiệp đó đã hết hay chẳng hết vậy? Nghiệp đó đã hết thì tất cả hết chẳng?” Nếu thấy những người kia đáp : “Chúng tôi thật chẳng biết!” thì ta sẽ vì những người đó dẫn dụ rằng : “Vị như có người, thân bị tên độc, gia đình, quyến thuộc người ấy mời thầy

thuốc đến nhỏ tên ra. Tên đã nhỏ xong, thân được yên ổn. Sau mười năm người này còn nhớ việc ấy rõ ràng phân minh. Thầy thuốc đó vì ta nhỏ ra tên độc, dùng thuốc bôi đắp vào, khiến cho ta được khỏi, yên ổn hưởng thọ niềm vui! Các ông đã chẳng biết nghiệp cũ quá khứ thì làm sao có thể biết khổ hạnh hiện tại quyết định có thể phá hoại nghiệp quá khứ vậy?” Nếu những người kia lại nói rằng : “Thưa ông Cù Đàm! Nay ông cũng có nghiệp cũ quá khứ mà vì sao trách một mình nghiệp quá khứ của tôi? Trong kinh của ông Cù Đàm cũng nói rằng, nếu thấy có người giàu sang tự tại thì phải biết người đó đời trước bố thí tốt. Như vậy mà chẳng gọi là nghiệp quá khứ sao?”. Ta lại đáp rằng : “Này các ông! Biết như vậy thì gọi là biết so sánh, chẳng gọi là biết chân thật. Trong pháp Phật của ta, hoặc có do nhân biết quả, hoặc có từ quả biết nhân, Trong pháp Phật của ta, có nghiệp quá khứ, có nghiệp hiện tại còn các ông thì chẳng vậy mà chỉ có nghiệp quá khứ, không có nghiệp hiện tại. Pháp của các ông chẳng từ phương tiện đoạn trừ nghiệp, còn pháp của ta chẳng vậy, từ phương tiện đoạn trừ nghiệp. Các ông, nghiệp hết rồi thì được khổ hết. Còn ta thì chẳng vậy, phiền não hết rồi thì nghiệp khổ hết. Vậy nên ta nay trách nghiệp quá khứ của ông!” Người kia nếu nói rằng : “Thưa ông Cù Đàm! Tôi thật chẳng biết, theo thầy thánh thọ điều đó, thầy nói thế thì tôi thật không có lỗi!”. Ta nói rằng : “Này ông! Thầy của ông là ai?”. Nếu thấy người kia đáp là Phú Lan Na thì ta lại nói rằng : “Khi xưa sao ông chẳng nhất nhất hỏi han đại sư thật có biết nghiệp quá khứ không? Thầy ông nếu nói rằng, ta chẳng biết, thì ông sao lại thọ nhận lời nói của vị thầy này? Nếu thầy nói biết thì lại nên hỏi rằng : nhân duyên khổ hạ có thọ khổ trung, thượng không? Nhân duyên khổ trung có thọ khổ hạ, thượng không? Nhân duyên khổ thượng có thọ khổ trung, hạ không? Nếu thầy nói không thì nên hỏi rằng : Sao thầy nói quả báo khổ, vui chỉ do nghiệp quá khứ, chẳng phải hiện tại vậy? Lại nên hỏi rằng : Khổ hiện tại này do quá khứ có chăng? Nếu quá khứ có thì nghiệp quá khứ đã đều hết mà nếu đều hết thì sao lại thọ thân ngày hôm nay? Nếu quá khứ không chỉ hiện tại có thì sao lại nói rằng, khổ vui của chúng sinh đều do nghiệp của quá khứ? Này ông! Nếu biết khổ hạnh hiện tại có thể phá hoại nghiệp của quá khứ thì khổ hạnh hiện tại lại lấy cái gì để phá? Như khổ hạnh ấy chẳng phá thì khổ tức là thường. Nếu khổ là thường thì sao nói rằng, được giải thoát khổ? Nếu lại có hành động phá hoại khổ hạnh thì quá khứ đã hết làm sao có khổ? Này ông! Như vậy khổ hạnh có thể khiến cho nghiệp vui phải chịu quả khổ chăng? Lại khiến cho nghiệp khổ được thọ quả vui chăng? Có thể khiến cho nghiệp không khổ không vui tạo tác mà chẳng thọ quả chăng? Có thể khiến cho hiện báo tạo tác sinh báo chăng? Có thể khiến cho sinh báo tạo tác hiện báo chăng? Có thể khiến cho hai báo này tạo tác vô báo chăng? Có thể khiến cho định báo tạo tác vô báo chăng? Có thể khiến cho vô báo tạo tác định báo chăng?” Người kia nếu lại

nói rằng : “Thưa ông Cù Đàm! Chẳng thể!” thì ta lại sẽ nói rằng : “Này ông! Như khổ ấy chẳng thể vì nhân duyên gì nên thọ khổ hạnh này thì ông phải biết nhất định có nghiệp quá khứ và nhân duyên hiện tại. Vậy nên ta nói rằng, nhân phiền não sinh ra nghiệp, nhân nghiệp thọ báo! Ông phải biết tất cả chúng sinh có nghiệp quá khứ, có nhân hiện tại. Chúng sinh tuy có nghiệp sống lâu (thọ nghiệp) quá khứ nhưng hiện tại cần phải nhờ vào nhân duyên ăn uống. Này ông! Nếu nói chúng sinh thọ khổ thọ vui quyết định do nhân duyên nghiệp cũ quá khứ thì việc này chẳng đúng! Vì sao vậy? Này ông! Ví như có người vì vua trừ oán địch. Do nhân duyên này nên được nhiều của báu. Nhân của báu này mà họ hưởng thụ niềm vui hiện tại. Như vậy người này hiện tại tạo tác nhân duyên vui, hiện tại thụ hưởng quả báo vui. Ví như có người giết đứa con yêu của vua. Do nhân duyên này nên chết mất thân mạng. Như vậy người này hiện tại tạo tác nhân duyên khổ, hiện tại chịu quả báo khổ. Này ông! Tất cả chúng sinh hiện tại nhân vào bốn đại thời tiết, đất đai, nhân dân mà thọ khổ hay thọ vui. Vậy nên ta nói rằng, tất cả chúng sinh chẳng nhất định nhân hết vào nghiệp cũ quá khứ để thọ khổ hay vui vậy. Này ông! Nếu do sức nhân duyên đoạn trừ nghiệp nên được giải thoát thì tất cả thánh nhân chẳng được giải thoát. Vì sao vậy? Vì nghiệp cũ quá khứ của tất cả chúng sinh không đầu đuôi (thỉ chung) vậy. Vậy nên ta nói rằng, khi tu Thánh đạo thì đạo này có thể ngăn chặn nghiệp không thỉ chung. Này ông! Nếu thọ khổ hạnh mà được đạo thì tất cả sức sinh đều nên đắc đạo. Vậy nên trước phải điều phục tâm mình, chẳng điều phục thân. Do nhân duyên này nên trong Kinh ta nói rằng, chặt phá rừng này, chớ chặt cây! Vì sao vậy? Vì từ rừng sinh ra sợ hãi, chớ chẳng từ cây sinh ra. Muốn điều phục thân thì trước phải điều phục tâm. Tâm dụ cho rừng, thân dụ cho cây!

Ông Tu Bạt Đà bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Con đã trước điều phục tâm!

Đức Phật dạy rằng :

- Này thiện nam tử! Ông nay làm sao có thể trước điều phục tâm?

Ông Tu Bạt Đà bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Con trước suy nghĩ dục là vô thường, vô lạc, vô tịnh. Quán sắc tức là thường, lạc, thanh tịnh. Tác khởi sự quan sát đó rồi thì kết sử của Dục giới đoạn dứt, chứng được Sắc xứ. Vậy nên gọi là trước điều phục tâm. Lại nữa quan sát sắc : Sắc là vô thường như ung bướu, như ghẻ lở, như

chất độc, như mũi tên thì thấy Vô sắc thường, thanh tịnh, tịch tịnh. Quan sát như vậy rồi thì kết sử của Sắc giới hết và được Vô sắc xứ. Vậy nên gọi là trước điều phục tâm. Tiếp đến lại quan sát tướng tức là vô thường, ung bướu, ghẻ lở, chất độc, mũi tên. Quan sát như vậy rồi thì chứng được Phi tướng phi phi tướng xứ. Phi tướng phi phi tướng tức là Nhất Thiết Trí, tịch tịnh thanh tịnh, không có rơi rớt vào thường hằng chẳng biến đổi. Vậy nên con có thể điều phục tâm mình.

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử! Ông làm sao có thể điều phục tâm vậy? Ông nay đã được Phi tướng phi phi tướng định còn gọi là tướng mà Niết Bàn vô tướng thì ông làm sao nói rằng, chứng được Niết Bàn? Nay thiện nam tử! Ông trước đã có thể quả trách thô tướng (ý tướng thô to) thì nay làm sao ái trước tế tướng (ý tướng vi tế), chẳng biết quả trách Phi tướng phi phi tướng xứ nên gọi tướng như như ung nhọt, như ghẻ lở, như chất độc, như mũi tên. Nay thiện nam tử! Thầy của ông là Uất Đầu Lam Phát, căn tính linh lợi, thông minh còn chẳng thể đoạn trừ Phi tướng phi phi tướng xứ như vậy mà phải thọ thân ác huồng là những người còn lại ấy!

- Thưa đức Thế Tôn! Làm sao thể đoạn trừ tất cả các hữu?

Đức Phật dạy rằng :

- Nay thiện nam tử! Nếu quan sát thật tướng thì người này có thể đoạn tất cả hữu!

Ông Tu Bạt Đà bạch rằng :

- Thưa đức Thế Tôn! Sao gọi là thật tướng?

- Nay thiện nam tử! Tướng của vô tướng gọi là thật tướng.

- Thưa đức Thế Tôn! Sao gọi là tướng của vô tướng?

- Nay thiện nam tử! tất cả pháp không có tự tướng, tha tướng và tự tha tướng, không tướng vô nhân, không tướng tác, không tướng thọ, không tướng tác giả, không tướng thọ giả, không tướng pháp phi pháp, không tướng nam nữ, không tướng sĩ phu, không tướng vi trần, không tướng thời tiết, không tướng vì mình, không tướng vì người khác, không tướng vì mình

vì người, không tướng có, không tướng không, không tướng sinh, không tướng người sinh, không tướng nhân, không tướng nhân của nhân, không tướng quả, không tướng quả của quả, không tướng ngày đêm, không tướng sáng tối, không tướng thấy, không tướng người thấy, không tướng nghe, không tướng người nghe, không tướng giác tri, không tướng người giác tri, không tướng Bồ đề, không tướng người được Bồ đề, không tướng nghiệp, không tướng chủ nghiệp, không tướng phiền não, không tướng chủ phiền não. Nay thiện nam tử! Những tướng như vậy tùy theo chỗ diệt thì gọi là tướng chân thật. Nay thiện nam tử! Tất cả các pháp đều là hư giả, tùy theo chỗ diệt ấy thì đó gọi là thật. Đó gọi là thật tướng. Đó gọi là pháp giới, gọi là trí rốt ráo, gọi là Đệ nhất nghĩa đế, gọi là Đệ nhất nghĩa không. Nay thiện nam tử! Tướng pháp giới, trí rốt ráo, Đệ nhất nghĩa đế, Đệ nhất nghĩa không này mà nếu kẻ hạ trí quan sát thì được Thanh Văn Bồ Đề, người trung trí quan sát thì được Duyên Giác Bồ Đề, bậc thượng trí quan sát thì được Vô Thượng Bồ Đề.

Khi nói pháp này thì mười ngàn Bồ tát được Nhất Sinh Thật Tướng, một vạn năm ngàn Bồ tát được Nhị Sinh Pháp Giới, hai vạn năm ngàn Bồ tát được trí rốt ráo, ba vạn năm ngàn Bồ tát ngộ Đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế này cũng gọi là Đệ nhất nghĩa không, cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Bốn vạn năm ngàn Bồ tát được hư Không tam muội, cũng gọi là Quảng Đại tam muội, cũng gọi là Trí Ấn tam muội. Năm vạn năm ngàn Bồ tát được Bất Thoái Nhẫn. Bất Thoái Nhẫn này cũng gọi là Như Pháp Nhẫn, cũng gọi là Như Pháp Giới. Sáu vạn năm ngàn Bồ tát được Đà La Ni. Đà la Ni này cũng gọi là Đại niệm tâm cũng gọi là Vô Ngại Trí. Bảy vạn năm ngàn Bồ tát được Sư Tử Hống tam muội. Sư Tử Hống tam muội này cũng gọi là Kim Cương tam muội, cũng gọi là Ngũ Trí Ấn tam muội. Tám vạn năm ngàn Bồ tát được Bình Đẳng tam muội. Bình Đẳng tam muội này cũng gọi là Đại từ Đại Bi. Vô lượng hằng hà sa số chúng sinh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô lượng hằng hà sa số chúng sinh phát tâm Duyên Giác. Vô lượng hằng hà sa số chúng sinh phát tâm Thanh Văn. con gái người, con gái trời hai vạn ức người hiện chuyển nữ thân được thân nam tử. Ông Tu Bạt Đà La được quả A la hán.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

- Quyển thứ ba mươi sáu hết -

--- o0o ---

Hết